CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

Địa điểm thực hiện: Xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh
(Địa điểm cũ: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang)



BẮC NINH – THÁNG 11, NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

Địa điểm thực hiện: Xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh

(Địa điểm cũ: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang)

CHỦ DỰ ÁN FECON

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hùng

ĐƠN VỊ TƯ VẤN H.P.T®

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG H.P.T

GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Thắng

BẮC NINH – THÁNG 11, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 6
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU 8
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ 15
MỞ ĐẦU 21
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN 21
1.1. Thông tin chung về dự án 21
1.2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án và chấp thuận đầu tư 23
1.3. Sự phù hợp của dự án với các quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt 24
2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM 40
2.1. Căn cứ pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án 40
2.2. Các văn bản pháp lý của các cấp thẩm quyền liên quan đến Dự án 45
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường 51
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP BÁO CÁO ĐTM 52
3.1. Tổ chức tư vấn và quy trình lập báo cáo ĐTM 52
3.2. Danh sách, trình độ chuyên môn và chữ ký của những người tham gia lập Báo cáo ĐTM 55
4. PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐTM 58
5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM 60
5.1. Thông tin về Dự án 60
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường 62
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư 63
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư 65
5.5. Cam kết bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án 71
Chương I: MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN 73
1.1. TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN 73

1.1.1. Tên dự án 73
1.1.2. Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án ; Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án ; Tiến độ thực hiện dự án 73
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án 74
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án 83
1.1.5. Khoảng cách từ dự án đến khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường 95
1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án 123
1.1.7. Phạm vi thực hiện 132
1.1.8. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường 133
1.2. CÁC HẠNG MỤC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH 135
1.2.1. Các hạng mục công trình 135
1.2.2. Các hạng mục công trình HTKT 148
1.2.3. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án 188
1.2.4. Các hoạt động của dự án 190
1.2.5. Quy mô các hạng mục công trình xử lý chất thải và BVMT 199
1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN 221
1.3.1. Nguyên, nhiên liệu, vật liệu sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng 221
1.3.2. Nguyên, nhiên liệu, vật liệu sử dụng trong giai đoạn vận hành KCN 225
1.3.2. Các sản phẩm (đầu ra) của dự án 232
1.4. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, VẬN HÀNH 233
1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG 233
1.5.1. Tổ chức công trường xây dựng, cấp điện, cấp nước, VSMT 233
1.5.2. Các biện pháp thi công các công trình HTKT cụ thể 237
1.6. TIẾN ĐỘ, VỐN ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN 246
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án 247
1.6.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện 247
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án 247

Chương II: 251
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG 251
MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 251
2.1. ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI 251
2.1.1. Điều kiện tự nhiên 251
2.1.2. Nguồn tiếp nhận nước thải từ dự án và mô tả chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận 269
2.1.3. Tóm tắt các điều kiện về KT-XH phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án 285
2.1.4. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án 290
2.2. HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 292
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường 292
2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học 305
2.3. NHẬN DẠNG CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG, YẾU TỐ NHẠY CẢM VỀ MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 309
2.3.1. Các đối tượng bị tác động 309
2.3.2. Yếu tố nhạy cảm về môi trường 310
2.4. SỰ PHÙ HỢP CỦA ĐỊA ĐIỂM LỰA CHỌN THỰC HIỆN DỰ ÁN 311
2.4.1. Sự phù hợp về địa điểm thực hiện dự án 311
2.4.2. Sự chưa phù hợp về địa điểm thực hiện dự án 318
2.4.3. Kết luận những ưu thế nổi trội về vị trí của dự án 319
Chương III: 321
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 321
VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI 321
TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 321
3.1. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN 321
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động 321
3.1.2. Các biện pháp, công trình BVMT đề xuất thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công xây dựng dự án 381
3.2. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN 411
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động 411
3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn vận hành dự án..... 451
3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 571
3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện 571
3.3.2. Tóm tắt kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT 573
3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO 575
3.4.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo..... 575
3.4.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá..... 576
Chương IV: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC..... 578
Chương V: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 579
5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG..... 579
5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG..... 585
5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng..... 585
5.2.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm 585
5.2.3. Quan trắc, giám sát môi trường sau khi dự án đi vào hoạt động 588
5.2.4. Trách nhiệm thực hiện và chế độ báo cáo..... 590
Chương VI: THAM VẤN Ý KIẾN CỦA CỘNG ĐỒNG 591
6.1. TỔ CHỨC THAM VẤN CỘNG ĐỒNG 591
6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử..... 591
6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến 591
6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định 599
6.2. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG 601
6.2.1. Tổng hợp các ý kiến tham gia trong quá trình ĐTM 601
6.2.2. Tổng hợp số lượng người được tham vấn ý kiến trong quá trình ĐTM 622
6.3. TIẾP THU Ý KIẾN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG, Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƯỢC THAM VẤN 623

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 624
1. KẾT LUẬN 624
2. KIẾN NGHỊ 624
2.1. Kiến nghị chung 624
2.2. Kiến nghị cụ thể 624
3. CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 625
3.1. Cam kết tuân thủ quy hoạch và các quy định về kiến trúc, xây dựng . 625
3.2. Cam kết BVMT trong giai đoạn chuẩn bị dự án 625
3.3. Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình thi công san nền, xây dựng HTKT KCN 626
3.4. Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình vận hành KCN Hòa Yên 626
3.5. Các cam kết liên quan đến hoàn trả kênh mương 628
3.6. Các cam kết khác 628

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BVMT	: Bảo vệ môi trường
Chủ dự án	: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên
BOD	: Nhu cầu ôxi sinh hóa
COD	: Nhu cầu ôxi hóa học
CP	: Cổ phần
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
ĐTXD & KD KCHT	: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng
DVTM	: Dịch vụ thương mại
GHCP	: Giới hạn cho phép
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
GTVT	: Giao thông vận tải
KH&ĐT	: Kế hoạch và đầu tư
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
MTTQ	: Mặt trận tổ quốc
NN&PTNT	: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NTSH	: Nước thải sinh hoạt
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QH	: Quốc hội
QLNN	: Quản lý nhà nước

QP-AN	: Quốc phòng - An ninh
TCCP	: Tiêu chuẩn cho phép
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TNMT	: Tài nguyên và Môi trường
UBND	: Uỷ ban nhân dân
VLXD	: Vật liệu xây dựng
VSMT	: Vệ sinh môi trường
WB	: Ngân hàng thế giới
WC	: Khu vệ sinh
WHO	: Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1. QCVN áp dụng lập báo cáo ĐTM của Dự án..... 43
Bảng 2. QCVN/TCVN/QCXDVN sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM.... 44
Bảng 3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án cùng các đơn vị tư vấn tạo lập, xây dựng 51
Bảng 4. Tóm tắt quá trình thực hiện ĐTM của dự án KCN Hòa Yên 52
Bảng 5. Các đơn vị tham gia lập, soạn thảo báo cáo ĐTM của dự án..... 54
Bảng 6. Danh sách những người tham gia biên soạn báo cáo ĐTM của Dự án... 56
Bảng 7. Các phương pháp áp dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM 58
Bảng 8. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án KCN Hòa Yên..... 74
Bảng 9. Toạ độ các điểm giới hạn của khu đất thực hiện dự án 80
Bảng 10. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất trên địa bàn 3 xã/phường 84
Bảng 11. Các khu dân cư liền kề với dự án và khoảng cách gần nhất..... 114
Bảng 12. Khoảng cách từ khu vực dự án KCN Hòa Yên tới các cơ quan, trụ sở và công trình khác 120
Bảng 13. Quy mô của dự án KCN Hòa Yên..... 124
Bảng 14. Các ngành nghề cụ thể thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên..... 125
Bảng 15. Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án..... 130
Bảng 16. Các yếu tố nhạy cảm với môi trường của dự án KCN Hòa Yên..... 134
Bảng 17. Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất của dự án 136
Bảng 18. Cơ cấu sử dụng đất, chia lô của dự án KCN Hòa Yên 138
Bảng 19. Chỉ tiêu sử dụng đất của khu hành chính dịch vụ..... 143
Bảng 20. Chỉ tiêu sử dụng đất của khu hạ tầng kỹ thuật..... 143
Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất của lô đất công nghiệp..... 144
Bảng 22. Cân bằng đào đắp san nền tại dự án KCN Hòa Yên 149
Bảng 23. Các bãi chứa đất dư thừa và phế thải xây dựng của dự án KCN Hòa Yên 150
Bảng 24. Thông tin các mỏ vật liệu của dự án..... 152
Bảng 25. Các tuyến cống hộp được xây dựng 164
Bảng 26. Tổng hợp các tuyến đường tại dự án 173
Bảng 27. Các nút giao chính của Dự án..... 175

Bảng 28. Vị trí các tuyến đường hoàn trả 180
Bảng 29. Tổng hợp khối lượng cấp nước của KCN Hòa Yên 186
Bảng 30. Tổng hợp khối lượng thông tin liên lạc 187
Bảng 31. Khối lượng tường chắn đất 189
Bảng 32. Tổng hợp sơ bộ các đối tượng bị ảnh hưởng do GPMB dự án 191
Bảng 33. Phương án xử lý các tuyến đường điện chạy qua phạm vi dự án..... 192
Bảng 34. Phương án cơ bản rà phá bom mìn và vật liệu nổ tại khu vực dự án .. 194
Bảng 35. Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng 197
Bảng 36. Các loại cửa xả nước mưa tại dự án 202
Bảng 37. Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa 203
Bảng 38. Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước thải 207
Bảng 39. Dự kiến phương tiện của tổ VSMT KCN (Phục vụ cho các diện tích bên ngoài nhà máy, xí nghiệp công nghiệp) 213
Bảng 40. Diện tích trồng cây xanh tập trung tại KCN..... 215
Bảng 41. Kích thước, cấu tạo các hồ sự cố tại dự án 217
Bảng 42. Dự kiến nguyên liệu chính phục vụ cho công tác thi công xây dựng dự án 221
Bảng 43. Danh mục dự kiến các thiết bị thi công xây dựng chính tại dự án..... 222
Bảng 44. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong giai đoạn thi công xây dựng 224
Bảng 45. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại dự án KCN Hòa Yên 227
Bảng 46. Chỉ tiêu công suất cấp điện..... 229
Bảng 47. Nhu cầu sử dụng điện của KCN Hòa Yên trong giai đoạn vận hành.. 230
Bảng 48. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại trạm XLNT..... 232
Bảng 49. Các sản phẩm bất động sản công nghiệp của dự án 232
Bảng 50. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện dự án..... 247
Bảng 51. Trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình thi công xây dựng 247
Bảng 52. Biên chế nhân sự của Công ty CP Fecon Hòa Yên để quản lý dự án KCN Hòa Yên..... 250
Bảng 53. Cao độ hiện trạng điển hình của khu vực 251
Bảng 54. Đặc điểm địa chất công trình khu vực dự án..... 254
Bảng 55. Kết quả thí nghiệm hóa học mẫu nước tại khu cống hộp..... 257
Bảng 56. Kết quả thí nghiệm hóa học mẫu nước khu hạ tầng kỹ thuật..... 258

Bảng 57. Nhiệt độ trung bình các tháng trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: °C) 259
Bảng 58. Độ ẩm trung bình năm trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: %)..... 260
Bảng 59. Lượng mưa trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: mm) 261
Bảng 60. Tổng số giờ nắng trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: Giờ) 262
Bảng 61. Lượng bốc hơi từ năm 2022 đến năm 2024 (Đơn vị: mm) 263
Bảng 62. Phân loại độ bền vững của khí quyển (Pasquill, 1961) 264
Bảng 63. Số ngày sương mù trung bình tháng, năm (ngày) tại trạm KTTV Hiệp Hoà 265
Bảng 64. Số ngày mưa phùn trung bình tháng, năm (ngày) tại Hiệp Hoà..... 265
Bảng 65. Số ngày giông trung bình tháng, năm (ngày) tại trạm KTTV Hiệp Hoà 265
Bảng 66. Các cấp báo động mực nước sông Cầu..... 285
Bảng 67. Nhận dạng các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án 290
Bảng 68. Các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường 291
Bảng 69. Vị trí các điểm quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực thực hiện dự án KCN Hòa Yên 297
Bảng 70. Chất lượng môi trường không khí tại khu vực thực hiện Dự án 298
Bảng 71. Vị trí các điểm lấy mẫu nước dưới đất và nước mặt 299
Bảng 72. Phương pháp khảo sát và QCVN so sánh..... 300
Bảng 73. Kết quả phân tích chất lượng nước dưới đất 301
Bảng 74. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực dự án 302
Bảng 75. Vị trí các điểm lấy mẫu đất..... 303
Bảng 76. Kết quả phân tích các chỉ tiêu trong đất tại khu vực thực hiện dự án . 304
Bảng 77. Đa dạng thực vật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ..... 305
Bảng 78. Đa dạng sinh học thuộc hệ động vật tại tỉnh Bắc Giang cũ..... 306
Bảng 79. Nhận dạng các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án 309
Bảng 80. Nhận dạng các yếu tố nhạy cảm về môi trường tại khu vực thực hiện dự án 310
Bảng 81. Đánh giá sự phù hợp đối với vị trí KCN Hòa Yên..... 313
Bảng 82. Nguồn phát sinh chất thải trong quá trình chuẩn bị dự án..... 322
Bảng 83. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình dọn dẹp mặt bằng dự án 322

Bảng 84. Khối lượng chất thải phát sinh từ quá trình dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ tạo mặt bằng để thực hiện dự án 325
Bảng 85. Phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, GPMB 326
Bảng 86. Nguồn gây tác động môi trường trong quá trình thi công xây dựng ... 330
Bảng 87. Tổng hợp khối lượng vận chuyển đất san nền 332
Bảng 88. Hệ số phát thải của xe tải theo hệ số EMEP/EEA 333
Bảng 89. Tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển đất san nền 334
Bảng 90. Dự báo tải lượng bụi phát sinh trong quá trình thi công san nền 334
Bảng 91. Lượng bụi phát sinh trong một ngày tại mỗi giai đoạn 335
Bảng 92. Chiều cao xáo trộn 337
Bảng 93. Nồng độ bụi trong giai đoạn thi công xây dựng KCN 337
Bảng 94. Nồng độ của các chất ô nhiễm trong không khí xung quanh 338
Bảng 95. Kết quả tính toán lan truyền khí thải giao thông 339
Bảng 96. Kết quả tính toán nồng độ bụi và khí thải ven đường giao thông 339
Bảng 97. Lượng bụi phát thải theo từng giai đoạn của dự án 340
Bảng 98. Tải lượng và nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động thi công hệ thống HTKT 341
Bảng 99. Nồng độ bụi phát sinh từ khu vực tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng tại các giai đoạn của dự án 341
Bảng 100. Thành phần bụi khói một số loại que hàn 342
Bảng 101. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hàn 342
Bảng 102. Tổng lượng que hàn cần dùng tại các giai đoạn của dự án 343
Bảng 103. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong công đoạn hàn 343
Bảng 104. Thành phần và tính chất dầu DO 344
Bảng 105. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các thiết bị tham gia thi công xây dựng theo từng giai đoạn dự án 344
Bảng 106. Hệ số ô nhiễm của các chất trong khí thải khi đốt nhiên liệu 345
Bảng 107. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm từ quá trình đốt nhiên liệu .. 346
Bảng 108. Tổng hợp tác động của các chất gây ô nhiễm không khí 347
Bảng 109. Chu lỳ lặp lại trận mưa tính toán P (năm) 349
Bảng 110. Hệ số dòng chảy C phụ thuộc vào chu kỳ lặp lại P 350
Bảng 111. Hệ số phân bổ mưa β 350

Bảng 112. Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH của công nhân trên công trường 354
Bảng 113. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh tại các giai đoạn của dự án..... 355
Bảng 114. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải từ các thiết bị thi công 356
Bảng 115. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng 356
Bảng 116. Định mức hao hụt một số vật tư chính sử dụng tại công trường thi công và phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng..... 359
Bảng 117. Lượng CTRSH theo từng giai đoạn dự án..... 360
Bảng 118. Thành phần và khối lượng CTRSH trên công trường thi công 360
Bảng 119. Dự báo khối lượng CTNH trong quá trình thi công xây dựng theo phân kì dự án..... 361
Bảng 120. Mức độ tiếng ồn điển hình (dBA) của các thiết bị, phương tiện thi công ở khoảng cách 2m..... 362
Bảng 121. Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công ở khoảng cách 50m và 100m 363
Bảng 122. Mức độ rung động của một số máy móc xây dựng điển hình 367
Bảng 123. Độ tin cậy của các phương pháp sử dụng để đánh giá 383
Bảng 124. Độ tin cậy của các phương pháp sử dụng để đánh giá 384
Bảng 125. Nguồn gây tác động trong quá trình hoạt động của KCN 413
Bảng 126. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình hoạt động của KCN Hòa Yên..... 414
Bảng 127. Hệ số quy đổi từ các loại xe khác ra xe tiêu chuẩn 416
Bảng 128. Hệ số ô nhiễm của các loại xe 417
Bảng 129. Tải lượng các chất ô nhiễm do hoạt động GTVT trong KCN..... 418
Bảng 130. Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí theo tính chất của KCN Hòa Yên..... 418
Bảng 131. Hệ số ô nhiễm của một số ngành công nghiệp theo tính chất của KCN Hòa Yên..... 419
Bảng 132. Dự báo tải lượng ô nhiễm từ các nhà máy theo tính chất của KCN Hòa Yên 420
Bảng 133. Hệ số phát thải của các nguồn thải cố định đặc trưng..... 421
Bảng 134. Tải lượng ô nhiễm phát sinh trung bình trên diện tích đất công nghiệp 422

Bảng 135. Tải lượng ô nhiễm phát sinh tại KCN Hòa Yên 423

Bảng 136. Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ quá trình phân huỷ kỵ khí và hiếu khí nước thải 424

Bảng 137. Hệ số ô nhiễm của các chất trong khí thải khi đốt dầu DO 426

Bảng 138. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải đốt dầu DO khi vận hành máy phát điện 600 KVA 426

Bảng 139. Thành phần khí sinh ra từ khu lưu giữ tạm thời 427

Bảng 140. Bảng tổng hợp tải lượng từ các nguồn ô nhiễm không khí trong quá trình hoạt động của KCN 427

Bảng 141. Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH 429

Bảng 142. Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước theo tính chất của KCN Hòa Yên 430

Bảng 143. Tổng lưu lượng nước thải từ KCN Hòa Yên 432

Bảng 144. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của các KCN/CCN 432

Bảng 145. Nồng độ và tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải KCN Hòa Yên 432

Bảng 146. Đặc trưng CTRCN không nguy hại 435

Bảng 147. Tốc độ phát sinh trung bình của CTRCN từ các KCN 436

Bảng 148. Dự báo lượng CTRCN không nguy hại phát sinh từ hoạt động của KCN Hòa Yên 437

Bảng 149. CTNH phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm 438

Bảng 150. Dự báo phát sinh CTNH từ hoạt động của trạm XLNT và quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các công trình HTKT 438

Bảng 151. Dự báo thành phần CTNH từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp.. 439

Bảng 152. Dự báo tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của dự án 440

Bảng 153. Mức ồn của các loại xe cơ giới hoạt động trong KCN 441

Bảng 154. Dự báo mức ồn từ một số ngành công nghiệp 442

Bảng 155. Danh mục máy móc, thiết bị hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT ... 457

Bảng 156. Chất lượng nước thải của các nhà máy khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Yên 466

Bảng 157. Nồng độ giới hạn của nước thải sau khi xử lý tại trạm XLNT, xả ra kênh tiêu Cầu Chi 469

Bảng 158. Công suất của các modun xử lý tại Nhà máy XLNT 472

Bảng 159. Danh mục các thiết bị của trạm XLNT 496

Bảng 160. Tính toán công nghệ trạm XLNT 531
Bảng 161. Hiệu suất xử lý của trạm XLNT 546
Bảng 162. Tiến độ xây dựng, hoàn thành Nhà máy XLNT 548
Bảng 163. Hiệu quả lọc bụi của cây xanh 552
Bảng 164. Nguyên lý hoạt động của buồn tiêu âm chống ồn 557
Bảng 165. Danh mục các công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện 571
Bảng 166. Tổng kinh phí cho các công trình BVMT khi thực hiện dự án 573
Bảng 167. Kinh phí vận hành các công trình BVMT 574
Bảng 168. Tóm lược chương trình quản lý môi trường của dự án KCN Hòa Yên 579
Bảng 169. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường nước thải thi công 585
Bảng 170. Kế hoạch vận hành thử nghiệm trạm XLNT tập trung 586
Bảng 171. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải tại trạm XLNT tập trung 587
Bảng 172. Thông tin quá trình tổ chức tham vấn lấy ý kiến người dân 591
Bảng 173. Các ý kiến góp ý từ quá trình tham vấn 601
Bảng 174. Tổng hợp số lượng người được tham vấn trong quá trình ĐTM 622

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Bản đồ hiện trạng các KCN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa và thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang cũ (Nay là tỉnh Bắc Ninh) 22

Hình 2. Bản đồ phương án phát triển vùng kinh tế trọng điểm tỉnh Bắc Giang cũ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 28

Hình 3. Quy mô KCN Hòa Yên trong "Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" 29

Hình 4. Vị trí KCN Hòa Yên trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 30

Hình 5. Dự án KCN Hòa Yên trong Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang 35

Hình 6. Vị trí dự án KCN Hòa Yên trong Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang 37

Hình 7. Vị trí dự án KCN Hòa Yên trong Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 76

Hình 8. Vị trí xây dựng dự án KCN Hòa Yên 77

Hình 9. Phía Bắc khu đất xây dựng KCN Hòa Yên – Giai đoạn II triển khai dự án 78

Hình 10. Phía Nam khu đất xây dựng KCN Hòa Yên – Giai đoạn I triển khai dự án 79

Hình 11. Vị trí các điểm mốc giới của khu đất dự án KCN Hòa Yên 82

Hình 12. Một số loại cây ăn quả đang trồng tại khu đất thực hiện KCN..... 88

Hình 13. Bản đồ hiện trạng khu đất dự án 89

Hình 14. Dân cư sinh sống xung quanh khu vực dự án 90

Hình 15. Đường điện hiện trạng nằm trong phạm vi dự án 93

Hình 16. Mặt cắt hiện trạng ĐT.398 96

Hình 17. Hiện trạng tuyến đường ĐT.398 – Vành đai 4 đoạn chạy qua dự án 96

Hình 18. Các mặt cắt ĐT.398 theo quy hoạch 97

Hình 19. Hiện trạng tuyến đường ĐT.398B 98

Hình 20. Mạng lưới các tuyến đường nội đồng tại khu đất dự án 99

Hình 21. Hiện trạng một số tuyến đường nội đồng..... 100

Hình 22. Mạng lưới hệ thống đường giao thông tại khu vực dự án..... 100

Hình 23. Các tuyến đường giao thông đối ngoại chính của dự án 101
Hình 24. Sơ đồ diện tích mặt nước tại dự án KCN Hòa Yên..... 102
Hình 25. Hiện trạng thu nước phía Tây Bắc từ các khu vực đồng trũng..... 103
Hình 26. Nước tiếp tục chảy qua cống ở ĐT.398B, chảy vào ngòi Á Lữ 103
Hình 27. Vị trí các cống hộp thoát nước cho mặt nước phía Tây Bắc..... 104
Hình 28. Hiện trạng mặt nước phía Đông Bắc dự án..... 105
Hình 29. Hiện trạng mặt nước phía Nam dự án 106
Hình 30. Trạm bơm Việt Hòa 106
Hình 31. Mặt cắt kênh Việt Hòa 107
Hình 32. Vị trí và hiện trạng kênh Việt Hòa 109
Hình 33. Vị trí và hiện trạng kênh tưới tiêu Phù Tài (đường màu đỏ) 110
Hình 34. Kênh mương xây kiên cố 112
Hình 35. Hiện trạng ao, hồ trên phạm vi dự án..... 113
Hình 36. Sơ đồ các công trình nhà ở nằm trong phạm vi dự án 113
Hình 37. Hiện trạng một số hộ dân phải tiến hành di dời 114
Hình 38. Mối liên hệ giữa các khu dân cư gần với dự án KCN Hòa Yên 115
Hình 39. Khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa cách dự án khoảng 50m.. 116
Hình 40. Khu dân cư thôn Lương Viên, phường Vân Hà cách dự án khoảng 80m 116
Hình 41. Khu dân cư thôn Phù Tài, phường Vân Hà cách dự án khoảng 230 m 117
Hình 42. Khu dân cư thôn Lương Tài, phường Vân Hà cách dự án khoảng 50 m 117
Hình 43. Mối quan hệ với các cơ sở kinh doanh dịch vụ 118
Hình 44. Các KCN/CCN xung quanh khu vực dự án KCN Hòa Yên 119
Hình 45. Hiện trạng phần mộ nằm rải rác..... 121
Hình 46. Vị trí diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa chiếm dụng tại dự án..... 121
Hình 47. Vị trí bãi rác nằm trong phạm vi dự án 122
Hình 48. Vị trí xây dựng dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa nằm phía Tây KCN Hòa Yên 123
Hình 49. Bản vẽ phân kỳ đầu tư giai đoạn I và giai đoạn II của dự án KCN Hòa Yên 131
Hình 50. Dải cây xanh cách ly giữa KCN và khu dân cư thôn Đồng Quan 137

Hình 51. Dải cây xanh cách ly giữa KCN và khu dân cư thôn Lương Tài 137
Hình 52. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng của dự án KCN Hòa Yên 141
Hình 53. Không gian cây xanh 146
Hình 54. Phối cảnh tổng thể KCN Hòa Yên 147
Hình 55. Tổng quan vị trí các mỏ vật liệu xung quanh dự án 161
Hình 56. Cống và hệ thống mương hoàn trả mặt nước lớn phía Tây Bắc 163
Hình 57. Vị trí tuyến mương tưới hoàn trả BTCT, B=800mm 164
Hình 58. Đấu nối thoát nước dự án vào kênh tiêu Phù Tài để tiêu về trạm bơm Việt Hòa qua cống ngầm dưới kênh 165
Hình 59. Ngầm hóa đoạn kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại vị trí K1+580 166
Hình 60. Nắn tuyến và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa đoạn từ K2+750 đến K3+600 166
Hình 61. Mặt cắt các tuyến đường đối ngoại 169
Hình 62. Mặt cắt của một số tuyến đường nội bộ 172
Hình 63. Mặt bằng nút giao N1 177
Hình 64. Mặt bằng nút giao N14 178
Hình 65. Vị trí các tuyến đường hoàn trả tại dự án 181
Hình 66. Vị trí 2 điểm đấu nối nước sạch 185
Hình 67. Vị trí đặt trạm BTS và các tuyến cáp thông tin 187
Hình 68. Các vị trí xây dựng tường chắn và mái taluy đất trồng cỏ tại dự án 190
Hình 69. Lưu vực 1 thoát nước của dự án 200
Hình 70. Lưu vực 2 thoát nước của dự án 201
Hình 71. Vị trí xả nước thải từ KCN sau khi xử lý ra kênh tiêu Cầu Chi 205
Hình 72. Vị trí xây dựng hạng mục trạm XLNT tập trung 209
Hình 73. Vị trí khu đất sẽ xây dựng Trạm XLNT tập trung trên thực tế 210
Hình 74. Vị trí kho chứa CTNH 212
Hình 75. Vị trí khu tập kết rác thải đường phố tạm thời, phương tiện VSMT, chăm sóc cây xanh tại KCN 213
Hình 76. Sơ đồ bố trí trồng cây xanh tại KCN 215
Hình 77. Vị trí 2 hồ sự cố tại dự án 217
Hình 78. Các bể nước phục vụ hoạt động của dự án và PCCC 219

Hình 79. Vị trí của trạm phun rửa xe dự kiến trên công trường 237
Hình 80. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn thi công xây dựng 248
Hình 81. Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án trong giai đoạn vận hành..... 249
Hình 82. Bản đồ địa hình khu vực dự án KCN Hòa Yên 252
Hình 83. Vị trí các điểm khảo sát tại khu vực dự án KCN Hòa Yên..... 254
Hình 84. Biến trình của lượng mưa năm tại trạm Bắc Giang, thời kỳ 1990 – 2019 266
Hình 85. Biến trình của nhiệt độ trung bình năm tại trạm Bắc Giang, thời kỳ 1990 – 2019 266
Hình 86. Biến đổi nhiệt độ trung bình 10 năm một trong thời kỳ 1990 – 2019 . 267
Hình 87. Đường lũy tích sai chuẩn nhiệt độ trung bình năm..... 267
Hình 88. Biểu đồ trung bình trượt 5 năm, 10 năm của nhiệt độ trung bình năm tại trạm Bắc Giang (thời kỳ 1990 - 2019) 268
Hình 89. Hướng tuyến thoát nước ra kênh tiêu Cầu Chi 270
Hình 90. Hướng thoát nước từ vị trí xả thải của KCN Hòa Yên đến sông Cầu . 271
Hình 91. Lưu vực thoát nước của kênh tiêu Cầu Chi 273
Hình 92. Bản đồ phân bố hướng nước chảy..... 274
Hình 93. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 1 275
Hình 94. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 2 275
Hình 95. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 3 276
Hình 96. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 4 277
Hình 97. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 5 277
Hình 98. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 6 278
Hình 99. Cống Yên Ninh xả nước từ kênh tiêu Cầu Chi ra sông Cầu..... 279
Hình 100. Vị trí của KCN Hòa Yên trong lưu vực sông Cầu..... 280
Hình 101. Diễn biến giá trị BOD_5 (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020 281
Hình 102. Diễn biến giá trị COD (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020 . 282
Hình 103. Diễn biến hàm lượng TSS (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020 283
Hình 104. Diễn biến hàm lượng Coliform (MPN/100ml) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020..... 283
Hình 105. Diễn biến hàm lượng dầu mỡ (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020 284

Hình 106. Một số hình ảnh lấy mẫu quan trắc điều kiện vi khí hậu, môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực dự án 294
Hình 107. Một số hình ảnh lấy mẫu môi trường nước dưới đất tại khu vực dự án 295
Hình 108. Một số hình ảnh lấy mẫu môi trường nước mặt tại khu vực dự án.... 296
Hình 109. Một số hình ảnh lấy mẫu môi trường đất tại khu vực dự án..... 296
Hình 110. Mô hình phát tán không khí nguồn mặt 336
Hình 111. Cấu tạo sơ bộ cầu rửa xe tại công trường 392
Hình 112. Hình ảnh thùng ben chứa phế thải xây dựng tại công trường thi công dự án 396
Hình 113. Biển quảng cáo cho dự án 402
Hình 114. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải của trạm XLNT 455
Hình 115. Mặt bằng xử lý mùi Modul 1 459
Hình 116. Mặt cắt hệ thống xử lý mùi Modul 1 459
Hình 117. Sơ đồ tổ chức thoát nước và xử lý nước thải của KCN 463
Hình 118. Mặt bằng Nhà máy XLNT 474
Hình 119. Sơ đồ quy trình công nghệ XLNT tại KCN Hòa Yên..... 476
Hình 120. Song chắn rác 478
Hình 121. Thiết bị tách rác..... 479
Hình 122. Bể điều hòa..... 480
Hình 123. Quá trình keo tụ - tạo bông 482
Hình 124. Bể lắng hóa lý..... 483
Hình 125. Máy khuấy chìm..... 485
Hình 126. Máy thổi khí 487
Hình 127. Hệ thống phân phối khí tinh..... 487
Hình 128. Trạm quan trắc nước thải online 490
Hình 129. Máy ép bùn băng tải..... 492
Hình 130. Kích thước các bể xử lý của các module (Công suất: 3.500 m^3/ng.đêm) 494
Hình 131. Sơ đồ thu gom và xử lý bùn thải từ hoạt động XLNT tập trung..... 551
Hình 132. Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 1 tại khu cây xanh số 11 555
Hình 133. Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 2 tại khu cây xanh số 12 555

Hình 134. Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 3 tại bãi đỗ xe số 1 556
Hình 135. Sơ đồ khắc phục nước thải đầu vào 566
Hình 136. Sơ đồ khắc phục nước thải đầu ra 566
Hình 137. Sơ đồ khắc phục nước thải khi công trình hoặc thiết bị hư hỏng 567
Hình 138. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Đông Lỗ 592
Hình 139. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Hương Mai 594
Hình 140. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Tiên Sơn 596
Hình 141. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Trung Sơn 598

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

Thành lập tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh với tỉnh Bắc Giang sẽ tạo thế và lực mới trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Đây là điều kiện để tạo sự thay đổi về cơ cấu sản xuất; cơ cấu ngành nghề; tổ chức sinh hoạt xã hội; tổ chức không gian kiến trúc xây dựng; thu hút nguồn lực đầu tư và phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ.

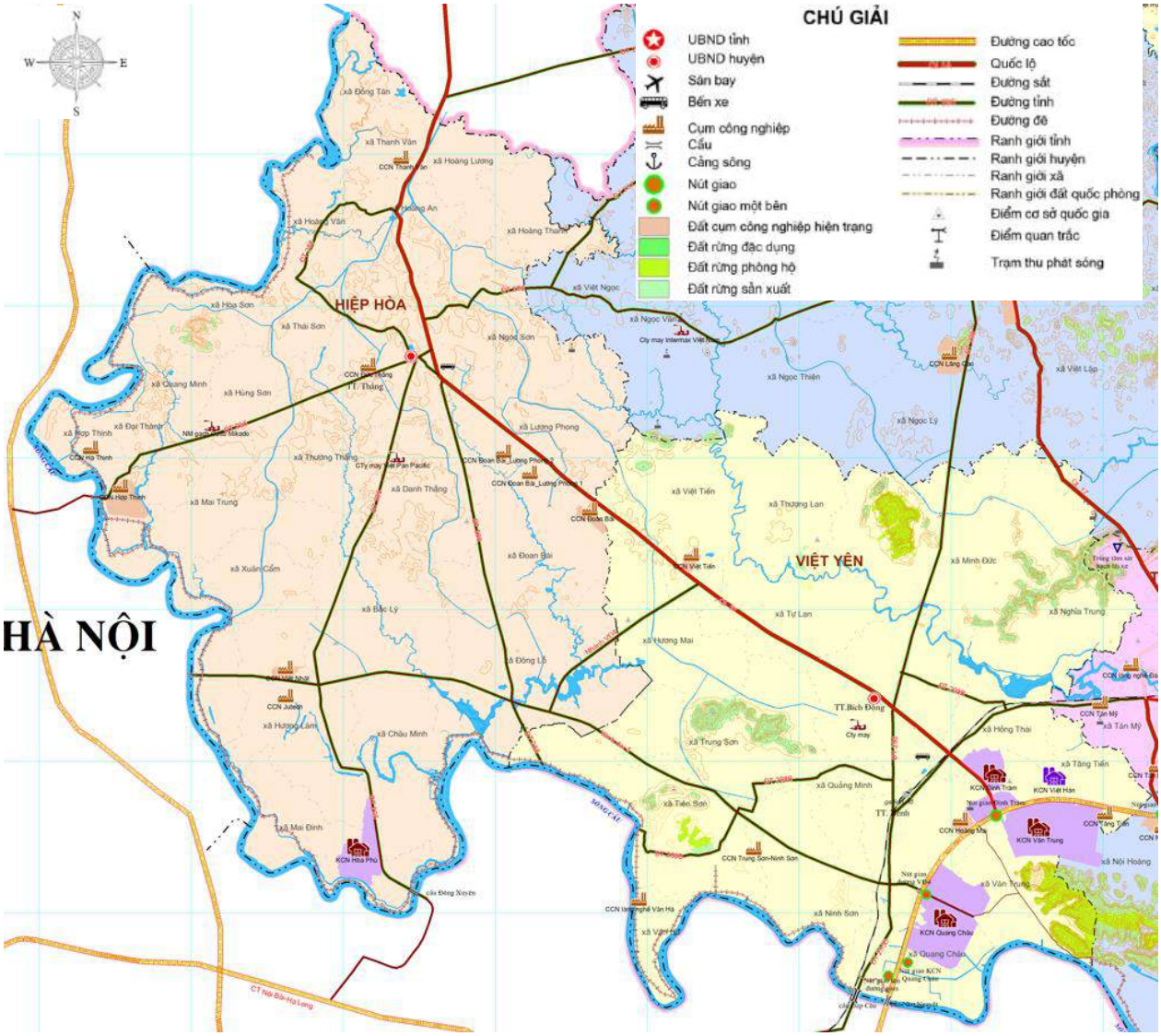
Tỉnh Bắc Ninh mới nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế lớn Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh cùng với hành lang xuyên Á quan trọng từ Nam Ninh đến Singapore. Bắc Ninh cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành chuỗi liên hoàn, có vai trò là trọng tâm, nòng cốt phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và vùng Đông Bắc Việt Nam, đồng thời tạo liên kết phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ và cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn trên toàn quốc và thế giới.

Huyện Hiệp Hòa thuộc tỉnh Bắc Giang nay là xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh – nằm ở vị trí cửa ngõ phía Tây của tỉnh Bắc Giang cũ, tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên. Đây là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa của tỉnh với thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Hiệp Hòa có chức năng là trung tâm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Tây tỉnh Bắc Giang trước đây, có QL.37 và các tuyến đường tỉnh quan trọng đi qua, với dự án xây dựng đường giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc. Trong tương lai gần, Hiệp Hòa sẽ dễ dàng kết nối với các tuyến đường cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn và Hà Nội – Thái Nguyên, thuận lợi cho việc lưu thông và phát triển kinh tế - xã hội. Hiệp Hòa có địa hình tương đối bằng phẳng, có nguồn nhân lực lao động dồi dào, thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế, thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Trong những năm qua, Hiệp Hòa đã chú trọng phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, có nhiều bước tiến đáng kể trong hiện đại hóa nông thôn. Mặt khác, Hiệp Hòa cũng đã có những thành công trong việc xây dựng và thu hút đầu tư vào các khu cụm công nghiệp, cũng như các hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN). Ngành CN-TTCN tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng, tạo thu nhập cho người lao động trên địa bàn. Thu hút đầu tư có chuyển biến rõ rệt với 11 doanh nghiệp, thu hút trên 20.000 lao động.

Việt Yên – thị xã trọng điểm công nghiệp, là đầu tàu kinh tế của tỉnh Bắc Giang cũ. Dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt của chính quyền các cấp; sự đoàn kết phối hợp chặt chẽ của các cấp, ngành cùng những đóng góp tích cực, quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn, KT-XH của Việt

Yên đạt được nhiều kết quả quan trọng. Năm 2024, tăng trưởng giá trị sản xuất với mức tăng 19,94%; trong đó, công nghiệp - xây dựng tốc độ tăng trưởng đạt 20,1%; nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng trưởng đạt 2,6%; dịch vụ tăng trưởng đạt 14,1%. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 98,3%, đạt 101% Nghị quyết của huyện. Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2024 đạt 25,56%, vượt mục tiêu nhiệm kỳ. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch, nhiều chỉ tiêu nằm trong nhóm dẫn đầu của tỉnh. Đặc biệt dấu mốc trong năm 2023, khu công nghiệp (KCN) Đình Trám - KCN đầu tiên của tỉnh được khởi công xây dựng. Từ một KCN ban đầu, đến nay Việt Yên có 4 KCN gồm: Quang Châu, Đình Trám, Vân Trung, Việt Hàn với hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài nước đang đầu tư sản xuất, kinh doanh. Năm 2024, giá trị sản xuất của Việt Yên tăng 19,94%, dẫn đầu 10 huyện, thị xã. Hiện trạng các KCN trên địa bàn huyện Hiệp Hoà và thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang cũ được mô tả trong hình sau:

Hình 1. Bản đồ hiện trạng các KCN trên địa bàn huyện Hiệp Hòa và thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang cũ (Nay là tỉnh Bắc Ninh)



Nằm trên địa bàn huyện Hiệp Hoà và thị xã Việt Yên cũ, KCN Hòa Yên có nhiều ưu thế do thuận lợi về đường giao thông nên sẽ trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư. Sau khi nghiên cứu tiềm năng phát triển của KCN Hòa Yên, Công ty CP Fecon Hòa Yên đã lập hồ sơ, đề nghị chính quyền tỉnh Bắc Giang cũ cho phép thực hiện "Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Hòa Yên" (Sau đây gọi tắt là dự án "KCN Hòa Yên"). Ngày 25/11/2024, Thủ tướng Chính Phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg. Đây là dự án đầu tư xây dựng mới với diện tích khoảng 256,68 ha. KCN Hòa Yên là khu công nghiệp có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường, thu hút đa ngành nghề: *(1) Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; (2) Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; (3) Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; (4) Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; (5) Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; (6) Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; (7) Công nghiệp hỗ trợ.* Việc đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên là tiền đề phát triển khu vực hướng đến phát triển bền vững theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"* thì dự án KCN Hòa Yên (quy mô 256,68 ha) thuộc dự án đầu tư nhóm I, có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao quy định tại khoản 3 điều 28 Luật BVMT 2020 *(Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước (trừ các dự án phát triển rừng, lâm sinh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, dự án nuôi trồng thủy sản không theo phương pháp thâm canh, bán thâm canh theo quy định của pháp luật về thủy sản) có tổng diện tích của dự án từ 100 ha trở lên).* Theo quy định tại mục a khoản 1 điều 30 Luật BVMT 2020 thì dự án phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 điều 35 Luật BVMT 2020 thì báo cáo ĐTM sẽ do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định.

Nhằm đáp ứng yêu cầu của pháp luật và là cơ sở để triển khai các biện pháp, công trình xử lý nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty CP Fecon Hòa Yên đã phối hợp với các đơn vị tư vấn để lập Báo cáo ĐTM cho dự án KCN Hòa Yên, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt theo quy định.

1.2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án và chấp thuận đầu tư

- Về chủ trương đầu tư dự án: Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Dự

án KCN Hòa Yên là Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật Đầu tư (năm 2014 và 2020), Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về *"Quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế"*. Ngày 25/11/2024, đã được Thủ tướng chính phủ chấp nhận chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg.

- Về phê duyệt dự án đầu tư: Theo quy định tại Luật Đầu tư (năm 2014 và 2020), Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT) dự án KCN Hòa Yên sẽ do chủ dự án là Công ty cổ phần FECON Hòa Yên phê duyệt và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư. Vì vậy, sau khi dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ phê duyệt Báo cáo NCKT DAĐT, làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ,… và các quy định khác có liên quan.

1.3. Sự phù hợp của dự án với các quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt

1.3.1. Sự phù hợp của dự án với các Chiến lược bảo vệ môi trường, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia

a) Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án đề xuất với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 13/04/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 450/QĐ-TTg phê duyệt *"Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050"*, trong đó đã đề ra các định hướng toàn diện, tổng thể về BVMT của đất nước. Trong thời gian qua, công tác BVMT thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Nhận thức về BVMT đã có sự chuyển biến mạnh mẽ và ngày càng được coi trọng, thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội. Môi trường được coi là yếu tố nền tảng, điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, xã hội bền vững. Chính phủ và các địa phương kiên quyết không hy sinh môi trường vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đánh giá, phân tích sự phù hợp của dự án với *"Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"* như sau:

- Sự phù hợp về mục tiêu: Trong Chiến lược BVMT đã được ra mục tiêu đến năm 2030 như sau: *"...Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước,..."*. Dự án KCN Hòa Yên với quy mô 256,68 ha được đánh giá là phù hợp với mục tiêu của Chiến lược.

- Sự phù hợp về nhiệm vụ của Chiến lược: Trong Chiến lược đã đưa ra các nhiệm vụ BVMT trong phát triển như sau: *"...Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá*

trình công nghiệp hóa theo hướng thân thiện với môi trường. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường…" Dự án KCN Hòa Yên với các mục tiêu chỉ *"Thu hút các nhà đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến - hiện đại - thân thiện với môi trường, đảm bảo môi trường sinh thái, công nghệ sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên và xả thải ra môi trường"*… Dự án KCN Hòa Yên với định hướng là KCN sạch, thân thiện với môi trường, thu hút các nhà đầu tư có công nghệ sản xuất hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng và KCN sẽ bố trí đầy đủ các công trình bảo vệ, xử lý môi trường, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường nên phù hợp với biện pháp BVMT của Chiến lược.

b) Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Ngày 8/7/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 611/QĐ-TTg phê duyệt *"Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"*. Đánh giá sự phù hợp của dự án KCN Hòa Yên với Quy hoạch BVMT Quốc gia như sau:

- Phù hợp về mục tiêu: Trong Quy hoạch BVMT Quốc gia có xác định mục tiêu tổng quát như sau: ...*"Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân ..."*.

Dự án KCN Hòa Yên sẽ thực hiện chủ động thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu, kiểm soát ô nhiễm môi trường, đưa ra các biện pháp khắc phục trong quá trình thi công và vận hành dự án nên hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Quy hoạch.

- Phù hợp về nhiệm vụ bảo vệ môi trường: Trong Quy hoạch BVMT Quốc gia đã đưa ra các nhiệm vụ về BVMT như sau: ...*" Thực hiện phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi toàn quốc để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật ..."*.Dự án KCN Hòa Yên với định hướng là KCN thu hút các ngành nghề "sạch", công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có đầy đủ các công trình xử lý và bảo vệ môi trường nên phù hợp với "*Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia"* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024.

1.3.2. Phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh Bắc Giang cũ

1.3.2.1. Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Phù hợp với mục tiêu và phương hướng phát triển chung của tỉnh Bắc Giang cũ

Ngày 17/02/2022, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg phê duyệt *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"* và đã được điều chỉnh tại Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024, trong đó đã đề ra các định hướng toàn diện, tổng thể về công nghiệp của tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Sự phù hợp về mục tiêu của Quyết định:

+ Trong Quyết định 219/QĐ-TTg đã đề ra mục tiêu tổng quát phát triển đến năm 2030, như sau: *"... Công nghiệp là động lực chủ yếu cho tăng trưởng gắn với phát triển không gian mới, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng; dịch vụ phát triển đa dạng, có bước đột phá; ... Đến năm 2030, Bắc Giang trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc"*... và mục tiêu cụ thể đến năm 2030, đã chỉ ra rõ:

• *"... Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 15 - 16%, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 17 - 18%/năm (công nghiệp tăng 18 - 19%/năm, xây dựng tăng 12 - 13%/năm); dịch vụ tăng 10 - 11%/năm; nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 2 - 3%/năm ..."*

• *"... Cơ cấu kinh tế năm 2030: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 66 -67% (công nghiệp chiếm 60%); ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 6 – 7%; ngành dịch vụ chiếm 24 - 25% và thuế sản phẩm 2 - 3%..."*

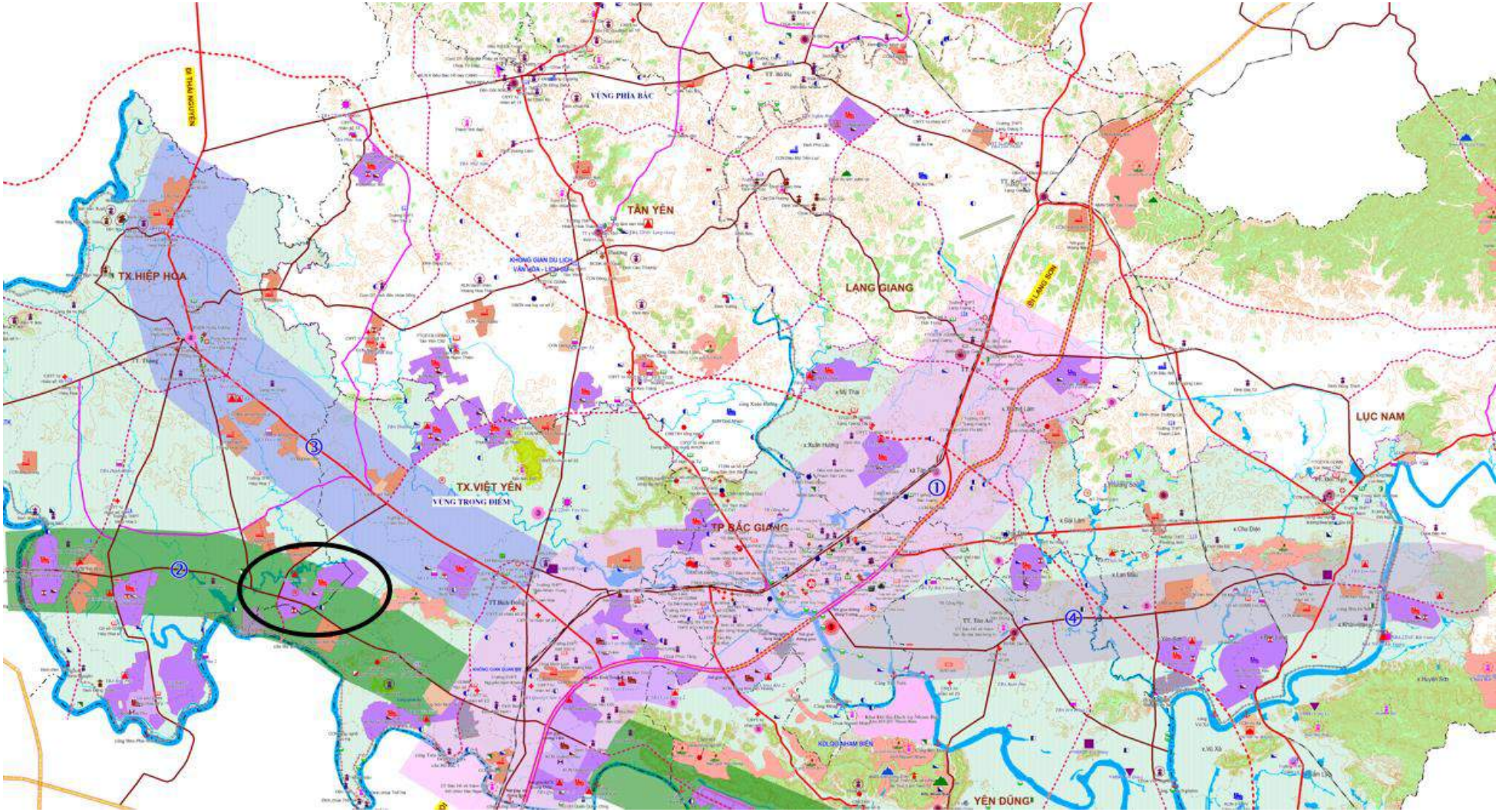
+ Tầm nhìn phát triển đến năm 2050, như sau: *" ... Đến năm 2050, Bắc Giang là tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững. Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp sinh thái, tổ chức sản xuất với các khu, cụm công nghiệp tập trung, chuyên nghiệp; dịch vụ phát triển đa đạng, hiện đại, tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế; nông nghiệp sạch, chất lượng, hiệu quả ..."*

- Sự phù hợp về phương hướng phát triển: Trong Quyết định đã đưa ra phương hướng phát triển ngành công nghiệp trong sự phát triển chung các ngành, lĩnh vực như sau: *"... Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, đưa Bắc Giang trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghiệp của vùng; duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế..."*

- Sự phù hợp về phát triển không gian công nghiệp và hệ thống KCN, CCN: Trong Quyết định đã chỉ ra rõ: *" ... Các khu vực bố trí phát triển công nghiệp tập trung đảm bảo đáp ứng được các yếu tố, điều kiện về kết nối giao thông thuận lợi, đầy đủ các điều kiện hạ tầng điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, bố trí các dịch vụ phục vụ người lao động...; đồng thời, đảm bảo khai thác, sử dụng có hiệu quả về đất đai; các KCN được quy hoạch gắn với quy hoạch phát triển các*

khu đô thị - dịch vụ. ....". Phương án phát triển vùng kinh tế trọng điểm tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được mô tả trong hình dưới đây:

Hình 2. Bản đồ phương án phát triển vùng kinh tế trọng điểm tỉnh Bắc Giang cũ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050



b) Phù hợp với phát triển KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ

Cũng theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang *"... đến năm 2030, **quy hoạch 29 KCN với diện tích khoảng 7.000 ha** (trong đó có 12 KCN - đô thị - dịch vụ); quy hoạch 63 CCN với diện tích khoảng 3.006 ha ..."* gồm 03 khu vực (hành lang) phát triển sản xuất công nghiệp, cụ thể như sau:

(1) - Khu vực công nghiệp theo trục hành lang QL1A, cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn: Bố trí 10 khu công nghiệp; 15 cụm công nghiệp.

(2) - Khu vực công nghiệp theo trục hành lang ĐT398 (vành đai IV Hà Nội), ĐT296 - ĐT295 - QL37 - QL17 – ĐT299: Bố trí 14 khu công nghiệp, 18 cụm công nghiệp.

(3) - Khu vực công nghiệp phía Đông theo tuyến hành lang ĐT293- QL37, vành đai V: Bố trí 08 khu công nghiệp, 16 cụm công nghiệp.

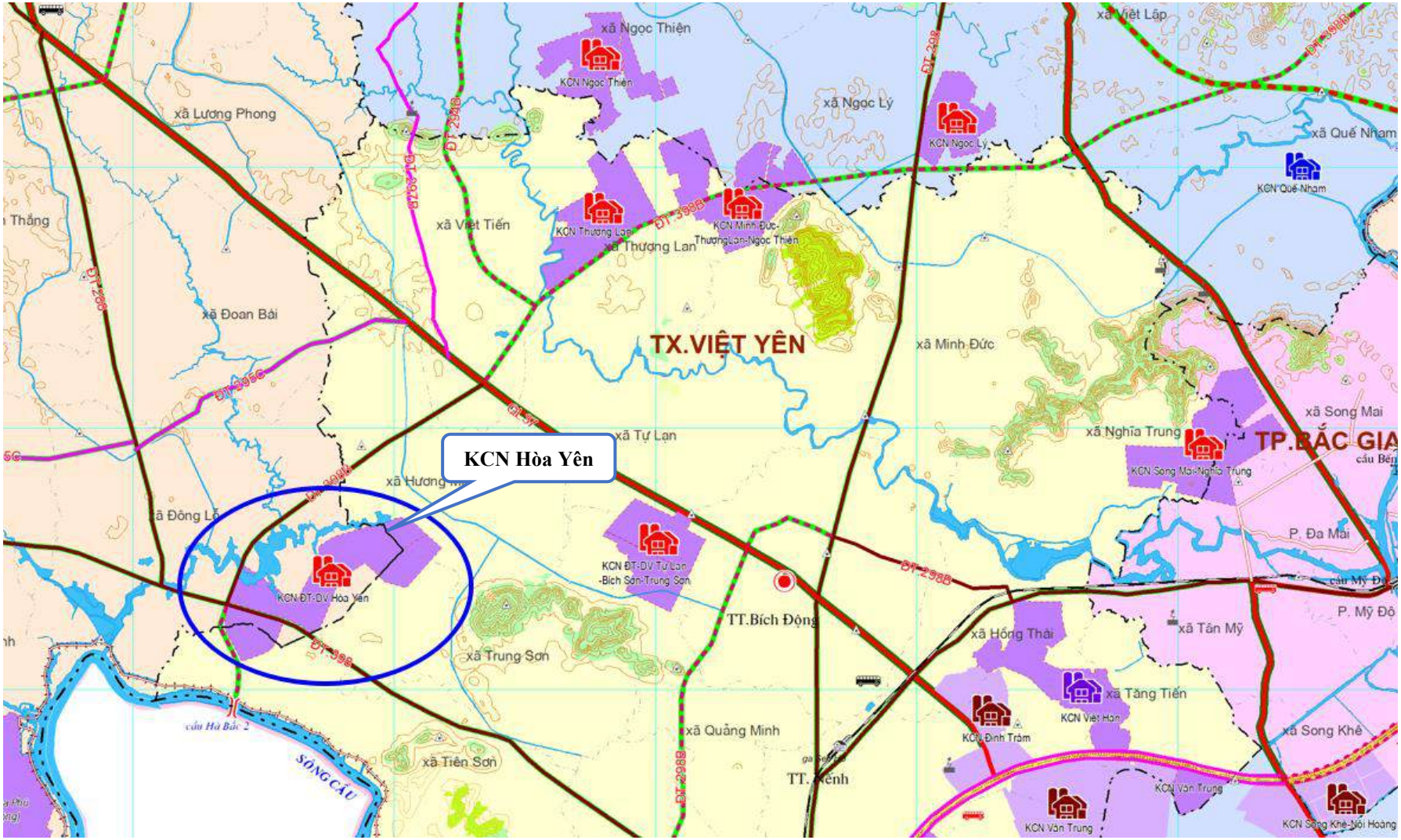
KCN Hòa Yên được nêu rõ tại Phụ lục VIII – Quy hoạch phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 của Quyết định số 219/QĐ-TTg là KCN quy hoạch mới với diện tích khoảng 256,68 ha, cụ thể như sau:

Hình 3. Quy mô KCN Hòa Yên trong "Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến đến năm 2030 khoảng (ha)
3	KCN Tân Hưng *Sáp nhập CCN Tân Hưng*	Huyện Lạng Giang	155
III	**KCN quy hoạch mới**		**3.789**
1	KCN - Đô thị - Dịch vụ Tiên Sơn - Ninh Sơn	Huyện Việt Yên	223
2	KCN Quang Châu 2	Huyện Việt Yên	125
3	KCN Song Mai-Nghĩa Trung	TP Bắc Giang, huyện Việt Yên	205
4	KCN Mỹ Thái-Xuân Hương-Tân Dĩnh	Huyện Lạng Giang	200
5	KCN-Đô thị-Dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý-Hương Lâm	Huyện Hiệp Hòa	211
6	KCN-Đô thị-Dịch vụ Minh Đức-Thượng Lan-Ngọc Thiện	Huyện Việt Yên, Tân Yên	200
7	KCN-Đô thị-Dịch vụ Đức Giang	Huyện Yên Dũng	285
8	KCN Huyền Sơn	Huyện Lục Nam	150
9	KCN Thái Đào - Tân An	Huyện Lạng Giang, Yên Dũng	170
10	KCN-Đô Thị - Dịch vụ Xuân Cẩm - Hương Lâm	Huyện Hiệp Hòa	224
11	KCN-Đô thị-Dịch vụ Hòa Yên	Huyện Hiệp Hòa, Viêt Yên	256
12	KCN Yên Sơn	Huyện Lục Nam	155

Vị trí KCN Hòa Yên trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được trình bày trong hình sau:

Hình 4. Vị trí KCN Hòa Yên trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050



Tại thuyết minh Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có quy định:

+ Tại trang 398, Khu đô thị - dịch vụ Hòa Yên xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn, huyện Viêt Yên gắn với quy hoạch KCN Hòa Yên, quy mô 40ha.

+ Bảng 75 Quy hoạch các KCN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; trang 414, STT 11 KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên bao gồm KCN Hòa Yên quy mô 256 ha và đất đô thị - Dịch vụ quy mô 40 ha.

+ Bảng 77 Quy hoạch các KCN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2031 - 2050; trang số 422, STT 9 KCN Hòa Yên diện tích đất công nghiệp quy hoạch giai đoạn 2021 – 2030 là 256 ha.

+ Bảng 192 Danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư Hạ tầng KCN Hòa Yên; trang số 893, STT 4 Hạ tầng KCN Hòa Yên quy mô 256ha; trang số 899, STT 4 khu đô thị, dịch vụ Hòa Yên quy mô 40 ha.

→ Như vậy, thực hiện dự án KCN Hòa Yên được đánh giá là phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang cũ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại ngày 17/02/2022 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg.

1.3.2.2. Sự phù hợp với Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)

- Ngày 26/12/2018, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND phê duyệt *"Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)"* và được điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) ngày 23/11/2023 tại Quyết định số 1287/QĐ-UBND, trong đó đã đề ra định hướng phát triển công nghiệp trong đô thị Hiệp Hòa như sau:

+ Tính chất đô thị: *"Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, động lực phát triển phía Tây của tỉnh Bắc Giang; **là trung tâm công nghiệp**, nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, dịch vụ thương mại".*

+ Mục tiêu phát triển: *"Đến năm 2035, **Hiệp Hòa là trung tâm công nghiệp**, dịch vụ ở phía Tây của tỉnh Bắc Giang, là đô thị kết hợp hiệu quả giữa các khu vực đô thị phát triển tập trung với các khu vực đô thị sinh thái vườn, có nên sản xuất nông nghiệp chất lượng cao phát triển mạnh mẽ, từng bước tham gia cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái - văn hóa cho người dân Hiệp Hòa, Thủ đô Hà Nội và vùng lân cận".*

+ Định hướng phát triển công nghiệp tạo động lực phát triển đô thị: *"... tích cực, chủ động tham gia vào vùng sản xuất công nghiệp phía Đông Bắc Thủ đô Hà*

Nội. Tiếp tục phát triển các dự án xây dựng các khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư hoặc đã có chủ trương phát triển (khoảng 1.500 ha), bao gồm: Khu công nghiệp Hòa Phú; Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại xã Châu Minh - Mai Đình, tại xã Xuân Cẩm - Hương Lâm, tại xã Đông Lỗ; cụm công nghiệp (CCN) Đức Thắng; CCN Đoan Bái; CCN Hợp Thịnh; CCN Hà Thịnh; CCN Việt Nhật; CCN Thanh Vân; CCN Đoan Bái - Lương Phong 1; CCN Đoan Bái - Lương Phong 2".

+ Khu đô thị Hiệp Hòa chia làm 4 phân khu chính, ***KCN Hòa Yên thuộc Khu III là khu đô thị tập trung gắn với các khu, cụm công nghiệp phía Nam***, đồng thời là cửa ngõ kết nối Hiệp Hòa với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh: *"Tổ chức một khu đô thị mới tập trung tại khu vực cửa ngõ phía Nam gần khu vực các khu - cụm công nghiệp tập trung, kết nối với các khu dân cư hiện hữu..."*

- Theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/08/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt *"Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000"* , tại xã Đông Lỗ, để thực hiện dự án Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Hòa Yên và Khu dịch vụ tổng hợp, logistics, ICD Đông Lỗ - Tiên Sơn theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thực hiện điều chỉnh khoảng 20 ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp sang quy hoạch **đất công nghiệp**.

→ Như vậy, triển khai dự án KCN Hòa Yên là phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp của huyện Hiệp Hòa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển có hiệu quả, đồng thời hạn chế ô nhiễm môi trường, tạo hướng phát triển bền vững theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

1.3.2.3. Sự phù hợp với Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

a) Sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)

(i). Theo Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/09/2019

Ngày 25/09/2019, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 730/QĐ-UBND về việc phê duyệt *"Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)"*, trong đó đã chỉ ra rõ quy hoạch KCN Hòa Yên như sau:

- Định hướng phát triển không gian: *"...Hướng phát triển thứ ba dọc tuyến đường vành đai IV Thủ đô Hà Nội, bao gồm các chức năng về công nghiệp (**KCN mới Hòa Yên**, Cụm CN Ninh Sơn, Cụm CN Vân Hà) và dân cư gắn với dịch vụ du lịch: du lịch văn hóa tâm linh (Cụm di tích chùa Bổ Đà), du lịch thắng cảnh - Sân golf núi Voi, du lịch văn hóa phi vật thể các làng quan họ Ninh Sơn và Nếnh, du lịch làng nghề Vân Hà…"*

- KCN Hòa Yên là một trong các KCN được quy hoạch mới, có vị trí và quy mô: *"… Vị trí tại 02 xã Trung Sơn và xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên và xã Đông Lỗ*

huyện Hiệp Hòa (dọc Vành đai IV Hà Nội), quy mô khoảng 400 ha"...

(ii). Theo Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 22/08/2023

Ngày 22/08/2023, UBND tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt Quyết định số 928/QĐ-UBND phê duyệt *"Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)"*, trong đó các nội dung được điều chỉnh để phù hợp với chủ trương đầu tư đầu tư xây dựng KCN Hòa Yên như sau:

♣ *Tại xã Hương Mai*

Theo "*Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, Khu công nghiệp Hòa Yên có diện tích khoảng 256 ha, khu công nghiệp đã được UBND tỉnh chấp thuận tài trợ lập quy hoạch tại Công văn số 1247/UBND-XD ngày 25/3/2022 và được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/5/2022. Vị trí, diện tích thuộc địa phận các thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Minh, thôn Xuân Lạn và thôn Tam Hợp xã Hương Mai, huyện Việt Yên có diện tích khoảng 30 ha; theo quy hoạch sử dụng đất huyện Việt Yên đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023, phần diện tích trên được quy hoạch là đất khu công nghiệp. Tuy nhiên, theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019, vị trí trên được quy hoạch là đất mặt nước, đất giao thông, đất ở hiện trạng và đất nông nghiệp.

→ Để thống nhất giữa các quy hoạch, làm cơ sở thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bắc Giang đã điều chỉnh quy hoạch khoảng 30 ha *(trong đó khoảng 5,6 ha quy hoạch đất mặt nước; 2,55 ha quy hoạch đất đường giao thông; 0,4 ha đất ở hiện trạng và khoảng 21,45 ha quy hoạch đất nông nghiệp)* tại thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Minh, thôn Xuân Lạn và thôn Tam Hợp, xã Hương Mai thành **đất công nghiệp**.

♣ *Tại xã Trung Sơn*

Vị trí dự án tại xã Trung Sơn đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 cho công ty TNHH Đầu tư phát triển Bảo Chi. Ngày 09/01/2023, UBND tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện dự án).

Để tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên được UBND tỉnh Bắc Giang phê

duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 thì UBND tỉnh Bắc Giang đã điều chỉnh khoảng 2,03 ha quy hoạch đất hỗn hợp tại thôn Dĩnh Sơn và thôn Sơn Hải, xã Trung Sơn thành **đất công nghiệp.**

b) Sự phù hợp với Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000

Ngày 19/01/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 88/QĐ-TTg phê duyệt *"Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000"*, trong đó đã đề ra định hướng phát triển công nghiệp trong đô thị Việt Yên như sau:

+ Mục tiêu quy hoạch: *"Cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để xây dựng và phát triển đô thị Việt Yên trở thành **đô thị công nghiệp cửa ngõ quan trọng phía Tây Nam** của tỉnh Bắc Giang và là một trong các cửa ngõ phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội".*

+ Tính chất đô thị: *"Là đô thị thuộc vùng trọng điểm kinh tế phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang gắn với động lực phát triển chủ yếu gồm **công nghiệp**, thương mại, dịch vụ và logistics".*

+ Định hướng phát triển không gian tổng thể: *"Với vai trò là **vùng trọng điểm phát triển công nghiệp**, dịch vụ, đô thị của tỉnh Bắc Giang và mục tiêu đến năm 2030 trở thành đô thị loại III - thành phố trực thuộc tỉnh. Định hướng phát triển đô thị Việt Yên theo mô hình đa cực liên kết gồm: (i) Cực trung tâm là đô thị hỗn hợp đa chức năng tại thị trấn Bích Động; (ii) Cực phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại và logistics ở phía Đông Nam dọc theo 2 bên cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; (iii) Cực phát triển công nghiệp mới ở phía Bắc; (iv) Cực phát triển đô thị dịch vụ, du lịch, bảo tồn ở phía Tây Nam; (v) Cực phát triển dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí gắn với cảnh quan sinh thái tự nhiên ở phía Đông".*

+ Khu đô thị Việt Yên chia làm 4 phân khu chính, ***KCN Hòa Yên thuộc Phân khu số 3 là khu đô thị dịch vụ công nghiệp, thương mại phía Tây Bắc***: *"... Là khu vực đô thị dịch vụ phục vụ cho hệ thống công nghiệp phát triển mới ở phía Bắc. Định hướng quy hoạch khu công nghiệp tập trung thuộc xã Tự Lạn và cụm công nghiệp Việt Tiến theo hướng công nghiệp sạch ...."*

+ Định hướng quy hoạch các khu chức năng chính đô thị: *"Phát huy lợi thế các khu, cụm công nghiệp hiện có, phát triển mở rộng và đầu tư mới các mô hình đô thị công nghiệp tập trung dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (đoạn qua đô thị Việt Yên), ĐT.398B, ĐT.398 để tạo điều kiện cho mở rộng đô thị hóa tập trung, tạo cơ sở hạ tầng tối ưu cho phát triển các khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn. Ưu tiên thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, công nghệ điện tử, công nghiệp y sinh, gắn với sự phát triển của các cuộc cách mạng về khoa học công nghệ".*

→ ***Kết luận chung***: *Như vậy, thực hiện dự án KCN Hòa Yên cho thấy có sự phù hợp cao về vị trí, diện tích, quy mô và tính chất công nghiệp.*

1.3.2.4. Sự phù hợp của dự án với Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Giang

Dự án KCN Hòa Yên được đánh giá là phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Giang như sau:

♣ *Sự phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang*

Tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua *"Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang"*, trong đó phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN Hòa Yên, huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2021-2025 với diện tích là 50 ha.

KCN – Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên ở số thứ tự 11 phần III Biểu số 09/CT Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) của tỉnh Bắc Giang kèm theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) của tỉnh Bắc Giang.

Hình 5. Dự án KCN Hòa Yên trong Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang

b	***Các khu công nghiệp mới ưu tiên thực hiện***	SKK	**874,80**	**874,80**		
1	KCN - Đô thị - Dịch vụ Tiên Sơn - Ninh Sơn	SKK	110,00	110,00	Huyện Việt Yên	2021-2025
2	KCN - Đô thị - Dịch vụ Yên Lư	SKK	70,00	70,00	Huyện Yên Dũng	2021-2025
3	KCN Quang Châu 2	SKK	50,00	50,00	Huyện Việt Yên	2021-2025
4	KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm	SKK	50,00	50,00	Huyện Hiệp Hòa	2021-2025
5	KCN - Đô thị - Dịch vụ Nghĩa Hưng	SKK	70,00	70,00	Huyện Lạng Giang	2021-2025
6	KCN Phúc Sơn	SKK	70,00	70,00	Huyện Tân Yên	2021-2025
7	KCN-Đô thị-Dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý Hương Lâm	SKK	50,00	50,00	Huyện Hiệp Hòa	2021-2025
8	KCN-Đô thị-Dịch vụ Đồng Phúc	SKK	50,00	50,00	Huyện Yên Dũng	2021-2025
9	KCN - Đô thị - Dịch vụ Đức Giang	SKK	50,00	50,00	Huyện Yên Dũng	2021-2025
10	KCN Mỹ Thái	SKK	50,00	50,00	Huyện Lạng Giang	2021-2025
11	KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên	SKK	50,00	50,00	Huyện Việt Yên, huyện Hiệp Hòa	2021-2025
12	KCN - Đô thị - Dịch vụ Yên Sơn Bắc Lũng (phần mở rộng)	SKK	50,00	50,00	Huyện Lục Nam	2021-2025
13	KCN đô thị - dịch vụ Minh Đức - Thượng Lan - Ngọc Thiện	SKK	50,00	50,00	Huyện Việt Yên, huyện Tân Yên	2021-2025
14	KCN Song Mai - Nghĩa Trung	SKK	54,80	54,80	Huyện Việt Yên, TP. Bắc Giang	2021-2025
15	KCN Mỹ Thái Xuân Hương Tân Dĩnh	SKK	50,00	50,00	Huyện Lạng Giang	2021-2025

→ Như vậy Dự án KCN Hòa Yên với quy mô 256,68 ha *(trong đó, giai đoạn I thực hiện đầu tư diện tích 50 ha; giai đoạn II thực hiện đầu tư diện tích 206,68 ha)*[1] đảm bảo phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 được phân bổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

♣ *Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*

Ngày 03/4/2025, HĐND tỉnh Bắc Giang ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐND v/v bãi bỏ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh

[1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8218528688 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024.

Bắc Giang về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021- 2025 tỉnh Bắc Giang. Để triển khai thực hiện các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Chủ trương đầu tư đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 28/5/2025 Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có Công văn số 469/KCN-QHXD ngày 28/5/2025 về việc đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025.

Ngày 30/5/2025, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang đã có Văn bản số 481/KCN-QHXD về việc *"Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025"* (Thay thế cho Công văn số 469/KCN-QHXD ngày 28/5/2025).

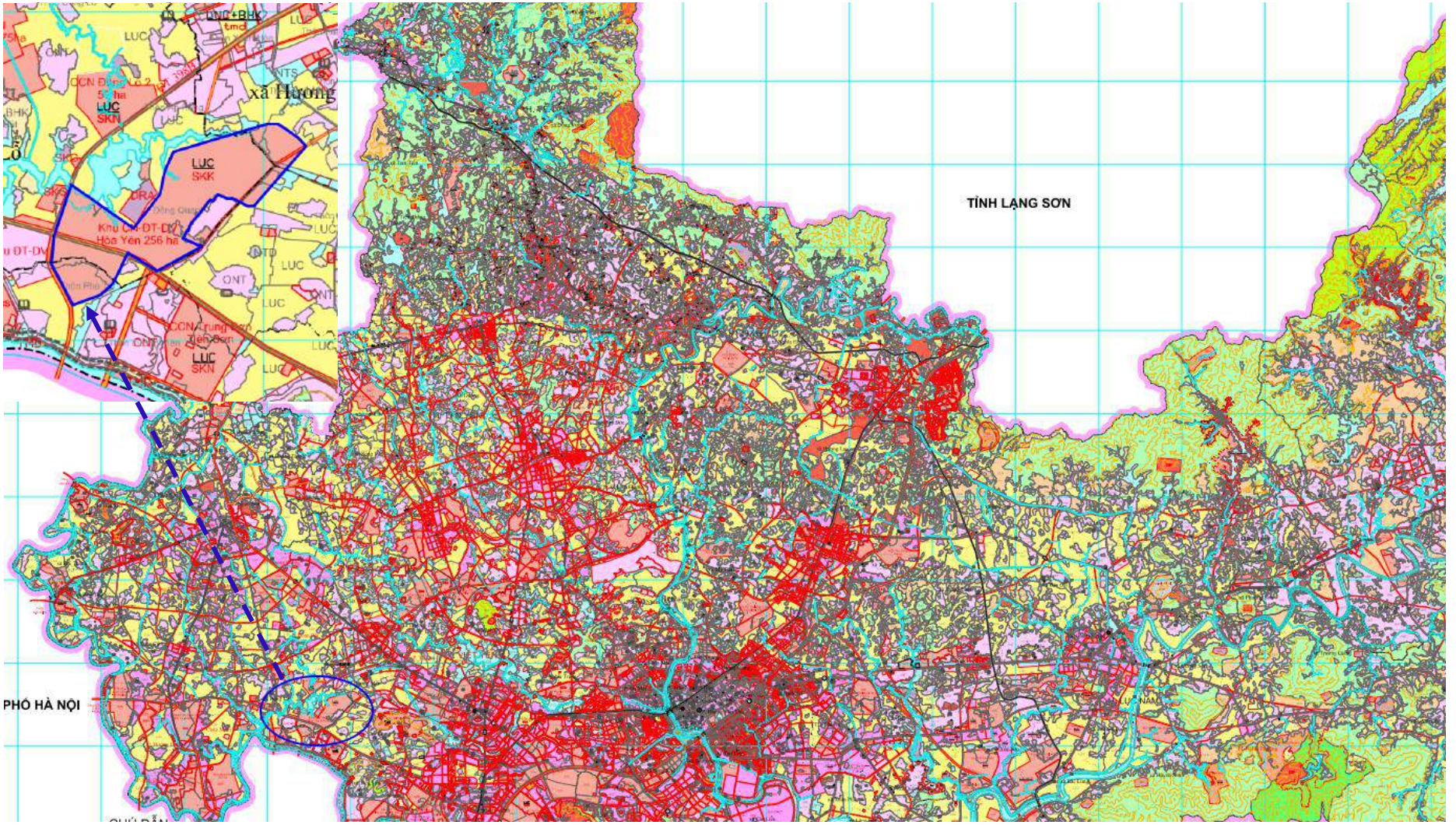
Ngày 13/06/2025, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Văn bản số 235/UBND-KTN về việc *"Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh"*. UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang căn cứ quy định pháp luật thực hiện việc điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các chủ đầu tư cụm/khu công nghiệp để phù hợp với tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo đó ngày 25/06/2025, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang đã cấp cấp đổi lần thứ nhất cho Công ty CP Fecon Hòa Yên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8218528688 (Chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024). Dự án KCN Hòa Yên có quy mô diện tích khoảng 256,68 ha, trong đó:

++ Giai đoạn 1: 60 ha

++ Giai đoạn 2: 196,68 ha

Vị trí dự án KCN Hòa Yên trong các bản đồ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang như sau:

Hình 6. Vị trí dự án KCN Hòa Yên trong Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang



1.3.2.5. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp

Dự án KCN Hòa Yên có quy mô diện tích 256,68 ha, trong đó có 88,046 ha đất 02 vụ lúa thuộc địa bàn các xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa cũ và các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên cũ. Diện tích đất 02 lúa thuộc dự án không nằm trong diện tích đất 02 lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả *"Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"*

- Theo *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050"* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, diện tích đất lúa được phép chuyển mục đích sử dụng là đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là: 22.000,21 ha.

- Theo "*Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hiệp Hòa"* được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 16/3/2023, tổng diện tích đất trồng lúa chuyển sang mục đích đích khác là 3.141,81 ha (trong đó xã Đông Lỗ là 530,56 ha).

- Theo *"Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên"* được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023, tổng diện tích đất lúa chuyển sang mục đích khác là 3.360,89 ha (trong đó xã Tiên Sơn 267,4 ha; xã Hương Mai 50,68 ha; xã Trung Sơn 59,57 ha).

Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ năm 2021 đến ngày 15/12/2023 như sau:

♣ *Trên địa bàn toàn tỉnh*

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (2.179,12 ha): Có 08 Dự án khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, với tổng diện tích đất lúa là 724,70 ha; có 11 dự án khu công nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thẩm định với tổng diện tích đất trồng lúa là 1.454,42 ha (09/11 dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa; 02 dự án sáp nhập cụm công nghiệp vào khu công nghiệp).

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (1.636,18ha): Từ năm 2021 đến nay có 23 Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác với tổng diện tích 920,5 ha. Hiện UBND tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 32 dự án với tổng diện tích 715,68 ha.

- HĐND tỉnh Bắc Giang đã thông qua các Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng 2.932,23 ha đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

→ ***Như vậy***, tổng diện tích đã thực hiện là 6.747,53 ha. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 là: 15.252,68 ha.

♣ *Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa*

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (510,92 ha): Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa có Dự án khu công nghiệp Hòa Phú được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, diện tích sử dụng đất trồng lúa là 128,4 ha; có 02 dự án khu công nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thẩm định với tổng diện tích đất trồng lúa là 382,52 ha (KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm; KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm).

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (317,51 ha): Từ năm 2021 đến nay có 07 Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác với tổng diện tích 293,07 ha. Hiện UBND tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 dự án với tổng diện tích 24,44 ha.

- HĐND tỉnh Bắc Giang đã thông qua các Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng 258,59 ha đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện Hiệp Hòa.

- Trên địa bàn xã Đông Lỗ, diện tích đã thực hiện là 20,0 ha.

→ ***Như vậy,*** tổng diện tích đã thực hiện trên địa bàn huyện Hiệp Hòa là 1.087,02 ha. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 2.054,79 ha; trên địa bàn xã Đông Lỗ diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại được thực hiện là 510,56 ha.

♣ *Trên địa bàn huyện Việt Yên*

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (400,08ha): Trên địa bàn huyện Việt Yên có 03 Dự án khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, diện tích sử dụng đất trồng lúa là 195,3 ha; có 02 dự án khu công nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thẩm định với tổng diện tích đất trồng lúa là 204,78 ha (KCN Việt Hàn (Mở rộng); KCN Quang Châu 2);

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (141,51ha): Từ năm 2021 đến nay có 03 Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác với tổng diện tích 67,97 ha. Hiện UBND tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 03 dự án với tổng diện tích 73,54 ha.

- HĐND tỉnh Bắc Giang đã thông qua các Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng 499,21 ha đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện Việt Yên.

- Kết quả thực hiện trên địa bàn các xã: Xã Tiên Sơn 11,46 ha, xã Hương Mai 5,78 ha; xã Trung Sơn 13,1 ha.

→ ***Như vậy***, tổng diện tích đã thực hiện trên địa bàn huyện Việt Yên là 1.040,80 ha. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 2.320,09 ha; trên địa bàn các xã: Tiên Sơn 255,94 ha, xã Hương Mai 44,90 ha; xã Trung Sơn 46,47 ha.

Kết luận chung: Đối chiếu với hiện trạng sử dụng đất cho thấy diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại đến năm 2030 trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, huyện Việt Yên và các xã đảm bảo để thực hiện dự án KCN Hòa Yên. Vì vậy, việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án phù hợp với chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp còn lại trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hiệp Hòa đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023.

2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐTM

2.1. Căn cứ pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án

2.1.1. Luật và chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường

- Luật Đa dạng sinh học số 32/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

- Nghị định 65/2010/NĐ-CP về *"Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học"* của Chính phủ ban hành ngày 11/6/2010;

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về *"Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020";*

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về *"Sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường";*

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ về *"Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường";*

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ về *"Quy định phân định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường";*

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 về *"Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước";*

- Thông tư 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về *"Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước";*

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc *"Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường";*

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường".*

2.1.2. Luật và chính sách có liên quan khác

- Luật Đất đai số 21/2024/QH15; Nghị định 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ về *"Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai";*

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Nghị định số 37/ 2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ về *"Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch";* Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch";*

- Luật Xây dựng, số 50/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; Nghị định 112/2024/ NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về *"Quy định chi tiết về đất trồng lúa";*

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Văn bản số 20/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 hợp nhất Luật Khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về *"Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản";*

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật Phòng cháy chữa cháy, số 27/2001/QH10 và Luật số 40/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy.

- Nghị định 18/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 1/2/2019 về *"Quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật liệu nổ sau chiến tranh"* và

Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ Quốc phòng về *"Ban hành quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ";*

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/05/2024 của Bộ Xây dựng hợp nhất Nghị định về thoát nước và xử lý nước

- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 29/12/2017 về *"Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ";*

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về *"Kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường";*

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/4/2035 về việc ban hành *"Quy chế ứng phó sự cố chất thải".*

2.1.3. Các quy định của tỉnh Bắc Giang cũ về BVMT

- Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về việc *"Tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường";*

- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 1/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang";*

- Kế hoạch số 485/KH-UBND ngày 4/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về *"Triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020";*

- Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Ban hành quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang";*

- Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 27/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành *"Quy hoạch một số nội dung về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang".*

2.1.4. Các QCVN áp dụng

a) Các QCVN về môi trường

Các QCVN trong lĩnh vực BVMT được sử dụng để thực hiện ĐTM của dự án KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. QCVN áp dụng lập báo cáo ĐTM của Dự án

TT	Tên QCVN áp dụng	Nội dung quy chuẩn
A. Các QCVN trong lĩnh vực môi trường		
I. QCVN trong lĩnh vực môi trường không khí		
1	QCVN 05:2023/BTNMT	Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí
2	QCVN 19:2024/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp
II. QCVN trong lĩnh vực môi trường nước		
3	QCVN 08:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
4	QCVN 09:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm
5	QCVN 14:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
6	QCVN 40:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
III. QCVN trong lĩnh vực tiếng ồn và rung động		
	QCVN 26:2010/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
7	QCVN 26:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Bắt đầu có hiệu lực từ ngày 14/11/2025)
8	QCVN 27:2010/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
9	QCVN 27:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Bắt đầu có hiệu lực từ ngày 14/11/2025)
10	TCVN 7378:2004	Rung động và chấn động - Rung động đối với công trình - Mức rung giới hạn và phương pháp đánh giá
IV. QCVN trong lĩnh vực rác thải và bùn thải		
11	TCVN 6707:2009/BTNMT	Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa
12	TCVN 6705:2009/BTNMT	Chất thải rắn thông thường
13	TCVN 6706:2009/BTNMT	Phân loại chất thải nguy hại
14	QCVN 50:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước
15	QCVN 07:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (Bắt đầu có hiệu lực từ ngày 09/02/2026)
V. QCVN trong lĩnh vực đất		
16	QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

TT	Tên QCVN áp dụng	Nội dung quy chuẩn
	03:2023/BTNMT	
17	QCVN 15:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất
B. Các QCVN trong lĩnh vực môi trường lao động		
18	Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế	Ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
19	QCVN 22:2016/BYT	Chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
20	QCVN 24:2016/BYT	Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
21	QCVN 26:2016/BYT	Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
22	QCVN 27:2016/BYT	Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.
23	QCVN 02:2019/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
24	QCVN 03:2019/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
25	QCVN 01:2025/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

b) Các QCVN có liên quan khác

Báo cáo ĐTM cho dự án KCN Hòa Yên sẽ sử dụng các QCVN/TCVN/ QCXDVN có liên quan khác như sau:

Bảng 2. QCVN/TCVN/QCXDVN sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM

TT	Tên QCVN, TCVN	Nội dung QCVN/TCVN
1	QCXDVN 01:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng
2	TCXDVN 13606:2023	Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế
3	TCVN 7957:2023	Thoát nước – Mạng lưới bên ngoài và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế
4	QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ

TT	Tên QCVN, TCVN	Nội dung QCVN/TCVN
	07:2023/BXD	tầng kỹ thuật.
	QCVN 07-1:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp nước*
	QCVN 07-2:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước*
	QCVN 07-4:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông đô thị*
	QCVN 07-5:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện*
	QCVN 07-7:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình chiếu sáng*
	QCVN 07-9:2023/BXD	*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng*
5	QCVN 06:2022/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

2.2. Các văn bản pháp lý của các cấp thẩm quyền liên quan đến Dự án

2.2.1. Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến dự án

- Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang thông qua *"Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000";*

- Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt *"Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000";*

- Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang";*

- Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt *"Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000";*

- Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt *"Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)";*

- Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/05/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang

về việc phê duyệt *"Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)";*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 2400945909 do Phòng đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp – Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 13/09/2022, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 23/08/2025;

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8218528688 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024, cấp đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2025;

- Văn bản số 591/BQLCKCN-QHXD ngày 08/09/2025 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh về việc *"Tham gia ý kiến hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch Phân khu khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2.000)";*

- Văn bản số 399/UBND-KTHT&ĐT ngày 29/08/2025 của UBND phường Vân Hà về việc *"Tham gia ý kiến Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000)";*

- Văn bản số 425/UBND-KT ngày 21/08/2025 của UBND xã Hiệp Hòa về việc *"Tham gia ý kiến Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000)";*

- Văn bản số 333/UBND-KTHT&ĐT ngày 26/08/2025 của UBND phường Tự Lạn về việc *"Tham gia ý kiến Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000)";*

- Văn bản số 1884/PCBN-KT ngày 29/09/2025 của Công ty điện lực Bắc Ninh về việc *"Tham gia ý kiến đối với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, Tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000";*

- Văn bản số 235/UBND-KTN ngày 13/06/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh";*

- Văn bản số 481/KCN-QHXD ngày 30/05/2025 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang về việc *"Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025";*

- Văn bản số 7329/UBND-KTTH ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Tham gia ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang";*

- Văn bản số 2054/KCN-QHXD ngày 02/10/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang về việc *"Quá trình triển khai thực hiện lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000";*

- Văn bản số 1757/KCN-QHXD ngày 24/08/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang về việc *"Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Sở, ngành về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên (tỷ lệ 1/2000)";*

- Văn bản số 1756/KCN-QHXD ngày 24/08/2023 của Ban Quản lý các KCN

tỉnh Bắc Giang về việc *"Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên (tỷ lệ 1/2000)";*

- Văn bản số 1356/BXD-QHKT ngày 10/04/2023 của Bộ Xây dựng về việc*"Góp ý đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang";*

- Văn bản số 2527/SXD-QHKT ngày 03/04/2023 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc*"Góp ý đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên (tỷ lệ 1/2.000)";*

- Văn bản số 455/SXD-QHKT ngày 09/03/2023 của Sở Xây dựng về việc*"Đề nghị xin ý kiến các Bộ về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)";*

- Văn bản số 3322/SXD-QHKT ngày 14/11/2022 của Sở Xây dựng về việc *"Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)";*

- Văn bản số 3319/UBND-QLĐT ngày 10/10/2022 của UBND huyện Việt Yên về việc *"Tham gia ý kiến đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 1247/UBND-XD ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Tài trợ kinh phí để khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh";*

- Văn bản số 618/SNN-TL ngày 09/4/2021 của Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Giang về việc *"Góp ý hồ sơ khảo sát, lập quy hoạch địa điểm KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên";*

- Văn bản số 1247/UBND-XD ngày 25/03/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Tài trợ kinh phí để khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh";*

- Tờ trình số 129/TTr-KCN ngày 11/10/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang về việc *"Đề nghị thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2000)";*

- Tờ trình số 380/TTR-STNMT ngày 30/05/2025 của Sở NN&MT tỉnh Bắc Giang về việc *"Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến Ban thường vụ đảng uỷ UBND tỉnh về chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025".*

2.2.2. Các văn bản thỏa thuận, biên bản tham vấn có liên quan

a) Các văn bản thỏa thuận đấu nối, cấp điện, cấp nước

- Văn bản số 43/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 15/10/2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên về việc *"Ý kiến thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết*

cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";

- Văn bản số 48/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 10/11/2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên về việc *"Thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa, đấu nối thoát nước thải và hoàn trả mương hiện trạng cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 1135/UBND-PKT ngày 14/11/2025 của UBND xã Hiệp Hòa về việc *"Cho ý kiến về việc đấu nối thoát nước mưa, đấu nối thoát nước thải và hoàn trả mương hiện trạng do dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 971/UBND-KTHT&ĐT ngày 23/10/2025 của UBND phường Vân Hà về việc *"Ý kiến thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 720/UBND-KTHT&ĐT ngày 24/10/2025 của UBND phường Tự Lạn về việc *"Ý kiến thoả thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên";*

- Văn bản số 344/NST-QLCT ngày 05/11/2025 của Công ty TNHH MYV KT CTTL Nam sông Thương về việc *"Trả lời đề nghị của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên trong việc xin thỏa thuận đấu nối thoát nước và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa";*

- Văn bản số 3294/SXD-QLHT ngày 29/10/2025 của Sở xây dựng về việc *"Chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào ĐT.398";*

- Văn bản số 2599/PCBN-KT ngày 05/11/2025 của Công ty điện lực Bắc Ninh về việc *"Thỏa thuận cấp điện cho Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên";*

- Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025 của Công ty CP cấp nước và Môi trường đô thị 206 về việc *"Phúc đáp đề nghị thỏa thuận cấp nước cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Biên bản thỏa thuận tiếp nhận phế thải xây dựng, đất đá dư thừa của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên ngày 10/11/2025;

- Văn bản số 1511/CV-HHK ngày 15/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại – HHK về việc *"Tiếp nhận rác thải trong quá trình chuẩn bị mặt bằng cho Dự án KCN Hòa Yên".*

b) Các văn bản tham vấn ý kiến cộng đồng đối với báo cáo ĐTM tại địa phương

(i). Tại xã Đông Lỗ (Nay là xã Hiệp Hòa)

- Văn bản số 09/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 144/CV-UBND của UBND xã Đông Lỗ ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện ĐTM của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 01/CV-MTTQ của Ủy ban MTTQ xã Đông Lỗ tháng 04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Biên bản họp tham vấn ý kiến cộng đồng ngày 09/04/2025 tại UBND xã Đông Lỗ giữa đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể xã, đại diện cộng đồng dân cư, đại diện Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM.

- Thông báo số 61/TB-UBND của UBND xã Đông Lỗ ngày 24/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

(ii). Tại xã Hương Mai (Nay là phường Tự Lạn)

- Văn bản số 10/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 105/CV-UBND của UBND xã Hương Mai ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 05/UBMTTQ của Ủy ban MTTQ xã Hương Mai ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Biên bản họp tham vấn ý kiến cộng đồng ngày 10/04/2025 tại UBND xã Hương Mai giữa đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể xã, đại diện cộng đồng dân cư, đại diện Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM.

- Thông báo số 54/TB-UBND của UBND xã Hương Mai ngày 10/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

(iii). Tại xã Tiên Sơn (Nay là phường Vân Hà)

- Văn bản số 11/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 75/UBND-ĐCXD của UBND xã Tiên Sơn ngày 21/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 10/CV-MTTQ-BTT của Ủy ban MTTQ xã Tiên Sơn ngày 23/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Biên bản họp tham vấn ý kiến cộng đồng ngày 15/04/2025 tại Nhà văn hóa thôn Phù Tài giữa đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể xã, đại diện cộng đồng dân cư, đại diện Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM.

- Thông báo số 70/TB-UBND của UBND xã Tiên Sơn ngày 15/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

(iv). Tại xã Trung Sơn (Nay là phường Vân Hà)

- Văn bản số 12/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 38/UBND-CV của UBND xã Trung Sơn ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 14/MTTQ-BTT của Ủy ban MTTQ xã Trung Sơn ngày 08/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Biên bản họp tham vấn ý kiến cộng đồng ngày 08/04/2025 tại UBND xã Trung Sơn giữa đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể xã, đại diện cộng đồng dân cư, đại diện Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM.

- Thông báo số 32/UBND-TB của UBND xã Trung Sơn ngày 10/04/2025 về

việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ đầu tư tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường

Các tài liệu, dữ liệu do Công ty cổ phần FECON Hòa Yên (Chủ dự án) phối hợp với các đơn vị tư vấn để tạo lập trong quá trình ĐTM của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án cùng các đơn vị tư vấn tạo lập, xây dựng

TT	Tên tài liệu	Các cơ quan cùng phối hợp tạo lập
1.	Hồ sơ thuyết minh, bản vẽ quy hoạch xây dựng chi tiết KCN Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC) và Công ty Cổ phần tư vấn kỹ thuật hạ tầng Golden Earth (GE)
2.	Thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở KCN Hòa Yên	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC) và Công ty Cổ phần tư vấn kỹ thuật hạ tầng Golden Earth (GE)
3.	Kết quả điều tra khảo sát KT-XH, hệ sinh thái, hệ thống mương tiêu thoát nước khu vực dự án	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T - Đơn vị quan trắc, lấy mẫu hiện trạng môi trường: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ môi trường Xanh
4.	Kết quả điều tra khảo sát về điều kiện tự nhiên, sinh thái và hiện trạng môi trường khu vực dự án.	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
5.	Hồ sơ thiết kế trạm xử lý nước thải cho dự án KCN Hòa Yên	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Ecoteck Việt Nam
6.	Hồ sơ khảo sát địa chất công trình	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Viện Nền móng và Công trình ngầm
7.	Hồ sơ thiết kế hoàn trả kênh mương	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC) và Công ty Cổ phần tư vấn

TT	Tên tài liệu	Các cơ quan cùng phối hợp tạo lập
		kỹ thuật hạ tầng Golden Earth (GE)
8.	Báo cáo kết quả khảo sát, điều tra mỏ vật liệu xây dựng cho dự án KCN Hòa Yên.	- Chủ dự án: Công ty CP Fecon Hòa Yên - Đơn vị tư vấn: Viện Nền móng và Công trình ngầm

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP BÁO CÁO ĐTM

3.1. Tổ chức tư vấn và quy trình lập báo cáo ĐTM

Công ty cổ phần FECON Hòa Yên đã phối hợp cùng với Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T tiến hành lập, soạn thảo Báo cáo ĐTM cho dự án KCN Hòa Yên, trình Bộ NN&MT thẩm định theo quy định của pháp luật.

Thông tin của tổ chức tư vấn lập báo cáo ĐTM như sau:

- Tên đơn vị : Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
- Địa chỉ : Số 60, phố Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Tel : 024 38533718
- Giám đốc : Ông Lê Mạnh Thắng

Tóm tắt quá trình tổ chức ĐTM của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4. Tóm tắt quá trình thực hiện ĐTM của dự án KCN Hòa Yên

TT	Bước	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
1	Bước 1: Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu	Chủ dự án bàn giao, đơn vị tư vấn tiếp nhận và nghiên cứu các căn cứ pháp lý, hồ sơ quy hoạch, hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, các tài liệu kỹ thuật và các hồ sơ có liên quan dự án.	Chủ dự án Cơ quan tư vấn
2	Bước 2: Khảo sát hiện trạng, đo đạc các thành phần môi trường tự nhiên, thu thập số liệu có liên quan	- Khảo sát điều kiện địa lý, địa chất, khí tượng, thủy văn tại nơi thực hiện dự án. - Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, thành phần môi trường tự nhiên tại khu vực dự án và khu vực xung quanh. - Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về điều kiện KT-XH tại khu vực dự án và khu vực xung quanh. - Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, tài liệu hệ thống thủy văn, kênh mương,... tại khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh KCN; đơn vị quản lý Nhà nước đối với kênh mương. - Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu về hệ sinh thái, đa dạng sinh học tại khu vực thực hiện dự án	Cơ quan tư vấn

TT	Bước	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
		và các khu vực xung quanh.	
4	Bước 3: Soạn thảo báo cáo ĐTM	- Tổ chức soạn báo cáo ĐTM cho dự án theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ TNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ TNMT. - Thông qua, thống nhất nội dung báo cáo ĐTM với Công ty cổ phần FECON Hòa Yên hoàn thiện nội dung báo cáo ĐTM.	Chủ dự án Cơ quan tư vấn
5	Bước 4: Tham vấn ý kiến cộng đồng	*1) Tham vấn chính quyền địa phương* + Gửi báo cáo ĐTM đến UBND, Uỷ ban MTTQ xã/phường nơi thực hiện dự án và cộng đồng dân cư chịu tác động để tham vấn. + Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức họp tham vấn dân cư. + Tổ chức tham vấn UBND, ủy ban MTTQ xã/phường nơi thực hiện dự án. + Tổ chức tham vấn bằng hình thức phát phiếu do không đủ 2/3 số lượng hộ dân chịu tác động tham gia họp lấy ý kiến. + Nhận các văn bản trả lời, kết quả tham vấn, chỉnh sửa hồ sơ theo các ý kiến tham vấn. *2) Tham vấn thông qua hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử.* - Gửi nội dung tham vấn của báo cáo ĐTM đến Bộ NN&MT để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ NN&MT trong thời gian 15 ngày. - Nhận kết quả tham vấn từ đơn vị quản lý trang thông tin điện tử của Bộ NN&MT. *3) Tham vấn chuyên gia* Dự án KCN Hòa Yên không thuộc loại hình quy định tại Phụ lục II - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 nên không phải tiến hành tham vấn chuyên gia. *4) Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tham vấn* - Hoàn thiện báo cáo ĐTM theo các ý kiến tham vấn từ cộng đồng dân cư, UBND, Ủy ban MTTQ các xã/ phường, từ quá trình tham vấn trên trang thông tin điện tử của Bộ NN&MT.	Chủ dự án Cơ quan tư vấn

TT	Bước	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
6	Bước 5: Trình thẩm định và phê duyệt	- Trình báo cáo ĐTM đến Bộ NN&MT để xin thẩm định theo quy định. - Phối hợp cùng với cơ quan chủ trì thẩm định, hội đồng thẩm định tổ chức khảo sát, kiểm tra hiện trạng dự án. - Trình bày báo cáo ĐTM trước Hội đồng thẩm định (HĐTĐ). + Nếu báo cáo ĐTM được HĐTĐ thông qua thì hoàn thiện báo cáo ĐTM theo ý kiến của HĐTĐ, cơ quan thường trực thẩm định, cơ quan phê duyệt,... và trình nộp lại báo cáo ĐTM đã hoàn thiện cho cơ quan thụ lý hồ sơ. + Nếu báo cáo ĐTM không được HĐTĐ thông qua thì tiến hành chỉnh sửa hồ sơ, thực hiện lại từ bước 5.	Chủ dự án Cơ quan tư vấn
7	Bước 6: Nhận kết quả thẩm định.	Nhận kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án từ Trung tâm hành chính công của Bộ NN&MT.	Chủ dự án

Chủ dự án và các đơn vị tư vấn tham gia lập Báo cáo ĐTM của dự án KCN Hòa Yên bao gồm:

Bảng 5. Các đơn vị tham gia lập, soạn thảo báo cáo ĐTM của dự án

TT	Đơn vị tham gia	Nội dung công việc thực hiện
I	***Chủ dự án***	
1	Công ty CP Fecon Hòa Yên	- Cung cấp tài liệu, hồ sơ liên quan đến dự án. - Chỉ đạo các đơn vị tư vấn và kiểm soát toàn bộ nội dung báo cáo ĐTM - Phối hợp với các cơ quan có liên quan, cơ quan QLNN trong quá trình lập, trình duyệt báo cáo ĐTM.
II	***Các đơn vị tư vấn lập, soạn thảo báo cáo ĐTM***	
2	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T	- Khảo sát hiện trạng, thu thập tài liệu, thông tin có liên quan; - Thực hiện công tác điều tra xã hội học (các hộ gia đình có mồ mả phải di dời); - Biên soạn, lập báo cáo ĐTM; trình bày kết quả ĐTM của dự án. - Hoàn thiện báo cáo ĐTM theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực thẩm định.

TT	Đơn vị tham gia	Nội dung công việc thực hiện
3	Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh (VIMCERTS 276)	Thực hiện việc lấy mẫu, quan trắc hiện trạng môi trường và phân tích chất lượng môi trường trong phòng thí nghiệm: *1) Điều kiện vi khí hậu* *2) Chất lượng môi trường không khí* *3) Chất lượng nước dưới đất* *4) Chất lượng nước mặt* *5) Chất lượng môi trường đất*
4	Liên danh Công ty CP tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC) và Công ty Cổ phần tư vấn kỹ thuật hạ tầng Golden Earth (GE)	Hoàn thiện các nội dung có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở, thiết kế các công trình bảo vệ môi trường.
5	Công ty cổ phần Ecoteck Việt Nam	Thiết kế cơ sở Nhà máy xử lý nước thải cho KCN Hòa Yên.

3.2. Danh sách, trình độ chuyên môn và chữ ký của những người tham gia lập Báo cáo ĐTM

Danh sách và trình độ chuyên môn của những người tham gia biên soạn Báo cáo ĐTM của dự án KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau

Bảng 1. Danh sách những người tham gia biên soạn báo cáo ĐTM của Dự án

Tên những người tham gia lập báo cáo ĐTM	Chức vụ	Công việc đảm nhiệm	Bằng cấp / Chuyên ngành, trường đào tạo	Ký tên
***Chủ dự án**: Công ty CP Fecon Hòa Yên*				
Ông: **Phạm Quốc Hùng**	Giám đốc	Phụ trách chung	Kỹ sư xây dựng - Đại học Kiến trúc Hà Nội	
Ông: **Phùng Thanh Tùng**	Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật	Cung cấp tài liệu, kiểm soát nội dung báo cáo ĐTM	Kỹ sư đường bộ - Đại học GTVT Hà Nội	
Ông: **Đoàn Quang Đăng**	Chuyên viên phòng kinh tế kỹ thuật	Cung cấp hồ sơ tài liệu, kiểm tra nội dung báo cáo ĐTM	Kỹ sư Xây dựng công trình - Đại học GTVT Hà Nội	

Tên những người tham gia lập báo cáo ĐTM	Chức vụ	Công việc đảm nhiệm	Bằng cấp / Chuyên ngành, trường đào tạo	Ký tên
Đơn vị tư vấn chính soạn thảo báo cáo ĐTM: Công ty CP tư vấn Đầu tư Xây dựng H.P.T				
Ông: **Hoàng Anh Đức**	Chủ trì thực hiện	Chủ trì thực hiện ĐTM	Thạc sỹ Khoa học môi trường - Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội	
Bà: **Nguyễn Thu Trang**	Cán bộ kỹ thuật	Tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Cử nhân Khoa học môi trường – Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội	
Bà: **Vũ Lê Thu Thủy**	Cán bộ kỹ thuật	Tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Cử nhân Quản lý tài nguyên và Môi trường – Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội	
Bà: **Nguyễn Thị Luyến**	Cán bộ hành chính	Tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Cử nhân Kế toán - Đại học Thái Nguyên	

4. PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐTM

Các phương pháp ĐTM và phương pháp khác được sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM của dự án đầu tư KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 7. Các phương pháp áp dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM

TT	Tên phương pháp	Nội dung phương pháp
I. Phương pháp ĐTM		
1	Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm *(Rapid Assessment)*	- Là phương pháp dùng để xác định nhanh tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, mức độ gây ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của dự án. Việc tính tải lượng chất ô nhiễm được dựa trên các hệ số ô nhiễm. - Trong phạm vi của báo cáo ĐTM có sử dụng các hệ số phát thải sau: ***1) Hệ số phát thải do Việt Nam xây dựng và đã công bố*** *- Bộ hệ số phát thải cho xe máy ở Việt Nam:* Do Hoàng Dương Tùng và cộng sự thực hiện, 2011. Development of mission factors and emission inventories for motorcycles and light duty vehicles in the urban region in Vietnam. Science of The Total Environment, 409 (14), 2761-2767 *- Bộ hệ số phát thải cho ô tô có số lượng chỗ ngồi < 9 chỗ ở Việt Nam:* Do Hoàng Dương Tùng và cộng sự thực hiện, 2011. Development of mission factors and emission inventories for motorcycles and light duty vehicles in the urban region in Vietnam. Science of The Total Environment, 409 (14), 2761-2767 *- Bộ hệ số phát thải cho xe buýt ở Việt Nam:* Nghiêm Trung Dũng và cộng sự, 2019. Development of the specific emission factors for buses in Hanoi, Vietnam. Environmental Science and Pollution Research 26, 24176-24189. *- Kết quả nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải cho xe tải vận chuyển theo hệ số EMEP/EEA của Châu Âu:* Bảng 1.22 và 1.23 theo Công văn 1074/BTNMT -SONMT ***2) Bộ hệ số phát thải AP-42 của Hoa Kỳ*** *- Bộ hệ số phát thải của EMEP/EEA của Châu Âu* *- Lượng phát thải từ hoạt động đun nấu dân sinh* *- Hệ số phát thải Bụi PM10 và PM2.5 được tham khảo từ Bảng 3.1 mục 2.A.5.b trong hướng dẫn kiểm kê khí thải của Châu Âu (2023) với EF_{PM10} = 0.086kg/m^2/năm và $EF_{PM2.5}$ = 0.0086 kg/m^2/năm* ***3) Hệ số phát thải do WHO xây dựng và đã công bố*** Thông thường và phổ biến hơn cả là việc sử dụng các hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và của Cơ quan Môi trường Mỹ (USEPA) thiết lập. Phương pháp

TT	Tên phương pháp	Nội dung phương pháp
		này chủ yếu sử dụng tại chương III của báo cáo ĐTM.
2	Phương pháp chỉ thị và chỉ số môi trường	Phương pháp chỉ thị môi trường: là một hoặc tập hợp các thông số môi trường đặc trưng của môi trường khu vực. Việc dự báo, đánh giá tác động của dự án dựa trên việc phân tích, tính toán những thay đổi về nồng độ, hàm lượng, tải lượng *(Pollution Load)* của các thông số chỉ thị này. Phương pháp chỉ số môi trường *(Environmental Index)*: là sự phân cấp hóa theo số học hoặc theo khả năng mô tả lượng lớn các số liệu, thông tin về môi trường nhằm đơn giản hóa các thông tin này. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương II, chương III của báo cáo ĐTM.
II. Các phương pháp khoa học khác		
3	Phương pháp thống kê	Phương pháp thống kê được sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu về: Khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất, điều kiện KT-XH, hệ sinh thái và đa dạng sinh học,… tại khu vực thực hiện Dự án. Các số liệu về khí tượng thuỷ văn được sử dụng chung trong thời gian vừa qua. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương II của báo cáo ĐTM.
4	Phương pháp lập bảng liệt kê	Phương pháp này dựa trên việc lập bảng thể hiện mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án với các thông số môi trường có khả năng chịu tác động bởi dự án nhằm mục tiêu nhận dạng tác động môi trường. Một bảng kiểm tra được xây dựng tốt sẽ bao quát được tất cả các vấn đề môi trường của dự án, cho phép đánh giá sơ bộ mức độ tác động và định hướng các tác động cơ bản nhất cần được đánh giá chi tiết. Đối với phương pháp này, có 2 loại bảng liệt kê phổ biến nhất gồm bảng liệt kê đơn giản và bảng liệt đánh giá sơ bộ mức độ tác động. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương III của báo cáo ĐTM.
5	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường nền, bao gồm: Chất lượng không khí, tiếng ồn, môi trường nước, đất, CTR,… tại khu vực Dự án. Các phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu và phân tích chất lượng môi trường tuân thủ các QCVN hiện hành có liên quan. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương II của báo cáo ĐTM.
6	Phương pháp so sánh	Các kết quả đo đạc, phân tích môi trường nền đều được so sánh với các QCVN có liên quan nhằm đánh giá hiện trạng môi trường. Ngoài ra, các kết quả tính toán, dự báo ĐTM cũng được so sánh với các QCVN có liên quan để đưa ra các kết luận cần thiết. Phương pháp này chủ yếu sử dụng

TT	Tên phương pháp	Nội dung phương pháp
		tại chương II, chương III.
7	Phương pháp kế thừa	Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, các báo cáo ĐTM cho các dự án xây dựng các dự án xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông và báo cáo ĐTM này sẽ kế thừa các kết quả nghiên cứu này. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương III của báo cáo ĐTM.
8	Phương pháp mô hình hóa	Phương pháp này là cách tiếp cận toán học mô phỏng diễn biến quá trình chuyển hóa, biến đổi (phân tán - hoặc pha loãng) trong thực tế về thành phần và khối lượng của các chất ô nhiễm trong không gian và theo thời gian. Đây là một phương pháp có mức độ định lượng và độ tin cậy ở mức trung bình cho việc mô phỏng các quá trình vật lý, sinh học trong tự nhiên và tác động môi trường, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm chỉ ở mức dự báo. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương III của báo cáo ĐTM.
9	Phương pháp chập bản đồ	Phương pháp chập bản đồ là phương pháp đánh giá tác động môi trường dựa trên cơ sở của hệ thống thông tin địa lí (GIS) là công cụ quan trọng, có thể hỗ trợ tốt cho quá trình đánh giá, phân tích môi trường vùng và qui hoạch xây dựng. Phương pháp chập bản đồ bao gồm việc vẽ bản đồ trên giấy trong suốt các thành phần môi trường, xã hội và kĩ thuật theo độ nhạy cảm và ghép theo đơn vị. Phương pháp chập bản đồ giúp cho các thành phần kĩ thuật và thành phần môi trường được quan tâm hơn trong việc lập kế hoạch các dự án. Phương pháp này chủ yếu sử dụng tại chương III của báo cáo ĐTM.

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

5.1. Thông tin về Dự án

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

3. Địa điểm xây dựng: Xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà và phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh *(Địa điểm trước ngày 1/7/2025 là: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã, Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang)*

4. Diện tích dự án: Khoảng 256,68 ha, trong đó phần lớn diện tích quy hoạch là đất chuyên trồng lúa nước: 880.460,2 m^2 (34,30%); đất bằng chưa sử dụng: 36.927,6 m^2 (1,44%); đất bằng hàng năm khác: 18.039,1 m^2 (0,70%); đất trồng

cây lâu năm: 14.612,5 m^2 (0,57%); đất giao thông, thủy lợi: 224.602,3 m^2 (8,75%); đất bãi thải, xử lý chất thải: 83,3 m^2 (0,003%); đất công trình năng lượng: 691,4 m^2 (0,03%); đất thể thao: 4,1 m^2 (0,0002%); đất trồng lúa nước còn lại: 1.159.460,4 m^2 (45,17%); đất mặt nước chuyên dùng: 73.732,6 m^2 (2,87%); đất nghĩa trang, nghĩa địa: 337,8 m^2 (0,01%); đất ở tại nông thôn: 6.336,7 m^2 (0,25%); đất ở tại nông thôn và đất cây lâu năm: 1.500,3 m^2 (0,06%); đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 4.816,4 m^2 (0,19%); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 35.116,0 m^2 (1,37%) và đất nuôi trồng thủy sản: 110.125,6 m^2 (4,29%).

5. Quy mô dự án và tính chất công nghiệp

a) Quy mô dự án: Khoảng 256,68 ha

+ Đất nhà máy công nghiệp : 156,82 ha
+ Đất cây xanh : 27,38 ha
+ Đất mặt nước : 7,34 ha
+ Đất dịch vụ : 5,57 ha
+ Đất hạ tầng kỹ thuật : 4,13 ha
+ Đất bãi xe : 2,71 ha
+ Đất giao thông, HTKT khác : 52,73 ha

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật sẽ đầu tư tại KCN Hòa Yên:

(1) Hệ thống giao thông;

(2) San nền;

(3) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng;

(4) Hệ thống cấp nước sạch, trạm bơm tăng áp và hệ thống PCCC;

(5) Hệ thống thoát nước mưa;

(6) Hệ thống thoát nước thải;

(7) Hệ thống thông tin liên lạc;

(8) Trạm XLNT tập trung với ∑ công suất 10.500 m^3/ngày đêm (3 modules×3.500 m^3/ng.đêm/module) và 2 hồ sự cố, thể tích là: 5.250 m^3/hồ.

b) Tính chất và các ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN

KCN Hòa Yên là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể:

(1) Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng;

(2) Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin;

(3) Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa;

(4) Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm;

(5) Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống;

(6) Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng;

(7) Công nghiệp hỗ trợ.

6. Tổng mức đầu tư: 3.745,131 tỷ đồng (Bằng chữ: Ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm tỷ một trăm ba mươi mốt triệu đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng 88,04 ha đất chuyên trồng lúa nước.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động phát quang tại khu vực thực hiện Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thi công, phế thải và hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn; ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), chất thải rắn công nghiệp (CTR) thông thường, chất thải nguy hại (CTNH), tiếng ồn.

- Hoạt động của khu điều hành dịch vụ của KCN phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của nhà máy XLNT tập trung, công suất 10.500 m^3/ng.đêm (3 modules) phát sinh mùi, bùn thải.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

5.3.1. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân tham gia thi công ; thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, COD, nitơ (N), photpho (P), coliform...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động rửa các phương tiện thi công, vận chuyển, nước sử dụng trộn vôi, cát, xi măng,… ; Thành phần chủ yếu: TSS, dầu mỡ, đất, cát,...

b) Trong giai đoạn vận hành

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 10.500 m^3/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, BOD, COD, tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), dầu mỡ, coliform, các kim loại nặng,…

5.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Từ hoạt động thi công san nền: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động vận chuyển đất đá, đất san nền, thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO_2, CO, NOx, VOC,...

- Từ hoạt động thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển phục vụ xây dựng các hạng mục công trình của dự án. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO_2, CO, NO_x, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Thành phần chủ yếu: Bụi, SO_2, NOx, CO,...

- Mùi phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN. Thành phần chủ yếu: NH_3, CH_4, H_2S,...

5.3.3. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đất hữu cơ bóc bề mặt phát sinh, được tận dụng để đắp, đổ vào các vị trí trồng cây xanh trong phạm vi KCN.

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang cây cối, thực bì. Thành phần chủ yếu: rễ cây, cành, lá cây, cây bụi, cỏ,…

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu: đất đá, gạch vỡ, cát, sắt thép vụn...

- CTRSH phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa,…

b) Giai đoạn vận hành

- CTRSH phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại khu điều hành KCN, nhà máy XLNT tập trung. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa,…

- CTRSH phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có khối lượng và thành phần phụ thuộc vào các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.

- CTR thông thường phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có khối lượng và thành phần phụ thuộc vào các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.

5.3.4. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

CTNH phát sinh với thành phần chủ yếu: dầu thải, giẻ lau dính dầu, thùng đựng sơn,...

b) Giai đoạn vận hành

- CTNH phát sinh từ hoạt động điều hành và nhà máy XLNT tập trung của KCN. Thành phần chủ yếu: dầu thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy, hộp mực in, bao bì đựng hóa chất,...

- CTNH phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN có khối lượng và thành phần phụ thuộc vào các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy XLNT tập trung.

5.3.5. Tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện tham gia thi công và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây

dựng, phế thải.

- Trong giai đoạn vận hành: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN.

5.3.6. Các rủi ro, sự cố môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực.

- Nguy cơ gây ngập úng tại khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các nhà vệ sinh lưu động dung tích bể chứa phân bùn, nước tiểu của mỗi nhà là 5 m^3. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Các công nhân tham gia thi công không ăn ngủ tại công trường, do đó không phát sinh nước thải tắm giặt.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công, vạch tuyến, phân vùng thoát nước mưa cho công trường; bố trí các hố ga lắng trên tuyến thoát nước mưa với khoảng cách 50-100 m/hố.

- Nước thải từ trạm rửa xe được thu gom vào bể tách dầu mỡ dung tích 12m^3. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn xịt rửa xe, tưới ẩm vật liệu và bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ hoạt động thi công được thu gom theo tuyến qua bể tách dầu mỡ dung tích 6m^3. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn phun nước rửa đường và tưới ẩm bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa từ KCN được xả vào hệ thống kênh mương thủy lợi tại các điểm xả theo biên bản thỏa thuận giữa chủ dự án, đơn vị quản lý kênh mương thủy lợi và chính quyền địa phương; lắp đặt các biển báo kèm theo thông tin xả thải, chủ nguồn xả thải tại các điểm xả nước mưa theo quy định. Chủ dự án thường xuyên nạo vét, khơi thông, sửa chữa các tuyến mương, cống thoát nước mưa, cống thoát nước qua đường, các tuyến mương nước mặt chạy giữa KCN; đảm bảo thực hiện

các biện pháp thoát nước mưa hợp lý để không xảy ra tình trạng ngập úng trong và ngoài KCN.

- Hệ thống thu gom nước thải KCN: Sử dụng ống, cống thu gom HDPE, bố trí ngầm dưới hè đường. Các hố ga bằng BTCT, nắp gang tiền chế được bố trí với khoảng cách phù hợp và theo quy định. Tại mỗi lô đất công nghiệp phải bố trí hố ga đấu nối nước thải, thuận tiện để quản lý và giám sát; Tại mỗi điểm đấu nối, phải lắp đặt biển chỉ dẫn, thông tin, lưu lượng xả thải, chủ nguồn xả thải theo quy định.

- Chủ dự án chỉ cho phép các dự án đầu tư thứ cấp đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN sau khi đảm bảo lưu lượng, chất lượng nước thải phù hợp với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của nhà máy XLNT theo Hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật (hoặc Hợp đồng xử lý nước thải) giữa Chủ dự án và các nhà đầu tư thứ cấp - Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành KCN *(bao gồm nước thải sinh hoạt từ các khu dịch vụ công cộng, khu điều hành KCN, nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN sau khi được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu của KCN)* được thu gom về nhà máy XLNT tập trung để xử lý. Tổng công suất của nhà máy XLNT là 10.500 m^3/ngày đêm.

- Nhà máy XLNT tập trung hoạt động theo công nghệ hóa lý và sinh học được tóm tắt quy trình như sau: Nước thải đầu vào *(Sau khi xử lý đạt GHCP theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và nhà đầu tư thứ cấp - chi tiết được trình bày tại Chương III)* → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng → Bể phản điều chỉnh pH2 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung gian→ Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học A/B → Bể điều chỉnh pH3 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đạt QCVN 40:2025/ BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Kênh tiêu Cầu Chi → Sông Cầu.

- Lắp đặt phòng thí nghiệm tại nhà máy XLNT để kiểm tra, giám sát thường xuyên chất lượng nước thải trước, sau mỗi công đoạn xử lý và trước khi xả thải và kịp thời phát hiện các sự cố về nước thải.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của kCN đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm sau đó xả ra kênh tiêu Cầu Chi và cuối cùng chảy về sông Cầu.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên

tục bao gồm: *(1) Lưu lượng đầu vào, (2) Lưu lượng nước thải đầu ra, (3) Nhiệt độ, (4) pH, (5) TSS, (6) COD, (7) NH_4.*

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, các camera giám sát phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

- Quy định cụ thể việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các dự án đầu tư vào KCN; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đấu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN theo đúng quy định.

5.4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Xây dựng hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt trạm phun rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN được xử lý đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo đúng báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ đề xuất cấp GPMT của mỗi dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Mùi phát sinh từ trạm xử lý sẽ được thu gom bằng tuyến ống và quạt hút về tháp xử lý mùi. Công nghệ xử lý mùi sử dụng là hấp thụ bằng dung dịch chứa hóa chất kiềm loãng và hấp phụ than hoạt tính ướt.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy XLNT có bề rộng trung bình là 10m, đảm bảo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Đảm bảo diện tích cây xanh và mặt nước trong KCN theo đúng quy định hiện hành.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất

lượng không khí xung quanh; QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp và sẽ được xả thải ra môi trường.

- Chủ đầu tư các dự án thứ cấp có trách nhiệm xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo ĐTM hoặc giấy phép môi trường (GPMT) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép riêng cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

5.4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây

- CTRSH được thu gom và lưu giữ trong các thùng chứa (300 lít/thùng). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Các loại chất thải không nguy hại thông thường (vỏ bao xi măng, mẩu thép, tôn, gỗ,…) được thu gom, phân loại, lưu giữ trong kho chứa trên công trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Các loại phế thải xây dựng phải được thu gom, có thể tận dụng để san lấp mặt bằng khu vực Dự án. Phế thải xây dựng, các chất thải rắn không thể tận dụng được phải được thu gom, lưu giữ trong 3 thùng ben (dung tích 5 m^3/thùng). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng 01 kho chứa CTR thông thường tại khu vực trạm XLNT để chứa chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của chủ đầu tư hạ tầng KCN.

- Bố trí các thùng thu gom rác thải dọc trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông, khu công viên với khoảng cách khoảng 300 m/thùng và tại các điểm dừng chờ xe buýt, xe khách, bãi đỗ xe và các khu vực công cộng khác. Toàn bộ rác thải được thu gom về kho chứa CTR thông thường của KCN.

- CTRSH và CTR công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN do chủ đầu tư các dự án thứ cấp thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định

tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Thu gom, phân loại CTNH phát sinh trên công trường theo từng mã quản lý, chứa riêng theo từng loại trong các thùng chứa có dung tích 50 lít/thùng (tổng cộng khoảng 5 thùng chứa) và 02 thùng đựng dầu mỡ loại 100 lít/thùng. Các thùng chứa phải có nắp đậy, được lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ CTNH trong khu đất HTKT của dự án (sau này là vị trí kho chứa CTNH của trạm XLNT), diện tích kho chứa 30m^2. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng 01 kho chứa CTNH diện tích 10m^2, có biển cảnh báo CTNH theo quy định tại khu vực Trạm XLNT để chứa CTNH phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của Chủ dự án.

- CTNH phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN sẽ được Chủ đầu tư các dự án này thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Các dự án đầu tư thứ cấp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ đề xuất cấp GPMT được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nhà máy XLNT tập trung

- Xây dựng và vận hành 02 hồ sự cố với dung tích chứa 5.250m^3/hồ có sức chứa cho 1 ngày. Trường hợp nhà máy XLNT gặp sự cố, nước thải phải được lưu giữ tại hồ sự cố sau đó bơm ngược lại về nhà máy XLNT để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng. Hồ sự cố luôn phải để trống (không kể 20-30cm nước để bảo vệ màng HDPE đáy hồ), sẵn sàng chứa nước thải khi có sự cố xảy ra.

- Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; dung tích các bể, hệ thống van chặn tại các bể của nhà máy XLNT đảm bảo thời gian lưu nước tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố xử lý nước thải. Khi xảy ra sự cố nhà máy XLNT, tiến hành tạm dừng hoạt động của nhà máy XLNT tập trung để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

b) Biện pháp phòng chống và ứng cứu khi sự cố vỡ hệ thống thu gom nước thải

- Ống vận chuyển nước thải sử dụng ống nhựa HDPE. Ống nhựa HDPE có khả năng chịu nhiệt, chịu va đập rất tốt và có tuổi thọ rất cao.

- Tại các vị trí qua đường, ống thu gom nước thải đều được đặt lồng trong cống BTCT để bảo vệ, tránh bị hư hỏng, vỡ, gây ô nhiễm môi trường.

- Cắt cử người thường xuyên kiểm tra hoạt động của tuyến ống này.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước

Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống, các ống thu gom nước thải sử dụng ống HDPE có độ bề cao, các ống thu gom nước mưa, nước thải qua đường phải được lồng trong ống thép.

d) Công tác phòng cháy và chữa cháy

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy

đảm bảo chất lượng và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định.

5.5. Cam kết bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án

Chủ dự án sẽ có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp không gây ô nhiễm môi trường, phù hợp với các văn bản đồng ý về chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án. Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Việc xả nước thải sau xử lý của Dự án vào công trình thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và năng lực tiêu thoát nước của công trình thủy lợi.

- Xây dựng, vận hành hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào KCN; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

Chương I:
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN

1.1.1. Tên dự án

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

(Trong phạm vi Báo cáo ĐTM này gọi tắt là "KCN Hòa Yên")

1.1.2. Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án ; Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án ; Tiến độ thực hiện dự án

1.1.2.1. Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án, người đại diện theo pháp luật của chủ dự án

a) Chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ

- Chủ dự án : **Công ty cổ phần FECON Hòa Yên**
- Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Chớp, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Vốn điều lệ : 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)
- Số điện thoại : 0913558792.

b) Người đại diện pháp luật

- Đại diện pháp luật:	Ông ***Phùng Tiến Trung*** *+ Sinh ngày: 23 tháng 10 năm 1973* *+ Chứng minh nhân dân số: 001073012136; Ngày cấp: 07/12/2016; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân.* *+ Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: 604 B14 Kim Liên, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.*
- Chức vụ:	***Chủ tịch hội đồng quản trị***
- Địa chỉ liên hệ của Chủ dự án:	Xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh

- Điện thoại: 0913558792.

1.1.2.2. Tiến độ dự kiến thực hiện dự án

Theo Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang"* và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của BQLCKCN tỉnh (Mã số: 8218528688) thì dự án sẽ được thực hiện trong thời gian không quá 36 tháng kể từ ngày được các cơ quan chức năng giao đất sạch.

Để phù hợp với năng lực tài chính, kỹ thuật và tình hình thu hút đầu tư trong tình hình bình thường mới hiện nay, dự án sau khi thực hiện đền bù, GPMB xong (thực hiện 1 lần) sẽ được chia thành 2 giai đoạn để thực hiện:

- Giai đoạn I: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN trên kỹ thuật diện tích khoảng 60 ha ở phía Nam, đầu tư xây dựng modun số 1 của trạm XLNT (Công suất 3.500 m^3/ng.đêm/1 modun), trạm bơm chuyển bậc nước nước thải (Q_{TB3} = 135m^3/h) và hạng mục hồ sự cố 1: $V_{hồ\ sự\ cố\ 1}$ = 5.250m^3, cũng như các hạng mục cần thiết khác của giai đoạn I KCN.

- Giai đoạn II: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN trên kỹ thuật diện tích còn lại của Dự án, khoảng 196,68 ha về phía Bắc và modun thứ 2, thứ 3 của trạm XLNT (Công suất 3.500 m^3/ng.đêm/1 modun), trạm bơm chuyển bậc nước nước thải (Q_{TB1} = 195 m^3/h; Q_{TB2} = 340 m^3/h) và hạng mục hồ sự cố 2: $V_{hồ\ sự\ cố\ 2}$ = 5.250m^3, cũng như các hạng mục cần thiết khác của giai đoạn II KCN.

Dự kiến tiến độ thực hiện dự án KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 8. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án KCN Hòa Yên

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Hoàn thành các văn bản pháp lý liên quan đến dự án	Đến hết tháng 12/2025
2	Thi công giai đoạn I (60 ha)	Từ Quý I năm 2026 đến Quý IV năm 2026 (12 tháng)
3	Thi công giai đoạn II (196,68 ha)	Từ Quý I năm 2027 đến Quý IV năm 2028 (24 tháng)

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

a) Vị trí thực hiện dự án

Khu đất xây dựng KCN Hòa Yên thuộc địa giới hành chính xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà và phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh *(Địa điểm trước ngày 1/7/2025 là: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã*

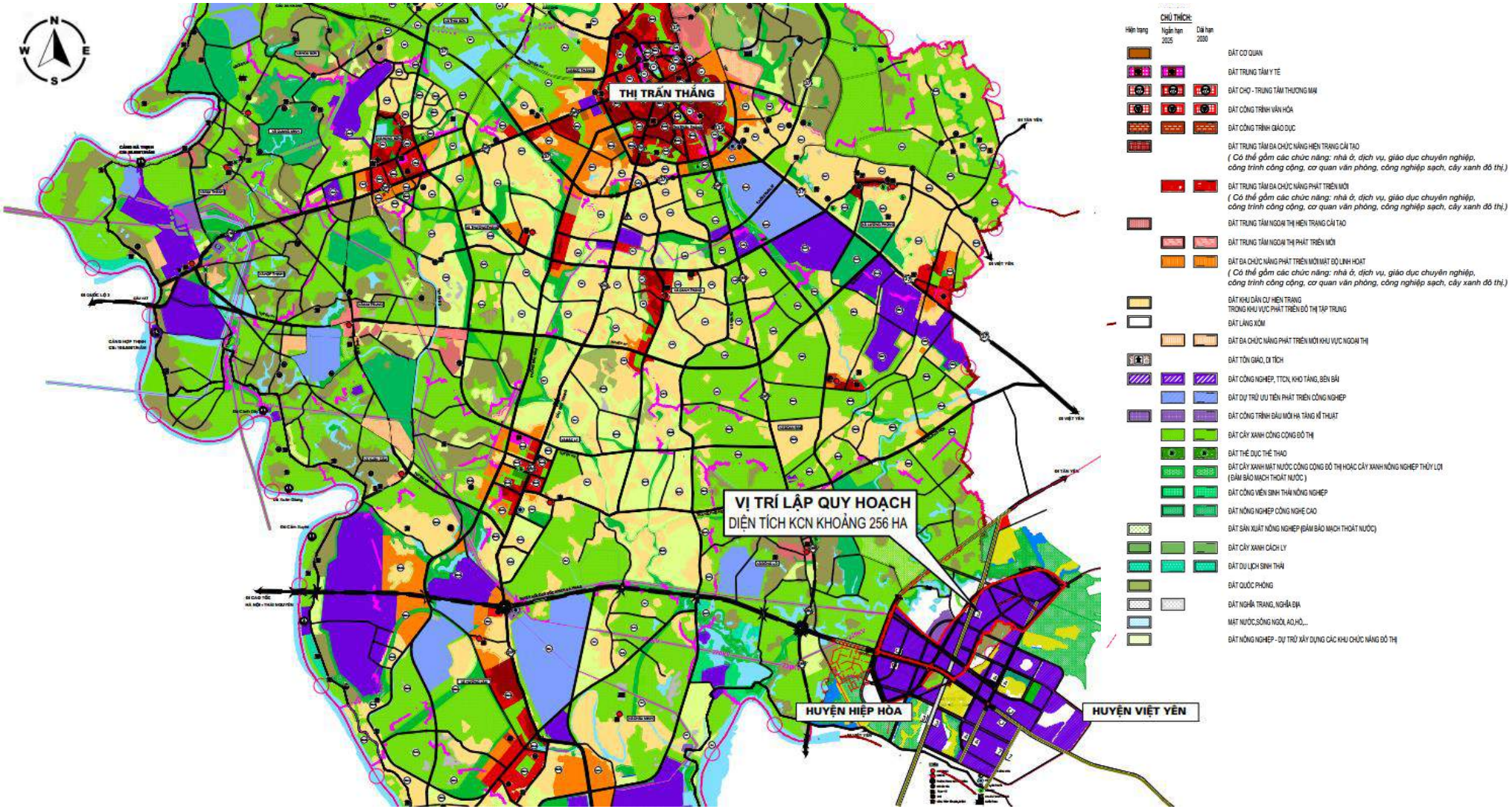
Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) với tổng diện tích khoảng 256,68 ha. Phần lớn diện tích của KCN Hòa Yên nằm trên địa bàn của xã Hiệp Hòa. Dự án chủ yếu chiếm dụng đất canh tác nông nghiệp khoảng 216,5 ha (84,15%), còn lại là đất nghĩa trang, đường giao thông nội đồng, ... chiếm tỷ lệ nhỏ.

Khu đất được giới hạn như sau:

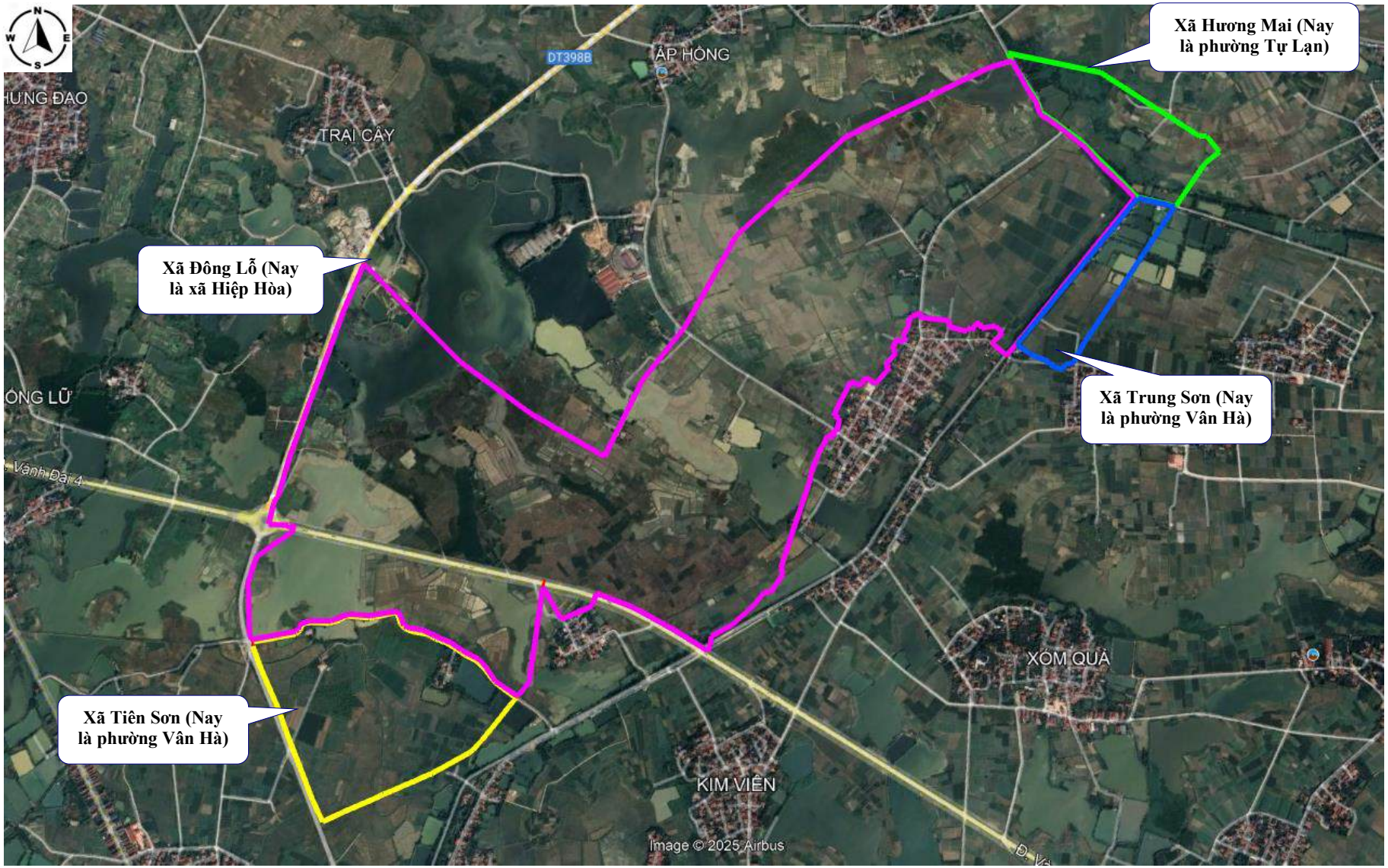
- Phía Bắc : Giáp với khu dân cư thôn Ấp Hồng, xã Hiệp Hòa và thôn Xuân Hòa, phường Tự Lan;
- Phía Đông : Giáp với khu dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thuộc thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa;
- Phía Nam : Giáp với đường ĐT.398 (đường Vành đai 4) và ruộng canh tác thuộc phường Vân Hà và xã phường Tự Lan;
- Phía Tây : Giáp với đường ĐT.398B và ruộng canh tác thuộc xã Hiệp Hòa.

Dự án KCN Hòa Yên nằm trải dài bên phải của tuyến ĐT.398B (nhánh phải) và 2 bên đường ĐT.398 (đường Vành đai 4). Vị trí khu đất xây dựng dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong các hình sau:

Hình 7. Vị trí dự án KCN Hòa Yên trong Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000



Hình 8. Vị trí xây dựng dự án KCN Hòa Yên



Hình 9. Phía Bắc khu đất xây dựng KCN Hòa Yên – Giai đoạn II triển khai dự án



Hình 10. Phía Nam khu đất xây dựng KCN Hòa Yên – Giai đoạn I triển khai dự án



b) Các điểm mốc giới của khu đất

Khu đất thực hiện dự án KCN Hòa Yên nằm trải dài dọc theo tuyến đường ĐT.398 và ĐT398B. Khu đất được giới hạn bởi các điểm mốc từ số thứ tự M_1 đến số thứ tự M_{112} *(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°00' theo Thông tư 24/2025/TT-BNNMT về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý")* như sau:

Bảng 9. Toạ độ các điểm giới hạn của khu đất thực hiện dự án

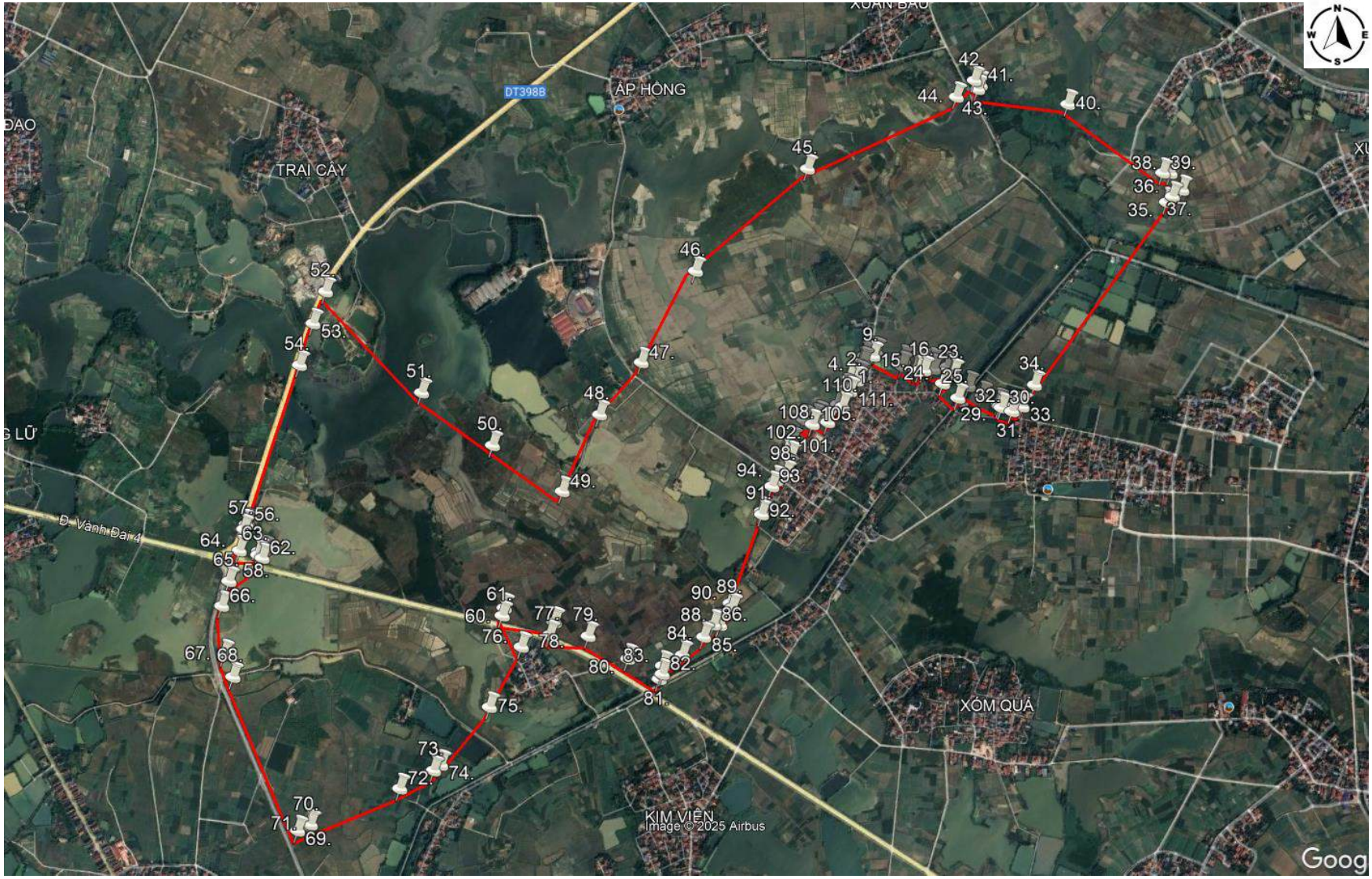
Điểm mốc	Tọa độ VN-2000		Điểm mốc	Tọa độ VN-2000	
	Tọa độ X	Tọa độ Y		Tọa độ X	Tọa độ Y
Mốc 1	2353724,798	399359,335	Mốc 57	2353346,631	397459,536
Mốc 2	2353714,28	399380,297	Mốc 58	2353276,456	397503,791
Mốc 3	2353730,731	399387,175	Mốc 59	2353278,288	397519,793
Mốc 4	2353734,524	399381,099	Mốc 60	2353067,393	398255,535
Mốc 5	2353771,523	399398,578	Mốc 61	2353044,322	398248,922
Mốc 6	2353771,663	399403,536	Mốc 62	2353255,217	397513,18
Mốc 7	2353789,345	399408,778	Mốc 63	2353265,852	397500,862
Mốc 8	2353792,292	399414,269	Mốc 64	2353281,68	397443,03
Mốc 9	2353788,145	399434,599	Mốc 65	2353189,351	397408,702
Mốc 10	2353800,695	399437,369	Mốc 66	2353114,731	397383,854
Mốc 11	2353799,532	399444,859	Mốc 67	2352966,241	397385,91
Mốc 12	2353771,272	399527,429	Mốc 68	2352896,965	397410,242
Mốc 13	2353752,841	399523,106	Mốc 69	2352420,85	397592,955
Mốc 14	2353738,779	399564,901	Mốc 70	2352434,557	397627,325
Mốc 15	2353736,846	399575,636	Mốc 71	2352437,153	397632,756
Mốc 16	2353736,373	399590,536	Mốc 72	2352533,494	397911,954
Mốc 17	2353749,391	399589,795	Mốc 73	2352583,65	398017,993
Mốc 18	2353755,752	399605,986	Mốc 74	2352599,346	398040,287
Mốc 19	2353758,385	399617,19	Mốc 75	2352767,095	398197,31
Mốc 20	2353739,552	399620,928	Mốc 76	2352946,294	398303,795
Mốc 21	2353744,967	399664,218	Mốc 77	2352978,849	398392,761
Mốc 22	2353725,868	399679,19	Mốc 78	2353017,794	398408,487
Mốc 23	2353723,036	399682,265	Mốc 79	2352969,234	398511,612
Mốc 24	2353693,301	399646,539	Mốc 80	2352894,036	398630,539
Mốc 25	2353646,091	399691,595	Mốc 81	2352828,468	398724,198
Mốc 26	2353681,628	399726,472	Mốc 82	2352843,211	398734,519
Mốc 27	2353648,089	399767,069	Mốc 83	2352868,356	398736,583
Mốc 28	2353624,303	399816,174	Mốc 84	2352898,541	398799,561

Điểm mốc	Tọa độ VN-2000		Điểm mốc	Tọa độ VN-2000	
	Tọa độ X	Tọa độ Y		Tọa độ X	Tọa độ Y
Mốc 29	2353614,947	399819,424	Mốc 85	2352950,11	398867,476
Mốc 30	2353610,739	399824,052	Mốc 86	2352986,524	398899,339
Mốc 31	2353597,227	399856,397	Mốc 87	2352988,176	398914,017
Mốc 32	2353613,657	399864,556	Mốc 88	2352984,573	398918,981
Mốc 33	2353610,983	399889,178	Mốc 89	2353034,605	398959,003
Mốc 34	2353675,399	399931,641	Mốc 90	2353049,727	398954,715
Mốc 35	2354223,317	400375,807	Mốc 91	2353316,112	399064,302
Mốc 36	2354240,277	400395,103	Mốc 92	2353325,338	399064,912
Mốc 37	2354259,481	400426,248	Mốc 93	2353401,285	399100,607
Mốc 38	2354313,957	400392,657	Mốc 94	2353418,571	399113,405
Mốc 39	2354315,566	400368,295	Mốc 95	2353442,245	399124,693
Mốc 40	2354544,468	400085,925	Mốc 96	2353440,104	399129,401
Mốc 41	2354617,207	399814,633	Mốc 97	2353442,102	399130,44
Mốc 42	2354632,646	399796,867	Mốc 98	2353434,022	399145,98
Mốc 43	2354604,351	399805,055	Mốc 99	2353449,08	399155,355
Mốc 44	2354583,645	399737,533	Mốc 100	2353456,824	399142,919
Mốc 45	2354380,01	399260,535	Mốc 101	2353491,045	399164,92
Mốc 46	2354078,359	398895,418	Mốc 102	2353499,358	399149,637
Mốc 47	2353802,055	398713,924	Mốc 103	2353535,846	399169,201
Mốc 48	2353647,662	398576,461	Mốc 104	2353602,868	399209,129
Mốc 49	2353416,692	398450,439	Mốc 105	2353586,395	399235,767
Mốc 50	2353568,731	398240,493	Mốc 106	2353602,785	399245,086
Mốc 51	2353741,931	398026,873	Mốc 107	2353611,072	399255,447
Mốc 52	2354068,984	397740,878	Mốc 108	2353590,172	399283,473
Mốc 53	2353971,195	397697,357	Mốc 109	2353644,213	399317,934
Mốc 54	2353844,631	397650,789	Mốc 110	2353636,214	399331,797
Mốc 55	2353363,643	397471,915	Mốc 111	2353682,28	399356,152
Mốc 56	2353360,596	397467,162	Mốc 112	2353691,046	399343,356

***Ghi chú**: Chi tiết xem Bản đồ ranh giới thực hiện dự án KCN Hòa Yên tại phụ lục kèm theo báo cáo ĐTM*

Vị trí các điểm mốc giới của khu đất dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong hình vẽ sau:

Hình 11. Vị trí các điểm mốc giới của khu đất dự án KCN Hòa Yên



1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

1.1.4.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Theo Trích lục Bản đồ địa chính của Trung tâm Lưu trữ và phát triển Quỹ đất, dự án KCN Hòa Yên có tổng diện tích khoảng 256,68 ha thuộc các tờ bản đồ sau:

- Tờ bản đồ số 36, 43, 92, 94, 95, 96, 97, 104, 105, 106, 107, 108, 115, 116, 117, 118, 119, 125, 126, 127 thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa *(nay thuộc xã Hiệp Hòa);*

- Tờ bản đồ số 30, 31, 37 thuộc xã Hương Mai, huyện Việt Yên *(nay thuộc phường Tự Lạn);*

- Tờ bản đồ số 02, 03, 04, 10, 117 thuộc xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên *(nay thuộc phường Vân Hà);*

- Tờ bản đồ số 08, 09 thuộc xã Trung Sơn, huyện Việt Yên *(nay thuộc phường Vân Hà);*

Hiện trạng sử dụng đất của dự án KCN Hòa Yên được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 10. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất trên địa bàn 3 xã/phường

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Mô tả chi tiết hiện trạng sử dụng đất
1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	36.927,6	1,44	Diện tích này đang do UBND xã/phường đang quản lý, đất đang được để trống, chưa sử dụng.
2	Đất bằng hàng năm khác	BHK	18.039,1	0,70	Hiện trạng đang trồng rau màu theo mùa, chủ yếu trồng các loại rau ngắn ngày theo mùa, cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của đời sống dân cư. Theo Phòng nông nghiệp huyện Hiệp Hòa cũ và thị xã Việt Yên cũ thì doanh thu từ diện tích trồng rau màu khoảng 110-120 triệu đồng/ha/năm.
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.612,5	0,57	Hiện trạng đang trồng cây ăn quả chủ yếu là: Ổi, cam, bưởi, chuối, nhãn, vải, quất cảnh, táo,… và một số cây ăn quả thông dụng khác đan xen (Mít, na, xoài,…).
4	Đất giao thông, thủy lợi	DGT, DTL	224.602,3	8,75	**Đường giao thông* có trong khu đất xây dựng dự án chủ yếu là các tuyến đường giao thông nội đồng, phục vụ cho việc canh tác lúa cũng như phân chia các thửa ruộng, đường ven mương,… - Hiện trạng dân cư xung quanh không sử dụng các tuyến đường nội đồng này là tuyến giao thông dân sinh. Khi thực hiện dự án sẽ xóa bỏ các tuyến đường này cũng không ảnh hưởng đến đường đi, lối lại của dân cư khu vực xung quanh. - Mặt khác, thực hiện dự án KCN Hòa Yên sẽ toạ ra các tuyến đường giao thông theo ô bàn cờ, tạo cơ hội giao thông cho các khu dân cư phía Bắc – Nam, Đông – Tây kết nối với nhau. Theo phương án tổ chức quản lý KCN thì giao thông sẽ được đấu nối thông giữa các tuyến đường hiện trạng.

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Mô tả chi tiết hiện trạng sử dụng đất
					* *Đất kênh mương thủy lợi:* Khi thực hiện dự án thì toàn bộ các kênh mương thủy lợi sẽ bị xóa bỏ, dự án sẽ xây dựng các kênh mương để hoàn trả, thay thế cho hệ thống thủy lợi này, đảm bảo tiêu/tưới cho các khu vực đồng ruộng còn lại xung quanh.
5	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	83,3	0,003	Trong phạm vi thực hiện dự án có khoảng 83,3 m^2 là bãi đổ rác lộ thiên. Khi thực hiện dự án, đơn vị thi công sẽ tiến hành đào, di chuyển toàn bộ rác thải đến Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa để xử lý theo Văn bản số 1511/CV-HHK ngày 15/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại – HHK.
6	Đất công trình năng lượng	DNL	691,4	0,03	- Hiện trạng là đất của các trụ cột điện (khoảng 39 cột điện) và đường điện đi nổi. Theo hướng Tây – Đông khu đất có tuyến điện cao thế 110kV, 220kV, 500kV chạy qua. Ngoài ra, còn có các đường điện 22kV hiện trạng cấp cho Trạm biến áp Hoàng Sơn, đường điện 35kV cấp điện cho thôn Đồng Quan và một phần đường điện 0,4kV cấp cho khu dân cư hiện trạng. - Với những vị trí điểm võng dây cực đại không đảm bảo tĩnh không theo Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính Phủ *"Quy định chi tiết thi hành luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực"* sẽ có phương án nâng chiều cao cột điện trong bước thực hiện dự án.
7	Đất thể thao	DTT	4,1	0,0002	Hiện trạng diện tích đất này đang được để trống, chưa sử dụng.

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Mô tả chi tiết hiện trạng sử dụng đất
8	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	880.460,2	34,30	- Các thửa ruộng hầu hết đang được sử dụng để canh tác lúa 2 vụ (Vụ Đông Xuân và Hè Thu). Giống lúa được trồng phổ biến là giống TH7-2, có thời gian sinh trưởng là 122-125 ngày. Năng suất của giống lúa TH7-2 trung bình đạt 35 tạ/ha (Theo Phòng Nông nghiệp huyện Hiệp Hoà và thị xã Việt Yên cũ thì sản lượng lúa trung bình hiện nay là 58-63 tạ/ha). Giá bán lúa trung bình năm 2024 là 10.000 -11.000 đồng/kg. - Trong thời gian giữa 2 vụ lúa, đất được tận dụng để trồng một số loại cây ngắn ngày để tăng thu nhập và cải tạo đất, điển hình là: Cây ngô ngọt, đậu tương, khoai lang,… và rau các loại. - Diện tích để canh tác hoa màu trên tổng diện tích đất nông nghiệp rất ít, chiếm, chủ yếu là các thửa ruộng ven xóm làng, chủ yếu là trồng rau ăn hàng ngày theo vụ, hoặc ngô, đỗ,… Trên phạm vi thực hiện dự án không có diện tích trồng cây ăn quả ngắn hay dài ngày.
9	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.159.460,4	45,17	Diện tích chủ yếu để trồng lúa nước 1 vụ với năng suất không cao. Vụ còn lại nhân dân trồng rau màu ngắn ngày.
10	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	73.732,6	2,87	Diện tích này chủ yếu là các ao, đầm nằm trong khu đất canh tác nông nghiệp với mục đích chính là phục vụ tưới tiêu những thửa đất nông nghiệp liền kề. Tại các ao, đầm này không tiến hành nuôi trồng thuỷ sản.
11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	337,8	0,01	Trong phạm vi thực hiện KCN Hòa Yên, theo thống kê sơ bộ có khoảng 800 ngôi mộ (tính cả các ngôi mộ phân tán rải rác). Các phần mộ nằm phân tán rải rác nên bắt buộc phải di dời theo phương thức chủ dự án đền bù tiền cho các hộ gia đình.

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Mô tả chi tiết hiện trạng sử dụng đất
12	Đất ở tại nông thôn	ONT	6.336,7	0,25	Đất thổ cư dành cho mục đích ở tại nông thôn, hiện trạng đối với diện tích ONT trong phạm vi dự án KCN Hòa Yên có khoảng 25 công trình nhà ở.
13	Đất ở tại nông thôn và đất cây lâu năm	ONT+LNK	1.500,3	0,06	Đây là đất ở nông thôn có diện tích vườn, ao gắn liền được cấp chung trong cùng một giấy chứng nhận để quản lý thuận lợi.
14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	4.816,4	0,19	Hiện trạng diện tích đất này đang được để trống, chưa sử dụng.
15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	35.116,0	1,37	Đây chủ yếu là diện tích mặt nước lớn phía Bắc-Tây Bắc và thoát nước vào kênh tiêu Cầu Chi. Thực hiện dự án sẽ tiến hành cải tạo, hoàn trả để đảm bảo tiêu nước cho khu vực dự án theo định hướng thoát nước của quy hoạch chung của khu vực.
16	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	110.125,6	4,29	- Toàn bộ diện tích ao chủ yếu đang được nuôi cá hỗn hợp với một số loại như: rô phi, cá chép,.. mật độ nuôi là 10 con/m^2. Các ao có mức nước sâu từ 1,2-1,5 m. Năng suất bình quân 5,8 tấn/ha/năm. Giá bán trung bình năm 2024 là 40.000 đồng/kg. Ngoài ra, một số hộ gia đình sử dụng ao để nuôi vịt, ngan. Khi thực hiện dự án, toàn bộ diện tích ao này sẽ được xóa bỏ để xây dựng KCN. - Đa phần các ao này được thông với các tuyến mương nội đồng để cung cấp hoặc tiêu thoát nước. Tham khảo các hộ gia đình đang nuôi cá thì hàng năm, sau mỗi đợt thu hoạch cá, họ đều tổ chức vớt bùn, khử khuẩn cho ao. Bùn đắp lên vườn để trồng cây.

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Mô tả chi tiết hiện trạng sử dụng đất
Tổng diện tích			**2.566.836,3**	**100,00**	***Nhìn chung, khu vực thực hiện dự án rất thuận lợi để xây dựng và phát triển công nghiệp - sản xuất, đem lại của cải vật chất, công ăn việc làm lâu dài, bền vững để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh***

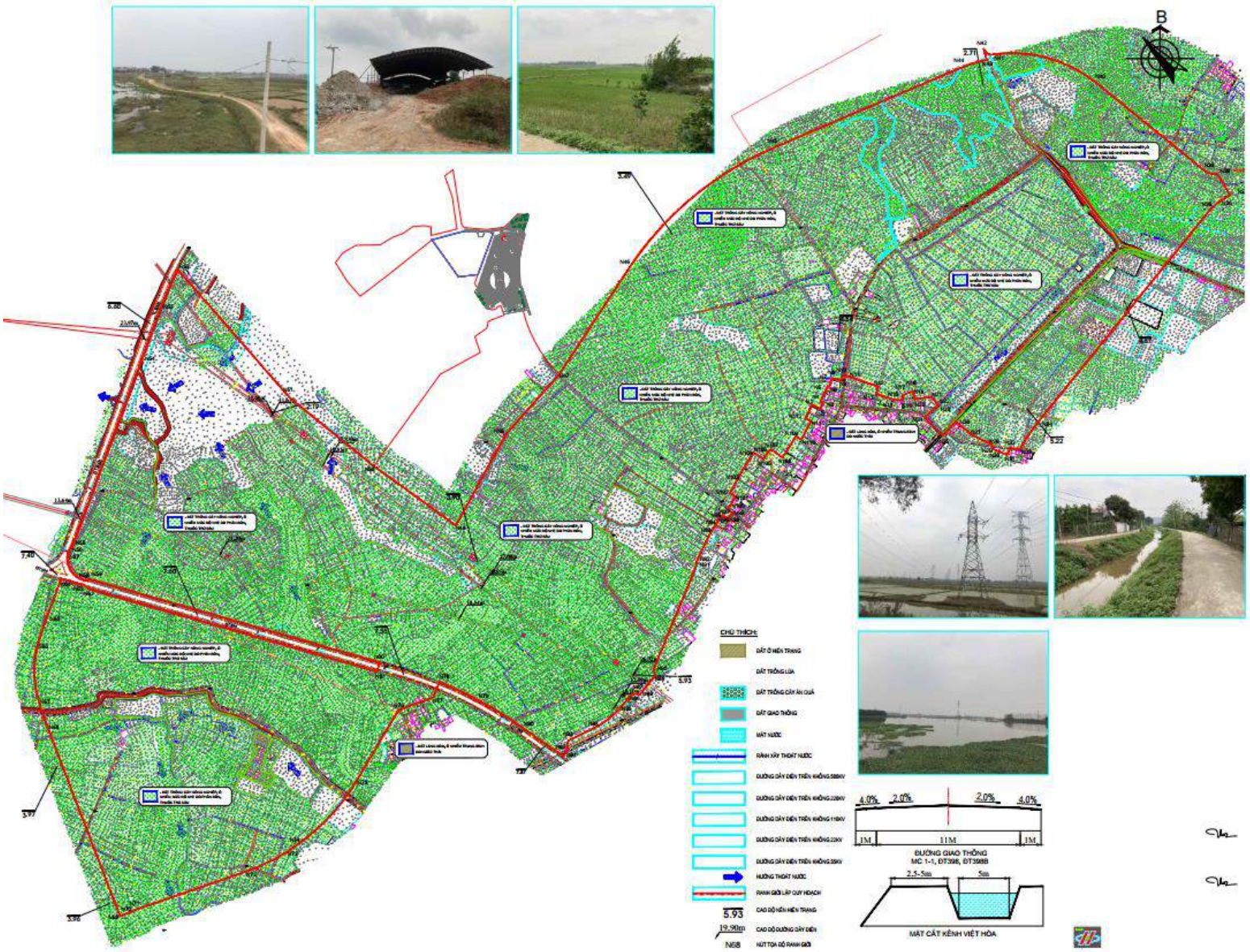
- Trên mặt bằng thực hiện dự án có diện tích bãi rác, khu vực chứa rác thải tồn lưu cần phải di dời, bốc xúc trước khi thực hiện dự án.

- Các ao, hồ tại khu vực dự án chỉ là các ao, hồ nhỏ và không thuộc Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt và công bố tại Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 09/11/2021.

Hình 12. Một số loại cây ăn quả đang trồng tại khu đất thực hiện KCN







Hình 13. Bản đồ hiện trạng khu đất dự án

1.1.4.2. Hiện trạng dân cư và lao động

a) Hiện trạng dân cư

Dự án KCN Hòa Yên được thực hiện trên địa bàn của xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh. Trong phạm vi dự án có khoảng 25 hộ dân cư sinh sống và khi thực hiện dự án sẽ tiến hành thu hồi đất của khoảng 3.813 hộ *(Giai đoạn I: 379 hộ; giai đoạn II: 3.434 hộ)*. Công tác thu hồi đất để thực hiện dự án sẽ làm ảnh hưởng đời sống đến khoảng 15.252 người. Các hộ gia đình tại 4 xã Đông Lỗ, xã Hương Mai, xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn, nay là xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh đa phần là nông dân, nghề nghiệp chính là làm thuê tự do hoặc làm ruộng vườn. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tốc độ phát triển công nghiệp, đô thị tại Bắc Ninh mạnh mẽ nên dân cư có nhiều cơ hội tham gia hơn và mức sống của họ cũng được cải thiện đáng kể.

Dân cư đang sinh sống xung quanh khu vực dự án chủ yếu thuộc thôn Đồng Quan, thôn Đông Lỗ, thôn Hưng Đạo thuộc xã Hiệp Hòa; thôn Tam Hợp, thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Minh thuộc phường Tự Lạn; thôn Phù Tài, thôn Lương Viên, thôn Nguyễn, thôn Đồng thuộc phường Vân Hà.

Hiện trạng dân cư sinh sống xung quanh khu vực dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong các hình sau:

Hình 14. Dân cư sinh sống xung quanh khu vực dự án



Khu dân cư thôn Đồng Quan



Khu dân cư thôn Đồng



Khu dân cư thôn Phù Tài



Khu dân cư thôn Lương Viên

b) Lao động

Hiện nay, xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà có nguồn lực lao động dồi dào, kết hợp với nguồn lao động của các xã/phường lân cận đã và đang phục vụ trên địa bàn khu vực, góp phần phát triển công nghiệp toàn tỉnh Bắc Ninh. Khi KCN Hòa Yên đi vào hoạt động, người lao động sẽ có cơ hội tuyển dụng lao động trong các nhà máy và xí nghiệp hoạt động trong khu tại địa phương.

1.1.4.3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (HTKT)

a) Hiện trạng san nền

Khu đất thực hiện dự án KCN Hòa Yên có địa hình ruộng trũng cục bộ, cao độ địa hình như sau:

+ Khu vực đất nông nghiệp khoảng: +2,40m đến +5,50m

+ Khu vực ao hồ mặt nước trũng phía Tây Bắc khoảng: +1,00m đến +3,10m

+ Tuyến đường hiện trạng Vành đai 4 khoảng: +6,70m đến +7,97m.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

- Khu vực thoát nước ra 2 lưu vực chính: (1) Cống tiêu Yên Ninh và (2) Kênh tiêu Việt Hòa, cụ thể như sau:

+ Lưu vực (1): Lưu vực thoát nước qua cống tiêu Yên Ninh thu nước của hai huyện Hiệp Hòa và Việt Yên cũ. Hướng thu nước chảy vào ngòi Á Lữ về khu vực

đồng trũng, sau đó đi qua cống Á Lữ của ĐT.389 và chảy ra cống Yên Ninh đổ vào sông Cầu. Diện tích tiêu chảy vào khu vực trũng của dự án khoảng 5.400 ha. Trong đó, phía lưu vực tiêu phía Bắc khoảng 4.515 ha, lưu vực tiêu phía Đông Bắc khoảng 882 ha.

+ Lưu vực (2): Lưu vực tiêu vào trạm bơm tưới tiêu Việt Hòa tiếp nhận nguồn tiêu nước khoảng 810 ha. Trong đó, phía Tây dự án tiếp nhận 187 ha, phía Đông dự án tiếp nhận 623 ha.

- Nước mưa các hộ dân trong khu vực thực hiện dự án chủ yếu thoát vào vườn của dân và thoát vào các rãnh chạy dọc các trục dường bê tông rồi đổ vào mương đất hiện trạng và thoát ra cánh đồng.

c) Hiện trạng thoát nước thải

Các khu vực thôn xóm hiện trạng bao quanh chưa có hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải thoát chung với rãnh nước mưa hoặc chảy ra môi trường tự nhiên, kênh mương hiện có.

d) Hiện trạng cấp nước sinh hoạt

- Hiện tại, khu vực chưa có hệ thống cấp nước sạch đi qua.

- Các khu dân hiện trạng chủ yếu lấy nguồn nước sinh hoạt bằng giếng khoan.

- Khu vực có hệ thống cấp nước theo quy hoạch chung huyện Việt Yên cũ chạy dọc trục ĐT.389, ống cấp nước theo quy hoạch chung là D160.

e) Hệ thống cấp điện

Hệ thống điện trong phạm vi dự án là điện đi nổi. Theo hướng Tây – Đông khu đất có tuyến điện cao thế 110kV, 220kV, 500kV chạy qua. Ngoài ra còn có các đường điện 22kV hiện trạng cấp cho Trạm biến áp Hoàng Sơn, đường điện 35kV cấp điện cho thôn Đồng Quan và một phần đường điện 0,4kV cấp cho khu dân cư hiện trạng. Không có hệ thống điện chiếu sáng đi qua khu vực dự án.

Hiện trạng một số tuyến đường điện hiện trạng nằm trong phạm vi dự án được mô tả trong các hình sau:

Hình 15. Đường điện hiện trạng nằm trong phạm vi dự án







f) Thông tin liên lạc

- Không có hệ thống thông tin liên lạc chạy qua dự án.

g) Hiện trạng vệ sinh môi trường

- Hệ sinh thái: Hệ sinh thái trong khu vực dự án thuộc loại đơn giản. Thảm thực vật chủ yếu gồm cây nông nghiệp.

- Môi trường nước: Hệ thống ao hồ, kênh mương nội đồng trong khu vực dự án có dấu hiệu bị ô nhiễm nhẹ so hóa chất bảo vệ thực vật và phế phẩm từ canh tác nông nghiệp.

- Môi trường không khí và đất: Khu vực dự án có chất lượng không khí khá trong lành. Môi trường đất đang có dấu hiệu bị ô nhiễm nhỏ bởi hóa chất bảo vệ thực vật thấm xuống đất.

- Chất thải rắn: Khu vực quy hoạch có một lượng chất thải rắn phát sinh từ phế thải của hoạt động nông nghiệp nhưng khối lượng không đáng kể.

1.1.4.4. Đánh giá chung

a) Thuận lợi

- Hệ thống giao thông tại khu vực dự án thuận lợi để giao thương, kết nối, liên kết trong sản xuất - kinh doanh, tạo thành chuỗi cung cấp, bổ trợ lẫn nhau. Dự án nằm trên 2 trục đường tỉnh bao gồm ĐT.398 (Vành đai 4) giữa khu đất và ĐT.398B kéo dài qua cầu Hà Bắc sang tỉnh lân cận. ĐT.398 kết nối liên vùng tới các khu công nghiệp lớn khác. Trục ĐT.398B kết nối đường QL.37 với ĐT.398 và các trung tâm xã/phường khác. Vị trí này rất thuận lợi về mặt giao thông và thuận lợi trong việc kết nối với các điều kiện hạ tầng kỹ thuật: Cấp điện, thoát nước, góp phần cải thiện cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật.

- Hệ thống mương thủy lợi và sông Cầu hiện trạng thuận lợi cho tiêu thoát nước mưa, nước thải sau khi xử lý.

- Toàn bộ diện tích thực hiện dự án nói chung (256,68 ha) và diện tích đất chuyên trồng lúa (88,05 ha) là phù hợp với các quy hoạch đất đai, xây dựng, công nghiệp đã được các cơ quan chức năng phê duyệt.

- Đất chủ yếu là đất nông nghiệp, thuận lợi cho việc giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng.

- Với lực lượng nguồn lao động dồi dào của xã/phường là điều kiện thuận lợi trong việc phát triển KCN.

b) Khó khăn

- Hệ thống HTKT chưa có cần phải đầu tư xây dựng mới hoàn toàn nên đòi hỏi kinh phí đầu tư xây dựng cao.

- Khi thực hiện dự án phải tiến hành hoàn trả hệ thống kênh mương nên giảm diện tích đất kinh doanh công nghiệp và tăng mức đầu tư.

- Để triển khai thi công xây dựng, cần tiến hành di dời các ngôi mộ hiện hữu trong phạm vi dự án. Đây là vấn đề liên quan đến tâm linh và có nhiều nguyên nhân khiến việc di dời mồ mả gặp khó khăn như: Tâm lý người dân ái ngại việc di dời mồ mả, mức hỗ trợ di chuyển mồ mả chưa thỏa đáng,... Ngoài ra, trong phạm vi quy hoạch dự án còn phải di dời tuyến điện cao thế chạy qua dự án.

- Khu vực quy hoạch cần đầu tư xây dựng mới trạm xử lý nước thải và trạm

biến áp phục vụ riêng cho KCN.

- Đấu nối hoàn trả mặt nước lớn phía Tây Bắc và kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa (ở phía Đông – Đông Nam khu đất).

c) Cơ hội

- Tạo dựng hình ảnh mới của khu vực với môi trường hướng tới phát triển bền vững có đặc trưng riêng và khả năng trở thành trung tâm kết nối các không gian khác trong khu vực.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương, phát triển các không gian xanh, không gian công cộng, chức năng công cộng phù hợp.

- Nâng cao hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cải tạo các khu vực dân cư liên quan.

d) Thách thức

- Xác định tính chất của khu là khu công nghiệp được quy hoạch đồng bộ về HTKT và HTXH mang tính bền vững, tôn trọng cảnh quan - hiện trạng - tự nhiên - không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đây là khu công nghiệp đóng vai trò động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

- Có sự nghiên cứu đánh giá hiện trạng về các công trình hạ tầng xã hội - hạ tầng kỹ thuật để đưa ra giải pháp cải tạo chỉnh trang, khớp nối phù hợp.

- Đầu tư đồng bộ trên cơ sở tận dụng các hạ tầng kỹ thuật sẵn có. Phương án quy hoạch cần phù hợp với định hướng trong quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, đem lại cảnh quan đẹp, tạo dựng bộ mặt mới cho tỉnh và góp phần phát triển kinh tế chung tỉnh đồng thời đảm bảo đúng với các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định hiện hành.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án đến khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

a) Hệ thống đường giao thông

Dự án KCN Hòa Yên nằm trải dài dọc theo tuyến đường ĐT.398B và ĐT.398 (đường Vành đai 4) – là các tuyến đường quan trọng trong đối ngoại của dự án. Mối liên hệ của dự án với các tuyến đường này như sau:

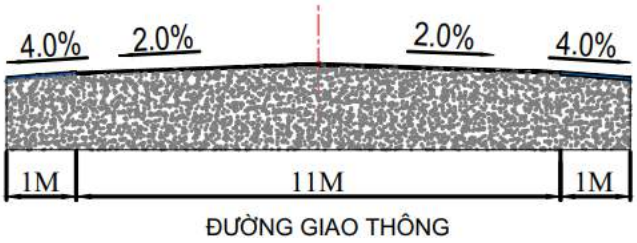
(i). Đường tỉnh 398 – Đường Vành đai 4

- *Về hiện trạng:* Khu đất nằm dọc hai bên tuyến đường ĐT.398 *(tên gọi khác là Vành đai 4)* là tuyến đường quan trọng, nối cao tốc Nội Bài – Thái Nguyên với cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Đường có mặt cắt ngang rộng khoảng 11m, lề đường mỗi bên 1m, kết cấu đường bê tông nhựa. Tuyến ĐT.389 kết nối các KCN lớn

như: KCN Xuân Cẩm – Hương Lâm, KCN Châu Minh – Bắc Lý – Hương Lâm, KCN Hòa Yên, KCN Tiên Sơn – Ninh Sơn, KCN Vân Trung và KCN Yên Lư.

Mặt cắt và hiện trạng ĐT.398 – Vành đai 4 đoạn chạy qua dự án được mô tả trong các hình sau:

Hình 16. Mặt cắt hiện trạng ĐT.398



Hình 17. Hiện trạng tuyến đường ĐT.398 – Vành đai 4 đoạn chạy qua dự án







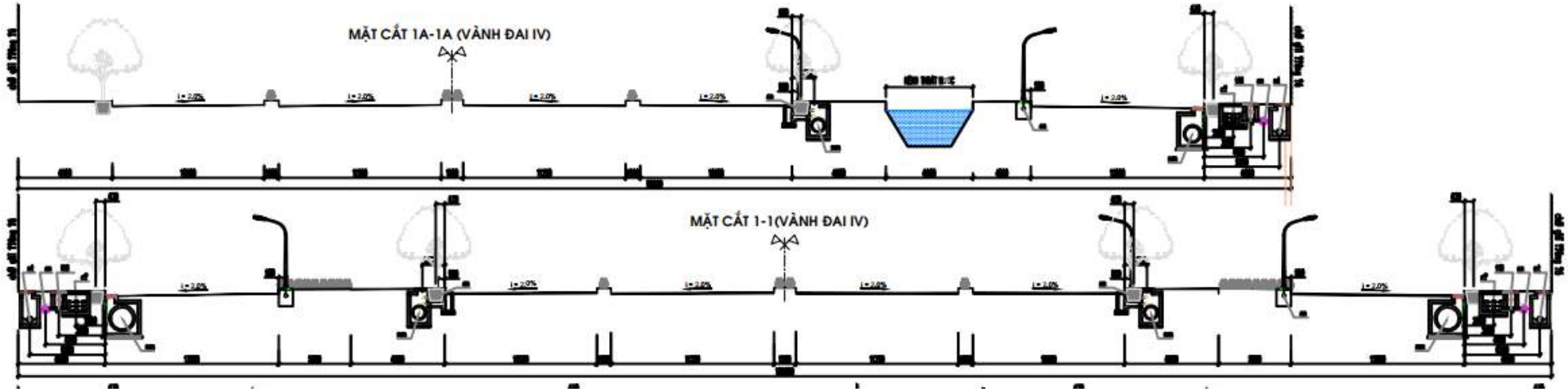
- Theo quy hoạch ĐT.398 sẽ được mở rộng với 2 mặt cắt như sau:

+ Mặt cắt (1-1) rộng 106m, trong đó đường chính 2×11,25m = 22,5m; dải phân cách giữa 1,5m; đường gom 2×10,5m=21m; dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2×1m = 2m; dải cây xanh giữa đường gom với đường KCN 2×11,5m=23m; đường khu công nghiệp 2 bên 2×12m = 24m; hè đường 2 bên 2×6m = 12m

+ Mặt cắt (1A-1A) rộng 88m, trong đó đường chính 2×11,25m = 22,5m; dải phân cách giữa 1,5m; đường gom 2×10,5m = 21m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2×1m=2m; hè đường 2 bên 2×6,5m=13m; đường KCN 1 bên 12m, hè đường 2 bên phía khu công nghiệp 4m + 6m = 10m; kênh thoát nước rộng 6m.

Các mặt cắt ĐT.398 theo quy hoạch được mô tả trong các hình sau:

Hình 18. Các mặt cắt ĐT.398 theo quy hoạch



(ii). Đường tỉnh 398B (nhánh phải)

- *Về hiện trạng:* ĐT.398B nằm tiếp giáp phía Tây khu đất dự án, nền đường chính rộng khoảng 20 - 30(m) với 2 làn xe chạy. Đường ĐT.398B bảo đảm thông xe liên tục 24/24. ĐT.398B kéo dài theo hướng đi Cầu Hà Bắc 2 giao cắt với đường Vành đai 4 tại nút giao. Tuyến đường đi qua nhiều khu dân cư, nhà máy, xí nghiệp, xung quanh có một số chợ cóc, chợ tạm hoạt động.

- *Theo quy hoạch:* ĐT.398B sẽ mở rộng theo mặt cắt (5-5) rộng 84,5m, trong đó lòng đường chính 2 bên 2×11m = 22m; dải phân cách giữa 1,5m; lòng đường gom 2 bên 2×9m = 18m; dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2×1, 5m = 3m; hè đường 2 bên 2×6m = 12m; kênh tiêu thoát nước rộng 6m; đường khu công nghiệp rộng 12m và hè đường 2 bên (phía KCN rộng 6m, phía giáp đường gom ĐT.398B rộng 4m) 6m + 4m = 10m.

Hiện trạng tuyến đường ĐT.398B được mô tả trong các hình sau:

Hình 19. Hiện trạng tuyến đường ĐT.398B



ĐT.398B đoạn kéo dài đi Cầu Hà Bắc 2



ĐT.398B đoạn chạy qua dự án



ĐT.398B đoạn chạy qua dự án

(iii). Đường nội đồng

Trong khu vực dự án có các tuyến đường nội đồng với bề rộng mặt đường trung bình từ 1,5-4m, chủ yếu phục vụ cho bà con canh tác và hết chức năng khi thực hiện dự án nên không cần phải hoàn trả.

Hình 20. Mạng lưới các tuyến đường nội đồng tại khu đất dự án



Hình 21. Hiện trạng một số tuyến đường nội đồng

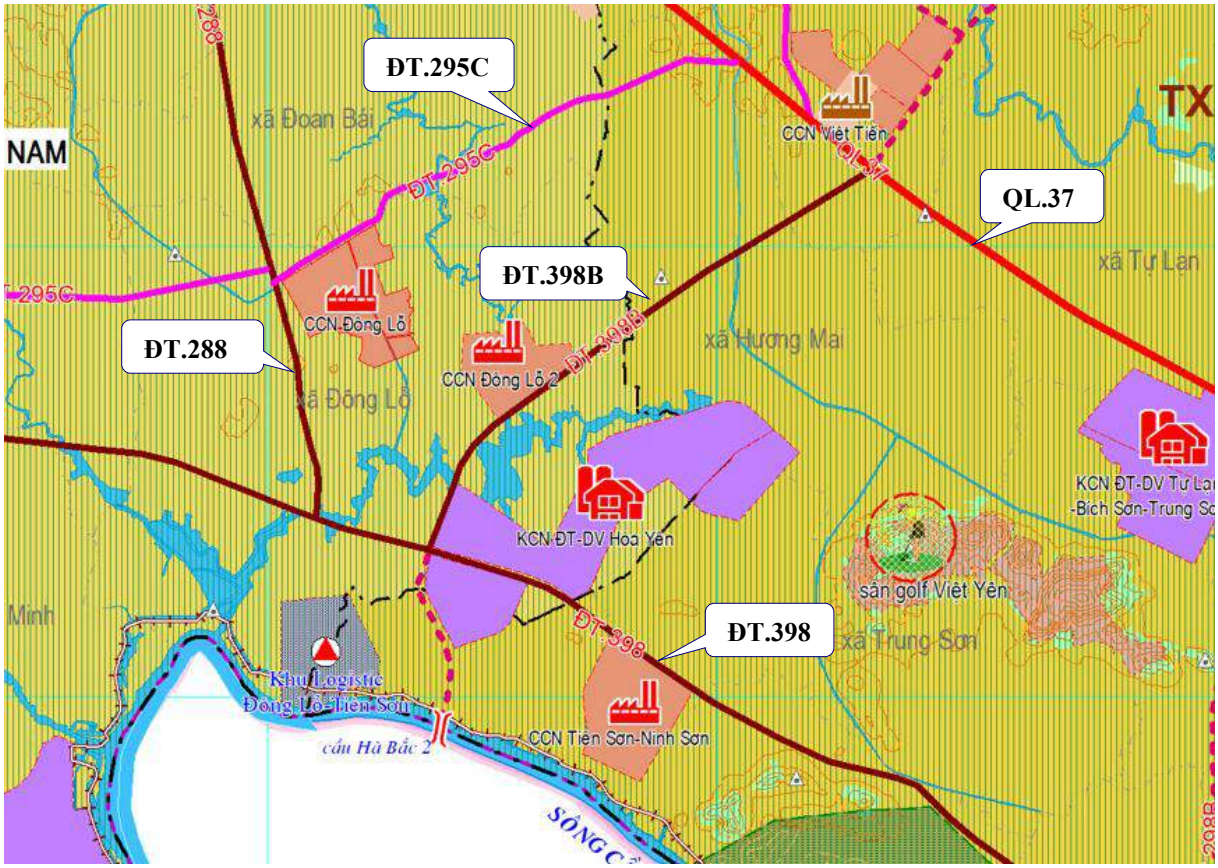




(iv). Mạng lưới hệ thống đường giao thông tại khu vực thực hiện dự án

Mạng lưới hệ thống đường giao thông tại khu vực thực hiện dự án KCN Hòa Yên trong các hình sau:

Hình 22. Mạng lưới hệ thống đường giao thông tại khu vực dự án



Hình 23. Các tuyến đường giao thông đối ngoại chính của dự án



Nút giao ĐT.398B và ĐT.398



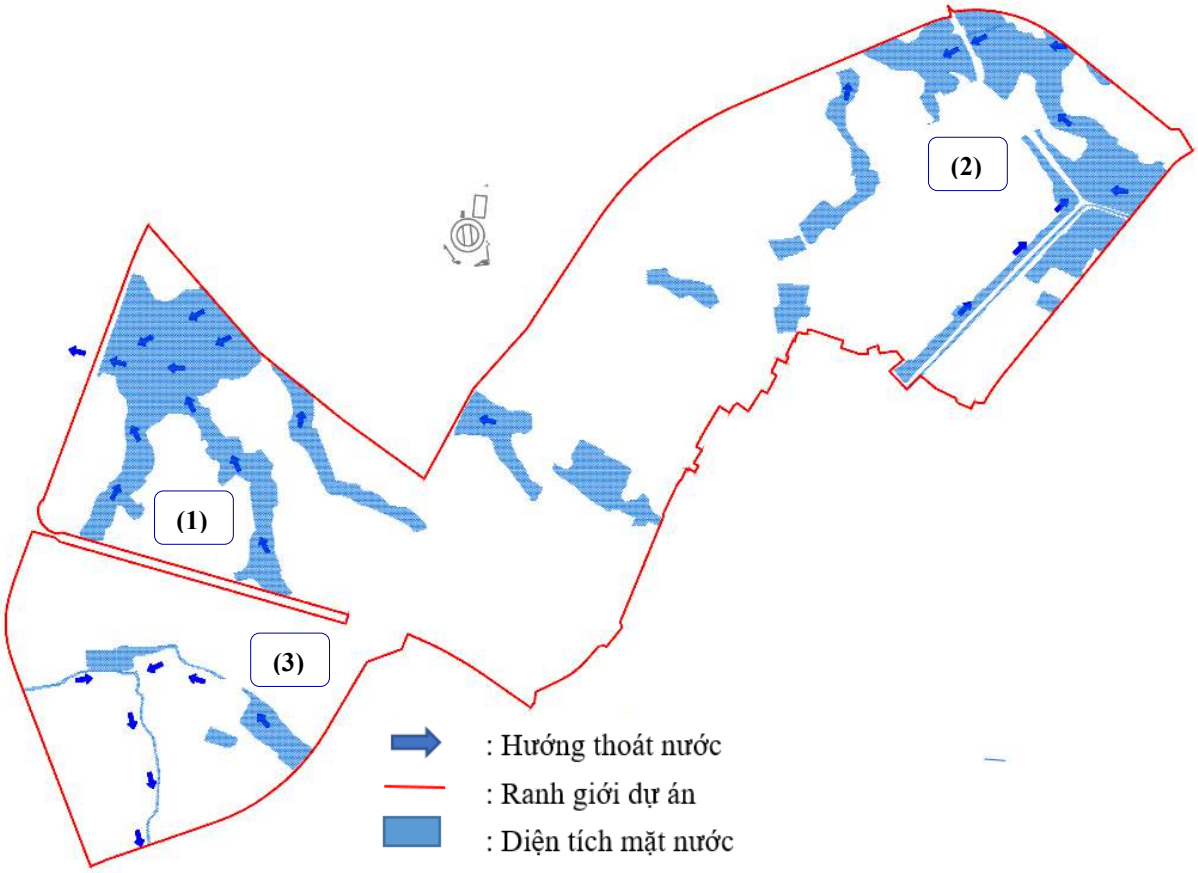
→ ***Nhận xét chung:*** Dự án KCN Hòa Yên nằm trong mạng lưới hệ thống giao thông tương đối dày đặc, thuận lợi cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu khi thi công xây dựng, cũng như kết nối các tuyến đường xây dựng mới của dự án và các hoạt động giao thương khi đi vào vận hành.

b) Mối quan hệ với ao hồ, kênh mương

(i). Diện tích mặt nước

Trong phạm vi thực hiện dự án có mặt nước tự nhiên với diện tích lớn ở phía Tây Bắc và phía Đông Bắc. Sơ đồ diện tích mặt nước tại dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 24. Sơ đồ diện tích mặt nước tại dự án KCN Hòa Yên



♣ *Mặt nước phía Tây Bắc (Kí hiệu (1) trên mặt bằng **Hình 24**)*

Trong phạm vi thực hiện dự án có mặt nước tự nhiên với diện tích lớn ở phía Tây Bắc. Nước mặt được dồn vào ngòi Á Lữ chảy qua đường nhánh lên đường Vành đai 4 bằng tuyến cống hộp B=13,5m hiện trạng, thoát ra cống Yên Ninh và cuối cùng chảy về sông Cầu. Diện tích tiêu chảy vào khu vực trũng của dự án khoảng 5.400 ha. Trong đó phía lưu vực tiêu phía Bắc khoảng 4.515 ha và lưu vực tiêu phía Đông Bắc khoảng 882 ha.

Hiện trạng mặt nước phía Tây Bắc dự án được mô tả trong các hình sau:

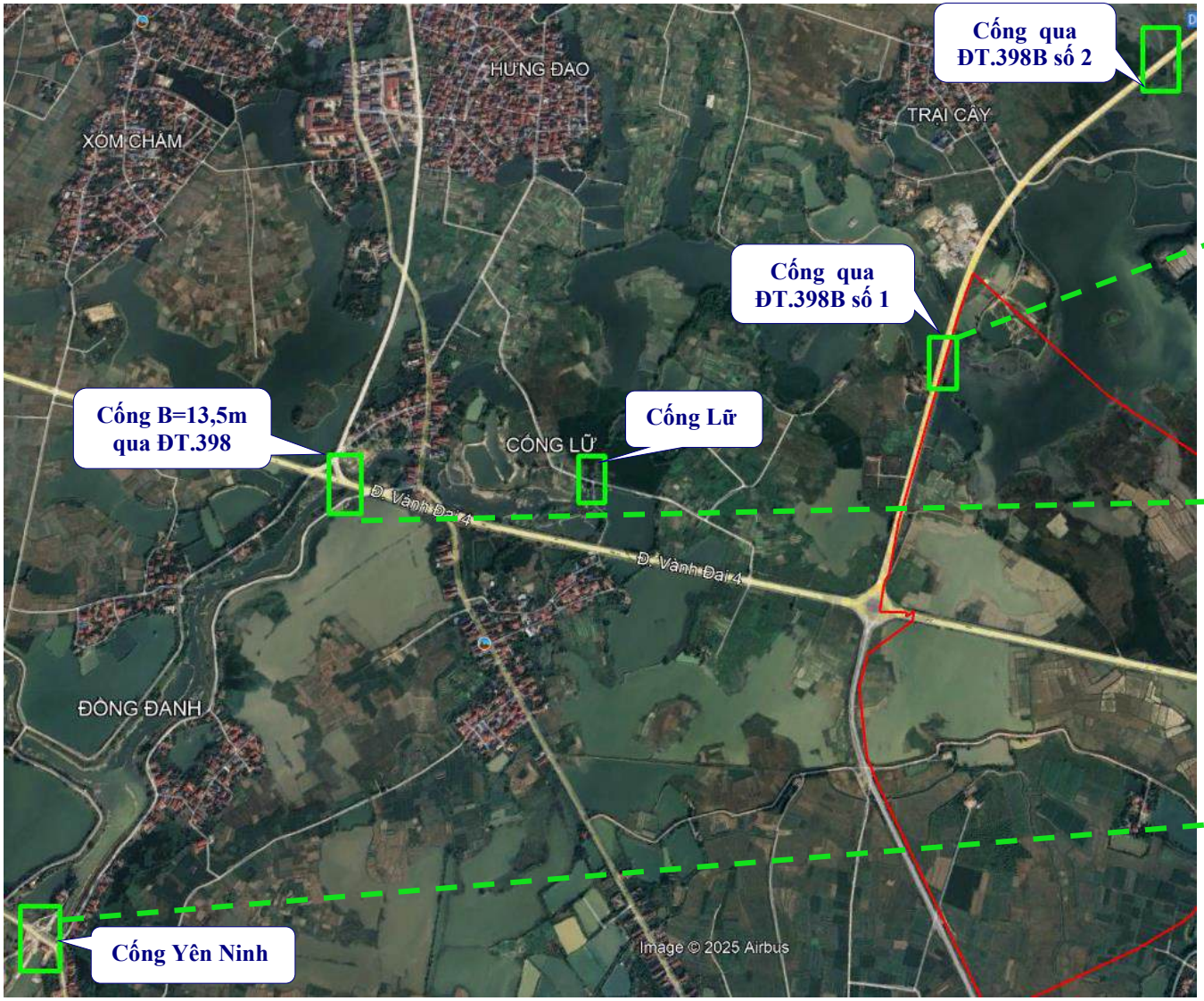
Hình 25. Hiện trạng thu nước phía Tây Bắc từ các khu vực đồng trũng



Hình 26. Nước tiếp tục chảy qua cống ở ĐT.398B, chảy vào ngòi Á Lữ



Hình 27. Vị trí các cống hộp thoát nước cho mặt nước phía Tây Bắc









♣ *Mặt nước phía Đông Bắc (Kí hiệu (2) trên mặt bằng **Hình 24**)*

Nước mặt phía Đông Bắc của dự án theo địa hình tự nhiên thoát về ngòi Á Lữ qua cống qua đường ĐT.398B. Nước thoát qua cống tại đường ĐT.398B → Cống Lữ → Cống trên đường ĐT.398 → Cống Yên Ninh → Sông Cầu. Diện tích lưu vực thu nước vào khu vực quy hoạch khoảng F= 882 ha.

Hiện trạng mặt nước phía Đông Bắc dự án được mô tả trong các hình sau:

Hình 28. Hiện trạng mặt nước phía Đông Bắc dự án



♣ *Mặt nước phía Nam (Kí hiệu (3) trên mặt bằng **Hình 24**)*

Nước mặt chảy theo địa hình tự nhiên về phía Đông Nam vào trạm bơm tưới tiêu Việt Hòa. Lưu vực hiện trạng thu nước của dự án tiếp nhận về khu vực khoảng F=810 ha. Khu vực có hệ thống kênh đất dẫn nước tưới từ mương tưới về phía Tây dự án. Kênh rộng 1÷2m (tùy từng đoạn), dài khoảng 1,18 km.

Hiện trạng mặt nước phía Nam dự án được mô tả trong các hình sau:

Hình 29. Hiện trạng mặt nước phía Nam dự án



(ii). Trạm bơm Việt Hòa

Trạm bơm Việt Hòa là một công trình tưới – tiêu kết hợp, được xây dựng từ năm 1966. Công trình này nằm trong hệ thống thủy nông Sông Cầu – Thác Huống, đặt tại thôn Lương Tài, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh. Trạm bơm gồm 10 tổ máy bơm công suất 980 m^3/h và nằm ngoài phạm vi của dự án.

Hiện trạng trạm bơm Việt Hòa được mô tả trong các hình sau:

Hình 30. Trạm bơm Việt Hòa







(iii). Kênh mương thủy lợi

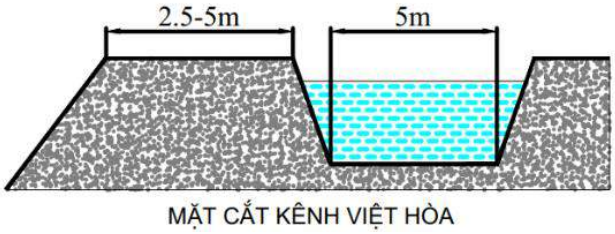
♣ *Kênh tưới tiêu Việt Hòa*

- Kênh Việt Hòa có kênh tưới chính dài 4,54 km, kênh tiêu dài 2,4 km; phục vụ tưới, tiêu cho các xã Tiên Sơn, Trung Sơn thuộc huyện Việt Yên cũ và xã Đông Lỗ thuộc huyện Hiệp Hòa cũ với diện tích 2.365 ha. Kênh Việt Hòa cùng với kênh Trúc Núi và kênh 4/3 là các tuyến kênh dẫn – tháo phục vụ trạm bơm, dẫn nguồn nước từ sông Cầu vào ruộng và đưa nước ra ngoài. Kênh Việt Hòa do Công ty TNHH MTV KT CTTL Nam sông Thương quản lý.

- Kênh Việt Hòa nằm ở phía Đông Nam dự án. Kênh đã được xây dựng kiên cố với các thông số như sau:

+ Mặt cắt kênh hiện trạng : Hình thang
+ Bề rộng đỉnh mặt : Khoảng 5m
+ Độ sâu : Khoảng 1,5m
+ Bề rộng hai bên đường : Khoảng 2,5 ÷5 m

Hình 31. Mặt cắt kênh Việt Hòa



MẶT CẮT KÊNH VIỆT HÒA

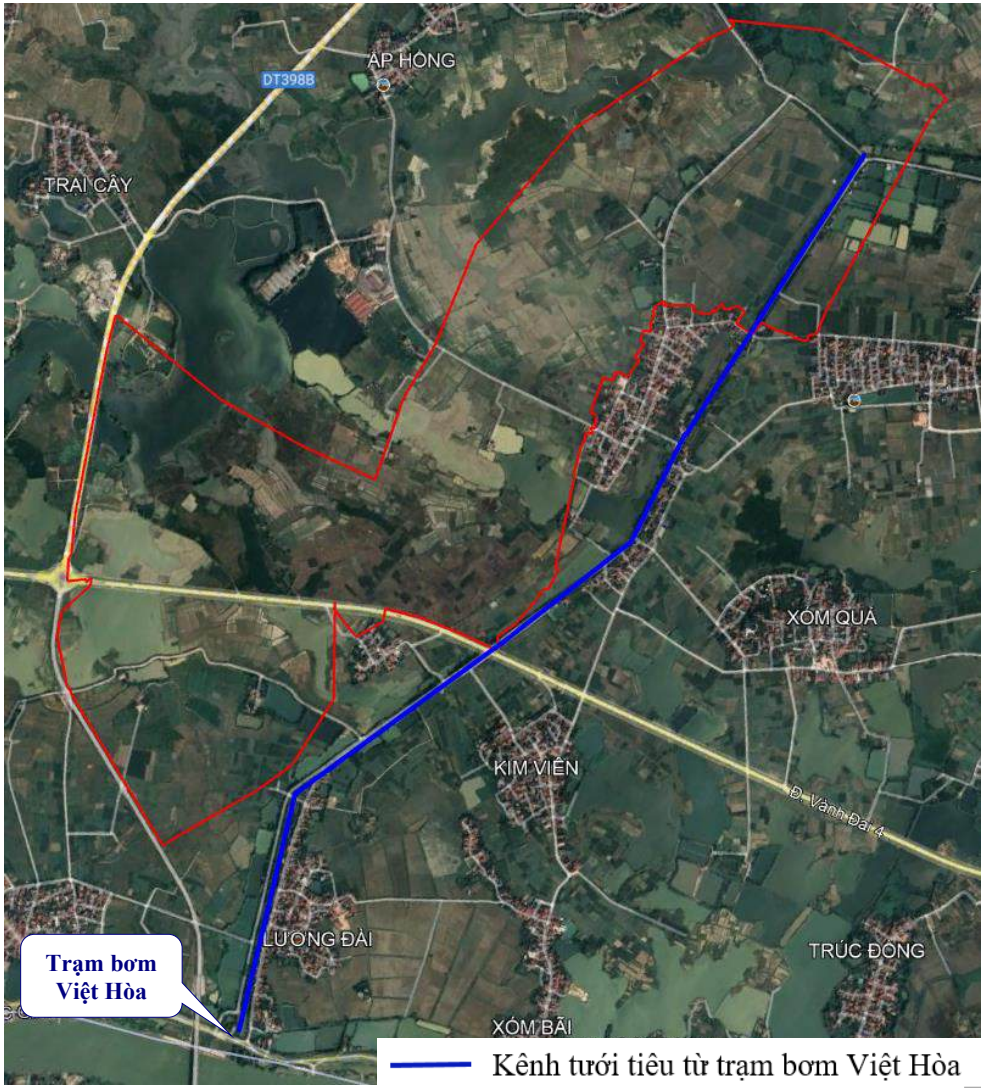
- Điểm đầu của kênh bắt đầu từ trạm bơm Việt Hòa, kênh lấy nước từ trạm bơm cấp nước theo hướng từ Nam lên Bắc. Kênh dẫn nước đến các khu đất canh tác ở phía Nam huyện Việt Yên cũ (xã Tiên Sơn, Trung Sơn) và một phần huyện

Hiệp Hòa (xã Đông Lỗ) nên điểm cuối được xác định là các đoạn kênh gần khu tưới của các xã này.

- Chiều dài kênh nằm trong phạm vi dự án khoảng 660m. Khi thực hiện dự án sẽ tiến hành hoàn trả đoạn kênh này nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tránh gây ngập úng khu vực và cấp nước cho các diện tích đất canh tác còn lại.

Vị trí và hiện trạng kênh Việt Hòa được mô tả trong các hình sau:

Hình 32. Vị trí và hiện trạng kênh Việt Hòa







♣ *Kênh tưới tiêu Phù Tài*

Kênh tưới tiêu Phù Tài nằm ở phía Nam dự án KCN Hòa Yên. Kênh có hệ thống kênh đất dẫn nước từ mương tưới về phía Tây dự án. Kênh đất rộng 1÷2m (tùy từng đoạn) và dài khoảng 1,18 km. Kênh tưới tiêu Phù Tài do phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh quản lý. Vị trí và hiện trạng kênh tưới tiêu Phù Tài được mô tả trong các hình sau:

Hình 33. Vị trí và hiện trạng kênh tưới tiêu Phù Tài (đường màu đỏ)









♣ *Kênh mương nội đồng*

- Khu đất xây dựng KCN Hòa Yên chủ yếu là đất nông nghiệp, đất trồng lúa nước nên có các tuyến kênh mương nội đồng, hiện đang phục vụ mục đích tưới/tiêu nông nghiệp. Kênh mương chủ yếu được xây bằng đất đắp, một số ít là kênh mương xây bằng gạch kiên cố.

- Tuy nhiên khi dự án đi vào hoạt động, các hoạt động nông nghiệp trong khu vực dự án không còn hoạt động nên các tuyến mương hết chức năng. Tuy nhiên, một số khu vực lân cận vẫn có diện tích canh tác nên dự án sẽ phải tiến hành hoàn trả kênh mương.

Hình 34. Kênh mương xây kiên cố



(iv). Ao – hồ

Trong tổng diện tích nước mặt (ao hồ, kênh mương thủy lợi) trong phạm vi dự án, có một số ao hồ nhỏ đang được sử dụng để nuôi cá, nuôi vịt. Tại dự án không có ao hồ lớn, mang tính điều tiết, thủy lợi của cả vùng.

Sau khi rà soát cũng cho thấy tại dự án cũng không có ao, hồ thuộc danh mục không được lấp theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt *"Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"*.

Các ao hồ nhỏ này được thông nước với hệ thống kênh mương thủy lợi trên phạm vi dự án. Các ao này khá nông, độ sâu trung bình chỉ khoảng 2,0m, mực nước ổn định quanh năm, dao động lên xuống khoảng 30-50cm.

Hình ảnh một số ao hồ trên phạm vi dự án được mô tả trong hình sau:

Hình 35. Hiện trạng ao, hồ trên phạm vi dự án



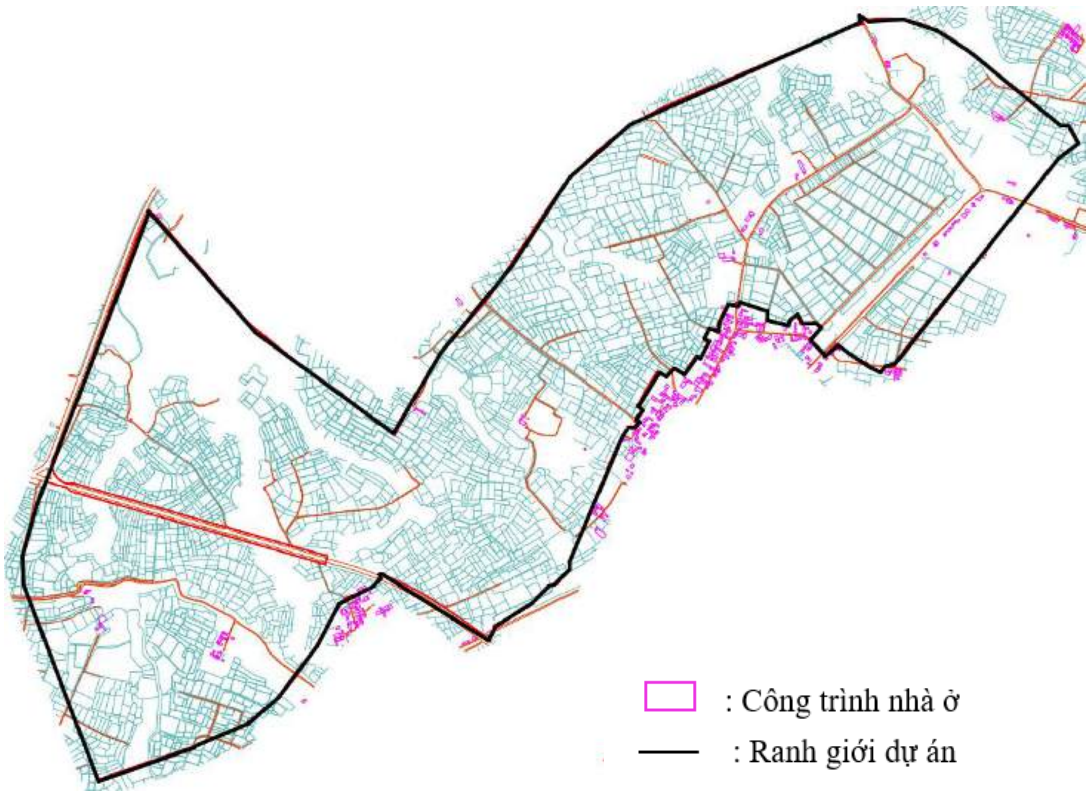
c) Mối quan hệ với các khu dân cư

(i). Khu dân cư nằm trong phạm vi dự án

Trong phạm vi quy hoạch KCN Hòa Yên (256,68 ha) có chiếm dụng 7.837,0 m^2 đất thổ cư dành cho mục đích ở tại nông thôn *(Trong đó bao gồm cả đất ở nông thôn và đất cây lâu năm)*. Hiện trạng trên đất có khoảng 25 công trình nhà ở của 25 hộ dân phải tiến hành di dời. Nhà ở của các hộ dân có kiến trúc đơn giản, kết cấu 1 tầng và 1 tum.

Hiện trạng các hộ dân phải tiến hành di dời được mô tả trong các hình sau:

Hình 36. Sơ đồ các công trình nhà ở nằm trong phạm vi dự án



Hình 37. Hiện trạng một số hộ dân phải tiến hành di dời





(ii). Khu dân cư lân cận, xung quanh dự án

Khu dân cư gần nhất với dự án KCN Hòa Yên được xác định là khu dân cư của thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa và thôn Lương Tài, thôn Nguyễn, phường Vân Hà đều có khoảng cách là khoảng 50m. Khoảng cách từ ranh giới khu đất dự án tới các khu dân cư lân cận, xung quanh được thống kê trong bảng sau:

Bảng 11. Các khu dân cư liền kề với dự án và khoảng cách gần nhất

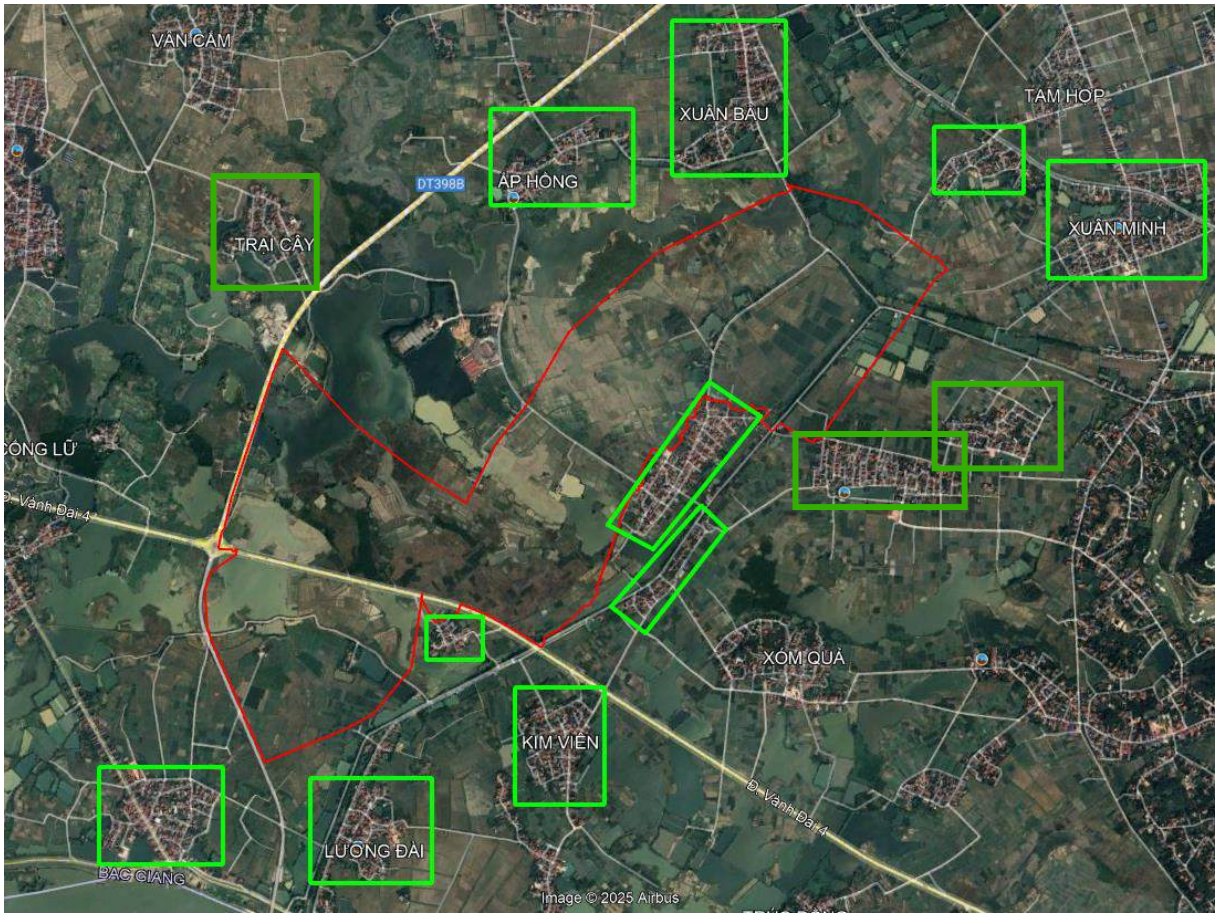
TT	Hướng tiếp giáp	Các khu dân cư	Khoảng cách gần nhất từ ranh giới KCN đến khu dân cư
1	Phía Bắc giáp	Khu dân cư thôn Ấp Hồng, xã Hiệp Hòa	480 (m)
		Khu dân cư thôn Xuân Bầu, phường Tự Lạn	230 (m)
		Khu dân cư thôn Xuân Minh, phường Tự Lạn	460 (m)
		Khu dân cư thôn Đầu Khẩu, phường Tự Lạn	140 m
2	Phía Đông giáp	Khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa	50 (m)
		Khu dân cư thôn Nguyễn, phường Vân Hà	50 (m)
		Khu dân cư thôn Đồng, phường Vân Hà	380 (m)
3	Phía Nam giáp	Khu dân cư thôn Lương Tài, phường Vân Hà	50 (m)
		Khu dân cư thôn Kim Viên, phường Vân Hà	220 (m)
		Khu dân cư thôn Lương Viên, phường Vân Hà	80 (m)
		Khu dân cư thôn Phù Tài, phường Vân Hà	230 (m)
4	Phía Tây giáp	Khu dân cư thôn Trại Cây, xã Hiệp Hòa	210 (m)

Về khoảng cách ly an toàn: Tại QCVN 01:2021/BXD - mục 2.5 (Yêu cầu về khu công nghiệp - khu chế xuất và khu công nghệ cao) và các quy định khác của pháp luật hiện không quy định khoảng cách an toàn môi trường (ATMT) đối với các dự án KCN/CCN, chỉ quy định hàng rào cây xanh cách ly xung quanh KCN

có bề rộng tối thiểu là 10m.

Mối liên hệ giữa các khu dân cư gần với dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 38. Mối liên hệ giữa các khu dân cư gần với dự án KCN Hòa Yên



Hình ảnh một số khu dân cư giáp với dự án KCN Hòa Yên được minh họa trong các hình sau:

Hình 39. Khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa cách dự án khoảng 50m



Hình 40. Khu dân cư thôn Lương Viên, phường Vân Hà cách dự án khoảng 80m



Hình 41. Khu dân cư thôn Phù Tài, phường Vân Hà cách dự án khoảng 230 m



Hình 42. Khu dân cư thôn Lương Tài, phường Vân Hà cách dự án khoảng 50 m

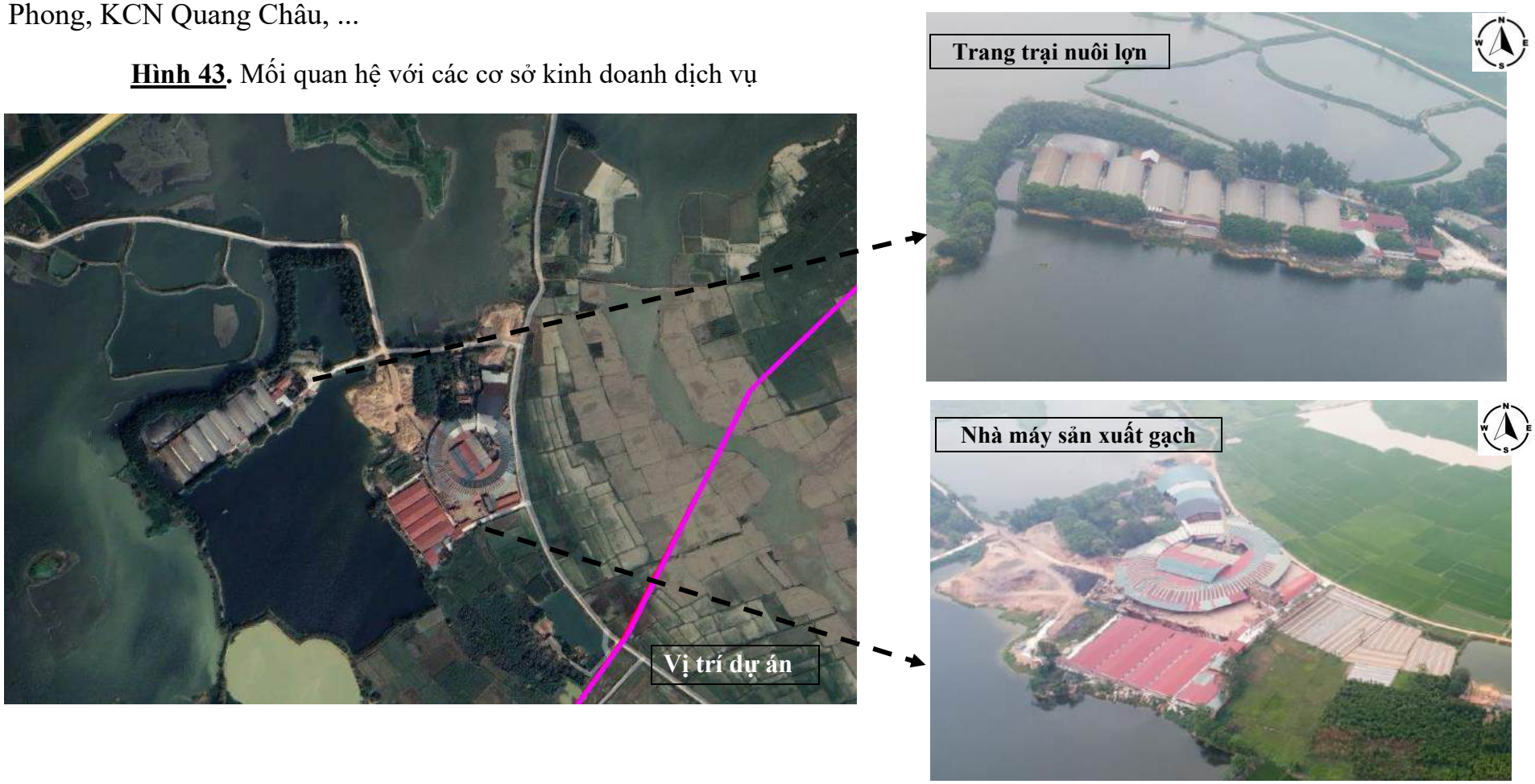


d) Mối quan hệ với các cơ sở kinh doanh dịch vụ

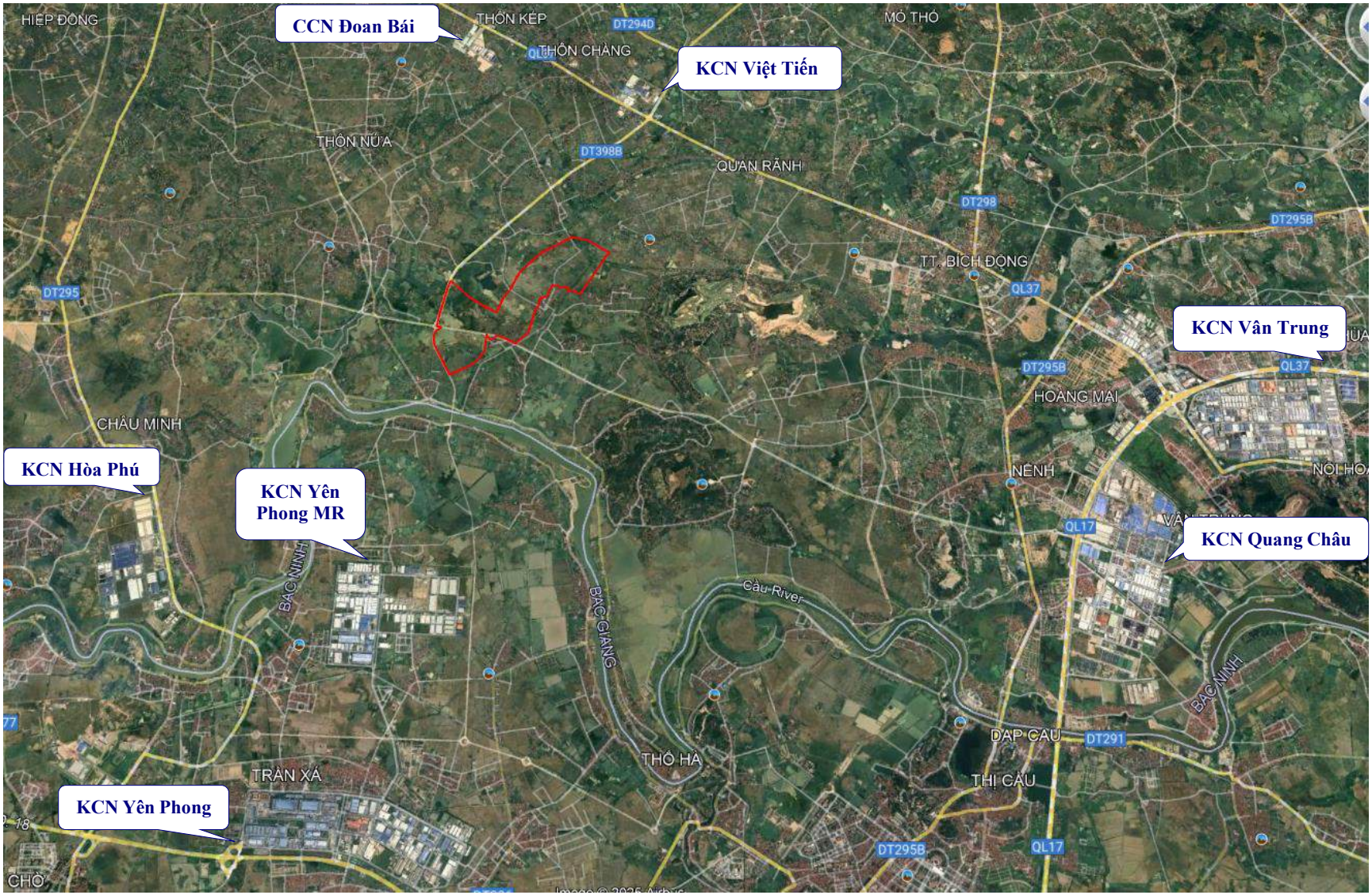
- Xung quanh gần nhất với dự án KCN Hòa Yên là Nhà máy sản xuất gạch của Công ty TNHH phát triển Hoàng Sơn Phát đang hoạt động với khoảng cách khoảng 210(m) và Trang trại nuôi lợn cách khoảng 500(m) về phía Tây.

- Trong bán kính 10 km xung quanh dự án có các CCN/KCN: CCN Đoan Bái, KCN Việt Tiến, KCN Vân Trung, KCN Yên Phong, KCN Quang Châu, ...

Hình 43. Mối quan hệ với các cơ sở kinh doanh dịch vụ



Hình 44. Các KCN/CCN xung quanh khu vực dự án KCN Hòa Yên



đ) Các công trình cơ quan, trụ sở, công trình công cộng

Khoảng cách từ khu vực dự án KCN Hòa Yên tới các cơ quan, trụ sở và công trình khác như sau:

Bảng 12. Khoảng cách từ khu vực dự án KCN Hòa Yên tới các cơ quan, trụ sở và công trình khác

TT	Hướng tiếp giáp	Các công trình công cộng	Khoảng cách gần nhất
I	***Các cơ sở giáo dục***		
1	Phía Bắc giáp	Trường THCS Hương Mai	995 (m)
2	Phía Nam giáp	Trường THCS Tiên Sơn	420 (m)
		Trường mầm non Phù Tài	460 (m)
3	Phía Đông giáp	Trường mầm non Đông Lỗ - khu Đồng Quan	120 (m)
		Trường mầm non thôn Nguyễn	405 (m)
II	***Các công trình công cộng***		
4	Phía Bắc giáp	Nhà văn hóa thôn Xuân Minh	705 (m)
		Trạm y tế xã Hương Mai	1.000 (m)
5	Phía Nam giáp	Nhà văn hóa thôn Đồng	560 (m)
6	Phía Đông	Trung tâm chăm sóc sức khỏe	900 (m)

e) Mối quan hệ với khu nghĩa trang nhân dân

Trong phạm vi dự án không có nghĩa trang tập trung quy mô lớn song diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa chiếm dụng tại dự án khoảng 337,8 m^2. Ngoài ra, có một vài phần mộ rải rác được chôn theo phong tục tập quán xưa *(chôn ông bà tổ tiên tại phần ruộng nhà mình).* Theo thống kê kiểm đếm sơ bộ có khoảng 800 ngôi mộ nằm trong phạm vi dự án, trong đó:

++ Giai đoạn 1: 15 ngôi mộ

++ Giai đoạn 2: 785 ngôi mộ

Cơ quan chức năng thực hiện đền bù và GPMB sẽ tiến hành đền bù, thoả thuận với các hộ có phần mộ để được di dời theo nguyện vọng của các hộ gia đình theo hình thức đền bù bằng tiền, các chủ mộ tự di dời theo nguyện vọng.

Đối với các phần mộ vô chủ, chưa được phát hiện và kiểm đếm, khi thực hiện thi công xây dựng dự án, nếu được phát hiện ra, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp di dời theo quy định của pháp luật và sự hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Hiện trạng các phần mộ nằm rải rác tại khu vực dự án được mô tả trong các hình sau:

Hình 45. Hiện trạng phần mộ nằm rải rác



Hình 46. Vị trí diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa chiếm dụng tại dự án



f) Bãi rác thải

Trong phạm vi thực hiện dự án có chiếm dụng khoảng 83,3 m^2 là đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA). Theo khảo sát thực tế, đây là 1 bãi rác đổ tự do, lộ thiên và chủ yếu là rác thải sinh hoạt với tổng thể tích ước tính khoảng 120 m^3. Khu bãi rác này nằm ở phía Đông Bắc dự án, thuộc địa phận xã Hiệp Hòa và cách xa các khu dân cư xung quanh.

Vị trí khu bãi rác này được mô tả trong hình sau:

Hình 47. Vị trí bãi rác nằm trong phạm vi dự án



Khi thực hiện dự án, đơn vị thi công sẽ tiến hành đào, di chuyển toàn bộ rác thải đến Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa theo Văn bản số 1511/CV-HHK ngày 15/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại – HHK. Nhà máy xây dựng tại thôn Đồng Quan và thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh cách dự án khoảng 100m về phía Tây. Công suất đốt, xử lý rác thải sinh hoạt khoảng 400 tấn/ng.đêm; đốt, xử lý rác thải công nghiệp khoảng 100 tấn/ng.đêm ; xử lý, tái chế để tận thu phế liệu khoảng 700 tấn/ng.đêm.

g) Mối quan hệ với các công trình văn hoá, tín ngưỡng, di tích lịch sử

Trong phạm vi thực hiện dự án không có công trình văn hoá, tín ngưỡng cũng như các công trình di tích lịch sử, văn hoá. Một số đền, chùa nằm ngoài phạm vi dự án như: Chùa làng Đồng, Đền thờ tứ phủ (thuộc thôn Đồng, phường Tự Lạn); Chùa thôn Nguyễn, Đền thờ Ngọc Linh Từ (thuộc thôn Nguyễn, phường Tự Lạn); Chùa Phù Long Tự, Chùa Phù Tài (thuộc thôn Phù Tài, phường Vân Hà) và không có mối liên hệ tác động trực tiếp.

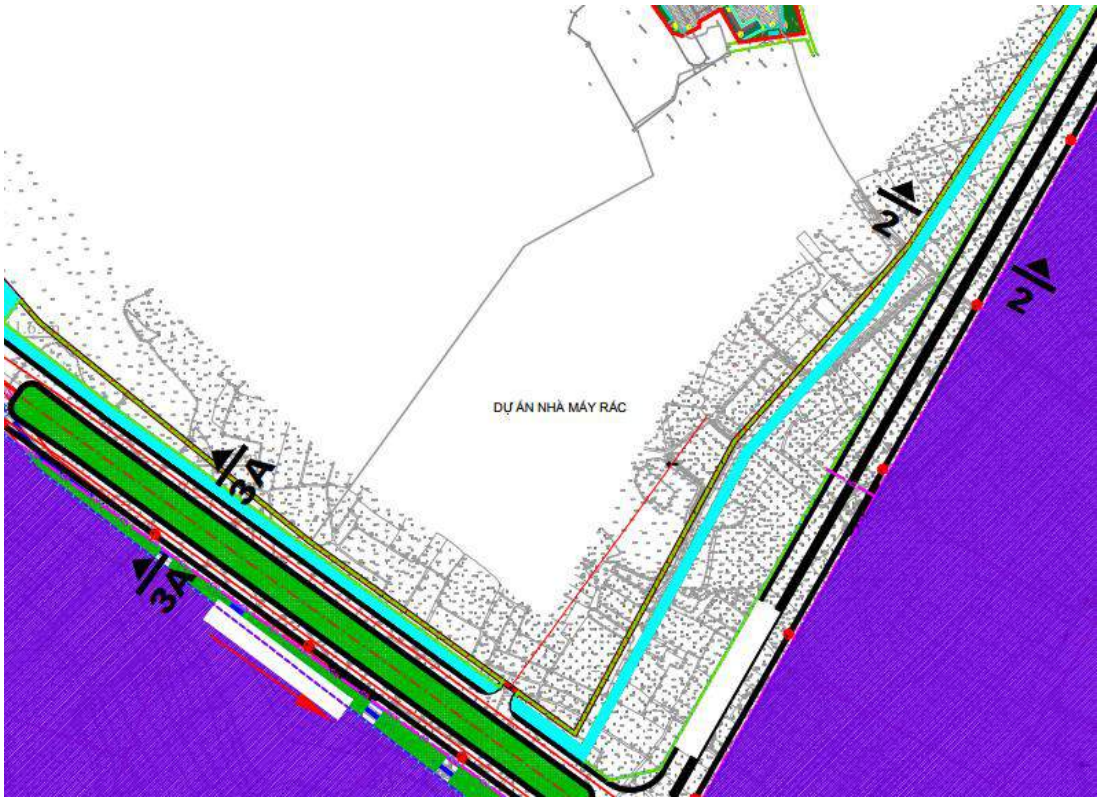
l) Các công trình, dự án lận cận

Cách ranh giới dự án KCN Hòa Yên khoảng 100m về phía Tây là dự án "Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa" do Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HHK làm chủ đầu tư [2]. Nhà máy đầu tư với công suất xử lý rác thải sinh hoạt và công nghiệp khoảng 500 tấn/ngày (đốt, xử lý rác thải sinh hoạt khoảng 400 tấn/ng.đêm; đốt, xử lý rác thải

[2] Quyết định chấp nhận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư số 157/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 14/03/2024, điều chỉnh lần 1 ngày 25/8/2025.

công nghiệp khoảng 100 tấn/ng.đêm) và xử lý, tái chế để tận thu phế liệu khoảng 700 tấn/ng.đêm. Dự án dự kiến đi vào hoạt động vào tháng 12/2027.

Hình 48. Vị trí xây dựng dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa nằm phía Tây KCN Hòa Yên



1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

1.1.6.1. Mục tiêu của dự án

Dự án KCN Hòa Yên có các mục tiêu cụ thể như sau:

- Cụ thể hóa các đồ án định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh *(Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa cũ, quy hoạch chung đô thị Việt Yên cũ đã được phê duyệt).*

- Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, sử dụng đất của địa phương;

- Tạo ra một KCN được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động giao thương của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất trong KCN;

- Đáp ứng nhu cầu mặt bằng về sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp trong và ngoài nước;

- Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp của khu vực nói

riêng và tỉnh Bắc Ninh nói chung; Góp phần nâng cao đời sống và giải quyết việc làm cho người dân trong khu vực; Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tỉnh Bắc Ninh.

1.1.6.2. Loại hình, loại và cấp công trình

a) Loại hình

Dự án KCN Hòa Yên thuộc loại hình dự án nhóm A, thực hiện bằng nguồn vốn tư nhân của Công ty CP Fecon Hòa Yên. Thực hiện dự án sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC,... theo quy định của pháp luật.

b) Loại và cấp công trình

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp II.

1.1.6.3. Quy mô của dự án

Tóm tắt quy mô của dự án KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 13. Quy mô của dự án KCN Hòa Yên

TT	Nội dung	Nội dung	
1	Tên dự án	: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên	
2	Tên chủ dự án	: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên	
3	Địa điểm thực hiện	: Xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh	
4	Diện tích sử dụng đất	: Khoảng 256,68 ha *+ Giai đoạn 1: 60 ha* *+ Giai đoạn 2: 196,68 ha*	
	Trong đó:		
4.1	*Đất nhà máy công nghiệp*	*156,82 ha*	*61,10 %*
4.2	*Đất cây xanh*	*27,38 ha*	*10,67 %*
4.3	*Đất mặt nước*	*7,34 ha*	*2,86 %*
4.4	*Đất dịch vụ*	*5,57 ha*	*2,17 %*
4.5	*Đất hạ tầng kỹ thuật*	*4,13 ha*	*1,61 %*
4.6	*Bãi xe*	*2,71 ha*	*1,06 %*
4.7	*Đất giao thông, HTKT khác*	*52,73 ha*	*20,54 %*
5	Nội dung đầu tư dự án	*Đầu tư xây dựng đồng bộ HTKT cho KCN, bao gồm: Chuẩn bị kỹ thuật - San nền ; Hoàn trả*	

TT	Nội dung	Nội dung
		kênh mương, công trình thủy lợi ; Đường giao thông ; Hệ thống cấp nước sạch, trạm bơm tăng áp và hệ thống PCCC ; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa ; Hệ thống thu gom và thoát nước thải ; Trạm XLNT tập trung (Q=10.500 m^3/ng.đêm) ; Hồ sự cố (02 hồ ; V =5.250 m^3/hồ) ; Hệ thống cấp điện và hệ thống chiếu sáng ; Hệ thống thông tin liên lạc ; Trồng cây xanh.
6	Tổng mức đầu tư	: 3.745,131 tỷ đồng, trong đó: *+ Vốn góp của nhà đầu tư: 561,778 tỷ đồng* *+ Vốn huy động: 3.183,353 tỷ đồng*
7	Nhu cầu thu hút lao động	: Khoảng 44.000 người
8	Thời gian thực hiện dự án	: 36 tháng, kể từ ngày quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

1.1.6.4. Tính chất của KCN Hòa Yên

KCN Hòa yên là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể:

(1) Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng;

(2) Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin;

(3) Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa;

(4) Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm;

(5) Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống;

(6) Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng;

(7) Công nghiệp hỗ trợ.

Các ngành nghề cụ thể thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên được cụ thể trong bảng sau:

Bảng 14. Các ngành nghề cụ thể thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên	Mã ngành theo VSIC
I	***Công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng***	

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
2	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
3	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
4	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	C30120
5	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu	C309
6	Sản xuất mô tô, xe máy	C30910
7	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	C30920
8	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	C30990
9	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C3100
10	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
11	Sản xuất nhạc cụ	C32200
12	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C32300
13	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C32400
14	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C32501
15	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	C32501
16	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng	C32502
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C32900
18	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
II	***Công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin***	
1	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
2	Sản xuất thiết bị điện	C27
3	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	C2710
4	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	C273
5	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	C27400
6	Sản xuất đồ điện dân dụng	C27500
7	Sản xuất thiết bị điện khác	C27900
III	***Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa***	
1	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25
2	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	C251
3	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	C25910
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không có xi mạ)	C25920
5	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	C25930
6	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C2599

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên	Mã ngành theo VSIC
7	Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	C25991
8	Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C25999
IV	***Công nghiệp tin học, phần mềm***	
1	Xuất bản phần mềm	C582
2	Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan	C62
3	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các dịch vụ thông tin liên quan khác	C63
V	***Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống***	
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất đồ uống	110
3	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C16
4	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	C1702
5	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C17090
VI	***Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng***	
1	Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt	C131
2	Sản xuất hàng dệt khác	C139
3	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	C13910
4	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	C13920
5	Sản xuất thảm, chăn, đệm	C13930
6	Sản xuất các loại dây bện và lưới	C13940
7	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	C13990
8	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	C15120
9	In, sao chép bản ghi các loại	C18
10	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C2023
11	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
12	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
13	Sản xuất sản phẩm từ cao su	C221
14	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C2220
VII	***Công nghiệp hỗ trợ***	
1	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	H5210
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	H5229

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên	Mã ngành theo VSIC
3	Bưu chính và chuyển phát	H53

Các nhóm ngành thu hút vào KCN Hòa Yên được đánh giá là phù hợp với *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050"* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 (điểm a Khoản I Phần III Điều 1).

Trong các nhóm ngành trên thì có ngành công nghiệp điện - điện tử, ngành cơ khí có thể có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất thuộc danh mục các loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục II - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025. Đối với ngành này khi đầu tư sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về BVMT cũng như chịu sự giám sát liên tục, thường xuyên của các cơ quan chức năng về QLMT.

Trong quá trình thu hút đầu tư, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ tuân thủ sự chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Ninh, các cơ quan chức năng trong quá trình lựa chọn các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu BVMT của KCN Hòa Yên và khả năng chịu tải môi trường, đặc biệt là khả năng chịu tải của trạm XLNT tập trung của KCN.

Đồng thời, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh trong việc lựa chọn các nhà đầu tư thứ cấp để đảm bảo các nhà đầu tư không chuyển giao các công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào KCN Hòa Yên. Các doanh nghiệp trước khi đầu tư sẽ phải tiến hành thẩm định công nghệ trong dự án theo quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (Điều 13 và Điều 16): Thẩm định công nghệ trong bước quyết định chủ trương đầu tư và bước quyết định đầu tư.

Trong quá trình thu hút đầu tư, tùy theo loại hình sản xuất của từng dự án, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ chỉ bố trí các ngành nghề có công nghệ hiện đại, ít phát sinh khói bụi, tiếng ồn, chất thải tại các lô đất tiếp giáp gần với khu dân cư xung quanh và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường (ATMT) theo quy định tại QCVN 01:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

Khi ký hợp đồng cho thuê, chuyển nhượng đất công nghiệp trong KCN, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ hướng dẫn các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, chuyển giao công nghệ,... tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.1.6.5. Phân kỳ giai đoạn đầu tư thực hiện dự án

Phân kì đầu tư sẽ giúp Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên đầu tư phát triển hạ tầng KCN theo thời gian hợp lý, đồng thời thiết lập các mục tiêu quản lý đầu tư, phát triển. Mặt khác, phân kỳ thực hiện dự án sẽ xác định được thời gian hợp lý để lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch đó với các mục tiêu rõ ràng, hợp lý về mặt thời gian và các nguồn lực khác.

Để phù hợp với năng lực tài chính, kỹ thuật và tình hình thu hút đầu tư trong tình hình hiện nay, dự án sau khi thực hiện đền bù, GPMB xong (thực hiện 1 lần) sẽ được chia thành 2 giai đoạn để thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật KCN.

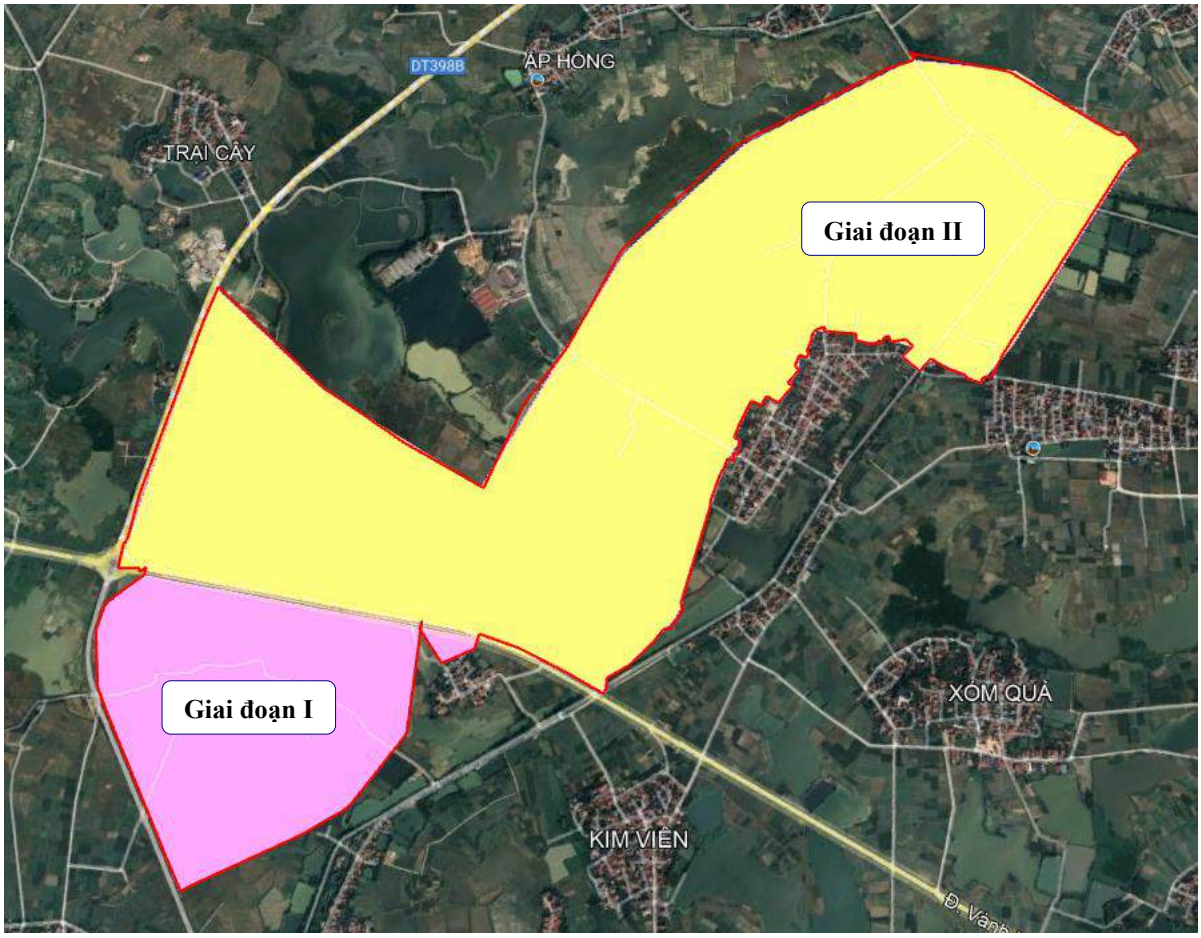
Kế hoạch thực hiện Dự án KCN Hòa Yên tại xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh theo 2 giai đoạn phân kỳ đầu tư như sau:

Bảng 15. Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án

TT	Giai đoạn	Nội dung	Các lô đất đầu tư
1	***Giai đoạn I***	- San nền, xây dựng hệ thống HTKT cho các lô đất phía Nam của trục đường Vành đai 4. - Hoàn trả tuyến kênh tưới tiêu Phù Tài rộng B=800mm để thay thế kênh mương nội đồng, đảm bảo diện tích tưới - tiêu cho khu vực ruộng đồng phía Tây. - Đầu tư xây dựng hệ thống HTKT cho diện tích đất công cộng. - Đầu tư trồng cây xanh giai đoạn I. - Đầu tư xây dựng modun thứ 1 XLNT và hồ sự cố (V=5.250 m^3), khu vực lưu giữ rác thải tạm thời. - Đầu tư xây dựng trạm bơm chuyển bậc nước thải.	- Đất công nghiệp: Lô đất CN1, CN2 - Lô đất bãi đỗ xe: P1= 0,96 ha - Lô đất dịch vụ: DV2= 1,48 ha - Đất mặt nước: MN1, MN2, MN3 - Đất hạ tầng: HT2 - Đất cây xanh: CX1, CX2, CX3, CX4, CX5 - Lô đất trạm XLNT và hồ sự cố V=5.250m^3 - Lô đất khu vực trạm lưu giữ rác thải - Tổng diện tích của giai đoạn I khoảng 60 ha.
2	***Giai đoạn II***	- Tiền hành đầu tư san nền và hệ thống HTKT trên diện tích đất công nghiệp phía Bắc của trục đường Vành đai 4. - Hoàn trả kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa. - Đầu tư xây dựng modun thứ 2 (nếu modun số 1 hết công suất) và modun số 3 (nếu modun số 1 và 2 hết công suất) và hồ sự cố (V=5.250 m^3), khu vực lưu giữ rác thải tạm thời. - Đầu tư xây dựng trạm bơm chuyển bậc nước thải - Đầu tư trồng cây xanh giai đoạn II	- Đất công nghiệp: CN3, CN4, CN5, CN6, CN7, CN8, CN9, CN10 - Cây xanh: CX6, CX7, CX8, CX9, CX10, CX11, CX12, CX13 - Dải cây xanh ven khu hạ tầng: CXD1, CXD2, CXD3, CXD4, CXD5, CXD6 - Đất mặt nước: MN4, MN5, MN6, MN7, MN8, MN9, MN10 - Bãi đỗ xe: P2 = 1,15 ha; P3 = 0,60 ha - Lô đất dịch vụ: DV1= 4,09 ha - Đất hạ tầng: HT1, HT3 - Hồ sự cố: V=5.250m^3 - Tổng diện tích của giai đoạn II là 196,68 ha.

Bản vẽ phân kỳ đầu tư giai đoạn I và giai đoạn II của dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 49. Bản vẽ phân kỳ đầu tư giai đoạn I và giai đoạn II của dự án KCN Hòa Yên



Dự án sẽ tiến hành thực hiện theo hình thức cuốn chiếu từng giai đoạn, đầu tư xong giai đoạn I sẽ tiến hành thu hút đầu tư ngay và tiếp tục đầu tư giai đoạn II. Sự phân kỳ đầu tư trên có thể được điều chỉnh theo thực tế thu hút đầu tư sau này.

Việc phân kỳ đầu tư đối với KCN Hòa Yên thành 2 giai đoạn nêu trên sẽ gây khó khăn trong quá trình thu hút đầu tư khi mà có Nhà đầu tư thứ cấp muốn đầu tư song lại chưa phù hợp tính chất của KCN theo giai đoạn phân kỳ đầu tư. Tuy nhiên, theo tiến độ thực hiện dự án thì giai đoạn II được đầu tư sau khi khởi công giai đoạn I khoảng 12 tháng và được đánh giá là khá ngắn. Với tiến độ đầu tư nhanh chóng như vậy thì sẽ không ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên đối với mọi ngành nghề.

1.1.6.6. Công nghệ của dự án

Đối với loại hình dự án đầu tư xây dựng HTKT của KCN Hòa Yên thì công nghệ thực hiện chủ yếu như sau:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Sử dụng các công nghệ thi công xây dựng truyền thống, sử dụng các thiết bị máy móc, phương tiện thi công phổ biến, đồng thời sử dụng lao động phổ thông.

b) Giai đoạn vận hành

♣ *Loại hình sản xuất kinh doanh*

Đối với loại hình dự án đầu xây dựng HTKT KCN thì chưa xác định được công nghệ sản xuất mà phụ thuộc loại hình thu hút đầu tư của các nhà đầu tư thứ cấp.

♣ *Các công nghệ khác*

- Công nghệ xử lý nước thải:

Trạm XLNT của KCN xử lý đạt QCVN 40:2025/ BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả vào nguồn tiếp nhận là kênh tiêu Cầu Chi. Quy trình XLNT được tóm tắt như sau: Nước thải đầu vào (Sau khi xử lý đạt GHCP theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và nhà đầu tư thứ cấp - chi tiết được trình bày tại Chương III → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng → Bể phản điều chỉnh pH2 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung gian→ Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học A/B → Bể điều chỉnh pH3 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đạt QCVN 40:2025/ BTNMT, cột A, F >2.000 m^3/ngày → Kênh tiêu Cầu Chi → Sông Cầu.

- Công nghệ xử lý khí thải (mùi hôi thối) từ hoạt động của trạm XLNT tập trung: Khí thải từ các bể của trạm XLNT → Lỗ thu gom bố trí trên thành bể → Ống thu gom khí thải → Quạt hút (4.500 m^3/h) → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính ướt → Đạt QCVN 19:2024/BTNMT → Xả thải ra môi trường.

1.1.7. Phạm vi thực hiện

1.1.7.1. Các hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các công trình thuộc dự án đầu tư

Dự án KCN Hòa Yên được thực hiện trên tổng diện tích đất khoảng 256,68 ha. Các hạng mục đầu tư của dự án (được xác định tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Chủ trương đầu tư*

dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang") như sau:

- San nền, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt, trạm biến áp, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe, trồng xây xanh, lắp đặt hệ thống ATGT.

- Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 10.500 m^3/ng.đêm (kèm theo hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của trạm XLNT) ; trạm bơm tăng áp 15.500 m^3/ngđ và hồ sự cố (02 hồ ; V =5.250 m^3/hồ).

b) Hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động khai thác, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN.

- Hoạt động chăm sóc cây xanh.

- Hoạt động vận hành trạm XLNT tập trung, hệ thống xử lý khí thải của trạm XLNT tập trung.

- Hoạt động vận hành trạm bơm tăng áp.

1.1.7.2. Phạm vi của báo cáo ĐTM

Phạm vi báo cáo ĐTM không bao gồm tác động đến môi trường của các hoạt động sau:

- Hoạt động đền bù giải phóng mặt bằng, di dời mồ mả (Nhà nước thu hồi đất và giao mặt bằng sạch cho Nhà đầu tư thực hiện dự án. Nhà đầu tư ứng kinh phí thực hiện đền bù và GPMB và đối trừ vào các khoản thuế, phí sau này theo quy định của pháp luật).

- Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ san nền, thi công xây dựng.

- Hoạt động thi công xây dựng, hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN.

1.1.8. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định khoản điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"* có liên quan đến dự án KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 16. Các yếu tố nhạy cảm với môi trường của dự án KCN Hòa Yên

TT	Các yếu tố nhạy cảm với môi trường	Tại dự án	Khu vực xung quanh, lân cận
1	Khu dân cư tập trung	Trong phạm vi 256,68 ha thực hiện dự án có chiếm dụng đất thổ cư dành cho mục đích ở tại nông thôn. Hiện trạng có khoảng 25 hộ dân phải tiến hành di dời.	Khu dân cư thôn Lương Tài, thôn Nguyễn, phường Vân Hà và thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa được xác định là gần nhất với dự án với khoảng cách gần nhất khoảng 50m ; Khu dân cư thôn Lương Viên, phường Vân Hà được xác định là gần nhất với dự án với khoảng cách gần nhất khoảng 80m.
2	Nguồn nước cấp cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.	Xung quanh khu vực dự án trong phạm vi 5 km có có ao, hồ, sông đang được sử dụng để cấp nước cho mục đích sinh hoạt.
3	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.	Xung quanh khu vực dự án trong phạm vi 5 km có yếu tố này.
4	Các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp	Trên toàn bộ diện tích 256,68 ha thực hiện dự án không có đất rừng	Xung quanh khu vực dự án trong phạm vi 5 km có yếu tố này.
5	Di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.	Xung quanh khu vực dự án trong phạm vi 5 km có yếu tố này.
6	Đất trồng lúa nước 2 vụ/năm trở lên	Trong phạm vi 256,68 ha đất thực hiện dự án có 88,04 ha đất đang trồng lúa 2 vụ.	Xung quanh dự án hiện vẫn còn một số diện tích đất canh tác trồng lúa, rau màu nên công tác duy trì nước tưới, tiêu cho các diện tích này vẫn được quan tâm.
7	Vùng đất ngập nước quan trọng	Trong phạm vi thực hiện dự án chiếm dụng 7,37 ha đất mặt nước chuyên dùng. Tuy nhiên đây không phải là vùng đất ngập nước quan trọng.	-
8	Yêu cầu di dời dân cư, tái định cư	Thực hiện dự án phải tiến hành di dời dân cư cho khoảng 25 hộ dân	-

1.2. CÁC HẠNG MỤC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH

1.2.1. Các hạng mục công trình

1.2.1.1. Quy hoạch kiến trúc không gian cảnh quan

Quy hoạch kiến trúc dự án sẽ tạo ra một KCN hiện đại, hài hòa với cảnh quan không gian chung của đô thị Hiệp Hòa và đô thị Việt Yên cũ, một môi trường làm việc sinh thái, có cảnh quan hấp dẫn, đa dạng đáp ứng chức năng làm việc và sinh hoạt.

Phương án không gian kiến trúc cảnh quan có cấu trúc tổng quan như sau:

- Quy hoạch trục đường đôi chính giữa khu đất hướng Đông Bắc - Tây Nam kết nối ĐT.398B kéo dài phía Nam sang Bắc Ninh với ĐT.398 và đường quy hoạch thuộc huyện Việt Yên cũ. Trục đường có tính chất xương sống của khu công nghiệp, kết nối khu công nghiệp đến các trục đường quan trọng trong khu vực. Dọc tuyến ĐT.398 và ĐT.398B quy hoạch các tuyến đường gom và đường của KCN, các điểm đấu nối được nghiên cứu phù hợp đảm bảo không xung đột về giao thông. Quanh các khu vực hiện hữu quy hoạch các tuyến đường đảm bảo kết nối thuận tiện cho khu vực hiện hữu.

- Khuôn viên cây xanh mặt nước được bố trí quanh khu công nghiệp. Mục đích kết nối - hoàn trả mặt nước hiện trạng, cách ly với công trình Nhà máy sản xuất gạch và Trang trại nuôi lợn hiện hữu, dự án Nhà máy rác của huyện Hiệp Hòa cũ và các khu dân cư hiện trạng đồng thời tạo cảnh quan riêng cho khu công nghiệp. Bên cạnh đó, dự án có bố trí phần cây xanh tập trung tại khu vực cửa ngõ KCN gần với khu hành chính dịch vụ để tạo điểm nhấn đầu vào cho KCN.

- Khu đất hành chính được bố trí tại nút giao ngã tư của trục chính khu công nghiệp với ĐT.398, vai trò tạo cửa ngõ, bộ mặt - điểm nhận diện của KCN.

- Giáp với các khu vực hiện trạng, đường điện cao thế và xung quanh khu công nghiệp được bố trí cây xanh - mặt nước cách ly đảm bảo đúng quy định.

- Quy hoạch khu hạ tầng kỹ thuật tại điểm đầu và cuối nguồn nước đảm bảo xử lý nước.

- Bố cục không gian cần có nhịp điệu, có sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc. Cung cấp chính xác, tiện nghi, hệ thống không gian mở cho người người làm việc trong khu công nghiệp. Khi triển khai thực hiện dự án sẽ tiến hành đầu tư hạng mục hạ tầng theo từng phân khu, chia giai đoạn đầu tư theo từng khu chức năng để đảm bảo tiến độ triển khai, thi công nhanh, gọn, quy củ theo từng phạm vi nhưng vẫn đảm bảo tính đồng bộ, tính kết nối chung.

1.2.1.2. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất của KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 17. Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Chức năng	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao	Tỷ lệ (%)	QCVN 01:2021/ BXD
1	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	70	1-5	61,10	**≤79**
2	Đất cây xanh	27,38	5	1	10,67	**≥10**
3	Đất mặt nước	7,34	5	1	2,86	-
4	Đất dịch vụ	5,57	50	1-9	2,17	-
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	40	1-2	1,61	**≥1**
6	Bãi xe	2,71	70	1-3	1,06	-
7	Đất giao thông, HTKT khác	52,73	-	-	20,54	**≥10**
	Tổng	**256,68**			**100,0**	

- Đối với đất xây dựng nhà máy công nghiệp chiếm 61,1 %, thấp hơn QCVN 01:2021/BXD (tối đa sau khi trừ lùi diện tích giao thông, cây xanh, các khu kỹ thuật là 79%).

- Đối với đất xây dựng các công trình đầu mối HTKT là 1,61%, cao hơn QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu là 1%).

- Tổng diện tích trồng cây xanh của KCN Hòa Yên là: 27,38 ha, chiếm tỷ lệ là 10,67%. Tỷ lệ này cao hơn quy định của QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu là 10%).

- Dải cây xanh cách ly với khu dân cư: Dự án bố trí dải cây xanh cách ly ở giáp với khu dân cư thôn Đồng Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Lương Tài, Lương Viên, thôn Nguyễn thuộc phường Vân Hà, đảm bảo theo yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng tối thiểu đạt 10m, cụ thể:

+ Dải cây cách ly giáp với khu dân cư thôn Đồng Quan (xã Hiệp Hòa) ở 3 phía từ 12m – 50m.

+ Dải cây cách ly giáp với khu dân cư thôn Nguyễn (phường Vân Hà) khoảng 12m.

+ Dải cây cách ly giáp với khu dân cư thôn Lương Tài (phường Vân Hà) ở 3 phía từ 12m – 70m.

+ Dải cây cách ly giáp với khu dân cư thôn Lương Viên (phường Vân Hà) khoảng 80m.

- Dải cây xanh cách ly tại trạm XLNT tập trung đạt bề rộng tối thiểu là 10m, đạt yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

Phương án bố trí dải cây xanh cách ly giữa KCN và khu dân cư xung quanh

được minh họa trong các hình sau:

Hình 50. Dải cây xanh cách ly giữa KCN và khu dân cư thôn Đồng Quan



Hình 51. Dải cây xanh cách ly giữa KCN và khu dân cư thôn Lương Tài



Bảng chi tiết cơ cấu sử dụng đất, chia lô của dự án KCN Hòa Yên được trình bày tại bảng sau:

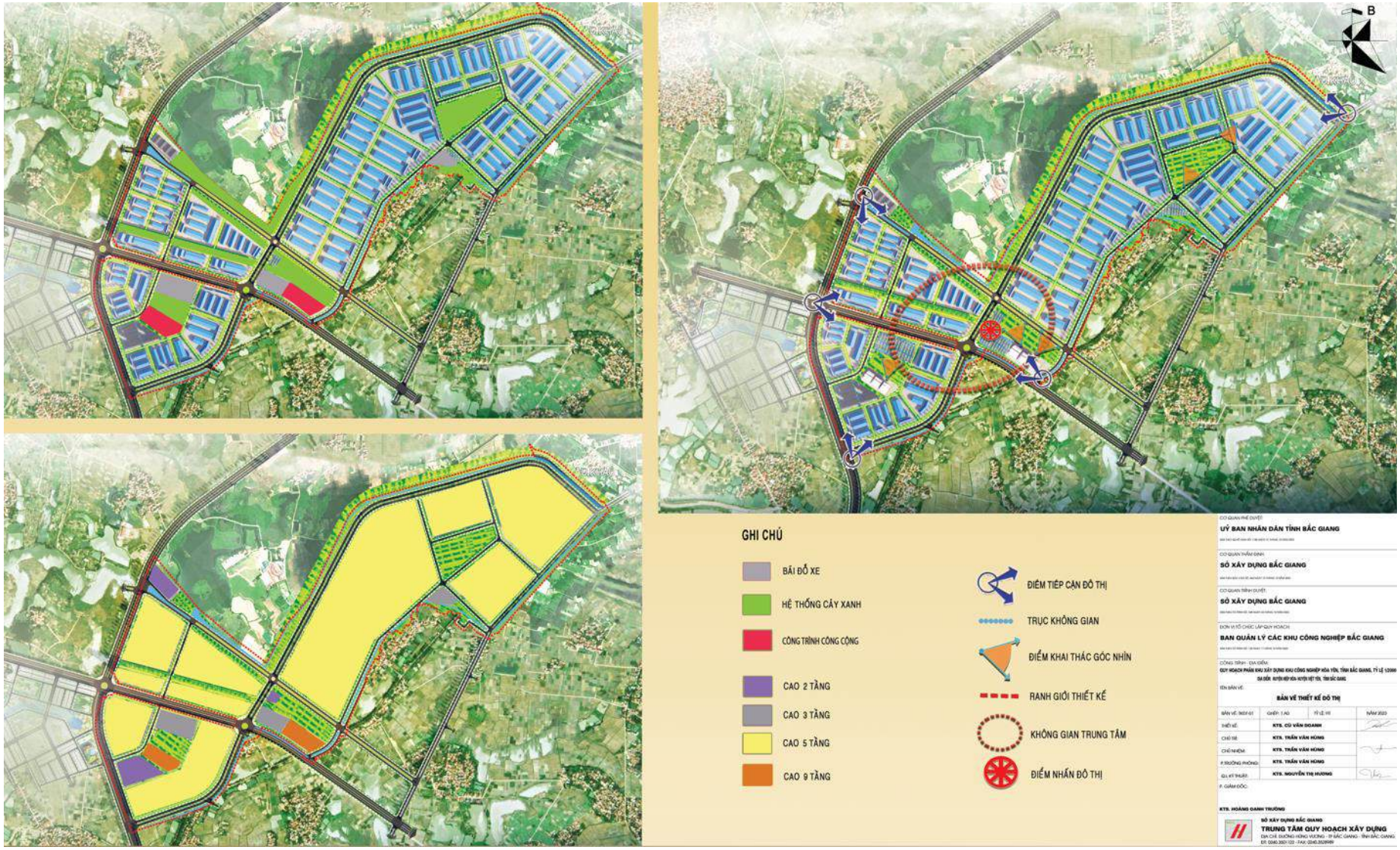
Bảng 18. Cơ cấu sử dụng đất, chia lô của dự án KCN Hòa Yên

TT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	Mật độ xây dựng tối đa	Hệ số SDD
1	**Đất nhà máy công nghiệp**		**156,82**	**61,10**			
	Đất nhà máy công nghiệp 1	CN1	8,91	3,47	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 2	CN2	24,62	9,59	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 3 (Bố trí nhà máy công nghiệp vừa và nhỏ)	CN3	2,94	1,15	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 4 (Bố trí nhà máy công nghiệp vừa và nhỏ)	CN4	5,63	2,19	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 5	CN5	8,59	3,35	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 6	CN6	11,91	4,64	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 7	CN7	48,15	18,76	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 8	CN8	9,53	3,71	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 9	CN9	27,0	10,52	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 10	CN10	9,54	3,72	5	70	3,5
2	**Đất cây xanh**		**27,38**	**10,67**			
2.1	*Đất cây xanh công cộng*		*20,08*	*7,82*			
	Đất cây xanh 1	CX 1	0,51	0,20	1	5	0,05
	Đất cây xanh 2	CX 2	0,39	0,15	1	5	0,05
	Đất cây xanh 3	CX 3	0,31	0,12	1	5	0,05
	Đất cây xanh 4	CX 4	0,39	0,15	1	5	0,05
	Đất cây xanh 5	CX 5	0,39	0,15	1	5	0,05

	Đất cây xanh 6	CX 6	0,14	0,05	1	5	0,05
	Đất cây xanh 7	CX 7	1,23	0,48	1	5	0,05
	Đất cây xanh 8	CX 8	3,58	1,39	1	5	0,05
	Đất cây xanh 9	CX 9	1,87	0,73	1	5	0,05
	Đất cây xanh 10	CX 10	1,03	0,40	1	5	0,05
	Đất cây xanh 11	CX 11	2,67	1,24	1	5	0,05
	Đất cây xanh 12	CX 12	5,67	2,21	1	5	0,05
	Đất cây xanh 13	CX 13	0,31	0,12	1	5	0,05
	Đất cây xanh 14	CX 14	0,69	0,27	1	5	0,05
2.2	*Đất cây xanh hành lang điện*		*7,30*	*2,84*			
	Đất cây xanh hành lang điện 1	CXD1	0,73	0,28			
	Đất cây xanh hành lang điện 2	CXD2	1,33	0,52			
	Đất cây xanh hành lang điện 3	CXD3	1,79	0,70			
	Đất cây xanh hành lang điện 4	CXD4	1,25	0,49			
	Đất cây xanh hành lang điện 5	CXD5	0,64	0,25			
	Đất cây xanh hành lang điện 6	CXD6	1,56	0,61			
3	**Đất mặt nước**		**7,34**	**2,86**			
	Đất mặt nước 1	MN1	0,31	0,12	1	5	0,05
	Đất mặt nước 2	MN2	0,28	0,11	1	5	0,05
	Đất mặt nước 3	MN3	0,45	0,18	1	5	0,05
	Đất mặt nước 4	MN4	0,20	0,08	1	5	0,05
	Đất mặt nước 5	MN5	0,12	0,05	1	5	0,05
	Đất mặt nước 6	MN6	0,96	0,37	1	5	0,05
	Đất mặt nước 7	MN7	0,93	0,36	1	5	0,05

	Đất mặt nước 8	MN8	2,54	0,99	1	5	0,05
	Đất mặt nước 9	MN9	0,30	0,12	1	5	0,05
	Đất mặt nước 10	MN10	1,25	0,49	1	5	
4	**Đất dịch vụ**		**5,57**	**2,17**	**9**	**50**	**4,50**
	Đất dịch vụ 1	DV 1	4,09	1,59	**9**	**50**	4,50
	Đất dịch vụ 2	DV 2	1,48	0,58	**9**	**50**	4,50
5	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**HTKT**	**4,13**	**1,61**			
	Đất hạ tầng kỹ thuật 1	HT1	1,59	0,62	2	40	0,80
	Đất hạ tầng kỹ thuật 2	HT2	2,03	0,79	2	40	0,80
	Đất hạ tầng kỹ thuật 3	HT3	0,51	0,20	2	40	0,80
6	**Đất bãi xe**	**P**	**2,71**	**1,06**			
	Đất bãi xe 1	P1	0,96	0,37	**3**	70	2,10
	Đất bãi xe 2	P2	1,15	0,45	**3**	70	2,10
	Đất bãi xe 3	P3	0,60	0,23	**3**	70	2,10
7	**Đất giao thông, HTKT khác**		**52,73**	**20,54**			
	Đường gom ĐT398 và ĐT398B		5,93	2,31			
	Đường đấu nối hoàn trả		3,04	1,18			
	Đường khu công nghiệp		44,15	17,20			
	Tổng		**256,68**	**100,00**			

Hình 52. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng của dự án KCN Hòa Yên





- Các khuôn viên cây xanh tạo vẻ đẹp tổng thể, tăng tính thẩm mĩ cho các không gian trống, tác động tích cực đến sức khỏe, tâm lý con người. Bố trí đường đi dạo với những điểm nghỉ được bố trí ghế ngồi xen kẽ cây xanh tạo cảm giác yên tĩnh để chịu thoải mái. Hệ thống cây xanh được tổ chức với nhiều hình thức, nhiều màu sắc để lấy bóng mát và tạo cảnh.
- Cần tránh các loại cây có độc tố, gây dị ứng, ngộ độc, các bó vỉa bồn hoa, đường dạo khai thác bằng các dải cây cắt tỉa tạo sự hài hòa mềm mại với thiên nhiên. Hệ thống đèn trang trí, chiếu sáng phải bao quát toàn khu vực.



- Biển chỉ dẫn thiết kế đơn giản hiện đại, đặt những vị trí dễ quan sát và không che khuất tầm nhìn.

Tuyến đường trục chính trồng cây Long Não dọc hai bên hè đường, khoảng cách 10m giữa hai cây. Chiều cao cây từ >5m, đường kính gốc từ 16-18cm.

BÃI ĐỖ XE:
- Mật độ xây dựng tối đa 70%; Tầng cao tối đa 3 tầng. Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý để đáp ứng nhu cầu đỗ xe từng loại phương tiện, đảm bảo an toàn, thuận tiện.
- Diện tích tối thiểu một chỗ đỗ của phương tiện giao thông (chưa kể diện tích đất dành cho đường ra, vào bến đỗ, cây xanh): Ô tô xe tải 30m2; ô tô con 25m2; mô tô, xe máy 3m2; xe đạp 0,9m2. Chiều dài đỗ xe khoảng: 4,75-5,5m; chiều rộng đỗ xe khoảng: 2,3-3,5m.

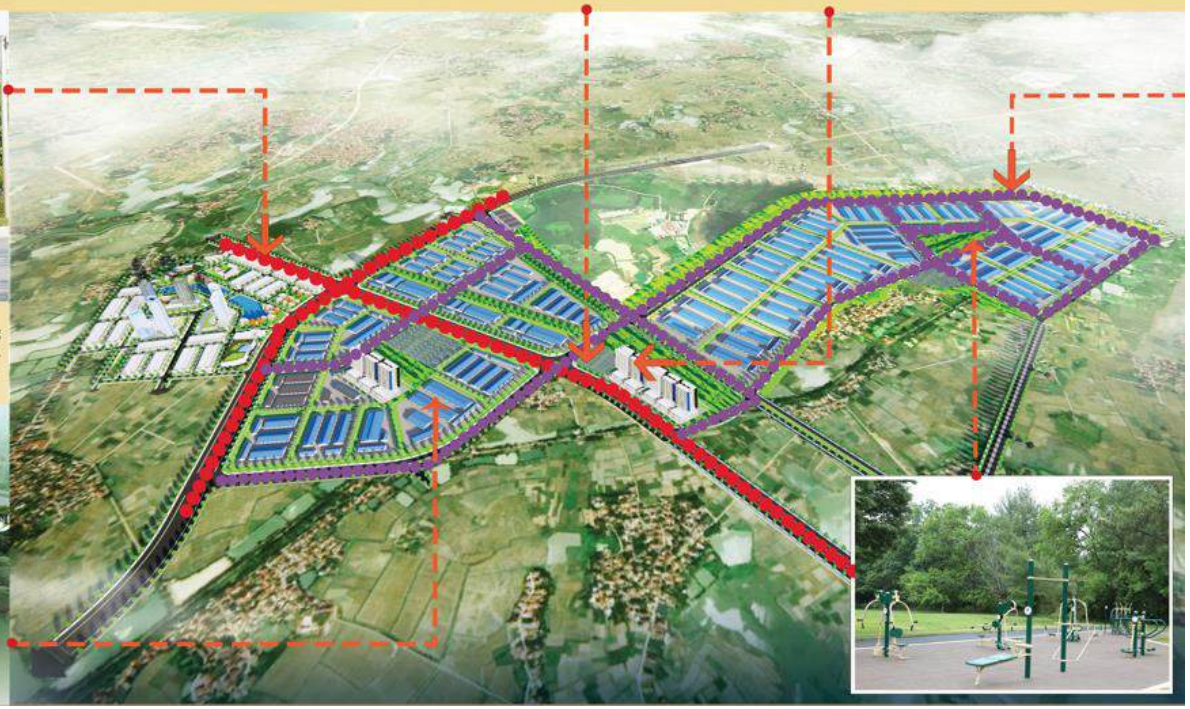


CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ:
- Mật độ xây dựng tối đa 50%: Tầng cao tối đa 9 tầng, khoảng lùi tối thiểu 3 m. Cần đảm bảo nhiều chức năng tùy thuộc vào hình thức đầu tư phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội.
- Đường nét kiến trúc gọn gàng, đơn giản, hiện đại. Dùng 2 đến 3 gam màu, sắc độ hài hòa, tận dụng các vật liệu địa phương, hướng tới công trình bền vững. Hệ thống sân vườn cần tạo hình hấp dẫn phù hợp với công trình chính.



Khu vực nhà máy:
Mật độ xây dựng 70%; Tầng cao tối đa 5 tầng. Khoảng lùi tối thiểu 6m. Màu sắc công trình hiện đại, hài hòa với cảnh quan xung quanh, phù hợp xu thế kiến trúc đương đại. Sân vườn trồng cây xanh bóng mát, tạo các tiểu cảnh. Cổng và tường rào thưa thoáng có hình thức kiến trúc đẹp đồng bộ. Cây xanh tối thiểu 20%





1.2.1.3. Phân khu chức năng của KCN Hòa Yên

Diện tích KCN Hòa Yên là 256,68 ha gồm các khu chức năng sau:

(i). Đất hành chính dịch vụ

Đất hành chính dịch vụ có diện tích là 5,57 ha, chiếm 2,17% diện tích toàn KCN, được quy hoạch tại đầu vào phía Nam dự án tại vị trí nút giao của trục đường chính khu công nghiệp với ĐT.398 làm cổng chào, điểm nhấn cho khu công nghiệp. Các chỉ tiêu sử dụng đất của khu hành chính dịch vụ cụ thể như sau:

Bảng 19. Chỉ tiêu sử dụng đất của khu hành chính dịch vụ

TT	Chỉ tiêu	Thông số	Đơn vị
1	Mật độ xây dựng tối đa	50	%
2	Tầng cao xây dựng tối đa	9	tầng
3	Hệ số sử dụng đất	4,5	lần
4	Chỉ giới xây dựng		
	+ Khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ tối thiểu: 3m		

♣ *Kiến trúc cảnh quan*

Màu sắc công trình hiện đại, hài hòa với cảnh quan xung quanh, phù hợp xu thế kiến trúc đương đại. Sân vườn trồng cây xanh bóng mát, tạo các tiểu cảnh, đài nước tăng vẻ đẹp cảnh quan. Tường rào thưa thoáng có hình thức kiến trúc đẹp, nên trồng các hàng cây xanh bên cạnh. Dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ; trạm y tế, đội phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa – thể thao, ...

(ii). Đất hạ tầng kỹ thuật

Đất hạ tầng kỹ thuật có quy mô tổng diện tích 4,13 ha, chiếm 1,61% diện tích toàn KCN. Trong đó khu trạm cấp nước bao gồm trạm xử nước cấp và trạm bơm + bể chứa có diện tích 2,03 ha; khu trạm xử lý nước thải diện tích 1,59 ha và phải đảm bảo có dải cây xanh cách ly xung quanh rộng tối thiểu 10m; khu trạm biến áp 0,51 ha (Đảm bảo chỉ tiêu QCVN 01:2021).

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu đất xây dựng này như sau:

Bảng 20. Chỉ tiêu sử dụng đất của khu hạ tầng kỹ thuật

TT	Chỉ tiêu	Thông số	Đơn vị
1	Mật độ xây dựng tối đa	40	%
2	Tầng cao xây dựng tối đa	2	tầng

3	Hệ số sử dụng đất	0,8	lần

(iii). Đất nhà máy công nghiệp

Diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp là 156,82 ha, chiếm 61,10% diện tích toàn KCN, được bố trí trên trục đường chính và đường nhánh của KCN.

♣ *Kiến trúc cảnh quan*

Màu sắc công trình hiện đại, hài hòa với cảnh quan xung quanh, phù hợp xu thế kiến trúc đương đại. Sân vườn trồng cây xanh bóng mát, tạo các tiểu cảnh. Cổng và tường rào thưa thoáng có hình thức kiến trúc đẹp đồng bộ. Bố trí xây dựng nhà máy công nghiệp vừa và nhỏ tại 2 lô đất CN3 và CN4. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

♣ *Phân lô đất*

- Các lô đất sản xuất trong KCN căn cứ chủ yếu theo yêu cầu thuê đất của doanh nghiệp trên cơ sở chia lô điển hình và mạng lưới đường giao thông khống chế trong KCN. Việc điều chỉnh ranh giới lô đất theo nhu cầu thực tế.

- Dự án tiến hành phân khu đất công nghiệp thành 10 lô, có diện tích bé từ 2,9 ha đến gần 19 ha; diện tích lớn từ 21 ha đến gần 50 ha đáp ứng nhu cầu thuê đất của các nhà đầu tư thứ cấp sau này.

- Khu nhà máy, xí nghiệp được sử dụng để thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp theo các tính chất được xác định *(xem tính chất khu công nghiệp),* trong đó sẽ ưu tiên cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp của địa phương (xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà và phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh), các doanh nghiệp di chuyển khỏi các khu dân cư. Khu nhà máy, xí nghiệp được phân thành các lô đất để phục vụ xây dựng các hạng mục sản xuất công nghiệp: nhà xưởng sản xuất, kho bãi, ... Các chỉ tiêu sử dụng đất chính trong các lô đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp như sau:

Bảng 21. Chỉ tiêu sử dụng đất của lô đất công nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Thông số	Đơn vị
1	Mật độ xây dựng tối đa	70	%
2	Tầng cao xây dựng tối đa	5	tầng
3	Hệ số sử dụng đất	3,5	lần
4	Chỉ giới xây dựng		
	+ Khoảng lùi tối thiểu 6m		
5	Tỷ lệ cây xanh trong khuôn viên nhà máy	≥20	%

***Nguồn**: Công ty CP Fecon Hòa Yên, Báo cáo NCKT dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên*

***Lưu ý**:*

- Các ô đất công nghiệp được quy định mật độ xây dựng tối đa 70%, tuy nhiên đây là mật độ áp dụng chung cho lô đất. Trong giai đoạn đầu tư xây dựng thực tế, tùy theo nhu cầu nhà đầu tư mà kích thước lô được chia với quy mô phù hợp và được điều chỉnh mật độ xây dựng sao cho vẫn đảm bảo quy chuẩn, quy định hiện hành và được các cơ quan chức năng xác nhận.

- Tầng cao quy định trong mỗi ô công nghiệp không quá 5 tầng, đối với những ngành nghề công nghiệp đặc thù và yêu cầu đặc biệt về các công trình hạ tầng như tháp quan sát, cột nước, ống khói ... nhà đầu tư có thể điều chỉnh tầng cao sau khi được sự chấp thuận của cơ quan chức năng.

(iv). Đất cây xanh

Diện tích đất cây xanh và mặt nước tại KCN, bao gồm:

+ Diện tích cây xanh: 27,38 ha chiếm 10,67%

+ Diện tích mặt nước: 7,34 ha chiếm 2,86%.

- Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xem trong KCN. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại những khu vực không thuận lợi cho việc xây dựng các nhà máy, và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi trường KCN thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật.

- Quy hoạch kiến trúc:

+ Thảm cỏ, vườn hoa, cây trồng, … đảm bảo trồng cây không gây độc hại sức khỏe con người, không làm ảnh hưởng đến giao thông, không trồng cây dễ gây đổ, nhiều sâu bệnh; bốn mùa cây xanh tươi tốt, sắc màu hoa lá phong phú, gây ấn tượng tốt.

+ Cây xanh đường phố: Được bố trí trên vỉa hè, chủ yếu sử dụng cây có chiều cao 8-10m, trồng khoảng cách 8-10m/cây.

+ Khu vực được khai thác dưới dạng hỗn hợp, bao gồm:

++ Khu cây xanh vườn hoa trên các trục đường giao thông

++ Cây xanh kết hợp trong công trình hành chính

++ Cây xanh cách ly xung quanh ranh giới KCN

++ Cây xanh trong mặt bằng nhà máy.

Hình 53. Không gian cây xanh






(v). Đất bãi đỗ xe

Đất bãi đỗ xe có diện tích 2,71 ha chiếm 1,06% diện tích toàn KCN. Bãi đỗ xe được chia làm 2 bãi ở phía Nam và phía Tây, phân bố tại các khu vực phù hợp đáp ứng các yêu cầu đậu xe và an toàn lưu thông. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

Phối cảnh tổng thể KCN Hòa Yên được trình bày trong các hình sau:

Hình 54. Phối cảnh tổng thể KCN Hòa Yên



1.2.2. Các hạng mục công trình HTKT

1.2.1.1. San nền KCN Hòa Yên

a) Cao trình san nền

(i). Cao độ hiện trạng

- Cao độ hiện trạng tại khu vực dự án: Khu vực dự án hiện trạng là ruộng canh tác trũng, đất hoa màu trồng trọt, hướng thoát nước chủ yếu về phía mặt nước thấp trũng hiện trạng. Địa hình khu vực có cao độ tự nhiên khu đất như sau:

+ Cao độ thấp nhất: + 1,00 (m), tại khu vực mương nước phía Tây Bắc

+ Cao độ cao nhất: +7,97 (m), tại khu vực ĐT.398 – Vành đai 4

- Cao độ trung bình của đường ĐT.398B: +5,98(m)

- Cao độ trung bình của đường ĐT.398 – Vành đai 4: +6,70(m)

- Cao độ trung bình của mương nước phía Tây Bắc dự án: +2,19(m)

- Cao độ khu vực dân cư xung quanh:

+ Cao độ khu dân cư thôn Xuân Minh, phường Tự Lạn : +4,06(m)

+ Cao độ khu dân cư thôn thôn Nguyễn, phường Vân Hà : +4,12(m)

+ Cao độ khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa : +4,42(m)

+ Cao độ khu dân cư thôn Lương Tài, phường Vân Hà : + 4,08(m)

(Chi tiết xem Bản đồ hiện trạng khu đất tại phần phụ lục của báo cáo ĐTM)

(ii). Cao độ san nền hoàn thiện của dự án

- Cao độ san nền dựa vào cao độ các tuyến đường ĐT.398, ĐT.398B, đường bê tông qua khu dân cư hiện trạng và dân cư xung quanh dự án.

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Cote san nền thấp nhất là +6,50(m); cote san nền cao nhất là +7,65(m).

b) Phương án san nền

(i). Đối với khu vực đất trồng cây xanh trong lô

- San nền cho phần đất trồng cây xanh thiết kế theo từng lô đất, được phân thành các lô (Vị trí được thể hiện trong bản vẽ).

- Khối lượng san nền: Tính theo phương pháp lưới ô vuông 20×20m; tính

khối lượng trong phạm vi các ô đất.

- Vật liệu san nền khu vực đất trồng cây xanh tập trung đắp nền với độ chặt K= 0,85, riêng với lớp mặt trồng cỏ tận dụng đất đào hữu cơ từ các khu vực để đắp với chiều dày 0,3m.

(ii). Đối với phần đất khác trong lô

- San nền cho phần đất công nghiệp được thiết kế theo từng lô đất, các lô đất được giới hạn bởi các đường giao thông hoặc ranh giới với khu vực đất trồng cây xanh. Dự án được phân thành các lô (Vị trí thể hiện trong bản vẽ).

- Khối lượng san nền: Tính theo phương pháp lưới ô vuông 20×20m; tính khối lượng trong phạm vi các ô đất, phần tuyến đường giao thông được tính trong hạng mục giao thông.

- Trước khi san nền cần dọn dẹp mặt bằng, bóc bùn, hữu cơ trong phạm vi dự án, chiều sâu vét bùn H_{tb} = 0,50m, chiều sâu đào đất không thích hợp H_{tb} = 0,20m và dọn dẹp đất thải không thích hợp trước khi đắp đất san nền. Đắp nền bằng đất đầm chặt K = 0,9 ;

- Khu vực chênh cốt giữa phần đắp nền và nền hiện trạng tại ranh giới dự án được xử lý bằng tường chắn đá hộc xây hoặc taluy đất tùy vị trí.

c) Cân bằng đào đắp san nền

Cân bằng đào đắp san nền tại dự án KCN Hòa Yên được tính toán trong hồ sơ thiết kế cơ sở, được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 22. Cân bằng đào đắp san nền tại dự án KCN Hòa Yên

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	***Công tác đào***		
1	Đào đất KTH, vét bùn ao, mương: toàn bộ Dự án (không bao gồm tầng đất mặt chuyên trồng lúa, không bóc đất hữu cơ các lô đất cây xanh)	m^3	506.242,25
2	Tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa LUC phải bóc tách *($S_{boctach}$=880,400m^2, độ sâu bóc tách 0,20m)*	m^3	176.080,00
3	Đào nền các lô	m^3	442,00
4	Đào nền đường giao thông	m^3	1.096,10
5	Đào khuôn đường giao thông	m^3	2.427,24
II	***Công tác đắp***		

6	Tổng khối lượng đắp san nền lô công nghiệp, đường giao giao thông, bãi đỗ xe	m^3	6.416.710,24
7	Đắp đất cây xanh tập trung, cách ly *(Tận dụng đất mặt trồng lúa bóc tách và đất đào KTH)*	m^3	620.125,56
8	Đắp trồng cây xanh giao thông *(Tận dụng đất mặt trồng lúa bóc tách)*	m^3	54.020,85
III	***Cân bằng đào đắp***		
9	Tổng khối lượng đất hữu cơ bề mặt (tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa) được sử dụng để đắp vào các khu vực trồng cây xanh (2)	m^3	176.080,00
10	Tổng khối lượng đất hữu cơ bề mặt (tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa) còn thừa, phải sử dụng cho mục đích trồng cây theo quy định tại Luật Trồng trọt (2)-(9)	m^3	0,00
11	Tổng khối lượng đất đào KTH, vét bùn ao, mương, đào nền không tận dụng được (1)+(2)+(3)-(7)-(8)	m^3	9.713,94
12	Tổng khối lượng đất đào khuôn đường tận dụng để đắp san nền (5)	m^3	2.427,24
IV	***Vận chuyển, đổ thải***		
13	Khối lượng vận chuyển đổ thải (11)	m^3	9.713,94
14	Tổng khối lượng cát/đất san nền phải vận chuyển từ nơi khác về dự án để san nền (6)-(12)	m^3	6.414.283,00
15	Tổng khối lượng vận chuyển (13)+(14)	m^3	6.423.996,94

→ Kết luận:

1) Thực hiện dự án phải tiến hành đổ thải đất thừa khoảng: 9.713,94 m^3

- Đất thừa từ quá trình san nền: Sau khi tận dụng toàn bộ đất để san nền, dự án vẫn còn dư thừa khoảng 9.713,94 m^3 cần phải đổ thải.

- Phế thải xây dựng: Phế thải xây dựng phát sinh từ quá trình dọn dẹp, GPMB từ hoạt động phá bỏ hệ thống kênh xây, mồ mả,… và từ hoạt động thi công xây dựng (gạch vỡ, trạc..) khoảng: 3.107,2 m^3 *(Chi tiết tính toán được trình bày ở phần sau).*

→ *Phương án đổ đất dư thừa và phế thải xây dựng:* Toàn bộ đất dư thừa và phế thải xây dựng (khoảng 9.713,94 m^3 +3.107,2 m^3 = 12.821,14 m^3) sẽ được đổ thải tại các bãi chứa theo Biên bản thỏa thuận ngày 10/11/2025, như sau:

Bảng 23. Các bãi chứa đất dư thừa và phế thải xây dựng của dự án KCN Hòa Yên

TT	Bãi chứa	Diện tích (m^2)
1	Bãi chứa tại thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hòa	2.000
2	Bãi chứa tại thôn Đông Lỗ, xã Hiệp Hòa	500

3	Bãi chứa tại thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa	500

Khả năng tiếp nhận của các bãi chứa khoảng 15.000m^3 đất đá phế thải là hoàn toàn đáp ứng được khối lượng đổ thải của dự án KCN Hòa Yên (khoảng 12.821,14 m^3). Cự ly vận chuyển từ các bãi đến chân công trình khoảng 5km.

2) Khối lượng đất hữu cơ tận dụng đắp vào các lô cây xanh tại dự án khoảng 176.080 m^3

Theo tính toán, lượng đất hữu cơ bề mặt bóc (176.080 m^3) được tái sử dụng để trồng cây xanh ngay tại dự án, tuân thủ theo quy định tại Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ *"Quy định chi tiết về đất trồng lúa"*.

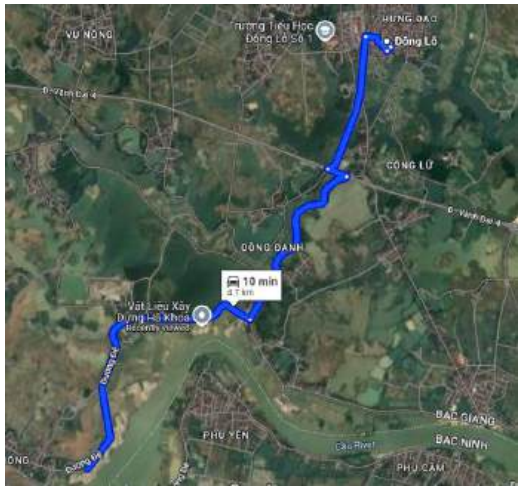
3) Khối lượng đất san nền phải mua từ mỏ khai thác về: 6.414.283 m^3

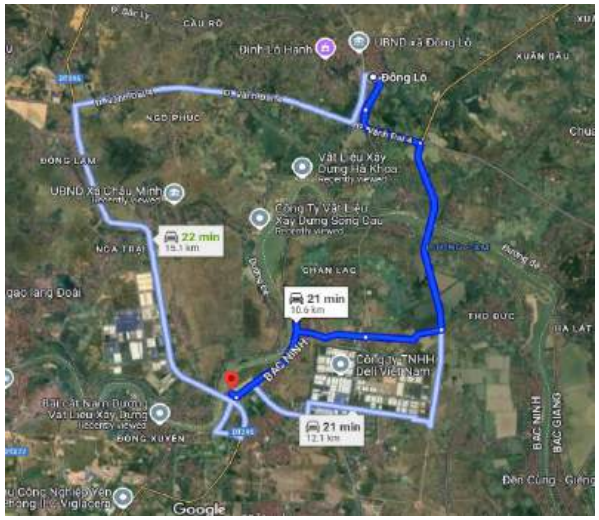
- Phương án sử dụng cát/đất san lấp: Chủ dự án và Nhà thầu sẽ mua vật liệu san lấp tại chân công trình, lựa chọn các nhà thầu có nguồn cát/đất đầy đủ năng lực, hợp pháp theo quy định.

- Viện Nền móng và công trình ngầm đã khảo sát điều tra các mỏ vật liệu xung quanh dự án KCN Hòa Yên. Mỏ cung cấp đất/cát và đá dự kiến lựa chọn như sau:

Bảng 24. Thông tin các mỏ vật liệu của dự án

TT	Tên mỏ	Vị trí bãi vật liệu	Trữ lượng (m^3)	Đơn vị quản lý	Cung đường vận chuyển
I	***Mỏ vật liệu cát cho xây dựng***				
1	Mỏ cát Dẫm Đình, Xóm Bến	B=21°15'28.047411" L=106°24'03.84119" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Bắc Lũng, xã Khám Lạng và xã Nghĩa Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	+ Trữ lượng: 474.000 m^3 (cát đen 445.738 m^3, sỏi 28.262 m^3) + Công suất khai thác: 32.000 m^3/năm. + Đặc điểm vật liệu: Cát vàng, cát xây dựng + Điều kiện khai thác: Đã có giấy phép khai thác.	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Hồng Phát	Di chuyển đường bộ theo hướng từ dự án về phía sông Lục Nam khoảng 49 km  

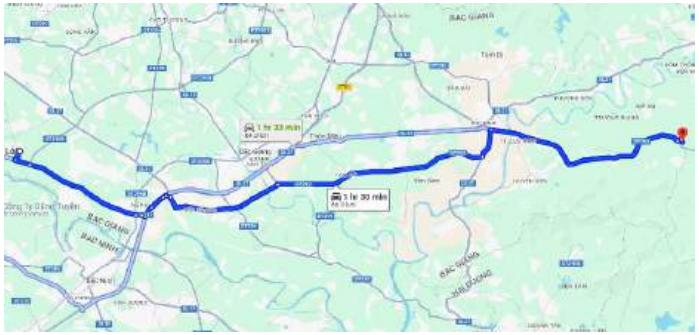
2	Bãi khai thác cát sỏi sông Cầu	B= 21°15'22.92" L= 105°59'10.08" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Xuân Cẩm, tỉnh Bắc Ninh	+ Cung cấp: 300 - 400 m^3/ngày + Đặc điểm vật liệu: Cát đen, cát vàng, cát xây dựng	Công ty TNHH vật liệu xây dựng cát sỏi sông Cầu	Từ dự án di chuyển bằng đường bộ qua đường vành đai 4 khoảng 4,7 km theo hướng sông Cầu.  

3	Bãi khai thác cát sỏi Dũng Tuyền	B= 21°13'44.56" L= 105°58'51.24" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Yên Trung, tỉnh Bắc Ninh	- Cung cấp: 400 - 500 m^3/ngày Đặc điểm vật liệu: Cát đen, cát vàng, cát xây dựng.	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Dũng Tuyền	Từ dự án di chuyển bằng đường bộ qua cầu Hà Bắc khoảng 10,6 km theo hướng sông Cầu.  

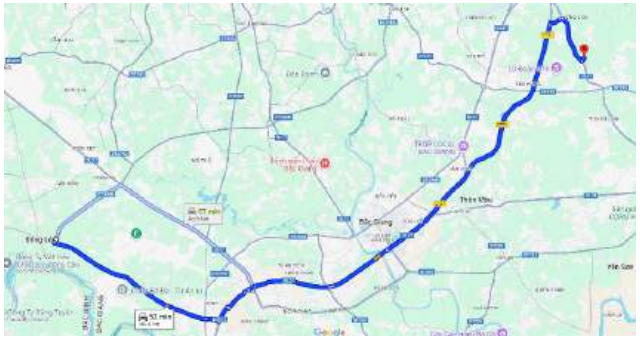
II	***Mỏ vật liệu đá cho xây dựng***				
1	Mỏ đá Ao Ngươm	B=21°32'40.98" L=106°22'9.22" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Vân Nham, tỉnh Lạng Sơn	+ Trữ lượng mỏ: 1.944.769 m^3 + Công suất khai thác: 100.000 m^3 đá nguyên khối/năm + Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên + Điều kiện khai thác: Mỏ đang khai thác và có giấy phép khai thác	Công ty Cổ phần ACC-78	Từ dự án di chuyển bằng đường bộ theo hướng ĐT. 398B khoảng 30 km, sau đó rẽ theo hướng QL.1A khoảng 29,3 km về phía xã Vân Nham, tỉnh Lạng Sơn  

2	Mỏ đá Hang Cao	B=21°32'51.12" L=106°21'37.36" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	+ Trữ lượng mỏ: 4.000.000 m^3 + Công suất khai thác: 200.000 m^3 đá nguyên khối/năm. + Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên + Điều kiện khai thác: Mỏ đang khai thác; có giấy phép khai thác	Công ty CP Trường Sơn Lạng Sơn	Từ dự án di chuyển đường bộ theo hướng ĐT.398B khoảng 30 km sau đó rẽ theo hướng QL.1A khoảng 28,9 km về phía xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.  

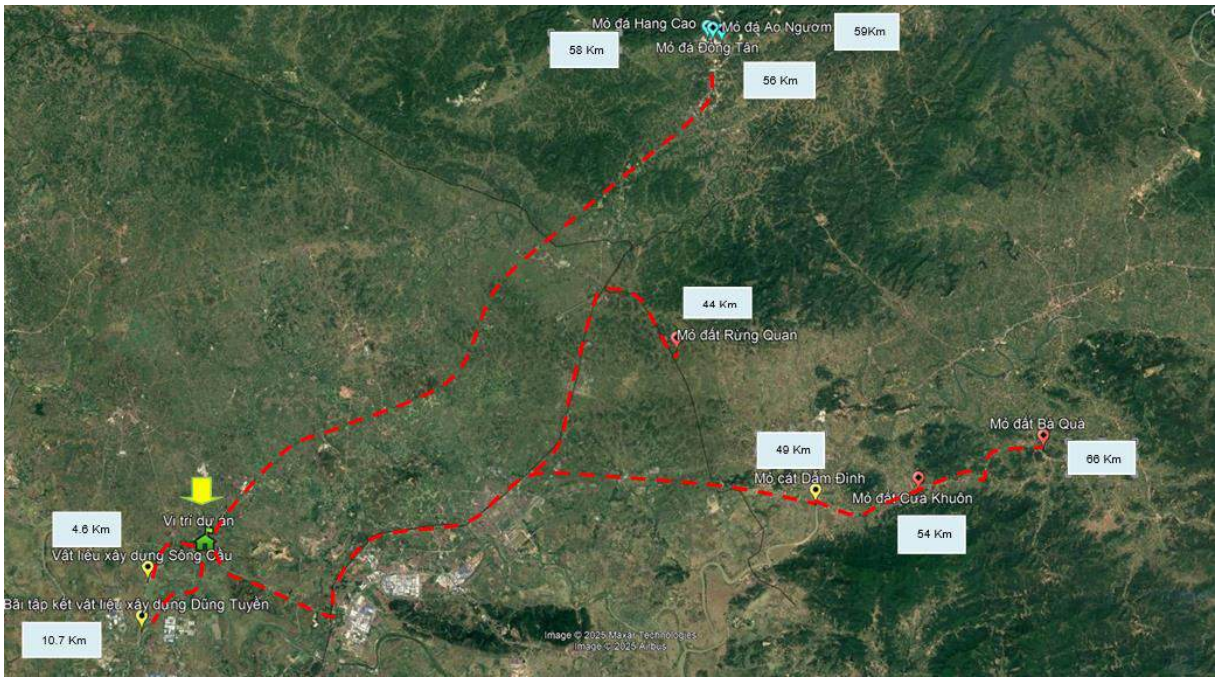
3	Mỏ đá Đồng Tân	B=21°32'44.68" L=106°21'47.20 *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	+ Trữ lượng của mỏ: 3.964.935 m^3 + Công suất khai thác: 150.000 m^3 đá nguyên khối/năm. + Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên + Điều kiện khai thác: Mỏ đang khai thác; có giấy phép khai thác	Công ty TNHH Yên Vượng	Từ dự án di chuyển đường bộ theo hướng QL.37 khoảng 53 km sau đó rẽ theo hướng ĐT.243 khoảng 20 km về phía xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.  
III	***Mỏ vật liệu đất đắp***				

1	Mỏ đất khu vực Bà Quà, Đá Đen, thôn Ao Vè, thôn Bãi Gạo	B=21°17'25.84" L=106°32'55.30" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại xã Trường Sơn, tỉnh Bắc Ninh	+ Sản lượng khai thác: 4.155.735 m^3 + Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên + Điều kiện khai thác: Có giấy phép khai thác, hiện tại mỏ chưa khai thác.	Công ty TNHH An Chi Bắc Giang	Từ dự án di chuyển đường bộ theo hướng đường vành đai 4 11,2km sau đó rẽ theo hướng ĐT.293 khoảng 55,7 km về phía xã xã Trường Sơn, tỉnh Bắc Ninh  

2	Mỏ đất Cửa Khuôn	B=21°16'14.57" L=106°27'50.44" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại Đập Dốc Vang, thôn Quỳnh Cả, thôn Đông Man, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh	+ Trữ lượng khai thác: ~ 2.000.000 m^3 + Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên + Điều kiện khai thác: Có giấy phép khai thác, hiện tại mỏ chưa khai thác	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang	Từ dự án di chuyển đường bộ theo hướng đường VĐ4 11,2km sau đó rẽ theo hướng ĐT.293 khoảng 43,3 km về phía thôn Đông Man, xã Nghĩa Phương, tỉnh Bắc Ninh.  

3	Mỏ đất Rừng Quan	B=21°22'07.23" L=106°19'18.15" *(Hệ tọa độ WGS-84)* tại Khu vực Rừng Quan, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh	+ Trữ lượng khai thác: ~ 2.000.000 m^3 + Phương pháp khai thác: Khai thác lộ thiên + Điều kiện khai thác: Có giấy phép khai thác	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang	Từ dự án di chuyển đường bộ theo hướng đường vành đai 4 11,2km sau đó rẽ theo hướng QL.37 khoảng 15 km sau đó đi theo hướng cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn về phía Khu vực Rừng Quan, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh khoảng 18km  

Hình 55. Tổng quan vị trí các mỏ vật liệu xung quanh dự án



Qua kết quả điều tra các mỏ vật liệu xây dựng gần khu vực dự án KCN Hòa Yên, Chủ dự án dự kiến các nguồn cung cấp vật liệu như sau:

- Với Mỏ đất đắp: Để đảm bảo đủ lượng san lấp đất cho dự án nên dự kiến sử dụng cả 3 mỏ Rừng Quan, Cửa Khuôn, Bà Quả.

- Với Mỏ đá: Dự kiến sử dụng mỏ đá Đồng Tâm do gần dự án hơn.

- Với vật liệu Mỏ cát: Do khu vực huyện Hiệp Hòa chưa có mỏ cát được cấp phép khai thác vì thế dự kiến sử dụng cát tại Mỏ cát Dẫm Đình, xóm Bến. Đây là mỏ cát đã được cấp phép và trữ lượng lớn, tuy nhiên cự ly vận chuyển tương đối xa, nên dự trù thêm 2 Bãi khai thác vật liệu Sông Cầu hoặc Dũng Tuyền cự ly vận chuyển tới dự án tương đối gần.

1.2.2.2. Xây dựng, cải tạo, hoàn trả hệ thống kênh mương thủy lợi

a) Hoàn trả mặt nước lớn phía Tây Bắc

- *Hiện trạng:* Nội dung này đã được trình bày ở mục 1.1.5.

- *Mục tiêu:* Để đảm bảo nguồn nước tưới cho khu đất canh tác đất nông nghiệp còn lại ở phía Tây và Bắc của khu vực KCN khi thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

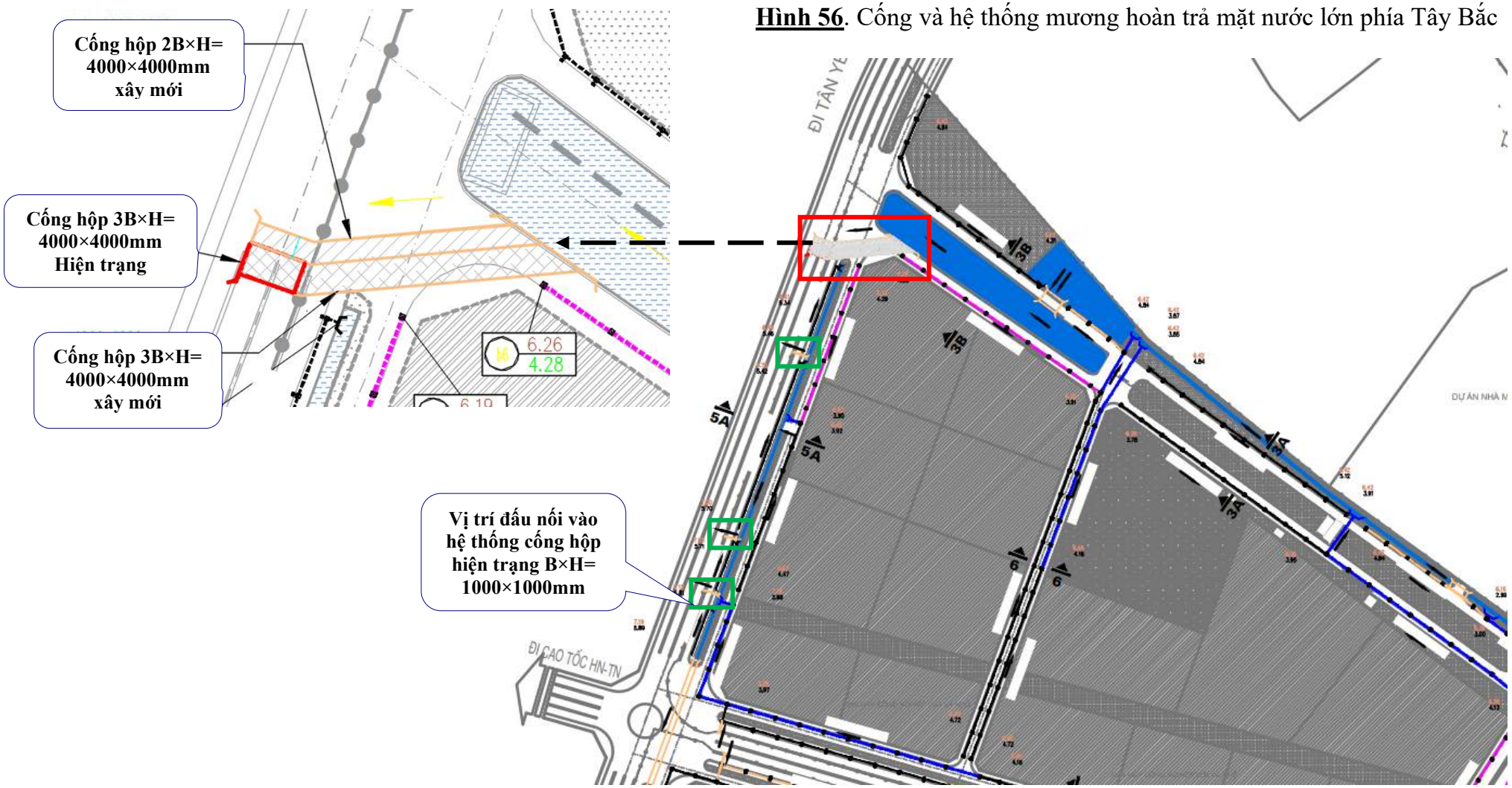
- *Phương án hoàn trả:* Do hệ thống dự án quy hoạch nằm trong vùng trũng thu nước của 2 huyện Hiệp Hòa và Việt Yên cũ, để giảm tải lưu lượng nước phía Bắc dồn vào khu vực quy hoạch chỉ có 1 hệ thống cống qua đường, dự án đã xây dựng:

+ Nối dài cống hiện trạng (Cống hộp ba: 3B×H=4000×4000mm) thông với kênh đáy B=20m của dự án, đồng thời xây mới thêm 1 cống đôi kích thước 2×B×H=4000×4000mm cạnh cống hiện trạng để đảm bảo việc tiêu thoát nước dự án.

+ Tại dọc trục đường ĐT.398B xây dựng hệ thống mương thoát nước có bề rộng khoảng B=6m , i=0,05% chảy dọc đường tỉnh theo hướng từ QL.37 đi đường Vành đai 4. Vị trí mương nằm trong ranh giới dự án và được đấu nối vào hệ thống cống hộp hiện trạng B×H= 1000×1000mm chạy dọc đường ĐT.398B tại 3 điểm.

+ Thiết kế các vị trí kênh hở tiêu nước, mục đích để đấu nối hạ tầng thoát nước mưa được thuận lợi hơn, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở xung quanh dự án có bề rộng từ 6-8m, độ dốc tối thiểu i=0,00025.

Hình 56. Cống và hệ thống mương hoàn trả mặt nước lớn phía Tây Bắc



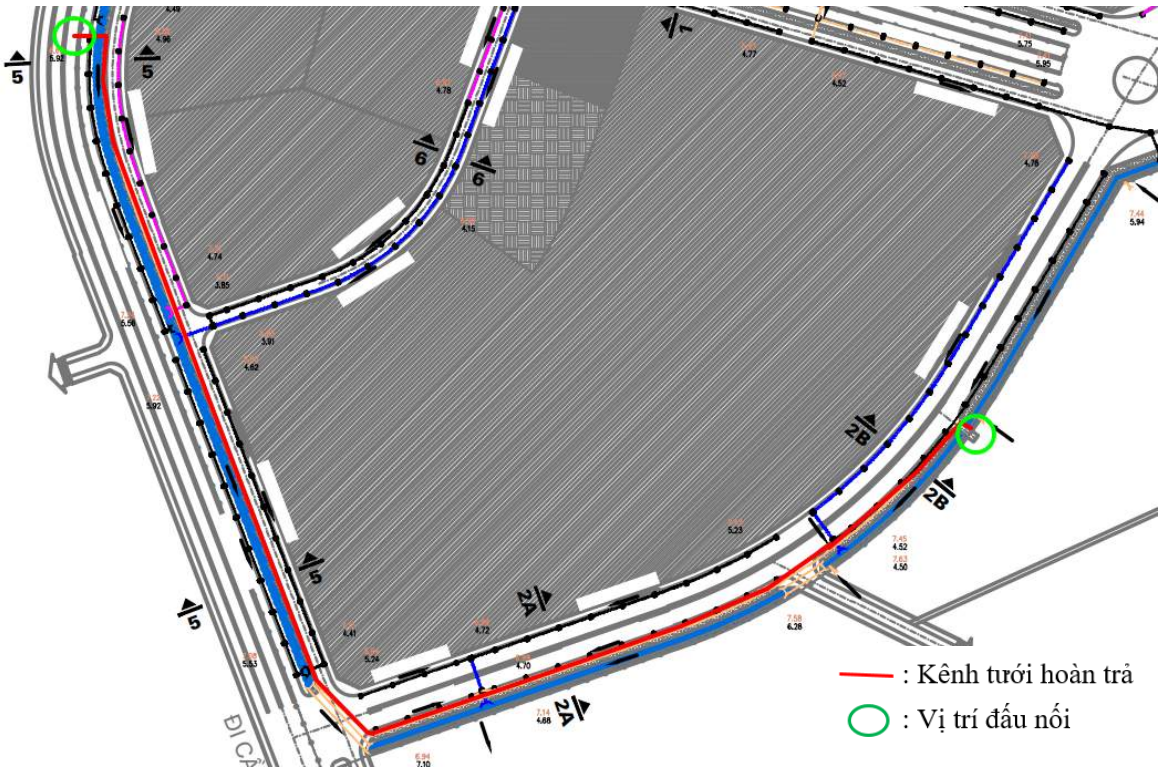
b) Hoàn trả kênh tưới tiêu Phù Tài

- *Hiện trạng:* Nội dung này đã được trình bày ở mục 1.1.5.

- *Phương án hoàn trả:*

+ Nhằm đảm bảo nước tưới cho diện tích phía Tây, dự án sẽ xây dựng tuyến mương tưới hoàn trả BTCT, B=800mm đấu nối với kênh tưới Phù Tài hiện trạng, cụ thể:

Hình 57. Vị trí tuyến mương tưới hoàn trả BTCT, B=800mm



+ Hoàn trả tuyến mương thoát nước rộng B=6m; i=0,05% bao quanh phía Nam dự án cùng các tuyến cống hộp nhằm đảm bảo tiêu thoát nước cho dự án.

Bảng 25. Các tuyến cống hộp được xây dựng

TT	Cống hộp	Kích thước (mm)	Chức năng
1	Cống hộp đôi	2B×H=2000×2500	Kết nối với hệ thống kênh mương phía Tây Bắc
2	Cống hộp ba	3B×H=2000×2500	Kết nối với hệ thống kênh mương phía Đông Bắc
3	Cống hộp ba	3B×H=2000×2500	Kết nối với các kênh mương ở phía Nam
4	Cống hộp ba	3B×H=2000×2500	

c) Kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa

- *Hiện trạng:* Nội dung này đã được trình bày ở mục 1.1.5.

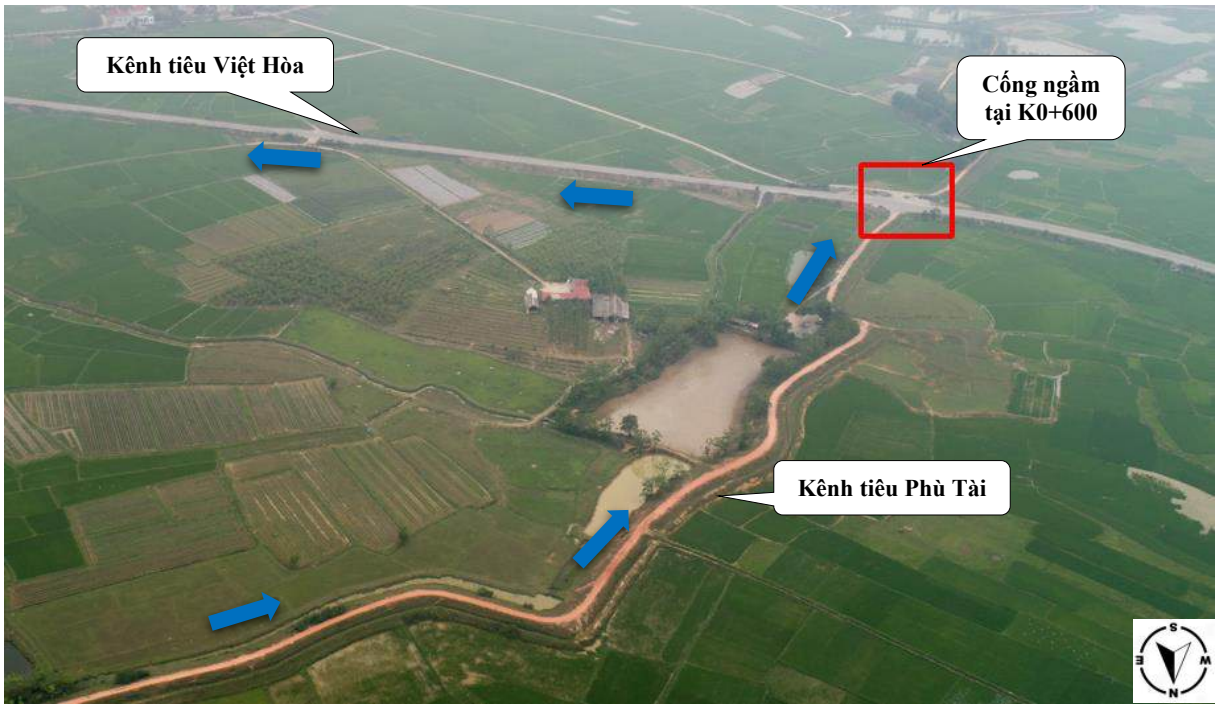
- *Phương án hoàn trả:*

Theo Văn bản số 344/NST-QLCT ngày 05/11/2025 của Công ty TNHH MYV KT CTTL Nam sông Thương về việc *"Trả lời đề nghị của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên trong việc xin thỏa thuận đấu nối thoát nước và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa",* phương án hoàn trả kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa như sau:

1) Xây dựng lại cống ngầm tại K0+600 dưới kênh tưới trạm bơm Việt Hòa:

Nâng khẩu độ cống từ B×H=1,0×1,2 hiện trạng lên thành n×B×H = 4(2,0×2,5)m để thoát nước dự án vào kênh tiêu Phù Tài (kênh tiêu do UBND phường Vân Hà quản lý) tiêu thoát về trạm bơm Việt Hòa qua cống ngầm dưới kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại K0+600. Cống ngầm này do Công ty Nam Sông Thương quản lý.

Hình 58. Đấu nối thoát nước dự án vào kênh tiêu Phù Tài để tiêu về trạm bơm Việt Hòa qua cống ngầm dưới kênh



2*) Xây ngầm đoạn kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại vị trí K1+580*

Ngầm hóa đoạn kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại vị trí K1+580 với khẩu độ B×H= (1,0×1,0)m; chiều dài L=30m, cụ thể:

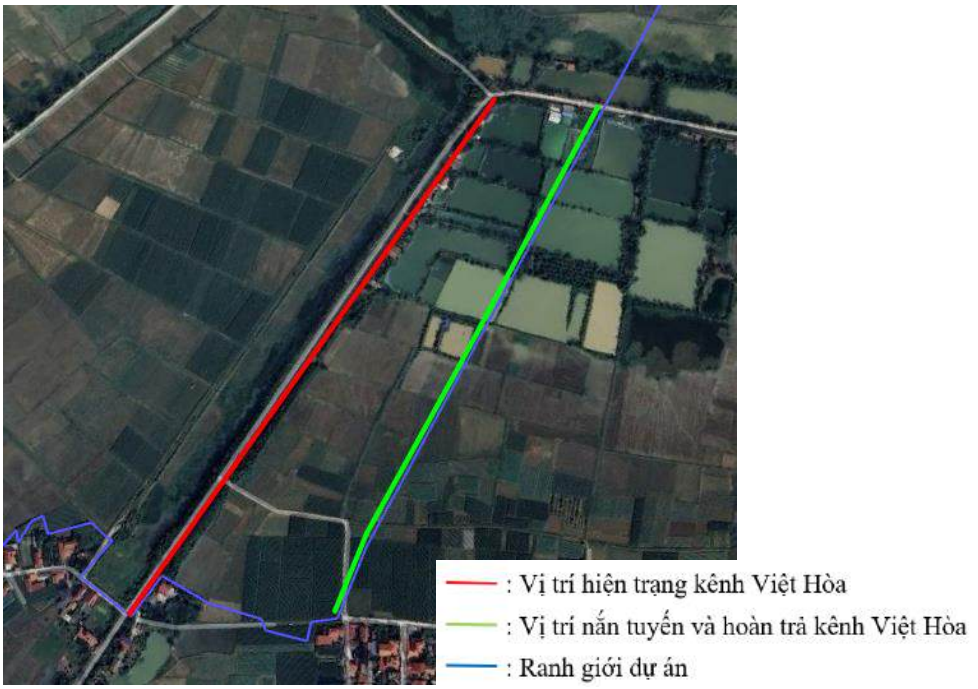
Hình 59. Ngầm hóa đoạn kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại vị trí K1+580



3) Nắn tuyến kênh tưới trạm bơm Việt Hòa đoạn từ K2+750 đến K3+600

Nắn tuyến và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa đoạn từ K2+750 đến K3+600 bằng BTCT mặt cắt hình thang, cụ thể:

Hình 60. Nắn tuyến và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa đoạn từ K2+750 đến K3+600



- Đoạn kênh tưới qua dự án hoàn trả bằng kênh tưới có bề rộng mặt đỉnh thiết kế bằng 7m, bề rộng hai bên đường tối thiểu 1,25m. Hành lang an toàn đối với mương thoát nước có Q=2-10m^3/s là từ 2-3m. Kết cấu mương tưới BTCT hoặc kè tấm bê tông xi măng hai bên bờ.

1.2.2.3. Hệ thống giao thông

a) Các tuyến đường giao thông đối ngoại

(i). Đường tỉnh 398 (ĐT.398)

** Mặt cắt ngang theo quy hoạch*

- Mặt cắt (1-1) rộng 106m, trong đó đường chính 2×11,25m = 22,5m; dải phân cách giữa 1,5m; đường gom 2×10,5m=21m; dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2×1m = 2m; dải cây xanh giữa đường gom với đường khu công nghiệp 2×11,5m=23m; đường khu công nghiệp 2 bên 2×12m = 24m; hè đường 2 bên 2×6m = 12m.

- Mặt cắt (1A-1A) rộng 88m, trong đó đường chính 2×11,25m = 22,5m; dải phân cách giữa 1,5m; đường gom 2×10,5m = 21m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2×1m=2m; hè đường 2 bên 2×6,5m=13m; đường khu công nghiệp 1 bên 12m, hè đường 2 bên phía khu công nghiệp 4m + 6m = 10m; kênh thoát nước rộng 6m.

** Mặt cắt ngang phạm vi thiết kế đường trong ranh giới dự án*

- Mặt cắt 1-1: Bề rộng mặt cắt ngang phạm vi thiết kế trong ranh giới dự án rộng 82m trong đó:

+ Đường NB2 có bề rộng 23m: gồm lòng đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng (5+6)m=11m.

+ Đường NB3 có bề rộng 23m: gồm lòng đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng (5+6)m=11m.

+ Đường gom ĐT398-G hai bên có bề rộng 36m: gồm lòng đường rộng 2x10,5m, dải phân cách với lòng đường chính rộng 2x1,0=2m, vỉa hè hai bên rộng (6,5+6,5)m.

- Mặt cắt 1A-1A: Bề rộng mặt cắt ngang phạm vi thiết kế trong ranh giới dự án rộng 46m trong đó:

+ Đường NB4 có bề rộng 22m: gồm lòng đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng (4+6)m=10m.

+ Đường gom ĐT398-G một bên có bề rộng 18m: gồm lòng đường rộng 10,5m, dải phân cách với lòng đường chính rộng 1,0m, vỉa hè một bên rộng 6,5m.

(ii). Đường tỉnh 398B (ĐT.398B)

** Mặt cắt ngang theo quy hoạch:* Mặt cắt (5-5) rộng 84,5m, trong đó lòng đường chính 2 bên 2×11m = 22m; dải phân cách giữa 1,5m; lòng đường gom 2 bên 2×9m = 18m; dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2×1, 5m = 3m;

hè đường 2 bên 2×6m = 12m; kênh tiêu thoát nước rộng 6m; đường khu công nghiệp rộng 12m và hè đường 2 bên (phía khu công nghiệp rộng 6m, phía giáp đường gom ĐT.398B rộng 4m) 6m + 4m = 10m.

**Mặt cắt ngang phạm vi thiết kế đường trong ranh giới dự án*

- Mặt cắt 5-5: Bề rộng mặt cắt ngang phạm vi thiết kế trong ranh giới dự án rộng 43,0m trong đó:

+ Đường NB1 có bề rộng 22m: gồm lòng đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng (4+6)m=10m.

+ Đường gom ĐT398B-G một bên có bề rộng 15m: gồm lòng đường rộng 9m, vỉa hè một bên rộng 6m.

+ Mương thoát nước rộng 6m.

- Mặt cắt 5A-5A: Bề rộng mặt cắt ngang phạm vi thiết kế trong ranh giới dự án rộng 44,5m trong đó:

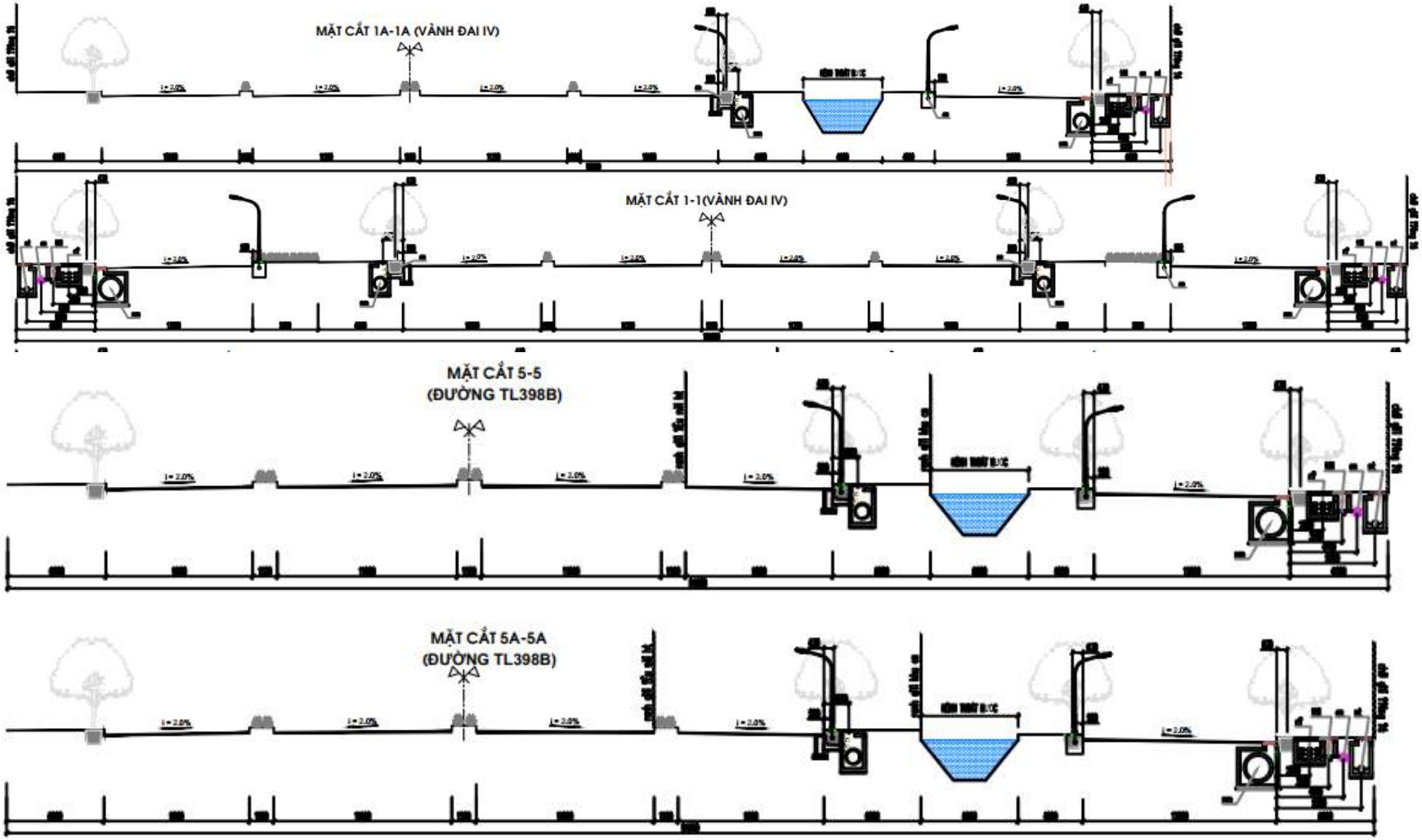
+ Đường NB1 có bề rộng 22m: gồm lòng đường rộng 12m, vỉa hè hai bên rộng (4+6)m=10m.

+ Đường gom ĐT398B-G một bên có bề rộng 16,5m: gồm lòng đường rộng 9m, dải phân cách với lòng đường chính rộng 1,5m, vỉa hè một bên rộng 6m.

+ Mương thoát nước rộng 6m.

Quy mô các mặt cắt ngang đường đối ngoại của KCN Hòa Yên được mô hình sơ lược trong các hình sau:

Hình 61. Mặt cắt các tuyến đường đối ngoại



b) Đường nội bộ KCN

Mạng lưới đường giao thông gồm các đường giao thông đường chính khu vực, đường giao thông nội bộ KCN tạo mối liên hệ giao thông từ bên trong khu vực quy hoạch với mạng lưới đường giao thông của các khu vực lân cận, bao gồm các tuyến đường sau:

- Đường số 1: Chạy giữa dự án dọc theo hướng Bắc Nam. Điểm đầu tuyến kết nối với ĐT.398B, điểm cuối tuyến kết nối với đường số 3 (thuộc Dự án).

+ Mặt cắt 2-2: Tổng bề rộng B= 42m-45m, trong đó lòng đường 2×15m =30m, dải phân cách giữa rộng 3m, hè hai bên rộng (3m-6m)+6m=9m-12m; phần kênh thoát nước rộng 16m, trong đó phần mặt kênh rộng 6m, phần cây xanh rộng 10m *(Theo Văn bản số 3294/SXD-QLHT ngày 29/10/2025 của Sở xây dựng về việc "Chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào ĐT.398", dự án thiết kế đấu nối vào ĐT.398 tại lý trình Km10+400 (là nút giao hiện trạng, ngã tư giao giữa ĐT.398 với ĐT.398B) và lý trình Km11+220 (nút giao ngã tư).*

+ Mặt cắt 2A-2A: Bề rộng rộng từ 42m, trong đó lòng đường 2x15m=30m, dải phân cách giữa rộng 3m, hè hai bên rộng 3m+6m=9m; phần kênh thoát nước rộng 17m, trong đó phần mặt kênh rộng 7m, phần cây xanh rộng 10m.

- Đường số 2: là tuyến chạy ngang dự án, hướng Đông Tây. Điểm đầu kết nối đường số 8 của Dự án, điểm cuối tuyến kết nối với đường tỉnh 398B.

+ Mặt cắt ngang 3-3: Bề rộng 64m, trong đó lòng đường rộng 2x12m=24m, dải phân cách giữa rộng 28m, hè hai bên rộng 2x6m=12m.

+ Mặt cắt ngang 3A-3A: Bề rộng 61m, trong đó lòng đường rộng 2x12m=24m, dải phân cách giữa rộng 28m, hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m; phần kênh thoát nước rộng từ 12,87÷29,22m, trong đó phần mặt kênh rộng 8m, phần cây xanh rộng từ 4,87÷21,22m.

+ Mặt cắt ngang 3B-3B: Bề rộng từ 66,6÷81,6m, trong đó lòng đường rộng 2x12m=24m, dải phân cách giữa làm mương rộng từ 31,6÷46,6m, hè hai bên mương rộng 1x2m=2m, hè đường 2 bên 3m+6m=9m.

- Đường số 3: Tuyến đường nằm ở ranh giới phía Đông Dự án. Điểm đầu kết nối đường số 10 của Dự án, điểm cuối tuyến kết nối với đường số 9 của Dự án.

+ Mặt cắt ngang 4-4: Bề rộng 41m, trong đó lòng đường rộng 2x10,5m=21m, dải phân cách rộng 8m, hè hai bên rộng 2x6m=12m; phần kênh thoát nước rộng 23m, trong đó phần mặt kênh thoát nước rộng 6m, mặt kênh tưới rộng 7m, phần cây xanh rộng 10m.

+ Mặt cắt ngang 4A-4A: Bề rộng 41m, trong đó lòng đường rộng 2x10,5m=21m, dải phân cách giữa rộng 8m, hè hai bên rộng 2x6m=12m; phần

kênh thoát nước rộng 23m, trong đó phần mặt kênh thoát nước rộng 6m, phần cây xanh rộng 17m.

- Đường số 4: Tuyến đường chạy theo hướng Đông Tây. Điểm đầu kết nối đường số 3 của Dự án, điểm cuối tuyến kết nối với đường số 1 của Dự án.

+ Mặt cắt ngang 6-6: Bề rộng 24m, trong đó lòng đường rộng 2x6m=12m, hè hai bên rộng 2x6m=12m.

- Đường số 5: Tuyến đường chạy theo hướng Đông Tây. Điểm đầu kết nối đường số 3 của Dự án, điểm cuối tuyến kết nối với đường số 1 của Dự án.

+ Mặt cắt ngang 6-6: Bề rộng từ 21÷24m, trong đó lòng đường rộng 2x6m=12m, hè hai bên rộng từ 3÷6m.

- Đường số 6: Tuyến đường chạy theo hướng Nam Bắc. Điểm đầu kết nối đường gom của đường tỉnh 398, điểm cuối tuyến kết nối với đường số 4 của Dự án.

+ Mặt cắt ngang 6-6: Bề rộng từ 21÷24m, trong đó lòng đường rộng 2x6m=12m, hè hai bên rộng rộng từ 3÷6m;

- Đường số 7: Tuyến đường chạy theo hướng Nam Bắc. Điểm đầu kết nối đường gom của đường tỉnh 398B, điểm cuối tuyến kết nối với đường số 2 của Dự án.

+ Mặt cắt ngang 6-6: Bề rộng từ 21÷24m, trong đó lòng đường rộng 2x6m=12m, hè hai bên rộng rộng từ 3÷6m;

- Đường số 8: Là tuyến đường hoàn trả, nằm phía Nam Dự án, điểm đầu kết nối đường gom của đường tỉnh 398, điểm cuối tuyến kết nối với đường hiện hữu thôn Đông Quan.

+ Mặt cắt ngang 7-7: Bề rộng đường hoàn trả rộng từ 11÷20m, trong đó lòng đường 2x4=8m, hè đường 2 bên một bên rộng từ 0÷6m và bên còn lại rộng từ 3÷6m.

- Đường số 9: là tuyến đường hoàn trả, nằm phía Đông Bắc Dự án. Điểm đầu kết nối đường số 3, điểm cuối tuyến kết nối với đường hiện hữu.

+ Mặt cắt ngang 7-7: Bề rộng đường hoàn trả rộng từ 11÷20m, trong đó lòng đường 2x4=8m, hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3÷6m.

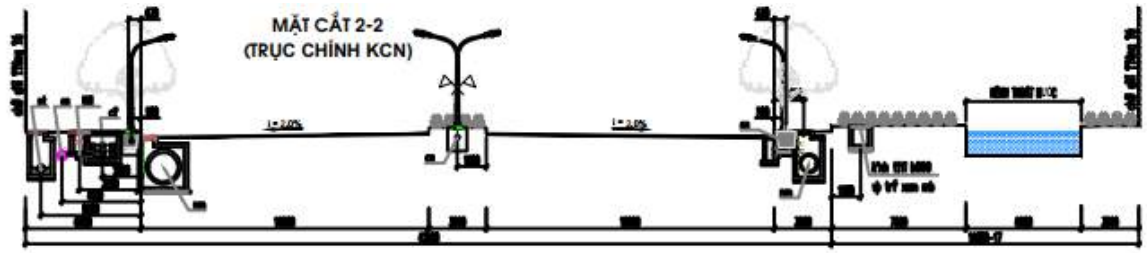
- Đường số 10: Là tuyến đường hoàn trả, nằm phía Đông Dự án. Điểm đầu kết nối đường số 3, điểm cuối tuyến kết nối với đường hiện hữu.

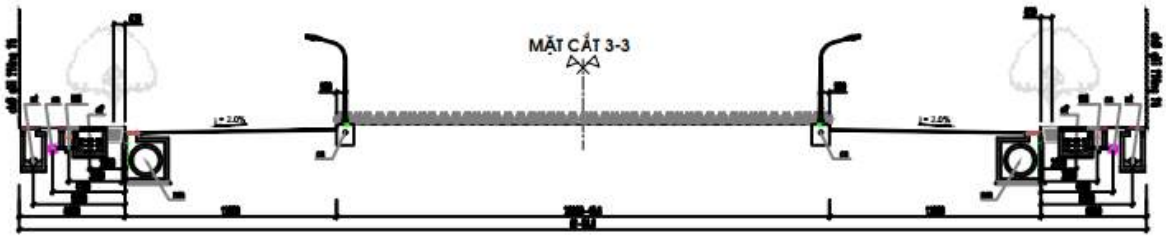
+ Mặt cắt ngang 7-7: Bề rộng đường hoàn trả rộng từ 11÷20m, trong đó lòng đường 2x4m=8m, hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3÷6m.

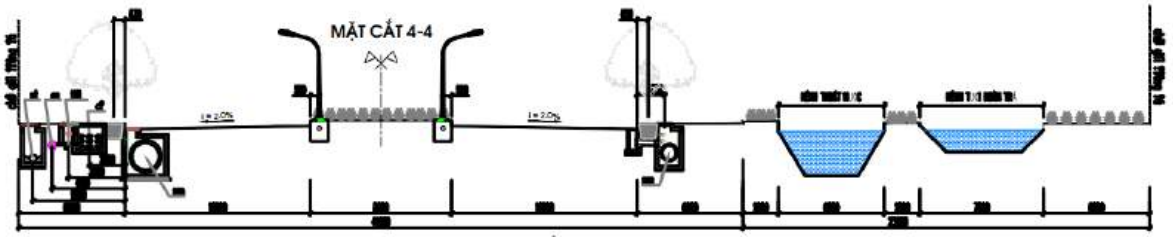
Quy mô một số mặt cắt ngang đường nội bộ của KCN Hòa Yên được mô

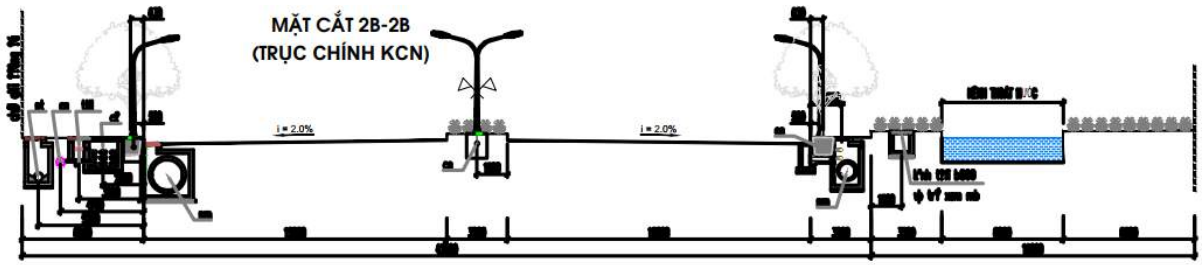
hình sơ lược trong các hình sau:

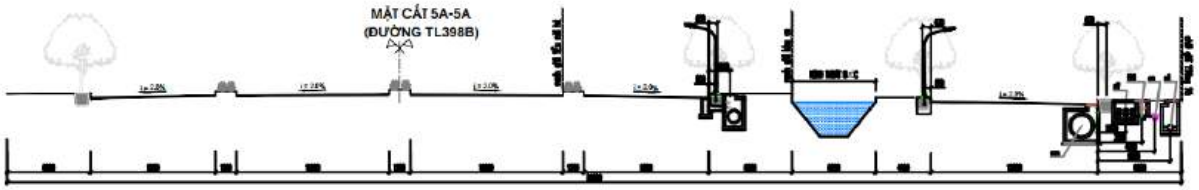
Hình 62. Mặt cắt của một số tuyến đường nội bộ











c) Tổng hợp các tuyến đường tại dự án

Dự án KCN Hòa Yên có tổng cộng 17 tuyến đường được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 26. Tổng hợp các tuyến đường tại dự án

TT	Tên tuyến	Ký hiệu mặt cắt	Chiều dài (m)	Chiều rộng hè (m)	Lòng đường (m)	Giải phân cách giữa (m)	Lộ giới (m)
1	Đường số 1	2-2	3,872.31	3m+6m=9m	2x15m=30m	3m	42m
		2A-2A		(3m÷6m)+6m	2x15m=30m	3m	42÷45m
2	Đường số 2	3-3	1,567.93	2x6m=12m	2x12m=24m	28m	64m
		3A-3A		6m+3m	2x12m=24m	28m	61m
		3B-3B		2m+9m	2x12m=24m	31,6÷46,6m	66,6÷81,6 m
3	Đường số 3	4-4	897.86	6m+6m=12m	2x10,5m=21m	8m	41m
		4A-4A		6m+6m=12m	2x10,5m=21m	8m	41m
4	Đường số 4	6-6	722.18	(3÷6)m+6m	12m		21÷24m
5	Đường số 5	6-6	944.74	(3÷6)m +6m	12m		21÷24m
6	Đường số 6	6-6	1,817.32	(3÷6)m +6m	12m		21÷24m
7	Đường số 7	6-6	1,119.81	(3÷6)m +6m	12m		21÷24m
8	Đường số 8	7-7	786.93	(0÷6)m + (3÷6)m	8m		11÷20m
9	Đường số 9	7-7	710.69	(0÷6)m + (3÷6)m	8m		11÷20m

10	Đường số 10	7-7	239.27	(0÷6)m + (3÷6)m	8m		11÷20m
11	Đường số 11	7-7	442.54	(0÷6)m + (3÷6)m	8m		11÷20m
12	Đường NB1	5-5 5A-5A	1,596.95	6m+6m	2x11m=22m	1.5m	43m
13	Đường gom ĐT398B-G	5-5	1,799.89	6m	9m		15m
14	Đường NB2	1-1	1,260.97	5m+6m	12m		23m
15	Đường NB3	1-1	1,259.95	5m+6m	12m		23m
16	Đường NB4	1A-1A	419.93	4m+6m	12m		22m
17	Đường gom ĐT398-G	1-1	1,525.70	2x6,5m	2x10,5m=21m	2x1,0	36m
		1A-1A	419.93	7,5m	10,5m		18m

d) Nút giao thông

(i). Thiết kế nút giao

- Nút giao thông được thiết kế là loại nút giao cùng mức, tổ chức giao thông qua nút bằng những hệ thống biển báo, vạch sơn chỉ hướng và có thể kết hợp với vòng xuyến.

Bảng 27. Các nút giao chính của Dự án

TT	Tên nút	Dạng nút	Các tuyến đường giao thông kết nối vào nút	Tổ chức giao thông
1	N1	Ngã 4	Đường tỉnh 398B (NB1, ĐT398B-G) và đường tỉnh 398 (NB2, NB3, ĐT398-G)	Vạch sơn, biển báo + Vòng xuyến
2	N2	Ngã 3	Đường tỉnh 398B (NB1, ĐT398B-G), đường số 2	Vạch sơn, biển báo
3	N3	Ngã 3	Đường số 2, đường số 7	Vạch sơn, biển báo
4	N3A	Ngã 3	Đường tỉnh 398 (NB2), đường số 7	Vạch sơn, biển báo
5	N4	Ngã 4	Đường số 1, đường số 2	Vạch sơn, biển báo + Vòng xuyến
6	N6	Ngã 3	Đường số 1, đường số 5	Vạch sơn, biển báo
7	N7	Ngã 3	Đường số 1, đường số 4	Vạch sơn, biển báo
8	N8	Ngã 3	Đường số 1, đường số 3	Vạch sơn, biển báo
9	N9	Ngã 3	Đường số 3, đường số 4	Vạch sơn, biển báo
10	N10	Ngã 3	Đường số 3, đường số 5	Vạch sơn, biển báo
11	N11	Ngã 4	Đường số 5, đường số 6	Vạch sơn, biển báo
12	N12	Ngã 4	Đường số 2, đường số 6	Vạch sơn, biển báo
13	N13	Ngã 3	Đường tỉnh 398 (NB4, ĐT398-G), đường số 6	Vạch sơn, biển báo
14	N14	Ngã 4	Đường tỉnh 398 (NB2, NB3, ĐT398-G), đường số 1	Vạch sơn, biển báo
15	N15	Ngã 3	Đường tỉnh 389B (NB1,	Vạch sơn, biển báo

			ĐT398B-G), đường số 1	
16	N16	Ngã 3	Đường tỉnh 389B (NB1), Đường số 7	Vạch sơn, biển báo
17	N16A	Ngã 3	Đường tỉnh 398 (NB3), đường số 7	Vạch sơn, biển báo

- Các nút giao bao gồm các nút giao nội bộ và nút giao đối ngoại. Nút giao đối ngoại để tiếp cận dự án tại các nút N1 và N14.

- Bán kính rẽ mép bó vỉa cho các nút giao được thiết kế theo quy định. Bán kính bó vỉa từ 15m đến 30m. Chi tiết các bán kính rẽ xe được thể hiện trong hồ sơ bản vẽ.

(ii). Nút giao kết nối với đường đối ngoại

♣ *Nút giao N1*

- Hiện trạng nút đã được khai thác, là ngã tư giao cắt giữa tuyến ĐT.398, ĐT.398B, trong đó kết cấu mặt đường hiện tại như sau:

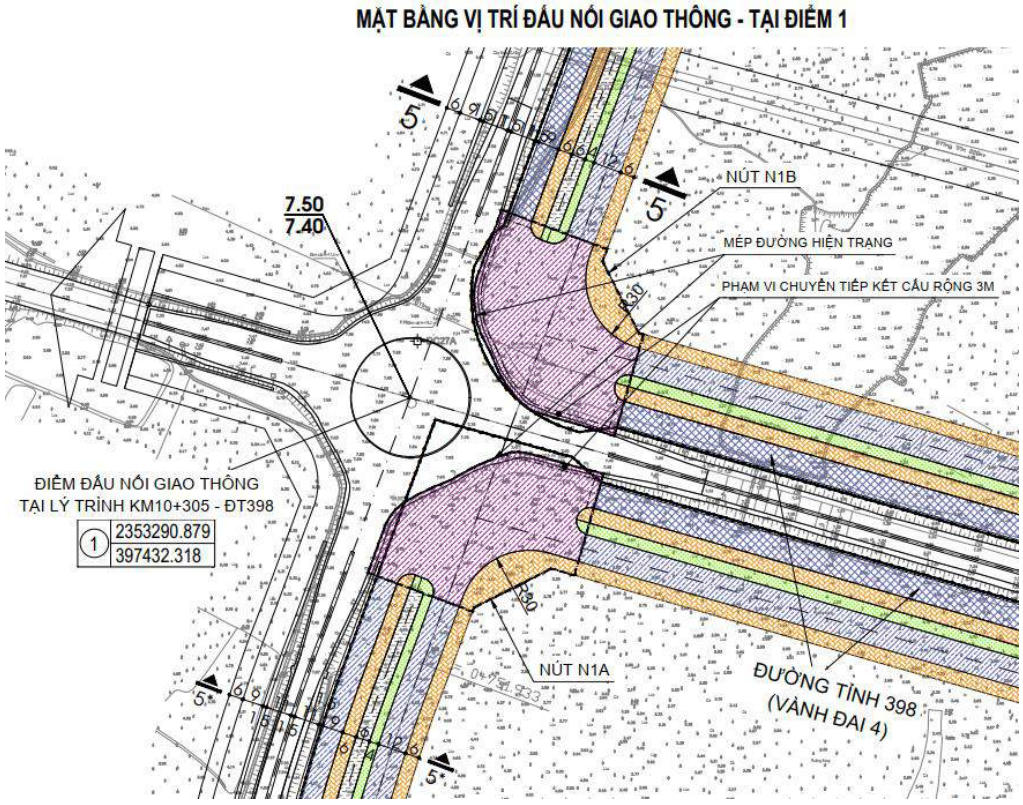
+ ĐT.398 hiện có kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

+ ĐT.398B đoạn từ nút giao N1 hướng đi Tân Yên có kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

+ ĐT.398B đoạn từ nút giao N1 hướng đi Cầu Bắc Hà 2 có kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Phạm vi nút giao: phần nút giao hiện trạng giữ nguyên kết cấu như hiện tại, phần làm mới hoàn thiện theo quy hoạch, thiết kế vuốt nối vào hiện trạng, sử dụng kết cấu bê tông nhựa chặt (kết cấu mặt đường loại 1).

Hình 63. Mặt bằng nút giao N1



♣ *Nút giao 14*

- Nút giao là nga tư giao cắt giữa đường tỉnh 398 và đường số 1 (trục chính KCN), kếu cấu mặt đường hiện tại các tuyến đường như sau:

+ Đường tỉnh 398 hiện trạng có kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

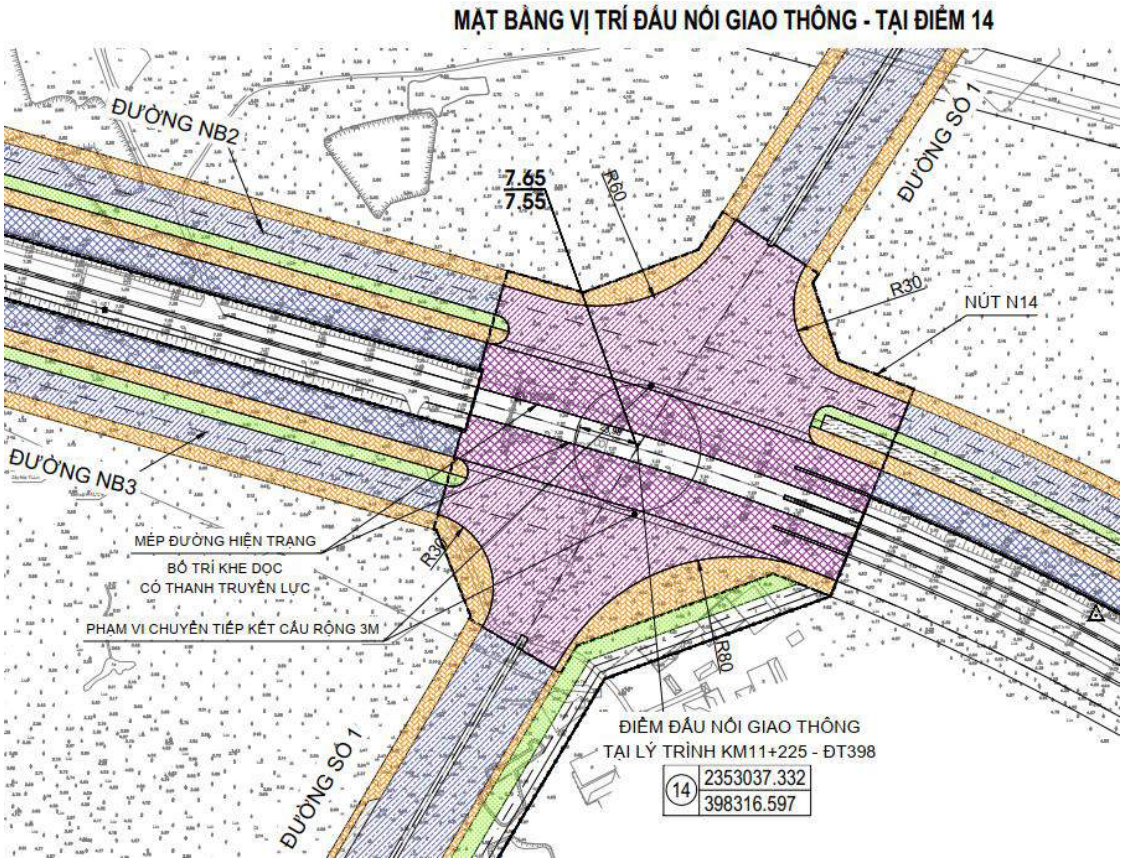
+ Đường số 1 (trục chính KCN) được thiết kế kế cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Phạm vi nút giao: Phần đường tỉnh 398 nằm trong nút giao được giữ nguyên kết cấu mặt đường, phần làm mới hoàn thiện theo quy hoạch, được chia thành hai khu vực:

+ Khu vực 1: Đường gom ĐT398-G là phần lòng đường chính phía trong của đường tỉnh 398 (mặt cắt 1-1, 1A-1A), sẽ vuốt nối trực tiếp với đường tỉnh 398 hiện trạng, sử dụng kết cấu mặt đường bê tông xi măng (kết cấu mặt đường loại 2).

+ Khu vực 2: là phần lòng đường gom (đường NB2, đường NB3, đường NB4) phía trong KCN, sẽ vuốt nối từ Khu vực 1 của nút giao vào đường số 1 (Trục chính KCN), sử dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa (Kết cấu mặt đường loại 1):

Hình 64. Mặt bằng nút giao N14



(iii). Chuyển tiếp kết cấu áo đường giữa các phạm vi

- Vị trí tiếp giáp giữa 2 loại kết cấu áo đường, thiết kế đoạn chuyển tiếp từ mặt đường bê tông xi măng sang mặt đường nhựa theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCCS 39:2022/TCĐBVN.

- Khu vực vuốt nối vào đường tỉnh 398, đường tỉnh 398B hiện trạng, cùng sử dụng kết cấu áo đường bê tông xi măng, vị trí tiếp giáp thiết kế khe dọc có bố trí thanh truyền lực.

(iv). Kết cấu đường

♣ *Kết cấu mặt đường*

Dự án sử dụng 2 loại kết cấu mặt đường như dưới đây:

1) Kết cấu mặt đường loại 1 (KC1)

Mặt đường cấp cao A1, Eyc=155 Mpa, tải trọng trục 120kN, áp lực tính toán lên mặt đường p=0,6Mpa, đường kính vệt bánh xe D=36cm. Kết cấu mặt đường như sau :

- Bê tông nhựa chặt hạt mịn rải nóng BTNC12,5 dày 50mm;

- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m2
- Bê tông nhựa chặt hạt trung BTNC19 rải nóng dày 70mm;
- Tưới nhựa thấm báo tiêu chuẩn 1,0 kg/m2
- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 180mm
- Cấp phối đá dăm loại 2 dày 320 mm;
- Đất đầm chặt K98 dày 300mm
- Nền đường đầm chặt k95.

2) Kết cấu mặt đường loại 2 (KC2)

- Bê tông xi măng M350, dày 26cm;
- Tưới nhũ tương dày 5mm, kết hợp vải địa kỹ thuật;
- Lớp móng trên CPDD gia cố xi măng 5%, dày 20cm;
- Lớp móng dưới CPDD loại 1, dày 18cm;
- Đắp đất K98 dày 30cm.
- Nền đường đầm chặt k95

3) Phạm vi áp dụng

Kết cấu mặt đường được áp dụng theo nguyên tắc: Các tuyến đường cùng trên mặt cắt ngang của tuyến đường tỉnh 398, đường tỉnh 398B trong quy hoạch và liền kề, tiếp giáp với các tuyến đường tỉnh 398 và đường tỉnh 398B hiện tại sẽ được thiết kế thống nhất với kết cấu áo đường của các tuyến đường này. Cụ thể các đường gom ĐT398-G, ĐT398B-G đoạn từ nút giao N1 hướng đi Tân Yên sẽ được thiết kế với kết cấu mặt đường bê tông xi măng (Kết cấu mặt đường loại 2). Các tuyến đường còn lại trong dự án sẽ thiết kế với kết cấu mặt đường bê tông nhựa chặt (kết cấu mặt đường loại 1).

Kết cấu mặt đường chịu được tải trọng trục 12T, các loại xe tải trọng trục ≤12T. Như vậy mặt đường hoàn toàn chịu được tải trọng xe chữa cháy.

♣ *Kết cấu bãi đỗ xe*

Bãi đỗ xe cũng sử dụng kết cấu mặt đường bê tông nhựa chặt – Kết cấu mặt đường loại 1 (KC1).

♣ *Kết cấu phạm vi người đi bộ trên vỉa hè*

** Kết cấu vỉa hè:* Gạch Terrazzo dày 3cm*;* VXM M100, dày 2cm*;* BTXM M150, dày 10cm*;* Lớp nilong chống mất nước bê tông; Nền đầm chặt K95

** Kết cấu bó gáy hè:* Gạch xây vữa xi măng M75, dày 15cm; BTXM M100,

dày 10cm.

** Kết cấu dải trồng cây trên vỉa hè:* Đắp đất màu trồng cây dày 30cm*;* Phần san nền k= 0,90.

♣ *Kết cấu bó vỉa*

- Bó vỉa: BTXM M250, kích thước 260x230mm, đan rãnh BT đúc sẵn M250 rộng 300mm, dày 60mm; vữa lót M100, dày 2cm; Móng BTXM M150, dày 100mm;

- Đất đầm chặt k ≥ 0,95

(v). Tổ chức giao thông

- Thiết kế hệ thống vạch sơn, biển báo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT để bảo đảm an toàn giao thông cho các phương tiện tham gia giao thông.

(vi). Hoàn trả đường giao thông

♣ *Vị trí các tuyến đường hoàn trả*

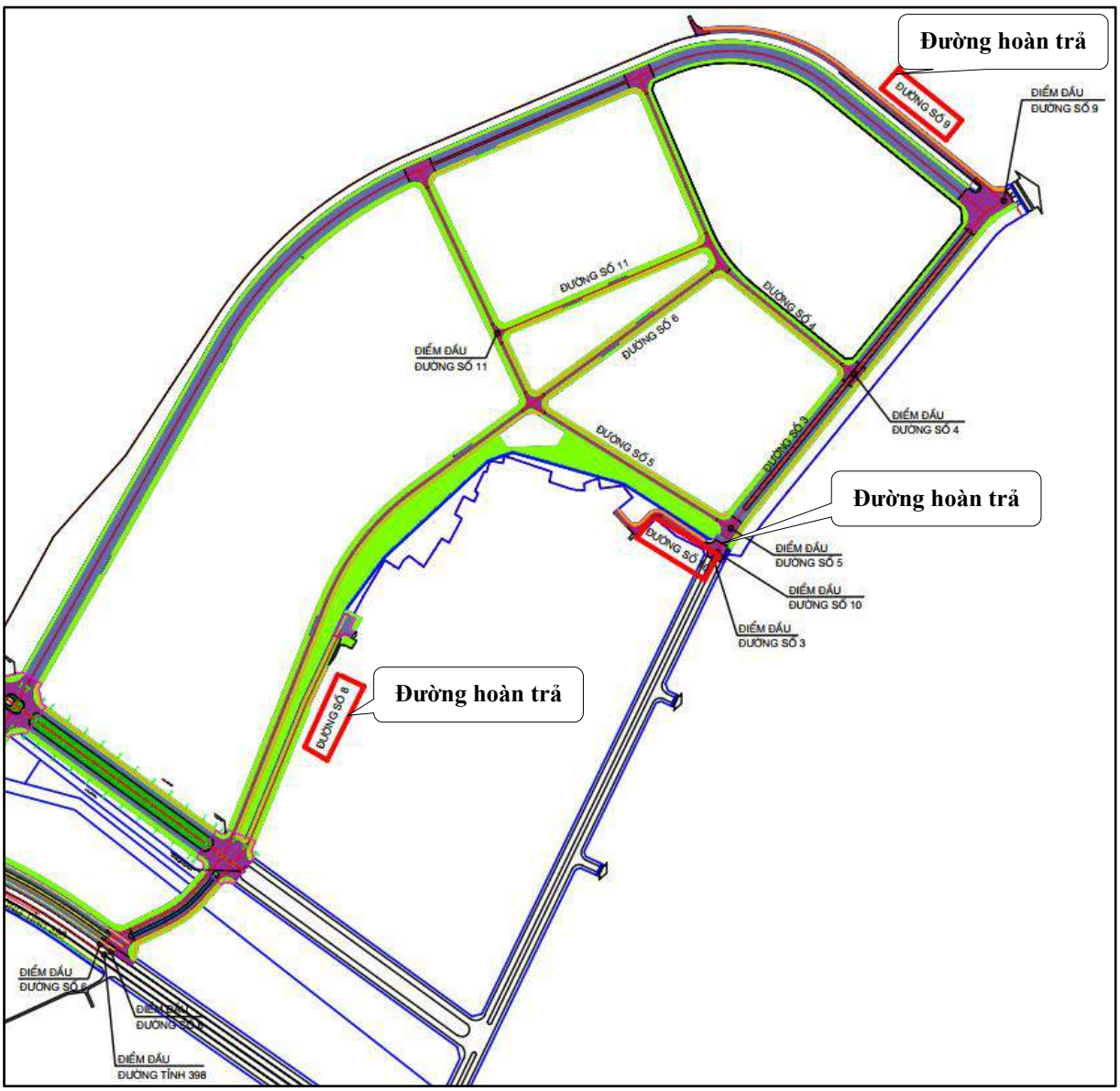
Nhằm đảm bảo hệ thống giao thông liên hoàn cả bên trong và bên ngoài KCN, dự án tiến hành hoàn trả một số tuyến đường dân sinh, cụ thể như sau:

Bảng 28. Vị trí các tuyến đường hoàn trả

TT	Đường hoàn trả	Vị trí	Điểm đầu	Điểm cuối	Mặt cắt theo quy hoạch
1	Đường số 8	Nằm phía Nam Dự án	Kết nối đường gom của ĐT.398	Kết nối với đường hiện hữu thôn Đông Quan	Mặt cắt ngang 7-7: Bề rộng đường hoàn trả rộng từ 11÷20m, trong đó lòng đường 2x4=8m, hè đường 2 bên một bên rộng từ 0÷6m và bên còn lại rộng từ 3÷6m.
2	Đường số 9	Nằm phía Đông Bắc Dự án	Kết nối đường số 3	Kết nối với đường hiện hữu	
3	Đường số 10	Nằm phía Đông Dự án	Kết nối đường số 3	Kết nối với đường hiện hữu	

Vị trí hoàn trả các tuyến đường giao thông tại dự án trong hình sau:

Hình 65. Vị trí các tuyến đường hoàn trả tại dự án



♣ *Thiết kế đường hoàn trả dân sinh*

Để đảm bảo giao thông trong khu vực được liên tục, đầu tư 03 tuyến đường hoàn trả cụ thể như sau:

1) Tên đường: Đường số 8, đường số 9, đường số 10

- Vị trí: Nằm phía Tây Nam của Dự án, điểm đầu giao với đường NB4, điểm cuối kết nối với hệ thống đường hiện trạng trong khu vực.

- Quy mô đầu tư:

+ Cấp đường: cấp C – TCVN 10380:2014 – Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế.

+ Vận tốc thiết kế: 15 km/h

+ Tải trọng trục xe thiết kế: 2,5T (tải trọng trục vượt tải 6T).

+ Quy mô mặt cắt ngang: Bnền = 10-20m, Bmặt = 8m, vỉa hè trái Bvht=0-6m; Vỉa hè phải Bvhp=3-6m.

2) Kết cấu đường hoàn trả

+ Mặt đường bê tông xi măng M300, dày 20cm

+ Cấp phối đá dăm loại 1, dày 15cm

+ Nền đất đầm chặt K95.

1.2.2.4. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng

a) Nguồn cấp điện

- Theo Văn bản số 2599/PCBN-KT ngày 05/11/2025 của Công ty điện lực Bắc Ninh về việc *"Thỏa thuận cấp điện cho Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên",* trong giai đoạn đầu khi triển khai dự án, nguồn điện được lấy từ trạm biến áp 110kV Sông Cầu hiện có.

- Nguồn cấp điện chính cho dự án được lấy từ trạm biến áp 110/22kV – 2×63MVA [(3)] nằm trong đất hạ tầng khu công nghiệp theo quy hoạch (trạm biến áp 110kV không thuộc phạm vi thiết kế của dự án). Đầu tư đồng bộ tuyến điện ngầm 22kV xuất tuyến từ trạm biến áp 110/22kV – 2×63MVA trong KCN để cấp điện cho các phụ tải thứ cấp.

- Trong KCN khuyến khích việc xây dựng các hệ thống điện mặt trời áp mái nhà xưởng với công suất phù hợp, đảm bảo tự sản tự tiêu. Việc xây dựng vận hành tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, nhằm cung cấp một phần nhu cầu năng lượng xanh cho nhà máy trong KCN, thay thế các nguồn năng lượng khác, đảm bảo KCN phát triển theo định hướng xanh, thông minh và bền vững cũng như thu hút các nhà đầu tư có nhu cầu cấp chứng chỉ xanh để thuận lợi cho việc xuất khẩu các sản phẩm.

b) Mạng lưới điện

(i). Lưới điện 22kV

- Để đảm bảo khả năng cấp điện liên tục cho các phụ tải nhà máy trong KCN,

- [3] Theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) phê duyệt Quy hoạch cấp điện cho KCN Hòa Yên bằng trạm biếp áp 110kV công suất trạm 3×63 MVA. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 (nay là tỉnh Bắc Ninh) trạm biếp áp 110kV có công suất trạm 2×63 MVA. Do vậy, tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt "Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000" đã điều chỉnh nguồn cấp điện từ trạm biến áp 110kV có công suất từ 3×63 MVA thành 2×63 MVA.

từ trạm biến áp 110/22KV chia làm các mạch vòng kín vận hành hở để cấp điện cho toàn bộ KCN.

- Các phát tuyến cáp trung thế được xây dựng ngầm trong KCN. Để đảm bảo tính linh hoạt trong cấp điện và phát triển lưới trong các lô đất trên vòng cấp điện bố trí các tủ RMU. Tủ RMU có kết cấu 2 ngăn cáp vào, 2 hoặc ba ngăn cáp ra, ngăn cáp vào dùng dao cắt có tải, ngăn cáp ra dùng máy cắt hoặc cầu dao kết hợp cầu chì. Mỗi mạch vòng tải công suất điện không lớn hơn 15 MVA.

- Cáp đi dưới vỉa hè đường, được chôn trong ống đi ngầm dưới lòng đất ở độ cao 0,7-1m. Nếu đi dưới lòng đường, cáp được luồn trong ống thép ở độ sâu 1-1,5m. Cáp điện sử dụng loại cáp đồng 24kV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC.

- Tại các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp sẽ có các trạm hạ áp 22/0,4kV. Công suất của các trạm này sẽ phụ thuộc vào phụ tải điện của từng nhà máy, xí nghiệp.

- Các trạm biến áp lần lượt cấp điện cho trung tâm điều hành, các trạm biến áp chiếu sáng giao thông và cảnh quan, trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp nước được xây lắp ngay từ đầu để phục vụ chung.

(ii). Lưới điện 22/0,4kV

- Trong KCN các lô đất phục vụ các dự án sẽ lớn, trạm biến áp trong các dự án công nghiệp được lắp đặt theo yêu cầu công nghệ của dự án. Do đó để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng khu đất dành cho công nghiệp thiết kế bố trí các trạm biến áp chuyên cấp điện cho hệ thống chiếu sáng ngoài nhà (trạm biến áp chiếu sáng). Các trạm biến áp chiếu sáng được lắp đặt ở các khu đất dành cho cây xanh, các dải phân cách rộng hoặc trên vỉa hè.

- Kết cấu trạm biến áp chiếu sáng sử dụng kiots.

- Nguồn điện cấp đến các trạm biến áp chiếu sáng lấy từ mạch vòng 22kV.

- Cần kết hợp trạm này cấp điện cho các trạm bơm tăng áp; và các phụ tải phục vụ cho hạ tầng.

c) Hệ thống chiếu sáng

(i). Bố trí đèn

Với các tuyến đường có chiều rộng lòng đường nhỏ hơn hoặc bằng 9m, các đèn được bố trí chiếu sáng 1 bên đường. Cột đèn được sử dụng là loại cột thép, mạ kẽm nhúng nóng, cột cao 9m, cần đèn dài 1,5m, góc cần đèn là 10º -15º Trên mỗi cột bố trí 01 bộ đèn Led 80W;

Với các tuyến đường có chiều rộng lòng đường là 11,5m, các đèn được bố trí chiếu sáng 1 bên đường. Cột đèn được sử dụng là loại cột thép, mạ kẽm nhúng

nóng, cột cao 12m, cần đèn dài 1,5m. Trên mỗi cột bố trí 01 bộ đèn Led 120W;

Với các tuyến đường có chiều rộng lòng đường là 15m, các đèn được bố trí chiếu sáng so le 2 bên đường. Cột đèn được sử dụng là loại cột thép, mạ kẽm nhúng nóng, cột cao 12m, cần đèn dài 1,5m, góc cần đèn là 10o. Trên mỗi cột bố trí 01 bộ đèn Led 120W;

Với các tuyến đường có chiều rộng lòng đường là 22,5m, các đèn được bố trí chiếu sáng đối xứng 2 bên đường. Cột đèn được sử dụng là loại cột thép, mạ kẽm nhúng nóng, cột cao 12m, cần đèn dài 1,5m, góc cần đèn là 10o. Trên mỗi cột bố trí 01 bộ đèn Led 120W;

Tại khu vực cổng chính có diện tích lớn bố trí kết hợp các cột đèn pha cao 14m, trên cột bố trí 03 bóng Led 300W để đảm bảo chiếu sáng cho khu vực;

Trong KCN khuyến khích việc xây dựng hệ thống điện chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời. Việc xây dựng vận hành tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, nhằm cung cấp một phần nhu cầu năng lượng xanh thay thế các nguồn năng lượng khác.

Hệ thống đèn năng lượng mặt trời được phân thành 2 loại.

Hệ thống chiếu sáng mặt trời độc lập không kết hợp với nguồn điện lưới. Nguồn năng lượng cấp cho đèn chiếu sáng được lấy hoàn toàn từ nguồn pin gắn theo đèn, không phụ thuộc vào hệ thống điện lưới quốc gia.

Hệ thống chiếu sáng mặt trời Hybrid là hệ thống chiếu sáng kết hợp việc sử dụng ánh sáng mặt trời và ánh sáng nhân tạo để chiếu sáng một khu vực bằng cách gửi – chuyển hướng các chùm tia ánh sáng mặt trời qua cáp hướng quang.

(ii). Nguồn cấp điện – Kết cấu lưới điện – Điều khiển

Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng được sử dụng kết hợp giữa nguồn điện lưới và nguồn điện năng lượng mặt trời.

Nguồn điện lưới cấp cho hệ thống chiếu sáng được lấy ra từ các trạm biến áp dành riêng cho chiếu sáng và trạm bơm nước. Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm nhằm đảm bảo cảnh quan cho khu vực;

Nguồn điện năng lượng mặt trời cấp cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ hệ thống pin và ắc quy gắn trực tiếp trên từng cột chiếu sáng.

Cáp cấp nguồn từ tủ hạ thế trạm biến áp tới các đèn chiếu sáng sử dụng Cu/XLPE/DSTA/PVC có tiết diện đảm bảo cấp điện áp làm việc và tổn thất điện áp trong giới hạn cho phép;

Sử dụng tủ điều khiển chiếu sáng chuyên dụng. Tủ điều khiển theo thời gian kết hợp với cảm biến ánh sáng để cấp điện đến các đèn. Cáp nguồn từ tủ điều khiển ra tuyến đèn sử dụng mạng 3 pha/ 4 dây;

Cấp điện cho hệ thống đèn chiếu sáng dùng cáp ký hiệu Cu/XLPE/DSTA/PVC luồn trong ống nhựa vặn xoắn HDPE, chôn ngầm đất;

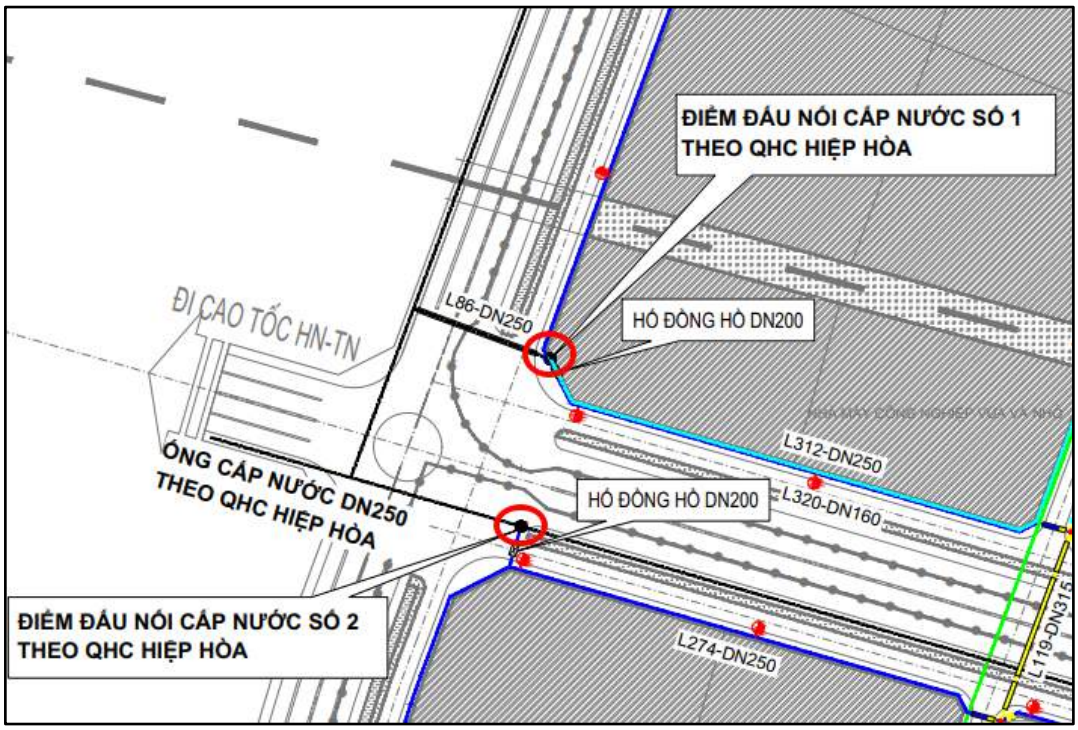
Quy cách chôn cáp - Hào cáp được đào sâu 0,7m so với cốt vỉa hè lớp dưới cùng là lớp cát đen đầm chặt ở giữa lớp cát này đặt cáp hạ áp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC. Trên lớp cát đen đặt gạch chỉ (9viên/1m) nhằm bảo vệ cáp, phía trên cùng đặt lưới báo hiệu cáp bằng nilông. Đoạn cáp qua đường hào cáp được đào sâu 1,2m.

1.2.2.2.5. Cấp nước

a) Nguồn nước cấp

Theo Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025 của Công ty CP cấp nước và Môi trường đô thị 206 về việc *"Phúc đáp đề nghị thỏa thuận cấp nước cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên"*, nguồn cấp nước dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước sạch DN250 trên đường ĐT.398 và ĐT.398B tại 2 điểm (Theo Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cũ).

Hình 66. Vị trí 2 điểm đấu nối nước sạch



b) Mạng lưới đường ống cấp nước

- Mạng lưới đường ống cấp nước cho dự án là mạng lưới cấp nước chung cho sản xuất, sinh hoạt kết hợp với cấp nước chữa cháy áp lực thấp.

- Để mạng lưới phân phối nước được an toàn và hiệu quả nên quy hoạch

mạng cấp nước là mạng vòng khép kín.

- Căn cứ vào lưu lượng tính toán thiết kế ống cấp nước của khu vực có đường kính DN160-DN400. Ống cấp nước sử dụng ống HDPE PN10 PE100. Tuyến truyền tải được bố trí dọc đường trục chính của khu quy hoạch nhằm đảm bảo cung cấp nước đầy đủ cho các nhà máy, xí nghiệp thuộc Dự án.

- Tuyến ống cấp được bố trí trên hè đường, nằm phía trước các lô đất bố trí xí nghiệp công nghiệp để thuận tiện cho việc cung cấp nước vào từng nhà máy.

- Tất cả các ống cấp nước đều đặt dưới vỉa hè và được chôn sâu từ 0,7 – 1,0 m, đoạn băng qua đường có đan giảm tải.

- Các tuyến ống được lắp đặt dọc theo đường nội bộ của khu; trên các tuyến đặt van chặn để tiện cho công tác quản lý.

d) Tổng hợp khối lượng cấp nước

Tổng hợp khối lượng cấp nước của KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 29. Tổng hợp khối lượng cấp nước của KCN Hòa Yên

TT	Vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Ống HDPE PN10-PE100-DN160	M	2.808	
2	Ống HDPE PN10-PE100-DN225	M	2.871	
3	Ống HDPE PN10-PE100-DN250	M	1.871	
4	Ống HDPE PN10-PE100-DN315	M	2.845	
5	Ống HDPE PN10-PE100-DN355	M	3.484	
6	Ống HDPE PN10-PE100-DN400	M	1.245	
8	Hố đồng hồ DN200	Hố	2	
9	Trụ cứu hỏa	Bộ	90	
10	Trạm bơm tăng áp 15.500 m^3/ngđ	Trạm	1	

***Nguồn**: Báo cáo NCKT dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên.*

1.2.2.5. Hệ thống thông tin liên lạc

a) Mạng lưới hệ thống

- Tuyến trục chính bố trí 2- 4 ống nhựa D110 và 1 ống nhựa D60, tuyến nhánh bố trí 2 ống nhựa D110 và 1 ống nhựa D60.

- Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống cống bể, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trôn trực tiếp ống nhựa dưới mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị.

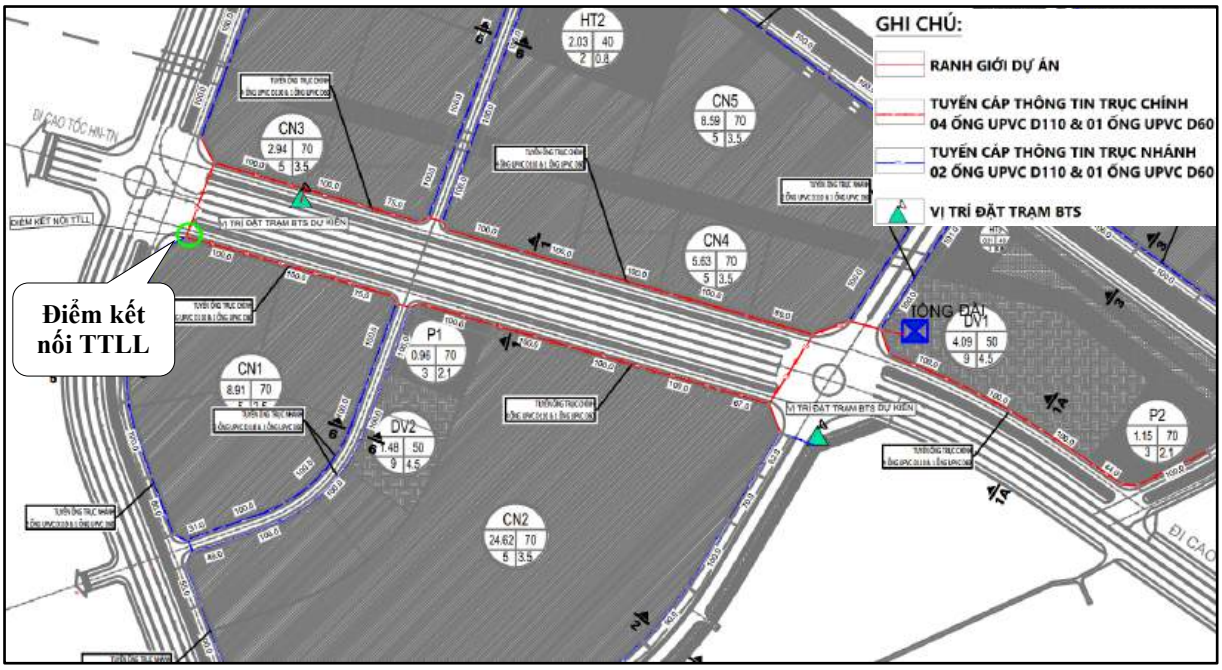
- Các cống bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng theo quy chuẩn của ngành;

- Vị trí và khoảng cách bể cáp đặt tại những vị trí cần thiết, tại đầu các khu đất. Khoảng cách tối thiểu giữa các bể cáp là từ 60 đến 100m;

- Các tuyến ống đi qua đường giao thông được sử dụng loại ống nhựa chịu lực, đảm bảo không bị vỡ khi xe trọng tải lớn đi qua.

Vị trí đặt trạm BTS và các tuyến cáp thông tin bố trí tại dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 67. Vị trí đặt trạm BTS và các tuyến cáp thông tin



b) Tổng hợp khối lượng thông tin liên lạc

Tổng hợp khối lượng thông tin liên lạc được trình bày trong bảng sau:

Bảng 30. Tổng hợp khối lượng thông tin liên lạc

TT	Vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga kéo cáp	ga	201
2	Ống uPVC D110	m	46.538
3	Ống uPVC D60	m	20.194
4	Mương cáp viễn thông	m	20.194

***Nguồn**: Báo cáo NCKT dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên.*

1.2.3. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

1.2.3.1. Cổng chào

Thiết kế cổng chào khu công nghiệp mang tính biểu tượng, thể hiện quy mô, nhận diện thương hiệu của chủ đầu tư. Dự kiến chất liệu hiện đại.

1.2.3.2. Hàng rào

- Thiết kế hàng rào do đặc thù ranh giới, quy hoạch của dự án, hàng rào của dự án được thiết kế là hàng rào thoáng cho các khu vực tiếp giáp với đường giao thông, các khu vực khác tùy theo nhu cầu sử dụng thực tế.

- Hàng rào lưới thép hàn cao 1,8m, chân rào gờ bê tông cao 0,2m; trụ hàng rào thép D100 cao 1,9m cách khoảng 3m. Vật liệu hàng rào bằng lưới thép sơn công nghiệp.

1.2.3.3. Tường chắn và taluy đất

- Tại ranh giới dự án những vị trí chênh cốt nền đắp và nền tự nhiên được xử lý bằng tường chắn và mái taluy đất trồng cỏ.

- Kết cấu tường chắn bằng đá hộc xây VXM M100, đỉnh tường bố trí giằng BTCT M250. Chiều dài tường chắn đá hộc xây L=1.852m, chiều cao H=1,5 - 3,5m, cụ thể như sau:

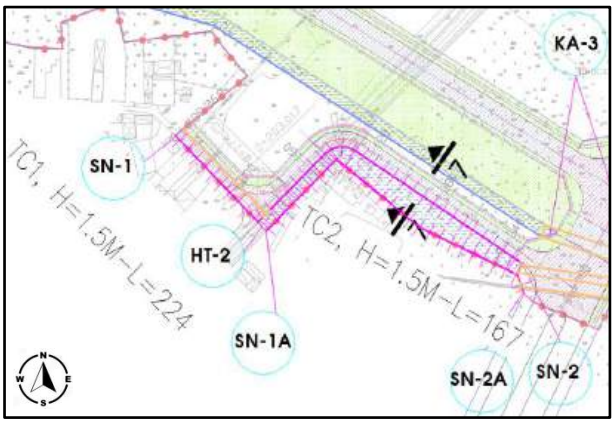
Bảng 31. Khối lượng tường chắn đất

TT	Hạng mục tường chắn	Chiều cao (m)	Chiều dài tường (m)	Khối lượng đá hộc xây (m^3)	Giằng btct đá 1×2 M200 (m^3)	Đá dăm đệm 2×4 (m^3)	Tầng lọc (vị trí)	Cọc tre (dài 2,5m, mật độ 20 cọc/m^2)	Cốt thép (tấn)
1	SN1-SN2	1,50	224	705,60	20,16	49,28	90	8.960	3,629
2	SN1A-SN2A	1,50	167	526,05	15,03	36,74	67	6.680	2,705
3	SN3-SN3A	2,50	204	964,92	18,36	51,00	82	9.384	3,305
4	SN3A-SN3B	3,00	140	840,00	12,60	38,50	56	7.140	2,268
5	SN3B-SN4	3,50	358	2.584,76	32,22	105,61	143	19.690	5,800
6	SN5-SN6	3,00	161	966,00	14,49	44,28	64	8.211	2,608
7	SN6-SN7	2,00	140	557,20	12,60	33,60	56	6.160	2,268
8	SN7-SN8	1,50	200	630,00	18,00	44,00	80	8.000	3,240
9	SN8-SN9	3,50	140	1.010,80	12,60	41,30	56	7.700	2,268
10	SN9-SN10	2,50	118	558,14	10,62	29,50	47	5.428	1,912

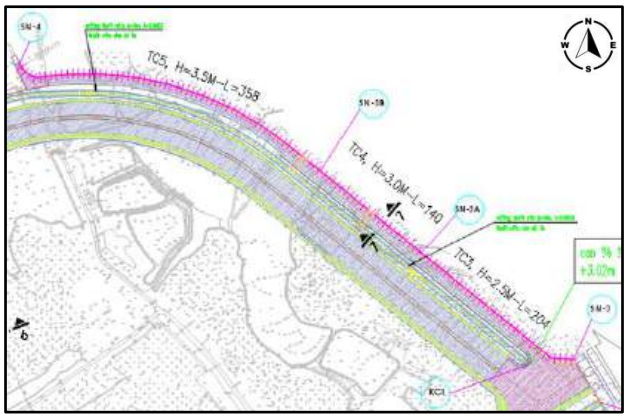
***Nguồn**: Báo cáo NCKT dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên.*

Vị trí xây dựng các đoạn tường chắn và mái taluy đất trồng cỏ tại dự án KCN Hòa Yên trong các hình sau:

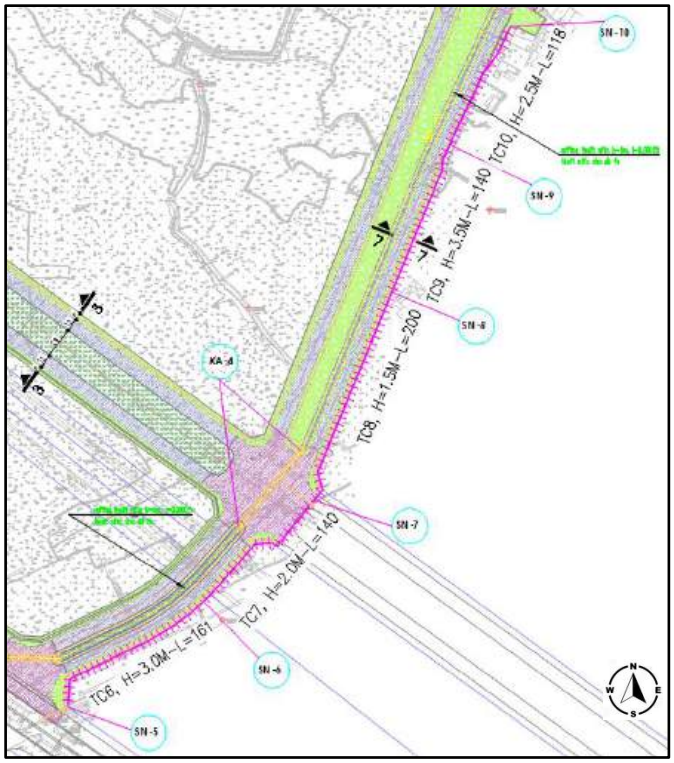
Hình 68. Các vị trí xây dựng tường chắn và mái taluy đất trồng cỏ tại dự án



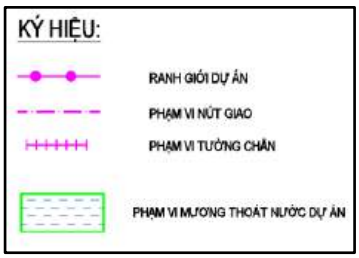
Tường chắn giáp thôn Đồng Quan



Tường chắn phía Bắc dự án



Tường chắn phía Đông gần đường Vành đai 4



1.2.4. Các hoạt động của dự án

1.2.4.1. Các hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị

a) Các hoạt động thuộc về đơn vị thực hiện GPMB

(i). Hoạt động đền bù và GPMB

Theo quy định của pháp luật thì toàn bộ công tác đền bù, GPMB sẽ do chính quyền tỉnh Bắc Ninh thực hiện. Chủ dự án là Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ nhận "mặt bằng sạch" để triển khai dự án. Toàn bộ kinh phí đền bù, GPMB, di dời các vật thể, công trình trên đất,... sẽ do Công ty CP Fecon Hòa Yên ứng trước và sẽ được hoàn trả, khấu trừ vào các khoản phải nộp nhà nước theo quy định của pháp luật (hoàn trả vào tiền sử dụng đất).

Thống kê từ công tác đền bù và GPMB thì số hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án như sau:

Bảng 32. Tổng hợp sơ bộ các đối tượng bị ảnh hưởng do GPMB dự án

TT	Đối tượng bị ảnh hưởng khi thu hồi đất thực hiện dự án	Đơn vị	Xã Đông Lỗ cũ	Xã Mai Hương cũ	Xã Tiên Sơn cũ	Xã Trung Sơn cũ	Tổng cộng
1	Số hộ gia đình bị thu hồi đất để thực hiện dự án KCN Hòa Yên	hộ	3.223	97	400	93	**3.813**
2	Số lao động bị ảnh hưởng trực tiếp, buộc phải chuyển đổi nghề	người	12.892	388	1.600	372	**15.252**

Như vậy, thực hiện dự án KCN Hòa Yên sẽ tiến hành thu hồi đất của 3.813 hộ và ảnh hưởng tới khoảng 15.252 nhân khẩu, trong đó:

- Giai đoạn I: 379 hộ, khoảng 1.516 nhân khẩu.

- Giai đoạn I: 3.434 hộ, khoảng 13.736 nhân khẩu.

(ii). Di dời mồ mả

Công tác di dời mồ mả thuộc phạm vi công tác đền bù, GPMB nên cũng không nằm trong phạm vi của báo cáo ĐTM này. Trong phạm vi thực hiện dự án có chiếm dụng 337,8m^2 đất nghĩa địa, nghĩa trang nên phải di dời mồ mả về khu nghĩa trang tập trung nằm ngoài ranh giới dự án hoặc theo nguyện vọng mỗi hộ gia đình. Công tác di dời mồ mả sẽ được thực hiện 1 lần cùng với quá trình đền bù và GPMB KCN Hòa Yên để tránh rắc rối không đáng có nếu thực hiện theo từng giai đoạn.

Theo kiểm đếm sơ bộ, tổng số ngôi mộ nằm trong dự án KCN Hòa Yên có khoảng 800 ngôi mộ *(Giai đoạn I: 15 ngôi mộ; Giai đoạn II: 785 ngôi mộ)*. Dự kiến các ngôi mộ này được di dời vào các khu nghĩa trang hiện hữu:

+ Nghĩa trang Đồng Ú - Thôn Đông Lỗ

+ Nghĩa trang Gò Mãng - Thôn Hưng Đạo

(iii). Phương án di dời các đường điện

Theo khảo sát thực tế, khu đất thực hiện dự án có các tuyến đường điện chạy qua bao gồm: Tuyến điện cao thế 110kV, 220kV, 500kV ; Tuyến đường điện 22kV hiện trạng cấp cho Trạm biến áp Hoàng Sơn ; Tuyến đường điện 35kV cấp điện cho thôn Đồng Quan ; Một phần đường điện 0,4kV cấp cho khu dân cư hiện trạng; ... Đơn vị thực hiện công tác GPMB sẽ thực hiện công tác di dời các đường điện này theo quy định của pháp luật.

Phương án xử lý các tuyến đường điện chạy qua phạm vi dự án KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 33. Phương án xử lý các tuyến đường điện chạy qua phạm vi dự án

Loại	Chiều dài	Số cột	Phương án xử lý
Điện 500kV	Khoảng 1542m	4	Giữ nguyên hiện trạng
Điện 220kV	Khoảng 1462m	3	Giữ nguyên hiện trạng
Điện 110kV	Khoảng 1484m	5	Giữ nguyên hiện trạng
Điện 22kV, 35kV	+ Tuyến đường dây trên không trung thế hiện trạng cần di dời hoàn trả khoảng: 2.950m. + Tuyến điện trung thế hoàn trả khoảng: 4.200m.	10	Trong khu vực ranh giới dự án có trạm biến áp hiện trạng Hoàng Sơn 180kVA – 22/0.4kV và trạm biến áp Đồng Quan 35/0.4kV cấp cho dân cư hiện trạng. Các tuyến đường dây trên không 22kV và 35kV cấp nguồn đến các trạm biến áp hiện trạng này. Để đảm bảo mỹ quan và sự đồng bộ trong dự án, các trạm biến áp hiện trạng này được di dời ra giáp ranh tại vị trí cây xanh, tuyến đường dây trên không hiện trạng được di dời hoàn trả theo dải cây xanh cách ly xung quanh dự án.
Điện sinh hoạt	Khoảng 790m	17	Dỡ bỏ do không còn sử dụng

Kinh phí thực hiện công tác di dời đường điện này cũng sẽ do Công ty CP Fecon Hòa Yên ứng trước và sẽ được hoàn trả, khấu trừ vào tiền sử dụng đất sau này.

b) Các hoạt động thuộc về Chủ dự án

(i). Rà phá bom mìn và vật nổ

- Sau khi tiến hành đền bù và GPMB xong, được tỉnh Bắc Ninh bàn giao đất, Chủ dự án sẽ tiến hành rà phá bom mìn 1 lần trên toàn bộ diện tích 256,68 ha (Công tác rà phá bom mìn, vật liệu nổ thuộc phạm vi thực hiện của Chủ dự án).

- Thời gian thực hiện: Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được thực hiện sau khi khu đất hoàn thành việc thu hồi, đền bù GPMB.

- Các đơn vị có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật thuộc ngành Quốc phòng sẽ được Công ty CP Fecon Hòa Yên thuê dịch vụ.

- Trình tự thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 18/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 1/2/2019 về *"Quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật liệu nổ sau chiến tranh"* và Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ Quốc phòng về "Ban hành quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ".

Công ty CP Fecon Hòa Yên phối hợp với Công ty TNHH MTV 49 – Binh chủng công binh thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ (BMVN). Phương án thi công rà phá bom mìn và vật nổ được thực hiện như sau:

Bảng 34. Phương án cơ bản rà phá bom mìn và vật liệu nổ tại khu vực dự án

TT	Các bước		Nội dung chi tiết	Trang thiết bị
1	Bước 1	Xác định rà phá bom mìn, vật nổ *(Điều 17 Thông tư 121/2021/ TT-BQP)*	- Căn cứ vào các mốc đã đánh dấu khi khảo sát, tiến hành mở đường bao chạy xung quanh toàn bộ khu vực để triển khai dò tìm, đi lại, vận chuyển và cách ly khu vực dò tìm với xung quanh. - Kiểm tra, chuẩn bị mặt bằng rà phá bom mìn, vật nổ các bước tiếp theo.	-
2	Bước 2	Chuẩn bị mặt bằng thi công dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ *(Điều 19 Thông tư 121/2021/TT-BQP)*	- Đóng cọc chia nhỏ khu vực thành các ô có kích thước khoảng (25×25)m hoặc (50×50)m tùy theo địa hình khu vực (chiều dài 25m hoặc 50m, kích thước tùy theo chiều rộng của khu vực thi công); - Phát dọn mặt bằng sạch cây theo đúng yêu cầu kỹ thuật, di chuyển các chướng ngại vật ra khỏi vị trí thi công trong ngày.	Thiết bị bảo vệ người; máy cắt cỏ; dao phát và dụng cụ làm tay; máy kiểm tra bom nìm, vật nổ; cọc dấu, biển báo; …
3	Bước 3	Dò tìm bằng máy dò mìn đến độ sâu 0,3m *(Điều 21 Thông tư 121/2021/TT-BQP)*	- Cắm cọc căng dây đánh dấu dải dò, mỗi dải dò rộng từ 1 m đến 1,5 m (tùy theo tính năng của các loại máy dò để xác định dải dò cho phù hợp). - Dùng máy dò mìn tiến hành dò theo đúng kỹ thuật (dò từ trái sang phải và ngược lại; vệt dò sau phải trùm lên 1/3 vệt dò trước; đường dò sau phải lấn sang đường dò trước 10 cm). - Khi máy dò chỉ thị có tín hiệu, dò thành vệt chữ thập phía trên vị trí có tín hiệu để xác định tâm tín hiệu, dùng cờ màu đỏ đánh dấu sát bên cạnh tâm tín hiệu. - Khi có nhiều máy dò cùng hoạt động trên một khu vực thì các máy phải cách nhau từ 7 m trở lên để tránh gây nhiễu.	Thiết bị bảo vệ người, máy dò mìn, thuốn, cờ đuôi nheo nhỏ màu đỏ, cọc gỗ và dây đánh dấu đường dò.
4	Bước 4	Đào kiểm tra, xử lý tín hiệu đến độ sâu 0,3m *(Điều 22 Thông tư*	- Dùng máy dò mìn và thuốn kiểm tra tại vị trí tín hiệu đã đánh dấu, xác định chính xác vị trí và kích thước tín hiệu. Dùng xẻng đào hố có kích thước tùy theo độ lớn và độ sâu của tín hiệu (thông qua phán đoán	Trang thiết bị bảo vệ người, máy dò mìn, thuốn, xẻng, dao găm;

TT	Các bước		Nội dung chi tiết	Trang thiết bị
		121/2021/TT-BQP)	khi kiểm tra bằng máy dò), thận trọng bóc dần từng lớp đất từ trên xuống và từ mép vào tim hố, vừa đào vừa kiểm tra. Khi thấy tín hiệu thì dùng dụng cụ cầm tay để bới đất cho lộ hẳn vật gây tín hiệu; - Kiểm tra xác định vật gây tín hiệu, nếu không phải là BMVN thì thu gom về nơi quy định; nếu là BMVN có khả năng xử lý tại chỗ an toàn thì xử lý, thu gom về nơi quy định. Trường hợp tín hiệu là BMVN không an toàn cho thu gom, vận chuyển hoặc vật nổ lạ thì đánh dấu lại để hủy tại chỗ vào cuối buổi thi công (đối với các loại bom lớn phải có kế hoạch xử lý riêng); - Sau khi đã xử lý xong tín hiệu, phải dùng máy dò kiểm tra lại xung quanh và phía dưới vị trí tín hiệu vừa xử lý để đảm bảo sạch hết tín hiệu. Nếu còn tín hiệu thì phải tiến hành xử lý theo quy định.	chốt an toàn; dụng cụ thu gom.
5	Bước 5	Dò tìm bằng máy dò bom ở độ sâu từ 0,3m đến 3m-5m *(Điều 24 Thông tư 121/2021/TT-BQP)*	- Chuẩn bị máy dò, kiểm tra, điều chỉnh máy dò cho phù hợp với độ nhiễm từ của đất trong khu vực; - Đóng cọc căng dây đánh dấu dải dò, mỗi dải dò có chiều rộng là 1m; - Dùng máy dò bom tiến hành dò theo đúng kỹ thuật để phát hiện hết các tín hiệu đến độ sâu yêu cầu. Khi máy dò chỉ thị có tín hiệu ở phía dưới (thông qua độ lệch của kim đồng hồ và thay đổi âm thanh của máy), tiến hành dò rộng ra xung quanh vị trí nghi ngờ để kiểm tra, xác định tâm tín hiệu, dùng cờ màu đỏ cắm sát bên cạnh vị trí tâm tín hiệu để đánh dấu chờ xử lý. - Khi có trên 2 máy cùng dò tìm trong một khu vực diện tích thì khoảng cách giữa 2 máy gần nhau tối thiểu ≥ 7 m để tránh các máy gây nhiễu.	Thiết bị bảo vệ người, máy dò bom, cờ màu đỏ, cọc gỗ và dây
6	Bước 6	Đào đất kiểm tra, xử lý tín hiệu đến độ sâu 3m *(Điều 26 Thông tư 121/2021/TT-BQP)*	- Kiểm tra và dùng dụng cụ cầm tay thận trọng đào bới tại xung quanh vị trí tâm tín hiệu đã đánh dấu. Đào từ ngoài vào trong, kích thước hố đào tùy theo độ lớn và độ sâu của tín hiệu (thông qua phán đoán khi kiểm tra bằng máy dò) khi gần tới vật gây tín hiệu phải kết hợp máy dò	Thiết bị bảo vệ người, máy dò bom; thuốn, xẻng, dụng cụ làm tay; chốt an toàn; thuốc nổ,

TT	Các bước		Nội dung chi tiết	Trang thiết bị
			và thuốn kiểm tra xung quanh vị trí tâm tín hiệu trước khi đào lớp tiếp theo cho đến khi lộ toàn bộ vật gây tín hiệu; - Kiểm tra xác định vật gây tín hiệu, nếu không phải là BMVN thì thu gom về nơi quy định; nếu là BMVN có khả năng xử lý tại chỗ an toàn thì xử lý, thu gom về nơi quy định. Trường hợp tín hiệu là BMVN không an toàn cho thu gom, vận chuyển hoặc vật nổ lạ thì đánh dấu lại để hủy tại chỗ vào cuối buổi thi công (đối với các loại bom lớn phải có kế hoạch xử lý riêng); - Sau khi đã xử lý xong tín hiệu, phải dùng máy dò kiểm tra lại xung quanh và phía dưới vị trí tín hiệu vừa xử lý để đảm bảo sạch hết tín hiệu. Nếu còn tín hiệu thì phải tiến hành xử lý theo quy định.	hỏa cụ, khí tài gây nổ; dụng cụ thu gom; máy bơm nước và phụ kiện đi kèm.
7	Bước 7	Đào đất kiểm tra, xử lý tín hiệu đến độ sâu 5 m *(Phần 6.2.8 mục 6 theo TCNV 10299-6:2014)*	-	-

***Nguồn**: Phương án kỹ thuật thi công dự án KCN Hòa Yên do Công ty TNHH MTV 49 – Binh chủng công binh thực hiện*

- Biên chế 04 đội thi công, mỗi đội 18 người.
- Thời gian thi công rà phá bom mìn, vật nổ là: 20 ngày.

(ii). Công tác di dời mồ mả vô chủ khi san nền

Riêng đối với các phần mộ vô chủ nếu được phát hiện trong quá trình thi công dự án sẽ được Công ty CP Fecon Hòa Yên di dời ngay theo phong tục tập quán của địa phương về khu vực nghĩa trang tập trung nằm ngoài phạm vi dự án và sau đó bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý và tìm kiếm thân nhân họ hàng.

1.2.4.2. Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng (Chủ dự án thực hiện)

Trong thời gian thi công xây dựng hạ tầng KCN Hòa Yên sẽ có các hoạt động sau:

Bảng 35. Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

TT	Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công	Mô tả hoạt động
1	San nền	Thi công chủ yếu bằng xe cơ giới: Xe tải, máy san, máy xúc, xe ủi, xe lu
2	Đường giao thông	
3	Hệ thống cấp nước sạch, trạm bơm tăng áp nước sạch công suất 15.500 m^3/ngày.đêm và hệ thống PCCC kết hợp.	Thi công thủ công, kết hợp với thi công cơ giới. Chi tiết hoạt động thi công được mô tả trong nội dung tiếp theo.
4	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và các cửa xả nước mưa	
5	Hệ thống thu gom thoát nước thải và các cửa xả nước thải	
6	Trạm XLNT tập trung, tổng công suất 10.500 m^3/ng.đêm (3 module × 3.500 m^3/ng.đêm /module)	
7	2 hồ sự cố nước thải, V= 5.250 m^3/hồ	
8	Hệ thống cấp điện sản xuất và hệ thống chiếu sáng	
9	Hệ thống thông tin liên lạc	
10	Trồng cây xanh	
11	Hoàn trả kênh mương đảm bảo chức năng tưới và tiêu (Mặt nước phía Tây Bắc, kênh tưới tiêu Phù Tài, kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa) cho KCN và khu vực xung quanh.	

1.2.4.3. Các hoạt động của dự án trong giai đoạn vận hành (Chủ dự án thực hiện)

a) Các hoạt động cho các nhà đầu tư thuê đất sản xuất

Sau khi xây dựng hoàn thành xây dựng xong HTKT của KCN Hòa Yên, đủ điều kiện tiếp nhận doanh nghiệp thứ cấp đầu tư theo quy định của pháp luật *[Điều 50, 51 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan]*. Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào KCN Hòa Yên để đầu tư sản xuất kinh doanh, xây dựng theo tính chất, ngành nghề của KCN.

Tùy theo vào đặc điểm sản xuất kinh doanh mà mỗi nhà đầu tư thứ cấp sẽ có hoạt động riêng sẽ trình bày chi tiết trong các báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Hoạt động thu gom và xử lý nước thải

(i). Hoạt động thu gom nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp trong KCN

Các nhà máy, xí nghiệp khi đầu tư vào KCN sẽ phải tự xử lý nước thải đạt yêu cầu theo hợp đồng giữa Công ty CP Fecon Hòa Yên và Nhà đầu tư thứ cấp, đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Yên thông qua hố ga, đồng hồ đấu nối điểm kiểm soát lưu lượng. Riêng đối với các ngành nghề có phát sinh nước thải mà trong đó có nhiều thành phần nguy hại, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ yêu cầu Nhà đầu tư thứ cấp lắp đặt (hoặc Chủ dự án tự lắp đặt) hệ thống quan trắc tự động một số các thông số đặc trưng, truyền trực tiếp về KCN Hòa Yên để có thể theo dõi, kiểm soát liên tục nước thải, tránh sự cố cho hoạt động của trạm XLNT.

(ii). Hoạt động của trạm XLNT tập trung

Nước thải phát sinh từ các nhà máy trong KCN Hòa Yên được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN sau khi đảm bảo chất lượng nước thải phù hợp với yêu cầu của trạm XLNT tập trung theo Hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật (hoặc Hợp đồng xử lý nước thải) giữa Công ty CP Fecon Hòa Yên và các nhà đầu tư thứ cấp [Chi tiết các thông số giới hạn nước thải này được trình bày tại các nội dung tiếp theo].

Trạm XLNT tập trung có công suất 10.500 m^3/ng.đêm (3 modules × 3.500 m^3/ng.đêm/module), hoạt động theo công nghệ sau (Công nghệ của 3 module là giống nhau): Nước thải đầu vào (*Sau khi xử lý đạt GHCP theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Công ty CP Fecon Hòa Yên và nhà đầu tư thứ cấp - chi tiết được trình bày tại Chương III)* → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng → Bể phản điều chỉnh pH2 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung gian→ Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học

A/B → Bể điều chỉnh pH3 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đạt QCVN 40:2025/ BTNMT, cột A, F >2.000 m^3/ngày → Kênh tiêu Cầu Chi → Cống Yên Ninh → Sông Cầu.

♣ *Trách nhiệm vận hành trạm XLNT tập trung*

- Trách nhiệm vận hành trạm XLNT: Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ có trách nhiệm trước pháp luật trong việc vận hành trạm XLNT tập trung công suất 10.500 m^3/ng.đêm theo quy định của pháp luật.

- Các hình thức hợp tác có thể thực hiện:

+ Theo vận hành: Để chuyên môn hóa công tác vận hành trạm XLNT tập trung nhằm đạt được hiệu quả tốt, Công ty CP Fecon Hòa Yên xem xét có thể thuê đơn vị chuyên vận hành trạm XLNT tập trung theo hình thức hợp đồng thuê vận hành.

+ Thu hút nhà đầu tư thứ cấp đầu tư, vận hành: Hiện nay tại một số KCN/CCN, một số Nhà đầu tư thứ cấp đã tiến hành nhận đầu tư, vận hành trạm XLNT tập trung theo quy định.

c) Hoạt động xả nước mưa và nước thải

(i). Xả nước mưa

Tại KCN Hòa Yên được chia thành 2 lưu vực thoát nước như sau:

- Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu dự án, sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu.

- Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực dự án sau đó đổ về phía Nam và thoát vào kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa.

(ii). Xả nước thải sau khi xử lý

Nước thải từ KCN Hòa Yên sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F >2.000 m^3/ngày sẽ được xả ra kênh tiêu Cầu Chi tại 1 cửa xả (Điểm xả nước thải ra kênh tiêu Cầu Chi nằm ngoài phạm vi KCN Hòa Yên). Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất xả thải là: 10.500 m^3/ng.đêm; Chế độ xả: Liên tục 24/24h.

1.2.5. Quy mô các hạng mục công trình xử lý chất thải và BVMT

1.2.5.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

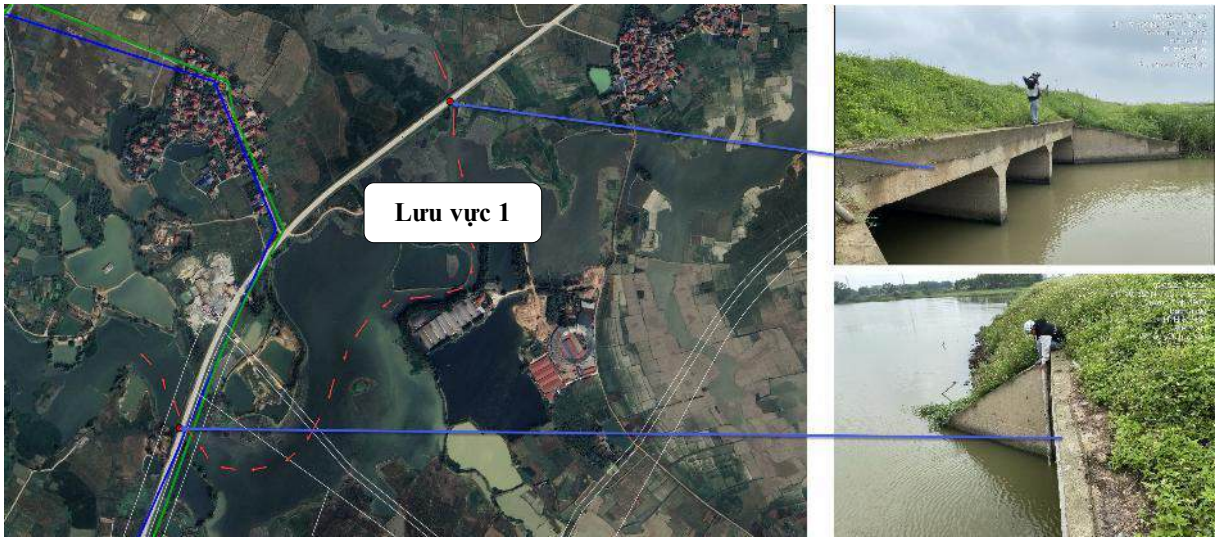
a) Lưu vực thoát nước và hướng thoát nước dự án

Thoát nước mưa tại khu vực dự án được chia làm 2 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu dự án, sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu. Diện tích thu nước vào khu vực dự án khoảng 158 ha.

→ *Phương án thoát nước của dự án:* Nước mưa thoát về cống hiện trạng qua ĐT.398B có kích thước 3×B×H =4000×4000mm. Nước mưa dự án hợp lưu với ngòi Á Lữ tiêu thoát qua cống này trước khi thoát qua cống Yên Ninh. Phương án nối dài cống hiện trạng thông với kênh đáy B=20m của dự án, đồng thời xây mới thêm 1 cống đôi kích thước 2×B×H=4000×4000mm cạnh cống hiện trạng để đảm bảo việc tiêu thoát nước dự án.

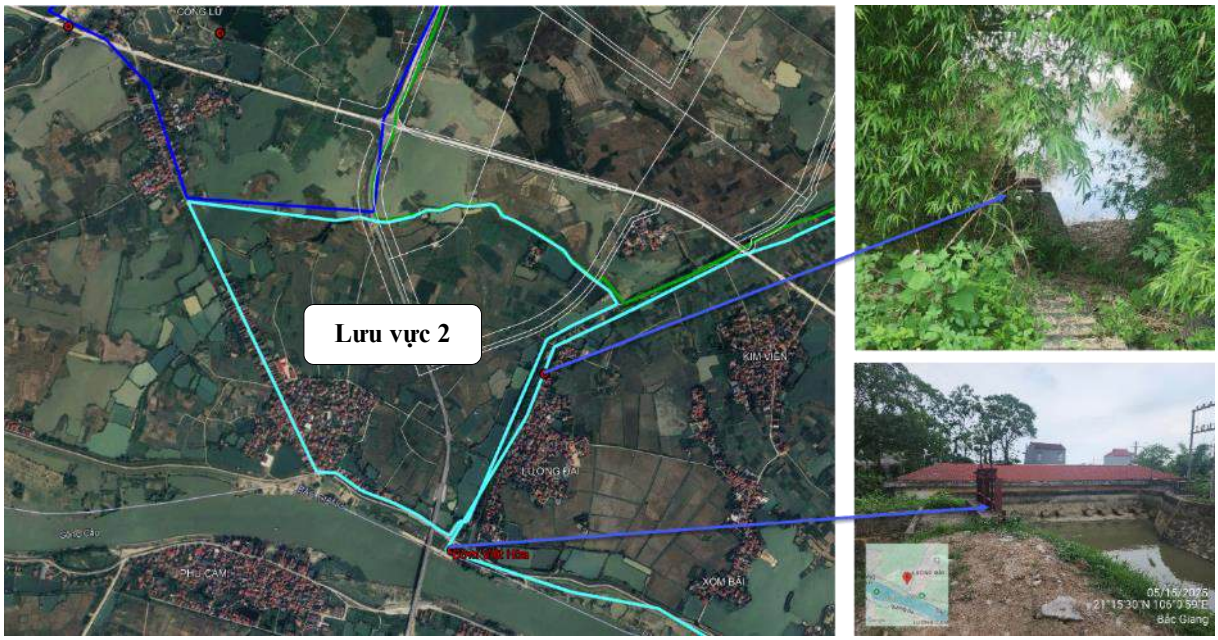
Hình 69. Lưu vực 1 thoát nước của dự án



- Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực dự án, sau đó đổ về phía Nam và thoát vào kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa. Diện tích lưu vực thu nước vào khu vực lập quy hoạch khoảng 112 ha. Công suất hiện tại của trạm bơm Việt hòa Q_{ht}= 9.800m^3/h. Công suất theo quy hoạch nâng cấp Q_{qh}=12.000m^3/h.

→ *Phương án thoát nước của dự án:* Nước mưa thoát về kênh tiêu hiện trạng sau đó qua cống ngầm hiện trạng có kích thước B×H=1000×1200mm trước khi thoát về trạm bơm tiêu Việt Hòa. Phương án nạo vét khơi thông dòng chảy đoạn kênh tiêu vị trí dự án đấu ra đồng thời cải tạo cống ngầm hiện trạng thành cống 4×B×H = 2000×2500mm để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước của dự án.

Hình 70. Lưu vực 2 thoát nước của dự án



b) Mạng lưới thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa cho khu vực được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải trên phạm vi KCN Hòa Yên.

- Thiết kế các vị trí kênh hở tiêu nước, mục đích để đấu nối hạ tầng thoát nước mưa được thuận lợi hơn, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở xung quanh dự án có bề rộng từ 6-8m, độ dốc tối thiểu i=0,00025, m = 0. Đối với kênh hở mặt cắt (3b-3b) có bề rộng đáy B=20m, mái kênh m=1,5, độ dốc i=0,0005.

- Nước mưa được gom qua các ga thu bố trí hai bên đường, dẫn theo các tuyến cống nhánh rồi đổ ra các tuyến cống chính và xả ra kênh thoát nước.

- Cống thoát nước mưa được đặt trên vỉa hè sử dụng cống BTCT tải trọng tiêu chuẩn, cống thoát nước mưa qua đường sử dụng cống BTCT tải trọng cao. Các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất.

- Để thoát nước cho đường, ga thu được bố trí theo khoảng cách quy định trung bình 30m và tại các điểm nút, điểm tụ thủy.

- Hệ thống thoát nước mưa nội bộ KCN cấu tạo bao gồm các tuyến cống tròn BTCT và cống hộp BTCT, hệ thống kênh thoát nước nội khu, hệ thống hố ga và hố thu mưa BTCT.

- Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp khi thiết kế hệ thống thoát nước mưa sẽ tuân thủ quy hoạch KCN, thỏa thuận điểm đấu nối, hố ga tiếp nhận nước mưa để làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, giám sát sau này.

- Tại các điểm đấu nối nước mưa từ nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ sẽ lắp đặt biển chỉ dẫn, cảnh báo theo quy định.

c) Cửa xả nước mưa

- Nước mưa từ dự án KCN Hòa Yên theo hệ thống kênh mương hoàn trả xung quanh dự án thoát vào các tuyến kênh mương hiện trạng của xã/phường theo các Văn bản bản thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa với xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà và phường Tự Lạn như sau:

+ Văn bản số 971/UBND-KTHT&ĐT ngày 23/10/2025 của UBND phường Vân Hà về việc *"Ý kiến thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

+ Văn bản số 720/UBND-KTHT&ĐT ngày 24/10/2025 của UBND phường Tự Lạn về việc *"Ý kiến thoả thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên";*

+ Văn bản số 1135/UBND-PKT ngày 14/11/2025 của UBND xã Hiệp Hòa về việc *"Cho ý kiến về việc đấu nối thoát nước mưa, đấu nối thoát nước thải và hoàn trả mương hiện trạng do dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Tổng số cửa xả nước mưa thoát ra hệ thống kênh mương hoàn trả xung quanh dự án: 36 cửa xả, cụ thể:

Bảng 36. Các loại cửa xả nước mưa tại dự án

TT	Cửa xả nước mưa	Số lượng
1	Cửa xả nước mưa loại B2000	2
2	Cửa xả nước mưa loại B1800	17
3	Cửa xả nước mưa loại B1500	6
4	Cửa xả nước mưa loại B1200	5
5	Cửa xả nước mưa loại B800	5
6	Cửa xả nước mưa loại B600	1
7	**Tổng cộng**	**36**

- Tại mỗi điểm xả nước mưa ra các tuyến mương, công trình thủy lợi,… sẽ có biển báo với nội dung "ĐIỂM XẢ NƯỚC MƯA" để cảnh báo cho các đối tượng có liên quan được biết, quản lý và bảo vệ.

d) Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa

Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa của KCN Hoà Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 37. Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước mưa

TT	Tên vật liệu	Loại	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Cống tròn BTCT	D300 - BTCT	m	550	Cống tròn BTCT đúc sẵn, 2 đế cống/1m
		D400 - BTCT	m	90	
		D600 - BTCT	m	1950	
		D800 - BTCT	m	7500	
		D1000 - BTCT	m	690	
		D1200 - BTCT	m	4545	
		D1500 - BTCT	m	7185	
		D1800 - BTCT	m	485	
2	Cống hộp đơn	BXH=1200×1200	m	67	Cống hộp BTCT đúc sẵn (Đấu nối với cống hiện trạng)
		BXH=1000×1000	m	73	
3	Cống hộp đôi	2BXH=4000×4000	m	102	Cống hộp BTCT đổ tại chỗ (Đấu nối với cống hiện trạng) (thoát kênh tưới)
		2BXH=2000×2500	m	285	
		2BXH=2000×2000	m	54	
		2BXH=2500×2500	m	255	
4	Cống hộp ba	3BXH=2000×2500	m	41	Cống hộp BTCT đổ tại chỗ
5	Cống hộp bốn	4BXH=1850×2500	m	23	Cống hộp BTCT đổ tại chỗ (Cải tạo ngoài ranh)
		4BXH=2000×2500	m	16	
6	Cống hộp năm	5BXH=4000×4000	m	16	Cống hộp BTCT đổ tại chỗ
7	Rãnh BTCT đậy đan	B800	m	1.460	Mương tưới
8	Hố thu nước mưa		m	63	
9	Hố ga nước mưa BTCT	Loại B2000	Ga	3	
10	Hố ga nước mưa BTCT	Loại B1800	Ga	156	

11	Hố ga nước mưa BTCT	Loại B1500	Ga	235	
12	Hố ga nước mưa BTCT	Loại B1200	Ga	159	
13	Hố ga nước mưa BTCT	Loại B1000	Ga	23	
14	Hố ga nước mưa BTCT	Loại D600-800	Ga	319	
15	Cửa xả nước mưa	Loại B2000	Cửa xả	2	
16	Cửa xả nước mưa	Loại B1800	Cửa xả	17	
17	Cửa xả nước mưa	Loại B1500	Cửa xả	6	
18	Cửa xả nước mưa	Loại B1200	Cửa xả	5	
19	Cửa xả nước mưa	Loại B1000	Cửa xả	5	
20	Cửa xả nước mưa	Loại D600	Cửa xả	1	

***Nguồn**: Báo cáo NCKT dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên*

1.2.5.2. Hệ thống thu gom nước thải

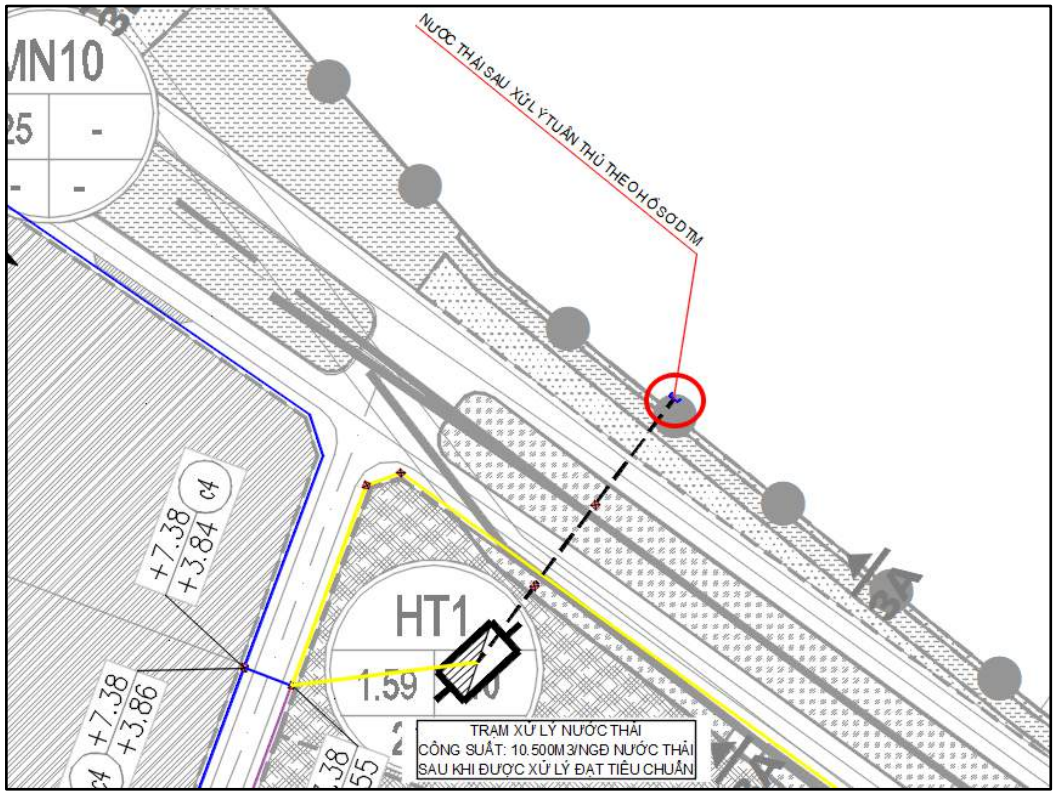
a) Vị trí xả nước thải sau khi xử lý

Nước thải từ KCN Hòa Yên được xả ra Kênh tiêu Cầu Chi *(tên gọi địa phương là: "Ngòi Á Lữ"),* thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã Hiệp Hoà. Theo Văn bản số 1135/UBND-PKT ngày 14/11/2025 của UBND xã Hiệp Hoà thì cửa xả nước thải sau khi xử lý từ KCN Hòa Yên ra kênh tiêu Cầu Chi có toạ độ (VN-2000, KTT: 107º) như sau:

$$\mathbf{X_{(m)} = 2353786,6108 \ ; \ Y_{(m)} = 397991,0367}$$

Vị trí xả nước thải từ KCN Hòa Yên sau khi xử lý ra kênh tiêu Cầu Chi được mô tả trong hình sau:

Hình 71. Vị trí xả nước thải từ KCN sau khi xử lý ra kênh tiêu Cầu Chi



b) Hệ thống thu gom nước thải

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải độc lập với thoát nước mưa. Nước thải được thu gom thẳng về trạm XLNT đặt tại khu đất HT1.

- Nước thải sản xuất trong từng nhà máy phải xử lý nước thải theo quy chuẩn thoát nước thải công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN rồi dẫn về trạm xử lý tập trung bố trí tại ô đất HT1. Nước thải sau khi xử lý sẽ đảm bảo QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả vào kênh tiêu Cầu Chi.

- Thiết kế các đường cống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc thu gom từ khu nhà xưởng thoát ra. Các tuyến cống dùng ống cống HDPE (hoặc các loại ống đặc thù sử dụng cho thoát nước thải khác) từ D300 đến D600. Dọc theo các tuyến cống bố trí các ga thu thăm tại những vị trí có cống thoát nước thải từ các nhà xưởng thoát ra, độ dốc cống lấy theo độ dốc dọc đường hoặc i_{min} nếu như độ dốc đường nhỏ hơn độ dốc tối thiểu của cống =1/D. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về trạm xử lý.

- Thiết kế các trạm bơm chuyển bậc nước thải bố trí tại khu vực cây xanh và bãi đỗ xe của dự án (Trạm bơm số 1: 195m^3/h ; Trạm bơm số 2: 340m^3/h ; Trạm bơm số 3: 135m^3/h). Nước thải được bơm từ trạm bơm bằng các đường ống HDPE

D160-D315 tới các hố ga gần nhất để khống chế độ sâu chôn cống <5m.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ khi thiết kế hệ thống thoát nước thải sẽ tuân thủ quy hoạch KCN, thỏa thuận điểm đấu nối, hố ga tiếp nhận nước thải để làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, giám sát sau này.

- Tại các điểm đấu nối nước thải từ nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ sẽ lắp đặt biển chỉ dẫn, cảnh báo theo quy định.

c) Tính toán hệ thống thoát nước thải

♣ *Tính toán thuỷ lực của từng tuyến cống*

Lưu lượng nước thải trung bình lấy theo công thức:

$$Q_{tb}^{ĐT} = Q_{tb}^{sh} + Q_{tb}^{cc} \quad (m^3/ngđ)$$

$$Q_{tb}^{sh} = \frac{N.q_o^{sh}}{1000} \quad (m^3/ngđ)$$

$$Q_{tb}^{cc} = F.q_o^{cc} \quad (m^3/ngđ)$$

Trong đó:

+ N- Số người thải nước ra (người)

+ q_o^{sh} - Tiêu chuẩn thải nước của trong 1 ngày

Tính toán thuỷ lực lựa chọn tiết diện cống theo công thức:

$$\mathbf{Q_{tt} = K_{ch} \times Q_{tb}}$$

Trong đó:

+ Q_{tt} - Lưu lượng nước thải tính toán (l/s).

+ K_{ch} - Hệ số không điều hoà chung, K_{ch} lấy phụ thuộc vào Q_{tb} (Tra theo bảng 2 TCXD 7957:2023)

Tất cả lô đất xây dựng nhà máy kho tàng, các công trình công cộng và dịch vụ, những nơi thải ra nước thải sinh hoạt đều phải xử lý cục bộ qua bể tự hoại trước khi xả ra mạng lưới thoát nước thải khu đô thị.

Trên hệ thống thu gom bố trí các giếng thăm chờ để đấu nối hệ thống thoát nước từ bên trong ô đất. Hệ thống thoát nước thải bên trong từng ô đất xây dựng công trình sẽ được thiết kế trong giai đoạn sau tuỳ thuộc vào quy mô, tính chất và mặt bằng bố trí công trình của từng ô đất đó.

♣ *Tính toán thủy lực, lựa chọn đường kính ống thoát*

Hệ thống đường ống thoát nước là hệ thống tự chảy, được tính toán dựa trên công thức. Đường kính ống thoát nước được tính trên cơ sở công thức thủy lực cơ

bản như sau:

$$Q = W \times v \ (l/s)$$

Trong đó:

+ Q : Lưu lượng tính toán (l/s)

+ W : Diện tích mặt cắt ướt của dòng chảy (l/s)

+ v : Vận tốc dòng chảy trung bình (m/s)

$$v = c \ (Ri \ )1/2$$

Trong đó:

+ R : Bán kính thủy lực phụ thuộc vào dạng tiết diện ống (m^2).

+ i : Độ dốc đáy ống xác định theo i min = 1/D (D là đường kính ống mm)

+ c : Hệ số sêri có liên quan đến độ nhám thành ống và bán kính thủy lực xác định theo công thức:

$$C = (1/n) \times R^y$$

$$y = 2,5 \ (n)^{1/2} - 0,13 - 0,75 \ (R \ )^{1/2} \ ((n)^{1/2} - 0,1)$$

n : Độ nhám thành cống với ống nhựa n = 0,011

d) Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom nước thải

Tổng hợp khối lượng hệ thống thu gom nước thải tại dự án KCN Hòa Yên được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 38. Thống kê khối lượng hệ thống thoát nước thải

TT	Chủng loại vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Đường ống thoát nước thải HDPE D300	m	12.672	Bao gồm gối đỡ cống 2m/ 1 cái
2	Đường ống thoát nước thải HDPE/BTCT D400	m	3.172	Bao gồm gối đỡ cống 2m/ 1 cái
3	Đường ống thoát nước thải HDPE/BTCT D500	m	804	Bao gồm gối đỡ cống 2m/ 1 cái
4	Đường ống thoát nước thải HDPE/BTCT D600	m	200	Bao gồm gối đỡ cống 2m/ 1 cái

5	Đường ống thoát nước thải có áp HDPE DN160, PN10, PE100	m	835	
6	Đường ống thoát nước thải có áp HDPE DN315, PN10, PE100	m	400	
7	Hố ga	Cái	518	
8	Trạm xử lý nước thải	Trạm	1	Công suất 10.500 m^3/ngđ
9	Trạm bơm nước thải	Trạm	3	

***Nguồn**: Báo cáo NCKT dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên*

1.2.5.3. Trạm XLNT tập trung

a) Vị trí xây dựng trạm XLNT

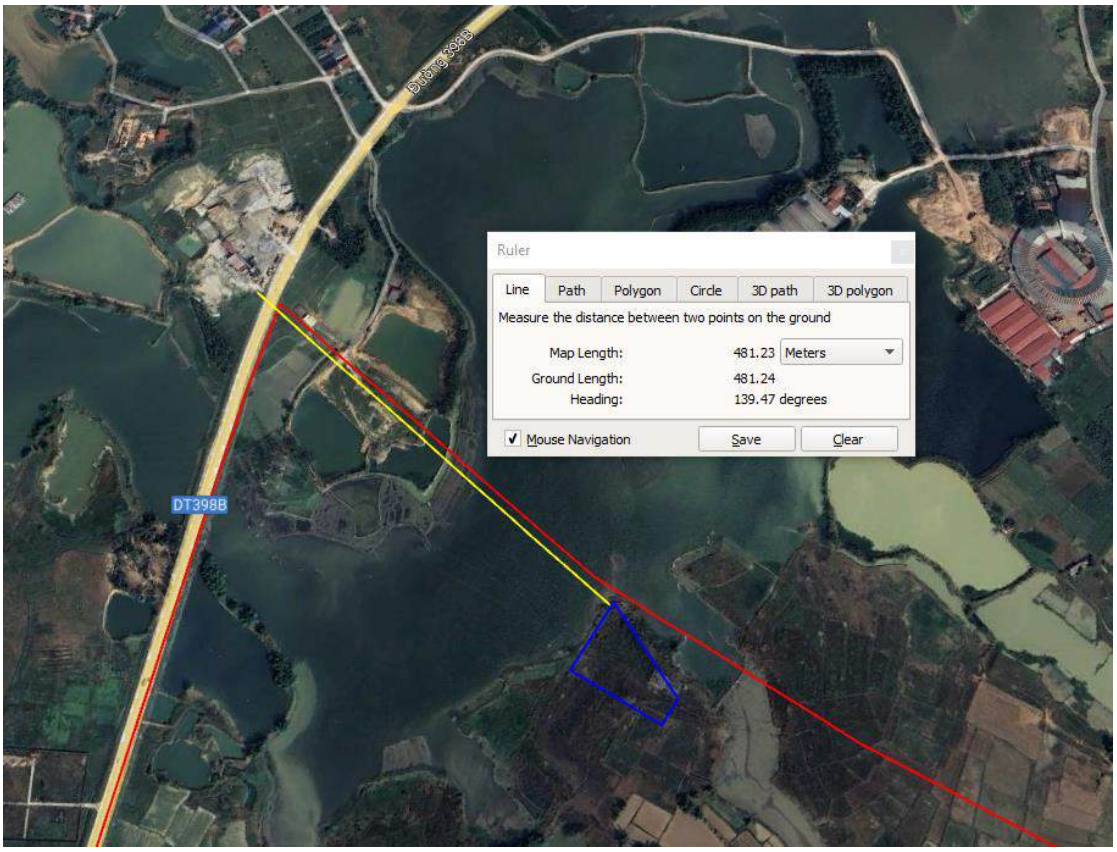
Trạm XLNT sẽ được xây dựng tại lô đất có ký hiệu HT1 diện tích 1,59 ha. Khoảng cách gần nhất từ hàng rào của trạm XLNT đến khu vực dân cư gần nhất (thôn Trại Cây) khoảng 480(m), từ công trình xử lý nước thải bên trong là 500(m). Trạm XLNT tập trung tại dự án được xây dựng ngầm, XLNT bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng ngầm và có hệ thống thu gom, xử lý mùi (khí gây mùi). Khoảng cách này đảm bảo theo các quy định sau:

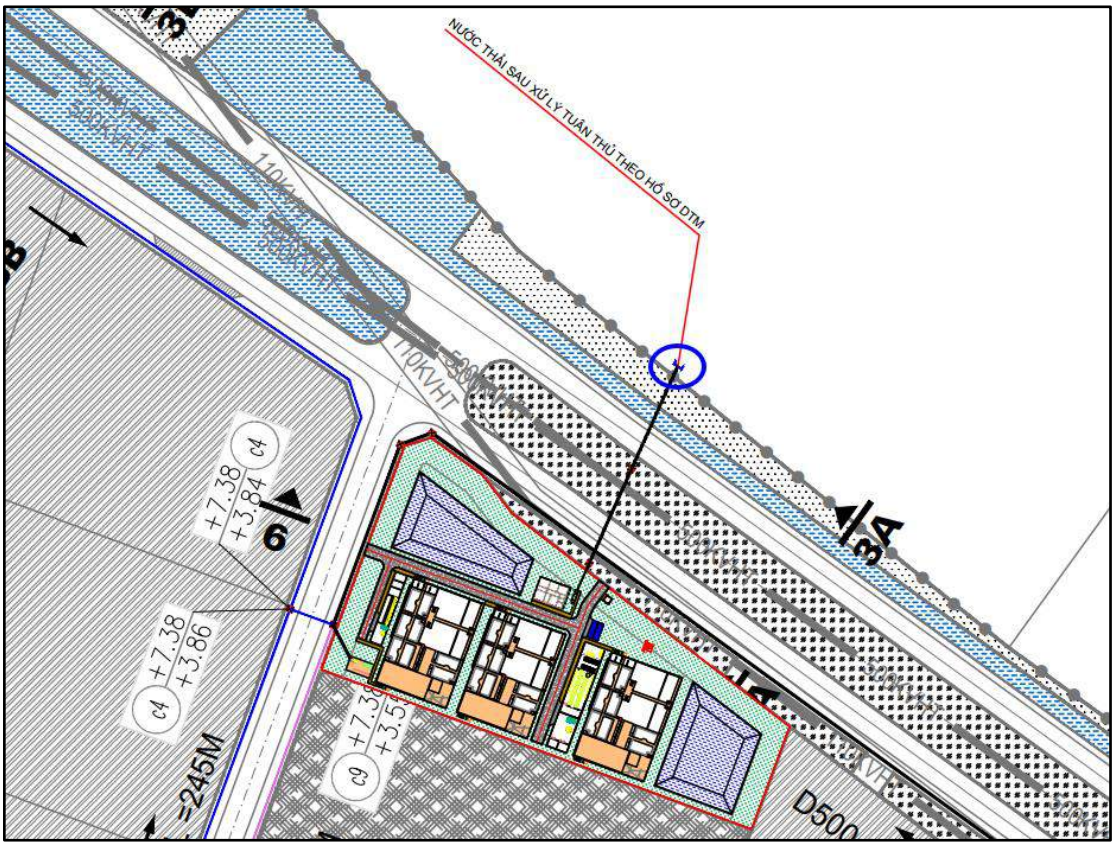
- QCVN 01:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người: Quy định khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở đối với trạm XLNT công suất từ trên 5.000 đến 50.000 m^3/ng.đêm là 30(m).

- QCVN 01:2021/BXD tại Bảng 2.22 có quy định đối với Trạm XLNT theo phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom và xử lý mùi QC quy định khoảng cách tối thiểu là 30m đối với công suất trạm từ trên 5.000 đến 50.000 m^3/ng.đêm.

Về hướng gió, khu dân cư thôn Trại Cây không bị ảnh hưởng bởi mùi hôi thối trong quá trình hoạt động do thôn này nằm về phía Tây Bắc của trạm XLNT tập trung. Vị trí xây dựng hạng mục trạm XLNT tập trung (10.500 m^3/ng.đêm) được mô tả trong hình sau:

Hình 72. Vị trí xây dựng hạng mục trạm XLNT tập trung





Vị trí xây dựng hạng mục Trạm XLNT tập trung (10.500 m^3/ng.đêm) trên thực tế được trình bày trong hình sau:

Hình 73. Vị trí khu đất sẽ xây dựng Trạm XLNT tập trung trên thực tế



b) Công suất, công nghệ XLNT

(i). Công suất trạm XLNT tập trung

- Công suất: Trạm XLNT tập trung có tổng công suất là 10.500 m^3/ngày.đêm và chia thành 3 module cho 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 xây dựng Module 1 có công suất 3.500 m^3/ngày đêm. Giai đoạn 2 xây dựng Module 2 và 3 có công suất mỗi module là 3.500 m^3/ngày.đêm. Các module 1, 2 và 3 được xây dựng và hoạt động độc lập với nhau.

- Dải cây xanh cách ly: Xung quanh Trạm XLNT sẽ trồng dải cây xanh cách ly có bề rộng tối thiểu là 10m, đảm bảo theo quy định tại khoản 2.11.4, QCVN 01:2021/BXD *(Chi tiết xem bản vẽ tổng mặt bằng trạm XLNT tập trung).*

(ii). Quy trình công nghệ xử lý nước thải

Quy trình công nghệ XLNT tại trạm XLNT tập trung của KCN Hòa Yên (công suất 10.500 m^3/ng.đêm, 3 modules × 3.500m^3/ng.đêm/module) được tóm tắt như sau: Nước thải đầu vào từ các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN (Sau khi xử lý đạt GHCP theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và nhà đầu tư thứ cấp - chi tiết được trình bày tại Chương III → Thiết bị

lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng → Bể phản điều chỉnh pH2 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung gian→ Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học A/B → Bể điều chỉnh pH3 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đạt QCVN 40:2025/ BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Kênh tiêu Cầu Chi → Cống Yên Ninh → Sông Cầu.

(iii). Chất lượng nước thải sau khi xử lý và điểm xả nước thải

Tiêu chuẩn nước thải sau khi xử lý tại Trạm XLNT (Tiêu chuẩn đầu ra), xả ra kênh tiêu Cầu Chi như sau:

- *Tiêu chuẩn áp dụng:* Nước thải từ KCN Hòa Yên được xác định là nước thải công nghiệp nên áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- *Cột áp dụng:*

+ Nước thải từ KCN xả ra kênh tiêu Cầu Chi (Nhân dân không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt), cuối cùng đổ vào sông Cầu. Vì vậy, để đảm bảo an toàn thì không sử dụng mục đích của kênh tiêu Cầu Chi để xác định cột xả thải. Sông Cầu có sử dụng làm nguồn cấp nước sinh hoạt quan trọng của khu vực nên áp dụng mức độ A (cột A).

+ Mặt khác, theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Ban hành quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"* thì nước thải từ KCN phải được xử lý đạt tiêu chuẩn A mà không cần xét nguồn tiếp nhận nước thải.

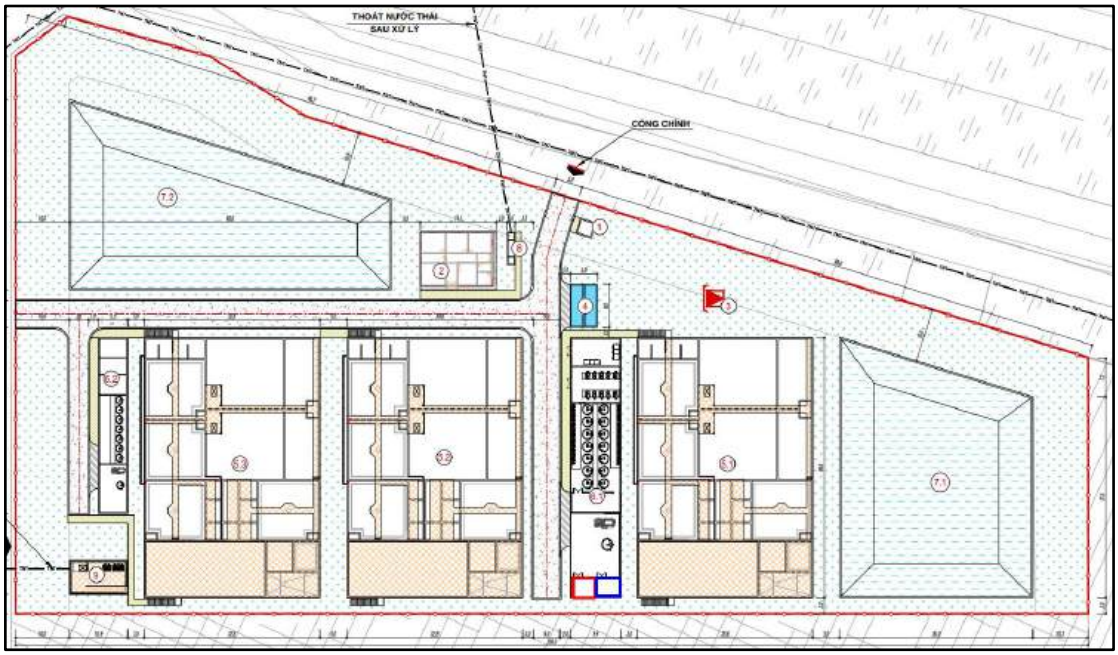
- *Lưu lượng xả thải:* Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ dự án là $\sum_{\text{nước thải}}$ =10.500 m^3/ngày.đêm → F >2.000 m^3/ngày.

→ Kết luận về chất lượng nước thải từ KCN: ***Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F >2.000 m^3/ngày.***

1.2.5.4. Kho chứa CTNH

Xây dựng 01 kho chứa CTNH tại khu vực trạm XLNT tập trung có diện tích 10m^2 để chứa CTNH phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của chủ đầu tư hạ tầng công nghiệp như: Hoạt động chăm sóc và bảo vệ cây xanh, hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng của KCN, hoạt động của Trạm XLNT,… Kho chứa này được xây dựng tường bao, mái che, cửa ra vào có khóa, các biển cảnh báo theo quy định. Trong kho, mỗi loại CTNH sẽ được chứa tại thùng chứa riêng, có gắn mã số CTNH.

Hình 74. Vị trí kho chứa CTNH



: Kho chứa CTNH : Kho CTR TT

1.2.5.5. Khu vực lưu giữ tạm thời CTR đường phố và điểm tập kết phương tiện VSMT

- Đối với các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các công trình dịch vụ thương mại: Sẽ ký hợp đồng trực tiếp với đơn vị cung cấp dịch vụ VSMT có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật để thu gom và xử lý CTRSH, CTRSX không nguy hại và CTNH của mình. Các loại chất thải này sẽ được vận chuyển thẳng từ Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ đến nơi xử lý mà không cần phải tập kết hoặc trung chuyển trong phạm vi KCN Hòa Yên.

- Đối với khu vực đường phố, trạm XLNT và khu vực công cộng thuộc phạm vi của Công ty CP Fecon Hòa Yên: Trách nhiệm thu gom, quản lý rác thải thuộc về Công ty CP Fecon Hòa Yên. Chủ dự án sẽ thành lập tổ VSMT để thực hiện công tác VSMT. Rác thải thu gom từ các khu vực công cộng, đường phố sẽ được tập kết tạm thời tại khu đất bãi đỗ xe số 2 có diện tích 1,15 ha, rác thải phát sinh tại trạm XLNT tập kết trong khuôn viên, để đợi xe vận chuyển (xe ép rác) của đơn vị dịch vụ VSMT đến tiếp nhận, vận chuyển đưa đến khu xử lý thông qua hình thức hợp đồng, trả phí theo quy định. Rác thải từ đường phố, khu công cộng sẽ được tổ VSMT thu gom bằng xe cơ giới, xe quét/hút rác và sau đó chuyển trực tiếp sang xe ép rác chuyên dụng của đơn vị dịch vụ VSMT được thuê, không đổ ra nền hoặc sàn.

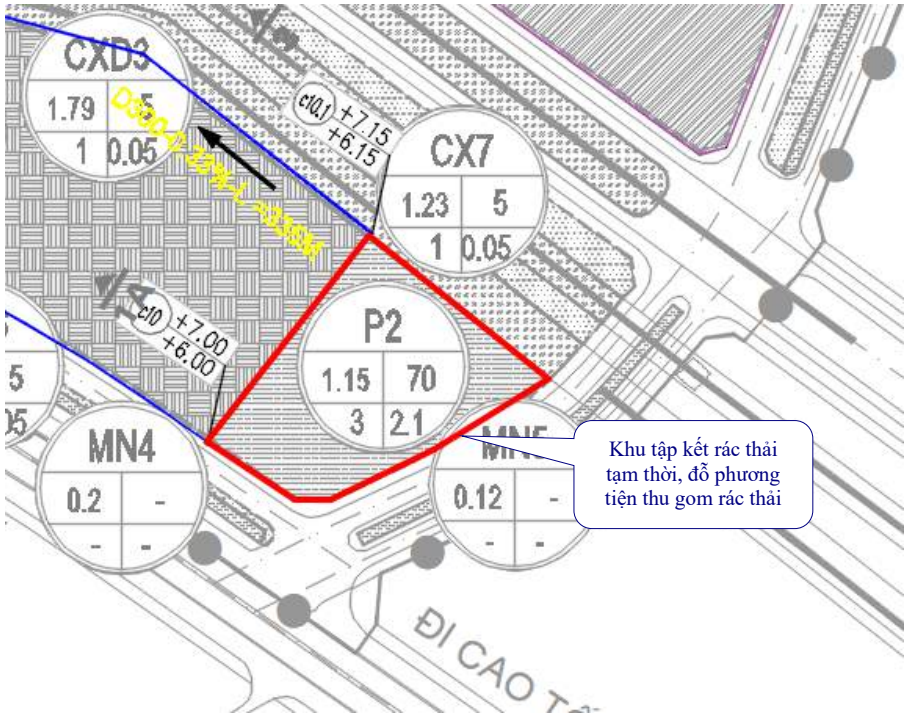
- Diện tích trên (Bãi đỗ xe số 2) cũng là nơi tập kết, đỗ của xe quét, thu gom rác thải đường phố, khu vực công cộng của tổ VSMT KCN. Ngoài ra, các xe tưới nước rửa đường, xe tưới và chăm sóc cây xanh (cắt tỉa cành, xe cẩu phục vụ trồng

cây),... tập trung cũng sẽ được đỗ ở đây. Gọi chung đây là khu vực tập kết là phương tiện VSMT.

- Đối với hoạt động của trạm XLNT: Xây dựng kho chứa CTNH, diện tích 10m^2, đặt trong phạm vi khu đất Trạm XLNT.

Vị trí khu tập kết rác thải đường phố tạm thời, phương tiện VSMT, chăm sóc cây xanh tại KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 75. Vị trí khu tập kết rác thải đường phố tạm thời, phương tiện VSMT, chăm sóc cây xanh tại KCN



Dự kiến phương tiện thu gom rác thải của tổ VSMT KCN được tóm tắt bảng sau:

Bảng 39. Dự kiến phương tiện của tổ VSMT KCN
(Phục vụ cho các diện tích bên ngoài nhà máy, xí nghiệp công nghiệp)

TT	Loại xe	Đơn vị	Khối lượng
1	Xe quét rác - hút bụi đường nội bộ của KCN (5m^3)	chiếc	10
2	Xe cơ giới thu gom rác thải (3m^3)	chiếc	10

1.2.5.6. Trồng cây xanh tại KCN Hòa Yên

Diện tích cây xanh dự án là: 27,38 ha. Phương án trồng cây xanh trong KCN Hòa Yên như sau:

♣ *Bố cục cây xanh*

- Cây thân gỗ có tán cao to làm cây che chắn bố trí trồng dọc theo trục đường lớn.

- Nhóm cây thân cau dừa trồng điểm từng cụm.

- Nhóm cây có hoa tùy theo tán lá và màu hoa để trồng điểm những vị trí tạo không gian kiến trúc.

- Cây tạo thảm hoa: Có thể trồng trực tiếp xuống đất tạo hiệu quả cao từng mùa hoặc từng ngày theo mục đích phù hợp yêu cầu, chủ yếu trồng dải phân cách, bồn cây bóng mát.

- Cây bóng mát: Trên mặt bằng tại một số vị trí trồng một số loại cây có tán rộng đẹp có hoa như: Sanh, Sữa, Phượng, Bằng Lăng, Muồng vàng….

- Cây cắt xén và cây có hình dáng đẹp: Đây là loại cây có hình dáng trồng tại dải cây dọc tuyến đường hoặc theo đường dạo trong vườn như cây ngâu, bỏng nổ, trang lá nhỏ, tre trúc, cọ xẻ….

- Cây xanh có lá màu: Là những cây bụi thấp được trồng thành tầng mảng hoặc trồng thành từng tuyến theo đường. Mục đích để nhấn các diện tích gần trung tâm. Các cây lá màu như: dền tía, trang lá nhoe, lá trắng….

- Cây có hoa theo mùa: Cây có hoa có thể trồng trực tiếp xuống đất hoặc trồng trong chậu cảnh di động. Loại cây này cũng trồng thành từng mảng hoặc trồng điểm tại những vị trí cần thiết. Bao gồm các loại: Cúc vàng đơn, hoa mười giờ, sài đất, lan chu đinh tím, thanh anh….

- Cây viền bồn hoa và đường dạo: bỏng nổ, ngâu, trang lá nhỏ…

Toàn bộ mạng lưới cây xanh và bồn hoa sẽ tạo thành một không gian sinh động làm hài hòa không gian chung của KCN. Xung quanh KCN trồng cách ly các dải cây xanh bằng cây keo giống nhằm tạo khoảng cách an toàn, đảm bảo môi trường cho khu vực lân cận.

♣ *Kỹ thuật đối với cây trồng*

- Đối với các loại cây to hoặc vừa, nhỏ, bụi… nói chung là đối với loài cây đã được trồng quen thuộc nên mua và đem trồng ngay với phương thức hợp đồng khoán gọn và có thời gian bảo hành đến khi cây trồng đã đảm bảo sống.

- Tại dải phân cách đã đổ đất màu trồng cây với chiều dày trung bình 0,5m. Với các cây bóng mát thì bóc đi 50 - 60cm đất và đổ đất màu để trồng.

- Kỹ thuật trồng: Áp dụng biện pháp kỹ thuật thâm canh tối đa, phân bón chủ yếu dùng phân vi sinh và đất mùn, thuốc phòng trừ sâu bệnh chủ yếu là thuốc sinh học, rất hạn chế dùng phân hay thuốc vô cơ.

- Cây bóng mát trồng trong bồn có kích thước: 1,2m × 1,2m

- Gia cố cây sau khi trồng mới bằng cọc gia cố với số lượng mỗi cây là 4 cọc. (Quy cách gia cố cây trồng xem bảng vẽ chi tiết phần cây xanh).

♣ *Khối lượng cây xanh*

Sơ đồ bố trí trồng cây xanh tại KCN Hòa Yên được mô tả trong hình vẽ dưới đây:

Hình 76. Sơ đồ bố trí trồng cây xanh tại KCN



Khối lượng cây xanh đã được tính toán trong Báo cáo NCKT dự án và được báo cáo ĐTM tổng hợp theo từng giai đoạn như sau:

Bảng 40. Diện tích trồng cây xanh tập trung tại KCN

TT	Hạng mục	Kí hiệu	Diện tích (ha)
I	***Đất cây xanh công cộng***		***20,8***
1	Đất cây xanh 1	CX 1	0,51
2	Đất cây xanh 2	CX 2	0,39
3	Đất cây xanh 3	CX 3	0,31
4	Đất cây xanh 4	CX 4	0,39
5	Đất cây xanh 5	CX 5	0,39
6	Đất cây xanh 6	CX 6	0,14
7	Đất cây xanh 7	CX 7	1,23
8	Đất cây xanh 8	CX 8	3,58

TT	Hạng mục	Kí hiệu	Diện tích (ha)
9	Đất cây xanh 9	CX 9	1,87
10	Đất cây xanh 10	CX 10	1,03
11	Đất cây xanh 11	CX 11	3,18
12	Đất cây xanh 12	CX 12	5,67
13	Đất cây xanh 13	CX 13	0,31
14	Đất cây xanh 14	CX 14	0,69
II	***Đất cây xanh hành lang điện***		***7,30***
15	Đất cây xanh hành lang điện 1	CXD1	0,73
16	Đất cây xanh hành lang điện 2	CXD2	1,33
17	Đất cây xanh hành lang điện 3	CXD3	1,79
18	Đất cây xanh hành lang điện 4	CXD4	1,25
19	Đất cây xanh hành lang điện 5	CXD5	0,64
20	Đất cây xanh hành lang điện 6	CXD6	1,56
	Tổng cộng		**27,38**

***Nguồn**: Công ty CP Fecon Hòa Yên, Báo cáo NCKT dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên*

Để cây xanh được phát triển tốt, Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên sẽ ký hợp đồng trồng và chăm sóc cây xanh với Nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực này. Trách nhiệm cung cấp, trồng và chăm sóc, thay thế cây xanh, thảm cỏ,... sẽ do Nhà thầu thực hiện dưới sự giám sát của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên. Kinh nghiệm tại một số KCN/CCN có sử dụng dịch vụ này đều ghi nhận cây xanh phát triển rất tốt.

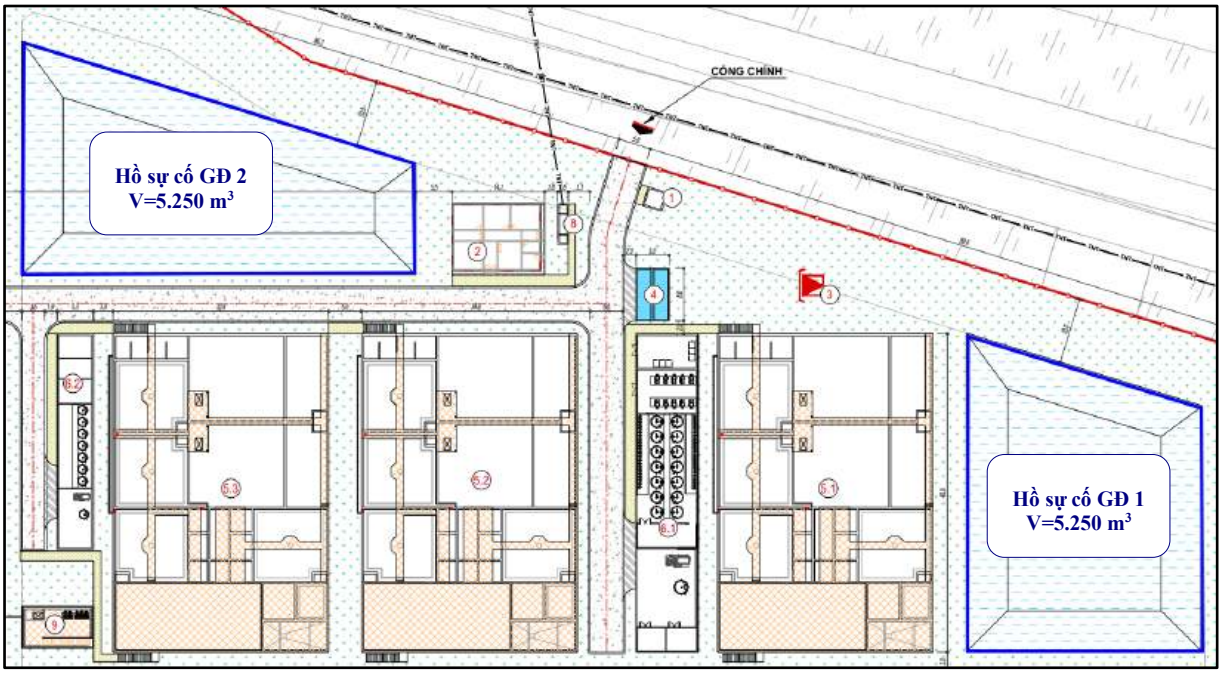
1.2.5.7. Các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Hồ sự cố của Trạm XLNT

♣ *Kích thước, cấu tạo hồ sự cố*

Hồ sự cố được xây dựng trong phạm vi khu đất trạm XLNT. Do đây là công trình XLNT nên không tính vào diện tích nước mặt của KCN. Vị trí của hồ sự cố trong lô đất xây dựng trạm XLNT tập trung được mô tả trong hình sau:

Hình 77. Vị trí 2 hồ sự cố tại dự án



- Kích thước, cấu tạo các hồ sự cố tại dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 41. Kích thước, cấu tạo các hồ sự cố tại dự án

Hạng mục	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
Vị trí	Phía Đông lô đất	Phía Tây Bắc lô đất
Thể tích	$V_1 = 5.250m^3$	$V_2 = 5.250m^3$
Cấu tạo	Thành hồ được xây dựng nghiêng vát, kè đá hộc để đảm bảo ổn định.	

- Hồ sự cố này luôn đảm bảo để trống, sẵn sàng cho mục đích chứa nước thải khi trạm XLNT gặp sự cố, hư hỏng trong quá trình hoạt. Khi xảy ra sự cố, nước thải chưa qua xử lý được chứa trong hồ này. Khi khắc phục xong sự cố, nước thải sẽ được bơm quay về bể điều hòa của trạm XLNT để xử lý.

♣ *Thời gian lưu nước và tiến độ đầu tư*

- Hồ sự cố luôn đảm bảo lưu nước thải tối thiểu là 1 ngày để sửa chữa, khắc phục sự cố trạm XLNT tập trung.

- Tiến độ xây dựng hồ sự cố: Hồ sự cố 1 ($V_{hữu\ ích}$: 5.250 m^3/hồ) được xây dựng ngay khi đầu tư xây dựng HTKT cho KCN Hòa Yên ở giai đoạn I và hoàn thành trước khi thu hút đầu tư thứ cấp. Xây dựng hồ sự cố 2 ($V_{hữu\ ích}$: 5.250 m^3/hồ) khi triển khai khi xây dựng giai đoạn II của dự án.

♣ *Quy trình vận hành hồ sự cố*

1) Trong điều kiện trạm XLNT hoạt động bình thường: Nước thải sau khi xử lý (10.500 m^3/ng.đêm, tương đương 121,52 l/s) → Quan trắc tự động → Đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Tuyến ống HDPE → Kênh tiêu Cầu Chi.

2) Trong trường hợp trạm XLNT tập trung gặp sự cố:

+ Khi trạm XLNT gặp sự cố: Nước thải thu gom từ xí nghiệp, nhà máy công nghiệp, cơ sở thương mại dịch vụ và + Nước thải từ các bể trong trạm XLNT → Hồ sự cố ($V_{hữu\ ích}$ = 5.250 m^3/ hồ), lưu nước tối thiểu 1 ngày (24h).

+ Sau khi khắc phục xong sự cố: Trạm bơm nước thải hồ sự cố → Bể điều hòa → Trạm XLNT → Quan trắc tự động → Đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Tuyến ống HDPE → Kênh tiêu Cầu Chi.

+ Tổng thời gian lưu giữ nước thải tại hồ sự cố khoảng 1,0 ngày. Trong trường hợp quá thời gian trên mà trạm XLNT vẫn chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án sẽ:

+) Thông báo cho các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở thương mại dịch vụ trong phạm vi KCN về sự cố trạm XLNT ngay khi trạm XLNT gặp sự cố để các đơn vị này biết và chuẩn bị cho từng huống trạm XLNT gặp sự cố kéo dài ngoài khả năng chứa nước thải của hồ sự cố.

+) Dừng tiếp nhận nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp và cơ sở dịch vụ cho đến khi xử lý xong nước thải lưu tại hồ sự cố.

- Hồ sự cố ngoài chức năng ứng phó khi trạm XLNT của KCN Hòa Yên gặp sự cố còn có thể sử dụng khi các Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp trong KCN gặp sự cố hệ thống XLNT với quy trình như sau: Nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp gặp sự cố → Ống dẫn hoặc xe vận chuyển → Hồ sự cố để chứa → Khắc phục trạm XLNT của các nhà máy, xí nghiệp → Bơm hoặc vận chuyển về trạm XLNT của Nhà máy, xí nghiệp để xử lý → Thoát ra hệ thống thoát của KCN → Trạm XLNT của KCN → Xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Tuyến ống HDPE → Kênh tiêu Cầu Chi.

b) Hệ thống PCCC

(i). Mạng lưới cấp nước chữa cháy KCN

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy Dự án chọn kiểu mạng lưới cấp nước chữa cháy áp lực thấp kết hợp với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, sản xuất, áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hoả là 10m. Việc chữa cháy cho khu vực nghiên cứu sẽ do xe cứu hoả của trạm cảnh sát PCCC khu vực thực hiện. Nước cấp cho xe cứu hoả được lấy từ các trụ cứu hoả dọc đường. Các trụ cứu hoả kiểu nổi theo TCVN

6379-1998 được bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường và dọc tuyến ống với cự ly tối đa 150m /1 trụ cứu hoả.

- Trong công trình của các nhà đầu tư thứ cấp sẽ có giải pháp phòng cháy chữa cháy riêng được thiết kế theo tiêu chuẩn và được cụ thể hóa khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(ii). Bể chứa và trạm bơm tăng áp

♣ *Bể nước PCCC*

Bể nước PCCC được thiết kế thành 2 bể, trong bể bố trí các vách ngăn có cửa thông nước và lỗ thông hơi, 2 bể có lưu lượng nước như nhau và có van khóa nối giữa 2 bể để đảm bảo trường hợp ngắt một bể thì lượng nước dự trữ chữa cháy của bể còn lại phải không nhỏ hơn 50% lượng nước yêu cầu chữa cháy theo quy định tại Điều 5.1.5.6 QCVN 06:2022/BXD.

- Dung tích nước PCCC tính trong 03 giờ chữa cháy :

$$V_{cc} = n \times t \times qcc = 2 \times 3 \times 110 \times 3,6 = 2.376\ m^3$$

- Dung tích nước dự phòng cấp cho sản xuất và sinh hoạt trong 3 giờ chữa cháy:

$$V_{dp} = 3 \times Q_{hmax} = 3 \times 780 = 2.340\ m^3$$

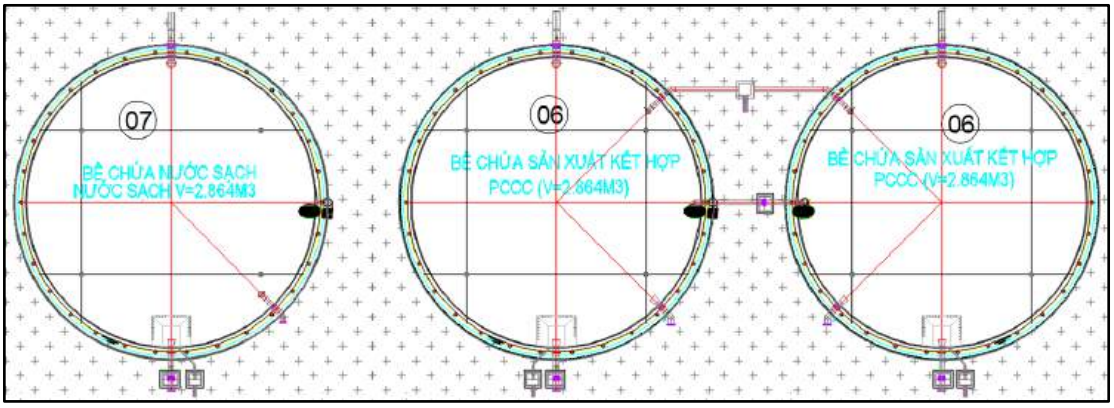
- Tổng dung tích bể chứa nước PCCC:

$$V = V_{cc} + V_{dp} = 2.376 + 2.340 = 4.761\ m^3$$

- Thiết kế bể chứa nước sạch với dung tích đảm bảo dung tích cấp nước chữa cháy, nước cho sinh hoạt sản xuất trong 3 giờ.

- Xây dựng 03 bể chứa có tổng dung tích: 8.592 m^3, với dung tích mỗi bể V=2.864 m^3.

Hình 78. Các bể nước phục vụ hoạt động của dự án và PCCC



♣ *Đường ống cấp nước vào bể*

- Lưu lượng phục hồi nước chữa cháy trong 24 giờ: $Q_{phục hồi_cc}$ = 2376/24/3,6 = 27,5 l/s

- Chọn ống cấp nước vào bể nước PCCC: DN250, v=0,88 m/s, 1000i=3,95

♣ *Trạm bơm cấp nước sinh hoạt, sản xuất và PCCC*

- Xây dựng trạm bơm lắp đặt kết hợp hệ thống bơm cấp nước sinh hoạt, sản xuất và PCCC kiểu nửa chìm.

- Áp lực bơm:

$$H_b = H_{ml} + H_{cb} + H_{dh} + H_{dp}$$

Trong đó:

+ Hml : Áp lực tính toán của mạng lưới cấp nước (xem phụ lục tính toán EPANET), Hml = 41 m

+ Hcb : Tổn thất cục bộ trong trạm bơm, Hcb = 5,0 m

+ Hdh : Chiều cao trục bơm so với mặt đất, Hdh = 1,0 m

+ Hdp : Áp lực dự phòng : Hdp = 2,0 m

→ Vậy: Hb = 41 + 4,0 + 1,0 + 2,0 = 48 m. Chọn cột áp bơm Hb = 50m

- Bơm cấp nước PCCC: Sử dụng bơm điện và máy phát điện dự phòng.

+ Lưu lượng yêu cầu: Qb = Qcc = 220 l/s = 792 m^3/h

+ Số lượng bơm: 03 bơm, trong đó 02 bơm hoạt động và 01 bơm dự phòng, hệ số làm việc đồng thời 0,95.

+ Công suất mỗi bơm: Q1b = Qb/2/0,95 = 792/2/0,95 = 416 m^3/h

+ Lựa chọn bơm chữa cháy có thông số: Q=420 m^3/h ; H=50m ; P=120kW.

- Bơm cấp nước sinh hoạt, sản xuất:

+ Lưu lượng yêu cầu: Qb = Qh_max = 780 m^3/h.

+ Số lượng bơm: 03 bơm, trong đó 02 bơm hoạt động và 01 bơm dự phòng, hệ số làm việc đồng thời 0,95.

+ Công suất mỗi bơm: Q1b = Qb/2/0,95 = 780/2/0,95 = 410 m^3/h

+ Lựa chọn bơm chữa cháy có thông số: Q=420 m^3/h ; H=50m ; P=120kW.

+ Bơm cấp nước sinh hoạt sử dụng bơm biến tần.

1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN

1.3.1. Nguyên, nhiên liệu, vật liệu sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Nguyên, nhiên liệu sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng

(i). Nguồn cung cấp nguyên, vật liệu xây dựng

- Nguồn cung cấp vật liệu đá: Được mua tại "chân công trình", các nhà thầu được lựa chọn phải chứng minh được đá được mua, khai thác từ các mỏ đá hợp pháp, đủ năng lực theo quy định.

- Nguồn cung cấp các vật liệu khác: cát, xi măng, gạch, thép… được lấy từ các đơn vị cung cấp vật liệu xây dựng trên địa bàn khu vực. Cự ly vận chuyển trung bình đến chân công trình khoảng 10 km.

(ii). Nhu cầu vật liệu xây dựng

Các loại nguyên vật liệu chính phục vụ thi công các hạng mục công trình của dự án bao gồm đá, cát, thép, xi măng... Khối lượng vật liệu thi công các công trình thống kê từ hồ sơ dự toán công trình của dự án như sau:

Bảng 42. Dự kiến nguyên liệu chính phục vụ cho công tác thi công xây dựng dự án

TT	Tên vật liệu xây dựng chính sử dụng	Đơn vị	Khối lượng GĐ I	Khối lượng GĐ II	Tổng cộng cho 2 giai đoạn	Nguồn cung cấp
1.	Bê tông nhựa	tấn	320	1.280	1.600	Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội
2.	Cát đen	m^3	20.000	80.000	100.000	
3.	Cát vàng	m^3	10.200	40.800	51.000	
4.	Đá dăm 1×2	m^3	2.500	10.000	12.500	
5.	Đá dăm 2×4	m^3	2.500	10.000	12.500	
6.	Nhựa đường	tấn	1.000	4.000	5.000	
7.	Xi măng PCB30	tấn	900	3.600	4.500	
8.	Que hàn	kg	1.278	5.112	6.390	

Nguồn: *Tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS Dự án ĐTXD&KDKCHT KCN Hòa Yên*

Tổng hợp toàn bộ khối lượng VLXD theo từng giai đoạn thi công trong dự toán chi tiết của dự án và quy đổi ra cùng đơn vị thì tổng khối lượng là 526.200 tấn cho cả 2 giai đoạn (Giai đoạn 1: 105.240 tấn; Giai đoạn 2: 420.960 tấn). Trong các giai đoạn thi công, các loại nguyên VLXD phục vụ cho công trường thi công xây dựng được Công ty CP Fecon Hòa Yên xác định chủ yếu bằng đường bộ về công trường.

b) Danh mục các thiết bị và máy móc thi công

Sau khi dự án được phê duyệt và cấp giấy phép xây dựng, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ tiến hành đấu thầu thi công cho từng gói thầu theo các giai đoạn thực hiện dự án. Trong hồ sơ dự thầu, các nhà thầu thi công sẽ đưa ra năng lực trang thiết bị thi công thể cho từng gói thầu để đáp ứng tiến độ và chất lượng công việc nên tại thời điểm hiện tại chưa thể xác định chính xác số lượng máy móc phục vụ cho công tác xây dựng hạ tầng.

Theo dự án đầu tư (2 giai đoạn) thì dự kiến số máy móc và ca máy để phục vụ công tác thi công xây dựng dự án theo từng giai đoạn được thống kê trong bảng sau:

Bảng 43. Danh mục dự kiến các thiết bị thi công xây dựng chính tại dự án

TT	Tên thiết bị, phương tiện	Đơn vị	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Xuất xứ	Tình trạng
1.	Ôtô tải 30 tấn	ca máy	450	1.800	Việt Nam	Còn 60%
2.	Ôtô tải 20 tấn	ca máy	62	248	Việt Nam	Còn 60%
3.	Máy đào 1,6 m^3	ca máy	45,5	182		Còn 70%
4.	Máy đầm bánh hơi tự hành 16 tấn	ca máy	389	1.556	Nhật Bản	Còn 80%
5.	Máy đầm bánh hơi tự hành 25 tấn	ca máy	214,5	858		
6.	Máy đầm bánh hơi tự hành 9 tấn	ca máy	174	696		
7.	Máy đầm bàn 1 kW	ca máy	159	636	Trung Quốc	Còn 70%
8.	Máy đầm dùi 1,5 kW	ca máy	62	248		
9.	Máy lu 10T	ca máy	112,5	450	Việt Nam	Còn 60%
10.	Máy lu bánh lốp 16 tấn *(Đầm bánh hơi)*	ca máy	62	248	Nhật Bản	
11.	Máy lu rung 25 tấn	ca máy	166,5	666	Nhật Bản	Còn 70%
12.	Máy nén khí diezen 600 m^3/h	ca máy	369,5	1.478		
13.	Máy ủi 108CV	ca máy	182	728		
14.	Máy rải 130 - 140CV	ca máy	159,5	638		
15.	Máy rải 50 - 60 m^3/h	ca máy	73,5	294	Trung Quốc	Còn 70%
16.	Máy san 108CV	ca máy	616,5	2.466		
17.	Máy trộn bê tông 500 l	ca máy	504	2.016		
18.	Máy xúc 2,3 m^3/gầu	ca máy	609	2.436		

Nguồn: *Tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS Dự án ĐTXD&KDKCHT KCN Hòa Yên*

c) Điện - nước trong giai đoạn thi công xây dựng

(i). Nhu cầu sử dụng nước sạch

- Nước sạch cung cấp cho các hoạt động thi công, sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường trong giai đoạn thi công được lấy từ tuyến ống nước sạch DN250 trên đường ĐT.398.

- Nhà thầu thi công sẽ bố trí các kỹ sư chuyên ngành nước, xây dựng tuyến nước thi công theo đúng quy định. Lập sổ sách quản lý, theo dõi thanh toán, hướng dẫn sử dụng vệ sinh nguồn nước, an toàn và tiết kiệm.

Nhu cầu sử dụng nước trung bình 1 ngày đêm cho các hoạt động thi công xây dựng tại công trường được tính toán như sau:

Bảng 44. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong giai đoạn thi công xây dựng

TT	Mục đích		Khối lượng (m^3/ngày.đêm)		Định mức tính toán	Nguồn sử dụng
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		
1	Nước sạch cho công nhân xây dựng (50% công nhân ăn ở tại công trường)	*Giai đoạn 1:* 100 người	8,75	35,0	+ 130 l/người/ng.đêm *(đối với người ăn ở công trường)* + 45 l/người/ng.đêm *(đối với người không ăn ở công trường)*	Sử dụng đường ống cấp nước dịch vụ hạ tầng khu vực
		Giai đoạn 2: 400 người				
2	Nước rửa xe vận chuyển VLXD vào công trường	*Giai đoạn 1:* 8 lượt xe/ngày	2,4	4,5	300 lít/lần rửa	Tái sử dụng nước từ hoạt động rửa xe và thi công (Sau khi nước thải được tách cặn bẩn và dầu mỡ)
		Giai đoạn 2: 15 lượt xe/ngày				
3	Nước rửa máy móc, thiết bị	*Giai đoạn 1:* 5 chiếc/ngày	2,5	10,0	0,5m^3/1 thiết bị	
		Giai đoạn 2: 20 chiếc/ngày				
4	Nước tưới ẩm chống bụi bề mặt		4,9	14,5	*Mục (2)+(3)*	
	Tổng cộng		***13,65***	***49,50***		

Nguồn: *Tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS Dự án ĐTXD&KDKCHT KCN Hòa Yên*

Ghi chú:

- Nước sạch cho công nhân: Theo Bảng 2 TCVN 13606:2023 (Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế) thì định mức nước sinh hoạt sử dụng là tại đô thị loại IV lớn nhất là 130 l/ng/ng.đêm, trong quá trình thi công xây dựng do 50% công nhân không ăn ở tại công trường (chỉ làm việc 8h/ngày) nên lấy định mức sử dụng nước sạch là 45 l/người/ng.đêm và 50% công nhân ăn ở tại công trường nên lấy định mức sử dụng nước sạch là 130 l/người/ng.đêm.

- Nước phun rửa xe: Trong giai đoạn thi công xây dựng, các xe vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất và đất đổ thải trước khi ra khỏi khu vực dự án đều được phun rửa để làm sạch lượng bùn đất bám lốp xe, thành xe và gầm xe. Theo TCVN 4513:1998 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn nước dùng để rửa xe là 200-300 lít/xe đối với trường hợp xe ô tô to nhưng vận chuyển trên tuyến đường đã được trải nhựa. Tổng khối lượng vận chuyển đổ thải theo tính toán khoảng 9.713,94 m^3, trong đó giai đoạn 1 khoảng 1.942,79 m^3 và giai đoạn 2 khoảng 7.771,15 m^3.

+ Giai đoạn 1: Với tổng khối lượng nguyên, nhiên vật liệu, đất đắp thi công và đất đổ thải cần vận chuyển trong giai đoạn thi công xây dựng giai đoạn 1 của dự án là 105.240(tấn) + 1.942,79 (m^3) × 1,4 (tấn/m^3) = 107.959,9 tấn ; xe vận chuyển tải trọng 40 tấn (20 m^3), thời gian vận chuyển là 12 tháng thì số lượt xe phải phun rửa trước khi ra khỏi dự án là khoảng 8 lượt xe/ngày.

+ Giai đoạn 2: Với tổng khối lượng nguyên, nhiên vật liệu, đất đắp thi công và đất đổ thải cần vận chuyển trong giai đoạn thi công xây dựng giai đoạn 2 của dự án là 420.960 tấn + 7.771,15 (m^3) × 1,4 (tấn/m^3) = 431.839,6 tấn ; xe vận chuyển tải trọng 40 tấn (20 m^3), thời gian vận chuyển là 24 tháng thì số lượt xe phải phun rửa trước khi ra khỏi dự án là khoảng 15 lượt xe/ngày.

(ii). Nhu cầu sử dụng điện

Các nhà thầu thi công sẽ tự hoặc thông qua Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên để làm thủ tục xin điểm cấp điện gần nhất từ nguồn điện lưới hạ thế của khu vực với đã có sẵn gần công trình tại trạm biến áp thông qua hợp đồng với EVN Bắc Ninh. Nhà thầu có kỹ sư điện chuyên ngành để thiết kế thi công tuyến điện công trường đúng qui trình qui phạm về nối đất nối không và an toàn điện hạ áp. Nhà thầu sẽ mở sổ sách quản lý theo dõi để thanh quyết toán, hướng dẫn sử dụng an toàn và tiết kiệm nhất.

1.3.2. Nguyên, nhiên liệu, vật liệu sử dụng trong giai đoạn vận hành KCN

a) Nhu cầu sử dụng nước sạch thường xuyên

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nguồn nước từ tuyến ống nước sạch DN250 trên đường ĐT.398 và ĐT.398B theo Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025 của Công ty CP cấp nước và Môi trường đô thị 206.

- Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng) và TCVN 13606:2023 (Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế) thì nhu cầu sử dụng nước sạch tại KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 45. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tại dự án KCN Hòa Yên

TT	Đối tượng cấp nước	Quy mô	Đơn vị	Tiêu chuẩn cấp nước	Đơn vị	$Q_{cấpnước}$	Đơn vị
1	Đất nhà công nghiệp	156.82	ha	40	m^3/ha/ng.đ	6.7272,80	m^3/ngđ
2	Công nhân	44.000	người	25	l/người/ca	1.100,0	m^3/ngđ
3	Đất cây xanh	27,38	ha	3	l/m^2	821,40	m^3/ngđ
4	Đất dịch vụ	25,07	ha	2	l/m^2	501,30	m^3/ngđ
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	ha	0,5	l/m^2	20,65	m^3/ngđ
6	Bãi xe	2,71	ha	0,5	l/m^2	13,55	m^3/ngđ
7	Đất giao thông, HKT khác	52,73	ha	0,5	l/m^2	263,65	m^3/ngđ
8	Nước dự phòng, rò rỉ			12%	Q	1.079,20	m^3/ngđ
a	Tổng nhu cầu dùng nước ngày trung bình: Q_{TB}					10.072,55	m^3/ngđ
b	Tổng nhu cầu dùng nước ngày lớn nhất: $Q_{ngày_max}$		K_{ng_max}	1,3		13.094,00	m^3/ngđ
						13.000	m^3/ngđ
	Lưu lượng giờ dùng nước lớn nhất: Q_{h_max}		K_{h_max}	1,44		780.00	m^3/h
c	Cấp nước chữa cháy ngoài nhà áp dụng theo QCVN 06:2022/BXD: + Điều 5.1.3.1: Số đám cháy xảy ra đồng thời 02 đám cháy + Bảng 10: Lưu lượng đám cháy 100l/s + Thời gian chữa cháy: 3 giờ			110	l/s	2.376,0	m^3
d	Nước cho yêu cầu riêng của nhà máy xử lý nước			4%	$Q_{ngày_max}$	523,76	m^3/ngđ

TT	Đối tượng cấp nước	Quy mô	Đơn vị	Tiêu chuẩn cấp nước	Đơn vị	$Q_{cấpnước}$	Đơn vị
	Công suất nhà máy nước = (b+c+d)					15.899,76	m^3/ngđ
					Làm tròn	**16.000,00**	**m^3/ngđ**
	Công suất trạm bơm tăng áp kết hợp PCCC = (b+c)					15.470,00	m^3/ngđ
					Làm tròn	**15.500,00**	**m^3/ngđ**

Ghi chú: *Nhu cầu cấp nước cho đất sản xuất công nghiệp được tính toán theo mục 2.10 của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng tối thiểu phải là 20 m^3/ha/ng.đêm. Tuy nhiên, định mức 20 m^3/ha/ng.đêm là tùy thuộc vào loại hình công nghiệp và là định mức tối thiểu, theo kinh nghiệm của một số KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thì lượng nước sử dụng trung bình từ 20-40 m^2/ha/ng.đêm. Để dự án luôn chủ động và để dự phòng trong hoạt động sản xuất nên dự án sẽ tính lưu lượng nước sạch sử dụng là 40 m^3/ha/ng.đêm và sẽ tính thêm nhu cầu sử dụng nước cho lượng cán bộ CNV lao động, làm việc trong KCN.*

→ Tổng nhu cầu tiêu thụ nước lớn nhất ngày: **Q = 15.899,76 m^3/ng.đêm.**

b) Nhu cầu sử dụng nước PCCC

Tính toán số đám cháy đồng thời, lưu lượng cho mỗi đám cháy dựa trên diện tích khu công nghiệp và việc quy hoạch các khối nhà với các chức năng, độ cao khác nhau được bố trí trong khu vực quy hoạch, cụ thể:

+ Số đám cháy đồng thời: Khu công nghiệp có diện tích > 150 ha, theo mục 5.1.3.1 QCVN 06:2022/BXD số đám cháy xảy ra đồng thời là 2 đám.

+ Lưu lượng nước chữa cháy: Theo bảng 10 QCVN 06:2022/BXD, khối nhà xưởng có khối tích >700.000 m^3 thì lưu lượng nước chữa cháy tính toán cho 1 đám cháy là 110 l/s.

Lượng nước chữa cháy trong 3 giờ liên tục là:

$$Q_{cc} = 110 \times 3 \times 60 \times 60 \times 2/1.000 = 2.376,0 \ (m^3)$$

Tổng nhu cầu dùng nước ngày lớn nhất có cháy xảy ra:

$$Q_{maxcháy} = Q_{max} + Q_{cc} = 15.899,76 \ (m^3/ngày)$$

c) Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp điện: Theo Văn bản số 2599/PCBN-KT ngày 05/11/2025 của Công ty điện lực Bắc Ninh về việc *"Thỏa thuận cấp điện cho Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên",* trong giai đoạn đầu khi triển khai dự án, nguồn điện được lấy từ trạm biến áp 110kV Sông Cầu hiện có.

- Các nhà máy, xí nghiệp hiện chưa đăng ký công suất điện cụ thể, do đó, công suất điện tính toán cho các nhà máy, xí nghiệp được lấy theo chỉ tiêu cấp điện công nghiệp thuộc QCVN 01:2021 và TCVN 9206-2012 áp dụng đối với công trình công cộng và dịch vụ, cụ thể như sau:

Bảng 46. Chỉ tiêu công suất cấp điện

TT	Tên công trình sử dụng điện	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Đất xây dựng nhà máy	kW/ha	600
2	Đất công cộng, dịch vụ	kW/m^2 sàn	0,03
3	Đất hạ tầng, kỹ thuật	kW/ha	150
4	Đất cây xanh	kW/ha	5-10
5	Đất giao thông	kW/ha	5-10

Nguồn: *Tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS Dự án ĐTXD&KDKCHT KCN Hòa Yên*

Nhu cầu sử dụng điện của KCN Hòa Yên trong giai đoạn vận hành như sau:

Bảng 47. Nhu cầu sử dụng điện của KCN Hòa Yên trong giai đoạn vận hành

TT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	MĐXD tối đa	Hệ số SDD	Chỉ tiêu cấp điện kW/ha	Tổng công suất tính toán (kW)
1	**Đất nhà máy công nghiệp**		**156,82**	**61,10**					
	Đất nhà máy công nghiệp 1	CN1	8,91	3,47	5	70	3,5	600,0	5346,0
	Đất nhà máy công nghiệp 2	CN2	24,62	9,59	5	70	3,5	600,0	13140,0
	Đất nhà máy công nghiệp 3 Bố trí nhà máy cn vừa và nhỏ	CN3	2,94	1,15	5	70	3,5	600,0	1764,0
	Đất nhà máy công nghiệp 4 Bố trí nhà máy cn vừa và nhỏ	CN4	5,63	2,19	5	70	3,5	600,0	3378,0
	Đất nhà máy công nghiệp 5	CN5	8,59	3,35	5	70	3,5	600,0	6372,0
	Đất nhà máy công nghiệp 6	CN6	11,91	4,64	5	70	3,5	600,0	7146,0
	Đất nhà máy công nghiệp 7	CN7	48,15	18,76	5	70	3,5	600,0	28890,0
	Đất nhà máy công nghiệp 8	CN8	9,53	3,71	5	70	3,5	600,0	7974,0
	Đất nhà máy công nghiệp 9	CN9	27,0	10,52	5	70	3,5	600,0	11154,0
	Đất nhà máy công nghiệp 10	CN10	9,54	3,72	5	70	3,5	600,0	7974,0
	Đất nhà máy công nghiệp 11	CN11	1,59	0,62	5	70	3,5	600,0	954,0
2	**Đất cây xanh**		**27,38**	**10,67**				**10,0**	**269,9**
3	**Đất mặt nước**		**7,34**	**2,86**				**10,0**	**73,4**
4	**Đất dịch vụ**		**5,57**	**2,17**	**9**	**50**	4,50	**300,0**	
	Đất dịch vụ 1	DV 1	4,09	1,59	**9**	**50**	4,50	**300,0**	**5521,5**
	Đất dịch vụ 2	DV 2	1,48	0,58	**9**	**50**	4,50	**300,0**	**1998,0**

5	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**HTKT**	**4,13**	**1,61**					
	Đất hạ tầng kỹ thuật 1	HT1	1,59	0,62	2	40	0,80	**150,0**	**238,5**
	Đất hạ tầng kỹ thuật 2	HT2	2,03	0,79	2	40	0,80	**150,0**	**304,5**
	Đất hạ tầng kỹ thuật 3	HT3	0,51	0,20	2	40	0,80	**150,0**	**76,5**
6	**Đất bãi xe**	**P**	**2,71**	**1,06**					
	Đất bãi xe 1	P1	0,96	0,37	**3**	70	2,10	**10,0**	**9,6**
	Đất bãi xe 2	P2	1,15	0,45	**3**	70	2,10	**10,0**	**11,5**
	Đất bãi xe 3	P3	0,60	0,23	**3**	70	2,10	**10,0**	**6,0**
7	**Đất giao thông, HKT khác**		**52,73**	**20,54**				**10,0**	**531,2**
	Đường gom ĐT398 và ĐT398B		5,93	2,31					
	Đường đấu nối hoàn trả		3,04	1,18					
	Đường khu công nghiệp		44,15	17,20					
	Tổng		**256,68**	**100,00**					
1	**Tổng công suất tính toán (kW)**								**103.132,6**
2	**Hệ số đồng thời**								**0,7**
3	**Hệ số phát triển phụ tải**								**1,2**
4	**Hệ số cosfi**								**0,9**
5	**Tổng công suất biểu kiến (kVA)**								**96.257,0933**

***Nguồn**: Báo cáo ĐTM tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS dự án KCN Hòa Yên*

- Tổng công suất đặt tính toán cho khu công nghiệp: P_{tt} = 103.132,6 kW
- Tổng công suất biểu kiến tính toán cho khu công nghiệp: S_{tt} = 96.257,0933 kVA.

d) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật liệu sử dụng trong giai đoạn vận hành

Do đặc thù của dự án chỉ là đầu tư xây dựng HTKT cho KCN nên khối lượng nguyên, nhiên liệu chính cho hoạt động của dự án hầu như không có, ngoài trừ hóa chất, vật liệu cho hoạt động của trạm XLNT và phân bón, thuốc trừ sâu cho hoạt động chăm sóc cây xanh trên phạm vi hoạt động của dự án.

Bảng 48. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại trạm XLNT

TT	Tên hóa chất	Mục đích sử dụng
I	***Trạm xử lý nước thải tập trung (Công suất 10.500m^3/ngày.đêm)***	
1	NaOH	Điều chỉnh pH (trước bể keo tụ)
2	H_2SO_4	Điều chỉnh pH (trước bể keo tụ)
3	Dinh dưỡng (Etanol 96%)	Bổ sung nguồn carbon cho nước thải, cân bằng dinh dưỡng
4	NaOCl (dung dịch)	Khử trùng
5	$FeSO_4$	Khử Crom (VI) về Crom (III) (châm vào bể xử lý Crom)
6	PAC	Xử lý hóa – lý (châm vào bể keo tụ)
7	A-polymer	Xử lý hóa – lý (châm vào bể tạo bông)
8	C-polymer	Tăng khả năng kết dính giữa các hạt bùn (châm cho máy ép bùn)
II	***Hệ thống xử lý khí thải từ trạm XLNT tập trung (Công suất 4.500m^3/h)***	
9	NaOH	Trung hòa khí, chủ yếu là khí H_2S
10	Than hoạt tính ướt	Hấp phụ và khử mùi

***Nguồn**: Thiết kế cơ sở trạm XLNT tập trung của KCN Hòa Yên*

Khối lượng hóa chất sử dụng sẽ được định lượng chính xác trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn hoạt động của trạm XLNT tập trung.

1.3.2. Các sản phẩm (đầu ra) của dự án

Với tính chất là dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN sẽ cung cấp cho thị trường chủ yếu là đất công nghiệp có đầy đủ HTKT và các công trình phụ trợ để các nhà đầu tư thứ cấp xây dựng nhà máy, xí nghiệp sản xuất công nghiệp, cơ sở dịch vụ phục vụ KCN tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu cho các ngành sản xuất, đời sống KT-XH (gọi chung là *"Bất động sản xuất công nghiệp"*).

Cụ thể các sản phẩm bất động sản công nghiệp của dự án như sau:

Bảng 49. Các sản phẩm bất động sản công nghiệp của dự án

TT	Sản phẩm của KCN	Diện tích (ha)	Chi tiết
1	Đất hành chính dịch vụ	5,57	Cung cấp đất để xây dựng các khu dịch

TT	Sản phẩm của KCN	Diện tích (ha)	Chi tiết
			vụ phục vụ KCN: Các khu dịch vụ, trung tâm thương mại, … Các khu vực này sẽ cung cấp các hàng hóa - dịch vụ thiết yếu cho công nhân làm việc trong KCN.
2	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	Cung cho đất sản xuất công nghiệp có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật cho các nhà đầu tư thứ cấp
3	Đất giao thông	52,73	Tạo ra các tuyến đường giao thông mới giữa các lô đất trong KCN mà nhân dân trong khu vực có thể sử dụng chung.
4	Công ăn việc làm	44.000 người	Tạo điều kiện công ăn việc là cho rất nhiều lao đông địa phương.

1.4. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, VẬN HÀNH

Do đặc thù của dự án chỉ là đầu tư xây dựng HTKT cho KCN nên công nghệ sản xuất, vận hành sẽ tùy thuộc vào từng loại hình sản xuất của các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp.

Công nghệ XLNT tại trạm XLNT tập trung của KCN Hòa Yên (công suất 10.500m^3/ng.đêm, 3 modules × 3.500m^3/ng.đêm/module) được tóm lược như sau: Nước thải đầu vào từ các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN (Sau khi xử lý đạt GHCP theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và nhà đầu tư thứ cấp - chi tiết được trình bày tại Chương III) → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng → Bể phản điều chỉnh pH2 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể trung gian→ Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học A/B → Bể điều chỉnh pH3 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F >2.000 m^3/ngày → Kênh tiêu Cầu Chi → Cống Yên Ninh → Sông Cầu.

Công nghệ xử lý khí thải (mùi hôi thối) từ hoạt động của trạm XLNT tập trung: Khí thải từ các bể của trạm XLNT → Lỗ thu gom bố trí trên thành bể → Ống thu gom khí thải → Quạt hút (4.500 m^3/h) → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính ướt → Đạt QCVN 19:2024/BTNMT → Xả thải ra môi trường.

1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG

1.5.1. Tổ chức công trường xây dựng, cấp điện, cấp nước, VSMT

1.5.1.1. Tổ chức và bảo vệ mặt bằng

Sau khi nhận được mặt bằng sạch *(tức là mặt bằng đã thực hiện xong công tác đền bù và GPMB)* từ các cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh theo từng giai đoạn, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ tổ chức quản lý mặt bằng và tổ chức triển khai thi công trên phần diện tích đó theo phân kỳ đầu tư từng giai đoạn đã trình bày. Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ yêu cầu các nhà thầu tổ chức mặt bằng thi công hợp lý, khoa học,... sẽ có tác dụng tích cực thúc đẩy tiến độ thi công, tránh lãng phí nguyên vật liệu, nhân công, máy móc thiết bị,... góp phần hoàn thành công trình với chất lượng cao và tiến độ nhanh nhất. Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ tổ chức thi công đồng bộ, đồng thời các hạng mục HTKT theo 2 giai đoạn phân kỳ đầu tư *(Giai đoạn I: 60 ha, giai đoạn II: 196,68 ha).*

- Hàng rào bảo vệ xung quanh khu đất: Hàng rào loại 1 (bảo vệ khu đất): dạng hàng rào thoáng lưới thép mạ kẽm bọc nhựa cao 2,3m. Móng hàng rào bằng bê tông M200 đá 1×2 kích thước B×L×H = 50×50×80cm, lót móng bằng bê tông M100 đá 4×6 dày 10cm, trụ bằng ống thép mạ kẽm D60 δ2mm, khoảng cách 3m/trụ.

- Hàng rào loại 2 (hàng rào xung quanh khu đất xây dựng trạm XLNT tập trung, hồ sự cố, khu vực nhà điều hành KCN): Dạng hàng rào thoáng lưới dây thép gai mạ kẽm cao 2,4m. Móng hàng rào bằng bê tông M200 đá 1×2 kích thước B×L×H = 50×50×80cm, lót móng bằng bê tông M100 đá 4×6 dày 10cm, trụ bằng ống thép mạ kẽm D60 δ2mm, khoảng cách 3m/trụ.

1.5.1.2. Nhà chỉ huy công trường và lán trại công nhân

- Các Nhà thầu thi công sẽ xây dựng lán trại tạm cho công nhân trong phạm vi công trường. Vị trí dự kiến sẽ gần khu vực đường ĐT.398 và lắp đặt văn phòng bản chỉ huy công trường dưới dạng container khối. Tại đây Nhà thầu trang bị đủ tiện nghi văn phòng để phục vụ làm việc như: Bàn ghế, tủ kỹ thuật, máy điện thoại, máy fax, máy vi tính,... Do tổ chức thi công thành 02 giai đoạn liên tục nối tiếp nhau nên các nhà chỉ huy công trường và lán trại công nhân sẽ được luân chuyển đến mỗi khu vực công trường hợp lý.

- Tổng số lượng công nhân tham gia trên công trường của các Nhà thầu nếu tính theo thời điểm cao nhất sẽ khoảng 400 người. Dự kiến có khoảng 50% (200 người) số lao động sẽ ăn ở tại công trường. 50% (200 người) số lượng công nhân còn lại sẽ không ăn ở thường xuyên tại công trường. Vì vậy, lán trại công nhân tạm chỉ cần đủ để bố trí cho khoảng 200 người.

- Nhà thầu thi công sẽ yêu cầu nhà thầu sẽ tổ chức đăng ký tạm vắng, tạm trú theo quy định của Luật cư trú. Nhà thầu sẽ huy động lực lượng công nhân làm tăng ca đẩy nhanh tiến độ được thuận lợi.

- Nhà chỉ huy công trường và lán trại cho công nhân xây dựng sẽ được các

Nhà thầu bố trí đầy đủ, phù hợp với các điều kiện thực tế tại địa phương.

- Việc bố trí các văn phòng chỉ huy công trường tại khu vực gần cổng ra vào còn có thuận tiện là dễ quản lý và điều hành mọi hoạt động trên công trường.

1.5.1.3. Điện - nước thi công và VSMT

a) Điện thi công

Các nhà thầu thi công sẽ tự hoặc thông qua Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên để làm thủ tục xin điểm cấp điện gần nhất từ nguồn điện lưới hạ thế của khu vực với đã có sẵn gần công trình tại TBA thông qua hợp đồng với EVN Bắc Ninh. Nhà thầu có kỹ sư điện chuyên ngành để thiết kế thi công tuyến điện công trường đúng qui trình quy phạm về nối đất nối không và an toàn điện hạ áp. Nhà thầu sẽ mở sổ sách quản lý theo dõi để thanh quyết toán, hướng dẫn sử dụng an toàn và tiết kiệm nhất.

b) Nước sạch phục vụ thi công

Nước sạch cho các hoạt động thi công, sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường được từ lấy từ tuyến ống cấp nước sạch DN250 trên đường ĐT.398 và ĐT.398B theo Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025 của Công ty CP cấp nước và Môi trường đô thị 206.

Các nhà thầu sẽ thông qua Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên hoặc tự ký hợp đồng để được sử dụng nước sạch cho các hoạt động thi công xây dựng. Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên và các nhà thầu thi công cam kết không tự ý khai thác nước ngầm cho các mục đích trên công trường và sẽ giám sát các nhà thầu thi công thực hiện yêu cầu này.

Nhà thầu thi công sẽ bố trí các kỹ sư chuyên ngành nước, xây dựng tuyến nước thi công theo đúng quy định. Lập sổ sách quản lý, theo dõi thanh toán, hướng dẫn sử dụng vệ sinh nguồn nước, an toàn và tiết kiệm.

c) Vệ sinh môi trường (VSMT)

- Trong giai đoạn thi công san nền KCN:

+ Giai đoạn 1: Xây dựng 01 nhà vệ sinh (WC) công cộng

+ Giai đoạn 2: Xây dựng 04 nhà vệ sinh (WC) công cộng

+ Nhà vệ sinh (WC) công cộng có kèm theo bể tự hoại 3 ngăn trên công trường thi công san nền để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho cán bộ, công nhân. Vị trí tại khu vực đường ĐT.398 (gần khu vực đặt nhà chỉ huy công trường).

- Trong giai đoạn thi công xây dựng HTKT:

+ Giai đoạn 1: Các nhà thầu sẽ xây dựng thêm 02 cụm WC kèm theo bể phốt tự hoại 3 ngăn trên công trường và 01 cụm nhà vệ sinh đã xây dựng trong giai đoạn san nền.

+ Giai đoạn 2: Các nhà thầu sẽ xây dựng thêm 08 cụm WC kèm theo bể phốt tự hoại 3 ngăn trên công trường và 04 cụm nhà vệ sinh đã xây dựng trong giai đoạn san nền.

+ Mỗi cụm nhà vệ sinh sẽ bao gồm 01 nhà cho Nam và 01 nhà cho Nữ. Công tác hút phân bùn bể phốt từ các cụm nhà vệ sinh này trong quá trình hoạt động cũng như khi được dỡ bỏ (sau khi kết thúc thi công KCN Hòa Yên) sẽ được thu gom bởi đơn vị dịch vụ có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

- Nước thải khác được thu gom về rãnh chạy xung quanh công trình cạnh tường cừ thép xử lý lắng cặn qua hố ga có lưới thép chắn rác trước khi bơm đổ vào hệ thống thoát của khu vực.

- Nước thải từ công trường, nước mưa chảy tràn qua công trường sẽ được thu gom bởi các tuyến thoát tạm thời trong giai đoạn thi công hệ thống thoát nước của dự án.

1.5.1.4. Trạm rửa xe tại khu vực công trường

Để đảm bảo các xe vận chuyển đất đá, VLXD sạch sẽ trước khi ra khỏi công trường, tại cổng công trường sẽ xây dựng tối thiểu 02 trạm phun rửa xe. Nước thải từ hoạt động phun rửa lốp xe ra - vào công trường (02 trạm rửa xe) sẽ được chảy qua các hố ga lắng bùn, cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của KCN. Định kỳ 1 ngày sẽ tiến hành nạo vét các hố ga 1 lần hoặc nhiều lần hơn (tùy thuộc vào mức độ bẩn của các xe) nhằm đảm bảo lắng toàn bộ đất cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Vị trí của trạm phun rửa xe dự kiến trên công trường xây dựng KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 79. Vị trí của trạm phun rửa xe dự kiến trên công trường



1.5.1.5. Chế độ làm việc của công trường (tính trong giai đoạn cao điểm nhất)

- Thời gian thi công trong ngày : 12h/ngày
  - + Giờ thi công buổi sáng : 06h - 11h
  - + Giờ thi công buổi chiều : 13h - 18h
- Số ngày lao động trong 1 tháng : 30 ngày
- Thời gian thi công xây dựng
  - + Giai đoạn I (60 ha) : 1 năm
  - + Giai đoạn II (196,68 ha) : 2 năm
- Số công nhân làm việc trên công trường:
  - + Giai đoạn I (60 ha) : 100 người
  - + Giai đoạn II (196,68 ha) : 400 người

1.5.2. Các biện pháp thi công các công trình HTKT cụ thể

1.5.2.1. Biện pháp, công nghệ thi công san nền

- Công tác định vị vị trí thi công được thực hiện trên thực địa bằng máy

toàn đạc điện tử kết hợp với thước thép để xác định và dùng cọc tre đóng xuống hiện trạng để đánh dấu các vị trí. Trước khi triển khai thi công, Nhà thầu đo đạc bằng mặt hiện trạng theo ô lưới vuông với các bước lưới như trong thiết kế.

- Sử dụng máy đào đắp bờ tại vị trí các mương thoát nước chính sau đó bơm nước ra khỏi công trường trước khi đào bóc hữu cơ.

- Tiến hành bóc lớp đất hữu cơ và nghiệm thu các lớp bóc hữu cơ bằng máy ủi 110CV gom lại thành đống. Đất hữu cơ được đào bỏ hết phạm vi của nền đường. Trong quá trình thi công, nếu xuất hiện nước mặt thì sẽ sử dụng bơm hút để hút cạn nước ra khỏi mặt bằng thi công. Các đống đất hữu cơ được các máy đào xúc lên phương tiện vận chuyển và ôtô vận chuyển đến bãi thải.

- Cát đắp được vận chuyển bằng ôtô tự đổ.

- San gạt lớp cát bằng máy ủi *(trong quá trình san chú ý đến độ cao dốc ngang, dốc dọc của nền đường);*

- Thi công đắp cát đạt tiêu chuẩn K ≥ 0,9 để tiến hành nghiệm thu. Triển khai đắp các lớp tiếp theo theo đúng cao độ thiết kế.

- Tiến hành lu chặt bằng xe lu. Trong quá trình lu lèn mà cát khô thì sẽ tưới ẩm cát để đảm bảo độ chặt.

- Quá trình được lặp đi lặp lại cho đến cao độ thiết kế.

- Đắp đất tận dụng bao mái taluy và tiến hành nghiệm thu.

- Nhà thầu sẽ đảm bảo nền đường khỏi bị hư hại bằng cách thi công các biện pháp bảo vệ nền mặt đường luôn được giữ trong điều kiện sẵn sàng thoát nước.

- Các xe vận chuyển cát 40 tấn (20m^3) được phép hoạt động trên ĐT.398, ĐT 398B cũng như các tuyến đường từ mỏ khai thác về. Dự án sẽ không sử dụng bất cứ tuyến đường dân sinh (qua thôn, qua làng) để vận chuyển cát san nền.

- Theo tính toán tại nội dung trên thì toàn bộ khối lượng đất hữu cơ bóc bề mặt và bùn nạo vét kêng mương (176.080 m^3) sẽ được tận dụng để đắp vào các vị trí trồng cây xanh trong phạm vi KCN Hòa Yên mà không phải đổ thải ra bên ngoài, bảo đảm bảo theo quy định tại Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ. Dự án sẽ tổ chức bóc đất hữu cơ bề mặt và đổ vào khu vực trồng cây đồng thời, một mặt đổ vào lô đất công nghiệp sẽ được khai thác sau, không tiến hành tập kết đất thừa thành đống lớn, gây ô nhiễm môi trường và mất mỹ quan chung. Thông thường thì đối với đất hữu cơ tốt thì khoảng 2 tháng sau sẽ mọc 1 lớp cỏ tự nhiên trên bề mặt.

1.5.2.2. Biện pháp thi công hạng mục đường giao thông

- Trình tự thi công đường:

+ Chuẩn bị mặt bằng thi công.

+ Xây dựng hệ thống mốc phục vụ thi công.

+ Định vị tuyến tim đường.

+ San, gạt, đầm lèn cát nền đường độ chặt ≥ 0,95.

+ Thi công lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 36cm, đầm chặt K ≥ 0,98.

+ Thi công lớp móng trên cấp phối đá đăm loại 1 dày 15cm, đầm chặt K ≥ 0,98.

+ Lắp đặt bó vỉa.

+ Thi công lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7 cm đầm chặt.

+ Thi công lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5 cm đầm chặt.

+ Thi công vỉa hè, trồng cây xanh.

- Biện pháp thi công

+ Hệ thống cấp thoát nước cần được thi công trước khi thi công đường.

+ Chiều dày thi công mỗi lớp không quá 0,10m, vì vậy nếu lớp kết cấu dày hơn 0,10m, khi thi công phải chia nhỏ các lớp để đảm bảo qui định chiều dày.

+ Thi công các lớp phải kiểm tra độ chặt, nếu đảm bảo theo qui định thiết kế mới thi công lớp tiếp theo.

+ Hệ thống cấp điện cần được tổ chức thi công đồng thời với thi công đường, vỉa hè.

+ Đơn vị thi công cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành của Bộ GTVT về thi công và nghiệm thu thi công đường.

1.5.2.3. Biện pháp, công nghệ thi công hệ thống cấp nước sạch

- Xử lý nền móng: Móng đặt ống là lớp cát đầm chặt được đầm nén trước khi đặt ống dày 100mm, phía trên ống có đặt lưới cảnh báo, độ sâu lưới cảnh bảo là 300 mm với ống qua đường và từ 150mm đến 300mm với ống trên vỉa hè. Độ rộng mương đặt ống là 150mm về phía 2 bên mép ống. Các lớp lấp mương đặt ống khác phải tuân thu theo như thiết kế.

- Xây dựng các công trình trên tuyến:

+ Hố van: Hố van có thành hố xây gạch vữa xi măng, nắp hố van đậy bằng tấm đan BTCT đá dăm 1×2 mác 200 dày 100mm. Đường ống cấp nước được đặt trong hố van sau cho trục tim ống trung với các trục hố van, và điểm giao cắt giữa hai tuyến ống sẽ nằm ở tâm hố van. Tại các điểm giao cắt này có đặt các gối đỡ ống bằng BTCT mác 200 đá dăm 1×2. Các vị trí ống xuyên qua thành hố van bố

trí chống thấm bằng đất sét dẻo lèn chặt.

+ Gối đỡ: Các gối đỡ BTCT được đặt ở vị trí các phụ tùng nối như tê, cút, van... để neo giữ phụ tùng, đảm bảo độ kín khít, độ bền của ống.

+ Mặt cắt rãnh đào: Kiểu rãnh đào được thể hiện trong bản vẽ thiết kế. Độ sâu rãnh đào bằng độ sâu chôn ống và lớp cát đệm đáy ống. Rãnh đào dạng taluy có mái dốc 1:3. Bề rộng rãnh đào phụ thuộc đường kính ống.

- Giải pháp tổ chức thi công chính:

+ Nhà thầu xây lắp phải thi công theo đúng quy trình thi công hiện hành.

+ Nhà thầu xây lắp phải thi công theo đúng các bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt, ngoại trừ trường hợp đặc biệt cần trình lên chủ đầu tư, chủ nhiệm dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát để có biện pháp giải quyết kịp thời.

+ Lắp đặt đường ống và các thiết bị, phụ tùng trên đường ống như theo thiết kế và chỉ định của nhà thầu cung cấp thiết bị.

1.5.2.4. Biện pháp, công nghệ thi công hệ thống thoát nước mưa

- Nhà thầu xây lắp sẽ thi công theo đúng các quy trình thi công được chấp thuận.

- Nhà thầu xây lắp sẽ thi công theo đúng bản vẽ thiết kế đã được phê duyệt, ngoại trừ trường hợp đặc biệt phải trình lên chủ đầu tư, chủ nhiệm dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát để có biện pháp giải quyết kịp thời.

- Lắp đặt đường ống và các thiết bị, phụ tùng trên đường ống như theo thiết kế và chỉ định của nhà thầu cung cấp thiết bị.

+ Công tác đất: đào mương đặt ống theo phương pháp lộ thiên bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới. Đào mương đặt ống từ thấp lên cao theo hướng ngược dốc, và không đào đúng độ sâu thiết kế mà chừa lại 5÷10cm để dầm nén tạo độ chặt yêu cầu (k = 0,95).

+ Mương đặt ống tại chỗ có nền đất yếu cần có ván để tránh sụt lở thành mương đào. Gỗ sử dụng gỗ nhóm 4 hoặc 5 dày 3÷4cm. Cọc chống gỗ có tiết diện 60×80mm.

+ Gia cường đáy cống trước khi lắp đặt bằng phương pháp đầm nén và đổ lớp cát vàng đầm chặt dày từ 100÷100mm.

+ Đặt ống vào mương và điều chỉnh vào đúng vị trí thiết kế bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới sau đó tiến hành xử lý mối nối cho khít kín.

+ Xây tường thăm bằng gạch hoặc bằng BTCT theo như chỉ định của thiết kế.

+ Đường ống thoát nước sau khi lắp đặt cần được tẩy rửa, xả cặn và thử rò rỉ

theo đúng tiêu chẩn, quy phạm.

1.5.2.5. Biện pháp, công nghệ thi công hệ thống thoát nước thải

- Thi công hệ thống thu gom nước thải, hố ga, trạm bơm theo hình thức cuốn chiếu cho từng đoạn. Chỉ tiến hành đấu nối nước thải sau khi hoàn thiện tất cả các hạng mục của dự án.

- Dựa trên bản vẽ thiết kế chi tiết, xác định tuyến thi công để tính toán, lựa chọn các phương án thi công thích hợp. Sau đó sử dụng các loại máy kinh vĩ để xác định cao độ của tuyến, cần xác định chính xác cao độ, để từ đó có thể tính toán được độ sâu chôn ống, chiều sâu cần đào. Dựa trên các tuyến đã vạch sẽ tiến hành đào hào thi công và lắp đặt tuyến ống.

- Vận chuyển ống từ kho bãi ra công trường, công tác này được tiến hành liên tục trong quá trình thi công. Trong trường hợp được phép thi công ban ngày cần chuẩn bị sẵn bãi để gần nơi công trường thi công rồi vận chuyển ống đến. Quá trình này được thực hiện bằng cơ giới là chủ yếu. Các loại ống có đường kính từ 100 mm trở lên làm bằng gang dẻo hoặc thép đều có trọng lượng rất lớn, vận chuyển đến bằng ôtô rồi cẩu dỡ xuống bằng cẩu trục hoặc bằng chính các loại gầu xúc kết hợp. Khi thi công lắp đặt, các cây ống được vận chuyển ra vị trí lắp đặt có thể bằng phương pháp thủ công là dùng xe cải tiến hoặc khiêng tay. Khi đó, ống sẽ được đặt một bên thành hào, không đặt bên phía có đất đào vì có thể ống sẽ lăn xuống hào. Khi hạ ống có thể hạ ống xuống mương thì công bằng các phương pháp thủ công hoặc bằng máy. Đối với các loại ống nhỏ thì hạ thủ công, nhưng đối với các loại ống đường kính lớn hơn 500 mm thì trọng lượng một cây ống 6(m) là rất nặng, thường phải sử dụng cần trục. Khi hạ ống bằng phương pháp thủ công, cho công nhân quấn dây thừng xung quanh ống rồi hạ từ mép hao, lăn dần cuống mương thi công

- Lấp đất: Sau khi lắp ống xong phải tiến hành lấp đất ngay để tận dụng sự làm việc của máy gầu xúc. Lớp cát đệm ở dưới đáy ống phải đảm bảo dày 30 cm, được đầm chặt. Sau đó đổ lần lượt cát xuống thành từng lớp có độ dày không quá 30 cm và cũng phải đầm thật kỹ. Cuối cùng mới lấp trả đá cuội và phủ mặt đường (nếu như ống đi qua đường).

1.5.2.6. Biện pháp thi công Nhà máy XLNT và đào hồ sự cố

a) Biện pháp thi công Nhà máy XLNT tập trung

(i). Thi công trạm bơm

Đào phần đất mặt đến 1m, gia cố thành hố đào trạm bơm bằng cách đóng cừ larsen bằng máy ép thủy lực. Đào trạm bơm bằng máy đào 0,8m^3 và vận chuyển vật liệu thải về bãi thải theo đúng quy định. Tiến hành gia cố thành hố đào bằng hệ thống khung, sàn đạo với mỗi chiều với 03 hệ khung giằng (đáy, giữa và phần

trên hố đào) tránh sạt và đảm bảo an toàn cho quá trình thi công.

Thực hiện lắp đặt ván khuôn, cốt thép và đổ bê tông phần đáy trạm bơm, thành và nắp trạm bơm (theo từng đốt có băng cách nước ở các mạch ngừng). Thông thường việc đổ bê tông bằng bê tông thương phẩm có phụ gia đông kết nhanh và phụ gia chống thấm để đẩy nhanh tiến độ thi công trạm bơm. Sau khi thực hiện xong phần đổ bê tông trạm bơm, tiến hành đổ cát hoàn trả hố đào xung quanh trạm bơm và được đầm chặt bằng đầm cóc, có ngâm nước để đảm bảo độ chặt. Thực hiện nhổ cọc cừ và vận chuyển đến bãi tập kết tại lán trại hoặc sắp xếp hợp lý trong phạm vi thi công. Việc thi công được thực hiện ngay trong ngày không để vật liệu thừa ở trên phạm vi thi công.

Sau khi lắp đặt hệ thống thiết bị trạm bơm sẽ thực hiện thi công đến phần điện cho trạm bơm gồm: Tủ điều khiển, điện động lực,... do cán bộ kỹ thuật điện thực hiện đảm bảo an toàn cho trạm bơm. Các hệ thống điện sẽ được kiểm tra thử nghiệm đảm bảo vận hành theo đúng thiết kế.

Sau khi hoàn thành sẽ tiến hành thử nghiệm hoạt động cho bơm trong các trường hợp không tải và có tải, trong trường hợp chưa kịp thời thu gom nước thải về trạm bơm sẽ do nhà thầu tự cung cấp nước để tiến hành thử nghiệm theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

(ii). Thi công các bể trong Nhà máy XLNT

Đào phần đất mặt đến 1m, gia cố thành hố đào bể bằng cách đóng cừ larsen bằng máy ép thủy lực. Đào bể bằng máy đào 0,8m^3 và vận chuyển vật liệu thải về bãi thải theo đúng quy định. Tiến hành gia cố thành hố đào bằng hệ thống khung, sàn đạo với mỗi chiều với 03 hệ khung giằng (đáy, giữa và phần trên hố đào) tránh sạt và đảm bảo an toàn cho quá trình thi công.

Thực hiện lắp đặt ván khuôn, cốt thép và đổ bê tông phần đáy bể, thành và nắp bể (theo từng đốt có băng cách nước ở các mạch ngừng). Thông thường việc đổ bê tông bằng bê tông thương phẩm có phụ gia đông kết nhanh và phụ gia chống thấm để đẩy nhanh tiến độ thi công cho các bể. Sau khi thực hiện xong phần đổ bê tông bể, tiến hành đổ cát hoàn trả hố đào xung quanh bể và được đầm chặt bằng đầm cóc, có ngâm nước để đảm bảo độ chặt. Thực hiện nhổ cọc cừ và vận chuyển đến bải tập kết tại lán trại hoặc sắp xếp hợp lý trong phạm vi thi công. Việc thi công được thực hiện ngay trong ngày không để vật liệu thừa ở trên phạm vi thi công.

Sau khi lắp đặt hệ thống thiết bị cho các bể sẽ thực hiện thi công đến phần điện cho các bể bao gồm: Tủ điều khiển, điện động lực,... do cán bộ kỹ thuật điện thực hiện đảm bảo an toàn cho các bể. Các hệ thống điện sẽ được kiểm tra thử nghiệm đảm bảo vận hành theo đúng thiết kế.

Sau khi hoàn thành sẽ tiến hành thử nghiệm hoạt động cho các bể trong các

trường hợp không tải và có tải, trong trường hợp chưa kịp thời thu gom nước thải về các bể sẽ do nhà thầu tự cung cấp nước để tiến hành thử nghiệm theo đúng quy trình.

b) Biện pháp thi công đào hồ sự cố

- Theo kết quả khảo sát địa chất công trình của KCN Hòa Yên thì với chiều sâu của hồ sinh học, hồ sự cố là tương đối dễ dàng. Công tác đào 2 hồ này sử dụng máy móc đào theo từng phần và tổ chức xây dựng kè bằng đá.

- Hồ sự cố, hồ sinh học sẽ được thi công đào vào mùa khô.

- Đất thừa từ quá trình đào 2 hồ này được tận dụng để trồng cây xanh, còn thừa sẽ được vận chuyển đi đổ ngay sau khi phát sinh, không đổ dồn tại khu vực Nhà máy XLNT.

1.5.2.7. Biện pháp thi công tường chắn và mái taluy đất trồng cỏ

a) Thi công tường đá hộc

- Đánh dấu tim và trục tường theo thiết kế.

- Lát nền móng: Đặt đá hộc lớn và phẳng đặt làm khóa nền. Các viên đá lớn đặt ở lớp dưới cùng để truyền lực đều xuống móng.

- Xây lớp đá hộc:

+ Đá đặt so le, chèn chặt, vữa phải điền đầy mạch bám giữa các viên.

+ Cao độ xây theo lán (0,5–1,0m/tầng) để đảm bảo vữa không khô quá nhanh.

+ Mạch vữa mặt ngoài phải được hoàn thiện, tránh rỗng. Độ dày mạch vữa ≤ 20 mm (tuỳ thiết kế). Đảm bảo độ thẳng đứng ±10 mm trên 1 m, lệch tổng ≤ 20 mm.

- Lỗ thoát nước: Đặt ống thoát phía sau tường mỗi 2–3 m hoặc theo thiết kế; đáy ống cách mặt nền sau 150–300 mm; ống có khe lọc (vải địa kỹ thuật + sỏi) để tránh bị bít.

- Thi công liên kết với giằng đỉnh: chuẩn bị vị trí neo chống cho giằng BTCT (lắp thép neo nếu cần).

b) Thi công mái taluy

- Tạo lớp bảo vệ mặt taluy: Sau khi hoàn thành tường, bắt đầu đắp đất taluy theo lớp dày 20–30 cm, mỗi lớp đầm chặt. Độ dốc taluy theo thiết kế.

- Lớp lọc/đệm phía sau tường: Đặt lớp sỏi + vải địa kỹ thuật giữa tường và lớp đệm đất nếu thiết kế yêu cầu để tránh rửa trôi hạt mịn vào mạch tường.

- Tạo kết cấu chống xói: Rãnh thoát nước dọc đỉnh taluy, máng tiêu nước chân taluy, đặt các viên đá chân taluy nếu cần.

- Lớp đất trồng cỏ: Phủ 5–10 cm đất mịn, giàu dinh dưỡng để trồng cỏ; bón lót phân hữu cơ nếu cần.

- Trồng cỏ: Gieo hạt hoặc trồng mảng/hom. Mật độ: tùy loại cỏ.

- Chăm sóc ban đầu: Tưới đều 2–3 lần/ngày trong tuần đầu; 2–3 tuần tiếp theo tưới giảm dần.

1.5.2.8. Biện pháp thi công hoàn trả kênh mương

- Công tác thi công hoàn trả kênh mương thoát, mương tưới sẽ được thực hiện trước khi có hoạt động phá bỏ hoặc làm ảnh hưởng đến hệ thống tiêu, cấp nước hiện trạng.

- Các bước thi công sơ bộ đối với tuyến kênh tưới tiêu Phù Tài và kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa như sau:

+ Xác định mốc giới của tuyến kênh

+ Tiến hành thi công xây dựng theo thiết kế: Đào, múc, kè đá, xây dựng các tuyến kênh mương hoàn trả,...

+ Công tác dẫn dòng – thoát nước

+ Tổ chức nghiệm thu, đưa vào sử dụng

+ Phá bỏ kênh dẫn cũ.

1.5.2.9. Biện pháp thi công san lấp ao hồ

- Đối với các diện tích ao hồ, kênh mương trước khi tiến hành nạo vét bùn, san nền sẽ được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu về phía kênh tiêu Cầu Chi.

- Trước khi nạo vét sẽ bơm hút nước ra hệ thống kênh mương nhánh trước khi thoát ra kênh tiêu Cầu Chi bằng máy bơm lưu động → Nạo vét bùn → San lấp. Bùn thải được dồn đổ vào khu vực trồng cây xanh (khu vực này không san lấp mặt bằng) bên dưới, đổ đất hữu cơ bề mặt bóc lên trên. Trên thực tế thì trước khi thu hồi đất, các chủ ao sẽ tát ao, thu hồi thuỷ sản vật nuôi nên về cơ bản, nước trong các ao là không còn.

- Tiến hành nạo vét ao hồ trước, kênh mương nhánh sau để đảm bảo thoát nước ra kênh tiêu Cầu Chi trong quá trình thi công xây dựng.

1.5.1.10. Biện pháp di dời rác đến khu vực xử lý

- Khảo sát và đánh giá hiện trạng

+ Vị trí: Xác định chính xác toạ độ bãi rác, khoảng cách tới khu dân cư, trường học, sông suối…

+ Khối lượng rác: Ước tính tổng khối lượng cần di dời (tấn).

- Kế hoạch di dời và xử lý: Làm việc, thoả thuận với nhà máy xử lý chất thải hoặc bãi chứa để tiếp nhận rác thải (Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa sẽ tiếp nhận khối lượng rác này theo Văn bản số 1511/CV-HHK ngày 15/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại – HHK).

- Phân loại rác tại chỗ: Do rác đổ đã lâu nên không tiến hành phân loại

- Vận chuyển rác:

+ Sử dụng xe ép chuyên dụng, che kín.

+ Vận chuyển vào giờ thấp điểm.

+ Phun khử mùi và khử khuẩn rác trước khi di dời.

+ Phun rửa xe (bánh, gầm) sạch sẽ trước khi ra khỏi bãi rác và nơi tiếp nhận.

+ Không sử dụng các tuyến đường làng, ngõ xóm để hoạt động.

- Xử lý sau khi di dời rác:

+ Phun vôi khử trùng

+ Đổ đất, cát (vật liệu san nền) vào khu vực đã đào hết rác.

1.5.2.11. An toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ

a) An toàn lao động

Để đảm bảo cho con người, máy móc thiết bị, Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thi công phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội qui, qui phạm kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động theo qui định hiện hành của nhà nước.

Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công áp dụng các phương pháp sau tại khu vực dự án:

- Thành lập bộ máy hoạt động về công tác an toàn lao động và hoạt động có hiệu quả;

- Toàn bộ công nhân làm việc trên khu vực dự án đều được học nội quy an toàn trong lao động. Khi làm việc phải đội mũ cứng, mặc quần áo bảo hộ lao động, đi giầy bảo hộ lao động và đeo kính khi cần thiết;

- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra định kỳ về công tác bảo hộ và an toàn lao động;

- Lập biện pháp an toàn chi tiết cho từng công việc. Biện pháp được đưa ra phổ biến, huấn luyện cho những người trực tiếp thi công;

- Khi thi công trên cao có lan can và lưới an toàn;

- Vật liệu thu dọn được đổ vào nơi quy định. Cấm ném các vật tư từ trên cao xuống dưới đất hoặc các vật từ dưới đất lên;

- Sử dụng đúng loại thợ, có chứng chỉ vận hành cho từng loại hình công việc;

- Các máy móc thiết bị phải được kiểm định, có đủ lý lịch và được cấp phép;

- Trong thời gian làm việc tại hiện trường nghiêm cấm mọi người không được uống rượu bia hoặc sử dụng chất kích thích;

- Nhà thầu thi công phải có các bình cứu hỏa đặt tại văn phòng thi công, tại các kho và những nơi nguy hiểm dễ xảy ra hỏa hoạn;

- Có biện pháp tuyên truyền, giáo dục nội quy an toàn lao động cho các cán bộ, công nhân. Tại các vị trí thoáng, dễ nhìn Nhà thầu thi công treo những khẩu hiệu mang tính nhắc nhở mọi người tham gia lao động trên khu vực xây dựng về ý thức an toàn lao động;

- Nghiêm cấm những người không nhiệm vụ ra vào khu vực dự án.

b) Bảo vệ môi trường

- Chủ dự án cùng Nhà thầu thi công tuyệt đối tuân thủ những quy định về đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng.

- Dùng ô tô có bạt che để chở vật liệu, phế thải ra ngoài. Bố trí phun nước ẩm xung quanh khu vực dự án khi cần thiết.

- Ô tô chở đất và phế thải đổ đúng nơi quy định của địa phương.

c) Phòng chống cháy nổ trong thi công

- Toàn thể cán bộ công nhân viên và công nhân đều được hướng dẫn về các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống cháy nổ trong thi công, cách sử dụng các dụng cụ, phương tiện cứu hỏa khi có hỏa hoạn xảy ra.

- Nhà thầu thi công phải niêm yết các quy định về PCCC, bảng chỉ dẫn và biển báo tại vị trí dễ gây hỏa hoạn để mọi người dễ dàng nhận biết. Nhà thầu thi công bố trí bảo vệ khu vực dự án, kiểm soát mọi đối tượng và không cho mang vào khu vực dự án bất cứ những vật liệu hay hóa chất dễ gây cháy nổ. Chủ dự án sẽ bố trí một số bình bọt xung quanh công trình và đặc biệt là những vị trí dễ sinh ra hỏa hoạn kịp thời sử dụng khi có hỏa hoạn xảy ra. Cán bộ dự án sẽ thường xuyên đi kiểm tra và nhắc nhở mọi người nhằm hạn chế những nguy cơ gây hỏa hoạn để mọi người cùng lưu ý.

1.6. TIẾN ĐỘ, VỐN ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ

ÁN

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án KCN Hòa Yên được trình bày tại nội dung trên.

1.6.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8218528688 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024, cấp đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2025, dự án KCN Hòa Yên được thực hiện bằng nguồn vốn tư nhân của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên, cụ thể như sau:

Bảng 50. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện dự án

TT	Nguồn vốn	Số tiền	Đơn vị	Tiến độ
1	Vốn góp của nhà đầu tư	561,778	tỷ đồng	Đã góp đủ vốn
2	Vốn huy động	3.183,35	tỷ đồng	36 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất
3	**Tổng mức đầu tư**	**3.745,131**	**tỷ đồng**	

***Nguồn**: Tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS Dự án KCN Hòa Yên*

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.3.1. Tổ chức quản lý dự án

a) Tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

Trách nhiệm trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng dự án KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 51. Trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình thi công xây dựng

TT	Đơn vị	Trách nhiệm chính
1	Chủ dự án (Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên)	- Chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư do mình quản lý. Chủ dự án sẽ lập Ban quản lý dự án để tổ chức quản lý dự án. - Chịu trách nhiệm chính trước pháp luật nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường cũng như các vi phạm pháp luật về BVMT trong quá trình chuẩn bị - thi công dự án.
2	Các đơn vị tư vấn	Chịu trách nhiệm về những quy định pháp lý đã nêu trong hợp đồng, đặc biệt là chất lượng sản phẩm và thời gian thực hiện cần phải đảm bảo nghiêm túc.
3	Nhà thầu xây dựng	Phải đảm bảo chất lượng, an toàn, môi trường xây dựng tốt, cho công trình đang thi công, những công trình khác xung quanh và khu vực lân cận.

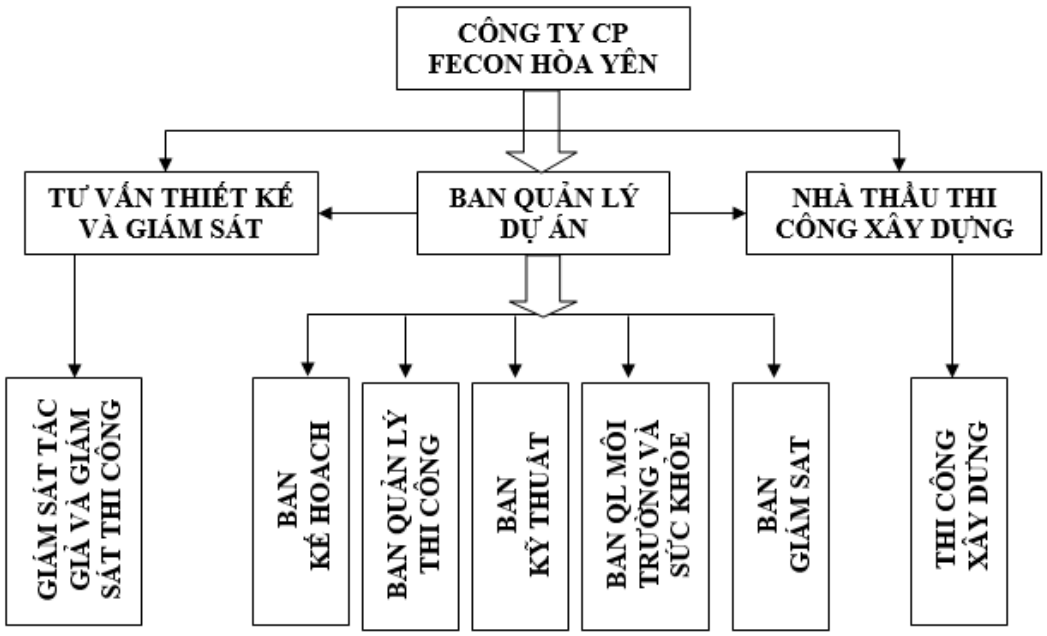
TT	Đơn vị	Trách nhiệm chính
4	Tư vấn giám sát	Sẽ có bộ phận chuyên trách *(có thể là doanh nghiệp tư vấn)* đảm bảo duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công xây lắp, từ khi khởi công đến khi nghiệm thu, bàn giao.

Do dự án triển khai theo 2 giai đoạn thi công xây dựng và kéo dài dự kiến 2 năm nên kể cả khi vận hành một phần KCN thì mô hình ban quản lý dự án này vẫn được giữ nguyên để quản lý thi công cho đến khi kết thúc thi công 100%.

Ban QLMT và sức khỏe sẽ chịu trách nhiệm QLMT, giám sát và yêu cầu các nhà thầu thi công trong công tác BVMT, thực hiện các trách nhiệm của Công ty CP Fecon Hòa Yên về BVMT trong suốt quá trình thi công xây dựng. Ban này sẽ chịu trách nhiệm trước Ban quản lý dự án và Công ty CP Fecon Hòa Yên về công tác BVMT trong quá trình chuẩn bị và thi công dự án. Trong biên chế của ban sẽ bố trí ít nhất 2 cán bộ môi trường chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ.

Sơ đồ quản lý dự án trong trong giai đoạn thi công xây dựng:

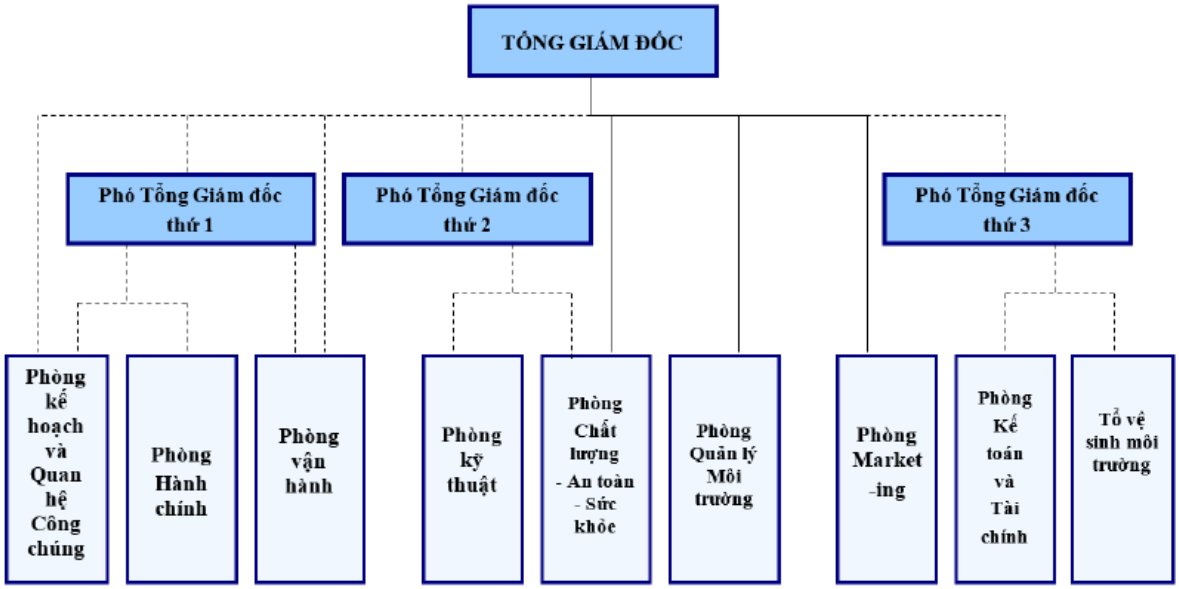
Hình 80. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn thi công xây dựng



b) Tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn vận hành

Chủ dự án sẽ tổ chức trực tiếp quản lý dự án, mô hình tổ chức quản lý dự án trong giai đoạn vận hành KCN được trình bày trong hình sau:

Hình 81. Sơ đồ tổ chức quản lý Dự án trong giai đoạn vận hành



1 - Phòng quản lý môi trường sẽ chịu trách nhiệm sau:

+ Thực hiện và phát triển các chiến lược và chương trình môi trường của Công ty CP Fecon Hòa Yên.

+ Xem xét các hoạt động của Công ty CP Fecon Hòa Yên để đảm bảo tuân thủ đầy đủ pháp luật về môi trường trong toàn công ty.

+ Tổ chức đào tạo nhân viên và đảm bảo tất cả các thành viên của lực lượng lao động nhận ra và hiểu những đóng góp của mình để cải thiện hiệu suất môi trường.

+ Đảm bảo tuân thủ đầy đủ pháp luật về môi trường và với các cập nhật về luật áp dụng (bao gồm cả pháp luật quốc tế);

+ Đàm phán hợp đồng dịch vụ môi trường và quản lý chi phí và các khoản thu liên quan;

+ Liên hệ với các cơ quan liên quan như chính quyền địa phương, các cơ quan nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;

+ Phối hợp tất cả các bên liên quan về kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, tái chế và sức khỏe môi trường, bảo tồn;

+ Kiểm kê, phân tích và báo cáo hoạt động môi trường cho các khách hàng nội bộ và bên ngoài và cơ quan quản lý;

+ Báo cáo các hoạt động môi trường của Công ty CP Fecon Hòa Yên trên cơ sở hàng tháng để quản lý;

+ Chịu trách nhiệm về đánh giá tác động xã hội và môi trường và các chương trình giám sát và giấy phép được áp dụng;

+ Thúc đẩy và nâng cao nhận thức, ở tất cả các bộ phận của công ty, các tác động của các vấn đề môi trường

+ Tổ chức đào tạo cán bộ ở tất cả các cấp về vấn đề trách nhiệm đối với môi trường;

+ Phối hợp điều trần công khai và tham vấn về các vấn đề môi trường;

+ Xây dựng và thực hiện hệ thống QLMT và tái chế để tiếp tục tối ưu hóa các tác động môi trường của công ty;

+ Quản lý và đề xuất ngân sách dành cho môi trường;

+ Theo dõi để các khách hàng hiện tại của KCN có tất cả các giấy phép cần thiết và theo dõi để khách hàng thực hiện theo quy định về môi trường;

2 - Trách nhiệm vận hành hoạt động của trạm bơm cấp nước sạch và xử lý nước thải: Công tác này do Phòng vận hành thực hiện.

3 - Trách nhiệm thu gom, quét dọn rác thải ở đường phố, khu vực công cộng: Do tổ vệ sinh môi trường thuộc Công ty CP Fecon Hòa Yên thực hiện.

c) Nhân lực tại Công ty CP Fecon Hòa Yên

Biên chế nhân lực của Công ty CP Fecon Hòa Yên để quản lý dự án KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 52. Biên chế nhân sự của Công ty CP Fecon Hòa Yên để quản lý dự án KCN Hòa Yên

TT	Vị trí	Đơn vị	Số lượng
1.	Tổng giám đốc	người	01
2.	Phó tổng giám đốc	người	03
3.	Phòng kế hoạch và quan hệ công chúng	người	03
4.	Phòng hành chính	người	07
5.	Phòng vận hành	người	30
6.	Phòng kỹ thuật	người	5
7.	Phòng Chất lượng - An toàn - Sức khỏe	người	4
8.	Phòng Quản lý môi trường	người	3
9.	Phòng Marketing	người	14
10.	Phòng kế hoạch và tài chính	người	5
11.	Tổ vệ sinh môi trường	người	9
12.	***Tổng cộng***	người	***84***

***Nguồn**: Tổng hợp từ Báo cáo NCKT, hồ sơ TKCS Dự án ĐTXD&KD KCHT KCN Hòa Yên*

Chương II:
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

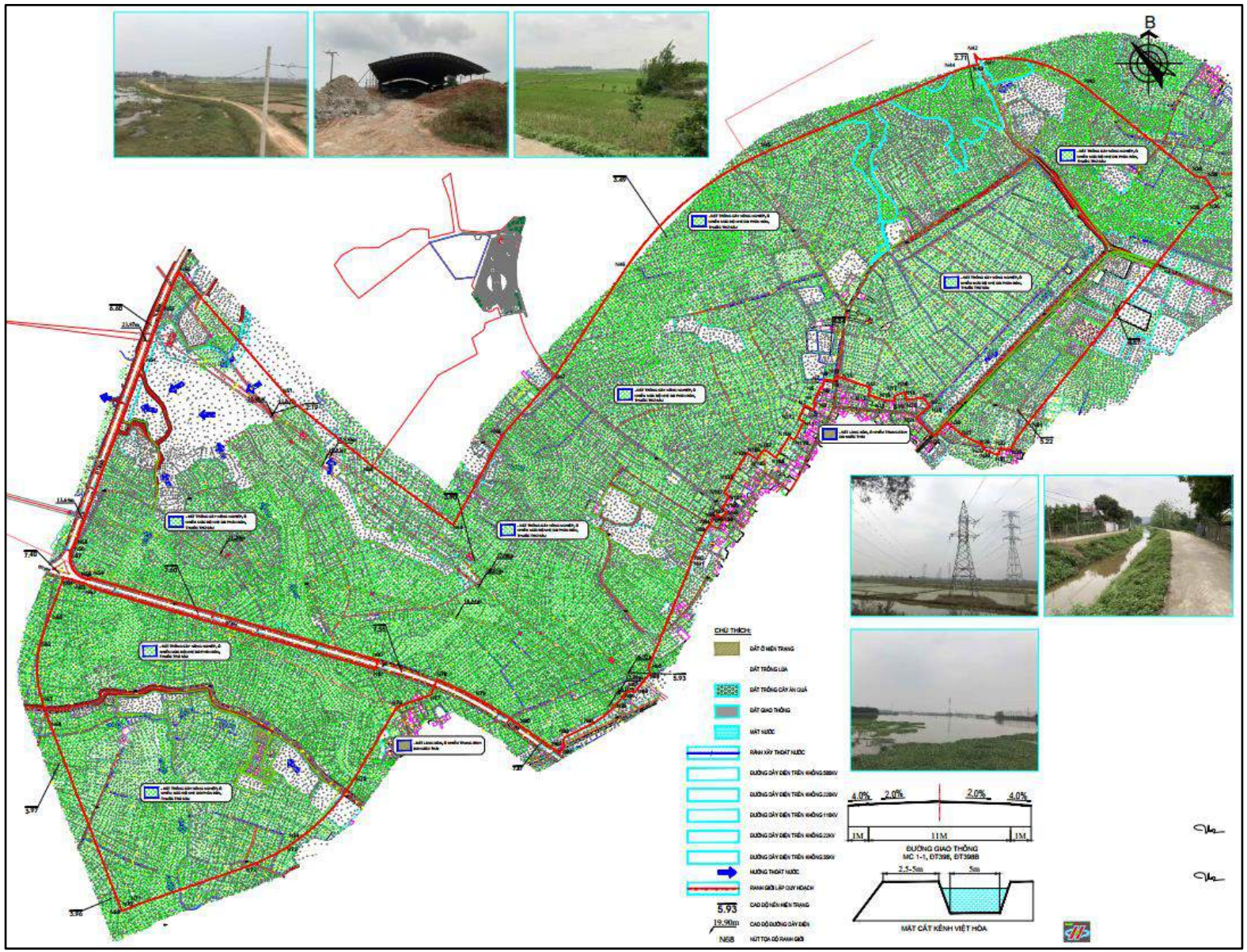
2.1.1.1. Điều kiện địa hình

Khu đất thực hiện dự án KCN Hòa Yên thuộc địa giới hành chính xã Hiệp Hoà, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh có địa hình ruộng trũng cục bộ. Cao độ của các khu vực xung quanh dự án như sau:

Bảng 53. Cao độ hiện trạng điển hình của khu vực

TT	Khu vực	Cote hiện trạng	Cote hoàn thiện
1.	Khu vực đất nông nghiệp	+2,40 đến +5,50m	Cao độ san nền hoàn thiện của dự án: + Cao độ thấp nhất: +6,5m + Cao độ cao nhất: +7,65m + Cao độ trung bình: +7,1m
2.	Khu vực mặt nước trũng phía Tây Bắc	+1,00 đến +3,10m	
3.	Tuyến đường Vành đai 4	+6,70 đến +7,97m	

Bản đồ địa hình khu vực dự án KCN Hòa Yên được trình bày tại hình sau:



Hình 82. Bản đồ địa hình khu vực dự án KCN Hòa Yên



Hiện trạng mặt nước trũng phía Bắc



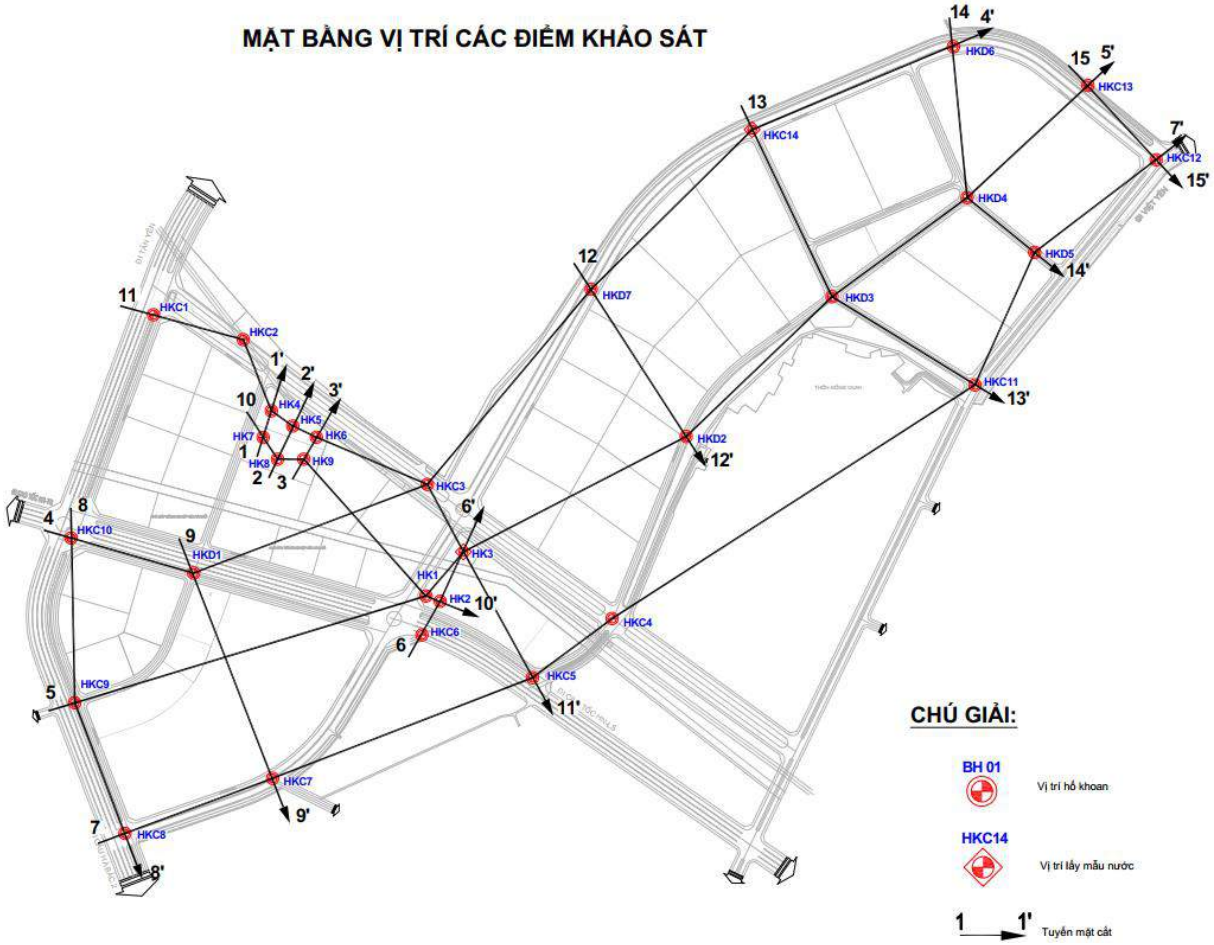
Hiện trạng đất trồng lúa khu vực dự án



2.1.1.2. Địa chất công trình

Công ty CP Fecon Hòa Yên đã phối hợp với Viện Nền móng và Công trình ngầm để tiến hành khảo sát địa chất công trình tại khu vực xây dựng dự án. Vị trí các điểm khảo sát tại khu vực dự án KCN Hòa Yên được mô tả trong hình sau:

Hình 83. Vị trí các điểm khảo sát tại khu vực dự án KCN Hòa Yên



Kết quả khoan thăm dò khảo sát địa chất cho thấy chi tiết các lớp đất theo cấu tạo từ trên xuống dưới tại khu vực Dự án như sau:

Bảng 54. Đặc điểm địa chất công trình khu vực dự án

TT	Ký hiệu lớp	Đặc điểm lớp
1	Lớp 1	***Đất nông nghiệp: Sét pha, bùn sét pha, xám nâu, lẫn hữu cơ, trạng thái dẻo chảy tới dẻo mềm, nên được bóc bỏ trước khi xây dựng*** Lớp này xuất hiện trong tất cả các hố khoan và nằm phía trên cùng trong phạm vi khảo sát. Bề dày lớp biến đổi từ 0.2m (HK1) đến 2m (HK2), trung bình là 0.46m.
2	Lớp 2	***Sét đôi chỗ sét pha, màu nâu đỏ, xám trắng, xám vàng, trạng thái nửa cứng tới cứng, đôi chỗ dẻo cứng, sức chịu tải tương đối lớn, biến dạng tương đối nhỏ*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK1, HK2, HK3, HK4, HK5, HK6, HK7, HK8, HK9, HKD1, HKD2, HKD3, HKD4, HKD5, HKD6, HKD7, HKC1, HKC3, HKC4, HKC5, HKC6, HKC7, HKC8, HKC9, HKC10, HKC11, HKC12, HKC13, HKC14 và nằm dưới lớp (1). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 0m (HKC5) đến 2m (HK2).

TT	Ký hiệu lớp	Đặc điểm lớp
		Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 1.5m (HKD6) đến 13.2m (HKC10). Bề dày lớp biến đổi từ 1.2m (HKD6) đến 12.8m (HKC10), trung bình là 5.91m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 10 (HK3), lớn nhất là 35 (HKC8), trung bình là 15.
3	Lớp 3a	***Cát pha màu xám nâu, xám đen, trạng thái chảy tới dẻo, có sức chịu tải tương đối thấp và biến dạng tương đối lớn*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK1, HKD7, HKC11 và nằm dưới lớp (2). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 3.6m (HKC11) đến 5.8m (HK1). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 5.8m (HKC11) đến 7.5m (HKD7). Bề dày lớp biến đổi từ 0.7m (HK1) đến 3m (HKD7), trung bình là 1.97m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 3 (HKC11), lớn nhất là 49 (HK1), trung bình là 18.
4	Lớp 3	***Cát mịn, màu xám nâu, xám vàng, xám đen, xám ghi, kết cấu rời tới chặt vừa, có sức chịu tải tương đối thấp và biến dạng tương đối lớn*** Lớp này gặp tại các hố khoan HKD2, HKD7, HKC3, HKC5, HKC7, HKC8, HKC11, HKC14 và nằm dưới lớp (3a). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 2.5m (HKD2) đến 9.4m (HKC3). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 4.9m (HKC5) đến 11.9m (HKC7). Bề dày lớp biến đổi từ 1.3m (HKC3) đến 5.7m (HKD2), trung bình là 3.13m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 4 (HKD2), lớn nhất là 28 (HKC8), trung bình là 15.
5	Lớp 4	***Sét pha, sét, màu xám trắng, xám vàng, nâu đỏ, trạng thái dẻo chảy tới dẻo mềm với sức chịu tải thấp, biến dạng lớn*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK2, HK7, HKD1, HKD2, HKC2, HKC4, HKC5, HKC13 và nằm dưới lớp (3). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 0.3m (HKC2) đến 8.2m (HKD2). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 3.6m (HKC2) đến 9.3m (HKC13). Bề dày lớp biến đổi từ 0.6m (HK2) đến 5.8m (HKC13), trung bình là 2.51m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 1 (HKC2), lớn nhất là 15 (HK7), trung bình là 7.
6	Lớp 5a	***Cát pha màu nâu, nâu gụ, xám trắng trạng thái dẻo có sức chịu tải trung bình và biến dạng trung bình*** Lớp này gặp tại các hố khoan HKD1, HKC3, HKC4, HKC14 và nằm dưới lớp (4). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 6.7m (HKC14) đến 10.7m (HKC3). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 9m (HKD1) đến 12m (HKC3). Bề dày lớp biến đổi từ 1.3m (HKC3) đến 3.8m (HKC14), trung bình là 2.55m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 8 (HKC4), lớn nhất là 17 (HKC14), trung bình là 14.
7	Lớp 5	***Cát hạt thô đôi chỗ lẫn sạn sỏi, kết cấu chặt vừa với sức chịu tải sức chịu tải trung bình, biến dạng trung bình*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK3, HKC4, HKC11, HKC12, HKC13 và nằm dưới lớp (5a). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 8.1m

TT	Ký hiệu lớp	Đặc điểm lớp
		(HK3) đến 11.5m (HKC4). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 9m (HK3) đến 17.2m (HKC11). Bề dày lớp biến đổi từ 0.9m (HK3) đến 5.9m (HKC11), trung bình là 2.86m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 13 (HKC11), lớn nhất là 50 (HKC13), trung bình là 24.
8	Lớp 6	***Sét pha màu nâu vàng, xám trắng, trạng thái nửa cứng tới cứng, đôi chỗ dẻo cứng sức chịu tải tương đối cao, biến dạng tương đối thấp*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK1, HK2, HK3, HK4, HK5, HK6, HK8, HK9, HKC1, HKC2, HKC3, HKC4, HKC5, HKC6, HKC7, HKC8, HKC10, HKC14 và nằm dưới lớp (5). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 3.2m (HKC1) đến 13.2m (HKC10). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 4m (HKC1) đến 16m (HK6). Bề dày lớp biến đổi từ 0.6m (HKC7) đến 7.5m (HK6), trung bình là 3.19m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 8 (HKC3), lớn nhất là 45 (HKC6), trung bình là 24.
9	Lớp 7	***Đá sét bột kết phong hóa hoàn toàn thành sét pha, cát pha, lẫn dăm sạn, nâu, nâu gụ trạng thái nửa cứng tới cứng, đôi chỗ dẻo cứng sức chịu tải tương đối cao, biến dạng tương đối thấp*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK1, HK2, HK3, HK5, HK8, HK9, HKD6, HKC1, HKC3, HKC4, HKC5, HKC6, HKC7, HKC8, HKC10, HKC11, HKC12, HKC13, HKC14 và nằm dưới lớp (6). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 1.5m (HKD6) đến 17.2m (HKC11). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 7m (HKD6) đến 20m (HKC11). Bề dày lớp biến đổi từ 1.2m (HKC8) đến 7m (HKC6), trung bình là 3.82m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 24 (HK9), lớn nhất là 50 (HKC14), trung bình là 47.
10	Lớp 8	***Đá sét bột kết, đôi chỗ cát bột kết, nâu đỏ, xám xanh, xám ghi, phong hóa trung bình, nứt nẻ mạnh, đá khá cứng chắc, sức chịu tải cao, biến dạng nhỏ*** Lớp này gặp tại các hố khoan HK3, HK7, HK9, HKC1, HKC2, HKC3, HKC5, HKC8, HKC9, HKC12 và nằm dưới lớp (7). Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 5.4m (HKC9) đến 17.2m (HKC3). Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 12m (HK7) đến 22m (HKC3). Bề dày lớp biến đổi từ 1m (HKC5) đến 6.6m (HKC9), trung bình là 4.06m.

***Nguồn**: Tổng hợp từ Báo cáo khảo sát địa chất công trình Dự án KCN Hòa Yên*

→ Nhận xét về điều kiện địa chất công trình tại KCN:

- Dự án có nhiều hạng mục có tải trọng khác nhau. Đối với các hạng mục có tải trung bình, giải pháp móng cọc bê tông dự ứng lực nên được áp dụng. Mũi cọc nên xuyên vào lớp các lớp (6, 7) hoặc tựa vào lớp (8), tùy thuộc vào đường kính cọc và địa tầng chi tiết tại mỗi khu vực.

- Đối với hạng mục có tải trọng nhỏ, giải pháp móng nông có thể áp dụng khi nền được đặt trên lớp số (2) và không xuất hiện lớp đất yếu (bùn sét yếu) ngay dưới.

2.1.1.3. Đặc điểm địa chất thủy văn

a) Đặc điểm địa chất thủy văn khu vực

Tại khu vực dự án được phân chia được 12 tầng chứa nước liên quan tới các thành tạo địa chất khác nhau, gồm 8 tầng chứa nước lỗ hổng và 4 tầng chứa nước khe nứt. Trong đó có ý nghĩa hơn cả là 2 đơn vị chứa nước lỗ hổng có khả năng khai thác nước với lưu lượng, trữ lượng lớn và ổn định, đó là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích sông hệ tầng Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) và hệ tầng Hà Nội.

b) Kết quả khảo sát địa chất thủy văn tại khu vực dự án

Dựa trên kết quả phân tích mẫu nước dưới đất được lấy tại 2 vị trí khu hạ tầng kỹ thuật và khu cống hộp qua đường cho thấy nước dưới đất không có nguy cơ ăn mòn (X0) theo tiêu chuẩn TCVN 12041- 2017.

Kết quả phân tích mẫu nước được thể hiện trong các bảng dưới đây:

Bảng 55. Kết quả thí nghiệm hóa học mẫu nước tại khu cống hộp

TÍNH CHẤT VẬT LÝ - PHYSICAL PROPERTIES							
Màu sắc - Colour:	Không - Non			Mùi - Odour:	Không - Non		
Độ trong suốt - Transparent:	Cặn đáy - Bottom residue			Vị -Taste:	Không - Non		
TÍNH CHẤT HOÁ HỌC - CHEMICAL ANALYSIS							
H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN IONIC ANALYSIS	KẾT QUẢ - RESULT			H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN IONIC ANALYSIS	KẾT QUẢ - RESULT		
	mə/l	*mg/l*	*% mə/l*		*mə/l*	*mg/l*	*% mə/l*
Ca^{2+}	1.50	30.06	52.47	Cl^-	1.00	35.46	34.98
Mg^{2+}	0.40	4.86	13.99	SO_4^{2-}	0.36	17.22	12.54
$Fe^{2+}+Fe^{3+}$	0.00	0.00	0.00	HCO_3^-	1.50	91.53	52.47
$K^+ + Na^+$	0.96	22.04	33.53	CO_3^{2-}	0.00	0.00	0.00
Tổng-sum	2.86	56.97	100	Tổng-sum	2.86	144.20	100
HẠNG MỤC PHÂN TÍCH ĐẶC BIỆT - ANALYSIS OF SPECIAL ITERMS							
H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN ITERM ANALYSIS	KẾT QUẢ - RESULT			H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN ITERM ANALYZIS		KẾT QUẢ - RESULT	
	mə/l	Độ đức Degree				*mə/l*	*mg/l*
Tổng độ cứng-Total hardness:	1.90	5.32		pH	7.7		
Độ cứng tạm thời-Temporary hardness	0.05	0.14		CO_2 Tự do, free		0.15	6.60
Độ cứng vĩnh viễn-Permanent hardness	1.85	5.18		CO_2 ăn mòn- eroded			3.79
Tổng độ khoáng hoá - Total mineralisation (mg/l):		201.17					
				HCO_3^-	Cl^-	SO_4^{2-}	
Công thức cuốc lốp - Kurlov formula:		M 0.20		52	35	13	pH 7.7
				Ca^{2+}	K^+,Na^+	Mg^{2+}	
				52	34	14	
Nhận xét:	Đánh giá theo TCVN 12041-2017: Nước không có nguy cơ ăn mòn (X0)						
Remark:	Water is not in danger of corrosion in according to TCVN 12041-2017 (X0)						

Bảng 56. Kết quả thí nghiệm hóa học mẫu nước khu hạ tầng kỹ thuật

TÍNH CHẤT VẬT LÝ - PHYSICAL PROPERTIES			
Màu sắc - Colour:	Không - Non	Mùi - Odour:	Không - Non
Độ trong suốt - Transparent:	Cặn đáy - Bottom residue	Vị -Taste:	Không - Non

TÍNH CHẤT HOÁ HỌC - CHEMICAL ANALYSIS

H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN IONIC ANALYSIS	KẾT QUẢ - RESULT			H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN IONIC ANALYSIS	KẾT QUẢ - RESULT		
	mə/l	mg/l	% mə/l		mə/l	mg/l	% mə/l
Ca^{2+}	1.35	27.05	47.63	Cl^-	1.00	35.46	35.28
Mg^{2+}	1.00	12.16	35.28	SO_4^{2-}	0.38	18.45	13.55
$Fe^{2+}+Fe^{3+}$	0.00	0.00	0.00	HCO_3^-	1.45	88.48	51.16
$K^+ + Na^+$	0.48	11.13	17.08	CO_3^{2-}	0.00	0.00	0.00
Tổng-sum	2.83	50.35	100	Tổng-sum	2.83	142.38	100

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH ĐẶC BIỆT - ANALYSIS OF SPECIAL ITERMS

H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN ITERM ANALYSIS	KẾT QUẢ - RESULT		H. MỤC PHÂN TÍCH MAIN ITERM ANALYZIS		KẾT QUẢ - RESULT	
	mə/l	Độ đức Degree			mə/l	mg/l
Tổng độ cứng-Total hardness:	2.35	6.58	pH	7.3		
Độ cứng tạm thời-Temporary hardness	0.05	0.14	CO_2 Tự do, free		0.35	15.40
Độ cứng vĩnh viễn-Permanent hardness	2.30	6.44	CO_2 ăn mòn- eroded			12.79

Tổng độ khoáng hoá - Total mineralisation (mg/l):	192.73					
			HCO_3^-	Cl^-	SO_4^{2-}	
Công thức cuốc lốp - Kurlov formula:	M 0.19		51	35	14	pH 7.3
			Ca^{2+}	Mg^{2+}	K^+,Na^+	
			48	35	17	
Nhận xét:	Đánh giá theo TCVN 12041-2017: Nước không có nguy cơ ăn mòn (X0)					
Remark:	Water is not in danger of corrosion in according to TCVN 12041-2017 (X0)					

2.1.1.4. Động đất và áp lực gió

Tại thời điểm khảo sát chưa phát hiện các dấu hiệu hoạt động địa chất động lực có thể gây bất lợi đến sự ổn định của công trình. Căn cứ theo TCVN 9386:2012: Thiết kế công trình chịu động đất, khu vực dự án có động đất cấp VII (theo thang chia MSK-64), gia tốc nền A = 0,0941.

2.1.1.5. Điều kiện về khí hậu, khí tượng tại khu vực dự án

Khu vực dự án nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng Bắc Bộ. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, khí hậu lạnh, khô hanh và ít mưa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, nóng và mưa nhiều. Tuy nhiên, khu vực có nhiều tiểu vùng khác nhau và do vậy điều kiện khí tượng mang yếu tố đặc trưng của từng vùng.

Dự án KCN Hòa Yên được thực hiện tại xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh nên sử dụng các số liệu thống kê về khí hậu, khí tượng tại trạm khí tượng thủy văn (trạm KTTV) Hiệp Hòa là chính xác nhất và

đây cũng được xác định là trạm KTTV gần nhất với khu vực thực hiện dự án.

Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng và Môi trường Hà Nội Green đã ký Hợp đồng thu nhập, biên tập và tính toán số liệu khí tượng thuỷ văn số 0610/ĐBB-CCSL ngày 06/10/2025 với Đài khí tượng thuỷ văn Bắc Bộ để cung cấp số liệu về khí tượng thuỷ văn tại khu vực thực hiện dự án trong thời gian 3 năm gần nhất. Các số liệu khí tượng thuỷ văn tại khu vực dự án được trình bày như sau:

a) Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng đến sự lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gần mặt đất và các nguồn nước. Nhiệt độ không khí càng cao thì tác động của các yếu tố gây ô nhiễm môi trường càng mạnh hay nói cách khác là tốc độ lan truyền và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong môi trường càng lớn. Nhiệt độ không khí còn làm thay đổi quá trình bay hơi của các acid. Vì vậy, trong quá trình tính toán, dự báo mức độ ô nhiễm không khí và thiết kế các hệ thống khống chế ô nhiễm cần phân tích các yếu tố nhiệt độ.

Nhiệt độ trung bình trong 3 năm gần nhất tại khu vực dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 57. Nhiệt độ trung bình các tháng trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: °C)

TT	Tháng	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		Trung bình	Max	Min	Trung bình	Max	Min	Trung bình	Max	Min
1	Tháng 1	18,2	22,4	12,6	16,9	23,4	12,2	17,5	22,8	9,7
2	Tháng 2	15,2	20,6	8,8	19,8	24,8	16,2	18,9	24,5	12,3
3	Tháng 3	22,5	27,2	19	21,8	26,8	18,2	21,3	27,2	14,5
4	Tháng 4	24,0	28,1	18,3	24,6	28,1	18,4	27,0	30,6	21,9
5	Tháng 5	26,2	29,5	23,2	28,3	31,6	22,6	27,7	31,3	24,5
6	Tháng 6	30,7	33,2	27,5	29,4	32,1	25,5	29,5	31,8	25,9
7	Tháng 7	30,0	33,3	27,6	30,1	32,5	25,9	29,3	32,3	26,7
8	Tháng 8	29,0	31,5	25	28,6	30,6	26,4	29,2	31,9	25
9	Tháng 9	28,2	30,7	25,3	28,0	31,4	23,4	28,5	31,5	25,7
10	Tháng 10	25,1	27,7	17,4	26,3	29,7	22,9	26,2	28,8	21,9
11	Tháng 11	24,9	27,5	23,2	22,6	27,3	17,6	23,9	27,1	19,2
12	Tháng 12	17,1	19,4	13,5	18,4	24,8	12,4	18,7	23,4	15,8
13	***T.B năm***	***24,3***	***33,3***	***8,8***	***24,6***	***32,5***	***12,2***	***24,8***	***32,3***	***9,7***

***Nguồn**: Đài khí tượng thuỷ văn Bắc Bộ*

Nhiệt độ trung bình năm lớn nhất tại khu vực là 24,8ºC (năm 2024) và nhiệt độ trung bình năm nhỏ nhất là 24,3ºC (năm 2022). Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7 năm 2022 với mức nhiệt là 33,3ºC và mức nhiệt nhỏ nhất vào tháng 2 năm

2022 với mức nhiệt là 8,8ºC.

b) Độ ẩm không khí

Độ ẩm không khí lớn tạo điều kiện cho vi sinh vật từ mặt đất phát tán vào không khí, phát triển nhanh chóng, lan truyền trong không khí và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong không khí gây ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung độ ẩm không khí trung bình hàng năm tại khu vực tương đối lớn, dao động trung bình năm 2022 là 69-85%, năm 2023 là 68-85%, năm 2024 là 65-83%. Diễn biến độ ẩm phụ thuộc vào lượng mưa nên trong 1 năm thường có 2 thời kỳ, một thời kỳ độ ẩm cao và một thời kỳ độ ẩm thấp.

Độ ẩm trung bình năm trong 3 năm gần nhất tại khu vực dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 58. Độ ẩm trung bình năm trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: %)

TT	Tháng	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		Trung bình	Max	Min	Trung bình	Max	Min	Trung bình	Max	Min
1	Tháng 1	85	98	70	68	90	41	82	92	63
2	Tháng 2	81	94	60	82	94	56	81	92	59
3	Tháng 3	85	94	70	83	93	62	81	93	63
4	Tháng 4	72	86	56	85	97	64	83	92	77
5	Tháng 5	75	86	53	80	90	71	81	88	72
6	Tháng 6	71	80	64	81	91	72	82	90	74
7	Tháng 7	74	82	67	79	90	64	82	92	64
8	Tháng 8	81	91	70	83	92	66	79	92	73
9	Tháng 9	80	88	72	81	92	68	78	91	67
10	Tháng 10	75	93	56	74	89	53	69	83	52
11	Tháng 11	80	92	60	75	89	61	66	83	48
12	Tháng 12	69	94	37	70	86	33	65	81	44
13	***T.B năm***	***77,3***	***98***	***37***	***78,4***	***97***	***33***	***77,4***	***93***	***44***

***Nguồn**: Đài khí tượng thuỷ văn Bắc Bộ*

c) Lượng mưa

Mưa có tác dụng làm sạch môi trường không khí và pha loãng chất thải lỏng. Lượng mưa càng lớn thì mức độ ô nhiễm càng giảm. Lượng mưa trung bình hàng năm có dao động lớn, năm 2022 là 1.681,1mm năm 2023 là 1.543,6mm, năm 2024 là 2.021,5mm, trong đó tập trung vào tháng 5 đến tháng 9 hàng năm (chiếm tới 80 - 85% tổng lượng mưa cả năm).

Đặc điểm lượng mưa từ năm 2022 đến năm 2024 (3 năm liên tục) tại khu vực dự án được tóm tắt như sau:

Bảng 59. Lượng mưa trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: mm)

TT	Tháng	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		Tổng	Max	Ngày	Tổng	Max	Ngày	Tổng	Max	Ngày
1	Tháng 1	43,2	20,4	17	3,4	2,7	11	78,9	14,8	12
2	Tháng 2	91,4	30,1	19	57,7	18,1	8	15,1	3,4	24
3	Tháng 3	38,7	16,1	7	8,9	3,5	13	91,1	46,1	19
4	Tháng 4	91,8	41	16	113,3	72,8	25	72,7	21,5	21
5	Tháng 5	269,6	93,6	24	117	66,8	8	241,4	52,8	2
6	Tháng 6	105,9	26,4	16	300,8	59,2	21	275,5	88,6	9
7	Tháng 7	353,3	71,8	8	99,7	29,2	15	489	144,8	3
8	Tháng 8	381,8	91,3	11	390,8	73,5	4	303,1	151,8	23
9	Tháng 9	198,5	124,1	4	395,2	168,2	14	420,6	127,5	8
10	Tháng 10	72,1	22,3	7	10,6	3,4	28	33,1	24,2	21
11	Tháng 11	17,9	9,2	17	33,1	27	7	0	0	0
12	Tháng 12	16,9	8,9	1	13,1	10	1	1	0,5	6
13	***Năm***	***1.681,1***	***124,1***		***1.543,6***	***168,2***		***2.021,5***	***151,8***	

***Nguồn**: Đài khí tượng thuỷ văn Bắc Bộ*

d) Gió và bão

Gió là yếu tố khí tượng cơ bản nhất có ảnh hưởng đến sự lan truyền các chất ô nhiễm trong không khí và làm xáo trộn các chất ô nhiễm trong nước. Tốc độ gió càng lớn thì chất ô nhiễm trong không khí phát tán càng xa nguồn ô nhiễm và nồng độ chất ô nhiễm càng được pha loãng bởi không khí sạch. Ngược lại, khi tốc độ gió càng nhỏ hoặc không có gió thì chất ô nhiễm sẽ bao trùm xuống mặt đất ngay cạnh chân các nguồn thải, làm cho nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí xung quanh nguồn thải sẽ đạt giá trị lớn nhất. Hướng gió thay đổi làm cho mức độ ô nhiễm cũng biến đổi theo.

Hướng gió chủ đạo ở khu vực dự án là gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam (Gió mùa Tây Nam từ tháng 4 đến tháng 8 và gió mùa Đông Bắc từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau).

e) Số giờ nắng

Số giờ nắng trong năm 2022 là 1.373,1 giờ, trong đó ngày có số giờ nắng

nhất là tháng 5,6,7/2022 với 11,2 giờ nắng. Số giờ nắng năm 2023 là 1.459,1 giờ, tháng có số giờ nắng nhất là tháng 5, 7 với 10,7 giờ nắng. Số giờ nắng trung bình năm 2024 là 1.228,5 giờ nắng trong đó số giờ nắng cao nhất là tháng 8 với 9,9 giờ. Có thể thấy số giờ nắng tập trung nhiều nhất từ tháng 6 - 10.

Tổng số giờ nắng trong 3 năm gần nhất tại khu vực dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 60. Tổng số giờ nắng trong 3 năm gần nhất (Đơn vị: Giờ)

TT	Tháng	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		Tổng	Max	Ngày	Tổng	Max	Ngày	Tổng	Max	Ngày
1	Tháng 1	40,9	8	18	81,9	8,5	25	26,8	7,7	1
2	Tháng 2	34,4	9	24	50	9,8	25	43,9	8,2	12
3	Tháng 3	34,5	9,1	8	38,5	7,7	9	37,9	7,6	6
4	Tháng 4	119,3	10,6	3	21,7	7,6	5	35,8	8,3	27
5	Tháng 5	94	11,2	4	172,7	10,7	31	99	8,1	14
6	Tháng 6	159	11,2	25	158,3	10	10	100,6	7,8	20
7	Tháng 7	212,8	11,2	25	214,6	10,7	23	145	9,5	13
8	Tháng 8	191,6	11	29	128,3	10	31	155,8	9,9	27
9	Tháng 9	102,6	10	2	160,9	10,3	6	135	9,6	5
10	Tháng 10	155,4	8,9	24	180,9	9,6	5	211,5	9,7	3
11	Tháng 11	127,2	9,1	1	162,1	9,8	1	163,7	9	1
12	Tháng 12	101,4	8	18	89,2	8,2	7	73,5	8,5	18
13	***Năm***	***1.373,1***	***11,2***		***1.459,1***	***10,7***		***1.228,5***	***9,9***	

***Nguồn**: Đài khí tượng thuỷ văn Bắc Bộ*

g) Lượng bốc hơi

Đặc điểm lượng bốc hơi từ năm 2022 đến năm 2024 (3 năm liên tục) tại khu vực dự án được tóm tắt như sau:

Bảng 61. Lượng bốc hơi từ năm 2022 đến năm 2024 (Đơn vị: mm)

TT	Tháng	Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024			
		Tổng	Trung bình	Max	Ngày	Tổng	Trung bình	Max	Ngày	Tổng	Trung bình	Max	Ngày
1	Tháng 1	32,2	1,0	2,1	18	65,1	2,1	4,8	24	40,1	1,3	4,3	24
2	Tháng 2	32,3	1,2	3,7	23	34,4	1,2	4,5	25	32,7	1,1	3,3	11
3	Tháng 3	29,3	0,9	2	27	48,4	1,6	3,9	13	39,8	1,3	3,4	7
4	Tháng 4	52,3	1,7	4,1	2	35,4	1,2	3,1	7	38,7	1,3	2,7	28
5	Tháng 5	50	1,6	5,4	2	65,7	2,1	3,5	17	51,6	1,7	2,4	28
6	Tháng 6	54,3	1,8	3,7	17	56,0	1,9	3,3	3	48,7	1,6	2,7	2
7	Tháng 7	49,4	1,6	2,4	2	66,3	2,1	4,9	17	46,5	1,5	2,5	16
8	Tháng 8	60,1	1,9	9,1	7	46,9	1,5	4,0	30	48,6	1,6	2,5	10
9	Tháng 9	54,8	1,8	4,5	6	58,6	2,0	5,2	2	49,8	1,7	2,9	6
10	Tháng 10	68,4	2,2	5,2	17	80,6	2,6	5,1	21	75,3	2,4	4,6	2
11	Tháng 11	46	1,5	3,6	1	58,5	2,0	4,4	17	84,5	2,8	5,2	29
12	Tháng 12	62,5	2,0	5	18	53,4	1,7	3,5	22	82,8	2,7	4,2	14
13	***Năm***	***591,6***	***1,6***	***9,1***		***669,3***	***1,8***	***5,2***		***639,1***	***1,8***	***5,2***	

***Nguồn**: Đài khí tượng thuỷ văn Bắc Bộ*

h) Tốc độ gió

Trong năm có 2 hướng gió thịnh hành chủ yếu: Mùa Đông là hướng Bắc và Đông Bắc; mùa hè là Nam và Đông Nam. Tại Hiệp Hòa, tốc độ gió lớn nhất ghi được là 15 m/s vào tháng V/2016 ở hướng Nam và tại Sơn Động tốc độ gió lớn nhất là 20 m/s, vào tháng XI/2013 ở hướng Bắc.

i) Độ bền vững của khí quyển

Độ bền vững của khí quyển được xác định theo tốc độ gió và bức xạ mặt trời vào ban ngày và độ che phủ của mây vào ban đêm. Khu vực Hiệp Hoà có lượng mây trung bình năm vào khoảng 7,5/10. Thời kỳ nhiều mây nhất là vào cuối mùa Đông mà tháng cực đại là tháng 3, lượng mây trung bình là 9/10, ít mây nhất là 4 tháng cuối năm, tháng cực tiểu là tháng 10, 11, lượng mây trung bình chỉ 6/10.

Phân loại độ bền vững khí quyển được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 62. Phân loại độ bền vững của khí quyển (Pasquill, 1961)

Tốc độ gió (Độ cao 10 m)		**Ban ngày** (Theo mức độ nắng)			**Ban đêm** (Theo lượng mây)	
m/s	Dặm/giờ	Mạnh	Tbình	Nhẹ	Dày (≥ 4/8)	Mỏng (≤ 3/8)
< 2	< 4	A	A - B	B	-	-
2 - 3	4,5 - 6,7	A - B	C	C	E	F
3 - 5	6,7 - 11,2	B	C	C	D	E
5 – 6	11,2 - 13,4	C	D	D	D	D
> 6	> 13,4	C	D	D	D	D

Ghi chú:

A *: Phân tầng bất ổn định mạnh*
B *: Phân tầng bất ổn định trung bình*
C *: Phân tầng bất ổn định nhẹ*
D *: Phân tầng cân bằng*
E *: Phân tầng ổn định nhẹ*
F *: Phân tầng ổn định trung bình*

Độ bền vững loại A, B, C diễn ra trong điều kiện khí quyển không ổn định. Do vậy khi tính toán và thiết kế hệ thống ô nhiễm cần tính cho điều kiện khí quyển ổn định và bất lợi nhất (loại F). Đối với khu vực huyện Hiệp Hoà – Bắc Giang, ban đêm độ bền vững của khí quyển thuộc loại D và E. Vào những ngày nắng và tốc độ gió nhỏ, độ bền vững của khí quyển thuộc loại B, B - C, ngày có mây là C. Trong các trường hợp tính toán khuyếch tán ô nhiễm không khí hay sử dụng mức B.

j) Các điều kiện thời tiết bất thường tại tỉnh Bắc Giang cũ

- *Sương mù:* Tại trạm Hiệp Hòa, trung bình trong năm có thể xuất hiện 3 – 4 ngày sương mù, chủ yếu trong các tháng mùa đông (I, II, III và X, XI, XII).

Bảng 63. Số ngày sương mù trung bình tháng, năm (ngày) tại trạm KTTV Hiệp Hoà

Trạm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Năm
Hiệp Hòa	0,5	0,3	0,1	0,1	0	0	0,1	0,3	0,3	0,5	0,4	0,6	3,2

***Nguồn**: Trung tâm Tư liệu KTTV – Trung tâm KTTV Quốc gia*

- *Sương muối:* Tại trạm Hiệp Hoà, trong tháng I và XII, có khả năng xuất hiện sương muối từ 1-2 ngày.

- *Mưa phùn:* Mưa phùn là một dạng mưa khá đặc biệt, thường xuất hiện vào nửa sau mùa đông: Mưa với lượng nhỏ, thậm chí không thể đo được nhưng kéo dài từ 1 đến 3, 4 ngày, đôi khi cả tuần. Tại trạm Hiệp Hòa, hàng năm có xấp xỉ 30 ngày mưa phùn.

Bảng 64. Số ngày mưa phùn trung bình tháng, năm (ngày) tại Hiệp Hoà

Trạm	**I**	**II**	**III**	**IV**	**V**	**VI**	**VII**	**VIII**	**IX**	**X**	**XI**	**XII**	**Năm**
Hiệp Hòa	5,7	9,7	11,8	4,7	0	0	0	0	0	0	0,3	0,7	32,9

***Nguồn**: Trung tâm Tư liệu KTTV – Trung tâm KTTV Quốc gia*

- *Giông:* Giông là một hình thế thời tiết quy mô nhỏ, diễn ra trong thời gian ngắn, nhưng thường gây ra nhiều thiệt hại về nhà cửa, kể cả tính mạng con người, vì dông kèm theo gió mạnh có thể tới cấp 7, sấm sét. Ở trạm Hiệp Hòa, hàng năm có thể có tới 50 ngày giông.

Bảng 65. Số ngày giông trung bình tháng, năm (ngày) tại trạm KTTV Hiệp Hoà

Trạm	**I**	**II**	**III**	**IV**	**V**	**VI**	**VII**	**VIII**	**IX**	**X**	**XI**	**XII**	**Năm**
Hiệp Hòa	0,1	0,1	2,1	5,8	8,9	8,0	9,9	9,7	5,2	2,5	0,6	0,1	54,0

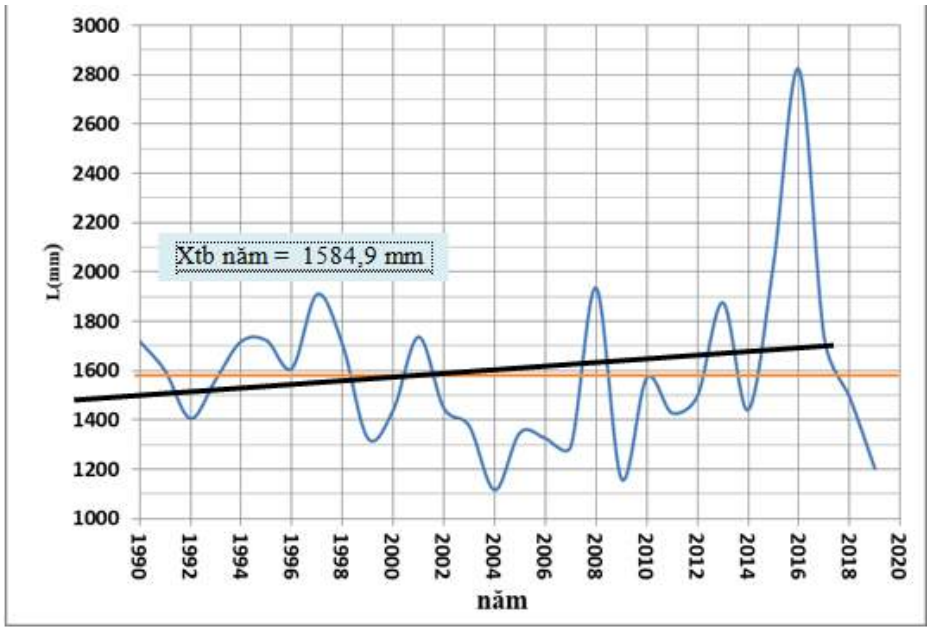
***Nguồn**: Trung tâm Tư liệu KTTV – Trung tâm KTTV Quốc gia*

j) Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ

Sử dụng số liệu nhiệt độ không khí và lượng mưa trung bình hàng năm trong 30 năm gần đây tại trạm khí tượng Bắc Giang để đánh giá sự diễn biến của điều kiện khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu (BĐKH) ở tỉnh Bắc Giang cũ.

- Về lượng mưa: Hình sau thể hiện biến trình của lượng mưa năm tại trạm Bắc Giang, thời kỳ 1990-2019. Phương trình xu thế biến đổi của lượng mưa năm là: X = 6,90 Y – 12231 (X: lượng mưa năm; Y: năm).

Hình 84. Biến trình của lượng mưa năm tại trạm Bắc Giang, thời kỳ 1990 – 2019



Như vậy, trung bình mỗi năm lượng mưa năm tại tỉnh Bắc Giang cũ tăng 6,67 mm, trong đó năm 2016 lượng mưa năm đột biến.

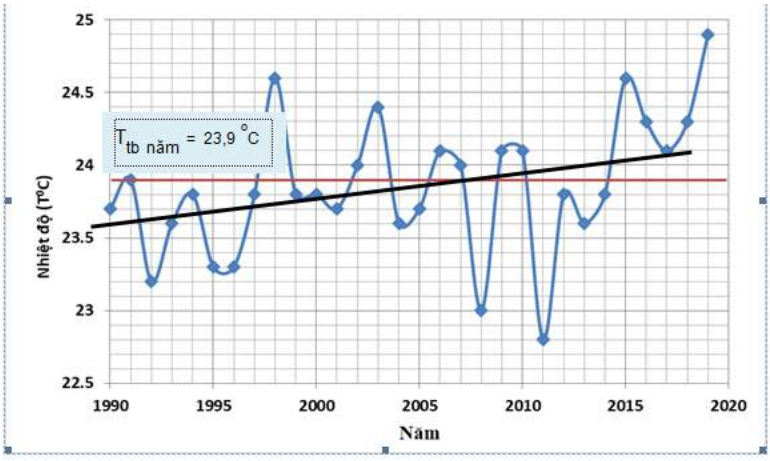
Từ 1990 – 1998, lượng mưa hàng năm nhìn chung cao hơn lượng mưa trung bình nhiều năm; từ 1998 – 2012, lượng mưa hàng năm thấp hơn trung bình nhiều năm, và từ 2012 – 2019, lượng mưa hàng năm có xu thế cao hơn trung bình nhiều năm.

- Về nhiệt độ: Hình sau thể hiện biến trình của nhiệt độ trung bình năm tại trạm Bắc Giang, thời kỳ 1990 – 2019. Phương trình xu thế biến đổi của nhiệt độ trung bình năm là:

T = 0,017 Y – 10,23 (T: nhiệt độ trung bình năm ; Y: năm).

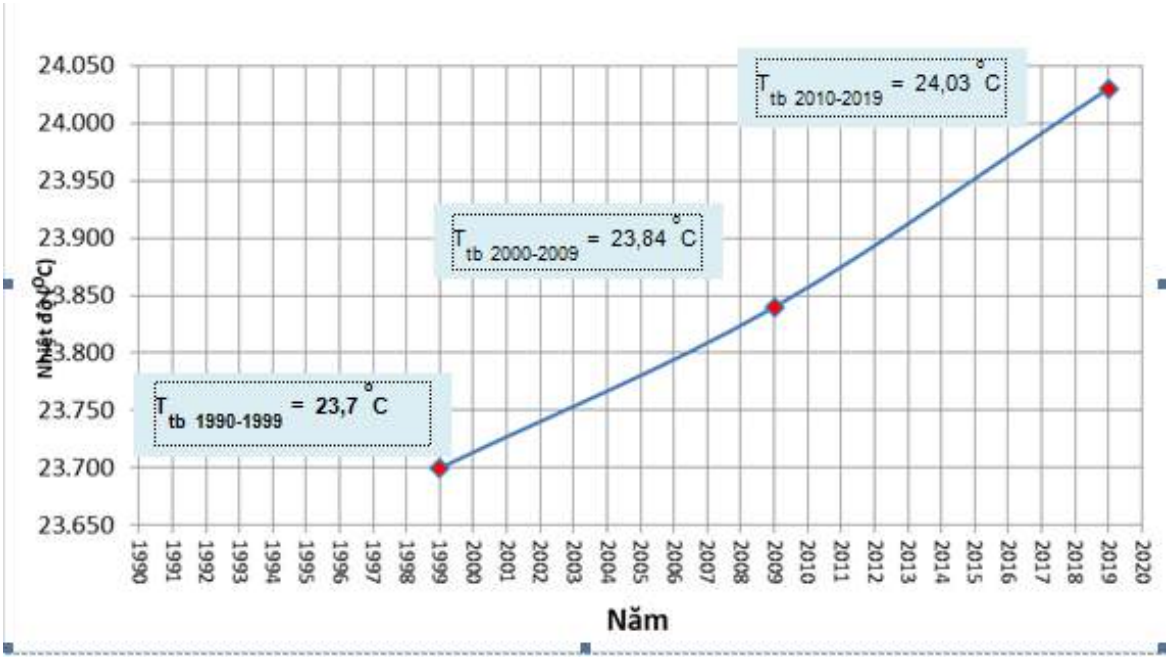
Như vậy, trung bình mỗi năm, nhiệt độ trung bình năm tại trạm Bắc Giang tăng 0,017 ^{o}C.

Hình 85. Biến trình của nhiệt độ trung bình năm tại trạm Bắc Giang, thời kỳ 1990 – 2019



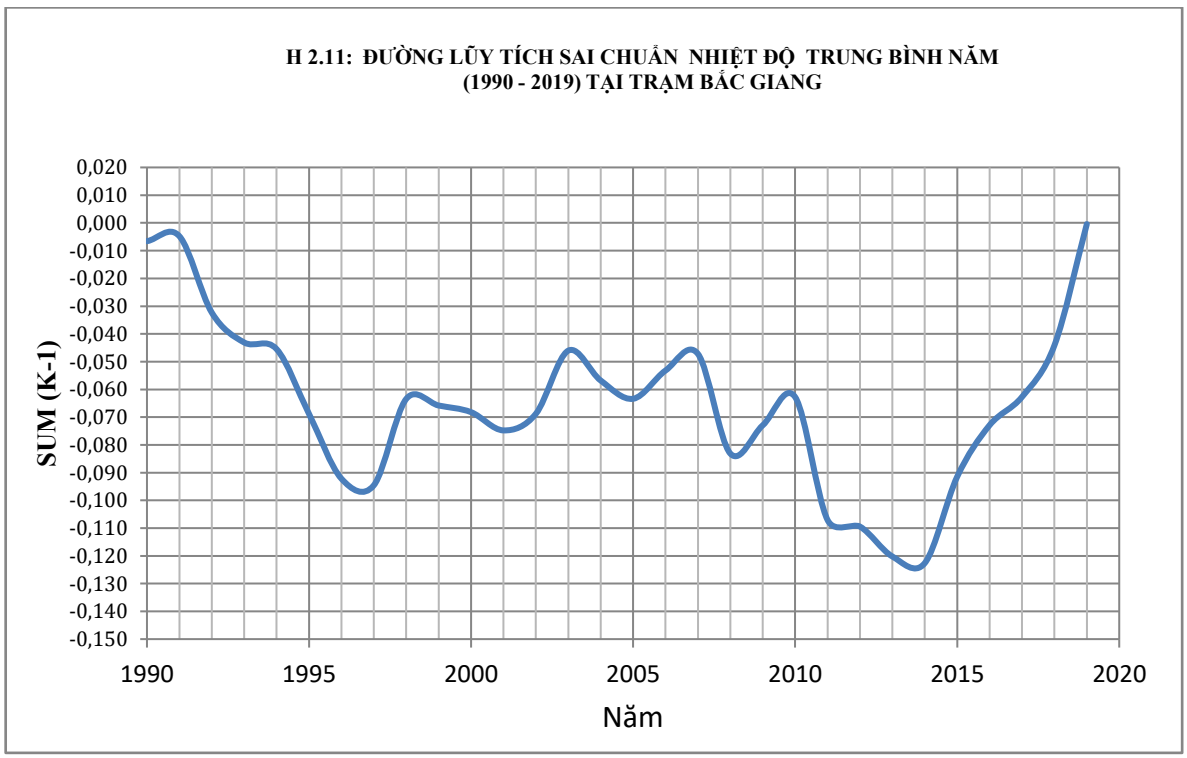
Nhiệt độ trung bình 10 năm một trong thời kỳ 1990 – 2019, thể hiện rõ sự tăng lên của nhiệt độ trong từng giai đoạn 10 năm được trình bày trong hình sau:

Hình 86. Biến đổi nhiệt độ trung bình 10 năm một trong thời kỳ 1990 – 2019

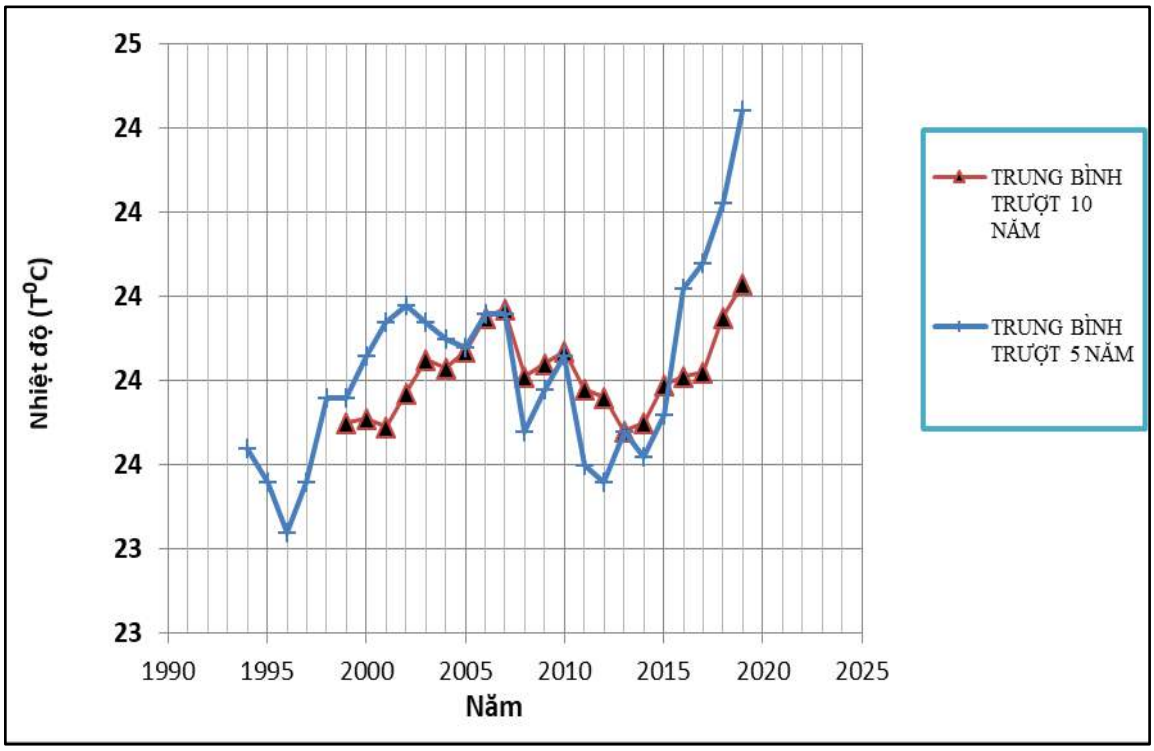


Căn cứ các hình trên, thấy rằng, từ 1990 – 1997, nhiệt độ trung bình năm có xu hướng thấp hơn giá trị trung bình nhiều năm; thời kỳ 1997 – 2014, nhiệt độ trung bình năm tương đối ổn định, duy nhất năm 2011, nhiệt độ trung bình năm giảm rõ rệt; từ 2015 nhiệt độ trung bình năm lại tăng rõ rệt.

Hình 87. Đường lũy tích sai chuẩn nhiệt độ trung bình năm



Hình 88. Biểu đồ trung bình trượt 5 năm, 10 năm của nhiệt độ trung bình năm tại trạm Bắc Giang (thời kỳ 1990 - 2019)



(v). Tình hình ngập lụt tại khu vực dự án và khu vực xung quanh

Qua tìm hiểu, trao đổi với chính quyền các xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn, phường Vân Hà và dân cư khu vực xung quanh khu vực dự án KCN Hòa Yên cho thấy khu vực đã xảy ra tình trạng ngập lụt. Nguyên nhân xảy ra ngập lụt do các yếu tố sau:

- Yếu tố tự nhiên: Lượng mưa lớn kéo dài, cống Yên Ninh ngăn nước tiêu thoát ra sông Cầu, vùng dự án thuộc vùng trũng chứa nước cho toàn lưu vực.

- Yếu tố địa hình tự nhiên:

+ Khu đất phía Bắc dự án: Khu vực có địa hình dốc từ phía Tây và từ phía Bắc xuống phía Nam nên lượng nước mưa từ các lưu vực phía Tây, Bắc, Nam đều đổ về khu vực này trước khi tiêu thoát qua cống Yên Ninh *(Chi tiết hướng thoát nước tại **Hình 24**).*

+ Khu đất phía Nam dự án: Địa hình dốc về mương ở giữa khu vực trước khi thoát về kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa *(Chi tiết hướng thoát nước tại **Hình 24**).*

→ Do đó, khu vực dự án có thể được xem như khu vực trữ nước trước khi tiêu thoát.

- Yếu tố về vị trí: Do dự án có hướng Tây giáp với hạ lưu Ngòi Lữ do đó chịu ảnh hưởng của nước dâng ngập của hạ lưu Ngòi Lữ khi không tiêu thoát hết.

- Yếu tố công trình: Do con người xây dựng chưa đảm bảo theo thiết kế.

→ Hệ thống tiêu thoát nước cho không đủ tải để đảm bảo tiêu thoát ngay lượng nước mưa cho khu vực (Cụ thể là khẩu độ cống và khẩu độ thoát nước của cống phía hạ lưu dự án không đảm bảo). Ngoài ra, rác và lục bình tồn đọng làm ngăn cản dòng chảy.

k) Nhận xét chung về điều kiện khí tượng ảnh hưởng đến dự án

Điều kiện khí tượng tại khu vực nói riêng và tỉnh Bắc Ninh được thống kê qua nhiều năm nói chung giống như điều kiện chung của đồng bằng Bắc Bộ, không có đột biến lớn và thay đổi so với các khu vực xung quanh.

Tuy nhiên, do tình hình biến đổi khí hậu trên quy mô toàn cầu phức tạp như hiện nay thì ngày càng có nhiều diễn biến thời tiết mang tính cực đoan hơn: Nắng nóng hơn, các cơn bão nhiệt đới mạnh và diễn biến phức tạp hơn,…

→ Nhìn chung, điều kiện khí tượng tại khu vực dự án thích hợp để triển khai các dự án sản xuất công nghiệp.

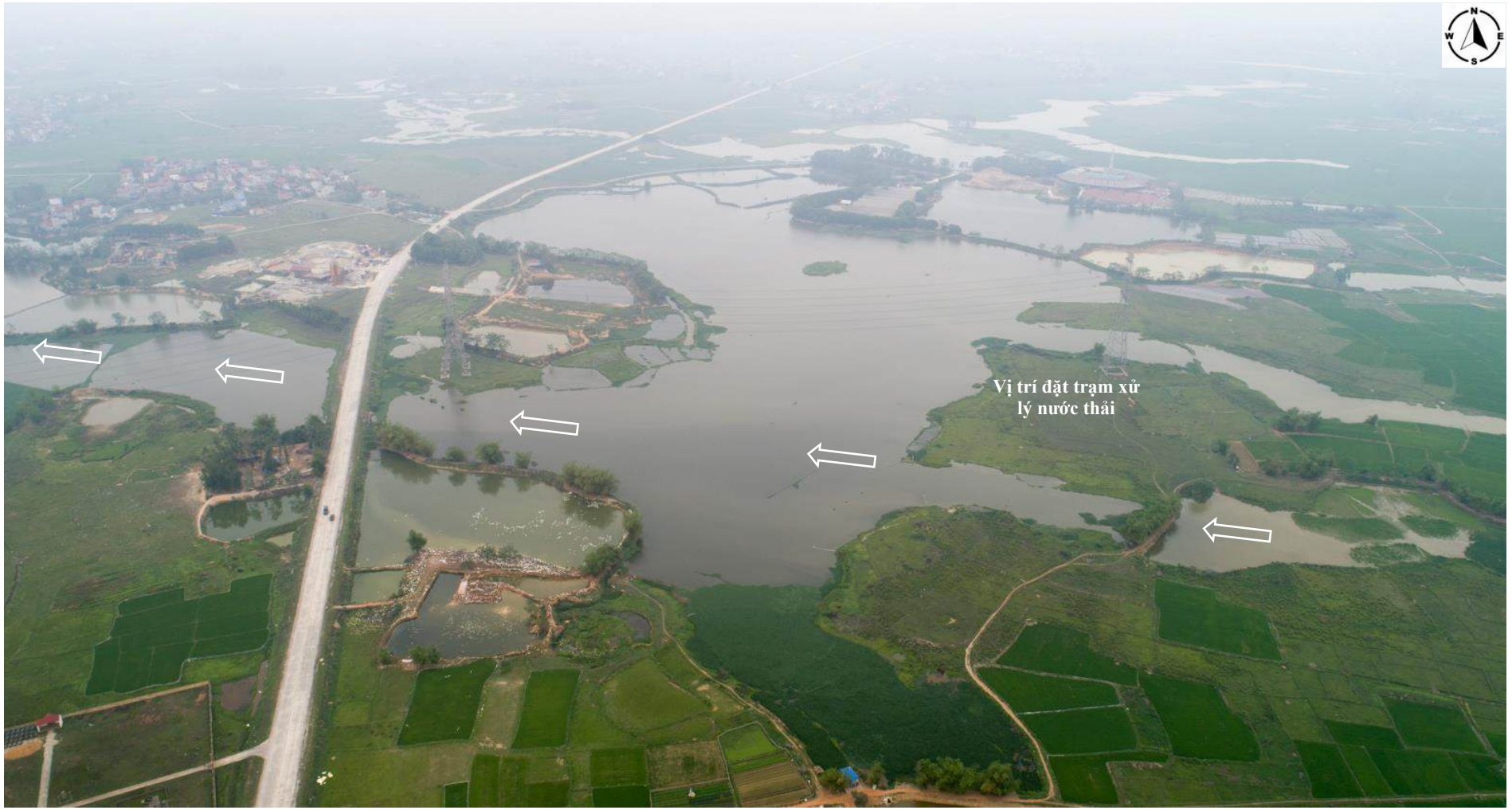
2.1.2. Nguồn tiếp nhận nước thải từ dự án và mô tả chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận

2.1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải từ KCN Hòa Yên

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN Hòa Yên sau khi được xử lý tại trạm XLNT tập trung, ∑công suất: 10.500 m^3/ng.đêm (3 modules × 3.500 m^3/ng.đêm/module), đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm được thoát ra kênh tiêu Cầu Chi *(tên gọi địa phương là:"Ngòi Á Lữ")* và cuối cùng đổ về sông Cầu. Chiều dài từ điểm xả thải ra đến sông Cầu (tính theo dòng chảy thoát nước) khoảng 4,5 km (qua cống Yên Ninh).

Bản đồ hướng tuyến thoát nước từ khu vực dự án được trình bày trong hình sau:

Hình 89. Hướng tuyến thoát nước ra kênh tiêu Cầu Chi



Hình 90. Hướng thoát nước từ vị trí xả thải của KCN Hòa Yên đến sông Cầu



Hiện nay, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"*. Theo khoản 4 Điều 5 của quy định này thì đối với các KCN/CCN sẽ phải xử lý đạt cột A trước khi xả vào nguồn tiếp nhận mà không phân biệt mục đích sử dụng của nguồn nước.

→ Như vậy, nước thải từ KCN Hòa Yên sẽ phải xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả ra Kênh tiêu Cầu Chi theo Văn bản số 1135/UBND-PKT ngày 14/11/2025 của UBND xã Hiệp Hoà tại điểm có toạ độ: $X_{(m)}$ = 2353786,6108; $Y_{(m)}$ = 397991,0367. Kênh tiêu Cầu Chi này đang do UBND xã Hiệp Hoà quản lý.

Vị trí xả nước thải sau khi xử lý ra Kênh tiêu Cầu Chi, cửa xả nằm ngoài phạm vi KCN là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 48 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

Sau khi xả ra Kênh tiêu Cầu Chi, nước thải chảy theo hướng Bắc → Nam để thoát ra sông Cầu. Khoảng cách từ điểm xả nước thải này ra đến sông Cầu khoảng 4,5 km.

2.1.2.2. Chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận nước thải

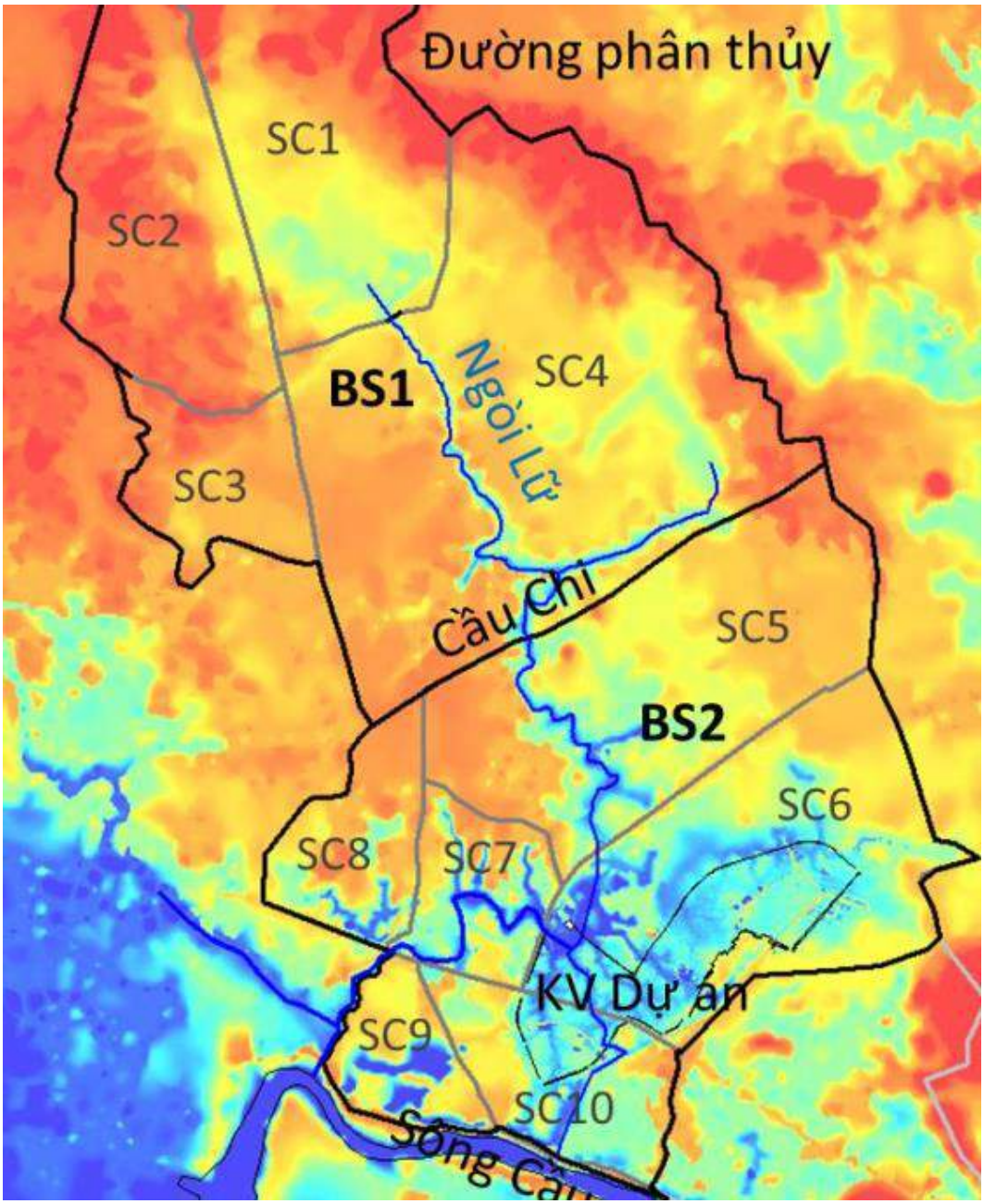
a) Chế độ thuỷ văn của Kênh tiêu Cầu Chi

Toàn bộ lưu vực kênh tiêu Cầu Chi có thể chia thành 2 phần chính:

+ Lưu vực thượng lưu (BS1: đến cầu Chi): Diện tích 3.235 ha.

+ Lưu vực hạ lưu (BS2): Diện tích 2.258 ha *(Dự án KCN Hòa Yên thuộc lưu vực hạ lưu).*

Hình 91. Lưu vực thoát nước của kênh tiêu Cầu Chi

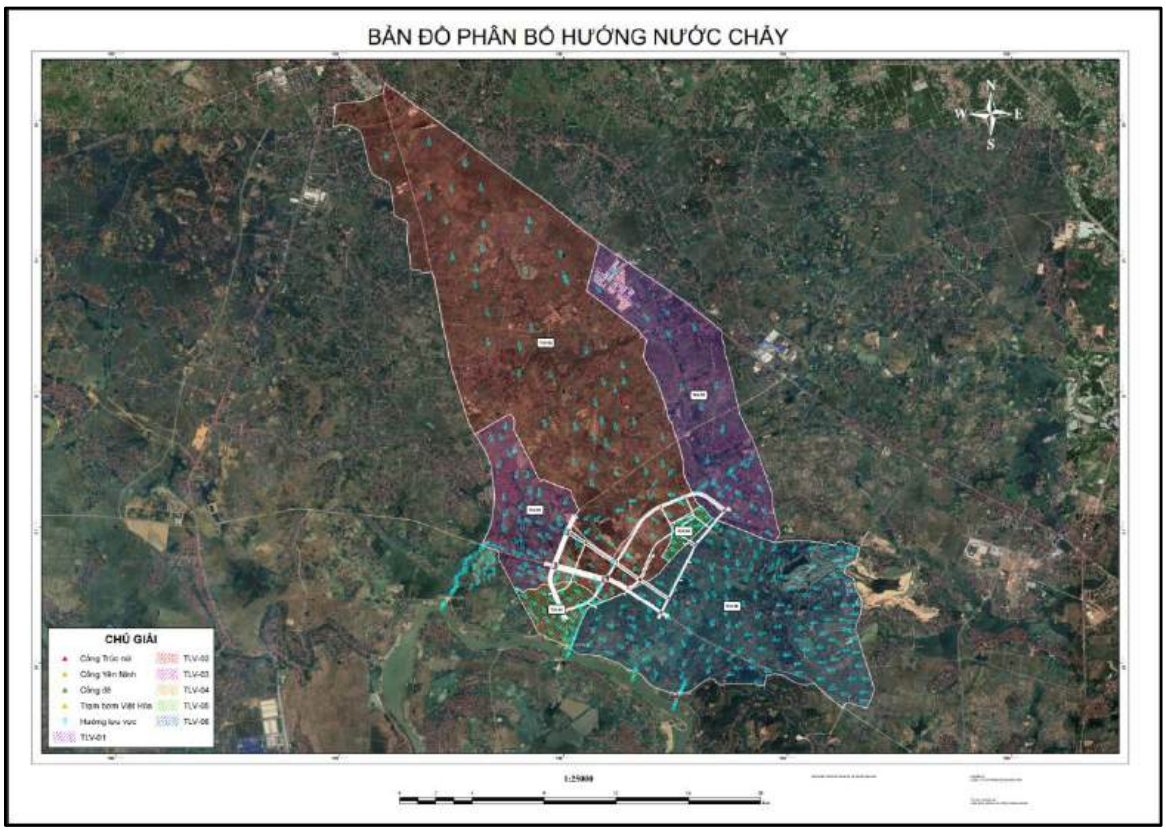


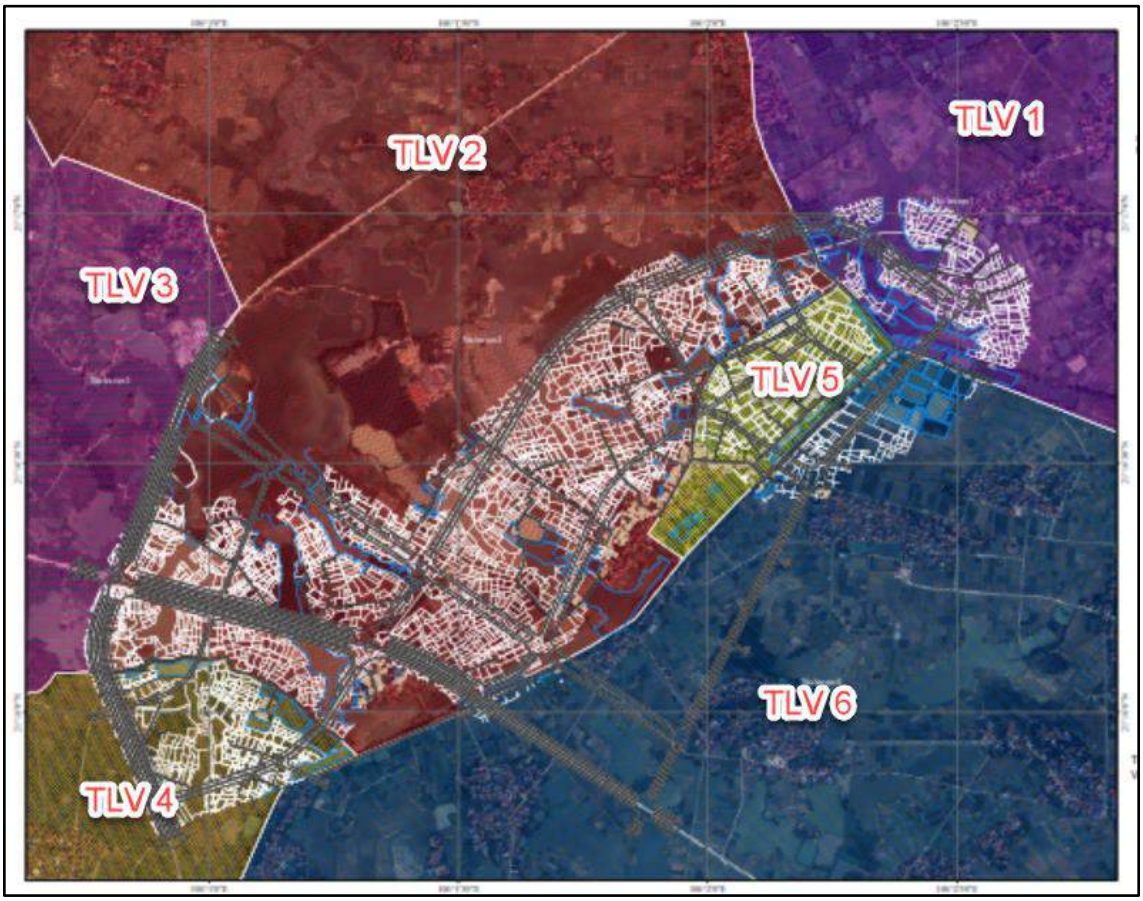
Trong mỗi khu vực, được chi tiết hóa nhỏ thành các tiểu lưu vực để đánh giá chi tiết hơn về đặc trưng lưu vực phục vụ tính toán thủy văn. Chi tiết như sau:

(i). Phân chia tiểu lưu vực quanh dự án

Từ số liệu điều tra thực tế, có thể chia thành 6 lưu vực chứa nước quanh khu vực dự án KCN Hòa Yên như sau:

Hình 92. Bản đồ phân bố hướng nước chảy

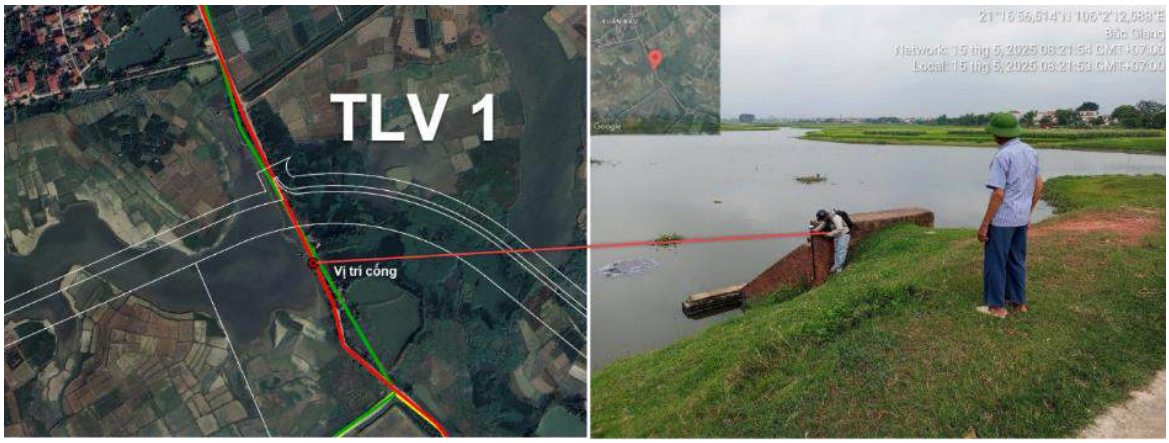




♣ *Tiểu lưu vực 1 (TLV1)*

Nằm ở vị trí phía Đông và Bắc – Đông Bắc của dự án, trong tiểu lưu vực này chứa 1 phần diện tích đất của dự án (khoảng 18 ha thuộc xã Hương Mai, thị xã Việt Yên cũ). Tổng diện tích lưu vực này khoảng 510 ha. Toàn bộ lượng nước mưa của tiểu lưu vực này sẽ được thu về cống hiện trạng qua tuyến đường đê phía Bắc, sau đó đổ về lưu vực chứa nước Ngòi Lữ, tiếp tục thoát về cống Yên Ninh.

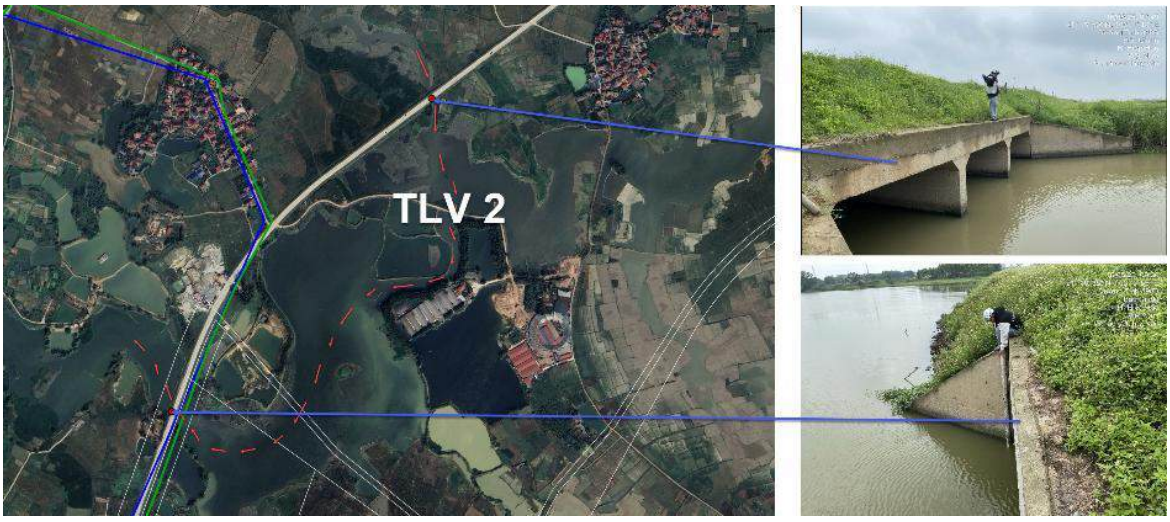
Hình 93. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 1



♣ *Tiểu lưu vực 2 (TLV2)*

Đây là tiểu lưu vực chính thoát nước về dự án. Nằm ở vị trí phía Tây – Tây Bắc của dự án, trong tiểu lưu vực này chứa phần diện tích đất của dự án (khoảng 180 ha thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa cũ). Tổng diện tích lưu vực này khoảng 2.300 ha. Toàn bộ lượng nước mưa của tiểu lưu vực này sẽ được thu về cống hiện trạng (Kích thước 3 khoang, mỗi khoang rộng 3m và cao 4m) qua tuyến đường ĐT.398B, sau đó đổ về lưu vực chứa nước Ngòi Lữ, tiếp tục thoát qua cống lớn trên đường ĐT.398B (Kích thước 3 khoang, mỗi khoang rộng 4m và cao 4m) sau đó về cống Yên Ninh.

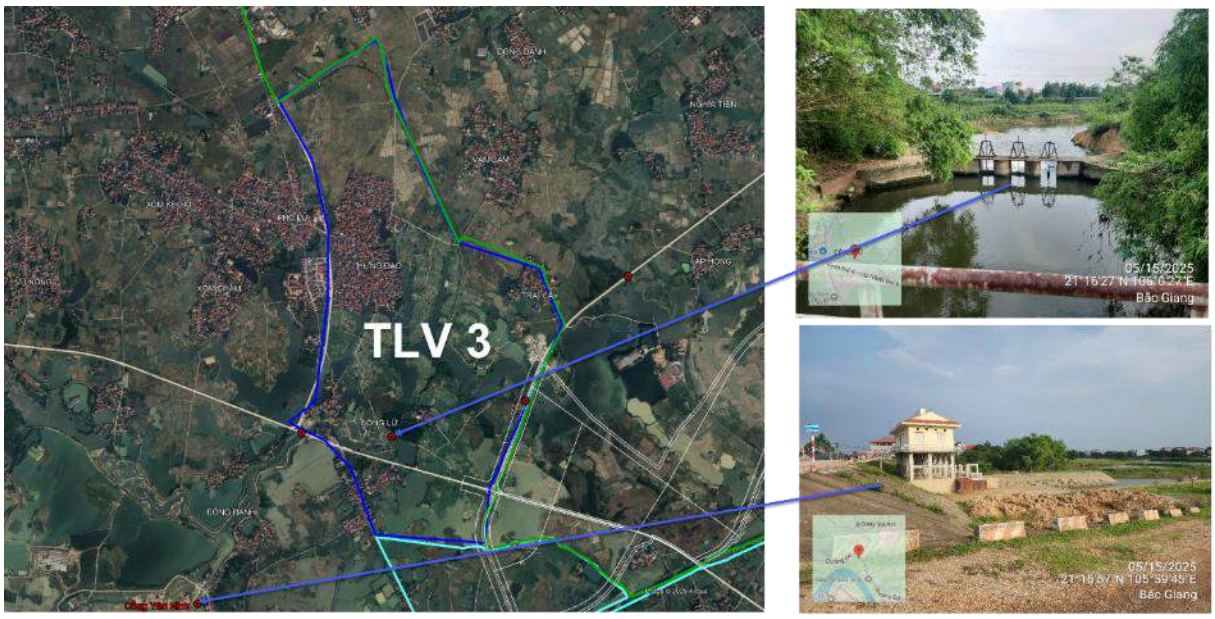
Hình 94. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 2



♣ *Tiểu lưu vực 3 (TLV3)*

Nằm ở vị trí phía Tây của dự án, tiểu lưu vực này là phần hạ lưu chứa nước từ dự án thóat ra, trước khi đổ về cống Yên Ninh. Tổng diện tích lưu vực này khoảng 290 ha. Toàn bộ lượng nước mưa của tiểu lưu vực này sẽ được thu về cống Yên Ninh. Trong lưu vực này không có chứa phần diện tích của dự án. Đồng thời theo số liệu điều tra thì lượng nước mưa của tiểu lưu vực này cũng không thoát về dự án mà chỉ đón nước mưa của dự án qua hệ thống cống dọc đường ĐT. 398B. Trong TLV 3 có 2 hệ thống cống ngăn và điều tiết nước đó là cống Lữ và cống ngang qua Vành Đai 4.

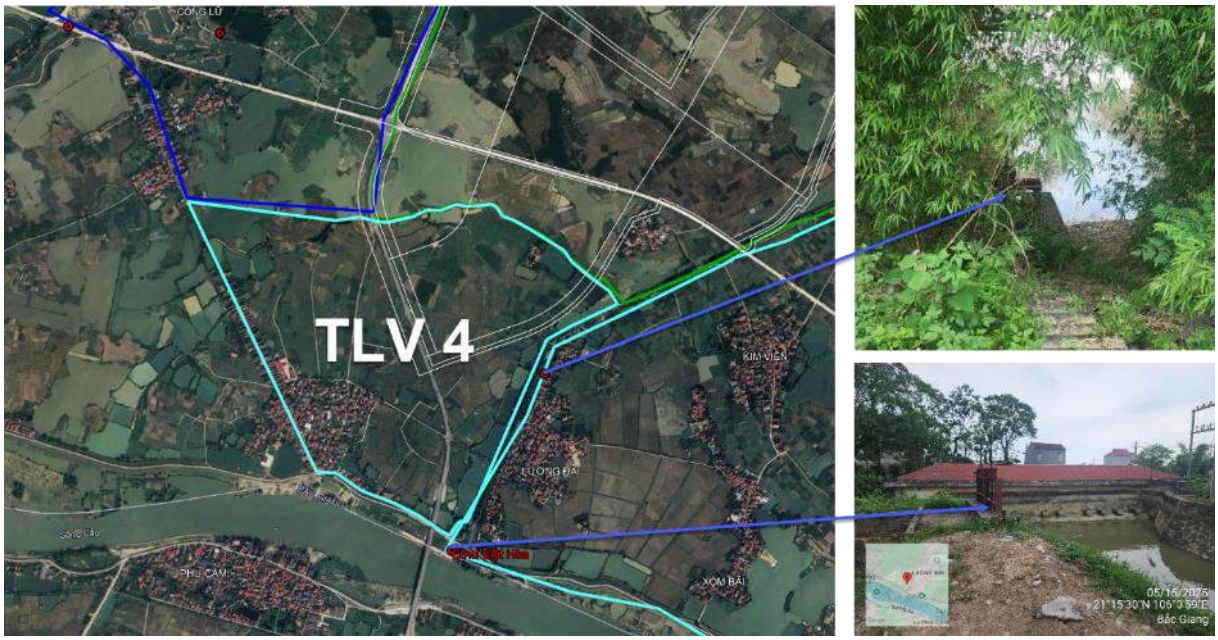
Hình 95. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 3



♣ *Tiểu lưu vực 4 (TLV4)*

Nằm ở vị trí phía Nam – Tây Tây Nam của dự án, trong tiểu lưu vực này chứa phần diện tích đất của dự án (khoảng 25 ha thuộc xã Tiên Sơn, thị xã Việt Yên cũ). Tổng diện tích lưu vực này khoảng 103 ha. Toàn bộ lượng nước mưa của tiểu lưu vực này sẽ được thu về cống đi ngầm dưới tuyến kênh tưới, sau đó đổ về kênh chứa nước của trạm bơm Việt Hòa và được bơm thoát ra sông Cầu.

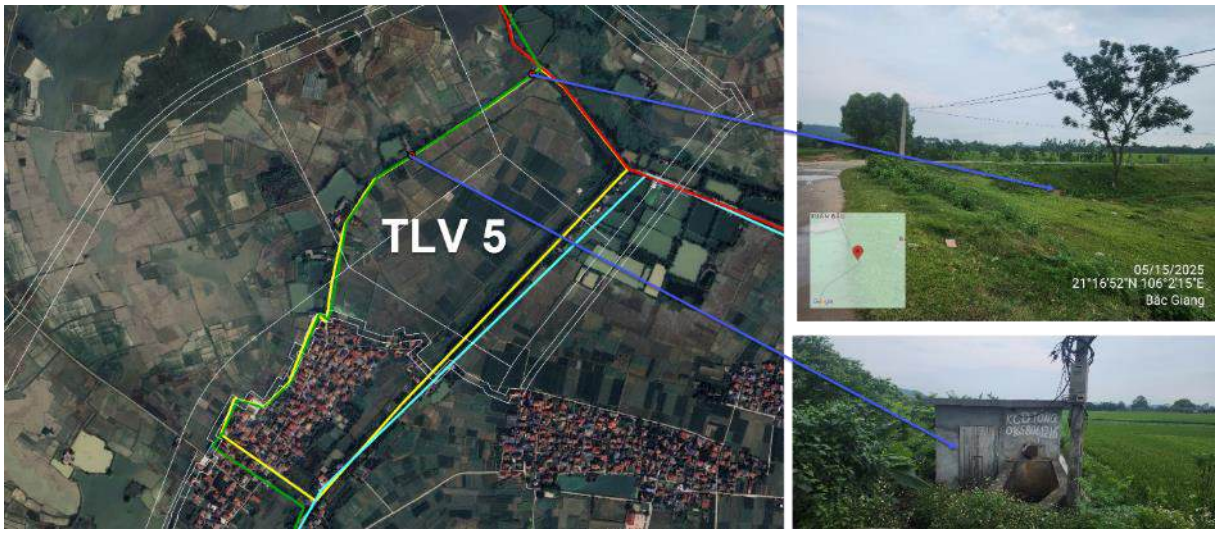
Hình 96. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 4



♣ *Tiểu lưu vực 5 (TLV5)*

Nằm ở vị trí phía Bắc của dự án. Tổng diện tích lưu vực này khoảng 28ha, trong đó phần diện tích đất của dự án (khoảng 25 ha thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa cũ), phần còn lại là khu dân cư Đồng Quan. Toàn bộ lượng nước mưa của tiểu lưu vực này sẽ được thu về cống đi ngầm dưới tuyến kênh đường hiện trạng, sau đó đổ về lưu vực chứa nước của ngòi Lữ trước khi thoát ra sông Cầu qua cống Yên Ninh. Hiện trạng trên tuyến đê trong tiểu lưu vực có 1 trạm bơm tăng cường tiêu thoát úng khi cống thoát không kịp.

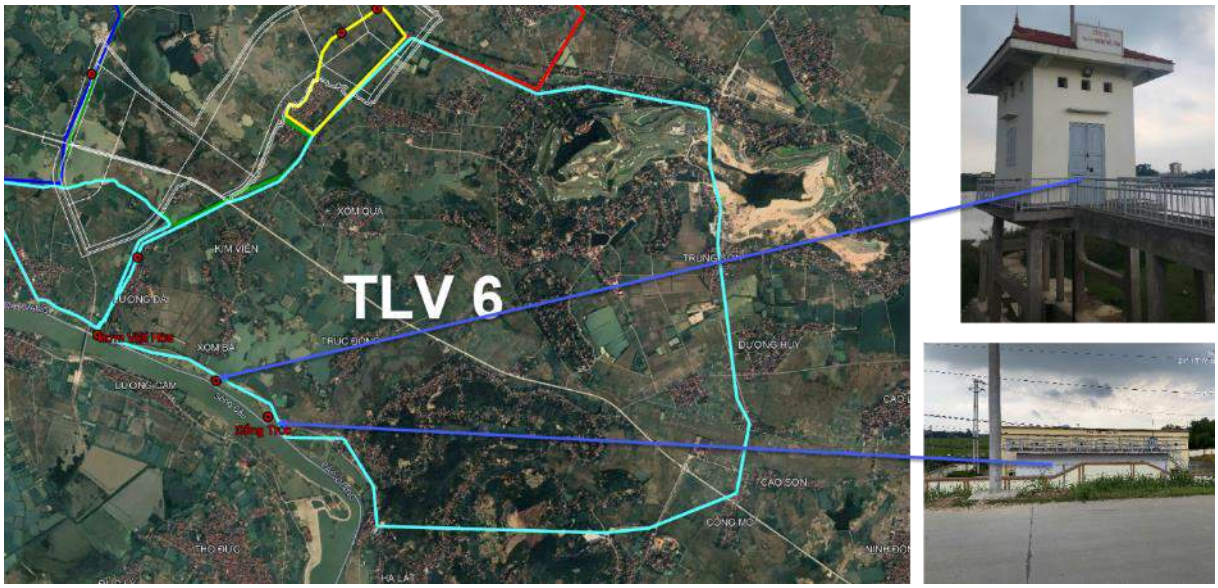
Hình 97. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 5



♣ *Tiểu lưu vực 6 (TLV6)*

Nằm ở vị trí phía Đông – Đông Nam của dự án, trong tiểu lưu vực này chứa phần diện tích đất nhỏ của dự án (khoảng 8 ha thuộc xã Trung Sơn, thị xã Việt Yên cũ). Tổng diện tích lưu vực này rất lớn khoảng 1.500 ha. Toàn bộ lượng nước mưa của tiểu lưu vực này sẽ được thu về phía hạ lưu gần sông Cầu sau đó thoát ra sông Cầu qua cống trên đê km 42+250, đê tả và trạm bơm Trúc Núi.

Hình 98. Vị trí cống thoát nước cho toàn TLV 6



(ii). Nguồn nước cấp và hướng tiêu thoát của dự án

- Nguồn nước cấp khu vực dự án chỉ từ 4 lưu vực: TLV 1, TLV 2, TLV 4 và TLV 5

- Hướng tiêu thoát của dự án qua 2 điểm:

+ Tiêu thoát qua cống Yên Ninh thuộc TLV 2

+ Tiêu thoát từ trạm bơm Việt Hòa thuộc TLV 4.

(ii). Chế độ thuỷ văn của Kênh tiêu Cầu Chi

Tuyến kênh chính ảnh hưởng trực tiếp đến dự án KCN Hòa Yên là Kênh tiêu Cầu Chi, hiện đang chạy dọc phía Tây của khu đất quy hoạch KCN *(dân cư địa phương còn gọi tên khác là "Ngòi Á Lữ")*. Kênh tiêu Cầu Chi bắt đầu từ khu vực thị trấn Thắng, là tuyến kênh thoát nước chính của khu vực, chảy theo hướng Tây Bắc → Đông Nam và cuối cùng thoát ra sông Cầu.

Đây là tuyến mương tiêu thoát nội đồng, không chảy qua hoặc có quy hoạch chạy qua các khu đô thị, khu dân cư nên không có quy định về phạm vi hành lang

bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 21 - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

- Mực nước của Kênh tiêu Cầu Chi theo thiết kế tiêu tại cống Yên Ninh (khu vực kênh tiêu Cầu Chi đổ ra sông Cầu) như sau:

+ H_{max} ($p_{10\%}$) = 3,00

+ H_{bq} 7 ngày = 2,57

- Theo UBND xã Hiệp Hoà và điều tra, khảo sát của Báo cáo ĐTM thì nước tại Kênh tiêu Cầu Chi hiện nay sử dụng cho mục đích tưới tiêu ruộng đồng và không có mục đích sử dụng khác.

Cống Yên Ninh xả nước từ kênh tiêu Cầu Chi ra sông Cầu được trình bày trong hình sau:

Hình 99. Cống Yên Ninh xả nước từ kênh tiêu Cầu Chi ra sông Cầu





b) Chế độ thuỷ văn của sông Cầu

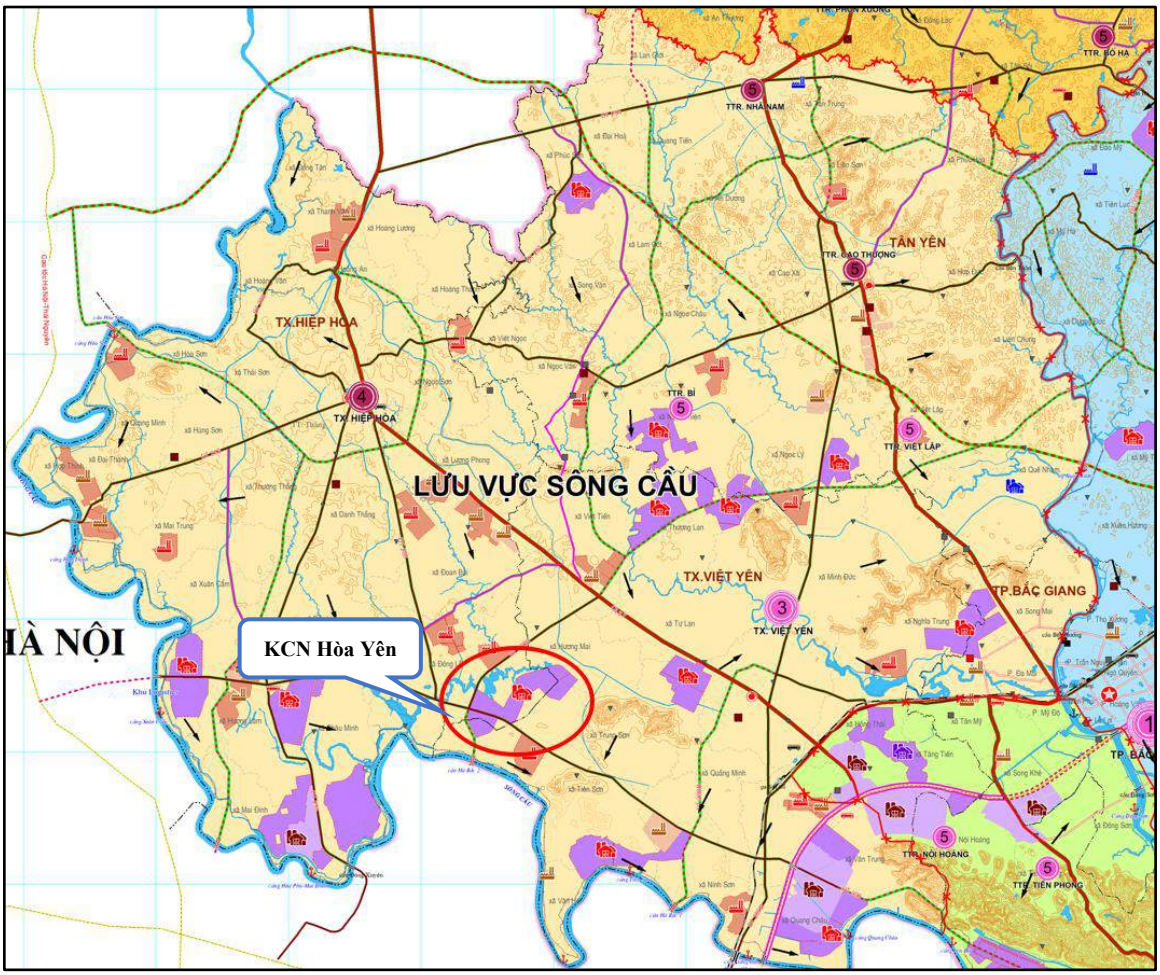
Nước thải từ KCN Hòa Yên sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm được xả ra Kênh tiêu Cầu Chi. Sau đó, nước thải chảy khoảng 4,5 km để thoát ra sông Cầu. Vì vậy, sông Cầu được xác nhận là nguồn tiếp nhận nước thải từ dự án và có đặc điểm chế độ thuỷ văn như sau:

1) Vị trí và mạng lưới sông Cầu

Khu vực dự án nằm trong lưu vực sông Cầu thuộc địa bàn huyện Hiệp Hòa và thị xã Việt Yên cũ mang tính chất sông vùng đồng bằng và trung du miền núi với độ dốc mặt nước lớn nên lũ lên nhanh. Bắt nguồn từ dãy núi cao khoảng 1.000m tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn cũ, sông chảy theo hướng Bắc – Nam, đến Thái Nguyên, chuyển sang hướng Tây Bắc - Đông Nam, nhập với sông Thái Bình tại Phả Lại. Sông Cầu còn có rất nhiều phụ lưu sông nhánh và suối nhỏ đã tạo nên mạng lưới sông suối dày đặc. Sông không chỉ là nơi nhận nước tiêu mà còn là nguồn cung cấp nước tưới, nước sinh hoạt... quan trọng của các tỉnh trong vùng lưu vực sông Cầu như: Thái Nguyên, Bắc Ninh.

Vị trí của KCN Hòa Yên trong lưu vực sông Cầu được mô tả trong hình sau:

Hình 100. Vị trí của KCN Hòa Yên trong lưu vực sông Cầu



2) Chất lượng nước mặt sông Cầu

Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020 *(kèm theo Quyết định số 618/Đ-UBND ngày 16/07/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang cũ)*, chất lượng nước mặt sông Cầu tại vị trí có diễn biến như sau:

♣ *Giá trị BOD_5*

Trong giai đoạn 2016 - 2020, giá trị BOD_5 có xu hướng giảm qua các năm:

+ Năm 2016: Mức ô nhiễm từ 2,05 ÷ 7,64 lần cao nhất tại vị trí đoạn sông Cầu chảy qua xã Đồng Việt (YD-NM06);

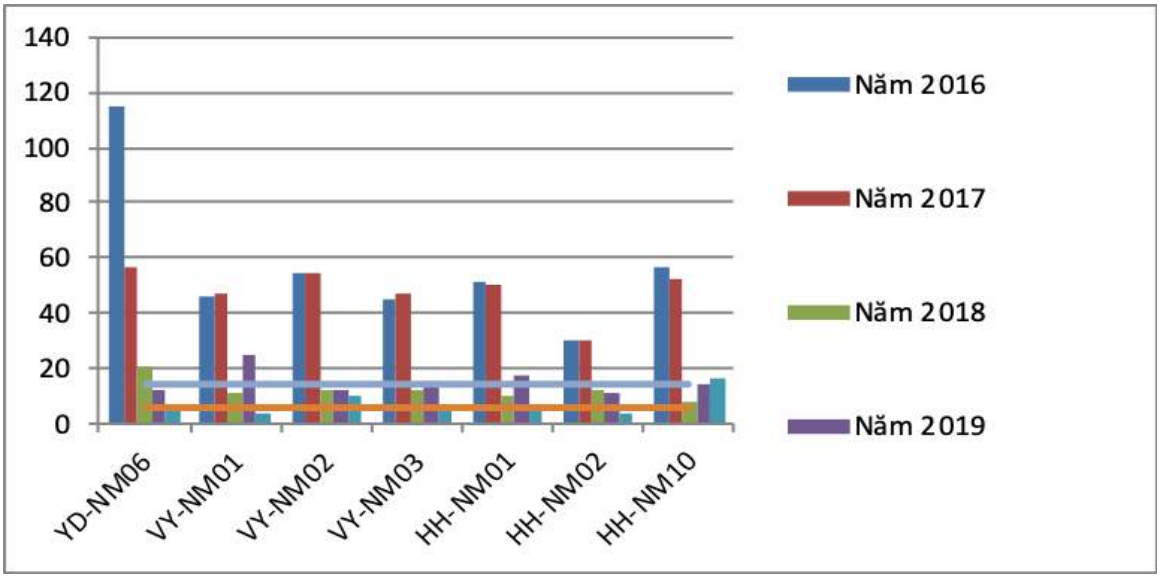
+ Năm 2017: Mức ô nhiễm từ 2,05 ÷ 3,77 lần;

+ Năm 2018: Mức ô nhiễm từ 0,53 ÷ 1,4 lần;

+ Năm 2019: Mức độ ô nhiễm dao động từ 0 ÷ 1,69 lần;

+ Năm 2020: Hầu hết tại các vị trí đều đạt QCVN 08-MT:2015/ BTNMT, cột B1.

Hình 101. Diễn biến giá trị BOD_5 (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020



♣ *Giá trị COD*

Trong giai đoạn 2016 - 2020, giá trị COD có xu hướng giảm qua các năm:

+ Năm 2016: Mức ô nhiễm từ 2,01 ÷ 7,42 lần cao nhất tại vị trí đoạn sông Cầu chảy qua xã Đồng Việt (YD-NM06);

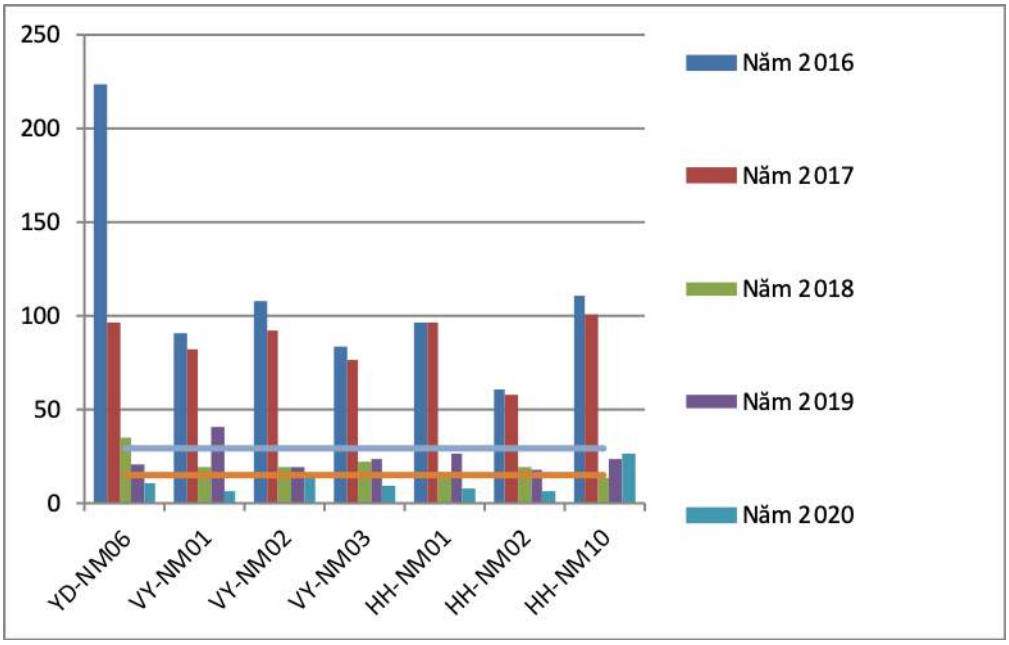
+ Năm 2017: Mức ô nhiễm từ 1,92 ÷ 3,1 lần;

+ Năm 2018: Mức ô nhiễm từ 0,1 ÷ 1,15 lần;

+ Năm 2019: Mức độ ô nhiễm dao động từ 0,1 ÷ 1,34 lần;

+ Năm 2020: Hầu hết tại các vị trí đều đạt QCVN 08-MT:2015/ BTNMT, cột B1.

Hình 102. Diễn biến giá trị COD (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020



♣ *Hàm lượng TSS*

Trong giai đoạn 2016 - 2020, hàm lượng TSS những biến động qua các năm.

+ Năm 2016: Mức ô nhiễm từ 0,88 ÷ 1,63 lần;

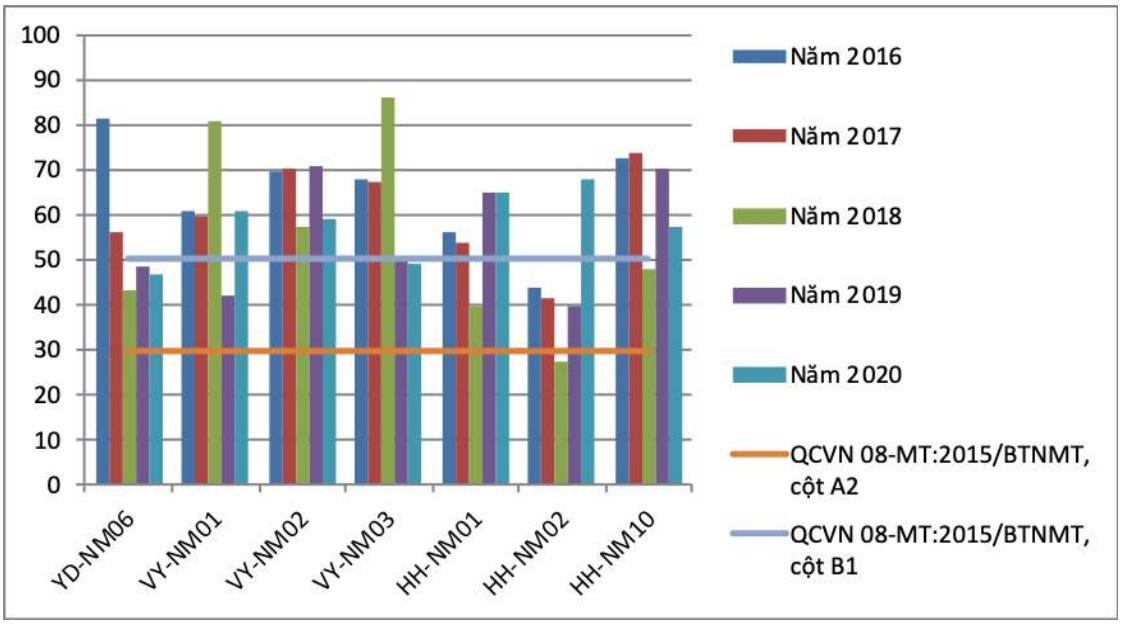
+ Năm 2017: Mức ô nhiễm từ 0,83 ÷ 1,5 lần;

+ Năm 2018: Mức ô nhiễm từ 0,1 ÷ 1,72 lần;

+ Năm 2019: Mức độ ô nhiễm dao động từ 0,1 ÷ 1,4 lần;

+ Năm 2020: Mức độ ô nhiễm dao động từ 0,1 ÷ 1,36 lần so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1.

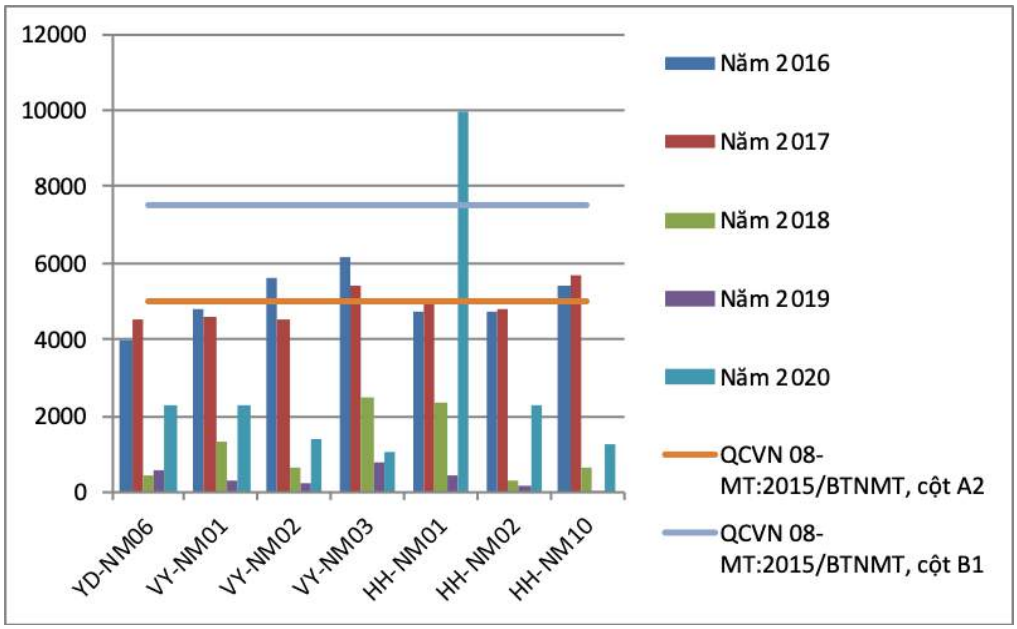
Hình 103. Diễn biến hàm lượng TSS (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020



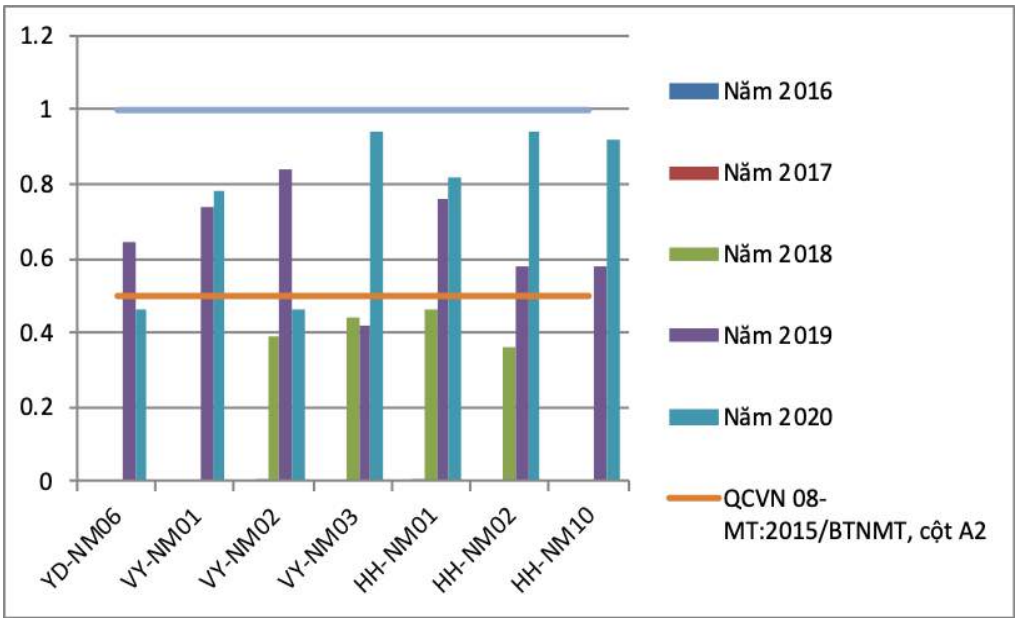
♣ *Hàm lượng Coliform và dầu mỡ*

Trong giai đoạn 2016-2020, hầu hết tại các vị trí quan trắc, hàm lượng Coliform và dầu mỡ đều trong giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1. Tuy nhiên đến năm 2020, các hàm lượng ô nhiễm đang có dấu hiệu tăng.

Hình 104. Diễn biến hàm lượng Coliform (MPN/100ml) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020



Hình 105. Diễn biến hàm lượng dầu mỡ (mg/l) trên sông Cầu giai đoạn 2016 - 2020



→***Nhận xét chung***: Chất lượng nước mặt trên sông Cầu trong giai đoạn 2016 - 2020 có cải thiện tốt hơn so với giai đoạn 2010 - 2015. Nước sông Cầu chưa bị ô nhiễm hàm lượng kim loại nặng; nồng độ ô nhiễm các chất hữu cơ BOD_5, COD… ở nhiều vị trí giảm đáng kể, đạt QCVN QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1. Tuy nhiên, sông Cầu vẫn còn ô nhiễm ở một số chỉ tiêu: Hàm lượng TSS còn cao và vượt quá QCVN; hàm lượng dầu mỡ, Coliform đã có dấu hiệu gia tăng.

Nguyên nhân là do chịu ảnh hưởng từ một số nguồn thải lớn như: Nước thải từ khu công nghiệp Quang Châu, nước thải làng nghề nấu rượu và các hộ chăn nuôi phường Vân Hà, nước thải từ làng có nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm. Đồng thời các chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân chưa được xử lý đảm bảo xả thải ra sông Cầu; hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông... cũng là những nguyên nhân chính gây ô nhiễm nước.

3) Mực nước sông Cầu

Theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *"Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình"* thì tần suất chống lũ yêu cầu đối với sông Cầu là 2%.

Theo Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018; Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 05/07/2023) cho thấy:

- Mực nước lũ lớn nhất:

+ Tại Đáp Cầu, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Theo số liệu điều tra, ngày 22/08/1971, mực nước đạt tới 809 cm và lưu lượng lũ lớn nhất theo tính toán là 1.780 m^3/s.

+ Tại Thác Bưởi, tỉnh Thái Nguyên: Lưu lượng lũ lớn nhất đã quan trắc được là 3.490 m^3/s năm 1968. Hệ số dòng chảy lũ lớn nhất từ 0,5÷0,6. Lượng nước mùa lũ tại Thác Bưởi trung bình nhiều năm là 1.150.109 m^3/năm (tháng 6 - 9) chiếm 68,1% tổng lượng nước cả năm. Riêng tháng 7 và tháng 8 có tổng lượng lũ là 0,646.109 m^3 chiếm 58% lượng nước trong mùa lũ.

- Mực nước kiệt nhất: Quan trắc được tại Thác Bưởi, tỉnh Thái Nguyên trong ngày 16/03/1962 chỉ còn ở mức 5cm, ứng với lưu lượng kiệt nhất đo được là 34 m^3/s.

- Các cấp báo động mực nước sông Cầu:

Bảng 66. Các cấp báo động mực nước sông Cầu

TT	Cấp báo động	Đáp Cầu, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Cống Yên Ninh (Khu vực Ngòi Á Lữ chảy ra sông Cầu)
1	Báo động cấp I	4,3 m	6,25 m
2	Báo động cấp II	5,3 m	7,25 m
3	Báo động cấp III	6,3 m	8,25 m

2.1.3. Tóm tắt các điều kiện về KT-XH phục vụ đánh giá tác động môi trường của dự án

Dự án KCN Hòa Yên được triển khai trên địa bàn các đơn vị hành chính cũ gồm: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Theo Nghị quyết số 1658- NQ/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc *"Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025"*, cụ thể:

+ Thị trấn Thắng và các **xã Đông Lỗ**, Đoan Bái, Danh Thắng, Lương Phong thành xã mới có tên gọi là xã Hiệp Hòa.

+ Phường Ninh Sơn, phường Quảng Minh và các **xã Tiên Sơn, Trung Sơn**, Vân Hà thành phường mới có tên gọi là phường Vân Hà.

+ Phường Tự Lạn và các xã Việt Tiến, Thượng Lan, **Hương Mai** thành phường mới có tên gọi là phường Tự Lạn.

→ Như vậy, hiện tại Dự án KCN Hòa Yên hiện nằm trên địa bàn hành chính 3 xã/phường mới là: (1) Xã Hiệp Hòa, (2) Phường Vân Hà và (3) Phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh.

Tuy nhiên, do các phường đều mới được thành lập, chưa có số liệu thống kê, báo cáo về tình hình phát triển KT-XH nên trong phạm vi Báo cáo ĐTM này vẫn sử dụng các số liệu về điều kiện KT-XH theo 4 đơn vị hành chính cũ, gồm: (1) Xã Đông Lỗ, (2) Xã Hương Mai, (3) Xã Tiên Sơn và (4) Xã Trung Sơn.

2.1.3.1. Điều kiện KT-XH xã Đông Lỗ cũ

- *Về nông nghiệp:* Nông nghiệp là ngành chủ lực của Đông Lỗ — diện tích đất nông nghiệp lớn, sản xuất lúa, rau màu và cây ăn quả nhỏ lẻ; nông dân đã áp dụng mô hình chuyên canh, liên kết hợp tác xã ở một số nơi. Xã có hồ sơ vay vốn/quỹ hỗ trợ nông dân cho các mô hình sản xuất (vốn cho nuôi trồng, áp dụng kỹ thuật mới).

- *Về tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn:* Là xã thuần nông nhưng đang có chiều hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ hậu cần cho sản xuất nông nghiệp (chế biến nông sản, vật tư nông nghiệp, dịch vụ vận chuyển).

- *Giáo dục và y tế:* Chỉ đạo các trường thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy năm học 2023-2024. Thực hiện tốt 12 chương trình quốc gia về y tế, các chương trình tiêm chủng mở rộng triển khai đúng kế hoạch. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên. Công tác y tế tiếp tục giữ vững chuẩn quốc gia.

- *Công tác vệ sinh môi trường:* Các thôn duy trì tốt các tổ thu gom rác thải tuần 2 buổi. Việc xử lý và thu gom rác thải được đưa đến bãi đổ rác theo quy định. Định kỳ theo kế hoạch công ty môi trường của huyện đã về các bãi rác của các thôn tiến hành phun hóa chất xử lý rác nên công tác VSMT từng bước hạn chế giảm được ô nhiễm môi trường.

- *Công tác quốc phòng:* Năm 2024, công tác tuyển quân thực hiện đúng luật, trong năm đã có 8 thanh niên nhập ngũ đảm bảo 100% kế hoạch huyện giao, duy trì chế độ trực, thường xuyên tập luyện nhằm đảm bảo tốt cho phương án phòng chống bão úng. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng DQTV theo kế hoạch.

- *Công tác an ninh:* Ban công an xã làm tốt công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch phương án bảo vệ trước, trong và sau Tết nguyên đán nhâm dần, bảo vệ lễ hội truyền thống các thôn. Thường xuyên tuần tra, kiểm soát giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn xã nên tình hình an ninh trật tự cơ bản được giữ vững. Ban công an xã thường xuyên tuần tra, kiểm soát giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn xã.

2.1.3.2. Điều kiện KT-XH xã Hương Mai cũ

- *Về tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ngành nghề nông thôn:* Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp dịch vụ ngành nghề nông thôn, quan tâm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân phát triển mở rộng các loại hình sản xuất, kinh doanh gắn với việc xây dựng quy hoạch phát triển các khu thương mại, dịch vụ và dân cư dịch vụ, đáp ứng nhu cầu phát triển cho các hộ sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn, toàn xã hiện có 248 hộ buôn bán kinh doanh dịch vụ, 21 công ty TNHH. Hiện nay trên địa bàn xã có 6.818 lao động

thường xuyên có việc làm, trong đó có 4.978 lạo động làm việc phi nông nghiệp, 1.840 lao động làm việc nông nghiệp. Tổng thu nhập từ tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn tiền công, tiền lương của lao động trong các doanh nghiệp đạt 530,5 tỷ đồng đạt 100,7% kế hoạch.

- *Về nông nghiệp:* Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, đổi mới cơ cấu giống và mùa vụ, tăng cường đầu tư thâm canh phát triển các mô hình sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng là 1.287 ha, tăng 35 ha so với cùng kỳ đạt 102% kế hoạch: Trong đó cây lúa được 970 ha, đạt 100% so với kế hoạch, năng suất lúa bình quân đạt 61,5tạ/ha; các cây rau màu là 315 ha đạt 102% kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 5429 tấn, giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất nông nghiệp đạt 129 triệu/ha/năm đạt 93,4% kế hoạch.

- *Về lâm nghiệp:* Diện tích đất lâm nghiệp của xã giảm còn 6,1 ha. Công tác phòng chống cháy rừng được UBND xã quan tâm, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả năm không có cháy rừng sảy ra. Giá trị thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp đạt 78,1 tỷ đồng đạt 100,1% kế hoạch.

- *Về chăn nuôi:* Thường xuyên kiểm tra giám, sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, làm tốt công tác tuyên truyền hướng dẫn cho nhân dân vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng.

- *Về thủy sản:* Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 87 ha. Các hộ đã tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản lượng cá thịt và cá sinh sản được duy trì và phát triển tốt. Giá trị thu nhập từ chăn nuôi, thủy sản ước đạt 65,40 tỷ đồng, đạt 100 % kế hoạch.

- *Về dân số:* Tổng số trẻ sinh ra năm 2024 là 169 trẻ, tăng 01 trẻ so với cùng kỳ năm 2023, trong đó số trẻ nam 87 trẻ, trẻ nữ 82 trẻ. Mức giảm sinh là: - 0,12%o, đạt 150% so với kế hoạch năm. Tỷ xuất tăng dân số tự nhiên là: 10,29 %o, giảm 0,23 %o so với cùng kỳ, vượt kế hoạch năm. Tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng là 106 nam/100 nữ; Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên là 11,83%, giảm 6% so với cùng kỳ. Số cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 73%, vượt kế hoạch năm.

- *Về giáo dục:* Công tác giáo dục - đào tạo tiếp tục được quan tâm, đổi mới mạnh mẽ việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trung học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiểu học và PCGD tiểu học, THCS đạt theo kế hoạch. Đến nay cả 03 nhà trường đều giữ vững trường chuẩn Quốc gia. Đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất trường, lớp học; sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho năm học mới. Thực hiện các bước quy hoạch xây dựng mới Trường Mầm non Hương Mai.

- *Về An ninh - Quân sự:* Có nhiều chuyển biến tích cực, mâu thuẫn nội bộ mất đoàn kết không xảy ra, không có đối tượng đơn thư, khiếu kiện vượt cấp,

không có tụ điểm phức tạp về hình sự, không có điểm nóng về an ninh.

2.1.3.3. Điều kiện KT-XH xã Tiên Sơn cũ

- *Về sản xuất nông nghiệp:* Tổng diện tích gieo cấy lúa (2 vụ) 900,24 ha. Năng suất bình quân 2 vụ đạt: 46,02 tạ/ha. Sản lượng thóc đạt 4.142 tấn; giảm 1.056 tấn so với cùng kỳ . Sản lượng giảm do ảnh hưởng cơn bão yagi số 3. Diện tích cây mầu, cây công nghiệp các loại: 273,1/273,1 ha, đạt 100% kế hoạch năm. Giá trị ước đạt khoảng 35 tỷ đồng.

- *Về chăn nuôi:* Trong năm, không có dịch bệnh lớn xảy ra; chủ động tuyên truyền nhân dân thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng dịch; Thường xuyên tiêm phòng cho đàn vật nuôi. Quan tâm các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong dự án trồng chọt, chăn nuôi.

- *Về nuôi trồng thủy sản:* Diện tích nuôi trồng thuỷ sản là 120,25 ha, năng suất ước đạt 5,6 tấn/ha, sản lượng ước đạt 673,4 tấn, giá trị là 17 tỷ đồng. Tổng thu nhập từ nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản ước đạt 139 tỷ đồng đạt 100%.

- *Về tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và ngành nghề nông thôn:* Các ngành nghề thương mại dịch vụ trên địa bàn xã tiếp tục được duy trì, phát triển, các mặt hàng, ngành nghề phong phú hơn, giải quyết được nhiều lao động tại chỗ và tăng thu nhập cho gia đình . Thu nhập từ ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và thương mại- dịch vụ ước đạt 640 tỉ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.

- *Về công tác xây dựng nông thôn mới:* UBND xã kiện toàn ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Đăng ký và hướng dẫn 02 thôn Phù Tài, Hạ Lát hoàn thiện các tiêu chí, hồ sơ thôn NTM kiểu mẫu năm 2024: hiện nay 2/2 thôn đã đạt và có Quyết định UBND thị xã về nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Về giáo dục và đào tạo:* Ngay từ đầu năm học UBND xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức rà soát cơ sở vật chất, trường lớp, chủ động đầu tư, cải tạo các điểm trường; chất lượng giáo dục ở các bậc học đều được quan tâm; chất lượng giáo viên, học sinh ngày càng càng được nâng cao.

- *Về Y tế:* Đảm bảo tốt việc trực khám chữa bệnh cho nhân dân, duy trì tốt chế độ tiêm chủng cho trẻ em theo định kỳ vào ngày 20, 21 hàng tháng. Trong năm, Trạm y tế đã khám 1.385/1900 lượt người đạt 73%, khám Đông y là: 540 lượt người, tiêm chủng cho trẻ em là 60 trường hợp. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không có cơ sở vi phạm các quy định ATTP đến mức phải xử lý. Thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế đảm bảo theo quy định của cơ quan chuyên môn cấp trên. Năm 2024, Trạm y tế giữ vững chuẩn quốc gia về y tế.

- *Về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và trẻ em:* Trong năm, tổng số sinh là 170 trẻ, trong đó sinh con thứ 3 là 15 trẻ, Tỷ suất sinh thô là 11,82‰; Số chết:

66 người, tỷ suất chết 3.94%o. Tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh là 114 nam/100 nữ, mức giảm sinh đạt -0,22%o; tỷ suất tăng dân số tự nhiên đạt ở mức 7,88%o. Qua điều tra, thống kê tại thời điểm, dân số trên địa bàn xã có 3.463 hộ, 13.715 nhân khẩu.

2.1.3.4. Điều kiện KT-XH xã Trung Sơn cũ

- Về sản xuất nông nghiệp: Trong năm 2024, UBND xã đã tập trung chỉ đạo nhân dân chuẩn bị tốt các điều kiện cho sản xuất như: giống, nước, vật tư, phân bón, chuyển giao KHKT, thăm quan các mô hình sản xuất đạt hiệu quả, phối hợp công ty phân bón tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu sản phẩm ... Tổng diện tích gieo trồng được 1,444,5 ha tăng 8,5 ha so năm 2023. Trong đó diện tích lúa: 1,028 ha tăng 0,2 ha so năm 2023, đạt 104% kế hoạch; năng suất bình quân đạt 50,7 tạ/ ha, giảm 9,1 tạ/ha so năm 2023; tổng sản lượng thóc đạt 5.211 tấn giảm 924 tấn so với năm 2023. Diện tích cây rau, màu các loại 416,5 ha1, đạt 108% KH, tăng 6,5 ha so với năm 2023.

- *Về chăn nuôi:* Trong năm tập trung chỉ đạo nhân dân chăm sóc phòng trừ dịch bệnh và chăm sóc cho đàn gia súc gia cầm; chỉ đạo nhân dân tái đàn để phát triển chăn nuôi; trên địa bàn xã cơ bản không có dịch bệnh lớn xảy ra. Trong năm đã tổ chức tiêu độc, khử trùng 03 đợt ở 12/12 thôn trong toàn xã với tổng số 51 lít hoá chất và trên 2.000 kg vôi bột; làm tốt công tác tiêm phòng các loại Vacxin cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch với tổng số được 11.800 liều2. Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn xã là 58.344 con (trong đó: đàn trâu bò là 1.600 con; đàn Lợn 1.500 con; gia cầm: 55.244 con), giảm 14,161 con so năm 2023.

- *Về nuôi trồng thủy sản:* Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2024 là 42,8 ha. Tổng giá trị thu nhập từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ước đạt 25 tỷ đồng

- *Về giáo dục đào tạo:* Toàn xã hiện có 3 trường (trường THCS, 01 trường mầm non và 01 trường Tiểu học), với tổng số 2469 học sinh; tổng số cán bộ giáo viên giáo viên của 3 nhà trường là 131 đồng chí. Trong năm trường Mầm non được đoàn kiểm tra công nhận lại chuẩn của trường Mầm non, thông qua kiểm tra đã đủ điều kiện công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, trường Tiểu học giữ đạt chuẩn mức độ I, trường THCS giữ đạt chuẩn mức độ II, đạt kế hoạch đề ra.

- *Về y tế:* Chỉ đạo trạm y tế xã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và y tế dự phòng. Trong năm 2024 trạm y tế xã đã khám chữa bệnh cho 1524 lượt người trong đó 1524 lượt người có thẻ BHYT; 100% trẻ em dưới 6 tuổi và phụ nữ có thai được tiêm đầy đủ các loại Vacxin theo quy định.

- *Về dân số:* Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chú trọng với nhiều hình thức như tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, tổ chức hội nghị, sinh hoạt các câu lạc bộ…. Kết quả trong năm 2024 đã tuyên truyền được 15 buổi trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn; ngoài ra còn tổ chức 02 hội

nghị lồng ghép tuyên truyền với tổng số 98 đại biểu tham dự.

2.1.3.5. Đánh giá chung về tình hình KT-XH với việc thực hiện công trình

Với đặc điểm tình hình KT-XH của xã Đông Lỗ thuộc huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai thuộc thị xã Việt Yên nêu trên cho thấy đời sống KT-XH của xã còn gặp nhiều khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và làm nghề tự do. Số lượng các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đóng trên địa bàn xã có ít, hoạt động mang tính chất nhỏ, hiệu quả đóng góp vào ngân sách nhà nước và cho xã hội chưa cao.

Vì vậy, việc triển khai dự án KCN Hòa Yên sẽ góp phần vào việc phát triển KT-XH của địa phương, tạo cho chính quyền địa phương các nguồn thu đáng kể và tạo công ăn việc làm, giao thương cho nhân dân địa phương.

2.1.4. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

2.1.4.1. Các đối tượng bị tác động

Trên cơ sở quy mô các công trình xây dựng và các hoạt động của dự án KCN Hòa Yên được mô tả tại Chương I và các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội được mô tả như trên, nhận dạng các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 67. Nhận dạng các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án

TT	Các yếu tố	Các đối tượng bị tác động	Mô tả
1	Các yếu tố kinh tế - xã hội	Dân cư tại xã Đông Lỗ, xã Hương Mai, xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn	1) Các khu dân cư lân cận với KCN: - Phía Đông: thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, phường Vân Hà có khoảng cách gần nhất 50m đến dự án. - Phía Nam: thôn Lương Tài, phường Vân Hà có khoảng cách gần nhất 50m đến dự án và thôn Lương Viên, phường Vân Hà có khoảng cách gần nhất 80m đến dự án. 2) Thu hồi đất: 3.813 hộ, khoảng 15.252 nhân khẩu, trong đó: - Giai đoạn I: 379 hộ, khoảng 1.516 nhân khẩu - Giai đoạn I: 3.434 hộ, khoảng 13.736 nhân khẩu

2		Hệ thống kênh mương nội đồng bị xóa bỏ trong phạm vi 256,68 ha	Đã mô tả tại Chương I; hệ thống kênh mương này bị xóa bỏ do thực hiện dự án.
3		Hệ thống kênh mương có liên quan đến dự án	1) Kênh tưới tiêu Phù Tài 2) Kênh tưới tiêu Việt Hòa 3) Kênh tiêu Cầu Chi
4			
5		Hệ thống đường điện trong phạm vi dự án	Các tuyến đường điện: Điện 500kV, Điện 220kV, Điện 110kV, Điện 22kV, Điện sinh hoạt, … sẽ được di dời hoặc nâng cao hoặc hạ ngầm phù hợp.
6		Hệ thống đường giao thông	ĐT.398, ĐT.398B và các tuyến đường hiện hữu xung quanh sẽ bị ảnh hưởng do tăng mật độ lưu thông
7		Khu vực nghĩa trang, nghĩa địa	Dự án chiếm dụng khoảng 337,8 m^2 đất bãi thải, xử lý chất thải. Theo kiểm đếm sơ bộ có khoảng 800 ngôi mộ nằm trong phạm vi dự án. Các ngôi mộ phần này sẽ được định hướng di dời tới các khu nghĩa trang của khu vực (Nghĩa trang Đồng Ú, thôn Đông Lỗ, Nghĩa trang Gò Mãng, thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hòa)
8	Các yếu tố tự nhiên	Tài nguyên đất	Chuyển đổi 256,68 ha đất nông nghiệp, ao hồ, thủy lợi sang đất công nghiệp, giao thông; tác động đến khả năng ngầm, giữ nước mặt, nước ngầm.
9		Nước mặt kênh tiêu Cầu Chi	Tiếp nhận nước mưa (chuyển đổi từ hệ số nông nghiệp sang công nghiệp) ; 10.500 m^3/ng.đêm nước thải công nghiệp sau khi xử lý từ KCN.

2.1.4.2. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định khoản điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"* có liên quan đến dự án KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 68. Các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

TT	Các yếu tố nhạy cảm	Đánh giá tại khu vực triển khai dự án
1	Loại hình sản xuất, kinh	Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh

TT	Các yếu tố nhạy cảm	Đánh giá tại khu vực triển khai dự án
	doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025
2	Nguồn nước cấp cho mục đích cấp nước sinh hoạt	- Nước mưa, nước thải từ KCN được xả ra Kênh tiêu Cầu Chi → Sông Cầu qua cống Yên Ninh. Tổng chiều dài sông 290 km, đoạn chảy qua tỉnh Bắc Giang cũ dài 110km, với diện tích lưu vực khoảng 6.000 km^2. Sông Cầu không chỉ là nơi nhận nước tiêu mà còn là nguồn cung cấp nước tưới, nước sinh hoạt... quan trọng của các tỉnh trong vùng lưu vực sông Cầu như: Thái Nguyên, Bắc Ninh nên sông Cầu được coi là vùng nhậy cảm môi trường. Mặc dù nước mưa, nước thải từ dự án không xả trực tiếp vào sông Cầu song khoảng cách xả thải không lớn nên các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn trên bề mặt, thu gom và xử lý nước thải từ KCN là rất quan trọng và được ưu tiên số 1 khi thực hiện dự án.
3	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.
4	Di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.
5	Đất trồng lúa nước 2 vụ/năm trở lên	Trong phạm vi thực hiện dự án có 880.460,2 m^2 đất chuyên trồng lúa nước
6	Vùng đất ngập nước quan trọng	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.
7	Yêu cầu di dời dân cư, tái định cư	Thực hiện dự án sẽ thu hồi đất và tiến hành di dời 25 hộ dân.

2.2. HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

2.2.1.1. Các dữ liệu về hiện trạng môi trường khu vực dự án

Tại khu vực thực hiện dự án KCN Hòa Yên chưa có các dữ liệu về môi trường có thể tham khảo, sử dụng được. Các điểm quan trắc môi trường trong mạng lưới các điểm quan trắc môi trường đều nằm cách khá xa dự án và không có mối liên hệ trực tiếp.

2.2.1.2. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

a) Tổ chức thực hiện

(i). Đơn vị lấy mẫu, phân tích chất lượng môi trường tự nhiên

Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T (Đơn vị tư vấn chính lập báo cáo ĐTM) đã phối hợp với Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ môi trường Xanh (VIMCERTS 276) để lấy mẫu, phân tích chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án. Đơn vị này đã được Bộ TNMT cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 55/GCN-BTNMT ngày 22/12/2023 của Bộ TN&MT, có hiệu lực đến ngày 21/12/2026 (VIMCERTS 276).

Các phương pháp đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường, bảo quản, vận chuyển, xử lý và phân tích mẫu trong Phòng thí nghiệm được thực hiện theo các quy định của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

(ii). Thời gian khảo sát, lấy mẫu, phân tích trong phòng thí nghiệm

Hiện trạng chất lượng môi trường không khí và điều kiện vi khí hậu, công tác lấy mẫu nước mặt, nước dưới đất và môi trường đất tại khu vực Dự án được khảo sát tại 01 đợt vào ngày 18/03/2025, phân tích trong phòng thí nghiệm từ ngày 19/03/2025 đến ngày 01/04/2025.

(iii). Các thành phần môi trường được khảo sát, lấy mẫu

Sau khi khảo sát thực tế tại hiện trạng sử dụng đất và nghiên cứu quy mô, loại hình hoạt động, tính chất ngành nghề của dự án KCN Hòa Yên nêu tại Chương I, báo cáo ĐTM đã tiến hành lấy mẫu các thành phần môi trường sau:

1) Điều kiện vi khí hậu: Điều kiện vi khí hậu, gồm: Nhiệt độ (t), Độ ẩm (j), Vận tốc gió (v), Hướng gió.

2) Chất lượng môi trường không khí xung quanh: Bụi lơ lửng, CO, NO_2 và SO_2

3) Tiếng ồn: L_{eq} (dBA) ; L_{max} (dBA): Tiếng ồn cực đại

4) Chất lượng môi trường nước mặt;

5) Chất lượng môi trường nước dưới đất;

6) Chất lượng môi trường đất.

Một số hình ảnh Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ môi trường Xanh tổ chức khảo sát, lấy mẫu hiện trạng môi trường tại khu vực KCN Hòa Yên trong ngày 18/03/2025 được trình bày trong hình sau:

♣ *Điều kiện vi khí hậu, môi trường không khí và tiếng ồn*

Hình 106. Một số hình ảnh lấy mẫu quan trắc điều kiện vi khí hậu, môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực dự án







♣ *Môi trường nước dưới đất*

Hình 107. Một số hình ảnh lấy mẫu môi trường nước dưới đất tại khu vực dự án





♣ *Môi trường nước mặt*

Hình 108. Một số hình ảnh lấy mẫu môi trường nước mặt tại khu vực dự án





♣ *Môi trường đất*

Hình 109. Một số hình ảnh lấy mẫu môi trường đất tại khu vực dự án





b) Kết quả khảo sát chất lượng môi trường không khí

(i). Phương pháp khảo sát, đo đạc và QCVN so sánh

- Phương pháp khảo sát: Tuân thủ theo đúng quy định về công tác lấy mẫu tại QCVN 05:2023/BTNMT.

- Môi trường không khí: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí được so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí xung quanh *(giá trị trung bình 1 h).*

(ii). Vị trí khảo sát và lấy mẫu chất lượng môi trường không khí

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường vi khí hậu, không khí và tiếng ồn tại khu vực Dự án, dựa vào địa hình thực tế của khu vực, hướng gió chủ đạo trong năm của khu vực, hướng gió chính trong ngày khảo sát và khu vực xung quanh, các vị trí khảo sát, đo đạc và lấy mẫu được lựa chọn như sau:

Bảng 69. Vị trí các điểm quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực thực hiện dự án KCN Hòa Yên

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Hệ tọa độ WGS84
1.	Điểm KK_1: Mẫu không khí phía Bắc thôn Đồng Quan	- Vĩ độ Bắc: 21°16'33,1" - Kinh độ Đông: 106°01'58,3"
2.	Điểm KK_2: Mẫu không khí phía Tây thôn Đồng Quan	- Vĩ độ Bắc: 21°16'22,2" - Kinh độ Đông: 106°01'47,6"
3.	Điểm KK_3: Mẫu không khí giáp đường Vành đai 4	- Vĩ độ Bắc: 21°16'13,6" - Kinh độ Đông: 106°00'58,4"
4.	Điểm KK_4: Mẫu không khí phía Nam dự án	- Vĩ độ Bắc: 21°15'53,0" - Kinh độ Đông: 106°00'55,9"
5.	Điểm KK_5: Mẫu không khí phía Tây Bắc dự án	- Vĩ độ Bắc: 21°16'43,2" - Kinh độ Đông: 106°01'55,9"
6.	Điểm KK_6: Mẫu không khí phía Đông Bắc dự án	- Vĩ độ Bắc: 21°16'42,0" - Kinh độ Đông: 106°02'28,6"

(iii). Kết quả chất lượng môi trường không khí

Kết quả khảo sát điều kiện vi khí hậu, môi trường không khí tại khu vực Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 70. Chất lượng môi trường không khí tại khu vực thực hiện Dự án

TT	Thông số	Đơn vị	KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	KK6	QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) [26]
1	Nhiệt độ	°C	18,4	17,3	16,8	17,1	18,2	18,5	-
2	Độ ẩm	%	51,5	53,6	54,8	54,1	51,6	51,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	0,7	0,5	0,8	1,3	0,9	-
4	Hướng gió	-	Tây Nam	Tây Nam	Tây Nam	Đông Nam	Tây Nam	Tây Nam	-
5	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	94,3	90,7	91,8	93,8	88,7	90,4	***300***
6	CO	µg/Nm³	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	***30.000***
7	SO_2	µg/Nm³	86,2	79,1	75,2	77,6	80,7	68,5	***350***
8	NO_2	µg/Nm³	60	60,9	63,8	65,7	62,9	61,4	***200***
9	Tiếng ồn (Leq)	dBA	60,7	57,2	65,9	58,8	56,8	58,5	***70[26]***
10	Tiếng ồn cực đại (Lmax)#	dBA	61,1	60,6	69,3	60,2	60,9	59,7	-

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT (TB 1h)[26]: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ; [26]QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

(-): Không quy định.

Nhận xét:

Trên cơ sở kết quả quan trắc môi trường tại 06 điểm, kết luận về điều kiện vi khí hậu, chất lượng môi trường không khí như sau:

- *Về điều kiện vi khí hậu:* Tại thời điểm khảo sát, điều kiện thời tiết bình thường (không mưa, không quá nắng nóng), không có các biểu hiện bất thường so với các số liệu đã được thống kê nhiều năm trên địa bàn địa phương. Thời điểm đo có điều kiện khí tượng bình thường sẽ không làm ảnh hưởng đến kết quả môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, môi trường đất được lấy mẫu cùng thời điểm đó.

- *Về chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn:* Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn tại khu vực thực hiện Dự án tại tất cả các điểm đo đều thấp hơn GHCP theo các QCVN tương ứng.

→ *Kết luận:* Có thể tạm kết luận rằng hiện trạng môi trường không khí chưa bị ô nhiễm tại thời điểm khảo sát.

c) Hiện trạng chất lượng môi trường nước

(i). Tổ chức thực hiện

- Nước mặt: Trong khu vực xây dựng KCN Hòa Yên có nhiều tuyến mương thủy lợi. Khu vực xung quanh dự án có nhiều diện tích nước mặt (hệ thống kênh mương thủy lợi). Các nguồn nước mặt này đều có thể bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án. Báo cáo ĐTM đã tiến hành lấy mẫu nước mặt tại 04 điểm để đánh giá và phân tích. Các điểm lấy mẫu này sẽ đủ điều kiện để có thể kết luận về hiện trạng môi trường nước mặt cũng như làm cơ sở so sánh sau này trong quá trình thi công xây dựng tiếp theo cũng như khi đưa KCN vào vận hành, sử dụng.

- Nước dưới đất: Xung quanh phạm vi thực hiện dự án có nhiều hộ gia đình đang sử dụng giếng khoan nên báo cáo ĐTM sẽ tiến hành lấy 04 mẫu nước dưới đất tại các hộ gia đình trong phạm vi xung quanh dự án. Việc lấy mẫu nước dưới đất tại khu vực xung quanh dự án cũng sẽ phản ánh được chính xác chất lượng nước dưới đất tại khu vực dự án.

(ii). Vị trí lấy mẫu nước mặt và nước dưới đất

Để đánh giá được chất lượng môi trường nước mặt và nước dưới đất tại khu vực Dự án, báo cáo ĐTM đã tiến hành lấy mẫu tại các vị trí sau:

Bảng 71. Vị trí các điểm lấy mẫu nước dưới đất và nước mặt

TT	Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước	Ký hiệu mẫu	Hệ tọa độ WGS84
I. Vị trí các điểm lấy mẫu nước dưới đất			

TT	Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước	Ký hiệu mẫu	Hệ tọa độ WGS84
1.	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Vũ Văn Tám, Đông Lỗ - Hiệp Hòa (nay là xã Hiệp Hòa)	NN_1	- Vĩ độ Bắc: 21°16'22,4" - Kinh độ Đông: 106°01'48,5"
2.	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Đỗ Văn Nghi, Trung Sơn - Việt Yên (nay là phường Vân Hà)	NN_2	- Vĩ độ Bắc: 21°16'42,5" - Kinh độ Đông: 106°02'26,2"
3.	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Ngô Văn Hải, Hương Mai - Việt Yên (nay là phường Tự Lạn)	NN_3	- Vĩ độ Bắc: 21°17'36,6" - Kinh độ Đông: 106°02'43,3"
4.	Mẫu nước ngầm tại hộ dân Vương Văn Chính, Tiên Sơn - Việt Yên (nay là phường Vân Hà)	NN_4	- Vĩ độ Bắc: 21°15'42,4" - Kinh độ Đông: 106°00'43,8"
II. Vị trí các điểm lấy mẫu nước mặt			
5.	Mẫu nước mặt phía Tây dự án	NM_1	- Vĩ độ Bắc: 21°16'48,4" - Kinh độ Đông: 106°01'06,2"
6.	Mẫu nước mặt phía Đông Nam dự án	NM_2	- Vĩ độ Bắc: 21°16'00,6" - Kinh độ Đông: 106°01'10,7"
7.	Mẫu nước mặt phía Tây Nam thôn Đồng Quan	NM_3	- Vĩ độ Bắc: 21°16'17,2" - Kinh độ Đông: 106°01'44,9"
8.	Mẫu nước mặt phía Bắc dự án	NM_4	- Vĩ độ Bắc: 21°16'52,6" - Kinh độ Đông: 106°02'15,3"

(iii). Phương pháp khảo sát và QCVN so sánh

Phương pháp khảo sát và QCVN so sánh đối với nước mặt và nước dưới đất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 72. Phương pháp khảo sát và QCVN so sánh

TT	Nội dung	Phương pháp
1. Nước dưới đất		
1	Phương pháp khảo sát	Theo bảng 2 - QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất ban hành tại Thông tư 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/03/2023 của Bộ TNMT.
2	QCVN so sánh	QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
2. Nước mặt		
3	Phương pháp khảo sát	Theo bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành tại Thông tư 01 /2023/TT-BTNMT ngày 13/03/2023 của Bộ TNMT.
4	QCVN so sánh	QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. - Chất lượng nước trung bình (Phục vụ phân

TT	Nội dung	Phương pháp
		loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước).

(iv). Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất

1) Kết quả phân tích chất lượng nước dưới đất

Kết quả phân tích 04 mẫu nước dưới đất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 73. Kết quả phân tích chất lượng nước dưới đất

TT	Thông số	Đơn vị	NN1	NN2	NN3	NN4	QCVN 09:2023/ BTNMT
1	pH	-	6,9	6,7	6,7	6,8	***5,8-8,5***
2	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	74	106	139	140	***500***
3	Đồng (Cu)	mg/L	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	***1***
4	Kẽm (Zn)	mg/L	<LOQ (0,12)	<0,04	<0,04	<0,04	***3***
5	Sắt (Fe)	mg/L	<LOQ (0,09)	0,13	<LOQ (0,09)	<LOQ (0,09)	***5***
6	Mangan (Mn)	mg/L	**0,94**	0,14	<LOQ (0,06)	<0,02	***0,5***
7	Asen (As)	mg/L	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	***0,05***
8	Sulfat (SO_4^{2-})	mg/L	<LOQ (9)	<LOQ (9)	9,4	<LOQ (9)	***400***
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	0,28	0,34	0,08	0,06	***15***
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	<0,02	0,12	0,18	<0,02	***1***
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	39	<6	<LOQ (18)	<6	***250***

Ghi chú: *QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất*

♣ ***Nhận xét***

Trong 04 mẫu nước dưới đất khảo sát tại khu vực dự án KCN Hòa Yên, thông số Mangan (Mn) được xác định vượt GHCP so với QCVN 09:2023/BTNMT ở mẫu khảo sát NN1.

(v). Kết quả phân tích nước mặt

Kết quả phân tích 04 mẫu nước mặt khảo sát được trình bày trong bảng sau:

Bảng 74. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tại khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	NM1	NM2	NM3	NM4	QCVN 08:2023/BTNMT (B-B_2)
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	**33,6**	**41,6**	**56**	**52,8**	***≤ 15***
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD_5	mg/L	**11,8**	**15,7**	**17,8**	**16,5**	***≤ 6***
3	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	**3,81**	**9,95**	**1,79**	**0,33**	***0,3***
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	19,6	17,2	23,1	14,2	***≤ 100***
5	Sắt (Fe)	mg/L	**0,99**	0,15	**0,74**	0,12	***0,5***
6	Asen (As)	mg/L	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	***0,01***
7	E.coli	MPN/ 100ml	**24**	**36**	20	**25**	***20***
8	Tổng Nitơ	mg/L	**5,39**	**10,23**	**2,24**	0,57	***≤ 1,5***
9	Tổng Photpho	mg/L	**1,46**	**0,98**	0,18	0,19	***≤ 0,3***
10	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	**0,871**	**0,158**	**0,25**	**0,103**	***0,05***
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	40,4	37,6	32,3	<LOQ (18)	***250***

Ghi chú: *QCVN 08:2023/BTNMT (B-B_2): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Chất lượng nước trung bình (Phục vụ phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước).*

♣ ***Nhận xét:***

Theo kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt tại bảng trên cho thấy có một số chỉ tiêu trong nước mặt tại khu vực dự án vượt GHCP theo QCVN 08:2023/BTNMT (B-B2), cụ thể là các chỉ tiêu sau:

- Nhu cầu oxy hóa học (COD): Vượt ở cả 4 mẫu khảo sát, lần lượt 2,24; 2,77; 3,73 và 3,52 lần.

- Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5): Vượt ở cả 4 mẫu khảo sát, lần lượt 1,97; 2,62; 2,97 và 1,10 lần.

- Amoni (NH_4^+ tính theo N): Vượt ở cả 4 mẫu khảo sát, lần lượt 12,7 ; 33,17; 5,97 và 0,02 lần.

- Sắt (Fe): Vượt ở 2 mẫu khảo sát, mẫu NM1 vượt 1,98 lần; mẫu NM3 vượt 1,48 lần.

- E.coli: Vượt ở 3 mẫu khảo sát, mẫu NM1 vượt 1,2 lần; mẫu NM2 vượt 1,8 lần; mẫu NM4 vượt 1,67 lần.

- Tổng Nitơ: Vượt ở 3 mẫu khảo sát, mẫu NM1 vượt 3,59 lần; mẫu NM2 vượt 6,82 lần; mẫu NM3 vượt 1,49 lần.

- Tổng Photpho: Vượt ở 2 mẫu khảo sát, mẫu NM1 vượt 4,87 lần; mẫu NM2 vượt 3,27 lần.

- Nitrit (NO_2^- tính theo N): Vượt ở cả 4 mẫu khảo sát, lần lượt 17,42; 3,16; 5,0 và 0,01 lần.

d) Hiện trạng chất lượng môi trường đất

(i). Phương pháp lấy mẫu đất và QCVN so sánh

- Phương pháp lấy mẫu đất tại khu vực dự án được tuân thủ theo Bảng 2 - QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

- QCVN so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(ii). Vị trí lấy mẫu đất

Khảo sát thực tế cho thấy trong phạm vi thực hiện dự án cho thấy chủ yếu là đất trồng lúa 2 vụ. Trên cơ sở quy hoạch dự án, phân khu chức năng dự án để tiến hành lấy mẫu môi trường đất, làm cơ sở để đánh giá chất lượng môi trường đất cũng như so sánh trong quá trình thực hiện dự án.

Các vị trí được lấy mẫu đất tại khu vực dự án như sau:

Bảng 75. Vị trí các điểm lấy mẫu đất

TT	Vị trí các điểm quan trắc	Hệ tọa độ WGS84
1.	Mẫu $Đ_1$: Mẫu đất giáp đường Vành đai 4	- Vĩ độ Bắc: 21°16'13,7" - Kinh độ Đông: 106°00'58,5"
2.	Mẫu $Đ_2$: Mẫu đất phía Tây thôn Đồng Quan	- Vĩ độ Bắc: 21°16'22,3" - Kinh độ Đông: 106°01'47,7"
3.	Mẫu $Đ_3$: Mẫu đất phía Tây Bắc dự án	- Vĩ độ Bắc: 21°16'43,3" - Kinh độ Đông: 106°01'56,0"
4.	Mẫu $Đ_4$: Mẫu đất phía Đông Bắc dự án	- Vĩ độ Bắc: 21°16'42,1" - Kinh độ Đông: 106°02'28,6"

(iii). Kết quả phân tích mẫu đất

Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất tại khu vực thực hiện Dự án được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 76. Kết quả phân tích các chỉ tiêu trong đất tại khu vực thực hiện dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	QCVN 03: 2023/BTNMT (Loại I)
1	Asen (As)	mg/kg	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	***25***
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	***4***
3	Chì (Pb)	mg/kg	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	***200***
4	Đồng (Cu)	mg/kg	17,0	15,2	16,4	16,6	***150***
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	49,0	49,6	50,6	48,9	***300***
6	Hóa chất bảo vệ thực vật phostphor hữu cơ(a،b)*	mg/kg	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	***30***
7	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (a،b)*	mg/kg	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	**-**

Ghi chú: *QCVN 03:2023/BTNMT (Loại I): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (Đất nông nghiệp; đất nuôi trồng thủy sản; đất ở nông thôn, đất ở đô thị; đất sản xuất vật liệu xây dựng; đất di tích lịch sử).*

♣ ***Nhận xét:***

Hàm lượng kim loại nặng trong đất đạt quy chuẩn cho phép. Nhìn chung, môi trường đất tại khu vực dự án đều đạt QCVN cho phép. Dự án cũng đã tiến hành phân tích chất lượng đất cho thấy rất phù hợp để trồng các loại cây cảnh quan.

h) Nhận xét về tính nhạy cảm và đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường nền

Trong quá trình lập báo cáo ĐTM, các kết quả quan trắc hiện trạng môi trường nền về chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm và môi trường đất cho thấy hiện trạng môi trường tại khu vực dự án chỉ có một số thông số của chất lượng nước mặt vượt GHCP như: Nhu cầu oxy hóa học (COD), nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5), Amoni (NH_4^+ tính theo N), Sắt (Fe), E.coli, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Nitrit (NO_2^- tính theo N) và Mangan (Mn); còn lại tất cả các thông số đều thấp hơn GHCP theo các QCVN tương ứng.

Với những phân tích nêu trên cho thấy sức chịu tải môi trường của dự án là

ở mức thấp. Vì vậy, nếu dự án không có các biện pháp BVMT hữu hiệu sẽ ảnh hưởng đến môi trường chung của khu vực, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân khu vực xung quanh.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

2.2.2.1. Các dữ liệu về đa dạng sinh học khu vực dự án

Tham khảo Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang 5 năm - giai đoạn 2016-2020), dữ liệu tài nguyên sinh vật khu vực vùng dự án như sau:

Hiện nay, công tác điều tra đa dạng sinh học ở tỉnh Bắc Giang cũ chưa được tiến hành một cách đầy đủ và đồng bộ. Chỉ có một số công trình nhỏ, lẻ nghiên cứu về động thực vật, ... Nhìn chung hệ Động thực vật tại tỉnh Bắc Giang cũ còn khá phong phú về cá thể, về quần cư và kiểu thảm thực vật có ý nghĩa lớn trong việc nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

a) Hiện trạng đa dạng sinh học

Số lượng, thành phần các loài động, thực vật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ phong phú và đa dạng. Hiện ở tỉnh có 469 loài động vật có xương sống trong đó có 85 loài thuộc nhóm động vật quý, hiếm như Voọc mũi hếch, Chà vá chân xám, Voọc má trắng... Có 57 loài thực vật quý hiếm, có nguy cơ bị tuyệt chủng. Các loài động thực vật quý, hiếm phân bố tập trung ở các huyện miền núi và khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử. Bên cạnh các loài thực vật hoang dã, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũng phát triển nhiều loài cây trồng như cây ăn quả và cây công nghiệp lấy gỗ và sản xuất.

♣ *Đa dạng hệ thực vật*

Số lượng, thành phần các loài thực vật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ rất phong phú và đa dạng, cụ thể như sau:

Bảng 77. Đa dạng thực vật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ

Hệ thực vật	Số bộ/ngành	Số họ	Số chi	Số loài
Thực vật bậc thấp	14 (bộ)	23	43	116
Thực vật bậc cao	6 ngành	193	728	1405

Hiện ở Bắc Giang cũ có 57 loài thực vật quý hiếm, có nguy cơ bị tuyệt chủng trong đó có 45 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, 20 loài có tên trong Tổng số loài thực vật có nguy cơ bị tuyệt chủng của Bắc Giang đã được đề cập trong Sách Đỏ Việt Nam, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ và trong Danh lục đỏ thế giới (IUCN) là 57 loài.

♣ *Đa dạng hệ động vật*

Theo thống kê, hệ động vật trên địa bàn tỉnh rất phong phú, phân bố rộng khắp các vùng miền của tỉnh, từ miền núi đến đồng bằng và trung du, cụ thể như sau:

Bảng 78. Đa dạng sinh học thuộc hệ động vật tại tỉnh Bắc Giang cũ

Hệ động vật	Bắc Giang	Việt Nam	Tỷ lệ (%)
Thú	88	310	28
Chim	210	840	25
Cá	69	> 700	< 9,8
Lưỡng cư, bò sát	102	479	21
Côn trùng	125	7.750	1,6

Trong tổng số 469 loài động vật có xương sống thuộc 123 họ đã được xác định có ở tỉnh Bắc Giang cũ có 85 loài thuộc nhóm động vật quý, hiếm, có giá trị, cần được ưu tiên bảo tồn, trong đó có 44 loài thú, 17 loài chim, 24 loài lưỡng cư, bò sát.

b) Diễn biến đa dạng sinh học

- Trong thời gian vừa qua hệ sinh thái tại tỉnh Bắc Giang cũ có sự chuyển biến rõ rệt. Hệ sinh thái nước ngọt bị suy giảm nghiêm trọng, hệ sinh thái sông, hồ, đầm phá bị khai thác quá mức. Hệ sinh thái rừng tự nhiên bị thu hẹp. Đây là mối đe dọa lớn đối với giá trị đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng bao gồm các loài động vật và thực vật phụ thuộc vào rừng. Rừng có chất lượng cao ở Bắc Giang không còn nhiều song đây là loại rừng hiện đang lưu giữ nhiều nguồn gen động, thực vật quý hiếm cần được bảo vệ. Loại rừng này chỉ còn tập trung ở khu bảo tồn Tây Yên Tử và rừng đặc dụng Suối Mỡ.

- Các nguồn gen hoang dã cũng đang trên đà suy thoái nhanh và thất thoát nhiều. Cho đến thời điểm hiện tại, có 85 loài động vật có xương sống của tỉnh Bắc Giang bị đe dọa ở các mức độ khác nhau, trong đó nhiều loài ở mức Cực kỳ nguy cấp. Về thực vật có 57 loài, trong đó có 45 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 20 loài trong IUCN và 6 loài trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

2.2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học khu vực dự án

a) Động vật trên cạn (khu vực ruộng canh tác trong phạm vi dự án)

- Hệ thực vật trên cạn: Hệ thực vật trên khu đất xây dựng công trình tương đối đơn giản như cây bụi, cỏ dại (cỏ mần trầu, cỏ lác,...) sống ven đường, bờ đất của dự án. Xung quanh dự án có một vài bụi chuối và rau xanh của người dân tận dụng đất trống để trồng.

- Hệ động vật trên cạn: Trên khu đất của Dự án là đất trống không có gia súc, gia cầm, chỉ loài động vật tự nhiên sống tập trung hoặc riêng lẻ như động vật nhỏ (chim, chuột đồng...), các loài lưỡng cư (ếch, nhái, cóc...), côn trùng (bọ ngựa, bọ xít, bướm, châu chấu, chuồn chuồn...), động vật đất (giun, dế, vi sinh vật...), các loài sâu bọ tự nhiên, sâu bọ gây bệnh, bò sát nhỏ…

Ngoài ra, xung quanh Dự án chỉ có một số loài động vật như chó, mèo, gà.. của người dân nuôi rải rác.

b) Thủy sinh vật

(i). Hệ sinh thái kênh mương

Động thực vật trôi nổi có nhiều trong ruộng trũng. Phytoplancton chủ yếu là các loại tảo lục và tảo silic. Zooplancton chủ yếu là các nhóm Cladocera, Rotatoria, Copepada,… Cá trong ao chủ yếu là cá mè, cá rô phi, cá trê,… Tuy số lượng thấp, nhưng lại tham gia vào việc làm sạch môi trường. Thành phần sinh vật hệ sinh thái không phong phú.

(ii). Phù du động vật và động vật đáy

- Nhóm Rotatoria: Brachysnus calicflours, Soplanchna sp, Lecome sp,

- Nhóm Oligochaeta: Ấu trùng Zubificidae.

- Nhóm Cladocera: Diaphamossoma sp., Daphnia carinota, D. Bumholtfi, Sinocenphalno sp., Moinadubia, Chydorus sp., Alona sp, Monospillus dispar.

- Nhóm Copepoda: Mongolsdiaptomus formosanus, Neodiaptomus sp,..

- Nhóm Cylopoida: Merocyclops leuckarti, Thermocyclops hyalinus, Eucyclops serralutus, Paracyclops fimbriatus, Microcyclops varicano.

- Nhóm Ostravacoda: Otenocypris malcolinsoni, Dolerocypris sinensis.

- Nhóm Macrura: Macroloradiunus nipponense, M.Hainanense, Caridia serrata, C.Nilotica, Palaemonetes tonkinensis, P. Sinensis.

- Nhóm Bradrvura: Parathephnoa sinensis, P.Germanini.

- Nhóm Mollusca: Gyranlus chinensis, Limnea swinhoei, L.Viridis, Angulyagra polyzonata, Sinotaia acruginosa, Anodonta jourdyi.

Và rất nhiều côn trùng và ấu trùng sống ở trong nước.

(iii). Hệ thực vật

Tại khu vực thực hiện dự án, ngoài những loài cây trồng như: rau màu, ngô,... còn chủ yếu là các loại cây cỏ dại và cây phủ xanh đồng ruộng, ven sông, ven

đường.

♣ *Về phù du thực vật*

Tại khu vực dự án thường gặp các giống loài điển hình của đồng bằng phía Bắc như Chamaesiphon incrustans, Côccneis placentula, Nostochopsis lobtus, ở ven sông suối thường gặp Spirogyra zhifoides. Các giống tảo như Pediastzum, Scenedesmus, Cosmorium, Cloterium, Meriomopedia, Glococapoa, Fragilaria, Synedra…Các loài đặc trưng nhiệt đới như Oscillatoria peroznata, O.primceep, Phormidium mucosum, Hyngbya sestuarii, Cymbella japonica, Achnomthes crenulata,… Mật độ phù du thực vật ở đây rất nghèo nàn và không có giá trị kinh tế.

♣ *Về sinh cảnh thực vật ven mương nội đồng*

Tại khu vực Dự án, hệ thực vật ở đây khá phong phú, có một số loài trong các họ thuộc ngành Dương xỉ như Dớn trơn, Quyết,… Một số loài đặc trưng như: Đơn châu chấu (Aralia armata), Mắt mèo (Caesalpinia bonduc), Kim ngân (Lonicera japonica), Bìm bìm (Jasquemontana paniculata), Lài trắng (Jasminum subtriblinerva) và một số loài trong chi Ficus như Gai sọng (Atalantia buxifolia), Duối (Streblus asper), Xấu hổ (Mimosa pudica), Đơn răng cưa (Maesa balansae),…

♣ *Về cảnh thực vật hoang dại bờ bụi ven đường*

Hầu hết các loài sống hoang dại thường tập trung hoặc rải rác ở một số họ, nhiều nhất là họ Cúc (Asteraceae), họ Hòa Thảo (Poaceae), họ Ba mảnh vỏ (Euphorbiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae),…

♣ *Về thảm thực vật tự nhiên*

Bao gồm các lớp phủ thực vật tồn tại và phát triển một cách tự nhiên không có sự định hướng cụ thể của con người. Cỏ thấp chỉ có chiều cao không quá 40cm gồm các loại Cỏ may (Chrysopogon aciculatus), Cỏ gà (Cynodon dactrylon), Cỏ rác (Microstegium gralum), Cỏ tranh (Imperata cylindrica) mọc cùng các cây cỏ lá rộng ưa khô hoặc chịu hạn như Rau má (Centella asiatica), Cứt lợn (Ageratum conizoide), Nhọ nồi (Eclipta alba),… Quần hệ này có nền cỏ giống như hệ cỏ thấp, không có cây bụi do bị thoái hóa mạnh.

→ Nhận xét về hệ sinh thái và tài nguyên sinh học ảnh hưởng đến Dự án:

Với những mô tả trong phần 2.2.2.1 *(Dữ liệu tài nguyên sinh vật khu vực vùng dự án có tham khảo Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang 5 năm*

- giai đoạn 2016-2020) và phần 2.2.2.2 *(Hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực dự án)* nêu trên cho thấy: Hệ sinh thái tại khu vực dự án KCN Hòa Yên nhìn chung đơn giản, không có loài động - thực vật quý hiếm, nguy cấp, loài được ưu tiên bảo vệ, cần bảo tồn.

Nhìn chung, thực hiện dự án không làm thay đổi và tác động đáng kể đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật của khu vực.

2.3. NHẬN DẠNG CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG, YẾU TỐ NHẠY CẢM VỀ MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.3.1. Các đối tượng bị tác động

Trên cơ sở quy mô các công trình xây dựng và các hoạt động của dự án KCN Hòa Yên được mô tả tại Chương I và các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội được mô tả như trên, nhận dạng các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 79. Nhận dạng các đối tượng bị tác động tại khu vực thực hiện dự án

TT	Các yếu tố	Các đối tượng bị tác động	Mô tả
1	Các yếu tố kinh tế - xã hội	Khu dân cư xung quanh dự án	Các khu dân cư lân cận với KDC: - Khoảng cách gần nhất tới khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa là: 50(m). - Khoảng cách gần nhất tới khu dân cư thôn Nguyễn, phường Vân Hà là: 50(m). - Khoảng cách gần nhất tới khu dân cư thôn Lương Tài, phường Vân Hà: 50(m). - Khoảng cách gần nhất tới khu dân cư thôn Lương Viên, phường Vân Hà là: 80 (m).
		Các hộ gia đình bị thu hồi đất thực hiện dự án	Theo thống kê trong phạm vi 256,68 ha thực hiện dự án, tiến hành thu hồi đất của 3.813 hộ, khoảng 15.252 nhân khẩu, trong đó: - Giai đoạn I: 379 hộ, khoảng 1.516 nhân khẩu - Giai đoạn I: 3.434 hộ, khoảng 13.736 nhân khẩu
		Hệ thống kênh mương nội đồng bị xóa bỏ trong phạm vi 256,68 ha	Đã mô tả tại Chương I; Hệ thống kênh mương này bị xóa bỏ do thực hiện dự án.

		Hệ thống kênh mương thủy lợi có liên quan tới dự án	- Kênh tiêu Cầu Chi - Kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa - Kênh tưới tiêu Phù Tài
		Hệ thống đường điện trong phạm vi dự án	Các tuyến đường điện: Điện 500kV, Điện 220kV, Điện 110kV, Điện 22kV, Điện sinh hoạt, … sẽ được di dời hoặc nâng cao hoặc hạ ngầm phù hợp.
		Hệ thống đường giao thông	Tuyến đường ĐT.398 (Vành đai 4), ĐT.398B và các tuyến đường hiện hữu xung quanh sẽ bị ảnh hưởng do tăng mật độ lưu thông.
		Khu vực nghĩa trang, nghĩa địa	Dự án chiếm dụng khoảng 337,8 m^2 đất bãi thải, xử lý chất thải. Theo kiểm đếm sơ bộ có khoảng 800 ngôi mộ nằm trong phạm vi dự án. Các ngôi mộ phần này sẽ được định hướng di dời tới các khu nghĩa trang của khu vực (Nghĩa trang Đồng Ú, thôn Đông Lỗ, Nghĩa trang Gò Mãng, thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hòa)
2	Các yếu tố tự nhiên	Tài nguyên đất	Chuyển đổi 256,68 ha đất nông nghiệp, ao hồ, thủy lợi, ... sang đất công nghiệp mới, giao thông ; tác động đến khả năng ngầm, giữ nước mặt, nước ngầm.
		Kênh tiêu Cầu Chi	Tiếp nhận nước mưa, nước thải; 10.500 m^3/ng.đêm nước thải sau khi xử lý từ KCN Hòa Yên.

2.3.2. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường"* như sau:

Bảng 80. Nhận dạng các yếu tố nhạy cảm về môi trường tại khu vực thực hiện dự án

TT	Các yếu tố nhạy cảm	Đánh giá tại khu vực triển khai dự án
1	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025
2	Nguồn nước cấp cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Nước mưa, nước thải từ KCN được xả ra kênh tiêu Cầu Chi và cuối cùng đổ về sông Cầu. Tổng

TT	Các yếu tố nhạy cảm	Đánh giá tại khu vực triển khai dự án
		chiều dài sông 290 km, đoạn chảy qua tỉnh Bắc Giang cũ dài 110km, với diện tích lưu vực khoảng 6.000 km^2. Sông Cầu không chỉ là nơi nhận nước tiêu mà còn là nguồn cung cấp nước tưới, nước sinh hoạt... quan trọng của các tỉnh trong vùng lưu vực sông Cầu như: Thái Nguyên, Bắc Ninh nên sông Cầu được coi là vùng nhậy cảm môi trường. Mặc dù nước mưa, nước thải từ dự án không xả trực tiếp vào sông Cầu song khoảng cách xả thải không lớn nên các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn trên bề mặt, thu gom và xử lý nước thải từ KCN là rất quan trọng và được ưu tiên số 1 khi thực hiện dự án.
3	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.
4	Di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.
5	Đất trồng lúa nước 2 vụ/năm trở lên	Trong phạm vi thực hiện dự án có 880.460,2 m^2 đất chuyên trồng lúa nước
6	Vùng đất ngập nước quan trọng	Trong phạm vi của dự án không có yếu tố này.
7	Yêu cầu di dời dân cư, tái định cư	Thực hiện dự án sẽ thu hồi đất và tiến hành di dời khoảng 25 hộ dân.

2.4. SỰ PHÙ HỢP CỦA ĐỊA ĐIỂM LỰA CHỌN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Theo phân tích tại Chương I thì dự án phù hợp về vị trí địa điểm và các quy hoạch có liên quan. Ưu, nhược điểm về vị trí của dự án được nhận định như sau:

2.4.1. Sự phù hợp về địa điểm thực hiện dự án

2.4.1.1. Phù hợp với các quy hoạch đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Dự án KCN Hòa Yên được đánh giá là phù hợp về địa điểm thực hiện, cụ thể:

- Vị trí KCN đã được xác định tại Phụ lục VIII – Quy hoạch phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 của Quyết định số 219/QĐ-TTg *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"* được

Thủ tướng chính phủ phê duyệt ngày 17/02/2022. Ngoài ra, vị trí thực hiện dự án phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia, các quy hoạch tại địa phương (Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000; Đồ án quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000).

- Thuận lợi về giao thông đường bộ: Dự án nằm trên 2 trục đường ĐT.398 kết nối liên vùng tới các khu công nghiệp lớn khác *(ĐT.398 giữa khu đất và có ĐT.398B kéo dài qua cầu Hà Bắc sang tỉnh Bắc Ninh).* Trục ĐT.398B kết nối đường QL.37 với ĐT.398 và các trung tâm huyện khác nên rất thuận lợi về mặt giao thông và thuận lợi trong việc kết nối với các điều kiện hạ tầng kỹ thuật góp phần cải thiện cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật.

- Địa hình tự nhiên tương đối bằng phẳng, không bị chia cắt lớn. Kênh tiêu Cầu Chi phía Tây dự án là nơi tiếp nhận nước mưa, nước thải sau khi xử lý từ KCN để thoát ra cống Yên Ninh và cuối cùng đổ về sông Cầu.

- Dân cư, lao động tại địa phương vốn có tính hiếu học, cần cù, chăm chỉ. Hơn nữa, lực lượng lao động của khu vực luôn dồi dào, sẵn sàng cung cấp cho các nhà đầu tư vào KCN.

2.4.1.2. Phù hợp về khoảng cách an toàn môi trường với các đối tượng xung quanh

- Khoảng cách ATMT từ KCN đến khu dân cư xung quanh: Khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, phường Vân Hà được xác định là gần nhất với dự án về phía Đông với khoảng cách khoảng 50m. Tại phía phía Nam dự án, khu dân cư thôn thôn Lương Tài, phường Vân Hà được xác định là gần nhất với dự án với khoảng cách khoảng 50m và thôn Lương Viên, phường Vân Hà có khoảng cách gần nhất 80m đến dự án.

- Tại QCVN 01:2021/BXD - mục 2.5 *(Yêu cầu về khu công nghiệp - khu chế xuất và khu công nghệ cao) không quy định khoảng cách an toàn môi trường (ATMT)* đối với dự án KCN/CCN. Ở khoảng cách tối thiểu với khu dân cư là 50m đảm bảo hạn chế được các tác động từ KCN đến các khu dân cư. Tuy nhiên, khi tiếp nhận các nhà đầu tư thứ cấp, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ căn cứ vào tính chất của từng dự án, bố trí các cơ sở sản xuất, kho tàng tuân thủ khoảng cách ATMT theo các quy định của Bộ KHCN và các văn bản pháp luật về môi trường. Trường hợp Bộ KHCN và các văn bản pháp luật về môi trường cho có quy định cụ thể, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ sử dụng công cụ đánh giá tác động môi trường hoặc tham chiếu các giá trị trong phụ lục 3 của TCVN 4449-1987 để xác định khoảng cách ATMT theo đúng quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

- Về khoảng cách ATMT đối với trạm XLNT: Trạm XLNT sẽ được xây dựng tại lô đất có ký hiệu HT1, diện tích 1,59 ha. Khoảng cách gần nhất từ hàng rào của trạm XLNT đến khu vực dân cư gần nhất (thôn Trại Cây) khoảng 480(m), từ

công trình xử lý nước thải bên trong là 500(m). Khoảng cách này đảm bảo theo quy định tại bảng 2.22, QCVN 01:2021/BXD *(Đối với Trạm XLNT theo phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom và xử lý mùi QC quy định khoảng cách tối thiểu là 30m đối với công suất trạm trên 5.000-50.000 m^3/ng.đêm).* Về hướng gió, khu dân cư thôn Trại Cây không bị ảnh hưởng bởi mùi hôi thối trong quá trình hoạt động do thôn này nằm về phía Tây của trạm XLNT tập trung.

- Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp thu hút đầu tư tại KCN Hòa Yên sẽ bố trí theo quy định tại QVN 01:2021/BXD và Phụ lục 3 của TCVN 4449-1987 nhằm đảm bảo khoảng cách ly an toàn.

2.4.1.3. Sự phù hợp với điều kiện tự nhiên, KT-XH và môi trường

Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và một số tiêu chí khác thì các tiêu chí lựa chọn địa điểm xây dựng KCN và so sánh với KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 81. Đánh giá sự phù hợp đối với vị trí KCN Hòa Yên

TT	Tiêu chí lựa chọn vị trí	Xét tại KCN Hòa Yên	Nhận xét
1	Phù hợp với quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch phát triển không gian, quy hoạch phát triển ngành và các quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan QLNN có thẩm quyền phê duyệt.	- KCN Hòa Yên phù hợp với các quy hoạch sau: *"Điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"* đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 28/12/2015" ; *"Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang"* đã được HĐND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022. - Về vị trí KCN Hòa Yên: Tại QCVN 01:2021/BXD - mục 2.5 (Yêu cầu về khu công nghiệp - khu chế xuất và khu công nghệ cao) không quy định khoảng cách an toàn môi trường (ATMT) đối với dự án KCN/CCN. Tuy nhiên, ở khoảng cách tối thiểu với khu dân cư là 50m (khu dân cư thôn Đồng Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, thôn Lương Tài, phường Vân Hà) đảm bảo hạn chế được các tác động từ KCN đến các khu dân cư.	Đạt
2	Đảm bảo khả năng mở rộng	KCN Hòa Yên đã được thành lập với quy	Đạt

TT	Tiêu chí lựa chọn vị trí	Xét tại KCN Hòa Yên	Nhận xét
	khi có nhu cầu	mô là 256,68 ha. Phía Đông Bắc và phía Bắc KCN còn có nhiều diện tích có thể mở rộng trong tương lai. Tuy nhiên, việc mở rộng diện tích còn phụ lục vào tỷ lệ lấp đầy của KCN nói riêng và tỉnh Bắc Ninh nói chung nhằm tránh lãnh phí nguồn tài nguyên đất ⇒ *Vì vậy, khả năng mở rộng diện tích cho KCN Hòa Yên khi có nhu cầu là hoàn toàn khả thi.*	
3	Gần nguồn cung cấp nguyên liệu sản xuất và liên hệ thuận tiện với các thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tiêu chí này nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển để hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.	- Dự án nằm trên tuyến đường ĐT.398 (Đường vành đai 4) và ĐT.398B nên vận chuyển bằng đường bộ sẽ là lợi thế đặc biệt, ưu thế vượt trội so với các dự án KCN/CCN khác. Toàn bộ các phương án vận chuyển VLXD phục vụ cho công trường thi công đều được thực hiện bằng đường bộ. - KCN nằm gần các tuyến đường bộ đã hoạt động nên sẽ rất thuận tiện trong việc vận chuyển hàng hóa qua đường bộ. Hệ thống giao thông đường bộ kết nối đến dự án về cơ bản đã được hoàn tất, đảm bảo trong quá trình triển khai dự án KCN Hòa Yên. - Hiện nay xung quanh dự án có rất nhiều các nguồn cung cấp VLXD như: gạch nung, cát, sắt thép, bê tông nhựa nóng,... và sử dụng đường bộ để vận chuyển. - Nằm gần trung tâm giáo dục - đào tạo lớn của cả nước là Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Quảng Ninh.... nên việc tuyển dụng cán bộ, lao động với trình độ học thức và tay nghề cao sẽ dễ dàng và thuận tiện hơn các vùng khác. - Dự án nằm gần thị trường tiêu thụ lớn của miền Bắc là Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Quảng Ninh... nên sẽ có tính cạnh tranh về giá cả sản phẩm do giảm thiểu tối đa được chi phí vận chuyển. - Dự án có kết nối rất thuận tiện về đường bộ,… và tạo thành 1 chuỗi các KCN/CCN đồng bộ, có khả năng tạo mặt bằng cho các chuỗi nhà máy hỗ trợ nhau trong sản	Đạt

TT	Tiêu chí lựa chọn vị trí	Xét tại KCN Hòa Yên	Nhận xét
		xuất kinh doanh. - Dự án nằm rất gần thủ đô Hà Nội và đây sẽ là động lực lớn để thu hút đầu tư, đặc biệt là các ngành công nghệ cao, công nghệ hiện đại sản xuất.	
4	Điều kiện đấu nối giữa các hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường thuỷ và đường hàng không thuận tiện khi cần thiết.	- KCN Hòa Yên nằm trong khu vực có hệ thống đường bộ rất thuận lợi: ĐT.398 (Đường vành đai 4), ĐT.398B, QL.37,... - Theo quy hoạch: ĐT.398 (đường Vành đai 4) sẽ được mở rộng mặt cắt (1-1) rộng 106m và mặt cắt (1A-1A) rộng 88m; ĐT.398B được mở rộng mặt cắt (5-5) rộng 84,5m nên dự án có điều kiện giao thông rất thuận lợi.	Đạt
5	Đảm bảo yêu cầu cung cấp điện, nước, khí đốt,... cho các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp thứ cấp.	Nguồn cung cấp điện, nước và các nguyên liệu, nhiên liệu cho hoạt động của KCN được đánh giá là thuận lợi. Hiện tại khu vực KCN đã có hệ thống cung cấp điện quốc gia. Về cung cấp nước, lấy từ tuyến ống cấp nước sạch DN250 trên đường ĐT.398 và ĐT.398B theo Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025. Ngoài ra, các nguồn cung cấp nhiên liệu khác phục vụ sản xuất như: than, khí đốt thuận tiện từ Quảng Ninh (than) hoặc cảng Hải Phòng (khí đốt) có thể đáp ứng nhu cầu sản xuất ổn định cho KCN trong thời gian dài. Nguồn điện cung cấp cho các nhà máy công nghiệp trong KCN Hòa Yên được ổn định.	Đạt
6	Đảm bảo các điều kiện về khí hậu, địa chất - thuỷ văn cho các công trình xây dựng và sức khỏe của công nhân lao động. Mặt đất nên có độ dốc từ 0,3 - 3%, hạn chế ở độ dốc 3 - 5% *(trong điều kiện công nghiệp tuyển khoáng cho phép đến 10%)*. Cường độ chịu nén của đất xây dựng tối thiểu đạt 1,5 kg/cm$^{2.}$ Mức nước dưới đất thấp, giảm chi phí xử lý	- Điều kiện khí hậu - thuỷ văn tại khu vực xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà *(đã nêu tại Chương II)* thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp cũng như sinh hoạt của cán bộ công nhân lao động và làm việc trong KCN. - Theo kết quả khảo sát địa chất công trình đã trình bày tại Chương II cho thấy địa chất của công trình phù hợp để xây dựng các Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp. - Khu vực dự án ít xảy ra tình trạng động đất nên thích hợp để xây dựng các nhà	Đạt

TT	Tiêu chí lựa chọn vị trí	Xét tại KCN Hòa Yên	Nhận xét
	nền móng công trình và tránh bị ngập lụt. Đất phải ổn định ở mọi cấp động đất và khu vực ít bị xảy ra động đất.	máy, xí nghiệp công nghiệp.	
7	Phù hợp trong việc cấp nước sạch và xử lý nước thải	- Nước sạch cung cấp cho Dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước sạch DN250 trên đường ĐT.398 và ĐT.398B theo Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025 của Công ty CP cấp nước và Môi trường đô thị 206. *⇒ Nhu cầu cấp nước sạch cho KCN được đảm bảo theo từng giai đoạn phân kỳ đầu tư thực hiện.* - Các tuyến mương thủy lợi thoát nước chính tại khu vực dự án được giữ nguyên hướng tuyến nên việc thoát nước mưa, nước thải sau khi xử lý là rất thuận lợi *(cuối cùng thoát ra sông Cầu).*	Đạt
8	Không xây dựng KCN trên các khu đất có các công trình là di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch, ...	- Khu vực không có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng nên sự phát triển công nghiệp tại khu vực này sẽ không gây tác động nhiều đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật. - Khu vực dự án chủ yếu là ruộng trồng lúa 2 vụ. Kết quả khảo sát tại Chương II cho thấy không có loài thực vật, động vật nào nằm trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới. Dự án sẽ thực hiện các biện pháp chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.	Đạt
9	Không có khoáng sản dưới lòng đất, không có các công trình ngầm ổn định xung quanh.	Khảo sát sơ bộ dưới lòng đất không có khoáng sản cũng như các công trình ngầm.	Đạt
10	Phù hợp trong việc thu hút các nhà đầu tư	Tỉnh Bắc Giang cũ có tiềm năng thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bắc Giang thuộc khu vực Đông Bắc Việt Nam, nằm trên tuyến *"Hành lang kinh tế"* Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (thuộc Hành lang xuyên Á Nam Ninh - Singapore), tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Hải	Đạt

TT	Tiêu chí lựa chọn vị trí	Xét tại KCN Hòa Yên	Nhận xét
		Dương, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thái Nguyên; liền kề *"Tam giác kinh tế phát triển"* Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tính trong 5 năm (2016-2020), huyện Hiệp Hòa cũ thu hút 95 doanh nghiệp vào đầu tư với tổng số vốn gần 5,2 nghìn tỷ đồng. Trong năm 2024 , thị xã Việt Yên cũ thu hút đầu tư 35 dự án, trong đó có 8 dự án đầu tư trong nước (DDI) với tổng vốn đăng ký đạt hơn 3 nghìn tỷ đồng và 27 dự án vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký đạt 199,3 triệu USD. - Tỉnh Bắc Giang cũ từ lâu đã được các nhà đầu tư trong và ngoài nước biết là một điểm đầu tư hấp dẫn với môi trường đầu tư chuyên nghiệp, nhanh chóng và hiệu quả.	
11	Ngành nghề của KCN Hòa Yên (7 nhóm nghề)	- Các nhóm ngành thu hút vào KCN được đánh giá là phù hợp với *"Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030"* đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 28/12/2015. Trong các nhóm ngành thu hút đầu có một số ngành thuộc danh mục các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục II theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ nên khi đầu tư sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về BVMT cũng như chịu sự giám sát liên tục, thường xuyên của các cơ quan chức năng về QLMT.	Đạt

2.4.1.4. Đánh giá phương án quy hoạch KCN Hòa Yên

- Đối với đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp chiếm 61,1%, thấp hơn QCVN 01:2021/BXD (tối đa sau khi trừ lùi diện tích giao thông, cây xanh, các khu kỹ thuật là 79%).

- Đối với đất xây dựng các công trình đầu mối HTKT là 4,13%, cao hơn QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu là 1%).

- Tổng diện tích cây xanh là: 27,38 ha, chiếm 10,67%. Tỷ lệ này cao hơn quy định của QCVN 01:2021/BXD (tối thiểu là 10%).

- Dải cây xanh cách ly với khu dân cư: Dự án bố trí dải cây xanh cách ly ở giáp với khu dân cư thôn Đồng Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, thôn Lương Tài, phường Vân Hà đảm bảo theo yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng tối thiểu đạt 10m.

→ Như vậy, có thể kết luận rằng phương án quy hoạch KCN Hòa Yên là phù hợp với các quy định, quy chuẩn có liên quan tại thời điểm phê duyệt quy hoạch.

2.4.2. Sự chưa phù hợp về địa điểm thực hiện dự án

2.4.2.1. Tạo ra lực lượng lao động dư thừa

Việc thu hồi 216,5 ha đất canh tác nông nghiệp sẽ khiến rất nhiều người buộc phải chuyển đổi sang nghề nghiệp khác và nhiều lao động không trực tiếp khác bị ảnh hưởng theo. Tuy nhiên, theo điều tra nhanh của báo cáo ĐTM cho thấy họ đều nằm trong độ tuổi lao động và sẽ được thu hút vào làm việc, lao động trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp khi KCN *(KCN sẽ tạo cơ hội việc làm cho khoảng 44.000 người khi đi vào hoạt động thì lượng lao động nông nghiệp bị chuyển đổi nghề sẽ giải quyết được).* Qua quá trình tham vấn cộng đồng thì nhân dân trong xã cũng rất trông mong để có thể làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ trong KCN và họ hy vọng cuộc sống của họ tốt hơn hiện nay, hoặc những người hiện đang đi làm tại tỉnh/thành khác (đặc biệt tại các tỉnh phía Nam, miền Trung hoặc đi làm tại các tỉnh/thành lân cận) cũng muốn về quê hương để làm việc và sinh sống.

2.4.2.2. Tác động đến đời sống, kinh tế, văn hóa các hộ bị thu hồi đất canh tác nông nghiệp

Như đã trình bày, khi thực hiện dự án sẽ khiến 3.813 hộ (15.252 nhân khẩu) chịu tác động, mất tư liệu sản xuất, buộc phải chuyển đổi nghề nghiệp. Trong chi phí đền bù và GPMB đã có tính toán đến các chi phí hỗ trợ lao động, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp. Các tác động đến đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của việc thu hồi đất như sau:

- Công tác đền bù, GPMB tại dự án sẽ do cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh thực hiện, sau đó bàn giao lại cho Chủ dự án mặt bằng sạch. Khi nhận được tiền đền bù và GPMB, nếu các hộ gia đình không sử dụng đúng mục đích không những không giúp gia đình cải thiện đời sống mà còn có thể để lại nhiều hậu quả nếu tiêu tiền bừa bãi, bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc, lô đề, cá độ,… Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những hộ gia đình khi nhận được tiền đền bù GPMB, họ đầu tư, sử dụng vốn đúng cách sẽ mang lại hiệu quả cao, tạo cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp.

- Theo điều tra ban đầu thì đa phần các hộ gia đình tại địa phương sau khi họ nhận được tiền đền bù từ dự án, họ sẽ tiến hành sửa sang, xây dựng lại nhà cửa, mua sắm các đồ gia dụng và gửi tiết kiệm, để dành cho tương lai. Đời sống văn hóa của các hộ gia đình này sau khi nhận được tiền đền bù cũng được cải thiện tốt hơn.

- Với đặc điểm là dự án KCN, sẽ thu hút nhiều nhà máy, xí nghiệp thuê đất sản xuất, kinh doanh nên nguồn lao động tại chỗ là rất quan trọng. Các nhà máy, xí nghiệp khi đầu tư tại địa phương luôn có mục đích sử dụng lao động tại chỗ. Vì vậy, cơ hội việc làm cho nhân dân trong khu vực, trong đó con em của các hộ gia đình bị mất đất sẽ được ưu tiên đào tạo và tuyển dụng là rất nhiều. Do đó, nhân dân địa phương sẽ có rất nhiều cơ hội việc làm với thu nhập ổn định và cao hơn sản xuất nông nghiệp trước đó, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực sẽ dần được cải thiện theo chiều hướng tích cực. Tại Bắc Ninh nói riêng, đã có nhiều bài học kinh nghiệm cho thấy khi công nghiệp phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của mọi mặt trong đời sống kinh tế xã hội, từ đó sẽ giảm các tệ nạn xã hội, xóa bỏ các phong tục, tập quán, thói quen cổ hủ, lạc hậu.

2.4.2.3. Tạo ra sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư vào KCN

Việc thành lập nhiều KCN/CCN trên địa bàn khu vực Đông Bắc Bộ nói chung, tỉnh Bắc Ninh nói riêng sẽ tạo ra nhiều sự cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư và cho thuê đất sản xuất. Đôi khi, vì những lợi ích kinh tế trước mắt mà các chủ đầu tư KCN/CCN sẽ sẵn sàng đón nhận các nhà máy, xí nghiệp có các ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với tính chất của KCN đã được chấp thuận đầu tư.

2.4.3. Kết luận những ưu thế nổi trội về vị trí của dự án

Khu vực xây dựng KCN Hòa Yên có điều kiện địa lý tương đối thuận lợi trong mối quan hệ vùng, kết nối với các khu vực xung quanh trong và ngoài nước. Với hệ thống giao thông phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tuyến đường thủy ra biển, đường thủy nội địa, KCN có khả tiếp cận dễ dàng với bên ngoài và thuận lợi trong việc vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm từ mọi nơi:

- *Vùng hấp dẫn thứ 1:* Với hành lang đường bộ Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc), thì khu vực phía Tây và Tây Nam Trung Quốc *(đặc biệt là khu vực nằm sâu trong lục địa)* là các thị trường giàu tiềm năng và là vùng hấp dẫn đầu tiên của KCN Hòa Yên.

- *Vùng hấp dẫn thứ 2:* Với đường biển - thông qua cảng biển xung quanh như: Cảng biển Hải Phòng, cảng nước sâu Cái Lân dễ dàng tiếp cận với đường hàng hải quốc tế nối Châu Á với Châu Âu và đặc biệt là với các nước khu vực Đông Nam châu Á.

- *Vùng hấp dẫn thứ 3:* Với tuyến đường hàng không - thông qua sân bay Quốc tế Nội Bài, Sân bay Cát Bi - Hải Phòng và sân bay Quảng Ninh - có khả năng kết nối nhanh chóng và thuận lợi với toàn thế giới.

Chương III:
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG DỰ ÁN

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.1.1.1. Dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị thi công xây dựng

3.1.1.1.1. Nguồn gây tác động

a) Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải

Do đặc thù khu vực xây dựng KCN Hòa Yên gồm đất chuyên trồng lúa nước: 880.460,2 m^2 (34,30%); đất bằng chưa sử dụng: 36.927,6 m^2 (1,44%); đất bằng hàng năm khác: 18.039,1m^2 (0,70%); đất trồng cây lâu năm: 14.612,5 m^2 (0,57%); đất giao thông, thủy lợi: 224.602,3 m^2 (8,75%); đất bãi thải, xử lý chất thải: 83,3 m^2 (0,003%); đất công trình năng lượng: 691,4 m^2 (0,03%); đất thể thao: 4,1 m^2 (0,0002%); đất trồng lúa nước còn lại: 1.159.460,4 m^2 (45,17%); đất mặt nước chuyên dùng: 73.732,6 m^2 (2,87%); đất nghĩa trang, nghĩa địa: 337,8 m^2 (0,01%); đất ở tại nông thôn: 6.336,7 m^2 (0,25%); đất ở tại nông thôn và đất cây lâu năm: 1.500,3 m^2 (0,06%); đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 4.816,4 m^2 (0,19%); đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 35.116,0 m^2 (1,37%) và đất nuôi trồng thủy sản: 110.125,6 m^2 (4,29%). Trách nhiệm đền bù và GPMB cũng thuộc chính quyền Bắc Ninh, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ tiến hành nhận đất sạch để thực hiện dự án. Sau khi nhận mặt bằng sạch sẽ tổ chức dọn dẹp mặt bằng chuẩn bị cho các công tác san nền và thi công. Cây cối trên mặt bằng dự án cũng chỉ là các loại cây cối nhỏ, chủ yếu là cây lúa, rau mầu và cũng được thu dọn thủ công.

Các hoạt động trên sẽ phát sinh chất thải, gây tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường đất, nước, không khí của khu vực. Tuy nhiên, các tác động này chỉ mang tính nhất thời, ngắn và phụ thuộc vào từng hạng mục công việc của dự án, cụ thể như sau:

- Bụi và khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình quá trình vận chuyển đổ bỏ phế thải *{ phế thải đổ bỏ chỉ là các xác thực vật ; phế thải xây dựng (nếu có) được sử dụng để san nền tại chỗ do khối lượng ít}*.

- Nước thải chủ yếu là từ sinh hoạt của công nhân tham gia dọn dẹp mặt

bằng.

- CTR sinh ra trong quá trình chủ yếu là cây cối phát quang từ ruộng đồng và CTRSH. Các ao nuôi thủy sản tại dự án ít, không sử dụng vải lót đầm nuôi trồng thủy sản không có loại chất thải này.

- CTNH: Quá trình phá dỡ dọn dẹp mặt bằng có thể phát sinh một lượng CTNH như: vỏ bao bì, chai lọ,… đựng thuốc men cho quá trình nuôi trồng trọt.

Các hoạt động của dự án và các nguồn thải tương ứng trong giai đoạn dọn dẹp được thể hiện tại bảng dưới đây:

Bảng 82. Nguồn phát sinh chất thải trong quá trình chuẩn bị dự án

TT	Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm
1	Hoạt động dọn dẹp mặt bằng	- Khí thải của phương tiện máy móc: Bụi CO_x, SO_x, NO_x ; Tiếng ồn, độ rung - CTR: Xác thực vật, gỗ vụn ; - CTNH: Bao bì, chai lọ đựng các loại hóa chất, thuốc men trong quá trình trồng trọt, chăn nuôi.
2	Hoạt động vận chuyển phế thải	- Quá trình dọn dẹp mặt bằng chỉ phát sinh cây cối thực vật phế thải phát sinh và được vận chuyển bằng đường bộ. - Khí thải của phương tiện vận chuyển: bụi CO_x, SO_x, NO_x
3	Hoạt động của công nhân	- Nước thải sinh hoạt - Rác thải sinh hoạt

b) Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn dọn dẹp mặt bằng Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 83. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình dọn dẹp mặt bằng dự án

Giai đoạn	Các tác động không liên quan đến chất thải
1. Hoạt động quy hoạch KCN, lập dự án đầu tư, lập báo cáo ĐTM	- Tác động đến tâm lý của người dân vùng dự án, người dân dự án sẽ lo lắng về việc họ bị thu hồi đất canh tác nông nghiệp và buộc phải chuyển đổi nghề nghiệp. - Tạo ra các dư luận không tốt trong xã hội: có khả năng xảy ra các luồng thông tin không chính xác, mang tính chất không hợp tác, chống đối trong dư luận quần chúng nhân dân. - Trục lợi từ dự án: Có thể phát sinh một số các hoạt động trục lợi từ dự án như: hoạt động tham ô, tham nhũng từ quá trình đền bù và GPMB, trục lợi từ các cá nhân không tốt,…

Giai đoạn	Các tác động không liên quan đến chất thải
2. Hoạt động rà phá bom mìn	- Đe dọa tính mạng và sức khỏe của những người tham gia - Các loại bom mìn, vật liệu nổ còn sót (đa phần là sắt, thép, kim loại,…), sẽ được xử lý an toàn theo quy định của pháp luật.

3.1.1.1.2. Dự báo, đánh giá tác động

a) Tác động từ việc đền bù và GPMB

Mặc dù công tác thu hồi đất để thực hiện dự án không nằm trong phạm vi dự án cũng như báo cáo ĐTM nhưng để thấy được các tác động do quá trình này, báo cáo ĐTM sẽ đánh giá và dự báo sơ bộ các tác động môi trường như sau:

(i). Tác động đến các hộ gia đình bị thu hồi đất

- Thực hiện dự án sẽ thu hồi đất sản xuất nông nghiệp khoảng 3.813 hộ gia đình (Giai đoạn I: 379 hộ; giai đoạn II: 3.434 hộ) và tác động đến khoảng 15.252 người.

- Các hộ gia đình này sẽ mất đất sản xuất, cụ thể là đất trồng trọt và như vậy là họ mất đi sinh kế sản xuất hàng ngày. Bị mất đất sản xuất sẽ ảnh hưởng ngay từ quá trình hoạt động chuẩn bị dự án khi họ bắt đầu tiếp cận được thông tin bị thu hồi đất để triển khai dự án. Với tâm lý lo ngại bất an sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động sinh hoạt và sản xuất hàng ngày của các hộ gia đình này.

- Khi đất sản xuất của họ bị thu hồi thì dẫn đến sinh kế của các hộ gia đình bị thay đổi. Vấn đề thay đổi sinh kế sẽ kéo theo nhiều các tác động khác ảnh hưởng đến đời sống của dân cư như: thay đổi việc làm dẫn đến thay đổi nơi ở, quan hệ họ hàng láng xóm, láng giềng cũng như phải thay đổi các thói quen, lối sống thường ngày.

♣ *Các tác động do công tác thu hồi đất như sau:*

- *Tác động đến đời sống kinh tế:* Khi dự án thu hồi đất nông nghiệp thì các hộ gia đình này sẽ được bồi thường bằng tiền và họ có khoản tiền khá lớn so với thu nhập bình quân hiện tại. Đối với những trường hợp biết sử dụng nguồn vốn này để phát triển kinh tế gia đình, đầu tư làm ăn, sản xuất thì đây sẽ là cơ hội để người dân phát triển đời sống KT-XH, chuyển đổi việc làm, ổn định đời sống lâu dài. Song cũng có trường hợp khi nhận được số tiền lớn, họ tiêu sài chi tiêu không hiệu quả và nhanh chóng phải đối mặt với các khó khăn khi đất sản xuất không còn và tiền lại tiêu hết.

- *Tác động về văn hóa*: Khi đất nông nghiệp không còn thì nhân dân sẽ phải chuyển đổi nghề nghiệp để thích ứng. Đời sống văn hóa của nhân dân trong khu vực có dự án công nghiệp phát triển sẽ thay đổi, nhân dân sẽ có cách thức làm

việc công nghiệp hơn, tập trung hơn và phát triển được tư duy sáng tạo hơn so với sản xuất nông nghiệp như hiện nay. Tuy nhiên, đời sống văn hóa cũng sẽ bị thay đổi theo chiều hướng hiện đại, không còn duy trì mối quan hệ làng xã như trước kia.

(ii). Tác động đến thu nhập, việc làm của dân cư

- Việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và đất trồng trọt tại khu vực 3 xã/phường (xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà) khi thực hiện dự án sẽ tác động tới chuyển đổi nghề nghiệp của người dân (tác động đến khoảng 15.252 người). Trước quá trình chuyển đổi sử dụng đất phục vụ xây dựng dự án, người dân ở đây chủ yếu sinh sống bằng hoạt động trồng trọt (trồng lúa chiếm chủ đạo).

- Đối với người lao động từ 35 tuổi trở lên, dễ dàng tìm được việc làm mới do họ vẫn đang trong độ tuổi lao động để được tuyển dụng vào các công ty, xí nghiệp,… trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp trong KCN Hòa Yên (nhu cầu sử dụng lao động của cả KCN khoảng là 44.000 người).

- Đối với nghề nông thì nhiều khi người lao động trên 60 tuổi vẫn có thể tham gia vào lao động nông nghiệp, thế nhưng để chuyển đổi sang nghề phi nông nghiệp thì đây là số lao động ít có khả năng thích nghi với nghề mới nhất. Mặt khác, bản thân những người lao động ở đây cũng chưa kịp chuẩn bị để tìm nghề mới về tư tưởng, ý thức để sẵn sàng tìm việc làm mới, hoặc tham gia học việc để làm nghề mới sau khi bị thu hồi đất. Họ trông chờ nhiều vào số tiền đền bù của Nhà nước, và vào hỗ trợ việc làm của chủ đầu tư, hoặc của chính quyền địa phương. Chính vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan đó, hầu hết người dân ở đây không có khả năng nhanh chóng tìm kiếm việc làm mới và có thu nhập ổn định cho mình. Tình trạng thất nghiệp ngày một gia tăng, gây ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của nhiều gia đình. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất kéo theo quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, đào tạo việc làm theo xu hướng gia tăng lao động ngành dịch vụ, kinh doanh, sản xuất phi nông nghiệp.

- Sau khi thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án, do có sự thay đổi lớn về lượng tiền sở hữu của người dân, chủ yếu thu được từ tiền bồi thường, hỗ trợ đối với đất bị thu hồi, nên tài sản cũng là nhân tố có sự biến động lớn trong mỗi hộ dân. Tài sản thay đổi trước hết là kết quả của việc sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất nông nghiệp của người dân.

- Thực hiện dự án KCN Hòa Yên sẽ tạo cơ hội làm việc cho 44.000 người cả gián tiếp và trực tiếp và là cơ hội nghề nghiệp lớn cho nhân dân vùng dự án lựa chọn. Khi thực hiện tham vấn ý kiến cộng đồng, báo cáo ĐTM đều nhận được sự trông mong của nhân dân địa phường về dự án, họ mong muốn được làm trong nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ ngay tại địa phương, cuộc sống của họ sẽ tốt hơn hiện nay, hoặc những người hiện đang đi làm tại tỉnh/thành khác

(đặc biệt tại các tỉnh phía Nam) cũng muốn về quê hương để làm việc và sinh sống.

(iii). Tác động do mất diện tích đất nông nghiệp

Khi thực hiện dự án sẽ tiến hành thu hồi đất để thực hiện dự án *{Đất chuyên trồng lúa nước: 880.460,2 m^2 (34,3%); Đất trồng lúa nước còn lại: 1.159.460,4 m^2 (45,17 %); Đất nuôi trồng thủy sản: 110.125,6 m^2 (4,29%); Đất trồng cây lâu năm: 14.612,5 m^2 (0,57 %)}* sẽ có các tác động sau:

- Tác động do việc suy giảm diện tích đất trồng trọt, mặt nước và sẽ dẫn đến suy giảm nguồn nước ngầm.

- Phá hủy diện tích đất trồng trọt sẽ làm suy giảm hoặc thậm chí mất đi sự đa dạng sinh học của khu vực.

- Toàn bộ đất hữu cơ bề mặt đã được tái sử dụng để trồng cây tại KCN theo quy định của Luật Trồng trọt.

Tuy nhiên, như đã trình bày tại Chương II, hệ sinh thái tại khu vực chủ yếu là hệ sinh thái nghèo, đơn giản nên mức độ ảnh hưởng khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở mức thấp.

d) Tác động đến môi trường từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng

(i). Sinh khối thực vật

Hiện trạng khu đất dự án là đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn (216,5/256,68 ha). Khi có thông báo thu hồi thì các hộ gia đình sẽ dừng sản xuất nên lượng lúa, rau mầu bị phá bỏ đang trong quá trình sinh trưởng là hầu như không có.

Khi dọn dẹp mặt bằng để xây dựng thì thực vật còn lại sẽ trở thành nguồn CTR. Tuy nhiên, lượng chất thải phát sinh trong quá trình phát quang mặt bằng chỉ bao gồm các loại cây bụi, cỏ và một số loại cây có thân nhỏ. Các loại cây lớn, lúa, rau mầu và có giá trị kinh tế các hộ dân sẽ tự thu hoạch và bàn giao đất sạch. Dự án cũng đã lựa chọn các thời điểm thu hồi đất sau các vụ canh tác chính trong năm.

Nguồn chất thải này nếu không được thu gom và xử lý hợp lý sẽ gây ô nhiễm môi trường đất. Vì vậy, nguồn thải này cần phải được thu gom và xử lý hợp lý. Tổng lượng CTR phát sinh trong quá trình GPMB được trình bày trong bảng sau:

Bảng 84. Khối lượng chất thải phát sinh từ quá trình dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ tạo mặt bằng để thực hiện dự án

TT	Nội dung	Diện tích (ha)	Lượng phế thải (tấn)	Cách tính
1	Đất canh tác nông nghiệp	216,5	216,5	Định mức phát sinh

TT	Nội dung	Diện tích (ha)	Lượng phế thải (tấn)	Cách tính
				chất thải 1 tấn/ha
2	Đất khác *(đất giao thông, ao hồ, kênh mương thủy lợi,...)*	40,18	80,36	Định mức phát sinh chất thải 2 tấn/ha
Tổng cộng			***296,86***	

***Ghi chú**: Mức sinh khối phát sinh trong quá trình san lấp và GPMB được tham khảo theo phương pháp đánh giá nhanh của WHO. Lượng chất thải trên không bao gồm bùn đất hữu cơ, đất lẫn rác khi tiến hành bóc hữu cơ và rác thải bóc bỏ tại bãi rác tạm hiện trạng.*

→ ***Như vậy***, tổng khối lượng rác thải phát sinh từ quá trình dọn dẹp mặt bằng để san nền sẽ phát sinh khoảng 296,86 tấn phế thải. Các loại phế thải này chủ yếu là cây cỏ, thảm thực vật,... Loại chất thải này sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị dịch vụ xử lý rác thải tại khu vực.

(ii). Phế thải xây dựng

Phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, GPMB bao gồm:

Bảng 85. Phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, GPMB

TT	Công trình phá dỡ	Số lượng	Định mức phát sinh	Lượng phế thải xây dựng (m^3)
1	Mồ mả xây	800 ngôi mộ	1 m^3/ngôi	800
2	Công trình nhà ở	25 hộ	50 m^3/ngôi	1.250
3	Các trụ cột điện	39 trụ	0,2 tấn/m^2	5,2
4	Phá bỏ mương tưới	Tạm tính		412
5	Đường giao thông	Tạm tính		540
6	Phế thải xây dựng khác: Vải bạt lót,…	Tạm tính		100
7	**Tổng cộng**			**3.107,2**

Lượng phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, GPMB khoảng 3.107,2 m^3. Khối lượng phế thải xây dựng này sẽ được thu gom, vận chuyển và đổ thải tại các bãi chứa theo Biên bản thỏa thuận ngày 10/11/2025.

e) Tác động từ quá trình rà phá bom mìn và vật liệu nổ

Nhằm đảm bảo an toàn khi thi công Dự án cũng như vận hành sau này, Công ty CP Fecon Hòa Yên phối hợp Công ty TNHH MTV 49 – Binh chủng công binh để tiến hành rà phá bom mìn và vật liệu nổ trên toàn bộ mặt bằng khu đất thực hiện dự án (256,68 ha). Với kỹ thuận hiện đại và tiên tiến như hiện nay thì việc

tiến hành rà phá bom mìn không phức tạp. Tuy nhiên, nếu rà phá bom mìn không được tiến hành cẩn thận và không do đơn vị chuyên môn sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng, thiệt hại về người, tài sản và có thể gây hậu họa trong tương lai.

Quá trình này có thể phát sinh ra các loại bom mìn và vật liệu nổ còn sót và sẽ được đơn vị thực hiện xử lý an toàn. Sau khi xử lý an toàn, với vật liệu chủ yếu là sắt, thép,... thì các loại chất thải này sẽ được thu gom và xử lý theo quy định. Đơn vị thu gom và xử lý là đơn vị công binh thực hiện rà phá bom mìn.

Hoạt động rà phá bom mìn về cơ bản chỉ sử dụng máy rà phá bom mìn sử dụng sóng điện từ, không sử dụng hóa chất nên về cơ bản sẽ không gây tác động đến môi trường.

g) Các tác động trong giai đoạn di dời mồ mả

Theo thống kê kiểm đếm sơ bộ thì có khoảng 800 phần mộ nằm rải rác. Ngoài ra có thể còn có một số tiểu vỡ trong quá trình các hộ dân di chuyển mộ đào lên phát hiện. Các mồ mả đều có chủ nên Chủ dự án KCN Hòa Yên sẽ đền bù tiền để các hộ gia đình tự di dời theo ý nguyện.

Đánh giá tác động môi trường khi tiến hành di dời các phần mộ bên ngoài về khu nghĩa trang như sau:

♣ *Tác động đến đời sống văn hóa, tâm linh*

Trong khoảng 800 ngôi mộ phân tán phải di dời thì không có phần mộ mang tính chất tâm linh lớn như: Mộ tổ, lăng mộ lớn,… Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ kết hợp chặt chẽ với đơn vị thực hiện GPMB, chính quyền địa phương và có các chế độ, chính sách để vận động bà con nhân dân tự nguyện di dời mồ mả của cha ông nhanh chóng, tạo mặt bằng sạch để thực hiện dự án.

Hơn nữa, tại các xã vùng dự án hiện nay đều đã có nghĩa trang nhân dân tập trung, được quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, ổn định lâu dài nên bà con nhân dân cũng đồng tính khi di dời mồ mả của "cha ông" ra đó.

Nhìn chung thì công tác di dời mồ mả không có tác động lớn đến đời sống văn hóa, tâm linh của bà con nhân dân.

♣ *Tác động đến môi trường*

- *Tác động đến môi trường không khí:* Khi di dời 800 ngôi mộ xây nằm tại các khu vực nghĩa trang, sẽ tiến hành đào các ngôi mô hiện hữu lên và chôn cất lại tại khu công viên nghĩa trang hoặc theo nguyện vọng riêng của gia đình. Trong quá trình di dời các mộ cũng như đào đắp đất để chôn cất lại các mộ, sẽ phát sinh bụi đất, ở trạng thái lơ lững gây ảnh hưởng trực tiếp đến người đi di dời mộ, ô nhiễm môi trường không khí xung quanh tại khu vực. Lượng bụi phát sinh còn dính bám trên các cây xanh, gây ảnh hưởng đến sự phát triển thực vật nằm trong

khu vực dự án. Tuy nhiên, khối lượng và thời gian đào đắp đất ngắn, khu vực dự án rộng, mặt bằng thoáng nên sẽ hạn chế ảnh hưởng của bụi đến người đi cải táng mộ. Do hầu hết các mộ đã được chôn cất khá lâu, theo thời gian đã được phân hủy nên khi di dời hầu như không có mùi phát sinh, không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người đi di dời.

- *Tác động đến môi trường nước:* Toàn bộ 800 ngôi mộ đều đã qua cải táng nên việc di dời các ngôi mộ này đều không phát sinh nước thải ô nhiễm.

- *Tác động đến môi trường đất:* Khi tiến hành đào các ngôi mộ lên để di dời nếu không có biện pháp lắp đất lại các khoảng trống đã đào, theo thời gian nước mưa xuống làm gia tăng mức độ sạt lở khoảng đất trống đã bị đào thì khả năng gây ra sụt lún đất khu vực có các mộ đã di dời rất cao.

- *Tác động do chất thải rắn:* CTR trong khi di dời các mộ như các loại hương, đèn cầy, hàng mã, hoa để cúng, các bao bì, lon nước giải khát của những người nhà, người thân ước tính khoảng 2,0 kg/mộ. Lượng chất rắn này nếu không được thu gom sẽ làm mất vẻ mỹ quan khu vực, gây ô nhiễm môi trường đất, nước không khí. Với tổng cộng 800 ngôi mộ thì sẽ phát sinh khoảng 1.600 kg rác thải, trong đó: Giai đoạn I: 15 ngôi mộ phát sinh khoảng 30 kg rác thải; Giai đoạn II: 785 ngôi mộ phát sinh khoảng 1.570 kg rác thải.

- *Tác động đến môi trường sinh thái:* Quá trình đào đất sẽ làm biến đổi môi trường sống ban đầu của hệ thực vật hiện hữu. Tuy nhiên, khu vực thực hiện dự án chủ yếu là đất trống nên quá trình cải táng không ảnh hưởng đáng kể đến hệ sinh thái khu vực.

- *Tác động đến đời sống KT-XH:* Khi di dời các ngôi mộ sẽ kéo theo các dịch vụ đi kèm. Nếu chính quyền không có các biện pháp quản lý thích hợp thì sẽ gây xáo trộn đời sống tại khu vực này do sự cạnh tranh để bán hàng và hoạt động những đối tượng chuyên môi giới đất để chôn cất.

- *Tác động về mặt tâm linh:* Vấn đề tâm linh là vấn đề rất quan trọng trong quá trình di dời mộ. Tâm linh là vấn đề thuộc về tín ngưỡng, phong tục của mỗi người, do đó quá trình di dời mô nhất định sẽ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của các hộ có mộ bị di dời. Vì đây là vấn đề liên quan đến tín ngưỡng và phong tục do đó rất khó để thực hiện công tác này. Việc di dời mộ có thể thay đổi, xáo trộn cuộc sống của các hộ dân có mộ di dời. Chính vì vậy, Chủ dự án và chính quyền địa phương sẽ có biện pháp quản lý, thỏa thuận với các hộ có mộ trong khu vực để có thể tiến hành được công tác này.

k) Tác động do thay đổi mục đích sử dụng đất đến an ninh lương thực, nuôi trồng thuỷ sản và hệ thống thuỷ lợi

1- Tác động đến an ninh lương thực

Khi tiến hành dự án sẽ phải thu hồi 88,05 ha đất trồng lúa 2 vụ. Theo số liệu của Phòng Nông nghiệp huyện Hiệp Hòa cũ thì năng suất lúa trung bình trên địa bàn là 8,0 tạ/ha vào năm 2024. Như vậy, khi tiến hành thu hồi diện tích đất lúa này sẽ làm giảm sản lượng lúa như sau:

800 kg/ha × 88,05 ha × 2,0 vụ = 140.880 kg lúa/năm, làm tròn là 141 tấn/năm

Như vậy, việc triển khai dự án sẽ làm suy giảm khoảng 140.880 kg lúa/năm, tương đương khoảng 1.549.680.000 đồng/năm (tính giá lúa 11.000 đồng/kg tại thời điểm hiện tại).

→ ***Như vậy***, quá trình chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang công nghiệp của dự án sẽ làm ảnh hưởng đến vấn đề an ninh lương thực nhưng so với tình hình sản xuất lúa gạo nói chung của tỉnh Bắc Giang và toàn quốc thì tỷ lệ giảm này không đáng kể. Mặt khác, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại dự án được đánh giá là phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương.

2- Tác động đến tình hình nuôi trồng thuỷ sản

Khi tiến hành dự án sẽ phải thu hồi khoảng 110.125,6 m^2 đất nuôi trồng thủy lợi. Diện tích đất chỉ tiến hành nuôi thủy sản, ngan vịt hoặc tích nước phục vụ trồng trọt. Tại khu vực thực hiện dự án không có nguồn lợi thủy sản mang tính đặc trưng hoặc tính đặc hữu riêng.

Theo thống kê của Phòng NN&PTNNT Hiệp Hòa cũ thì năng suất nuôi trồng thuỷ sản hiện nay tại khu vực là 2,27 tấn/ha/năm. Như vậy, lượng thuỷ sản sụt giảm là: 11,01 ha × 2,27 tấn/ha = 25 tấn/năm. So với sản lượng nuôi trồng thủy sản của huyện Hiệp Hòa năm 2022 là 2.500 tấn thì lượng suy giảm thiểu là không đáng kể.

3- Tác động đến hệ thống thuỷ lợi

Toàn bộ phương án hoàn trả kênh mương, mương tưới đều nằm trong phạm vi thực hiện dự án, đã được GPMB nên sẽ được triển khai trước khi tiến hành thi công san nền KCN, tạo và hoàn thiện hệ thống thoát nước cho KCN ngay trong giai đoạn thi công xây dựng. Khi thực hiện KCN Hòa Yên nếu thực hiện theo đúng phương án này sẽ đảm bảo công tác cấp nước tưới cho khu vực giáp Kênh tiêu Cầu Chi và trạm bơm Việt Hòa, thoát nước cho toàn KCN và khu đô thị Hiệp Hòa trong tương lai.

Tuy nhiên, trong quá trình thi công xây dựng KCN có thể gây ra các tác động đến dòng chảy và bờ của hệ thống kênh mương, cụ thể như sau:

- Các hoạt động thi công san nền, thi công xây dựng nếu để tràn đất đá, phế thải tràn xuống lòng mương sẽ gây tắc nghẽn dòng chảy, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát.

- Các hoạt động giao thông, hoạt động thi công HTKT có thể gây sụt lún, hư hỏng, sạt lở bờ kênh, gây tắc nghẽn dòng chảy, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát.

3.1.1.2. Dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1.2.1. Nguồn gây tác động

Dự án KCN Hòa Yên được thực hiện trên diện tích 256,68 ha và được chia thành 2 giai đoạn thực hiện với thời gian thực hiện dự kiến nêu tại nội dung trên.

Thời gian thi công xây dựng hệ thống HTKT cho KCN Hòa Yên (256,68 ha) kéo dài 3 năm (36 tháng). Với khối lượng VLXD và phương tiện xe - máy thi công cần thiết theo từng giai đoạn đã được nêu tại Chương I cộng với việc tập trung trung bình khoảng 100 nhân công xây dựng cho giai đoạn I và thêm 300 nhân công cho giai đoạn II (tổng là 400 nhân công), tất cả các yếu tố này có thể gây tác động tiêu cực tới môi trường không chỉ cho khu vực xây dựng mà cả cho khu vực dân cư xung quanh.

Các tác động gây ảnh hưởng xấu cho con người và môi trường trong quá trình xây dựng bao gồm: Tác động do ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn, rung động, tác động do ô nhiễm môi trường nước, tác động do ô nhiễm môi trường đất, tai nạn lao động, nguy cơ sự cố và rủi ro môi trường ; các tác động đến môi trường xã hội như trộm cắp, đánh nhau, bệnh xã hội, ngộ độc thức ăn… do tập trung thêm khoảng 400 lao động,...

Trong quá trình thi công san lấp mặt bằng và thi công các hạng mục công trình HTKT cho KCN Hòa Yên sẽ gây nhiều tác động, ảnh hưởng đến môi trường. Các tác động liên quan đến chất thải được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 86. Nguồn gây tác động môi trường trong quá trình thi công xây dựng

TT	Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm
1	Hoạt động vận chuyển, dồn bùn đất bề mặt vào các khu vực trồng cây xanh và vận chuyển cát về san lấp mặt bằng KCN và quá trình san lấp tại mặt bằng	♣ ***Các tác động liên quan đến chất thải*** - Bụi rơi vãi và phát sinh từ quá trình vận chuyển đến công trường ; Từ quá trình san ủi mặt bằng KCN ; Khí thải của phương tiện vận chuyển như ôtô, hoạt động của máy móc san ủi: CO_x, SO_x, NO_x - Nước phát sinh từ quá trình san nền (nước rích ra từ quá trình san nền bằng cát) ; Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia trên công trường san nền ; Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng công trường. Nước thải từ trạm xịt rửa xe cộ ra vào công trường. - CTR: CTRSH từ hoạt động của cán bộ công nhân trên công trường. - CTNH: Từ quá trình thi công san nền: Dầu mỡ, ghẻ lau nhiễm dầu mỡ,…

TT	Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm
		♣ ***Các tác động không liên quan đến chất thải*** - Tác động do tiếng ồn và rung động từ các phương tiện máy móc thi công, hoạt động thi công san nền - Tác động do nhiệt ẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc trên công trường - Ngập úng cho khu vực dự án và khu vực xung xung quanh: Công tác san lấp mặt bằng gây cản trở dòng chảy, có thể tạo ra các vũng nước tù ở khu vực xây dựng và lân cận. - Tác động đến hệ sinh thái: Quá trình san lấp mặt bằng KCN làm mất thảm thực vật và hệ động vật tự nhiên khu vực dự án - Tác động đến môi trường đất - Tác động đến hệ sinh thái
2	Hoạt động thi công xây dựng hệ thống HTKT cho KCN ; hoạt động thi công xây dựng Trạm XLNT ; Hồ sự cố ; Khu lưu giữ rác thải tạm thời	♣ ***Các tác động liên quan đến chất thải*** - Bụi rơi vãi từ quá trình vận chuyển, vận chuyển VLXD bằng ôtô và từ các hoạt động thi công khác ; Khí thải của phương tiện vận chuyển và thi công trên công trường: CO_x, SO_x, NO_x - Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia trên công trường ; Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng công trường thi công : nước thải thi công ; Nước thải từ các hoạt động xịt rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường thi công. - Phế thải xây dựng ; CTRSH từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường san nền. - CTNH: Từ quá trình thi công san nền: Dầu mỡ, ghẻ lau nhiễm dầu mỡ,… ♣ ***Các tác động không liên quan đến chất thải*** - Tác động đến trữ lượng nước ngầm: Khi thực hiện dự án làm giảm diện tích thảm thực vật ; diện tích nền bê tông, nhựa, đất trống tăng sẽ hạn chế khả năng thấm xuống tầng nước ngầm. - Ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm nhiệt: Tiếng ồn và rung chủ yếu phát sinh từ các hoạt động của các máy móc thi công và phương tiện vận chuyển. - Tác động đến hệ thống kênh mương. - Tác động đến môi trường đất. - Tác động đến giao thông đường bộ. - Tác động gây ngập úng cục bộ khu vực dự án - Gia tăng tai nạn lao động, tai nạn giao thông trong khu vực. - Tác động đến hệ sinh thái khu vực.

3.1.1.2.2. Dự báo, đánh giá các tác động đến môi trường không khí

a) Bụi, khí thải từ hoạt động san nền mặt bằng KCN

(i). Bụi từ phương tiện thi công san nền

♣ *Tính toán lưu lượng xe ra vào, các giả thiết tính toán và hệ số phát thải*

**Lưu lượng xe ra - vào công trường*

- Đổ thải: Dự án sẽ nạo vét bùn, đất hữu cơ bề mặt dự án (256,68 ha) theo từng giai đoạn thực hiện. Sau khi trừ đi lượng để tận dụng để trồng cây xanh, khối lượng bùn đất được đổ thải ra bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng theo quy định còn khoảng 9.713,94 m^3.

- Cát san lấp: Khối lượng cát san nền tại dự án theo tính toán là 6.414.283 m^3, được chia thành 2 giai đoạn thực hiện theo hình thức cuốn chiếu. Dự án thực hiện mua cát san lấp tại công trường thi công nên toàn bộ trách nhiệm về khai thác, vận chuyển thuộc về phía Nhà thầu.

Dự án thực hiện san nền theo hình thức đào bỏ hữu cơ đến đâu thì san nền đến đó, theo từng giai đoạn thực hiện nên giai đoạn này sẽ được tính gộp cho cả quá trình bóc, vận chuyển đất hữu cơ và quá trình vận chuyển, san nền bằng cát cho đến khi KCN đạt cao độ +6,5m đến 7,65m.

Khối lượng san nền và tiến độ san nền cụ thể cho từng giai đoạn như sau:

Bảng 87. Tổng hợp khối lượng vận chuyển đất san nền

TT	Giai đoạn	Công việc	Tổng khối lượng bùn, cát vận chuyển (m^3)	Tiến độ thi công
1	Giai đoạn I	Vận chuyển đổ thải bùn đất	1.942,79	Tháng 1+2+3/2026 (3 tháng)
		Vận chuyển cát về công trường	1.282.857	
		Cộng 1	***1.284.799***	
2	Giai đoạn II	Vận chuyển đổ thải bùn đất	7.771,15	Tháng 1+2+3+4 +5+6/2027 (6 tháng)
		Vận chuyển cát về công trường	5.131.426	
		Cộng 2	***5.139.198***	
3	**Tổng cộng**		**6.423.996,94**	

Trong giai đoạn san lấp mặt bằng KCN Hòa Yên, việc san ủi và thi công tạo mặt bằng sẽ kéo theo nhiều tác động, ảnh hưởng đến môi trường. Nguồn phát sinh bụi và khí thải trong giai đoạn này chủ yếu từ các hoạt động đào đắp, vận chuyển đổ bỏ bùn đất thải, vận chuyển cát để san lấp và khí thải từ các phương tiện máy móc tham gia thi công trên công trường san nền. Số lượng xe vận chuyển cho từng giai đoạn thực hiện dự án được tính toán như sau:

- Giai đoạn I:

+ Tổng số lượt : 1.284.799/20 = 64.240 lượt (3 tháng)

+ Thời gian thi công : 12 h/ngày

+ Tần suất xe : 2,97 lượt xe vào /phút, làm tròn là 3 lượt/phút.

- Giai đoạn II:

+ Tổng số lượt : 5.139.198/20 = 256.960 lượt (6 tháng)

+ Thời gian thi công : 12 h/ngày

+ Tần suất xe : 5,94 lượt xe vào /phút, làm tròn là 6 lượt/phút

Như vậy, theo các số liệu làm tròn thì lượng xe ra vào công trường tại giai đoạn I và II lần lượt là: 3 lượt/phút; 6 lượt/phút.

- Các giả thiết để tính toán như sau:

+ Vận tốc xe chạy trung bình trên công trường : 20 km/h

+ Tải trọng trung bình : 40 tấn (20 m^3)

+ Số bánh xe trung bình : 12 cái/xe

+ Số xe vận chuyển trung bình : 180 lượt xe/giờ

+ Quãng đường trung bình vận chuyển : 4,0 km

** Hệ số phát thải*

- Theo *Công văn số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường* thì mức phát thải của chất ô nhiễm trong khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được xác định theo công thức:

$$E_{ij} = F_{cj} \times EF_{ij} \quad (1)$$

Trong đó:

- E_{ij} *: Mức phát thải của chất ô nhiễm) của phương tiện giao thông (g)*
- F_{cj} *: Quãng đường di chuyển của phương tiện giao thông (km)*
- Ef_{ij}*: Hệ số phát thải của chất ô nhiễm (g/km)*

Sử dụng hệ số phát thải cho xe tải theo hệ số EMEP/EEA của Châu Âu (*Công văn 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)* để ước tính tải lượng chất ô nhiễm từ hoạt động của phương tiện như sau:

Bảng 88. Hệ số phát thải của xe tải theo hệ số EMEP/EEA

TT	Loại xe	Hệ số phát thải (g/km)		
		CO	NO_x	PM2,5
1	Xe tải chạy xăng > 3,5 tấn	59,5	6,6	-
2	Xe tải chạy dầu ≤ 7,5 tấn	1,85	4,7	0,333
3	Xe tải chạy dầu 7,5 – 16 tấn	2,13	8,92	0,3344
4	Xe tải chạy dầu 16 – 32 tấn	1,93	10,7	0,418
5	Xe tải chạy dầu > 32 tấn	2,25	12,8	0,491

Từ bảng trên, tải lượng bụi cuốn theo xe trên tuyến đường vận chuyển đất

san nền về công trình để thi công xây dựng như sau:

Bảng 89. Tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển đất san nền

TT	Chỉ tiêu	Hệ số phát thải *(g/km)*	Tải lượng *(g/h)*	
			GĐ I	GĐ II
1	Bụi (PM2,5)	0,491	100,32	401,28
2	NO_x	12,8	1.076	4.304
3	CO	2,25	439	1.756

♣ *Kết quả tính toán dự báo ô nhiễm bụi từ quá trình san nền do các phương tiện thi công san nền gây ra trong phạm vi công trường*

Trên cơ sở các giả thiết, hệ số phát thải nêu trên, kết quả tính toán dự báo ô nhiễm bụi từ quá trình san nền do các phương tiện thi công san nền gây ra trong phạm vi công trường được nêu trong bảng sau:

Bảng 90. Dự báo tải lượng bụi phát sinh trong quá trình thi công san nền

Nguồn phát sinh	Hệ số phát sinh bụi	Lượng bụi phát sinh đơn vị (kg/1000 km.xe)	Tải lượng phát thải TB ngày (kg/ngày)	Tải lượng phát thải TB khi san lấp (tấn)
San lấp giai đoạn I	21.f	361,18	139,08	12,74
San lấp giai đoạn II		1.444,70	556,3	50,97

Nguồn: *Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí - Hướng dẫn các phương pháp đánh giá nhanh và sử dụng chúng trong QLMT - Phần I: Các phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm môi trường - Tổ chức Y tế thế giới, Geneva, 1993*

Ghi chú:

- f là hệ số phát sinh bụi thứ cấp khi xe chạy trên đường, có công thức tính bằng $f = v.M^{0,7}.n^{0,5}$*, trong đó:*

- v: Vận tốc trung bình của xe

- M: Tải trọng trung bình của xe

- n: Số bánh xe trung bình.

Các kết quả tính toán cho thấy lượng bụi gây ra do các phương tiện GTVT trên đường vận chuyển đổ bỏ bùn đất và vận chuyển cát san nền tại công trường trong thời gian thi công xây dựng trong giai đoạn I trung bình khoảng là 139,08 kg/ngày và giai đoạn II khoảng 556,3 kg/ngày. Hầu hết các loại bụi đất đá có kích thước lớn, khó phát tán xa nên chủ yếu gây ô nhiễm cục bộ tại khu vực công trường và trên các tuyến đường vận chuyển.

(ii). Dự báo ô nhiễm không khí do bụi cuốn lên từ mặt đất tại khu vực công trường trong quá trình thi công san nền

♣ *Tính toán tải lượng*

Trong thời gian san nền, bề mặt công trường là cát nên có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí dưới tác động của thời tiết, đặc biệt là gió cuộn trên bề mặt cuốn theo đất cát. Mức độ khuyếch tán bụi từ hoạt động san lấp mặt bằng căn cứ trên hệ số ô nhiễm (E):

$$\mathbf{E = k \times 0{,}0016 \times (U/2{,}2)^{1,4}/(M/2)^{1,3}\ (kg/tấn)\ \ (2)}$$

Trong đó:

E - Hệ số ô nhiễm, kg bụi/tấn đất;

k - Cấu trúc hạt có giá trị trung bình là 0,35;

U- Tốc độ gió trung bình 0,78 m/s (4)

M - Độ ẩm trung bình của vật liệu, khoảng 20%

$$\text{Vậy } E = 0{,}35 \times 0{,}0016 \times \left(\frac{2{,}9}{2{,}2}\right)^{1,4} \div \left(\frac{0{,}2}{2}\right)^{1,3} = 0{,}01645 \text{ (kg bụi/tấn đất).}$$

Tính toán khối lượng bụi phát sinh từ việc đào và đắp đất cho từng hạng mục công trình của công trình theo công thức sau:

$$\mathbf{W = E \times Q \times d\ \ (3)}$$

Trong đó:

W: Lượng bụi phát sinh bình quân (kg)

E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất)

Q: Lượng đất đào đắp (m^3)

d: Tỷ trọng đất đào đắp (d = 1,5÷2,0 tấn/m^3)

Theo thuyết minh dự án đầu tư, lượng bụi phát sinh trong một ngày tại mỗi giai đoạn như sau:

Bảng 91. Lượng bụi phát sinh trong một ngày tại mỗi giai đoạn

TT	Nội dung	Giai đoạn I	Giai đoạn II
1	Tổng khối lượng đào đất, đắp cát	1.284.799 m^3 Hay 1.284.799 × 1,5 = 1.927.199,08 tấn	5.139.198 m^3 Hay 5.139.198 × 1,5 = 7.708.796,33 tấn
2	Tổng lượng bụi phát sinh trong suốt quá trình san lấp mặt bằng	0,01645 × 1.927.199,08 = 31.702,42 kg	0,01645 × 7.708.796,33 = 126.809,7 kg

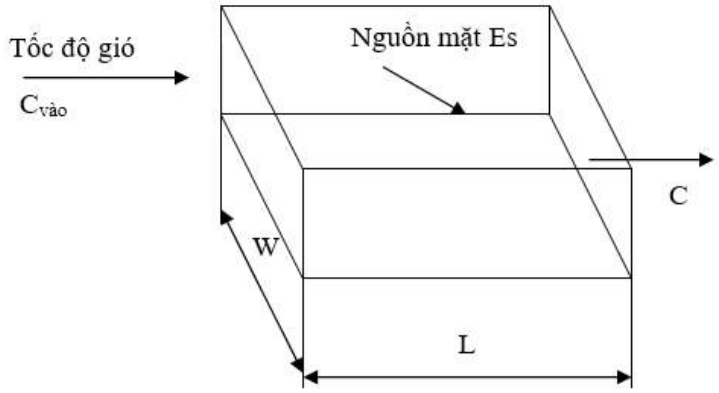
(4): Tốc độ gió trung bình năm được xác định theo Chương II

TT	Nội đung	Giai đoạn I	Giai đoạn II
3	Lượng bụi phát sinh trong một ngày	31.702,42 / 90 = 352,25 kg/ngày *(Thời gian san nền là 3 tháng)*	126.809,7 / 180 = 704,5 kg/ngày *(Thời gian san nền là 6 tháng)*

♣ *Tính toán nồng độ và so sánh*

Ở mỗi độ cao khác nhau thì đặc điểm không khí và tốc độ gió sẽ khác nhau, hơn nữa, bụi phân tán không theo chiều thẳng đứng mà theo hướng gió. Tuy nhiên, để giải được bài toán này thì không hề đơn giản do nhiều yếu tố đầu vào biến đổi phức tạp. Để đơn giản hoá, xét nồng độ chất ô nhiễm trên một diện tích bằng cách sử dụng hình hộp khí điển hình, thừa nhận khối không khí ở trên vùng ô nhiễm bất kỳ được hình dung là hình hộp có một cạnh đáy song song với hướng gió có sơ đồ sau:

Hình 110. Mô hình phát tán không khí nguồn mặt



Để tính toán với với một quần thể ô nhiễm trong hộp, số lượng chất ô nhiễm trong hộp là tích số của lưu lượng không khí và nồng độ chất ô nhiễm. Mức độ tăng trưởng chất ô nhiễm trong hộp là hiệu số của lượng ô nhiễm đi ra khỏi hộp và lượng ô nhiễm đi vào hộp theo định luật cân bằng vật chất:

Mức độ thay đổi ô nhiễm trong hộp	=	Tổng mức độ ô nhiễm trong hộp	-	Mức độ ô nhiễm ra khỏi hộp

Coi công trường thực hiện dự án như chiếc hộp với tốc độ gió theo chiều cao không thay đổi cũng như các yếu tố khí hậu khác không biến đổi theo chiều cao. Thừa nhận luồng gió thổi vào hộp là không ô nhiễm và nồng độ ô nhiễm không khí trong hộp (khu vực xác định) ở thời điểm ban đầu là $C_{(0)} = 0$, thì có thể xác định nồng độ chất ô nhiễm nguồn mặt dạng đơn giản như sau:

$$\mathbf{C = (10^3 \times E_s \times L) / U \times H \quad (4)}$$

Trong đó:

C - Nồng độ chất ô nhiễm trong hộp không khí (µg/m^3);

E_s - Lượng phát thải ô nhiễm tính trên đơn vị diện tích (mg/m^2.s);

H - Chiều cao xáo trộn (m), phụ thuộc vào điều kiện ổn định của khí quyển (thay đổi theo thời gian trong ngày);

L - Chiều dài hộp khí (cùng chiều với hướng gió) (m), tính trên diện tích khu vực dự án theo từng giai đoạn: Giai đoạn I diện tích 60 ha; Giai đoạn II diện tích 196,68 ha

U - tốc độ gió trung bình thổi vuông góc với hộp (m/s), U = 0,78 m/s (theo số liệu tại Chương II).

Bảng 92. Chiều cao xáo trộn

TT	Thời điểm	Hiện tượng xấu	**Chiều cao xáo trộn** (m)
1	Buổi sáng đến trưa	Nghịch nhiệt	50 - 500
2	Buổi chiều (13h-18h)	Bình thường	600 - 2000

Dựa trên tải lượng ô nhiễm bụi trong giai đoạn xây dựng, trên diện tích khu vực công trường, lượng phát thải E_s sẽ là: 0,046 mg/m^2/s.

Thay các giá trị vào công thức trên, nồng độ chất ô nhiễm trung bình trên toàn bộ khu vực dự án được thể hiện tại bảng sau, với những độ cao xáo trộn khác nhau (ở các thời điểm khác nhau trong ngày).

Bảng 93. Nồng độ bụi trong giai đoạn thi công xây dựng KCN

TT	**Chiều cao xáo trộn** (m)	**Nồng độ bụi** (µg/m^3)	
		GĐ 1	**GĐ 2**
1	10	89,013	59,091
2	20	46,924	36,932
3	50	39,558	29,545
QCVN 05:2023/BTNMT	***Trung bình 1 h***	***300***	
	Trung bình 24 h	***200***	

Với kết quả tính toán định lượng như trên, kết quả thu được so sánh với QCVN trung bình trong 1h nhận thấy rằng trong khu vực dự án, bụi tập trung nhiều nhất ở độ cao 10m. Nồng độ bụi, khí thải ở các độ cao khác nhau đều nhỏ hơn giá trị cho phép trong quy chuẩn. Hầu hết loại bụi này có kích thước lớn, nên sẽ không phát tán xa. Vì vậy, chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân tham gia thi công. Các đối tượng khác cách rất xa công trường nên không bị tác động.

(iii). Dự báo ô nhiễm không khí tại 2 bên đường vận chuyển trong giai đoạn thi công san nền dự án

Trong giai đoạn thi công san nền dự án, do tập trung nhiều xe vận chuyển hoạt động nên lựa chọn để tính toán điển hình ô nhiễm khuyếch tán khí thải giao thông.

Tải lượng các chất ô nhiễm đã được tính toán trong các mục trên, áp dụng mô hình Sutton xác định được nồng độ trung bình ở một điểm bất kỳ như sau:

$$C = \frac{0,8\left\{\exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right]\right\}}{\sigma_z.u} \quad (mg/m^3) \quad \textbf{(5)}$$

Trong đó:

C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m^3)

E - Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m/s)

z - Độ cao của điểm tính toán (m)

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m)

u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s)

σ_z *- Hệ số khuyếch tán chất ô nhiễm theo phương z (m)*

Các giả thiết để tính toán như sau:

- Để đánh giá mức độ tác động của khí thải giao thông trên đường vận chuyển vật liệu san nền đến khu vực xung quanh đường, phương pháp tính tọa độ tọa điểm tính với khoảng chia 3 m trên trục ngang X và 0,5 m trên trục đứng Z. Nồng độ chất ô nhiễm ứng với mỗi tọa độ tính toán.

- Hướng gió: Về mùa Hè *(tháng 7),* hướng gió chính của khu vực là hướng Đông Nam và về mùa Đông *(tháng 1)*, hướng gió là hướng Đông Bắc, góc gió tới là 45^0. Mức độ bền vững khí quyển là loại B.

- Tính toán trong điều kiện bình thường:

Bảng 94. Nồng độ của các chất ô nhiễm trong không khí xung quanh

Tuyến đường ĐT.398	**Mùa hè** (tháng 7)				**Mùa đông** (tháng 1)			
	Hướng gió	**Vtốc gió TB**	**Nhiệt độ**	**Độ ổn định kp**	**Hướng gió**	**Vtốc gió TB**	**Nhiệt độ**	**Độ ổn định kp**
ĐT.398	Tây Nam	2,0 m/s	30,7^{0}C	B	Đông Bắc	1,9 m/s	16,9 ^{0}C	B

Ghi chú:

- Nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 (Theo Chương II)

- Tốc độ gió trung bình tháng 1 và tháng 7 (Theo Chương II)

- Độ bền vững của khí quyển lấy theo mức B

Hệ số khuyếch tán σ_z ở công thức trên phụ thuộc vào sự khuyếch tán của khí quyển. Sự khuyếch tán ban đầu của khí thải từ các phương tiện tham giao thông trên đường được giả thiết là phụt thanh luồng. Giá trị của hệ số khuyếch tácn theo phương ngang được tính toán Slade với sự ổn định của khí quyển là B

theo khoảng cách X(m) từ điểm tính đến nguồn ô nhiễm theo chiều gió được tính theo công thức: $\sigma_z = 0,53x^{0,73}$.

Tổng hợp kết quả tính toán trong bảng sau:

Bảng 95. Kết quả tính toán lan truyền khí thải giao thông

Giai đoạn	Thời gian	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/m^3) theo khoảng cách			
		12m ; SO_2	12 m ; Bụi	20 m ; SO_2	20 m ; Bụi
GĐ 1	Mùa Hè	0,07	0,14	0,08	0,11
	Mùa Đông	0,09	0,11	0,13	0,15
GĐ 2	Mùa Hè	0,08	0,16	0,09	0,09
	Mùa Đông	0,1	0,9	0,12	0,11
QCVN 05:2023/BTNMT, (Trung bình 1h)		***0,125***	***0,2***	***0,125***	***0,2***

Ghi chú: *Do tuyến chọn để tính toán là ĐT.398 có mặt đường 24 m nên lựa chọn khoảng cách tính toán từ tim đường sang 2 bên là 12m và 20m.*

Tham khảo kết quả quan trắc môi trường không khí tại điểm ven đường ĐT.398 (1 điểm) đoạn cổng KCN để dự báo nồng độ bụi và khí SO_2 trong giai đoạn vận chuyển đất đá thải và cát san nền như sau:

Bảng 96. Kết quả tính toán nồng độ bụi và khí thải ven đường giao thông

Giai đoạn	Thời gian	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/m^3) theo khoảng cách			
		12m ; SO_2	12 m ; Bụi	20 m ; SO_2	20 m ; Bụi
GĐ 1	Mùa Hè	0,134	0,256	0,144	0,226
	Mùa Đông	0,154	0,226	0,194	0,266
GĐ 2	Mùa Hè	0,261	0,257	0,236	0,254
	Mùa Đông	0,249	0,234	0,212	0,261
QCVN 05:2023/ BTNMT, (Trung bình 1h)		***0,35***	***0,3***	***0,35***	***0,3***

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ bụi và nồng độ khí SO_2 ở cách 12,0 m và 20,0 m tính từ tim đường ĐT.398 về mùa Hè và mùa Đông ứng với lưu lượng xe vận chuyển ra vào đến 2 bên đường đều thấp hơn GHCP theo QCVN 05:2023/ BTNMT, trung bình trong 1h. Nếu so sánh nồng độ này với giá trị trung bình trong 24h sẽ vượt GHCP *(giá trị quan trắc chất lượng môi trường không khí cũng được thực hiện trong 1h nên giá trị môi trường nền cao hơn giá trị trung bình trong 24h).*

Như vậy, có thể đưa ra một số kết luận như sau: Sẽ không xảy ra tình trạng ô nhiễm do bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển vật liệu cát san nền về công trường và vận chuyển đất đá đi đổ thải đến 2 bên xung quanh đường ĐT.398. Các tuyến đường khác được tính toán tương tự. Tuy nhiên, kết quả tính toán này không áp dụng khi các xe tải vận chuyển cát quá đầy, không

đúng tải trọng, rơi vãi ra môi trường, gây ô nhiễm bụi hoặc các xe không sạch hoặc do chất lượng đường không tốt.

b) Bụi từ hoạt động thi công hệ thống HTKT KCN

(i). Bụi từ hoạt động thi công hệ thống HTKT

Theo "*Công văn số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường"* thì lượng phát thải bụi từ hoạt động xây dựng được tính toán theo công thức:

$$\mathbf{EM_{PM} = EF_{PM} \times A_{af} \times d \quad (6)}$$

Trong đó:

- EM_{PM} : Lượng phát thải bụi PM (kg PM)

- EF_{PM} : Hệ số phát thải của thông số bụi (kg PM/[m²×năm]). Hệ số phát thải Bụi PM_{10} và $PM_{2,5}$ được tham khảo từ Bảng 3.1 mục 2.A.5.b trong hướng dẫn kiểm kê khí thải của Châu Âu (2023) với EF_{PM10} = 0,086kg/m^2/năm và $EF_{PM2,5}$ = 0,0086 kg/m^2/năm.

- A_{af} : Diện tích xây dựng (m^2)

- d: Thời gian xây dựng công trình (năm)

Áp dụng công thức **(6),** tính toán lượng bụi phát thải theo từng giai đoạn của dự án trong bảng sau:

Bảng 97. Lượng bụi phát thải theo từng giai đoạn của dự án

TT	Thông số	Khối lượng		Đơn vị
		GĐ I	GĐ II	
1	Thời gian xây dựng các hạng mục công trình	1	2	năm
2	Diện tích xây dựng	60	196,68	ha
		500.000	2.066.800	m^2
3	Lượng bụi phát thải	47.300	391.038,6	kg

Áp dụng phương pháp hình hộp, nồng độ chất ô nhiễm phát tán vào môi trường không khí được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{C_i = M_i(kg/ngày) \times \frac{10^6}{S \times h \times t} \quad (mg/m^3) \quad (7)}$$

Trong đó:

Ci: Nồng độ chất ô nhiễm i phát tán vào môi trường không khí (mg/m^3.giờ)

Mi: Tải lượng chất ô nhiễm i (kg/ngày)

S: diện tích khu vực chịu ảnh hưởng (m^2)

h: chiều cao đo các thông số khí tượng, h = 10m

t: thời gian (giờ)

Áp dụng công thức **(7)**, ước tính tải lượng và nồng độ bụi trung bình phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình tại các giai đoạn của dự án như sau:

Bảng 98. Tải lượng và nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động thi công hệ thống HTKT

TT	Thông số	Khối lượng		Đơn vị
		GĐ I	GĐ II	
1	Thời gian xây dựng các hạng mục công trình	12	24	tháng
		360	720	ngày
2	Diện tích xây dựng	60	196,68	ha
		500.000	2.066.800	m^2
3	Thời gian làm việc	12	12	tiếng
4	Hệ số phát thải bụi PM2,5	0,0046	0,0097	kg/m^2/năm
	Hệ số phát thải bụi PM10	0,046	0,097	kg/m^2/năm
5	Tải lượng bụi trung bình	48.318,180	78.812,1	kg/giai đoạn
		109,596	229,661	kg/ngày
6	Nồng độ bụi trung bình (1h)	1.589,41	2.989,81	µg/m^3
7	***QCVN 05:2023/BTNMT (1h)***	***300***		***µg/m^3***

So sánh với QCVN 05:2023/BTNMT *(TB 1h, nồng độ bụi tối đa cho phép là 300 µg/m^3 trung bình 1 giờ)* cho thấy nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình cao hơn QCCP nhiều lần.

(ii). Bụi phát sinh từ khu tập kết nguyên vật liệu xây dựng

Theo dự án đầu tư, việc vận chuyển VLXD đến công trường thi công sẽ diễn ra bằng đường bộ, sử dụng xe có tải trọng 20 m^3 (40 tấn). Theo ước tính của phần dự toán chi tiết, khối lượng VLXD cần vận chuyển để thi công các hạng mục công trình là 526.200 tấn và được chia theo các giai đoạn thực hiện tương đối như sau;

- Giai đoạn 1: 105.240 tấn × 2.631 chuyến/9 tháng → 10 chuyến/ngày.
- Giai đoạn 2: 420.960 tấn × 10.524 chuyến/18 tháng → 20 chuyến/ngày.

Trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng tại khu vực tập kết sẽ làm phát tán bụi ra môi trường. Nồng độ bụi phát sinh từ khu vực tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng tại các giai đoạn của dự án theo công thức **(7)** được dự báo trong bảng dưới đây:

Bảng 99. Nồng độ bụi phát sinh từ khu vực tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng

tại các giai đoạn của dự án

TT	Nguồn phát sinh	Tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ bụi TB 1h ($\mu g/m^3$)	QCVN 05:2023/BTNMT TB 1h ($\mu g/m^3$)
1	Giai đoạn I (60 ha)	247,94	265,3	**300**
2	Giai đoạn II (196,68 ha)	263,10	281,5	

So sánh với QCVN 05:2023/BTNMT *(trung bình 1 giờ, nồng độ bụi là 300 $\mu g/m^3$),* nồng độ bụi phát sinh phát sinh từ khu vực tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng của công trình dự báo nằm trong QCCP.

(iii). Khí thải từ công đoạn hàn

Nhiều hoạt động khác trong quá trình thi công xây dựng sẽ phát sinh bụi và khí thải độc hại, đặc biệt là từ quá trình hàn để kết nối các kết cấu kim loại. Quá trình này làm phát sinh bụi hơi oxit kim loại như: Mangan ôxyt, sắt ôxyt,...

Bảng 100. Thành phần bụi khói một số loại que hàn

Loại que hàn	MnO_2 (%)	SiO_2 (%)	Fe_2O_3 (%)	Cr_2O_3 (%)
Que hàn baza UONI 13/4S	1,1 - 8,8/4,2	7,03 - 7,1/7,06	3,3 - 62,2/47,2	0,002 - 0,02/0,001
Que hàn Austent bazo		0,29 - 0,37/0,33	89,9 - 96,5/93,1	

Nguồn: *TS. Ngô Lê Thông, Công nghệ hàn điện nóng chảy (Tập 1)*

Ngoài ra, các loại hóa chất trong que hàn bị cháy và phát sinh khói có chứa các chất độc hại có khả năng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình hàn điện nối các kết cấu phụ thuộc vào loại que hàn như sau:

Bảng 101. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh trong quá trình hàn

TT	Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
		2,5	**3,25**	**4**	**5**	**6**
1	CO *(mg/1 que hàn)*	10	15	25	35	50
2	NO_x *(mg/1 que hàn)*	12	20	30	45	70

Khí thải từ công đoạn hàn không cao so với ô nhiễm từ các nguồn khác, tuy nhiên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến những công nhân hàn. Với các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân phù hợp, người hàn khi tiếp xúc với các loại khí độc hại sẽ tránh được những tác động xấu đến sức khỏe.

Với đặc thù là dự án thi công xây dựng hệ thống HTKT, lượng que hàn cần dùng trung bình là 0,025 kg/m^2 *{Định mức này được trích dẫn từ "Sổ tay định mức tiêu hao năng lượng hàn" của TS. Hoàng Tùng - Đại học Bách Khoa Hà Nội,*

định mức này áp dụng cho các công trình xây dựng dân dụng}. Tính toán tổng lượng que hàn cần dùng tại các giai đoạn của dự án như sau:

Bảng 102. Tổng lượng que hàn cần dùng tại các giai đoạn của dự án

TT	Thông số	GĐ 1	GĐ 2	Đơn vị
1	Tổng lượng que hàn cần dùng	1.278 × 0,025 = 31,95	5.112 × 0,025 = 127,8	kg
2	Số que hàn *(Giả thiết sử dụng loại que hàn đường kính trung bình 4 mm, tương đương 25 que/kg)*	798,75	3.195	que
3	Thời gian thi công	9	18	tháng
4	Số que hàn trung bình ngày	2,96	5,92	que/ngày

Tải lượng khí thải phát sinh ra từ quá trình hàn:

- CO = 15 × 1,0 = 15 mg/h.
- NO_x = 30 × 1,0 = 30 mg/h.

Theo Viện Kỹ thuật nhiệt đới và BVMT thành phố Hồ Chí Minh thì lượng khí tạo thành khi đốt cháy hoàn toàn 1 que hàn là ở 25^0C khoảng 0,8 m^3. Kết quả dự báo ô nhiễm môi trường không khí từ công đoạn hàn được trình bày trong bảng sau:

Bảng 103. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong công đoạn hàn

Giai đoạn	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ chất ô nhiễm	QCVN 19:2024 (B)
GĐ I	NO_x	mg/Nm^3	3,59	***400***
	CO	mg/Nm^3	1,05	
GĐ II	NO_x	mg/Nm^3	11,36	
	CO	mg/Nm^3	3,21	

Ghi chú: *QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp*

→ ***Như vậy***, khí thải từ công đoạn hàn đều nằm trong GHCP theo QCVN 19:2024/BTNMT, mức B. Ngoài ra, trong quá trình thi công xây dựng diễn ra trong không gian lớn nên dễ khuyếch tán vào môi trường không khí.

→ Đánh giá quy mô, mức độ tác động và đối tượng bị tác động do bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng trên công trường khi chưa có biện pháp giảm thiểu:

- Quy mô không gian chịu tác động: Không khí trong khu vực công trình và xung quanh khu vực thi công.

- Mức độ tác động: Trung bình, diễn ra liên tục trong giai đoạn thi công, sẽ kết thúc khi hoàn thành thi công xây dựng

- Đối tượng chịu tác động: Công nhân trực tiếp thi công tại công trường và người dân sống xung quanh công trình, môi trường khu vực.

(iv). Bụi, khí thải độc hại phát sinh từ động cơ đốt trong của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường

♣ *Nguồn phát sinh*

Ô nhiễm môi trường khí do khí thải từ các phương tiện xe - máy vận chuyển, thi công trên công trường từ các nguồn sau:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các phương tiện thi công, các phương tiện vận chuyển nguyên VLXD ra - vào công trường.

- Thành phần, nồng độ: Khí ô nhiễm chứa sản phẩm từ quá trình đốt nhiên liệu của các động cơ như: NOx, SO_2, CO, CO_2, C_xH_y.

- Tải lượng, nồng độ: Ước tính tương đối cho một môđun đơn vị thiết bị phục vụ công tác thi công xây dựng được vận hành đồng bộ trong cùng 1 ngày.

- Tính chất và thành phần của dầu DO được sử dụng trong quá trình thi công đã được trình bày tại bảng sau:

Bảng 104. Thành phần và tính chất dầu DO

TT	Chỉ tiêu - đơn vị	Mức quy định (thông dụng)	
1.	Trị số Xêtan	Min	45
2.	Thành phần cất (^{0}C)		
	- Điểm cất 50% VOL	max	290
	- Điểm cất 90% VOL	max	370
3.	Độ nhớt/40^{0}C (mm^2/s) (cS1)	max	1,8 -5,0
4.	Nhiệt độ bắt cháy cốckin (^{0}C)	min	60,00
5.	Điểm đông đặc (^{0}C)	max	9,00
6.	Hàm lượng tro (%Wt)	max	0,02
7.	Hàm lượng nước (%VOL)	max	0,05
8.	Hàm lượng lưu huỳnh (%Wt)	max	0,05
9.	Ăn mòn đồng, 3 giờ/50^{0}C	max	N-1
10.	Màu sắc (ASTM)	max	N-2
11.	Tỷ trọng/15^{0}C (g/cm^3)	max	0,87

Theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26/12/2019 về *"Hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công"* thì tổng hợp nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các thiết bị xây dựng trên công trường trong giai đoạn thi công như sau:

Bảng 105. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các thiết bị tham gia thi

công xây dựng theo từng giai đoạn dự án

TT	Thiết bị, phương tiện	Lượng dầu/thiết bị (lít/ca máy)	Dầu DO sử dụng GĐ1 (lít)	Dầu DO sử dụng GĐ2 (lít)
1.	Ôtô 30 tấn	20	5.886	8.977
2.	Ôtô 20 tấn	15	611	931
3.	Máy đào 1,6 m^3	10	299	456
4.	Máy đầm bánh hơi tự hành 16 tấn	30	7.637	11.648
5.	Máy đầm bánh hơi tự hành 25 tấn	20	2.806	4.279
6.	Máy đầm bánh hơi tự hành 9 tấn	20	2.276	3.471
7.	Máy đầm bàn 1 kW	30	3.120	4.758
8.	Máy đầm dùi 1,5 kW	35	1.425	2.173
9.	Máy lu 10T	20	1.471	2.244
10.	Máy lu bánh lốp 16T *(Đầm bánh hơi)*	15	611	931
11.	Máy lu rung 25 tấn	16	1.742	2.657
12.	Máy nén khí động cơ diezen 600 m^3/h	10	2.418	3.688
13.	Máy ủi 108CV	60	7.151	10.907
14.	Máy rải 130-140 CV	65	6.791	10.357
15.	Máy rải 50-60 m^3/h	40	1.923	2.933
16.	Máy trộn bê tông 500 lít	25	8.240	12.568
17.	Máy xúc 2,3 m^3/gầu	30	11.949	18.224
18.	***Tổng cộng***		***73.802***	***112.560***

♣ *Tính toán tải lượng và nồng độ ô nhiễm khí thải từ các phương tiện máy móc thi công*

Căn cứ lượng khí thải độc hại phát sinh khi sử dụng 1 tấn dầu đối với động cơ đốt trong theo tài liệu *"Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải tập 1- Ô nhiễm không khí tính toán khuyếch tán chất ô nhiễm của GS. Trần Ngọc Chấn"* thì hệ số phát thải của một số chất ô nhiễm đặc trưng trong khí thải do đốt cháy nhiên liệu xăng và dầu để vận hành các máy móc, thiết bị thi công trên công trường là:

Bảng 106. Hệ số ô nhiễm của các chất trong khí thải khi đốt nhiên liệu

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (kg/tấn nhiên liệu)
1	Bụi	0,36
2	SO_2	0,01
3	NOx	2,6
4	CO	0,71
5	VOC	0,354

Theo **(CT 4)**, tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong khí thải phát sinh từ động cơ đốt trong của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường của dự án dự báo là:

Bảng 107. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm từ quá trình đốt nhiên liệu

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (kg/tấn nhiên liệu)	Tải lượng ô nhiễm (kg/giờ)	Nồng độ ($\mu g/m^3$)	QCVN 05:2023/ BTNMT ($\mu g/Nm3$)
1	Bụi (*)	0,36	0,0019	91,809	***300***
2	Bụi (**)		0,0058	101,358	
3	SO_2 (*)	0,01	0,00005	96,303	***350***
4	SO_2 (**)		0,0001	105,681	
5	NOx (*)	2,6	0,0137	65,090	***200***
6	NOx (**)		0,0324	95,501	
7	CO (*)	0,71	0,0037	0,216	***30.000***
8	CO (**)		0,0081	0,566	

***Ghi chú**: (*): Giai đoạn 1 ; (**): Giai đoạn 2*

Kết quả tính toán ở bảng trên cho thấy khi tất cả các máy thi công cùng hoạt động tại khu vực dự án, nồng độ các chất ô nhiễm trong khói thải do đốt nhiên liệu của các phương tiện thi công nằm trong QCCP theo QCVN 05:2023/BTMT trung bình 1 giờ.

Tuy nhiên, các dự báo trên tính trong trường hợp tất cả các máy móc thi công cùng hoạt động một thời điểm, trên thực tế, tất cả các máy thi công không cùng hoạt động trên công trường một thời điểm mà sẽ hoạt động luân phiên theo từng đợt, tùy theo tiến độ và phương án thi công của dự án. Hơn nữa, tác động này không thường xuyên, chỉ diễn ra trong thời gian thi công. Đồng thời, chủ dự án cũng sẽ áp dụng các biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động này tới môi trường.

(v). Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch mặt đường trước khi rải bê tông nhựa

Sau khi đào đắp và lu lèn dự án sẽ cần phải làm sạch mặt đường để rải bê tông nhựa theo đúng thiết kế. Quá trình làm sạch bề mặt đường sẽ phát sinh ra một lượng bụi lớn nếu sử dụng biện pháp thổi bụi truyền thống. Tuy nhiên, tại dự án sẽ không tiến hành sử dụng khí nén để thổi bụi mà sử dụng phương tiện cơ giới để hút bụi trước khi thảm nhựa asphals để tránh phát tán gây ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên hoạt động làm sạch bề mặt đường diễn ra không liên tục, do quá trình thi công đường theo phương pháp tuần tự, chia làm nhiều phân đoạn nên tác động phát tán trong không khí chỉ tại một thời điểm. Đồng thời, Chủ đự án sẽ thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu nhằm hạn chế các tác động này đến sức khỏe của người công nhân, cũng như môi trường xung quanh khu vực dự án.

(vi). Đánh giá quy mô, mức độ tác động và đối tượng bị tác động do bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng

- Quy mô không gian chịu tác động: Tại công trường và dọc tuyến đường vận chuyển của công trình (ĐT.398B, Vành đai 4,...)

- Mức độ tác động: Trung bình, diễn ra liên tục trong giai đoạn thi công, sẽ kết thúc khi hoàn thành thi công xây dựng.

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường không khí, dân cư, thảm thực vật dọc tuyến đường vận chuyển.

Bảng 108. Tổng hợp tác động của các chất gây ô nhiễm không khí

Chất gây ô nhiễm	Tác động đến môi trường và sức khỏe con người
Bụi	- Gây kích thích hô hấp, xơ hoá phổi, ung thư phổi - Gây tổn thương da, giác mạc mắt, bệnh đường tiêu hoá
Khí axit (SO_x, NO_x)	- Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, phân tán vào máu - SO_2 có thể nhiễm độc qua da, làm giảm dự trữ kiềm trong máu. - Tạo mưa axit ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của cây trồng. - Tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá huỷ vật liệu bê tông và các công trình nhà cửa. - Ảnh hưởng xấu đến khí hậu, hệ sinh thái và ozone
Oxyt Cacbon (CO)	- Giảm khả năng vận chuyển ôxy của máu đến các tổ chức, tế bào do CO kết hợp với Hermoglobin và biến thành Cacboxyhermoglobin.
Khí Cacbonic (CO_2)	- Gây rối loạn hô hấp phổi. - Gây hiệu ứng nhà màng. - Tác động đến hệ sinh thái.
Tổng Hydrocacbon (THC)	- Gây nhiễm độc cấp tính: suy nhược, chóng mặt, nhức đầu, rối loạn giác quan có khi gây tử vong

3.1.1.2.3. Đánh giá, dự báo các tác động do nước mưa, nước thải

a) Đánh giá, dự báo các tác động do nước mưa, nước thải trong giai đoạn thi công san nền

(i). Nước thải từ quá trình đổ cát san nền

Cát khi mới nạo vét, khai thác từ các mỏ ở bãi bồi, dưới lòng sông chắc chắn sẽ chứa nhiều nước nhưng trong chứa tại bãi khai thác và quá trình vận chuyển từ khu vực khai thác trên quãng đường vận chuyển đến công trường khoảng 30-50 km về cơ bản đã rích hết nước, độ ẩm trong cát còn khoảng 20%. Khi được trút đổ lên mặt bằng KCN về cơ bản sẽ không phát sinh nước.

(ii). Nước mưa chảy tràn

♣ *Lưu lượng nước mưa chảy tràn*

Trong giai đoạn san nền, nước mưa chảy tràn trên mặt bằng có thể kéo theo cát và có thể gây ảnh hưởng tới hệ thống kênh mương xung quanh và có thể tràn ra kênh tiêu Cầu Chi, tràn vào các khu vực dân cư xung quanh, nhất là khi có mưa lớn trong khi trong giai đoạn san nền thì chưa thể hoàn thiện được hệ thống cống thoát nước cũng như các cửa xả nước mưa nên khu vực công trường san nền có khả năng xảy ra ngập úng tại môt số điểm thấp hơn. Tuy nhiên, lưu lượng nước mưa phụ thuộc nhiều vào chế độ khí hậu của khu vực và thường chỉ tập trung vào một số tháng trong năm. Trong thời gian này lượng nước mưa của toàn khu vực cũng lớn nên nồng độ chất ô nhiễm giảm nhanh, khả năng gây ra các ảnh hưởng xấu là không đáng kể.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bề mặt công trường thi công được tính theo phương pháp cường độ mưa giới hạn (TCVN 7957:2023):

$$\mathbf{Q = q \times F \times \beta \times \psi} \qquad \mathbf{(8)}$$

Trong đó:

- ψ : *Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, xác định theo Bảng 3 - TCVN 7957:2023.*
- β : *Hệ số phân bố mưa, xác định theo Bảng 4 - TCVN 7957:2023*
- *Q* : *Lưu lượng nước tính toán (m^3/s);*
- *F* : *Diện tích lưu vực thoát nước mưa được tính tối đa bằng tổng diện tích của dự án trong từng giai đoạn thi công (ha);*
- *q* : *Cường độ mưa tính toán ($m^3/s.ha$)*

$$\boldsymbol{q = \frac{A\,(l + ClgP)}{(tb)^n} \times K} \qquad \mathbf{(9)}$$

Trong đó:

- *q* : *Cường độ mưa tính toán (l/s.ha)*
- *P* : *Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm);*
- *t* : *Thời gian dòng chảy mưa (phút);*
- *A, C, b, n* : *Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương theo phụ lục A, đối với vùng không có thì tham khảo vùng lân cận;*
- *K* : *Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy ≥ 1, phụ thuộc vào kịch bản biến đổi khí hậu từng địa phương và theo khuyến nghị của các cơ quan chuyên môn về khí tượng thủy văn ở khu vực.*

1) Để tính toán cường độ mưa tại dự án lựa chọn các thông số như sau:

- Thời gian dòng chảy mưa lựa chọn là 60 phút

- Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán theo Bảng 1 tại TCVN 7953-2023:

Bảng 109. Chu lỳ lặp lại trận mưa tính toán P (năm)

Loại công trình thoát nước	Loại đô thị		
	Đặc biệt và loại I	**Loại II, III và IV**	**Loại V**
Sông thoát nước	≥20	≥10	≥10
Kênh, mương	10÷20	5÷10	2÷5
Cống chính	5÷10	2÷5	1÷2
Cống nhánh	1÷2	0,5÷1	0,33÷0,5
CHÚ THÍCH: 1) Chu kỳ lặp lại trận mưa gây tràn cống không sử dụng để tính toán kênh mương thoát nước thủy lợi nội đồng chảy trong ranh giới hành chính đô thị, điểm dân cư nông thôn. 2) Nếu sông trong đô thị ngoài chức năng tiêu thoát nước còn phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp hoặc hoạt động giao thông vận tải thì khi chọn P cần tham khảo thêm các quy định trong các tiêu chuẩn thiết kế công trình thủy lợi và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan khác. 3) Khi tính toán hệ thống thoát nước mặt phải xem xét đến khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu theo các kịch bản Quốc gia. 4) Đối với các đô thị hay khu vực đô thị có địa hình đồi núi, khi diện tích lưu vực thoát nước lớn hơn 150ha, độ dốc địa hình lớn hơn 0,02 nếu tuyến cống chính nằm ở vệt trũng của lưu vực thì không phân biệt quy mô đô thị. Giá trị P cần lấy lớn hơn quy định trong *Bảng 2* này, có thể chọn P bằng 10 - 20 năm dựa trên sự phân tích tổng hợp độ rủi ro và mức độ an toàn của công trình.			

Dự án nằm trong khu đô thị loại IV sau khi thu gom nước mưa sẽ thoát ra hệ thống kênh, mương nên P = 5÷10 (năm) chọn giá trị P = 5.

- Tham số A, C, b, n xác định theo phụ lục A1 - Hằng số khí hậu trong công thức cường độ mưa của một số thành phố: Dự án nằm tại tỉnh Bắc Ninh nên các giá trị A, C, b, n là: A = 7650, C = 0,55, b = 28, n = 0,85.

- Lựa chọn giá trị K = 1

→ Thay các giá trị trên vào **(9),** tính toán được cường độ mưa tại khu vực dự án là q = 19,21 (l/s.ha) hay q = 0,02 m^3/s.ha.

2) Để tính toán lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bề mặt công trường thi công lựa chọn các thông số như sau:

- Hệ số dòng chảy tại dự án xác định theo Bảng 3 - TCVN 7957:2023:

Bảng 110. Hệ số dòng chảy C phụ thuộc vào chu kỳ lặp lại P

Tính chất bề mặt thoát nước	Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P (năm)				
	2	**5**	**10**	**25**	**50**
Mặt đường atphan Mái nhà, mặt phủ bêtông	0,73 0,75	0,77 0,80	0,81 0,81	0,86 0,88	0,90 0,92
Mặt cỏ, vườn, công viên (cỏ chiếm dưới 50%)					
- Độ dốc nhỏ 1-2% - Độ dốc trung bình 2-7% - Độ dốc lớn hơn 7%	0,32 0,37 0,40	0,34 0,40 0,43	0,37 0,43 0,45	0,40 0,46 0,49	0,44 0,49 0,52
Chú thích: Khi diện tích bề mặt có nhiều loại mặt phủ khác nhau thì hệ số C trung bình xác định bằng phương pháp bình quân theo diện tích.					

Do khu vực dự án khi hoạt động là khu vực đất nông nghiệp có độ dốc nhỏ từ 1-2% và chu kỳ tính toán mưa là 5 năm nên giá trị $\psi = 0,34$.

- Hệ số phân bố mưa, xác định theo Bảng 4 - TCVN 7957:2023:

Bảng 111. Hệ số phân bổ mưa β

Diện tích lưu vực, ha	Hệ số β
<500	1,0
500	0,95
1000	0,90
2000	0,85
4000	0,8
6000	0,7
8000	0,6
10000	0,55

Dự án có diện tích là 256,68 ha → Lựa chọn hệ số $\beta = 1$

→ Từ đó áp dụng **(8)**, tính toán được lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bề mặt công trường thi công:

$$Q = 0,02 \times 256,68 \times 1 \times 0,34 = 1,68 \ (m^3/s)$$

♣ *Hàm lượng chất bẩn tích tụ trong nước mưa*

Trong nước mưa đợt đầu thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi, đất, cát,... của quá trình thi công xây dựng từ những ngày không mưa. Theo *"Trần Đức Hạ - Giáo trình quản lý môi trường nước - NXB Khoa học kỹ thuật - Hà Nội - 2002",* lượng chất bẩn (chất không hoà tan)

tích tụ tại khu vực được xác định theo công thức sau:

$$G = M_{max} (1-e^{-Kz.t}) \times F \ (kg) \quad (10)$$

Trong đó:

M_{max}	*: Lượng chất bẩn có thể tích tụ lớn nhất tại khu vực thi công, được xác định theo công thức: $M_{max}= k.M_{0max}$;*
k	*: Hệ số điều chỉnh → Lựa chọn hệ số k = 1,2 (Surendra Kumar Mishra and Vijay P. Singh, 2003);*
M_{0max}	*: Lượng bụi tích lũy cực đại trên bề mặt rắn tiếp xúc với không khí (220 kg/ha);*
Kz	*: Hệ số động học tích luỹ chất bẩn ở khu vực dự án (0,3/ngày);*
t	*: Thời gian tích luỹ chất bẩn (30 ngày);*
F	*: Diện tích khu vực thi công (256,68 ha).*

Với diện tích khu vực thi công dự án là 256,68 ha, áp dụng công thức trên thì lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày tại khu vực dự án là:

$$G = 220 \times 1,2 \times (1-e^{-0,3.15}) \times 256,68 = 669,0 \text{ kg}$$

(iii). Tác động do ngập úng của các khu vực xung quanh KCN

♣ *Khu phía Đông - Giáp với đất canh tác thôn Đồng Quan*

- Cote trung bình ruộng hiện trạng là: +5,08 (m)

- Cote san nền của KCN hoàn thiện là: +6,50 (m) tại khu vực thôn Đồng Quan.

- Bên ngoài ranh giới của dự án có mương hiện trạng rộng 2m để tiêu thoát nước.

- Khi thi công, cote của KCN cao hơn các ruộng lúa là: 1,42(m). Khu vực này có xây dựng kè, tường bao ngăn cách.

⇒ Với các yếu tố trên thì thoát nước cho khu vực ranh giới phía Đông của dự án được đảm bảo, khu vực này không bị ngập lụt và vẫn đảm bảo nước canh tác khi thực hiện dự án.

♣ *Khu phía Đông Nam - Giáp với đất canh tác thôn Lương Tài*

- Cote trung bình ruộng hiện trạng: +3,90 (m)

- Cote san nền của KCN hoàn thiện là: +6,50 (m) tại khu vực thôn Lương Tài.

- Ở giữa đường bê tông và đất canh tác thôn Lương Tài có mương đất hiện trạng rộng 2m để tiêu thoát nước.

⇒ Với các yếu tố trên thì thoát nước cho khu vực thôn Lương Tài được đảm bảo, không bị ngập lụt khi thực hiện dự án.

♣ *Khu vực phía Tây Bắc – Giáp với mặt nước trũng*

- Cote mặt nước trũng hiện trạng là: +1,0 ÷ +3,1 (m)

- Cote san nền của KCN hoàn thiện là: +6,50 (m)

- Bên ngoài ranh giới của dự án có Kênh tiêu Cầu Chi (mép Kênh tiêu Cầu Chi cách ranh giới quy hoạch 100m).

⇒ Với các yếu tố trên thì thoát nước cho khu vực ranh giới phía Tây Bắc của dự án được đảm bảo, khu vực này không bị ngập lụt.

♣ *Khu phía Tây - Giáp với đường ĐT.398B*

- Cote tim đường quy hoạch ĐT.398B sau khi hoàn thiện là: +6,70 (m)

- Cote san nền của KCN hoàn thiện là: +6,50 (m)

⇒ Với các yếu tố trên thì thoát nước cho khu vực ranh giới phía Tây của dự án được đảm bảo, không bị ngập lụt khi thực hiện dự án.

♣ *Khu phía Tây Nam - Giáp với đường hướng đi Cầu Hà Bắc 2*

- Cote tim đường quy hoạch hướng đi Cầu Hà Bắc 2 sau khi hoàn thiện là: +7,44 m

- Cote san nền của KCN hoàn thiện là: +6,05(m)

⇒ Với các yếu tố trên thì thoát nước cho khu vực ranh giới phía Tây Nam của dự án được đảm bảo, không bị ngập lụt khi thực hiện dự án.

♣ *Đường Vành đai 4 đi qua giữa dự án*

- Cote tim đường quy hoạch Vành đai 4 sau khi hoàn thiện là: +7,50 m

- Cote san nền của KCN hoàn thiện là: +6,05(m)

⇒ Với các yếu tố trên thì thoát nước cho khu vực ranh giới 2 bên đường Vành đai 4 của dự án được đảm bảo, không bị ngập lụt khi thực hiện dự án.

♣ *Kết luận*

Xung quanh KCN Hòa Yên, các tuyến kênh mương hiện trạng hoặc hoàn trả đều được tính toán để đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

Nếu thực hiện tốt các phương án nêu trên thì các khu vực xung quanh công trường xây dựng KCN Hòa Yên sẽ không bị ngập úng.

(vi). Tác động do NTSH

Giai đoạn thi công san nền KCN: Ước tính số lượng công nhân (không ăn ở tại công trường) với định mức sử dụng 45 l/người/ng.đêm thì lượng nước thải phát sinh theo từng giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: Khoảng 30 người → Phát sinh khoảng 1,35 m^3/ng.đêm.

+ Giai đoạn 2: Khoảng 120 người → Phát sinh khoảng 5,4 m^3/ng.đêm.

Tại KCN trong giai đoạn san nền theo từng giai đoạn của dự án sẽ xây dựng các cụm nhà vệ sinh (có bể phốt tự hoại 3 ngăn) tại khu vực nhà chỉ huy công trường (container hợp khối) tại khu vực văn phòng của KCN, cụ thể:

+ Giai đoạn 1: Xây dựng 01 nhà vệ sinh (WC) công cộng

+ Giai đoạn 2: Xây dựng 04 nhà vệ sinh (WC) công cộng

(vii). Tác động đến hệ thống kênh mương xung quanh

- Về lưu lượng: Trong quá trình san nền, với VLXD là cát nên khả năng nước mưa tự ngấm tương đương như bề mặt đất ruộng, vườn. Lưu lượng nước mưa trên bề mặt công trường san nền sẽ không đổi nhiều so với hiện trạng (1,68 m^3/s) và sẽ theo hướng thoát hiện trạng ra kênh tiêu Cầu Chi. Thậm chí với bề mặt san nền là cát thì lưu lượng nước mưa chảy ra hệ thống kênh thoát nước còn ít hơn so với hiện trạng.

- Về chất lượng: Nước mưa chảy qua mặt bằng công trường trong giai đoạn san nền chắc chắn sẽ cuốn theo đất cát. Tuy nhiên, dự án lựa chọn nguyên liệu san nền là cát, vật liệu dễ dàng lắng đọng trong dòng nước chảy nên lượng đất cát vùi lấp vào hệ thống kênh mương cũng được hạn chế, nếu có thì cũng dễ dàng nạo vét, đổ lại vào khu vực đang san nền.

b) Tác động đến môi trường nước trong giai đoạn thi công xây dựng hệ thống HTKT KCN

(i). Ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của công nhân

Theo dự án đầu tư, lượng công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường (giai đoạn I: 100 người, giai đoạn II: 400 người) cụ thể như sau:

- Các Nhà thầu thi công sẽ xây dựng lán trại tạm cho công nhân trong phạm vi công trường (50% lượng công nhân ăn ở tại công trường). Vị trí dự kiến sẽ ở phía khu vực xây dựng khu đất hành chính – dịch vụ (giáp với đường Vành đai 4)

và lắp đặt văn phòng bản chỉ huy công trường dưới dạng container khối. Tại đây Nhà thầu trang bị đủ tiện nghi văn phòng để phục vụ làm việc như: Bàn ghế, tủ kỹ thuật, máy điện thoại, máy fax, máy vi tính,... Do tổ chức thi công thành 02 giai đoạn liên tục nối tiếp nhau nên các nhà chỉ huy công trường và lán trại công nhân sẽ được luân chuyển đến mỗi khu vực công trường hợp lý. Sau khi xây dựng xong giai đoạn I sẽ có khu nhà điều hành, quản lý KCN xong được sử dụng để quản lý hoạt động của KCN giai đoạn II, khu vực thi công vẫn phải tách riêng để đảm bảo trong hoạt động.

- Nước sạch cho các hoạt động thi công, sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường trong giai đoạn thi công được lấy từ tuyến ống cấp nước sạch DN250 trên đường ĐT.398 và ĐT.398B theo Văn bản số 68/CV-206 ngày 11/11/2025 của Công ty CP cấp nước và Môi trường đô thị 206.

- Trong giai đoạn xây dựng hệ thống HTKT KCN, nguồn nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt (NTSH) của công nhân thi công. Trên thực tế, tùy từng thời điểm thi công mà số lượng công nhân làm việc trong công trường sẽ khác nhau. Tuy nhiên, theo nội dung của dự án thì thì số lượng công nhân sẽ làm việc thường xuyên tại công trường theo từng giai đoạn như sau: Giai đoạn I khoảng 100 người, giai đoạn II khoảng 400 người.

- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của công nhân như tính toán ở chương 1 là giai đoạn 1: 8,75 m^3/ngày.đêm và giai đoạn 2: 35,0 m^3/ngày.đêm. Lượng nước thải phát sinh mỗi ngày bằng 100% lượng nước cấp tương đương mỗi giai đoạn lần lượt là 8,75 m^3 và 35,0 m^3.

- NTSH cùng với các chất bài tiết có chứa nhiều loại vi sinh vật gây bệnh. Chất bài tiết được định nghĩa là phân và nước tiểu trong đó có chứa nhiều mầm bệnh truyền nhiễm dễ dàng lây lan từ người bệnh đến người khỏe mạnh. Lượng chất hữu cơ của phân và nước tiểu có thể đánh giá qua các chỉ tiêu BOD_5 hoặc các chỉ số tương tự (COD và TOC). Theo Giáo trình *"Nước thải sinh hoạt và phương pháp xử lý nước thải sinh hoạt"* do GS.TSKH Trần Hiếu Nhuệ (Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật - 2002) thì trong nước tiểu có BOD_5 khoảng 8,6 g/l và phân có BOD_5 khoảng 9,6 gam/100gam. Nhìn chung, NTSH và chất bài tiết là nguồn có chứa nhiều loại virus, vi khuẩn, giun sán gây bệnh cho con người.

Do đó, khi nước thải sinh hoạt nhiễm chất bài tiết và thấm vào đất thì đây chính là nguồn ô nhiễm chủ yếu cho môi trường đất và nước ngầm của khu vực dự án. Theo Bảng 21 - TCVN 7957-2023: Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế, tải lượng ô nhiễm và nồng độ các chất trong nước thải sinh hoạt được trình bày trong bảng sau:

Bảng 112. Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH của công nhân trên công trường

TT	Các đại lượng	Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày)
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	60 - 65

TT	Các đại lượng	Tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày)
2	BOD_5 của nước thải đã lắng	30 - 35
3	BOD_5 của nước chưa lắng	55 - 60
4	Nitơ amôni (NH_4 –N)	8 - 10,5
5	Tổng photpho (ΣP)	1,1 - 2,2

Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh tại các giai đoạn của dự án được tính toán và trình bày trong bảng sau:

Bảng 113. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh tại các giai đoạn của dự án

TT	Các đại lượng	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)		QCVN 14:2025, Bảng 2 (Cột A)
		GĐ 1	GĐ 2	
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	150,00 - 160,43	600 - 641,7	50
2	BOD_5 của nước thải đã lắng	65,00 -72,93	260 – 291,7	30
3	BOD_5 của nước thải chưa lắng	117,08 -127,5	468,3 – 510	30
4	Nitơ amôni (NH_4 –N)	22,38	89,5	6
5	Tổng photpho (ΣP)	5,46	21,84	4

→ ***Nhận xét:*** Với kết quả tính toán như bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm cao hơn rất nhiều so với QCCP. Nếu lượng nước thải này không được thu gom, xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài môi trường thì sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến hệ sinh thái của nguồn tiếp nhận cũng như sức khỏe của người dân sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.

(ii). Ô nhiễm do nước thải thi công

♣ *Nước thải từ hoạt động rửa máy móc, thiết bị thi công*

Theo phân kỳ thực hiện dự án đầu tư, lượng nước thải phát sinh từ hoạt động rửa máy móc, thiết bị thi công tính bằng 100% lượng nước cấp cho hoạt động này tính toán ở chương 1, cụ thể:

++ Giai đoạn 1: 2,5 m^3/ngày

++ Giai đoạn 2: 10,0 m^3/ngày

Thành phần của nước thải loại này là chứa nhiều chất chất rắn lơ lửng và còn có thể có dầu mỡ. Mặc dù lượng nước thải này không lớn và tần suất phát sinh cũng không thường xuyên nhưng vẫn có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước nguồn tiếp nhận. Hơn nữa, do trong thành phần nước thải loại này có chứa nhiều chất rắn lơ lửng có kích thước lớn nên có nguy cơ gây tắc và lắng đọng trong hệ

thống thoát nước của công trình.

Theo Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường - Đại học Xây dựng Hà Nội, nồng độ ô nhiễm trong nước thải từ các thiết bị máy móc được trình bày tại bảng sau:

Bảng 114. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải từ các thiết bị thi công

TT	Loại nước thải	**COD** (mg/l)	**Dầu mỡ** (mg/l)	**TSS** (mg/l)
1.	Nước thải bảo dưỡng máy móc	20 - 30	-	50 - 80
2.	Nước thải vệ sinh máy móc	50 - 80	1,0 - 2,0	150 - 200
3.	Nước thải làm mát máy	10 - 20	0,5 - 1,0	10 - 15
4.	***QCVN 40:2025/BTNMT, mức B***	***90***	***5***	***80***

***Nguồn**: Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường - Đại học Xây dựng Hà Nội*

→ *Nhận xét:* Từ số liệu tham khảo tại bảng trên cho thấy nước thải từ các thiết bị thi công phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án có nguy cơ ô nhiễm cao.

♣ *Nước thải từ phun rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi dự án*

Đối với công trường thi công, do mặt bằng KCN chưa được bê tông hóa hoàn toàn nên bắt buộc các xe ôtô trước khi ra khỏi công trường phải được làm sạch để tránh ô nhiễm. Công việc này được thực hiện liên tục trong 2 giai đoạn.

- Lưu lượng nước thải: Theo tính toán tại chương 1, nước dùng để phun rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi dự án dự báo như sau: Giai đoạn I khoảng 2,4 m^3/ngày và giai đoạn II khoảng 4,5 m^3/ngày. Lượng nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp cho hoạt động này.

- Đặc trưng của nước thải loại này là chứa nhiều thành phần chất rắn lơ lửng (TSS) và dầu mỡ khoáng.

Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng: Theo nghiên cứu của Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và KCN - Đại học Xây dựng Hà Nội, nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng như sau:

Bảng 115. Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng

TT	Loại nước thải	**COD** (mg/l)	**Dầu mỡ** (mg/l)	**TSS** (mg/l)
1	Nước thải từ quá trình rửa thiết bị dụng cụ thi công xây dựng	30 - 45	-	75 - 120
2	Nước rửa xe, máy móc thi công	195 - 312	3,9 - 7,8	585 - 780
QCVN 40:2025/BTNMT, cột B		***90***	***5***	***80***

***Nguồn**: Trung tâm kỹ thuật môi trường đô thị và KCN - Đại học Xây dựng HN*

Từ số liệu tham khảo tại bảng trên cho thấy nước thải xây dựng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án có nguy cơ ô nhiễm cao.

⇒ Đánh giá tác động khi không có biện pháp giảm thiểu, xử lý

- Nước thải thi công có hàm lượng TSS, chỉ số BOD_5, COD cao, làm nước biến màu và mất oxy, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận, ảnh hưởng đến hệ sinh thái thuỷ vực của nguồn nước tiếp nhận, gây bồi lắng nguồn tiếp nhận, tác động gián tiếp tới nhu cầu sử dụng nước tại thuỷ vực tiếp nhận cho các mục đích khác. Làm ảnh hưởng đến chất lượng đất, gây nguy hại cho khả năng sinh trưởng và phát triển của lớp thảm thực vật tại khu vực tiếp nhận.

- Dầu mỡ khoáng có khả năng loang thành màng mỏng che phủ mặt thoáng của nước gây cản trở sự trao đổi ôxy của nước, cản trở quá trình quang học của các loài thực vật trong nước, giảm khả năng thoát khí cacbonic và các khí độc khác ra khỏi nước dẫn đến làm chết các sinh vật ở vùng bị ô nhiễm và làm giảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước,… Dầu, mỡ cũng gây nguy hại với môi trường đất tại khu vực đó, làm chết đi một số loài sinh sống trong đất, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước ngầm.

♣ *Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường do nước thải từ các hoạt động khác trên công trường trong giai đoạn thi công xây dựng*

- Nước thải từ quá trình bảo dưỡng và sửa chữa xe - máy, thiết bị thi công: Tại công trường không tiến hành các hoạt động bão dưỡng xe - máy thi công mà công việc này được thực hiện tại trạm sửa chữa, bảo dưỡng chuyên dụng.

- Nước thải từ quá trình trộn VLXD: Nước cũng tham gia vào quá trình thi công như: trộn vật liệu,... song không phát sinh nước thải do quá trình quá trộn VLXD chỉ sử dụng đủ nước để đảm bảo yêu cầu. Ngoài ra, cát đá, gạch, sỏi,... được nhập về công trường đã được làm sạch, tại công trường không tiến hành phun rửa nguyên vật liệu. Công trường cũng sử dụng bê tông thương phẩm từ các xe trộn sẵn nên cũng không làm phát sinh nước thải từ quá trình trộn VLXD.

(iii). Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

♣ *Nồng độ các chất ô nhiễm*

Vào những khi trời mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực công trường đang thi công xây dựng sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ rơi rớt xuống hệ thống thoát nước chung hoặc tràn ra khu vực xung quanh, gây ngập lụt các khu dân cư xung quanh. Nếu lượng nước này không được quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực lớn đến nguồn nước mặt, nước dưới đất và đời sống thủy sinh trong khu vực. Theo số liệu thống kê của WHO thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước

mưa chảy tràn thông thường như sau:

- Nitơ : 0,5 ÷ 1,5 mg/l
- Phospho : 0,004 ÷ 0,03 mg/l
- COD : 10 ÷ 20 mg/l
- TSS : 10 ÷ 20 mg/l.

Nước mưa còn có thể bị ô nhiễm như: Bãi chứa nguyên liệu, khu vực thi công ngoài trời,... Tính chất ô nhiễm của nước mưa trong trường hợp này bị ô nhiễm cơ học *(đất, cát, rác),* ô nhiễm hữu cơ và dầu mỡ. Vấn đề ô nhiễm nước mưa sẽ kéo theo sự ô nhiễm nguồn nước tại khu vực dự án và từ đó gây tác động đến môi trường khu vực.

♣ *Lưu lượng nước mưa chảy tràn*

- Nước mưa tại khu vực dự án: Theo công thức tính toán đã trình bày tại nội dung trên thì lưu lượng mưa tính toán cho toàn bộ khu vực triển khai dự án là: Q_m = 1,68 m^3/s. Lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày là 669,0 kg trên diện tích 256,68 ha.

- Nước mưa từ các khu vực xung quanh KCN: Các khu vực xung quanh đều có tuyến thoát nước riêng, không chảy tràn qua mặt bằng của dự án.

⇒ Tổng lượng nước mưa chảy tràn thoát vào hệ thống kênh tiêu Cầu Chi từ công trường là 1,68 m^3/s. Lưu lương nước mưa phụ thuộc vào thời gian mưa. Thời gian mưa càng nhiều thì lưu lượng nước phát sinh càng lớn.

(iv). Tác động đến hệ thống kênh tiêu Cầu Chi

Theo tính toán về cao độ san nền thì nước từ công trường luôn có thể tự chảy ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi. Với các phương án/biện pháp thi công xây dựng đã được trình bày tại Chương I thì mức độ tác động đến chất lượng nước của các nguồn này đã được tính toán để hạn chế đến mức thấp nhất. Tuy nhiên, mặc dù chỉ được thực hiện trong phạm vi công trường và do đây là công trường xây dựng nên cũng khó tránh khỏi các tác động đến chất lượng của kênh mương này. Các tác động cụ thể như sau:

- Ô nhiễm do tăng độ đục trong nước tại các nguồn nước mặt kể trên: Đây là yếu tố bị ảnh hưởng nhất từ các hoạt động thi công dự án. Từ nguyên nhân gia tăng độ đục trong nước mặt sẽ làm ảnh hưởng đến các yếu tố khác như: ảnh hưởng đến hệ sinh thái, các loài động thực vật đang sinh sống tại sông, kênh cũng như các đối tượng sử dụng nước mặt cho nhiều mục đích khác nhau ở khu vực xung quanh.

- Ô nhiễm do nước thải lẫn dầu mỡ từ công trường thi công: Quá trình các

phương tiện máy móc cơ giới thi công có thể gây rơi vãi dầu mỡ và ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt của các nguồn này.

→ ***Nhìn chung,*** quá trình thi công xây dựng HTKT KCN chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi các tác động đến chất lượng nước mặt của hệ thống kênh tiêu Cầu Chi và lân cận.

3.1.1.2.4. Dự báo, đánh giá các tác động do CTR không nguy hại

a) Dự báo, đánh giá do CTR không nguy hại trong giai đoạn thi công san nền

Theo tính toán tại Chương I, toàn bộ khối lượng đất hữu cơ bóc bề mặt (176.080,0 m^3) sẽ được tận dụng để đắp vào các vị trí trồng cây xanh trong phạm vi KCN Hòa Yên mà không phải đổ thải ra bên ngoài. Biện pháp này đem lại hiệu quả kinh tế - môi trường khả thi.

b) Đánh giá, dự báo do CTR không nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng

(i). Phế thải xây dựng

Trong thi công xây dựng sẽ có hao hụt vật liệu theo định mức mua về phục vụ cho thi công công trình. Hao hụt vật liệu trong khâu thi công bao gồm: Hao hụt vận chuyển thi công và hao hụt lúc thi công. Hao hụt vật liệu được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với khối lượng gốc. Tỷ lệ hao hụt thi công này đã tính bình quân cho mọi biện pháp thi công.

Theo Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về *"Ban hành định mức xây dựng"* thì định mức hao hụt một số VLXD được sử dụng tại dự án như sau:

Bảng 116. Định mức hao hụt một số vật tư chính sử dụng tại công trường thi công và phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng

TT	Loại vật liệu	Định mức hao hụt (%)	Khối lượng sử dụng (tấn)		Tổng lượng phế thải (tấn)		
			GĐ I	GĐ II	GĐ I	GĐ II	Tổng cộng
1	Bê tông nhựa	2	320	1.280	6,4	25,6	32
2	Cát đen	0,5	20.000	80.000	100	400	500
3	Cát vàng	1	10.200	40.800	102	408	510
4	Đá dăm 1×2	1,0	2.500	10.000	25	100	125
5	Đá dăm 2×4	1,0	2.500	10.000	25	100	125
6	Nhựa đường	1,0	1.000	4.000	10	40	50
7	Xi măng PCB30	1,0	900	3.600	9	36	45
8	**Tổng cộng**		1.278	5.112	***277,4***	***1.109,6***	***1.387***

Ước tính lượng CTR xây dựng *(không bao gồm chất thải nguy hại)* khoảng 0,77 tấn/ng.đêm (Giai đoạn I) và 1,54 tấn/ng.đêm (Giai đoạn II).

(ii). CTRSH từ hoạt động của công nhân xây dựng

Trong giai đoạn thi công xây dựng, số lượng công nhân tham gia trên công trường tùy thuộc vào từng giai đoạn của dự án.

Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực dự án *(thuộc đô thị loại IV)* là 0,9 kg/người/ngày *{Tính như CTRSH phát sinh đối với các khu dân cư}* đối với công nhân xây dựng có hoạt động ăn nghỉ ngay tại công trường và 0,45 kg/ng.đêm cho công nhân không ăn ở tại công trường *{Tính bằng 50% CTRSH phát sinh đối với các khu dân cư}*.

Áp dụng công thức tính toán sau:

$$\mathbf{Q = D \times m}$$

Trong đó:

Q: Lượng rác thải sinh hoạt (kg/ngày)

D: Số người tại thời điểm chính (người)

m: Thể tích (trọng lượng) rác (kg/người/ngày)

Theo công thức trên, lượng CTRSH theo từng giai đoạn dự án được ước tính như sau:

Bảng 117. Lượng CTRSH theo từng giai đoạn dự án

TT	**Giai đoạn**	**Tổng số lượng công nhân** (Trong đó 50% công nhân ăn ở tại công trường)	**Khối lượng CTR** (kg/ngày)
1	Giai đoạn 1	100	67,5
2	Giai đoạn 2	400	270

Thành phần CTR sinh hoạt tại công trường bao gồm: Thực phẩm dư thừa, chất hữu cơ, giấy, nylon, hộp các loại,… như sau:

Bảng 118. Thành phần và khối lượng CTRSH trên công trường thi công

TT	**Thành phần**	**Tỷ lệ (%)**	**Khối lượng chất thải (kg/ngày)**
1	Các chất hữu cơ dễ phân huỷ	40 - 60	4 - 6
2	Các loại bao bì polyme	25 - 35	2,5 – 3,5
3	Các chất dễ cháy như giấy	10 - 14	1 – 1,4
4	Kim loại	1 - 2	0,1 - 0,2
5	Các chất khác	3 - 4	0,3 - 0,4

CTRSH nếu không được thu gom xử lý thích hợp sẽ ảnh hưởng xấu tới môi trường sống, làm mất mỹ quan khu vực. Rác thải hữu cơ khi phân huỷ sinh ra mùi hôi; nó sẽ là môi trường sống và phát triển của các loài ruồi muỗi, chuột bọ và vi khuẩn gây bệnh... các chất hữu cơ tổng hợp là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất lâu dài do tính chất khó phân huỷ sinh học của chúng.

3.1.1.2.5. Đánh giá, dự báo các tác động do CTNH

Trong quá trình xây dựng HTKT KCN sẽ phát sinh một lượng CTNH như: dầu hắc và các thùng phuy chứa dầu hắc phục vụ cho công tác thi công đường giao thông, hóa chất xây dựng *(sơn, chất chống thấm, vỏ thùng chứa sơn, dung môi sơn, ghẻ lau nhiễm dầu mỡ,...)*. Các máy móc thi công không tổ chức thay dầu mỡ tại công trường nên không phát sinh CTNH loại này.

Tham khảo theo kết quả báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ của một số công trình thi công xây dựng HTKT KCN tương tự như: KCN Hòa Phú, KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm, KCN Châu Minh - Bắc Lý – Hương Lâm,... thì lượng CTNH này ước tính như sau:

Bảng 119. Dự báo khối lượng CTNH trong quá trình thi công xây dựng theo phân kì dự án

TT	Loại CTNH phát sinh	Mã CTNH theo TT02/2022	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)	
				GĐ I	GĐ II
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	4,1	16,4
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa các chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng)	18 01 02	Rắn	4,3	17,2
3	Dầu thải	15 02 05	Lỏng	12,4	49,6
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	5,5	22,0
5	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	Rắn	4,3	17,0
6	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy	07 04 01	Rắn	1,6	6,5

TT	Loại CTNH phát sinh	Mã CTNH theo TT02/2022	Trạng thái	Khối lượng (kg/tháng)	
				GĐ I	GĐ II
	hại				
	Tổng cộng			**32,2**	***128,7***

→ ***Như vậy***, lượng CTNH phát sinh trên công trường thi công theo phân kỳ dự án lần lượt là: 32,2 kg/ng.đêm, 128,7 kg/ng.đêm. Các phương tiện GTVT thi công tại công trường không tiến hành thay thế dầu mỡ nên không phát sinh chất thải nguy hại loại này.

3.1.1.2.6. Dự báo, đánh giá tác động do tiếng ồn

a) Ô nhiễm tiếng ồn của từng phương tiện xe - máy thi công đơn lẻ

Trong giai đoạn xây dựng hạ tầng KCN Hòa Yên, tiếng ồn cũng là một yếu tố mang bản chất vật lý và ảnh hưởng đến môi trường không khí. Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện GTVT, các máy móc xây dựng, động cơ điện, máy bơm nước,…

Tiếng ồn thi công nhìn chung là không liên tục, phụ thuộc vào loại hình hoạt động và các máy móc, thiết bị được sử dụng. Hiện nay, không chỉ Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới đều lấy tiêu chuẩn tiếng ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công của *"Uỷ ban BVMT U.S - Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1, 31/12/1971"* là căn cứ để kiểm soát mức ồn nguồn.

Trên cơ sở danh mục các thiết bị sử dụng trong quá trình thi công xây dựng tại dự án, dự báo các nguồn phát sinh ra tiếng ồn như sau:

Bảng 120. Mức độ tiếng ồn điển hình (dBA) của các thiết bị, phương tiện thi công ở khoảng cách 2m

TT	Hoạt động thi công	Đơn vị	Mức ồn ở khoảng cách 2 m
I. Dọn dẹp mặt bằng thi công			
1	Máy ủi 108CV	dBA	80
II. San nền và đầm chặt			
2	Máy san 108CV	dBA	80 - 93
3	Xe lu	dBA	73 - 75
III. Rải đường			
4	Máy rải	dBA	86 - 88
5	Xe tải	dBA	83 - 94
6	Xe đầm bánh hơi	dBA	74 - 77
IV. Vận chuyển cát			

TT	Hoạt động thi công	Đơn vị	Mức ồn ở khoảng cách 2 m
7	Máy ủi	dBA	80
8	Máy san	dBA	72 - 93
9	Xe tải	dBA	83 - 94
V. Thi công xây dựng			
10	Cần cẩu	dBA	75 - 77
11	Máy xúc	dBA	71 - 82
12	Máy trộn bê tông	dBA	74 - 88
14	Máy nén không khí	dBA	74 - 87
16	Máy ủi	dBA	80
17	Xe tải 20 tấn	dBA	83 - 94
18	Xe tải 40 tấn	dBA	83 - 94

Trong quá trình thi công xây dựng Dự án, tiếng ồn gây ra chủ yếu do các máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường và do sự va chạm của máy móc thiết bị, các loại vật liệu bằng kim loại,...

Khả năng tiếng ồn tại khu vực thi công lan truyền tới các khu vực xung quanh được xác định bằng công thức sau:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c \text{ (dBA)}$$

Trong đó:
L_i - Mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn ồn một khoảng cách d (m)
L_p - Mức ồn đo được tại nguồn gây ồn (cách 2,0 m)
ΔL_d - Mức ồn giảm theo khoảng cách d ở tần số i

$$\Delta L_d = 20 \lg\left[\left(\frac{r_1}{r_2}\right)^{1+a}\right]$$

Trong đó:
r_1 - Khoảng cách tới nguồn gây ồn với L_p (m)
r_2 - Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với Li (m)
a - Hệ số hấp thụ riêng của tiếng ồn với địa hình mặt đất (a = 0)
ΔL_c - Độ giảm mức ồn qua vật cản. Khu vực dự án có địa hình rộng thoáng và không có vật cản nên $\Delta L=0$.

Từ các công thức trên, có thể tính toán mức độ gây ồn của các loại thiết bị thi công trên công trường tới môi trường xung quanh ở khoảng cách 50m và 100m *(Khoảng cách tới khu dân cư gần nhất là thôn Đồng Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, thôn Lương Tài thuộc phường Vân Hà cách dự án 50m)*, kết quả được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 121. Mức ồn gây ra do các phương tiện thi công ở khoảng cách 50m và 100m

(Đơn vị: dBA)

TT	Thiết bị thi công	Mức ồn ở điểm cách máy 2,0 m	Mức ồn ở khoảng cách 50 m	Mức ồn ở khoảng cách 100 m
I. Dọn dẹp mặt bằng thi công				
1	Máy ủi/gạt	80	68	59
II. San nền và đầm chặt				
2	Máy san	80 - 93	69	68
3	Xe lu	73 - 75	64	54
III. Rải đường				
4	Máy rải	86 - 88	67	59
5	Xe tải	83 - 94	72	59
6	Máy đầm	74 - 77	68	54
IV. Vận chuyển cát				
7	Máy ủi	80	68	59
8	Máy gầu ngoặm	72 - 93	70	57
9	Xe tải	83 - 94	70	66
V. Thi công công trình				
10	Cần cẩu	75 - 77	68	50
11	Máy hàn	71 - 82	67	52
12	Máy trộn bê tông	74 - 88	70	62
13	Bơm bê tông	81 - 84	69	60
14	Máy nén không khí	74 - 87	72	64
15	Dụng cụ bơm hơi	81 - 98	73	65
16	Máy ủi	80	68	59
17	Xe tải 20 tấn	83 - 94	70	61
18	Xe tải 30 tấn	83 - 94	70	61
VI. TC 3733/2002/BYT		***90***	***-***	***-***
VII. QCVN 26:2010/BTNTM		***-***	***70***	***70***

Ghi chú:

- TC 3733/2002/BYT: Đối với khu vực sản xuất

- QCVN 26:2010/BTNMT: Đối với khu vực dân cư từ 6h đến 21h

Kết quả tính toán cho thấy, tiếng ồn sinh ra do các phương tiện GTVT vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường đảm bảo GHCP đối với khu vực thi công và nằm trong GHCP đối với khu dân cư theo QCVN 26:2010/BTNMT ở khoảng cách trên 100 m từ nguồn ồn, còn ở mức dưới 50 m thì tiếng ồn sẽ gây tác động đến các khu dân cư. Như vậy, các hộ gia đình lân cận với KCN thuộc thôn Đồng Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, thôn Lương Tài thuộc phường Vân Hà cách sẽ bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn. Tuy nhiên, tiếng ồn không phát sinh liên tục, chỉ phát sinh khi thi công các công trình gần đó

và công trường không thi công vào ban đêm nên mức độ tiếng ồn tác động đến các khu dân cư ở mức không cao. Hơn nữa, phía ngoài của các thôn trong khoảng cách 100m chịu tác động này cũng chỉ có một vài hộ sinh sống.

Mặt khác, do dự án thi công được chia thành nhiều giai đoạn nên vẫn có trường hợp vừa thi công xây dựng HTKT KCN, nhà máy khác vừa hoạt động. Trong phạm vi KCN không bố trí khu công nhân nên ảnh hưởng từ hoạt động thi công đến có chức năng ở bị loại trừ. Trong khu vực sản xuất quy định mức ồn khá cao, La_{max} có thể lên đến 80 dBA *(thời gian tiếp xúc 4h theo TC 3733/ 2002/QĐ-BYT)* nên tiếng ồn ảnh hưởng thì hoạt động thi công là không đáng kể.

b) Ô nhiễm tiếng ồn tổng cộng từ các nguồn (tiếng ồn tổng cộng)

Trong trường hợp trên công trường có nhiều nguồn gây ồn thì mức âm truyền đến 1 điểm sẽ là mức âm tổng cộng. Cách tính toán như sau:

(i). Trường hợp có 2 mức âm thành phần

- Xem xét âm truyền đến 1 điểm gồm hai mức thành phần L_1, L_2 từ hai hướng khác nhau:

+ Nguồn 1: $L_1 = 10 \lg \frac{I_1}{I_0}$

+ Nguồn 2: $L_{21} = 10 \lg \frac{I_2}{I_0}$

$\Rightarrow$ Mức âm tổng cộng: $L_\Sigma = 10 \lg \frac{I_1 + I_2}{I_0}$

Nếu $L_1 = L_2$ thì $I_1 = I_2$, sẽ có:

$$L_\Sigma = 10 \lg 2 \frac{I_1}{I_0} = L_1 + 10 \lg 2 = L_1 + 3(dB)$$

Nếu $L_1 > L_2$, nghĩa là $I_1 > I_2$, chọn a ($a < 1$) là hệ số biểu thị độ chênh lệch giữa I_1 và I_2 khi đó $I_2 = aI_1$.

Công thức trở thành : $L_2 = 10 \lg \frac{aI_1}{I_0}$

Mức âm tổng cộng : $L_\Sigma = 10 \lg \frac{I_1 + aI_1}{I_0} = L_1 + 10 \lg(1 + a)$

Gọi $\Delta L = 10\lg(1+a)$ là mức âm gia tăng, như vậy: $L_\Sigma = L_1 + \Delta L$

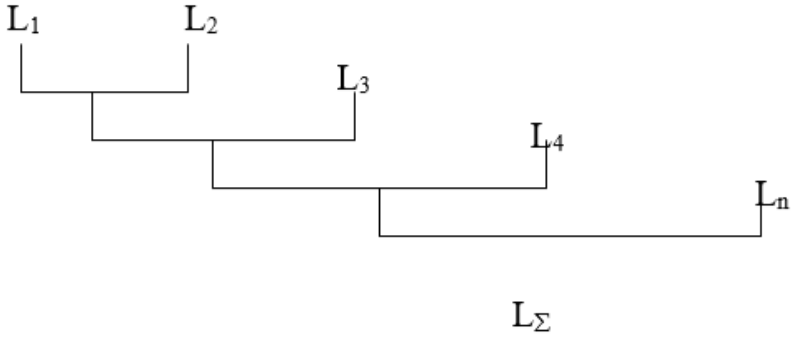
Trị số ΔL phụ thuộc vào độ chênh lệch (L_1 - L_2)

$$L_1 - L_2 = 10\lg\frac{I_1}{I_0} - 10\lg\frac{aI_1}{I_0} = -10\lg a$$

Như vậy, nếu 2 mức âm truyền đến bằng nhau, mức âm tổng cộng sẽ bằng giá trị số của một mức cộng thêm 3dA.

(ii). Trường hợp có n mức âm thành phần khác nhau

Mức âm tổng cộng được xác định bằng cách cộng dồn theo sơ đồ sau:



Theo cách tính toán trên thì mức âm tổng cộng từ các công trường như sau:

- Ở khoảng cách 50 m: 70,5 dB (Xấp xỉ QCVN 26:2010/BTNMT), 50m là khoảng cách tới khu dân cư gần nhất *(thôn Đồng Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, thôn Lương Tài thuộc phường Vân Hà)* nên được sử dụng để tính toán lan truyền tiếng ồn.

- Ở khoảng cách 100m: 65,8 dB (Thấp QCVN 26:2010/BTNMT)

→ ***Do đó***, quá trình thi công xây dựng không nhất thiết phải có các biện pháp ngăn ngừa tiếng ồn. Hơn nữa, khu vực thi công dự án nằm biệt lập, cách rất xa các khu dân cư nên kể cả trong trường hợp các nguồn ồn cộng hưởng thì tác động đến khu vực xung quanh ở mức chấp nhận được.

3.1.1.2.7. Dự báo, đánh giá tác động do rung động

Rung là một yếu tố môi trường, rung động và những ảnh hưởng tới con người, thiết bị máy móc và các công trình xây dựng nói chung đã và đang được quan tâm nghiên cứu giải quyết nhằm không ngừng hạn chế và tiến tới loại trừ hoàn toàn những tác động có hại của rung động tới sức khoẻ con người, đảm bảo an toàn cho các công trình xây dựng và cũng như ổn định, phòng tránh các nguy cơ sự cố có thể xẩy ra do rung trong quá trình vận hành thiết bị.

Các thiết bị máy móc gây rung phải đảm bảo đạt những tiêu chuẩn cho phép như quy định trong QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung. Các thiết bị, máy móc dự án sử dụng phải chịu sự kiểm soát của tiêu chuẩn ô nhiễm rung động là máy trộn bê tông, máy cắt kim loại,... Căn cứ vào danh mục một số thiết bị máy móc đã trình bày tại Chương I, dự báo mức rung động của

một số máy móc thi công điển hình như sau:

Bảng 122. Mức độ rung động của một số máy móc xây dựng điển hình

TT	Loại máy móc	Mức độ rung động tham khảo *(mức độ rung động theo hướng thẳng đứng Z, dB)*	
		Nguồn gây rung động (L=2,0 m)	**Cách nguồn gây rung động** (L=50 m)
1	Máy đào 1,6 m^3	80	71
2	Máy ủi 108CV	79	69
3	Ôtô tải 20 tấn	74	64
4	Ôtô tải 30 tấn	82	71
5	Máy khoan	63	55
6	Máy nén khí	81	71
7	Máy đầm bánh hơi	85	73
8	Máy lu 10T	89	79
9	Máy trộn bê tông	85	75

→ ***Nhìn chung,*** đo đặc điểm thi công của dự án đối ứng tương đối đơn giản, hầu hết là các công trình HTKT, không có công trình cao tầng hoặc công trình đòi hỏi thi công phức tạp nên rung động từ các máy móc thiết bị tác động ra môi trường xung quanh không lớn.

3.1.1.2.8. Tác động đến tình hình an ninh trật tự và an toàn giao thông đường bộ

ĐT.398 và ĐT398B được xác định là tuyến giao thông chịu ảnh hưởng trong quá trình thi công xây dựng KCN.

Việc tập trung khoảng 400 công nhân làm việc trên công trường *(tính tại thời điểm tập trung đông nhất)* sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xung quanh khu vực dự án và gây sức ép về hạ tầng xã hội *(y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội)* cho cộng đồng dân cư xung quanh tại xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh. Do sự khác biệt về tập tính sinh sống giữa dân cư xung quanh và công nhân lao động từ nơi khác đến sẽ dễ nảy sinh những mối bất hòa. Đồng thời việc tập trung công nhân sẽ kéo theo sự tập trung các dịch vụ như hàng quán dẫn đến việc nảy sinh các tệ nạn xã hội.

Quá trình thi công xây dựng dự án như đã trình bày ở trên sẽ có một loạt các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường trong đó các hoạt động như hoạt động đi lại của công nhân sẽ dẫn đến sự gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường hiện hữu. Sự gia tăng mật độ giao thông sẽ làm tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông, đặc biệt là vào những giờ cao điểm như 6h30 - 8h30 và 16h00 - 18h30 hàng ngày.

Dự án không được chia thành các giai đoạn thực hiện nên sẽ không có tình trạng có Nhà máy vừa hoạt động, vừa thi công xây dựng HTKT KCN. Với số lượng lao động tập trung nhanh và đông trên một địa bàn mà không đáp ứng kịp thời các nhu cầu khác như hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở, an ninh,.... sẽ nảy sinh ra nhiều vấn đề.

3.1.1.2.9. Tác động tới các công trình, HTKT lân cận dự án

a) Các công trình dân cư

Liền kề với khu vực công trường xây dựng có thôn Đông Quan thuộc xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, thôn Lương Tài thuộc phường Vân Hà với khoảng cách gần nhất là 50m. Hoạt động thi công dự án sẽ gây tác động đến các khu dân cư này như sau:

- Tác động do tiếng ồn và rung động: Khác với các khu dân cư hoặc công trình nhậy cảm khác, các dự án, công trình liền kề này không giới hạn các hoạt động thi công xây dựng HTKT KCN.

- Tác động do bụi: Quá trình này chủ yếu gây ra khi không che chắn hoặc do gió to.

- Tác động do ngập úng: Không xảy ra do cote của KCN Hòa Yên tương đương với cote của khu dân cư hiện hữu. Hoạt động của dự án không làm lấp đi các hệ thống thoát nước hiện có của khu vực

⇒ Vì vậy, trong quá trình thi công xây dựng KCN Hòa Yên sẽ không gây ngập úng cho các khu dân cư lân cận, thậm chí công tác thoát nước còn được cải thiện đáng kể khi mà KCN tiến hành xây dựng hoàn trả kênh mương đầy đủ, trong quá trình hoạt động thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng.

b) Các công trình thoát nước

Quá trình thi công xây dựng KCN Hòa Yên sẽ tác động đến hệ thống thoát nước bên ngoài công trình (Kênh tiêu Cầu Chi, kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa) như sau:

- Gây bồi lắng hoặc tắc nghẽn các tuyến kênh mương này. Nếu tuyến mương này bị bồi lắng hoặc tắc nghẽn sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động tưới tiêu và thoát nước, gây ngập úng khu vực xung quanh công trình và ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông.

- Hoạt động của các xe tải có tải trọng lớn ra vào công trường với mật độ cao sẽ gây hư hỏng nền đường giao thông khu vực xung quanh. Việc gia tăng các hoạt động của các xe tải, cùng với sự xuống cấp của đường xá và bụi bẩn sẽ ảnh hưởng đến các hộ dân sinh sống xung quanh và những người tham gia giao thông.

- Gây ngập úng các khu vực liền kề: Khi mà dự án đang giáp khu dân cư hiện có *(đặc biệt là khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa)* nếu không được hoàn thiện các tuyến rãnh thoát nước thu gom nước mưa trước khi tiến hành thi công xây dựng dự án sẽ có khả năng gây ngập úng cho khu dân cư xung quanh dự án.

3.1.1.2.10. Tác động đến người công nhân trực tiếp thi công trên công trường

a) Ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc

Quá trình thi công xây dựng, vận chuyển VLXD, hoạt động thi công,... được thực hiện bằng thủ công hoặc bằng cơ giới, có khả năng gây ra những ảnh hưởng đến người lao động thường xuyên trên công trường tại mỗi giai đoạn thi công nếu không được trang bị đầy đủ các phương tiện BHLĐ. Các tác động có thể tóm tắt như sau:

- Các ảnh hưởng ô nhiễm do bụi, khí thải: Gây ra các bệnh bụi phổi, các bệnh về đường hô hấp, các bệnh về mắt.

- Các ảnh hưởng do tiếng ồn: Ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thính giác và một số cơ quan khác trong cơ thể. Trong quá trình thi công công nhân sẽ được trang bị các thiết bị chống ồn như: nút tai, mũ bảo hiểm,... nên các ảnh hưởng này không lớn.

- Các ảnh hưởng ô nhiễm do nhiệt lên người lao động: Người lao động sẽ bị ảnh hưởng bởi bức xạ nhiệt từ các thiết bị thi công và bức xạ mặt trời. Các bức xạ này sẽ làm cho con người nhanh chóng bị mệt mỏi, khát nước, gây nhức đầu chóng mặt làm giảm năng suất lao động. Các tác động này là không thể tránh khỏi khi thi công vào mùa hè.

- Công trường thi công sẽ có nhiều phương tiện vận chuyển đi lại có thể dân tới các tai nạn giao thông.

- Việc thi công các công trình trên cao sẽ làm tăng khả năng gây tai nạn lao động do trượt té từ tháp khoan, cần cẩu, các dàn giáo, cột điện,... trong quá trình lắp đặt và tháo dỡ, từ các công tác thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, trang thiết bị lên cao.

- Khi công trường thi công trong những ngày mưa thì khả năng xảy ra tai nạn lao động có thể tăng cao, do đất trơn dẫn đến trượt ngã cho người lao động, các sự cố về điện dễ xảy ra hơn.

b) Tác động đến môi trường tự nhiên và xã hội từ khu vực lán trại công nhân

Khu vực lán trại công nhân sẽ tập trung khoảng 400 lao động ăn ở (tính tại thời điểm đông người nhất và có khoảng 50% số lao động tại công trường) trong quá trình thi công xây dựng 36 tháng (tính cả san nền) nên sẽ gây ra các tác động đến môi trường, rác thải, an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, bệnh dịch,...

- NTSH: Phát sinh từ khu vực lán trại như đã tính toán tại các phần trên thì trung bình hàng ngày sẽ phát sinh theo phân kỳ dự án lần lượt khoảng 8,75 m^3/ng.đêm và 35 m^3/ngày.đêm. Trong NTSH chứa nhiều thành phần ô nhiễm môi trường.

- Rác thải: Rác thải phát sinh từ khu vực lán trại chủ yếu là CTRSH với tổng lượng phát sinh theo giai đoạn lần lượt khoảng 67,5 kg/ngày và 270 kg/ngày. Trong CTRSH phát sinh từ khu vực lán trại có ít chất thải nguy hại. Lượng rác thải này phần lớn là chất thải hữu cơ, phân hủy nhanh chóng trong môi trường nên thường gây ra mùi hôi thối, thu hút ruồi, muỗi,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua khu vực lán trại có thể cuốn theo một số rác thải bẩn và gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước mưa và gây mất VSMT khu vực xung quanh.

- Tệ nạn xã hội: Tệ nạn xã hội thường xuyên xảy ra ở khu vực lán trại công nhân khi tập trung đông người. Do trình độ văn hóa, xã hội, pháp luật,... của công nhân lao động không cao nên hay xảy ra tình trạng tệ nạn xã hội như: cờ bạc, lô đề, trộm cắp vặt,...

- Tình hình an ninh trật tự: Do tập trung đông người *(400 công nhân xây dựng tại thời điểm tập trung đông nhất)*, và việc không khai báo đầy đủ với cơ quan công an, chính quyền địa phương về công tác tạm vắng, tạm trú,... nên có khả năng xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự. Ngoài ra, lối sống, thói quen,... của công nhân xây dựng thường khác với nhân dân bản xứ nên có khả năng xảy ra xung đột, xô sát.

- Dịch bệnh: Khu vực ăn ở của công nhân thường là các lán trại tạm, điều kiện vệ sinh, nước sạch,... thường thiếu thốn, cộng với việc có nhiều người từ nơi khác chuyển đến, sống tập trung nên khả năng lây nhiễm các dịch bệnh là có khả năng xảy ra. Một số loại dịch bệnh thường gặp như: sốt xuất huyết, cúm H5N1, H7N9,...

c) Lan truyền bệnh giữa công nhân và người dân địa phương

Khu vực dự án nằm không quá xa với khu dân cư tập trung đông đúc. Tuy nhiên, nếu điều kiện vệ sinh kém tại các khu lán trại công nhân và do tiếp xúc hàng ngày giữa công nhân và người dân địa phương, việc lan truyền các loại bệnh vẫn có thể xảy ra giữa công nhân với người dân địa phương. Vấn đề này có thể xảy ra khi số lượng công nhân tập trung đông.

Tác động này được đánh giá là nhỏ do khu vực lán trại sẽ được xây dựng xa khu dân cư tập trung và tất cả công nhân sẽ được nhắc nhở về ý thức phòng ngừa dịch bệnh.

d) Mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng và người dân địa phương

Trong nhiều trường hợp, mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương có thể xảy ra do các nguyên nhân sau:

- Khác nhau về tập quán;

- Chênh lệch về thu nhập;

- Sự xâm phạm của công nhân đối với các di tích lịch sử, văn hoá truyền thống của người dân địa phương.

Tác động này được đánh giá là nhỏ do lực lượng công nhân chính làm việc tại công trường là những người chuyên nghiệp, tuân thủ tốt các kỷ luật của công trường, ngoài ra các công việc phụ và không yêu cầu cầu kỹ thuật, nhà thầu sẽ tuyển công nhân tại chính địa phương do đó họ đều hiểu tập quán và truyền thống của địa phương. Hơn nữa, công nhân xây dựng sẽ sống trong các lán trại tách biệt với các khu dân cư hoặc sinh sống trong nhà của họ nên tiếp xúc giữa công nhân và người dân địa phương sẽ được hạn chế.

3.1.1.2.11. Tác động đến môi trường từ các bãi tập kết nguyên vật liệu và xe máy thi công

a) Tác động đến môi trường từ các bãi tập kết nguyên vật liệu

Theo từng giai đoạn thi công, tại khu vực dự án sẽ có một số bãi tập kết VLXD như: cát, đá, sắt thép,... tác động từ các bãi tập kết VLXD như sau:

- Bụi: Bụi sẽ phát sinh từ các bãi tập kết cát do gió to và thời tiết hanh khô.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua các bãi tập kết nguyên VLXD sẽ cuốn theo đất, cát xuống hệ thống thoát nước mưa và có khả năng gây tắc nghẽn hệ thống này.

- Các tác động khác: Việc tập kết các nguyên VLXD tại công trường còn gây ra các tác động khác ngoài mong muốn như:

+ Gây cản trở giao thông và tai nạn giao thông

+ Gây mất mỹ quan khu vực

+ Gây cảnh trở đến các hoạt động sinh hoạt bình thường của nhân dân.

b) Tác động đến môi trường từ các bãi tập kết xe - máy thi công

Như đã trình bày tại Chương I, các nhà thầu thi công chỉ đưa đủ xe - máy, phương tiện thi công đủ để đáp ứng tiến độ thi công của dự án nên tại dự án không có bãi tập kết xe - máy thi công lớn. Tại công trường không bố trí trạm sửa, bảo dưỡng xe máy thi công.

Ngoài ra, với đặc tính của dự án là thi công xây dựng hệ thống HTKT nên lượng xe - máy thi công huy động không lớn. Một số xe - máy thi công được tập

kết ngay trong công trường xây dựng cũng không mang lại các tác động đến môi trường và xã hội lớn.

3.1.1.2.12. Dự báo, đánh giá tác động đến đa dạng sinh học

Giai đoạn thi công xây dựng của dự án là giai đoạn có nhiều tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật do làm thay đổi nhiều diện tích đất đang canh tác lúa và trồng trọt (216,5/256,68 ha) có thể gây ra các tác động như sau:

- Làm mất nơi cư trú của một số nhóm cá thể và ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái.

- Các chất thải của con người trong thời gian thi công có ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và làm ô nhiễm nguồn nước.

Những hoạt động trên sẽ làm suy thoái thảm thực vật dẫn đến xói mòn rửa trôigây ảnh hưởng tiêu cực đến các hệ sinh thái nông nghiệp vùng xung quanh. Bên cạnh đó phải kể đến sự tập trung của công nhân xây dựng, các phương tiện cơ giới thi công sẽ gây ra tiếng ồn sẽ ảnh hưởng đến các loài chim, bò sát trong khu vực lân cận. Nhiều loài sẽ di chuyển ra xa nơi thi công công trình, quy luật di chuyển theo các hướng khác nhau:

- Các loài chim, có vùng hoạt động rộng, di chuyển nhanh, phản ứng nhạy cảm với các tác động quấy nhiễu sẽ di chuyển đến những khu vực xa, yên tĩnh, nhiều loài có thể di chuyển tới các khu vực của các huyện giáp ranh để sinh sống.

- Các loài sống gần khu vực dân cư như một số bò sát, ếch nhái, loài thú nhỏ,... lúc đầu chúng sẽ di chuyển không xa khu vực công trình, thường tìm đến những khu ít bị tác động để sinh sống, khi công trình hoàn thành, sự ồn ào ban đầu lắng xuống các loài này sẽ dần dần trở lại quanh khu vực để kiếm ăn.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tại khu vực không có các loài động thực vật quí hiếm cần bảo vệ. Do đó có thể nói, việc xây dựng dự án có thể làm thay đổi hệ sinh thái khu vực, nhưng mức độ tác động không lớn.

3.1.1.2.13. Dự báo, đánh giá tác động đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực xung quanh dự án

Tại khu vực xung quanh dự án: Các hoạt động sản xuất nông nghiệp không bị tác động do dự án đã xây dựng hoàn trả kênh mương trước khi san nền. Các ruộng canh tác nông nghiệp, đặc biệt ở khu vực gần Kênh tiêu Cầu Chi và khu vực giáp trạm bơm Hòa Yên này vẫn được duy trì bình thường như trước khi có KCN.

3.1.1.2.14. Tác động đến các công trình thủy lợi trong quá trình thi công

Trong quá trình thi công xây dựng dự án sẽ có tác động đến các công trình thủy lợi như sau:

- Hoạt động thi công, hoạt động của các phương tiện thi công gây sạt trượt, hư hỏng bờ kênh mương, ảnh hưởng đến công tác thoát nước, tưới tiêu ruộng đồng.

- Đất cát xâm nhập xuống kênh mương gây tắc nghẽn, cản trở dòng chảy, ảnh hưởng đến hoạt động của các kênh mương.

- Nước thải thi công chưa qua xử lý, rác thải từ công trường bị nước mưa chảy tràn, cuốn trôi vào dòng nước, gây tắc nghẽn kênh mương và ảnh hưởng đến chất lượng tưới tiêu.

3.1.1.2.15. Các tác động cộng hưởng khi các dự án lân cận cùng được triển khai

Giáp phía Tây KCN Hòa Yên có dự án: "Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa" của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HHK. Khi dự án lân cận này nếu được triển khai cùng với KCN sẽ gây nên các tác động cộng hưởng, làm suy giảm nghiêm trọng các tác động đến môi trường tự nhiên, hệ sinh thái cũng như các yếu tố kinh tế - xã hội của khu vực, cụ thể:

- Gây quá tải cho các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn khu vực: Đường ĐT.398, ĐT.398B, ... các hệ thống cấp nước sạch, cấp điện, thông tin liên lạc.

- Gây tác động do bụi, khí thải: Chủ yếu phát sinh từ quá trình san nền ; Bụi khí thải từ các hoạt động vận chuyển VLXD, các hoạt động thi công trên công trường, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong khu vực.

- Nước thải thi công, nước thải sinh hoạt, các loại nước thải phát sinh từ công trường thi công xây dựng: Việc tập trung đông các hoạt động thi công sẽ làm gia tăng nước thải, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước đối với sông Cầu *(mọi nguồn nước thải từ khu vực quy hoạch cuối cùng để đổ thải ra sông Cầu)*. Nhiều tỉnh ở khu vực hạ du (Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Hải Phòng, ...) đang sử dụng nguồn nước mặt sông Cầu cho các hoạt động sinh hoạt, sản xuất, chăn nuôi,... cũng như các mục đích khác.

3.1.1.2.16. Đánh giá tác động đến công tác di dời các phần mộ

- 800 ngôi mộ trong khu vực dự án nếu không được di dời sẽ gây cản trở thi công hạ tầng kỹ thuật và công trình xây dựng, vì phần lớn mộ nằm trong hành lang kỹ thuật hoặc khu đất dự kiến san nền. Do đó, việc di dời là bắt buộc, đảm bảo mặt bằng sạch và đồng bộ cho toàn dự án.

- Việc di dời mộ là vấn đề nhạy cảm về mặt tâm linh, có thể gây bức xúc nếu không thực hiện đúng trình tự, thời điểm, và không có sự đồng thuận của thân nhân. Khiếu nại, kiến nghị có thể phát sinh nếu công tác hỗ trợ, đền bù không minh bạch hoặc không phù hợp phong tục địa phương.

3.1.1.2.17. Tác động tương tác giữa các giai đoạn thực hiện dự án

Dự án KCN Hòa Yên được chia thành 2 giai đoạn để thực hiện nối tiếp nhau. Thời gian thi công dự kiến kéo dài khoảng 3 năm: San nền → Xây dựng hệ thống HTKT KCN → Thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

Dự án kéo dài thi công xây dựng tới hơn 3 năm và được chia thành 02 giai đoạn thực hiện nối tiếp nên tác động tương tác giữa các giai đoạn thực hiện dự án là có xảy ra. Khi giai đoạn 1 đã hoàn thành, bắt đầu thu hút nhà đầu tư thứ cấp thì triển khai tiếp giai đoạn 2. Các tác động từ quá trình thi công xây dựng đến các khu vực đã đưa vào khai thác, sử dụng như sau:

- Gia tăng phương tiện giao thông vận chuyển đất san nền, VLXD sẽ làm ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn, rung động, tai nạn giao thông, ... cho giai đoạn đã hoàn thành.

- Ảnh hưởng đến hệ thống HTKT đã hoàn thành của giai đoạn trước đó.

- Các nhà đầu tư thứ cấp tiến hành xây dựng sau sẽ gây tác động khí thải, chất thải, tiếng ồn, rung động,... đến các nhà đầu tư thứ cấp đã xây dựng trước đó.

3.1.1.2.18. Đánh giá, dự báo tác động do các yếu tố khác

a) Tác động tới địa chất khu vực

Theo tài liệu địa chất trình bày tại Chương II, nền địa chất khu vực thực hiện dự án đảm bảo thuận lợi cho việc xây dựng các công trình.

Đối với hạng mục hồ sự cố của trạm XLNT có dung tích 5.250 m^3/hồ, tương đương 5.250×2=10.500 tấn khi hoạt động sẽ không gây chất tải lớn tại khu vực. KCN Hòa Yên được thực hiện tại khu vực đồng bằng, địa chất tại khu vực dự án không có đứt gẫy, không có cấu tạo hang Caxtơ nên việc gia tăng hồ này không ảnh hưởng đến các yếu tố khác như: gia tăng động đất, sụt lún bất thường,... Hơn nữa, hồ sự cố luôn để trống để đảm bảo chức năng lưu giữ nước thải 24 h khi trạm XLNT tập trung gặp sự cố nên trong điều kiện bình thường, khu vực hồ sự cố hoàn toàn không có tải.

b) Tác động tới mục đích sử dụng đất

Quá trình thi công xây dựng tác động tương đối lớn tới môi trường đất, cụ thể như làm mất lớp phụ bề mặt; xói mòn đất bề mặt do các hoạt động san gạt,

đào đắp; chiếm dụng đất tạm thời hay vĩnh viễn phục vụ cho các hoạt động thi công; thay đổi mục đích sử dụng đất từ đất canh tác lúa sang đất công nghiệp; thay đổi cảnh quan thiên nhiên và khu vực.

c) Tác động do xói lở, xa bồi

Việc xây dựng KCN không làm thay đổi dòng chảy của hệ thống kênh mương tưới tiêu, đoạn kênh tiêu Cầu Chi nằm ngoài ranh giới, không có tác động trực tiếp,… nên sẽ không làm thay đổi hình dạng khu vực xung quanh.

d) Tác động do thu hồi sinh cảnh

Khi thực hiện dự án KCN Hòa Yên sẽ phải thu hồi 256,68 ha, trong đó chiếm tới 216,5ha/256,68 ha là đất nông nghiệp. Khu vực thực hiện dự án được đánh giá là khu vực đồng ruộng "thẳng cánh cò bay", khá yên bình, điển hình cho vùng nông thôn khu vực đồng bằng Đông Bắc Bộ. Tại khu vực không có danh lam, thắng cảnh, cảnh quan mang tính độc đáo, hoang sơ,…

Khi thực hiện dự án thì cảnh quan đồng ruộng này không còn nữa, thay vào đó là các nhà máy, công trình công nghiệp, dịch vụ và đây được coi là sự đánh đổi đáng có để tạo điều kiện phát triển KT-XH của khu vực, nâng cao mức sống cho dân cư, tạo ra các nguồn thu cho NSNN để tái đầu tư phát triển.

3.1.1.2.19. Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tự nhiên và hệ thống HTKT của khu vực trong giai đoạn thi công

a) Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tự nhiên

Như đã trình bày ở các nội dung trên thì mức chịu tải của môi trường tự nhiên khu vực dự án đang ở mức trung bình. Thống kê môi trường nước mặt tại hệ thống Kênh tiêu Cầu Chi đều chỉ ra tình trạng ô nhiễm môi trường bắt đầu gia tăng trong các năm gần đây.

Đối với các hoạt động thi công xây dựng dự án sẽ tập kết nhiều xe - máy thi công, công nhân lao động, các hoạt động thi công xây dựng,... và chắc chắn sẽ gây ô nhiễm môi trường hơn so hiện trạng hiện nay.

b) Đánh giá khả năng chịu tải của hệ thống HTKT

Các hoạt động vận chuyển vật liệu thi công xây dựng dự án chủ yếu được thông qua đường ĐT.398 và ĐT.398B nên hạn chế được sức ép lên hệ thống HTKT của khu vực, đặc biệt là các đường làng, đường dân sinh.

Các yếu tố khác về khả năng cấp nước sạch, cấp điện đã được phân tích và đánh giá ở các nội dung trước. Các yếu tố này hoàn toàn có khả năng đáp ứng

trong giai đoạn thi công xây dựng KCN Hòa Yên.

Khả năng thoát nước mưa, thoát nước thải từ công trường: Công trường nằm cạnh kênh thoát nước chính của khu vực là hệ thống kênh tiêu Cầu Chi nên khả năng thoát nước mưa và nước thải là hoàn toàn đáp ứng được.

3.1.1.2.20. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thi công

a) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án giai đoạn chuẩn bị

(i) Sự cố do sự phản đối của cộng đồng dân cư khi lựa chọn vị trí thực hiện dự án

Trong quá trình triển khai dự án, đặc biệt trong công tác GPMB, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên có thể gặp sự phản đối của cộng đồng dân cư do họ lo ngại sẽ bị mất đất đang trồng trọt vì đang là kế sinh nhai của họ hoặc dân cư yêu cầu giá đền bù và GPMB cao. Thông thường, các dự án nhậy cảm với môi trường thường gặp phải sự phản đối rất mạnh như: dự án nhà máy nhiệt điện, dự án khu xử lý rác thải, dự án nghĩa trang, hóa chất, vật liệu nổ,... từ phía cộng đồng dân ngay bước đầu tiên.

Sự cố này nếu xảy ra sẽ khiến kéo dài thời gian chuẩn bị cho dự án, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương nói chung và tốn kém kinh phí, thời gian của Chủ đầu tư.

Tuy nhiên, đến nay, với sự tuyên truyền, vận động tốt của chính quyền địa phương thì đa số nhân dân đều ủng hộ việc triển khai dự án. Họ nhận thức rằng khi KCN Hòa Yên đi vào hoạt động sẽ thu hút nhiều nhà máy, xí nghiệp công nghiệp cũng như nhiều người đến đây sinh sống. Họ sẽ có nhiều cơ hội việc làm trong Nhà máy, xí nghiệp KCN và có mức sống tốt hơn và đất đai của họ cũng có giá trị hơn, có nhiều ngành nghề kinh doanh dịch vụ.

(ii) Sự cố trong công tác đền bù và GPMB

Khi thực hiện dự án sẽ phải thu hồi đất và trách nhiệm này thuộc về chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh và do Ban đền bù, GPMB thực hiện, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên chỉ tiến hành nhận đất sạch để triển khai dự án.

Việc thu hồi đất có thể sẽ gặp phải sự phản đối của dân cư khi mà giữa chính quyền và nhân dân không thống nhất được phương thức và giá đền bù, GPMB. Đã có rất nhiều dự án không triển khai được hoặc quá trình triển khai rất chậm do không giải phóng được mặt bằng. Sự cố này cũng hoàn toàn có khả năng xảy ra đối với dự án này. Khi thực hiện đền bù và GPMB, nhiều hộ gia đình sẽ bị ảnh hưởng, mặc dù có thể đại đa số các hộ đều ủng hộ song có thể có một vài hộ cá biệt không ủng hộ hoặc cố tình gây khó khăn. Khi xảy ra sự cố này sẽ dẫn đến

dự án được chậm triển khai, gây thiệt hại cho Nhà đầu tư.

Ngoài ra, việc không nhất với phương án đền bù và GPMB khi thực hiện dự án còn có thể dẫn đến tình trạng khiếu kiện tập trung đông người, gây mất trật tự và an toàn xã hội. Những người khiếu kiện thường đi đông người, sử dụng người già và trẻ em để gây sức ép với chính quyền và nhà đầu tư. Đôi khi, một số trường hợp đặc biệt còn xảy ra xô sát giữa Nhà đầu tư và những người khiếu kiện đó.

(iii) Sự cố trong công tác rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót

Theo Ban Chỉ đạo Chương trình Hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh, tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước hiện vẫn còn 6,6 triệu ha bị ô nhiễm bom mìn với khoảng 800.000 tấn bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Đến nay, có khoảng 100.000 nạn nhân bom mìn, trong đó có 40.000 người chết, hơn 60.000 người bị thương. Mỗi năm Chính phủ phải chi hàng trăm tỷ đồng cho việc rà phá bom mìn, cấp cứu và hỗ trợ nạn nhân... Khu vực huyện Đan Phượng cũng là một trong những khu vực bị đánh phá ác liệt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Vì vậy, công tác rà phá bom mìn là bắt buộc khi thực hiện dự án. Trong quá trình thực hiện công việc này luôn có thể xảy ra sự cố khi mà bom mìn, vật liệu nổ còn tồn dư gây nổ.

Sự cố này nếu có xảy ra sẽ ảnh hưởng và đe dọa tính mạng, sức khỏe của người tham gia rà phá bom mìn và vật liệu nổ. Tuy nhiên, với công nghệ hiện đại cộng với sự tiên tiến của thiết bị máy móc, trình độ kỹ thuật nên lực lượng công binh Việt Nam hiện nay hoàn toàn có thể làm chủ trong công tác phá dỡ bom mìn và vật liệu nổ. Vì vậy, các ca tai nạn trong trường hợp này mặc dù có xảy ra những tần suất thấp.

b) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án giai đoạn thi công xây dựng HTKT KCN

(i). Sự cố trong quá trình san nền

Quá trình thi công san nền tại KCN Hòa Yên có thể gặp những sự cố như sau:

- Sự cố do tai nạn giao thông từ hoạt động của phương tiện vận chuyển cát san nền bằng đường bộ.

- Sự cố do phản ứng của nhân dân địa phương do công trường thi công san nền chặn đường thoát nước, gây ô nhiễm môi trường hoặc gây ngập úng, hoặc lấp hệ thống thoát nước từ đầm, ao hồ mà không hoàn trả,...

Khi xảy ra các sự cố này thì thiệt hại sẽ là Công ty cổ phần FECON Hòa Yên do tiến độ thi công bị chậm. Tiếp đó là thiệt hại của các nhà thầu tham gia

trên vận chuyển cát, các nhà thầu thi công san nền công trường do không thực hiện được công việc đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần FECON Hòa Yên. Tuy nhiên, sự cố này được đánh giá là khó xảy ra do phương án thi công, phương án vận chuyển và các biện pháp đảm bảo môi trường đã được tính toán kỹ trong các hồ sơ có liên quan, đặc biệt là trong báo cáo ĐTM này (Các nhà thầu thi công san nền chỉ tiến hành lưu thông theo đường ĐT.398 và ĐT.398B, không đi qua các tuyến đường dân sinh). Do đó, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và các nhà thầu thực hiện đầy đủ các biện pháp trong báo cáo ĐTM sẽ góp phần giảm thiểu được các rủi ro và sự cố.

(ii). Tai nạn lao động trên công trường thi công

Cũng như bất cứ các công trường xây dựng nào, công tác an toàn lao động là vấn đề được đặc biệt quan tâm. Nguyên nhân xảy ra các sự cố này có thể bao gồm như sau:

- Do không thực hiện đúng quy trình, biện pháp thi công.

- Do tính chất thi công phức tạp, đặc biệt là các công trình thi công dưới nước, thi công vào ban đêm, thi công trên cao, thi công ngầm,…

- Do không được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo quy định

- Do thiên tai.

- Do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công.

- Do các nguyên nhân khác: Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của cán bộ công nhân trên công trường, do sự thiếu trách nhiệm giám sát của các Nhà đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát, chỉ huy công trường.

- Công trường thi công sẽ có nhiều phương tiện vận chuyển ra vào có thể dẫn đến tai nạn do xe cộ gây ra.

- Các loại phương tiện cần cẩu, thiết bị bốc dỡ, các loại VLXD chất cao có thể rơi đổ gây tai nạn lao động.

- Việc thi công các công trình ở độ cao sẽ làm tăng khả năng gây ra tai nạn lao động do trượt té trên các giàn giáo, do vận chuyển vật liệu xây dựng (xi măng, cát, sắt, thép,…) lên các độ cao,…

- Các tai nạn lao động từ các công tác tiếp cận với điện như công tác thi công hệ thống điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang qua đường, gió bão gây đứt dây điện,...

- Khi công trường thi công trong những ngày mưa thì nguy cơ gây ra tai nạn lao động có thể tăng cao do đất trơn dẫn đến trượt té cho người lao động, các sự cố về điện dễ xảy ra hơn, đất mềm và dễ lún sẽ gây ra các sự cố cho người và các máy móc, thiết bị thi công,…

(iii). Sự cố cháy nổ nhiên liệu

Quá trình thi công xây dựng một công trình lớn sẽ phát sinh nhiều khả năng gây ra cháy nổ:

- Việc sử dụng các công đoạn gia nhiệt trong thi công cũng có khả năng gây ra cháy.

- Các nguồn nguyên liệu (dầu FO, DO) thường được chứa trong phạm vi công trường là một nguồn cháy nổ rất quan trọng. Đặc biệt là khi các kho (bãi) chứa này nằm gần các nơi có gia nhiệt, hoặc các nơi có nhiều người, xe cộ đi lại.

- Sự cố về điện cũng có khả năng gây ra cháy nổ.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ trên công trường thi công sẽ để lại thiệt hại về tài sản, đe dọa sức khỏe và tính mạng con người đồng thời gây ô nhiễm môi trường.

(iv). Sự cố về nước thải

Quá trình xây dựng các công trình sẽ phát sinh một lượng nước thải đáng kể từ quá trình hoạt động của công nhân trên công trường cũng như các hoạt động thi công xây dựng khác. Nếu các nhà vệ sinh di động hoạt động không hiệu quả hoặc là quá tải sẽ gây ô nhiễm môi trường, gây mùi hôi thối. Ngoài ra, nước thải từ quá trình thi công nếu không được lắng đất cát cũng sẽ gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước của khu vực, gây ngập lụt và gây mất mỹ quan khu vực.

(v). Sự cố về gây tai nạn do ngã vào các công trình đang thi công

Trong quá trình thi công thi công các tuyến cống, hố ga,… dọc đường nội bộ KCN cũng như các cống qua đường trong KCN nếu không thực hiện cảnh báo, ngăn ngừa hữu hiệu thì có khả năng xảy ra tình trạng tai nạn ngã xuống khu vực này. Tai nạn này cũng đã xảy ra tại nhiều nơi thi công ống thoát nước, rất nguy hiểm với trẻ nhỏ và người già hoặc những người đi lại trong đêm tối.

Sự cố này được dự báo là rất dễ xảy ra khi mà công tác thi công xây dựng dự án kéo dài 36 tháng, vừa các doanh nghiệp vừa sản xuất vừa tiến hành thi công hạ tầng KCN.

Sự cố này xảy ra sẽ gây tai nạn thương tích, đặc biệt có thể đe dọa tính mạng, hủy hoại tài sản của công nhân, cán bộ khu vực thực hiện dự án.

(vi). Sự cố gây sụt lún các công trình

Do quá trình thực hiện thi công dự án kéo dài, khi thu hút nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các công trình công cộng,… vẫn có thể thi công xây dựng hệ thống HTKT cho KCN trong các giai đoạn tiếp theo hoặc thi công từng nhà máy.

Vì vậy, công tác thi công có thể đe dọa đến an toàn công trình đã hoàn thiện hoặc đang xây dựng bên cạnh. Nếu đơn vị thi công không thực hiện đầy đủ và đúng biện pháp thi công có thể gây ảnh hưởng sụt lún, giảm tuổi thọ của các công trình dân cư, đặc biệt là các công trình cũ, được xây dựng từ lâu. Khi xảy ra sự cố này sẽ gây thiệt hại về vật chất cho dân cư và có thể đe dọa tính mạng, sức khỏe và an toàn của con người.

(vii). Nguy cơ sự cố do đổ cần cẩu

Hoạt động của các cần cẩu trong quá trình thi công xây dựng tất cả các hạng mục của dự án có khả năng bị đổ trong quá trình hoạt động. Khi xảy ra sẽ gây ra các tai nạn cho cán bộ công nhân lao động trực tiếp tại công trường và cộng đồng dân cư xung quanh. Vừa qua, trên nhiều công trường thi công xây dựng đã để xảy ra tình trạng đổ cẩu, gây tai nạn và đặc biệt có nhiều tai nạn chết người.

Tại khu vực dự án, nếu để xảy ra tình trạng đổ cẩu sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng khi mà xung quanh công trường luôn có nhiều cán bộ công nhân làm việc.

(viii). Nguy cơ gây ngộ độc thức ăn trên công trường lao động

Trên công trường thi công xây dựng, điều kiện ăn ở, sinh hoạt của công nhân đôi khi còn chưa được Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và các nhà thầu thi công quan tâm đúng mức. Sự cố ngộ độc thực phẩm có thể xảy ra trong quá trình ăn uống của các công nhân xây dựng.

Khi xảy ra sự cố này sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân xây dựng. Nhiều vụ ngộ độc thực phẩm nếu không được cấp cứu kịp thời sẽ đe dạo đến sức khỏe con người. Nhiều vụ ngộ độc thực phẩm đã xảy ra khiến nhiều người bị thương vong, thậm chí còn gây tử vong.

(ix). Sự cố trong công tác rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót

Mặt dù trong giai đoạn chuẩn bị, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên đã thuê đơn vị chức năng để tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót trên phạm vi thi công song có thể do nhiều nguyên nhân, bòm mìn, vật liệu nổ có thể vẫn có còn sót, đe dọa an toàn về sức khỏe, tính mạng, vật chất cho những người thi công công trình.

(x). Sự cố tai nạn giao thông

Trong quá trình thi công xây dựng dự án có thể xảy ra các sự cố về tai nạn giao thông đường bộ, giao thông trên công trường. Bất cứ xảy ra sự cố tai nạn giao thông nào thì cũng để lại nhiều hậu quả nặng nề, đe dọa đến sức khỏe, tính

mạng của những người tham gia giao thông. Ngoài ra, tai nạn giao thông đường thủy ngoài để lại các thiệt hại về con người, vật chất tài sản sẽ để lại cả nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tràn dầu ra vùng nước mặt.

Khi xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường, tràn dầu do tai nạn giao thông đường thủy sẽ để lại nhiều hậu cho môi trường, suy giảm đa dạng sinh học,...

(xi). Sự cố do thiên tai

Công trường thi công xây dựng KCN Hòa Yên có thể phải đối mặt với thiên tai, gây ảnh hưởng đến hoạt động thi công xây dựng, cụ thể như sau:

- Sạt lở: Tại dự án là khu vực đồng bằng nên không có nguy cơ này. Tuy nhiên, sự cố sạt lở cũng có thể xảy ra tại khu vực tường chắn san nền. Khi xảy ra sự cố này sẽ gây ra hiện tượng đất san nền sạt ra khu vực xung quanh, ảnh hưởng đến canh tác của khu vực ruộng lúa, kênh mương giáp ranh.

- Sụt lún: Kết quả khảo sát địa chất công trình tại khu vực dự án và tham khảo điều kiện địa chất tại khu vực dự án cho thấy nền móng của khu vực ổn định, không nằm trên khu vực có cấu tạo địa chất cartơ, sụt lún, đứt gãy → Tại dự án không có nguy cơ xảy ra sự cố này.

- Các hình thái thời tiết nguy hiểm: Mưa bão, áp thấp nhiệt đới, giông sét, lốc,…: Khi xảy ra các sự cố này sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động thi công xây dựng trên công trường như: Gây thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng tới tiến thi công xây dựng, hư hỏng vật tư xây dựng, tràn bùn đất ra hệ thống cống, rãnh, mương thoát nước,…

- Động đất: Khi xảy ra sự cố động đất sẽ chủ yếu là ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng. Khu vực thi công xây dựng dự án là đồng bằng nên các ảnh hưởng khác do động đất không gây thiệt hại lớn.

3.1.2. Các biện pháp, công trình BVMT đề xuất thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công xây dựng dự án

3.1.2.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

3.1.2.1.1. Nhóm các biện pháp BVMT sẽ được lồng ghép và đưa vào giai đoạn thiết kế thi công và các giai đoạn tiếp theo trong quá trình thực hiện dự án

a) Các biện pháp BVMT sẽ lồng ghép trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công

Công ty cổ phần FECON Hòa Yên xác định hiệu quả của việc BVMT ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư đến các giai đoạn thực hiện tiếp theo *(thi công xây dựng và đưa dự án vào hoạt động),* đồng thời đã có những tính toán cụ thể, hợp lý cho công tác BVMT khu vực triển khai dự án.

Trong giai đoạn thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công dự án, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ áp dụng các biện pháp tổng hợp nhằm phòng ngừa ô nhiễm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức công tác BVMT trong những giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là giai đoạn thi công xây dựng. Các biện pháp sẽ bao gồm:

- Nghiên cứu chi tiết về vị trí địa lý, địa hình, đặc điểm dòng chảy, chế độ thủy văn của hệ thống kênh mương, các trạm bơm để đánh giá đầy đủ các yếu tố thuận lợi, hạn chế trong việc tổ chức thi công, nhất là các công trình phải thi công và hoạt động thường xuyên dưới nước.

- Nghiên cứu chi tiết và đánh giá các yếu tố thuận lợi về khí hậu, thời tiết, thủy văn *(mực nước, cao độ, dòng chảy,...)* để bố trí các công trình BVMT trong giai đoạn thi công phù hợp nhất.

- Thực hiện các biện pháp chuẩn bị kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa lượng đất cần đào đắp, đổ thải ra ngoài cũng như vận chuyển từ nơi khác về, nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí.

- Tạo dòng chảy thoát nước tự nhiên theo địa hình, phòng ngừa các hiện tượng ngập úng trong quá trình thi công xây dựng cơ sở HTKT của dự án.

b) Phân cụm các nhà máy trong KCN Hòa Yên

KCN Hòa Yên có quy mô tương đối lớn (chỉ tính riêng phần diện tích công nghiệp là 156,82 ha) và sẽ tập trung nhiều loại hình sản xuất công nghiệp *{Nhóm 1: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Nhóm 2: Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Nhóm 3: Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Nhóm 4: Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; Nhóm 5: Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; Nhóm 6: Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Nhóm 7: Công nghiệp hỗ trợ }).* Khi bố trí các nhà máy, xí nghiệp vào KCN Hòa Yên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, các cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan có liên quan khác sẽ xem xét khía cạnh môi trường trong việc lựa chọn vị trí lô đất cụ thể. Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp có đặc điểm gần giống nhau về công nghệ sản xuất, đặc tính khí thải, nước thải,… sẽ được bố trí gần nhau và tạo thành cụm riêng. Việc bố trí này sẽ tuân thủ phương án quy hoạch ngành nghề đã được.

- Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp phát sinh nhiều bụi, khí độc *(hơi ga, khói bụi, ồn, muội than,...)* sẽ được bố trí ở cuối hướng gió chủ đạo, cuối các xưởng khác.

- Những nhà máy có lưu lượng nước thải lớn *(chế biến nông sản - thực phẩm - bia - rượu - nước giải khát,...)* sẽ được bố trí gần Nhà máy XLNT để tiện cho việc thu gom nước thải về Nhà máy XLNT tập trung và xả thải ra kênh tiêu Cầu

Chi.

- Việc bố trí từng hạng mục công trình trong mỗi nhà máy, xí nghiệp công nghiệp sẽ được thể hiện tại Quy hoạch mặt bằng tổng thể chi tiết của từng nhà máy. Sở Xây dựng, Sở Công thương sẽ tổ chức thẩm định và quản lý quy hoạch này. Theo quy định, các doanh nghiệp sẽ được Sở Xây dựng, Sở Công thương cấp quyết định phê duyệt quy hoạch, trong đó yêu cầu rõ về diện tích, tầng cao, hệ số sử dụng đất,…

Trên đây là những cơ bản về khía cạnh môi trường mà Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ quan tâm trong việc sắp xếp, thu hút các doanh nghiệp vào KCN Hòa Yên. Tuy nhiên trong thực tế, vấn đề này còn gặp nhiều khó khăn do các chiều hướng ưu tiên có khả năng gây cản trở lẫn nhau. Chẳng hạn như các nhà máy chế biến nông - lâm - thủy sản được ưu tiên bố trí ở đầu hướng gió chủ đạo trong khu vực, song chính các nhà máy này lại có thể gây ô nhiễm môi trường không khí đối với các nhà máy khác.

KCN sẽ chỉ tiếp nhận các ngành nghề phù hợp với quy hoạch của KCN cũng như tính chất của KCN được nêu tại báo cáo ĐTM này. Riêng đối với những dự án đầu tư vào KCN mà không nằm trong danh mục ngành nghề đã được quy hoạch hoặc chưa thật sự phù hợp với phân khu chức năng của KCN thì Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, các cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh sẽ xem xét các tác động môi trường của dự án, tổ chức xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền trước khi chấp thuận địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Khoảng cách bố trí và cấp độ công trình

Khoảng cách bố trí giữa các cụm nhà máy hoặc giữa các nhà máy với nhau là một yếu tố rất quan trọng để đảm bảo cho sự thông thoáng giữa các công trình, góp phần đáng kể trong việc BVMT. Mặt khác, khoảng cách giữa các công trình sẽ hạn chế được sự lan truyền và cộng hưởng của các chất ô nhiễm trong KCN, không tạo vùng gió quẩn lắng đọng các chất ô nhiễm, chống lây lan hỏa hoạn và dễ ứng cứu khi có sự cố. Để đảm bảo vùng đệm môi trường công nghiệp theo đúng quy định, việc phân cấp, nâng độ cao công trình theo hệ số chiếm đất là rất quan trọng:

Bảng 123. Độ tin cậy của các phương pháp sử dụng để đánh giá

TT	Khoảng cách bố trí và cấp độ công trình	Hệ số
1	Đối với xí nghiệp xây dựng loại hình nhà 1 tầng	$k_1 < 70\%$
2	Đối với xí nghiệp xây dựng loại hình nhà 2, 3 tầng	$k_1 < 66\%$
3	Đối với xí nghiệp xây dựng loại hình nhà > 3 tầng	$k_1 < 50\%$

Khoảng lùi xây dựng: Các công trình phải xây dựng cách hàng rào tối thiểu 5m để đảm bảo các yêu cầu về PCCC. Khoảng cách xây dựng giữa các xí nghiệp công nghiệp và khu dân cư:

Bảng 124. Độ tin cậy của các phương pháp sử dụng để đánh giá

TT	Khoảng cách các xí nghiệp độc hại	Khoảng cách	Ghi chú
1	Xí nghiệp độc hại cấp 3	L ≥ 300 m	*L: Khoảng cách lùi*
2	Xí nghiệp độc hại cấp 4	L ≥ 100 m	
3	Xí nghiệp độc hại cấp 5	L ≥ 50 m	

d) Vùng đệm vệ sinh công nghiệp

Vùng đệm vệ sinh công nghiệp là vùng cách ly giữa KCN với khu dân cư xung quanh.

- Tại QCVN 01:2021/BXD - mục 2.5 (Yêu cầu về khu công nghiệp - khu chế xuất và khu công nghệ cao) không quy định khoảng cách an toàn môi trường (ATMT) đối với dự án KCN/CCN.

- Khi tiếp nhận các nhà đầu tư thứ cấp, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ căn cứ vào tính chất của từng dự án, bố trí các cơ sở sản xuất, kho tàng tuân thủ khoảng cách ATMT theo các quy định của Bộ KHCN và các văn bản pháp luật về môi trường. Trường hợp Bộ KHCN và các văn bản pháp luật về môi trường cho có quy định cụ thể, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ sử dụng công cụ đánh giá tác động môi trường hoặc tham chiếu các giá trị trong phụ lục III của TCVN 4449-1987 để xác định khoảng cách ATMT theo đúng quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

e) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm thị giác từ thiết kế kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng trong KCN

Công trình nhà xưởng công nghiệp có kiến trúc đẹp, hài hòa với khu vực xung quanh sẽ hạn chế được tình trạng ô nhiễm thị giác. Tuy nhiên, có một vài công trình tại dự án như: trạm biến áp, khu vực nhà chứa rác thải, trạm XLNT,… sẽ có các biện pháp sau để giảm thiểu ô nhiễm thị giác.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ để đảm bảo môi trường chung.

- Khu vực xung quanh các trạm biến áp sẽ được xây dựng tường bao che kín với khu vực xung quanh.

- Trồng cây xanh xung quanh các khu vực này để cảnh tạo cảnh quan và góp phần BVMT, cải thiện chất lượng môi trường.

3.1.2.1.2. Biện pháp công bố công khai các thông tin về dự án, phương án thi công và phương án BVMT

Trước khi dự án khởi công xây dựng, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ công bố công khai những nội dung theo từng giai đoạn sau:

- Phạm vi, quy mô công trình và tính chất của công trình

- Tiến độ thi công xây dựng: Cụ thể về thời gian khởi công và thời gian kết thúc công việc

- Các thông tin về Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, các nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn thiết kế và nhà thầu giám sát thi công: Địa chỉ, số điện thoại của người chịu trách nhiệm chính.

- Công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án theo quy định của pháp luật.

- Cử người đại diện để phối hợp với chính quyền địa phương, công an địa phương, các đoàn thể và các khu dân cư trong mọi công việc tại công trường, tiếp thu các ý kiến phản ánh từ cộng đồng dân cư, cơ quan xung quanh.

- Yêu cầu các Nhà thầu thi công phải liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, tổ dân phố, cơ quan công an để tiếp nhận các phản ánh về công tác BVMT khi triển khai dự án, kịp thời giải quyết các thắc mắc đó.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên hoặc Nhà thầu thi công *(nếu được ủy quyền)* sẽ thông báo bằng văn bản cho cộng đồng dân cư xung quanh *(gửi đến trưởng thôn, xóm, tổ trưởng tổ dân phố)*, các cơ quan, tổ chức về kế hoạch thi công, đặc biệt là các công việc phát sinh tiếng ồn, bụi, khói để dân cư có kế hoạch trong sinh hoạt hàng ngày.

3.1.2.1.3. Các biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình rà phá bom mìn

Sau khi nhận được mặt bằng sạch, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ tiến hành rà phá bom mìn trên diện tích 256,68 ha. Công ty CP Fecon Hòa Yên phối hợp Công ty TNHH MTV 49 – Binh chủng công binh để tiến hành rà phá bom mìn và vật liệu nổ. Phương án rà phá bom mìn và vật liệu nổ tại khu vực KCN Hòa Yên do Công ty TNHH MTV 49 – Binh chủng công binh thực hiện được trình bày chi tiết tại **Bảng 34**.

3.1.2.1.4. Hoàn thành các công tác thỏa thuận chi tiết, xin phép các cơ quan chức năng có liên quan

Trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công cũng như xin phép phê duyệt phương án thi công, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thỏa thuận với các đơn vị, cơ quan chức năng có liên quan về những nội dung có liên quan. Sau khi có chấp thuận, đồng ý của các đơn vị có liên quan, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên mới chỉ đạo các đơn vị thi công tổ chức thực hiện và giám sát chặt chẽ việc thực hiện đó. Trong quá trình thi công xây dựng tại các hạng mục có liên quan đến các đơn vị khác, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị này để đảm bảo quá trình thi công xây dựng không ảnh hưởng đến các công trình

có liên quan.

3.1.2.1.5. Biện pháp thu dọn thảm thực vật bề mặt

- Chủ dự án sẽ thực hiện thu dọn thảm thực vật, chặt cây bề mặt theo hình thức cuốn chiếu từng giai đoạn, nhận được mặt bằng sạch đến đâu thì thực hiện đến đó.

- Chủ dự án cam kết trong quá trình thu dọn thảm thực vật không sử dụng bất cứ các loại chất hóa học, chất diệt cây - cỏ,... không được phép để phun lên bề mặt, hủy diệt thảm thực vật.

- Chủ dự án cam kết không tổ chức đốt các loại cây - cỏ - thảm thực vật trên mặt bằng khi tiến hành dọn dẹp dưới bất cứ hình thức nào.

- Xác cây cối, thực vật sẽ được gom thành từng đống, Chủ dự án hoặc Nhà thầu thi công sẽ thuê đơn vị chức năng vận chuyển toàn bộ thảm thực vật có trên mặt bằng đến khu vực xử lý theo quy định. Quy trình vận chuyển như sau: Ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ VSMT để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.1.2.1.6. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ quá trình tập kết phương tiện xe - máy và phương tiện thi công

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công bố trí hợp lý các phương tiện máy móc thi công nhằm đáp ứng tiến độ thi công công trình. Nhà thầu thi công sẽ di dời các phương tiện máy móc không sử dụng ra khỏi công trường trong thời gian dài để tạo mặt bằng thi công.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công tập kết các phương tiện thi công đúng nơi quy định trong hàng rào công trường, không tập kết ngoài đường và các khu vực công cộng. Cắt cử người trông coi và bảo vệ tài sản.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu và chỉ thuê các nhà thầu cung cấp, vận chuyển VLXD có đầy đủ năng lực hoạt động cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn giao thông, BVMT.

- Chủ dự án, các đơn vị thi công sẽ tuyệt đối không sử dụng lòng đường, hè đường, hàng lang an toàn giao thông của các tuyến đường ĐT.398 và ĐT.398B để đỗ, dừng các phương tiện thi công.

3.1.2.1.7. Khuyến nghị các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình thu hồi đất và GPMB

Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình thu hồi đất và GPMB sẽ do đơn vị thực hiện công việc triển khai thực hiện. Như vậy, trong phạm

vi báo cáo ĐTM chỉ khuyến nghị các biện pháp, cụ thể như sau:

a) Các biện pháp giảm thiểu tác động từ việc thu hồi đất canh tác

- Cơ quan chịu trách nhiệm thu hồi đất cùng với chính quyền địa phương, tổ chức dân cư cơ sở thường xuyên tổ chức đối thoại để từ đó lắng nghe, hiểu các tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và tìm ra cách giải quyết hợp lý.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thu hồi đất sẽ thực hiện quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất theo đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Cơ quan chịu trách nhiệm thu hồi đất sẽ thực hiện quá trình đền bù, GPMB, thu hồi đất công khai, dân chủ, minh bạch,

- Cơ quan chịu trách nhiệm thu hồi đất lắng nghe và giải quyết thấu đáo, đúng quy định của pháp luật mọi thắc mắc, khiếu kiện của dân cư.

- Trong trường hợp có sự bất đồng giữa dân cư và cơ quan thu hồi đất về phương án, chính sách bồi thường và GPMB, cơ quan thu hồi đất sẽ chịu tổ chức tuyên truyền, vận động cũng như các biện pháp khác để đạt được sự đồng thuận trong dân cư cao.

- Báo cáo với các cơ quan chức năng cấp trên về những nguy cơ xảy ra xung đột, các tổ chức cá nhân có các hành vi kích động, xúi giục dân cư biểu tình, gây rối trật tự an toàn xã hội.

b) Các biện pháp giảm thiểu tác động của các hộ gia đình bị mất đất

Do trách nhiệm đền bù và GPMB thuộc về chính quyền nên các biện pháp mà Công ty cổ phần FECON Hòa Yên trình bày sau chỉ mang tính chất hỗ trợ:

- Công tác thu hồi đất thực hiện dự án sẽ được chính quyền địa phương thông báo trước để bà con nhân dân không tiến hành sản xuất, thả nuôi vụ tiếp theo.

- Công tác thu hồi đất sản xuất đều được tiến hành sau khi nhân dân thu hoạch hết vụ thả nuôi, trồng trọt.

- Chủ dự án sẽ cùng tham gia cùng với chính quyền địa phương để vận động dân cư sớm bàn giao mặt bằng dự án.

c) Các biện pháp chuyển đổi sinh kế cho nhân dân bị mất đất

- Chủ dự án sẽ tạo điều kiện và đề nghị các nhà thầu thi công tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc trong quá trình thi công dự án. Công ty sẽ coi yếu tố khi các nhà thầu sử dụng lao động địa phương là một trong những điểm cộng

khi lựa chọn nhà thầu triển khai dự án.

- Chủ dự án sẽ tạo điều kiện để thu hút con em các gia đình bị mất đất vào làm việc ngay tại bộ máy của dự án trong quá trình thi công xây dựng cũng như là quá trình hoạt động sau này.

- Chủ dự án sẽ hỗ trợ và cùng với chính quyền địa phương để tổ chức đối thoại công khai với các lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của họ khi không còn tư liệu sản xuất để kịp thời các những biện pháp phù hợp nhằm góp phần thực hiện thắng lợi dự án với những mục đích, tiến độ đã đề ra.

3.1.2.1.8. Biện pháp thay thế, hoàn trả kênh mương, đảm bảo cấp, tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh

Trước khi tiến hành thi công xây dựng HTKT KCN Hòa Yên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện công tác hoàn trả kênh mương theo đúng các Văn bản thỏa thuận với các cơ quan chức năng: Trước khi san lấp mặt bằng yêu cầu Chủ dự án hoàn trả mặt nước lớn phía Tây Bắc, kênh tưới tiêu Phù Tài và Kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa cho khu vực.

(Chi tiết tại mục 1.2.2.1 - Chương I; Văn bản được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo ĐTM).

3.1.2.1.9. Biện pháp di dời mồ mả

- Tại khu vực dự án có khoảng 800 phần mộ xây, chôn phân tán. Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ đền bù cho các hộ gia đình để họ tự di dời theo ý nguyện của mình.

- Tuy nhiên, trong quá trình thi công xây dựng có thể phát hiện các phần mộ vô chủ khác. Đối với các phần mộ vô chủ này, Chủ dự án sẽ tiến hành di dời theo đúng phong tục, tập quán về các khu nghĩa trang tập trung của khu vực. Đồng thời lưu lại các thông tin cần thiết để giúp thân nhân các phần mộ đó có thể tìm lại, nhận diện về sau.

- Công tác di dời mồ mả sẽ được thực hiện trước khi tiến hành thi công san nền của dự án, tuyệt đối không để thất lạc, chôn vùi mồ mả.

3.1.2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm ở tất cả các hạng mục. Tuy nhiên, các biện pháp cam kết sau

chủ yếu do các Nhà thầu thi công trực tiếp thực thi.

Để đảm bảo các Nhà thầu sẽ thực thi đầy đủ các biện pháp BVMT trong quá trình thi công, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ đưa các nội dung về BVMT theo báo cáo ĐTM này vào hồ sơ mời thầu, và coi đây là một trong những tiêu chí để lựa chọn Nhà thầu thi công. Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện các biện pháp về tài chính, kỹ thuật,… để đảm bảo và ràng buộc trách nhiệm của các Nhà thầu thi công thực hiện BVMT đã cam kết trong quá trình thi công. Các biện pháp BVMT cụ thể trong giai đoạn này được cam kết cụ thể như sau:

3.1.2.2.1. Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng KCN

- Chủ dự án sẽ tuân thủ đúng các phương án thi công, công nghệ thi công, tiến độ thi công và vật tư thi công của dự án

- Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện thi công theo đúng các Giấy phép xây dựng và Giấy phép thi công có liên quan (nếu có).

- Chủ dự án và các nhà thầu thi công xây dựng sẽ tuân thủ đúng các phương án thi công, công nghệ thi công, tiến độ thi công và vật tư thi công của dự án cho từng hạng mục công trình đã được trình bày sơ lược tại Chương I cũng theo các yêu cầu chuyên ngành khác để hạn chế tối đa các tác động đến môi trường, hạn chế các rủi ro và sự cố môi trường, tai nạn lao động.

- Chủ dự án và các nhà thầu thi công cam kết sẽ thực hiện đúng các tiến độ thi công từng hạng mục công trình như đã nêu tại Chương I. Việc thi công xây dựng đúng tiến độ của dự án sẽ góp phần BVMT và tăng tính hiệu quả của dự án, đưa dự án sớm về đích.

3.1.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công san nền KCN

Trong quá trình thi công san nền KCN, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực thi các biện pháp sau để BVMT:

- Thực hiện công tác san nền theo hình thức cuốn chiếu, nhận được mặt bằng sạch đến đâu thì thi công san nền đến đó.

- Thực hiện thi công san nền, hợp lý sau khi tính toán các yếu tố liên quan đến thủy triều, dòng chảy,… cũng như hiện trạng hoạt động của các phương tiện giao thông thủy và các dự án vùng xung quanh.

- Lắp đặt đầy đủ các hệ thống biển báo, đèn báo cần thiết tại công trường thi công, lối ra vào công trường thi công san nền.

- Đối với các nhà thầu cung cấp, vận chuyển cát san nền:

+ Chủ dự án sẽ chỉ lựa chọn các nhà thầu cung cấp cát san nền có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp. Không mua cát không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không mua cát lậu, cát được khai thác bất hợp pháp.

+ Chủ dự án sẽ chỉ lựa chọn các nhà thầu vận chuyển hoặc yêu cầu nhà thầu cung cấp cát san nền (nếu tự vận chuyển) có phương tiện vận chuyển đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đăng kiểm, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông đường bộ, thùng chở có nắp che, không chở quá đầy… cũng như các yêu cầu khác.

+ Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu vận chuyển, đơn vị vận chuyển vận chuyển đúng tải, hoạt động theo đúng các quy định về giao thông đường bộ về thời gian, quãng đường vận chuyển.

- Đối với các nhà thầu thi công san nền:

+ Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công san nền tuân thủ đầy đủ các biện pháp, công nghệ thi công san nền đã trình bày trong báo cáo ĐTM.

+ Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công bố trí các máy móc thiết bị thi công san nền không gây ô nhiễm môi trường, đủ điều kiện vận hành về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Không tiến hành sửa chữa lớn trong phạm vi công trường.

+ Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công san nền bố trí đầy đủ các thùng thu gom rác thải sinh hoạt, cấm vứt rác thải sinh hoạt, chất thải thi công xuống kênh mương, khu vực xung quanh công trường và các khu vực công cộng khác.

+ Trên mặt bằng thi công san nền, Chủ dự án sẽ bố trí các cụm nhà vệ sinh có công trình bể phốt tự hoại 3 ngăn để phục vụ công nhân thi công trên công trường phù hợp theo từng giai đoạn.

- Các biện pháp khác:

+ Trong giai đoạn thi công san nền, tại các cửa thoát nước mưa chính thức hoặc cửa thoát nước tạm từ mặt bằng thi công san nền xuống hệ thống kênh tiêu Cầu Chi, Chủ dự án sẽ bố trí các lưới lọc để ngăn chặn hạn chế cát trôi xuống dòng nước, gây ô nhiễm môi trường, lãng phí cát và bồi lắng các dòng chảy.

+ Tổ chức nạo vét, hoàn trả luồng lạch ngay nếu để cát san lấp trôi tràn xuống các dòng kênh, mương.

- Dự án cam kết sử dụng các nguồn san lấp mặt bằng đảm bảo vệ sinh, không sử dụng vật liệu san lấp không rõ nguồn gốc, không đảm bảo yêu cầu chất lượng làm vật liệu san lấp theo quy định của pháp luật.

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi cho các khu vực dân cư lân cận trong giai đoạn thi công san nền:

+ Tiến hành xây dựng tường rào bao quanh khu đất của KCN đối với các khu

vực này trước khi tổ chức thi công san nền. Tường rào của KCN sẽ góp phần giảm thiểu bụi từ quá trình san nền đến các khu vực dân cư.

+ Sau khi san nền, trong trường hợp mặt bằng KCN chưa có nhà đầu tư thứ cấp thuê lại trong thời gian dài, để tránh tác động do bụi cuốn lên từ bề mặt do tác động bởi gió, thời tiết đến các khu vực dân cư xung quanh, Chủ đầu tư sẽ trải 01 lớp đất bề mặt mỏng để trồng cỏ.

3.1.2.2.3. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong quá trình công HTKT KCN

- Ngay sau khi nhận mặt bằng sạch từ chính quyền tỉnh Bắc Ninh, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ tiến hành thi công san nền. Kết thúc thi công san nền xong, Chủ dự án sẽ bàn giao mặt bằng cho các nhà thầu thi công xây dựng phần HTKT KCN. Công ty sẽ yêu cầu các Nhà thầu sẽ tiến hành xây hàng rào xung quanh khu vực công trường (bảo vệ khu đất toàn KCN rộng 256,68 ha): Dạng hàng rào thoáng lưới thép mạ kẽm bọc nhựa cao 2,3m. Móng hàng rào bằng bê tông M200 đá 1×2 kích thước B×L×H = 50×50×80cm, lót móng bằng bê tông M100 đá 4×6 dày 10cm, trụ bằng ống thép mạ kẽm D60 δ2mm, khoảng cách 3m/trụ.

- Chủ dự án và các nhà thầu sẽ sử dụng các phương tiện vận tải đường bộ để vận chuyển VLXD có tải trọng phù hợp và cam kết không chở quá tải trọng của phương tiện và chỉ sử dụng tuyến đường ĐT.398 và ĐT.398B để vận chuyển nguyên liệu.

- Toàn bộ các phương tiện vận chuyển VLXD bằng đường bộ được che phủ kín theo đúng quy định.

- Tưới nước bề mặt đường ĐT.398 và ĐT.398B (chiều dài phun khoảng 500 m) đoạn phía Tây và phía Nam giáp dự án. Vào những ngày hanh khô *(độ ẩm không khí <50%),* nhiều bụi thì nước sẽ được phun ít nhất 2 lần/ngày. Các nhà thầu sẽ thuê xe phun nước - rửa đường của đơn vị có chức năng thực hiện nhiệm vụ tưới nước rửa đường.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các đơn vị quản lý giao thông theo chức năng để phân luồng cho các phương tiện vận chuyển VLXD để tránh ô nhiễm cục bộ.

- Chủ dự án sẽ cùng với các nhà thầu thi công lập kế hoạch xây dựng và phân công nhân lực hợp lý để tránh trồng chéo giữa các quy trình thực hiện, áp dụng phương pháp xây dựng hiện đại, các phương tiện thi công tiên tiến, cơ giới hoá và tối ưu hoá quy trình xây dựng.

- Các tài liệu về máy móc thiết bị xây dựng được cung cấp đầy đủ, các thông số kỹ thuật được kiểm tra thường xuyên, lắp đặt các đèn báo cháy, đèn tín hiệu và các biển báo cần thiết khác.

- Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc tập kết vật tư vào cùng một thời điểm.

- Bãi chứa vật liệu tạm thời là cát hoặc phế thải có thể tích > 20 m^3 sẽ được quây bằng vải bạt theo ít nhất 3 phía. Bố trí các bãi này cách bờ sông, kênh, mương tối thiểu là 200m.

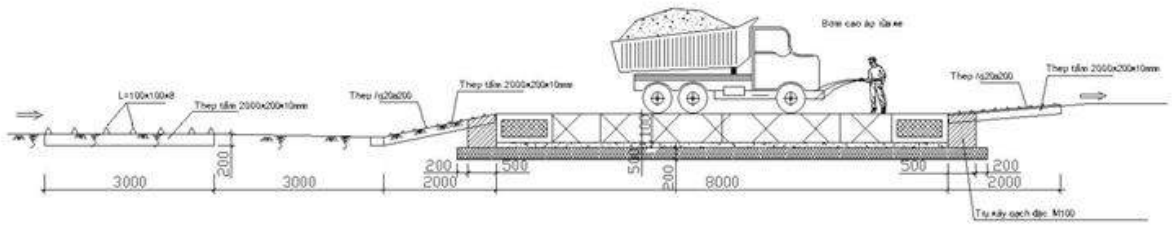
- Khi bốc xếp VLXD, công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động cá nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi tới sức khoẻ, Chủ dự án và các nhà thầu sẽ thường xuyên giám sát công tác này.

- Giáo dục ý thức BVMT cho công nhân và người quản lý lao động trên công trường. Cho họ thấy được lợi ích trong việc BVMT lao động trong sạch gắn liền với bảo vệ sức khoẻ của chính mình và cộng đồng.

- Xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm qui định. Với đặc điểm KCN Hòa Yên trải dài theo đường ĐT.398 và ĐT.398B nên chỉ cần mở 02 cổng ra vào chính, kèm theo đó sẽ có 01 trạm xịt rửa xe mỗi cổng. Nước thải từ hoạt động phun rửa lốp xe ra - vào công trường sẽ được chảy qua các hố ga lắng bùn, cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của KCN và xả mương tiêu thủy lợi của khu vực trước khi vào kênh tiêu Cầu Chi. Định kỳ 1 ngày sẽ tiến hành nạo vét các hố ga 1 lần hoặc nhiều lần hơn *(tùy thuộc vào mức độ bẩn của các xe)* nhằm đảm bảo lắng toàn bộ đất cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Cấu tạo sơ bộ của cầu rửa xe tại công trường như sau:

Hình 111. Cấu tạo sơ bộ cầu rửa xe tại công trường



Vị trí trạm phun rửa xe đã được trình bày tại mục 1.5.1.5 - Chương I.

3.1.2.2.4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong quá trình công HTKT KCN

a) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt

- Trong giai đoạn san nền KCN, trên phạm vi công trường đã xây dựng các cụm nhà vệ sinh kèm theo bể tự hoại 3 ngăn (Giai đoạn I: 01 nhà WC; Giai đoạn II: 04 nhà WC) và sang giai đoạn thi công xây dựng hệ thống HTKT KCN, nhà vệ sinh này vẫn tiếp tục được sử dụng.

- Theo phân kỳ dự án đầu tư, trong giai đoạn thi công xây dựng HTKT tại

công trường sẽ bố trí thêm:

+ Giai đoạn 1: Các nhà thầu sẽ xây dựng thêm 02 cụm WC và 01 cụm WC đã xây dựng trong giai đoạn san nền, tổng là 03 cụm WC.

+ Giai đoạn 2: Các nhà thầu sẽ xây dựng thêm 08 cụm WC và 04 cụm WC đã xây dựng trong giai đoạn san nền, tổng là 12 cụm WC.

+ Các nhà thầu sẽ cắt cử công nhân làm VSMT *(03 cụm nhà có 01 người),* dọn dẹp nhà vệ sinh liên tục trong thời gian làm việc của công trường.

- Vị trí cụ thể của nhà WC trên công trường sẽ được lựa chọn phù hợp trong từng giai đoạn thi công xây dựng theo phân kỳ đầu tư của dự án do phụ thuộc nhiều vào hình thức tổ chức thi công của các nhà thầu. Việc lựa chọn vị trí sẽ theo nguyên tắc sau:

++ Cách xa nguồn nước sử dụng và công trình vệ sinh được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm cũng như các quy định vệ sinh của Bộ Y tế và Bộ Xây dựng *(TCVN 7957-2008).*

++ Không gây ảnh hưởng đến các hộ gia đình, cơ quan,… xung quanh khu đất.

++ Không gây mất thẩm mỹ.

- Các nhà thầu thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải, thoát nước mưa với định kỳ trung bình 2 ngày/ lần vào mùa khô *(vào các tháng 1+2+3+4+10+11+12)* và 01 ngày lần vào mùa mưa *(vào các tháng 5+6+7+8+9).*

- Phân bùn bể phốt từ các nhà WC sẽ do đơn vị dịch vụ đầy đủ chức năng hút, thu gom và xử lý theo định và phụ thuộc vào mức độ sử dụng.

- Các nhà thầu sẽ không xả nước thải từ các nhà WC mà chưa qua xử lý bằng bể phốt tự hoại 3 ngăn vào nguồn nước tiếp nhận hoặc các khu vực không được phép.

b) Biện pháp quản lý nước thải thi công

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa cho công trường thi công. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài công trường.

- Nước thải từ hoạt động phun rửa lốp xe ra - vào công trường *(02 trạm rửa xe)* sẽ được chảy qua các hố ga lắng bùn, cát trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi. Định kỳ 1 ngày sẽ tiến hành nạo vét các hố ga 1 lần hoặc nhiều lần hơn *(tùy thuộc vào mức độ bẩn của các xe)* nhằm đảm bảo lắng toàn bộ đất cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Hố ga lắng bùn cát tại trạm rửa xe được tính toán như sau:

+ Lượng nước rửa xe ngày cao điểm: 6 m^3/giờ

+ Thời gian lưu nước đảm bảo lắng hết cát, đất: 2h

+ Kích thước hố ga cần thiết là: 3×2×2m = 12m^3, sẽ đảm bảo lưu nước được 2,2h > 2h ⇒ Nước rửa xe sẽ được lắng đa phần cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước của KCN.

+ Dầu mỡ lẫn trong nước thải rửa xe thông thường sẽ bám vào thành hố ga và được làm sạch thủ công, định kỳ 1 ngày/lần.

- Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải từ máy móc, thiết bị thi công được xử lý như sau: Bố trí 01 hố ga lắng tạm thời tại công trường có dung tích khoảng 6 m^3 (3×2×1m) để lắng nước thải từ quá trình thi công. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn xịt rửa xe, tưới ẩm vật liệu và bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH.

- Nước mưa từ khu trộn vật liệu được dẫn vào hệ thống thu gom riêng, xử lý qua song chắn rác, hố ga lắng cặn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải từ máy móc, thiết bị thi công được xử lý như sau: Bố trí 01 hố lắng tạm thời tại công trường có dung tích khoảng 6 m^3 (3×2×1m) để lắng nước thải từ quá trình thi công. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn phun nước rửa đường và tưới ẩm bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công từ công trường được tuần hoàn phun nước rửa đường và tưới ẩm bề mặt công trường để giảm thiểu bụi. Cặn dầu, váng dầu được thu gom, lưu giữ cùng CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Biện pháp quản lý nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần (khoảng cách dưới 100m) hoặc cạnh các tuyến thoát nước mưa để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước mưa, gây tắc nghẽn và ngập úng cục bộ.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước mưa. Tần suất như sau:

+ Mùa khô : 03 ngày/lần (các tháng 1+2+3+4+10+11+12).

+ Mùa mưa : 01 ngày/lần (các tháng 5+6+7+8+9)

3.1.2.2.5. Các biện pháp quản lý phế thải xây dựng và CTRSH

a) Biện pháp đối với CTR sinh hoạt

- Thực hiện tốt việc phân loại CTRSH và xây dựng trong giai đoạn xây dựng. Hạn chế các phế thải phát sinh trong thi công. Tận dụng triệt để các loại phế liệu xây dựng phục vụ cho chính hoạt động xây dựng. Rác thải sinh hoạt và các phế liệu xây dựng sẽ được tập trung riêng biệt tại các bãi chứa quy định cách xa các nguồn nước đang sử dụng và định kỳ để các đơn vị có chức năng chuyển đến nơi quy định.

- Xây dựng lán trại tạm cùng với nhà WC, hệ thống cấp thoát nước tạm thời, tránh tình trạng để nước tù đọng, đảm bảo VSMT cho công nhân và cán bộ. Lập nội quy vệ sinh tại các lán trại, giáo dục công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh và BVMT.

- Trang bị các thùng chứa CTR sinh hoạt (loại 300 lít) trên phạm vi công trường gần khu vực nhà WC công cộng và khu vực văn phòng điều hành cho từng giai đoạn. Vị trí cụ thể như sau:

Giai đoạn I	***Giai đoạn II***
+ Tại 03 cụm nhà vệ sinh: 03 thùng + Tại khu vực văn phòng điều hành: 02 thùng	+ Tại 12 cụm nhà vệ sinh: 12 thùng + Tại khu vực văn phòng điều hành: 02 thùng

- Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom rác thải có đầy đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

b) Biện pháp đối với phế thải xây dựng

(i). Bố trí bãi chứa chất thải tạm thời

Bãi chứa chất thải tạm thời có chức năng lưu chứa các chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng HTKT KCN trong lúc chờ đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và đổ thải. Bố trí bãi này tại khu vực gần với đường giao thông nội bộ của KCN đã hoàn thiện để thuận tiện cho công tác thu gom. Chức năng của bãi chứa này là lưu giữ tạm thời các chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng. Diện tích tối thiểu khoảng 100m^2 cho từng giai đoạn, đảm bảo đặt được 4 thùng ben chứa phế thải xây dựng và cho các xe chuyên chở dễ dàng hoạt động, quay đầu ra vào.

- Phương thức chứa: Tại bãi chứa sẽ đặt 3 thùng ben có dung tích 5 m^3/thùng. Phế thải xây dựng sẽ được chứa trong các thùng ben này. Định kỳ hàng ngày, các xe vận chuyển sẽ đến thay thế thùng ben và vận chuyển đổ bỏ phế thải xây dựng theo quy định.

- Các vị trí này sẽ được bố trí phù hợp trong mỗi giai đoạn thi công và phụ

thuộc vào cách tổ chức thi công của các nhà thầu. Các vị trí này được lựa chọn trên nguyên tắc sau:

+ Bố trí tại khu vực có mái che, nền bê tông, không để nước mưa xâm nhập.

+ Không bố trí tại các khu vực ảnh hưởng đến các hộ gia đình, dân cư, cơ quan,… xung quanh.

+ Không bố trí tại các khu vực có thể gây mất mỹ quan chung cho khu vực.

Hình ảnh các thùng ben chứa phế thải xây dựng được minh hoạ trong hình sau:

Hình 112. Hình ảnh thùng ben chứa phế thải xây dựng tại công trường thi công dự án





(ii). Biện pháp xử lý phế thải xây dựng

- Chủ dự án và Nhà thầu thi công cam kết sẽ không đổ trộm đất thừa, phế thải xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng này. Trách nhiệm đầu tiên nếu để xảy ra tình trạng này sẽ thuộc về Chủ dự án.

- Toàn bộ lượng phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, GPMB và từ quá trình thi công xây dựng dự án sẽ được thu gom, vận chuyển và đổ thải tại bãi chứa phế theo Biên bản thỏa thuận tiếp nhận phế thải xây dựng, đất đá dư thừa ngày 10/11/2025.

- Không san lấp ao/hồ/đầm trong danh mục cấm san lấp của tỉnh Bắc Ninh; không đổ lẫn chất thải trong hoạt động thi công san lấp tại dự án.

c) Biện pháp đối với chất thải thông thường, tái chế

- Phân loại các chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ hoạt động thi công xây dựng như: Vỏ bao bì, nilon, giấy, bìa, gỗ, đầu mẩu sắt,…

- Bố trí 01 kho (diện tích 60 m^2) chứa chất thải thông thường trên công

trường, cấu tạo kho: Tường bao, mái che bằng tôn, nền xi măng, có cửa ra vào kiểm soát.

- Định kỳ chuyển giao chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng cho tổ chức có năng lực để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định.

d) Biện pháp giảm thiểu bụi và đảm bảo an toàn trong quá trình tập kết và vận chuyển phế thải xây dựng

(i). Các biện pháp áp dụng trong quá trình tập kết

- Phế thải xây dựng luôn phải tập kết trung các thùng ben chứa từ lúc phát sinh, trong trường hợp phế thải xây dựng bị vương vãi phải tiến hành thu dọn ngay;

- Đặt các thùng ben chứa phế thải xây dựng tại khu vực giáp đường tỉnh, cách xa các khu dân cư;

- Tiến hành thu gom và thay thế khi phế thải xây dựng được chứa trong các thùng ben đầy.

(ii). Các biện pháp áp dụng trong quá trình vận chuyển phế thải xây dựng

- Sử dụng các xe vận chuyển được cấp Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Phương tiện vận chuyển đảm bảo có thùng ben kín, có nắp che. Phế thải được vận chuyển đúng với tải trọng được cấp phép; Xe trước khi ra khỏi công trường, bãi thải đều được làm sạch bánh xe, gầm xe và các vị trí có khả năng phát tán bụi trong quá trình vận chuyển;

- Không sử dụng các đường làng, ngõ xóm để vận chuyển đổ thải phế thải xây dựng; không hoạt động trong các giờ cao điểm đông người đi lại;

- Trong trường hợp phế thải bị rơi vãi trong hoạt động vận chuyển sẽ phải tiến hành thu dọn, hoàn trả mặt bằng ngay;

- Tiếp nhận, giải quyết hợp lý các phản ánh của chính quyền địa phương, dân cư về hoạt động gây ô nhiễm môi trường, nguy cơ mất an toàn giao thông từ hoạt động vận chuyển đổ bỏ phế thải xây dựng.

e) Quy định áp dụng

Hoạt động quản lý phế thải xây dựng trên công trường thi công tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 27/09/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang cũ ban hành *"Quy hoạch một số nội dung về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"*.

3.1.2.2.6. Các biện pháp quản lý CTNH

a) Biện pháp quản lý

- Các loại CTNH trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH hiện nay.

- Phương án thi công sơ bộ của các nhà thầu không đề cập đến việc bảo dưỡng thay thế dầu mỡ cho thiết bị máy móc nhưng một số công đoạn khác có thể phát sinh dầu mỡ thải. Vì vậy, sẽ trang bị khoảng 2 thùng đựng dầu mỡ loại 100 lít/thùng tại công trường.

- Trang bị 06 thùng loại 50 lít/thùng để chứa CTNH tại công trường tương ứng với 06 loại CTNH chủ yếu phát sinh được dự báo tại Chương III. Trong trường hợp phát sinh thêm CTNH từ công trường có mã số khác, Chủ dự án và các nhà thầu thi công cam kết sẽ bố trí đầy đủ thùng chứa nhằm đảm bảo các loại CTNH được lưu giữ riêng biệt theo quy định.

- Chủ dự án và Nhà thầu sẽ ký kợp đồng với đơn vị chức năng có đầy đủ năng lực để thu gom và xử lý CTNH. Chủ dự án sẽ thường xuyên tổ chức giám sát các đơn vị được thuê xử lý CTNH trong quá trình xử lý CTNH từ công trường. Công ty sẽ chấm dứt, hoặc yêu cầu các nhà thầu chấm dứt hợp đồng với đơn vị dịch vụ được thuê nếu vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

b) Kho lưu giữ rác thải sinh hoạt và CTNH trên công trường

- Vị trí: Công trường thi công dự án kéo dài khoảng 36 tháng nên sẽ lựa chọn xây dựng kho chứa rác thải sinh hoạt và CTNH phù hợp theo phân kỳ dự án.

- Kho sẽ bố trí đầy đủ thùng chứa cho mỗi loại rác thải, từng thùng sẽ được gắn tên rác chứa. Rác thải sẽ được chứa trong các thùng riêng theo từng loại theo quy định. Không để rác thải lẫn lộn.

- Kho sẽ lắp đặt biển báo, biển báo hiệu nguy hiểm,… theo quy định.

- Kho chứa CTNH có diện tích là 10m^2, nền xi măng, rãnh thu gom nước mưa xung quanh, tường bao, mái che mưa và nghiêm cấm những người không có nhiệm vụ lại gần.

3.1.2.2.7. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực do tiếng ồn

- Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Các phương tiện máy móc thi công phải có giấy phép lưu hành của cơ quan Kiểm định.

- Công nhân thi công sẽ được trang bị các thiết bị hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành. Tiêu chuẩn tiếng ồn trong khu vực sản xuất của Bộ Y tế là 90 dBA.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý để đạt mức độ ồn theo tiêu chuẩn cho phép. Không để cùng một lúc trên công trường nhiều thiết bị, máy móc thi công có gây độ ồn cùng một thời điểm để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn.

- Lập trình hoạt động hợ p lý cho các loại xe tải hạng nặng, cũng như các thiết bị xây dựng gây ồn (máy đào, máy xúc, máy đóng cọc, xe lu....).

- Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp đặt các bộ phận tắt chấn động lực.

- Biện pháp công nghệ: Sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý là việc khí nén bằng thuỷ khí, thay đổi chế độ tải làm việc.

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đệm đàn hồi cao su.

3.1.2.2.8. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực do rung động

Chống rung tại nguồn *(chống rung chủ động)* là những biện pháp nhằm giảm rung động ngay tại nơi phát sinh trước khi lan truyền sang các chi tiết khác trong máy và biện pháp này được áp dụng chủ yếu đối với trường hợp rung động là các kích động lực điều hòa hoặc tuần hoàn. Chống rung chủ động là những biện pháp chống rung triệt để và tích cực, nhưng đồng thời cũng là biện pháp gặp nhiều khó khăn nhất do tính chất phức tạp, đa dạng của máy móc thiết bị về kết cấu cũng như về công dụng. Vì vậy, cho tới nay cũng chưa có một phương pháp chung, tổng quát cho vấn đề này. Tuy nhiên, dựa vào kinh nghiệm và trên cơ sở thực tế của từng loại thiết bị máy móc cụ thể người ta có thể giải quyết chống rung chủ động bằng những biện pháp như:

- Biện pháp công nghệ: Sử dụng vật liệu phi kim loại; thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí; thay đổi chế độ tải làm việc,…

- Biện pháp kết cấu: cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực,...

Chống rung trên đường truyền *(chống rung thụ động)* để giảm tác động của rung động đối với con người và môi trường. Các biện pháp được áp dụng gồm:

- Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,… được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế; hoặc có loại được lắp cố định trên máy và được xem như là một bộ phận hoặc chi tiết của máy: ghế lái giảm rung, tay nắm cách rung; có loại lại luôn luôn độc lập và nằm ngoài máy như sàn cách rung, tay kẹp giảm rung,...

- Sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung,... mà cơ sở của những biện pháp này được dựa trên nguyên tắc làm suy giảm năng lượng rung trong quá trình lan truyền và sao cho rung động khi truyền tới cơ thể con người cũng như môi trường xung quanh là ở mức cho phép. Trong quá trình xây dựng, đối với những hạng mục công trình nằm cạnh công trình khác sẽ có các biện pháp đào hào, đổ cát xung quanh khu vực đóng cọc để hạn chế sự lan truyền chấn động.

3.1.2.2.9. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

a) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi công trường và xung quanh gần

Chủ dự án sẽ phối với với cơ quan quản lý giao thông đường bộ, chính quyền địa phương có liên quan để thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức cắm biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường, đèn tín hiệu vào ban đêm,...

- Không để các máy móc, thiết bị, vật liệu lấn chiếm lòng đường, vỉa hè;

- Bố trí người hướng dẫn điều chỉnh giao thông ở cổng công trường giao với các đường giao thông có liên quan để tổ chức, sắp xếp và hướng dẫn giao thông;

- Nhân viên điều chỉnh giao thông phải được bồi dưỡng về nghiệp vụ, nắm được luật lệ giao thông và khi làm nhiệm vụ phải có đầy đủ còi, cờ, phù hiệu thống nhất như điều lệ báo hiệu đường bộ đã quy định.

b) Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông ngoài công trường

(i). Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên ĐT.398B, ĐT.398

- Tại các điểm ra vào công trường từ ĐT.398B, ĐT.398 (Cổng công trường) sẽ cắt cử người trực, hướng dẫn ra/vào trong toàn bộ thời gian thi công cũng như phối hợp với các cơ quan quản lý giao thông để lắp đặt các thiết bị, biển báo đảm bảo an toàn giao thông.

- Không tổ chức vận chuyển đất san nền, phế thải, VLXD,… trên ĐT.398B, ĐT.398 trong thời gian cao điểm: Sáng từ 7h00 đến 8h30, chiều từ 16h30 đến 18h.

- Không lấn chiếm ĐT.398B, ĐT.398 làm nơi tập kết xe cộ, phương tiện thi công, chứa VLXD cũng như các hoạt động khác, gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đi lại trên ĐT.398B, ĐT.398.

- Tổ chức thu gom ngay phế thải, đất đá,… nếu trong trường hợp bị rơi vãi trong quá trình vận chuyển trên ĐT.398B, ĐT.398, luôn đảm bảo tuyến đường được sạch sẽ, và đảm bảo an toàn giao thông.

- Tổ chức phun nước, tưới ẩm ĐT.398B, ĐT.398 đoạn các cổng công trường

ra vào, cụ thể như sau:

+ Chiều dài tưới: Từ cổng công trường sang 2 bên dài 200(m).

+ Tần suất tưới: Tối thiểu 2 lần/ngày

(ii). Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường giao thông khác

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công, nhà thầu vận chuyển VLXD cho công trường phải tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông đường bộ;

- Chủ dự án sẽ chỉ ký hợp đồng với các nhà thầu đảm bảo phương tiện vận chuyển có thùng chuyên chở kín, không được để rơi vãi ra đường, trong trường hợp làm rơi vãi ra đường vận chuyển, các nhà thầu sẽ phải sẽ tiến hành dọn sạch ngay. Chủ dự án sẽ đưa điều khoản này vào hợp đồng thi công để ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các nhà thầu. Trong trường hợp các nhà thầu không thực hiện các biện pháp thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, chủ dự án sẽ tiến hành thu dọn và có chế tài xử lý các nhà thầu bằng các biện pháp tài chính.

- Chủ dự án sẽ cùng với các nhà thầu thi công thiết lập đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận mọi thông tin về việc rơi vãi nguyên vật liệu trên đường chuyên chở và sẽ xử lý ngay nhằm hoàn trả mặt đường, tránh tối đa ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông khác và sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu tuyên truyền, giáo dục lái xe ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ, đồng thời, có các biện pháp khen thưởng - kỷ luật đối với lái xe vi phạm luật giao thông đường bộ.

3.1.2.2.10. Các biện pháp đảm bảo an ninh tại công trường

- Duy trì hệ thống hàng rào bao xung quanh khu đất của KCN để tránh không cho những người không có nhiệm vụ ra vào công trường tự do, đồng thời sử dụng tường rào phía ĐT.398B, ĐT.398 để làm các biển quảng cáo cho dự án, thu hút và xúc tiến đầu tư, quảng bá các hình ảnh của dự án.

Hình 113. Biển quảng cáo cho dự án



- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu quản lý công trường tốt, người ra vào công trường phải đeo thẻ để kiểm soát, yêu cầu các nhà thầu thi công quản lý chặt chẽ lao động, Thực hiện khai báo tạm trú tạm vắng với chính quyền địa phương để thực hiện quản lý tốt nhân khẩu.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu xây dựng và ban hành nội quy trên công trường.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu phổ biến quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết với người dân xung quanh.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cờ bạc, nghiện hút và các tệ nạn xã hội khác trong đội ngũ công nhân.

- Chủ dự án sẽ phân công lực lượng bảo vệ công trường thường xuyên tuần tra, kiểm soát trong phạm vi công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

- Chủ dự án sẽ chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với công an địa phương để có biện pháp hạn chế và xử lý kịp thời các trường hợp có dấu hiệu vi phạm và các trường hợp vi phạm.

3.1.2.2.11. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình thi công hệ thống HTKT khi KCN đã có nhà máy, xí nghiệp công nghiệp hoạt động

Do diện tích của KCN lớn, sẽ thu hút nhiều nhà máy đầu tư và được đầu tư theo hình thức cuốn chiếu. Chủ dự án sẽ đảm bảo hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là năng lực XLNT trước khi thu hút đầu tư song vẫn có trường hợp đã có nhà

đầu tư thứ cấp hoạt động sản xuất và KCN tiếp tục thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối với diện tích chưa thu hút đầu tư. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong trường hợp này như sau:

- Đối với công tác đào để thi công hệ thống HTKT KCN sẽ thực hiện các biện pháp cơ bản như sau:

+ Thông báo rộng rãi đến các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp về kế hoạch thi công tại các khu vực chịu ảnh hưởng.

+ Tổ chức, sắp xếp thi công khoa học, hợp lý tùy thuộc vào điều kiện và mặt bằng thi công thực tế.

+ Tại các khu vực đi qua nhà máy, xí nghiệp công nghiệp đang hoạt động sẽ tiến hành theo hình thức cuốn chiếu cho từng đoạn khoảng 200-300m/đoạn, đào đến đâu, thi công các hệ thống HTKT KCN đến đó và nhanh chóng hoàn trả mặt bằng trong thời hạn nhanh nhất.

+ Tổ chức giao thông hợp lý, bắc cầu tạm để đảm bảo mọi hoạt động của cán bộ công nhân làm việc trong KCN được thuận tiện.

+ Sau mỗi ngày thi công sẽ tổ chức các rào ngăn, che chắn các rãnh, hố chưa kịp hoàn thổ.

+ Bố trí biển báo, đèn chiếu sáng vào ban đêm để phòng tránh tai nạn.

+ Vật liệu phục vụ thi công xây dựng sẽ được để gọn gàng, không chiếm lối đi, cũng như đến mọi hoạt động giao thông, sinh hoạt, buôn bán của nhân dân.

+ Tổ chức che chắn các bãi cát, sỏi bằng vải bạt kín cho 4 góc để tránh bụi và nước mưa cuốn trôi. Phương thức che chắn như sau: Che chắn sau khi kết thúc thời gian thi công trong ngày hoặc khi có gió to, mưa bão hoặc khi xảy ra các hiện tượng khí hậu cực đoan khác.

+ Khi bố trí các máy bơm lưu động để hút nước từ các hố, rãnh trong quá trình thi công sẽ không để nước chảy tràn ra đường, vỉa hè và các khu vực xung quanh, nhà máy xí nghiệp công nghiệp đang hoạt động.

+ Bố trí trạm xịt rửa lốp xe vận tải khi ra khỏi công trường thi công. Vị trí sẽ được đặt linh hoạt cho mỗi đoạn thi công, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đối với công tác phải đào lòng đường:

+ Tổ chức, sắp xếp thi công khoa học, hợp lý.

+ Tổ chức che chắn các bãi cát, sỏi để tránh bụi và nước mưa cuốn trôi

+ Thời gian thi công với những đoạn tuyến qua đường như sau: Chỉ tổ chức thi công các đoạn tuyến cống qua đường trong thời gian ban đêm, từ 23h00 đến 5h00 hôm sau để tránh ảnh hưởng đến phương tiện giao thông. Hoàn trả mặt đường hoặc có biện pháp bao chen nền đường trước 5h30 sáng hôm sau để đảm bảo không ảnh hưởng đến giao thông.

+ Khi bố trí các máy bơm lưu động để hút nước từ các hố, rãnh trong quá trình thi công sẽ không để nước chảy tràn ra đường, vỉa hè và các khu vực xung quanh.

+ Tổ chức che chắn các bãi cát, sỏi để tránh bụi và nước mưa cuốn trôi.

3.1.2.2.12. Biện pháp trồng cây xanh ngay trong quá trình thi công xây dựng hạ tầng KCN

a) Diện tích cây xanh

Diện tích cây xanh của KCN Hòa Yên là: 27,38 ha. Diện tích này chưa kể cây ven các tuyến đường giao thông, thảm cỏ ở dải phân cách giữa đường không được tính vào diện tích cây xanh, cụ thể như sau:

- Dải cây xanh được trồng xung quanh KCN Hòa Yên sẽ trồng dải cây xanh cách ly có bề rộng tối thiểu là 10m, đảm bảo theo quy định tại khoản 2.5.2, QCVN 01:2021/BXD.

- Đối với trạm XLNT tập trung: Bố trí dải cây xanh xung quanh có bề rộng tối thiểu 10(m), đảm bảo đúng quy định tại khoản 2.11.4, QCVN 01:2021/BXD.

- Dải cây xanh được trồng trên vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông nội bộ trong KCN với khoảng cách 8-10m/cây song lại không được tính vào diện tích cây xanh. Cây xanh trồng dọc đường giao thông chủ yếu là các cây tán rộng, tạo bóng mát và cảnh quan đô thị như: muồng hoa vàng, keo, lim sẹt,... kết hợp với các thảm cỏ và đường dạo để tạo cảnh quan. Tại dải phân cách giữa đường, nhằm đàm bào an toàn giao thông thì chỉ trồng các cảnh thấp, kết hợp với thảm cỏ.

Khối lượng cây xanh đã được tính toán trong Báo cáo NCKT dự án và được báo cáo ĐTM tổng hợp theo từng giai đoạn tại **Bảng 40** .

Để cây xanh được phát triển tốt, Chủ dự án sẽ ký hợp đồng trồng và chăm sóc cây xanh với Nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực này. Trách nhiệm cung cấp, trồng và chăm sóc, thay thế cây xanh, thảm cỏ,... sẽ do nhà thầu thực hiện. Kinh nghiệm tại một số KCN/CCN có sử dụng dịch vụ này đều ghi nhận cây xanh phát triển rất tốt.

b) Phương án thực hiện

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ ký hợp đồng trồng và chăm sóc cây xanh với Nhà thầu cung cấp dịch vụ này. Trách nhiệm mua cây xanh và chăm sóc cây xanh, mua và vận chuyển đất trồng,... sẽ do Nhà thầu thực hiện.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu và có các biện pháp đủ mạnh để các nhà thầu buộc phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về BVMT trong quá trình trồng và chăm sóc cây xanh. Chủ dự án sẽ có bộ phận thường xuyên kiểm tra và giám

sát công tác này.

3.1.2.2.13. Các biện pháp giảm thiểu tác động khác

a) Các biện pháp dọn dẹp mặt bằng sau khi kết thúc quá trình xây dựng HTKT KCN

Sau khi kết thúc thi công của từng hạng mục công trình HTKT theo từng giai đoạn, Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công dọn dẹp mặt bằng sạch sẽ, gọn gàng để cho nhà đầu tư thứ cấp triển khai dự án.

Sau khi kết thúc toàn bộ quá trình thi công xây dựng HTKT KCN, Chủ dự án sẽ tổ chức dọn dẹp mặt bằng công trình và khu vực xung quanh dự án sạch sẽ, tạo bộ mặt khang trang hiện đại cho KCN Hòa Yên.

b) Các biện pháp giảm thiểu tác động tương hỗ khi các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN Hòa Yên đồng thời triển khai

- Chủ dự án sẽ xây dựng Nội quy KCN trong đó quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các nhà đầu tư thứ cấp về BVMT mà nhà đầu tư thứ cấp phải tuân thủ khi đầu tư vào KCN.

- Trong hợp đồng cho thuê lại đất với các nhà đầu tư thứ cấp, Chủ dự án sẽ thể hiện rõ trách nhiệm BVMT của các chủ đầu tư thứ cấp, trách nhiệm trong vấn đề xử lý nước thải và rác thải.

- Chủ dự án sẽ cung cấp cho các nhà đầu tư thứ cấp các thông số HTKT KCN để họ thiết kế nhà máy phù hợp. Chủ dự án sẽ chỉ cho phép các nhà đầu tư thứ cấp đấu nối HTKT nhà máy vào hệ thống HTKT KCN phù hợp theo đúng thỏa thuận, hợp đồng thuê lại đất.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà nhà máy, xí nghiệp công nghiệp đầu tư thứ cấp xây dựng công trình theo đúng quy hoạch KCN đã được phê duyệt. Khi phát hiện ra các trường hợp xây dựng vi phạm quy hoạch cũng như giấy phép xây dựng, Chủ dự án sẽ báo cáo các cơ quan chức năng để tiến hành ngăn chặn xử lý.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp đầu tư thứ cấp, các chủ đầu tư xây dựng công trình công cộng,... thực hiện tốt các quy định của pháp luật về BVMT và ngăn ngừa, ứng cứu sự cố. Tổ chức phối hợp đấu nối hạ tầng của từng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp với hệ thống hạ tầng chung của KCN.

c) Các biện pháp giảm thiểu khác

- Trường hợp công trình xây dựng gây ô nhiễm môi trường khu vực lân cận, để vật tư, vật liệu và thiết bị thi công gây cản trở giao thông công cộng thì phải

ngừng thi công xây dựng; Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, nhà thầu thi công xây dựng sẽ có biện pháp khắc phục hậu quả; việc thi công xây dựng sẽ chỉ tiếp tục khi chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và bảo đảm không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực lân cận.

- Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công quản lý chặt chẽ lao động.

- Chủ dự án và các nhà thầu thi công sẽ khai báo tạm trú tạm vắng với địa phương để thực hiện quản lý tốt nhân khẩu.

- Phổ biến quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết với người dân xung quanh.

- Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cờ bạc, nghiện hút trong đội ngũ công nhân.

- Chủ dự án sẽ kiến nghị và hỗ trợ địa phương tăng cường cán bộ quản lý an ninh, trật tự tại địa phương.

- Phân công lực lượng bảo vệ công trường, không cho người không phận sự ra vào công trường.

- Chủ dự án và các nhà thầu thi công báo cáo các cơ quan chức năng nếu tìm thấy bất kỳ tài sản khảo sát hoặc tài sản văn hóa *(tìm thấy tình cờ)* trong lòng đất.

- Những biện pháp giảm thiểu sẽ được đưa vào những tài liệu chính thức cho các nhà thầu thi công và cuối cùng vào hợp đồng xây dựng, các tài liệu này sẽ là những yêu cầu bắt buộc cho các nhà thầu khi tiến hành thi công xây dựng.

- Đảm bảo trách nhiệm và nghĩa vụ của các nhà thầu xây dựng trong việc BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

3.1.2.2.14. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với dịch bệnh trên công trường

Hiện nay, tình hình dịch bệnh đang diễn biến hết sức phức tạp và biến đổi không ngừng trên toàn thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Để đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh trên công trường, Chủ dự án/Nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Công tác phòng chống đại dịch COVID-19 theo quy định của ngành y tế theo từng giai đoạn.

3.1.2.2.15. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống thủy lợi

- Thi công xây dựng các công trình hoàn trả kênh mương, công trình thuỷ lợi theo đúng cam kết, thoả thuận giữa các bên có liên quan. Trong quá trình thi công sẽ phối hợp với đơn vị quản lý kênh mương để giám sát chất lượng, kịp thời giải

quyết các vấn đề phát sinh; Phối hợp cùng với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, đơn vị vận hành, quản lý hệ thống kênh mương để nghiệm thu, đưa vào sử dụng các kênh mương, công trình lợi theo quy định của pháp luật.

- Toàn bộ hoạt động hoàn trả kênh mương và công trình thuỷ lợi hoàn trả (chủ yếu là cống) sẽ được Chủ dự án triển khai trước khi tiến hành thi công san nền, đảm bảo các tuyến mương, công trình thuỷ lợi hoàn trả đều hoạt động đủ chức năng như ban đầu trước khi phá dỡ.

- Kế hoạch, lịch trình thực hiện công tác hoàn trả kênh mương sẽ được Chủ dự án phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý kênh mương để điều tiết các hoạt động của hệ thống và đồng thời không thực hiện trong mùa mưa bão.

- Nhanh chóng nạo vét, hoàn trả dòng chảy nếu các hoạt động thi công xây dựng để tràn đất đá, phế thải tràn xuống lòng kênh mương.

- Có biện pháp dẫn dòng thi công hợp lý đảm bảo tưới tiêu trong toàn bộ quá trình thi công xây dựng dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong quá trình thi công xây dựng KCN.

3.1.2.2.16. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn chuẩn bị, thi công dự án

a) Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn chuẩn bị

(i). Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các rủi ro, sự cố do sự phản đối của cộng đồng dân cư

Để có thể giảm thiểu được rủi ro này, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương, với cộng đồng dân cư để họ hiểu rõ về hoạt động của dự án cũng như là lợi ích mà dự án đem lại cho cuộc sống của họ cũng như toàn thể cộng đồng.

- Lắng nghe và giải thích các ý kiến thắc mắc về dự án.

(ii). Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các rủi ro, sự cố trong công tác đền bù và GPMB

- Phối hợp với chính quyền địa phương, với cộng đồng dân cư để tổ chức tuyên truyền về chính sách đền bù theo quy định của pháp luật.

- Lắng nghe và giải thích các ý kiến thắc mắc về công tác đền bù và GPMB.

(iii) Sự cố trong công tác rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót

- Chủ dự án phối hợp với Công ty TNHH MTV 49 – Binh chủng công binh để tiến hành cho công tác này.

- Phối với các đơn vị này và chính quyền địa phương để đảm bảo công tác an toàn trong quá trình rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót.

- Khi xảy ra sự cố sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Tổ chức cứu chữa người

+ Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấm người ra vào hiện trường

+ Phối hợp các với cơ quan chức năng trong việc khắc phục hậu quả.

b) Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng cứu sự cố rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

(i) Các biện pháp giảm đảm bảo an toàn lao động trên công trường

♣ *Yêu cầu chung đối với công trường xây dựng*

- Tổng mặt bằng công trường xây dựng HTKT KCN sẽ được thiết kế và phê duyệt theo quy định, phù hợp với địa điểm xây dựng, diện tích mặt bằng công trường, điều kiện khí hậu tự nhiên nơi xây dựng, đảm bảo thuận lợi cho công tác thi công, an toàn cho người, máy và thiết bị trên công trường và khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng của thi công xây dựng.

- Vật tư, vật liệu phải được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đúng theo thiết kế tổng mặt bằng được phê duyệt. Không được để các vật tư, vật liệu và các chướng ngại vật cản trở đường giao thông, đường thoát hiểm, lối ra vào chữa cháy. Kho chứa vật liệu dễ cháy, nổ không được bố trí gần nơi thi công và lán trại. Vật liệu thải phải được dọn sạch, đổ đúng nơi quy định. Hệ thống thoát nước phải thường xuyên được thông thoát bảo đảm mặt bằng công trường luôn khô ráo.

- Trên công trường xây dựng sẽ có biển báo theo quy định tại Luật Xây dựng. Tại cổng chính ra vào phải có sơ đồ tổng mặt bằng công trường, treo nội quy làm việc. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường như đường hào, hố móng, hố ga sẽ có rào chắn, biển cảnh báo và hướng dẫn đề phòng tai nạn; ban đêm phải có đèn tín hiệu.

♣ *An toàn về điện*

- Hệ thống lưới điện động lực và lưới điện chiếu sáng trên công trường phải riêng rẽ; có cầu dao tổng, cầu dao phân đoạn có khả năng cắt điện một phần hay

toàn bộ khu vực thi công.

- Người lao động, máy và thiết bị thi công trên công trường phải được bảo đảm an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng.

- Những người tham gia thi công xây dựng phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn điện, biết sơ cứu người bị điện giật khi xảy ra tai nạn về điện.

♣ *An toàn về cháy, nổ*

- Tổng thầu hoặc chủ đầu tư *(trường hợp không có tổng thầu)* sẽ thành lập ban chỉ huy phòng chống cháy, nổ tại công trường, có quy chế hoạt động và phân công, phân cấp cụ thể.

- Phương án phòng chống cháy, nổ sẽ được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Nhà thầu sẽ tổ chức đội phòng chống cháy, nổ, có phân công, phân cấp và kèm theo quy chế hoạt động.

- Trên công trường sẽ bố trí các thiết bị chữa cháy cục bộ. Tại các vị trí dễ xảy ra cháy sẽ có biển báo cấm lửa và lắp đặt các thiết bị chữa cháy và thiết bị báo động, đảm bảo khi xảy ra cháy kịp thời phát hiện để ứng phó.

(ii) Giải quyết sự cố nếu xảy ra tai nạn lao động

Khi xảy ra tai nạn lao động do sự cố mất an toàn lao động hoặc do sự cố công trình phải được giải quyết như sau:

- Khi xảy ra tai nạn lao động do sự cố mất an toàn lao động gây ra:

+ Nhà thầu phải bằng mọi biện pháp sơ, cấp cứu người bị tai nạn lao động, sau đó chuyển ngay đến cơ sở y tế để xử lý.

+ Chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị có liên quan phải báo cáo kịp thời với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, thanh tra theo quy định để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

+ Việc khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê, báo cáo; quy trình xử lý sự cố; giải quyết các chế độ khi xảy ra tai nạn lao động được thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Sau khi lấy dấu hiện trường, được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện việc dọn dẹp nơi xảy ra sự cố và tiếp tục thi công.

- Khi xảy ra tai nạn lao động do sự cố công trình xây dựng:

+ Nhà thầu phải bằng mọi biện pháp sơ, cấp cứu người bị tai nạn lao động, sau đó chuyển ngay đến cơ sở y tế để xử lý;

+ Chủ đầu tư, nhà thầu và các đơn vị có liên quan phải báo cáo kịp thời với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, thanh tra theo quy định để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố, tai nạn lao động;

+ Việc khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê, báo cáo; quy trình xử lý sự cố; giải quyết các chế độ khi xảy ra tai nạn lao động được thực hiện theo quy định hiện hành;

+ Sau khi lấy dấu hiện trường, được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu thực hiện việc dọn dẹp nơi xảy ra sự cố; đồng thời kiểm tra, đánh giá mức độ ổn định của công trình hoặc công việc đang thi công theo quy định, nếu đảm bảo an toàn thì báo cáo chủ đầu tư cho phép tiếp tục thi công.

(iii) Biện pháp ngăn ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố về gây tai nạn do ngã xuống các hầm, hào trong quá trình thi công

- Thi công nhanh, gọn.

- Hoàn trả mặt bằng ngay sau khi thi công xong.

- Lắp đặt rào chắn xung quanh các đường cống đang đào, đèn chiếu sáng, các biện pháp đảm bảo an toàn khác.

- Tổ chức các biện pháp tuyên truyền phổ biến cho dân cư.

(iv) Biện pháp phòng ngừa sự cố ách tắc và tai nạn giao thông

- Yêu cầu các nhà thầu vận chuyển phế thải xây dựng, đất đá, nguyên vật liệu phải chuyên chở đúng tải trọng của xe và tuân thủ luật giao thông đường bộ, đường thủy.

- Xin phép và phối hợp với cơ quan quản lý giao thông tại khu vực để điều hành xe vận chuyển ra vào công trường hợp lý - khoa học, không vận chuyển vào các khung giờ cao điểm.

- Khi xảy ra tại nạn giao thông sẽ tổ chức sơ cấp cứu tại chỗ theo đúng quy định và nhanh chóng đưa người bị tai nạn đi cấp cứu. Cử người giữ nguyên hiện trường và làm việc với các cơ quan chức năng.

(v). Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm trên công trường

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các nhà thầu thi công ký hợp đồng cung cấp xuất ăn giữa ca cho công nhân với đơn vị cung cấp có đầy đủ năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật. Yêu cầu các nhà thầu thường xuyên thực hiện công tác giám sát.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương để tập huấn công tác phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm trên công trường.

(vi). Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố do thiên tai

- Sạt lở: Thi công xây dựng kè chắn theo đúng thiết kế, khi xảy ra sự cố hư hỏng kè chắn sẽ nhanh chóng khắc phục, dọn dẹp lượng đất đá rơi vãi ra khu vực lân cận.

- Luôn cập nhật thời tiết trong quá trình thi công xây dựng, chuẩn bị sẵn các phương án ứng phó khi xảy ra sự cố thời tiết cực đoan như: Mưa bão, áp thấp nhiệt đới, giông sét, lốc,… Hạn chế thi công xây dựng trong mùa mưa bão.

(vii). Các biện pháp khác

- Lắp đặt thiết bị chữa cháy theo đúng các tiêu chuẩn quy phạm *(TCVN 2622 - 95)* tại khu vực có nguy cơ cháy nổ.

- Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện *(aptomat bảo vệ ngắn mạch và ngắn mạch chạm đất..).*

- Định kỳ kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn *(báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat..)* và có biện pháp thay thế kịp thời.

- Xây dựng các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, đơn vị vi phạm.

- Trong khu vực công trường sẽ có người bảo vệ thường xuyên để hạn chế trộm cắp và giải quyết các vấn đề như trộm cắp tài sản, tai nạn giao thông,...

- Tuần tra thường xuyên, có những quy định nghiêm cấm tệ nạn xã hội tại khu vực lán trại.

- Yêu cầu các đơn vị thi công phải khai báo tạm trú, tạm vắng với công an địa phương theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, giáo dục công nhân xây dựng đấu tranh và tố giác tội phạm.

3.2. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Nguồn gây tác động đến môi trường trong gia đoạn vận hành KCN

KCN Hòa Yên đi vào hoạt động thì nguồn phát sinh ô nhiễm chính là hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp với các nhóm ngành sau:

Nhóm ngành 1: Nhóm ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng;

Nhóm ngành 2: Nhóm ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin;

Nhóm ngành 3: Nhóm ngành công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa;

Nhóm ngành 4: Nhóm các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm;

Nhóm ngành 5: Nhóm ngành công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống;

Nhóm ngành 6: Nhóm ngành công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng;

Nhóm ngành 7: Nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ.

Ngoài ra, các công trình hạ tầng của KCN như: 3 trạm bơm chuyển bậc nước thải, nhà máy XLNT tập trung, khu vực lưu giữ CTR tạm thời cũng sẽ phát sinh ra các chất ô nhiễm.

Do dự án được chia thành 2 giai đoạn thực hiện, khi kết thúc đầu tư HTKT giai đoạn I sẽ thu hút đầu tư và triển khai giai đoạn II. Vì vậy, trong quá trình KCN đi vào hoạt động vẫn có các hoạt động thi công xây dựng HTKT ở giai đoạn II sau đó.

Cụ thể các nguồn tác động trong quá trình vận hành KCN Hòa Yên được trình bày trong bảng sau:

♣ *Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải*

Cụ thể các nguồn tác động liên quan đến chất thải của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 125. Nguồn gây tác động trong quá trình hoạt động của KCN

TT	Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm
1	Tiếp tục thi công xây dựng hệ thống HTKT ở các giai đoạn II	- Ô nhiễm môi trường không khí do bụi và chất khí thải từ các phương tiện, máy móc thi công cũng như từ các hoạt động thi công ; bụi cuốn lên từ mặt bằng thi công KCN. - Nước thải: nước thải sinh hoạt từ cán bộ, công nhân trên công trường, nước mưa chảy tràn qua mặt bằng công trường, nước thải từ các hoạt động thi công xây dựng. - CTR: CTRSH, phế thải xây dựng,… phát sinh từ công trường xây dựng. - CTNH: Vỏ thùng đựng sơn, vecni, vỏ/bao bì đựng phụ gia xây dựng, dầu mỡ thi công, xỉ hàn, que hàn…
2	Hoạt động của các công trình ở khu công cộng, công trình dịch vụ	- Nước thải sinh hoạt có các thành phần hữu cơ, dinh dưỡng và vi khuẩn cao - Khí thải từ các khu dịch vụ ăn uống do sử dụng khí gas, than, củi ; khí thải là mùi thức ăn,… - CTRSH: Thực phẩm, giấy bao gói, túi nilon, vỏ đồ hộp và nước uống *(bằng nhựa, kim loại, thủy tinh).* - CTNH: Pin, ac quy, linh kiện điện tử, bóng đèn, mực in, dầu mỡ, thuốc tân dược hết hạn sử dụng,… hư hỏng từ các hoạt động từ các công trình
3	Hoạt động của Nhà máy XLNT tập trung (10.500 m^3/ng.đêm)	- Khí thải, mùi hôi từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải - Khí thải do các hóa chất xử lý nước thải bay hơi - Bùn thải từ hệ thống XLNT: có thể là CTNH - CTNH: Thùng, bao bì đựng hóa chất phục vụ cho hoạt động của Nhà máy XLNT.
4	Hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp (Phụ thuộc vào từng loại hình công nghiệp theo tính chất KCN)	- Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp. - Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cho nhà máy, xí nghiệp công nghiệp ; bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông cá nhân, công cộng. - Nước thải công nghiệp chứa các thành phần ô nhiễm, nguy hại. - NTSH chứa nhiều chất gây ô nhiễm, chủ yếu là ô nhiễm hữu cơ. - Nước mưa chảy tràn trên bề mặt KCN. - CTRSH. - CTRSX không nguy hại - Chất thải nguy hại.

TT	Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm
5	Hoạt động của khu lưu trữ tạm thời rác thải	- Mùi hôi thối, bụi - Nước rỉ rác phát sinh
6	Hoạt động của 03 trạm bơm chuyển bậc nước thải	- Tiếng ồn - CTNH từ các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, máy bơm nước thải

♣ *Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải*

Cụ thể các nguồn tác động không liên quan đến chất thải của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 126. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong quá trình hoạt động của KCN Hòa Yên

Giai đoạn	Tác động ảnh hưởng không liên quan đến chất thải
Các hoạt động thi công xây dựng các giai đoạn tiếp theo của KCN khi có một phần KCN đi vào hoạt động sản xuất	- Tác động do tiếng ồn và rung động từ các phương tiện máy móc thi công, hoạt động thi công xây dựng kè - Tác động do nhiệt ẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc trên công trường - Tác động đến hệ sinh thái của các khu vực thi công - Ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông - Tác động đến môi trường đất - Tác động đến hệ sinh thái
Hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp	- Tác động đến môi trường nước, không khí, đất: Hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp trong KCN sẽ gia tăng lượng nước thải, khí thải, CTR gây ô nhiễm môi trường - Tác động của tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn, độ rung phát ra từ rất nhiều các hoạt động công nghiệp của khu công nghiệp, từ các phương tiện giao thông, từ động cơ… - Tác động của nhiệt: nhiệt phát sinh từ các lò hơi, máy sấy nhiệt, các dây chuyền sản xuất của các nhà máy trong KCN
Hoạt động vận chuyển hàng hóa cho KCN	- Tác động đến chất lượng nước: Các chất thải phát sinh từ hoạt động của KCN, của cảng có thể là nguồn gây ô nhiễm như nước đáy tàu, dầu cặn, các chất thải từ nhà máy trong KCN, rác thải,…. Sự cố tràn dầu, dầu bôi trơn, nhiên liệu và các chất lỏng khác cũng là nguồn gây ô nhiễm nước. - Tác động đến hệ sinh thái dưới nước: Do hoạt động của cảng làm suy giảm chất lượng đất, nước sẽ kéo theo sự suy giảm hệ sinh thái dưới nước cũng như trên cạn, đặc biệt suy giảm hệ cá cũng như các loài khác.

Giai đoạn	Tác động ảnh hưởng không liên quan đến chất thải
	- Tác động đến văn hóa - xã hội
Hoạt động của khu dịch vụ hỗ trợ cho KCN	- Tác động của nhiệt: Nhiệt còn phát sinh từ bếp nấu ăn, từ hệ thống làm lạnh của các khu dịch vụ, hỗ trợ. - Tác động đến giao thông khu vực. - Tác động đến KT-XH khu vực.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường không khí

a) Nguồn phát thải

Các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí khi KCN Hòa Yên đi vào hoạt động như sau:

- Bụi và khí thải từ các hoạt động GTVT: Phương tiện ôtô vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa, sản phẩm, cán bộ công nhân làm việc, khách giao dịch,…

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp: Phát sinh từ hoạt động sản xuất, xử lý môi trường tại các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp;

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng nhiên liệu như: than đá, dầu FO, DO, viên nén gỗ,… trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp.

- Bụi và khí thải phát sinh từ các bếp nấu ăn cho công nhân, nhân viên (khu vực công cộng, trong từng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp);

- Khí thải phát sinh ra do phân hủy nước thải tại các hố ga, nơi tập trung chất thải rắn, tại trạm XLNT.

b) Dự báo, đánh giá tác động đến môi trường không khí từ các hoạt động giao thông

(i). Nguồn phát sinh và hệ số ô nhiễm

Khi KCN Hòa Yên đi vào hoạt động, để đảm bảo việc đi lại của công nhân và lưu thông hàng hóa sẽ có một lưu lượng lớn các phương tiện giao thông tham gia, chủ yếu là ôtô và xe máy. Ôtô thông qua đốt xăng hoặc dầu diezel mà nhận được động lực. Nhưng khi đốt xăng hoặc dầu diezel đều sản sinh ra những loại khí có hại. Khí thải của ôtô còn gọi là *"khí đuôi xe"*, nói chung có chứa các thành phần sau: Khí CO, các hợp chất của cacbua hydro, hợp chất nitrorua, khói than, CO_2, SO_2.

- Xe vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp: Theo kết quả nghiên cứu của đề tài *"Quy hoạch giao thông cho các KCN Việt Nam"* do Viện Khoa học Kỹ thuật GTVT thực hiện năm 2015 thì trung bình mỗi ha đất xây dựng KCN có khoảng 20 tấn nguyên liệu và sản phẩm (gọi chung

là hàng hóa) vận chuyển/ngày. Với tổng số 156,82 ha đất xây dựng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, ước tính tổng lượng hàng hoá vận chuyển là 156,82 ×20 =3.136,4 tấn/ngày. Giả định tải trọng mỗi xe vận chuyển trung bình là 10 tấn thì sẽ cần 3.136,4 /10 = 313,64 xe/ngày, làm tròn là 314 xe/ngày.

- Xe đưa đón công nhân, phương tiện giao thông cá nhân

+ Xe đưa đón công nhân: Tổng số lao động làm việc tại KCN là 44.000 người (lấy số liệu cao nhất), được bố trí làm việc 2 ca. Ước tính 50% số người sẽ sử dụng phương tiện xe buýt (loại 45 chỗ). Như vậy tổng số xe đưa đón công nhân là 44.000 : 2 : 45 = 489 xe/ngày.

+ Phương tiện giao thông cá nhân: Ước tính khoảng 50% số người lao động còn lại sử dụng phương tiện giao thông cá nhân để đi làm hàng ngày, giả định là xe máy. Vậy, số lượng xe máy ra vào KCN Hòa Yên là 22.000 xe/ngày.

+ Xe con cá nhân: Đối tượng sử dụng xe con cá nhân là lãnh đạo các cơ sở, các chuyên gia (đối tượng này chủ yếu làm việc giờ hành chính), ước tính chiếm 2% số lao động làm việc tại KCN Hòa Yên. Như vậy, số lượng xe con ra vào KCN là 880 xe/ngày.

Các xe tải, xe ca, xe máy,… sẽ được quy đổi xe tiêu chuẩn để tính toán ô nhiễm như sau:

Bảng 127. Hệ số quy đổi từ các loại xe khác ra xe tiêu chuẩn

Địa hình	Loại xe					
	Xe đạp	Xe máy	Xe con	Xe tải có 2 trục và xe buýt dưới 25 chỗ	Xe tải có 3 trục và xe buýt lớn	Xe kéo moóc, xe buýt kéo moóc
Đồng bằng và đồi	0,2	0,3	1,0	2,0	2,5	4,0
Núi	0,2	0,3	1,0	2,5	30	5,0
Chú thích: *Việc phân biệt địa hình được dựa trên cơ sở độ dốc ngang phổ biến của sườn đồi, sườn núi như sau:* - *Đồng bằng và đồi ≤30% ; núi > 30%* - *Đường tách riêng xe thô sơ thì không quy đổi xe đạp*						

Kết quả quy đổi ra xe tiêu chuẩn như sau:

- Xe tải 10 tấn : 314 xe/ngày × 2 = 628 xe tiêu chuẩn
- Xe buýt 45 chỗ : 489 xe/ngày × 2,5 = 1.223 xe tiêu chuẩn
- Xe máy : 22.000 xe/ngày × 0,3 = 6.600 xe tiêu chuẩn
- Xe con tiêu chuẩn : = 880 xe tiêu chuẩn

⇒ Như vậy, tổng số xe ôtô tiêu chuẩn là: 9.331 xe tiêu chuẩn

Những chỉ tiêu được chọn trong tính toán để dự báo chất lượng môi trường

không khí gồm: các khí CO, NO_2, SO_2 và bụi lơ lửng tổng số (TSP). Những công thức sau được lựa chọn để dự báo:

- CO $$E_{CO} = \frac{(N_1 \times 6{,}46) + (N_2 \times 8{,}35) + (N_3 \times 16{,}7)}{3.600} \ (mg/m.s)$$
- NO_x $$E_{NO_x} = \frac{(N_1 \times 1{,}13) + (N_2 \times 1{,}22) + (N_3 \times 0{,}14)}{3.600} \ (mg/m.s)$$
- SO_2 $$E_{SO_2} = \frac{(N_1 \times 2{,}35S^*) + (N_2 \times 1{,}90S) + (N_3 \times 0{,}57S)}{3.600} \ (mg/m.s)$$

$$E_{SO_2} = \frac{(N_1 \times 1{,}763) + (N_2 \times 0{,}475) + (N_3 \times 0{,}143)}{3.600} \ (mg/m.s)$$

- TSP $$E_{TSP} = \frac{(N_1 \times 0{,}9) + (N_2 \times 0{,}07) + (N_3 \times 0{,}08)}{3.600} \ (mg/m.s)$$

Trong đó:

S- Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu, được điều tra như sau:

+ Xăng A90 : S = 0,25% (max)

+ Xăng A92 : S = 0,25% (max)

+ Xe chạy dầu diezel : S = 0,5% ÷ 1,0%, lấy 0,75%*

N_1 - Lưu lượng ôtô tải (xe/ngày)

N_2 - Lưu lượng ôtô con tiêu chuẩn (xe/ngày)

N_3 - Lưu lượng xe máy (xe/ngày)

Tải lượng các chất ô nhiễm từ khói thải của các loại xe lưu thông trong KCN được tính toán đưa về và dựa theo các hệ số ô nhiễm cho 2 loại xe chính là xe ca *(để đưa đón CBCNV)* và xe tải *(để vận chuyển hàng hóa)*. Cự ly vận chuyển cán bộ công nhân viên là 10÷15 km, vận chuyển hàng hóa là 40÷50km và ước tính trung bình là 50 km/ngày.

Bảng 128. Hệ số ô nhiễm của các loại xe

Loại xe	**Cự ly** (km/ngày)	**Hệ số ô nhiễm** (kg/1.000 km)			
		Bụi	**SO_2**	**NO_2**	**CO**
Xe tiêu chuẩn (xe con)	50	0,90	4,29S	1,18	6,0

Ghi chú: *S(%) Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu, lấy trung bình là 0,5%.*

(ii). Dự báo tải lượng

Tải lượng ô nhiễm bụi, SO_2, NO_2, CO, VOC,... do các phương tiện GTVT trong các ngày cao điểm được tính toán trong bảng sau:

Bảng 129. Tải lượng các chất ô nhiễm do hoạt động GTVT trong KCN

TT	Loại xe	Cự ly (km/ngày)	Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)			
			Bụi	***SO_2***	***NO_2***	***CO***
1	Xe tiêu chuẩn	50	0,81	3,86	1,06	5,4
2	***Tổng cộng***		***11,138***			

Kết quả tính toán cho thấy tải lượng bụi và các chất khí độc do hoạt động của các phương tiện GTVT ra - vào KCN ở mức cao, là 11,138 kg/ng.đêm, tải lượng ô nhiễm này sẽ góp phần ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực dự án nếu không có các biện pháp giảm thiểu.

c) Dự báo, đánh giá tác động không khí từ hoạt động của Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

(i). Nguồn phát sinh và hệ số ô nhiễm

Khí thải từ các nhà máy, xí nghiệp KCN Hòa Yên có thành phần phức tạp và chủ yếu chứa nhiều chất ô nhiễm *{bụi, SO_x, NO_x, CO, CO_2, Bụi kim loại (Si, Mg, Ca, Na, K, Cr), hơi hóa chất, hơi dung môi, bụi than, bụi silic,...}*.

Căn cứ vào ngành nghề định hướng (tính chất) của KCN Hòa Yên *{(1) Công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; (2) Công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; (3) Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; (4) Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; (5) Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; (6) Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; (7) Công nghiệp hỗ trợ},* dự báo đặc trưng các loại khí thải công nghiệp sẽ phát sinh như sau:

Bảng 130. Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí theo tính chất của KCN Hòa Yên

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm không khí
1	Công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	- Bụi nhựa, hơi nhựa, VOCs - Hóa chất bay hơi, khí thải độc hại - Khí thải vô cô, hữu cơ - Hóa chất bay hơi - Khí thải từ hoạt động của lò hơi dùng than, dầu DO, viên nén gỗ, các nhiên liệu khác
2	Công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	- Bụi kim loại - Mùi hôi hóa chất - Mùi nhựa thông (từ quá trình chấm mối hàn) - Hơi chì (hàn)
3	Công nghiệp cơ khí, sản	- Bụi ;

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm không khí
	xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	- Hơi xăng dầu - Hơi kim loại - Hơi sơn - Dung môi hữu cơ - Các chất ô nhiễm khác
4	Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	- Hầu như không phát sinh khí thải
5	Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống	- Bụi - Khí thải vô cơ, hữu cơ - Khí thải từ hoạt động của lò hơi dùng than, dầu DO, viên nén gỗ, các nhiên liệu khác. - Khí thải từ quá trình chế biến thực phẩm, từ hoạt động của lò hơi - Khí thải từ quá trình bảo quản thực phẩm
6	Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	- Khí thải lò hơi - Khí thải vô cơ, hữu cơ
7	Công nghiệp hỗ trợ	- Bụi - Hơi sơn - Dung môi hữu cơ - Các chất ô nhiễm khác
8	Trạm XLNT tập trung, khu lưu giữ tạm rác thải	- NH_3 - H_2S - CH_4 - Mercaptan... - Mùi hôi thối.

Theo định hướng thu hút ngành nghề, KCN Hòa Yên được xác định là một KCN đa ngành nghề nên rất khó để dự báo chính xác. Tại báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của từng nhà máy, xí nghiệp, dự báo về khí thải sẽ được trình bày chi tiết và cụ thể hơn.

Sử dụng phần mềm IPC do WB xây dựng dựa trên *"Phương pháp đánh giá nhanh bằng hệ số ô nhiễm"* của WHO, áp dụng cho các nước đang phát triển và trên cơ sở số liệu thống kê của Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường - Đại học Xây dựng Hà Nội thì hệ số phát thải của một số ngành sản xuất công nghiệp sẽ được đầu tư tại KCN như sau:

Bảng 131. Hệ số ô nhiễm của một số ngành công nghiệp

theo tính chất của KCN Hòa Yên

TT	Loại hình sản xuất công nghiệp sẽ đầu tư vào KCN	Nhiên liệu tiêu thụ (tấn/giờ)	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên liệu)			
			Bụi	SO_2	NO_2	CO
1	CN chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	0,154	0,38	350	5,69	0,85
2	CN sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	0,35	0,28	20S	2,84	0,71
3	CN cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	0,005	0,28	19S	2,84	0,71
4	Các ngành CN có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	0,0025	0,30	19S	2,84	0,71
5	CN chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống	0,18	0,30	20S	2,84	0,71
6	CN dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	0,23	0,32	20S	2,80	0,70
7	CN hỗ trợ	0,11	0,22	25S	3,50	0,86

***Nguồn**: Viện Khoa học và kỹ thuật môi trường - Đại học Xây dựng*

Bảng 132. Dự báo tải lượng ô nhiễm từ các nhà máy theo tính chất của KCN Hòa Yên

TT	Loại hình sản xuất công nghiệp sẽ đầu tư vào KCN	Nhiên liệu tiêu thụ (tấn/giờ)	Tải lượng ô nhiễm tính toán theo WHO (kg/tấn nhiên liệu)			
			Bụi	SO_2	NO_2	CO
1	CN chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	0,154	152	108	850	42
2	CN sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	0,35	352	120	1.560	65
3	CN cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	0,005	14	30	142	36
4	Các ngành CN có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	0,0025	30	105	225	54
5	CN chế biến sâu nông thủy sản,	0,18	216	105	1.620	54

TT	Loại hình sản xuất công nghiệp sẽ đầu tư vào KCN	Nhiên liệu tiêu thụ (tấn/giờ)	Tải lượng ô nhiễm tính toán theo WHO (kg/tấn nhiên liệu)			
			Bụi	SO_2	NO_2	CO
	thực phẩm đồ ăn, đồ uống					
6	CN dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	0,23	156	96	962	41
7	CN hỗ trợ	0,11	162	53	225	43

Hệ số phát thải của một số nguồn thải sử dụng nhiên liệu hóa thạch theo WHO được trình bày trong bảng sau:

Bảng 133. Hệ số phát thải của các nguồn thải cố định đặc trưng

(Đơn vị: kg/tấn nhiên liệu)

Quá trình sử dụng	Bụi	SO_2	NO_x	CO	SO_3	HF
1. Khí hóa lỏng *(LPG)*						
1.1. Nồi hơi công nghiệp	0,06	0,007	2,9	0,71		
1.2. Lò sưởi dân dụng	0,06	0,007	2,05	0,42		
2. Khí tự nhiên						
2.1. Nồi hơi công nghiệp	0,061	20S	2,87	0,72		
2.2. Đốt sinh hoạt	0,061	20S	2,05	0,41		
2.3. Máy phát điện	0,287	20S	8,91	2,36		
3. Dầu DO						
3.1. Nồi hơi công nghiệp và TM	0,28	20S	2,84	0,71	0,28S	0,5
3.2. Đốt sinh hoạt	0,36	20S	2,6	0,71	0,28S	0,5
3.3. Máy phát điện	0,71	20S	2,62	2,19		0,5
4. Dầu FO						
4.1. Nồi hơi nhỏ	P	20S	8,5	0,64	0,25S	
4.2. Nồi hơi công nghiệp và TM	P	20S	7,0	0,64	0,25S	
5. Than Anthracite						
5.1. Lò phun than bột	5A	19,5S	9	0,3		
5.2. Lò tiếp nhận than bằng tay	5	19,5S	1,5	4,5		
6. Than Bitum						
6.1. Lò đáy khô	5A	19,5S	10,5	0,3		
6.2. Lò đáy ướt	3,5A	19,5S	17	0,3		
6.3. Lò tiếp nhận than bằng tay	7,5	19,5S	1,5	4,5		

Nguồn: *Rapid inventory technique in environmental control, WHO 1993*

Chú thích:

S-Hàm lượng phần trăm của lưu huỳnh có trong nhiên liệu: P = 0,4 + 1,32S

+ Dầu DO: A = 0,1% ; S = 2,9% ; C = 85%

A-Hàm lượng phần trăm tro trong nhiên liệu

Hàm lượng lưu huỳnh có trong tự nhiên 0,000615%

Trong than anthracite hàm lượng tro và lưu huỳnh là

-8,1% & 0,9% trong than Meta Anthracite

-9,4% & 0,6% trong than anthracite

-12,4% & 2% đối với than Semianthracite

Trong than Bitum, hàm lượng tro và lưu huỳnh là:

-4,9% & 0,8% đối với than có nồng độ chất bốc thấp.

-2,9% & 0,6% đối với than có độ bốc trung bình

-Đối với than có độ bốc cao:

**6,5% & 1,3% đối với than loại A*

**5,4% & 1,4% đối với than loại B*

**9,1% & 2,6% đối với than loại C*

Trong than Lignite, hàm lượng tro và lưu huỳnh là 8,8 ÷ 9,5% và 0,8 ÷ 1,1%

Tại các bảng trên đã đưa ra hệ số ô nhiễm của một số ngành công nghiệp điển hình sẽ thu hút vào KCN Hòa Yên, còn hệ số ô nhiễm của các ngành công nghiệp khác sẽ được tham khảo tài liệu: *"Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí - Hướng dẫn các phương pháp đánh giá nhanh và sử dụng chúng trong QLMT - Phần I: Các phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm môi trường - Tổ chức Y tế thế giới, Geneva, 1993".*

(ii). Dự báo tải lượng

Để dự báo tải lượng ô nhiễm không khí từ KCN Hòa Yên, báo cáo ĐTM sẽ tham khảo kết quả nghiên cứu phát thải khí thải tại các KCN vùng đồng bằng Nam Bộ và các số liệu đã được công bố trong Đề tài *"Nghiên cứu các biện pháp BVMT trong KCN vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc"*, do Bộ TNMT thực hiện năm 2014 cho thấy hệ số phát thải trung bình của các chất ô nhiễm không khí trong các KCN mới hình thành hiện nay như sau:

Bảng 134. Tải lượng ô nhiễm phát sinh trung bình trên diện tích đất công nghiệp

Tải lượng ô nhiễm trung bình (kg/ha/ng.đêm)				
Bụi	**SO_2**	**NO_2**	**CO**	**THC**
8,18	78,27	5,11	2,42	0,66

Trên cơ sở hệ số phát thải trung bình từ các KCN mới hình thành có các loại hình công nghiệp đa ngành nghề tương tự như sẽ đầu tư vào KCN Hòa Yên, có thể ước tính được tải lượng ô nhiễm không khí trên cơ sở diện tích đất công nghiệp như sau:

Bảng 135. Tải lượng ô nhiễm phát sinh tại KCN Hòa Yên

Đặc trưng ô nhiễm	**KCN Hòa Yên** *(Diện tích đất công nghiệp: 156,82 ha)*				
	Bụi	**SO_2**	**NO_2**	**CO**	**THC**
Hệ số *(kg/ha/ng.đêm)*	8,18	78,27	5,11	2,42	0,66
Tải lượng *(kg/ng.đêm)*	288,87	2764,02	180,45	85,46	23,31
Tổng cộng *(kg/ng.đêm)*	**3.342,14**				

→ ***Như vậy,*** theo dự báo sơ bộ ban đầu của báo cáo ĐTM thì nếu như khí thải từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp không được xử lý thì hàng ngày, khu vực sẽ phải hứng chịu 3.342,14 kg chất ô nhiễm không khí, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong khu vực.

d) Bụi và khí thải phát sinh từ các khu dịch vụ công cộng

Khu vực các nhà bếp của khu vực công cộng trong KCN sẽ sử dụng khí gas trong các hoạt động nấu ăn. Khí gas là một loại khí sạch, khi sử dụng ít phát sinh khí thải độc hại nên khí thải từ hoạt động của nhà bếp không bị ô nhiễm.

Trong quá trình nấu nướng, bếp sản sinh nhiều nhiệt và khí thải độc hại. Hơi nước và mùi vị của các món xào nấu, chiên,... cũng làm cho bếp thường xuyên ẩm ướt, ám mùi.

e) Khí thải từ hệ thống thoát nước, trạm XLNT tập trung

(i). Khí thải từ hệ thống đường ống thu gom nước thải trong phạm vi KCN

Hệ thống đường ống được thiết kế theo nguyên tắc đảm bảo độ kín và bền, tránh rò rỉ nước thải và hạn chế mùi hôi thối phát tán ra môi trường. Vì vậy, nên vấn đề ô nhiễm môi trường không khí bởi mùi hôi từ hệ thống coi như gần như là không có *(không tính trong trường hợp đường ống bị dò, vỡ).*

(ii). Từ hoạt động của trạm XLNT tập trung

♣ *Hoạt động của dây chuyền XLNT (bao gồm cả ép và lưu giữ bùn thải)*

Mùi hôi có thể phát tán từ dây chuyền xử lý nước thải, đặc biệt trong quá trình phân huỷ yếm khí *(hoạt động của các vi sinh vật yếm khí).* Quá trình phân huỷ hiếu khí cũng phát sinh mùi hôi thối nhưng ở mức độ thấp hơn.

- Các đơn nguyên có khả năng pháp sinh mùi hôi nhiều nhất như: Bể yếm khí, bể hiếu khí (Khu xử lý sinh học), khu vực ép bùn thải và bể chứa bùn thải. Tuy nhiên, tại bể hiếu khí thì lượng khí độc như: H_2S, Mercaptane, CH_4,... sinh ra ít hơn nếu được vận hành tốt.

- Các sản phẩm dạng khí chính từ quá trình phân huỷ kỵ khí gồm: H_2S, Mercaptane, CO_2, CH_4,… Trong đó, H_2S và Mercaptane có mùi hôi thối chính, còn CH_4 là chất gây cháy nổ nếu bị tích tụ ở một nồng độ nhất định.

Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ quá trình phân huỷ kỵ khí và hiếu khí nước thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 136. Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ quá trình phân huỷ kỵ khí và hiếu khí nước thải

TT	Các hợp chất	Công thức	Mùi đặc trưng	Ngưỡng phát hiện (ppm)
1	Allyl mercaptan	CH_2=CH-CH_2-SH	Mùi tỏi-cafe mạnh	0,00005
2	Amyl mercaptan	CH_3-$(CH_2)_3$-CH_2-SH	Khó chịu, hôi thối	0,0003
3	Benzyl mercaptan	$C_6H_5CH_2$-SH	Khó chịu, mạnh	0,00019
4	Crotyl mercaptan	CH_3-CH=CH-CH_2-SH	Hôi hám	0,000029
5	Dimethyl sulffile	CH_3-S-CH_3	Thực vật thối rữa	0,0001
6	Ethyl mercaptan	CH_3CH_2-SH	Bắp cải thối	0,0019
7	Hydrogen sulffile	H_2S	Trứng thối	0,00047
8	Propyl mercaptan	CH_3-CH_2-CH_2-SH	Khó chịu	0,000075
9	Sulfua dioxide	SO_2	Hăng, gây dị ứng	0,009
10	Tert-bytul mercaptan	$(CH_2)_3$C-SH	Hối hám	0,00008
11	Thiophennol	C_6H_5SH	Thối, mùi tỏi	0,000062

Ngoài ra, trạm XLNT còn là nơi sinh ra sol khí sinh học có thể phát tán theo gió với vài chục mét. Trong sol khí, thường bắt gặp vi khuẩn, nấm mốc,… có thể là mầm bệnh hay là nguyên nhân gây ra những dị ứng quy đường hô hấp. Do vậy, sự hình thành và phát tán sol khí sinh học có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí trong phạm vi khuôn viên của trạm XLNT tập trung. Các loại vi khuẩn thường gặp trong sol khí phát tán tại trạm XLNT tập trung là: E.Coli, vi khuẩn gây bệnh đường ruột và các loại nấm mốc,…

♣ *Hoạt động từ phòng thí nghiệm tại trạm XLNT*

Nguyên nhân gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí từ phòng thí nghiệm tại trạm XLNT là do quá trình bay hơi, khuyếch tán của các dung môi hữu cơ và vô cơ vào không khí. Phần lớn các hoá chất sử dụng tại các phòng thí nghiệm tại trạm XLNT rất dễ bị bay hơi khi thực hiện các phản ứng hoá học, pha chế dung dịch, xử lý mẫu phân tích, tráng rửa dụng cụ và bảo quản, lưu giữ hoá chất. Môi trường không khí trong các phòng thí nghiệm, hành lang các phòng thí nghiệm và kho hoá chất *(gọi chung là không khí tại nơi làm việc)* bị ô nhiễm bởi hơi hoá chất độc.

Tham khảo đề tài *"Đánh giá thực trạng lao động của nhân viên các phòng xét nghiệm - Nghiên cứu, đề xuất giải pháp cải thiện môi trường và điều kiện lao*

động, phòng tránh lây nhiễm, bảo vệ sức khỏe và góp phần nâng cao chất lượng thí nghiệm" do Phân viện bảo hộ lao động tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện năm 2010 cho kết quả ô nhiễm không khí từ các phòng xét nghiệm, các labo như sau:

- Vi sinh vật trong không khí: Tổng số vi sinh vật trong không khí là một chỉ danh quan trọng về mức độ ô nhiễm không khí, rất ít phòng xét nghiệm được coi là sạch (dưới 600 VSV/m^3 không khí). Kết quả kiểm tra vi sinh vật trong không khí tại các phòng xét nghiệm cho thấy có sự hiện diện của một số loại vi khuẩn và nấm mốc như: Staphylococcus Aureus, Staphylococcus Sarcina, Sta-phylococcus epidermidis, Bacillus subtilus, Bacillus hoại sinh, Klebsiella, nấm mốc Aspergillus hoại sinh, trực khuẩn tan huyết,...

- Hơi khí độc: Các loại hóa chất sử dụng tại Trạm XLNT chủ yếu là các acid và bazơ đậm đặc,… Do đó tăng cao nồng độ hơi khí độc trong không khí và tăng khả năng ô nhiễm.

→ *Nhìn chung, ô nhiễm không khí từ tại các phòng xét nghiệm, thí nghiệm không phải là quá nghiêm trọng, độc hại.*

♣ *Hoạt động từ máy phát điện dự phòng*

Để đảm bảo hoạt động XLNT liên tục khi điện lưới bị mất, tại trạm XLNT sẽ đầu tư 01 máy phát điện dự phòng có công suất là 600 KVA. Nhiên liệu sử dụng là dầu DO với định mức tiêu thụ là 144 lít/giờ *(theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26/12/2019 về "Hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công")*. Tính toán sơ bộ về lượng khí thải và tải lượng ô nhiễm của máy phát điện như sau:

1- Lưu lượng khí thải

Lượng không khí lý thuyết cần thiết để đốt cháy hoàn toàn 1 kg dầu DO là:

$$A_t = 11{,}53\ C + 34{,}34\ (H - \frac{1}{8} O_2) + 4{,}29\ S$$

$$= (11{,}53 \times 0{,}857) + 34{,}34\ (0{,}105 - \frac{0{,}0092}{8}) + (4{,}29 \times 0{,}01)$$

= 13,49 kg không khí/kg dầu DO

Lượng khí thải tạo thành: $V_t = (m_f - m_{NC}) + A_t$

Trong đó: m_f = 1

m_{NC} = 0,001 *(độ tro trong nguyên liệu)*

$V_t = (1 - 0{,}001) + 13{,}49$

= 14,49 kg khí thải/kg dầu DO = 19,4 m^3 khí thải/kg dầu DO

(Tỷ trọng không khí khô ở 200^{0}C là 0,746 kg/m^3)

Lượng khí thải tính ở điều kiện nhiệt độ 273^{0}K và hệ số không khí thừa là 1,15 được tính như sau:

$$V = 19,4 \times 1,15 \times \frac{273+200}{273} \approx 38 \text{ m}^3 \text{ khí thải/kg dầu DO}$$

Vậy lưu lượng khí thải sinh ra do đốt dầu DO khi vận hành máy phát điện công suất 600 KVA là 7,71 m^3/s.

2- Tải lượng ô nhiễm

Khí thải sinh ra từ quá trình đốt dầu DO bao gồm bụi, SO_2, NO_X, CO và VOC.

Bảng 137. Hệ số ô nhiễm của các chất trong khí thải khi đốt dầu DO

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Hệ số ô nhiễm
1	Bụi	g/kg nhiên liệu	0,28
2	SO_2		2,1
3	NO_X		2,84
4	CO		0,71
5	VOC		0,035

Nguồn: *Rapid inventory technique in environmental control, WHO 1993*

Dựa vào định mức tiêu thụ và hệ số ô nhiễm, tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải đốt dầu DO của máy phát điện được trình bày như sau:

Bảng 138. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải đốt dầu DO khi vận hành máy phát điện 600 KVA

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ (mg/m^3)	QCVN 19:2024/BTNMT, mức B (mg/m^3)
1	Bụi	0,011	3,523	***80***
2	SO_2	0,269	84,0	***300***
3	NO_X	0,115	35,808	***400***
4	CO	0,029	8,928	***400***
5	VOC	0,001	0,442	***120***

Nhận xét:

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải với tiêu chuẩn cho thấy tất cả các chỉ tiêu bụi, SO_2, CO_2, NO_2, CO đều đạt GHCP theo các QCVN tương ứng. Bên cạnh đó, máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện, chế độ hoạt động không liên tục.

(iii). Khí thải từ nơi lưu giữ tạm thời rác thải

Tại khu vực tập kết rác thải tạm thời trong KCN, trong điều kiện nhiệt độ và ẩm độ thích hợp, hoạt động biến đổi của các vi sinh vật sẽ phát sinh mùi và tạo thành các chất khí gây ô nhiễm không khí. Xe vận chuyển của KCN có trang bị máy ép rác nhằm giảm thể tích rác phải chuyên chở đến bãi chôn lấp do đó việc thực hiện phân loại CTR trước khi tiến hành ép là rất cần thiết. Quá trình lưu giữ rác thải sẽ phát sinh khí thải tại khu tập kết tạm thời là không thể tránh khỏi, thành phần khí phát sinh từ khu vực này sẽ được trình bày trong bảng sau:

Bảng 139. Thành phần khí sinh ra từ khu lưu giữ tạm thời

Thời gian (tháng)	**Thành phần khí % thể tích**		
	Nitơ - N_2	**Cacbonic - CO_2**	**Metan - CH_4**
0 - 3	5,2	88	5
3 - 6	3,8	76	21

Nguồn: *Tài liệu thống kê tổng hợp ASIATECH, 2007*

g) Tổng hợp khí thải từ KCN

Khí thải sinh ra từ hoạt động của KCN Hòa Yên chủ yếu là khí thải công nghiệp và khí thải giao thông, khí thải từ các nguồn khác phát sinh không đáng kể. Tổng lượng khí thải được tính toán trong bảng sau:

Bảng 140. Bảng tổng hợp tải lượng từ các nguồn ô nhiễm không khí trong quá trình hoạt động của KCN

Nguồn	**Chất ô nhiễm** (kg/ng.đêm)				
	Bụi	**SO_2**	**NO_2**	**CO**	**THC**
Công nghiệp	288,87	2764,02	180,45	85,46	23,31
Giao thông	0,81	3,86	1,06	5,4	-
Nguồn khác	*Không đáng kể*				
Cộng	***289,68***	***2767,88***	***181,51***	***90,86***	***23,31***
Tổng cộng	**3.353,24**				

⇒ ***Như vậy,*** tổng lượng khí thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp và giao thông nếu không được xử lý thì hàng ngày, khu vực môi trường không khí khu vực KCN Hòa Yên phải tiếp nhận 3.353,24 kg khí thải các loại, gây ô nhiễm môi trường đối với khu vực xung quanh KCN Hòa Yên.

h) Dự báo các khu vực, vùng chịu ảnh hưởng bởi mùi, khí thải từ KCN

(i). Mùi, khí thải từ nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

- Các khu dân cư xung quanh KCN hiện nay có khu dân cư thôn Đồng Quan, xã Hiệp Hòa và thôn Nguyễn, phường Vân Hà nằm ở phía Đông của dự án; khu

dân cư thôn Lương Tài, thôn Lương Viên, phường Vân Hà nằm ở phía Tây Nam của dự án. Các hướng còn lại hiện chưa có dân cư sinh sống liền kề.

- Hướng gió chủ đạo của khu vực dự án là:

+ Mùa Đông: Hướng gió Đông Bắc

+ Mùa Hè : Hướng gió Tây Nam

- Về địa hình: Địa hình khu vực dự án và khu vực xung quanh bằng phẳng nên không làm thay đổi hướng gió.

- Về các công trình cao tầng: Khu vực xung quanh dự án chưa có các công trình cao tầng nên không làm thay đổi hướng gió.

→ *Như vậy, các khu dân cư này đều nằm đầu hướng gió so với KCN Hòa Yên.*

Tuy nhiên, hướng gió có thể thay đổi theo ngày, theo mùa. Trong trường hợp các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở dịch vụ trong phạm vi KCN không xử lý khí thải hoặc xử lý khí thải chưa đạt các QCVN tương ứng không chỉ gây ô nhiễm môi trường cho các cơ sở xung quanh nguồn thải mà còn ảnh hưởng đến các khu vực dân cư xung quanh KCN.

(ii). Mùi, khí thải từ hoạt động của trạm XLNT

- Trạm XLNT sẽ được xây dựng tại lô đất có ký hiệu HT1, diện tích 1,59 ha.

- Khoảng cách gần nhất từ hàng rào của trạm XLNT đến khu vực dân cư gần nhất (thôn Trại Cây) là 480m, từ công trình xử lý nước thải bên trong là 500(m). Khoảng cách này đảm bảo theo quy định tại bảng 2.22, QCVN 01:2021/BXD *(Đối với Trạm XLNT theo phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom và xử lý mùi QC quy định khoảng cách tối thiểu là 30m đối với công suất trạm từ trên 5.000 đến 50.000 m^3/ng.đêm).* Về hướng gió, khu dân cư thôn Trại Cây không bị ảnh hưởng bởi mùi hôi thối trong quá trình hoạt động do thôn này nằm về phía Tây Bắc của Trạm XLNT tập trung.

- Tuy nhiên, hướng gió có thể thay đổi theo ngày, theo mùa. Trong trường hợp Trạm XLNT tập trung không xử lý mùi, khí thải hoặc xử lý mùi, khí thải chưa đạt các QCVN tương ứng không chỉ gây ô nhiễm môi trường cho khu vực dân cư ở cuối hướng gió.

3.2.1.3. Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường nước

a) Nhận diện các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước

Khi KCN Hòa Yên đi vào hoạt động, nguồn gây ô nhiễm đến môi trường nước chủ yếu là:

- Nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ *(nước thải sinh hoạt từ các nhà máy, xí nghiệp được coi là nước thải sản xuất)*

- NTSH phát sinh từ hoạt động của các khu dịch vụ.

b) Nước thải sinh hoạt

Nguồn ô nhiễm NTSH chủ yếu trong quá trình hoạt động của khu thương mại, dịch vụ công cộng ; hoạt động của CBCNV trong mỗi nhà máy, xí nghiệp công nghiệp là:

- Nước thải sinh hoạt

- Nước tưới cây, nước rửa đường

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án.

Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 *về "Thoát nước và xử lý nước thải"* thì NTSH được tính bằng 100% lượng nước sạch sử dụng. Trong trường hợp tại KCN Hòa Yên sẽ tính NTSH phát sinh bằng 100% lưu lượng sử dụng nước sạch.

NTSH từ khu vực này được chia thành các loại sau:

- Nước thải từ phòng tắm, lavabo trong các nhà vệ sinh;

- Nước thải từ nhà bếp;

- Nước thải phát sinh từ các dịch vụ công cộng;

Đặc điểm cơ bản của nước thải sinh hoạt là có hàm lượng các chất hữu cơ cao, dễ bị phân hủy sinh học *(như carbohydrat, protêin, mỡ,...),* các chất dinh dưỡng *(phosphat, nitơ)*, vi trùng, chất rắn và mùi.

Bảng 141. Nồng độ các chất ô nhiễm trong NTSH

TT	Tác nhân ô nhiễm	Khối lượng (g/người.ngày)
1	pH	6,5 - 6,8
2	BOD_5	45 - 54
3	COD	1,6 ÷1,9 × BOD_5
4	Tổng chất rắn	170 ÷ 220
5	Chất rắn lơ lửng	70 ÷145
6	Rác vô cơ (kích thước < 0,2 mm)	5 ÷ 15
7	Dầu mỡ	10 ÷ 30
8	Kiềm (theo $CaCO_3$)	20 ÷ 30
9	Clo	4 ÷ 8
10	Tổng Nitơ (theo N)	6 ÷ 12
11	Nitơ hữu cơ	0,4 × tổng Nitơ

TT	Tác nhân ô nhiễm	Khối lượng (g/người.ngày)
12	Amoni tự do	0,6 × tổng Nitơ
13	Tổng Phospho theo P	0,8 ÷4,0
14	Phospho vô cơ	0,7 × tổng P
15	Phospho hữu cơ	0,3 × tổng P
16	Kali theo K_2O	2,0 ÷ 6,0
17	Tổng số vi khuẩn trong 100ml nước thải	109 ÷ 1010
18	Coliform trong 100ml nước thải	106 ÷ 109
19	Fecal streptococci trong 100ml nước thải	10 ÷ 105
20	Salmonella typhosa trong 100ml nước thải	10 ÷ 104
21	Đơn bào trong 100ml nước thải	Đến 103
22	Trứng giun sán trong 100ml nước thải	Đến 103
23	Siêu vi trùng trong 100ml nước thải	102 ÷ 104

NTSH có hàm lượng chất ô nhiễm tương đối cao, hơn nữa với lượng NTSH lớn thì lượng nước thải này có khả năng gây ô nhiễm môi trường tiếp nhận. Do đó để BVMT, lượng NTSH sẽ được xử lý tại trạm XLNT tập trung của KCN trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi.

c) Nước thải từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp KCN

(i). Đặc trưng ô nhiễm

Nước thải công nghiệp được tạo ra từ hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp KCN. Tùy theo từng loại hình sản xuất mà nước thải có lưu lượng và thành phần với nồng độ các chất ô nhiễm khác nhau.

KCN Hòa Yên được xác định là KCN đa ngành nên khó để dự báo chính xác nước thải. Trên cơ sở các ngành sản xuất sẽ tập trung vào trong KCN đã được trình bày tại Chương I để dự báo tính chất và thành phần của nước thải. Dựa vào các ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN và đặc tính nước thải của từng nhóm ngành nghề có thể phân chia các nhóm ngành đầu tư vào KCN theo khả năng gây ô nhiễm của nước thải như sau:

Bảng 142. Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước theo tính chất của KCN Hòa Yên

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm nước
1	Công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},… - Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng công nghiệp: Chất tẩy rửa, TSS, chất dinh dưỡng - Nước thải từ quá trình sản xuất thủy tinh, nhựa

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng các nguồn gây ô nhiễm nước
		- Nước thải làm mát được thay thế định kỳ.
2	Công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},… - Nước thải từ hoạt động sản xuất điện, điện tử - Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng công nghiệp, hoạt động xử lý khí thải.
3	Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},… - Nước thải chứa kim loại nặng, dầu mỡ, hóa chất tẩy rửa, làm sạch bề mặt kim loại - Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng công nghiệp: Chất tẩy rửa, TSS, chất dinh dưỡng
4	Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},…
5	Công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},… - Nước thải từ quá trình đóng gói, sơ chế, bảo quản - Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng công nghiệp, dây chuyền thiết bị máy móc, hoạt động xử lý khí thải
6	Công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},… - Nước thải từ quá trình sản xuất thủy tinh, nhựa - Nước thải làm mát được thay thế định kỳ.
7	Công nghiệp hỗ trợ	- NTSH của CBCNV làm việc: Chứa nhiều chất dinh dưỡng, vi khuẩn, NH_4^+, SO_4^{2-},…

(ii). Tổng lượng nước thải và tải lượng ô nhiễm từ hoạt động của KCN Hòa Yên

♣ *Tổng lượng nước thải*

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về *"Thoát nước và xử lý nước thải"* tại điểm c, khoản 2, điều 7, Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về *"Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải"* thì nước thải sản xuất được ước tính bằng 80% lượng nước cấp dùng cho mục đích sản xuất công nghiệp.

Lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh từ các nhà máy, xí nghiệp được thống kê trong bảng sau:

Bảng 143. Tổng lưu lượng nước thải từ KCN Hòa Yên

TT	Khu phát sinh nước thải	$Q_{thải}$	Đơn vị
1	Khu đất nhà máy công nghiệp	6.272,8	m^3/ng.đêm
2	Công nhân	1.100,00	m^3/ng.đêm
3	Khu đất dịch vụ	501,4	m^3/ng.đêm
4	Nhu cầu thoát nước thải TB (Q_{TB})	7.874,2	m^3/ng.đêm
5	Tổng nhu cầu thoát nước thải ngày lớn nhất ($Q_{ngày\ max}$) K=1,3	10.236,46	m^3/ng.đêm
6	**$Q_{trạm\ XLNT}$**	**10.500,0**	m^3/ng.đêm

→ Như vậy, tổng lưu lượng nước thải cần phải xử lý từ KCN Hòa Yên là 10.500 m^3/ng.đêm.

♣ *Tải lượng ô nhiễm*

Tham khảo kết quả nghiên cứu về nước thải của KCN vùng đồng bằng Bắc Bộ và các số liệu đã được công bố trong Đề tài *"Nghiên cứu các biện pháp BVMT trong các KCN vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc"*, do Bộ TNMT thực hiện năm 2014 thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của các KCN/CCN đa ngành nghề tương tự KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 144. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của các KCN/CCN

TT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ trung bình
1	SS	mg/l	221
2	BOD_5	mg/l	137
3	COD	mg/l	319

Dựa vào các số liệu tại bảng trên, có thể ước tính nồng độ và tải lượng các chất ô nhiễm chính trong nước thải của KCN Hòa Yên *(dựa vào khối lượng nước thải dự báo của KCN)* như sau:

Bảng 145. Nồng độ và tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải KCN Hòa Yên

TT	Thông số	Nồng độ *(mg/l)*	Lưu lượng	Tải lượng ô nhiễm *(kg/ng.đêm)*
1	SS	221	10.500 m^3/ng.đêm	672,5
2	BOD_5	137		416,9
3	COD	319		970,8
4	**Tổng cộng**			**2.060,2**

Như vậy, nếu toàn bộ nước thải từ KCN không được xử lý thì khu vực tiếp nhận nước thải sẽ bị ô nhiễm *(hệ thống kênh tiêu Cầu Chi),* ảnh hưởng tới đời sống, hoạt động sản xuất của nhân dân khu vực xung quanh. Tổng tải lượng của

3 chất ô nhiễm cơ bản là: 2.060,2 kg/ng.đêm.

d) Nước mưa chảy tràn

Các thông số được sử dụng để tính toán lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bề mặt dự án lựa chọn các thông số như sau:

- Hệ số dòng chảy tại dự án (**Bảng 110**): Trong giai đoạn vận hành, diện tích bề mặt có nhiều loại mặt phủ khác nhau nên lựa chọn giá trị $\psi = 0,7$

- Hệ số phân bố mưa (**Bảng 111**): Lựa chọn hệ số $\beta = 1$

→ Áp dụng công thức **(8)**, tính toán được lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bề mặt dự án:

$$Q = 0,02 \times 256,68 \times 1 \times 0,7 = 3,45 \ (m^3/s)$$

- Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động ổn định có bản chất như trong giai đoạn thi công xây dựng nhưng trong sạch hơn nhiều, vì toàn bộ bề mặt được thay thế bằng các công trình kiến trúc, đường bê tông và các khu vực trồng hoa, cây cảnh. Mặt khác, dự án có đội ngũ nhân viên vệ sinh thu gom rác thải thường xuyên, mặt bằng sân bãi sạch sẽ nên có thể coi mức độ ô nhiễm bởi nước mưa chảy tràn là không đáng kể. Nước mưa sẽ được thoát theo hệ thống thoát nước riêng và đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt của khu vực.

e) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước mưa

Khi KCN đi vào hoạt động, trong điều kiện thời tiết có mưa thì nước mưa sẽ xả vào hệ thống kênh mương hoàn trả xung quanh dự án tại 36 cửa xả.

- Nước mưa: 3,45 m^3/s

- Hệ thống kênh mương hoàn trả xung quanh dự án sau khi được kè đá hộc hoàn thiện có kết cấu là kênh hở, qua khu vực dự án đáp ứng tiếp nhận nước mưa từ KCN và từ khu vực lân cận.

g) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của Kênh tiêu Cầu Chi

Nước thải sau khi xử lý từ KCN đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm sẽ được xả ra kênh tiêu Cầu Chi với các chỉ số: BOD_5: 27 (mg/l), COD: 67,5 (mg/l), TSS: 45,0 (mg/l), Amoni: 4,5 (mg/l), Tổng Nitơ: 18 mg/l; Tổng Photpho: 3,6 mg/l cao hơn chất lượng nước mặt tại kênh tiêu Cầu Chi hiện tại *(trình bày tại **Bảng 74** (COD: 33,6 mg/l; BOD_5: 11,8 mg/l; Amoni: 3,81 mg/l; Fe: 0,99 mg/l; E.coli: 24 MPN/100ml; Tổng Nitơ: 5,39 mg/l; Tổng Photpho: 1,46 mg/l; Nitrit: 0,871 mg/l)* và cao hơn so với QCVN 08:2023/BTNMT (B-B2).

Như vậy, chất lượng nước mặt cao hơn nhiều so với chất lượng nước thải. Tuy nhiên, trong môi trường nước có khả năng "tự làm sạch". Đánh giá về khả năng tiếp nhận nước thải sau khi xử lý của kênh tiêu Cầu Chi như sau:

- Về lưu lượng: $Q_{thải\ max}$ = 10.500 m^3/ngày.đêm hay 10.500/24/3.600 = 121,53 l/s ; kênh tiêu Cầu Chi có kích thước lớn nên đảm bảo khả năng tiếp nhận lưu lượng này.

- Về chất lượng: Chất lượng nước thải xả vào kênh tiêu Cầu Chi cao hơn chất lượng hiện trạng hiện nay ở một số chỉ tiêu. Tuy nhiên, môi trường nước có khả năng tự làm sạch nước thải. Chất lượng nước thải từ dự án sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm xả vào kênh tiêu Cầu Chi là theo đúng quy định tại Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"*.

3.2.1.4. Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường do CTRCN không nguy hại và CTRSH

a) Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh CTR trong quá trình hoạt động của KCN Hòa Yên bao gồm:

- Từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp KCN: Chất thải công nghiệp (*chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải công nghiệp không nguy hại)* và chất thải rắn sinh hoạt *(chất thải hữu cơ và vô cơ);*

- Từ hoạt động của khu dịch vụ, công cộng, thương mại: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế (có thể phát sinh) và một lượng nhỏ chất thải nguy hại.

- Từ hoạt động quản lý, khai thác dịch vụ hạ tầng KCN: Nhà điều hành KCN, Bùn từ trạm XLNT tập trung trong trường hợp là chất thải không nguy hại; Bùn thải từ hoạt động nạo vét hố ga của hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hoạt động duy tu, bảo dưỡng hạ tầng của KCN;....

b) Dự báo CTRSH

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên làm việc tại khu điều hành KCN, trạm XLNT tập trung khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa, ...

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN: Với số lượng công nhân dự kiến của KCN đông nhất là 44.000 người, lượng CTR phát sinh khoảng 0,9 kg/người mỗi ngày *(Định mức theo QCVN 01:2021/BXD, đô thị loại IV),* thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt là: 44.00×0,9 = 3.960 kg/ngày.

c) CTRCN không nguy hại

Lượng CTRCN không nguy hại sinh ra từ các ngành công nghiệp sẽ rất đa dạng về thành phần tùy theo từng công nghệ sản xuất, công suất cũng như sản phẩm của từng nhà máy. Hiện tại, các nhà máy sản xuất trong KCN chưa được xây dựng, do đó không thể thống kê được khối lượng cũng như thành phần CTRCN một cách chính xác. Vì vậy, thành phần và khối lượng CTRCN phát sinh từ các nhà máy trong KCN có thể dự đoán theo các ngành nghề dự kiến thu hút đầu tư và các số liệu tham khảo từ các nhà máy có ngành nghề sản xuất tương tự. Thành phần CTRCN không nguy hại phát sinh từ KCN trong được dự báo như sau:

Bảng 146. Đặc trưng CTRCN không nguy hại

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng CTRCN không nguy hại
1	CN chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	- Bao bì giấy, nylon - Đầu mẩu nhựa - Xỉ than, chất thải rắn khác - Sản phẩm không đạt chất lượng
2	CN sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	- Nhựa plastic, dây diện thải. - Các loại sắt thép, kim loại vụn đều có khả năng tái sử dụng.
3	CN cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	- Bao bì giấy, nylon - Ba via, đầu mẩu kim loại phế thải - Sản phẩm không đạt chất lượng
4	Các ngành CN có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	- Bao bì linh kiện điện tử - Carton, nilon,…
5	CN chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống	- Bao bì phế phẩm - Nhựa, nylon - Giấy - Vỏ nông sản thực phẩm - Nguyên liệu bị hỏng, hết hạn sử dụng
6	CN dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	- Dăm gỗ - Nhựa thải, giấy thải - Nilon, bao bì, …
7	CN hỗ trợ	- Các loại sắt thép, kim loại vụn đều có khả năng tái sử dụng. - Bao bì giấy, nylon - Sản phẩm lỗi, hỏng.
8	Trạm XLNT tập trung	- Bao bì phế phẩm - Nhựa, nylon, giấy

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng CTRCN không nguy hại
9	Hoạt động quản lý, khai thác dịch vụ hạ tầng KCN	- Bao bì phế phẩm - Nhựa, nylon, giấy - Sắt, thép phế thải

♣ *Dự báo khối lượng CTRCN phát sinh từ hoạt động sản xuất*

Các ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN và tốc độ phát sinh trung bình CTRCN của các ngành nghề tương ứng tham khảo từ các KCN và CCN được trình bày trong bảng sau:

Bảng 147. Tốc độ phát sinh trung bình của CTRCN từ các KCN

TT	Ngành công nghiệp	Đơn vị	Hệ số ô nhiễm
1	CN chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	tấn/ha/năm	130,0
2	CN sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	tấn/ha/năm	180,0
3	CN cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	tấn/ha/năm	120,0
4	Các ngành CN có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	tấn/ha/năm	90,0
5	CN chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống	tấn/ha/năm	120,0
6	CN dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	tấn/ha/năm	130,0
7	CN hỗ trợ	tấn/ha/năm	90,0
8	***Tốc độ phát sinh trung bình***	tấn/ha/năm	***122,9***

Nguồn: *ENTEC, 2000*

Diện tích đất công nghiệp tại KCN Hòa Yên là 156,82 ha, giả sử tốc độ phát sinh CTRCN tại khu đất công nghiệp bằng nhau, khối lượng CTRCN phát sinh ước tính khoảng:

156,82 ha × 122,9 tấn/ha/năm = 19.266,46 tấn/năm

Với 1 năm tính bằng 365 ngày thì trung bình: 52,78 tấn/ng.đêm. Khối lượng CTRCN không nguy hại này phát sinh khá lớn vì vậy cần phải thu gom và xử lý hợp lý.

♣ *Dự báo khối lượng CTRCN phát sinh từ hoạt động quản lý, khai thác hạ tầng KCN*

Tham khảo kết quả thống kết lượng CTRCN không nguy hại phát sinh từ các hoạt động của các KCN có quy mô tương tự để dự báo khối lượng CTRCN phát

sinh từ hoạt động quản lý, khai thác hạ tầng KCN Hòa Yên như sau:

Bảng 148. Dự báo lượng CTRCN không nguy hại phát sinh từ hoạt động của KCN Hòa Yên

TT	Loại CTRCN không nguy hại	Đơn vị	Khối lượng phát sinh
1	Giấy, bìa	tấn/năm	0,1
2	Nilon, nhựa	tấn/năm	0,05
3	Sắt thép, phế thải	tấn/năm	0,2
4	Gỗ,	tấn/năm	0,1
5	CTRCN không nguy hại khác	tấn/năm	0,2
6	**Tổng cộng**	tấn/năm	0,65

Khối lượng CTRCN không nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý, khai thác hạ tầng KCN ước tính khoảng 650 kg/năm.

d) Bùn thải từ hệ thống cống thoát nước mưa, thoát nước bẩn, hố ga

- Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa: Theo kết quả thực nghiệm trong quá trình nạo vét các hố ga của hệ thống nước mưa với tần suất 1 tháng lần thì lượng bùn thải trong mỗi hố ga khoảng 3 kg. Tại dự án có 895 hố ga trên hệ thống thoát nước mưa (Theo thống kê tại **Bảng 37**).

→ Lượng bùn thải phát sinh là: 3 × 895 = 2.685 kg/30 ngày hay 89,5 kg/ngày.

- Nước thải từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể phốt tự hoại ngăn. Do đã được xử lý tại bể phốt nên bùn cặn trong dòng nước không nhiều. Ước tính ban đầu khối lượng bùn thải này như sau:

+ Số hố ga trên hệ thống thoát nước thải: 518 hố (Theo thống kê tại **Bảng 38**).

+ Lượng bùn thải trong hố/1 tháng: 2kg (bùn khô) (Lượng bùn thải từ hệ thống thoát nước bẩn này tham khảo các kết quả thống kê thực nghiệm).

→ Khối lượng bùn thải từ hệ thống thoát nước thải: 518 × 2 = 1.036 kg/1 tháng hay trung bình 34,5 kg/ngày.

3.2.1.5. Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường do CTNH

a) Đánh giá, dự báo tác động do CTNH phát sinh từ hoạt động của trạm XLNT

(i). CTNH từ hoạt động của Phòng thí nghiệm

Tham khảo đề tài *"Đánh giá thực trạng lao động của nhân viên các phòng xét nghiệm - Nghiên cứu, đề xuất giải pháp cải thiện môi trường và điều kiện lao động, phòng tránh lây nhiễm, bảo vệ sức khỏe và góp phần nâng cao chất lượng thí nghiệm"* do Phân viện bảo hộ lao động tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện

năm 2010 cho kết quả phát sinh CTNH từ hoạt động của phòng thí nghiệm bao gồm:

Bảng 149. CTNH phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/tháng)	Mã QL chất thải nguy hại
1	Găng tay, ghẻ lau dính chất thải nguy hại	rắn	0,5	15 02 02
2	Pin, ắc quy thải	rắn	1,0	20 01 33
3	Linh kiện thiết bị điện tử thải	rắn	0,5	20 01 35
4	Hộp mực in thải	rắn	1,0	20 01 27
5	Bao bì đựng hóa chất để xử lý	rắn	10,0	18 01 02
6	***Tổng cộng***		***13,0***	
7	***Trung bình ngày***		***0,43***	

(ii). CTNH từ hoạt động XLNT và các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống HTKT

Hoạt động bình thường của các công trình HTKT không phát sinh ra CTNH. CTNH chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống này với các loại CTNH như: Dầu mỡ, ghẻ lau nhiễm dầu mỡ, que hàn, vỏ thùng/bao bì đựng sơn,... Khối lượng CTNH phát sinh trong công đoạn sửa chữa, bảo dưỡng rất khó dự báo do tùy thuộc vào mức độ sửa chữa, bảo dưỡng đối với từng trường hợp và cũng như tần suất gặp sự cố của các công trình HTKT trong quá trình hoạt động.

Bảng 150. Dự báo phát sinh CTNH từ hoạt động của trạm XLNT và quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các công trình HTKT

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1.	Găng tay, ghẻ lau dính chất thải nguy hại	rắn	2,0	15 02 02
2.	Pin, ắc quy thải	rắn	2,0	20 01 33
3.	Linh kiện thiết bị điện tử thải	rắn	2,0	20 01 35
4.	Dầu mỡ thải	lỏng	4,0	20 01 26
5.	Hộp mực in thải	rắn	2,0	20 01 27
6.	Bao bì đựng hóa chất để xử lý	rắn	40	18 01 02
7.	***Tổng cộng***		***52,0***	

Như vậy, hoạt động của Trạm XLNT và quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các công trình HTKT sẽ phát sinh trung bình khoảng 52,0 kg CTNH/tháng hay tương đương 1,73 kg/ng.đêm *(không kể bùn thải từ hoạt động XLNT nếu được coi là CTNH).*

(iii). Bùn thải từ hoạt động XLNT

Riêng về lượng bùn thải của trạm XLNT được tính toán như sau:

- Theo thiết kế cơ sở hạng mục trạm XLNT thì với công suất là 10.500 m^3/ng.đêm sẽ phát sinh tối đa khoảng là 85,62 m^3/ng.đêm với nồng độ bùn 0,6%, tương đương với 790,05 kgTS/ngày (bùn khô). Toàn bộ lượng bùn được chảy sang bể chứa bùn trước khi được bơm vào máy ép bùn.

Tuy nhiên, để có thể kết luận bùn thải từ hoạt động XLNT có phải là chất thải nguy hại hay không còn phụ thuộc vào chất lượng bùn thải sau khi so sánh với QCVN 50:2023/BTNMT.

Trong phạm vi báo cáo ĐTM này, phần dự báo bùn thải từ hoạt động XLNT được đưa vào mục đánh giá, dự báo CTNH để phòng cho trường hợp xấu nhất: Bùn thải thải từ hoạt động XLNT tập trung của KCN Hòa Yên là CTNH.

(iv). Tổng lượng CTNH phát sinh từ hoạt động kinh doanh hệ thống HTKT KCN

- Từ các đánh giá, dự báo nêu trên cho thấy, tổng lượng CTNH phát sinh từ hoạt động kinh doanh hệ thống HTKT KCN là: 0,43 +1,73 = 2,16 kg/ng.đêm trong trường hợp bùn thải từ trạm XLNT không phải là CTNH.

- Trong trường hợp bùn thải là CTNH thì tổng lượng CTNH thuộc phạm vi quản lý, xử lý của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên là: 2,16 + 790,05 = 792,21 kg/ng.đêm.

b) Đánh giá, dự báo tác động do CTNH phát sinh trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

CTNH phát sinh từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp KCN rất đa dạng, chứa đựng nhiều chất nguy hại, tiềm ẩn khả năng gây ô nhiễm môi trường rất lớn. CTNH chiếm khoảng 5% tổng khối lượng CTR công nghiệp phát sinh. Kết quả tính toán tại KCN Hòa Yên cho thấy hàng ngày sẽ phát sinh khoảng là:

$$52,78 \times 5\% = 2,639 \text{ tấn/ng.đêm.}$$

Thành phần CTNH phát sinh từ KCN Hòa Yên trong được dự báo như sau:

Bảng 151. Dự báo thành phần CTNH từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

TT	Ngành	Chất thải nguy hại
1	CN chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng	- Pin, ắcquy - Dầu mỡ, ghẻ lau lẫn dầu mỡ - Phụ gia, hóa chất, bao bì đựng phụ gia, hóa chất

TT	Ngành	Chất thải nguy hại
2	CN sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin	- Bo mạch hư, sai qui cách - Dầu nhớt máy, giẻ lau dính dầu nhớt - Dung môi thải (tráng rửa bo mạch) - Bao bì đựng hóa chất
3	CN cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa	- Keo dán gỗ thải, thùng chứa keo dán - Vecni, sơn thải - Các giẻ lau dính sơn, vecni, keo dán - Chất làm láng bề mặt (bột, dầu bóng) - Hóa chất chống mối - Hộp mực in
4	Các ngành CN có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm	- Pin, ắcquy, bộ lưu điện - Linh kiện điện tử hỏng
5	CN chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống	- Giẻ lau dính dầu nhớt - Cặn dầu từ máy móc - Hộp mực in - Bao bì chứa chất thải nguy hại
6	CN dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng	- Pin, ắcquy, thuốc tân dược hết hạn sử dụng - Phụ gia, hóa chất, bao bì đựng phụ gia, hóa chất
7	CN hỗ trợ	- Giẻ lau dính dầu nhớt - Hộp mực in - Bao bì chứa chất thải nguy hại
8	Trạm XLNT tập trung	- Bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung - Bao bì, thùng,… chứa các hóa chất xử lý nước thải.

3.2.1.6. Đánh giá, dự báo tác động do tiếng ồn

a) Đánh giá, dự báo tác động do tiếng ồn từ hoạt động của trạm bơm nước cấp, nước thải và trạm XLNT tập trung

Vận hành trạm bơm tăng áp nước sạch và trạm XLNT sẽ phát sinh ra tiếng ồn, cụ thể tại các hoạt động sau:

Bảng 152. Dự báo tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của dự án

TT	Các hoạt động	Đơn vị	Mức ồn
I. Hoạt động của trạm bơm tăng áp nước cấp và trạm bơm chuyển bậc nước thải			
1	Hoạt động của các máy bơm	dBA	80
II. Hoạt động của trạm XLNT			

2	Hoạt động của các mođun xử lý nước thải	dBA	86
3	Hoạt động của máy nén khí	dBA	85
4	Hoạt động của máy phát điện dự phòng	dBA	84
5	Hoạt động của các thiết bị máy bơm trong trạm (tiếng ồn tổng cộng)	dBA	85

Các hoạt động này có mức ồn phát sinh tương đối cao, một số nguồn ồn là liên tục nên sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt của cán bộ nhân viên vận hành tại các công trình này. Do các công trình này cách xa các khu dân cư trên 100m nên không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn từ các nguồn này.

b) Đánh giá, dự báo tác động do tiếng ồn từ hoạt động giao thông trong KCN

Tiếng ồn gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông. Ngoài ra còn có một số phương tiện vận tải của khách qua lại. Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Tiếng ồn cũng phát sinh từ máy phát điện dự phòng và một số máy móc khác *(máy bơm,...).* Mức ồn từ các loại xe cơ giới được đưa trong bảng sau:

Bảng 153. Mức ồn của các loại xe cơ giới hoạt động trong KCN

TT	**Loại xe**	**Tiếng ồn** (dBA)	**QCVN 26:2010/BTNMT**	
			Ban ngày (dBA)	**Ban đêm** (dBA)
1	Xe du lịch	77	**70**	**55**
2	Xe mini bus	84		
3	Xe thể thao	91		
4	Xe vận tải	93		
5	Xe mô tô 4 thì	94		
6	Xe mô tô 2 thì	80 - 100		
7	Máy phát điện	90		

Từ bảng trên cho thấy, hầu hết các phương tiện cơ giới đều phát sinh tiếng ồn vượt quy chuẩn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn độ ồn tại khu dân cư.

c) Đánh giá, dự báo tác động do tiếng ồn từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

Trong quá trình hoạt động của KCN, tiếng ồn sẽ phát ra từ các hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, khu dịch vụ, dự báo như sau:

Bảng 154. Dự báo mức ồn từ một số ngành công nghiệp

TT	Các nhóm ngành công nghiệp	Đơn vị	Tiếng ồn ở khoảng cách 2m	QCVN 24:2016/BYT
1	CN cơ khí	dBA	86 - 88	80
2	CN điện - điện tử	dBA	90 - 95	80
3	Chế biến nông, lâm sản	dBA	83 - 94	80
4	CN may mặc	dBA	90 - 92	80
5	Dược phẩm, thức ăn chăn nuôi	dBA	80 - 84	80
6	CN chế biến, chế tạo	dBA	85 - 86	80
7	CN hỗ trợ	dBA	85 - 90	80

Trong quá trình hoạt động của nhà máy, xí nhiệp công nghiệp có nhiều nhà máy phát sinh tiếng ồn vượt GHCP, đặc biệt tại các nhà máy công nghiệp nặng, hóa chất.

3.2.1.7. Đánh giá, dự báo tác động do nhiệt ẩm

a) Đánh giá, dự báo tác động do nhiệt ẩm từ hoạt động của trạm XLNT

Trong công nghệ XLNT, nhiệt phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị,... nhưng ở mức thấp. Các nguồn gây ô nhiễm nhiệt này góp phần với nhiệt độ không khí, độ ẩm, tốc độ gió và ánh sáng hình thành yếu tố vi khí hậu trong môi trường sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện làm việc, sức khỏe của công nhân tại công trình và sự phát tán chất thải ô nhiễm ra môi trường không khí.

Theo các tài liệu nghiên cứu cho biết khi người công nhân làm việc trong điều kiện vi khí hậu nóng có thể xảy ra các biến đổi sinh lý, bệnh lý. Vì khi đó chỉ cần nhiệt độ cơ thể tăng lên từ 0,3 - $1,0^0$C là trong cơ thể xẩy ra hiện tượng tích nhiệt. Khi làm việc trong môi trường quá nóng, thân nhiệt tăng lên 38^0C được coi là nhiệt độ báo động dẫn đến triệu chứng say nắng.

b) Đánh giá, dự báo tác động do nhiệt ẩm từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

Trong quá trình hoạt động của KCN, nhiệt phát sinh từ các lò hơi, máy sấy, các dây chuyền sản xuất cũng ít nhiều phát sinh nhiệt. Tuy nhiên lượng nhiệt phát sinh chỉ gây tác động ở mức cục bộ trong phạm vi của nhà máy, xí nghiệp nên mức độ ảnh hưởng không cao. Ô nhiễm nhiệt là một loại ô nhiễm đặc trưng và thường gặp ở các nhà máy, xí nghiệp đặc biệt là ở các phân xưởng không được thông thoáng tốt.

Ngoài ra ô nhiễm nhiệt còn phát sinh từ bếp nấu ăn trong khu dịch vụ, từ hệ thống làm lạnh của các khu dịch vụ - thương mại. Tuy nhiên, nhiệt phát sinh

từ các hoạt động này được đánh giá phát sinh không nhiều, và mức độ ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư xung quanh cũng không đáng kể.

3.2.1.8. Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường đất

a) Từ hoạt động của các tuyến thu gom nước thải

Hoạt động của các tuyến thu gom nước thải về trạm XLNT tập trung rất ít có tác động tiêu cực đến môi trường đất. Tuy nhiên, trong trường hợp gặp sự cố vỡ đường ống, hoặc sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến ống, các thiết bị trên tuyến truyền dẫn nước thải,... dẫn đến việc phải đào bới, sửa chữa,... và lấp lại đất nên có thể gây ô nhiễm môi trường đất tại công đoạn này. Ngoài ra, khi các tuyến ống thu gom nước thải từ các Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp gặp sự cố, nước thải sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp tràn ra ngoài sẽ gây ô nhiễm môi trường đất.

Nhìn chung, mức độ tác động đến môi trường đất do hoạt động của công trình ở mức thấp.

b) Từ hoạt động từ hoạt động của trạm XLNT và khu vực lưu giữ rác thải tạm thời trong KCN

Với đặc thù là công trình XLNT cho KCN thì trạm XLNT tập trung sẽ góp phần cải thiện đáng kể môi trường đất nói chung trên địa bàn KCN khi toàn bộ nước thải được xử lý triệt để. Tuy nhiên, trong trường hợp gặp sự cố vỡ đường ống, hư hỏng trạm bơm chuyển tiếp,... dẫn đến việc nước thải tràn ra ngoài môi trường sẽ gây ô nhiễm môi trường đất và gián tiếp gây ô nhiễm nước ngầm, trực tiếp gây ô nhiễm môi trường nước mặt.

Khu vực lưu giữ rác thải tạm thời chỉ lưu giữ rác thải đường phố, từ khu vực công cộng, khu dịch vụ, khu điều hành của KCN nên chủ yếu là lá cây, CTRSH,... nên mức độ ảnh hưởng đến môi trường đất ở mức thấp, không đáng kể. Hơn nữa, tần suất thu gom được diễn ra thường xuyên hàng ngày nên tác động từ khu vực này là không lớn.

c) Từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

Tác động đến môi trường đất phụ thuộc vào từng loại hình sản xuất công nghiệp của mỗi nhà máy, xí nghiệp công nghiệp đầu tư thứ cấp. Công tác quản lý tốt môi trường trong mỗi nhà máy sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất.

3.2.1.9. Đánh giá, dự báo tác động đến giao thông đường bộ

Hoạt động của KCN Hòa Yên sẽ thu hút thêm khoảng: 314 xe tải nặng/ngày, 489 xe buýt 45 chỗ, 22.000 xe máy, 880 xe con tham gia. Việc gia tăng mật độ xe cộ tại khu vực dự án còn gây ảnh hưởng đến chất lượng đường xá khu vực. Kéo theo sự gia tăng này sẽ làm gia tăng khả năng xảy ra tai nạn đối với các loại xe tham gia lưu thông trên tuyến đường này. Ảnh hưởng này sẽ kéo dài trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Tuy nhiên khi dự án đi vào hoạt động, sẽ kéo theo nhiều tuyến đường mới được mở ra (đường trục KCN), được trải nhựa toàn bộ nên sẽ đáp ứng được nhu cầu của các phương tiện trong giai đoạn hoạt động này. Tuyến đường ĐT.398, ĐT.398B được coi là tuyến đường giao thông chính cho hoạt động của KCN.

3.2.1.10. Tác động đến hệ sinh thái khu vực

Giai đoạn vận hành KCN Hòa Yên có thể có nhiều tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật. Dự báo như sau:

- Chuyển đổi từ đất hiện trạng sang đất công nghiệp sẽ làm mất nơi cư trú của một số nhóm cá thể và ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái.

- Các chất thải từ hoạt động của xí nghiệp, nhà máy công nghiệp, hoạt động của con người,… có ảnh hưởng đến VSMT và làm ô nhiễm nguồn nước, từ đó làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.

- Nước thải sản xuất từ KCN nếu không được xử lý hoặc xử lý không triệt để, xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi sẽ làm ô nhiễm tuyến kênh này cũng như tăng phần ô nhiễm cho các nguồn tiếp nhận sau đó (Sông Cầu).

Bên cạnh đó phải kể đến sự tập trung của công nhân xây dựng, các phương tiện cơ giới thi công sẽ gây ra tiếng ồn sẽ ảnh hưởng đến các loài chim, bò sát trong khu vực lân cận. Nhiều loài sẽ di chuyển ra xa nơi KCN, quy luật di chuyển theo các hướng khác nhau:

- Các loài chim, có vùng hoạt động rộng, di chuyển nhanh, phản ứng nhạy cảm với các tác động quấy nhiễu sẽ di chuyển đến những khu vực xa, yên tĩnh, nhiều loài có thể di chuyển tới các khu vực của các huyện giáp ranh để sinh sống;

- Các loài sống gần khu vực dân cư như một số bò sát, ếch nhái, loài thú nhỏ,... lúc đầu chúng sẽ di chuyển không xa khu vực công trình, thường tìm đến những khu ít bị tác động để sinh sống, khi công trình hoàn thành, sự ồn ào ban đầu lắng xuống các loài này sẽ dần dần trở lại quanh khu vực để kiếm ăn.

→ Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tại khu vực không có các loài động thực vật quí hiếm cần bảo vệ.

3.2.1.11. Đánh giá, dự báo tác động đến các yếu tố KT-XH

a) Các tác động tích cực

Dự án KCN Hòa Yên (256,68 ha) được xây dựng và đi vào hoạt động sẽ những tác động tích cực lớn tới sự phát triển KT-XH của khu vực. Hiện thực hóa chủ trương phát triển công nghiệp tại khu vực xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh.

- Dự án đi vào hoạt động sẽ thu hút các ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại, tạo công ăn việc làm cho tới 44.000 người và đóng góp không nhỏ vào ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Ninh qua các khoản thuế, phí,... của chính dự án và từ các nhà đầu tư thứ cấp.

- Việc tập trung 44.000 lao động trong KCN cũng sẽ tạo ra các động lực cho nền kinh tế của địa phương cùng phát triển theo khi mà nhu cầu ăn uống, sinh hoạt của số lao động này diễn ra tại khu vực dự án và khu vực xung quanh. Các ngành hàng thương mại, cung cấp các mặt hàng tiêu dùng, ăn uống, dịch vụ, cho thuê nhà ở,… phục vụ đời sống của 44.000 người này sẽ gia tăng đáng kể và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

→ Nhìn chung, KCN Hòa Yên đi vào hoạt động, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp sẽ tạo ra động lực lớn để phát triển KT-XH tại địa phương.

b) Các tác động tiêu cực

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ thu hút tới 44.00 người, có thể là lao động địa phương hoặc lao động từ nơi khác đến và rất nhiều xe cộ, phương tiện giao thông vận chuyển hàng hóa, công nhân. Hoạt động của KCN sẽ gây ra các tác động tiêu cực đến đời sống xã hội tại địa phương như sau:

- Hoạt động của KCN sẽ thu hút thêm khoảng: 314 xe tải nặng/ngày, 489 xe buýt 45 chỗ, 22.000 xe máy, 880 xe con tham gia tham gia trong khi ĐT.398B và ĐT.398. Gia tăng đáng kể các phương tiện GTVT sẽ làm tăng áp lực giao thông lên các tuyến đường hiện trạng và các tuyến đường xung quanh. Việc gia tăng áp lực giao thông sẽ là nguyên nhân gây ra các vụ tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông.

- Hoạt động của 44.000 lao động tại KCN sẽ kéo theo các nhu cầu về ăn ở, nhu cầu về hạ tầng xã hội tại khu vực như: trường học các cấp, nhà trẻ, y tế, cấp nước sạch, cấp điện, viễn thông các công trình văn hóa, vui chơi giải trí,... Khi mà các công trình này không được đầu tư đồng bộ sẽ dẫn đến tình trạng thiếu thốn nhu cầu này cho công nhân và ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất, tinh thần của họ. Khi khu vực không đủ đáp ứng cho lượng công nhân mới sẽ gây ra sức ép cho hệ thống HTXH hiện trạng, dân cư tại khu vực dự án sẽ khó tiếp cận hơn trước.

- Hoạt động tập trung đông người cũng sẽ làm gia tăng các mối lo ngại lây lan dịch bệnh, đặc biệt khi thế giới ngày càng xuất hiện nhiều các dịch bệnh rất khó dự báo trước và kiểm soát.

- Tập trung đông người cũng sẽ làm gia tăng các tệ nạn xã hội như: trộm cắp, lô đề, cờ bạc, ma túy, mại dâm,… gây khó khăn cho công tác quản lý xã hội và đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực.

3.2.1.12. Đánh giá, dự báo khả năng ngập úng khu vực xung quanh

- Khu đất phía Bắc dự án: Khu vực có địa hình dốc từ phía Tây và từ phía Bắc xuống phía Nam nên lượng nước mưa từ các lưu vực phía Tây, Bắc, Nam đều đổ về khu vực này trước khi tiêu thoát qua cống Yên Ninh *(Chi tiết hướng thoát nước tại **Hình 24**).*

- Khu đất phía Nam dự án: Địa hình dốc về mương ở giữa khu vực trước khi thoát về kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa *(Chi tiết hướng thoát nước tại **Hình 24**).*

→ Do đó, khu vực dự án có thể được xem như khu vực trữ nước trước khi tiêu thoát.

Trong điều kiện công tác xây dựng cải tạo kênh mương được thực hiện theo đúng thỏa thuận, các hệ thống thoát nước của KCN hoạt động bình thường thì hệ thống thoát nước của dự án và khu vực xung quanh đáp ứng được khả năng tiêu thoát nước ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi, khu vực không bị ngập lụt. Ngược lại, khi mà các công trình kênh mương được xây dựng không đúng theo thỏa thuận sẽ gây ngập lụt không chỉ cho khu vực dự án mà còn cho cả khu vực xung quanh.

- Cote trung bình khu vực gần mặt nước trũng phía Tây dự án: +6,50 (m)
- Cote hoàn thiện trung bình của khu đất phía Nam dự án là: +6,5 ÷ +7,44(m)
- Cote hoàn thiện trung bình của khu đất phía Bắc dự án là: +6,5 ÷ +6,70(m)

→ Như vậy, nếu các biện pháp cải tạo, nâng cấp các kênh mương của Chủ dự án và các đơn vị có liên quan được thực hiện tốt, đồng bộ sẽ đảm bảo khu vực KCN Hòa Yên và khu vực xung quanh sẽ không bị ảnh hưởng.

3.2.1.13. Tác động đến kênh mương thuỷ lợi

Trong giai đoạn vận hành thì hệ thống kênh mương hoàn trả sẽ do đơn vị chức năng quản lý, vận hành. Các tác động đối với hệ thống kênh mương này như sau:

- Tác động bồi lắng, tắc nghẽn hệ thống kênh mương do bị bồi lắng do đất cát, rác thải,... do hoạt động giữ gìn vệ sinh môi trường trong phạm vi KCN không tốt;

- Hư hỏng, sạt trượt hệ thống kênh mương, các công trình thuỷ lợi có liên quan do hoạt động của các phương tiện vận chuyển hàng hoá, nguyên vật liệu ra vào các nhà máy, xí nghiệp,...

- Ô nhiễm nước của hệ thống kênh mương nếu các nhà máy, xí nghiệp trong KCN xả thải trộm vào hệ thống thoát nước mưa, hoặc bị sự cố trong sản xuất, trong xử lý môi trường và để chất thải lẫn vào dòng thoát nước mưa, gây ô nhiễm kênh mương tiếp nhận nước mưa.

3.2.1.14. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án giai đoạn vận hành KCN

a) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... đường ống cấp nước sạch

Trong quá trình vận hành, các tuyến ống nước cấp nước sạch đến từng Nhà máy có khả năng bị vỡ do nhiều nguyên nhân, có thể kể ra như sau:

- Sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... đường ống do vật liệu không phù hợp
- Sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... do quá trình thi công chưa hợp lý
- Sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... do biến đổi về địa chất khu vực chôn ống
- Sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... do thi công công trình khác
- Sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... do quá trình hư hỏng tự nhiên, ăn mòn tự nhiên
- Sự cố hư hỏng, vỡ, rò rỉ,... do nhiều nguyên nhân khác: Trong đó có nhiều nguyên nhân rất khó xác định.

Trong trường hợp bị vỡ thì nước sẽ tràn ra đường giao thông, gây ngập úng cục bộ và mất vệ sinh môi trường. Tại những nơi nằm dọc đường giao thông sẽ gây ảnh hưởng đến việc tham gia giao thông.

Tác động nhất hơn khi xảy ra sự cố vỡ các đường ống khiến công tác cấp nước sạch cho hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp gián đoạn hoặc tạm dừng. Việc thiếu nước sạch trong sản xuất hàng ngày sẽ ảnh hưởng, ảnh hưởng đến các cơ sở sản xuất, hoạt động của các công trình công cộng,... hay gọi chung là mất an ninh nguồn nước.

→ *Nhìn chung, sự cố này xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng, tác động đến các hoạt động của KCN Hòa Yên.*

b) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi sự cố động đất

Khu vực triển khai dự án nằm ở vùng chấn động cấp 7 (MSK) với tần suất lặp lại $B_1 \geq 0,005$ [5] nên có khả năng chịu ảnh hưởng khi bị động đất. Địa chất công trình tại khu vực triển khai dự án (đã trình bày tại Chương II) được đánh giá là ổn định.

[5] - Chu kỳ T1 ≤ 200 năm, xác suất xuất hiện chấn động P ≥ 0,1 trong khoảng thời gian 20 năm

Theo các kỹ sư địa chất và xây dựng thì với diện tích của hồ sự cố (02 hồ, 5.250m^3/hồ), thì cũng sẽ không gây tác động làm gia tăng các hoạt động địa chấn hoặc địa chất. Việc xây dựng hồ trên không có tác động bổ sung thêm lưu lượng cho nguồn nước ngầm tại khu vực do tính chất hồ sự cố sẽ được trải lớp HDPE ở thành và đáy hồ.

c) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi sự cố thiên tai, bão lũ

Trong điều kiện khí hậu ngày càng có sự biến đổi rõ rệt thì tần suất xuất hiện các hiện tượng thiên tai như: Bão, lũ lụt, mưa,... và sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của KCN.

- KCN nằm sâu trong đất liền, trên địa hình đồng bằng bằng phẳng nên không có nguy cơ bị sạt lở. Tham khảo điều kiện địa chất công trình tại khu vực cho thấy nguy cơ xảy ra sụt lún thấp.

- Khi xảy ra sự cố ngập lụt sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của KCN như: gây ngập lụt trong KCN, hư hỏng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, gây hư hỏng hệ thống HTKT của KCN,... và rất nhiều các hậu quả khác và để lại các hậu quả về con người và tài sản.

- Trong tính toán thiết kế san nền đã tính toán đề phòng các trường hợp sự cố do thiên tai lũ bão, nước ngập trong và sau bão cũng như mọi tình huống bất lợi khác. Tuy nhiên, cũng là rất khó để khẳng định khu vực dự án có thể an toàn tuyệt đối nếu xảy ra có sự cố về thiên nhiên.

d) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi sự cố ngộ độc thực phẩm

Trong giai đoạn vận hành KCN có thể thu hút tối đa đến 44.000 cán bộ, công nhân làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp. Thông thường, các bán bộ, công nhân có sử dụng bữa ăn tại Nhà máy. Nếu công tác đảm bảo vệ sinh thực phẩm tại các nhà máy, xí nghiệp không được coi trọng sẽ dẫn đến sự cố ngộ độc thực phẩm.

Thông thường tại các KCN hiện nay, bữa ăn giữa ca được cung cấp bởi đơn vị cung cấp chuyên dụng. Vì vậy, nếu đơn vị này cung cấp thực phẩm không đảm bảo quy định về chất lượng sẽ dẫn đến tình trạng ngộ độc thực phẩm hàng loại, ảnh hưởng đến nhiều người cùng lúc. Sự cố này xảy ra sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của mỗi doanh nghiệp.

e) Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi sự cố hóa chất

Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi sự cố hóa chất từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp sẽ được nghiên cứu và đánh giá tại từng báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ xin cấp phép môi trường cho mỗi dự án sau. Với tính chất của dự án, báo

cáo ĐTM chỉ xem xét sự cố hóa chất do trạm XLNT tập trung của KCN, là một trong những hoạt động mục của dự án. Sự cố hóa chất được dự báo như sau:

Hóa chất sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN chủ yếu là một số polimer và kiềm (NaOH), chất khử trùng,...Trong trường hợp nếu xảy ra sự cố hóa chất NaOH sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và môi trường như sau:

- *Đối với sức khỏe con người:* Chất này có thể bị hấp thu vào cơ thể do hít phải sol khí và qua đường tiêu hoá.

+ Đường mắt: Đau, đỏ, mờ mắt, bỏng sâu nghiêm trọng.

+ Đường da : Đỏ, đau, bỏng, phồng rộp.

+ Đường thở : Có cảm giác rát, ho, thở gấp, đau cổ họng.

+ Đường tiêu hóa: Đau ở khoang bụng, cảm giác bỏng rát, bị sốc và suy sụp.

- *Đối với môi trường:*

+ Gây hư hỏng kết cấu nhà xưởng thép

+ Gây ăn mòn, hư hỏng các thiết bị sản xuất cơ khí của Nhà máy, hư hỏng các linh kiện điện tử,...

+ Gây tác hại cho môi trường: Gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm, môi trường đất, môi trường không khí,... và từ đó gây tác động đến hệ sinh thái cạn và nước, cây trồng, vật nuôi,...

g) Sự cố từ trạm XLNT

Các nguyên nhân gây sự cố trạm XLNT bao gồm: Hư hỏng máy móc, thiết bị vận hành, nước thải đầu vào từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp có tính chất bất thường (có độc tố, chất diệt vi sinh...) và do lưu lượng nước thải cao, do hệ thống thu gom nước thải bị vỡ, dẫn đến các nguồn nước khác xâm nhập vào hệ thống, gây sự cố.

Khi xảy ra sự cố này khiến nước thải từ KCN Hòa Yên không được xử lý mà xả thải thẳng ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi, gây ô nhiễm môi trường và suy giảm hệ sinh thái của khu vực tiếp nhận. Sự cố này kéo dài ngày sẽ khiến ô nhiễm môi trường khu vực dự án bị ô nhiễm nghiêm trọng.

h) Sự cố nước thải do các Nhà máy, xí nghiệp thứ cấp gặp sự cố nước thải

Sự cố này cũng có khả năng xảy ra do các nhà máy, xí nghiệp trong quá trình hoạt động gặp sự cố về nước thải. Khi đó, nếu các nhà máy xí nghiệp không có biện pháp ứng phó sự cố nước thải tại mỗi nhà máy thì nước thải sẽ xả thẳng

ra hệ thống thu gom nước thải của KCN, chảy về trạm XLNT tập trung. Khi đó, trạm XLNT tập trung không đáp ứng được yêu cầu xử lý do chất lượng nước đầu vào bị thay đổi, cũng sẽ dẫn đến sự cố trong quá trình hoạt động, nếu tiếp tục xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng cho vùng tiếp nhận, gây ô nhiễm môi trường và các ảnh hưởng khác. Dự báo mức độ tác động do sự cố này rất khó do phạm vi ảnh hưởng phụ thuộc vào mức độ xả thải của doanh nghiệp gặp sự cố.

Tuy nhiên, sự cố này được đánh giá là khó có khả năng xảy ra do:

- Đối với mỗi dự án, trong báo cáo ĐTM/ hồ sơ xin cấp phép môi trường đều có biện pháp quản lý, ứng phó đối với sự cố nước thải của mỗi nhà máy.

- Trong trường hợp khi các nhà máy không quản lý được sự cố nước thải, dẫn đến nước thải xả ra hệ thống thu gom của KCN thì nước thải sẽ được chứa trong hồ sự cố tại trạm XLNT có dung tích 5.250m^3/hồ, 02 hồ, đảm bảo chứa được nước thải 24h trong thời gian tiến hành sửa chữa, khắc phục trạm XLNT.

k) Sự cố ngập úng tại KCN và khu vực xung quanh

Sự cố này có thể xảy ra khi các hệ thống tiêu thoát nước, kênh mương hoàn trả gặp sự cố, không thể tiêu thoát nước mưa cho khu vực dự án và khu vực xung quanh. Khi xảy ra sự cố này sẽ gây ra tình trạng nước dâng tại kênh, mương, cống thoát nước mặt trong phạm vi KCN, gây ngập lụt cho KCN cũng như khu vực dân cư xung quanh. Tuy nhiên, sự cố này rất hiếm khi xảy ra do các trạm bơm có liên quan sẽ được bố trí nhiều máy bơm đứng nên sự cố hỏng đồng thời tất cả các máy bơm là rất hiếm khi xảy ra.

Mặt khác, do tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra khá mạnh mẽ với quy mô toàn cầu và Việt Nam đang phải chịu tác động trực tiếp, hiện tượng thời tiết cực đoan diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó có hiện tượng mưa lớn bất thường, kéo dài. Chính vì vậy, dự báo tình hình mưa lũ, ngập lụt tại khu vực dự án cũng rất khó chính xác.

l) Sự cố hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT

Khi hệ thống xử lý khí thải tại dự án gặp sự cố sẽ gây ra các tác động sau:

- Gây phát sinh mùi hôi thối cho khu vực, đặc biệt là khu vực cuối hướng gió

- Tác động đến sức khoẻ của cán bộ vận hành trạm XLNT.

Tuy nhiên, do trạm XLNT tập trung nằm cách xa các khu dân cư xung quanh nên nếu xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT sẽ ảnh hưởng không quá nghiêm trọng đến môi trường và sức khoẻ cộng đồng.

n) Sự cố mất điện toàn KCN

KCN chỉ sử dụng điện từ 01 nguồn là trạm biến áp 110/22kV – 2×63MVA nên khi nguồn cấp này gặp sự cố sẽ gây mất điện cho toàn KCN, không những ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở trong KCN mà còn ảnh hưởng đến công tác xử lý môi trường. Tuy nhiên, trong thiết kế của các cơ sở đều luôn có phương án dự phòng cho nguồn điện, trong đó ưu tiên cấp nguồn từ các thiết bị phát điện dự phòng cho các công tác: Phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự.

Vì vậy, trong điều kiện hiện nay thì sự cố mất điện ảnh hưởng đến các hoạt động xử lý môi trường ở mức thấp, không đáng lo ngại.

m) Sự cố tai nạn giao thông

Hoạt động kinh doanh, sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sẽ thu hút nhiều phương tiện ôtô tải, trong đó có nhiều xe container, xe tải lớn hoạt động ra vào và sẽ tiềm ẩn nhiều sự cố tai nạn giao thông.

Khi xảy ra sự cố tai nạn giao thông thì ngoài việc hư hỏng các phương tiện giao thông thì sức khoẻ, tính mạng con người cũng có thể bị đe doạ. Các thiệt hại do tai nạn giao thông đối với con người thông thường đều để lại hậu quả nghiêm trọng cho cá nhân, gia đình.

o) Sự cố tại khu vực chứa CTNH tại trạm XLNT

Trong phạm vi trạm XLNT có kho chứa CTNH song có quy mô nhỏ, hoạt động của trạm XLNT cũng không phát sinh nhiều CTNH, đặc biệt là có ít loại CTNH dạng lỏng nên tại kho chứa này ít xảy ra sự cố.

p) Sự cố lây lan dịch bệnh

Hoạt động của KCN sẽ thu hút đông công nhân, người lao động (khoảng 44.000 người), trong đó có nhiều người từ nơi khác đến sinh hoạt, làm việc và sự di chuyển của người lao động giữa các địa phương sẽ nhộn nhịp. Khi đó, dịch bệnh cũng có thể lây lan do tập trung đông người, sự di chuyển của các cá nhân,.... Khi xảy ra dịch bệnh sẽ đe doạ sức khoẻ, tính mạng của người lao động trong KCN và dân cư xung quanh.

3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn vận hành dự án

3.2.2.1. Các biện pháp đảm bảo khoảng cách ANMT khi tiếp nhận các nhà đầu tư thứ cấp

- Công ty CP Fecon Hòa Yên cam kết sẽ chỉ tiếp nhận các nhà đầu tư thứ cấp có tính chất ngành nghề, loại hình sản xuất theo đúng Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt *"Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000"* và tính chất ngành nghề của KCN Hòa Yên được nêu trong báo cáo ĐTM này.

- Khi tiếp nhận các nhà đầu tư thứ cấp, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ căn cứ vào tính chất của từng dự án, bố trí các cơ sở sản xuất, kho tàng tuân thủ khoảng cách ATMT theo các quy định của Bộ KHCN và các văn bản pháp luật về môi trường. Trường hợp Bộ KHCN và các văn bản pháp luật về môi trường cho có quy định cụ thể, Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ sử dụng công cụ đánh giá tác động môi trường hoặc tham chiếu các giá trị trong phụ lục 3 của TCVN 4449-1987 và QCVN 01:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người để xác định khoảng cách ATMT.

3.2.2.2. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí

a) Biện pháp xử lý bụi, khí thải tại các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí từ KCN Hòa Yên cần áp dụng một hệ thống các biện pháp, không chỉ bao gồm các biện pháp xử lý *"cuối đường ống"* mà cần quan tâm đến các biện pháp nhằm giảm thiểu lượng khí thải ngay từ khâu phát sinh cùng với sự lựa chọn, cải tiến thiết bị công nghệ sản xuất cũng như việc KCN chỉ tiếp nhận các ngành sản xuất phù hợp với tính chất và quy hoạch KCN.

Khi KCN Hòa Yên đi vào hoạt động, nguyên tắc khống chế ô nhiễm môi trường không khí là*"Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp thuê đất trong KCN Hòa Yên phải tự xử lý toàn bộ khí thải đạt GHCP theo các QCVN trước khi thải ra môi trường và chịu trách nhiệm pháp luật nếu vi phạm về xử lý khí thải"*. Trách nhiệm xử lý khí thải thuộc về từng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp thuê đất và phải được thể hiện ngay trong hợp đồng thuê đất giữa Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và doanh nghiệp đầu tư thứ cấp thuê.

Tuỳ vào đặc điểm công nghệ, khả năng tài chính và các yếu tố khác của từng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp sẽ đầu tư vào KCN mà các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí sẽ lựa chọn thích hợp. Tại báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ đề nghị cấp GPMT của từng nhà máy, xí nghiệp sẽ cam kết cụ thể về phương án xử lý khí thải trước pháp luật.

Với vai trò là Chủ đầu tư KCN Hòa Yên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ dự án sẽ chỉ tiếp nhận các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp phù hợp

với tính chất của KCN như đã trình bày.

- Chủ dự án sẽ bố trí các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng của KCN đã được duyệt.

- Chủ dự án sẽ chỉ tiếp nhận các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp có trình độ sản xuất tiên tiến, thiết bị hiện đại, có cam kết xử lý triệt để bụi và khí thải trong quá trình sản xuất.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng *(BQLKCN, Bộ NN&MT, cơ quan thanh tra, cảnh sát môi trường,...)* để phát hiện các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp trốn tránh trách nhiệm xử lý khí thải.

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí, bụi từ hoạt động giao thông

- Chủ dự án sẽ phối với chính quyền địa phương, các đơn vị dịch vụ vận tải công cộng của khu vực để tổ chức, các tuyến xe vận chuyển hành khách công cộng như xe buýt, xe đưa đón công nhân KCN nhằm hạn chế xe cá nhân, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông.

- Chủ dự án sẽ xây dựng các gờ giảm tốc trong nội bộ KCN tại các nơi có đường giao nhau, nơi đông công nhân qua lại, khu dịch vụ và các điểm nguy hiểm, điểm "đen" để cảnh báo người tham gia giao thông, hạn chế tai nạn giao thông.

- Chủ dự án sẽ tổ chức phun nước đường nội bộ KCN định kỳ tối thiểu 1 lần/ngày vào buổi sáng sớm (từ 4h30-5h30) nhằm giảm lượng bụi phát sinh. Chủ dự án sẽ thuê các đơn vị dịch vụ để thực hiện công việc này. Chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị dịch vụ được thuê.

- Chủ dự án sẽ đảm bảo trồng cây xanh ở hai bên đường giao thông theo đúng quy hoạch KCN. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ mặt trời chiếu xuống mặt đất, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm bức xạ phản xạ, giảm nhiệt độ của không khí, hấp thụ tiếng ồn. Sóng âm truyền qua các dải cây xanh sẽ bị suy giảm năng lượng, mức cường độ âm thanh giảm đi nhiều hay ít phụ thuộc vào mật độ lá cây, kiểu lá và kích thước của cây xanh và chiều rộng của dải đất trồng cây. Các dải cây xanh sẽ có tác dụng phản xạ âm, do đó làm giảm mức ồn trong KCN.

c) Biện pháp giảm thiểu mùi, hơi khí độc hại từ các khu vực trạm XLNT tập trung

(i). Biện pháp chung

- Mùi hôi thối của trạm XLNT tập trung chủ yếu phát sinh từ hố thu, bể điều hòa và hệ thống dẫn. Biện pháp khắc phục nguồn ô nhiễm này chủ yếu như sau:

+ Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Hố thu được xây ngầm dưới đất và bố trí nắp đậy.

+ Vệ sinh song chắn rác sau mỗi ngày hoạt động.

+ Chu kỳ lấy bùn được tổ chức thường xuyên. Bùn thải sau khi ép khô sẽ được đóng trong các thùng chứa, hoặc bao để thuận tiện vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bể chứa bùn thải trong trạm XLNT tập trung sẽ được đậy kín.

- Định kỳ 2 ngày/lần phun hóa chất diệt ruồi, muỗi, vôi bột tại khu vực bể chứa bùn của trạm XLNT.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trạm XLNT có chiều rộng 10m, mật độ 4m/1 cây, lựa chọn các cây khỏe, có tán rộng, phù hợp với môi trường công nghiệp và điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu địa phương.

(ii). Hệ thống xử lý mùi tại trạm XLNT

♣ *Quy trình xử lý*

- Công suất của hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT tập trung: 4.500 m^3/h.

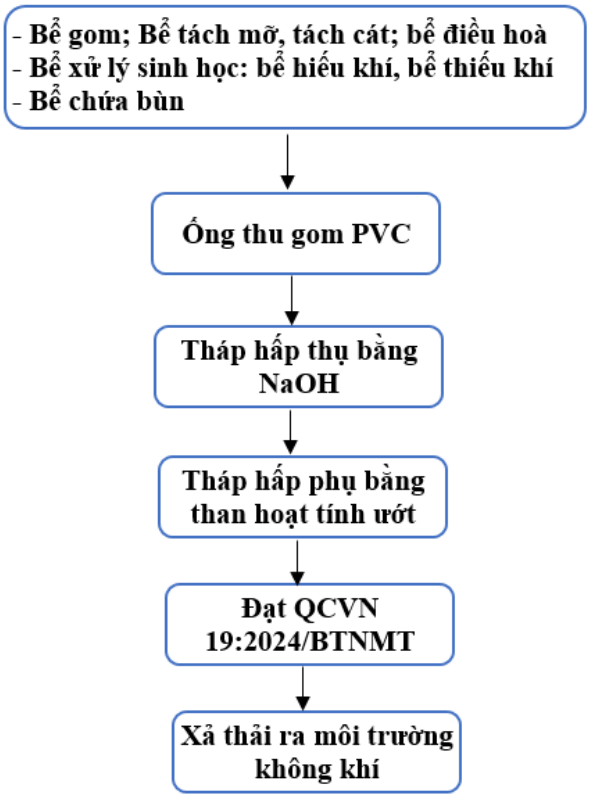
- Tóm tắt quy trình xử lý khí thải tại trạm XLNT như sau: Khí thải từ trạm XLNT → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính ướt → Xả thải.

- Hoá chất sử dụng: NaOH, than hoạt tính.

- Các đơn nguyên có khả năng pháp sinh mùi hôi nhiều nhất như: Bể gom; bể điều hòa; bể tách mỡ, tách cát; bể chứa bùn, nén bùn. Tuy nhiên, tại bể hiếu khí thì lượng khí độc như: H_2S, Mercaptane, CH_4,... sinh ra ít hơn nếu được vận hành tốt.

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải của trạm XLNT được mô tả trong hình sau:

Hình 114. Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải của trạm XLNT



♣ *Thuyết minh quy trình xử lý khí thải*

Thuyết minh quy trình xử lý khí thải được mô tả như sau:

- Mùi phát sinh từ hệ thống trạm XLNT có thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: Sunfua (H_2S), Amoniac (NH_3), CO_2 … sẽ được thu gom lần lượt vào tháp hấp thụ và tháp hấp phụ để xử lý mùi.

- Công nghệ xử lý mùi áp dụng: Hấp thụ bằng dung dịch chứa hóa chất kiềm loãng tại tháp hấp thụ và tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

Nguyên lý chung của phương pháp xử lý lựa chọn:

- Do khí thải phát sinh gây mùi từ trạm xử lý chủ yếu là H_2S; NH_3; nên giải pháp đề xuất lựa chọn là sử dụng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH và hấp phụ bằng than hoạt tính.

- Khí gây mùi (Chủ yếu là H_2S) sẽ được hấp thụ vào trong pha lỏng bởi các phản ứng hóa học.

$$H_2S + 2NaOH \rightarrow Na_2SO_4 + 2H_2O$$

$$H_2S + NaOH \rightarrow NaHS + H_2O$$

- Lắp đặt, vận hành 01 hệ thống thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT. Tại các điểm phát sinh mùi (Bể gom; Bể tách cát, dầu mỡ; Bể điều hòa; Bể nén bùn; Bể chứa bùn sinh học, Phòng ép bùn) sẽ được hút bằng quạt hút đưa đến tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH, sau đó được dẫn qua tháp hấp phụ bằng than hoạt tính

đảm bảo xả ra môi trường là khí sạch.

- Tại tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH, khí gây mùi sau tháp hấp thụ sinh học qua quạt hút được thổi vào tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH từ dưới lên. Dung dịch hóa chất hấp thụ (môi trường kiềm loãng) sẽ được phun từ phía trên tháp. Khí và dung dịch sẽ được tiếp xúc thông qua lớp đệm bố trí trong tháp để tăng cường quá trình tiếp xúc giữa 2 pha khí - lỏng. Quá trình hấp thụ hóa học sẽ xảy ra. Dung dịch sau khi hấp thụ sẽ được chứa trong bể chứa dung dịch tuần hoàn và bơm trở lại đỉnh tháp. Định kỳ, hóa chất NaOH sẽ được cấp vào bể chứa. Dung dịch sau hấp thụ khi đã bão hòa được xả về bể điều hòa để xử lý. Nước sạch cũng được bổ sung vào bể chứa dung dịch tuần hoàn để đảm bảo lưu lượng cho quá trình xử lý.

- Tháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý mùi, khí ô nhiễm độc hại. Khí thải sau khi xử lý tại tháp hấp thụ được dẫn tới tháp hấp phụ đi qua lớp tách ẩm trước khi đi vào buồng lọc khí. Tại đây không khí sẽ được đi qua lớp than hoạt tính để loại bỏ các tạp chất gây mùi qua đó làm sạch khí thải. Khí sau xử lý được phóng không ra ngoài môi trường. Định kỳ 3 tháng/lần, tiến hành thay thế than hoạt tính, lượng than hoạt tính khoảng 50 kg được thay thế được thu gom và xử lý cùng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án.

- Khí thải sau khi được xử lý không còn các phần tử gây mùi sẽ được xả ra ngoài môi trường.

♣ *Tổng hợp danh mục thiết bị của hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT*

Tổng hợp danh mục thiết bị của hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT được trình bày trong bảng sau:

Bảng 155. Danh mục máy móc, thiết bị hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT

TT	Hạng mục	Thông số, quy cách kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Khối lượng Modul 1	Khối lượng Modul 2	Khối lượng Modul 3
1	Quạt hút mùi	Loại: Quạt ly tâm truyền động trực tiếp Lưu lượng: 3500-4500m3/h Cột áp: 1200-1100Pa Công suất: 3kW, 380V/ 3 phase/ 50Hz Vật liệu tiếp xúc trực tiếp: SUS 304 Bao gồm giảm chấn chân quạt, nắp che động cơ quạt	Việt Nam	Cái	2	2	2
2	Tháp hấp thụ xử lý mùi	Kích thước: DxH =1700x2800mm Vật liệu: PP Vật liệu tiếp xúc: Nhựa PVC	Việt Nam	Bộ	1	1	1
3	Tháp hấp phụ xử lý mùi	Kích thước: DxH =1700x2800mm Vật liệu: PP Bao gồm vật liệu hấp phụ	Việt Nam	Bộ	1	1	1
4	Bơm tuần hoàn dung dịch xử lý mùi	- Loại: Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: 6-20 m3/h - Cột áp: 25-35 m - Công suất: 2,2 kW, 380V/ 3 phase/ 50Hz - Vật liệu: đầu bơm, cánh bơm SUS304	Italia/htđ	Bộ	2	2	2
5	Sàn thao tác lấy mẫu khí	- Vật liệu: Thép CT3 + Sơn chống rỉ - Kích thước: chế tao theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1	1	1

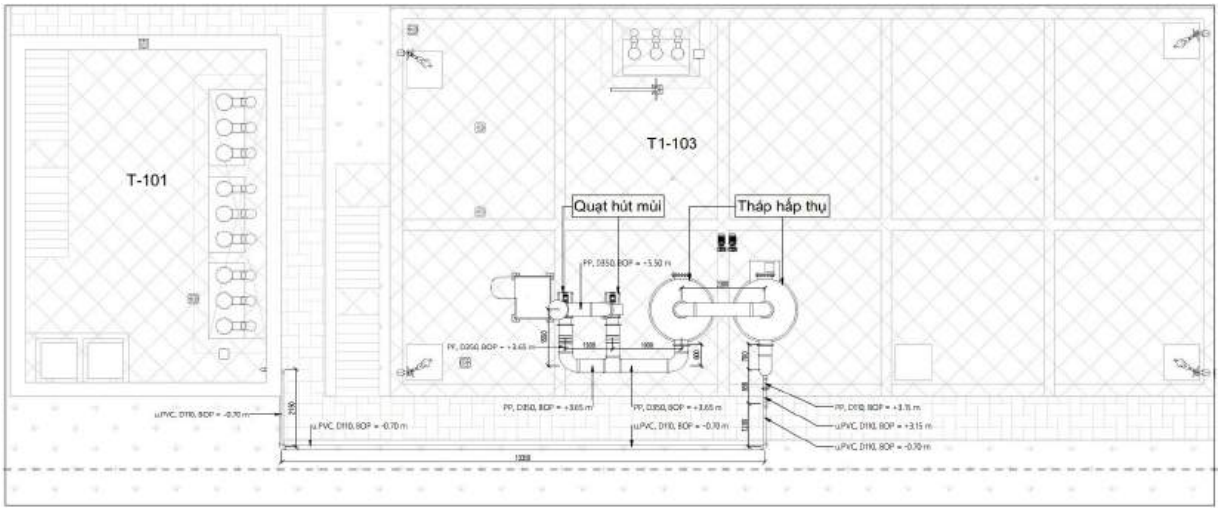
6	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo	Nhật Bản/htđ	Bộ	1	1	1
7	Hệ giá đỡ thiết bị đo pH	Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	1	1	1
8	Phao báo mức	Loại: Phao que Báo 03 mức (cao, thấp) Bao gồm phụ kiện lắp đặt (Bộ điều khiển, bộ giữ điện cực, thanh điện cực…)	Nhật Bản/htđ	Bộ	1	1	1
9	Đồng hồ đo áp suất	Loại: không màng Dải đo: 0 - 4 bar	Hàn Quốc	Cái	1	1	1

- Đối với mạng lưới thoát nước thải được xây dựng bằng hệ thống ống BTCT kín nên không xảy ra hiện tượng phát sinh mùi. Tuy nhiên, để hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố có thể xảy ra, Chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra và định kỳ nạo vét lượng bùn trong cống. Tần suất nạo vét là 1 tần/lần và do Phòng vận hành thuộc Chủ dự án thực hiện.

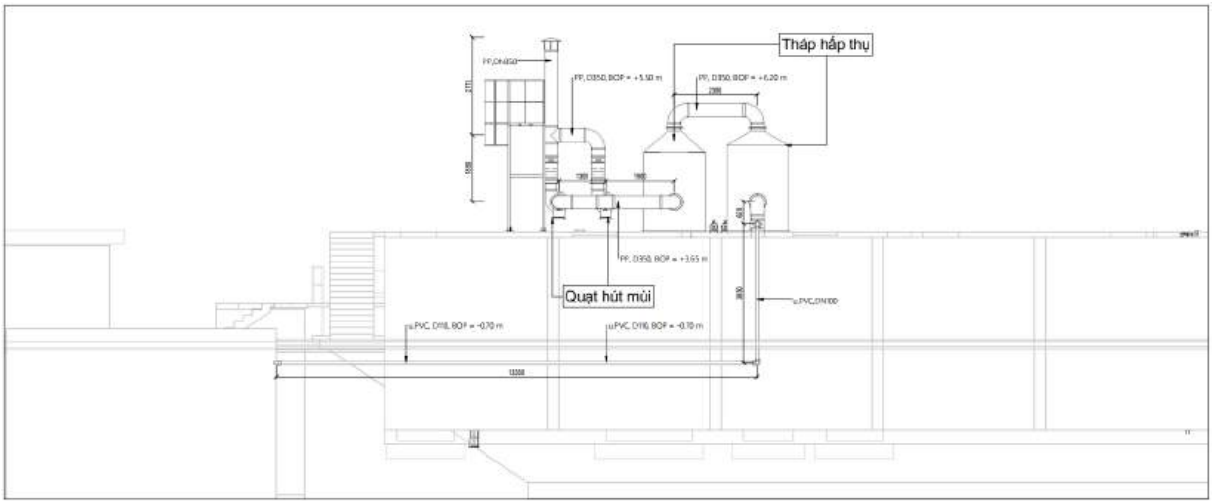
- Toàn bộ hệ thống thu gom nước thải, các hố ga thu nước thải sẽ được chế tạo hoặc đậy nắp kín.

- Định kỳ 1 tháng/1 lần tổ chức nạo vét bùn cặn tại các gố ga trong hệ thống thoát nước mưa và nước thải

Hình 115. Mặt bằng xử lý mùi Modul 1



Hình 116. Mặt cắt hệ thống xử lý mùi Modul 1



d) Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hệ thống thu gom nước mưa - nước thải, khu tập kết tạm thời CTR

- Trên hệ thống thu gom nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp về trạm XLNT tập trung của toàn KCN:

+ Đối với mạng lưới thoát nước thải được xây dựng bằng hệ thống ống HDPE kín nên không xảy ra hiện tượng phát sinh mùi.

+ Toàn bộ hệ thống thu gom nước thải, các hố ga thu nước thải sẽ được chế tạo hoặc đậy nắp kín.

- Định kỳ 1 tháng/1 lần tổ chức nạo vét bùn cặn tại các gố ga trong hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

- Từ khu tập kết tạm thời rác thải:

+ Quét dọn khu tập kết rác thải mỗi ngày, không để vương vãi rác ra ngoài;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đúng thời gian để hạn chế quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong khi lưu trữ.

e) Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng tại trạm XLNT tập trung

Chủ dự án cam kết sẽ mua các máy phát điện dự phòng (600 kVA) có trang bị hệ thống xử lý khí thải đạt các QCVN có liên quan *(Mỗi hãng sản xuất máy phát điện sẽ có phương án xử lý khí thải riêng nên trong phạm vi báo cáo ĐTM này không nêu cụ thể do Chủ dự án chưa tiến hành mua thiết bị).*

Chủ dự án sẽ bố trí ống khói ở vị trí thích hợp, ở những khu vực kỹ thuật riêng, cách xa khu vực nhà ở dân cư/cơ quan xung quanh, tránh các ảnh hưởng như *(khí thải từ miệng ống khói, tiếng ồn,…)*, miệng ống khói phải ở cuối hướng gió chủ đạo của khu vực, sao cho miệng ống không nhằm vào các phòng trên cao ở các tầng lầu cũng như không xả ra khu vực xung quanh. Vì hoạt động của máy phát điện không thường xuyên, do đó lưu lượng khí thải phát sinh không nhiều và gián đoạn.

Tính sơ lược chiều cao ống khói như sau:

- C_{max}: Nồng độ SO_2 cho phép trong không khí xung quanh. Với khu dân cư: C_{max} = 0,35 mg/m^3 do lưu lượng thải không liên tục.

- M: tải lượng ô nhiễm ước tính khoảng: M = 0,25 gam/s

- V: Lưu lượng khí thải, V = 0,5 m^3/s.

- F: hệ số vô thứ nguyên tính đến vận tốc lắng chất ô nhiễm trong khí quyển. Đối với chất ô nhiễm ở thể khí F = 1.

- ΔT: hiệu nhiệt độ khí thải T_k = 60^{o}C và khí quyển T_{kk} = 35^{o}C $\Rightarrow \Delta T$ = 25^{o}C.

- m, n = 1: các hệ số vô thứ nguyên tính đến điều kiện thoát khí thải từ cổ ống khói.

- A: hệ số phụ thuộc sự phân bố nhiệt theo chiều cao khí quyển, được chọn cho điều kiện khí tượng nguy hiểm.

Trong tính toán chọn A = 200.

- Chiều cao ống khói:

$$H = \sqrt{\frac{A.M.F.m.n}{C_{mzx}\sqrt[3]{V.\Delta T}}} = \sqrt{\frac{200\times 0,25\times 1\times 1\times 1}{0,5\sqrt[3]{0,5\times 25}}} = 12\,(m)$$

$\Rightarrow$ Như vậy, chiều cao của ống khói của máy phát điện dự phòng tối thiểu phải cao 12 m.

3.2.2.3. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm nước

a) Biện pháp chung

Đối với KCN Hòa Yên trong quá trình hoạt động, nước thải là nguồn gây ô nhiễm đáng quan tâm nhất. Để khống chế, kiểm soát triệt để các tác động tiêu cực do nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN, Chủ dự án đã kết hợp với đơn vị tư vấn chuyên nghiệp để lập quy hoạch, thiết kế mạng lưới tiêu thoát nhanh, lựa chọn công nghệ XLNT hiệu quả, chi phí đầu tư ban đầu và vận hành hợp lý. Nguyên tắc giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước được đưa ra như sau:

- Thu gom và xử lý triệt để nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ; tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý, nước thải xử lý chưa đạt tiêu chuẩn ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi.

- Định hướng xử lý nước thải sơ bộ tại nguồn *(tại các nhà máy, phân xưởng sản xuất có phát sinh nước thải)* sẽ giúp cân bằng thành phần nước thải, loại bỏ các tạp chất ngay tại nguồn, tạo điều kiện thuận lợi cho trạm XLNT tập trung của KCN Hòa Yên hoạt động ổn định.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất thực hiện mô hình sản xuất sạch hơn, tái sử dụng tối đa nước thải, hạn chế lượng thải đưa về nhà máy XLNT. Tăng cường xử lý tại chỗ để thu hồi các vật chất có ích, giảm giá thành sản xuất.

b) Biện pháp hoàn trả các công trình thủy lợi

Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến xây dựng hoàn trả kênh mương thủy lợi và các công trình trên kênh mương có liên quan theo đúng Biên bản thỏa thuận với các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Thiết kế các vị trí kênh hở tiêu nước, mục đích để đấu nối hạ tầng thoát nước mưa được thuận lợi hơn, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở xung quanh dự án có bề rộng từ 6-8m, độ dốc tối thiểu i=0,00025.

- Hoàn trả kênh tưới tiêu Phù Tài: Xây dựng tuyến rãnh hoàn trả BTCT, B=800mm đấu nối với kênh tưới Phù Tài hiện trạng.

- Cải tạo, nâng cấp và nắn tuyến kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa: Nâng khẩu độ cống ngầm từ B×H=1,0×1,2 hiện trạng lên thành n×B×H = 4(2,0×2,5)m tại K0+600 dưới kênh tưới trạm bơm Việt Hòa; Ngầm hóa đoạn kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại vị trí K1+580 với khẩu độ B×H= (1,0×1,0)m, chiều dài L=30m; Nắn tuyến và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa đoạn từ K2+750 đến K3+600 bằng BTCT mặt cắt hình thang.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên phối hợp với Công ty TNHH MYV KT CTTL Nam sông Thương và các đơn vị, cơ quan có liên quan để đảm bảo về nhu cầu cấp nước thủy lợi cho các diện tích đất nông nghiệp còn lại KCN *(trên địa bàn xã Tiên Sơn, Trung Sơn thuộc huyện Việt Yên cũ và xã Đông Lỗ thuộc huyện*

Hiệp Hòa cũ) và khu vực khác có liên quan do việc chiếm dụng các kênh mương hiện trạng để xây dựng.

Chi tiết các nội dung hoàn trả kênh mương, công trình thủy lợi sẽ thực hiện đã được trình bày tại mục 1.2.2.2 [Các công trình đảm bảo chức năng tưới, tiêu cho diện tích xung quanh KCN Hòa Yên còn lại] Chương 1, các bản vẽ thiết kế được trình bày tại phần phụ lục của báo cáo ĐTM này.

c) Biện pháp tu bổ, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến kênh thuỷ lợi nằm trong phạm vi dự án

Trong phạm vi thực hiện dự án có các tuyến kênh mương sau:

1) Kênh tưới tiêu từ trạm bơm Việt Hòa do Công ty TNHH MYV KT CTTL Nam sông Thương quản lý

2) Kênh tiêu Phù Tài do UBND phường Vân Hà quản lý

Trong quá trình hoạt động của KCN, Chủ dự án sẽ phối hợp cùng với các cơ quan, đơn vị chức năng để kiểm tra, sửa chữa, cải tạo, tu bổ, nạo vét các tuyến kênh, mương này theo quy định của pháp luật.

d) Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa

(i). Lưu vực thoát nước mưa và cửa xả

- Thoát nước mưa tại khu vực dự án được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu dự án, sau đó tiêu thoát về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu.

+ Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực dự án, sau đó đổ về phía Nam và thoát vào kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa.

- Nước mưa từ dự án KCN Hòa Yên theo hệ thống kênh mương hoàn trả xung quanh dự án thoát vào các tuyến kênh mương hiện trạng của xã/phường theo các Văn bản bản thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa với xã Hiệp Hòa, phường Vân Hà và phường Tự Lạn. Tổng số cửa xả nước mưa ra hệ thống kênh mương hoàn trả: 36 cửa xả.

(ii). Hệ thống thu gom nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa cho khu vực được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải trên phạm vi KCN Hòa Yên.

- Thiết kế các vị trí kênh hở tiêu nước, mục đích để đấu nối hạ tầng thoát nước mưa được thuận lợi hơn, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN,

đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở xung quanh dự án có bề rộng từ 6-8m, độ dốc tối thiểu i=0,00025, m = 0. Đối với kênh hở mặt cắt (3b-3b) có bề rộng đáy B=20m, mái kênh m=1,5, độ dốc i=0,0005.

- Nước mưa được gom qua các ga thu bố trí hai bên đường, dẫn theo các tuyến cống nhánh rồi đổ ra các tuyến cống chính và xả ra kênh thoát nước.

- Cống thoát nước mưa được đặt trên vỉa hè sử dụng cống BTCT tải trọng tiêu chuẩn, cống thoát nước mưa qua đường sử dụng cống BTCT tải trọng cao. Các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất.

- Để thoát nước cho đường, ga thu được bố trí theo khoảng cách quy định trung bình 30m và tại các điểm nút, điểm tụ thủy.

- Hệ thống thoát nước mưa nội bộ KCN cấu tạo bao gồm các tuyến cống tròn BTCT và cống hộp BTCT, hệ thống kênh thoát nước nội khu, hệ thống hố ga và hố thu mưa BTCT.

- Công ty CP Fecon Hòa Yên sẽ yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp khi thiết kế hệ thống thoát nước mưa sẽ tuân thủ quy hoạch KCN, thỏa thuận điểm đấu nối, hố ga tiếp nhận nước mưa để làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, giám sát sau này.

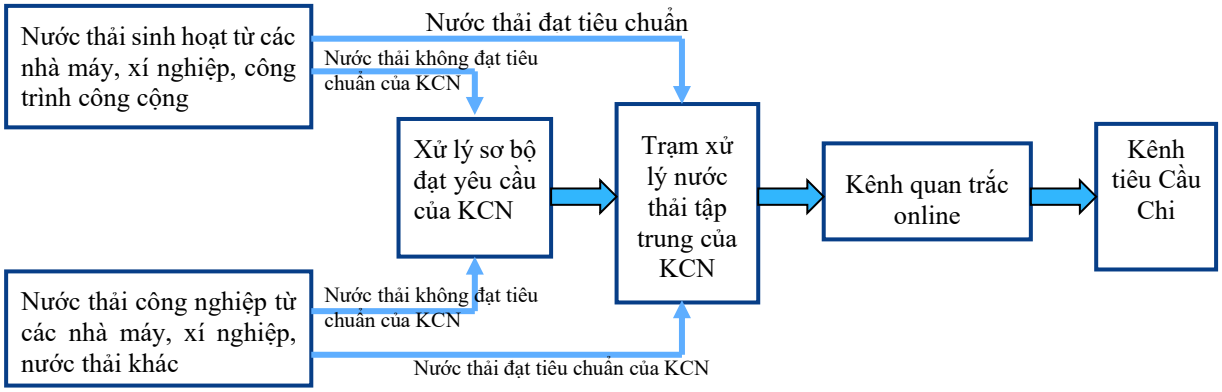
- Tại các điểm đấu nối nước mưa từ nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ sẽ lắp đặt biển chỉ dẫn, cảnh báo theo quy định.

đ) Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

(i). Tổ chức quản lý nước thải trong KCN

Tổ chức quản lý nước thải cho KCN Hòa Yên theo sơ đồ sau:

Hình 117. Sơ đồ tổ chức thoát nước và xử lý nước thải của KCN



- Các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở thương mại, dịch vụ trong KCN phải đảm bảo nước thải đạt theo quy định tại **Bảng 156** (Chất lượng nước thải của các nhà

máy khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Yên) trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

(ii). Các biện pháp thu gom nước thải

- Thiết kế hệ thống thoát nước thải độc lập với thoát nước mưa. Nước thải được thu gom thẳng về trạm XLNT đặt tại khu đất HT1.

- Nước thải sản xuất trong từng nhà máy phải xử lý nước thải theo quy chuẩn thoát nước thải công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN rồi dẫn về trạm xử lý tập trung bố trí tại ô đất HT1. Nước thải sau khi xử lý sẽ đảm bảo QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả vào kênh tiêu Cầu Chi.

- Thiết kế các đường cống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc thu gom từ khu nhà xưởng thoát ra. Các tuyến cống dùng ống cống HDPE (hoặc các loại ống đặc thù sử dụng cho thoát nước thải khác) từ D300 đến D600. Dọc theo các tuyến cống bố trí các ga thu thăm tại những vị trí có cống thoát nước thải từ các nhà xưởng thoát ra, độ dốc cống lấy theo độ dốc dọc đường hoặc i_{min} nếu như độ dốc đường nhỏ hơn độ dốc tối thiểu của cống =1/D. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về trạm xử lý.

- Thiết kế các trạm bơm chuyển bậc nước thải bố trí tại khu vực cây xanh và bãi đỗ xe của dự án (Trạm bơm số 1: 195m^3/h ; Trạm bơm số 2: 340m^3/h ; Trạm bơm số 3: 135m^3/h). Nước thải được bơm từ trạm bơm bằng các đường ống HDPE D160-D315 tới các hố ga gần nhất để khống chế độ sâu chôn cống <5m.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ khi thiết kế hệ thống thoát nước thải sẽ tuân thủ quy hoạch KCN, thỏa thuận điểm đấu nối, hố ga tiếp nhận nước thải để làm căn cứ thiết kế, thực hiện, kiểm tra, giám sát sau này.

- Tại các điểm đấu nối nước thải từ nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ sẽ lắp đặt biển chỉ dẫn, cảnh báo theo quy định.

(iii). Biện pháp quản lý chất lượng nước thải các nhà máy, xí nghiệp KCN khi xả vào hệ thống thu gom chung của KCN

Để đảm bảo các nhà máy, xí nghiệp KCN xử lý nước thải đạt GHCP trước khi xả vào hệ thống thu gom chung, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Chỉ cho phép các doanh nghiệp đấu nối vào hệ thống thoát nước thải KCN sau khi đã hoàn thành hạng mục Nhà máy xử lý nước thải riêng hoặc nước thải có chất lượng phù hợp với yêu cầu của KCN tại **Bảng 156**. Nội dung này sẽ được

thể hiện ngay trong hợp đồng thuê đất giữa Chủ dự án và doanh nghiệp đầu tư thứ cấp tại KCN.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại mỗi doanh nghiệp trước khi xả vào hệ thống chung của KCN để làm căn cứ tính phí dịch vụ XLNT (sử dụng đồng hồ điện tử, có khả năng truyền dữ liệu).

- Căn cứ vào kết quả kiểm soát ô nhiễm định kỳ hoặc qua lấy mẫu phân tích nước thải đột xuất của các doanh nghiệp để xác định chất lượng nước thải có phù hợp với quy định của KCN hay không để có biện pháp phù hợp. Chủ dự án sẽ từ chối việc xả thải đối với các doanh nghiệp có chất lượng nước thải không đạt yêu cầu theo Hợp đồng giữa 2 bên. Vấn đề này sẽ được thể hiện ngay trong hợp đồng thuê đất giữa Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và doanh nghiệp đầu tư thứ cấp trong KCN để tránh các xung đột môi trường sau này.

- Do trong các loại hình đầu tư vào KCN có loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II - Nghị định số 05/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025 *(Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường)* nên Chủ dự án sẽ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải đầu vào của trạm XLNT để có thể kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào. Các thông số giám sát chất lượng nước thải đầu vào sẽ bao gồm (6 thông số):

1) Lưu lượng đầu vào và đầu ra	*4) TSS*
2) Nhiệt độ	*5) COD*
3) pH	*6) NH_4^+*

- Trong quá trình quan trắc, khi có biến động về các thông số đầu vào này, Chủ dự án sẽ dễ dàng kiểm soát chất lượng nước thải của các Nhà đầu tư thứ cấp và có biện pháp ứng phó phù hợp. Biện pháp này sẽ giúp cho trạm XLNT của KCN hoạt động ổn định, hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố.

- Thường xuyên tổ chức quan trắc, lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải đầu ra của các doanh nghiệp thứ cấp (các doanh nghiệp không trong diện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động) để kịp thời phát hiện các trường hợp nước sạch không đạt tiêu chuẩn để có yêu cầu và biện pháp phù hợp.

(iv). Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung và chất lượng nước thải sau khi xử lý, xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi

1) Tiêu chuẩn thải của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN

Tùy theo công nghệ xử lý nước thải lựa chọn mà thông số đầu vào trước khi xử lý được sử dụng cho phù hợp để hệ thống XLNT hoạt động hiệu quả.

Theo cơ sở về quy trình công nghệ xử lý của trạm XLNT đã lựa chọn áp

dụng tại dự án nên nước thải đầu ra từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ (đầu vào của Trạm XLNT) được yêu cầu như sau:

Bảng 156. Chất lượng nước thải của các nhà máy khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Yên

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom của KCN
1	Nhiệt độ	ºC	≤ 40
2	Màu	Pt/Co	≤ 150
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD_5 (20ºC) Lưu lượng xả thải F ≤ 2.000	mg/L	≤ 250
	BOD_5 (20ºC) Lưu lượng xả thải F > 2.000	mg/L	
5	COD Lưu lượng xả thải F ≤ 2.000	mg/L	≤ 350
	COD Lưu lượng xả thải F > 2.000	mg/L	
	TOC (Tùy chọn thay thế COD) Lưu lượng xả thải F ≤ 2.000	mg/L	-
	TOC (Tùy chọn thay thế COD) Lưu lượng xả thải F > 2.000	mg/L	
6	Chất rắn lơ lửng Lưu lượng xả thải F ≤ 2.000	mg/L	≤ 200
	Chất rắn lơ lửng Lưu lượng xả thải F > 2.000	mg/L	
7	Asen	mg/L	≤ 0,05
8	Thủy ngân	mg/L	≤ 0,005
9	Chì	mg/L	≤ 0,5
10	Cadimi	mg/L	≤ 0,1
11	Crom (VI)	mg/L	≤ 0,5
12	Crom (III)	mg/L	≤ 1.0
	Tổng Crom	mg/L	≤ 2,0
13	Đồng	mg/L	≤ 3,0
14	Kẽm	mg/L	≤ 5,0
15	Niken	mg/L	≤ 3,0
16	Mangan	mg/L	≤ 10
17	Sắt	mg/L	≤ 10
	Xianua	mg/L	≤ 0,2

18	Tổng xianua	mg/L	≤ 0.07
	Phenol	mg/L	≤ 0,1
19	Tổng phenol	mg/L	≤ 1,0
	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 5,0
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 10
	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30
21	Sunfua	mg/L	0,2
22	Florua	mg/L	A (≤ 3)
23	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤ 15
24	Tổng nitơ	mg/L	≤ 50
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤ 10
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/L	≤ 500
27	Clo dư	mg/L	≤ 1,0
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	≤ 0,05
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	≤ 0,3
30	Tổng PCB	mg/L	≤ 0,003
31	Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 10000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	≤ 0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	≤ 1
34	Bari (Ba)	mg/L	≤ 10
35	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,2
36	Thiếc (Sn)	mg/L	≤ 5,0
37	Selen (Se)	mg/L	≤ 1,0
38	Dioxin/Furan	pgTEQ/L	≤ 10
39	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/L	≤ 7,5
40	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0
41	Pentachlorophenol (C_6Cl_5OH)	mg/L	≤ 0,001
42	Trichloroethylene ($CH\text{-}CCl_3$)	mg/L	≤ 0,06
43	Tetrachloroethylene (C_2Cl_4)	mg/L	≤ 0,04
44	Benzene (C_6H_6)	mg/L	≤ 0,01
45	Methylene chloride (Dichloromethane - CH_2Cl_2)	mg/L	≤ 0,02
46	Carbon tetrachloride (CCl_4)	mg/L	≤ 0,004
47	1,1-dichloroethylene (CH_2CCl2)	mg/L	≤ 0,05
48	1,2-dichloroethane (C2H4Cl2)	mg/L	≤ 0,03

49	Chloroform (CHCl3)	mg/L	≤ 0,3
50	1,4-Dioxane (C4H8O2)	mg/L	≤ 0,05
51	Diethylhexylphthalate (DEHP)($C_6H_4(CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/L	≤ 0,02
52	Vinyl chloride (CH_2=CHCl)	mg/L	≤ 0,01
53	Acrylonitrile (CH_2CHCN)	mg/L	≤ 0,01
54	Bromoform ($CHBr_3$)	mg/L	≤ 0,1
55	Naphthalene ($C_{10}H_8$)	mg/L	≤ 0,5
56	Formaldehyde (HCHO)	mg/L	≤ 1,0
57	Epichlorohydrin (C_3H_5ClO)	mg/L	≤ 0,03
58	Toluene (C_6H_5-CH_3)	mg/L	≤ 0,7
59	Xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$)	mg/L	≤ 0,5
60	Perchlorate (ClO_4^-)	mg/L	≤ 0,03
61	Acrylamide (CH_2=CH-$CONH_2$)	mg/L	≤ 0,015
62	Styrene (C_6H_5CH=CH_2)	mg/L	≤ 0,02
63	Bis (2-ethylhexyl) adipate (($CH_2CH_2CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/L	≤ 0,2
64	Sunfit (tính theo SO_3^{2-})	mg/L	≤ 15

Giới hạn nước thải nêu tại bảng trên sẽ là căn cứ để Công ty cổ phần FECON Hòa Yên yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, đơn vị dịch vụ trong KCN để tự xử lý nước thải trong khuôn viên của mình trước khi đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của KCN. Quy định này sẽ được gắn liền với hợp đồng thuê đất giữa Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp và là cơ sở để kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động.

2) Tiêu chuẩn đầu ra: Tiêu chuẩn nước thải sau khi xử lý, xả ra kênh tiêu Cầu Chi

- *Tiêu chuẩn áp dụng:* Nước thải từ KCN được xác định là nước thải công nghiệp nên áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- *Cột áp dụng:*

+ Nước thải từ KCN xả ra kênh tiêu Cầu Chi (không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt), cuối cùng đổ vào sông Cầu. Vì vậy, để đảm bảo an toàn thì không sử dụng mục đích của kênh tiêu Cầu Chi để xác định cột xả thải. Sông Cầu có sử dụng làm nguồn cấp nước sinh hoạt quan trọng của khu vực nên áp dụng mức độ A (cột A).

+ Mặt khác, theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc *"Ban hành quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"* thì nước thải từ KCN phải được xử

lý đạt tiêu chuẩn A mà không cần xét nguồn tiếp nhận nước thải.

- *Lưu lượng xả thải:* Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ dự án là $\sum_{\text{nước thải}}$ =10.500 m^3/ngày.đêm → F >2.000 m^3/ngày.

→ Kết luận về chất lượng nước thải từ KCN: ***Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F >2.000 m^3/ngày.***

Giá trị nước thải cụ thể cho từng thông số sau khi xử lý tại trạm XLNT của KCN Hòa Yên trước khi xả ra kênh tiêu Cầu Chi được trình bày tại bảng sau:

Nồng độ giới hạn của nước thải sau khi xử lý tại trạm XLNT, xả ra kênh tiêu Cầu Chi

Bảng 157. Nồng độ giới hạn của nước thải sau khi xử lý tại trạm XLNT, xả ra kênh tiêu Cầu Chi

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT Cột A, F>2.000m^3/ngày.đêm
1	pH	-	6 - 9
2	Nhiệt độ	ºC	≤ 40
3	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 20
4	BOD_5 (20 ºC)	mg/L	≤ 30
5	COD	mg/L	≤ 60
	TOC (Tùy chọn thay thế COD)	mg/L	≤ 25
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	≤ 30
7	Tổng Photpho (T-P)	mg/L	
7.1	Nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao, đầm (gọi chung là hồ)		≤ 2,0
7.2	Nguồn nước tiếp nhận là sông, suối, khe, kênh, mương, rạch (gọi chung là sông), vùng nước biển: Áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc các loại hình nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, chế biến tinh bột sắn và chế biến mủ cao su thiên nhiên		≤ 8,0
7.3	Nguồn nước tiếp nhận là sông, vùng nước biển: Áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc trường hợp quy định tại số thứ tự 4.2 Bảng này		≤ 4,0
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 3 000
9	Độ màu	Pt/Co	≤ 50

10	Asen (As)	mg/L	≤ 0,05
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,001
12	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,1
13	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,02
14	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	≤ 0,1
15	Tổng Crom (Cr)	mg/L	≤ 0,5
16	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1,0
17	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 1,0
18	Niken (Ni)	mg/L	≤ 0,1
19	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 2,0
20	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 2,0
21	Bari (Ba)	mg/L	≤ 1,0
22	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02
23	Thiếc (Sn)	mg/L	≤ 0,5
24	Selen (Se)	mg/L	≤ 0,1
25	Xi anua (CN-)	mg/L	≤ 0,2
26	Amoni (N-NH_4^+), tính theo N	mg/L	≤ 5,0
27	Phenol (C_6H_5OH)	mg/L	≤ 0,1
28	Tổng Phenol	mg/L	≤ 1,0
29	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 1,0
30	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 5,0
31	Sunfua (S_2^-)	mg/L	≤ 0,2
32	Florua (F^-)	mg/L	≤ 3,0
33	Clorua (Cl^-) (không áp dụng khi xả thải vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/L	≤ 500
34	Clo dư	mg/L	≤ 1,0
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, tính theo các cấu tử: Aldrin, Lindane, Dieldrin, Tổng DDT (bao gồm: DDT, DDD, DDE), Heptachlor & Heptachlor epoxide	mg/L	≤ 0,05
36	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, tính theo các cấu tử: Dimethoate, Diazinone, Ethyl-	mg/L	≤ 0,3

	parathion, Monocrotophos, Methamidophos, Phosphamidon, Trichlorfon, Disulfoton, Phorate, Methyl-Parathion		
37	PCB (Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB 153, PCB 180	mg/L	≤ 0,003
38	Dioxin/Furan	pgTEQ/L	≤ 10
39	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/L	≤ 7,5
40	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0
41	Pentachlorophenol (C_6Cl_5OH)	mg/L	≤ 0,001
42	Trichloroethylene ($CH\text{-}CCl_3$)	mg/L	≤ 0,06
43	Tetrachloroethylene (C_2Cl_4)	mg/L	≤ 0,04
44	Benzene (C_6H_6)	mg/L	≤ 0,01
45	Methylene chloride (Dichloromethane - CH_2Cl_2)	mg/L	≤ 0,02
46	Carbon tetrachloride (CCl_4)	mg/L	≤ 0,004
47	1, 1-dichloroethylene (CH_2CCl_2)	mg/L	≤ 0,05
48	1, 2-dichloroethane ($C_2H_4Cl_2$)	mg/L	≤ 0,03
49	Chloroform ($CHCl_3$)	mg/L	≤ 0,3
50	1, 4-Dioxane ($C_4H_8O_2$)	mg/L	≤ 0,05
51	Diethylhexylphthalate (DEHP) ($C6H4(CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/L	< 0,02
52	Vinyl chloride (CH_2=CHCI)	mg/L	≤ 0,01
53	Acrylonitrile (CH_2CHCN)	mg/L	≤ 0,01
54	Bromoform ($CHBr_3$)	mg/L	≤ 0,1
55	Naphthalene ($C_{10}H_8$)	mg/L	≤ 0,05
56	Formaldehyde (HCHO)	mg/L	≤ 1,0
57	Epichlorohydrin (C_3H_5CIO)	mg/L	≤ 0,03
58	Toluene ($C_6H_5\text{-}CH_3$)	mg/L	≤ 0,7
59	Xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$)	mg/L	≤ 0,5
60	Perchlorate (CIO_4^-)	mg/L	≤ 0,03
61	Acrylamide (CH_2=CH-$CONH_2$)	mg/L	≤ 0,015
62	Styrene (C_6H_5CH=CH_2)	mg/L	<0,02

63	Bis (2-ethylhexyl) adipate ($(CH_2CH_2CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/L	< 0,2
64	Sunfit (tính theo SO_3^{2-})	mg/L	<5,0

(v). Trạm XLNT tập trung của KCN

1) Tính toán, lựa chọn công suất trạm XLNT

- Tổng lượng nước thải phải xử lý từ KCN Hòa Yên là: 7.874,2 m^3/ng.đêm

- Chọn hệ số thấm do nước từ bên ngoài vào hệ thống là 1,05 (5%) do ống thu gom nước thải từ nhà máy, xí nghiệp KCN về Trạm XLNT đều sử dụng ống HDPE kín, chủ yếu thấm (nếu có) từ các hố ga.

- Chọn hệ số không điều hòa ngày K = 1,3

→ Lưu lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN Hòa Yên là:

$$Q = 7.874,2 \times 1,3 = 10.236,46 \ (m^3/ngày\ đêm)$$

Làm tròn là: 10.500 m^3/ngày đêm

2) Lựa chọn modun XLNT

Từ các phân tích trên, Công ty CP Fecon Hòa Yên quyết định lựa chọn công suất Nhà máy XLNT tập trung là 10.500 m^3/ng.đêm, được chia thành 3 modun xử lý, công suất mỗi modun là 3.500 m^3/ng.đêm. Cụ thể như sau:

Bảng 158. Công suất của các modun xử lý tại Nhà máy XLNT

TT	Công suất	Đơn vị	Công suất	Giai đoạn
1	Modun 1	m^3/ngày đêm	3.500	Giai đoạn I
2	Modun 2	m^3/ngày đêm	3.500	Giai đoạn II
3	Modun 3	m^3/ngày đêm	3.500	
4	***Tổng công suất***	m^3/ngày đêm	***10.500***	

Ba modun XLNT tương tự công suất, công nghệ hoạt động. Việc phân chia trạm XLNT thành 03 modun còn có tác dụng sau:

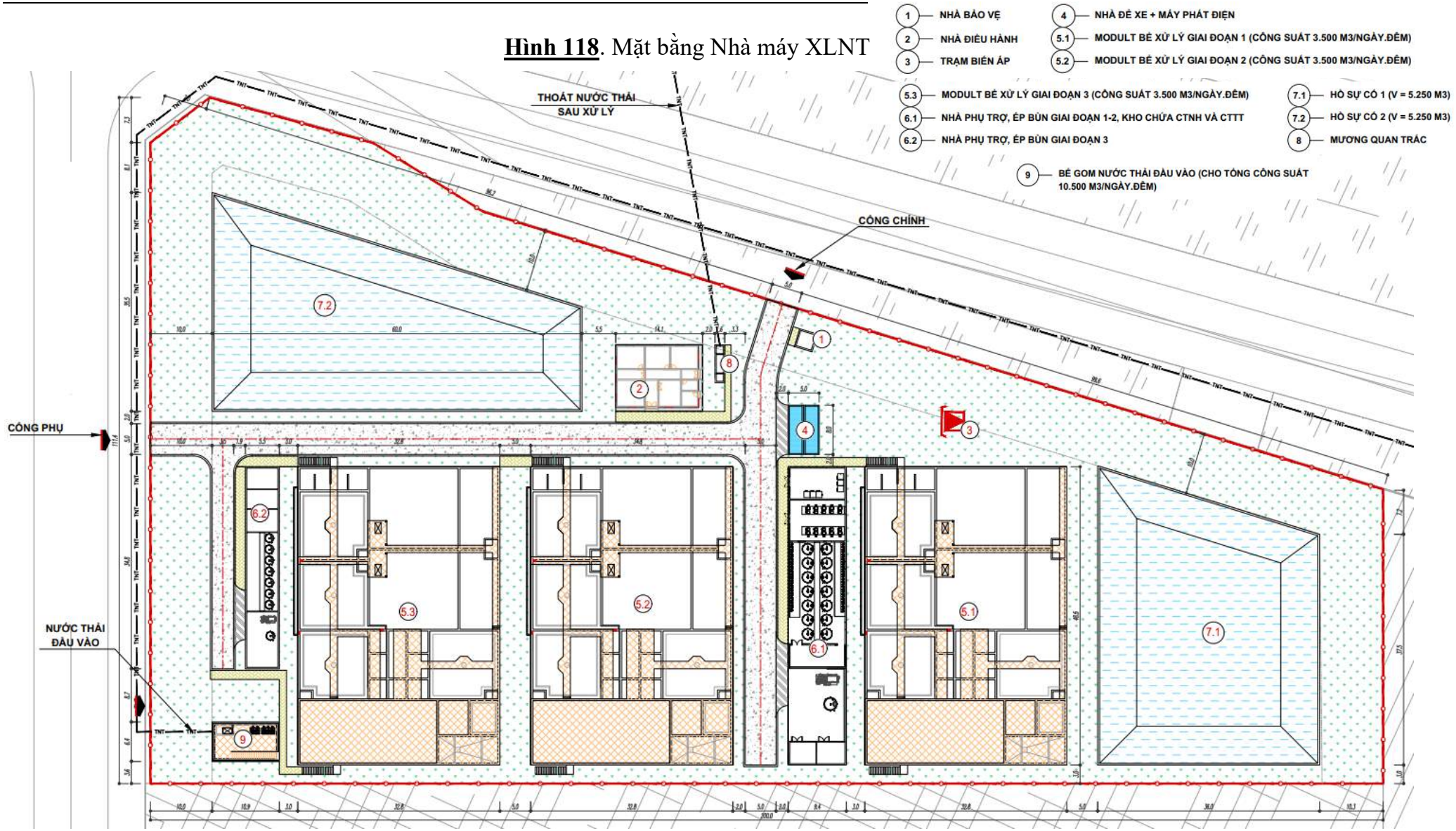
- *Giảm thiểu rủi ro khi có sự cố trạm XLNT:* Việc hỏng đồng thời 3 modun trong 1 thời điểm rất hiếm khi xảy ra. Khi xảy ra sự cố thì các modun có thể hỗ trợ nhau xử lý nước thải trong lúc sửa chữa modun hư hỏng.

- *Phù hợp hơn với phân kỳ đầu tư:* Việc tính toán lưu lượng nước thải phát sinh dựa trên nhu cầu sử dụng nước sạch giả định theo lý thuyết. Do đó, lưu lượng nước thải chính xác chỉ được xác định sau khi KCN có nhà đầu tư thứ cấp. Trong xu thế hiện nay, rất nhiều ngành nghề sử dụng công nghệ tiết kiệm nước hoặc sử dụng tuần hoàn nước thải nên lượng nước thải có thể thấp hơn so với lý thuyết khá nhiều. Khi đó, modun thứ 2,3 chỉ cần đầu tư sau khi modun thứ 1 không còn khả năng đáp ứng xử lý.

Từng đơn nguyên sẽ được vận hành thường xuyên, theo quy trình công nghệ đã được phê duyệt, đảm bảo toàn bộ nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm có nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, lưu giữ để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra.

Mặt bằng Nhà máy XLNT được trình bày tại hình sau:

Hình 118. Mặt bằng Nhà máy XLNT



3) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải của trạm XLNT tập trung

Việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải được dựa trên một số nguyên tắc cơ bản như sau:

- Phù hợp mặt bằng và cảnh quan thực tế của KCN và vị trí đặt trạm xử lý.

- Tiêu chuẩn nước sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải phải ổn định và có độ tin cậy cao.

- Công nghệ lựa chọn phải đáp ứng được yêu cầu về tiết kiệm năng lượng và hóa chất khi đi vào vận hành.

- Có thể áp dụng chế độ vận hành tự động hoặc thủ công tùy theo chọn lựa của người vận hành.

- Công nghệ có chi phí đầu tư và chi phí vận hành phù hợp với nguồn đầu tư

- An toàn sinh thái bền vững.

- Thiết kế đồng bộ để đáp ứng các yêu cầu về chức năng sử dụng, chi phí vận hành hợp lý, đảm bảo cảnh quan tốt.

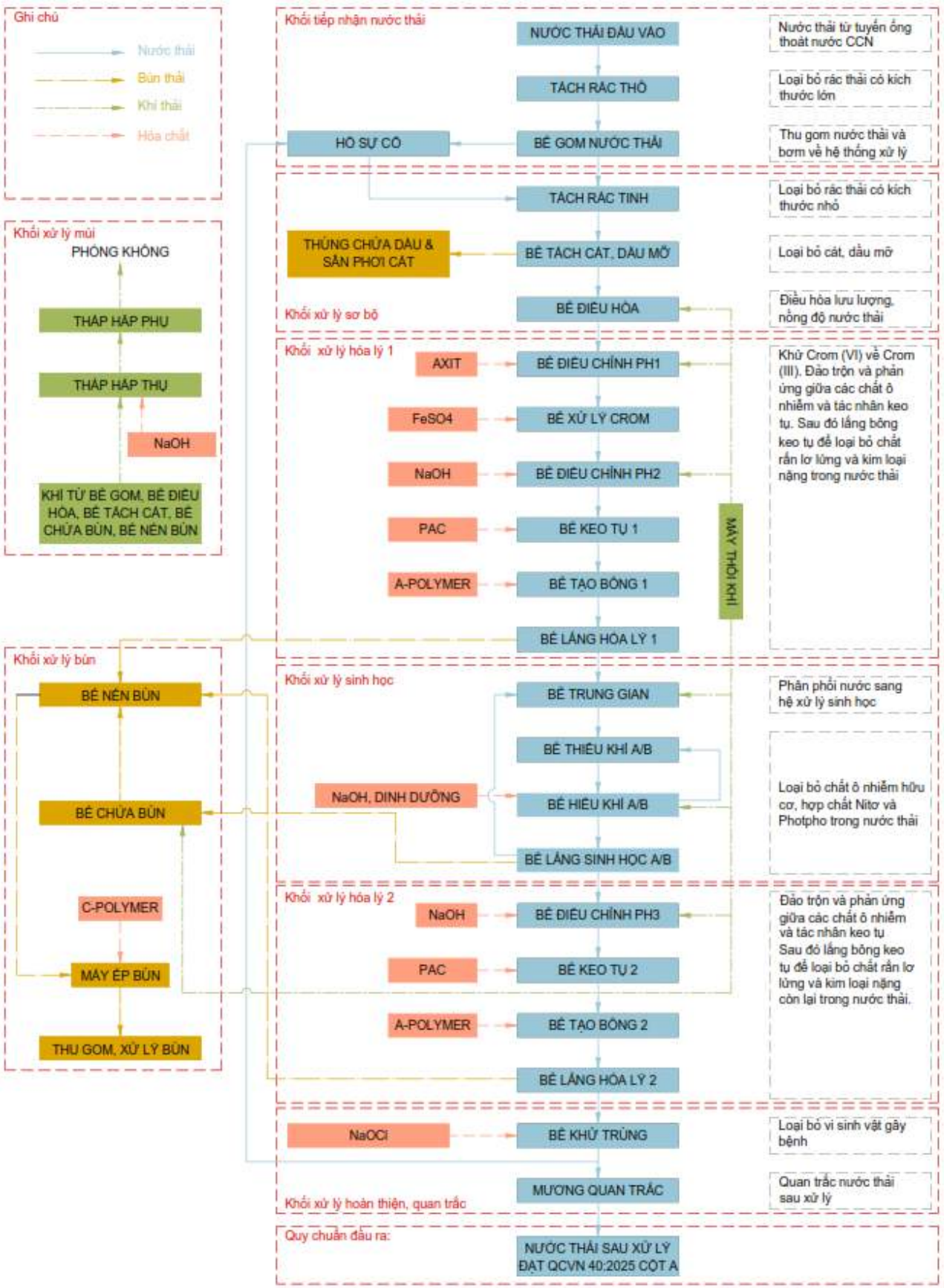
4) Sơ đồ quy trình công nghệ XLNT

- Công nghệ xử lý nước thải được lựa chọn có tính toán đến sự phù hợp và khả năng nâng cấp mở rộng trong tương lai.

- Giải pháp công nghệ được sử dụng là: Hóa lý kết hợp sinh học AO.

Sơ đồ quy trình công nghệ XLNT tại KCN Hòa Yên được tóm lược trong hình sau:

Hình 119. Sơ đồ quy trình công nghệ XLNT tại KCN Hòa Yên



5) Thuyết minh quy trình công nghệ XLNT

Nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các khu dịch vụ, hành chính có chất lượng phù hợp với yêu cầu của KCN *(Chất lượng nước thải của các nhà máy khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Yên)* sẽ được đấu nối ra hệ thống thoát nước của KCN, thu gom về bể gom nước thải của trạm XLNT tập trung.

♣ *Xử lý sơ bộ*

- Chức năng: Loại bỏ các chất ô nhiễm: rác thải, dầu mỡ, cát, điều hòa lưu lượng, nồng độ của dòng nước thải.

Bể gom

Bể gom có nhiệm vụ thu gom nước thải từ mạng thoát nước thải trong Khu công nghiệp để từ đây nước thải sẽ được vận chuyển lên cụm bể xử lý chính.

Trước khi vào bể gom nước thải qua máy lược rác và song chắn rác thô: tách rác, loại bỏ rác, chất rắn có kích thước lớn chứa trong nước thải đầu vào.

Hình 120. Song chắn rác



Thiết bị tách rác tinh

Có những loại rác không những các công đoạn sau không xử lý được mà còn gây tác động bất lợi đến các giai đoạn xử lý này, ví dụ như cành cây, lá cây, các túi nilon (PE, PVC). Chúng có thể làm tắc đầu hút của bơm, giảm công suất xử lý của hệ thống, hay gây cháy bơm…

Thiết bị tách rác tinh đặt ở đầu vào bể tách cát có tác dụng giữ lại rác thải kích thước lớn > 2mm, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của các loại rác thải này trong nguồn nước đầu vào cho các công đoạn xử lý sau. Thiết bị này là thiết bị cơ khí, không cần động cơ. Định kỳ, người vận hành kiểm tra thùng chứa rác, rác thải sẽ được vận chuyển và đem đi chôn lấp hợp vệ sinh. Nước thải sau thiết bị tách rác tinh tiếp tục được qua bể tách cát.

Hình 121. Thiết bị tách rác



Bể tách cát, tách mỡ và sân phơi cát

Nước sau thiết bị tách rác tinh tiếp tục được qua bể tách cát, tách mỡ. Thu giữ lượng cát tách ra từ dòng nước thải đầu vào chuyển sang sân phơi cát. Phần nước trong chảy sang cụm bể điều hòa. Phần cát được chuyển đến sân phơi bùn, phần nước sau sân phơi bùn được đưa trở lại hố gom.

Bể điều hòa

Do bản chất và tính chất nước thải và hoạt động sản xuất của nhà máy, dòng nước thải không ổn định và điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến các công đoạn xử lý sau. Khi lượng nước lớn hơn lưu lượng thiết kế trung bình đi vào hệ thống xử lý, nước thải sẽ không được xử lý triệt để và có thể nước đầu ra không đáp ứng được chất lượng nước thải theo tiêu chuẩn. Hơn nữa, điều này có thể dẫn đến sốc và quá tải hệ thống xử lý. Để ngăn chặn điều này, bể điều hòa sẽ giúp ổn định lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải, giúp tối ưu hóa năng lượng cũng như hóa chất sử dụng.

Khí sẽ được cấp cho bể điều hòa để giảm nhiệt độ nước thải, đảo trộn nước thải trong bể này, giúp cân bằng nồng độ các chất ô nhiễm trong bể và cũng để tránh lắng cặn - điều kiện tốt cho phân hủy yếm khí và gây mùi.

Bể điều hòa thiết kế thời gian lưu lớn, tạo điều kiện cho quá trình làm mát dòng thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý.

Bơm nước thải từ bể điều hòa sẽ bơm nước với lưu lượng ổn định lên hệ xử lý hóa lý, lưu lượng này được điều chỉnh bởi lưu lượng kế.

Hình 122. Bể điều hòa





♣ *Xử lý hóa lý*

Cụm xử lý này có chức năng điều chỉnh pH, xử lý các thông số ion kim loại nặng; Độ màu; TSS; một phần chất ô nhiễm hữu cơ.

Bể điều chỉnh pH_1

Mục đích của quá trình là điều chỉnh pH trong nước thải đến giá trị tối ưu cho phản ứng oxi hóa khử tại bể oxi hóa. Dung dịch axit được châm vào bể để duy trì pH trong giới hạn 2-4 qua hệ thống bơm định lượng được kiểm soát bởi thiết bị đo và hiển thị pH lắp đặt trong bể.

Bể xử lý crom

Bể xử lý crom có nhiệm vụ khử Cr^{6+} về Cr^{3+} ít ô nhiễm hơn và có thể tách khỏi dòng nước bằng phương pháp keo tụ/ kết tủa.

Phản ứng khử Cr^{6+} (trong môi trường axit, thường là từ muối $K_2Cr_2O_7$ hoặc ion $Cr_2O_7^{2-}$) bằng $FeSO_4$ là một phản ứng oxi hóa - khử, trong đó:

- Crom (Cr^{6+}) bị khử về Cr^{3+}.
- Sắt (Fe^{2+} trong $FeSO_4$) bị oxi hóa thành Fe^{3+}.

Phản ứng ion rút gọn:

$$Cr_2O_7^{2-} + 6Fe^{2+} + 14H^+ \rightarrow 2Cr^{3+} + 6Fe^{3+} + 7H_2O$$

Phản ứng phân tử (dùng muối):

$$K_2Cr_2O_7 + 6FeSO_4 + 7H_2SO_4 \rightarrow Cr_2(SO_4)_3 + 3Fe_2(SO_4)_3 + K_2SO_4 + 7H_2O$$

Bể điều chỉnh pH_2

Để tạo môi trường thích hợp cho phản ứng, hóa chất sử dụng để điều chỉnh pH là NaOH. Khi đó, trong bể xảy ra phản ứng trung hòa:

$$H^+ + OH^- \rightarrow H_2O$$

Cũng tại bể này, các ion kim loại sẽ tác động với ion OH- để tạo thành hydroxit kim loại kết tủa:

$$Me^{n+} + nOH^- \rightarrow Me(OH)_n\downarrow$$ (Me^{n+}: ion kim loại)

Nước thải sau bể điều chỉnh pH chảy sang bể keo tụ.

Bể keo tụ

Hóa chất sử dụng là poly aluminum chloride (PAC).

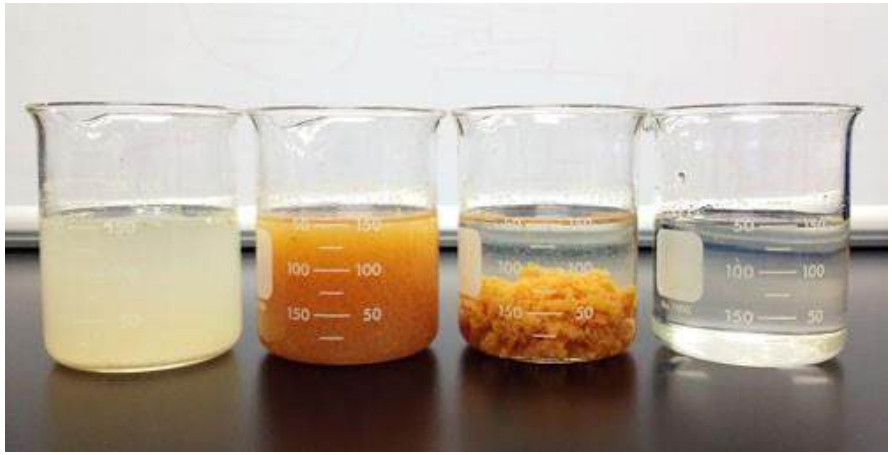
Keo tụ là một quá trình được sử dụng để trung hòa các chất mang điện và tạo thành mạng gel để bẫy (hoặc nối) các hạt, dẫn đến tạo thành hạt đủ lớn để lắng hoặc được giữ lại trong thiết bị lọc.

Chất keo tụ là các hạt mang điện trái dấu với điện tích của chất rắn lơ lửng. Chất keo tụ được thêm vào nước để trung hòa các điện tích âm trong các chất rắn không lắng phân tán trong nước thải, ví dụ như đất sét hay các chất hữu cơ.

Trong nước thải, các hạt keo được tích điện âm và PAC được thêm vào để tạo ra ion mang điện dương (Al^{3+}). Một khi các hạt mang điện âm đã được trung hòa (do các hạt trái dấu hút nhau), lực van der Waals sẽ khiến các hạt bám lấy nhau để tạo thành các bông nhỏ.

Sau bể keo tụ, nước chảy đến bể tạo bông.

Hình 123. Quá trình keo tụ - tạo bông



Bể tạo bông

Quá trình tạo bông: thêm chất trợ tạo bông polymer để kết bông keo tụ nhỏ lại thành khối lớn hơn để chúng có thể được tách ra một cách dễ dàng khỏi nước. Tạo bông là một quá trình vật lý và không liên quan đến việc trung hòa điện tích. Keo tụ và tạo bông được sử dụng cùng nhau để làm sạch nước.

Hóa chất A-Polymer được châm vào tạo cầu nối cho các bông keo tụ hình thành bông lớn và dễ dàng tách ra khỏi dòng thải nhờ quá trình lắng trọng lực. Trên bể lắp hệ thống khuấy trộn tốc độ thấp tạo điều kiện cho quá trình tạo bông cặn có kích thước lớn diễn ra.

Sau quá trình xử lý hóa lý, các hạt có thể lắng được sẽ lắng trong bể lắng hóa lý.

Bể lắng hóa lý

Các cụm chất rắn lơ lửng lắng xuống đáy bể lắng, bùn thải từ hệ thống xử lý hóa lý được bơm sang bể chứa bùn trước khi được sang bể nén bùn. Nước thải sau lắng tiếp tục chảy đến cụm đơn vị xử lý sinh học.

Hình 124. Bể lắng hóa lý





♣ *Xử lý sinh học*

Cụm xử lý sinh học gồm bể thiếu khí, bể hiếu khí và bể lắng sinh học. Mục đích của cụm xử lý này là để xử lý các thông số ô nhiễm: BOD; COD; TSS; Ni-tơ và Phốt-pho.

Bể trung gian 1

Bể phân phối nước thải sau xử lý hóa lý vào cụm bể xử lý sinh học được hoạt động song song nhau.

Bể xử lý sinh học thiếu khí

Nước thải chảy vào bể này có nước từ bể lắng hóa lý, nước tuần hoàn từ bể hiếu khí và bùn tuần hoàn từ bể lắng sinh học. Ba dòng này sẽ được hòa trộn bởi máy khuấy chìm.

Trong điều kiện thiếu khí và đảo trộn hoàn toàn bởi máy khuấy chìm, xảy ra quá trình khử nitrat hóa.

Quá trình khử nitrat hóa liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học các hợp chất hữu cơ trong nước thải sử dụng nitrate hoặc nitrite là chất nhận electron thay vì oxy:

$$NO_3^- + \frac{1}{3}CH_3OH \xrightarrow{Denitrifying\ bacteria} NO_2^- + \frac{1}{3}CO_2 + \frac{2}{3}H_2O$$

$$NO_2^- + \frac{1}{2}CH_3OH \rightarrow \frac{1}{2}N_2 + \frac{1}{2}CO_2 + \frac{1}{2}H_2O + OH^-$$

Quá trình trao đổi chất này được thực hiện bởi vi khuẩn khử nitrat, có trong 10-80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Đặc biệt, tốc độ khử nitrat dao động từ 0.04 đến 0.42 gN-NO3-/ g MLSS.ngày, giá trị F/M (chất hữu cơ/vi khuẩn) càng cao, tốc độ khử nitrat càng cao.

Sau bể thiếu khí, nước thải chảy sang bể hiếu khí.

Hình 125. Máy khuấy chìm



Bể xử lý sinh học hiếu khí

Bể hiếu khí xử lý BOD trong nước thải. Quá trình này là quá trình vi sinh vật sinh trưởng trong điều kiện hiếu khí, chúng chuyển hóa các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy trong nước và tích lũy dưới dạng bùn hoạt tính tồn tại ở dạng rắn (dạng dễ loại bỏ ra khỏi dòng nước).

Quá trình xử lý này gồm các bước:

Vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy và các hợp chất hữu cơ tan trong nước để tổng hợp các tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào). Quá trình này được mô tả trong phương trình sau:

$$C_{18}H_{19}O_9N + 0,74NH_3 + 8,8O_2 \rightarrow 1,74C_5H_7NO_2 + 9,3CO_2\uparrow + 4,52H_2O$$

(Theo Mogens Henze, Poul Harremoës, Jes la Cour Jansen, Erik Arvin, Wastewater Treatment: Biological and Chemical Processes, trang 68)

+ Vi khuẩn sử dụng oxy để oxy hóa các hợp chất hữu cơ tan trong nước, chuyển hóa chúng thành khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^-.Quá trình được mô tả chỉ tiết bằng phương trình sau:

$$C_{18}H_{19}O_9N + 19{,}5O_2 \rightarrow 18CO_2\uparrow + 9H_2O + H^+ + NO_3^-$$

(Theo Mogens Henze, Poul Harremoës, Jes la Cour Jansen, Erik Arvin, Wastewater Treatment: Biological and Chemical Processes, trang 66)

Oxy hóa amoni: vi sinh vật tự dưỡng hiếu khí sử dụng oxy để oxy hóa amoni thành nitrat. Quá trình được mô tả thông qua phương trình:

$$NH_4^+ + 1.5O_2 \xrightarrow{Nitrosomonas} NO_2^- + 2H^+ + H_2O$$

$$NO_2^- + 0.5O_2 \xrightarrow{Nitrobacter} NO_3^-$$

Quá trình xử lý này chủ yếu sử dụng các chủng vi sinh vật như: chủng VSV Nitrosomonas; Nitrobacter; Bacteria.

Nồng độ oxy hòa tan trong bể hiếu khí phải luôn được giữ ổn định để cung cấp cho quá trình sinh tổng hợp các tế bào vi sinh, để chuyển hóa tối đa tải lượng các chất ô nhiễm thành tế bào vi sinh vật. Khí cấp cho bể hiếu khí được cấp thông qua hệ thống phân phối khí đáy bể.

Hình 127. Hệ thống phân phối khí tinh



Hình 126. Máy thổi khí



Bể lắng sinh học

Chức năng của bể này là để tách pha rắn ra khỏi pha lỏng. Vì khối lượng riêng của pha rắn (bùn hoạt tính) lớn hơn pha lỏng (nước sạch) nên khi để tĩnh một thời gian, hầu hết bùn sẽ lắng và có thể được loại bỏ dễ dàng khỏi pha lỏng. Phần nước trong được chuyển sang bể khử trùng trước khi qua bể sinh học và mương quan trắc và xả ra nguồn tiếp nhận.

Bùn hoạt tính tại bể lắng được tuần hoàn về bể thiếu khí bởi hệ thống bơm bùn tuần hoàn. Phần bùn dư sinh ra trong hệ thống được xả định kỳ và được xử lý bởi hệ thống máy ép bùn trước khi vận chuyển tới nơi xử lý hợp lý.

♣ *Cụm Bể hóa lý 2*

Thực tế cho thấy nước thải từ khu công nghiệp có thành phần biến động, chứa nhiều hợp chất khó phân hủy sinh học, kim loại nặng và cặn keo bền mà hai giai đoạn xử lý trước chưa loại bỏ triệt để. Hóa lý bậc II giúp loại bỏ các chất ô nhiễm còn sót lại, đảm bảo nước sau xử lý đạt quy chuẩn mới QCVN 40:2025/BTNMT, đồng thời công đoạn này còn đóng vai trò như một lớp "bảo vệ

cuối" giúp ổn định hệ thống, tăng tính an toàn và linh hoạt cho hệ thống khi tiếp nhận tải trọng đầu vào thay đổi. Đây là giải pháp phù hợp với định hướng phát triển khu công nghiệp bền vững, thân thiện môi trường.

Bể điều chỉnh pH_2

Để tạo môi trường thích hợp cho phản ứng, hóa chất sử dụng để điều chỉnh pH là NaOH. Khi đó, trong bể xảy ra phản ứng trung hòa:

$$H^+ + OH^- \rightarrow H_2O$$

Cũng tại bể này, các ion kim loại sẽ tác động với ion OH^- để tạo thành hydroxit kim loại kết tủa:

$$Me^{n+} + nOH^- \rightarrow Me(OH)_n\downarrow$$ (Me^{n+}: ion kim loại)

Nước thải sau bể điều chỉnh pH chảy sang bể keo tụ.

Bể keo tụ

Hóa chất sử dụng là poly aluminum chloride (PAC).

Keo tụ là một quá trình được sử dụng để trung hòa các chất mang điện và tạo thành mạng gel để bẫy (hoặc nối) các hạt, dẫn đến tạo thành hạt đủ lớn để lắng hoặc được giữ lại trong thiết bị lọc.

Chất keo tụ là các hạt mang điện trái dấu với điện tích của chất rắn lơ lửng. Chất keo tụ được thêm vào nước để trung hòa các điện tích âm trong các chất rắn không lắng phân tán trong nước thải, ví dụ như đất sét hay các chất hữu cơ.

Trong nước thải, các hạt keo được tích điện âm và PAC được thêm vào để tạo ra ion mang điện dương (Al^{3+}). Một khi các hạt mang điện âm đã được trung hòa (do các hạt trái dấu hút nhau), lực van der Waals sẽ khiến các hạt bám lấy nhau để tạo thành các bông nhỏ.

Sau bể keo tụ, nước chảy đến bể tạo bông.

Bể tạo bông

Quá trình tạo bông: thêm chất trợ tạo bông polymer để kết bông keo tụ nhỏ lại thành khối lớn hơn để chúng có thể được tách ra một cách dễ dàng khỏi nước. Tạo bông là một quá trình vật lý và không liên quan đến việc trung hòa điện tích. Keo tụ và tạo bông được sử dụng cùng nhau để làm sạch nước.

Hóa chất A-Polymer được châm vào tạo cầu nối cho các bông keo tụ hình thành bông lớn và dễ dàng tách ra khỏi dòng thải nhờ quá trình lắng trọng lực. Trên bể lắp hệ thống khuấy trộn tốc độ thấp tạo điều kiện cho quá trình tạo bông cặn có kích thước lớn diễn ra.

Sau quá trình xử lý hóa lý, các hạt có thể lắng được sẽ lắng trong bể lắng hóa lý.

Bể lắng hóa lý

Các cụm chất rắn lơ lửng lắng xuống đáy bể lắng, bùn thải từ hệ thống xử lý hóa lý được bơm sang bể chứa bùn trước khi được sang bể nén bùn. Nước thải sau lắng tiếp tục chảy đến cụm đơn vị xử lý sinh học.

♣ *Xử lý hoàn thiện*

- Bước này sẽ tiếp tục xử lý các chất ô nhiễm còn lại trong nước thải để đảm bảo nước thải đầu ra đạt Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Bể khử trùng

- Hầu hết các bước xử lý trước không xử lý được virus và vi khuẩn. Để hoàn thành quá trình xử lý, cần phải sử dụng hóa chất có khả năng tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Dung dịch NaOCl (chất oxy hóa mạnh) được bổ sung vào nguồn nước để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh như E.Coli, Coliform,…

- Dung dịch NaOCl có chứa nguyên tố Clo, khi hòa tan vào trong nước sẽ sinh ra hoạt chất oxy hóa mạnh, ion hypochlorite (OCl-) và acid hypochlorous (HOCl) gây bất hoạt vi sinh vật và tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh như E.Coli, Coliform,…

- Không khí sẽ được cấp vào bể nhằm đảo trộn nước thải và đuổi khí Clo bay hơi.

- Nước sau bể khử trùng sẽ chảy ra mương quan trắc.

♣ *Hệ thống quan trắc*

- Theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định. Hệ thống này sẽ đo và ghi nhận trực tiếp các thông số nước thải, gửi tín hiệu lên Sở NN&MT tỉnh Bắc Ninh.

- Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: *(1) Lưu lượng đầu vào và đầu ra; (2) Nhiệt độ; (3) pH; (4) TSS; (5) COD; (6) Amonia.*

- Nước thải sau khi xử lý nếu đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm sau đó được dẫn tới điểm xả. Trong trường hợp nước thải không đạt yêu cầu theo quy định thì ngay lập tức dẫn nước về hồ sự cố.

Hình 128. Trạm quan trắc nước thải online



♣ *Xử lý bùn*

Bể chứa bùn sinh học

Bùn dư của quá trình xử lý sinh học sẽ được gom lại về bể chứa bùn sinh học. Trong bể này, khí sẽ được cung cấp để tránh phân hủy bùn kị khí, tạo ra khí độc cũng như để giảm thể tích bùn và tăng nồng độ bùn. Phần nước phía trên sẽ được chảy sang bể điều hòa.

Bể chứa bùn hóa lý

Bùn dư của quá trình xử lý hóa lý sẽ được bơm về bể chứa bùn hóa lý. Bể chứa bùn hóa lý có tác dụng giảm thể tích bùn. Dưới tác động của trọng lực, bùn sẽ lắng xuống đáy bể, tăng nồng độ bùn, phần nước trong phía trên sẽ chảy về bể điều hòa. Phần bùn thải được bơm về bồn trung gian trước khi bơm vào máy ép bùn.

Hệ thống ép bùn

Định kỳ hàng ngày, bùn trong bể chứa bùn sẽ được bơm vào máy ép bùn để giảm lượng nước trong bùn, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoạn vận chuyển và xử lý bùn về sau.

Hóa chất C-Polymer sẽ được châm cho máy ép bùn để tăng khả năng kết dính giữa các hạt bùn.

Hình 129. Máy ép bùn băng tải



Bùn sau ép được thu gom và chuyển sang khu chứa bùn để lưu trữ và tiếp tục giảm độ ẩm có trong bùn. Định kỳ, bùn sẽ được các đơn vị chuyên xử lý đến thu gom và đem đi xử lý đúng quy cách.

Bùn sau ép có độ ẩm từ 75-80% được vận chuyển tới nhà phơi bùn để ổn định độ ẩm trước khi vận chuyển đến nơi xử lý.

♣ *Hóa chất*

- Hóa chất cho cụm xử lý hóa lý

+ Tank hóa chất và bơm định lượng hóa chất axit, NaOH: Điều chỉnh pH

+ Tank hóa chất và bơm định lượng hóa chất keo tụ: Châm vào bể keo tụ

+ Tank hóa chất và bơm định lượng hóa chất A-polymer: Châm vào bể tạo bông

- Hóa chất cho cụm xử lý sinh học: Tank hóa chất và bơm định lượng hóa chất dinh dưỡng: châm vào bể thiếu khí: sẽ bổ sung dinh dưỡng để tăng hiệu quả xử lý BOD, T-N.

- Hóa chất khử trùng: Tank hóa chất và bơm định lượng hóa chất khử trùng (NaOCl): châm vào bể khử trùng.

- Hóa chất châm cho máy ép bùn: Tank hóa chất và bơm định lượng hóa chất C-polymer: Châm C-polymer để tăng khả năng kết dính giữa các hạt bùn.

♣ *Hồ sự cố*

Kích thước, cấu tạo hồ sự cố

- Hồ sự cố được xây dựng trong phạm vi khu đất HT1 và nằm ở phía Đông và Tây Bắc của lô đất này. Do đây là công trình XLNT nên không tính vào diện tích nước mặt của KCN. Hồ sự cố với dung tích chứa 5.250 m^3 /hồ có sức chứa cho 1 ngày.

- 2 hồ sự cố này luôn đảm bảo để trống, sẵn sàng cho mục đích chứa nước thải khi Trạm XLNT gặp sự cố, hư hỏng trong quá trình hoạt. Khi xảy ra sự cố, nước thải chưa qua xử lý được chứa trong hồ này. Khi khắc phục xong sự cố, nước thải sẽ được bơm quay về bể điều hòa của trạm XLNT để xử lý.

Thời gian lưu nước và tiến độ đầu tư

- Hồ sự cố luôn đảm bảo lưu nước thải tối thiểu là 1 ngày để sửa chữa, khắc phục sự cố trạm XLNT tập trung.

- Tiến độ xây dựng hồ sự cố: Hồ sự cố 1 ($V_{hữu\ ích}$: 5.250 m^3/hồ) được xây dựng ngay khi đầu tư xây dựng HTKT cho KCN Hòa Yên ở giai đoạn I và hoàn thành trước khi thu hút các nhà đầu tư thứ cấp. Xây dựng hồ sự cố 2 ($V_{hữu\ ích}$: 5.250 m^3/hồ) khi triển khai xây dựng giai đoạn 2 của dự án. Các hồ sự cố được được vận hành thử nghiệm, báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm cùng với trạm XLNT.

Quy trình vận hành hồ sự cố

Trong điều kiện trạm XLNT hoạt động bình thường: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Quan trắc tự động → Xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi.

Trường hợp có sự cố xảy ra: 3 trường hợp sau:

- *Trường hợp 1:* Nước thải đầu vào trạm XLNT có nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giá trị cho phép được phát hiện bởi hệ thống quan trắc online hoặc qua quá trình quan trắc đột xuất, định kỳ được chuyển sang hồ sự cố → Xác định nguyên nhân → Khắc phục → Đảm bảo nước thải đầu vào đạt GHCP của trạm XLNT → Bơm nước thải chứa tại hồ sự cố về bể thu gom đầu vào của trạm XLNT để xử lý.

- *Trường hợp 2:* Nước thải đầu ra sau trạm XLNT có nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giá trị cho phép khi xả thải (Vượt quá QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm) được phát hiện bởi hệ thống quan trắc online hoặc qua quá trình quan trắc đột xuất, định kỳ được chuyển sang hồ sự cố → Xác định nguyên nhân → Khắc phục → Đảm bảo nước thải đầu trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi (QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm) → Bơm nước thải chứa tại hồ sự cố về bể thu gom đầu vào của trạm XLNT để xử lý.

- *Trường hợp 3:* Khi công trình hoặc thiết bị hư hỏng, cần phải tạm dừng hệ thống XLNT để sửa chữa công trình hoặc thay thế thiết bị. Nước thải được lưu chứa tạm trong bể điều hòa, bể thu gom trước, sau khi 2 bể này đầy sẽ chuyển nước thải sang hồ sự cố để lưu chứa → Khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị trạm XLNT → Đảm bảo trạm XLNT hoạt động bình thường, nước thải đầu trước khi xả ra hệ thống Kênh tiêu Cầu Chi đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Bơm nước thải chứa tại hồ sự cố về bể thu gom đầu vào của trạm XLNT để xử lý.

6) Kích thước các bể xử lý của các module (Công suất: 3.500 m^3/ng.đêm)

Hình 130. Kích thước các bể xử lý của các module (Công suất: 3.500 m^3/ng.đêm)

TT	Hạng mục	Số bể	Chiều dài thực (m)	Chiều rộng thực (m)	Chiều cao nước (m)	Chiều cao thông thủy (m)	Thể tích nước thực tế (m^3)
1	Bể gom tổng công suất 10.500 m^3/ngày.đêm	1.00	9.200	6.700	1.80	6.30	110.95
2	Bể tách cát, dầu mỡ	1.00	9.700	4.250	2.50	3.00	103.06
3	Bể điều hòa	1.00	22.100	10.100	4.90	5.50	1205.04
4	Bể điều chỉnh pH1	1.00	4.000	2.900	5.10	5.50	59.16
5	Bể xử lý crom	1.00	6.700	2.900	5.10	5.50	99.09

6	Bể điều chỉnh pH2	1.00	3.000	2.700	5.10	5.50	41.31
7	Bể keo tụ 1	1.00	3.700	3.000	5.10	5.50	56.61
8	Bể tạo bông 1	1.00	4.000	3.000	5.10	5.50	61.20
9	Bể lắng hóa lý 1	1.00	11.000	11.000	4.90	5.50	592.90
10	Bể trung gian	1.00	3.000	2.000	2.60	3.00	15.60
11	Bể thiếu khí	2.00	12.850	6.100	4.60	5.00	721.14
12	Bể hiếu khí	2.00	14.400	12.850	4.60	5.00	1702.37
13	Bể lắng sinh học	2.00	12.500	12.500	4.50	5.00	1406.25
14	Bể điều chỉnh pH3	1.00	3.000	2.700	4.40	5.00	35.64
15	Bể keo tụ 2	1.00	3.700	3.000	4.40	5.00	48.84
16	Bể tạo bông 2	1.00	4.000	3.000	4.40	5.00	52.80
17	Bể lắng hóa lý 2	1.00	11.000	11.000	4.30	5.00	520.30
18	Bể khử trùng	1.00	11.000	3.400	3.50	5.00	130.90
19	Mương quan trắc	1.00	5.700	1.200	1.00	1.50	6.84
20	Sân phơi cát	1.00	2.500	1.350	0.70	1.00	2.36
21	Ngăn bùn Bể lắng hóa lý 1	1.00	1.400	1.400	5.00	5.50	9.80
22	Ngăn bùn Bể lắng sinh học	2.00	1.400	1.400	4.50	5.00	17.64
23	Ngăn bùn Bể lắng hóa lý 2	1.00	1.600	1.200	4.00	5.00	7.68
24	Bể chứa bùn	1.00	5.550	4.850	5.10	5.50	137.28
25	Bể nén bùn	1.00	5.550	4.550	5.00	5.50	126.26
26	Hồ sự cố 1-2 (Hai hồ sự cố tổng dung tích 10.500 m^3)	2.00			4.60	5.00	5250.00

7) Danh mục các thiết bị của trạm XLNT

Danh mục các thiết bị của trạm XLNT được trình bày tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 159. Danh mục các thiết bị của trạm XLNT

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	Khối lượng Modult 1	Khối lượng Modult 2	Khối lượng Modult 3
B	**HẠNG MỤC M&E**						
B1	**VẬT TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ**						
B1.1	**Đường ống công nghệ**			**Hệ**	**1.00**	**1.00**	**1.00**
B1.1.1	**Hệ thống đường ống**			**Hệ**	**1.00**	**1.00**	**1.00**
1	Đường ống cấp khí	- Phần ngập trong nước: u.PVC, Class 3; - Phần còn lại: SUS304 + Kích thước ống: DN ≤ 125, chiều dày SCH 10S; + Kích thước ống: DN > 125, chiều dày SCH5S.	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Trung Quốc	Hệ	1.00	1.00	1.00
2	Đường ống bơm và dẫn nước thải	- Phần đường ống ngập trong nước, đường ống dưới sàn thao tác, đường ống trong nhà, đường ống ngầm trong đất: u.PVC, Class 3 - Phần ống bơm áp lực ngầm dưới đất: HDPE PN8 - PE100 - Phần còn lại: SUS304 + Kích thước ống: DN ≤ 125, Độ dày SCH10S + Kích thước ống: DN > 125, Độ dày SCH5S	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Trung Quốc	Hệ	1.00	1.00	1.00
3	Đường ống bơm và dẫn bùn	- Phần đường ống ngập trong nước, đường ống dưới sàn thao tác, đường ống trong nhà, đường ống ngầm trong đất: u.PVC, Class 3 - Phần ống bơm áp lực ngầm dưới đất: HDPE PN8 - PE100 - Phần còn lại: SUS304 + Kích thước ống: DN ≤ 125, Độ dày SCH10S + Kích thước ống: DN > 125, Độ dày SCH5S	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Trung Quốc	Hệ	1.00	1.00	1.00

4	Đường ống hóa chất	- Vật liệu: u.PVC, Class 3	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
5	Đường ống cấp nước sạch	- Vật iệu: u.PVC, Class 3/ HDPE PN8 - PE100	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
6	Đường ống hút mùi	Vật liệu: PP/ u.PVC, Class 3	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
B1.1.2	**Hệ thống phụ kiện**			**Hệ**	**1.00**	**1.00**	**1.00**
7	Phụ kiện đường ống (côn, tê, cút, bích,…)	Kích thước, chủng loại vật liệu của từng loại phụ kiện phù hợp với từng loại ống sử dụng. (Liên kết bích sử dụng: Tyren, ecu, long đen vật liệu inox 304)	- Phụ kiện Ống nhựa: Việt Nam - Phụ kiện đường Ống kim loại: Trung Quốc/ Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
8	Hệ thống van (van chặn,...)	- Van chặn: + Van cổng: vật liêu Thân gang, Cánh van: Thép viền đồng + Van bướm tay gạt: kết nối kiểu Wafer; vật liệu: thân gang, cánh thép không gỉ. + Van bi: loại tay gạt, vật liệu: inox 304, kết nối ren - Van 1 chiều: + Van 1 chiều lá lật: kết nối mặt bích; vật liệu: thân gang, cánh thép viền đồng. + Van 1 chiều lá lật: kết nối kiểu Wafer; vật liệu: thân inox, đĩa van inox, dạng treo + Van 1 chiều cánh bướm: kết nối kiểu Wafer; vật liệu: thân gang xám, cánh thép không gỉ. - Van chặn, van 1 chiều nhựa: loại van bi - Khớp nối mềm: Thân EPDM hai đầu bích inox 304	Hàn Quốc/ Malaysia/ Việt Nam/ Trung Quốc	Hệ	1.00	1.00	1.00
B1.1.3	**Các vật tư gia công khác**			**Hệ**	**1.00**	**1.00**	**1.00**
9	Giá đỡ ống	Vật liệu: SUS 304, chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00

10	Đường ống qua tường	Vật liệu: u.PVC, Class 3 - Hoặc: SUS304 + Kích thước ống: DN ≤ 125, Độ dày SCH10S + Kích thước ống: DN > 125, Độ dày SCH5S	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Trung Quốc	Hệ	1.00	1.00	1.00
11	Mũi tên dán ống, thẻ van, biển báo tên bể, tên thiết bị		Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
12	Vật tư phụ, vật tư tiêu hao thi công hệ thống đường ống công nghệ		Việt Nam/ Trung Quốc	Hệ	1.00	1.00	1.00
13	Chi phí thử áp đường ống		Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
B1.2	**Khối bể xử lý**						
B1.2.1	**Bể gom nước thải**						
1	Song chắn rác thô	Vật liệu: Inox 304 Kích thước khe hở: 10mm Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
2	Van cửa phai chắn nước	Van cửa phai chắn nước DN800 Kiểu: Vận hành bằng tay quay Vật liệu: Khung cửa, và trục van bằng Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
3	Bơm vận chuyển nước thải lên bể điều hòa	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 110 m3/giờ Cột áp: 15,0 m Công suất: 11,0 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	3.00	3.00	3.00
4	Phao báo mức	- Kiểu đo: theo phương pháp chênh áp - Dải đo: 0...6mH2O - Tín hiệu ra: 4...20mA	EU/G7	Bộ	1.00	0.00	0.00

5	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Loại: lưu lượng kế điện từ Kích thước: DN200 Tín hiệu ra: 0(4)..20mA	CH Czech/ EU/ tương đương	Cái	1.00	1.00	1.00
6	Thiết bị nâng bơm	- Kiểu: Cẩu tôm, vận hành bằng tay quay - Vật liệu: Thép sơn Epoxy - Tải trọng: 500kg - Bao gồm pa lăng xích kéo tay	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
7	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cẩu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	2.00	1.00	1.00
8	Thùng chứa rác	Loại: có bánh xe Vật liệu: Nhựa Dung tích: 240 lít	Việt Nam	Cái	1.00	0.00	0.00
B1.2.2	**Bể lắng cát, tách mỡ**						
9	Thiết bị tách rác	Loại: Thiết bị lược rác Kiểu: Trống quay Công suất max (với nước sạch): 400 m3/h Kích thước khe hở: 2 mm Vật liệu: Inox 304 Công suất điện: P = 0,75-1,5 kW; 380V, 3 pha 50Hz. Bao gồm: Máng thu rác	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
10	Hệ thống tách dầu, mỡ	Hệ thống đường ống + van xả cát, xả dầu Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
11	Thùng chứa dầu	Loại: Bồn PE Dung tích: 2000 lít	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
12	Thùng chứa rác	Loại: có bánh xe Vật liệu: Nhựa Dung tích: 240 lít	Việt Nam	Cái	2.00	2.00	2.00
B1.2.3	**Bể điều hòa**						

13	Bơm chìm bể điều hòa	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 75 m3/giờ Cột áp: ≥ 7,0 m Công suất: 3,7kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	3.00	3.00	3.00
14	Máy khuấy chìm	Công suất: P = 2,5/3,2 kW; 380V/3ph/50Hz Vật liệu: - Thân: Gang- Cánh: Thép không gỉ- Trục: Thép không gỉCấp bảo vệ: IP68, class H	Đức	Cái	4.00	4.00	4.00
14	Thiết bị báo mức	Kiểu đo: theo phương pháp chênh áp Dải đo: 0...6mH2O Tín hiệu ra: 4...20mA	EU/ htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
15	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Loại: lưu lượng kế điện từ Kích thước: DN150 Tín hiệu ra: 0(4)..20mA	CH Czech/ EU/ tương đương	Cái	1.00	1.00	1.00
16	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC, Class 3 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
17	Thiết bị nâng bơm	- Kiểu: Cẩu tôm, vận hành bằng tay quay - Vật liệu: Thép sơn Epoxy - Tải trọng: 500kg - Bao gồm pa lăng xích kéo tay	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
18	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cẩu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.4	**Bể điều chỉnh pH 1**						

19	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor - Inox 304	Nhật Bản/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
20	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC, Class 3 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
B1.2.5	**Bể xử lý Crom**						
21	Động cơ khuấy kèm giảm tốc	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 80 v/phút Công suất: P = 1,5kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
22	Hệ trục, cánh khuấy	Vật liệu: Inox 304 Cánh khuấy dạng mái chèo Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
23	Thiết bị đo ORP	Phương pháp đo: Điện cực kim loại Khoảng đo: ORP: ±2000 mV Độ phân giải: 1 mV Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 90 to 264 V Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor - Inox 304	Nhật Bản/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.6	**Bể điều chỉnh pH 2**						

24	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor - Inox 304	Nhật Bản/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
25	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC, Class 3 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
B1.2.8	**Bể keo tụ 1**						
26	Động cơ khuấy kèm giảm tốc	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 80 v/phút Công suất: P = 3,0kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
27	Hệ trục, cánh khuấy	Vật liệu: Inox 304 Cánh khuấy dạng mái chèo Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.9	**Bể tạo bông 1**						
28	Động cơ khuấy kèm giảm tốc	Loại đứng Tốc độ n = 30 - 50 v/phút Công suất: P = 1,5kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
29	Hệ trục, cánh khuấy	Vật liệu: Inox 304 Cánh khuấy dạng mái chèo Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.10	**Bể lắng hóa lý 1**						

30	Bơm cặn bể lắng	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 20 m3/giờ Cột áp: ≥ 7,0 m Công suất: 1,5 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	2.00	2.00	2.00
31	Ống phân phối trung tâm	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
32	Hệ thống giàn gạt bùn, cặn trong bể lắng	Vật liệu: Inox 304/ SS400/ lưỡi cào bùn bằng cao su Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
33	Tấm chắn răng cưa trong bể lắng	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
34	Động cơ giảm tốc gạt bùn	Loại đứng Tốc độ n = 0.1 - 0.2 v/phút Công suất: P = 0,37-0.75 kw; 400V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
35	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cầu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.11	**Bể trung gian**						
36	Van cửa phai chắn nước	Van cửa phai chắn nước DN400 Kiểu: Vận hành bằng tay quay Vật liệu: Khung cửa, và trục van bằng Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
37	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC, Class 3 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
B1.2.12	**Bể thiếu khí**						

38	Máy khuấy chìm	Công suất: P = 1,7/2,3 kW; 380V/3ph/50Hz Vật liệu: - Thân: Gang - Cánh: Thép không gỉ - Trục: Thép không gỉ Cấp bảo vệ: IP68, class H	Đức	Cái	4.00	4.00	4.00
39	Hệ giá đỡ máy khuấy	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế Bao gồm: xích nâng hạ Inox 304	Việt Nam	Bộ	4.00	4.00	4.00
40	Trụ đặt thiết bị nâng máy khuấy	Loại: cố định, đỡ cầu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	4.00	4.00	4.00
B1.2.13	**Bể hiếu khí**						
41	Hệ thống phân phối khí	Loại: đĩa phân phối khí dạng bọt mịnDải lưu lượng: 0-12m3/hKích thước đĩa: 9"Vật liệu màng: EPDM	EU/ G7	Hệ	2.00	2.00	2.00
42	Thiết bị đo DO	Loại: Đo và điều khiển DO Khoảng đo: 0..20 mg/l Tín hiệu ra: 4..20mA Bao gồm:Transmiter + Đầu đo Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor - Inox 304	Nhật Bản/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
43	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor - Inox 304	Nhật Bản/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00

44	Bơm tuần hoàn nước thải	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 110 m3/giờ Cột áp: ≥ 7,0 m Công suất: 3,7kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	4.00	4.00	4.00
45	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cầu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
B1.2.14	**Bể lắng sinh học**						
46	Bơm bùn bể lắng	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 40 m3/giờ Cột áp: ≥ 7,0 m Công suất: 2,2kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	4.00	4.00	4.00
47	Ống phân phối trung tâm inox SUS304	Vật liệu: SUS 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
48	Hệ thống giàn gạt bùn, cặn trong bể lắng	Vật liệu: Inox 304/ SS400/ lưỡi cào bùn bằng cao su Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
49	Tấm răng cưa và tấm chắn bọt trong bể lắng	Vật liệu: SUS 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
50	Phễu thu bọt	Vật liệu: PVC Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
51	Động cơ giảm tốc gạt bùn	Động cơ: Tốc độ: n = 8.19 rpm Công suất: P = 0,37-0.75 kw; 400V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00

52	Van cửa phai chắn nước	Van cửa phai chắn nước BxH = 600x300mm Kiểu: Vận hành bằng tay quay Vật liệu: Khung cửa, và trục van bằng Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
53	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cầu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	2.00
B1.2.15	**Bể điều chỉnh pH 3**						
54	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo	Nhật Bản/ htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
55	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC, Class 3 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00
56	Van cửa phai chắn nước	Van cửa phai chắn nước BxH = 600x300mmKiểu: Vận hành bằng tay quayVật liệu: Khung cửa, và trục van bằng Inox 304Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.19	**Bể keo tụ 2**						
57	Động cơ khuấy kèm giảm tốc	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 80 v/phút Công suất: P = 3,0kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
58	Hệ trục, cánh khuấy	Vật liệu: Inox 304 Cánh khuấy dạng mái chèo Bao gồm bệ đỡ động cơ và gối đỡ đáy bể Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.20	**Bể tạo bông 2**						

59	Động cơ khuấy kèm giảm tốc	Loại đứng Tốc độ n = 30 - 50 v/phút Công suất: P = 1,5kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
60	Hệ trục, cánh khuấy	Vật liệu: Inox 304 Cánh khuấy dạng mái chèo Bao gồm bệ đỡ động cơ và gối đỡ đáy bể Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.21	**Bể lắng hóa lý 2**						
61	Bơm cặn bể lắng	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 20 m3/giờ Cột áp: ≥ 7,0 m Công suất: 1,5 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	2.00	2.00	2.00
62	Ống phân phối trung tâm inox SUS304	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
63	Hệ thống giàn gạt bùn, cặn trong bể lắng	Vật liệu: Inox 304/ SS400/ lưỡi cào bùn bằng cao su Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
64	Tấm chắn răng cưa trong bể lắng	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
65	Động cơ giảm tốc gạt bùn	Loại đứng Tốc độ n = 0.1 - 0.2 v/phút Công suất: P = 0,37-0.75 kw; 400V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.22	**Bể khử trùng**						
66	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC, Class 3 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1.00	1.00	1.00

67	Bơm nước rửa máy ép bùn băng tải	Lưu lượng: 6,0 m3/h Cột áp: 47,5 Công suất: 1,5kW; 380V/3ph/50Hz Vật liệu: Thân gang, cánh đồng thau	Italia	Bộ	2.00	2.00	2.00
68	Đồng hồ đo áp suất bơm rửa máy ép bùn	Dải áp suất đo: 0-10bar Đường kính: 2,5 inch Vật liệu vỏ: Inox 304	Hàn Quốc	Cái	1.00	1.00	1.00
69	Phao báo mức	Loại: Phao quả Báo 02 mức (cao, thấp) Vật liệu: PE Cấp bảo vệ: IP68	Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
70	Van cửa phai chắn nước	Van cửa phai chắn nước DN400 Kiểu: Vận hành bằng động cơ điện Kiểu lắp đặt: Lắp ốp tường Vật liệu: Khung cửa, và trục van bằng Inox 304 Đệm kín: Cao su	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.23	**Bể chứa bùn sinh học**						
71	Hệ thống phân phối khí	Loại: đĩa phân phối khí dạng bọt mịn Dải lưu lượng: 0-12m3/h Kích thước đĩa: 12" Vật liệu màng: EPDM	EU/ G7	Hệ	1.00	1.00	1.00
72	Bơm cặn bể lắng	Loại: Bơm chìm Lưu lượng:20 m3/giờ Cột áp: ≥ 7,0 m Công suất: 1,5 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	2.00	2.00	2.00
73	Phao báo mức	Loại: Phao quả Báo 02 mức (cao, thấp) Vật liệu: PE Cấp bảo vệ: IP68	Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00

74	Van điện	Loại: van bướm điện Chức năng: đóng mở ON/OFF Kích thước van: DN65 Vật liệu van: Thân gang, đĩa SUS304, trục thép không gỉ	Thụy Sĩ/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
75	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cầu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.24	**Bể nén bùn**						
76	Ống phân phối trung tâm inox SUS304	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
77	Tấm chắn răng cưa	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
78	Động cơ giảm tốc gạt bùn	Loại đứng Tốc độ n = 0.1 - 0.2 v/phút Công suất: P = 0,37 - 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
79	Hệ thống giàn gạt bùn, cặn trong bể lắng	Vật liệu: Inox 304/ SS400/ lưỡi cào bùn bằng cao su Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
80	Bơm bùn bể nén bùn	Loại: Bơm trục vít Lưu lượng: 8 m3/giờ Cột áp: 2,0 bar Công suất: 2.2 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP55 Vật liệu: Thân bơm gang; Roto: vị trí quay thép crom, các phần khác thép phủ VCP	Ấn Độ/ tương đương	Bộ	2.00	2.00	2.00
81	Phao báo mức	Loại: Phao quả Báo 02 mức (cao, thấp) Vật liệu: PE Cấp bảo vệ: IP68	Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.2.25	**Hồ sự cố**						

82	Bơm nước hồ sự cố	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 110 m3/giờ Cột áp: ≤ 15,0 m Công suất: 5,5kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: Thân gang, cánh gang, trục thép không gỉ Đã bao gồm khớp nối nhanh và thanh dẫn hướng, xích kéo bơm	Nhật Bản	Bộ	3.00	3.00	0.00
83	Phao báo mức	Loại: Phao quả Báo 02 mức (cao, thấp) Vật liệu: PE Cấp bảo vệ: IP68	Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	0.00
84	Van cửa phai chắn nước	Van cửa phai chắn nước DN400 Kiểu: Vận hành bằng tay quay Vật liệu: Khung cửa, và trục van bằng Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2.00	2.00	0.00
84	Thiết bị nâng bơm	- Kiểu: Cẩu tôm, vận hành bằng tay quay- Vật liệu: Thép sơn Epoxy- Tải trọng: 500kg- Bao gồm pa lăng xích kéo tay	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	0.00
85	Trụ đặt thiết bị nâng bơm	Loại: cố định, đỡ cẩu tôm nâng thiết bị Vật liệu: SUS304	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
B1.3	**Nhà đặt máy thổi khí**						
86	Máy thổi khí cạn bể Hiếu khí	Loại: Roots Q=19.6 m3/phút H=5,0 mH2O Động cơ: Enertech P=30,0 kW/ 380V/3ph/50Hz Bao gồm: máy, giảm âm đầu hút, giảm âm đầu đẩy, khớp nối mềm, van an toàn, V belt, belt cover, đồng hồ đo áp suất, bộ khung đế - Giảm âm đầu đẩy, khớp nối mềm (Việt Nam).	Nhật Bản	Bộ	3.00	3.00	3.00
B1.4.1	**Nhà đặt máy ép bùn Modult 1-2**						

87	Máy ép bùn	Loại: Máy ép bùn băng tải Công suất ép bùn: 3.5- 7 m3/giờ Khung máy: thép không gỉ SUS304	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
88	Máy nén khí chỉnh băng tải	- Công suất: 1.5 kW (2,0HP), 3 pha /380V/50 Hz - Áp suất làm việc: 8 bar	Trung Quốc	Cái	1.00	0.00	0.00
89	Vít tải bùn	- Loại: 1 phễu thu, vận chuyển bùn sau ép - Công suất: 2,0 m3/h - Điện năng: 2,2kW, 3ph/380V/50Hz - Vật liệu: AISI 304 - Đường kính: 250 mm	Việt Nam	Cái	1.00	0.00	0.00
90	Xe vận chuyển bùn phơi	Loại: có bánh xe Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Cái	2.00	0.00	0.00
91	Bồn chứa hóa chất C-Polymer	Thể tích: 5000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	0.00	0.00
92	Bơm định lượng hóa chất C-Polymer	Thông số kỹ thuật: Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 420 L/h Cột áp max:6 bar. Công suất: 0.37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PVC/ PP Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	2.00	0.00	0.00
93	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn C-Polymer	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/ tương đương	Bộ	1.00	0.00	0.00
94	Trục khuấy hóa chất cho bồn C-Polymer	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
B1.4.1	**Nhà đặt máy ép bùn Modult 3**						
95	Máy ép bùn	Loại: Máy ép bùn băng tải Công suất ép bùn: 2- 5 m3/giờ Khung máy: thép không gỉ SUS304	Việt Nam	Bộ	0.00	0.00	1.00

96	Máy nén khí chỉnh băng tải	- Công suất: 1.5 kW (2,0HP), 3 pha /380V/50 Hz - Áp suất làm việc: 8 bar	Trung Quốc	Cái	0.00	0.00	1.00
97	Vít tải bùn	- Loại: 1 phễu thu, vận chuyển bùn sau ép - Công suất: 2,0 m3/h - Điện năng: 2,2kW, 3ph/380V/50Hz - Vật liệu: AISI 304 - Đường kính: 250 mm	Việt Nam	Cái	0.00	0.00	1.00
98	Xe vận chuyển bùn phơi	Loại: có bánh xe Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Cái	0.00	0.00	2.00
99	Bồn chứa hóa chất C-Polymer	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	0.00	0.00	1.00
100	Bơm định lượng hóa chất C-Polymer	Loại: Bơm màngLưu lượng max: 260-271 L/hCột áp max: 3-7 barCông suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50HzĐầu bơm: PP/ PVCMàng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	0.00	0.00	2.00
101	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn C-Polymer	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/ tương đương	Bộ	0.00	0.00	1.00
102	Trục khuấy hóa chất cho bồn C-Polymer	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	0.00	0.00	1.00
B1.5	**Hệ thống hóa chất**						
1	Bồn chứa hóa chất NaOH	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
103	Bơm định lượng hóa chất NaOH	Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 260-271 L/h Cột áp max: 3-7 bar Công suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP/ PVC Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	3.00	3.00	3.00

104	Bơm định lượng hóa chất NaOH	Thông số kỹ thuật: Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 146-155 L/h Cột áp max: 5-10 bar. Công suất: 0,18-0.25kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PVC/ PP Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	4.00	4.00	4.00
105	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn NaOH	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
106	Trục khuấy hóa chất cho bồn NaOH	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
107	Bồn chứa hóa chất H2SO4	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
108	Bơm định lượng hóa chất H2SO4	Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 260-271 L/h Cột áp max: 3-7 bar Công suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP/ PVC Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
109	Bồn chứa hóa chất FeSO4	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
110	Bơm định lượng hóa chất FeSO4	Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 260-271 L/h Cột áp max: 3-7 bar Công suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP/ PVC Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
111	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn FeSO4	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00

112	Trục khuấy hóa chất cho bồn FeSO4	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
113	Bồn chứa hóa chất PAC	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
114	Bơm định lượng hóa chất PAC	Loại: Bơm mànglưu lượng max: 260-271 L/hCột áp max: 3-7 barCông suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50HzĐầu bơm: PP/ PVCMàng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	3.00	3.00	3.00
115	Bơm định lượng hóa chất PAC	Thông số kỹ thuật: Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 146-155 L/h Cột áp max: 5-10 bar. Công suất: 0,18-0.25kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PVC/ PP Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
116	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn PAC	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
117	Trục khuấy hóa chất cho bồn PAC	Vật liệu: Inox 304 bọc FRP Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
118	Bồn chứa hóa chất A-Polymer	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
119	Bơm định lượng hóa chất A-Polymer	Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 260-271 L/h Cột áp max: 3-7 bar Công suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP/ PVC Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	3.00	3.00	3.00

120	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn A-Polymer	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
121	Trục khuấy hóa chất cho bồn A-Polymer	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
122	Bồn chứa hóa chất Dinh dưỡng	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
123	Bơm định lượng hóa chất Dinh dưỡng	Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 260-271 L/h Cột áp max: 3-7 bar Công suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP/ PVC Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	3.00	3.00	3.00
124	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn Dinh dưỡng	Loại đứng Tốc độ n = 60 - 85 v/phút Công suất: P = 0,75kw; 380V/3ph/50Hz Cấp bảo vệ: IP55; Class F	Singapore/ Italia/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
125	Trục khuấy hóa chất cho bồn Dinh dưỡng	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
126	Bồn chứa hóa chất NaOCl	Thể tích: 3000 L Vật liệu: FRP	Việt Nam	Cái	1.00	1.00	1.00
127	Bơm định lượng hóa chất NaOCl	Loại: Bơm màng Lưu lượng max: 260-271 L/h Cột áp max: 3-7 bar Công suất: 0.18- 0,37kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP/ PVC Màng: PTFE	Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
128	Bồn rửa mắt	Van: Mạ crôm và đồng thau. Bộ phận hoạt động: Cần giật Inox 304. Thanh ống dẫn: Ống thép Inox đúc. Bồn rửa: Bồn rửa mắt và mặt, làm bằng thép không rỉ.	Đài Loan	Bộ	1.00	1.00	1.00
129	Cầu ống hóa chất	Vật liệu: Thép mạ kẽm nhúng nóng Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00

130	Phao báo mức bồn hóa chất	Loại: Không tiếp xúc	Việt Nam	Bộ	10.00	10.00	10.00
B1.6	**Hệ thống xử lý mùi**						
131	Quạt hút mùi	Loại: Quạt ly tâm truyền động trực tiếp Lưu lượng: 3500-4500m3/h Cột áp: 1200-1100Pa Công suất: 3kW, 380V/ 3 phase/ 50Hz Vật liệu tiếp xúc trực tiếp: SUS 304 Bao gồm giảm chấn chân quạt, nắp che động cơ quạt	Việt Nam	Cái	2.00	2.00	2.00
132	Tháp hấp thụ xử lý mùi	Kích thước: DxH =1700x2800mm Vật liệu: PP Vật liệu tiếp xúc: Nhựa PVC	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
133	Tháp hấp phụ xử lý mùi	Kích thước: DxH =1700x2800mm Vật liệu: PP Bao gồm vật liệu hấp phụ	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
134	Bơm tuần hoàn dung dịch xử lý mùi	- Loại: Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng: 6-20 m3/h - Cột áp: 25-35 m - Công suất: 2,2 kW, 380V/ 3 phase/ 50Hz - Vật liệu: đầu bơm, cánh bơm SUS304	Italia/htđ	Bộ	2.00	2.00	2.00
135	Sàn thao tác lấy mẫu khí	- Vật liệu: Thép CT3 + Sơn chống rỉ - Kích thước: chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00
136	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm:Transmiter + Đầu đo	Nhật Bản/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
137	Hệ giá đỡ thiết bị đo pH	Tủ đặt transmiter và giá đỡ sensor Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	1.00	1.00	1.00

138	Phao báo mức	Loại: Phao que Báo 03 mức (cao, thấp) Bao gồm phụ kiện lắp đặt (Bộ điều khiển, bộ giữ điện cực, thanh điện cực…)	Nhật Bản/htđ	Bộ	1.00	1.00	1.00
139	Đồng hồ đo áp suất	Loại: không màng Dải đo: 0 - 4 bar	Hàn Quốc	Cái	1.00	1.00	1.00
B2	**THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN, ĐIỆN ĐỘNG LỰC**						
140	Bộ điều khiển PLC	Bộ điều khiển PLC S7-1500 /ET200 - Cấu hình phần cứng : - Đầu vào số: DI, 24VDC - Đầu ra số: DO, relay 24VDC - Đầu vào Analog: AI/ 4-20mA - Đầu ra Analog: AO / 0-10V or 4-20mA - Hỗ trợ truyền thông Ethernet - Nguồn cấp: 24DC/ 220VAC	Trung Quốc/EU	Hệ	1.00	0.00	0.00
141	Chương trình điều khiển và giám sát (Hệ thống Scada)	- Điều khiển Hệ thống theo 2 chế độ: tự động và bằng tay - Chế độ tự động: Giám sát, điều khiển toàn bộ hoạt động của Trạm xử lý thông qua giao diện vận hành HMI (trên PC) bằng giao diện tiếng Việt; phần mềm Win CC không bản quyền - Chế độ bằng tay: Điều khiển hoạt động của trạm xử lý trên Panel nút bấm, Switch trên cánh tủ, duy trì giám sát trạng thái toàn bộ thiết bị bằng đèn báo - Cảnh báo sự cố bằng tín hiệu còi, đèn báo - Phần mềm không bản quyền	Việt Nam	Hệ	1.00	0.00	0.00
142	Máy tính điều khiển giám sát	- 01 Màn hình LCD 27" CPU: Core i7 RAM: 16GB (2x8GB) Ổ cứng: 512 SSD SATA Ổ cứng: 1TB HDD Kèm mouse và keyboard Phần mềm window, offcce có bản quyền	Máy tính: Malaysia Màn Hình: Trung Quốc	Bộ	1.00	0.00	0.00

143	Bộ lưu điện UPS	- Công suất: 2200 VA / 1.2 KW- Điện áp 220 VAC ± 1%- Acquy: 12V9Ah	Nhật Bản	Bộ	1.00	0.00	0.00
144	Tủ điện điều khiển Trạm xử lý nước thải	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhà Điện áp : 3 pha, 380VAC, 50Hz Nguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz 02 chế độ: tự động và bằng tay - Tích hợp toàn bộ attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian - Bao gồm không gian lắp đặt " Bộ điều khiển PLC " Bao gồm cả hệ thống tiếp địa cho tủ điện	Châu Á	Hệ thống	1.00	0.00	0.00
145	Biến tần điều khiển máy thổi khí hiếu khí	Công suất 37,0 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Châu á/Nhật Bản/ htđ	Bộ	3.00	0.00	0.00
146	Biến tần điều khiển bơm chìm bể điều hòa	Công suất 5,5 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Châu á/Nhật Bản/ htđ	Bộ	3.00	0.00	0.00
147	Tủ điện khu pha chế hóa chất:	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhà Điện áp : 3 pha, 380VAC, 50Hz Nguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz 02 chế độ: tự động và bằng tay - Tích hợp toàn bộ attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian - Bao gồm không gian lắp đặt " Bộ điều khiển PLC " Bao gồm cả hệ thống tiếp địa cho tủ điện	Châu Á	Hệ thống	1.00	0.00	0.00
148	Hệ thống cáp điện động lực, cáp điều khiển, tín hiệu	Cáp động lực: (Cu/XLPE/PVC)/ (Cu/PVC/PVC) Cáp điều khiển : CVV/ CVV-S	Việt Nam	Hệ thống	1.00	0.00	0.00
149	Hệ thống thang máng cáp, ống luồn cáp	Máng cáp luồn cáp điện nổi bằng tôn ZAM, Ống chôn ngầm: ống xoắn HDPE / PVC Ống đi nổi ngoài trời: Ống thép EMT Ống đi trong nhà : PVC	Việt Nam	Hệ thống	1.00	0.00	0.00

150	Hệ thống chiếu sáng trong nhà	Chiếu sáng trong nhà điều hành, nhà phụ trợ. Bao gồm hệ thống đèn LED, ổ cắm, công tắc, phụ kiện.	Việt Nam/ Trung quốc/ tương đương	Hệ	1.00	0.00	0.00
151	Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà	Chiếu sáng ngoài nhà: khu vực TXLNT, cột cao H=9m, Bóng đèn LED	Việt Nam/ Trung quốc/ tương đương	Hệ	1.00	0.00	0.00
152	Tủ điện ATS	- Thiết bị dóng cắt Mitsubishi/LS / tương đương Linh kiện: Bộ chuyển đổi nguồn ATS 4P 1000A (Osung- Korea) và các thiết bị điều khiển	Châu Á	Hệ thống	1.00	0.00	0.00
153	Máy phát điện	Công suất liên tục/dự phòng: 600/660 KVA (Máy phát, ống thoát khói, khí, vật tư phụ) Thiết bị nhập khẩu, Tổ máy được lắp ráp tại Việt nam	Trung Quốc/UK	Bộ	1.00	0.00	0.00
154	Trạm biến áp	- Công suất 560KVA - Trạm biến áp dạng treo, máy biến áp dầu - Phạm vi CĐT: Bao gồm: Cột điểm đấu, chi phí đấu nối điện với điện lực, dây trung thế, lắp đặt đấu nối trung thế đầu vào, Tủ phân phối, Tụ bù, đồng hồ đo đếm điện năng tiêu thụ với điện lực.	Việt Nam	Hệ	1.00	0.00	0.00
155	Hệ thống chữa cháy trong trạm xử lý	Thiết bị và dụng cụ chữa cháy.	Việt Nam	Hệ	1.00	0.00	0.00
156	Hệ thống chống sét trực tiếp	Kim thu sét loại phóng tia tiên đạo sớm - Bao gồm cột chống sét cao 12m - Bán kính bảo vệ cấp III : 101m	Thổ nhĩ kì/Việt Nam	Hệ	1.00	0.00	0.00

157	Hệ thống Camera	Gồm :- Camera IP 2.0 cố địnhTầm nhìn: 50 meters1/2.8 inch Progressive Scan CMOSH.265+/H.265/H.264+/H.264/MJPEG0.01 Lux @ (F1.2, AGC ON),0.018 Lux @ (F1.6, AGC ON), 0 Lux with IR. WDR 120dB 3D DNR; ICR; BLC; HLC- UPS OFFLINE 1KVA (Số lượng: 01 cái)- DVRs 24 channel + Hard driver 64MB (6Gb/s) (Số lượng: 01 cái)- Camera quay quét 360 độ- Màn hình 50 inch Samsung (Số lượng: 01 cái)- Phụ kiện	Trung Quốc	Hệ	1.00	0.00	0.00
158	Đóng cắt hiện trường Isolator	- Isolator : IP65/66 - Giá đỡ : SUS 304	- Isolator :Trung Quốc - Giá đỡ : Việt Nam	Hệ	1.00	0.00	0.00
159	Điều hoà	12000BTU	Panasonic	cái	5.00	0.00	0.00
160	Điều hoà	18000BTU	Panasonic	cái	1.00	0.00	0.00
161	Bộ điều khiển PLC	Bộ điều khiển PLC S7-1500 /ET200 - Cấu hình phần cứng : - Đầu vào số: DI, 24VDC - Đầu ra số: DO, relay 24VDC - Đầu vào Analog: AI/ 4-20mA - Đầu ra Analog: AO / 0-10V or 4-20mA - Hỗ trợ truyền thông Ethernet - Nguồn cấp: 24DC/ 220VAC	Trung Quốc/EU	Hệ	0.00	1.00	0.00

162	Chương trình điều khiển và giám sát (Hệ thống Scada)	- Điều khiển Hệ thống theo 2 chế độ: tự động và bằng tay - Chế độ tự động: Giám sát, điều khiển toàn bộ hoạt động của Trạm xử lý thông qua giao diện vận hành HMI (trên PC) bằng giao diện tiếng Việt; phần mềm Win CC không bản quyền - Chế độ bằng tay: Điều khiển hoạt động của trạm xử lý trên Panel nút bấm, Switch trên cánh tủ, duy trì giám sát trạng thái toàn bộ thiết bị bằng đèn báo - Cảnh báo sự cố bằng tín hiệu còi, đèn báo - Phần mềm không bản quyền	Việt Nam	Hệ	0.00	1.00	0.00
163	Máy tính điều khiển giám sát	- Màn hình LCD 27"	Máy tính: Malaysia Màn Hình: Trung Quốc	Bộ	0.00	1.00	0.00
164	Bộ lưu điện UPS	- Công suất: 2200 VA / 1.2 KW - Điện áp 220 VAC ± 1% - Acquy: 12V9Ah	Nhật Bản	Bộ	0.00	1.00	0.00
165	Tủ điện điều khiển Trạm xử lý nước thải	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhà Điện áp : 3 pha, 380VAC, 50Hz Nguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz 02 chế độ: tự động và bằng tay - Tích hợp toàn bộ attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian - Bao gồm không gian lắp đặt " Bộ điều khiển PLC " Bao gồm cả hệ thống tiếp địa cho tủ điện	Châu Á	Hệ thống	0.00	1.00	0.00
166	Biến tần điều khiển máy thổi khí hiếu khí	Công suất 37,0 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Châu á/Nhật Bản/ htđ	Bộ	0.00	3.00	0.00
167	Biến tần điều khiển bơm chìm bể điều hòa	Công suất 5,5 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Châu á/Nhật Bản/ htđ	Bộ	0.00	3.00	0.00

168	Tủ điện khu pha chế hóa chất:	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhàĐiện áp : 3 pha, 380VAC, 50HzNguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz02 chế độ: tự động và bằng tay- Tích hợp toàn bộ attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian- Bao gồm không gian lắp đặt " Bộ điều khiển PLC " Bao gồm cả hệ thống tiếp địa cho tủ điện	Châu Á	Hệ thống	0.00	1.00	0.00
169	Hệ thống cáp điện động lực, cáp điều khiển, tín hiệu	Cáp động lực: (Cu/XLPE/PVC)/ (Cu/PVC/PVC) Cáp điều khiển : CVV/ CVV-S	Việt Nam	Hệ thống	0.00	1.00	0.00
170	Hệ thống thang máng cáp, ống luồn cáp	Máng cáp luồn cáp điện nối bằng tôn ZAM, Ống chôn ngầm: ông xoắn HDPE / PVC Ống đi nổi ngoài trời: Ống thép EMT Ống đi trong nhà : PVC	Việt Nam	Hệ thống	0.00	1.00	0.00
171	Hệ thống chiếu sáng trong nhà	Chiếu sáng trong nhà điều hành, nhà phụ trợ. Bao gồm hệ thống dèn LED, ổ cắm, công tắc, phụ kiện.	Việt Nam/ Trung quốc/ tương đương	Hệ	0.00	1.00	0.00
172	Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà	Chiếu sáng ngoài nhà: khu vực TXLNT, cột cao H=9m, Bóng đèn LED	Việt Nam/ Trung quốc/ tương đương	Hệ	0.00	1.00	0.00
173	Hệ thống chữa cháy trong trạm xử lý	Thiết bị và dụng cụ chữa cháy.	Việt Nam	Hệ	0.00	1.00	0.00
174	Hệ thống Camera	Gồm : - Camera IP 2.0 cố định Tầm nhìn: 50 meters 1/2.8 inch Progressive Scan CMOS H.265+/H.265/H.264+/H.264/MJPEG 0.01 Lux @ (F1.2, AGC ON),0.018 Lux @ (F1.6, AGC ON), 0 Lux with IR. WDR 120dB 3D DNR; ICR; BLC; HLC - UPS OFFLINE 1KVA (Số lượng: 01 cái) - DVRs 24 channel + Hard driver 64MB (6Gb/s) (Số lượng: 01 cái) - Camera quay quét 360 độ - Màn hình 50 inch Samsung (Số lượng: 01 cái) - Phụ kiện	Trung Quốc	Hệ	0.00	1.00	0.00

175	Đóng cắt hiện trường Isolator	- Isolator : IP65/66 - Giá đỡ : SUS 304	- Isolator :Trung Quốc - Giá đỡ : Việt Nam	Hệ	0.00	1.00	0.00
176	Bãi cọc tiếp địa cho hệ tủ điện module 2		Việt Nam	Hệ	0.00	1.00	0.00
177	Điều hoà	12000BTU	Panasonic	cái	0.00	1.00	0.00
178	Bộ điều khiển PLC	Bộ điều khiển PLC S7-1500 /ET200 - Cấu hình phần cứng : - Đầu vào số: DI, 24VDC - Đầu ra số: DO, relay 24VDC - Đầu vào Analog: AI/ 4-20mA - Đầu ra Analog: AO / 0-10V or 4-20mA - Hỗ trợ truyền thông Ethernet - Nguồn cấp: 24DC/ 220VAC	Trung Quốc/EU	Hệ	0.00	0.00	1.00
179	Chương trình điều khiển và giám sát (Hệ thống Scada)	- Điều khiển Hệ thống theo 2 chế độ: tự động và bằng tay - Chế độ tự động: Giám sát, điều khiển toàn bộ hoạt động của Trạm xử lý thông qua giao diện vận hành HMI (trên PC) bằng giao diện tiếng Việt; phần mềm Win CC không bản quyền - Chế độ bằng tay: Điều khiển hoạt động của trạm xử lý trên Panel nút bấm, Switch trên cánh tủ, duy trì giám sát trạng thái toàn bộ thiết bị bằng đèn báo - Cảnh báo sự cố bằng tín hiệu còi, đèn báo - Phần mềm không bản quyền	Việt Nam	Hệ	0.00	0.00	1.00
180	Máy tính điều khiển giám sát	- Màn hình LCD 27"	Máy tính: Malaysia Màn Hình: Trung Quốc	Bộ	0.00	0.00	1.00
181	Bộ lưu điện UPS	- Công suất: 2200 VA / 1.2 KW - Điện áp 220 VAC ± 1% - Acquy: 12V9Ah	Nhật Bản	Bộ	0.00	0.00	1.00

182	Tủ điện điều khiển Trạm xử lý nước thải	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhàĐiện áp : 3 pha, 380VAC, 50HzNguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz02 chế độ: tự động và bằng tay- Tích hợp toàn bộ attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian- Bao gồm không gian lắp đặt " Bộ điều khiển PLC " Bao gồm cả hệ thống tiếp địa cho tủ điện	Châu Á	Hệ thống	0.00	0.00	1.00
183	Biến tần điều khiển máy thổi khí hiếu khí	Công suất 37,0 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Châu á/Nhật Bản/ htđ	Bộ	0.00	0.00	3.00
184	Biến tần điều khiển bơm chìm bể điều hòa	Công suất 5,5 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Châu á/Nhật Bản/ htđ	Bộ	0.00	0.00	3.00
185	Tủ điện khu pha chế hóa chất:	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhà Điện áp : 3 pha, 380VAC, 50Hz Nguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz 02 chế độ: tự động và bằng tay - Tích hợp toàn bộ attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian - Bao gồm không gian lắp đặt " Bộ điều khiển PLC " Bao gồm cả hệ thống tiếp địa cho tủ điện	Châu Á	Hệ thống	0.00	0.00	1.00
186	Hệ thống cáp điện động lực, cáp điều khiển, tín hiệu	Cáp động lực: (Cu/XLPE/PVC)/ (Cu/PVC/PVC) Cáp điều khiển : CVV/ CVV-S	Việt Nam	Hệ thống	0.00	0.00	1.00
187	Hệ thống thang máng cáp, ống luồn cáp	Máng cáp luồn cáp điện nổi bằng tôn ZAM, Ống chôn ngầm: ống xoắn HDPE / PVC Ống đi nổi ngoài trời: Ống thép EMT Ống đi trong nhà : PVC	Việt Nam	Hệ thống	0.00	0.00	1.00
188	Hệ thống chiếu sáng trong nhà	Chiếu sáng trong nhà điều hành, nhà phụ trợ. Bao gồm hệ thống đèn LED, ổ cắm, công tắc, phụ kiện.	Việt Nam/ Trung quốc/ tương đương	Hệ	0.00	0.00	1.00
189	Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà	Chiếu sáng ngoài nhà: khu vực TXLNT, cột cao H=9m, Bóng đèn LED	Việt Nam/ Trung quốc/ tương đương	Hệ	0.00	0.00	1.00
190	Hệ thống chữa cháy trong trạm xử lý	Thiết bị và dụng cụ chữa cháy.	Việt Nam	Hệ	0.00	0.00	1.00

191	Hệ thống Camera	Gồm : - Camera IP 2.0 cố định Tầm nhìn: 50 meters 1/2.8 inch Progressive Scan CMOS H.265+/H.265/H.264+/H.264/MJPEG 0.01 Lux @ (F1.2, AGC ON),0.018 Lux @ (F1.6, AGC ON), 0 Lux with IR. WDR 120dB 3D DNR; ICR; BLC; HLC - UPS OFFLINE 1KVA (Số lượng: 01 cái) - DVRs 24 channel + Hard driver 64MB (6Gb/s) (Số lượng: 01 cái) - Camera quay quét 360 độ - Màn hình 50 inch Samsung (Số lượng: 01 cái) - Phụ kiện	Trung Quốc	Hệ	0.00	0.00	1.00
192	Đóng cắt hiện trường Isolator	- Isolator : IP65/66 - Giá đỡ : SUS 304	- Isolator :Trung Quốc - Giá đỡ : Việt Nam	Hệ	0.00	0.00	1.00
193	Bãi cọc tiếp địa cho hệ tủ điện module 2		Việt Nam	Hệ	0.00	0.00	1.00
194	Điều hoà	12000BTU	Panasonic	cái	0.00	0.00	1.00
B3	**THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM**						
195	Máy đo pH cầm tay	Thông số đo: pH, mV, nhiệt độ Dải pH: -2 đến 16. Độ chính xác: +/-0.005pH Dải nhiệt độ đo: -5 đến 150°C, độ chính xác +/-0.2°C Tự động hiệu chỉnh tại: pH: 4.0, 7.0, 10.0 Chế độ: Bù nhiệt độ tự động Pin hoạt động loại: AAA	Romania	Bộ	1.00	0.00	0.00
196	Máy đo DO cầm tay	Khoảng đo: 0-25 mg/l DOĐộ chính xác cao: ±1.5%Màn hiển thị kết quả LCDCung cấp bao gồm 1 máy chính, 1 valy hiện trường và phụ kiện	Romania	Bộ	1.00	0.00	0.00

197	Máy phá mẫu COD	Nhiệt độ gia nhiệt: 100/120/150 độ C Đo COD (150 độ C); TOC (120 độ C), Nitrogen tổng; Phốt pho tổng; Chrom tổng (100 độ C) Dùng cho ống: 16mmx24 chỗ Chế độ cài đặt thời gian: 30, 60, 120 phút và tự động ngắt khi nhiệt độ đạt đến điểm cài đặt	Romania	Bộ	1.00	0.00	0.00
198	Máy quang phổ so màu đa chỉ tiêu	Tự động chọn bước sóng trong vùng 430-660nm Kết quả hiển thị màn hình LEDS Cổng RS232 kết nối máy tính hoặc máy in Tự động tắt sau 20 phút không sử dụng Nguồn điện: Pin	Romania	Bộ	1.00	0.00	0.00
199	Hóa chất phân tích mẫu	Phân tích COD: 50 test Phân tích tổng Phốt pho: 50 test Phân tích tổng Ni tơ: 50 test Phân tích Amoni: 50 test Phân tích Nitrat: 50 test	Romania	Bộ	1.00	0.00	0.00
200	Dụng cụ phòng thí nghiệm	Dụng cụ thủy tinh và các thiết bị phụ trợ	Trung Quốc/ Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
201	**THIẾT BỊ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ**						
202	Bộ điều khiển và hiển thị đa thông số	- Kết nối với cảm biến đo: COD, TSS, pH, Nhiệt độ, Amoni (NH4+), Lưu lượng kênh hở đầu ra theo công nghệ Cross Smart Sensor - Màn hình cảm ứng LCD, hiển thị thông số, giá trị, % và đơn vị đo - Chuẩn giao tiếp: RS485 Modbus RTU, USB 2.0, Tín hiệu ra: 4...20mA, Pulse (cho lưu lượng), Relay - Nguồn cấp: 24V DC hoặc 100...240V AC, 50Hz/60Hz - Cấp độ bảo vệ: IP 65 - Nhiệt độ xung quanh: -20...+60°C	EU/G7/htđ	Bộ	1.00	0.00	0.00

203	Đầu đo COD +TSS	- Kết nối với bộ điều khiển và hiển thị đa thông số - Phương pháp đo: trực tiếp, nhúng chìm trong nước - Công nghệ đo: định luật Beer-Lambert dựa trên Phát hiện hấp thụ bước sóng kép - Nguồn sáng: đèn LED - Khả năng đo: COD, TSS - Dải đo: COD 2...500 mg/L, TSS 5...1000 mg/L - Chiều dài quang học: phụ thuộc dải đo - Độ chính xác: ±3% dải đo - Thời gian phản hồi: có thể điều chỉnh, tối thiểu 10s - Độ phân giải: 0.01 - Làm sạch đầu dò với khí nén hoặc nước có áp - Nhiệt độ | áp suất vận hành: 0...+50°C | < 5bar - Chuẩn giao tiếp: RS485 Modbus RTU - Cấp bảo vệ: IP68, nhúng chìm trực tiếp trong nước - Vật liệu: thép không gỉ (SS316L) - Nguồn cấp: 24V DC từ GDC	EU/G7/htđ	Bộ	1.00	0.00	0.00
204	Cảm biến đo Amonia, pH, Nhiệt độ	- Kết nối với bộ điều khiển và hiển thị đa thông số- Phương pháp đo: trực tiếp, nhúng chìm trong nước- Công nghệ đo: điện cực chọn lọc- Khả năng đo: amoni (NH4+), pH, nhiệt độ- Dải đo: 0...20 mg/L- Độ chính xác: ±3% giá trị đọc- Thời gian phản hồi: < 60s- Độ phân giải: 0.01- Làm sạch đầu dò bằng khí nén hoặc nước có áp- Nhiệt độ | áp suất vận hành: 0...+50°C | 0.5bar - Chuẩn giao tiếp: RS485 Modbus RTU- Vật liệu: thép không gỉ (SS316), PVDF, PTFE, Glass- Cấp bảo vệ: IP68- Nguồn cấp: 24V DC từ GDC	EU/G7/htđ	Bộ	1.00	0.00	0.00

205	Cảm biến đo lưu lượng kênh hở đầu ra	- Kết nối với bộ điều khiển và hiển thị đa thông số - Phương pháp đo: trực tiếp, không tiếp xúc với môi chất - Công nghệ đo: sóng radar, thuật toán dịch chuyển tần số dựa trên sóng liên tục điều chế tần số (FMCW) - Khả năng đo: mức, lưu lượng - Dải đo: tối đa 0...20 m - Độ chính xác: ±1mm - Nhiệt độ | áp suất vận hành: -40...+130°C | -1...10 bar - Chuẩn giao tiếp: RS485 Modbus RTU - Cấp bảo vệ: IP68 - Vật liệu: HTPE - Nguồn cấp: 24V DC từ GDC	EU/G7/htđ	Bộ	1.00	0.00	0.00
206	Thiết bị lấy và lưu mẫu tự động	- Phương pháp lấy mẫu: bơm hút chân không (vacuum system) hoặc bơm nhu động - Số lượng mẫu lấy: 24 chai x 1.0 L - Nhiệt độ lưu mẫu: 4°C ± 2°C - Độ chính xác thể tích lấy mẫu: ± 2% - Tốc độ lấy mẫu: 3500 mL/phút (≈ 0.75 m/s) - Chiều cao hút mẫu: 9.0m - Chiều dài hút mẫu: > 100m - Chế độ lấy mẫu: lấy mẫu kích hoạt bên ngoài, lấy mẫu điều khiển từ xa - Có bảo vệ và báo động quá tải bơm - Hiển thị: màn hình LCD 192 x 64 - Chuẩn giao tiếp: RS232, RS485 - Nhiệt độ môi trường làm việc: 0...+50°C - Nguồn cung cấp: 220V AC ± 10%, 50Hz ± 0.5%	EU/G7/htđ	Bộ	1.00	0.00	0.00
207	Thiết bị thu thập và truyền dữ liệu (Datalogger)	- Đáp ứng theo yêu cầu kỹ thuật của Thông tư 10/2021/TT-BTNMT - Đạt chứng chỉ ISO 270001:2022 về hệ thống quản lý an toàn bảo mật thông tin - Có chứng nhận hợp quy của Bộ thông tin và truyền thông - Tích hợp ngôn ngữ lập trình: IEC61131-3 & C – xuất	Taiwan	Bộ	1.00	0.00	0.00

		file .txt theo yêu cầu của Thông tư 10/2021/TT-BTNMT - Nguồn cấp: 230V AC / 24V DC					
208	Thiết bị lưu điện (UPS)	- Công suất: 2200 VA / 1.2 KW - Điện áp 220 VAC ± 1% - Acquy: 12V9Ah	Nhật Bản	Bộ	1.00	0.00	0.00
209	Hệ thống camera xoay giám sát	- 02 x Camera xoay hồng ngoại (01 x ngoài trời, 01 x trong nhà), độ phân giải 2MP, chuẩn nén H.264, xoay ngang xoay dọc - 01 x Đầu ghi hình camera IP 4 kênh - 01 x Ổ cứng 4TB - Phụ kiện: cáp kết nối, swicht	Trung Quốc	Bộ	1.00	0.00	0.00
210	Tủ điện và phụ kiện lắp đặt	- Tủ điện trung tâm, vật liệu thép, sơn tĩnh điện, thông gió bằng quạt - Các phụ kiện đấu nối tủ điện: đầu cos, nguồn DC, terminal, CB, contactor, relay, nút ấn, đèn báo, ... - Cáp tín hiệu, cáp cấp nguồn thiết bị và ống bảo vệ đi cáp - Bồn chứa mẫu, gá lắp sensor, bơm hút lấy mẫu, đường ống dẫn, ... - Thiết bị chống sét lan truyền - Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm cho nhà trạm	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
211	Phần mềm quản lý dữ liệu	- Có bản quyền sở hữu trí tuệ và Chứng chỉ bảo mật thông tin ISO 27000:2022- Phần mềm tích hợp các tính năng tiên tiến nhất giúp người dùng quản lý dữ liệu một cách dễ dàng, tiện lợi và độ tin cậy cao.	Việt Nam	Hệ	1.00	0.00	0.00

212	Chi phí thực hiện kiểm định/ hiệu chuẩn, RA test	- Kiểm định/ Hiệu chuẩn thiết bị đo: pH, COD, TSS, amoni (NH4+), nhiệt độ, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra - Đo quan trắc đối chứng (RA test) các thông số: COD, TSS, pH, amoni (NH4+), nhiệt độ - Đánh giá bên ngoài hệ thống, Đánh giá kỹ thuật hệ thống - Xuất báo cáo Đánh giá RA - Chi phí di chuyển của đơn vị thực hiện	Việt Nam	Bộ	1.00	0.00	0.00
213	Hệ thống báo cháy, báo khói	- Đầu báo khói quang điện + đế - Chuông, đèn báo cháy tích hợp - Nút ấn báo cháy khẩn cấp - Tủ giám sát báo cháy 4 Zone + acquy - Bình bột chữa cháy MFZL4 ABC có tem kiểm định - Bình bọt CO2 chữa cháy MT3 có tem kiểm định - Hộp đựng bình chữa cháy (400x600x200)mm 5zem	Châu Á	Bộ	1.00	0.00	0.00
214	Hóa chất chuẩn	pH4 500ml/chai pH7 500ml/chai Dung dịch chuẩn NH4 - N 12mg/L Dung dịch chuẩn COD 100mg/L Dung dịch chuẩn TSS 100mg/L	EU/G7	Hệ	1.00	0.00	0.00

8) Chế độ xả thải

Chế độ xả nước thải từ trạm XLNT ra kênh tiêu Cầu Chi được xác định là xả liên tục trong ngày (24/24h).

9) Tính toán công nghệ trạm XLNT

Tính toán công nghệ trạm XLNT tại dự án KCN Hòa Yên trong bảng sau:

Bảng 160. Tính toán công nghệ trạm XLNT

TT	Tên thông số	Kí hiệu	Công thức	Kết quả	Đơn vị
I	**THÔNG SỐ ĐẦU VÀO**				
1	Thông số về lưu lượng				
1.1	Tổng công suất	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
1.2	Lưu lượng giờ trung bình	Qh	Qd/24h	145.83	m^3/h
1.3	Hệ số không điều hòa	Kch	Chọn	1.50	
1.4	Lưu lượng giờ lớn nhất	Qh,max	Qh,max=Qh×Kch	218.75	m^3/h
2	Thông số về chất lượng				
2.1	BOD dòng vào	BOD0		250.00	mg/L
2.2	COD dòng vào	COD0		350.00	mg/L
2.3	TSS dòng vào	TSS0		200.00	mg/L
2.4	NH4 dòng vào	NH4,0		45.00	mg/L
2.5	Tổng Nitơ dòng vào	T-N0		60.00	mg/L
2.6	Tổng Photpho dòng vào	T-P0		10.40	mg/L
2.14	Thông số khác			Theo thông số đầu vào	mg/L
	Cột			A	
	Kq			0,90	
	Kf			1,00	
1	BOD dòng ra	BODe		27,00	mg/L
2	COD dòng ra	CODe		67,50	mg/L
3	SS dòng ra	SSe		45,00	mg/L
4	NH4 dòng ra	NH4,e		4.50	mg/L
5	Tổng Nitơ dòng ra	T-Ne		18.00	mg/L
6	Tổng Photpho dòng ra	T-Pe		3.60	mg/L

7	Độ màu			50.00	Co-Pt
II	**TÍNH TOÁN THÔNG SỐ CÔNG NGHỆ**				
II.1	**BỂ GOM NƯỚC THẢI**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		10.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải giờ trung bình	Qh	Qd/24h	437.50	m^3/h
4	Hệ số không điều hòa	Kch		1.50	
5	Lưu lượng giờ max	Qhmax	Qhmax=Qd×Kch	656.25	m^3/h
6	Thời gian lưu nước	Tlưu	Chọn	10.00	phút
7	Thể tích chứa nước của bể	V	Qhmax×Tlưu	109.38	m^3
8	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			110.95	m^3
II.2	**BỂ TÁCH DẦU MỠ, TÁCH CÁT**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải giờ trung bình	Qh	Qd/24h	145.83	m^3/h
3	Hệ số không điều hòa chung	Kch	Kch=Kh×Kng	1.50	
4	Lưu lượng giờ max	Qhmax	Qhmax=Qd*Kch	218.75	m^3/h
5	Thời gian lưu nước trong bể	t	Chọn	0.45	giờ
6	Thể tích chứa nước của bể	V	V=Qhmax×t	98.44	m^3
7	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			103.06	m^3
II.3	**BỂ ĐIỀU HÒA**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải giờ trung bình	Qh	Qd/24h	145.83	m3/h
3	Thời gian lưu nước	Tlưu	Chọn	8.00	h
4	Thể tích chứa nước của bể	Vdh	Qh×Tlưu	1.166.67	m^3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			1.205.04	m^3
II.4	**BỂ ĐIỀU CHỈNH pH 1**				

1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/h
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	15.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t×Qh/60	36.46	m^3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			59.16	m^3
II.5	**BỂ XỬ LÝ CROM**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/s
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	40.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t*Qh/60	97.22	m^3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			99.09	m^3
II.6	**BỂ ĐIỀU CHỈNH pH 2**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/h
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	15.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t×Qh/60	36.46	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			41.31	m3
II.7	**BỂ KEO TỤ**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/s
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	15.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t×Qh/60	36.46	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			99.09	m3
II.8	**BỂ TẠO BÔNG**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm

2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/s
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	20.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t×Qh/60	48.61	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			41.31	m3
II.9	**BỂ LẮNG HÓA LÝ 1**				
I	Tính theo TCVN 7957:2023				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải	Q		145.83	m3/h
3	Vận tốc tính toán trung bình trong vùng lắng	V	Chọn	10.00	mm/s
4	Chiều sâu tính toán của vùng lắng	H	Chọn	3.20	m
5	Hệ số K phụ thuộc loại bể lắng	K	Chọn	0.39	
6	Độ lớn thủy lực của hạt cặn	Uo	Uo=1000KH/α/t/(KH/h)^n -ω	1.23	mm/s
7	Thời gian lắng trong hình trụ	t	Chọn	640.00	giây
8	Hệ số tính đến ảnh hưởng nhiệt độ	α	Chọn	1.44	
9	Trị số (KH/h)^n	(KH/h)^n	Chọn	1.08	
10	ω mm/s	ω	Chọn	0.02	mm/s
11	Bán kính bể lắng ly tâm	R	R^2=Q/(3.6×II×K×Uo)	5.18	m
12	Chọn số bể lắng		Chọn	1.00	
13	Đường kính mỗi bể	D		10.40	m
14	Chọn kích thước 1 cạnh bể hình vuông	D	Chọn	11.00	m
II.10	**BỂ THIẾU KHÍ - HIẾU KHÍ - TÍNH TOÁN CHO 1 MODULE**				
I	***Đầu vào***				
1	Hiệu suất sau xử lý tại quá trình xử lý sơ bộ và hóa lý đối với COD	HCOD		23.00	
2	Hiệu suất sau xử lý tại quá trình xử lý sơ bộ và hóa lý đối với BOD	HBOD		18.00	

3	Hiệu suất sau xử lý tại quá trình xử lý sơ bộ và hóa lý đối với TSS	HTSS		62.00	
4	Hiệu suất sau xử lý tại quá trình xử lý sơ bộ và hóa lý đối với TN	HTN		5.00	
5	Hiệu suất sau xử lý tại quá trình xử lý sơ bộ và hóa lý đối với NH4+_N	HNH4_N		-	
6	Hiệu suất sau xử lý tại quá trình xử lý sơ bộ và hóa lý đối với TP	HTP		50.00	
7	Số bể thiếu khí			2.00	
8	Số bể hiếu khí			2.00	
9	Lưu lượng theo ngày	Q		1.750.00	m^3/ng.đêm
10	COD vào	COD	COD0× (100%-HCOD)	269.50	mg/L
11	BOD vào	BOD	BOD0× (100%-HBOD)	205.00	mg/L
12	TSS vào	TSS	TSS0× (100%-HTSS)	76.00	mg/L
13	TN vào	TKN	TN0× (100%-HTN)	57.00	mg/L
14	NH4+_N vào	NH4+_N	NH4_N0× (100%-HNH4_N)	45.00	mg/L
15	TP vào	TP	TP0× (100%-HTP)	5.20	mg/L
16	Nhiệt độ	t		23.00	Độ C
II	***Xử lý số liệu đầu vào***				
1	Cơ chất bổ sung	C		186.50	mg/L
2	BOD hòa tan đầu vào	sBOD	sBOD=0.8BOD	164.00	mg/L
3	COD hòa tan đầu vào	sCOD	sCOD=0.75COD	202.13	mg/L
4	COD phân hủy sinh học nhanh	rbCOD	rbCOD=0.15COD	40.43	mg/L
5	COD có khả năng phân hủy sinh học dạng rắn	bpCOD	rbCOD=0.15COD	40.43	mg/L
6	COD dạng hạt	pCOD	pCOD=COD-sCOD	67.38	mg/L
7	COD có khả năng phân hủy sinh học	bCOD	bCOD=0.83COD	223.69	mg/L
8	COD có khả năng phân hủy sinh học sau khi bổ sung cơ chất	bCOD	bCOD+C	410.19	mg/L

9	Chất rắn bay hơi	VSS	VSS=0.8TSS	60.80	mg/L
10	Tỷ số bCOD/BOD	bCOD/BOD		1.05	mg/L
11	Tỷ số bpCOD/pCOD	bpCOD/pCOD		0.60	mg/L
12	Chất rắn bay hơi không có khả năng phân hủy sinh học	nbVSS	nbVSS=VSS-bpCOD/pCOD×VSS	24.32	mg/L
13	Chất rắn trơ, không bay hơi	iTSS	iTSS = TSS-VSS	15.20	mg/L
III	***Chọn đầu ra***				
1	NH4+_N ra	NH4+_N		4.45	mg/L
V	Quá trình khử BOD và nitrat hóa				
1	Chọn hệ số động học				
		µmn,20oC		0.75	g VSS/gVSS.ngày
		µmn,toC	µmn,toC= µmn,20oC×1.07^(t-20)	0.92	g/g.ngày
		Kn,20oC		0.74	
		Kn,toC	Kn,toC= Kn,20oC×1.053^(t-20)	0.86	g/m3
		Ko		0.50	g/m3
		DO		2.00	mg/l
		kdn,20oC		0.08	
		kdn,toC		0.09	g/g.ngày
	Tốc độ tăng trưởng	µn,toC	µn,toC=µmn,toC×NH4+-N/(NH4+-N+Kn) × (DO/(Ko+DO))-Kdn toC	0.53	g/g.ngày
	Tuổi bùn tính toán	SRT		1.90	Ngày
	Hệ số an toàn	FS		1.50	

	Tuổi bùn lựa chọn	SRT	SRT×FS	2.85	Ngày
	Tuổi bùn lựa chọn	SRT		10.00	Ngày
	Chọn hệ số:	Ks		20.00	g/m3
		µm,toC		7.35	g/g.Ngày
		kd,toC		0.22	g/g.Ngày
	bCOD đầu ra	S		0.93	g/m3
2	Tính lượng bùn sinh ra				
	Chọn hiệu suất nitrat hóa:	NOx/TKN		0.78	
	TKN bị nitrat hóa	NOx		44.20	mg/L
	Chọn hệ số:	Y		0.40	gVSS/gbCOD
		Yn		0.12	gVSS/gNOx
		fd		0.15	g/g
	Tính năng suất sinh bùn theo chất rắn bay hơi VSS	Px, VSS	Px, VSS=[Q*Y*(So-S)/(1+kd*SRT)] + [fd*kd*Q*Y*(So-S)*SRT/(1+kd*SRT)] + [Q*Yn*(NO3)/(1+kdn*SRT)] + [Q*nbVSS]	165.35	kg/ngày
	Tính năng suất sinh bùn theo tổng chất rắn TSS	Px, TSS	Px, TSS=[Q*Y*(So-S)/(1+kd*SRT)]/0.85 + [fd*kd*Q*Y*(So-S)*SRT/(1+kd*SRT)]/0.85 + [Q*Yn*(NO3)/(1+kdn*SRT)]/0.85 + [Q*nbVSS] + [Q*(TSS-VSS)]	213.62	kg/ngày
3	Kiểm tra TKN bị nitrat hóa				

	Năng suất bùn sinh ra ở bể xử lý	Px,bio	Px, bio=[Q*Y*(So-S)/(1+kd*SRT)] + [fd*kd*Q*Y*(So-S)*SRT/(1+kd*SRT)] + [Q*Yn*(NO3)/(1+kdn*SRT)]	122.79	kg/ngày
	Chọn hệ số Ni tơ trong sinh khối:			0.15	gN/gbiomass
	N ở thành tế bào	N cel	Ncel=Px, bio*0.12/Q	10.52	mg/L
	TKN bị nitrat hóa	NOx	N bị oxy hóa = N vào - N ra - N ở thành tế bào	42.03	mg/L
4	Tính toán thể tích bể				
	Tính lượng bùn sinh ra từ bể xử lý tính theo TSS		Px, TSS × SRT	2.136.18	kg/ngày
	Tính lượng bùn sinh ra từ bể xử lý tính theo VSS		Px, VSS × SRT	1.653.50	kg/ngày
	Chọn MLSS trong bể	X		2.700.00	mg/L
	Thể tích bể	V	V=Px, TSS×SRT/MLSS	791.18	m3
	Thời gian lưu thủy lực	HRT		10.85	giờ
	MLVSS trong bể	MLVSS	MLVSS=Px, VSS×SRT/V	2.089.91	mg/L
5	Tính toán F/M và tải trọng thể tích BOD:				
	Tỷ lệ thức ăn/vi sinh vật	F/M	F/M=Q×So/(V×MLVSS)	0.41	g/g.ngày
	Tải trọng thể tích BOD	L BOD	L BOD = BOD×Q/V	0.45	kgBOD/m3.ngày
	Tải trọng thể tích COD	L COD	L COD = COD×Q/V	0.60	kgCOD/m3.ngày
6	Tính lượng oxy cấp vào bể				
	Oxy cấp = Oxy loại bỏ C + Oxy nitrat hóa - Oxy hô hấp nội bào				
	Tính lượng oxy cấp vào bể	Ro	Ro=Q× (S-So)+4.33×Q×NOx-1.42Px, bio	860.29	kg O2/ngày

		Ro		35.85	kg O2/h
7	Tính tỷ lệ tuần hoàn bùn từ bể lắng về thiếu khí				
	Chọn chỉ số thể tích bùn	SVI	Chọn	120.00	
	MLSS tuần hoàn	MLSS RAS	MLSS RAS=10^6/SVI	8.333.33	mg/L
	Tỷ lệ tuần hoàn từ bể lắng	R	R=MLSS/(MLSS ras - MLSS)	0.48	
VI	***Quá trình khử nitrat***				
1	Tính lượng Nox cần xử lý sau hiếu khí và tỷ lệ tuần hoàn nội bộ				
	TKN bị nitrat hóa (NOx sinh ra sau bể sục khí)	Nox		42.03	mg/L
	Chọn NOx đầu ra sau xử lý	Nox e	Nox e = TN e - NH4+_N e	13.55	mg/L
	Tỷ số tuần hoàn nội bộ	IR	IR=NO3/Ne - 1 - R	1.62	
	Lượng NOX cần xử lý sau pha sục khí	Nox	NOX e ×Q× (IR + R)	49.83	kg NOX /ngày
2	Tính toán SDNRb:				
	Năng suất bùn từ Carbon mỗi bể	Px,C	[Q*Y*(bCODv-bCODr)/(1+Kd*Θc)]	88.16	kg/ngày
	Nồng độ bùn ở pha thiếu khí	Xb	PxC*SRT/V hiếu khí*1000	1.114.23	mg/L
	Chọn thời gian lưu bể thiếu khí	t		4.50	giờ
	Thể tích bể thiếu khí	Vnox	Vnox = Q×t	328.13	m3
		F/Mb	Q*BODv/(Xb*Vnox)	1.87	
	Chọn:	SDNRb, 20oC	SDNRb,20oC = b0+b1[(ln(F/Mb)]	0.23	g NO3-_N/g sinh khối . Ngày
		SDNRb,toC	SDNRb,toC = SDNRb,20oC * 1.026^(t-20)	0.25	g NO3-_N/g sinh khối . Ngày

		SDNRadj	IR ≤ 1 thì SDNRadj = SDNRb,toC 1< IR < 3 thì SDNRadj = SDNRb,toC - 0.0166 ln(F/Mb) - 0.078 3≤ IR ≤ 4 thì SDNRadj = SDNRb,toC - 0.029 ln(F/Mb) - 0.012	0.17	g NO3-_N/gMLVSS. Ngày
3	Kiểm tra khả năng khử nitrat				
	Lượng NOx có thể được loại bỏ ở bể thiếu khí	NOx capacity	SDNRadj*Vnox*Xb	60.46	kgNOx/d
	Lượng NOx cần phải xử lý	NOx		49.83	kgNOx/d
	Tỷ lệ NOx cần xử lý/có thể được loại bỏ	NOx/Nox capacity		0.82	
	Vậy NOx capacity > Nox : thỏa mãn				
VII	***Đầu ra***				
	Thể tích bể thiếu khí theo tính toán			328.13	m3
	Thể tích bể thiếu khí theo bản vẽ thiết kế			360.57	m3
	Thể tích bể hiếu khí theo tính toán			791.18	m3
	Thể tích bể hiếu khí theo bản vẽ thiết kế			851.18	m3
VIII	***Tính toán lượng khí cần thiết***				
1	Tính lượng oxy cần cấp cho bể				
	Lượng oxy cần cấp (Khử C, nitrat hóa, hô hấp nội bào)	Ro		35.85	kg O2/h
	Lượng oxy tạo ra do quá trình khử nitrat	Rodn	(NOXtk-NOXe)*Q*2.86/1000	5.94	kg O2/h
	Lượng oxy cần cấp từ bên ngoài	AOTR	Ro-Rodn	29.91	kg O2/h
2	Tính lượng oxy thông qua quá trình chuyển đổi tính đến hệ số α, β				

	Oxy duy trì bể hiếu khí	C		2.00	mg/L
	Nhiệt độ	t		23.00	ºC
	DO tại mực nước biển, 20 oC	C20		9.08	mg/L
	DO tại mực nước biển, t oC	Ct		8.56	mg/L
	Độ cao mực nước biển	H		100.00	m
	Alpha	α		0.65	
	Beta	β		0.95	
	Factor	F		0.90	
	Áp suất	P	Pd/Pa*101.325	100.16	kPa
	Tỷ trọng không khí tại toC, áp suất		P*10^3*28.97/8314/(273+t)	1.18	
	Lượng oxy thông qua quá trình chuyển đổi tính đến hệ số α, β	SOTR	SOTR=AOTR*[Cs20/(α*F*(β*Csth-C]/1.024^(t-20)	59.80	kg O2/h
3	Tính lượng không khí cần thiết				
	Tỷ trọng không khí	d		1.18	
	Phần trăm oxy trong không khí			0.21	
	Hiệu suất chuyển hóa oxy vào nước của thiết bị phân phối khí	SOTE		0.07	%/m
	Chiều sâu mực nước bể	Hn		4.50	m
	Hệ số an toàn	k		1.20	
	Lượng không khí cần cấp		SOTR/23.2%/d/(SOTE*Hn)	990.84	m3/h
II.11	**THIẾT KẾ BỂ LẮNG THỨ CẤP**				
1	Xác định diện tích bể lắng				
	Lưu lượng nước thải trung bình	Q		145.83	m3/giờ
	Hệ số tuần hoàn	R		0.25	
	Nồng độ bùn hoạt tính bể ae	X		2.700.00	g/m3
	Nồng độ bùn hoạt tính ở bể ae chảy sang bể lắng 2 (Biết rằng trong bùn chứa 20% là loại dễ bay hơi)	Co	X/0.7	3.857.14	g/m3
	Nồng độ bùn tuần hoàn	Ct		8.333.33	g/m3

	Nồng độ cặn tại mặt cắt L của bể lắng	CL	CL=1/2*Ct	4.166.67	mg/L
		Vmax	Chọn	5.00	m/h
	Vận tốc lắng của bề mặt phân chia ứng với nồng độ VL	VL	VL=Vmax*e $^{(-K*CL*10^{-6})}$	0.41	m/giờ
		K	Chọn	600.00	
	Diện tích phần lắng của bể	S	S=Q*(1+ R)*Co/(Ct*VL)	205.58	m2
	Số lượng bể: loại bể vuông			2.00	
	Diện tích 1 bể			102.79	
	Kích thước bể	D		10.14	m
	Chọn kích thước bể			10.20	
	Vận tốc nước trong ống trung tâm	v	Chọn	0.01	m/s
	Diện tích buồng phân phối trung tâm		Stt=Q/v	2.11	m2
	Diện tích bể lắng thực tế			104.04	m2
	Diện tích vùng lắng của 1 bể theo thực tế	SL		101.93	m2
2	Kiểm tra tải trọng thủy lực				
	Tải trọng thủy lực bể	a	a=Q/S	17.17	m3/m2.ngày
	Vận tốc đi lên của dòng nước trong bể	V	V=a/24*1000/3600	0.20	mm/s
	Chiều dài máng thu	L máng	L máng =0.8D bể*3.14	25.64	m
	Tải trọng thu nước trên 1 m dài máng	a L	aL=Q/L mang	68.26	m3/m dài. Ngày
3	Kiểm tra tải trọng chất rắn				
	Lưu lượng tuần hoàn	Qt	Qt=α*Q	36.46	m3/h
	Tải trọng bùn	b	b=(Q+Qt)*Co/(24*S)	3.38	kg/m2 giờ
4	Xác định chiều cao của bể				
	Chọn chiều cao bể	H	Chọn	5.00	m
	Chiều cao bảo vệ	h1	Chọn	0.50	m
	Chiều sâu vùng lắng (kể từ lớp nước trung hòa tới mặt thoáng của bể)	h2	h2=H-(h1+h3+h4+h5)	3.30	m
	Chiều cao lớp nước trung hòa	h3		0.30	m

	Chiều cao phần chóp đáy bể	h4		0.50	m
	Chiều cao chứa bùn phần hình trụ	h5		0.40	m
II.12	**BỂ ĐIỀU CHỈNH pH 3**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m3/ngày đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/h
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	10.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t*Qh/60	24.31	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			35.64	m3
III.13	**BỂ KEO TỤ 2**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/s
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	18.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t*Qh/60	43.75	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			48.84	m3
III.14	**BỂ TẠO BÔNG 2**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải trung bình	Qh	Qh=Qd/24	145.83	m3/s
3	Thời gian lưu nước	t	Chọn	20.00	phút
4	Thể tích chứa nước của bể	VR	VR=t*Qh/60	48.61	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			52.80	m3
III.15	**BỂ LẮNG HÓA LÝ 2**				
I	Tính theo TCVN 7957:2023				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải	Q		145.83	m3/h
3	Vận tốc tính toán trung bình trong vùng lắng	V	Chọn	10.00	mm/s

4	Chiều sâu tính toán của vùng lắng	H	Chọn	3.20	m
5	Hệ số K phụ thuộc loại bể lắng	K	Chọn	0.39	
6	Độ lớn thủy lực của hạt cặn	Uo	Uo=1000KH/α/t/(KH/h)^n -ω	1.23	mm/s
7	Thời gian lắng trong hình trụ	t	Chọn	640.00	giây
8	Hệ số tính đến ảnh hưởng nhiệt độ	α	Chọn	1.44	
9	Trị số (KH/h)^n	(KH/h)^n	Chọn	1.08	
10	ω mm/s	ω	Chọn	0.02	mm/s
11	Bán kính bể lắng ly tâm	R	R^2=Q/(3.6*II*K*Uo)	5.18	m
12	Chọn số bể lắng		Chọn	1.00	
13	Đường kính mỗi bể	D		10.40	m
14	Chọn kích thước 1 cạnh bể hình vuông	D	Chọn	10.50	m
15	Chiều sâu bể	Hxd	Chọn	5.00	m
16	Dung tích bể	W	W=H*D*D	496.13	m3
17	Chọn chiều sâu chứa nước của bể		Chọn	4.50	m
18	Thời gian lưu nước	t	t=W/Q	3.40	h
II	Kiểm tra tốc độ lắng thực tế của hạt				
1	Tốc độ lắng thực tế của hạt	U	U=H/(3.6*t)	0.26	mm/s
2	Hiệu suất lắng thực tế			56.50	%
III	Kiểm tra tải trọng bề mặt				
1	Diện tích bể lắng	A	A=D^2	110.25	m2
2	Tải trọng bề mặt của bể	a	a=Qd/A	31.75	m3/m2.ngày
II.16	**BỂ KHỬ TRÙNG**				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		3.500.00	m^3/ng.đêm
2	Lưu lượng nước thải giờ trung bình	Qh	Qd/24	145.83	m3/h
3	Thời gian lưu nước trong bể	t	Chọn	30.00	Phút
4	Thể tích chứa nước bể khử trùng	Vbe	Qh*t	72.92	m3
5	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			130.90	m3

II.17	**BỂ CHỨA BÙN THẢI**				
I	Tính tổng khối lượng cặn tạo ra				
1	Lưu lượng nước thải ngày	Qd		190.00	m^3/ng.đêm
2	Tồn chất rắn lơ lửng được loại bỏ	TSS	TSS=TSSin - TSSe	240.00	mg/L
3	Lượng bùn thải sinh ra từ TSS	P1	Qd*TSS/1000	45.60	kg/d
4	Tỷ trọng cặn tươi	T1		1.02	ton/m3
5	Nồng độ cặn ở bể lắng 1	p1	Chọn	1.50	%
6	Thể tích cặn tươi	V1	V1 = P1/(T1*p1*1000)	2.98	m3/ngày
7	Lượng bùn thải sinh ra sau quá trình xử lý sinh học	P2	P2=Px, TSS	427.24	kg/ngày
8	Tỷ trọng bùn ở bể lắng 2	T2		1.01	ton/m3
9	Nồng độ cặn ở bể lắng 2	p2		0.83	%
10	Thể tích bùn thải ở bể lắng 2	V2	V2 = P2/(T2*p2*1000)	51.01	m3/ngày
11	Lượng bùn tạo ra từ quá trình xử lý kim loại nặng khác và độ màu	P3	1%(P1 + P2)	4.73	kg/ngày
12	Thể tích cặn tươi do xử lý kim loại và mầu	V3	P3/(T1*p1*1000)	0.31	m3/ngày
13	Tổng thể tích bùn cặn	Vb total	V1+V2+V3	54.30	m3/ngày
14	Tổng khối lượng cặn tạo ra	P	P1+P2+P3	477.57	kg/ngày
II	Tính bể chứa bùn sinh học				
1	Thời gian lưu bùn	t	Chọn	2.00	Ngày
2	Thể tích chứa bùn	V	V2*t	102.03	m3
3	Thể tích chứa nước thực của bể theo thiết kế			137.28	m3
III	Bể nén bùn				
1	Tải trọng chất rắn tổng cộng	q1	Chọn	20.00	kg/m2.ngày
2	Diện tích bề mặt bể	F	P/q1	23.88	m2
3	Diện tích bề mặt bể theo thiết kế			25.25	m2
4	Kiểm tra tải trọng thủy lực bể	q	Vb total /F	2.15	m^3/m2.ngày

10) Hiệu suất xử lý của trạm XLNT

Hiệu suất xử lý các thông số ô nhiễm điển hình qua các bể xử lý của trạm XLNT dự án KCN Hòa Yên trong bảng sau:

Bảng 161. Hiệu suất xử lý của trạm XLNT

TT	Thông số đặc trưng nước thải đầu vào	Nồng độ các chất ô nhiễm đầu vào (mg/l)	Hiệu suất xử lý (%)						Nồng độ các thông số sau xử lý	Giá trị C_{max} QCVN 40:2025/BTNMT, cột A
			Bể tách cát, dầu mỡ	*Cụm bể xử lý hóa lý bậc 1*	*Bể thiếu khí*	*Bể hiếu khí*	*Bể lắng sinh học*	*Cụm bể xử lý hóa lý bậc 2*		
1	BOD dòng vào	250	0%	10%	0%	90%	0%	10%	0%	20,250
2	COD dòng vào	350	0%	27%	0%	70%	0%	27%	0%	55,955
3	TSS dòng vào	200	14%	40%	0%	0%	55%	40%	0%	27,864
4	Màu (*)	150	0%	40%	0%	0%	0%	40%	20%	43,200
5	Asen	0,05	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0,050
6	Thủy ngân	0,005	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,000
7	Chì	0,5	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,045
8	Cadimi	0,1	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,009
9	Crom (VI)	0,5	0%	90%	0%	0%	0%	0%	0%	0,050
10	Tổng Crom	2	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,180
11	Đồng	3	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,270
12	Kẽm	5	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,450
13	Niken	3	0%	85%	0%	0%	0%	80%	0%	0,090
14	Mangan	10	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,900
15	Sắt	10	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,900
16	Xianua	0,2	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0,200
17	Phenol	0,1	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0,100
18	Tổng phenol	1	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	1,000
19	Dầu mỡ khoáng	5	90%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0,500

20	Dầu mỡ động thực vật	30	90%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	3,000
21	Sunfua	0,2	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0,200
22	Florua	3	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	3,000
23	Amoni (tính theo N)	15	0%	0%	65%	5%	0%	0%	5%	4,738
24	Tổng nitơ	50	0%	0%	30%	50%	0%	0%	0%	17,500
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	10	0%	0%	30%	50%	0%	0%	0%	3,500
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	500	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	500,000
27	Clo dư	1	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	1,000
28	Tổng PCB	0,003	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0,003
29	Coliform (*)	10000	0%	0%	0%	0%	0%	0%	80%	2000,000
30	Bari (Ba)	10	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,900
31	Antimon (Sb)	0,2	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,018
32	Thiếc (Sn)	5	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,450
33	Selen (Se)	1	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	0,090
34	Các hợp chất hữu cơ mạch vòng khác	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A
35	Sunfit (tính theo SO_3^{2-})	15	0%	70%	0%	0%	0%	70%	0%	1.350

11) Tiến độ xây dựng Nhà máy XLNT

Tiến độ xây dựng Nhà máy XLNT tập trung tại KCN Hòa Yên được Công ty CP Fecon Hòa Yên như sau:

Bảng 162. Tiến độ xây dựng, hoàn thành Nhà máy XLNT

TT	Modun	Tổng công suất	Nội dung	Tiến độ hoàn thành
1	Module 1	3.500 m^3/ ng.đêm	- Xây dựng, lắp đặt thiết bị hoàn chỉnh tại các bể: Bể điều hòa, các bể xử lý hóa lý, bể khử trùng cho tổng công suất 10.500 m^3/ng.đêm ; Riêng bể xử lý sinh học xây dựng 01 lần, chia thành 03 ngăn song song độc lập tương ứng với 3 module (3.500 m^3/ ng.đêm/module) - Xây dựng, lắp đặt thiết bị tại bể xử lý sinh học thứ 1 (3.500 m^3/ng.đêm) - Xây dựng, hoàn thiện 01 hồ sự cố	Hoàn thành trước khi hút hút đầu tư vào KCN Hòa Yên - giai đoạn I, được cấp GPMT, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật.
2	Modun 2 và 3	7.000 m^3/ ng.đêm (2 module)	- Tiếp tục vận hành module thứ 1 và 01 hồ sự cố đã có. - Xây dựng, lắp đặt thiết bị tại bể xử lý sinh học thứ 2 và 3	- Hoàn thành sau khi chạy gần đủ công suất 3.500 m^3/ng.đêm và căn cứ trên nhu cầu phát sinh nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN. - Hoàn thiện lắp đặt thiết bị tại bể xử lý sinh học thứ 2 và 3 để hoàn thành trạm XLNT có tổng công suất 10.500 m^3/ng.đêm - Trong trường hợp khi KCN đã lấp đầy diện tích cho thuê mà chưa chạy full công suất 3.500 m^3/ng.đêm thì việc lắp đặt thêm thiết bi cho các module 3 là chưa cần thiết, CĐT cần xem xét.

3.2.2.4. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm do CTR

a) Phương án xử lý CTR sinh hoạt

- CTRSH phát sinh tại các khu vực đường phố, khu vực công cộng, trung tâm điều hành KCN, trạm XLNT tập trung: Thuộc về trách nhiệm của Chủ dự án hạ tầng KCN. Dọc các tuyến đường giao thông trong KCN, tại các khu vực công cộng sẽ bố trí các thùng rác có 3 ngăn chứa để phân loại rác thải tại nguồn *(01 ngăn chứa CTRSH hữu cơ, 01 ngăn chứa CTRSH có thể tái chế, tái sử dụng và 01 ngăn chứa CTRSH còn lại, có thể tích khoảng 50 l/ngăn)* với khoảng cách 300 m/thùng. Chủ dự án sẽ bố trí công nhân VSMT hàng ngày sẽ đi thu gom rác, quét đường,... đưa về tập trung tại điểm tập kết tại khu đất riêng ngay bên cạnh trạm XLNT tập trung. CTRSH từ Trạm XLNT cũng được phân loại bởi 2 thùng rác, mỗi thùng 3 ngăn/thùng, dung tích 20 l/ngăn, sau đó đưa sang điểm tập kết đơn vị thu gom tiếp nhận đưa đi xử lý. Chủ dự án sẽ chuyển giao, xử lý các CTRSH theo từng loại, cụ thể:

+ CTRSH hữu cơ: Chuyển giao cho cơ sở chăn nuôi, sản xuất phân bón hữu cơ có đủ năng lực. Trong trường hợp không có cơ sở iếp nhận thì chuyển giao cho đơn vị dịch vụ VSMT để xử lý.

+ Chất thải có thể tái chế, tái sử dụng: Chuyển giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải có đủ năng lực.

+ Chất thải khác: Xử lý theo quy định của pháp luật.

- CTR phát sinh tại các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở dịch vụ: Trách nhiệm thu gom thuộc về nhà máy, xí nghiệp và các cơ sở dịch vụ. Các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở dịch vụ ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ VSMT để vận chuyển CTRSH về khu xử lý tập trung của địa phương theo quy định. Trong mỗi nhà máy, xí nghiệp, cơ sở dịch vụ, tại các vị trí phát sinh CTR sinh hoạt sẽ có các thùng thu gom rác và định kỳ hàng ngày, nhân viên VSMT của mỗi cơ sở sẽ thu gom và tập kết tại địa điểm trong nhà máy, đơn vị, đợi phương tiện vận chuyển của đơn vị dịch vụ VSMT để tiếp nhận. CTRSH được vận chuyển thằng từ mỗi nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ đến khu xử lý tập trung, không trung chuyển, tập kết tạm thời trên phạm vi KCN. Vị trí để tập kết CTRSH của mỗi doanh nghiệp được bố trí trong hàng rào từng doanh nghiệp.

c) Phương án xử lý CTRCN không nguy hại

- Phương án thu gom, chuyển giao, xử lý CTRCN của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, đơn vị dịch vụ trong KCN sẽ nêu trong trong hồ sơ môi trường của mỗi dự án.

- Biện pháp thu gom, quản lý CTRCN thông thường phát sinh từ hoạt động của Chủ đầu tư hạ tầng KCN được thực hiện như sau:

+ CTRCN thông thường phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các công trình HTKT của KCN, hoạt động của trạm XLNT tập trung sẽ được phân loại tại nguồn, lưu giữ riêng theo từng loại trong khoang chứa CTRCN thông thường của kho chứa chất thải xây dựng trong trạm XLNT tập trung.

+ Hợp đồng với đơn vị đủ năng lực chuyển giao CTRCN thông thường để tái chế, tái sử dụng hoặc xử lý theo luật định.

Tóm tắt trách nhiệm quản lý, phân loại, thu gom và chuyển giao CTRSH, CTR không nguy hại như sau:

- Chủ đầu tư hạ tầng KCN chịu trách nhiệm quản lý, phân loại, thu gom và chuyển giao CTRSH, CTR không nguy hại đối với các hạng mục sau:

+ Khu vực đường phố, khu vực công cộng trong phạm vi KCN

+ Trụ sở Ban quản lý, điều hành KCN

+ Hoạt động duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa,… các công trình hạ tàng kỹ thuật của KCN

+ Hoạt động của trạm XLNT tập trung

- Các nhà đầu tư thứ cấp chịu trách nhiệm quản lý, phân loại, thu gom và chuyển giao CTRSH, CTR không nguy hại đối với các hạng mục do mình đầu tư, xây dựng và vận hành: Nhà máy xí nghiệp công nghiệp, cơ sở thương mại dịch vụ.

3.2.2.5. Phương án quản lý CTNH

a) Quản lý CTNH tại khu vực công cộng, nhà điều hành KCN, khu vực trạm XLNT

(i). Đối với khu vực công cộng, nhà điều hành KCN

- Công tác quản lý CTNH từ đường phố, khu vực công cộng, khu vực nhà điều hành KCN, hoạt động chăm sóc cây xanh, hoạt động duy tu, bão dưỡng hệ thống HTKT, trạm XLNT tập trung,… trong KCN thuộc về Công ty CP Fecon Hòa Yên.

- Xây dựng 01 kho chứa chất thải tại khu vực trạm XLNT có diện tích sử dụng 6×5=30m^2 *(Hạng mục 6.1 tại bản vẽ tổng mặt bằng trạm XLNT),* trong đó được chia thành 2 khoang riêng để lưu chứa từng loại chất thải phát sinh:

+ Khoang chứa CTRCN thông thường: 20m^2

+ Khoang chứa CTNH thông thường : 10m^2

(Kho chứa được xây dựng tường bao, mái che, cửa ra vào, các bảng hiệu, phương tiện, dụng cụ PCCC theo quy định,...)

Toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động thuộc phạm vi của chủ đầu tư hạ tầng KCN như: Hoạt động chăm sóc và bảo vệ cây xanh, hoạt động bảo dưỡng,

sửa chữa hệ thống hạ tầng của KCN, hoạt động XLNT,… được chứa tại khoang 10m^2 nêu trên. Trong khoang chứa, mỗi loại CTNH sẽ được chứa tại thùng chứa riêng, có gắn mã số CTNH để quản lý.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ có đủ năng lực để xử lý CTNH này.

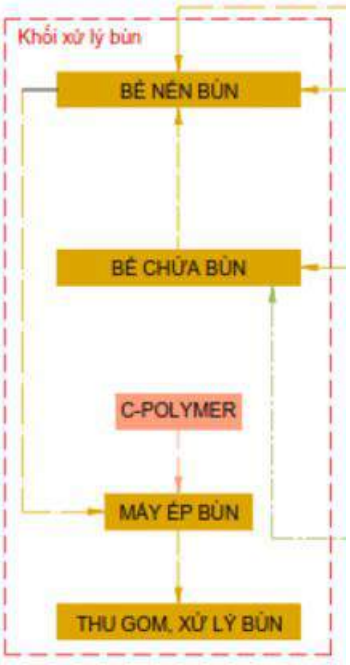
(ii). Phương án quản lý CTNH, bùn thải từ trạm XLNT

- Toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động xử lý sẽ được chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 10,0 m^2 đã được trình bày tại nội dung trên. Đối với khoang chứa CTNH: Mỗi loại CTNH sẽ được chứa tại thùng chứa riêng, có gắn mã số CTNH và tuân thủ các quy định về quản lý CTNH nên sẽ được quản lý, chuyển giao theo quy định về CTNH, cụ thể như sau:

- Bùn thải từ hoạt động XLNT sẽ được tách nước để giảm độ ẩm, giảm ô nhiễm trong quá trình vận chuyển, chứa trong ngăn chứa bùn thải thuộc phạm vi Trạm XLNT mà không cần phải vận chuyển về kho chứa CTNH của Chủ dự án, hạn chế ô nhiễm phát sinh trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho công tác thu gom của đơn vị dịch vụ được thuê.

Sơ đồ thu gom và xử lý bùn thải từ hoạt động XLNT tập trung được mô tả trong hình sau:

Hình 131. Sơ đồ thu gom và xử lý bùn thải từ hoạt động XLNT tập trung



- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng có đủ năng lực theo quy định để xử lý bùn thải nguy hại này.

b) Quản lý CTNH tại mỗi nhà máy, xí nghiệp, cơ sở dịch vụ trong KCN

CTNH phát sinh từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, cơ sở dịch vụ trong KCN Hòa Yên sẽ được trình bày và thực hiện theo hồ sơ môi trường của mỗi dự án theo quy định.

3.2.2.6. Cải thiện các yếu tố vi khí hậu trong KCN

Các yếu tố vi khí hậu có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của cán bộ, công nhân viên làm việc trong các nhà máy của KCN. Để giảm nhẹ các chất ô nhiễm gây ra cho con người và môi trường, các biện pháp sau sẽ góp phần hạn chế ô nhiễm và cải tạo môi trường:

- Trải nhựa tại đường KCN nhằm giảm bụi bốc lên do xe chạy trên đường.

- Phun nước trên các đường nội bộ trong KCN về mùa nắng và mùa hanh khô để chống bốc bụi từ mặt đường.

- Trồng cây xanh tại KCN để che nắng giảm lượng bức xạ mặt trời, giảm tiếng ồn và bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy, đồng thời tạo thẩm mỹ, cảnh quan môi trường trong khuôn viên các nhà máy của KCN và tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường khu vực. Do đó, để hạn chế các tác động tiêu cực tới môi trường tự nhiên, đồng thời làm đẹp thêm cảnh quan KCN, cần quan tâm tới việc quy hoạch hàng rào cây xanh và tăng số lượng cây trồng trong khuôn viên KCN. Thông thường thì mức ồn sẽ giảm 1,0÷1,5 dB khi gặp 1 dải cây xanh rộng 3÷5 m.

Khả năng giữ bụi trên cành lá cây (lọc bụi) phụ thuộc vào đặc thù của của lá cây *(càng nhám càng dễ bắt bụi)*, là to hay nhỏ, dày hay thưa, lùm cây hay tán cây,… và phụ thuộc vào thời tiết, nếu có mưa định kỳ đều đặn thì hiệu quả lọc bụi của cây xanh tốt hơn khi trời nắng - khô liên tục. Hiệu quả lọc bụi của một số loại cây xanh trong bảng sau:

Bảng 163. Hiệu quả lọc bụi của cây xanh

TT	Loại cây xanh	Tổng diện tích lá (m^2)	Tổng lượng bụi giữ trên cây (kg)
1	Phượng	86	4
2	Du	66	18
3	Liễu	157	38
4	Phong	171	20
5	Dương Canada	267	34
6	Tấn bì	195	30
7	Bụi cây đinh hương	11	1,6

Ghi chú: *Phạm Ngọc Đăng, Môi trường Không khí, Nhà XB KH&KT, 2003*

3.2.2.7. Các biện pháp đảm bảo sinh kế, cuộc sống cho người dân bị mất đất thực hiện dự án

Như đã phân tích trong Chương II, khi thực hiện dự án KCN Hòa Yên sẽ phải thu hồi đất nông nghiệp, tác động lớn đến cuộc sống nhân dân của xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh. Công tác đền bù, GPMB do chính quyền tỉnh Bắc Ninh (Ban đền bù, GPMB) chủ trì thực hiện song cũng cần sự phối hợp chặt chẽ của Chủ đầu tư là Công ty cổ phần FECON Hòa Yên.

Để tạo điều kiện cho nhân dân bị mất đất sớm có công ăn việc làm thay thế ổn định, chủ đầu tư KCN sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị thu hồi đất, chịu tác động, buộc phải chuyển đổi nghề theo quy định của pháp luật.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ hỗ trợ các xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh xây dựng cơ sở hạ tầng, lắp các biển thông báo tuyển dụng lao động vào KCN tại trụ sở UBND các xã, phường...

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ yêu cầu các doanh nghiệp KCN trước khi nhận mặt bằng phải mở các lớp đào tạo nghề cho nhân dân địa phương theo ngành nghề sản xuất. Đề nghị các doanh nghiệp ưu tiên số 1 cho việc tuyển dụng những lao động trong đội tuổi lao động phù hợp với KCN.

- Đối với những người quá độ tuổi nói trên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ yêu cầu, kêu gọi các doanh nghiệp KCN, cũng như các nhà thầu xây dựng trong KCN ưu tiên tuyển dụng vào các vị trí lao động phổ thông, đơn giản như: vệ sinh, bảo vệ,...

3.2.2.8. Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội

Khi lấp đầy KCN Hòa Yên sẽ tập trung cao nhất khoảng 44.000 lao động thường xuyên trong KCN và rất đông xe cộ, phương tiện vận tải tham gia nên công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội phải được coi trọng, để đạt tới mục tiêu trên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực thực hiện biện pháp sau:

- Xin phép, phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh để triển khai xây dựng các dự án khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, cùng với đầy đủ các công trình HTKT, HTXH,… *(ngoài phạm vi của dự án KCN Hòa Yên này)* đồng thời với quá trình thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, tạo chỗ ở ổn định, đầy đủ cơ sở hạ tầng xã hội cho công nhân lao động an tâm khi làm việc trong KCN. Kinh nghiệm cho thấy khi công nhân lao động có nơi ăn ở ổn định sẽ góp phần đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trong khu vực.

- Phối hợp với chính quyền các cấp, với các doanh nghiệp KCN để xây dựng và hoàn thiện hệ thống HTXH, đáp ứng nhu cầu tinh thần cho 44.000 công nhân lao động như: trường học, nhà trẻ, nhà văn hóa, chợ búa, khu vui chơi giải

trí,....

- Hỗ trợ và khuyến khích xã hội hóa trong việc phát triển nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội.

- Phối hợp cùng với công đoàn các cấp, tạo điều kiện cho các tổ chức công đoàn hoạt động, cùng chăm lo đến đời sống vật chất và tin thần cho công nhân làm việc trong KCN.

- Tổ chức đội bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi KCN (Biên chế 10 người).

- Phối hợp với chính quyền và công an trong việc quản lý xã hội.

- Tuyên truyền, vận động công nhân trong KCN tham gia các hoạt động văn hóa - xã hội và các hoạt động mang tính chất cộng đồng khác: Giao lưu với bộ đội địa phương, thanh niên địa phương,...

3.2.2.9. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và rung động

a) Tiếng ồn từ hoạt động của trạm XLNT tập trung

- Tiếng ồn từ hoạt động của Trạm XLNT: Trạm XLNT tập trung được xây dựng tại được xây dựng tại khu đất HT1, nằm ở phía Tây Bắc dự án. Xung quanh trạm XLNT sẽ bố trí dải cây xanh cách ly rộng 10(m) nên sẽ giảm thiểu được tiếng ồn đến các khu vực dân cư xung quanh. Khoảng cách gần nhất từ công trình XLNT đến khu dân cư xung quanh khoảng là: 480(m), đáp ứng quy định về khoảng cách ly an toàn theo quy định tại Bảng 2.22 của QCVN 01:2021/BXD *(Đối với công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom, xử lý mùi; công suất từ trên 5.000 đến 50.000 m^3/ng.đêm là 30 m).* Với khoảng cách xa như vậy thì tiếng ồn sẽ được triệt tiêu, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

- Đối với các công trình bể của trạm XLNT sẽ đổ móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao hoặc móng BTCT), tăng cường chiều sâu của móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung và tiếng ồn theo mặt nền.

- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những bộ phận hư hỏng của trạm XLNT.

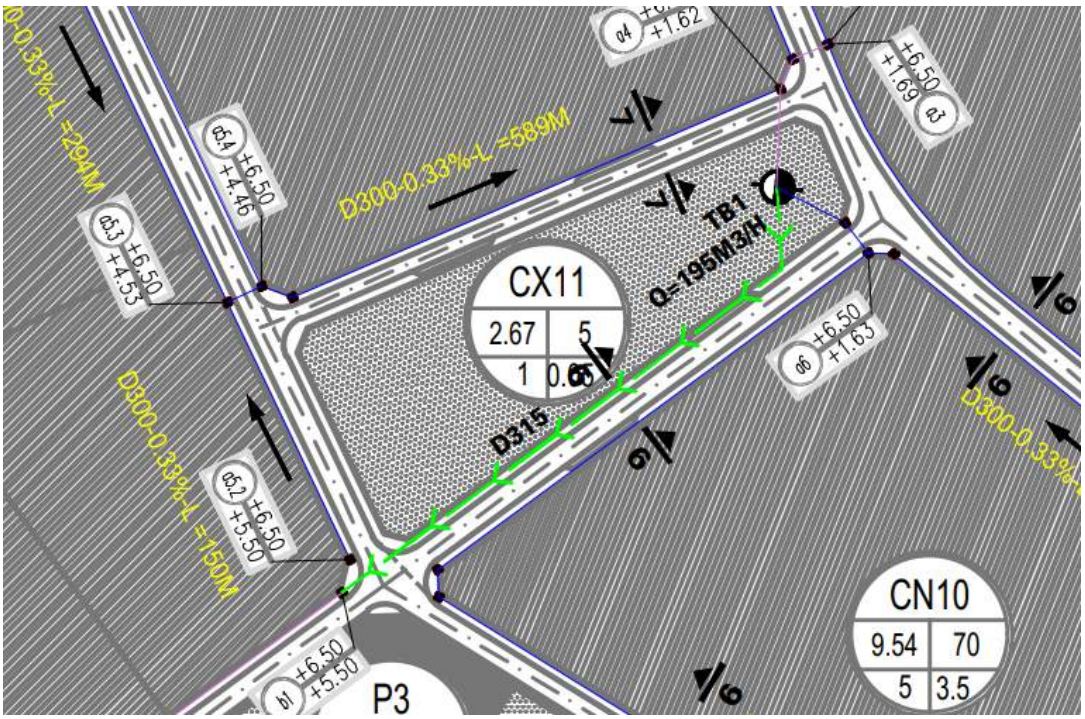
b) Tiếng ồn từ hoạt động của trạm bơm chuyển bậc nước thải

Theo mô tả tại Chương I, trong phạm vi của dự án sẽ có 03 trạm bơm nước thải *(Trạm bơm số 1: 195m^3/h ; Trạm bơm số 2: 340m^3/h ; Trạm bơm số 3: 135m^3/h).* Hoạt động của trạm này có thể phát sinh tiếng ồn cho các khu vực lân cận. Tuy nhiên, khu vực đặt trạm bơm nước thải này nằm ngầm trong khu vực bãi đỗ xe và cây xanh, cách xa các đơn vị nhà máy thứ cấp nên sẽ không bị ảnh hưởng

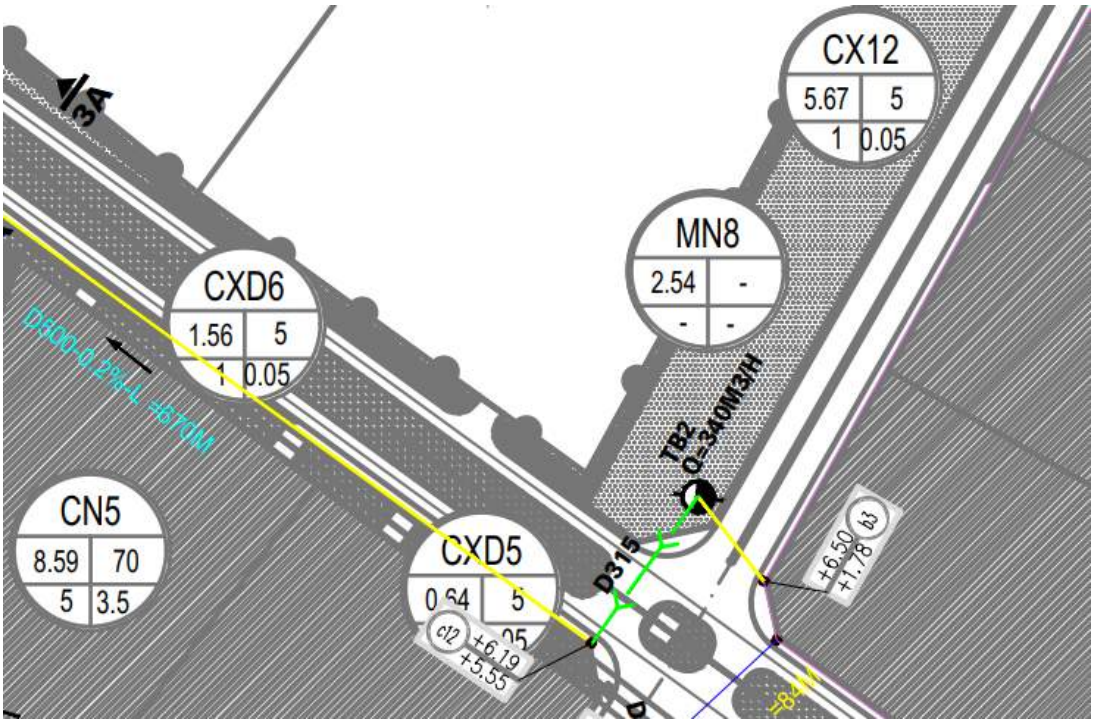
bởi tiếng ồn.

Các trạm bơm chuyển bậc nước thải có vị trí cụ thể như sau:

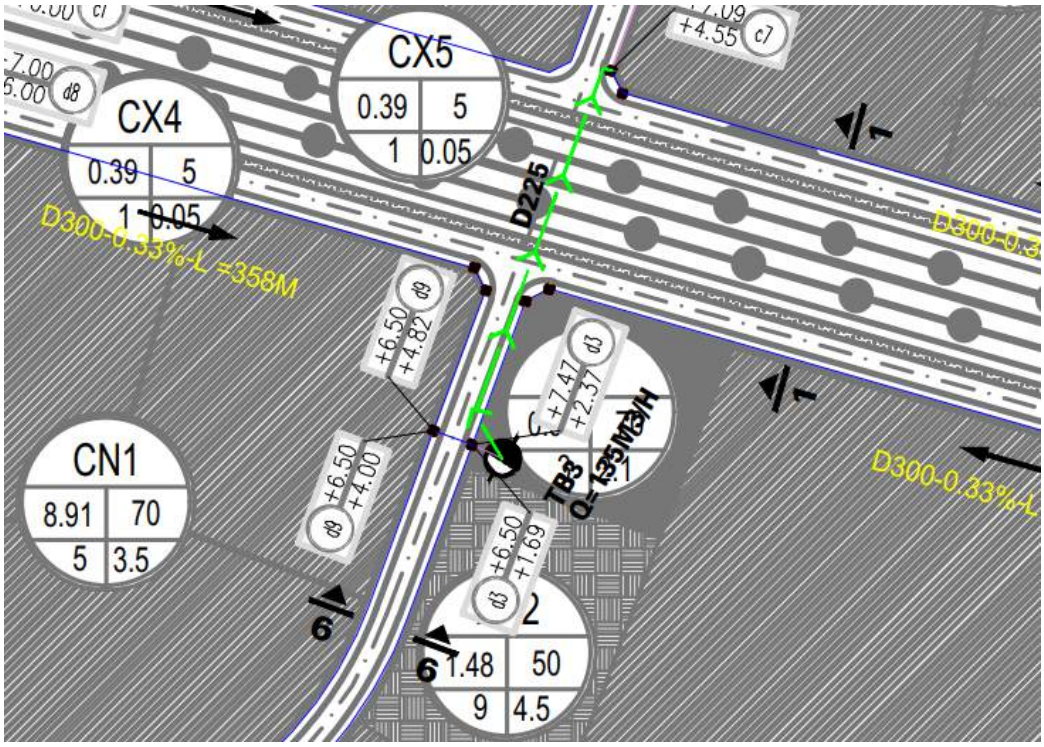
Hình 132. Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 1 tại khu cây xanh số 11



Hình 133. Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 2 tại khu cây xanh số 12



Hình 134. Trạm bơm chuyển bậc nước thải số 3 tại bãi đỗ xe số 1



c) Tiếng ồn từ trạm bơm tăng áp

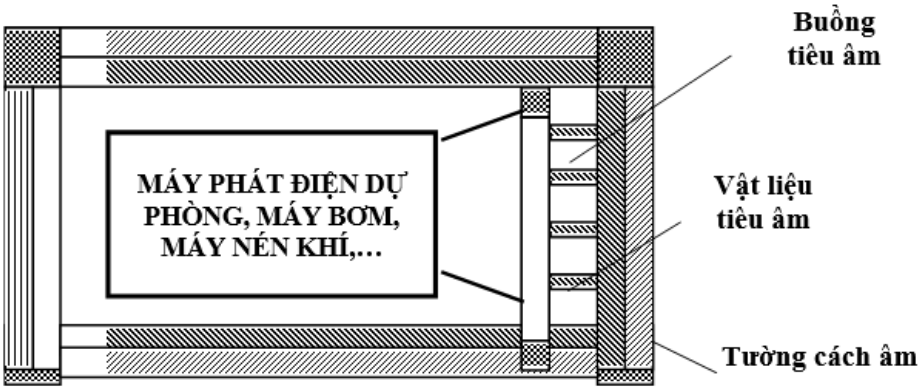
- Trồng cây xanh có mật độ cao, tán dày tại khu vực xung quanh để làm giảm tiếng ồn tại khu vực này.

- Thường xuyên kiểm tra và tra dầu bôi trơn hoặc thay thế những bộ phận hư hỏng.

- Bao che kín nguồn gây ồn bằng các tấm cách âm hoặc tường gạch 220mm, trần ván ép 10mm *(Biện pháp này sẽ giảm tiếng ồn từ 6 - 8 dBA)* hoặc ốp thêm một lớp tường dày 110mm, giữa đệm bông, trấu, xơ dừa, cát khô,... và làm trần bằng một lớp ván ép 10mm *(với biện pháp này sẽ giảm thiểu tiếng ồn được 12 - 15 dBA).*

Nguyên lý hoạt động của buồn tiêu âm chống ồn được mô tả trong hình sau:

Bảng 164. Nguyên lý hoạt động của buồn tiêu âm chống ồn



3.2.2.10. Các biện pháp đảm bảo VSMT và an toàn lao động

Ngoài các biện pháp chống nguồn gây ô nhiễm, tại hạng mục trạm XLNT tập trung của KCN, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ áp dụng các biện pháp sau để đảm bảo vệ sinh và ATLĐ nhằm giảm các tác nhân gây ô nhiễm tới sức khoẻ của công nhân như:

- Xây dựng chương trình kiểm tra và theo dõi sức khoẻ định kỳ cho công nhân, đặc biệt là các công nhân thường xuyên tiếp xúc với môi trường độc hại *(Thực hiện theo Bộ Luật Lao động năm 2019, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và Thông tư 32/2023/TT-BYT về "Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh").*

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động theo các tiêu chuẩn môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

- Khống chế các nguồn gây ô nhiễm để tránh các bệnh nghề nghiệp.

- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh ATLĐ.

3.2.2.11. Các biện pháp đảm bảo an toàn các tuyến HTKT KCN

Chủ dự án sẽ đảm bảo an toàn cho hành lang an toàn hệ thống HTKT KCN như sau:

- Không xây dựng nhà cửa, lều quán, rào chắn, vật kiến trúc, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời) trên hành lang các tuyến ống, tuyến cống trong KCN.

- Không dừng, đỗ các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cơ giới chuyên dùng... có tải trọng vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống, tuyến cống theo quy định.

- Không xả rác, chất thải, các loại hóa chất, đổ đất, đá, phế thải, VLXD.

- Không đào bới, lấy đất đá.

- Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, thoát nước, hành lang và khu vực an toàn công trình phải sự thỏa thuận và chấp thuận từ Chủ dự án.

- Mọi nhà máy, xí nghiệp khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình HTKT phải tuân theo các quy định sau:

+ Có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

+ Trực tiếp liên hệ với Chủ dự án có liên quan về việc thi công;

+ Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình HTKT KCN có liên quan;

+ Khôi phục lại, nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc.

3.2.2.12. Các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT và ý thức đảm bảo an toàn lao động cho công nhân làm việc trong KCN

- Chủ dự án sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để mở các lớp đào tào cho cán bộ, công nhân làm việc trong KCN để phổ biến các quy định của pháp luật về BVMT, các quy định mới, các quy định đảm bảo an toàn lao động.

- Chủ dự án sẽ vận động, tuyên truyền để các nhà máy, xí nghiệp quan tâm, cắt cử cán bộ, công nhân tham gia các lớp tập huấn đào tạo về nội dung BVMT và đảm bảo an toàn lao động.

- Chủ dự án sẽ sử dụng các biện pháp tuyên truyền giáo dục khác để phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về BVMT, về an toàn lao động cũng như các nội dung khác có liên quan.

3.2.2.13. Các biện pháp chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên trực tiếp làm việc tại KCN

a) Đối với cán bộ, công nhân trực thuộc Công ty cổ phần FECON Hòa Yên

- Chủ dự án sẽ tổ chức khám sức khỏe cho công nhân, cán bộ trước khi vào làm việc, chỉ tiếp nhận những người có sức khỏe đạt quy định.

- Chủ dự án sẽ sắp xếp công việc cho từng lao động phù hợp với sức khỏe

- Định kỳ, Chủ dự án sẽ tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân làm việc trong bộ máy theo quy định của pháp luật *(Thực hiện theo Bộ Luật Lao động năm 2019, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và Thông tư 32/2023/TT-BYT về "Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh").*

- Chủ dự án sẽ bố trí đầy đủ các phương tiện trang bị BHLĐ theo yêu cầu đặc thù của từng công việc và theo quy định của pháp luật. Chủ dự án cũng sẽ bố

trí cán bộ giám sát công nhân thực hiện việc sử dụng các phương tiện trang thiết bị BHLĐ, có các chế độ kỷ luật & khen thưởng kịp thời.

b) Đối với các nhà đầu tư thứ cấp KCN

- Chủ dự án sẽ sử dụng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục cho các nhà dầu tư thứ cấp áp dụng đầy đủ các biện pháp chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên trực tiếp làm việc tại KCN theo quy định của pháp luật.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với tổ chức công đoàn KCN trong việc đảm bảo cán bộ, công nhân làm việc trong phạm vi KCN được hưởng đầy đủ các quy định về chăm sóc sức khỏe từ các chủ sử dụng lao động.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với tổ chức công đoàn KCN để đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong quá trình làm việc, chuyển việc làm hoặc nghỉ việc.

3.2.2.14. Các biện pháp trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, nhân viên

a) Đối với cán bộ, công nhân trực thuộc Công ty cổ phần FECON Hòa Yên

- Trang bị đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động như: ủng, mũ, khẩu trang, quần áo,… cho công nhân làm việc trong trạm XLNT và có biện pháp giám sát công nhân thực hiện nội dung sử dụng các phương tiện, trang bị bảo hộ lao động này.

- Đối với hoạt động vận hành trạm XLNT: Bố trí tối thiểu 1 ca trực vận hành trạm XLNT có 2 người, trạm XLNT hoạt động 3 ca/ngày, tổng cộng là 6 người.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra sức khoẻ cho công nhân nhằm sớm phát hiện các bệnh nghề nghiệp.

- Tổ chức giờ giấc lao động hợp lý, sắp xếp luân phiên phù hợp các nhóm thợ phải làm việc thường xuyên ở nơi có mức độ độc hại cao.

- Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy phạm an toàn của công nhân, người lao động ở từng vị trí lao động sản xuất.

b) Đối với cán bộ, công nhân do đơn vị dịch vụ bên ngoài được Chủ dự án thuê

Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị dịch vụ bên ngoài thực hiện dịch vụ làm việc trong KCN phải trang bị đầy đủ các trang bị BHLĐ cần thiết và theo quy định của pháp luật cho cán bộ, công nhân làm việc, đồng thời tại môi trường làm việc tốt, đủ điều kiện, tránh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

c) Đối với các nhà đầu tư thứ cấp KCN

- Chủ dự án sẽ sử dụng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục cho các nhà đầu tư thứ cấp trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với tổ chức công đoàn KCN trong việc đảm bảo cán bộ, công nhân làm việc trong phạm vi KCN được hưởng đầy đủ các quy định về trang bị BHLĐ từ chủ sử dụng lao động.

3.2.2.15. Các biện pháp thu hút lao động địa phương

a) Các biện pháp cụ thể của Chủ dự án

- Chủ dự án sẽ tạo điều kiện tối đa để thu hút lao động địa phương vào làm việc trong bộ máy, các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là con em các hộ gia đình bị mất đất thực hiện dự án.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương trong việc định hướng nghề nghiệp cho các lao động trẻ tuổi.

b) Đối với các nhà đầu tư thứ cấp KCN

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các doanh nghiệp KCN trước khi nhận mặt bằng phối hợp với chính quyền địa phương để mở các lớp đào tạo nghề cho nhân dân địa phương theo ngành nghề sản xuất. Đề nghị các doanh nghiệp ưu tiên số 1 cho việc tuyển dụng những lao động trong đội tuổi lao động phù hợp với KCN.

- Đối với những người quá độ tuổi, Chủ dự án sẽ yêu cầu, kêu gọi các doanh nghiệp KCN, cũng như các nhà thầu xây dựng trong KCN ưu tiên tuyển dụng vào các vị trí lao động phổ thông, đơn giản như: vệ sinh, bảo vệ,...

- Chủ dự án sẽ phối hợp với tổ chức công đoàn KCN trong việc thu hút lao động địa phương.

3.2.2.16. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái

Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp BVMT, phương pháp phòng chống và ứng phó khi xảy ra các sự cố môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM này. Các biện pháp này được thực hiện nghiêm túc sẽ góp phần giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái tại khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.

3.2.2.17. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống kênh mương thuỷ lợi

Trong giai đoạn vận hành thì hệ thống kênh mương hoàn trả sẽ do đơn vị chức năng quản lý, vận hành. Biện pháp giảm thiểu các tác động đến hệ thống

kênh mương trong giai đoạn vận hành KCN như sau:

- Thường xuyên phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống kênh mương để nạo vét, khơi thông dòng chảy, giữ gìn vệ sinh môi trường trong phạm vi KCN;

- Phối hợp với các đơn vị chức năng để quy định tải trọng cho các phương tiện ra vào KCN phù hợp với cấp độ đường giao thông, hệ thống cống,... Kịp thời thông báo cho đơn vị quản lý kênh mương và các công trình thuỷ lợi nếu phát hiện hư hỏng.

3.2.2.18. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng cứu sự cố rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành dự án

a) Xây dựng kế hoạch và diễn tập ứng phó sự cố chất thải

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt với tần suất 5 năm 1 lần theo quy định tại Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/4/2025 về việc *"Ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải"*.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chất thải như sau:

+ Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của "Quy chế ứng phó sự cố chất thải" được thực hiện ít nhất 02 năm một lần;

+ Diễn tập ứng phó sự cố quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của "Quy chế ứng phó sự cố chất thải" được thực hiện theo Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải đã phê duyệt;

+ Diễn tập ứng phó sự cố sẽ có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, lực lượng có liên quan, đại diện đầu mối liên lạc của cộng đồng dân cư, các cơ sở xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng do sự cố gây ra.

b) Sự cố cháy nổ

Các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ phải áp dụng trên địa bàn KCN Hòa Yên như sau:

- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao phải có hồ sơ lý lịch rõ ràng và thực hiện nghiêm ngặt các chế độ kiểm tra định kỳ. Các thiết bị làm việc trong điều kiện áp suất cao phải được trang bị đầy đủ các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất và các thiết bị an toàn khác,...

- Các thiết bị điện phải được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.

- Kho chứa nhiên liệu (xăng dầu), chứa hàng hóa dễ bắt cháy sẽ được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ.

- Chủ dự án sẽ có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, công nhân trong đội cứu hỏa phải trực 24/24 giờ.

- Ngoài ra cần có các biện pháp phòng ngừa, hạn chế thiệt hại về người và của khi xảy ra sự cố.

- Thành lập đội phòng chống cháy tại KCN Hòa Yên. Trang bị các phương tiện phòng chống cháy như bình chữa cháy, bể nước dự trữ chống cháy,... xây dựng nội quy phòng chữa cháy.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy được bảo quản, cất chứa xa nơi các nguồn dễ gây cháy nổ như nhà bếp, trạm biến điện,...

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng như nóc nhà, ống khói bếp.

- Tiến hành sửa chữa định kỳ. Trong trường hợp có sự cố công nhân vận hành sẽ được hướng dẫn và xử lý theo đúng quy tắc an toàn.

- Công nhân hoặc cán bộ vận hành sẽ được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dượt chữa cháy cho công nhân.

- Nghiêm cấm những người không có nhiệm vụ đến gần khu vực chứa nhiên liệu (xăng dầu).

c) Phòng chống tai nạn lao động và giao thông

Trong khu vực KCN Hòa Yên sẽ có nhiều các phương tiện GTVT, xe máy hoạt động, bốc dỡ hàng container nên khả năng xảy ra các vụ tai nạn lao động, tai nạn giao thông tương đối cao. Để hạn chế các sự cố này, Dự án cần chú ý tới các biện pháp sau:

- Tổ chức các nút giao thông giao với ĐT.398, ĐT398B với đường trục chính KCN và các tuyến đường nhánh của KCN theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo không chồng chéo, gây ra xung đột giao thông.

- Phân luồng giao thông, sắp xếp thời gian hoạt động của các xe chở container, xe tải,... ra - vào KCN hợp lý, tránh tập trung đông tại một thời điểm,

- Bố trí các trạm gác tại các cổng ra - vào, ghi chép chi tiết biển số xe, đơn vị, họ tên lái xe, số container, loại hàng, ngày và giờ ra, vào.

- Xây dựng nội quy an toàn giao thông trong khu vực Dự án.

- Xây dựng quy trình khai thác, bốc xếp hàng từ container xuống bãi và ngược lại.

- Phổ biến, tuyên truyền các lái xe nghiêm chỉnh chấp hành Luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông, có các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời và nghiêm minh.

- Xây dựng nội quy vận hành các máy móc, thiết bị vận chuyển trong dự án.

- Xây dựng quy trình kiểm tra, phối kết hợp giữa các cơ quan QLNN.

d) Biện pháp phòng chống và ứng cứu khi sự cố vỡ hệ thống thu gom nước thải

Do đặc điểm của KCN Hòa Yên phải vận chuyển nước thải có khoảng cách xa nên có thể gặp sự cố vỡ, đặc biệt trong mùa lũ. Các biện pháp sau được áp dụng để phòng ngừa sự cố trên:

- Ống vận chuyển nước thải sử dụng ống nhựa HDPE. Ống nhựa HDPE có khả năng chịu nhiệt, chịu va đập rất tốt và có tuổi thọ rất cao.

- Tại các vị trí qua đường, ống thu gom nước thải đều được đặt lồng trong cống BTCT để bảo vệ, tránh bị hư hỏng, vỡ, gây ô nhiễm môi trường.

- Cắt cử người thường xuyên kiểm tra hoạt động của tuyến ống này.

đ) Sự cố vỡ đường ống cấp nước

- Đường ống dẫn nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống dẫn nước là xây dựng một hệ thống cống thoát nước xung quanh những vị trí có khả năng gây đổ vỡ đường ống.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

e) Giải pháp giảm thiểu tình trạng kẹt xe và tai nạn giao thông

- Chủ đầu tư tổ chức, phối hợp với các cơ sở dịch vụ để tổ chức các tuyến xe buýt, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân.

- Phối hợp với các nhà máy, xí nghiệp để tổ chức tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân chấp hành thực hiện Luật giao thông đường bộ.

- Chủ đầu tư KCN sẽ ban hành quy định giới hạn vận tốc xe chạy trong KCN Hòa Yên, đảm bảo trên tất cả các tuyến đường sẽ có đầy đủ các biển báo, sơn -

vạch kẻ đường,… để hướng dẫn giao thông.

g) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố ngộ độc thực phẩm

Để đảm bảo cho cán bộ, nhân viên đang làm việc, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng cung cấp xuất ăn giữa ca cho cán bộ, công nhân với đơn vị cung cấp có đầy đủ năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật. Chủ dự án sẽ thường xuyên thực hiện công tác giám sát.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương, các nhà máy, xí nghiệp,... trong KCN để tập huấn công tác phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm.

h) Biện pháp ứng phó và khắc phục khi trạm XLNT gặp sự cố

(i). Các phương án phòng ngừa sự cố trạm XLNT tập trung

♣ *Các biện pháp chung*

Để hạn chế sự cố trạm XLNT tập trung, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm XLNT tập trung theo hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị.

- Vận hành trạm XLNT tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: các máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của trạm XLNT tập trung xử lý thường xuyên để sớm phát hiện các sự cố.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

Phương án phòng sự cố với hệ thống cấp điện

- Máy phát điện dự phòng được sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố về hệ thống cấp điện của trạm xử lý các thiết bị quan trọng trong hệ thống xử lý vẫn có thể hoạt động để duy trì hệ thống.

♣ *Phương án phòng ngừa sự cố khi hệ thống gặp sự cố về chất lượng nước đầu vào và đầu ra*

Trường hợp hệ thống gặp sự cố về chất lượng nước đầu vào và đầu ra thì

toàn bộ lượng nước thải được đưa về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Sau khi khắc phục xong lượng nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm về trạm để xử lý đạt yêu cầu đầu ra.

♣ *Phương án bảo trì, thay thế thiết bị*

- Bố trí thiết bị dự phòng đối với các thiết bị quan trọng trong hệ thống (bơm nước thải, máy thổi khí, ...) để đảm bảo hệ thống có thể hoạt động liên tục. Trong trường hợp hỏng hóc cần thay thế hoặc bảo trì thiết bị, thiết bị dự phòng có thể được sử dụng thay thế để hệ thống không bị gián đoạn.

- Các thiết bị loại chìm đặt trong các công trình xây dựng trong hệ thống xử lý có kèm theo phụ kiện nâng hạ để thuận tiện cho công tác bảo trì, bảo dưỡng sau này.

(ii). Biện pháp ứng phó khi Trạm XLNT gặp sự cố

♣ *Trách nhiệm của Chủ đầu tư hạ tầng KCN*

- Trang bị máy phát điện dự phòng cho hoạt động của trạm XLNT, đảm bảo trạm XLNT được hoạt động liên tục khi có sự cố mất điện.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố tại trạm XLNT mà thời gian khắc phục kéo dài, hồ sự cố không còn khả năng lưu giữ nước thải, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom XLNT theo quy định của pháp luật để chuyển giao nước thải đi xử lý. Dự án cam kết không xả thải nước thải không đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường trong mọi tình huống.

♣ *Trách nhiệm của Nhà đầu tư thứ cấp trong KCN*

- Phương án ứng phó khi trạm XLNT tập trung của KCN sẽ được thể hiện trong hợp đồng thuê lại hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng XLNT của KCN với các Nhà đầu tư thứ cấp là: Các nhà đầu tư thứ cấp đều phải có phương án ứng phó khi trạm XLNT của KCN gặp sự cố sau 1 ngày *(do hồ sự cố của trạm XLNT KCN có khả năng lưu giữ 1 ngày đối với nước thải).* Ngay khi có sự cố, Chủ đầu tư KCN sẽ thông báo cho các nhà đầu tư thứ cấp và họ có 1 ngày để chuẩn bị.

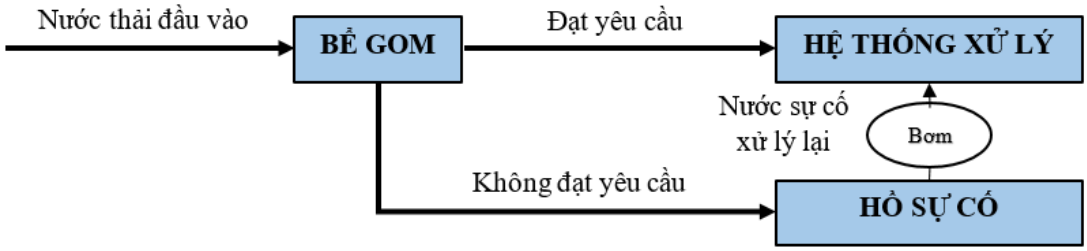
- Trong trường hợp trạm XLNT của KCN gặp sự cố, sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư hạ tầng, các nhà đầu tư thứ cấp sẽ kích hoạt phương án ứng phó khi trạm XLNT của KCN gặp sự cố đã được phê duyệt trong mỗi hồ sơ môi trường của từng doanh nghiệp.

♣ *Phương án vận hành hồ sự cố*

Để đảm bảo an toàn tuyệt đối nước thải chưa qua xử lý bị xả ra ngoài hệ thống kênh tiêu Cầu Chi, trong trường hợp trạm XLNT tập trung gặp sự cố, ngừng hoạt động thì Chủ dự án sẽ xả nước thải ra hồ sự cố (02 hồ; $V_{sự\ cố}$ = 5.250 m^3/hồ) để lưu giữ tạm thời. Hồ sự cố có trải vải địa kỹ thuật HDPE nên cũng có khả năng chứa nước thải khi có sự cố. Ngoài ra, trong trường quá 1 ngày mà trạm XLNT vẫn chưa khắc phục xong sự cố thì dự án dừng tiếp nhận nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp trong KCN. Phương án vận hành hồ sự cố như sau:

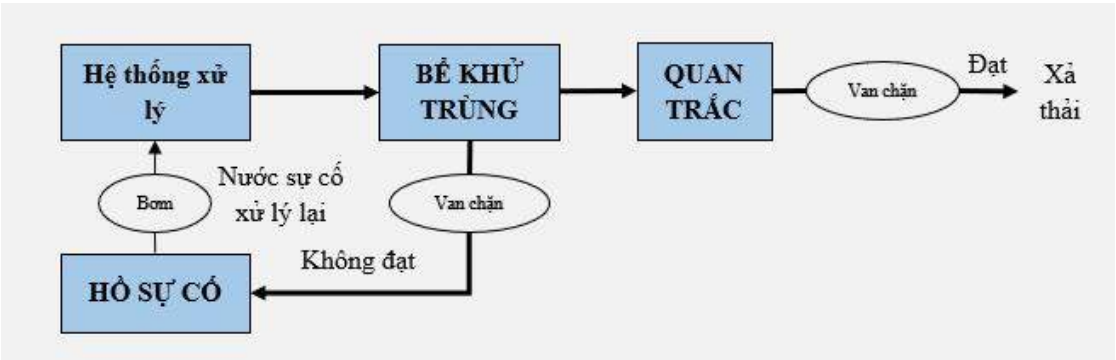
- *Trường hợp 1:* Nước thải đầu vào trạm XLNT có nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giá trị cho phép được phát hiện bởi hệ thống quan trắc online hoặc qua quá trình quan trắc đột xuất, định kỳ được chuyển sang hồ sự cố → Xác định nguyên nhân → Khắc phục → Đảm bảo nước thải đầu vào đạt GHCP của trạm XLNT → Bơm nước thải chứa tại hồ sự cố về bể thu gom đầu vào của trạm XLNT để xử lý.

Hình 135. Sơ đồ khắc phục nước thải đầu vào



- *Trường hợp 2:* Nước thải đầu ra sau trạm XLNT có nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giá trị cho phép khi xả thải *(Vượt quá QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm)* được phát hiện bởi hệ thống quan trắc online hoặc qua quá trình quan trắc đột xuất, định kỳ được chuyển sang hồ sự cố → Xác định nguyên nhân → Khắc phục → Đảm bảo nước thải đầu trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Bơm nước thải chứa tại hồ sự cố về bể thu gom đầu vào của trạm XLNT để xử lý.

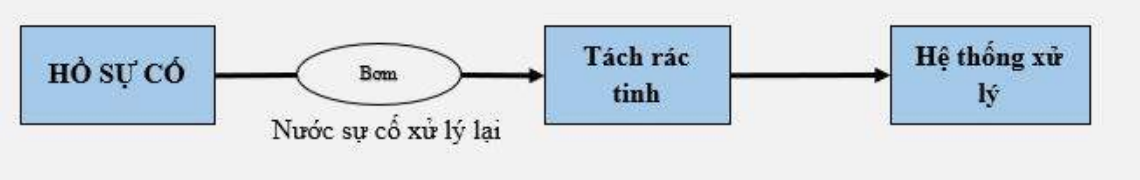
Hình 136. Sơ đồ khắc phục nước thải đầu ra



- *Trường hợp 3:* Khi công trình hoặc thiết bị hư hỏng, cần phải tạm dừng hệ thống XLNT để sửa chữa công trình hoặc thay thế thiết bị. Nước thải được lưu

chứa tạm trong bể điều hòa, bể thu gom trước, sau khi 2 bể này đầy sẽ chuyển nước thải sang hồ sự cố để lưu chứa → Khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị trạm XLNT → Đảm bảo trạm XLNT hoạt động bình thường, nước thải đầu trước khi xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm → Bơm nước thải chứa tại hồ sự cố về bể thu gom đầu vào của trạm XLNT để xử lý.

Hình 137. Sơ đồ khắc phục nước thải khi công trình hoặc thiết bị hư hỏng



Tổng thời gian lưu giữ nước thải tại hồ sự cố khoảng 1,0 ngày. Trong trường hợp quá thời gian trên mà trạm XLNT vẫn chưa khắc phục được sự cố, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+) Thông báo cho các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở thương mại dịch vụ trong phạm vi KCN về sự cố trạm XLNT ngay khi trạm XLNT gặp sự cố để các đơn vị này biết và chuẩn bị cho từng huống trạm XLNT gặp sự cố kéo dài ngoài khả năng chứa nước thải của hồ sự cố.

+) Dừng tiếp nhận nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp và cơ sở dịch vụ cho đến khi xử lý xong nước thải lưu tại hồ sự cố.

- Hồ sự cố này luôn đảm bảo để trống, sẵn sàng cho mục đích chứa nước thải khi Trạm XLNT gặp sự cố, hư hỏng trong quá trình hoạt động.

(iii). Biện pháp ngăn ngừa và ứng phó khi có sự cố nước thải do các Nhà máy, xí nghiệp KCN gặp sự cố nước thải

- Chủ dự án sẽ yêu cầu các chủ đầu tư thứ cấp phải có phương án quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với nước thải của doanh nghiệp. Các biện pháp này phải đảm bảo rằng khi xảy ra sự cố, nước thải được chứa trong phạm vi của Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp.

- Chủ dự án sẽ kiểm tra thực tế các biện pháp này trước khi doanh nghiệp thứ cấp đấu nối nước thải vào hệ thống nước thải của KCN. Nếu các doanh nghiệp không có biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải, Chủ dự án sẽ từ chối đấu nối. Nội dung này sẽ được đưa vào nội dung hợp đồng thuê đất giữa Chủ dự án và doanh nghiệp thứ cấp thuê đất.

- Khi nhà máy, xí nghiệp công nghiệp gặp sự cố nước thải sẽ phải thông báo ngay cho Chủ dự án để đóng, khóa van xả nước thải vào hệ thống thu gom của KCN.

- Trong trường hợp các nhà máy, xí nghiệp bất khả kháng trong việc quản

lý sự cố nước thải, nước thải sẽ được thu gom về lưu giữ trong hồ sự cố (02 hồ; $V_{sự\ cố}$ = 5.250 m^3/hồ) của trạm XLNT tập trung của KCN. Khi các doanh nghiệp khắc phục xong sự cố, nước thải chứa trong bể sự cố này sẽ được bơm ngược trở lại doanh nghiệp gặp sự cố *(đóng tạm các van xả của các doanh nghiệp khác)* để khắc phục rồi lại thực hiện quy trình xả thải thông thường.

j) Biện pháp ngăn ngừa và ứng phó khi có sự cố hóa chất

Như đã trình bày tại các nội dung trước, hóa chất sử dụng tại Trạm XLNT mang tính nguy hại chỉ có acid H_2SO_4 và NaOH. Chủ dự án cam kết sẽ xây dựng và nghiêm túc thực hiện *"Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất"* theo hướng dẫn tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2017 và trình các cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt.

Các biện pháp chủ yếu, cơ bản để phòng ngừa và ứng phó với sự cố này như sau:

♣ *Các biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất*

- Hóa chất H_2SO_4 và NaOH sẽ được chứa trong các thiết bị chuyên dụng và được xếp ở khu vực kho hóa chất riêng. Các thùng đựng hóa chất sau khi sử dụng xong sẽ được chuyển trả cho nhà cung cấp để tái sử dụng.

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng thao tác với hóa chất nguy hiểm: Phải tránh sự tiếp xúc trực tiếp, sử dụng phương tiện bảo hộ cá nhân (kính che mắt, mặt, bao tay, tạp dề, ủng chịu acid,…). Phải thông gió hút khí độc khi thao tác với axít. Thao tác cẩn thận tránh làm hỏng bao bì.

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Vật chứa phải chống được tác dụng ăn mòn của axít, không chứa đầy quá quy định và phải kín. Phải để xa nguồn nhiệt, tránh ánh sáng trực tiếp. Không để chung với các chất xung khắc. Không để lẫn với thực phẩm và các đồ ăn uống. Nơi chứa phải thông thoáng, mát, có dấu hiệu hoá chất nguy hiểm. Khu vực chứa phải có các phương tiện xử lý khi có sự cố rò rỉ.

- Không ăn uống hút thuốc khi đang làm việc

- Khi pha chế không được đổ trực tiếp nước vào axít, mà cho axít từ từ vào nước.

♣ *Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố hoá chất*

- Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ: Các biện pháp được thực hiện theo trình tự sau: Ngăn chận sự phát sinh tràn đổ, rò rỉ → Vây cô lập khu vực → Thu gom phần bị đổ ra → Dùng vôi trung hòa chỗ axít còn lại → Thu gom hỗn hợp xử lý chuyển về nơi xử lý chất thải → Làm sạch chỗ rò rỉ.

- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Xử lý ban đầu giống như ở mức nhỏ. Tuy nhiên, phải báo ngay cho người có trách nhiệm để hỗ trợ người, hóa chất, phương tiện xử lý, và thông báo chính quyền.

- Biện pháp sơ cứu người khi có sự cố hóa chất được thực hiện như sau:

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa ngay mắt với nhiều nước, liên tục tối thiểu 15 phút → Đưa đến cơ sở y tế.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cởi quần áo bị nhiễm axít → Rửa sạch nơi tổn thương với thật nhiều nước và xà phòng hoặc tắm → Nếu có dấu hiệu bỏng hay ửng đỏ → Đưa đến cơ sở y tế.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa đến nơi thoáng khí, nghỉ ngơi, có thể dùng máy hô hấp nhân tạo, cần thiết cho thở oxy → Đưa đến cơ sở y tế.

+ Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): rửa miệng → cho uống nhiều nước, không được gây nôn, không cho uống dung dịch $NaHCO_3$ (hoặc soda) đề phòng phát sinh hơi CO_2 tạo áp suất gây bục dạ dày → Đưa đến cơ sở y tế.

k) Biện pháp kiểm soát, xử lý chất thải trong điều kiện mưa bão, úng ngập do trong bão và sau bão

- Làm kín và thường xuyên kiểm tra các mối nối các đường ống dẫn nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp về trạm XLNT để đảm bảo rằng nước mưa, nước mặt không thẩm thấu vào hệ thống thoát nước thải làm tăng lưu lượng nước thải, dẫn đến trình trạng quá tải của trạm XLNT, nhất là trong tình huống có bão lũ, lụt.

- Đảm bảo các hệ thống cung cấp điện điện, thông tin liên lạc được an toàn và thông suốt trong điều kiện có bão, lũ.

- Bố trí tại trạm XLNT tập trung máy phát điện dự phòng có công suất đảm bảo cho hoạt động của trạm XLNT được bình thường trong điều kiện bị mất điện lưới do mưa, bão, lũ lụt.

l) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT

♣ *Biện pháp phòng ngừa*

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị máy móc, quạt hút theo quy định;

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình được chuyển giao;

- Luôn dự trữ trong kho chứa tối thiểu 01 bộ quạt hút và 01 bộ máy bơm hoá chất NaOH để kịp thời thay thế nếu bị hư hỏng. Trong hệ thống xử lý khí thải thì

thiết bị quạt hút, máy bơm hoá chất NaOH là hay bị sự cố nhất;

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý khí thải phải được tập huấn đầy đủ.

- Thường xuyên quan trắc khí thải để kịp thời phát hiện các hư hỏng, sự cố (Theo quy định thì đối với hệ thống xử lý khí thải không phải quan trắc định kỳ).

♣ *Biện pháp ứng phó khi có sự cố hệ thống xử lý khí thải*

Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải tại trạm XLNT gặp sự cố, cần phải sửa chữa và thay thế thiết bị thì khí thải vẫn nằm trong các bể xử lý. Các bể xử lý đều có nắp đậy kín nên sẽ hạn chế được các tác động ra môi trường do mùi hôi thối. Các biện pháp ứng phó như sau:

- Đóng van tại ống thu hồi khí thải từ các bể về hệ thống xử lý.

- Kịp thời thay thế, sửa chữa các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải bị hư hỏng.

m) Biện pháp kiểm soát, xử lý khi có dự án thứ cấp trong KCN xảy ra sự cố như tràn hóa chất, cháy nổ

- Tổ chức thi công, mua sắm đầy đủ các trang thiết bị về phòng chống cháy nổ trên phạm vi KCN với vai trò chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo các điểm lấy nước phục vụ PCCC luôn hoạt động tốt, bể chứa nước cho công tác PCCC luôn đáp ứng yêu cầu của cơ quan Cảnh sát PCCC.

- Cụ thể hóa về trách nhiệm lập, thẩm định, thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, cháy nổ với các nhà đầu tư thứ cấp khi thuê đất trong KCN để sản xuất - kinh doanh.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp tham dự đầy đủ các khóa tập huấn, diễn tập với các cơ quan chức năng để phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Khi dự án thứ cấp trong KCN xảy ra sự cố như tràn hóa chất, cháy nổ, với vai trò là Chủ dự án hạ tầng KCN Hòa Yên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình khoanh vùng, xử lý sự cố tràn dầu, hóa chất tại nơi xảy ra sự cố.

+ Tổ chức phong tỏa, bảo vệ hiện trường theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

+ Trong trường hợp hóa chất, dầu bị tràn xuống hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ đóng các cửa xả ra nguồn tiếp nhận, tổ chức thu gom hóa chất, dàu mỡ bị tràn vào hệ thống để xử lý

theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

n) Biện pháp kiểm soát, xử lý khi xảy ra sự cố ngập úng tại KCN và khu vực xung quanh

- Duy trì, bảo dưỡng, khơi thông hệ thống thoát nước mưa, kênh mương cắt ngang, hoàn trả để đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại KCN Hòa Yên được vận hành tốt.

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ phối hợp với UBND xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn, phường Vân Hà và các đơn vị có liên quan để tổ chức khơi thông kênh mương và có biện pháp đảm bảo thoát nước tốt ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi, không gập ngập úng cho khu vực dự án và khu vực xung quanh.

o) Biện pháp kiểm soát, xử lý môi trường khác

- Chủ dự án sẽ thông báo tới các nhà máy, xí nghiệp trong phạm vi KCN về tình hình và diễn biến của mưa bão để các nhà máy, xí nghiệp có các biện pháp phòng tránh, đặc biệt là các biện pháp đối với công tác BVMT, xử lý chất thải.

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các nhà máy, xí nghiệp triển khai công tác an toàn trước bão, đặc biệt là các công trình xử lý môi trường.

- Khi xảy ra sự cố, Chủ dự án sẽ cùng với các nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan chức năng nhanh chóng khắc phục sự cố, giảm thiểu mọi thiệt hại nếu có.

3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện

Danh mục các công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch xây lắp khi thực hiện dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 165. Danh mục các công trình, biện pháp BVMT và kế hoạch thực hiện

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
1	Công bố thông tin công khai về Báo cáo ĐTM tại công trường và tại UBND xã/phường	Thực hiện ngay sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt
2	Biện pháp khác: Rà phá bom mìn, dọn dẹp mặt bằng,...	Hoàn thành trước tháng 12/2025
3	02 trạm rửa xe công trường *(kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát),* kèm theo hố ga	Xây dựng xong trước tháng 1/2026, vận hành từ tháng 1/2026 đến hết tháng 12/2026 (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng cho cả 2 giai đoạn)

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
4	Khu chứa rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trên công trường	Xây dựng xong trước tháng 1/2026, vận hành từ tháng 1/2026 đến hết tháng 12/2026 (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng cho cả 2 giai đoạn)
5	Mua thùng chứa rác thải sinh hoạt và thùng đựng chất thải nguy hại	Xây dựng xong trước tháng 1/2026, vận hành từ tháng 1/2026 đến hết tháng 12/2026 (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng cho cả 2 giai đoạn)
6	Khu chứa phế thải xây dựng kèm theo 03 thùng đựng phế thải xây dựng	Xây dựng xong trước tháng 1/2026, vận hành từ tháng 1/2026 đến hết tháng 12/2026 (hoặc đến khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng cho cả 2 giai đoạn)
7	Hệ thống thoát nước mưa	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
8	Hệ thống thu gom nước thải	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
9	Xây dựng 03 trạm bơm chuyển bậc nước thải	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
10	Trạm xử lý nước thải công suất 10.500 m^3/ng.đêm	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Error! Reference source not found.** - Tiến độ xây dựng, hoàn thành Nhà máy XLNT
11	Khu chứa rác thải 30 m^2 cho 3 loại CTRSH, CTR TT và CTNH	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
12	Hệ thống PCCC	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
13	Xây dựng 2 hồ sự cố (V= 5.250 m^3/hồ)	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
14	Hệ thống quan trắc tự động và	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã

TT	Nội dung	Kế hoạch thực hiện, xây lắp
	truyền dữ liệu quan trắc về Sở NN&MT tỉnh Bắc Ninh	trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
15	Trồng cây xanh	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]
16	Xây dựng các công trình khác	Xây dựng theo tiến độ thực hiện dự án đã trình bày tại **Bảng 8** – Chương I [Dự kiến tiến độ chi tiết thi công xây dựng KCN Hòa Yên]

3.3.2. Tóm tắt kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

3.3.2.1. Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT

Kinh phí đầu tư cho các công trình BVMT khi thực hiện dự án KCN Hòa Yên được trình bày tại bảng sau:

Bảng 166. Tổng kinh phí cho các công trình BVMT khi thực hiện dự án

TT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền
I. Giai đoạn chuẩn bị			
1.1	Biện pháp công bố thông tin về BVMT tại công trường và tại các UBND xã/phường	đồng	10.000.000
1.2	Biện pháp khác	đồng	50.000.000
	Cộng I	đồng	***60.000.000***
II. Giai đoạn thi công xây dựng			
2.1	Xây dựng 02 trạm rửa xe công trường *(kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát),* kèm theo hố ga	đồng	50.000.000
2.2	Xây dựng khu chứa rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trên công trường	đồng	20.000.000
2.3	Mua thùng chứa rác thải sinh hoạt và thùng đựng chất thải nguy hại	đồng	20.000.000
2.4	Xây dựng khu chứa phế thải xây dựng kèm theo 03 thùng đựng phế thải xây dựng	đồng	50.000.000
2.5	Thực hiện các biện pháp PCCC tại công trường	đồng	100.000.000
2.6	Xây dựng các tuyến mương thay thế hệ thống kênh mương thoát nước	đồng	50.000.000.000

TT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền
2.7	Kinh phí thuê vận chuyển, đổ bỏ đất thải		5.000.000.000
	Cộng II	đồng	***55.240.000.000***
III. Giai đoạn vận hành			
3.1	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa (kinh phí xây dựng tuyến mương thoát nước mặt ngang KCN đã tính ở nội dung trên)	đồng	50.000.000.000
3.2	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải	đồng	70.000.000.000
3.3	Xây dựng 03 trạm bơm chuyển bậc nước thải	đồng	8.000.000.000
3.3	Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải công suất 10.500 m^3/ng.đêm (03 modun, mỗi modun 3.500 m^3/ng.đêm)	đồng	40.000.000.000
3.5	Xây dựng kho chứa rác thải (CTRSH, CTR TT và CTNH)	đồng	200.000.000
3.6	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC	đồng	20.000.000.000
3.7	Xây dựng hồ sự cố (02 hồ; $V_{hồ}$ = 5.250 m^3/hồ)	đồng	5.000.000.000
3.8	Chi phí mở rộng, cải tạo, nạo vét kênh mương có liên quan	đồng	20.000.000.000
3.9	Kính phí xây dựng hệ thống quan trắc tự động và truyền dữ liệu quan trắc về Sở NN&MT Bắc Ninh	đồng	200.000.000
3.10	Kinh phí trồng cây xanh	đồng	10.000.000.000
3.11	Xây dựng các công trình khác	đồng	10.000.000.000
	Cộng III	đồng	***283.400.000.000***
III. Tổng cộng I + II + III		đồng	**338.700.000.000**

3.3.2.2. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

Kinh phí vận hành các công trình BVMT của KCN Hòa Yên được tính toán trong bảng sau:

Bảng 167. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

TT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền
I. Giai đoạn thi công xây dựng		đồng/ tháng	***130.000.000***
1.2	Vận hành trạm rửa xe công trường (kèm theo hệ thống thoát nước và hố ga lắng đất cát)		20.000.000
1.3	Kinh phí thuê xử lý rác thải sinh hoạt		10.000.000
1.4	Kinh phí thuê xử lý phế thải xây dựng		50.000.000

TT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền
1.5	Kinh phí thuê xử lý chất thải nguy hại		20.000.000
1.6	Kinh phí giám sát môi trường định kỳ		30.000.000
II. Giai đoạn vận hành			***695.000.000***
2.1	Kinh phí nạo vét và vận hành hệ thống thoát nước mưa	đồng/ tháng	50.000.000
2.2	Kinh phí nạo vét và vận hành hệ thống thoát nước thải		50.000.000
2.3	Kính phí quét đường phố, phun nước		20.000.000
2.4	Kinh phí chăm sóc cây xanh		50.000.000
2.5	Kinh phí vận hành trạm XLNT, công suất 10.5000 m^3/ng.đêm, bao gồm cả kinh phí vận hành hệ thống xử lý khí thải từ các bể.		300.000.000
2.6	Kinh phí thuê xử lý rác thải sinh hoạt, CTR TT		20.000.000
2.7	Kinh phí thuê xử lý chất thải nguy hại		50.000.000
2.8	Kinh phí phòng chống diễn tập sự cố môi trường		50.000.000
2.9	Kinh phí quản lý môi trường, lương tổ VSMT		20.000.000
2.10	Kinh phí giám sát môi trường định kỳ		30.000.000
2.11	Kính phí truyền thuê đường truyền kết quả quan trắc nước thải về Sở NN&MT Bắc Ninh		5.000.000

3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

3.4.1. Mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Trong báo cáo này, các kỹ thuật, công nghệ áp dụng, đánh giá môi trường được thể hiện như sau:

- Khi thực hiện dự án KCN Hòa Yên từ giai đoạn thiết kế, công trình đã tiến hành khảo sát, thiết kế theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam và Quốc tế, đã đề ra các phương án thiết kế tối ưu, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu tối đa khối lượng đất đá phải đào đắp và thải ra ngoài môi trường; giảm thiểu thiệt hại tài sản của người dân. Số liệu khảo sát, thống kê về đất và các công trình bị ảnh hưởng đảm bảo độ tin cậy.

- Tài liệu thu thập được gồm:

+ Tài liệu về môi trường sinh thái, khí tượng, thuỷ văn, địa chất, địa hình, đất đai đã được các chuyên gia chuyên ngành thực hiện tại khu vực công trình, kết hợp với nhiều nguồn dữ liệu đã có để tổng hợp, phân tích và đánh giá.

+ Tài liệu về chất lượng môi trường không khí, nước và đất: Tư vấn tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích các mẫu đất, nước và không khí theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Các số liệu được thực hiện tại các vị trí khác nhau, có tính

đặc trưng cho công trình. Các số liệu này đã được sử dụng để đánh giá chất lượng môi trường nền và dự báo sự biến đổi chất lượng môi trường khi có công trình.

+ Các số liệu, kết quả tính toán, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị, thi công và vận hành của công trình được so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Các tác động được đánh giá khi thực thi dự án trong các giai đoạn chuẩn bị dự án, thi công và vận hành lần lượt được đánh giá các nguyên nhân gây tác động, nguyên nhân hình thành, tính chất ảnh hưởng, khả năng phát thải, ước tính định lượng,…

- So sánh với hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành về môi trường không khí, nước, đất,…

Tuy nhiên, do các đánh giá dựa trên hồ sơ dự án đầu tư (giai đoạn thiết kế cơ sở) nên nhiều nội dung vẫn chưa được đầy đủ, chi tiết như: bố trí các hạng mục trong công trường, các vị trí tập kết tạm thời đất đá loại, phân chia gói thầu và tổ chức thi công chi tiết. Thông thường các nội dung này chỉ được chi tiết trong bước thiết kế kỹ thuật và bước bản vẽ thi công của Dự án. Do vậy, nhiều nội dung được đánh giá, dự báo dựa trên kinh nghiệm tham gia các nội dung về môi trường trong các bước của Dự án và các ý kiến, dự kiến của kỹ sư thiết kế đóng góp trong quá trình cộng tác nên mức độ đầy đủ, chi tiết còn chưa thực sự cao.

3.4.2. Mức độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của báo cáo được đánh giá trên các dữ liệu, thông tin, số liệu… cung cấp và tính toán. Khả năng, mức độ tin cậy của đánh giá thể hiện:

- Tính hiện thực và phổ dụng: các ý kiến thu thập thực tế phỏng vấn, điều tra người dân tại khu vực dự án;

- Tính chính xác, đặc trưng, đồng bộ của số liệu: các số liệu về hiện trạng môi trường nền và thông tin về khu vực dự án;

- Tính trung thực và chính xác: Phương pháp lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm tuân thủ theo các quy định về lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu trong bộ tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

- Tính tin cậy: So sánh theo các thông số môi trường trong bộ tiêu chuẩn về môi trường quy định

- Tính hợp lệ: Tuân thủ theo các quy định chung về ĐTM cho dự án theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Các phương pháp sử dụng để đánh giá tác động môi trường trong báo cáo này nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu của báo cáo là phản ánh được hiện trạng cũng như những tác động chính đến môi trường của dự án.

Phương pháp thống kê, liệt kê hay nghiên cứu, khảo sát thực địa đã mô tả được hiện trạng môi trường vùng dự án một cách định lượng. Hệ thống thông tin địa lý cho ta thấy được bức tranh hiện trạng cũng như những tác động tiềm ẩn trong vùng khi thực hiện dự án. Bằng phương pháp chuyên gia cũng cho ta thấy được những tác động tiềm ẩn không lượng hoá hay thống kê được qua kinh nghiệm của các dự án tương tự....

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường của dự án ở từng giai đoạn dự án, dự án sẽ tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời sẽ vào áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này.

Vậy, có thể đánh giá báo cáo ĐTM cho dự án KCN Hòa Yên là đầy đủ, đặc trưng, chính xác về số liệu, thông tin liên quan và phương pháp đánh giá. Do vậy, báo cáo có độ tin cậy cao và hợp lệ về mặt pháp lý. Đây là cơ sở để Chủ đầu tư, Cơ quan QLNN về BVMT thực thi dự án theo đúng các quy định về môi trường, giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường xung quanh và con người.

Chương IV:
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án: ***"Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên"*** tại xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh không thuộc đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương V:
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Chương trình quản lý môi trường khi thực hiện dự án KCN Hòa Yên được thực hiện theo bảng sau:

Bảng 168. Tóm lược chương trình quản lý môi trường của dự án KCN Hòa Yên

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT	Kinh phí và thời gian thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN						
1	Thu hồi tổng diện tích toàn dự án	-Thiệt hại về vật chất và tinh thần của các hộ gia đình chịu ảnh hưởng - Tiềm ẩn những tác động tiêu cực cho xã hội	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên phối hợp cùng UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND các xã, phường trong công tác đền bù và GPMB.	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Chính quyền tỉnh Bắc Ninh	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên
2	Thu hồi các diện tích đất thực hiện dự án	-Mất và suy giảm nguồn sống của các hộ gia đình đang hưởng lợi -Thiệt hại về sản lượng lương thực	- Chủ đầu tư, chính quyền địa phương hỗ trợ đào tạo nghề cho các lao động bị mất đất - Chủ đầu tư, chính quyền địa phương yêu cầu các nhà đầu tư thu hút lao động địa phương và đào tạo nghề		Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT	Kinh phí và thời gian thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
3	Các hoạt động khác	-Tác động đến sức khỏe cộng đồng - Tác động đến môi trường tự nhiên	-Phế thải sẽ được tận dụng để san lấp mặt bằng tại chỗ -Không đốt phế thải -Sử dụng các thiết bị cũ, kém chất lượng	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên
II. GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG						
4	***Tác động đến môi trường không khí*** - Hoạt động thi công san nền - Hoạt động của máy móc thi công - Các hoạt động trên công trường xây dựng	-Suy giảm môi trường không khí do bụi, khí độc, tiếng ồn,… từ công trường xây dựng -Tác động đến sức khỏe cộng đồng, hoạt động kinh tế	-Tưới nước làm ẩm trên công trường -Không bố trí bãi phế thải và chất đống vật liệu xây dựng là đất và cát trong vòng 100 m gần khu vực dân cư -Bãi chứa vật liệu tạm thời là đất, cát hoặc phế thải có thể tích > 20m^3 sẽ được quay bằng vải bạt theo ít nhất 3 phía -Các phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải -Không chở hàng hóa vượt tải trọng - Các phương tiện được làm sạch bùn đất trước khi ra khỏi	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT	Kinh phí và thời gian thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
			công trường, - Không vận chuyển VLXD vào giờ cao điểm - Lựa chọn các thiết bị có mức ồn thấp. - Lắp đặt các thiết bị giảm âm thanh. - Không thi công trong giờ nghỉ đối với các máy có mức ồn cao. - Không bố trí các trạm bảo dưỡng xe trong phạm vi công trường. - Không sử dụng còi hơi tại các khu vực dân cư và còi trong thời gian nghỉ. - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.			
5	***Tác động đến môi trường nước*** - Hoạt động thi công san nền - Hoạt động của máy móc thi công	-Ô nhiễm môi trường nước từ hoạt động bảo dưỡng và chất thải bẩn cuối trôi từ công trường -Sinh hoạt của công nhân	- Kiểm soát dòng nước chảy tràn trên công trường - Kiểm soát nước thải từ các bãi tập kết nguyên liệu, máy móc, kho xưởng, khu vực trộn bê tông - Rào chắn ngang bùn lắng - Bố trí các cụm nhà WC kèm	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT	Kinh phí và thời gian thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	- Các hoạt động trên công trường xây dựng		theo bể phốt tự hoại			
6	***Tác động đến môi trường do CTR*** - Hoạt động thi công san nền - Hoạt động của máy móc thi công - Các hoạt động trên công trường xây dựng	-Phế thải xây dựng gây mất mỹ quan môi trường -Chất thải sinh hoạt gây ô nhiễm mùi, mỹ quan đô thị -Chất thải nguy hại tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực	- Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải - Các thùng chứa dầu mỡ thải loại 100 lít - Các thùng chứa CTR sinh hoạt loại 300 lít - Xây dựng khu lưu giữ rác thải tại công trường. - Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý CTR sinh hoạt. - Ký hợp đồng với có đầy đủ chức năng để xử lý CTNH	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	- Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên -Nhà thầu thi công	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên
III. GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC DỰ ÁN						
7	***Tác động đến môi trường không khí*** - Hoạt động các nhá máy, xí nghiệp - Hoạt động của Trạm XLNT - Hoạt động của	Suy giảm chất lượng môi trường không khí do khí thải giao thông, sinh hoạt và khí thải công nghiệp	- Trồng cây xanh trong phạm vi KCN - Hạn chế tốc độ trong phạm vi KCN - Các nhà máy, xí nghiệp tự xử lý khí thải đạt QCVN tương ứng. - Xây dựng hệ thống thu gom nước thải bẩn kín, hố ga có nắp	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT	Kinh phí và thời gian thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	khu tập kết rác thải tạm thời		và trồng cây xanh xung quanh Trạm XLNT. - Trồng cây xanh theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.			
8	***Tác động đến môi trường nước*** - Hoạt động các nhá máy, xí nghiệp - Hoạt động của các khu vực công cộng, thương mại - Mưa chảy tràn	Suy giảm chất lượng môi trường nước do nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất công nghiệp và nước mưa chảy tràn	- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN. - Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) tại các nhà máy KCN, tại các khu công cộng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi công trình vệ sinh. - Các nhà máy tự xử lý đạt GHCP theo quy định của KCN mới được thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của KCN. - Xây dựng Trạm XLNT của KCN là 10.500 m^3/ng.đêm, hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ các bể xử lý nước thải. - Xây dựng hồ sự cố, dung tích V = 5.250 m^3/hồ, 02 hồ.	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên
9	***Tác động đến môi trường do CTR*** - Hoạt động các	-Suy giảm chất lượng môi trường không khí, mước mặt và nước ngầm	- Thành lập tổ VSMT tại KCN - Các nhà máy, xí nghiệp hợp đồng với đối tác xử lý khác có	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

TT	Các hoạt động của dự án	Tác động đến môi trường	Các biện pháp giảm thiểu, công trình XLMT	Kinh phí và thời gian thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
	nhà máy, xí nghiệp - Hoạt động của các khu vực công cộng, thương mại - Hoạt động Trạm XLNT	-Gây mất mỹ quan chung -Nguyên nhân phát sinh các mầm bệnh	đầy đủ năng lực. - Các nhà máy, xí nghiệp hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để xử lý CTR nguy hại	-Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**		
10	***Phòng ngừa và ứng cứu sự cố*** - Hoạt động các nhà máy, xí nghiệp - Hoạt động của Trạm XLNT tập trung	Khi xảy ra sự cố sẽ gây thiệt hại về người, vật chất	- Sự cố cháy nổ, dịch bệnh - Sự cố hệ thống cấp nước - Sự cố hệ thống thu gom và trạm XLNT - Sự cố về an toàn lao động và trật tự xã hội - Sự cố tắc nghẽn và tai nạn giao thông	-Thời gian thực hiện: Theo **Bảng 165** -Kinh phí: Theo **Bảng 166** , **Bảng 167**	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên	Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

5.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường nước thải

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải thi công, nước thải từ hoạt động rửa xe đều được thu về hố thu, lắng đất cát, dầu mỡ trong nước thải và sau đó được tái sử dụng cho phun rửa xe, rửa sân đường, phun ẩm bề mặt công trường giảm thiểu bụi nên không phát sinh nước thải → Không tổ chức giám sát.

- Công nhân không ăn ở tại công trường, trên công trường sẽ trang bị các nhà vệ sinh lưu động, nước thải, phân bùn từ các bể chứa được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý nên cũng ko phát sinh nước thải → Không tổ chức giám sát.

b) Giám sát CTRSH, CTRTT và CTNH

Chương trình quan trắc, giám sát CTRSH, CTRTT và CTNH trong giai đoạn thi công được trình bày trong bảng sau:

Bảng 169. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường nước thải thi công

TT	Nội dung	Chương trình giám sát
1	Vị trí	Khu vực lưu giữ CTRSH, CTRTT và CTNH
2	Chỉ tiêu giám sát	Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận vận chuyển, xử lý chất thải.
3	Tần suất	Thường xuyên khi phát sinh
4	Quy chuẩn so sánh	Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Nước thải

Theo quy định tại Luật BVMT ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì dự án phải tiến hành vận hành thử nghiệm đối với trạm XLNT tập trung, công suất 10.500 m^3/ng.đêm.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình trạm XLNT tập trung như sau:

Bảng 170. Kế hoạch vận hành thử nghiệm trạm XLNT tập trung

TT	Nội dung	Thông số
1	Thời gian VHTN	6 tháng kể từ khi dự án được cơ quan chức năng cấp GPMT
2	Công suất trạm XLNT VHTN	10.500 m^3/ng.đêm
3	Thông số lấy mẫu	Các thông số sau: *1- Lượng nước thải đầu vào* *2- Lưu lượng nước thải đầu ra* *3- Nhiệt độ* *4- Màu* *5- pH* *6- BOD_5 (20°C)* *7- COD/TOC* *8- Chất rắn lơ lửng* *9- Tổng Phốt pho (T-P)* *10- Tổng Nitơ (T-N)* *11- Nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao, đầm (gọi chung là hồ)* *12- Tổng Coliform* *13- Asen (As)* *14- Thủy ngân (Hg)* *15- Chì (Pb)* *16- Cadmi (Cd)* *17- Crom VI (Cr^{6+})* *18- Tổng Crom (Cr)* *19- Đồng (Cu)* *20- Kẽm (Zn)* *21- Niken (Ni)* *22- Mangan (Mn)* *23- Sắt (Fe)* *24- Bari (Ba)* *25- Antimon (Sb)* *26- Thiếc (Sn)* *27- Selen (Se)* *28- Xi anua (CN-)* *29- Amoni (N-NH_4^+), tính theo N* *30- Phenol (C_6H_5OH)* *35- Florua (F^-)* *36- Clorua (Cl^-) (không áp dụng khi xả thải vào nguồn nước mặn, nước lợ)* *37- Clo dư* *38- Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ* *39- Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ* *40- PCB* *41- Dioxin/Furan* *42- Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)* *43- Chất hoạt động bề mặt anion* *44- (C_6Cl_5OH)* *45- ($CH\text{-}CCl_3$)* *46- (C_2Cl_4)* *47- (C_6H_6)* *48- Methylene chloride* *49- (CCl_4)* *50- (CH_2CCl_2)* *51- ($C_2H_4Cl_2$)* *52- ($CHCl_3$)* *53- ($C_4H_8O_2$)* *54- $C6H4(CO_2C_8H_{17})_2$* *55- (CH_2=CHCI)* *56- (CH_2CHCN)* *57- ($CHBr_3$)* *58- ($C_{10}H_8$)* *59- (HCHO)* *60- (C_3H_5CIO)* *61- ($C_6H_5\text{-}CH_3$)* *62- ($C_6H_4(CH_3)_2$)* *63- (CIO_4^-)*

TT	Nội dung	Thông số	
		31- Tổng Phenol *32- Dầu mỡ khoáng* *33- Dầu mỡ động thực vật* *34- Sunfua (S_2^-)*	*64-(CH_2=CH-$CONH_2$)* *65- ($C_6H_5CH=CH_2$)* *66- $CH_2CH_2CO_2C_8H_{17})_2$* *67- Sunfit (tính theo SO_3^{2-}*
4	Giá trị giới hạn của các thông số	QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm.	
5	Tần suất lấy mẫu	- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Thực hiện quan trắc mẫu đơn nước thải sau khi xử lý với tần suất 15 ngày/lần/1 mẫu, tối thiểu 3 lần (tổng cộng là 3 mẫu). - Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn (tại đầu ra của hệ thống xử nước thải) trong 03 ngày liên tiếp.	Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

b) Khí thải từ trạm xử lý nước thải

Theo quy định tại Luật BVMT ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì dự án phải tiến hành vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải từ Trạm XLNT tập trung, công suất tối đa 4.500 m^3/h.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải tại Trạm XLNT tập trung như sau:

Bảng 171. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải tại trạm XLNT tập trung

TT	Nội dung	Thông số	Ghi chú
1	Thời gian vận hành thử nghiệm	Tối đa không quá 6 tháng	Kể từ khi Dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT
2	Công suất hệ thống xử lý khí thải	4.500 m^3/h	
3	Vị trí lấy mẫu	Khí thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường không khí	01 mẫu/lần

TT	Nội dung	Thông số	Ghi chú
4	Thông số lấy mẫu	1) Lưu lượng khí thải 2) H_2S 3) Metyl mercaptan (CH_3SH)	
5	Giá trị giới hạn của các thông số	QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp	
6	Tần suất lấy mẫu	3 mẫu đơn khí thải sau khi xử lý, trước khi xả ra môi trường không khí trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành hiệu quả công trình xử lý khí thải.	Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

5.2.3. Quan trắc, giám sát môi trường sau khi dự án đi vào hoạt động

5.2.3.1. Giám sát nước thải

a) Giám sát tự động nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của Trạm XLNT tập trung trước khi xả ra kênh tiêu Cầu Chi.

- Thông số giám sát:

(1) Lưu lượng nước thải đầu vào (Quan trắc tại hố gom nước thải đầu vào trước khi xử lý)

(2) Lưu lượng nước thải đầu ra (Quan trắc tại mương quan trắc nước thải sau khi xử lý)

(3) pH

(4) Nhiệt độ

(5) TSS

(6) COD

(7) Amoni

- Tần suất giám sát: Liên tục, tự động.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm.

- Đấu nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động: Hệ thống quan trắc tự động này sẽ đảm bảo kết nối để truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở NN&MT Bắc Ninh và các cơ quan chức năng khác để theo dõi và quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Giám sát định kỳ nước thải

- Vị trí giám sát: 2 điểm, cụ thể: 01 vị trí tại hố gom nước thải đầu vào trước khi xử lý và 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của trạm XLNT tập trung trước khi xả ra kênh tiêu Cầu Chi.

- Thông số giám sát: *1- Màu sắc (Co-Pt ở pH=7) ; 2- BOD_5 (20ºC) ; 3- Asen (As) ; 4- Thủy ngân (Hg) ; 5- Chì (Pb) ; 6- Cadimi ; 7- Crom (IV) ; 8- Crom (III) ; 9- Đồng (Cu) ; 10- Kẽm (Zn) ; 11- Niken (Ni) ; 12- Mangan (Mn) ; 13- Sắt (Fe) ; 14- Thiếc ; 15- Xianua ; 16- Phenol ; 17- Dầu mỡ khoáng ; 18- Dầu động thực vật ; 19- Clo dư ; 20- PCBs ; 21- Sunfua ; 22- Florua ; 23- Clorua ; 24- Tổng nitơ ; 25- Tổng phôtpho ; 26- Coliform.*

***Ghi chú**: Trong quá trình quan trắc định kỳ, 7 chỉ tiêu giám sát liên tục là: 1-Lưu lượng đầu vào, 2-Lưu lượng đầu ra, 3-Nhiệt độ, 4-pH, 5-TSS, 6-COD và 7-Amonia sẽ không phải thực hiện trong giám sát định kỳ. Báo cáo QLMT hàng năm của Chủ dự án sẽ tích hợp các chỉ tiêu giám sát này từ hệ thống quan trắc online liên tục.*

- Tần suất giám sát:

+ 01 năm/lần đối với các thông số: Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ, tổng PCB;

+ 03 tháng/lần đối với các thông số còn lại.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm.

c) Giám sát nước thải khi trạm quan trắc tự động, liên tục gặp sự cố

Trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, Chủ dự án thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BNTMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Cụ thể như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm XLNT tập trung.

- Thông số giám sát: Các thông số giám sát thực hiện theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

- Tần suất giám sát: 01 lần/ngày (cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải liên tục, tự động hoạt động trở lại).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm.

5.2.3.2. Giám sát định kỳ khí thải từ hoạt động của trạm XLNT

Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/ 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì hệ thống xử lý khí thải tại Trạm XLNT không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

5.2.3.3. Giám sát CTR thông thường, CTNH

- Thực hiện phân định, phân loại CTRSH, CTR thông thường, CTNH và xử lý theo quy định của Luật BVMT ngày 17/11/2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giám sát khối lượng phát sinh, công tác quản lý, công tác bàn giao cho đơn vị dịch vụ; Chất thải nguy hại: Khối lượng phát sinh, công tác quản lý, công tác bàn giao cho đơn vị dịch vụ.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên khi phát sinh.

5.2.3.4. Giám sát nội dung khác

Giám sát hiện tượng ngập úng, hạn hán và các hiện tượng bất thường khác có liên quan tại KCN và khu vực xung quanh.

5.2.4. Trách nhiệm thực hiện và chế độ báo cáo

- Trách nhiệm thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường định kỳ do Công ty cổ phần FECON Hòa Yên thực hiện.

- Toàn bộ các kết quả giám sát sẽ được lưu giữ tại Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và gửi báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường Bắc Ninh và Sở Công thương.

- Chủ dự án sẽ xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ tại dự án, gửi đến cơ quan QLNN trước khi thực hiện theo quy định của pháp luật *(trước ngày 30/1 của năm thực hiện).*

- Chủ dự án sẽ lập Báo cáo công tác BVMT hàng năm tại Dự án, nộp đến cơ quan QLNN theo quy định của pháp luật trước ngày 30/12 hàng năm.

Chương VI:
THAM VẤN Ý KIẾN CỦA CỘNG ĐỒNG

6.1. TỔ CHỨC THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

Ngày … , sau khi nhận được Công văn số …. ngày … của Công ty CP Fecon Hòa Yên về việc *"Đề nghị đăng tải Nội dung báo cáo ĐTM của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên trên cổng thông tin điện tử của Bộ NN&MT để xin ý kiến tham vấn"*, Bộ NN&MT đã tiến hành đã đăng tải báo cáo ĐTM của công trình lên cổng thông tin điện tử, cụ thể như sau:

- Đường link:

- Thời gian đăng tải: Từ ngày …. đến ngày …

6.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Chủ đầu tư đã tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tại UBND xã Đông Lỗ, xã Hương Mai, xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn *(Nay là xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh)* và tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình chịu tác động trong phạm vi dự án. Cụ thể quá trình tham vấn diễn ra như sau:

Bảng 172. Thông tin quá trình tổ chức tham vấn lấy ý kiến người dân

TT	Thông tin	Xã Đông Lỗ	Xã Hương Mai	Xã Tiên Sơn	Xã Trung Sơn
I	**Niêm yết công khai ĐTM của dự án**				
1	Thời gian	14 giờ 00 phút ngày 02/4/2025	8 giờ 00 phút ngày 03/4/2025	14 giờ 00 phút ngày 03/4/2025	8 giờ 00 phút ngày 02/4/2025
2	Địa điểm	UBND xã Đông Lỗ	UBND xã Hương Mai	UBND xã Tiên Sơn	UBND xã Trung Sơn
3	Đại diện	Chủ dự án phối hợp với Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND xã khu vực			
		Nguyễn Văn Hùng	Đỗ Viết Hoa	Nguyễn Văn Nam	Diêm Đăng Nghiệp
II	**Tổ chức họp tham vấn cộng đồng**				
1	Thời gian	14 giờ 00 phút ngày 09/04/2025	14 giờ 00 phút ngày 10/04/2025	14 giờ 00 phút ngày 15/04/2025	8 giờ 00 phút ngày 08/04/2025
2	Địa điểm	Hội trường UBND xã Đông Lỗ	Hội trường UBND xã Hương Mai	Nhà văn hóa thôn Phù Tài	Hội trường UBND xã Trung Sơn

TT	Thông tin	Xã Đông Lỗ	Xã Hương Mai	Xã Tiên Sơn	Xã Trung Sơn
3	Thành phần tham dự họp	**Chủ đầu tư**: Công ty CP Fecon Hòa Yên			
		Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T			
		Đại diện các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án thuộc xã Đông Lỗ	Đại diện các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án thuộc xã Hương Mai	Đại diện các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án thuộc xã Tiên Sơn	Đại diện các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án thuộc xã Trung Sơn

Dưới đây là một số hình ảnh được ghi lại trong quá trình diễn ra cuộc họp tham vấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án:

Hình 138. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Đông Lỗ






XÃ ĐÔNG LỖ
VỤ HUẤN LUYỆN NĂM 2025





Hình 139. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Hương Mai








AM QUANG VINH MUÔN NĂM!

Hình 140. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Tiên Sơn












NGHỊ
DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

Hình 141. Hình ảnh buổi họp tham vấn cộng đồng tại xã Trung Sơn







6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định

Công ty CP Fecon Hòa Yên đã gửi các văn bản, kèm theo hồ sơ báo cáo ĐTM của dự án tới các cơ quan sau để đề nghị tham vấn:

- Văn bản số 09/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 10/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 11/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 12/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên ngày 01/04/2025 về việc *"Lấy ý kiến tham vấn trong trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

Sau 15 ngày kể từ khi các văn bản tham vấn ý kiến cho các cơ quan *(theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025),* Công ty CP Fecon Hòa Yên đã nhận được các văn bản trả lời dưới đây:

- Văn bản số 144/CV-UBND của UBND xã Đông Lỗ ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện ĐTM của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 01/CV-MTTQ của Ủy ban MTTQ xã Đông Lỗ ngày .../04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 105/CV-UBND của UBND xã Hương Mai ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 05/UBMTTQ của Ủy ban MTTQ xã Hương Mai ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 75/UBND-ĐCXD của UBND xã Tiên Sơn ngày 21/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 10/CV-MTTQ-BTT của Ủy ban MTTQ xã Tiên Sơn ngày 23/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 38/UBND-CV của UBND xã Trung Sơn ngày 10/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên";*

- Văn bản số 14/MTTQ-BTT của Ủy ban MTTQ xã Trung Sơn ngày 08/04/2025 về việc *"Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên".*

6.2. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.2.1. Tổng hợp các ý kiến tham gia trong quá trình ĐTM

Sau quá trình tổ chức tham vấn bằng văn bản theo quy định, Chủ đầu tư nhận được các ý kiến tham vấn, lần lượt được trình bày trong bảng sau:

Bảng 173. Các ý kiến góp ý từ quá trình tham vấn

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	**Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử**		
	Không có ý kiến		
II	**Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến**		
2.1	***Xã Đông Lỗ***		
Chương 1	Không có ý kiến		
Chương 2	Không có ý kiến		
Chương 3	Thôn Đồng Quan diện tích 200 ha dùng đến đâu cắm mốc đến đó để người dân còn làm hệ thống kênh mương.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến và sẽ thực hiện cắm mốc dự án đầy đủ.	Ông: Nguyễn Sĩ Doanh – Thôn Đồng Quan
	Vấn đề đường giao thông, cây xanh người dân không nắm được cần nói cụ thể hơn.	- Diện tích cây xanh theo quy hoạch khoảng 27,38 ha. - Diện tích giao thông theo quy hoạch khoảng 52,73 ha, trong đó có cải tạo mở rộng ĐT.398 và ĐT.398B liên kết với các tuyến đường trong KCN tạo thành một hệ thống giao thông liên hoàn.	
	Dự án có quy mô rộng, sau khi nghe tư vấn, các nhà đầu tư	Chủ đầu tư ưu tiên tuyển dụng người	Ông: Phạm Trọng Dân

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	khi vào KCN sẽ phải đáp ứng đủ các tiêu chí môi trường → Ủng hộ xây dựng KCN. KCN đáp ứng các nhu cầu của người dân.	dân địa phương vào làm việc tại các nhà máy trong KCN.	– Thôn Đông Lỗ
	Kết cấu hạ tầng KCN thì bao giờ thi công và hoàn thiện	Dự kiến dự án sẽ triển khai thi công trong vòng 3 năm, kể từ ngày quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	
	Đền bù theo hình thức như thế nào	Chủ đầu tư bố trí 1 cuộc họp khác về vấn đề giải phóng mặt bằng.	
	Yêu cầu KCN phải có khu xử lý rác thải trước khi đi vào hoạt động.	Toàn bộ rác thải phát sinh sẽ được phân loại, thu gom và kí hợp đồng với đơn vị thu gom được cấp phép hoạt động. Trong KCN không có lò đốt rác và khu xử lý rác thải.	
	Cần ưu tiên cho người dân của thôn vào làm việc tại KCN để phát triển.	Chủ dự án ưu tiên tuyển dụng người dân địa phương vào làm việc tại các nhà máy trong KCN. Người dân cũng có nhiều biện pháp tăng thu nhập không cần thiết phải đi làm (thuê nhà, trông xe, cung cấp dịch vụ,…).	
	KCN cần phải xử lý rác thải, không làm ảnh hưởng tới môi trường của người dân.	Như trên.	Ông: Nguyễn Văn Giáp – Thôn Đông Lỗ
	Không xả rác thải làm ô nhiễm nguồn nước sông Cầu, ảnh hưởng tới đời sống.	Chủ dự án sẽ phối hợp với Nhà thầu thi công, nhắc nhở công nhân thi công thực	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		hiện nghiêm túc các công tác bảo vệ môi trường.	
	Khi san lấp sử dụng đất để làm nên cần có biện pháp giảm thiểu bụi. Cần cung cấp đường dây liên hệ tới người phụ trách vấn đề này một cách công khai.	- Các tác động về bụi trong quá trình xây dựng là khó tránh khỏi, tuy nhiên chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi. - Sau khi báo cáo được phê duyệt sẽ công khai báo cáo tại UBND kèm 01 đường dây nóng để người dân có thể trao đổi.	Ông: Nguyễn Văn Được – Trưởng thôn Vân Cẩm
	KCN có thể gây ảnh hưởng tới nguồn nước tại đầm phục vụ cho nông nghiệp tại 4 thôn	Nước thải từ dự án được thu gom vào hệ thống thoát nước xây mới riêng biệt, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột A của QCVN 14:2025/BTNMT (mức tiêu chuẩn cao nhất về nước thải sinh hoạt) trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.	Ông: Đào Văn Bảy – Thôn Đồng Lỗ
	Nhà đầu tư cần xem xét tới diện tích đầm bị thu hẹp	Để thực hiện dự án phải xác định kênh tưới, tiêu nào bị mất → hoàn trả kênh mương, đảm bảo cấp nước và thoát nước cho diện tích cây trồng còn lại.	
	Nước thải tại KCN sẽ được xử lý như thế nào để không làm ảnh hưởng tới cây trồng nông nghiệp khu vực.	KCN có 7 nhóm ngành sản xuất, có loại nước thải khác nhau → từng nhà máy phải xử lý sau đó mới xử lý chung tại trạm XLNT KCN → đảm bảo tiêu	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		chuẩn đầu ra (QCVN 14:2025/BTNMT, cột A).	
	Người dân vĩnh viễn mất đất thì chế độ đền bù như thế nào	Chủ đầu tư bố trí 1 cuộc họp khác về vấn đề giải phóng mặt bằng.	Ông: Vũ Đức Việt – Thôn Nội Quan
Chương 4	Không có ý kiến		
Chương 5	Không có ý kiến		
Chương 6	Không có ý kiến		
2.2	***Xã Hương Mai***		
Chương 1	Không có ý kiến		
Chương 2	Không có ý kiến		
Chương 3	Ruộng đất đền bù cần hợp lý, có diện tích còn lại để người dân tiếp tục canh tác.	Dự án đầu tư xây dựng các tuyến cống đảm bảo nước tiêu thoát cho các phần diện tích còn lại canh tác, không gây ngập úng khu vực của bà con. Tính toán các tuyến cống chi tiết phù hợp với lưu lượng tiêu thoát.	Cô Hồng – Thôn Xuân Hòa
	Làm rõ diện tích đất thu hồi	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến và sẽ tiến hành cắm cọc thu hồi phần diện tích dự án.	Ông: Nguyễn Trọng Hinh
	Nếu chưa có quy hoạch, mồ mả sẽ di chuyển đi đâu, phải tìm đất cho người dân di dời	Chủ dự án làm việc với UBND sau đó làm việc với các thôn để thống kê danh sách mồ mả của các hộ gia đình, sẽ có kế hoạch về vấn đề này. Chủ đầu tư xin tiếp thu để tìm ra giải pháp (mộ tròn,	Ông: Giáp Văn Thành

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		mộ dài), mong bà con ủng hộ. Vấn đề đền bù mồ mả sẽ thực hiện đúng theo quy định của tỉnh Bắc Giang cũ.	
Chương 4	Không có ý kiến		
Chương 5	Không có ý kiến		
Chương 6	Không có ý kiến		
2.3	***Xã Tiên Sơn***		
Chương 1	Không có ý kiến		
Chương 2	Không có ý kiến		
Chương 3	Theo chủ trương của nhà nước, khu công nghiệp là một phương án tốt cho nhân dân.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	Ông: Vương Văn Quang
	Ảnh hưởng từ xây dựng khu công nghiệp: Bên trái là dân cư thôn Phù Tài, nếu quy hoạch không đảm bảo sẽ ảnh hưởng tới người dân rất nhiều, đặc biệt là tuyến kênh mương chảy qua rất dài. Đề nghị hệ thống tiêu thoát phải đảm bảo.	Trong quá trình triển khai dự án, Chủ đầu tư sẽ chú trọng vấn đề này và tiến hành hoàn trả đoạn kênh mương chạy qua chạy án, đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực.	
	Các vấn đề môi trường phải đảm bảo, không ảnh hưởng tới thôn Phù Tài.	Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc các công tác bảo vệ môi trường như đã trình bày tại hội nghị.	
	Trong phạm vi 28,35 ha thuộc Phù Tài và Lương Yên: Đảm bảo trong quá trình thi công như sau:		Ông: Nguyễn Phú Luyến – Bí thư chi bộ Lương Yên
	+Tiêu thoát nước của KCN: 100 mẫu thuộc dự án không ra	KCN đã tính toán lưu lượng nước thải	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	được kênh Tiêu Hòa, có tình trạng ngập nước về phía ruộng của người dân. Đề nghị xây kè đảm bảo nước tiêu thoát cho Lương Yên.	→ xây dựng tuyến cống phù hợp → đảm bảo kênh tiêu Việt Hòa tiếp nhận hết.	
	+Trong quá trình thi công, vấn đề bụi, khí thải sẽ ảnh hưởng tới người dân. Đảm bảo cho người dân về tiếng ồn khi thi công → ảnh hưởng sức khỏe.	Các tác động về bụi, tiếng ồn trong quá trình xây dựng là khó tránh khỏi, tuy nhiên chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn như thi công theo phương án cuốn chiếu, phun rửa xe trước khi ra khỏi công trường, không thi công vào ban đêm, ...	
	Tác động về an ninh khi có KCN thì có phương án như nào.	Dự án không bố trí nhà ở cho công nhân, chỉ có lực lượng quản ý; sẽ khai báo tạm trú, tạm vắng cho công nhân.	
	Công ty phải quan tâm tới vấn đề tiêu thoát, tránh vấn đề nước thải bị tràn và kênh Tiêu Hòa bị quá tải.	KCN đã tính toán lưu lượng nước thải để xây dựng tuyến cống phù hợp, đảm bảo kênh tiêu Việt Hòa tiếp nhận được.	
	Quan tâm tới đời sống nhân dân: nước thải, bụi, khí thải,…	Như trên.	Ông: Hoàng Bá Tính – Trưởng ban Mặt trận khu dân cư
	Hoàn trả kênh mương có phương án cụ thể như thế nào	Như trên.	
	Biện pháp xử lý bụi, mùi khi KCN đi vào hoạt động	Từng nhà máy khi đầu tư vào KCN sẽ phải cam kết xử lý khí thải đạt QCVN theo hợp đồng.	
	Ranh giới của xã Tiên Sơn là từ đâu đến đâu.	Diện tích dự án thuộc phần diện tích của xã Tiên Sơn khoảng 28 ha. Khi GPMB sẽ tiến hành cắm mốc ranh giới.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	Đảm bảo họp thường xuyên, phối hợp với UBND xã 1 cách chặt chẽ.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	
	Nước tiêu thoát phải đảm bảo	Như trên.	Ông: Nguyễn Văn Hưng
	Xe lưu thông phải cam kết thời gian vận chuyển, trọng tải xe	Chủ dự án sẽ bố trí thời gian vận chuyển hợp lý và khoa học, tránh lưu thông vào giờ cao điểm.	
	Thông báo địa điểm đầu thu hồi, phun nước tưới rửa đường. Đặt hệ thống phun rửa xe thì đặt ở đâu để nhân dân nằm bắt được.	Chủ đầu tư thuê xe chuyên dụng để phun ẩm và tưới rửa đường.	
	Chân cầu còn diện tích rất nhỏ nên thu hồi hết để đưa vào quy hoạch luôn	Chủ đầu tư bố trí 1 cuộc họp khác về vấn đề giải phóng mặt bằng.	Ông: Vương Văn Quang
Chương 4	Không có ý kiến		
Chương 5	Không có ý kiến		
Chương 6	Không có ý kiến		
2.4	***Xã Trung Sơn***		
Chương 1	Không có ý kiến		
Chương 2	Không có ý kiến		
Chương 3	Dự án đã có từ lâu, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, giả sử dự án không lấy hết khu diện tích của bà con, phần còn lại không thu hồi mà diện tích nhỏ, đề nghị thu hồi nốt.	Chủ đầu tư bố trí 1 buổi họp giải phóng mặt bằng, giải quyết các vấn đề của bà con.	Ông: Đỗ Văn Tiếp – Thôn Nguyễn
	Đề nghị thông báo với bà con và chính quyền về phương án thi công, cấp điện, cấp nước,…	Sau khi báo cáo được phê duyệt sẽ công khai báo cáo tại UBND để người dân có	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		thể nắm bắt.	
	Trước khi san lấp đảm bảo nước tưới cho bà con sản xuất nông nghiệp	Diện tích còn lại đảm bảo vẫn tưới tiêu bình thường. Còn nếu xảy ra việc thiếu nước, tiêu thoát không tốt thì người dân có thể viết đơn lên chính quyền để hỗ trợ người dân.	Ông: Đỗ Văn Lý – Bí thư chi bộ
	Trong quá trình giải phóng, đất đổ liên quan đến mưa bão gây ngập lụt	Dự án thi công theo hình thức cuốn chiếu và không tiến hành thi công vào những ngày mưa bão.	
	Diện tích đất liền kề có trách nhiệm đền bù trong trường hợp chuột phá hoại mùa màng	Dự án ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải, đảm bảo không vứt rác bừa bãi làm nơi trú ngụ cho các loài động vật phá hoại mùa màng.	
	Khó khăn trong công tác giải phóng khi diện tích còn lại ít, phương án giải quyết vì không đủ diện tích canh tác.	Chủ đầu tư bố trí 1 cuộc họp khác về vấn đề giải phóng mặt bằng.	Bà: Nguyễn Thị Lợi
	Đảm bảo vệ sinh môi trường hài hòa với việc thi công xây dựng (mương tiêu, cấp điện, cấp nước,…)	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	
	Nhất trí với các biện pháp môi trường đã trình bày	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	Bà: Đỗ Thị Thao – Chủ tịch UBMT
	Đề nghị tuân thủ đầy đủ các biện pháp đã nêu trong quá trình thực hiện dự án.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	
	Cần kịp thời phối hợp với thôn Nguyễn, UBND xã về các vấn đề môi trường, giải quyết nhanh chóng, tránh gây bức xúc người dân.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	
	Về bụi, tiếng ồn phải phủ bạt khi chở nguyên vật liệu và	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	không thi công vào ban đêm, đảm bảo an toàn cho các cháu học sinh.		
	Lượng rác thải phải vận chuyển định kỳ vì khu xung quanh là các khu dân cư.	Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt với hợp đồng thu gom ít nhất 1 lần/ngày. Chủ đầu tư cam kết về môi trường, tránh gây ảnh hưởng tới người dân, tránh các tuyến đường dân sinh khi vận chuyển.	
	Cho văn bản thực hiện giữa người dân và Chủ đầu tư về các vấn đề đã cam kết.	Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến.	Ông: Đỗ Đức Tuấn
Chương 4	Không có ý kiến		
Chương 5	Không có ý kiến		
Chương 6	Không có ý kiến		
III	**Tham vấn bằng văn bản**		
Chương 1	Không có ý kiến		
Chương 2	Không có ý kiến		
Chương 3	Tuân thủ quy định tại Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng	Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của UBND xã Đông Lỗ. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được UBND xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo	UBND xã Đông Lỗ

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành.	ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	
	Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động trong quá trình triển khai dự án.		
	Thu hút các ngành công nghiệp sạch, có công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; không thu hút các ngành nghề có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.		
	Thực hiện xử lý triệt để nước thải, rác thải, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của KCN; yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp trong KCN phải xử lý triệt để khí thải và các nguồn thải khác để đảm bảo không ảnh hưởng đến đời sống - sản xuất của các khu vực dân cư lân cận. Riêng đối với nước thải sản xuất công nghiệp, đề nghị Công ty phải đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải theo đúng quy định mới được thu hút đầu tư. Nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất phải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra môi trường, tuyệt đối không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng ra môi trường.		
	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, hệ thống giao thông và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước mặt, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án. Trường hợp xác định có phát sinh các công trình phải di dời, hoàn trả, thỏa thuận với cơ quan chủ quản của các công trình có liên quan về phương án di dời, hoàn trả trước khi thi công và thực hiện theo phương án thỏa thuận; thiết kế và kết cấu công trình thủy lợi hoàn trả phải đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tưới tiêu nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động dân sinh khác tại khu vực Dự án.		
	Phối hợp chặt chẽ với địa phương, chính quyền thôn và cộng đồng dân cư xung quanh trong quá trình triển khai dự án và xử lý kịp thời hợp lý các vấn đề phát sinh có liên quan.		
	Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.		
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã.	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của Uỷ ban MTTQ xã Đông Lỗ. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được Uỷ ban MTTQ xã và người dân	Uỷ ban MTTQ xã Đông Lỗ
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án.		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	Đề nghị Công ty và các đơn vị thi công đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu các phương tiện vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.	địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	
	Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị khu công nghiệp phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường.		
	Đề nghị Công ty có các chính sách hỗ trợ việc làm cho các gia đình trên địa bàn xã, đặc biệt là các hộ gia đình bị mất đất cho dự án. Đồng thời, đề nghị Công ty phối với các các cấp chính quyền, công an xã để quản lý tốt công nhân xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng khu công nghiệp cũng như người lao động khi khu công nghiệp đi vào hoạt động, tuyệt đối không để mất an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương.		
	Phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc khi triển khai dự án.		
	Thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường, phòng chống và ứng phó với các sự cố môi trường, phòng ngừa và ứng phó với sự cố thiên tai đã cam kết trong hồ sơ báo cáo	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của UBND xã Hương Mai.	UBND xã Hương Mai

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	ĐTM. Sau khi báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị Công ty công khai Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật để chính quyền địa phương và nhân dân có thể giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án.	- Trong quá trình thực hiện dự án mong được UBND xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	
	Trong quá trình thi công xây dựng, đề nghị Công ty và các Nhà thầu thi công tổ chức thi công hợp lý, không được gây ô nhiễm môi trường cũng như các tác động xấu đến sản xuất - đời sống nhân dân trong khu vực. Không được để bụi bẩn, nước thải, tiếng ồn, phế thải xây dựng.... từ công trường ảnh hưởng đến đời sống, các hoạt động sản xuất - kinh doanh của khu vực xung quanh vùng dự án. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phải được làm sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường. Không vận chuyên nguyên liệu, phế thải xây dựng vào giờ cao điểm. Nếu trong quá trình thi công làm hư hỏng đường giao thông do việc vận chuyên đất đá, nguyên vật liệu thì Công ty phải có trách nhiệm khôi phục lại nguyên trạng ban đầu. Công ty phải dừng mọi hoạt động thi công có liên quan nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường cho các khu vực xung quanh cho đến khi khắc phục xong.		
	Đề nghị Công ty phải hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường của KCN trước khi tiến hành thu hút đầu tư. Đảm bảo hoạt động của KCN không ảnh hưởng đến đời sống, môi trường, kinh tế -		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	xã hội của địa phương. Nước thải, rác thải phát sinh từ hoạt động của KCN phải được xử lý triệt để an toàn, đạt các quy định của pháp luật trước khi xả thải ra môi trường.		
	Đề nghị Công ty có phương án cụ thể hoàn trả kênh mương thủy lợi bị chiếm dụng, bị ảnh hưởng trước khi thực hiện dự án, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới – tiêu các diện tích xung quanh dự án được hoạt động bình thường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.		
	Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.		
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã trong các giai đoạn thi công xây dựng và khai thác, vận hành, thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp sau này.	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của Uỷ ban MTTQ xã Hương Mai. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được Uỷ ban MTTQ xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	Uỷ ban MTTQ xã Hương Mai
	Trong giai đoạn thi công xây dựng: Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án; Đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường; Không sử dụng các tuyến đường dân sinh, đường làng, ngõ xóm để vận chuyển đất đá, nguyên liệu xây dựng và phải hoàn trả nếu làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	Trong giai đoạn vận hành: Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong KCN phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị KCN phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường, không được để gây ô nhiễm môi trường tại nguồn tiếp nhận.		
	Đề nghị Công ty, các nhà đầu tư thứ cấp sản xuất kinh doanh trong KCN có các chính sách hỗ trợ việc làm cho các gia đình trên địa bàn xã, đặc biệt là các hộ gia đình bị mất đất cho dự án. Đồng thời, đề nghị Công ty phối hợp với các các cấp chính quyền, công an xã để quản lý tốt công nhân xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng khu công nghiệp cũng như người lao động khi khu công nghiệp đi vào hoạt động, tuyệt đối không để mất an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương.		
	Đề nghị Công ty phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án. Đề nghị Công ty cử người có thẩm quyền, công khai số điện thoại để tiếp nhận kịp thời các phản ánh, góp ý (nếu có) của nhân dân trong quá trình thực hiện dự án.		
	Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đến bảo vệ môi trường	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến	UBND xã Tiên Sơn

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	trong quá trình triển khai dự án. Nghiêm túc thực hiện các hoạt động, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường đã cam kết, trình bày trong báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	đóng góp của UBND xã Tiên Sơn. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được UBND xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	
	Thu hút các ngành công nghiệp sạch, có công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; không thu hút các ngành nghề có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.		
	Thực hiện xử lý triệt để nước thải, rác thải, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của KCN; yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp trong KCN phải xử lý triệt để khí thải và các nguồn thải khác để đảm bảo không ảnh hưởng đến đời sống - sản xuất của các khu vực dân cư lân cận.		
	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, hệ thống giao thông và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước mặt, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.		
	Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.		
	Phối hợp chặt chẽ với địa phương, chính quyền thôn và cộng đồng dân cư xung quanh trong quá trình triển khai dự án và xử lý kịp thời hợp lý các vấn đề phát sinh có liên quan.		
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã.	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của Uỷ ban MTTQ xã Tiên Sơn. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được Uỷ ban MTTQ xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	Uỷ ban MTTQ xã Tiên Sơn
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án.		
	Đề nghị Công ty và các đơn vị thi công đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu các phương tiện vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.		
	Đề nghị Công ty có phương án cụ thể hoàn trả kênh mương thủy lợi bị chiếm dụng, bị ảnh hưởng trước khi thực hiện dự án, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới – tiêu các diện tích xung quanh dự án được hoạt động bình thường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.		
	Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị khu công nghiệp phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường.		
	Phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc khi triển khai dự án.		
	Thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường, phòng chống và ứng phó với các sự cố môi trường, phòng ngừa và ứng phó với sự cố thiên tai đã cam kết trong hồ sơ báo cáo ĐTM. Sau khi báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị Công ty công khai Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật để chính quyền địa phương và nhân dân có thể giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án.	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của UBND xã Trung Sơn. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được UBND xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi công xây dựng.	UBND xã Trung Sơn
	Đề nghị Công ty phải hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường của KCN trước khi tiến hành thu hút đầu tư. Đảm bảo hoạt động của KCN không ảnh hưởng đến đời sống, môi trường, kinh tế - xã hội của địa phương. Nước thải, rác thải phát sinh từ hoạt động của KCN phải được xử lý triệt để an toàn, đạt các quy định của pháp luật trước khi xả thải ra môi trường.		
	Đề nghị Công ty có phương án cụ thể hoàn trả kênh mương thủy lợi bị chiếm dụng, bị ảnh hưởng trước khi thực hiện dự án, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới – tiêu các diện tích xung quanh dự án được hoạt động bình thường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	của địa phương.		
	Đề nghị Công ty, các nhà đầu tư thứ cấp sản xuất kinh doanh trong KCN có các chính sách hỗ trợ việc làm cho các gia đình trên địa bàn xã, đặc biệt là các hộ gia đình bị mất đất cho dự án. Đồng thời, đề nghị Công ty phối hợp với các các cấp chính quyền, công an xã để quản lý tốt công nhân xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng KCN cũng như người lao động khi KCN đi vào hoạt động, tuyệt đối không để mất an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương.		
	Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.		
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã.	- Chủ dự án tiếp thu với những ý kiến đóng góp của Uỷ ban MTTQ xã Trung Sơn. - Trong quá trình thực hiện dự án mong được Uỷ ban MTTQ xã và người dân địa phương ủng hộ và giúp đỡ; - Chủ dự án sẽ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu như trong báo cáo ĐTM đưa ra và tuân thủ các quy định của pháp luật của địa phương và các cơ quan quản lý trong suốt quá trình thi	Uỷ ban MTTQ xã Trung Sơn
	Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án.		
	Trong giai đoạn thi công xây dựng: Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án; Đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường; Không sử dụng các tuyến đường dân sinh, đường làng, ngõ		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	xóm để vận chuyển đất đá, nguyên liệu xây dựng và phải hoàn trả nếu làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.	công xây dựng.	
	Trong giai đoạn vận hành: Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong KCN phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị KCN phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường, không được để gây ô nhiễm môi trường tại nguồn tiếp nhận.		
	Đề nghị Công ty phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án. Đề nghị Công ty cử người có thẩm quyền, công khai số điện thoại để tiếp nhận kịp thời các phản ánh, góp ý (nếu có) của nhân dân trong quá trình thực hiện dự án.		
Chương 4	Không có ý kiến		
Chương 5	Không có ý kiến		
Chương 6	Không có ý kiến		
IV	**Tổng hợp ý kiến thông qua phiếu lấy ý kiến**		
1	*Vị trí thực hiện dự án đầu tư:* Không có ý kiến.		
2	*Về tác động môi trường của dự án đầu tư:*		
	Khi dự án được thực hiện đi vào hoạt động phải đảm bảo	Chủ đầu tư sẽ cam kết thực hiện đầy đủ	Ông Đặng Văn Phúc –

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	môi trường xanh, sạch đẹp. Không được tác động xấu đến môi trường như không khí, nước thải,…	các biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM, đây cũng là cơ sở pháp lý mà CĐT phải thực hiện.	Thôn Hưng Đạo
3	*Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:*		
	Khi xây dựng phải xử lý bằng mọi biện pháp hệ thống xử lý môi trường. Không được để ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh khi dân cư, ảnh hưởng sức khoẻ, ảnh hưởng cuộc sống.	Chủ đầu tư sẽ cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM, đây cũng là cơ sở pháp lý mà CĐT phải thực hiện.	Ông Đặng Văn Phúc – Thôn Hưng Đạo
4	*Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:*		
	Phải xây dựng chương trình quản lý và giám sát chặt chẽ môi trường, phải có phương án cụ thể phòng ngừa khi có tác động xấu đến môi trường và có sự cố xảy ra.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	Ông Đặng Văn Phúc – Thôn Hưng Đạo
5	*Nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư:*		
	Khi tổ chức thực hiện dự án phải công khai minh bạch, rõ ràng cho nhân dân biết, dân giám sát cùng thực hiện. Đảm bảo sự đồng thuận của nhân dân.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	Ông Đặng Văn Phúc – Thôn Hưng Đạo
6	*Kiến nghị đối với chủ dự án:*		
	Đối với chủ đầu tư, chủ dự án phải công khai dân chủ, đúng với các quy định của pháp luật. Đảm bảo dân chủ, công khai, dân biết, dân đồng thuận để tạo điều kiện cho chủ dự án thực hiện thuận lợi.	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến.	Ông Đặng Văn Phúc – Thôn Hưng Đạo

6.2.2. Tổng hợp số lượng người được tham vấn ý kiến trong quá trình ĐTM

Tổng hợp số lượng người được tham vấn ý kiến trong quá trình ĐTM được thống kê trong bảng sau:

Bảng 174. Tổng hợp số lượng người được tham vấn trong quá trình ĐTM

TT	Địa phương	Số hộ gia đình chịu tác động	Số hộ dự họp tham vấn	Số hộ được lấy ý kiến bằng phiếu	Tổng cộng số hộ được tham vấn	Tỷ lệ thực hiện (%)	Tỷ lệ theo quy định (%)	Nhận xét	Căn cứ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)+(5)	(7)= (6)/(3)×100	Nghị định 05/2025		
1	Xã Đông Lỗ	1.040	263	656	919	88,37	2/3≈66,66	Đạt	(*)
2	Xã Hương Mai	59	58	0	58	98,31	2/3≈66,66	Đạt	(**)
3	Xã Tiên Sơn	180	140	0	140	77,78	2/3≈66,66	Đạt	(***)
4	Xã Trung Sơn	66	62	0	62	93,94	2/3≈66,66	Đạt	(****)

Ghi chú:

(*): Thông báo số 61/TB-UBND của UBND xã Đông Lỗ ngày 24/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

(**): Thông báo số 54/TB-UBND của UBND xã Hương Mai ngày 10/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

(***): Thông báo số 70/TB-UBND của UBND xã Tiên Sơn ngày 15/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

(****): Thông báo số 32/UBND-TB của UBND xã Trung Sơn ngày 10/04/2025 về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên.

→ Số hộ gia đình chịu tác động bởi dự án được tham vấn đạt hơn 2/3, đạt yêu cầu theo quy định tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ.

6.3. TIẾP THU Ý KIẾN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG, Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƯỢC THAM VẤN

Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường",* Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên do Công ty cổ phần FECON Hòa Yên làm Chủ đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức chuyên môn.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN

Báo cáo ĐTM của dự án *"Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên"* tại xã Hiệp Hòa, phường Tự Lạn và phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh đã nhận diện được tương đối đầy đủ các nguồn gây tác động đến môi trường và đã cố gắng dự báo chi tiết về tải lượng các nguồn thải trong quá trình thực hiện dự án cũng như nồng độ các chất thải để so sánh với các QCVN hiện hành.

Quy mô và mức độ tác động khi thực hiện dự án đến môi trường tự nhiên cũng như các yếu tố KT-XH là khá lớn nếu như không thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật, quản lý, giám sát,… được trình bày trong báo cáo ĐTM này cũng như các yêu cầu khác của pháp luật.

Báo cáo ĐTM cũng đã trình bày khá đầy đủ và cụ thể các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường từ giai đoạn chuẩn bị dự án, giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành KCN cũng như các biện pháp giám sát trong quá trình vận hành để luôn đảm bảo rằng mọi hoạt động của nhà máy đều không gây ảnh hưởng đến môi trường, các phát thải từ dự án đều nằm trong giới hạn cho phép và được kiểm soát chặt chẽ. Các biện pháp đưa ra trong báo cáo ĐTM là phù hợp về mặt tính toán lý thuyết cũng như thực tế. Chủ đầu tư hoàn toàn có đầy đủ năng lực về tài chính, con người,… để thực hiện tốt các biện pháp đã nêu.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường cũng đã được trình bày khá chi tiết và đầy đủ trong báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các rủi ro, sự cố môi trường là rất khó để dự báo, đặc biệt là các sự cố do thiên nhiên, nên Chủ đầu tư dự án sẽ liên tục nghiên cứu, phối hợp với các nhà khoa học, chính quyền các cấp để hạn chế đến mức thấp nhất nếu xảy ra các sự cố và rủi ro môi trường.

2. KIẾN NGHỊ

2.1. Kiến nghị chung

Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, các biện pháp phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện triển khai dự án trên thực tế.

2.2. Kiến nghị cụ thể

Như đã trình bày, khi các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp gặp sự cố nước thải mà không quản lý được, nước thải xả ra ngoài hệ thống thu gom chung của

KCN Hòa Yên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Trạm XLNT tập trung của toàn KCN, và có thể gây ra sự cố cho hệ thống này và để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng đến khu vực tiếp nhận. Vì vậy, đề nghị Bộ NN&MT, các cơ quan chức năng tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan khác có liên quan khi thẩm định hồ sơ báo cáo ĐTM/hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường,… của các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các công trình công cộng và công trình khác trong KCN Hòa Yên yêu cầu các Chủ đầu tư thứ cấp phải có biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải để đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động của Trạm XLNT tập trung của KCN.

3. CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Cam kết tuân thủ quy hoạch và các quy định về kiến trúc, xây dựng

- Chủ dự án cam kết sẽ tuân thủ các phương án quy hoạch theo đúng Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt *"Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000";*

- Chủ dự án cam kết sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn thiết kế công trình đối với các vấn đề kiến trúc, cảnh quan công trình, hệ thống cây xanh trong KCN, quy hoạch hệ thống giao thông, quy hoạch hệ thống thoát nước, các phân khu chức năng trong KCN.

- Chủ dự án cam kết đảm bảo chức năng sử dụng đất theo đúng chỉ giới quy hoạch, bố trí các công trình trong khu vực dự án theo đúng thiết kế quy hoạch và đảm bảo mật độ xây dựng, kiến trúc cảnh quan KCN.

- Chủ dự án cam kết sẽ đảm bảo mật độ cây xanh theo quy hoạch để tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu, hạn chế bụi và tiếng ồn trong khu vực.

- Chủ dự án cam kết đảm bảo hệ thống kết cấu hạ tầng của KCN Hòa Yên bao gồm: Hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thu gom CTR, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc,…

- Chủ dự án cam kết phương án quy hoạch phân khu chức năng trong KCN về BVMT sẽ được thực thi trong suốt quá trình hoạt động của KCN.

3.2. Cam kết BVMT trong giai đoạn chuẩn bị dự án

- Sau khi cơ quan chức năng phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án, Chủ dự án sẽ nghiêm túc bổ sung các biện pháp BVMT vào quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật thi công,… theo đúng các đề xuất trong báo cáo ĐTM.

- Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đã trình bày trong báo cáo ĐTM này.

3.3. Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình thi công san nền, xây dựng HTKT KCN

- Chủ dự án cam kết sẽ chỉ đổ thải đất đá, phế thải xây dựng tại nơi được phép, tuyệt đối không đổ bất hợp pháp. Chủ dự án cũng cam kết sẽ chỉ sử dụng các nguyên vật liệu xây dựng, đặt biệt là cát san nền có nguồn gốc hợp pháp.

- Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đã trình bày trong báo cáo ĐTM này.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường do quá trình thi công xây dựng dự án. Có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại do các hoạt động thi công xây dựng gây ra.

- Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện xong các công việc trước khi khởi công xây dựng về di dời mồ mả, xây dựng hoàn trả các tuyến mương, kênh tưới tiêu theo đúng thỏa thuận với các cơ quan chức năng để đảm bảo chức năng thoát nước và cấp nước tưới nông nghiệp.

3.4. Cam kết thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình vận hành KCN Hòa Yên

3.4.1. Các cam kết chung

- Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành đã trình bày trong báo cáo ĐTM này.

- Kiểm tra, đôn đốc các xí nghiệp, nhà máy KCN nghiêm túc thực hiện các biện pháp BVMT đã cam kết trong báo cáo ĐTM của từng nhà máy, xí nghiệp đã được phê duyệt.

- Phối hợp với Bộ NN&MT, Sở NN&MT, Sở KH&CN,… trong việc kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp tại KCN Hòa Yên trong việc BVMT.

- Chủ dự án sẽ chỉ lựa chọn các doanh nghiệp có mức độ ô nhiễm môi trường có thể kiểm soát và quản lý được, có các ngành nghề kinh doanh sản xuất phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN. Trong trường hợp các ngành nghề khác với quy hoạch, Chủ dự án sẽ báo cáo với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật trước khi ký hợp đồng cho thuê đất. Riêng đối với các ngành nghề phù hợp với quy hoạch nhưng nhậy cảm với môi trường, KCN Hòa Yên thỏa thuận và phải được sự chấp thuận của các cơ quan chức năng trước khi ký hợp đồng cho thuê đất.

- Trong hợp đồng cho thuê đất, Chủ dự án sẽ phải thể hiện rõ các trách nhiệm BVMT đối với các nhà đầu tư thứ cấp như: Trách nhiệm xử lý nước thải đạt GHCP

theo yêu cầu trước khi xả ra hệ thống thoát chung của KCN, trách nhiệm xử lý khí thải, trách nhiệm xử lý tiếng ồn, rung động, trách nhiệm thu gom và ký hợp đồng để xử lý CTR, đặc biệt là CTNH, trách nhiệm trồng cây xanh trong phạm vi bên trong hàng rào của nhà máy, xí nghiệp,…

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa trên phạm vi toàn KCN, bên ngoài hàng rào các nhà máy, xí nghiệp. Các điểm đấu nối phải hợp lý, thuận tiện cho các doanh nghiệp đấu nối hệ thống thoát nước mưa của mình vào hệ thoát thoát nước mưa chung của toàn KCN.

- Chấm dứt hợp đồng cho thuê đất đối với các nhà máy, xí nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, điều này phải được thể hiện trong hợp đồng thuê đất.

3.4.2. Cam kết xử lý nước thải

- Chủ dự án cam kết sẽ xây dựng hệ thống thoát nước thải và Trạm XLNT tập trung với tiến độ như sau:

+ Module XLNT số 1, công suất 3.500 m^3/ng.đêm: Hoàn thành trước khi hút hút đầu tư vào KCN, được vận hành thử nghiệm, nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật.

+ Module XLNT số 2, số 3, công suất 3.500 m^3/ng.đêm/module: Hoàn thành ngay khi cụm xử lý sinh học số 1 không còn khả năng đáp ứng.

- Chủ dự án cam kết trạm XLNT sẽ được vận hành thường xuyên, theo quy trình công nghệ đã được phê duyệt, đảm bảo toàn bộ nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp); đồng thời có nhật ký vận hành được ghi chép đầy đủ, lưu giữ để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra. Chủ dự án sẽ đảm bảo bố trí tối thiểu 2 người vận hành và quản lý Trạm XLNT tập trung.

- Chủ dự án cam kết nước thải từ KCN Hòa Yên sau khi xử lý sẽ đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)*.

- Chủ dự án cam kết sẽ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với 7 thông số: *(1) Lưu lượng đầu vào, (2) Lưu lượng nước thải đầu ra, (3) Nhiệt độ, (4) pH, (5) TSS, (6) COD, (7)* NH_4. Hệ thống quan trắc tự động này đảm bảo kết nối để truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở NN&MT Bắc Ninh.

- Các hoạt động của dự án chịu sự giám sát của cơ quan chức năng về QLMT của Bộ NN&MT, của UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Công thương và Sở NN&MT tỉnh Bắc Ninh và UBND xã, phường nhằm đảm bảo phát triển KCN và BVMT.

- Chủ dự án sẽ báo cáo với các cơ quan chức năng tiến độ xây dựng Trạm XLNT tập trung và mời các cơ quan giám định theo quy định của pháp luật để

nghiệm thu, kiểm tra các công trình xử lý nước thải trước khi đưa vào hoạt động.

- Trong trường hợp Nhà máy xử lý nước thải tập trung của toàn KCN gặp sự cố trong hoạt động, Chủ dự án sẽ đưa nước thải về các hồ sự cố để lưu giữ, sau khi khắc phục sự cố sẽ xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, F> 2.000m^3/ngày.đêm rồi mới xả ra hệ thống kênh tiêu Cầu Chi.

3.5. Các cam kết liên quan đến hoàn trả kênh mương

- Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ thực hiện đầy đủ công tác hoàn trả kênh mương, xây dựng mới, nâng cấp hệ thống kênh mương, cống, nạo vét,... theo Biên bản làm việc thống nhất với các cơ quan chức năng.

- Trong quá trình triển khai dự án, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên sẽ kết hợp chặt chẽ với UBND xã Hiệp Hòa, UBND phường Tự Lạn, UBND phường Vân Hà và các đơn vị có liên quan đến đảm bảo về nhu cầu cấp nước thủy lợi cho các diện tích đất nông nghiệp còn lại xung quanh dự án, khu vực có liên quan.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để có biện pháp tiêu thoát nước ra hệ thống mương tiêu trong mọi tình huống, luôn đảm bảo không để ngập úng khu vực dự án và các khu vực xung quanh trong quá trình thi công, vận hành KCN Hòa Yên.

3.6. Các cam kết khác

Ngoài các nội dung cam kết nêu trên, Công ty cổ phần FECON Hòa Yên xin cam kết các nội dung có liên quan khác khi triển khai dự án như sau:

- Cam kết tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Cam kết chỉ triển khai xây dựng dự án sau có đủ các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, PCCC,…

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước và tổ chức thực hiện theo quy định; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai, Luật Trồng trọt, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày

11/9/2024 của Chính phủ về "Quy định chi tiết về đất trồng lúa"; Thoả thuận với các nhà đầu tư thứ cấp ưu tiên sử dụng nguồn lao động địa phương, đặc biệt là các hộ dân bị thu hồi đất trồng lúa để triển khai dự án.

- Cam kết không bố trí các dự án đầu tư thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc có phát sinh bụi, khí thải phải xử lý tại khu vực hàng rào KCN gần các khu dân cư.

- Cam kết hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện.

- Cam kết đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Cam kết đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Cam kết chỉ thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề theo báo cáo ĐTM này và phù hợp với các văn bản đồng ý về chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án. Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Cam kết việc xả nước thải sau xử lý của Dự án vào công trình thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và năng lực tiêu thoát nước của công trình thủy lợi.

- Cam kết xây dựng, vận hành hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Cam kết tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào KCN; ban hành quy chế về

bảo vệ môi trường của KCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.

- Cam kết phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Cam kết sẽ thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Cam kết thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Cam kết chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC 1

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
FECON HOÀ YÊN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03 /2025/VBUQ - CTHĐQT.FECONHOAYEN	

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên (**"Công ty"**)

Hôm nay, ngày 14 tháng 11 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN ỦY QUYỀN:

Họ tên	: **PHÙNG TIẾN TRUNG**
Chức vụ	: Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên
Địa chỉ nơi cư trú	: 604 B14 Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
CCCD/CMND số	: 001073012136 Ngày cấp: 10/05/2021
Nơi cấp	: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Địa chỉ liên lạc	: 604 B14 Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Họ tên	: **PHẠM QUỐC HÙNG**
Chức vụ	: Giám đốc - Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên
Địa chỉ nơi cư trú	: 112-B1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
CCCD/CMND số	: 036075006460 Ngày cấp: 07/01/2022
Nơi cấp	: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ liên lạc	: 112-B1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Cùng ký kết Giấy ủy quyền này với các nội dung như sau:

Điều 1: NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên Uỷ Quyền uỷ quyền cho Bên Nhận Uỷ Quyền, trong vai trò Giám đốc, thay mặt người uỷ quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án **Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên**.

Trong phạm vi ủy quyền, ông Phạm Quốc Hùng có quyền quyết định các vấn đề liên quan về công tác bảo vệ môi trường của dự án; tham gia cuộc họp Hội đồng thẩm định, giải trình, thuyết minh, báo cáo, ký nhận các văn bản từ Hội đồng thẩm định; xác lập bằng văn bản, ký tên trên các loại giấy tờ, thủ tục theo nội dung công việc được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước công ty về tính pháp lý, phù hợp với quy định pháp luật và lợi ích của công ty đối với các văn bản mình ký kết.

Điều 2: THỜI GIAN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2025 cho đến khi: (i) hoàn thành công việc được uỷ quyền; hoặc (ii) có văn bản khác thay thế và/hoặc (iii) chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Điều 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN NHẬN UỶ QUYỀN

a) Thực hiện công việc theo Văn bản uỷ quyền này và chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đối với những nội dung được uỷ quyền;

b) Không được uỷ quyền lại cho người thứ ba;

c) Báo cáo định kỳ và/hoặc đột xuất việc thực hiện các nội dung nhận uỷ quyền trong văn bản này cho Chủ tịch HĐQT – Người đại diện Pháp luật Công ty theo yêu cầu;

d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định của Công ty trong suốt quá trình thực hiện các công việc được uỷ quyền.

Điều 4: CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

a) Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin uỷ quyền nêu tại Văn bản này;

b) Mọi tranh chấp phát sinh giữa Bên uỷ quyền và Bên được uỷ quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

Giấy Uỷ quyền này được lập thành nhiều bản, Bên uỷ quyền giữ một (01) bản, Văn thư Công ty lưu một (01) bản, các bản còn lại do Bên nhận uỷ quyền giữ./.

BÊN UỶ QUYỀN	**BÊN NHẬN UỶ QUYỀN**
Chủ tịch HĐQT	**Giám đốc**
PHÙNG TIẾN TRUNG	**PHẠM QUỐC HÙNG**

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 2400945909

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 09 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 23 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FECON HOA YEN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FECON HOA YEN.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Chớp, Xã Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: *0913558792* Số Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 60.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHÙNG TIẾN TRUNG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *23/10/1973* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001073012136*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *604 B14 Kim Liên, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thanh Thủy

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8218528688

Chứng nhận lần đầu: Ngày 09 tháng 12 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị thực hiện dự án đầu tư của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên nộp tại Ban Quản lý các KCN ngày 03 tháng 12 năm 2024;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN

Điều 1. Nhà đầu tư:

1. Tên nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400945909 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/9/2022, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13/6/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Chớp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0913558792.

2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư

Họ và tên: PHÙNG TIẾN TRUNG Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/10/1973 Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 001073012136 Ngày cấp: 07/12/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ thường trú/chỗ ở hiện tại: 604 B14 Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư:

Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

1. Tên dự án đầu tư: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN.

2. Địa điểm thực hiện dự án: xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Mục tiêu dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

4. Quy mô diện tích của dự án: 256,68 ha, trong đó:

- Giai đoạn 1: 50 ha.
- Giai đoạn 2: 206,68 ha.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.745,131 tỷ đồng (Ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm tỷ một trăm ba mươi mốt triệu đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 561,778 tỷ đồng (Năm trăm sáu mươi mốt tỷ bảy trăm bảy tám triệu đồng), chiếm tỷ lệ 15,0% tổng vốn đầu tư.
- Vốn huy động: 3.183,353 tỷ đồng (Ba nghìn một trăm tám ba tỷ ba trăm năm mươi ba triệu đồng), chiếm tỷ lệ 85% tổng vốn đầu tư.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư (25/11/2024).

7. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng kể từ ngày quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

a) Tiến độ góp vốn và huy động vốn:

- Vốn góp của nhà đầu tư: Đã góp đủ vốn.
- Vốn vay và huy động: 36 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

b) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1 (50 ha): 12 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất.
- Giai đoạn 2 (206,68 ha) thực hiện đầu tư từ năm 2026: 24 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư: Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để xử lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt; đảm bảo khoảng cách phù hợp giữa khu công nghiệp và các công trình tôn giáo, bố trí hệ thống cây xanh và đường giao thông kết nối giữa các khu đất này với hệ thống giao thông hiện hữu để đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động tín ngưỡng của người dân.

2. Nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

3. Dành tối thiểu 3% tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư và các doanh

nghiệp khác thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh thuê đất, thuê lại đất theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

4. Phối hợp với các ngành chức năng tỉnh và địa phương xây dựng kế hoạch và phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, phương án di dân tái định cư (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổ chức triển khai và quản lý đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo đúng tiến độ và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

5. Chấp hành nghiêm các quy định và thực hiện các biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, môi sinh, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định trong quá trình thực hiện.

6. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư.

7. Thực hiện nghiêm các quy định tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

8. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Đào Xuân Cường

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8218528688

Chứng nhận lần đầu: Ngày 09 tháng 12 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 25 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8218528688 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên nộp tại Ban Quản lý các KCN ngày 18/6/2025;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG CHỨNG NHẬN

Điều 1. Nhà đầu tư:

1. Tên nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400945909 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/9/2022, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13/6/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Chớp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0913558792.

2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư

Họ và tên: PHÙNG TIẾN TRUNG Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/10/1973 Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 001073012136 Ngày cấp: 07/12/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ thường trú/chỗ ở hiện tại: 604 B14 Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư:

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh quy mô, tiến độ thực hiện dự án "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN" kèm theo Giấy CNĐKĐT mã số dự án 8218528688 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN.

2. Địa điểm thực hiện dự án: xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Mục tiêu dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

4. Quy mô diện tích của dự án: 256,68 ha, trong đó:

- Giai đoạn 1: 60 ha.

- Giai đoạn 2: 196,68 ha.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.745,131 tỷ đồng (Ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm tỷ một trăm ba mươi mốt triệu đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 561,778 tỷ đồng (Năm trăm sáu mươi mốt tỷ bảy trăm bảy tám triệu đồng), chiếm tỷ lệ 15,0% tổng vốn đầu tư.

- Vốn huy động: 3.183,353 tỷ đồng (Ba nghìn một trăm tám ba tỷ ba trăm năm mươi ba triệu đồng), chiếm tỷ lệ 85% tổng vốn đầu tư.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày chấp thuận chủ trương đầu tư (25/11/2024).

7. Tiến độ thực hiện dự án: 36 tháng kể từ ngày quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

a) Tiến độ góp vốn và huy động vốn:

- Vốn góp của nhà đầu tư: Đã góp đủ vốn.

- Vốn vay và huy động: 36 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

b) Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1 (60 ha): 12 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Giai đoạn 2 (196,68 ha) thực hiện đầu tư từ năm 2026: 24 tháng kể từ ngày được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án đầu tư: Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu phát hiện khoáng sản có giá trị

cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để xử lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ quy hoạch chi tiết xây dựng của dự án đã được phê duyệt; đảm bảo khoảng cách phù hợp giữa khu công nghiệp và các công trình tôn giáo, bố trí hệ thống cây xanh và đường giao thông kết nối giữa các khu đất này với hệ thống giao thông hiện hữu để đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động tín ngưỡng của người dân.

2. Nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

3. Dành tối thiểu 3% tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư và các doanh nghiệp khác thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh thuê đất, thuê lại đất theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

4. Phối hợp với các ngành chức năng tỉnh và địa phương xây dựng kế hoạch và phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, phương án di dân tái định cư (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tổ chức triển khai và quản lý đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo đúng tiến độ và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

5. Chấp hành nghiêm các quy định và thực hiện các biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, môi sinh, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định trong quá trình thực hiện.

6. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư.

7. Thực hiện nghiêm các quy định tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

8. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT mã số dự án 8218528688 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024.

Điều 6. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN

Đào Xuân Cường

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1462/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên nộp ngày 07 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ được bổ sung, hoàn thiện ngày 15 tháng 7 năm 2024;

Xét báo cáo thẩm định số 7697/BC-BKHĐT ngày 23 tháng 9 năm 2024 và số 9308/BKHĐT-QLKKT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên.

2. Tên dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

3. Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

4. Quy mô diện tích của dự án: 256,68 ha.

5. Vốn đầu tư của dự án: 3.745,131 tỷ đồng *(Bằng chữ: Ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm tỷ một trăm ba mươi mốt triệu đồng)*, trong đó vốn góp của nhà đầu tư là 561,778 tỷ đồng *(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi mốt tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng)*.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

7. Địa điểm thực hiện dự án: xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

8. Tiến độ thực hiện dự án: giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ đạo Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang quy định cụ thể tiến độ thực hiện dự án tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không quá 36 tháng kể từ ngày quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các điều kiện áp dụng: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về những nội dung được giao thẩm định chủ trương đầu tư dự án và thực hiện quản lý nhà nước về khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

b) Các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang:

a) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, số liệu báo cáo và các nội dung thẩm định theo quy định của pháp luật; tiếp thu ý kiến của các Bộ tại hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với các nội dung trong phạm vi thẩm quyền.

b) Hướng dẫn, quản lý, giám sát đảm bảo nhà đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện các nội dung, điều kiện nêu tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này trong quá trình thực hiện dự án.

c) Đảm bảo dự án được phân bổ đủ chỉ tiêu đất khu công nghiệp để thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; đồng thời nằm trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của Hiệp Hòa, thị xã Việt Yên được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của các dự án hạ tầng khu công nghiệp, tránh phân bổ chỉ tiêu dàn trải.

d) Tổ chức lập, thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi đất phù hợp với tiến độ thực hiện dự án; đảm bảo các quyền lợi chính đáng và sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân, đối tượng bị thu hồi đất; lưu ý nhà ở để phục vụ tái định cư phải có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội và đảm bảo yêu cầu đối với phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

đ) Kiểm tra, xác định khả năng nhà đầu tư đáp ứng điều kiện cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật về kinh doanh bất động sản tại thời điểm nhà đầu tư được giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án; giám sát nhà đầu tư vay tín dụng tại các tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về bất động sản; kiểm tra giám sát việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư về việc đảm bảo điều kiện đầu tư hạ tầng khu công nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; trường hợp không thực hiện đúng cam kết thì thực hiện các thủ tục phù hợp theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan thu hồi đất của trong trường hợp nhà đầu tư không có năng lực, để chậm tiến độ nhằm sử dụng có hiệu quả đất khu công nghiệp để tạo môi trường đầu tư lành mạnh tại Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giám sát, đánh giá dự án đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 70 Luật Đầu tư, Điều 72 và Điều 93 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

e) Thực hiện trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật; trường hợp có xác định các thửa đất nhỏ, hẹp do Nhà nước quản lý thì xử lý theo đúng quy định tại Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và quy định của pháp luật khác có liên quan; trường hợp có xác định tài sản công thì xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công, đảm bảo không thất thoát tài sản nhà nước; kiểm tra, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

g) Tổ chức lập, phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hòa Yên và các quy hoạch phân khu có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng, đảm bảo kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội giữa các phân khu; hướng dẫn, quản lý, giám sát nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án phù hợp với các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp được phê duyệt, hoàn thành thủ tục xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

h) Tổ chức triển khai nhanh, có hiệu quả đối với các dự án nhà ở, các công trình xã hội, văn hóa, thể thao cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về nhà ở; tổ chức triển khai các giải pháp trong phạm vi thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030*".

i) Giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường của nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ

hiện đại, thân thiện môi trường, ít sử dụng lao động và tài nguyên; đảm bảo khoảng cách an toàn giữa khu công nghiệp với khu vực xung quanh, xây dựng các phương án quan trắc để giám sát hoạt động xả thải tại khu công nghiệp.

k) Thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào khu công nghiệp đảm bảo phù hợp định hướng phát triển ngành công nghiệp vùng Trung du và Miền núi phía Bắc tại quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023, phương hướng phát triển các khu công nghiệp tại quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp quy định tại Phụ lục VIII - Quy hoạch phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 kèm theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

3. Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ dự án và văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tiếp thu ý kiến của các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tại hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; chịu mọi rủi ro, chi phí và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư trong trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư và quy định của pháp luật về đất đai.

b) Nộp một khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai; tuân thủ quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa; chỉ thực hiện dự án sau khi việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

c) Thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường, trong đó có đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật về tài nguyên nước trong quá trình triển khai dự án; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để xử lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

d) Đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu theo cam kết để thực hiện dự án theo đúng tiến độ; đảm bảo đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản; cụ thể hóa phương án vay vốn bằng hợp đồng tín dụng; ký quỹ hoặc phải có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ để thực hiện dự án; việc vay tín dụng tại tổ chức tín dụng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản

đ) Phối hợp với cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định; ưu tiên hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề cho người dân bị thu hồi đất.

e) Thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy hoạch xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí quỹ đất dành cho các doanh nghiệp, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư thuê đất đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

g) Đầu tư xây dựng và thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp phù hợp với định hướng tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 81/2023/QH15, phương hướng phát triển các khu công nghiệp theo quy định tại điểm b mục 3 Phần V Điều 1 Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp quy định tại Phụ lục VIII - Quy hoạch phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 kèm theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác của nhà đầu tư đối với dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, nhà đầu tư quy định tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công an, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang;
- Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, TGĐ Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, CN (2b). 12

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:618 /SNN-TL V/v góp ý hồ sơ khảo sát, lập quy hoạch địa điểm KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên.	*Bắc Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2021*

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 317/KCN-TNMT ngày 05/4/2021 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang về việc đề nghị tham gia ý kiến hồ sơ khảo sát, lập quy hoạch địa điểm KCN - Đô Thị - Dịch vụ Hòa Yên tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên, kèm theo Báo cáo Quy hoạch phân khu xây dựng KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Trong bản đồ khảo sát, lập Quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên với diện tích khoảng 436 ha, nằm trên địa bàn xã Đông Lỗ huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn huyện Việt Yên chưa thể hiện được các vị trí hiện trạng 02 trạm bơm tưới, tiêu và hệ thống kênh mương nằm trong quy hoạch, cụ thể:

- Trạm bơm Trúc Núi: Gồm 10 tổ máy bơm *(04 tổ máy công suất 8.000 m^3/h và 06 tổ máy công suất 1.200 m^3/h)*; kênh tưới chính dài 2,3 km, kênh tiêu dài 4,4 km; phục vụ tưới, tiêu cho các xã Tiên sơn, Trung Sơn, Ninh Sơn, Quảng Minh huyện Việt Yên với diện tích thiết kế 1.425 ha;

- Trạm bơm Việt Hòa: Gồm 10 tổ máy bơm công suất 980 m^3/h; kênh tưới chính dài 4,54 km, kênh tiêu dài 2,4 km; phuc vụ tưới, tiêu cho các xã Tiên sơn, Trung Sơn huyện Việt Yên và xã Đông Lỗ Hiệp hòa với diện tích thiết 2.365 ha.

2. Để hồ sơ khảo sát, lập Quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên sát với hiện trạng thực tế, làm cơ sở điều chỉnh quy mô hệ thống các trạm bơm và vị trí hệ thống kênh mương đáp ứng yêu cầu tưới, cấp nước và tiêu thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh khu vực các xã Tiên sơn, Trung Sơn, Ninh Sơn, Quảng Minh huyện Việt Yên, xã Đông Lỗ Hiệp hòa và KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên sau khi đi vào hoạt động, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung một số nội dung sau:

- Bổ sung vào bản đồ Quy hoạch vị trí hiện trạng các trạm bơm và hệ thống kênh mương tưới, tiêu *(thể hiện rõ tên, phạm vi của từng công trình thủy lợi)* nằm trong phạm vi Quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên;

- Bổ sung chi tiết các nội dung quy hoạch lại vị trí trạm bơm và các tuyến kênh mương tưới, tiêu và quy mô các công trình để kịp thời triển khai thi công xây dựng lại cùng với thi công xây dựng KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp nước, tưới nước và tiêu thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và Khu công nghiệp trên địa bàn.

3. Khu vực quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hoà Yên nằm trên địa bàn xã Đông Lỗ huyện Hiệp Hoà và xã Tiên Sơn huyện Việt Yên nằm trong vùng sản xuất tập

trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng theo Quyết định 1733/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt kết quả xây dựng Bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đề nghị chủ đầu tư xem xét, rà soát những vị trí đất chiếm chỗ của dự án, đảm bảo hạn chế tối đa việc lấn chiếm vùng sản xuất nông sản chủ lực.

Trên đây là ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ Sở (báo cáo);
- PGĐ Sở Nguyễn Văn Dĩnh;
- Phòng KH-TC, QLXDCT Sở;
- Chi cục Thủy lợi;
- ban_qlkcn_yt@bacgiang.gov.vn;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Dĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1247 /UBND-XD	*Bắc Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2022*
V/v tài trợ kinh phí để khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	

Kính gửi:
- Sở Xây dựng;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện: Hiệp Hòa, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên, Lục Nam
- Công ty CP đầu tư hạ tầng S-Dragon, Công ty CP đầu tư và phát triển CLP Group, Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng, Liên danh Công ty CP đầu tư đô thị Kang Long và Công ty CP đầu tư phát triển nhà Hào Nam, Công ty CP cơ khí xây dựng Đại Mỗ, Công ty CP thép Việt Úc, Công ty CP đầu tư Fecon, Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Hightech, Công ty CP phát triển Fuji Bắc Giang, Công ty TNHH Hòa Phú Invest, Công ty Seojin System Co.,Ltd, Công ty CP KCN Gilimex, Công ty CP xây dựng và phát triển đô thị Hòa Phát, Liên danh Công ty CP tập đoàn đầy tư xây dựng HJC và Tổng công ty CP cơ khí xây dựng Thăng Long.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 959-TB/TU ngày 08/3/2022; Xét đề nghị của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tại Công văn số 280/KCN-TNMT ngày 17/3/2022; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương cho phép các doanh nghiệp tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1.1. Công ty CP đầu tư hạ tầng S-Dragon tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm (diện tích khoảng 224ha);

1.2. Công ty CP đầu tư và phát triển CLP Group tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Mỹ Thái - Xuân Hương - Tân Dĩnh (diện tích khoảng 200ha);

1.3. Công ty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Minh Đức - Thượng Lan - Ngọc Thiện (diện tích khoảng 200ha);

1.4. Liên danh Công ty CP đầu tư đô thị Kang Long và Công ty CP đầu tư phát triển nhà Hào Nam tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Song Mai - Nghĩa Trung (diện tích khoảng 200ha);

1.5. Công ty CP cơ khí xây dựng Đại Mỗ tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Thái Đào - Tân An (diện tích khoảng 170ha);

1.6. Công ty CP thép Việt Úc tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Mỹ Thái (diện tích khoảng 160ha);

1.7. Công ty CP đầu tư Fecon tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Hòa Yên (diện tích khoảng 256ha);

1.8. Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Hightech tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm (diện tích khoảng 211ha);

1.9. Công ty CP phát triển Fuji Bắc Giang tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Đức Giang (diện tích khoảng 285ha);

1.10. Công ty TNHH Hòa Phú Invest tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Hòa Phú phần mở rộng (diện tích khoảng 222ha);

1.11. Công ty Seojin System Co.,Ltd tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Yên Sơn - Bắc Lũng phần mở rộng (diện tích khoảng 190ha);

1.12. Công ty CP KCN Gilimex tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Nghĩa Hưng (diện tích khoảng 150ha);

1.13. Công ty CP xây dựng và phát triển đô thị Hòa Phát tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN - Đô thị - Dịch vụ Đồng Phúc (diện tích khoảng 360ha);

1.14. Liên danh Công ty CP tập đoàn đầy tư xây dựng HJC và Tổng công ty CP cơ khí xây dựng Thăng Long tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Quang Châu 2 (diện tích khoảng 125ha);

1.15. Công ty CP thiết kế và xây dựng Giza Việt Nam tài trợ 100% kinh phí (không hoàn lại) để khảo sát, lập quy hoạch xây dựng KCN Ngọc Thiện (diện tích 150ha).

2. Thống nhất một số nguyên tắc khi tiếp nhận tài trợ kinh phí để khảo sát, lập quy hoạch như sau:

- Tiếp nhận kinh phí tài trợ của doanh nghiệp để tổ chức khảo sát, lập quy hoạch tại các khu vực chưa có quy hoạch chi tiết để nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch và phục vụ công tác quản lý.

- Khu vực đề xuất tài trợ lập quy hoạch phải bảo đảm: Phù hợp với quy hoạch cấp trên đã được duyệt; không chồng lấn với khu vực đang lập quy hoạch;

chú ý cần phải nghiên cứu hết phần diện tích xen kẹp, tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu để đảm bảo việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật đồng bộ giữa khu vực xây dựng mới và khu dân cư hiện trạng.

- Không gia hạn thời gian thực hiện đối với các trường hợp chậm do nguyên nhân chủ quan và không hoàn lại kinh phí tài trợ quy hoạch.

3. Giao Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tiếp nhận kinh phí tài trợ từ doanh nghiệp và tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện khảo sát, lập quy hoạch. Trên cơ sở các Quy hoạch được phê duyệt, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch và đầy đủ các thông tin liên quan.

4. Doanh nghiệp tài trợ kinh phí để khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp phải có cam kết không yêu cầu hoàn trả lại kinh phí tài trợ (trong mọi trường hợp); có trách nhiệm tài trợ kinh phí để Ban quản lý các Khu côn nghiệp tỉnh triển khai các công việc: Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, lập quy hoạch đảm bảo tiến độ thực hiện; Doanh nghiệp được chấp thuận tài trợ kinh phí lập quy hoạch chưa phải là doanh nghiệp được chấp thuận chủ đầu tư thực hiện dự án, không có quyền can thiệp vào nội dung quy hoạch. Việc xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án phải được tiến hành theo lộ trình phù hợp, đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, lựa chọn được nhà đầu tư thực sự có năng lực để triển khai thực hiện dự án theo quy hoạch đã được duyệt.

5. Đối với các đồ án Quy hoạch cần lập nhiệm vụ quy hoạch: Thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch là 03 tháng kể từ ngày văn bản này được ban hành. Đối với các đồ án Quy hoạch không cần lập nhiệm vụ quy hoạch: Thời gian phê duyệt quy hoạch là 05 tháng kể từ ngày văn bản này được ban hành.

Quá thời hạn nêu trên mà nhiệm vụ Quy hoạch hoặc đồ án Quy hoạch chưa được phê duyệt thì văn bản này hết hiệu lực. Không gia hạn thời gian thực hiện đối với các trường hợp chậm do nguyên nhân chủ quan và không hoàn lại kinh phí tài trợ quy hoạch./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD;
- Lưu: VT, XD.Trung.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 463 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 18 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 278/BC-SXD ngày 12/5/2022; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình 20/TTr-KCN ngày 27/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai của huyện Việt Yên và xã Đông Lỗ của huyện Hiệp Hòa; ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp thôn Xuân Hồng và thôn Ấp Bầu, xã Đông Lỗ;

- Phía Nam: Giáp ĐT398 và đất nông nghiệp xã Tiên Sơn, Trung Sơn và xã Hương Mai;

- Phía Đông: Giáp dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thôn Đồng Quan;

- Phía Tây: Giáp ĐT398B và ruộng canh tác của xã Đông Lỗ.

b) Quy mô đồ án: Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 256ha.

2. Tính chất:

Là khu công nghiệp tập trung, đa ngành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, tiên tiến, thân thiện môi trường.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu
1	**Chỉ tiêu sử dụng đất**	
	- Đất giao thông	≥10%
	- Đất cây xanh	≥10%
	- Đất các khu kỹ thuật	≥1%
2	**Các chỉ tiêu HTKT**	
	- Cấp điện	160-350kW/ha
	- Cấp nước	≥20m³/ha/ng.đ
	- Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường	
	Thoát nước	*≥80% tiêu chuẩn cấp nước*
	Rác thải	*≥0,3tấn/ha*

4. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu:

a) Nguyên tắc:

- Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng phải phù hợp với các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hiện trạng khu vực nghiên cứu;

- Tuân thủ những quy định về bảo vệ hành lang an toàn của các công trình hạ tầng kỹ thuật đi qua khu vực;

- Phân tích, đánh giá nhu cầu, mô hình phát triển dịch vụ cho khu vực;

- Khai thác triệt để điều kiện địa hình tự nhiên để tạo ra không gian hợp lý trong khu vực.

b) Yêu cầu điều tra, khảo sát và thu thập tài liệu:

- Đánh giá thực trạng, các quy hoạch, dự án liên quan, hiện trạng công tác

quản lý bảo tồn và đầu tư xây dựng, xác định các nội dung kế thừa và nội dung cần phải điều chỉnh;

- Đặc điểm về kinh tế, xã hội, các hoạt động liên quan đến văn hóa và các động lực phát triển, quy mô đất đai. Thực trạng sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường.

c) Định hướng sử dụng đất và tổ chức không gian:

- Xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển của khu vực;

- Dự báo quy mô lao động; nhu cầu quỹ đất xây dựng; lựa chọn các chỉ tiêu đất đai, kinh tế - kỹ thuật (cấp nước, cấp điện, thoát nước...) phù hợp với tính chất, loại hình dịch vụ và yêu cầu phát triển;

- Xác định quy mô các khu chức năng: Văn phòng, thương mại dịch vụ, đất công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu vực nghĩa trang, khu cần bảo tồn...;

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng ô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí;

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu chức năng, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

- Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hoá quy hoạch về vị trí, quy mô bãi đỗ xe; hào và tuynel kỹ thuật;

- Đánh giá về địa hình, địa chất; xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng đối với từng ô đất;

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết;

- Xác định nguồn cấp điện, tính toán nhu cầu sử dụng điện, phụ tải, các trạm phân phối, các tuyến đường dây cao thế, hạ thế và chiếu sáng;

- Quy hoạch hệ thống, mạng lưới thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải; thu gom, xử lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường;

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc;

- Xác định hệ thống các công trình ngầm (nếu có);

- Nghiên cứu đấu nối hạ tầng kỹ thuật khu vực lập quy hoạch với khu vực xung quanh.

e) Đánh giá môi trường: Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất các giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu, khắc phục những yếu tố tác động đối với khu dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí khu vực quy hoạch.

5. Các hạng mục cần đầu tư xây dựng:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, cấp nước, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, ga rác, trạm xử lý nước thải...;

- Công trình: Văn phòng, thương mại dịch vụ, nhà xưởng sản xuất...

6. Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án: Thành phần hồ sơ đồ án theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

7. Tổ chức, kế hoạch, kinh phí thực hiện:

a) Tổ chức thực hiện.

- Cơ quan cơ phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang;

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng;

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

b) Kế hoạch thực hiện: Thời gian hoàn thành lập đồ án không quá 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

c) Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:

- *Kinh phí:* Tổng chi phí khoảng 3.353.380.000 đồng *(Ba tỷ, ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng)*

- *Nguồn vốn:* Vốn xã hội hóa (vốn tài trợ của doanh nghiệp).

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên, Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 837/QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1191-TB/TU ngày 27/7/2022 của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 422/BC-SXD ngày 30/6/2022; UBND huyện Hiệp Hòa tại Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 13/6/2022, số 310/TTr-UBND ngày 24/6/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí 1: Tại xã Lương Phong.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 7,5ha

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh khoảng 5,8ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị và khoảng 1,7ha từ quy hoạch đất cây xanh nông nghiệp thủy lợi sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện dự án Khu đô thị Lương Phong theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương trong thời gian tới khi thực hiện dự án Cụm công nghiệp Đoan Bái - Lương Phong 2.

2. Vị trí 2: Tại xã Đoan Bái.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 28,5ha.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh khoảng khoảng 1,0ha từ quy hoạch đất công nghiệp và khoảng 5,5ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới;

+ Điều chỉnh khoảng 22ha từ quy hoạch đất công nghiệp sang quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện dự án Khu dân cư Đông Bái Thượng, xã Đoan Bái theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương khi thực hiện dự án Cụm công nghiệp Đoan Bái - Lương Phong 1 và mở rộng Cụm công nghiệp Đoan Bái; đồng thời điều chỉnh lại ranh giới quy hoạch đất công nghiệp cho phù hợp với đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Đoan Bái được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 15/3/2021.

3. Vị trí 3: Tại xã Đông Lỗ.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 86,0ha

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh khoảng 56ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp và khoảng 10ha từ quy hoạch đất mặt nước sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới;

+ Điều chỉnh khoảng 20ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp sang quy hoạch đất công nghiệp.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện dự án Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Hòa Yên và Khu dịch vụ tổng hợp, logistics, ICD Đông Lỗ - Tiên Sơn theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Vị trí 4: Tại xã Xuân Cẩm.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 35ha

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh khoảng 7,5ha từ quy hoạch đất công nghiệp; khoảng 9,6ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị; khoảng 4,2ha từ quy hoạch đất du lịch; khoảng 2,2ha từ quy hoạch đất cây xanh nông nghiệp thủy lợi và khoảng 11,5ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện dự án Khu Khu dịch vụ tổng hợp, logistic Xuân Cẩm - Hương Lâm theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Vị trí 5: Tại các xã Châu Minh, Bắc Lý, Hương Lâm.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 256ha.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Điều chỉnh khoảng 155ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển công nghiệp; khoảng 6,7ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị; khoảng 0,8ha từ quy hoạch đất giao thông; khoảng 43,5ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp sang quy hoạch đất công nghiệp;

+ Điều chỉnh khoảng 27ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị; khoảng 12,3ha từ quy hoạch đất công nghiệp; khoảng 2,6ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển công nghiệp; khoảng 0,7ha từ quy hoạch đất giao thông; khoảng 0,5ha từ quy hoạch đất cây xanh nông nghiệp thủy lợi và khoảng 2,9ha từ quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới;

+ Điều chỉnh khoảng 4ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển công nghiệp sang quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện dự án Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Vị trí 6: Tại các xã Mai Đình, Hương Lâm.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 28,5ha

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh 28,5ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện các dự án Khu dân cư Mai Đình, Khu dân cư Đông Trước (giai đoạn 1) và Khu nhà ở công nhân huyện Hiệp Hòa theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đồng thời bổ sung quỹ đất ở đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương khi thực hiện dự án Khu công nghiệp Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1 đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 27/5/2022.

7. Vị trí điều chỉnh: Tại xã Mai Đình và xã Châu Minh.

- Quy mô diện tích điều chỉnh: Khoảng 50ha.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh khoảng 45,5ha từ quy hoạch đất công nghiệp; khoảng 2,2ha từ quy hoạch đất dự trữ phát triển các khu chức năng đô thị; khoảng 0,5ha từ quy hoạch đất nghĩa trang, nghĩa địa; khoảng 1,8ha từ quy hoạch đất cây xanh nông nghiệp thủy lợi sang quy hoạch đất đa chức năng phát triển mới.

- Lý do điều chỉnh: Để thực hiện dự án Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Hòa Phú theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 2. UBND huyện Hiệp Hòa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
+ LĐVP, TH, KTN;
+ Cổng TTĐT tỉnh;
+ Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3319 /UBND-QLĐT V/v tham gia ý kiến đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên	*Việt Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2022*

Kính gửi: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

UBND huyện Việt Yên nhận được Công văn số 1182/KCN-TNMT ngày 21/9/2022 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang về việc lấy ý kiến tham gia quy hoạch xây dựng các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Việt Yên; trong đó có đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2.000.

Sau khi giao cơ quan chuyên môn nghiên cứu hồ sơ, UBND huyện Việt Yên tham gia ý kiến về đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2.000; như sau:

1. Về sự phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219 ngày 17/02/2022: Vị trí thực hiện lập đồ án đang được quy hoạch là đất công nghiệp *(Phụ lục VIII: Quy hoạch phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030)*.

2. Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên đã được phê duyệt tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang: Vị trí thực hiện lập đồ án đang được quy hoạch là đất công nghiệp.

3. Về sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 đã được phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang: Trên địa bàn huyện Việt Yên, vị trí lập quy hoạch đồ án có một phần quy hoạch đất công nghiệp còn lại là quy hoạch đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất mặt nước, đất ở làng xóm, đất đường giao thông. Tuy nhiên, hiện nay vị trí nêu trên đang được UBND huyện Việt Yên đề nghị điều chỉnh cục bộ, điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung.

4. Về sự phù hợp của hồ sơ quy hoạch với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành: Cơ bản tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

5. Về đấu nối hạ tầng kỹ thuật: Đề nghị Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chỉ đạo đơn vị tư vấn lập quy hoạch rà soát, nghiên cứu thiết kế đấu nối các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát nước,...) với khu dân cư hiện trạng để đảm bảo đấu nối hài hòa; cập nhật đấu nối với các dự án, các khu dân cư do UBND huyện đã và đang thực hiện. Bên cạnh đó, xem xét lại một số nội dung sau:

- Tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Các số liệu trong "Bảng chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ số kỹ thuật" sai khác với bản đồ và thuyết minh đồ án.

- Tại bản đồ quy hoạch hạ tầng giao thông, chỉ giới đường đỏ chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: Mặt cắt 1-1 (vành đai IV) chưa phù hợp với mặt cắt tuyến đường theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đã được điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND huyện Việt Yên về đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, đề nghị Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Quản lý đô thị huyện;
- Ban QLDA ĐTXD huyện;
- LĐVP, CVTH Sâm;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Bách

UBND TỈNH BẮC GIANG **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 241 /BC-KCN	*Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2022*

BÁO CÁO

V/v: Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư về Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật Quy hoạch đô thị số 01/VBHN-VPQH ngày 20/07/2015; Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000);

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang tổng hợp kết quả niêm yết công khai và tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung sau:

1. Về hình thức xin ý kiến bằng cách niêm yết công khai đồ án quy hoạch:

1.1. Hồ sơ niêm yết công khai:

- Thông báo niêm yết công khai;
- Nội dung thuyết minh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000;
- Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất dự án;
- Bản đồ phương án quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;
- Các bản vẽ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật;
- Phối cảnh minh họa.

1.2. Thời gian niêm yết công khai: Kể từ ngày 08/7/2022 đến ngày 18/8/2022 (thời gian 40 ngày);

1.3. Địa điểm: Tại UBND xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và UBND xã Trung Sơn, xã Tiên Sơn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên

1.4. Thành phần tham gia niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai:

- Đại diện Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang;
- Đại diện UBND xã Đông Lỗ, xã Trung Sơn, xã Tiên Sơn, xã Hương Mai;
- Đại diện các thôn có liên quan đến Khu công nghiệp Hòa Yên;
- Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.5. Kết quả niêm yết công khai

1.5.1. Xã Đông Lỗ:

Tổng số phiếu góp ý kiến: 88 phiếu

Trong đó:

• Đồng ý: 87/88 phiếu; không đồng ý: 0/88 phiếu; phiếu trống: 01/88 phiếu.

• Các ý kiến khác:

- Ông Nguyễn Văn Háu, Nguyễn Văn Ngờ: giá đất đền bù. Giải trình: Giá đất không được báo cáo tại cuộc họp này.
- Ông Phạm Văn Tuấn: Nên đảm bảo yếu tố môi trường. Giải trình: Đồ án được thực hiện đúng quy định trong đó có yếu tố đánh giá tác động môi trường.
- Trần Văn Minh: để nghĩa trang vào phần đất giữa khu công nghiệp và dân cư hiện trạng. Giải trình: phần diện tích ngoài ranh giới ko thuộc phần lập quy hoạch của đồ án, hơn nữa quy hoạch như vậy không phù hợp quy định hiện hành.
- Nguyễn Văn Hải: cách dân 200m. Giải trình: Đồ án định hướng quy hoạch KCN với các nhà máy công nghiệp nhẹ ảnh hưởng đến môi trường thấp nên tuân thủ quy chuẩn hiện hành cách khu dân cư tối thiểu 50m, trong khoảng 50m có quy hoạch cây xanh mặt nước cách ly với dân cư hiện trạng đảm bảo cảnh quan và môi trường.
- Phạm Thị Hương: Đề nghị cấp đất ở cho gia đình trước khi giải phóng mặt bằng. Giải trình: Vấn đề này sẽ được bàn tại cuộc họp giải phóng mặt bằng dự án.
- Nguyễn Sỹ Sơn: cách dân 100m, để khu nghĩa trang, bớt khu nhà văn hóa thể thao cho dân. Giải trình: Đồ án tuân thủ quy chuẩn cách dân cư hiện trạng tối thiểu 50m, có những vị trí lớn hơn, trong khoảng cách đó quy hoạch cây xanh mặt nước đảm bảo cảnh quan và môi trường. Đất nhà văn hóa thể thao sẽ được nghiên cứu tại đồ án khu dân cư, khu đô thị.

(Có các phiếu ý kiến kèm theo)

1.5.2. Xã Hương Mai:

Tổng số phiếu góp ý kiến: 16 phiếu

Trong đó:

- Đồng ý: 16/16 phiếu; không đồng ý: 0/16 phiếu
- Các ý kiến khác:

- Phạm Thị Lan: Đảm bảo sức khỏe cho dân, đảm bảo thoát nước, đề nghị thu hồi thêm đất của dân hiện trạng. Giải trình: Đồ án đảm bảo KCN cách ly và các vấn đề đấu nối hiện trạng theo quy định hiện hành. Đồ án tuân thủ theo quy hoạch tỉnh về quy mô diện tích nên không thể thu hồi thêm đất của dân hiện trạng.

- Diêm Công Điệp: Đề nghị thu hồi thêm đất khu đồng Bãi Bồi. Nâng cấp mương tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Giải trình: Đồ án tuân thủ theo quy hoạch tỉnh về quy mô diện tích nên không thể thu hồi thêm đất của dân hiện trạng. Đồ án đã nghiên cứu đấu nối hoàn trả các tuyến mương tưới tiêu đảm bảo.

- Nguyễn Đức Khoảng: Đảm bảo nước cho nhân dân. Giải trình: Đồ án đã nghiên cứu đấu nối hoàn trả các tuyến mương tưới tiêu đảm bảo.

- Trần Thị Ngát: Đảm bảo thoát nước, vệ sinh môi trường, sức khỏe cho dân. Giải trình: Đồ án tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn vệ sinh môi trường, nghiên cứu đấu nối phù hợp với tiêu thoát nước hiện trạng.

- Nguyễn Thị Hiệp: Đề nghị nhà nước không để cho dân bị thiệt. Giải trình: Nhà nước đã có các quy định hiện hành về công tác đền bù giải phóng mặt bằng và sẽ được bàn tại các cuộc họp của các bước sau khi đồ án được phê duyệt.

- Nguyễn Trọng Sử: Có một số diện tích đất dân đang canh tác nhưng không có số đỏ. Đề nghị đền bù đất phù hợp. Giải trình: Nhà nước đã có các quy định hiện hành về công tác đền bù giải phóng mặt bằng và sẽ được bàn tại các cuộc họp của các bước sau khi đồ án được phê duyệt.

- Nguyễn Bá Thủy: Đề nghị quy hoạch khu vực dân sinh từ đường trục thôn Xuân Minh đến kênh Việt Hòa. Giải trình: Đồ án tuân thủ theo quy mô và ranh giới theo quy hoạch tỉnh. Việc quy hoạch khu dân cư, khu đô thị sẽ được nghiên cứu tại đồ án khác.

- Diêm Công Thịnh: Nâng cấp mương tiêu đảm bảo sản xuất. Giải trình: Đồ án đã nghiên cứu đấu nối hoàn trả phù hợp tưới tiêu phục vụ sản xuất hiện trạng.

1.5.3. Xã Tiên Sơn:

Tổng số phiếu góp ý kiến: 31 phiếu

Trong đó:

- Đồng ý: 31/31 phiếu; không đồng ý: 0/31 phiếu
- Các ý kiến khác:

- Vương Văn Quyền: Có kế hoạch thu hồi thêm diện tích đất của dân. Đồ án tuân thủ theo quy mô diện tích theo quy hoạch tỉnh nên không thu hồi thêm diện tích đất của dân.

1.5.4. Xã Trung Sơn:

Tổng số phiếu góp ý kiến: 39 phiếu

Trong đó:

- Đồng ý: 39/39 phiếu; không đồng ý: 0/39 phiếu
- Các ý kiến khác:

- Nguyễn Văn Thuận, Đỗ Văn Công: Quan tâm thoát nước, đảm bảo môi trường. Giải trình: Đồ án đã tuân thủ các quy định hiện hành và đấu nối hoàn trả hệ thống tưới tiêu phù hợp hiện trạng.

(Có các phiếu ý kiến kèm theo)

2. Về hình thức xin ý kiến bằng cách tổ chức hội nghị báo cáo đồ án quy hoạch:

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với UBND xã Đông Lỗ, xã Hương Mai, xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn và Đơn vị tư vấn lập tổ chức hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư của các xã.

Tổng hợp ý kiến của nhân dân hai xã như sau:

2.1. Xã Đông Lỗ ngày 14/7/2022:

Tổng số phiếu góp ý kiến 96 phiếu.

- Đồng ý: 96/96 phiếu; Không đồng ý: 0/96 phiếu.
- Các ý kiến:

- Đặng Xuân Lực, Nguyễn Văn Ngờ: thông báo giá và tăng giá thu hồi đất. Giải trình: Giá thu hồi đất sẽ được bàn tại cuộc họp về đền bù giải phóng mặt bằng tại các bước sau của dự án.

- Nguyễn Văn Hải: cách xa khu dân cư 200m. Đồ án tuân thủ quy định hiện hành, cách dân cư hiện trạng tối thiểu 50m, có những vị trí rộng hơn và quy hoạch cây xanh mặt nước đảm bảo cảnh quan và môi trường.

- Phạm Thị Hương: Đề nghị cấp đất ở cho gia đình trước khi giải phóng mặt bằng. Giải trình: Vấn đề này sẽ được bàn tại cuộc họp giải phóng mặt bằng dự án.

- Nguyễn Sỹ Sơn: cách dân 100m, để khu nghĩa trang, bớt khu nhà văn hóa thể thao cho dân. Giải trình: Đồ án tuân thủ quy chuẩn cách dân cư hiện trạng tối thiểu 50m, có những vị trí lớn hơn, trong khoảng cách đó quy hoạch cây xanh mặt nước đảm bảo cảnh quan và môi trường. Đất nhà văn hóa thể thao sẽ được nghiên cứu tại đồ án khu dân cư, khu đô thị.

2.2. Xã Hương Mai ngày 08/7/2022:

Tổng số phiếu góp ý kiến 35 phiếu.

- Đồng ý: 35/35 phiếu; Không đồng ý: 0/35 phiếu.
- Các ý kiến:

- Diêm Thị Tĩnh, Diêm Thị Thanh, Nguyễn Thị Sậu, Diêm Công Chấn, Nguyễn Công Hải, Nguyễn Thị Hồng: Đề nghị quy hoạch khu dân sinh, đền bù thỏa mãn. Giải trình: Khu dân sinh sẽ được nghiên cứu tại đồ án khác. Trong quy hoạch tỉnh đã định hướng quy hoạch khu đô thị dịch vụ gần KCN Hòa Yên quy mô khoảng 40ha. Vấn đề đền bù sẽ được bàn tại các cuộc họp giải phóng đền bù ở bước dự án.

- Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Văn Tạo, Vũ Đình Đạo, Hoàng Thị Ánh, Đỗ Viết Hoa, Nguyễn Xuân Chiến: Đề nghị lấy thêm đất của dân, cải tạo mương tiêu. Giải trình: Đồ án tuân thủ theo quy mô diện tích theo quy hoạch tỉnh nên không thu hồi thêm diện tích đất của dân và đã nghiên cứu đấu nối hoàn trả hệ thống tưới tiêu phù hợp hiện trạng.

2.3. Xã Tiên Sơn ngày 11/7/2022:

Tổng số phiếu góp ý kiến 31 phiếu.

- Đồng ý: 31/31 phiếu; Không đồng ý: 0/31 phiếu.
- Các ý kiến:

- Nguyễn Đình Dũng, Vương Văn Thắng, Nguyễn Văn Sâm, Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Hưng, Vương Văn Bé: Quan tâm đến tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường, an sinh xã hội, hài hòa giữa doanh nghiệp và người dân, thu hồi thêm đất. Giải trình: Đồ án đã nghiên cứu đấu nối hoàn trả hệ thống tưới tiêu phù hợp hiện trạng, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, đem lại lợi ích kinh tế đóng góp vào an sinh xã hội. Đồ án tuân thủ quy mô theo quy hoạch tỉnh nên không thu hồi thêm đất của dân.

- Nguyễn Quang Vy, Hoàng Bá Bằng: Điều chỉnh giá đền bù đất, đảm bảo vệ sinh môi trường. Giải trình: Giá thu hồi đất sẽ được bàn tại cuộc họp về đền bù giải phóng mặt bằng tại các bước sau của dự án. Đồ án đã nghiên cứu đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

2.4. Xã Trung Sơn ngày 12/7/2022:

Tổng số phiếu góp ý kiến 30 phiếu.

- Đồng ý: 30/30 phiếu; Không đồng ý: 0/30 phiếu.
- Các ý kiến:

- Lương Trọng Loan, Nguyễn Viết Thuận, Lương Văn Long: Quan tâm đến môi trường. Giải trình: Đồ án đã nghiên cứu và quy hoạch đúng quy định hiện hành về nước thải và môi trường.

(Kèm theo Biên bản hội nghị xin ý kiến cộng đồng dân cư)

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang báo cáo tổng hợp kết quả xin ý kiến cộng đồng dân cư về Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

Nơi nhận:
- Sở XD tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện Hiệp Hòa;
- UBND huyện Việt Yên;
- UBND xã Đông Lỗ;
- UBND xã Hương Mai;
- UBND xã Tiên Sơn;
- UBND xã Trung Sơn;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, TNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Như Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) của thành viên Hội đồng

1. Họ và tên người nhận xét: **Phạm Văn Tạo.**
2. Chức vụ, nơi công tác: **Phó chỉ huy trưởng, Bộ CHQS tỉnh.**

3. Tên Đồ án: **Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000).**

4. Nhận xét về nội dung Đồ án:

Sau khi nghiên cứu Đồ án và tài liệu có liên quan, Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau:

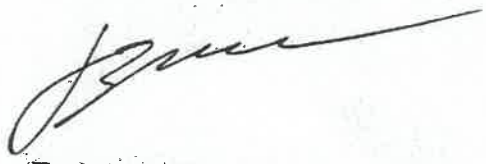
- Nhất trí với bố cục và nội dung của Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000).

- Để không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng trước khi thực hiện các dự án. Đề nghị Sở Xây dựng chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị tư vấn phối hợp với Bộ CHQS tỉnh và Ban CHQS huyện Việt Yên, Hiệp Hòa xác định cụ thể những vị trí liên quan đến quốc phòng - an ninh, không làm ảnh hưởng đến thế bố trí quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

5. Kết luận và đề nghị

Nhất trí với Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)./.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2022
NGƯỜI NHẬN XÉT
(ký, ghi rõ họ và tên)



Đại tá Phạm Văn Tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, Tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) của thành viên Hội đồng

1. Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Đức Hoàn

2. Chức vụ, nơi công tác: Phó giám đốc Sở Công Thương

3. Tên Đồ án: Quy hoạch phân khu Khu số 7, số 8 khu vực xã Nội Hoàng, xã Tiền Phong thuộc Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)

4. Nhận xét về nội dung Đồ án:

4.1. Những nội dung đạt yêu cầu của Đồ án:

- Về khái phần lớn nó cơ bản đáp ứng
các chỉ tiêu có cần sử dụng đất phù hợp

4.2. Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung:

- Đề nghị xem xét điều chỉnh giá đất
điều chỉnh và phương án đánh giá môi trường

- Đối với đường 500, 200, MAXV cần đánh giá
cao thang cách tính không điều rõ với cơ sở

nên các dự án bắt theo quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-C
phải tính toán tăng chi phí xây dựng cấp điện cho dự án cần tính toán theo chi phí thực tế tại đang cấp điện cho các KCN đang hoạt động trên cấp điện trung thế 22 kV qua các trạm 110, 220, 500 kV cần xem xét bậc ngắn tế dự án bắt khoảng cách

5. Kết luận và đề nghị:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Đồng ý, tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung trên ☑

Bắc Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Nguyễn Đức Hoàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên tỉnh Bắc Giang của thành viên Hội đồng

1. Họ và tên người nhận xét: Trần Xuân Đông

2. Chức vụ, nơi công tác: Phó Giám đốc Sở GTVT

3. Tên Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000).

4. Nhận xét về nội dung Đồ án:

4.1. Những nội dung đạt yêu cầu của Đồ án: Nội dung, bố cục của Quy hoạch cơ bản đạt yêu cầu. Tuy nhiên đề nghị Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn nghiên cứu cập nhật chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung tại mục 4.2

4.2. Những nội dung cần nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung:

- Căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung căn cứ: Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng; các quy định của UBND tỉnh về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung nghiên cứu, cập nhật trong thuyết minh căn cứ lập quy hoạch các nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng phát triển vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, trong đó phạm vi quy hoạch của đồ án đã có điều chỉnh tại hồ sơ quy hoạch kèm theo QĐ số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh.

- Về quy mô mặt cắt quy hoạch giao thông, đề nghị rà soát đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng phát triển vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 được điều chỉnh cục bộ kèm theo QĐ số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh, trong đó:

+ Quy mô mặt cắt 5-5 (B=84,5m) tuyến ĐT 398B của đồ án chưa phù hợp với quy mô mặt cắt 3-3 (B=36m) tại QĐ số 1247/QĐ-UBND.

+ Hướng tuyến và quy mô mặt cắt 2-2 trục chính (B=45m) chưa phù hợp với quy mô mặt cắt 3-3 (B=36m) tại QĐ số 1247/QĐ-UBND.

- Về các điểm đấu nối với ĐT 398 (VĐ IV): Hiện đồ án đang thực hiện đấu nối tại 04 vị trí (02 vị trí đấu nối dạng đảo xuyến tại các điểm tọa độ (1) và

(9); và 02 vị trí đấu nối các tuyến thuộc mặt cắt 6-6 và tại điểm tọa độ (8), để đảm bảo ATGT, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh các nội dung sau:

+ Điều chỉnh thiết kế đấu nối trong đó chỉ đấu nối trực tiếp với ĐT 398 (VĐ IV) tại 02 vị trí đấu nối dạng đảo xuyến theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên tại các điểm tọa độ (1) và (9).

+ 02 vị trí đấu nối các tuyến thuộc mặt cắt 6-6 tại điểm tọa độ (8) đề nghị không thực hiện đấu nối trực tiếp, chỉ đấu nối vào hệ thống đường gom khu công nghiệp chạy dọc theo ĐT 398 (VĐ IV).

- Về các điểm đấu nối với ĐT 398B (đi cầu Hà Bắc 2): Hiện đồ án đang thực hiện đấu nối tại 04 vị trí. Để đảm bảo ATGT, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đề nghị điều chỉnh giảm vị trí đấu nối trực tiếp, thực hiện đấu nối theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên. Nghiên cứu chỉ đấu nối vào hệ thống đường gom chạy dọc theo ĐT 398B (đi cầu Hà Bắc 2).

- Về quy hoạch Bãi đỗ xe: Đồ án đang bố trí 01 vị trí quy hoạch bãi đỗ xe; đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm 01 bãi tại khu vực phía Nam (phía cầu Hà Bắc 2) phục vụ nhu cầu đỗ xe và đưa đón công nhân.

- Hiện nay tuyến đường ĐT 398 (VĐ4) và ĐT 398B (đoạn tuyến nhánh đường vành đai IV và đoạn đường dẫn cầu Hà Bắc) đã được đầu tư xây dựng, đề nghị đơn vị tư vấn và chủ đầu tư xác định rõ chỉ giới, hướng tuyến và cao độ quy hoạch theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên (điều chỉnh cục bộ) làm cơ sở xác định phạm vi và cao độ quy hoạch của đồ án.

5. Kết luận và đề nghị:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Đồng ý, tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung trên ☒

Bắc Giang, ngày ... tháng 11 năm 2022

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Trần Xuân Đông.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) của thành viên Hội đồng

1. Họ và tên người nhận xét: Vũ Hoàng Hải

2. Chức vụ, nơi công tác: PGĐ Công ty Điện lực Bắc Giang

3. Tên Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)

4. Nhận xét về nội dung Đồ án:

4.1. Những nội dung đạt yêu cầu của Đồ án:

- Đánh giá được hiện trạng hạ tầng kỹ thuật điện trong phạm vi đồ án.
- Bố trí 01 trạm biến áp 110kV cấp điện cho KCN.
- Sơ bộ tính toán được nhu cầu công suất cấp điện cho KCN.

4.2. Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung:

- Chưa có phương án cấp điện cho KCN trong giai đoạn đầu khi chưa có Trạm biến áp 110kV Việt Hòa.
- Với công suất tính toán P_{tt} = 80.267 kW thì Stt là 68.673 kVA là chưa phù hợp (Stt phải bằng P_{tt}).
- Chưa thể hiện các phương án tuyến cấp

.....

điện cho KCN.

- Trạm chữa cháy TA trong bản đồ xác định không phù hợp (trạm chữa cháy nằm ở trong khu đất ITTC).

- Đề nghị kiểm tra lại khoảng cách tính chữa cháy của các đường dây cao cấp trong KCN đảm bảo theo quy định, trường hợp không đạt phải có biện pháp xử lý.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Kết luận và đề nghị:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Đồng ý, tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung trên ☑

Bắc Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Vũ Hoàng Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT
Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) của thành viên Hội đồng

1. Họ và tên người nhận xét: Lương Văn Nghiệp

2. Chức vụ, nơi công tác: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

3. Tên Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)

4. Nhận xét về nội dung Đồ án:

4.1. Những nội dung đạt yêu cầu của Đồ án:

- Đồ án phù hợp với Phương án sử dụng đất tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ *(tại Stt 11 Mục III - Phụ lục VIII có KCN - đô thị - dịch vụ Hòa Yên với quy mô 256 ha)*. Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đang lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2015 tỉnh Bắc Giang (đã được thông qua tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh) trong đó có KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên với quy mô 50 ha.

- Đồ án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hiệp Hòa đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 *(trong đó có KCN - đô thị - dịch vụ Hòa Yên tại xã Đông Lỗ với quy mô 278 ha thực hiện trong giai đoạn 2021-2030)*; cơ bản phù hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 *(trong đó có Khu công nghiệp thuộc Khu CN-ĐT-DV Hòa Yên (tổng thuộc Việt Yên 128 ha, trong đó đất đô thị, dịch vụ: 10ha; đất công nghiệp 118ha) tại xã Tiên Sơn, Hương Mai với quy mô 118 ha thực hiện trong giai đoạn 2026-2030)*.

- Nội dung đồ án đã thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược theo quy định.

4.2. Những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung:

- Hồ sơ đồ án thiếu tài liệu lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo quy định.

- Rà soát đảm bảo khớp nối với các quy hoạch xung quanh và khoảng cách bảo vệ môi trường như: Đường đi cầu Hà Bắc 2, Đường tỉnh 398 (Vành đai IV), phương án quy hoạch khu đô thị - dịch vụ lân cận, dự án xử lý rác thải của huyện Hiệp Hòa... Làm rõ trong khu vực quy hoạch có xã Trung Sơn, huyện Việt Yên hay không để đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Việt Yên.

- Chỉnh sửa thống nhất các căn cứ pháp lý về môi trường hiện hành như: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP... Đánh giá kỹ tác động môi trường xã hội do trong khu vực có nhiều dự án khác đã và đang triển khai thực hiện sẽ gây ảnh hưởng lớn đến đời sống sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân trong khu vực nhất là vấn đề sinh kế của người dân; rà soát hiện trạng sử dụng đất để xác định chính xác ranh giới KCN nhằm hạn chế thu hồi đất ở của người dân xung quanh và các dự án đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận trong khu vực để tránh gây khó khăn khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Bổ sung giải pháp quy hoạch khi di dời mộ trong khu vực, hoàn trả đường giao thông, kênh mương khi thực hiện đồ án và các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân nằm ngoài đồ án khi chưa thực hiện các quy hoạch xung quanh.

- Cần thực hiện phân kỳ đầu tư theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2015 tỉnh Bắc Giang (đã được thông qua tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh), pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường đảm bảo yêu cầu vận hành từng giai đoạn theo quy định và giai đoạn thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021.

5. Kết luận và đề nghị:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Đồng ý, tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung trên ☒

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2022

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký, ghi rõ Họ và tên)

Lương Văn Nghiệp

UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3322 /SXD-QHKT V/v Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000).	*Bắc Giang, ngày 14 tháng 11 năm 2022*

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 84/TTr-KCN ngày 31/10/2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000). Ngày 11/11/2022, Hội đồng thẩm định (theo Quyết định số 111/QĐ-SXD ngày 28/4/2022 của Sở Xây dựng) tổ chức Hội nghị thẩm định gồm các Sở, ngành có liên quan tại Sở Xây dựng. Sau khi tổng hợp ý kiến, Sở Xây dựng đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo ý kiến tham gia của các đại biểu tham dự hội nghị *(Có phiếu tham gia của thành viên hội đồng kèm theo)*.

Vậy, Sở Xây dựng đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo nội dung nêu trên, căn cứ vào các quy hoạch cấp trên và quy định hiện hành trình lại Sở Xây dựng để tổng hợp, thẩm định và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QHKT Hải.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BẮC GIANG

Vương Tuấn Nghĩa

UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 455 /SXD-QHKT V/v Đề nghị xin ý kiến các Bộ về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000).	*Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Giang

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 15/TTr-KCN ngày 06/3/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000). Sau khi xem xét, Sở Xây dựng báo cáo và đề nghị UBND tỉnh nội dung như sau:

Căn cứ Điểm a, Khoản 2, Điều 25 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Điểm a, Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Sở Xây dựng báo cáo và đề nghị UBND tỉnh xin ý kiến các bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư về hồ sơ, nội dung đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000).

(Có hồ sơ quy hoạch kèm theo).

Sở Xây dựng trân trọng báo cáo và đề xuất UBND tỉnh nội dung như trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QHKT Hải.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BẮC GIANG

Vương Tuấn Nghĩa

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: [illegible]/BKHĐT-QLKKT V/v góp ý đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên (tỷ lệ 1/2000)	*Hà Nội, ngày [illegible] tháng [illegible] năm 2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công văn số 1133/UBND-XD ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc xin ý kiến đối với đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên tại các huyện Hiệp Hòa và Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) (Đồ án). Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền tổ chức lập và phê duyệt Đồ án

Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch), điểm c khoản 2 Điều 34 Luật Xây dựng (được bổ sung tại điểm a khoản 7 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020) và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, việc tổ chức lập và phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Do đó, đề nghị Quý Ủy ban rà soát, đảm bảo hồ sơ Đồ án (bao gồm các bản vẽ, nội dung tài liệu thuyết minh) đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Xây dựng, Điều 13 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

2. Một số góp ý cụ thể

Để đảm bảo cơ sở phê duyệt Đồ án, đề nghị Quý Ủy ban rà soát, lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Về vị trí, diện tích, tính chất khu công nghiệp

Đề nghị Quý Ủy ban rà soát, chịu trách nhiệm: (i) đảm bảo quy mô diện tích, vị trí, ranh giới lập Đồ án phù hợp với quy mô diện tích, vị trí, ranh giới của khu công nghiệp Hòa Yên được xác định trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; (ii) bổ sung định hướng thu hút đầu tư vào khu công nghiệp Hòa Yên trên cơ sở phương hướng phát triển các ngành,

lĩnh vực trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang và Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (tầm nhìn đến năm 2045) xác định mối quan hệ giữa khu công nghiệp Hòa Yên với khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hòa Yên trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, từ đó có phương án lập quy hoạch xây dựng phù hợp với quy định.

2.2. Về hiện trạng sử dụng đất khu vực lập Đồ án

Theo Trích lục Bản đồ địa chính dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên do Trung tâm lưu trữ và Phát triển quỹ đất Sở Tài nguyên Môi trường Bắc Giang trích lục, trong phạm vi dự án có khoảng 90,6 ha đất trồng lúa 2 vụ. Đề nghị Quý Ủy ban lưu ý diện tích đất trồng lúa 2 vụ được xác định là cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 và điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

2.3. Về cơ cấu sử dụng đất của khu công nghiệp

Căn cứ cơ cấu sử dụng đất của khu công nghiệp cung cấp tại hồ sơ Đồ án, đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo rà soát, đảm bảo: (i) tỷ lệ cơ cấu đất giao thông, đất cây xanh, đất các khu kỹ thuật và khoảng cách an toàn về môi trường đáp ứng quy định tại mục 2.5 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng; (ii) diện tích đất xây dựng trạm xử lý thải không vượt quá 0,2 ha/1.000 m^3/ngày theo quy định tại mục 2.11.3 QCVN 01:2021/BXD.

Theo hồ sơ, trong khu vực lập Đồ án có các đường điện cao thế 110 kV, 220 kV và 500 kV chạy qua. Do đó, đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo rà soát, đảm bảo đáp ứng các điều kiện an toàn điện đối với việc xây dựng, cải tạo lưới điện cao áp trong khu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ).

Do xung quanh khu vực lập Đồ án có các khu vực dân cư sinh sống, đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo rà soát, đảm bảo khoảng cách an toàn, có dải cách ly theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam; áp dụng các biện pháp công trình và phi công trình để đảm bảo việc phát triển khu công nghiệp không ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận; xây dựng các phương án quan trắc (nếu cần) để giám sát hoạt động xả thải của khu công nghiệp.

Ngoài ra, đề nghị Quý Ủy ban nghiên cứu, bố trí đất công nghiệp cho các doanh nghiệp thuộc diện được ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

2.4. Về việc kết nối của khu công nghiệp với các tuyến đường giao thông

Do vị trí lập Đồ án nằm trên điểm giao cắt giữa 2 trục đường tỉnh lộ 398 và tỉnh lộ 398B, đề nghị Quý Ủy ban yêu cầu nhà đầu tư trong quá trình triển khai: (i) tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày

24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ), (ii) thống nhất với cơ quan có liên quan về phương án kết nối hạ tầng giao thông của khu công nghiệp với các tuyến đường giao thông; (iii) rà soát, đánh giá quy mô tuyến kết nối, phương án giao cắt với tỉnh lộ 398 và tỉnh lộ 398B để đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật tuyến đường, khai thác an toàn, thuận lợi, không ảnh hưởng đến khả năng khai thác các tuyến đường giao thông tiếp giáp với khu công nghiệp; (iv) rà soát quy mô, bố trí mặt cắt ngang và các yếu tố kỹ thuật của hệ thống đường nội bộ để bảo đảm đáp ứng về lưu lượng xe dự báo lưu thông trong khu công nghiệp.

2.5. Về việc quy hoạch các công trình nhà ở, xã hội và văn hóa thể thao cho người lao động

Theo dự báo, khi khu công nghiệp đi vào hoạt động ổn định sẽ tạo việc làm cho khoảng 44.000 lao động. Về việc này, đề nghị Quý Ủy ban nghiên cứu, dự báo nhu cầu nhà ở của người lao động làm việc trong khu công nghiệp để có phương án phát triển nhà ở xã hội và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng phục vụ đối tượng này theo quy định tại khoản 7 Điều 9, khoản 1 Điều 29 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ).

3. Về các nội dung khác, đề nghị Quý Ủy ban tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và xem xét theo thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để Quý Ủy ban nghiên cứu, thực hiện theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, QLKKT(Q).

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Đoàn

Bộ Xây dựng
10-04-2023
16:39:44 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1356 /BXD-QHKT V/v góp ý đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang	*Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Bộ Xây dựng nhận được Văn bản số 1133/UBND-XD ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị góp ý kiến về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 có xác định Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hòa Yên tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang gồm (i) khu công nghiệp 256ha *(trên địa bàn xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai của huyện Việt Yên)* và (ii) khu đô thị - dịch vụ là 40ha *(trên địa bàn xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên)*. Theo Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022, khu vực lập quy hoạch phân khu khu công nghiệp (256ha) có chức năng sử dụng đất là công nghiệp. Theo Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019, khu vực lập quy hoạch phân khu có một phần đất công nghiệp và đất chức năng khác.

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên cơ bản phù hợp với định hướng tại Quy hoạch tỉnh Bắc Giang về quy mô diện tích và chức năng sử dụng đất công nghiệp. Đối với các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cần căn cứ quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt để chỉ đạo rà soát, tổ chức lập, điều chỉnh các quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ các cấp độ quy hoạch, theo đúng trình tự, quy định pháp luật.

2. Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên lập theo Nhiệm vụ quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt; đã được tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc lập quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp làm cơ sở thực hiện các bước đầu tư xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý là cần thiết. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cần lưu ý chỉ đạo thực hiện việc lập đồ án quy hoạch đảm bảo theo đúng trình tự, quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

3. Về nội dung đồ án:

- Đồ án Quy hoạch phân khu có tổng diện tích lập quy hoạch là 265,6ha, trong đó, diện tích quy hoạch khu công nghiệp là 256,32 ha và diện tích ngoài khu công nghiệp là 9,31ha. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cần chỉ đạo rà soát, chịu trách nhiệm đảm bảo phạm vi lập đồ án quy hoạch phù hợp với vị trí được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên.

- Rà soát cập nhật bổ sung phần căn cứ pháp lý lập quy hoạch: Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

- Việc rà soát, đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch phải được thực hiện đầy đủ, số liệu cập nhật theo quy định. Nội dung đồ án quy hoạch phải đảm bảo phù hợp với định hướng tại Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên.

- Cơ cấu các loại đất giao thông, cây xanh, các khu kỹ thuật tại đồ án quy hoạch cơ bản phù hợp với Quy chuẩn QCVN 01:2021. Tuy nhiên, cần lưu ý mỗi loại đất giao thông và cây xanh phải đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 10% diện tích toàn khu, không bao gồm đất giao thông, cây xanh trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất; đảm bảo yêu cầu khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.

- Việc bố trí khu công trình dịch vụ phải đảm bảo đúng chức năng phục vụ cho khu công nghiệp, không quy hoạch bố trí các chức năng khác không đúng quy định. Rà soát nội dung quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng chung, trong và ngoài khu công nghiệp.

4. Một số nội dung cần lưu ý:

- Việc tài trợ kinh phí lập quy hoạch, lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, đấu thầu và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ đạo thực hiện công bố công khai và đăng tải lên Cổng thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam đồ án quy hoạch được phê duyệt theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng để Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ đạo hoàn thiện đồ án theo quy định./.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC

Trần Thu Hằng

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr Nguyễn Tường Văn (để b/c);
- Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, Vụ QHKT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 928 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 192/TTr-SXD ngày 14/8/2023 kèm theo Báo cáo số 362/BC-SXD ngày 14/8/2023; UBND huyện Việt Yên tại Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 18/7/2023, số 261/TTr-UBND ngày 02/8/2023, Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 14/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000), với các nội dung chính như sau:

1. Lý do và nội dung điều chỉnh.

1.1. Vị trí 1: Tại xã Hương Mai, huyện Việt Yên.

a) Lý do điều chỉnh:

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, Khu công nghiệp Hòa Yên có diện tích khoảng 256ha, khu công nghiệp đã được UBND tỉnh chấp thuận tài trợ lập quy hoạch tại Công văn số 1247/UBND-XD ngày 25/3/2022 và được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/5/2022. Vị trí, diện tích thuộc địa phận các thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Minh, thôn Xuân Lạn và thôn Tam Hợp xã Hương Mai, huyện Việt Yên có diện tích khoảng 30ha; theo quy hoạch sử dụng đất huyện Việt Yên đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023, phần diện tích trên được quy hoạch là đất khu công nghiệp. Tuy nhiên, theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019, vị trí trên được quy hoạch là đất mặt nước, đất giao thông, đất ở hiện trạng và đất nông nghiệp. Để thống nhất giữa các quy hoạch, làm cơ sở thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, việc điều chỉnh quy hoạch là rất cần thiết.

b) Nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh quy hoạch khoảng 30ha (trong đó khoảng 5,6ha quy hoạch đất mặt nước; 2,55ha quy hoạch đất đường giao thông; 0,4ha đất ở hiện trạng và khoảng 21,45ha quy hoạch đất nông nghiệp) tại thôn Xuân Hòa, thôn Xuân Minh, thôn Xuân Lạn và thôn Tam Hợp, xã Hương Mai thành đất công nghiệp.

1.2. Vị trí 2: Tại xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên.

a) Lý do điều chỉnh:

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, Khu công nghiệp Song Mai - Nghĩa Trung có diện tích khoảng 205ha, khu công nghiệp đã được UBND tỉnh giao nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch tại Công văn số 4569/UBND-ĐT ngày 13/10/2020. Vị trí quy hoạch thuộc địa phận xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên có diện tích khoảng 115ha; theo quy hoạch sử dụng đất huyện Việt Yên đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023, phần diện tích trên được quy hoạch là đất khu công nghiệp. Tuy nhiên, theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019, vị trí trên được quy hoạch là đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nghĩa trang. Để thống nhất giữa các quy hoạch, làm cơ sở thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, việc điều chỉnh quy hoạch là cần thiết

b) Nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh quy hoạch khoảng 115ha (trong đó khoảng 70ha quy hoạch đất nông nghiệp; 1,0ha quy hoạch đất nghĩa trang và khoảng 44ha quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản) tại xã Nghĩa Trung thành công nghiệp.

1.3. Vị trí 3: Tại xã Trung Sơn, huyện Việt Yên.

a) Lý do điều chỉnh:

Vị trí trên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 cho công ty TNHH Đầu tư phát triển Bảo Chi; Ngày 09/01/2023, UBND tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện dự án); đồng thời giao UBND huyện Việt Yên có trách nhiệm rà soát điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Việt Yên làm cơ sở để chủ đầu tư tiến hành các thủ tục về chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, do đó việc đề xuất điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên là phù hợp, cần thiết. Việc điều chỉnh cơ bản tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh khoảng 2,03ha quy hoạch đất hỗn hợp tại thôn Dĩnh Sơn và thôn Sơn Hải, xã Trung Sơn thành đất công nghiệp.

2. Các nội dung khác của đồ án: Giữ nguyên theo Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24/01/2021; Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Xây dựng, UBND huyện Việt Yên chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các KCN tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

Số: 1757/KCN-QHXD

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Sở, ngành về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên (tỷ lệ 1/2000)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - UBND tỉnh Bắc Giang
- Sở xây dựng Bắc Giang

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở xây dựng tại văn bản số 3322/SXD-QHKT ngày 14/11/2022 về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của các Sở, ngành về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000, Ban quản lý các KCN tỉnh báo cáo và xin giải trình, làm rõ một số nội dung liên quan mà các Sở, ngành đã cho ý kiến đối với Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000, cụ thể như sau:

I) Ý kiến của Bộ CHQS tỉnh	**GIẢI TRÌNH**
1. Nhất trí với bố cục và nội dung của Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000). Để không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, trước khi thực hiện các dự án. Đề nghị SXD chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị tư vấn phối hợp với Bộ CHQS tỉnh và Ban CHQS huyện Việt Yên, Hiệp Hòa xác định cụ thể những vị trí liên quan đến quốc phòng, an ninh, không ảnh hưởng đến thế bố trí quốc phòng trên địa bàn tỉnh.	1. Tiếp thu ý kiến.
II) Ý kiến của Sở Công thương	
1. Thành phần hồ sơ và các chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất cơ bản đầy đủ và phù hợp	
2. Phần hiện trạng lưới điện cần đánh giá rõ lưới điện hiện trạng và phương án dịch chuyển hoàn trả lưới	2. Nội dung này sẽ được thể hiện ở bước triển khai lập dự án, sau quy hoạch.
3. Đối với đường dây 500kV, 200kV, 110kV cần đánh giá khoảng cách tĩnh không lưới điện so với cốt san nền có đảm bảo theo quy định tại nghị	3. Tiếp thu chỉnh sửa, tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án sẽ cụ thể hơn.

định 14/2014/NĐCP	
4. Phần tính toán tổng nhu cầu công suất cấp điện cho dự án cần tính toán theo nhu cầu thực tế đang cấp điện cho các khu công nghiệp	4. Tiếp thu chỉnh sửa căn cứ theo QCXDVN và nghiên cứu thực tế các khu công nghiệp đang cấp điện.
5. Lưới điện trung thế 22kV giao chéo với các đường dây trung thế 500kV, 200kV, 110kV cần xem xét hạ ngầm để đảm bảo khoảng cách.	5. Sẽ được cụ thể hóa tại bước thiết kế bản vẽ thi công.
III) Ý kiến của Công ty Điện Lực Bắc Giang	
1. Chưa có phương án cấp điện cho khu công nghiệp trong giai đoạn đầu khi chưa có Trạm biến áp 110kV Quy hoạch KCN Hòa Yên.	1. Trong giai đoạn đầu chưa có Trạm biến áp 110kV thì dự án dự án sẽ được tính toán đấu tạm thời vào đường dây trung thế 22kV hiện trạng, sẽ được triển khai khi thực hiện cụ thể dự án trong khu công nghiệp.
2. Với công suất tính toán Ptt=80.267kW thì Stt=68.673KVA là chưa phù hợp (Stt phải lớn hơn Ptt).	2. Tiếp thu chỉnh sửa
3. Chưa thể hiện các đường dây trung áp cấp điện cho khu công nghiệp.	3. Tư vấn thiết kế đã thể hiện các lộ cấp điện cho khu công nghiệp, sử dụng mạch hai và mạch 4 sử dụng cáp điện AC240 đi trên cột li tâm 20m (LT20D).
4. Trạm điện hiện đặt trong bãi đỗ xe là không phù hợp (phải đặt trong khu đất HTKT)	4. Tiếp thu chỉnh sửa
5. Đề nghị kiểm tra khoảng cách tĩnh không của các đường dây cao áp trong khu công nghiệp đảm bảo theo quy định, trường hợp không đạt phải có biện pháp xử lý.	5. Đã có giải pháp các điểm đường dây điện thấp cải tạo nâng cột để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định của ngành điện.
IV) Ý kiến của Sở Tài nguyên & Môi trường	
1. Bổ sung tài liệu lấy ý kiến cộng đồng	Tư vấn đã bổ sung
2. Rà soát khớp nối với các quy hoạch xung	Tư vấn đã làm rõ và xem xét

quanh và khoảng cách bảo vệ môi trường như: Đường đi cầu Hà Bắc 2, Đường tỉnh 398, phương án quy hoạch khu đô thị- dịch vụ lân cận, dự án xử lý rác thải của huyện Hiệp Hòa. Làm rõ trong khu vực quy hoạch có xã Trung Sơn, huyện Việt Yên hay không để đảm bảo sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất huyện Việt Yên.	khớp nối với các dự án xung quanh. Đồ án cũng đã nêu rõ có liên quan đến các xã Trung Sơn, Tiên Sơn, Hương Mai thuộc huyện Việt Yên.
3. Chỉnh sửa thống nhất các căn cứ pháp lý về môi trường hiện hành. Đánh giá kỹ tác động môi trường xã hội do trong khu vực có nhiều dự án khác đã và đang triển khai thực hiện sẽ gây ảnh hưởng lớn đến đời sống sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong khu vực nhất là vấn đề sinh kế; rà soát hiện trạng sử dụng đất để xcacs định chính xác ranh giới KCN nhằm hạn chế thu hồi đất ở của người dân xung quanh và các dự án đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận trong khu vực để tránh khó khăn khi giải phóng mặt bằng.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
4. Bổ sung giải pháp quy hoạch khi di dời mộ trong khu vực, hoàn trả đường giao thông, kênh mương khi thực hiện đồ án và các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân nằm ngoài đồ án khi chưa thực hiện các quy hoạch xung quanh.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
V) Ý kiến của Sở Giao thông vận tải	
1. Căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung căn cứ: Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng; các quy định của UBND tỉnh về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.	Đã tiếp thu và bổ sung
2. Bổ sung nghiên cứu, cập nhật trong thuyết minh căn cứ lập quy hoạch các nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng phát triển vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, trong đó phạm vi quy hoạch của đồ án đã có điều chỉnh tại hồ sơ quy hoạch kèm theo QĐ số	Đã tiếp thu và bổ sung

1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh.	
3. Về quy mô mặt cắt quy hoạch giao thông, đề nghị rà soát đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng phát triển vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 được điều chỉnh cục bộ kèm theo QĐ số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh, trong đó:	Cập nhật văn bản mới nhất theo QĐ số 499/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án cắm mốc lộ giới các tuyến đường giao thông theo QH tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2025
4. Quy mô mặt cắt 5-5 (B=84,5m) tuyến ĐT 398B của đồ án chưa phù hợp với quy mô mặt cắt 3-3 (B=36m) tại QĐ số 1247/QĐ-UBND.	Quy mô cập nhật theo QĐ số 499/QĐ-UBND ngày 25/5/2022
Hướng tuyến và quy mô mặt cắt 2-2 trục chính (B=45m) chưa phù hợp với quy mô mặt cắt 3-3 (B=36m) tại QĐ số 1247/QĐ-UBND.	Quy mô m/c 2-2 là mặt cắt nội bộ trong khu công nghiệp nên không phải theo QĐ số 1247/QĐ-UBND
5. Về các điểm đấu nối với ĐT 398 (VĐ IV): Hiện đồ án đang thực hiện đấu nối tại 04 vị trí (02 vị trí đấu nối dạng đảo xuyến tại các điểm tọa độ (1) và (9); và 02 vị trí đấu nối các tuyến thuộc mặt cắt 6-6 và tại điểm tọa độ (8), để đảm bảo ATGT, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh các nội dung sau:	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
6. Điều chỉnh thiết kế đấu nối trong đó chỉ đấu nối trực tiếp với ĐT 398 (VĐ IV) tại 02 vị trí đấu nối dạng đảo xuyến theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên tại các điểm tọa độ (1) và (2).	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
7. 02 vị trí đấu nối các tuyến thuộc mặt cắt 6-6 tại điểm tọa độ (8) đề nghị không thực hiện đấu nối trực tiếp, chỉ đấu nối vào hệ thống đường gom khu công nghiệp chạy dọc theo ĐT 398 (VĐ IV).	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
8. Về các điểm đấu nối với ĐT 398B (đi cầu Hà Bắc 2): Hiện đồ án đang thực hiện đấu nối tại	Đã tiếp thu và chỉnh sửa

04 vị trí. Để đảm bảo ATGT, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đề nghị điều chỉnh giảm vị trí đấu nối trực tiếp, thực hiện đấu nối theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên. Nghiên cứu chỉ đấu nối vào hệ thống đường gom chạy dọc theo ĐT 398B (đi cầu Hà Bắc 2).	
9. Về quy hoạch Bãi đỗ xe: Đồ án đang bố trí 01 vị trí quy hoạch bãi đỗ xe; đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm 01 bãi tại khu vực phía Nam (phía cầu Hà Bắc 2) phục vụ nhu cầu đỗ xe và đưa đón công nhân.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
10. Hiện nay tuyến đường ĐT 398 (VĐ4) và ĐT 398B (đoạn tuyến nhánh đường vành đai IV và đoạn đường dẫn cầu Hà Bắc) đã được đầu tư xây dựng, đề nghị đơn vị tư vấn và chủ đầu tư xác định rõ chỉ giới, hướng tuyến và cao độ quy hoạch theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên (điều chỉnh cục bộ) làm cơ sở xác định phạm vi và cao độ quy hoạch của đồ án	Đơn vị tư vấn đã xác định rõ chỉ giới, hướng tuyến và cao độ tuyến nhánh đường vành đai IV và đoạn đường dẫn cầu Hà Bắc
VI) UBND huyện Việt Yên	
1. Về sự phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219 ngày 17/02/2022:	Vị trí thực hiện lập đồ án đang được quy hoạch là đất công nghiệp (Phụ lục VIII: Quy hoạch phát triển khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030).
2. Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên đã được phê duyệt tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang:	Vị trí thực hiện lập đồ án đang được quy hoạch là đất công nghiệp
3. Về sự phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 đã được phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang:	Trên địa bàn huyện Việt Yên, vị trí lập quy hoạch đồ án có một phần quy hoạch đất công nghiệp còn lại là quy hoạch đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất mặt

	nước, đất ở làng xóm, đất đường giao thông. Tuy nhiên, hiện nay vị trí nêu trên đang được UBND huyện Việt Yên đề nghị điều chỉnh cục bộ, điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung.
4. Về sự phù hợp của hồ sơ quy hoạch với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành:	Cơ bản tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.
5. Tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Các số liệu trong "Bảng chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ số kỹ thuật" sai khác với bản đồ và thuyết minh đồ án.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa
6. Tại bản đồ quy hoạch hạ tầng giao thông, chỉ giới đường đỏ chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: Mặt cắt 1-1 (vành đai IV) chưa phù hợp với mặt cắt tuyến đường theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đã được điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.	Quy mô cập nhật theo QĐ số 499/QĐ-UBND ngày 25/5/2022
VII) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (tại Văn bản số 618/SNN-TL ngày 09/4/2021)	
1. Trong bản đồ khảo sát, lập Quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên với diện tích khoảng 436 ha, nằm trên địa bàn xã Đông Lỗ huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn huyện Việt Yên chưa thể hiện được các vị trí hiện trạng 02 trạm bơm tưới, tiêu và hệ thống kênh mương nằm trong quy hoạch, cụ thể: - Trạm bơm Trúc Núi: Gồm 10 tổ máy bơm (04 tổ máy công suất 8.000 m^3/h và 06 tổ máy công suất 1.200 m3 /h); kênh tưới chính dài 2,3 km, kênh tiêu dài 4,4 km; phục vụ tưới, tiêu cho các xã Tiên sơn, Trung Sơn, Ninh Sơn, Quảng Minh huyện Việt Yên với diện tích thiết kế 1.425 ha;	- 02 trạm bơm tưới tiêu nằm ngoài ranh giới khảo sát của dự án. Cách dự án bán kính từ 1-2km. Chi tiết trạm bơm đã được thể hiện trong đồ án Quy hoạch chung của huyện Việt Yên. Khu vực lập dự án đang chỉ là một phân khu nhỏ của đồ án Quy hoạch chung huyện Việt Yên, Hiệp Hòa.

- Trạm bơm Việt Hòa: Gồm 10 tổ máy bơm công suất 980 m^3/h; kênh tưới chính dài 4,54 km, kênh tiêu dài 2,4 km; phục vụ tưới, tiêu cho các xã Tiên sơn, Trung Sơn huyện Việt Yên và xã Đông Lỗ Hiệp hòa với diện tích thiết 2.365 ha.	
2. Bổ sung vào bản đồ Quy hoạch vị trí hiện trạng các trạm bơm và hệ thống kênh mương tưới, tiêu (thể hiện rõ tên, phạm vi của từng công trình thủy lợi) nằm trong phạm vi Quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên;	-Tư vấn tiếp thu và chỉnh sửa. Hệ thống kênh tưới qua khu công nghiệp Hòa Yên do trạm bơm Việt Hòa cung cấp nước sẽ được hoàn trả chạy giáp ranh giới phía Đông Nam của KCN. Tư vấn kết hợp bản đồ thoát nước mưa và hệ thống kênh mương trong một bản vẽ.
3. Bổ sung chi tiết các nội dung quy hoạch lại vị trí trạm bơm và các tuyến kênh mương tưới, tiêu và quy mô các công trình để kịp thời triển khai thi công xây dựng lại cùng với thi công xây dựng KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên, nhằm đáp ứng yêu cầu cấp nước, tưới nước và tiêu thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và Khu công nghiệp trên địa bàn.	Khu vực dự án không ảnh hưởng đến trạm bơm Việt Hòa và Trúc Núi. Chỉ cần đấu hoàn trả lại tuyến kênh tưới do trạm bơm Việt Hòa cung cấp.
4. Khu vực quy hoạch KCN - Đô thị - Dịch vụ Hoà Yên nằm trên địa bàn xã Đông Lỗ huyện Hiệp Hoà và xã Tiên Sơn huyện Việt Yên nằm trong vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng theo Quyết định 1733/QĐUBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt kết quả xây dựng Bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đề nghị chủ đầu tư xem xét, rà soát những vị trí đất chiếm chỗ của dự án, đảm bảo hạn chế tối đa việc	Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến

lấn chiếm vùng sản xuất nông sản chủ lực.	

Trên đây là nội dung tiếp thu giải trình, làm rõ ý kiến của các Sở, ngành Trung ương về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000. Ban quản lý các KCN trân trọng đề nghị Sở Xây dựng thẩm định, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và lấy ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định trước khi phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- PCT UBND tỉnh Lê Ô Pích (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QHXD.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Đào Xuân Cường

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
Số: 1756/KCN-QHXD
V/v tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên (tỷ lệ 1/2000)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - UBND tỉnh Bắc Giang
- Sở xây dựng Bắc Giang

Ban quản lý các KCN tỉnh báo cáo và xin giải trình, làm rõ một số nội dung liên quan mà các Bộ, ngành đã cho ý kiến đối với Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000, cụ thể như sau:

I) Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Văn bản số 2527/BKHĐT-QLKKT ngày 03/4/2023)	**GIẢI TRÌNH**
1. Về vị trí, diện tích, tính chất KCN Đề nghị Quý Ủy ban rà soát đảm bảo quy mô diện tích, vị trí, ranh giới lập Đồ án phù hợp với quy mô diện tích, vị trí, ranh giới của KCN Hòa Yên được xác định trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022.	1. Quy mô diện tích, vị trí, ranh giới lập Đồ án đã phù hợp với quy mô diện tích, vị trí, ranh giới của KCN Hòa Yên được xác định trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022.
2. Bổ sung định hướng thu hút đầu tư vào KCN Hòa Yên trên cơ sở phương hướng phát triển các ngành lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang và Nghị quyết số 500-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; xác định mối quan hệ giữa KCN Hòa Yên với KCN- đô thị- dịch vụ Hòa Yên trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang, từ	Đồ án đã nêu tại mục "Tính chất của KCN: Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí,

đó có phương án lập quy hoạch xây dựng phù hợp.	sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ…
3. Về hiện trạng sử dụng đất khu vực lập đồ án. Theo trích lục bản đồ địa chính dự án do Trung tâm lưu trữ và Phát triển quỹ đất Sở Tài nguyên Môi trường Bắc Giang trích lục, trong phạm vi đồ án có khoảng 90,6ha đất trồng lúa 2 vụ, Đề nghị lưu ý diện tích đất trồng lúa 2 vụ được xác định là cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 và điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.	Theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định với KCN có diện tích trồng lúa 100ha trở lên. Phạm vi đồ án có khoảng 90,6ha đất lúa.
4. Trong khu vực lập đồ án có các đường cao thế 110kV, 220kV và 500kV chạy qua. Do đó đề nghị rà soát đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định.	Đồ án đã nghiên cứu nâng cấp các tuyến đường cao thế 110kV, 220kV và 500kV chạy qua khu vực đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định (thể hiện tại bản vẽ mặt bằng cấp điện 22kV).
5. Do xung quanh đồ án có dân cư sinh sống, đề nghị rà soát đảm bảo án toàn, có dải cách ly theo tiêu chuẩn.	Đồ án đã nghiên cứu đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đến khu vực có dân cư sinh sống đảm bảo quy định tối thiểu 50m.
6. Bố trí đất công nghiệp cho các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP	Đồ án đã quy hoạch đất dành cho nhà máy công nghiệp vừa và nhỏ tại lô đất CN4.
7. Do vị trí lập đồ án nằm trên điểm giao cắt giữa 2 trục tỉnh lộ 398 và 398B, đề nghị Quý Ủy ban yêu cầu nhà đầu tư trong quá	Đồ án đã nghiên cứu thống nhất với các cơ quan liên quan đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 3

trình triển khai tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ; thống nhất với các cơ quan liên quan về phương án kết nối hạ tầng giao thông của KCN với các tuyến đường giao thông; rà soát đánh giá quy mô tuyến kết nối, phương án giao cắt với DDT398 và 398B đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, khai thác an toàn, thuận lợi; rà soát quy mô các yếu tố kỹ thuật của hệ thống đường nội bộ để đảm bảo đáp ứng về lưu lượng xe dự báo lưu thông trong KCN.	Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ, phương án giao cắt với ĐT398 và 398B đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, khai thác an toàn, thuận lợi; rà soát quy mô các yếu tố kỹ thuật của hệ thống đường nội bộ để đảm bảo đáp ứng về lưu lượng xe dự báo.
8. Về việc quy hoạch các công trình nhà ở, xã hội và văn hóa thể thao cho người lao động. Theo dự báo khi KCN đi vào hoạt động ổn định sẽ có khoảng 44.000 lao động. Đề nghị nghiên cứu dự báo nhu cầu nhà ở của người lao động trong KCN để có phương án phát triển nhà ở xã hội và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng theo quy định.	Đồ án tuân thủ theo quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt. Trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang, cạnh KCN Hòa Yên là Khu đô thị dịch vụ đảm bảo nhu cầu nhà ở và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động.
II) Ý kiến của Bộ Xây dựng (tại Văn bản số 1356/BXD-QHKT ngày 10/4/2023)	
1. Rà soát đảm bảo phạm vi lập đồ án phù hợp với vị trí được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên.	Phạm vi lập đồ án đã phù hợp với vị trí được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên.
2. Rà soát bổ sung căn cứ pháp lý lập quy hoạch: Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Đồ án đã bổ sung căn cứ pháp lý lập quy hoạch: Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại mục: 1.2.1. Căn cứ pháp lý
3. Rà soát đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch đầy đủ số liệu theo quy định. Nội dung đồ án đảm bảo phù hợp định hướng tại	Đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch đã đầy đủ số liệu theo quy định. Nội dung đồ án đã đảm

Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên.	bảo phù hợp định hướng tại Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên.
4. Lưu ý đất giao thông và cây xanh đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 10% diện tích toàn khu, không bao gồm đất giao thông, cây xanh trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất, đảm bảo yêu cầu khoảng cách an toàn môi trường theo quy định.	Tỷ lệ đất giao thông và cây xanh đã đảm bảo Quy chuẩn hiện hành. Các lô đất nhà máy công nghiệp đã đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu 50m theo quy định.
5. Bố trí công trình dịch vụ đảm bảo đúng chức năng phục vụ cho KCN. Rà soát quy hoạch hệ thống HTKT đảm bảo kết nối đồng bộ hệ thống HTKT chung, trong và ngoài KCN.	Công trình dịch vụ được quy hoạch với chức năng: "Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ; trạm y tế, đội phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa – thể thao", được nêu tại mục: "4.1.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan".
6. Việc tài trợ kinh phí lập quy hoạch, lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải được thực hiện đúng quy định pháp luật.	Việc tài trợ kinh phí lập quy hoạch, lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đã được thực hiện theo quy định.

Trên đây là nội dung tiếp thu giải trình, làm rõ ý kiến của các Sở, ngành Trung ương về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Lê Ô Pích (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QHXD.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Bạo Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1033 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu Công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 214/TTr-SXD ngày 13/9/2023 kèm theo Báo cáo số 406/BC-SXD ngày 13/9/2023; Ban quản lý các KCN tại Tờ trình số 113/TTr-KCN ngày 08/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu Công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000), với các nội dung chính như sau:

1. Lý do điều chỉnh

Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/5/2022. Ngay sau khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế triển khai lập quy hoạch và hoàn thiện các thủ tục để trình phê duyệt theo quy định. Đồ án đã được Sở Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định ngày 11/11/2022 và đã đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung. Sau khi tiếp thu ý kiến của Hội nghị thẩm định, ngày 16/3/2023, UBND tỉnh đã có Công văn số 1133/UBND-XD về việc xin ý kiến các Bộ có liên quan về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000). Trên cơ sở ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1356/BXD-QHKT ngày 10/4/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2527/BKHĐT-QLKKT ngày 03/4/2023, Ban Quản lý các KCN tỉnh đã tiếp thu, giải trình hoàn thiện đồ án. Tuy nhiên, trong thời gian lấy ý kiến các Bộ, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt theo quy định, đến nay thời gian thực hiện lập đồ án theo nhiệm vụ được phê duyệt đã hết. Để tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện, cần thiết phải điều chỉnh thời gian hoàn thành đồ án để đảm bảo theo đúng quy định. Do vậy, việc điều chỉnh nhiệm vụ để gia hạn thời gian thực hiện đồ án là cần thiết.

2. Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh thời gian hoàn thành đồ án quy hoạch thêm 90 ngày kể từ thời điểm nhiệm vụ điều chỉnh được phê duyệt.

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh.

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Lê Ô Pích

TỈNH ỦY BẮC GIANG * Số 1952 -TB/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Bắc Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2023*

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

về quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000

Ngày 01/10/2023, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức giao ban theo Quy chế làm việc. Sau khi nghe đồng chí Trưởng Ban Quản lý các KCN tỉnh thừa ủy quyền của đồng chí Bí thư Ban cán sự đảng, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến về Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000 *(tại Tờ trình số 1703-TTr/BCSĐ ngày 28/9/2023)*; Thường trực Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí chủ trương Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000 theo báo cáo của Ban cán sự đảng UBND tỉnh.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tiếp thu các ý kiến tham gia hoàn thiện hồ sơ đồ án, trình HĐND tỉnh theo quy định. Trong đó lưu ý: Rà soát, tính toán kỹ cao độ san nền, hệ số tiêu thoát nước để có phương án quy hoạch thoát nước phù hợp; các nội dung ngoài phạm vi đồ án quy hoạch thì phải có đề xuất cụ thể *(như: việc cải tạo, nâng cấp trạm bơm Việt Hòa; mở rộng quy mô các cống để bảo đảm khả năng thoát nước cả khu vực ...)*.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- UBND tỉnh,
- Ban Quản lý các KCN tỉnh,
- Sở Xây dựng,
- VPTU: LĐVP, KTXH, TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TỈNH ỦY BẮC GIANG

Tỉnh ủy Bắc Giang
02/10/2023 07:57:22

Lê Minh Hoàng

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

Số: 2054 /KCN-QHXD
V/v quá trình triển khai thực hiện lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Thường trực HĐND tỉnh Bắc Giang;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

Để phục vụ công tác thẩm tra và thông qua dự thảo Nghị quyết về Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 tại Kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh báo cáo một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000

Công nghiệp tỉnh Bắc Giang trong những năm gần đây có tốc độ tăng trưởng nhanh và đang diễn ra mạnh mẽ ở các huyện gần thủ đô Hà Nội. Lũy kế đến nay, tỉnh Bắc Giang được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận quy hoạch phát triển các KCN đến năm 2030 có 29 KCN với tổng diện tích đất khoảng 7.000ha. Đã có 08 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1.967,37ha, tổng diện tích đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ khoảng 1.397,21ha (đất công nghiệp 1.368,43ha, đất hành chính dịch vụ 28,78ha); diện tích đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ đã cho thuê lại khoảng 1.037,67ha, tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt khoảng 76,23%. Cụ thể:

- 06 KCN đã xây dựng cơ bản xong hạ tầng KCN: 03 KCN đã lấp đầy 100% (Đình Trám, Song Khê - Nội Hoàng, Vân Trung); KCN Hòa Phú đã lấp đầy 89,1%; KCN Việt Hàn đã lấp đầy 91,92%; KCN Quang Châu đã lấp đầy 95,96%.

- 02 KCN đang xây dựng hạ tầng: KCN Tân Hưng đã lấp đầy 73,72%; KCN Yên Lư đã lấp đầy 4,37%.

- 01 KCN mở rộng đang thực hiện GPMB: KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1 (diện tích 85ha).

- Các KCN còn lại có trong quy hoạch tỉnh: Đang lập, trình phê duyệt hồ sơ quy hoạch xây dựng, đồng thời lập hồ sơ chủ trương đầu tư dự án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận khi đủ điều kiện theo quy định.

Theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bắc Giang sẽ có 29 KCN với tổng diện tích khoảng 7.000 ha. Nhằm tạo thêm quỹ đất công nghiệp để thu hút đầu tư, việc UBND tỉnh giao Ban quản lý các KCN tỉnh triển khai lập Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa

Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 là cần thiết để có cơ sở tiến hành các thủ tục thành lập, chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Khoản 4, Điều 34, Luật Xây dựng 2014 quy định: *"Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt"*.

Từ các căn cứ và thực tiễn trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục:

Đồ án Quy hoạch được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; đã được Sở Xây dựng thẩm định và được UBND tỉnh thông qua, được Thường trực Tỉnh ủy nhất trí chủ trương tại Văn bản số 1952/TB/TU ngày 01/10/2023.

Thể thức văn bản của Dự thảo Nghị quyết đã được thực hiện theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

3. Về Đồ án quy hoạch và một số nội dung chủ yếu:

- Đồ án Quy hoạch được lập với tổng diện tích lập quy hoạch là 256,68ha. thuộc địa giới hành chính xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn- xã Trung Sơn- xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Công tác tổ chức lập đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành trung ương và địa phương, đến nay đồ án đã cơ bản hoàn thành.

Bảng thống kê tổng hợp sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất				
STT	**Chức năng**	**Kí hiệu**	**Diện tích** (ha)	**Tỷ lệ** (%)
I	**Diện tích khu công nghiệp**		256,68	**100,0**
1	Đất nhà máy công nghiệp	CN	156,82	61,10
2	Đất cây xanh	CX	28,74	11,20
3	Đất mặt nước	MN	5,67	2,21
4	Đất dịch vụ	DV	5,57	2,17
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4,13	1,61
6	Bãi xe	P	2,71	1,06
7	Đất giao thông, HKT khác		53,04	20,66
	Tổng		256,68	**100,0**

- Sự phù hợp với quy chuẩn quốc gia về xây dựng: Các tỷ lệ cơ cấu đất

giao thông, đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật và khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu công nghiệp tại đồ án cơ bản đáp ứng quy định về sử dụng đất tại mục 2.5.3 quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01: 2021/BXD) ban hành kèm theo thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Về kết nối của Khu công nghiệp với các tuyến đường giao thông (DDT và ĐT398B): đảm bảo theo quy định.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: Giao thông, thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, vệ sinh môi trường, vv... được nghiên cứu, đề xuất phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của hạ tầng công nghiệp, đủ đáp ứng nhu cầu phát triển.

4. Sự phù hợp về mục tiêu và quy hoạch, kế hoạch có liên quan

Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; Phù hợp với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 đã được phê duyệt tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022; Phù hợp với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 đã được phê duyệt tại Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 22/8/2023.

5. Quá trình lập quy hoạch

Trong quá trình lập Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với UBND xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn- xã Trung Sơn- xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tổ chức niêm yết công khai Hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại các xã về Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 từ ngày 08/7/2022 đến ngày 18/8/2022.

Ban quản lý các khu công nghiệp cũng đã phối hợp với xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Hương Mai- xã Tiên Sơn- xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tổ chức hội nghị xin ý kiến cộng đồng dân cư vào các ngày 14/7/2022, ngày 08/7/2022, ngày 11/7/2022, ngày 12/7/2022 (Biên bản hội nghị kèm theo hồ sơ đồ án). Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 đã tiếp thu, giải trình các ý kiến tại hội nghị tại Báo cáo số 241/BC-KCN ngày 31/10/2022 về việc tổng hợp kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư về Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 đã tiếp thu, giải trình các ý kiến của hội đồng thẩm định Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 tại cuộc họp ngày 11/11/2022. Trên cơ sở ý kiến tham gia, Ban quản

lý các KCN tỉnh, đơn vị tư vấn tiếp thu, giải trình và hoàn thiện đồ án Quy hoạch trình Sở xây dựng thẩm định. Sở xây dựng đã có Báo cáo thẩm định số 391/BC-SXD ngày 29/8/2023 trình UBND tỉnh xem xét thông qua.

Ngày 16/3/2023, UBND tỉnh có Văn bản số 1133/UBND-XD xin ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000; Các Bộ đã có ý kiến: Văn bản số 1356/BXD-QHKT ngày 10/4/2023 của Bộ Xây dựng; văn bản số 2527/BKHĐT-QLKKT ngày 15/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trên cơ sở ý kiến tham gia, Ban quản lý các KCN tỉnh, đơn vị tư vấn tiếp thu, giải trình hoàn thiện đồ án Quy hoạch trình Sở Xây dựng thẩm định. Sở Xây dựng đã có Báo cáo thẩm định số 442/BC-SXD ngày 26/9/2023; được UBND tỉnh thông qua bằng hình thức lấy ý kiến của các thành viên.

Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 được Thường trực Tỉnh ủy nhất trí chủ trương tại Văn bản số 1952-TB/TU ngày 01/10/2023.

Như vậy, về trình tự thủ tục của Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban quản lý các KCN tỉnh về quá trình thực hiện Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

Ban quản lý các KCN kính đề nghị UBND tỉnh xem xét và chuẩn bị tờ trình, dự thảo nghị quyết thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 để phục vụ công tác thẩm tra trước khi HĐND tỉnh thông qua.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- PCT UBND tỉnh Lê Ô Pích (b/c);
- PCT UBND tỉnh Phan Thế Tuấn (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QHXD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Như Long

UBND TỈNH BẮC GIANG **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 129 /TTr-KCN	*Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2023*

TỜ TRÌNH

V/v Đề nghị thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2000)

Kính gửi: - UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Xây dựng Bắc Giang

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; và các Luật sửa đổi: Luật số 03/2016/QH14, Luật số 38/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính Phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành " Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 24/03/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc đặt số hiệu đường tỉnh tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000); Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000);

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019, Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000);

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/05/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000); Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các văn bản hiện hành khác có liên quan;

Sau khi tiếp thu và chỉnh sửa các ý kiến tham gia đồ án quy hoạch tại Hội nghị thẩm định của Sở Xây dựng chủ trì ngày 11/11/2022, ý kiến tham gia của các Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi giao ban ngày 01/10/2023, ý kiến tại hội nghị thẩm định của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 09/10/2023; Đồ án đã tiếp thu ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1952-TB/TU ngày 01/10/2023, ý kiến tham gia của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tại Hội nghị ngày 09/10/2023. Ban Quản lý các KCN đề nghị Sở Xây dựng thẩm định báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000 tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Trung tâm quy hoạch xây dựng Bắc Giang lập với những nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết phải lập quy hoạch

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Theo đó đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang có 29 KCN với diện tích khoảng 7.000ha. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 08 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1.967,37ha, tổng diện tích đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ

khoảng 1.397,21ha (đất công nghiệp 1.368,43ha, đất hành chính dịch vụ 28,78ha); diện tích đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ đã cho thuê lại khoảng 1.037,67ha, tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt khoảng 76,23%, trong đó: Các KCN đang hoạt động không còn đất công nghiệp cho thuê; các KCN mới được chấp thuận Chủ trương đầu tư như: KCN Yên Lư (diện tích 377ha), KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1 (diện tích 85ha) đang tiến hành công tác Bồi thường GPMB và xây dựng hạ tầng KCN do vậy chưa có đất sạch để thu hút đầu tư. Quy hoạch xây dựng các KCN mới làm cơ sở để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng KCN tạo quỹ đất sạch thu hút các nhà đầu tư vào các KCN là cần thiết.

II. Quá trình lập quy hoạch

- Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang được Chủ tịch UBND tỉnh giao tiếp nhận kinh phí tài trợ từ doanh nghiệp và tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện khảo sát, lập quy hoạch tại Văn bản số 1247/UBND-XD ngày 25/03/2021;

- Trong quá trình lập Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2.000), Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, huyện Việt Yên tổ chức lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư trong khu vực quy hoạch, tổ chức niêm yết công khai đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN;

- Đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2.000) đã tiếp thu các ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định của Sở Xây dựng chủ trì tại cuộc họp thẩm định ngày 11/11/2022;

- Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2.000) đã tiếp thu các ý kiến tham gia của các Bộ tại các văn bản: 1356/BXD-QHKT ngày 10/04/2023 của Bộ Xây dựng và văn bản số 2527/BKHĐT-QLKKT ngày 03/04/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2.000) đã tiếp thu ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1952-TB/TU ngày 01/10/2023, ý kiến tham gia của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tại Hội nghị ngày 09/10/2023.

III. Thông tin chung Đồ án:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

2. Địa điểm quy hoạch: xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

3. Quy mô, diện tích:

- Tổng diện tích đất KCN khoảng 265,68 ha.

- Quy mô lao động dự kiến khoảng 44.000 lao động làm việc trong Khu công nghiệp.

4. Đơn vị lập Đồ án: Trung tâm quy hoạch xây dựng Bắc Giang.

IV. Các nội dung chính của Đồ án:

1. *Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:*

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000 thuộc địa giới hành chính xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thôn Đồng Quan;
- Phía Tây: Giáp đường TL398B và ruộng canh tác của xã Đông Lỗ;
- Phía Nam: Giáp đường TL398 và ruộng canh tác của xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn và xã Hương Mai;
- Phía Bắc: Giáp thôn Ấp Hồng, xã Đông Lỗ; thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai.

2. Tính chất KCN:

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường.

Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ…

3. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa các đồ án định hướng phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đồ án điều chỉnh cục bộ QHC đô thị Hiệp Hòa, điều chỉnh cục bộ QHC đô thị Việt Yên đã được phê duyệt.
- Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, sử dụng đất của địa phương;
- Tạo ra một KCN được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các hoạt động giao thương của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất trong KCN;
- Đáp ứng nhu cầu mặt bằng về sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp trong và ngoài nước;
- Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp của huyện Hiệp Hòa nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung; Góp phần nâng cao đời sống và giải quyết việc làm cho người dân trong khu vực; Tạo động lực phát triển kinh tế - xã

hội của địa phương và tỉnh Bắc Giang.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất					
STT	**Chức năng**	**Kí hiệu**	**Diện tích** (ha)	**Tỷ lệ** (%)	
				KCN Hòa Yên	QCVN 01:2021/BXD
I	**Diện tích khu công nghiệp**		256,68	**100,0**	
1	Đất nhà máy công nghiệp	CN	156,82	61,10	
2	Đất cây xanh	CX	26,99	10,52	≥10
3	Đất mặt nước	MN	7,34	2,86	
4	Đất dịch vụ	DV	5,57	2,17	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4,13	1,61	≥1
6	Bãi xe	P	2,71	1,06	
7	Đất giao thông, HKT khác		53,12	20,70	≥10
	Tổng		256,68	**100,0**	

5. Tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc

5.1. Đất công nghiệp: Đất xây dựng các nhà máy, kho tàng và đất xây dựng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Quy mô: 156,82 ha (chiếm 61,10%) tổng diện tích Khu công nghiệp. Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp. Các lô đất được quy hoạch thành các nhóm ngành sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và dây chuyền sản xuất có hàm lượng công nghệ cao. Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng 70%. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

- Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật... tại lô đất CN3, CN4 với tổng diện tích 8,57ha.

5.2. Khu dịch vụ

- Quy mô: 5,57 ha, chiếm 2,17% tổng diện tích Khu công nghiệp.

- Gồm 2 khu DV1 và DV2, bố trí tại phía đầu lối vào phía Nam và phía Tây KCN và được dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ; trạm y tế, đội phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa – thể thao... Tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng

50%.

5.3. Khu vực hạ tầng kỹ thuật (Diện tích: 4,13ha, chiếm 1,61%).

- Trong đó Khu Trạm cấp nước bao gồm Trạm xử nước cấp và trạm bơm + bể chứa có diện tích 2,03ha; Khu Trạm xử lý nước thải diện tích 1,59 ha; khu trạm biến áp 0,51ha (đảm bảo chỉ tiêu QCVN 01:2021). Tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Bố trí dải cây xanh cách ly tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (có bố trí trạm xử lý nước thải) theo quy định.

5.4. Bãi đỗ xe (diện tích 2,71ha, chiếm 1,06%):

- Bãi đỗ xe được chia làm 3 bãi ở phía Tây Nam, phía Đông Nam và Đông Bắc, phân bố tại các khu vực phù hợp đáp ứng các yêu cầu đậu xe và an toàn lưu thông. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

5.5. Khu cây xanh, mặt nước (Diện tích 34,33 ha chiếm 13,37%).

- Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xem trong khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 26,99ha, chiếm tỷ lệ 10,52% tổng diện tích. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại những khu vực không thuận lợi cho việc xây dựng các nhà máy, và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi trường KCN thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối da 5%.

- Mặt nước trong phạm vi khu công nghiệp có tổng diện tích 7,34ha, chiếm 2,86% tổng diện tích, gồm chủ yếu là mặt nước kênh điều hòa.

5.6. Hệ thống giao thông và HTKT khác (diện tích 53,12ha, chiếm 20,7%).

- Giao thông trục chính của khu công nghiệp bề rộng 42-45m theo hướng Đông Bắc – Tây Nam nối khu công nghiệp với trục giao thông đối ngoại bên ngoài, tuyến đường này đảm bảo cho một lượng xe lớn lưu thông.

- Các tuyến đường phân lô chính của khu công nghiệp và tuyến đường phân lô nhánh liên kết các khu chức năng.

- Nút giao giữa đường trục chính với tuyến đường giao thông đối ngoại (đường tỉnh 398) là nút giao đồng mức, giúp KCN dễ dàng kết nối ra bên ngoài.

- Khoảng lùi xây dựng: Trong mỗi lô đất xây dựng công trình phải bố trí khoảng lùi xây dựng tối thiểu từ 3,5m đến 6m (phía giáp đường giao thông tối thiểu 6m, các vị trí còn lại tối thiểu 3,5m).

6. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

6.1. Hệ thống giao thông

Mạng lưới đường của khu công nghiệp được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong khu công nghiệp, có quy mô các tuyến đường chính như sau:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường tỉnh 398: Mặt cắt rộng 88-106m;

+ Đường tỉnh 398B: Mặt cắt rộng 84,5m.

- Giao thông trong khu công nghiệp:

+ Mặt cắt (2-2) và (2A-2A) rộng 42-45m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x15m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m, bên còn lại rộng 3m-6m, dải phân cách giữa rộng 3m.

+ Mặt cắt (3-3) rộng 64m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3A-3A) rộng 61m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3B-3B) rộng 66,6-81,6m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa làm mương rộng từ 31,6-46,6m và có hè mỗi bên rộng 1m;

+ Mặt cắt (4-4) và (4A-4A) rộng 41m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x10,5m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 8m;

+ Mặt cắt (6-6) rộng 21-24m, trong đó lòng đường rộng 12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

+ Mặt cắt (7-7) rộng 11-20m, trong đó lòng đường rộng 8m; hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

- Vịnh dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 400m đến 700m bố trí một điểm vịnh dừng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), đảm bảo an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

6.2. Giải pháp san nền

- Cao độ hiện trạng khu vực quy hoạch chủ yếu là ruộng canh tác nông nghiệp có địa hình tương đối bằng phẳng. Hướng thoát nước chủ yếu về phía mặt nước thấp trũng hiện trạng.

- Cao độ san nền dựa vào cao độ các tuyến đường TL398 (vành đai 4), đường đi cầu Hà Bắc 2, đường bê tông qua khu dân cư hiện trạng và dân cư xung quanh đồ án.

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch.

- Cốt san nền thấp nhất là +6.50(m); cốt san nền cao nhất là +7.65(m).

6.3. Phương án thoát nước mưa

- Thoát nước mưa được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu dự án sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua bên kia đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu. Diện tích tiêu dự án vào khu vực này khoảng. Diện tích thu nước vào khu vực lập quy hoạch khoảng F = 158 ha.

+ Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực lập quy hoạch sau đó đổ về phía Nam và thoát vào kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa. Diện tích lưu vực thu nước vào khu vực lập quy hoạch khoảng F=112 ha. Công suất hiện tại của trạm bơm Việt hòa Qht= 9.800m3/h. Công suất theo quy hoạch nâng cấp Qqh=12.000m3/h.

- Trong khu công nghiệp thiết kế các vị trí kênh hở tiêu nước, mục đích để đấu nối hạ tầng thoát nước mưa được thuận lợi hơn, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất.
- Bề rộng kênh tiêu hở đồ án có bề rộng từ 6-8m. Chi tiết được trình bày trong việc tính toán thủy lực thoát nước mưa.
- Hoàn trả tuyến mương tưới được lấy nước từ trạm bơm Việt Hòa, mương tưới có bề rộng mặt đỉnh thiết kế bằng với bề rộng đỉnh mặt mương hiện trạng là 5m, bề rộng hai bên đường tối thiểu 1.25m. Hành lang an toàn đối với mương có Q =2-10m3/s là từ 2-3m. Kết cấu mương tưới là kè đá hoặc kè tấm bê tông xi măng hai bên bờ (phương án thiết kế sẽ được làm việc cụ thể với bước dự án).
- Giải pháp kiến nghị: Do hệ thống đồ án quy hoạch nằm trong vùng trũng thu nước của 2 huyện Hiệp Hòa và Việt Yên, để giảm tải lưu lượng nước phía Bắc dồn vào khu vực lập quy hoạch trong khi hiện trạng chỉ có 1 cống qua đường tỉnh 398B phía Tây Bắc đồ án, kiến nghị xây dựng hệ thống mương đất có bề rộng 10m chảy dọc bên trái đường tỉnh 398B (hướng từ QL37 đi đường tỉnh 398) sau đó đấu vào vùng trũng của hệ thống tiêu Á Lữ; Do cống hiện trạng khẩu động bề rộng khoảng 12m chưa đảm bảo thoát nước lưu vực đồ án và khu vực xung quanh, kiến nghị nâng cấp lên cống có khẩu độ 7 khoang BxHxn = 3000x2500x7; Để thoát nước nhanh và không bị úng ngập sau khi khu công nghiệp hình thành, kiến nghị nâng cấp công suất trạm bơm Yên Ninh và trạm bơm Việt Hòa.
- Nước mưa trong các lô đất và trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác sau đó chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.
- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30 (m).
- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu i = 1/D.
- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận. Cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D600 – D2000 và các tuyến cống hộp bê tông cốt thép có khẩu độ 2B2000, 3B2000, BxH=2500x2000, BxH=2000x2000, BxHxn=3000x2500x7.

6.4. Phương án cấp nước

- Nguồn nước được lấy từ sông Cầu, do khu vực dự án chưa có hệ thống cấp nước sạch nên kiến nghị xây dựng trạm bơm lấy nước thô tại khu vực sông Cầu để bơm vào khu xử lý nước sạch của khu công nghiệp Hòa Yên.

- Vị trí trạm bơm nước thô nằm ở phía Nam ngoài dự án, cạnh khu vực sông Cầu. Tuyến ống bơm thô sẽ bám theo trục đường tỉnh 398.

- Công suất dự kiến trạm xử lý nước sạch là **Q = 24.400 m3/ng.đ**. Trạm xử lý nước sạch được đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) phía Đông Nam dự án. Nước sạch sau khi xử lý sẽ được bơm đi bằng cống HDPE dự kiến đường kính từ DN110- DN450.

- Nguồn nước dự phòng khi xảy ra sự cố được lấy theo quy hoạch chung huyện Việt Yên, có tuyến cống chạy dọc đường vành đai 4 (đường tỉnh 389). Hiện tại chưa đầu tư đến khu vực dự án. Đối với nguồn nước dự phòng theo quy hoạch chung huyện Việt Yên có đường kính ống từ D110 đến D160 không đủ cấp cho khu vực dự án khu công nghiệp. Vì vậy, đề nghị nâng cấp ống cấp nước tối thiểu DN450 để đảm bảo khả năng cấp nước cho khu công nghiệp.

- Lắp đặt mạng lưới cấp nước, căn cứ vào các tiêu chuẩn dùng nước xác định được đường kính ống lớn nhất là D450 và nhỏ nhất là D110, đường ống được dùng là ống nhựa HDPE PN10. Các tuyến ống cấp nước phân phối được lắp đặt phía trước nhà trên vỉa hè.

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo sơ đồ vòng kết hợp nhánh cụt xương cá.

- Đường ống đặt dưới vỉa hè sâu khoảng 0,5 m, qua đường khoảng 0,7m. Các vị trí ống qua đường cần có biện pháp bảo vệ ống đỡ như ống bọc thép hoặc bê tông phản áp.

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của khu dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất. Căn cứ vào quy chuẩn và tiêu chuẩn PCCC, đường kính ống cấp nước PCCC cho khu dự án là đướng kính ống từ ống HDPE-D110. Số đám cháy xảy ra đồng thời: 2 đám cháy, thời gian chữa cháy 3h, lưu lượng tại chỗ mỗi trụ theo TCVN 2622-1995 là Qcc= 100l/s. Hệ thống cấp nước chữa cháy của khu dự án, mạng áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại họng cứu hỏa. Họng cấp nước cứu hỏa được bố trí nằm trên đường ống cấp nước từ HDPE-D110. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100m - 150m/họng, theo TCVN 2622-1995. Đảm bảo bán kính phục vu không quá 150m.

6.5. Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải:

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Sử dụng các trạm bơm chuyển bậc để giảm chiều sâu hố ga cũng như chiều sâu đào đắp ống thoát nước thải.

- Nước thải từ các nhà máy phải đạt cột B trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của đồ án.

- Nước thải khu vực công nghiệp được thu nước từ các lô đất công nghiệp chảy về trạm xử lý nước thải dành cho công nghiệp nằm ở Tây dự án. Đường kính cống nước thải là D300-D500. Nước thải sau khi được xử lý đạt cột A sẽ được xả ra môi trường. Công suất dự kiến trạm xử lý nước thải công nghiệp Q = **18.000 m3/ng.đ** thuộc phần đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) trong khu vực lập quy hoạch.

- Vệ sinh môi trường:

Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp gồm 2 loại sau:

Loại 1: Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Loại 2: Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại mỗi khu vực sẽ bố trí các điểm trung chuyển CTR. Chất thải rắn sau khi được thu gom về các bãi tập kết chất thải chung của khu đô thị sẽ được chuyển đi xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn tập trung.

Dự kiến bố trí các thùng thu gom CTR bằng nhựa có nắp đậy để cạnh đường với cự ly nhỏ hơn 100m để tiện cho việc bỏ rác của công nhân viên.

6.6. Giải pháp cấp điện

- Với những vị trí điểm võng dây cực đại của các đường điện 110kV, 220kV, 500kV hiện trạng không đảm bảo tĩnh không theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính Phủ phải có phương án nâng chiều cao cột điện trong bước thực hiện dự án.

- Nguồn cấp điện: Toàn bộ dự án sẽ được đấu nối vào xuất tuyến đường điện 22kV sau Trạm biến áp 110kV Hòa Yên được quy hoạch xây dựng mới có công suất 3x63MVA. Trong giai đoạn đầu khi chưa có trạm biến áp 110kV Hòa Yên xây dựng mới, dự án sẽ được đấu nối tạm thời vào tuyến đường điện 22kV hiện trạng cắt qua dự án.

- Lưới điện 110kV: Khu công nghiệp Hòa Yên sẽ xây dựng mới 1 trạm biến áp 110kV có công suất là 3x63MVA tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3), điểm đấu cấp nguồn điện 110kV sẽ được đấu vào đường dây trên không 110kV hiện trạng cắt qua khu vực dự án.

- Lưới điện 22kV: Lưới điện trung thế phân phối điện cho khu công nghiệp

là lưới điện có cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV, đầu tư xây dựng mạng cáp ngầm có kết cấu theo dạng mạchvòng kết hợp mạch hình tia cấp điện, cáp điện đi ngầm tiết diện cáp ≥ 240mm2. Toàn bộ mạng cáp trung thế luồn trong ống HPDE chôn trực tiếp trong đất. Cáp được đặt trong đất đặt ở độ sâu đảm bảo theo quy phạm an toàn điện. Dự kiến xây dựng các mạch cáp ngầm 22kV từ trạm điện 110kV Hòa Yên xây dựng mới cấp điện cho các phụ tải điện của khu công nghiệp. Hệ thống điện được thiết kế theo kiểu mạch vòng kín, vận hành hở. Số lượng các mạch cáp ngầm 22kV có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng thực tế của các nhà đầu tư thứ cấp.

- Trạm biến áp 22/0,4kV trong khu quy hoạch: Dự kiến bố trí 6 trạm biến áp 22/0,4kV (có công suất máy biến áp T1-250kVA, T2-250kVA, T3-250kVA, T4-250kVA, T5-250kVA, T6-250kVA) trong ranh giới quy hoạch để cấp điện cho các khu nhà điều hành, hạ tầng kỹ thuật và chiếu sáng đường.

- Lưới điện hạ thế 0,4kV: Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V và đi kèm với thiết kế chi tiết hệ thống điện của các khu đất nên không được thể hiện trong phần quy hoạch này.

- Nguồn cấp điện bổ sung: Hiện nay, việc sử dụng pin năng lượng mặt trời (NLMT) như một nguồn năng lượng tại chỗ thay thế cho các dạng năng lượng truyền thống, góp phần tiết kiệm điện, giảm tải nhu cầu ngày càng tăng lên về năng lượng điện cho quốc gia. Hệ thống pin NLMT cung cấp điện cho các thiết bị điện, góp phần giảm phụ thuộc vào lưới điện quốc gia, đồng thời là năng lượng tái tạo xanh, sạch, độc lập và bảo vệ môi trường. Diện tích lắp pin mặt trời càng lớn càng tạo ra nhiều điện năng sử dụng.Với xu hướng trên, đồ án dự kiến nguồn điện bổ sung bằng cách sử dụng các tấm pin năng lượng mặt trời mái nhà từ hệ thống pin NLMT với tổng công suất điện làm tròn khoảng **58,4MW.**

6.7. Giải pháp chiếu sáng đường

- Xây dựng hệ thống các cột đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu dự án được quy hoạch, đường dây cáp điện chiếu sáng đi ngầm, các cột đèn chiếu sáng dùng cột đèn đơn cao từ 9m và cột đôi cao 9m. Cột chiếu sáng là cột thép, mạ kẽm nhúng nóng. Dây dẫn dùng cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10 cấp cho các đèn chiếu sáng, cáp ngầm CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x35+1x25 cấp tới tủ điều khiển chiếu sáng,

- Đèn chiếu sáng dùng đèn Led cao áp công suất 100W đến 150W/220V có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương.

- Để phù hợp với địa hình thực tế và để giảm kinh phí xây dựng, bố trí đèn 1 bên tùy thuộc vào tuyến đường và có khoảng cách đèn trung bình từ 30m đến 40m.

- Tủ điện điều khiển chiếu sáng được lấy ra từ các trạm biến áp khu vực.

- Tại vị trí vùng binh bố trí một cột đèn chiếu sáng cao 20m ở giữa đèn chiếu sáng tỏa đều xung quanh.

6.8. Giải pháp thông tin liên lạc

- Thiết kế hệ thống cống bể cáp thông tin liên lạc đi ngầm cấp tới các lô đất, sử dụng ống 4 ống u.PVC D110, các bể cáp xây dạng bể 2 đan.
- Mạng cống: Vật liệu sử dụng cho mạng cống chủ yếu là ống nhựa uPVC.
- Mạng bể cáp: Thiết kế hệ thống bể cáp ngầm 2 đan. Hệ thống bể cáp được xây bằng gạch có khung sắt trên có tấm đan bê tông.
- Toàn bộ hệ thống ống được chôn ngầm trong rãnh kỹ thuật (cống cáp) ở độ sâu tối thiểu 0,7m khi đi qua đường và 0,5m khi đi qua vỉa hè.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý các KCN Bắc Giang.
- Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch xây dựng Bắc Giang.

(Có hồ sơ, bản vẽ quy hoạch kèm theo).

8. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- *Công trình:* Khu dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, trạm xử lý nước thải, nhà máy cấp nước, trạm điện...
- *Hạ tầng kỹ thuật:* Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc.

Trên đây là nội dung quy hoạch của đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang trân trọng đề nghị Sở Xây dựng thẩm định, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định trước khi phê duyệt.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- PCT UBND tỉnh Lê Ô Pích (b/c);
- PCT UBND tỉnh Phan Thế Tuấn (b/c);
- UBND các huyện: Hiệp Hòa, Việt Yên;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QHXD.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Như Long

UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 464 /BC-SXD	*Bắc Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2023*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000; Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000; Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000 và Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Thông báo số 1952-TB/TU ngày 01/10/2023 của Thường trực Tỉnh ủy Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000;

Sau khi xem xét hồ sơ Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000 kèm theo Tờ trình số 129/TTr-KCN ngày 11/10/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của thành viên hội đồng thẩm định (Theo Quyết định số 111/QĐ-SXD ngày 28/4/2022 của Sở Xây dựng) tại Hội nghị thẩm định ngày 11/11/2022; Công văn số 1756/KCN-QHXD ngày 24/8/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh về việc tiếp thu giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ (Bộ Xây dựng tại Công văn số 1356/BXD-QHKT ngày 10/4/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2527/BKHĐT-QLKKT ngày 03/4/2023); Công văn số 1757/KCN-QHXD ngày 24/8/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh về việc tiếp thu giải trình ý kiến các Sở, ngành; Báo cáo số 241/BC-KCN ngày 31/10/2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh về việc tổng hợp kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang và ý kiến của các đại biểu hội nghị thẩm tra Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 09/10/2023. Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định với những nội dung chính như sau:

I. Nội dung trình của Ban Quản lý các KCN tỉnh

1. Thành phần hồ sơ

- Hồ sơ khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình;
- Thuyết minh tổng hợp, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;
- Hồ sơ bản vẽ: Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất; bản đồ hiện trạng sử dụng

đất và kiến trúc, cảnh quan; bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường; bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật; bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;

- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn lập quy hoạch;
- Hồ sơ xin ý kiến các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư.

2. Giải trình ý kiến các Bộ, Sở, ngành

Hồ sơ đã chỉnh sửa hoàn thiện theo ý kiến các Sở, ngành tại Hội nghị thẩm định ngày 11/11/2022 (kèm theo Công văn số 1757/KCN-QHXD ngày 24/8/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh); tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến các Bộ: Bộ Xây dựng tại Công văn số 1356/BXD-QHKT ngày 10/4/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2527/BKHĐT-QLKKT ngày 03/4/2023 (kèm theo Công văn số 1756/KCN-QHXD ngày 24/8/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh).

II. Kết quả thẩm định

1. Điều kiện của tổ chức tư vấn lập quy hoạch

Trung tâm Quy hoạch xây dựng Bắc Giang là đơn vị tổ chức tư vấn có pháp nhân, có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, cụ thể:

- Quyết định số 12/QĐ-UB ngày 03/02/2005 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Thiết kế Quy hoạch đô thị và Nông thôn Bắc Giang; Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 27/9/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc bổ sung nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy Trung tâm Quy hoạch xây dựng Bắc Giang trực thuộc Sở Xây dựng;
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: BAG-00002055 ngày 10/6/2022. Trong đó, lĩnh vực hoạt động thiết kế quy hoạch xây dựng Hạng II phù hợp với yêu cầu của của đồ án;
- Các cán bộ chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn có chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định.

2. Sự phù hợp của đồ án quy hoạch với yêu cầu quy hoạch

Đồ án phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Các chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật tuân thủ theo QCVN 01: 2021/BXD của Bộ Xây dựng.

3. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu

a) Vị trí: Phạm vi lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên thuộc địa giới hành chính xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp thôn Ấp Hồng, xã Đông Lỗ và thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai;
- Phía Nam: Giáp ĐT398 và đất nông nghiệp xã Tiên Sơn, Trung Sơn và xã Hương Mai;
- Phía Đông: Giáp dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thôn Đồng Quan;
- Phía Tây: Giáp ĐT398B và ruộng canh tác của xã Đông Lỗ.

b) Quy mô đồ án:

Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 256,68ha.

4. Tính chất

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường;

Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ…

5. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai - hạ tầng kỹ thuật

a) Chỉ tiêu đất đai:

- Đất giao thông: ≥ 10%;
- Đất cây xanh: ≥ 10%;
- Đất hạ tầng các khu kỹ thuật: ≥1%.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước: Tối thiểu 20 m³/ha/ngàyđêm;
- Thoát nước thải: ≥ 80% tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt, sản xuất;
- Cấp điện: 160-350 kW/ha;
- Rác thải: ≥0,3 tấn/ha

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	QCVN 01:2021/BXD
1	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	61,1	
2	Đất cây xanh	26,99	10,52	≥10
3	Đất mặt nước	7,34	2,86	
4	Đất dịch vụ	5,57	2,2	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	1,6	≤1
6	Bãi xe	2,71	1,1	
7	Đất giao thông, HTKT khác	53,12	20,7	≥10
	Tổng	**256,68**	**100**	

7. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- *Khu nhà máy, kho tàng:* Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp. Các lô đất được quy hoạch thành các nhóm ngành sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và dây chuyền sản xuất có công nghệ cao (diện tích khoảng 156,82ha, chiếm 61,1% tổng diện tích đất khu công nghiệp). Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%; Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định;

Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật… tại lô đất CN3 diện tích khoảng 2,94ha và lô đất CN4 diện tích khoảng 5,63ha.

- *Khu hành chính, dịch vụ:* Gồm 2 khu DV1 và DV2, quy hoạch tại phía đầu lối vào phía Nam và phía Tây KCN và được dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ; trạm y tế, phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao... (diện tích khoảng 5,57ha, chiếm khoảng 2,17% diện tích đất khu công nghiệp). Tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng tối đa 50%.

- *Khu vực hạ tầng kỹ thuật:* Diện tích khoảng 4,13ha, chiếm khoảng 1,61% diện tích đất khu công nghiệp. Trong đó, khu trạm cấp nước bao gồm

trạm xử nước cấp và trạm bơm + bể chứa có diện tích 2,03ha, khu trạm xử lý nước thải diện tích 1,59 ha, khu trạm biến áp 0,51ha. Tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Quy hoạch dải cây xanh cách ly tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (có bố trí trạm xử lý nước thải) theo quy định.

- *Khu cây xanh, mặt nước:* Diện tích khoảng 34,33ha chiếm khoảng 13,37% diện tích đất khu công nghiệp. Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xen trong khu công nghiệp có tổng diện tích khoảng 26,99ha, chiếm tỷ lệ 10,52% tổng diện tích đất khu công nghiệp. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm khu công nghiệp và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi trường khu công nghiệp thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%;

Mặt nước trong phạm vi khu công nghiệp có tổng diện tích 7,34ha, chiếm 2,86% tổng diện tích, gồm chủ yếu là mặt nước kênh tiêu thoát nước.

- *Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe:*

Giao thông trục chính của khu công nghiệp theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, nối khu công nghiệp với trục giao thông đối ngoại bên ngoài, đảm bảo cho lượng xe lớn lưu thông;

Quy hoạch các tuyến đường phân lô chính của khu công nghiệp và tuyến đường phân lô nhánh liên kết các khu chức năng;

Nút giao giữa đường trục chính với tuyến đường giao thông đối ngoại (đường tỉnh 398) là nút giao đồng mức, giúp KCN dễ dàng kết nối ra bên ngoài;

Khu vực bãi đỗ xe tập trung: Bố trí 03 bãi đỗ xe trên trục giao thông chính. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

8. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

Đường tỉnh 398: Mặt cắt (1-1) rộng 106m, trong đó đường chính 2x11,25m=22,5m, dải phân cách giữa 1,5m, đường gom 2x10,5m=21m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2x1m=2m, dải cây xanh giữa đường gom với đường khu công nghiệp 2x11,5m=23m; đường khu công nghiệp 2 bên 2x12m=24m, hè đường 2 bên 2x6m=12m;

Đường tỉnh 398: Mặt cắt (1A-1A) rộng 88m, trong đó đường chính 2x11,25m=22,5m, dải phân cách giữa 1,5m, đường gom 2x10,5m=21m, dải phân

cách giữa đường chính với đường gom 2x1m=2m, hè đường 2 bên 2x6,5m=13m; đường khu công nghiệp 1 bên 12m, hè đường 2 bên phía khu công nghiệp 4m+6m=10m, kênh thoát nước rộng 6m;

Đường tỉnh 398B: Mặt cắt (5-5) rộng 84,5m, trong đó lòng đường chính 2 bên 2x11m=22m, dải phân cách giữa 1,5m, lòng đường gom 2 bên 2x9m=18m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2x1,5m=3m, hè đường 2 bên 2x6m=12m; kênh tiêu thoát nước rộng 6m; đường khu công nghiệp rộng 12m và hè đường 2 bên (phía khu công nghiệp rộng 6m, phía giáp đường gom ĐT398B rộng 4m) 6m+4m=10m.

- Giao thông trong khu công nghiệp:

Mặt cắt (2-2) rộng từ 42m-45m, trong đó lòng đường 2x15m=30m, dải phân cách rộng 3m, hè hai bên rộng (3m-6m)+6m=9m-12m; phần kênh thoát nước rộng 16m, trong đó phần mặt kênh rộng 6m, phần cây xanh rộng 10m;

Mặt cắt (2A-2A) rộng 42m, trong đó lòng đường 2x15m=30m, dải phân cách rộng 3m, hè hai bên rộng 3m+6m=9m; phần kênh thoát nước rộng 17m, trong đó phần mặt kênh rộng 7m, phần cây xanh rộng 10m;

Mặt cắt (3-3) rộng rộng 64m, trong đó lòng đường rộng 2x12m=24m, dải phân cách rộng từ 28m, hè hai bên rộng 2x6m=12m;

Mặt cắt (3A-3A) rộng 61m, trong đó lòng đường rộng 2x12m=24m, dải phân cách rộng từ 28m, hè hai bên rộng 3m+6m=9m;

Mặt cắt (3B-3B) rộng từ 66,6-81,6m, trong đó lòng đường rộng 2x12m=24m, mương giữa thoát nước rộng từ 31,6-46,6m, hè mương hai bên rộng 1x2m=2m; hè đường 2 bên 3m+6m=9m;

Mặt cắt (4-4) rộng 41m, trong đó lòng đường rộng 2x10,5m=21m, dải phân cách rộng 8m, hè hai bên rộng 2x6m=12m; phần kênh thoát nước rộng 23m, trong đó phần mặt kênh rộng 13m, kè kênh rộng 10m;

Mặt cắt (4A-4A) rộng 41m, trong đó lòng đường rộng 2x10,5m=21m, dải phân cách rộng 8m, hè hai bên rộng 2x6m=12m; phần kênh thoát nước rộng 23m, trong đó phần cây xanh rộng 17m, phần mặt kênh rộng 6m;

Mặt cắt (6-6) rộng từ 21-24m, trong đó lòng đường rộng 12m, hè hai bên rộng từ 3-6m;

Mặt cắt (7-7), đường hoàn trả rộng từ 11-20m, trong đó lòng đường 8m, hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

- Vịnh dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 400m đến 700m bố trí một điểm vịnh dừng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng

khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), đảm bảo an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

b) San nền:

Hướng dốc chủ đạo từ trong nền lô đất ra các tuyến đường và kênh thoát nước xung quanh. Cao độ nền khu công nghiệp thấp nhất khoảng +6,5m, cao nhất khoảng +7,65m.

c) Phương án thoát nước mưa:

Thoát nước mưa được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc, Đông Bắc thoát về khu vực kênh tiêu sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu. Diện tích thu nước vào khu vực lập quy hoạch khoảng 158ha;

+ Lưu vực 2: Thu nước ở khu vực phía Đông về kênh bao quanh khu vực lập quy hoạch sau đó đổ về phía Nam và thoát vào kênh tiêu phía Nam, về trạm bơm tiêu Việt Hòa. Diện tích lưu vực thu nước vào khu vực lập quy hoạch khoảng 112ha. Công suất hiện tại của trạm bơm Việt hòa Qht= 9.800m³/h. Công suất theo quy hoạch nâng cấp Qqh=12.000m³/h;

Trong khu công nghiệp thiết kế các vị trí kênh hở tiêu nước, mục đích để đấu nối hạ tầng thoát nước mưa được thuận lợi hơn;

Bề rộng kênh tiêu hở đồ án có bề rộng từ 6-8m;

Hoàn trả tuyến kênh tưới được lấy nước từ trạm bơm Việt Hòa, kênh tưới có bề rộng mặt đỉnh thiết kế bằng với bề rộng đỉnh mặt kênh hiện trạng là 5m, bề rộng hai bên đường tối thiểu 1,25m;

Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau tối đa 30m;

Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu i = 1/D;

Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận. Cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D600 - D2000 và các tuyến cống hộp bê tông cốt thép có khẩu độ 2B2000, 3B2000, BxH=2500x2000, BxH=2000x2000, BxH=3000x2500x7.

d) Phương án cấp nước:

- Nguồn nước được lấy từ sông Cầu, do khu vực lập quy hoạch chưa có hệ thống cấp nước sạch nên kiến nghị xây dựng trạm bơm lấy nước thô tại khu vực sông Cầu để bơm vào khu xử lý nước sạch của khu công nghiệp Hòa Yên, công suất trạm xử lý nước sạch dự kiến 24.400m³/ngđ;

- Nguồn nước dự phòng khi xảy ra sự cố được lấy theo quy hoạch chung

huyện Việt Yên, có tuyến cống chạy dọc ĐT389;

- Mạng lưới cấp nước sạch được thiết kế là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh đi dọc theo các trục đường giao thông. Đường ống phân phối từ D110-D355;

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng giải pháp chữa cháy áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại các họng chữa cháy bố trí dọc các tuyến ống cấp nước, các trụ cứu hoả có khoảng cách <150m để đảm bảo bán kính phục vụ;

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu tối thiểu 0,7m.

e) Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước. Nước thải từ các nhà máy, khu điều hành dịch vụ và công cộng phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn cho phép bởi nhà đầu tư và quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật quy định theo quy định quản lý nội bộ khu công nghiệp, mới được phép thoát vào hệ thống thoát nước thải. Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý tập trung của khu công nghiệp phải đạt giới hạn cột A của QCVN 40:2011/BTNMT mới được phép xả vào kênh thoát nước bên ngoài dẫn đến trạm bơm Cẩm Bào và Ngọ Khổng;

+ Nước thải khu vực công nghiệp được thu nước từ các lô đất công nghiệp chảy về trạm xử lý nước thải dành cho công nghiệp nằm ở Tây khu công nghiệp. Đường kính cống nước thải là HDPE D300-D500.

- Vệ sinh môi trường:

Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp gồm 2 loại sau:

Loại 1: Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

Loại 2: Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

f) Giải pháp cấp điện:

- Nguồn cấp điện:

+ Khu công nghiệp được đấu nối vào xuất tuyến đường điện 22kV sau Trạm biến áp 110kV Hòa Yên được quy hoạch xây dựng mới có công suất 3x63MVA. Trong giai đoạn đầu khi chưa có trạm biến áp 110kV Hòa Yên xây dựng mới, khu công nghiệp được đấu nối tạm thời vào tuyến đường điện 22kV hiện trạng đi ngang qua khu vực lập quy hoạch;

+ Ngoài ra bổ sung thêm điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất khoảng 58,4MVA.

- Hệ thống đường dây trung thế, hạ thế nội bộ trong khu công nghiệp được thiết kế hạ ngầm.

g) Giải pháp thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới hạ tầng thông tin liên lạc (hào kỹ thuật, ống chờ cáp, hố ga, bể cáp...) được xây dựng ngầm đồng thời và đồng bộ với hệ thống đường giao thông, đảm bảo việc hoàn thiện mạng lưới thông tin liên lạc theo từng giai đoạn phát triển, được ghép vào mạng viễn thông của khu vực;

Xây dựng các trạm BTS thu phát sóng bố trí tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí đảm bảo tính thẩm mỹ, mỹ quan khu công nghiệp.

h) Đánh giá môi trường chiến lược:

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

i) Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:

Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa, thông tin liên lạc được bố trí trên phần đất đường giao thông quy hoạch.

9. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng

- *Công trình:* Khu hành chính, dịch vụ, kho, nhà xưởng sản xuất;
- *Hạ tầng kỹ thuật:* Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc và khu xử lý nước thải.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000" ban hành kèm theo Quyết định này.

11. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, UBND huyện Việt Yên và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố đồ án theo đúng quy định; UBND huyện Hiệp Hòa và Việt Yên tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa, quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Đề xuất, kiến nghị

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 quy định "Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có

thẩm quyền xem xét, phê duyệt". Sở Xây dựng đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua về đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000 trước khi phê duyệt theo đúng quy định.

Trên đây là kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000. Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định, trình tự hiện hành./.

(Có hồ sơ, bản vẽ quy hoạch và quy định quản lý kèm theo)

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- UBND huyện Hiệp Hòa;
- UBND huyện Việt Yên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QHKT Hải.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Phong

Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang
Email: vp_hdnd_vt@bacgiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang
Thời gian ký: 23.10.2023 16:15:27 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/NQ-HĐND	*Bắc Giang, ngày 19 tháng 10 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 Về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng, liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 319/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 *(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 13 thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Xây dựng, Công thương, Kế hoạch và ĐT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Cổng TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC

Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000

(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của HĐND tỉnh)

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

2. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu

a) Vị trí khu đất, ranh giới:

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000 thuộc địa giới hành chính xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thôn Đồng Quan;

- Phía Tây: Giáp đường TL.398B và ruộng canh tác của xã Đông Lỗ;

- Phía Nam: Giáp đường TL.398 và ruộng canh tác của xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn và xã Hương Mai;

- Phía Bắc: Giáp thôn Ấp Hồng, xã Đông Lỗ; thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai.

b) Quy mô đồ án: Diện tích Khu công nghiệp khoảng 256,68ha.

3. Tính chất

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông - thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công - mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích Khu công nghiệp khoảng 256,68 ha, gồm:

- Đất dịch vụ ≤ 2,17% diện tích lập quy hoạch KCN.

- Đất nhà xưởng ≤ 61,1% diện tích lập quy hoạch KCN.

- Đất hạ tầng kỹ thuật ≥ 1,61% diện tích lập quy hoạch KCN.

- Đất cây xanh, mặt nước ≥ 13,37% diện tích lập quy hoạch KCN.

- Đất giao thông, bãi đỗ xe ≥ 21,75% diện tích lập quy hoạch KCN.

5. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

- Khu vực nhà máy (diện tích 156,82 ha, chiếm 61,1% tổng diện tích KCN): Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm bảo đảm cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp. Các lô đất được quy hoạch thành các nhóm ngành sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và dây chuyền sản xuất có hàm lượng công nghệ cao. Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng 70%. Trong mỗi nhà máy phải bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật tại lô đất CN3, CN4 với tổng diện tích 8,57 ha.

- Khu vực công trình dịch vụ (diện tích: 5,57 ha, chiếm 2,17% tổng diện tích KCN). Gồm 2 khu Dịch vụ 1 và Dịch vụ 2, bố trí tại phía đầu lối vào phía Nam và phía Tây KCN và được dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện, thương mại dịch vụ; trạm y tế, đội phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao. Tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng 50%.

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật (Diện tích: 4,13 ha, chiếm 1,61% tổng diện tích KCN): Trong đó Khu Trạm cấp nước bao gồm Trạm xử nước cấp và trạm bơm + bể chứa đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) có diện tích 2,03 ha; Khu Trạm xử lý nước thải đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) diện tích 1,59 ha; khu trạm biến áp đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3) diện tích 0,51 ha (bảo đảm chỉ tiêu QCVN 01:2021). Tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Bố trí dải cây xanh cách ly tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (có bố trí trạm xử lý nước thải) theo quy định.

- Khu cây xanh, mặt nước (Diện tích 34,33 ha chiếm 13,37% tổng diện tích KCN): Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xem trong khu công nghiệp. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại những khu vực không thuận lợi cho việc xây dựng các nhà máy, và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi trường KCN thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Mặt nước trong phạm vi khu công nghiệp chủ yếu là mặt nước kênh điều hòa. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%.

- Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe (diện tích 55,83 ha, chiếm 21,75% tổng diện tích KCN): Giao thông trục chính của khu công nghiệp rộng 45m theo hướng Đông Bắc - Tây Nam nối khu công nghiệp với trục giao thông đối ngoại, bảo đảm cho một lượng xe lớn lưu thông. Các tuyến đường phân lô chính của khu công nghiệp và tuyến đường phân lô nhánh liên kết các khu chức năng. Nút giao giữa đường trục chính với đường tỉnh 398 là nút giao đồng mức, giúp KCN dễ dàng kết nối ra bên ngoài.

Khu vực bãi đỗ xe tập trung: Bố trí 03 bãi đỗ xe trên trục giao thông chính. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới đường đỏ trùng với mép lộ giới;

+ Chỉ giới xây dựng phần tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 6,0m;

+ Chỉ giới xây dựng phần không tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 3,5m.

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

** Hệ thống giao thông:*

- Giao thông đối ngoại: Đường tỉnh 398, Đường tỉnh 398B.

- Đường nội bộ Khu công nghiệp:

+ Mặt cắt (2-2) và (2A-2A) rộng 42m - 45m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2 x 15m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m, bên còn lại rộng 3m - 6m, dải phân cách giữa rộng 3m.

+ Mặt cắt (3-3) rộng 64m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3A-3A) rộng 61m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3B-3B) rộng 66,6m - 81,6m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa làm mương rộng từ 31,6m - 46,6m và có hè mỗi bên rộng 1m;

+ Mặt cắt (4-4) và (4A-4A) rộng 41m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x10,5m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 8m;

+ Mặt cắt (6-6) rộng 21m - 24m, trong đó lòng đường rộng 12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng từ 3m - 6m.

+ Mặt cắt (7-7) rộng 11m - 20m, trong đó lòng đường rộng 8m; hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3m - 6m.

- Vịnh dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 400m đến 700m bố trí một điểm vịnh dừng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), bảo đảm an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

** San nền:*

Căn cứ cao độ hiện trạng của khu vực, thiết kế cao độ san nền khu công nghiệp có cao độ khống chế tim đường thấp nhất khoảng +6,50m, cao độ khống chế tim đường cao nhất +7,65m.

** Phương án thoát nước mưa*:

Thoát nước mưa được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu dự án sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua bên kia đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu.

+ Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực lập quy hoạch sau đó đổ về kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa.

Trong khu công nghiệp thiết kế các kênh hở tiêu nước, mục đích đấu nối hạ tầng thoát nước mưa thuận lợi, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở có bề rộng từ 6m - 8m.

Hoàn trả tuyến mương tưới được lấy nước từ trạm bơm Việt Hòa, mương tưới có bề rộng mặt đỉnh là 5m.

Cống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm, đường kính D600 - D2000 và các tuyến cống hộp bê tông

cốt thép có khẩu độ 2B2000, 3B2000, BxH=2500x2000, BxH=2000x2000, BxHxn=3000x2500x7.

** Phương án cấp nước:*

Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ nhà máy nước của khu công nghiệp với công suất **24.400m³/ngđ** được đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) phía Nam gần sông Cầu. Nguồn nước thô cấp cho nhà máy nước được lấy từ nguồn nước mặt sông Cầu. Kết hợp việc sử dụng nước từ tuyến cống chạy dọc đường vành đai 4 (tỉnh lộ 389) của nhà máy nước DNP nhằm đáp ứng hoạt động của khu công nghiệp.

Mạng lưới đường ống phân phối D110 - D450 dạng mạng vòng đấu nối từ Nhà máy nước khu công nghiệp hoặc nhà máy nước DNP để cấp nước đến từng khu chức năng của khu vực quy hoạch.

Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt và sản xuất, là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do cần thiết tại đầu ra của các trụ cứu hoả là không dưới 10m. Khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100m ÷ 150m để bảo đảm bán kính phục vụ;

Tổng nhu cầu dùng nước sản xuất, sinh hoạt trong khu công nghiệp khoảng 24.400 m³/ngđ;

Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu tối thiểu 0,7m.

** Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

Nước thải được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải phía Tây Bắc khu vực quy hoạch thông qua các hố bơm. Công suất trạm xử lý nước thải khoảng **18.000m³/ngđ** đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) trong khu vực lập quy hoạch.

Nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn cột A Bảng 1 theo QCVN 40:2011/BTNMT, một phần được tái sử dụng cho mục đích tưới cây, rửa đường, phần còn lại sẽ được thoát vào hệ thống mặt nước nằm trong hành lang cây xanh phía Nam khu vực quy hoạch.

- Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp:

Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

** Giải pháp cấp điện:*

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện trước mắt: Trong giai đoạn đầu khi chưa có trạm biến áp 110kV Hòa Yên xây dựng mới, dự án sẽ được đấu nối tạm thời vào tuyến đường điện 22kV hiện trạng cắt qua dự án.

+ Nguồn điện dài hạn: Xây dựng mới 01 trạm điện 110kV công suất trạm 3x63MVA tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3) cấp điện cho sản xuất, dịch vụ, điện sinh hoạt của các phân khu chức năng, chiếu sáng công cộng... trong phạm vi toàn bộ dự án và lân cận. Tổng công suất yêu cầu theo phụ tải đặt của khu vực khoảng: 228 MVA.

Ngoài ra KCN sẽ bổ sung thêm điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất khoảng 58,4 MVA.

- Hệ thống đường dây cấp điện trung thế, hạ thế nội bộ trong KCN được hạ ngầm.

** Giải pháp thông tin liên lạc:*

Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia, được xây dựng ngầm đồng thời và đồng bộ với hệ thống đường giao thông. Xây dựng các trạm BTS tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí đảm bảo tính thẩm mỹ, mỹ quan.

7. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Công trình: Khu dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, trạm xử lý nước thải, nhà máy cấp nước, trạm điện...

- Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1188 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 1952-TB/KL ngày 01/10/2023 của Tỉnh ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của Hội đồng nhân tỉnh Khóa XIX, kỳ họp thứ 13;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 248/TTr-SXD ngày 24/10/2023 kèm theo Báo cáo số 464/BC-SXD ngày 12/10/2023; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 129/TTr-KCN ngày 11/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu.

a) Vị trí khu đất, ranh giới:

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2.000 thuộc địa giới hành chính xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp thôn Ấp Hồng, xã Đông Lỗ; thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai;

- Phía Nam: Giáp ĐT398 và ruộng canh tác xã Tiên Sơn, Trung Sơn và xã Hương Mai;

- Phía Đông: Giáp dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thôn Đồng Quan;

- Phía Tây: Giáp ĐT398B và ruộng canh tác của xã Đông Lỗ.

b) Quy mô đồ án:

Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 256,68ha.

2. Tính chất.

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ.

3. Quy hoạch sử dụng đất.

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	QCVN 01:2021/BXD
1	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	61,1	
2	Đất cây xanh	26,99	10,52	≥10
3	Đất mặt nước	7,34	2,86	
4	Đất dịch vụ	5,57	2,17	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	1,61	≥1
6	Bãi xe	2,71	1,06	
7	Đất giao thông, HTKT khác	53,12	20,7	≥10
	Tổng	**256,68**	**100**	

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực nhà máy (diện tích 156,82ha, chiếm 61,1% tổng diện tích KCN): Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp. Các lô đất được quy hoạch thành các nhóm ngành sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và dây chuyền sản xuất có hàm lượng công nghệ cao. Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng 70%. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

- Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật… tại lô đất CN3, CN4 với tổng diện tích 8,57ha.

- Khu vực công trình dịch vụ (diện tích: 5,57 ha, chiếm 2,17% tổng diện tích KCN). Gồm 2 khu Dịch vụ 1 và Dịch vụ 2, bố trí tại phía đầu lối vào phía Nam và phía Tây KCN và được dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện; trạm y tế, đội phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao... Tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng 50%.

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật (Diện tích: 4,13ha, chiếm 1,61% tổng diện tích KCN): Trong đó khu trạm cấp nước bao gồm trạm xử nước cấp và trạm bơm + bể chứa đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) có diện tích 2,03ha; khu trạm xử lý nước thải đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) diện tích 1,59 ha; khu trạm biến áp đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3) diện tích 0,51ha (đảm bảo chỉ tiêu QCVN 01:2021). Tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải theo quy định.

- Khu cây xanh, mặt nước (Diện tích 34,33 ha chiếm 13,37% tổng diện tích KCN): Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xem trong khu công nghiệp. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm khu công nghiệp và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi

trường khu công nghiệp thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Mặt nước trong phạm vi khu công nghiệp chủ yếu là mặt nước kênh điều hòa. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%.

- Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe (diện tích 55,83ha, chiếm 21,75% tổng diện tích KCN): Giao thông trục chính của khu công nghiệp rộng 45m theo hướng Đông Bắc - Tây Nam nối khu công nghiệp với trục giao thông đối ngoại, đảm bảo cho một lượng xe lớn lưu thông. Các tuyến đường phân lô chính của khu công nghiệp và tuyến đường phân lô nhánh liên kết các khu chức năng. Nút giao giữa đường trục chính với ĐT398 là nút giao đồng mức, giúp KCN dễ dàng kết nối ra bên ngoài.

- Khu vực bãi đỗ xe tập trung: Bố trí 03 bãi đỗ xe trên trục giao thông chính. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới đường đỏ trùng với mép lộ giới;

+ Chỉ giới xây dựng phần tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 6,0m;

+ Chỉ giới xây dựng phần không tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 3,5m.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

Đường tỉnh 398: Mặt cắt (A-A) rộng 60m, trong đó đường chính 2x11,25m=22,5m, dải phân cách giữa 1,5m, đường gom 2x10,5m=21m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2x1m=2m, hè đường 2 bên 2x6,5m=13m;

Đường đê sông Cầu: Mặt cắt (B-B) rộng 20m, trong đó lòng đường 12m, hè đường 2 bên 2x4m=8m;

Đường lên cầu Hà Bắc 1 kết nối từ ĐT398 sang thành phố Bắc Ninh: Mặt cắt (1-1) rộng 56m, trong đó lòng đường 2x15m=30m, dải phân cách rộng 10m, hè đường 2 bên 2x8m=16m.

- Đường nội bộ Khu công nghiệp:

+ Mặt cắt (2-2) và (2A-2A) rộng 42-45m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x15m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m, bên còn lại rộng 3m-6m, dải phân cách giữa rộng 3m;

+ Mặt cắt (3-3) rộng 64m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3A-3A) rộng 61m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3B-3B) rộng 66,6-81,6m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa làm mương rộng từ 31,6-46,6m và có hè mỗi bên rộng 1m;

+ Mặt cắt (4-4) và (4A-4A) rộng 41m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x10,5m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 8m;

+ Mặt cắt (6-6) rộng 21-24m, trong đó lòng đường rộng 12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

+ Mặt cắt (7-7) rộng 11-20m, trong đó lòng đường rộng 8m; hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

- Vịnh dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 400m đến 700m bố trí một điểm vịnh dừng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), đảm bảo an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

b) San nền: Căn cứ cao độ hiện trạng của khu vực, thiết kế cao độ san nền khu công nghiệp có cao độ khống chế tim đường thấp nhất khoảng +6,50m, cao độ khống chế tim đường cao nhất +7,65m.

c) Thoát nước:

Thoát nước mưa được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua bên kia đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu;

+ Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực lập quy hoạch sau đó đổ về kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa

Trong khu công nghiệp thiết kế các kênh hở tiêu nước, mục đích đấu nối hạ tầng thoát nước mưa thuận lợi, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở đồ án có bề rộng từ 6-8m;

Hoàn trả tuyến mương tưới được lấy nước từ trạm bơm Việt Hòa, mương tưới có bề rộng mặt đỉnh là 5m;

Cống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm, đường kính D600 – D2000 và các tuyến cống hộp bê tông cốt thép có khẩu độ 2B2000, 3B2000, BxH=2500x2000, BxH=2000x2000, BxHxn=3000x2500x7.

d) Phương án cấp nước:

Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ nhà máy nước của khu công nghiệp với công suất 24.400m³/ngđ được đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) phía Nam gần sông Cầu. Nguồn nước thô cấp cho nhà máy nước được lấy từ nguồn nước mặt sông Cầu. Kết hợp việc sử dụng nước từ tuyến cống chạy dọc đường vành đai 4 (ĐT389) của nhà máy nước DNP nhằm đáp ứng hoạt động của khu công nghiệp;

Mạng lưới đường ống phân phối D110 - D450 dạng mạng vòng đấu nối từ Nhà máy nước khu công nghiệp hoặc nhà máy nước DNP để cấp nước đến từng khu chức năng của khu vực quy hoạch;

Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt và sản xuất, là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do cần thiết tại đầu ra của các trụ cứu hoả là không dưới 10m. Khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100÷150m để đảm bảo bán kính phục vụ;

Tổng nhu cầu dùng nước sản xuất, sinh hoạt trong khu công nghiệp khoảng 24.400m³/ngđ;

Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu tối thiểu 0,7m.

e) Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Nước thải được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải phía Tây Bắc khu vực quy hoạch thông qua các hố bơm. Công suất trạm xử lý nước thải khoảng 18.000m³/ngđ. đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) trong khu vực lập quy hoạch;

Nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn cột A Bảng 1 theo QCVN 40:2011/BTNMT, một phần được tái sử dụng cho mục đích tưới cây, rửa đường, phần còn lại sẽ được thoát vào hệ thống mặt nước nằm trong hành lang cây xanh phía Nam khu vực quy hoạch.

- Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp:

Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

f) Giải pháp cấp điện:

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện trước mắt: Trong giai đoạn đầu khi chưa có trạm biến áp 110kV Hòa Yên xây dựng mới, dự án sẽ được đấu nối tạm thời vào tuyến đường điện 22kV hiện trạng cắt qua dự án;

+ Nguồn điện dài hạn: Xây dựng mới 01 trạm điện 110kV công suất trạm 3x63MVA tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3) cấp điện cho sản xuất, dịch vụ, điện sinh hoạt của các phân khu chức năng, chiếu sáng công cộng... trong phạm vi toàn bộ dự án và lân cận. Tổng công suất yêu cầu theo phụ tải đặt của khu vực khoảng: 228 MVA;

Ngoài ra KCN sẽ bổ sung thêm điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất khoảng 58,4 MVA.

- Hệ thống đường dây cấp điện trung thế, hạ thế nội bộ trong KCN được hạ ngầm.

g) Giải pháp thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia, được xây dựng ngầm đồng thời và đồng bộ với hệ thống đường giao thông. Xây dựng các trạm BTS tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí đảm bảo tính thẩm mỹ, mỹ quan.

6. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- *Công trình:* Khu dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, trạm xử lý nước thải, nhà máy cấp nước, trạm điện...;

- *Hạ tầng kỹ thuật:* Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc.

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các KCN tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1188 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 1952-TB/KL ngày 01/10/2023 của Tỉnh ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/10/2023 của Hội đồng nhân tỉnh Khóa XIX, kỳ họp thứ 13;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 248/TTr-SXD ngày 24/10/2023 kèm theo Báo cáo số 464/BC-SXD ngày 12/10/2023; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 129/TTr-KCN ngày 11/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu.

a) Vị trí khu đất, ranh giới:

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2.000 thuộc địa giới hành chính xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp thôn Ấp Hồng, xã Đông Lỗ; thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai;

- Phía Nam: Giáp ĐT398 và ruộng canh tác xã Tiên Sơn, Trung Sơn và xã Hương Mai;

- Phía Đông: Giáp dân cư hiện trạng và ruộng canh tác thôn Đồng Quan;

- Phía Tây: Giáp ĐT398B và ruộng canh tác của xã Đông Lỗ.

b) Quy mô đồ án:

Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 256,68ha.

2. Tính chất.

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; Công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp phụ trợ.

3. Quy hoạch sử dụng đất.

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	QCVN 01:2021/BXD
1	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	61,1	
2	Đất cây xanh	26,99	10,52	≥10
3	Đất mặt nước	7,34	2,86	
4	Đất dịch vụ	5,57	2,17	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	1,61	≥1
6	Bãi xe	2,71	1,06	
7	Đất giao thông, HTKT khác	53,12	20,7	≥10
	Tổng	**256,68**	**100**	

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực nhà máy (diện tích 156,82ha, chiếm 61,1% tổng diện tích KCN): Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp. Các lô đất được quy hoạch thành các nhóm ngành sản xuất công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường và dây chuyền sản xuất có hàm lượng công nghệ cao. Tầng cao tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng 70%. Trong mỗi nhà máy phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 20% theo quy định.

- Bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, các doanh nghiệp thuộc diện ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật… tại lô đất CN3, CN4 với tổng diện tích 8,57ha.

- Khu vực công trình dịch vụ (diện tích: 5,57 ha, chiếm 2,17% tổng diện tích KCN). Gồm 2 khu Dịch vụ 1 và Dịch vụ 2, bố trí tại phía đầu lối vào phía Nam và phía Tây KCN và được dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, bưu điện; trạm y tế, đội phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao... Tầng cao tối đa 9 tầng, mật độ xây dựng 50%.

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật (Diện tích: 4,13ha, chiếm 1,61% tổng diện tích KCN): Trong đó khu trạm cấp nước bao gồm trạm xử nước cấp và trạm bơm + bể chứa đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) có diện tích 2,03ha; khu trạm xử lý nước thải đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) diện tích 1,59 ha; khu trạm biến áp đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3) diện tích 0,51ha (đảm bảo chỉ tiêu QCVN 01:2021). Tầng cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%. Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải theo quy định.

- Khu cây xanh, mặt nước (Diện tích 34,33 ha chiếm 13,37% tổng diện tích KCN): Các khu vực cây xanh cảnh quan nằm đan xem trong khu công nghiệp. Đất cây xanh tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm khu công nghiệp và tại vị trí tiếp giáp khu kỹ thuật để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi

trường khu công nghiệp thêm xanh và giảm thiểu sự ô nhiễm, mở ra các vùng không gian đệm với không gian ngoài hàng rào và mang cả chức năng hành lang an toàn hạ tầng kỹ thuật. Mặt nước trong phạm vi khu công nghiệp chủ yếu là mặt nước kênh điều hòa. Tầng cao tối đa 1 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%.

- Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe (diện tích 55,83ha, chiếm 21,75% tổng diện tích KCN): Giao thông trục chính của khu công nghiệp rộng 45m theo hướng Đông Bắc - Tây Nam nối khu công nghiệp với trục giao thông đối ngoại, đảm bảo cho một lượng xe lớn lưu thông. Các tuyến đường phân lô chính của khu công nghiệp và tuyến đường phân lô nhánh liên kết các khu chức năng. Nút giao giữa đường trục chính với ĐT398 là nút giao đồng mức, giúp KCN dễ dàng kết nối ra bên ngoài.

- Khu vực bãi đỗ xe tập trung: Bố trí 03 bãi đỗ xe trên trục giao thông chính. Tầng cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Chỉ giới đường đỏ trùng với mép lộ giới;

+ Chỉ giới xây dựng phần tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 6,0m;

+ Chỉ giới xây dựng phần không tiếp giáp với đường giao thông cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 3,5m.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

Đường tỉnh 398: Mặt cắt (A-A) rộng 60m, trong đó đường chính 2x11,25m=22,5m, dải phân cách giữa 1,5m, đường gom 2x10,5m=21m, dải phân cách giữa đường chính với đường gom 2x1m=2m, hè đường 2 bên 2x6,5m=13m;

Đường đê sông Cầu: Mặt cắt (B-B) rộng 20m, trong đó lòng đường 12m, hè đường 2 bên 2x4m=8m;

Đường lên cầu Hà Bắc 1 kết nối từ ĐT398 sang thành phố Bắc Ninh: Mặt cắt (1-1) rộng 56m, trong đó lòng đường 2x15m=30m, dải phân cách rộng 10m, hè đường 2 bên 2x8m=16m.

- Đường nội bộ Khu công nghiệp:

+ Mặt cắt (2-2) và (2A-2A) rộng 42-45m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x15m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m, bên còn lại rộng 3m-6m, dải phân cách giữa rộng 3m;

+ Mặt cắt (3-3) rộng 64m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3A-3A) rộng 61m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa rộng 28m;

+ Mặt cắt (3B-3B) rộng 66,6-81,6m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng 3m, dải phân cách giữa làm mương rộng từ 31,6-46,6m và có hè mỗi bên rộng 1m;

+ Mặt cắt (4-4) và (4A-4A) rộng 41m, trong đó lòng đường 2 bên rộng 2x10,5m; hè đường 2 bên rộng 2x6m, dải phân cách giữa rộng 8m;

+ Mặt cắt (6-6) rộng 21-24m, trong đó lòng đường rộng 12m; hè đường 2 bên một bên rộng 6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

+ Mặt cắt (7-7) rộng 11-20m, trong đó lòng đường rộng 8m; hè đường 2 bên một bên rộng từ 0-6m và bên còn lại rộng từ 3-6m.

- Vịnh dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 400m đến 700m bố trí một điểm vịnh dừng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 40m), đảm bảo an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

b) San nền: Căn cứ cao độ hiện trạng của khu vực, thiết kế cao độ san nền khu công nghiệp có cao độ khống chế tim đường thấp nhất khoảng +6,50m, cao độ khống chế tim đường cao nhất +7,65m.

c) Thoát nước:

Thoát nước mưa được chia làm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu sau đó chảy vào khu vực ngòi tiêu Á Lữ và chảy qua bên kia đường giao thông có mặt cắt 5-5, sau đó tiêu về khu vực cống Yên Ninh và chảy ra sông Cầu;

+ Lưu vực 2: Thu nước ở phía Đông về mương bao quanh khu vực lập quy hoạch sau đó đổ về kênh tiêu phía Nam và về trạm bơm tiêu Việt Hòa

Trong khu công nghiệp thiết kế các kênh hở tiêu nước, mục đích đấu nối hạ tầng thoát nước mưa thuận lợi, đồng thời ngăn cách với khu vực bên ngoài KCN, đảm bảo an ninh trong khu vực hoạt động sản xuất. Bề rộng kênh tiêu hở đồ án có bề rộng từ 6-8m;

Hoàn trả tuyến mương tưới được lấy nước từ trạm bơm Việt Hòa, mương tưới có bề rộng mặt đỉnh là 5m;

Cống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm, đường kính D600 – D2000 và các tuyến cống hộp bê tông cốt thép có khẩu độ 2B2000, 3B2000, BxH=2500x2000, BxH=2000x2000, BxHxn=3000x2500x7.

d) Phương án cấp nước:

Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ nhà máy nước của khu công nghiệp với công suất 24.400m³/ngđ được đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT2) phía Nam gần sông Cầu. Nguồn nước thô cấp cho nhà máy nước được lấy từ nguồn nước mặt sông Cầu. Kết hợp việc sử dụng nước từ tuyến cống chạy dọc đường vành đai 4 (ĐT389) của nhà máy nước DNP nhằm đáp ứng hoạt động của khu công nghiệp;

Mạng lưới đường ống phân phối D110 - D450 dạng mạng vòng đấu nối từ Nhà máy nước khu công nghiệp hoặc nhà máy nước DNP để cấp nước đến từng khu chức năng của khu vực quy hoạch;

Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế chung với mạng cấp nước sinh hoạt và sản xuất, là hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do cần thiết tại đầu ra của các trụ cứu hoả là không dưới 10m. Khoảng cách giữa các trụ cứu hoả từ 100÷150m để đảm bảo bán kính phục vụ;

Tổng nhu cầu dùng nước sản xuất, sinh hoạt trong khu công nghiệp khoảng 24.400m³/ngđ;

Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu tối thiểu 0,7m.

e) Giải pháp thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Nước thải được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải phía Tây Bắc khu vực quy hoạch thông qua các hố bơm. Công suất trạm xử lý nước thải khoảng 18.000m³/ngđ. đặt tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT1) trong khu vực lập quy hoạch;

Nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn cột A Bảng 1 theo QCVN 40:2011/BTNMT, một phần được tái sử dụng cho mục đích tưới cây, rửa đường, phần còn lại sẽ được thoát vào hệ thống mặt nước nằm trong hành lang cây xanh phía Nam khu vực quy hoạch.

- Thu gom và xử lý rác thải khu công nghiệp:

Rác thải của các nhà máy thứ cấp thì các nhà máy thứ cấp có trách nhiệm xử lý đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

Rác thải của khu công nghiệp được phân loại, tập kết đúng nơi quy định. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực mang đi xử lý đúng quy trình, quy phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

f) Giải pháp cấp điện:

- Nguồn cấp điện:

+ Nguồn điện trước mắt: Trong giai đoạn đầu khi chưa có trạm biến áp 110kV Hòa Yên xây dựng mới, dự án sẽ được đấu nối tạm thời vào tuyến đường điện 22kV hiện trạng cắt qua dự án;

+ Nguồn điện dài hạn: Xây dựng mới 01 trạm điện 110kV công suất trạm 3x63MVA tại đất hạ tầng kỹ thuật (lô HT3) cấp điện cho sản xuất, dịch vụ, điện sinh hoạt của các phân khu chức năng, chiếu sáng công cộng... trong phạm vi toàn bộ dự án và lân cận. Tổng công suất yêu cầu theo phụ tải đặt của khu vực khoảng: 228 MVA;

Ngoài ra KCN sẽ bổ sung thêm điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất khoảng 58,4 MVA.

- Hệ thống đường dây cấp điện trung thế, hạ thế nội bộ trong KCN được hạ ngầm.

g) Giải pháp thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia, được xây dựng ngầm đồng thời và đồng bộ với hệ thống đường giao thông. Xây dựng các trạm BTS tại khu vực cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí đảm bảo tính thẩm mỹ, mỹ quan.

6. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- *Công trình:* Khu dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, trạm xử lý nước thải, nhà máy cấp nước, trạm điện...;

- *Hạ tầng kỹ thuật:* Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc.

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các KCN tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7392 /UBND-KTTH V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang	*Bắc Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 9632/BKHĐT-QLKKT ngày 17/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang và Công văn số 13814/BTC-ĐT ngày 14/12/2023 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với các hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên" của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên; căn cứ nội dung đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với UBND tỉnh Bắc Giang tham gia ý kiến thẩm định tại mục 9 Công văn số 9632/BKHĐT-QLKKT ngày 17/11/2023 và nội dung đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 13814/BTC-ĐT ngày 14/12/2023, UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo như sau:

1. Sự phù hợp về địa điểm và diện tích của Dự án với phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp (KCN) trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch cấp quốc gia khác có liên quan; đóng góp của Dự án đối với sự phát triển - kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Giang

1.1. Sự phù hợp về địa điểm và diện tích của Dự án với phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp (KCN) trong quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, giai đoạn 2021 - 2030 tỉnh Bắc Giang, định hướng phát triển không gian công nghiệp và hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp bao gồm 03 khu vực phát triển các khu, cụm công nghiệp, đó là: Khu vực theo trục hành lang Quốc lộ 1A, cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; khu vực công nghiệp theo trục hành lang ĐT398, ĐT296 - ĐT 295 - QL37 - QL17 - ĐT299 và khu vực công nghiệp phía Đông theo tuyến hành lang ĐT293 - QL37 - Vành đai 5. Trong đó, KCN Hòa Yên nằm trong khu vực phát triển công nghiệp theo trục hành lang ĐT398, ĐT296 - ĐT295 - QL37 - QL17 - ĐT299, kết nối với Thủ đô Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, phù hợp với định hướng tổ chức không gian phát triển và hệ thống các khu công nghiệp của tỉnh Bắc Giang. Mặt khác, tại phụ lục VIII kèm theo Quyết định số 219/QĐ-TTg, thời kỳ 2021 - 2030, tổng diện tích đất các KCN của tỉnh Bắc Giang được quy hoạch là 7.000 ha, trong đó có KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên, với quy mô

diện tích khoảng 256 ha, địa điểm tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên.

Tại thuyết minh Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có quy định:

+ Tại trang 398, Khu đô thị - dịch vụ Hòa Yên xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn, huyện Viêt Yên gắn với quy hoạch KCN Hòa Yên, quy mô 40ha.

+ Bảng 75 Quy hoạch các KCN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; trang 414, STT 11 KCN - Đô thị - Dịch vụ Hòa Yên bao gồm KCN Hòa Yên quy mô 256ha và đất đô thị - Dịch vụ quy mô 40ha.

+ Bảng 77 Quy hoạch các KCN tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2031 - 2050; trang số 422, STT 9 KCN Hòa Yên diện tích đất công nghiệp quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030 là 256 ha.

+ Bảng 192 Danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư Hạ tầng KCN Hòa Yên; trang số 893, STT 4 Hạ tầng KCN Hòa Yên quy mô 256ha; trang số 899, STT 4 khu đô thị, dịch vụ Hòa Yên quy mô 40ha.

Vì vậy, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đề nghị với quy mô 256,68ha và địa điểm thực hiện tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên là phù hợp với Quy hoạch phát triển KCN tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022.

- Về sự phù hợp của dự án với quy hoạch đô thị: Qua rà soát Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 12/8/2018 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022; Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 22/8/2023; Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, (tỷ lệ 1/2.000) được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 cho thấy: Đề xuất dự án phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, Quy hoạch chung đô thị Việt Yên và đảm bảo đúng với quy mô KCN đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023.

Đồng thời, để thống nhất về tên gọi của khu công nghiệp, căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ, UBND tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 với tên gọi của khu công nghiệp là khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét

trình Thủ tướng Chính phủ dự án KCN với tên gọi là Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Sự phù hợp các quy hoạch cấp quốc gia khác có liên quan

- Sự phù hợp của Dự án với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2050 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023: Tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thì định hướng phát triển vùng và liên kết vùng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc được xác định là tập trung xây dựng vành đai công nghiệp Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc - Phú Thọ trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng của cả vùng. Dự án đăng ký thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thuộc vành đai công nghiệp theo định hướng phát triển vùng và liên kết vùng, nên dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội phê duyệt.

- Sự phù hợp của Dự án với Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2008.

Theo đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 05/5/2008, phạm vi lập quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thủ đô Hà Nội và 7 tỉnh (Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam và Hoà Bình), trong đó không có tỉnh Bắc Giang. Ngày 06/5/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trong đó điều chỉnh, bổ sung thêm 03 tỉnh là Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang. Theo Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội, Bắc Giang được xác định là phát triển trục không gian công nghiệp - đô thị kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn.

Vì vậy, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2050 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 về việc điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Sự phù hợp đối với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Qua rà soát tại Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1007/QĐ-TTg ngày 30/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 219/QĐTTg ngày 17/02/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch

tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đến năm 2030, huyện Hiệp Hoà được quy hoạch mới 02 vị trí cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại xã Hương Lâm, xã Châu Minh và 01 cơ sở trợ giúp xã hội tại xã Hoà Sơn; huyện Việt Yên được quy hoạch mới 02 vị trí cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại xã Ninh Sơn, xã Tiên Sơn và 01 cơ sở trợ giúp xã hội tại xã Tiên Sơn. Do đó, dự án đăng ký trên địa bàn huyện Việt Yên và huyện Hiệp Hòa là phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Bắc Giang.

- Sự phù hợp đối với quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi: Qua rà soát vị trí trên cơ sở bản đồ ranh giới của dự án gửi kèm trong hồ sơ đề xuất, vị trí đề xuất xây dựng dự án phù hợp với phân bố không gian phát triển ngành nông nghiệp *(về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và phòng, chống thiên tai...)* được tích hợp trong quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, phù hợp với các nội dung trong Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phòng chống thiên tai và thuỷ lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Sự phù hợp đối với quy hoạch ngành giao thông quốc gia: Theo các quy hoạch ngành giao thông quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt *(Quy hoạch mạng lưới đường bộ tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021; Quy hoạch mạng lưới đường sắt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021; Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021; Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023)*; lận cận khu vực thực hiện dự án có quy hoạch: Tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn; QL.37; quy hoạch mạng lưới đường sắt có tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn; có đường thủy nội địa sông Cầu, quy hoạch các cảng thuộc khu cảng Sông Cầu, cụm cảng Bắc Giang.

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, khu vực dự án có quy hoạch các tuyến đường tỉnh ĐT.288, ĐT.295C, ĐT.398 và ĐT.398B; trong đó tuyến ĐT.398 xuyên trục qua KCN (mặt cắt 1-1, 1A-1A) và tuyến ĐT.398B tiếp giáp phía tây KCN (mặt cắt 5-5). Phương án quy hoạch phát triển công nghiệp, phương án quy hoạch phát triển giao thông, phương án sử dụng đất và bản đồ định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ, quy hoạch mạng lưới đường sắt và quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch cảng cạn (được duyệt), phạm vi thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên đảm bảo phù hợp với định hướng các quy hoạch ngành giao thông quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt nêu trên.

- Sự phù hợp đối với quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Qua rà soát vị trí đề xuất Dự án không ảnh hưởng đến Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023. Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023, theo đó tỉnh Bắc Giang đã quy hoạch 04 trụ sở

Công an xã, gồm: Xã Đông Lỗ (0,2ha) thuộc huyện Hiệp Hòa và các xã: Tiên Sơn (0,2ha), Trung Sơn (0,2ha), Hương Mai (0,2ha) thuộc huyện Việt Yên. Hiện UBND huyện Việt Yên và UBND huyện Hiệp Hòa đã quy hoạch bố trí đất để triển khai xây dựng trụ sở của Công an các xã nêu trên theo Đề án *"Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã chính quy trên địa bàn giai đoạn 2021-2025"* ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch của Bộ Công an và của tỉnh Bắc Giang, không trùng lặp với vị trí thực hiện Dự án.

- Sự phù hợp đối với quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Theo thông tin tài liệu Dự án KCN Hòa Yên dự kiến lấy nước mặt sông Cầu (thuộc lưu vực sông Hồng- Thái Bình); lưu lượng nước dự kiến khai thác tối đa khoảng 24.400 m^3/ngày.đêm cho KCN và cung cấp cho khu đô thị, nhà dân xung quanh. Đối chiếu với các quy hoạch tài nguyên nước có liên quan: Theo định hướng chính trong Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 thì nguồn nước mặt là nguồn cấp nước chính cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc trong đó có nguồn nước mặt lưu vực sông Hồng - Thái Bình. Mặt khác, tại Phụ lục I kèm theo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 thì nguồn nước mặt lưu vực sông Hồng - Thái Bình có chức năng cấp nước cho sinh hoạt, nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, du lịch và dịch vụ. Do đó, về phương án cấp nước nêu trong dự án KCN Hòa Yên đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng-Thái Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023. Tuy nhiên, đề nghị nhà đầu tư trước khi sử dụng nước sông Cầu cần phối hợp với các ngành chức năng làm rõ hiện trạng môi trường nước, tình hình khai thác, sử dụng nước sông Cầu xung quanh khu vực thực hiện dự án, thông tin về công trình nhà máy nước nước của Dự án *(gồm quy mô khai thác, công suất, công nghệ xử lý nước,...)* để đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khu công nghiệp. Đồng thời, trong quá trình thực hiện dự án cần quan tâm tới việc xả nước thải vào nguồn nước phải phù hợp chức năng nguồn nước theo quy định tại Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Khu vực đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên có quy mô 256,68 ha, thuộc một phần địa giới hành chính huyện Hiệp Hòa (xã Đông Lỗ) và huyện Việt Yên (các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai), tỉnh Bắc Giang đã được điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 (báo cáo "Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 nhóm tờ Bắc Giang", năm 2017); theo tài liệu địa chất hiện có, thuộc phạm vi Dự án chưa ghi nhận khoáng sản có giá trị cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Sau khi xem xét, đối chiếu với hồ sơ Dự án KCN Hòa Yên với Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản tại Quyết định 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ, cho thấy Dự án phù hợp với Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại

Quyết định 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023 và không ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có phát hiện khoáng sản có giá trị yêu cầu nhà đầu tư phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết theo quy định.

- Sự phù hợp đối với các quy hoạch thuộc lĩnh vực công thương: Qua rà soát, Dự án phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(Quy hoạch điện VIII)* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023; phù hợp với phương án phát triển mạng lưới cấp điện tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; cụ thể: Xây dựng mới 01 TBA 110kV Hòa Yên, công suất 2x63MVA *(giai đoạn 2021-2025 lắp 01 máy biến áp T1 công suất 63MVA và giai đoạn 2025-2030 lắp thêm 01 máy biến áp T2 công suất 63MVA)* và tuyến đường dây mạch kép nhánh rẽ TBA 110kV Hòa Yên, cấp điện cho KCN Hòa Yên và các phụ tải khu vực lân cận.

1.3. Đánh giá đóng góp của Dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang

Theo tính toán của Nhà đầu tư tại để xuất dự án, khi dự án hoàn thành lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang thông qua việc đóng góp cho ngân sách nhà nước đối với các loại thuế, phí khoảng 675 tỷ đồng. Ngoài ra, khi khu công nghiệp đi vào hoạt động dự kiến sẽ thúc đẩy việc hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, đẩy nhanh tốc độ đô thị; dự kiến sẽ tạo việc làm ổn định cho khoảng 44 nghìn lao động, thu nhập bình quân của người lao động trong các KCN của tỉnh Bắc Giang hiện nay khoảng hơn 08 triệu đồng/người/tháng, các doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh cũng đóng góp lớn vào ngân sách Nhà nước từ các khoản thuế và phí theo quy định.

Do vậy, khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và triển khai xây dựng sẽ tiếp tục tạo chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, có thu nhập cao và ổn định hơn so với sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa nói riêng và cả tỉnh Bắc Giang nói chung.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Dự án sẽ phát sinh vấn đề về môi trường do liên quan đến hoạt động xả thải, xử lý chất thải; tạo ra những thay đổi về mặt xã hội như tập trung với số lượng lớn người lao động, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, nhu cầu về nhà ở...Để giải quyết những vấn đề phát sinh, UBND tỉnh Bắc Giang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường chặt chẽ, kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng nhà ở cho người lao động thuê hoặc mua, quan tâm đến vấn đề an ninh, trật tự của khu vực dự án và thiết chế cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp và người dân vùng lân cận. Khu vực dự án KCN có quy hoạch đất đô thị - dịch vụ với quy mô khoảng 40ha nhằm đáp ứng tốt nhu cầu

ở và sinh hoạt của người lao động làm việc tại KCN và người dân vùng lân cận.

2. Sự phù hợp của Dự án với chỉ tiêu sử dụng đất KCN trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 được phân bổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được phân bổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đối với tỉnh Bắc Giang được phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất khu công nghiệp đến năm 2030 là 7.000 ha, chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất khu công nghiệp đến năm 2025 là 3.377 ha. Hiện tại, tỉnh Bắc Giang có 08 KCN được Thủ tướng chính phủ cho phép thành lập với tổng diện tích đất quy hoạch là 1.967,3 ha.

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang đang trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định thì các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN tại tỉnh Bắc Giang đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận thẩm định có tổng diện tích theo kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của tỉnh là 762,98 ha, cụ thể như sau:

(1) KCN Yên Sơn - Bắc Lũng, huyện Lục Nam, theo nhà đầu tư đề xuất diện tích giai đoạn 1 là 140ha/300ha;

(2) KCN Phúc Sơn, huyện Tân Yên, diện tích 70 ha;

(3) KCN Việt Hàn mở rộng, huyện Việt Yên, diện tích 147,31ha;

(4) KCN Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, diện tích là 50ha;

(5) Điều chỉnh mục tiêu xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN Tăng Tiến thành xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Vân Trung, diện tích 36,47 ha;

(6) Điều chỉnh mục tiêu xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Tân Hưng thành xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tân Hưng, diện tích 49,2 ha.

(7) KCN Yên Lư (phần mở rộng), huyện Yên Dũng, diện tích là 70 ha;

(8) KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, diện tích là 50ha;

(9) KCN Quang Châu 2, huyện Việt Yên, diện tích là 50ha;

(10) KCN Đức Giang, huyện Yên Dũng, diện tích là 50ha;

(11) KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm, diện tích là 50ha.

Như vậy, sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì tổng diện tích quy hoạch KCN của tỉnh đến năm 2025 là 2.730,28 ha, do đó chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất khu công nghiệp của tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 còn lại là 646,72 ha.

Tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang,

trong đó phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN Hòa Yên, huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2021-2025, với diện tích là 50ha (chi tiết tại số 11 phần III Biểu số 09/CT Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) của tỉnh Bắc Giang kèm theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) của tỉnh Bắc Giang).

Theo hồ sơ Dự án KCN Hòa Yên do Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên lập với quy mô 256,68ha *(trong đó diện tích 50ha thực hiện đầu tư từ năm 2024 - 2026; diện tích còn lại 206,68ha thực hiện đầu tư từ năm 2026-2029)* đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 được phân bổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hiệp Hòa đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023.

3. Hiện trạng sử dụng đất (loại đất, đối tượng sử dụng đất) tại khu vực đề xuất thực hiện Dự án theo quy định tại Điều 10 Luật Đất đai và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất sử dụng đất; nội dung nêu tại khoản 8 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; tác động của việc giảm diện tích đất nông nghiệp khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án; rà soát các khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến đất đai tại khu vực Dự án (nếu có)

3.1. Về hiện trạng sử dụng đất *(loại đất, đối tượng sử dụng đất) tại khu vực đề xuất thực hiện Dự án theo quy định tại điều 10 Luật Đất đai và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/2/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.*

Căn cứ hồ sơ của Nhà đầu tư, khu vực dự án có hiện trạng sử dụng đất cụ thể như sau:

TT	Loại đất	Mã loại đất	**Tổng diện tích đất dự án (ha)**	**Huyện Hiệp Hòa**			**Huyện Việt Yên**			
				Tổng diện tích đất (ha)	Xã Đông Lỗ (ha)		Tổng diện tích đất (ha)	Xã Tiên Sơn (ha)	Xã Hương Mai (ha)	Xã Trung Sơn (ha)
					Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		Giai đoạn 2	Giai đoạn 2	Giai đoạn 2
1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	**88,04**	***59,64***	17,72	41,92	***28,40***	19,60	4,16	4,64

2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	**115,95**	***115,95***	22,43	93,52	***0,00***	0,00	0,00	0,00
3	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	**1,80**	***0,64***	0,07	0,57	***1,16***	0,01	0,99	0,16
4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	**1,45**	***0,77***	0,00	0,77	***0,68***	0,65	0,00	0,03
5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	**11,02**	***2,32***	0,00	2,32	***8,70***	3,26	2,27	3,17
6	Đất ở tại nông thôn	ONT	**0,63**	***0,05***	0,00	0,05	***0,58***	0,58	0,00	0,00
7	Đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm	ONT, CLN	**0,15**	***0,05***	0,00	0,05	***0,10***	0,00	0,00	0,10
8	Đất ở công trình năng lượng	DNL	**0,07**	***0,07***	0,05	0,02	***0,00***	0,00	0,00	0,00
9	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	**3,70**	***3,63***	3,12	0,51	***0,07***	0,07	0,00	0,00
10	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	**7,38**	***0,35***	0,04	0,31	***7,03***	0,00	7,03	0,00
11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	**0,03**	***0,01***	0,00	0,01	***0,02***	0,00	0,02	0,00
12	Đất sản xuất vật liệu xây dựng,	SKX	**0,48**	***0,48***	0,00	0,48	***0,00***	0,00	0,00	0,00

	làm đồ gốm									
13	Đất sông, ngòi	SON	**3,51**	***3,51***	2,85	0,66	***0,00***	0,00	0,00	0,00
14	Đất giao thông, thủy lợi	DGT, DTL	**22,47**	***16,92***	3,72	13,20	***5,55***	1,84	2,15	1,56
15	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	**0,01**	***0,00***	0,00	0,00	***0,01***	0,00	0,01	0,00
16	Đất thể thao	DTT	**0,00**	***0,00***	0,00	0,00	*0,00*	0,00	0,00	0,00
Tổng cộng			**256,68**	***204,38***	**50,00**	**154,39**	***52,30***	**26,01**	**16,63**	**9,66**

Các loại đất LUC, LUK, BHK, CLN, NTS, ONT chủ yếu do các hộ gia đình, cá nhân sử dụng, một phần đất nông nghiệp là đất công ích do UBND cấp xã quản lý, sử dụng; trong phạm vi ranh giới dự án ảnh hưởng tới khoảng 460 hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và khoảng 371 hộ gia đình thuộc huyện Việt Yên *(206 hộ thuộc xã Tiên Sơn, 70 hộ thuộc xã Trung Sơn và 95 hộ thuộc xã Hương Mai)*; có 01 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của hộ gia đình, cá nhân. Còn lại là các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng. Diện tích đất công trong phạm vi dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của pháp luật về tài sản công và khoản 5 Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐCP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

3.2. Nội dung nêu tại khoản 8 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; tác động của việc giảm diện tích đất nông nghiệp khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án; rà soát các khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến đất đai tại khu vực Dự án (nếu có)

3.2.1. Về nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư. Các nội dung thẩm định cụ thể được quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư, bao gồm:

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có)

Về nội dung này đã được UBND tỉnh Bắc Giang thẩm định, tham gia ý kiến tại mục 1 và mục 2 nêu trên.

b) Đánh giá nhu cầu sử dụng đất

Theo hồ sơ dự án, cơ cấu sử dụng đất của Dự án được lập có quy mô 256,68ha bao gồm diện tích 50ha thực hiện đầu tư từ năm 2024 - 2026 trên địa bàn xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và phần diện tích còn lại 206,68ha thực hiện đầu tư từ năm 2026-2029 trên địa bàn xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên. Việc đầu tư xây dựng giai đoạn 2 của Dự án được thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng từ quý I/2026 như vậy cần tiến hành thu hồi thêm phần diện tích đất KCN, do đó phần diện tích KCN đến hết năm 2026 sẽ lớn hơn 50ha nên không phù hợp với tiến độ của Nhà đầu tư hiện đang xác định tại hồ sơ đề xuất dự án đầu tư (giai đoạn 1 từ năm 2024-2026 là 50ha). Mặt khác, căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang theo đó phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất KCN Hòa Yên, huyện Hiệp Hòa giai đoạn 2021-2025 với diện tích là 50ha.

Vì vậy, đề nghị Nhà đầu tư xem xét lại tiến độ thực hiện dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với quy mô diện tích từng giai đoạn và chỉ tiêu sử dụng đất của KCN Hòa Yên đã được phân bổ tại Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang là 50ha.

Căn cứ Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/2000) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023, cơ cấu sử dụng đất KCN như sau:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ký hiệu	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT KCN		**256,68**		**100**
1	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	CN	61,1
2	Đất cây xanh	26,99	CX	10,52
3	Đất mặt nước	7,34	MN	2,86
4	Đất dịch vụ	5,57	DV	- 2,17
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	HTKT	1,61
6	Bãi xe	2,71	P	1,06
7	Đất giao thông, HTKT khác	53,12	GT	20,7

Tại mục 1.4 về "Quy mô dự án" của Hồ sơ đề xuất dự án, Nhà đầu tư đã căn cứ bảng cơ cấu sử dụng đất tại Quy hoạch phân khu được phê duyệt để xác định nhu cầu sử dụng đất của dự án và đưa ra phương án bố trí các khu chức năng trong khu công nghiệp. Chi tiết cơ cấu sử dụng đất của dự án theo đề xuất của Nhà đầu tư, cụ thể như sau:

STT	Chức năng	Kí hiệu	Giai đoạn 1		Giai đoạn 2		Tổng	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Diện tích khu công nghiệp			50,00	100,00	206,68	100	256,68	100,00
1	Đất nhà máy công nghiệp	CN	32,69	65,38	124,13	60,06	156,82	61,1
2	Đất cây xanh	CX	3,11	6,22	23,88	11,55	26,99	10,52
3	Đất mặt nước	MN	1,04	2,08	6,30	3,05	7,34	2,86
4	Đất dịch vụ	DV	0	0,00	5,57	2,69	5,57	2,17
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2,10	4,20	2,03	0,98	4,13	1,61
6	Bãi xe	P	0	0	2,71	1,31	2,71	1,06
7	Đất giao thông, HTKT khác	GT	11,06	22,12	42,06	20,36	53,12	20,7
Tổng			**50,00**	**100**	**206,68**	**100**	**256,68**	**100**

Theo hồ sơ dự án, tỷ lệ đất cây xanh, đất giao thông và các khu kỹ thuật theo cơ cấu sử dụng đất dự kiến đáp ứng quy định về sử dụng đất tại mục 2.5.3 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và phù hợp với Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Như vậy, hồ sơ dự án và cơ cấu sử dụng đất theo đề xuất của Nhà đầu tư phù hợp với Quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang.

c) Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Về đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội đã được UBND tỉnh Bắc Giang nêu tại điểm 1.3 mục 1 nêu trên. Ngoài ra, dự án do Nhà đầu tư đề xuất theo quy định của pháp luật về đầu tư nên việc đánh giá hiệu quả tài chính của dự án thuộc trách nhiệm của Nhà đầu tư.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực về phát triển kinh tế - xã hội, thì việc

triển khai dự án cũng sẽ tạo ra một số vấn đề về xã hội như tập trung đông người lao động, môi trường trong khu vực cũng bị ảnh hưởng (*liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất, các hoạt động xả thải, xử lý chất thải*). Do đó, UBND tỉnh Bắc Giang sẽ luôn quan tâm, trú trọng chỉ đạo các cơ quan chức năng và Nhà đầu tư thực hiện các giải pháp để bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề về nhà ở cho người lao động làm việc trong KCN, lập phương án bồi thường đối với tổ chức, cá nhân có đất thu hồi theo quy định.

- Về đánh giá sơ bộ tác động môi trường: Hồ sơ đề xuất Dự án đầu tư và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Nhà đầu tư đã có đánh giá sơ bộ tác động môi trường, trong đó đã nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của Dự án đối với môi trường và đề xuất sơ bộ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án. Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Do vậy, sau khi dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận Nhà đầu tư, Nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục về môi trường, trong đó có đánh giá tác động môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt theo quy định *(làm rõ các loại hình sản xuất, kinh doanh dự kiến thu hút đầu tư để có cơ sở tính toán, đề xuất đối với công suất, công nghệ xử lý nước thải đảm bảo phù hợp với lưu lượng, thành phần, tính chất của nước thải phát sinh; tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của các dự án sản xuất, kinh doanh trước khi đấu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án; vị trí xả nước thải sau xử lý, mô tả các đặc điểm thủy văn, đặc tính dòng chảy, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước tiếp nhận. Bổ sung nội dung đánh giá khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh trên cơ sở quy mô và loại hình sản suất, kinh doanh dự kiến thu hút đầu tư, đảm bảo phù hợp với nội dung về bảo vệ môi trường tại Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

3.2.2. Đánh giá tác động của việc giảm diện tích đất nông nghiệp trong khu vực Dự án khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án

Dự án KCN Hòa Yên có quy mô diện tích 256,68ha (*trong đó có 88,046 ha đất 02 vụ lúa thuộc địa bàn các xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên*). Diện tích đất 02 lúa thuộc dự án không nằm trong diện tích đất 02 lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả "Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang".

Theo Quyết định số 100/QĐ-UBND, quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất 02 lúa bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là 36.555ha, như vậy diện tích gieo cấy lúa cả năm tối thiểu là 73.110ha; năng suất lúa bình quân đạt 62 tạ/ha, sản

lượng thóc cả năm ước đạt 453.280 tấn. Dự báo dân số tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 là 2,333 triệu người; nhu cầu sử dụng gạo bình quân/người là 90 kg gạo/người/năm, quy thóc là 129kg/thóc/người/năm. Tổng lượng thóc cần cho tiêu dùng trong tỉnh đến năm 2030 là 301.000 tấn thóc; lượng thóc còn dư khoảng 152.280 tấn đủ sử dụng cho dự trữ, làm giống và mục đích khác. Như vậy, việc giảm diện tích đất nông nghiệp khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án KCN Hòa Yên không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu lúa, gạo phục vụ các mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh.

Việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên không làm ảnh hưởng đến đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, huyện Việt Yên nói riêng và địa bàn tỉnh Bắc Giang nói chung. Do trên địa bàn các huyện đã được tỉnh Bắc Giang xác định diện tích đất các khu vực chuyên trồng lúa cần bảo vệ và được xác định trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 và Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 được phân bổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, diện tích đất lúa được phép chuyển mục đích sử dụng là đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là: 22.000,21 ha.

Theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hiệp Hòa được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 16/3/2023, tổng diện tích đất trồng lúa chuyển sang mục đích đích khác là 3.141,81 ha *(trong đó xã Đông Lỗ là 530,56 ha)*.

Theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023, tổng diện tích đất lúa chuyển sang mục đích khác là 3360,89 ha *(trong đó xã Tiên Sơn 267,4ha; xã Hương Mai 50,68 ha; xã Trung Sơn 59,57ha)*.

Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ năm 2021 đến ngày 15/12/2023 như sau:

a) Trên địa bàn toàn tỉnh

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (2.179,12 ha): Có 08 Dự án khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, với tổng diện tích đất lúa là 724,70 ha; có 11 dự án khu công nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thẩm định với tổng diện tích đất trồng lúa là 1.454,42 ha (09/11 dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa; 02 dự án sáp nhập cụm công nghiệp vào khu công nghiệp).

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (1.636,18ha): Từ năm 2021 đến nay có 23 Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác với tổng diện tích 920,5ha.

Hiện UBND tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 32 dự án với tổng diện tích 715,68 ha.

- HĐND tỉnh Bắc Giang đã thông qua các Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng 2.932,23 ha đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Như vậy, tổng diện tích đã thực hiện là 6.747,53 ha. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 là: 15.252,68 ha.

b) Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (510,92 ha): Trên địa bàn huyện Hiệp Hòa có Dự án khu công nghiệp Hòa Phú được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, diện tích sử dụng đất trồng lúa là 128,4 ha; có 02 dự án khu công nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thẩm định với tổng diện tích đất trồng lúa là 382,52 ha *(KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm; KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm).*

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (317,51ha): Từ năm 2021 đến nay có 07 Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác với tổng diện tích 293,07 ha. Hiện UBND tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 dự án với tổng diện tích 24,44 ha.

- HĐND tỉnh Bắc Giang đã thông qua các Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng 258,59 ha đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện Hiệp Hòa.

- Trên địa bàn xã Đông Lỗ, diện tích đã thực hiện là 20,0 ha. Như vậy, tổng diện tích đã thực hiện trên địa bàn huyện Hiệp Hòa là 1.087,02 ha. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 2.054,79 ha; trên địa bàn xã Đông Lỗ diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại được thực hiện là 510,56 ha.

b) Trên địa bàn huyện Việt Yên

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư (400,08ha): Trên địa bàn huyện Việt Yên có 03 Dự án khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, diện tích sử dụng đất trồng lúa là 195,3 ha; có 02 dự án khu công nghiệp đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thẩm định với tổng diện tích đất trồng lúa là 204,78 ha (KCN Việt Hàn (Mở rộng); KCN Quang Châu 2);

- Dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (141,51ha): Từ năm 2021 đến nay có 03 Dự án được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất khác với tổng diện tích 67,97 ha. Hiện UBND tỉnh Bắc Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 03 dự án với tổng diện tích 73,54 ha.

- HĐND tỉnh Bắc Giang đã thông qua các Nghị quyết cho phép chuyển mục đích sử dụng 499,21 ha đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện Việt Yên.

- Kết quả thực hiện trên địa bàn các xã: Xã Tiên Sơn 11,46 ha, xã Hương Mai 5,78 ha; xã Trung Sơn 13,1 ha. Như vậy, tổng diện tích đã thực hiện trên địa bàn huyện Việt Yên là 1.040,80 ha. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại trên địa bàn huyện đến năm 2030 là 2.320,09 ha; trên địa bàn các xã: Tiên Sơn 255,94 ha, xã Hương Mai 44,90 ha; xã Trung Sơn 46,47 ha.

Đối chiếu với hiện trạng sử dụng đất cho thấy diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa còn lại đến năm 2030 trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, huyện Việt Yên và các xã đảm bảo để thực hiện dự án khu công nghiệp Hòa Yên. Vì vậy, việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án phù hợp với chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp còn lại trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Hiệp Hòa đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023.

3.2.3. Rà soát các khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến sử dụng đất để thực hiện Dự án (nếu có)

Qua rà soát, nắm bắt hiện tại, các ô đất trong ranh giới Dự án không có các khiếu kiện, tranh chấp liên quan đến sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện đền bù, hỗ trợ nếu phát sinh các tranh chấp khiếu kiện liên quan đến sử dụng đất, chính quyền địa phương sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan để giải quyết theo quy định.

4. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án; đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đề xuất thực hiện Dự án; khả năng đáp ứng các điều kiện cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai

4.1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang là Dự án thuộc diện quy định tại điểm c khoảng 4 Điều 29 Luật Đầu tư năm 2020; điểm c khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Vì vậy, Nhà đầu tư đề nghị thực hiện Dự án đầu tư theo hình thức Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật.

4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đề xuất thực hiện Dự án

- Nhà đầu tư là Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400945909 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13/9/2022, thay đổi lần 03 ngày 13/6/2023.

- Địa chỉ trụ sở: Thôn Chớp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 600.000.000.000 đồng (sáu trăm tỷ đồng).

- Người đại diện pháp luật: Ông Phùng Tiến Trung, sinh ngày 23/10/1973; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

- CCCD/CMT số: 001073012136, cấp ngày 7/12/2016 do Cục Cảnh sát ĐKQL

và DLQG về dân cư cấp.

- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Địa chỉ thường trú: 604 B14 Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Chỗ ở hiện nay: 604 B14 Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang, với diện tích 256,68 ha; tổng vốn đầu tư 3.745,13 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn góp của Nhà đầu tư: 561,778 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn đầu tư Dự án (3.745,13 tỷ đồng).

+ Vốn vay và huy động: 3.183,35 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 85% tổng vốn đầu tư Dự án (3.745,13 tỷ đồng).

Nhà đầu tư có Báo cáo tài chính được kiểm toán đến ngày 30/9/2023, theo đó tổng cộng tài sản của Nhà đầu tư thể hiện tiền và các khoản tương đương tiền có 617,698 tỷ đồng; ngoài ra, theo thư cam kết cấp tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh ngày 27/10/2023 cam kết sẽ cung cấp nguồn vốn tín dụng với số tiền tối đa là 3.183,35 tỷ đồng để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên".

Mặt khác, Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên có năng lực tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các dự án về hạ tầng kỹ thuật và có giải pháp thu hút đầu tư đối với Dự án đầu tư "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên". Các cổ đông góp vốn đều là thành viên HĐQT hoặc lãnh đạo của các Công ty khác và có kinh nghiệm trong việc đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị, cụm công nghiệp...

Như vậy, Nhà đầu tư chứng minh đảm bảo năng lực về tài chính, kinh nghiệm để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang.

4.3. Khả năng đáp ứng các điều kiện cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai

Trên cơ sở đánh giá về năng lực tài chính của Nhà đầu tư tại mục 4.2 nêu trên, trong đó tổng tài sản của Nhà đầu tư thể hiện tại Báo cáo tài chính được kiểm toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2023, vốn Chủ sở hữu của Nhà đầu tư là 614,18 tỷ đồng, lớn hơn phần vốn Nhà đầu tư cam kết góp vào dự án (256,68ha): 561,778 tỷ đồng, tương đương 15% tổng vốn đầu tư dự án; tổng vốn vay là 3.183,35 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 85% tổng vốn đầu tư của Dự án. Theo như cam kết cấp tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Anh ngày 27/10/2023 cam kết cung cấp nguồn vốn tín dụng với số tiền tối đa là 3.183,35 tỷ đồng để thực hiện dự án 'Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên".

Như vậy tỷ lệ vốn góp và năng lực tài chính của Nhà đầu tư đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai và điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, điều kiện về năng lực tài chính của nhà đầu tư để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư.

5. Đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện xem xét, quyết định chủ trương đầu tư Dự án theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; đánh giá khả năng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn tới

5.1. Đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện xem xét, quyết định chủ trương đầu tư Dự án theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế

Các nội dung đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022, cụ thể như sau:

(1) Phù hợp với quy hoạch bao gồm: Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; Có trong danh mục các KCN trên địa bàn tỉnh; phù hợp với quy hoạch xây dựng KCN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*các văn bản về quy hoạch đã được UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo tham gia ý kiến tại mục 1 nêu trên*).

(2) Về phân kỳ đầu tư: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với Dự án KCN Hòa Yên với quy mô 256,68ha trong đó diện tích đất lúa 02 vụ là 88,04ha là đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022, Dự án không thuộc trường hợp phải phân kỳ đầu tư.

(3) Đối với phần diện tích đất công nghiệp để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm e, điểm g khoản 2 Điều 15 của Luật Đầu tư. Về nội dung này, Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang đã bố trí đảm bảo điều kiện về diện tích đất công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

(4) Có khả năng đáp ứng các điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai: Về nội dung này, UBND tỉnh Bắc Giang đã tham gia ý kiến tại mục 4.3 nêu trên.

(5) Về điều kiện tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN hợp lệ theo quy định của pháp luật về đầu tư, tỷ lệ lấp đầy bình quân của các khu công nghiệp đã được thành lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt tối thiểu là 60%.

Về điều kiện trên, tính đến nay tỉnh Bắc Giang được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và thành lập 08 KCN, cụ thể như sau:

Bảng tổng hợp đất công nghiệp và đất hành chính dịch vụ cho thuê tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

STT	Tên KCN	Diện tích QH (ha)	Diện tích đất CN (ha)	Diện tích đất HC-DV (ha)	Diện tích đất CN đã cho thuê (ha)	Diện tích đất HC-DV đã cho thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)
1	KCN Đình Trám	127,35	98,2	2,12	98,2	2,12	100
2	KCN Quang Châu	426	374,31	10,35	365,7	3,42	95,96
		90					
3	KCN Vân Trung	237,1	168,39	3,23	168,39	3,23	100
		112,46	84,04	2,68	84,04	1,23	98,33
4	KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam)	44,9	32,8	0,82	32,8	0,82	100
	KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc)	104,9	77,8	1,50	77,8	1,50	100
5	KCN Hòa Phú	207,45	140,14	3,34	132,3	1,84	93,49
	KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 1	85	57,3	0,84	0		0,00
6	KCN Việt Hàn	50	34,9	0,99	33,8	0,99	96,94
7	KCN Tân Hưng	105,3	73,61	1,06	56,5	1,06	77,09
8	KCN Yên Lư	377	226,94	1,85	17		7,43
	Tổng	**1.967,46**	**1.368,43**	**28,78**	**1.066,53**	**16,21**	**77,5**

Theo quy định tại khoản 22 Điều 2 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022, tỷ lệ lấp đầy của các KCN tỉnh Bắc Giang (*Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp và đất Hành chính - Dịch vụ KCN đã cho thuê/đất công nghiệp và đất Hành chính - Dịch vụ KCN theo quy hoạch được duyệt*) đạt: (1.066,53 + 16,21)ha : (1.368,43 + 28,78) ha X 100 = 77,5%

Bên cạnh đó, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên thực hiện trên địa bàn huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong đó đối với phần diện tích nằm trên địa bàn huyện Hiệp Hòa thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và không áp dụng về điều kiện tỷ lệ lấp đầy đối với các KCN đã được thành lập trên địa bàn tỉnh (*quy định tại điểm c khoản 6 Điều 9 Nghị định số*

35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022).

(6) Theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang có bố trí ô đất dịch vụ 5,57 ha, trong đó dành khoảng 2,79 ha/5,57 ha để làm nhà lưu trú cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp Hòa Yên. Bên cạnh khu công nghiệp còn có khu đô thị - dịch vụ Hòa Yên quy mô khoảng 40ha, theo Công văn số 4962/UBND-XD ngày 06/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang khu đô thị - dịch vụ Hòa Yên sẽ bố trí tối thiểu 35% trên tổng diện tích đất ở để xây dựng nhà ở xã hội cao tầng dành cho công nhân.

5.2. Đánh giá điều kiện đối với nhà đầu tư khi xem xét chủ trương đầu tư Dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP

Điều 10 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phải đáp ứng.

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang không thuộc trường hợp áp dụng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, do đó Nhà đầu tư cần đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 như sau: "*Đáp ứng điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản*".

Đối chiếu quy định tại Điều 4 Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bất động sản thì Nhà đầu tư (Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên) đảm bảo đáp ứng điều kiện theo quy định *(nội dung cụ thể đã được nêu tại mục 4.2 và 4.3 nêu trên).*

5.3. Đánh giá khả năng thu hút đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn tới

Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đang có 08 KCN đang hoạt động, trong đó 100% KCN có Nhà đầu tư thứ cấp, các KCN đã thu hút đầu tư đạt tỷ lệ lấp đầy cụ thể tại Bảng tổng hợp mục 5.1 nêu trên. Tính đến nay, trong các KCN của tỉnh Bắc Giang có 488 dự án, trong đó có 374 dự án FDI, 114 dự án DDI. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 9,90 tỷ USD và 18.199 tỷ đồng. Vốn đầu tư thực hiện ước đạt khoảng 7,124 tỷ USD, chiếm 72% tổng vốn đăng ký và khoảng 11.698 tỷ đồng, chiếm 64,3% tổng vốn đầu tư đăng ký. Trong đó có 424 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị sản xuất công nghiệp hết năm 2023 đạt khoảng 453.000 tỷ đồng. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp KCN cả năm 2023 đạt khoảng 22,05 tỷ USD; sử dụng trên 195.000 lao động, thu nhập bình quân của người lao động khoảng 8 triệu đồng/người/tháng, được tham gia đầy đủ BHXH, BHYT và BHTN theo quy định.

Tính từ đầu năm 2023 đến ngày 26/12/2023, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang đã thu hút được 64 dự án FDI và 09 dự án DDI với số vốn đăng ký đạt 1.386,55 triệu USD và 1.029,85 tỷ đồng; cấp điều chỉnh cho 57 dự án tăng vốn, với số vốn tăng thêm đạt 1.387,18 triệu USD và 560,25 tỷ đồng. Nâng tổng vốn quy đổi khoảng 2.841,39 triệu USD, bằng 284% kế hoạch UBND tỉnh giao. Theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tính đến ngày 20/11/2023, tỉnh Bắc Giang đứng thứ 4 toàn quốc về thu hút vốn đầu tư FDI, sau tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh và

thành phố Hải Phòng. Và trong những năm gần đây tỉnh Bắc Giang luôn là địa phương đứng trong tốp 10 các tỉnh, thành phố về thu hút đầu tư nói chung và thu hút đầu tư vốn FDI nói riêng.

Trong thời gian vừa qua tỉnh Bắc Giang liên tục tiếp và làm việc với các Nhà đầu tư, các tập đoàn kinh tế nước ngoài tới tìm hiểu đầu tư tại tỉnh. Các nhà đầu tư đều đánh giá, Bắc Giang có rất nhiều lợi thế, nhất là địa bàn có vị trí thuận lợi về giao thông, nằm trên trục hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn, gần sân bay Quốc tế Nội Bài, cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn và cảng biển Hải Phòng. Chính quyền thường xuyên nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và kịp thời hỗ trợ giải quyết cho các Nhà đầu tư, các thủ tục hành chính được thực hiện nhanh chóng đảm bảo theo quy định. Do đó, một số nhà đầu tư đã quyết định đầu tư tại Bắc Giang và đã ký hợp đồng nguyên tắc thuê lại đất đối với các chủ đầu tư hạ tầng các KCN trên địa bàn tỉnh *(KCN Yên Lư, hiện đã ký hợp đồng nguyên tắc với 02 Nhà đầu tư cho thuê lại đất công nghiệp; KCN Tân Hưng đã thu hút 17 dự án đầu tư thứ cấp đạt tỷ lệ lấp đầy 78,8%...).* Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đang thiếu mặt bằng đất để giao cho các Nhà đầu tư đã ký hợp đồng nguyên tắc thuê lại đất.

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tại huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên có vị trí thuận lợi, giáp với đường tỉnh 398 và đường tỉnh 398B nên rất thuận lợi tuyến giao thông đi tỉnh Bắc Ninh, sân bay Nội Bài...Vì vậy, khi dự án được đầu tư xây dựng sẽ là KCN tiềm năng để tỉnh Bắc Giang thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

6. Đánh giá về sự phù hợp của Dự án với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư (được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật số 03/2022/QH15)

Khu vực Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang không có di tích lịch sử - văn hóa, công trình tôn giáo, tín ngưỡng và không gian văn hóa gắn với các hoạt động văn hóa phi vật thể; chủ trương đầu tư dự án không xung đột với quy hoạch phát triển ngành tích hợp trong quy hoạch tỉnh. Do đó khu vực của dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

7. Đánh giá nhu cầu và phương án giải quyết nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP

Căn cứ Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh đã chỉ đạo các UBND các huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo quy định; căn cứ tình hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Hiệp Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050. UBND huyện Hiệp Hòa đã ban hành Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/7/2021 về phát triển nhà ở năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện về xây dựng Nhà trọ

công nhân, an toàn, văn minh giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 35/KH-HU ngày 29/7/2021 của Huyện ủy Hiệp Hòa về phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân trên địa bàn huyện đến năm 2022 và định hướng đến năm 2030.

Theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang có bố trí lô đất dịch vụ 5,57 ha, trong đó dành khoảng 2,79 ha/5,57 ha để làm nhà lưu trú cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp. Bên cạnh khu công nghiệp còn có khu đô thị - dịch vụ Hòa Yên quy mô khoảng 40ha, theo Công văn số 4962/UBND-XD ngày 06/10/2022 của UBND Tỉnh Bắc Giang, khu đô thị - dịch vụ Hòa Yên sẽ bố trí tối thiểu 35% trên tổng diện tích đất ở để xây dựng nhà ở xã hội cao tầng dành cho công nhân.

Hiện tại trên địa bàn huyện Việt Yên đang có có 08 dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư với quy mô khoảng 41,3ha, tổng số căn hộ khoảng 15.000 căn. Ngoài ra, đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện Việt Yên đang triển khai một số đồ án quy hoạch khu dân cư, đô thị để giải quyết nhu cầu ở cho người dân và công nhân tại khu, cụm công nghiệp, cụ thể: Khu dân cư mới phía Nam xã Quang Châu, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 16/5/2022 với quy mô 19,9ha, dân số đáp ứng khoảng 3.300 người. Khu đô thị Quang Châu, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 18/7/2019; điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 với quy mô khoảng 30ha, dân số đáp ứng khoảng 8.000 người. Khu dân cư mới thôn Quang Biểu xã Quang Châu, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500) đã được UBND huyện Việt Yên phê duyệt tại Quyết định số 1806/QĐ- UBND ngày 18/11/2021 với quy mô khoảng 7,82ha, dân số đáp ứng khoảng 1.800 người. Khu dân cư thôn Đông Tiến, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện Việt Yên phê duyệt tại Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 với quy mô khoảng 3,9ha, dân số đáp ứng khoảng 464 người. UBND tỉnh Bắc Giang cũng vừa phê duyệt danh mục dự án khu đô thị mới phía Tây Nam, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa 36,34 ha và các dự án lân cân khác như khu dân cư Yên Khê, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang 8,97 ha; khu số 2 thuộc khu đô thị cạnh Trường cao đẳng nghề và tiếp giáp QL31, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang 6,5 ha; khu đô thị dịch vụ, thương mại tổng hợp tại xã Tân Mỹ, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang và xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên 36,7 ha; khu số 1 thuộc khu đô thị số 4, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng 10,85 ha; khu dân cư mới số 1 xã Tư Mại, huyện Yên Dũng 6,37 ha. Như vậy, với các dự án nhà ở xã hội, đồ án quy hoạch, các khu dân cư, đô thị đang triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Việt Yên và huyện Hiệp Hòa cùng với các khu, dãy nhà trọ hiện hữu và phát triển mới của nhân dân sẽ giải quyết được nhu cầu về nhà ở và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng phục vụ người lao động trong khu công nghiệp Hòa Yên.

Do đó, khi Dự án án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang được chấp thuận chủ trương đầu tư, UBND tỉnh Bắc Giang tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện Hiệp Hòa và UBND huyện Việt Yên tổ chức triển khai thực hiện các dự án đảm bảo giải quyết nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

8. Đánh giá về công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai tại khu vực đề xuất thực hiện dự án và vùng lân cận (nếu có), trong đó lưu ý nêu rõ loại công trình trong khu vực đề xuất thực hiện Dự án

- *Về hành lang công trình đê điều và thoát lũ:* Vị trí xây dựng dự án thuộc địa bàn các xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, huyện Việt Yên là khu vực nằm cách xa đê, không thuộc hành lang đê điều và không gian thoát lũ.

- *Về hiện trạng công trình thủy lợi:*

+ Hiện trạng khu vực đề xuất xây dựng khu công nghiệp cơ bản nằm trên đất nông nghiệp, khi triển khai xây dựng có chồng lấn vào hệ thống kênh mương thuỷ lợi nội đồng do UBND các huyện: Hiệp Hòa, Việt Yên quản lý. Đặc biệt, trong khu vực dự án có chồng lấn một phần với tuyến kênh tưới trạm bơm Việt Hòa do Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Nam Sông Thương quản lý. Theo Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 (phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ -UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh), dự án có giải pháp thiết kế dịch chuyển và xây dựng hoàn trả đoạn kênh này ra khỏi khu vực dự án. Việc xây dựng hoàn trả các tuyến kênh thủy lợi (trong khu vực dự án) là phù hợp với các quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng thuỷ lợi. Tuy nhiên, trước khi triển khai thi công các hoạt động liên quan đến công trình thuỷ lợi, đề nghị Nhà đầu tư phải hoàn thiện hồ sơ cấp phép, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho phép thực hiện theo quy định.

+ Phía Tây dự án có gần với ngòi tiêu Lữ do UBND huyện Hiệp Hòa quản lý; phía Nam dự án có tuyến kênh tiêu trạm bơm Việt Hòa do do Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Nam Sông Thương quản lý (đây là các tuyến kênh tiêu nằm ngoài ranh giới, tuy nhiên dự án có đấu nối tiêu thoát nước mưa nước thải).

- Về giải pháp thiết kế thoát nước thải: Trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã nêu giải pháp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn của nước thải công nghiệp (QCVN 40-2011/BTNMT) đảm bảo không ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước các công trình thủy lợi và khu vực lân cận dự án theo quy định.

Việc đầu tư xây dựng khu công nghiệp sẽ dẫn đến thu hẹp đất nông nghiệp, vùng trũng thấp làm gia tăng áp lực cho hệ thống tiêu thoát nước hiện trạng. Do vậy, đến bước triển khai thiết kế chi tiết đề nghị nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ lưỡng, bổ sung thêm các bài toán thủy lực, kiểm toán kích thước hệ thống kênh tiêu hiện trạng mà dự án đấu nối, đánh giá tổng thể vùng tiêu, khả năng tiêu trên toàn lưu vực (cập nhật các hệ số tiêu nông nghiệp, công nghiệp, đô thị theo quy hoạch). Trên cơ sở đó đề xuất phương án cải tạo nâng cấp các tuyến kênh tiêu, cống tiêu, trạm bơm tiêu (nếu cần thiết) để đảm bảo đủ kích thước mặt cắt, cao độ đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước và phòng chống thiên tai cho khu vực dự án và lân cận.

9. Rà soát căn cứ lập hồ sơ Dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng và sự phù hợp của các khoản mục chi phí đầu tư Dự án do Nhà đầu tư xác định trong hồ sơ Dự án

9.1. Căn cứ lập hồ sơ Dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022; Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 12/8/2018 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 12/8/2022; Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 22/8/2023; Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023.

9.2. Sự phù hợp của các khoản mục chi phí đầu tư Dự án do Nhà đầu tư xác định trong hồ sơ Dự án

Các khoản mục chi phí đầu tư xác định trong dự án cơ bản phù hợp với quy định của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và suất vốn đầu tư công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố tại Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 về công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022.

10. Về ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 13814/BTC-ĐT ngày 14/12/2023 về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với các hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể những nội dung yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 13814/BTC-ĐT ngày 14/12/2023 và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cụ thể như sau:

10.1. Đánh giá tổng thể về tỷ lệ lấp đầy của các dự án KCN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Về nội dung này, UBND tỉnh Bắc Giang đã báo cáo tham gia ý kiến nội dung nêu tại điểm 5.1 mục 5 nêu trên.

10.2. Khả năng thu hút của nhà đầu tư trong giai đoạn 2021-2025;

Về nội dung này, UBND tỉnh Bắc Giang đã báo cáo tham gia ý kiến nội dung nêu tại điểm 5.3 mục 5 nêu trên.

10.3. Quỹ đất phát triển KCN có phù hợp với quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 về việc chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025

Về nội dung này, UBND tỉnh Bắc Giang đã báo cáo tham gia ý kiến nội dung nêu tại mục 2 nêu trên.

10.4. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, chuyển đổi nghề của người dân có đất bị thu hồi…ảnh hưởng đến an ninh lương thực, an toàn và an sinh đối với đời sống của người dân bị thu hồi đất

Về nội dung này, UBND tỉnh Bắc Giang đã báo cáo tham gia ý kiến nội dung nêu tại điểm 1.3 mục 1 và mục 3 nêu trên.

10.5. Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các KCN trên địa bàn tỉnh và có ý kiến về sự cần thiết đầu tư các dự án KCN, hiệu quả sử dụng đất, việc đáp ứng điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các khu vực dự kiến thực hiện đầu tư dự án, khả năng thu hút các nhà đầu tư vào thuê hạ tầng KCN trong thời gian tới

Về nội dung này, UBND tỉnh báo cáo, làm rõ như sau:

- Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các KCN trên địa bàn tỉnh và có ý kiến về sự cần thiết đầu tư các dự án KCN: Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 được phân bổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và căn cứ vào tình hình thực tế điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, UBND tỉnh Bắc Giang đã báo cáo và được Thường trực Tỉnh ủy nhất trí chủ trương về danh mục các khu công nghiệp ưu tiên thực hiện giai đoạn 2022-2025 (đợt 1) tại Thông báo số 1129-TB/TU ngày 12/6/2022 để thống nhất việc phát triển công nghiệp trong giai đoạn 2022-2205 của tỉnh, trong đó, có các KCN nêu tại mục 2 nêu trên và KCN Hòa Yên.

- Về hiệu quả sử dụng đất, việc đáp ứng điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các khu vực dự kiến thực hiện đầu tư dự án, khả năng thu hút các nhà đầu tư vào thuê hạ tầng KCN trong thời gian tới: Về nội dung này, UBND tỉnh Bắc Giang đã báo cáo tại điểm 5.3 mục 5 và mục 7 nêu trên.

Trên đây là ý kiến tham gia thẩm định về hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ Quản lý các khu kinh tế;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan: KH&ĐT, XD, TN&MT, NN&PTNT, VH-TT&DL, Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND các huyện: Hiệp Hòa, Việt Yên;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
  + Lưu VT, KTTH.Bình.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Phan Thế Tuấn

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

Số: 481 /KCN-QHXD
V/v đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị kiểm điểm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày 13/3/2025; Công văn số 1366/UBND-KTTH ngày 14/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Sau khi rà soát, tiếp thu ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh, Ban Quản lý các KCN tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2025 như sau:

1. Tổng chỉ tiêu sử dụng đất các khu công nghiệp đề xuất phân bổ thêm cho các KCN năm 2025 là: 540,77 ha.

2. Tổng chỉ tiêu đất để phân bổ cho các KCN là 540,77 ha, bao gồm:

- Diện tích KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn giảm khi chấp thuận chủ trương đầu tư: 20,43ha *(diện tích được chấp thuận là 89,57ha, diện tích theo NQ29/NQ-HĐND là 110ha).*

- Diện tích dự kiến sáp nhập CCN Tăng Tiến vào KCN Vân Trung và sáp nhập CCN Tân Hưng vào KCN Tân Hưng: 86,7ha *(CCN Tăng Tiến 37ha, CCN Tân Hưng 49,7ha).*

- Trong tổng chỉ tiêu đất 500ha chưa phân bổ, dự kiến bố trí 433,64/500ha để phân bổ cho các KCN *(chỉ tiêu còn lại 66,36ha dự phòng để phân bổ cho các KCN dự kiến chấp thuận chủ trương đầu tư mới).*

(Có biểu đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN gửi kèm theo)

Văn bản này thay thế Văn bản số: 469/KCN-QHXD ngày 28/5/2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh V/v đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025.

Ban Quản lý các KCN tỉnh đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, QHXD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Như Long

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 380 /TTR- STNMT

Bắc Giang, ngày30 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến Ban thường vụ đảng uỷ UBND tỉnh về chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025

Kính gửi:
- Uỷ ban nhân dân tỉnh
- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội khóa 15 về "Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Thực hiện các quy định về lập quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, ngày 09/3/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 326/QĐ-TTg về Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không còn quy định lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh độc lập mà thực hiện lập Kế hoạch sửu dụng đất cấp tỉnh trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, đồng thời hệ thống chỉ tiêu quốc gia phân bổ đến cấp tỉnh bao gồm các chỉ tiêu: Nhóm đất nông nghiệp: Đất trồng lúa, Đất rừng đặc dụng, Đất rừng phòng hộ, Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Nhóm đất phi nông nghiệp gồm: Đất quốc phòng; Đất an ninh. Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại do cấp tỉnh xác định.

Ngày 03/4/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐND v/v bãi bỏ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 tỉnh Bắc Giang.

Để triển khai thực hiện các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Chủ trương đầu tư đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 28/5/2025 Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có Công văn số 469/KCN-QHXD V/v đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàntỉnh thực hiện năm 2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến Ban thường vụ đảng uỷ UBND tỉnh về chỉ tiêu sử dụng đất các KCN trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2025, như sau:

- Điều chỉnh tăng chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 của 07 KCN, với tổng diện tích là: 370,43ha, trong đó có 06 KCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang thực hiện công tác GPMB *(Yên Lư phần mở rộng giai đoạn 1, Phúc Sơn, Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm, Hòa Yên, Xuân Cẩm - Hương Lâm, Đồng Phúc)* và 01 KCN đã nộp hồ sơ đầu tư *(KCN Hòa Phú mở rộng giai đoạn 2)*

- Trường hợp chấp thuận Chủ trương đầu tư thực hiện trong năm 2025 thì thực hiện điều chỉnh giảm chỉ tiêu của 04 KCN với tổng diện tích là 370,43ha, trong đó, có 02 KCN chưa duyệt QH: KCN Minh Đức - Thượng Lan - Ngọc Thiện *(giảm 50ha)*; KCN Mỹ Thái - Xuân Hương - Tân Dĩnh *(giảm 50ha)* và 02 KCN đã nộp hồ sơ đầu tư: KCN Yên Sơn - Bắc Lũng *(giảm 250ha/300ha)*; KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn (*giảm 20,43ha/110 ha do diện tích được phê duyệt QH là 89,57ha/110ha).*

giao Ban quản lý các Khyu công nghiệp tỉnh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp cho các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, theo hướng:

Sau khi có điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giao UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung giải phóng mặt bằng trong năm 2025 đối với toàn bộ diện tích theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh.

1. Tổng chỉ tiêu sử dụng đất các khu công nghiệp đề xuất phân bổ thêm cho các KCN năm 2025 là: 507,1 ha.

2. Tổng chỉ tiêu đất để phân bổ cho các KCN là 507,1 ha, bao gồm:

- Diện tích KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn giảm khi chấp thuận chủ trương đầu tư: 20,4ha *(diện tích được chấp thuận là 89,57ha, diện tích theo NQ29/NQ-HĐND là110ha).*

- Diện tích dự kiến sáp nhập CCN Tăng Tiến vào KCN Vân Trung và sáp nhập CCN Tân Hưng vào KCN Tân Hưng: 86,7ha *(CCN Tăng Tiến 37ha, CCN Tân Hưng 49,7ha).*

- Trong tổng chỉ tiêu đất 500ha chưa phân bổ, dự kiến bố trí 400/500 ha để phân bổ cho các KCN *(chỉ tiêu còn lại 100ha dự phòng để phân bổ cho các KCN dự kiến chấp thuận chủ trương đầu tư mới)*

(Chi tiết theo Biểu đính kèm)

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xin ý kiến Ban thường vụ đảng uỷ UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ban quản lý cá KCN tỉnh;
- LĐS; VPS;
- Lưu VT, QLĐĐ.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BẮC GIANG

Bùi Quang Huy

BIỂU: CHỈ TIÊU CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 380 /TTr- STNMT ngày30 /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tổng chỉ tiêu diện tích để phân bổ (ha)	Diện tích đã chấp thuận, đã phân bổ, dự kiến phân bổ (ha)					Chỉ tiêu dự phòng còn lại, phân bổ cho 6 KCN dự kiến chấp thuận đầu tư (ha)
		Diện tích đề xuất phân bổ thêm	Diện tích Đã phân bổ	Diện tích đã chấp thuận ĐT	Khu công nghiệp	Phân nhóm	
1	507,1	53,9	70	123,9	KCN Phúc Sơn	Nhóm I (đã hoàn thành phê duyệt phương án và tổ chức chi trả phần diện tích được phân bổ)	100
2		55,5	50	105,5	KCN Châu Minh - Bắc Lý - Hương Lâm	Nhóm II (đã tổ chức chi trả một phần, theo báo cáo của các địa phương thì người dân đồng thuận, tỷ lệ nhận tiền cao; dự kiến đến cuối năm 2025 sẽ hoàn thành toàn bộ giải phóng mặt bằng phần diện tích đã chấp thuận đầu tư)	
3		49,8	70	119,8	KCN Yên Lư mở rộng		
		85	54,8	197,1	Song Mai - Nghĩa Trung		
		109,9	50	159,9	KCN Mỹ Thái		
4		52,9	50	102,8	KCN Xuân Cẩm - Hương Lâm		
7		45,1	70	148,6	KCN Nghĩa Hưng	Nhóm III (Đang tổ chức kiểm kê, tổ chức chi trả một phần	

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 235 /UBND-KTN V/v điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	*Bắc Giang, ngày 13 tháng 6 năm 2025*

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã: Việt Yên, Bắc Giang, Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa.

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh tại Công văn số 481/KCN-QHXD ngày 30/5/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 380/TTr-NNMT ngày 30/5/2025 về việc phân bổ chỉ tiêu đất công nghiệp đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Sau khi báo cáo, xin ý kiến và được Thường trực Tỉnh uỷ và Đảng uỷ UBND tỉnh nhất trí (*tại Thông báo số 2697-TB/TU ngày 05/6/2025 và Công văn số 317-CV/ĐU ngày 06/6/2025*). UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với đề xuất của Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Tờ trình, Công văn nêu trên (*có các văn bản kèm theo*). Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thẩm định, trình UBND tỉnh nêu trên.

2. Giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh căn cứ quy định pháp luật thực hiện việc điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các chủ đầu tư khu công nghiệp theo nội dung trên và đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan đúng pháp luật.../.

Nơi nhận: - Như trên; - Chủ tịch UBND tỉnh (b/c); - Các PCT UBND tỉnh; - Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN, KTTH; - Lưu VT, KTN$_{SN}$.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Phạm Văn Thịnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HIỆP HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 425 /UBND-KT V/v Tham gia ý kiến Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000)	*Hiệp Hòa, ngày 21 tháng 8 năm 2025*

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên.

UBND xã Hiệp Hòa nhận được Công văn số 27/2025/CV-TKT.FECONHOAYEN ngày 11/8/2025 v/v xin ý kiến tham gia hồ sơ Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000).

Sau khi giao cơ quan chuyên môn nghiên cứu hồ sơ, UBND xã Hiệp Hòa tham gia ý kiến về Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000) như sau:

Cơ bản nhất trí với Đồ án điều chỉnh với Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000); Việc điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 là phù hợp và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; đồ án điều chỉnh cơ bản không làm thay đổi ranh giới, cơ cấu sử dụng đất.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND xã Hiệp Hòa về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 để Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã Hiệp Hòa;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HIỆP HÒA T.BẮC NINH

Nguyễn Xuân Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TỰ LẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số333 /UBND-KTHT&ĐT	*Tự Lạn, ngày 26 tháng 8 năm 2025*
V/v Tham gia ý kiến Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000)	

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên.

UBND phường Tự Lạn nhận được công văn số 28/2025/CV-KTHT.FECONHOAYEN ngày 11/8/2025 về việc xin ý kiến tham gia hồ sơ Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000) của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên.

Sau khi giao cơ quan chuyên môn nghiên cứu hồ sơ, UBND phường Tự Lạn cơ bản nhất trí với Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000); đồ án điều chỉnh cơ bản không làm thay đổi ranh giới, cơ cấu sử dụng đất.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND phường Tự Lạn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường;
- Lưu VT:

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Ngọc Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VÂN HÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 399 /UBND-KTHT&ĐT V/v tham gia ý kiến Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000)	*Vân Hà, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên

UBND phường Vân Hà nhận được Công văn số 29/2025/CV-TKT.FECONHOAYEN ngày 11/8/2025 về việc xin ý kiến tham gia hồ sơ Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000). Sau khi giao cơ quan chuyên môn xem xét, nghiên cứu hồ sơ, UBND phường Vân Hà có ý kiến như sau:

1. Việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000) không làm thay đổi ranh giới, tính chất, chức năng, định hướng phát triển chung của khu vực quy hoạch. Phù hợp với Luật xây dựng và Luật Quy hoạch hiện hành.

2. UBND phường Vân Hà cơ bản nhất trí với nội dung của Đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000).

3. Đề nghị Công ty cổ phần FECON Hòa Yên trong quá trình điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng cần đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; Nội dung điều chỉnh phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất, cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên đây là ý kiến của UBND phường Vân Hà, đề nghị Công ty cổ phần FECON Hòa Yên thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng KTHT&ĐT phường;
- VP: LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG VÂN HÀ T.BẮC NINH

Đỗ Văn Hùng

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 591 /BQLCKCN-QHXD

V/v tham gia ý kiến hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch Phân khu khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2.000)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh nhận được Văn bản số 26/2025/CV-HOAYEN ngày 11/8/2025 của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên về việc tham gia ý kiến hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch Phân khu khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2.000). Sau khi nghiên cứu, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh có ý kiến như sau:

- Cơ bản nhất trí với nội dung đề xuất điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh (tỷ lệ 1/2000) của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên tại Văn bản số 26/2025/CV-HOAYEN ngày 11/8/2025.

- Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên rà soát các nội dung và trình tự thực hiện để đảm bảo nội dung điều chỉnh quy hoạch tuân thủ theo quy định tại điều 47 Luật Quy hoạch đô thị nông thôn *(Luật số: 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024).*

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đề nghị Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên căn cứ, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo BQLCKCN;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, QHXD.NHT(01).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Đức Long

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH

Số: 1884/PCBN-KT

V/v tham gia ý kiến đối với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, Tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Điện lực Bắc Ninh nhận được văn bản số 2074/SXD-QHKT ngày 22/9/2025 của Sở Xây dựng về việc lấy ý kiến Hội đồng thẩm định đối với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, Tỉnh Bắc Ninh), tỷ lệ 1/2000.

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000. Công ty Điện lực Bắc Ninh có tham gia ý kiến như sau:

- Theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh): Phê duyệt Quy hoạch cấp điện cho KCN Hòa Yên bằng trạm biếp áp 110kV công suất trạm 3x63 MVA.
- Theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 (nay là tỉnh Bắc Ninh) bằng trạm biếp áp 110kV công suất trạm 2x63 MVA.

Vì vậy, Công ty Điện lực Bắc Ninh đề nghị Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên yêu cầu đơn vị lập dự án chuẩn xác nhu cầu công suất trạm biếp áp 110kV theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Lê Minh Hải

UBND TỈNH BẮC NINH **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(Quyết định 95/QĐ-UBND)	*Bắc Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2025*

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Nguyễn Đức Long
   - Đơn vị công tác: Ban Quản lý các Khu công nghiệp
   - Chức vụ (học hàm, học vị): Phó Trưởng Ban
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0913.380.533
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh [X]

[ ]

4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau:

4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh [ ]

(Đề nghị nêu rõ lý do)

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Long

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Đỗ Văn Hưng
   - Đơn vị công tác: Phó chủ tịch UBND phường Văn Yên, TP Bắc Ninh
   - Chức vụ (học hàm, học vị): phó chủ tịch UBND phường
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0962042345
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh [X]

[ ]

4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau:

(đã có ý kiến tham gia khi có văn bản gửi)

4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh [ ]

(Đề nghị nêu rõ lý do)

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Văn Hưng

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Ngô Chí Quang.

- Đơn vị công tác: Sở Công Thương.

- Chức vụ (học hàm, học vị): Phó Giám đốc

2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0914.995.999

3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thành viên hội đồng.

4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh [X]

4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: [ ]

. . . . . .

. . . . . .

4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh [ ]

(*Đề nghị nêu rõ lý do*)

. . . . . .

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

Ngô Chí Quang

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 4 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Nguyễn Khắc Tuấn
   - Đơn vị công tác: Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh
   - Chức vụ (học hàm, học vị): . . .
2. Điện thoại (di động hoặc cố định):
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):
   4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh [X]

   4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: [ ]

   . . . . . .

   . . . . . .

   . . . . . .

   4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh [ ]

   (*Đề nghị nêu rõ lý do*)

   . . . . . .

   . . . . . .

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Khắc Tuấn

Số: 1255/SKHCN-; 26/09/2025; 13:51:25

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân Khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh Vũ**

2. Đơn vị công tác: Sở Khoa học và Công nghệ.

Chức vụ (học hàm, học vị): Phó giám đốc.

2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0368509999.

3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thành viên.

4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

4.1. Đồng ý với nội dung về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ trong thuyết minh điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000 để trình UBND tỉnh.	X
4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau:	☐
4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh.	☐

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

Nguyễn Minh Vũ

2725

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Vũ Thị Phương Thảo
- Đơn vị công tác: Sở Tài chính
- Chức vụ (học hàm, học vị): Thạc sĩ
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0982066898
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh	X
4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau:	
4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh: *(Đề nghị nêu rõ lý do).*	

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH BẮC NINH

Vũ Thị Phương Thảo

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định số 95/QĐ-UBND)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: **Đặng Công Hưởng**
   - Đơn vị công tác: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
   - Chức vụ (học hàm, học vị): Phó Giám đốc
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0947.001.198
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thành viên.
4. Nhận xét về nội dung đồ án:

4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☐

4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: [X]

- Chỉnh sửa thống nhất thuyết minh số liệu về tổng diện tích đất khu công nghiệp phù hợp với chủ trương đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8218528688 ngày 09/12/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

- Theo Báo cáo thuyết minh ghi *"nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch cơ bản giữ nguyên, không làm thay đổi tính chất, ranh giới, định hướng phát triển chung của đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hoà Yên đã được phê duyệt; đảm bảo điều kiện điều chỉnh quy hoạch và không làm quá tải hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu vực điều chỉnh cục bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13..."*. Đề nghị trong quá trình điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng cần đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; Nội dung điều chỉnh phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường (*báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt*) theo quy định trước khi triển khai thực hiện dự án.

4.3.Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh *(Đề nghị nêu rõ lý do).* ☐

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ Họ và Tên)

Đặng Công Hưởng

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Bùi Chiến Thắng
   - Đơn vị công tác: Công an tỉnh Bắc Ninh.
   - Chức vụ (học hàm, học vị): Tiến sỹ.
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0988.828.528.
3. Chức danh Hội đồng thẩm định: Thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):
   4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh
   4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: ☒

- Quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải thể hiện các nội dung quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 15 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Đề nghị rà soát, xác định rõ vị trí quy hoạch đất An ninh để xây dựng Trụ sở làm việc lực lượng Công an đảm bảo an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Khu công nghiệp - Đô thị dịch vụ Hòa Yên (tối thiểu 2,0 ha thuộc xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh) theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo khoảng cách quy định tại Mục 2.6.13 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng *(Trụ sở Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy với bán kính phục vụ tối đa 3 km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5 km đối với khu vực khác...).*

Được quét bằng CamScanner

- Việc điều chỉnh quy hoạch đề nghị nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng, xem xét thận trọng, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bảo đảm phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, phòng ngừa phát sinh các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự tại địa phương.

4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh

(Đề nghị nêu rõ lý do)

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá *Bùi Chiến Thắng*

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Quyết định số /QĐ-UBND) *Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025*

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Nguyễn Duy Kiên
   - Đơn vị công tác: Công ty Điện lực Bắc Ninh
   - Chức vụ (học hàm, học vị): Trưởng Phòng Kỹ thuật
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0913207666
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☐

4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: ☒

Chi tiết theo văn bản số 1584/PCBN-KT ngày 29/9/25 của Công ty Điện lực Bắc Ninh gửi kèm

4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☐

(*Đề nghị nêu rõ lý do*)

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Duy Kiên

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH

Số: 1884/PCBN-KT

V/v tham gia ý kiến đối với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, Tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Điện lực Bắc Ninh nhận được văn bản số 2074/SXD-QHKT ngày 22/9/2025 của Sở Xây dựng về việc lấy ý kiến Hội đồng thẩm định đối với đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Hòa Yên, Tỉnh Bắc Ninh), tỷ lệ 1/2000.

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2000. Công ty Điện lực Bắc Ninh có tham gia ý kiến như sau:

- Theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh): Phê duyệt Quy hoạch cấp điện cho KCN Hòa Yên bằng trạm biếp áp 110kV công suất trạm 3x63 MVA.
- Theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 (nay là tỉnh Bắc Ninh) bằng trạm biếp áp 110kV công suất trạm 2x63 MVA.

Vì vậy, Công ty Điện lực Bắc Ninh đề nghị Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên yêu cầu đơn vị lập dự án chuẩn xác nhu cầu công suất trạm biếp áp 110kV theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Lê Minh Hải

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Lương Ngọc Đức
   - Đơn vị công tác: UBND phường Từ Lan
   - Chức vụ (học hàm, học vị): Phó chủ tịch UBND
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): .....
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

   4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh [X]

   4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: [ ]

   .....

   .....

   .....

   4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh [ ]

   (Đề nghị nêu rõ lý do)

   .....

   .....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

Lương Ngọc Đức

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân Thảo
   - Đơn vị công tác: UBND xã Hiệp Hoà
   - Chức vụ (học hàm, học vị): CT UBND xã
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): .....
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

   4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☒

   4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau: ☐

   .....

   .....

   .....

   4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☐

   (Đề nghị nêu rõ lý do)

   .....

   .....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

U.B.N.D XÃ HIỆP HÒA T.BẮC NINH

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Thảo

UBND TỈNH BẮC NINH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Quyết định 95/QĐ-UBND)

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

V/v lấy ý kiến thẩm định đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh , tỷ lệ 1/2000

1. Họ và tên: Nguyễn Việt Dũng
   - Đơn vị công tác: Ct. hội KHS Bắc Giang
   - Chức vụ (học hàm, học vị): Ct. hội KHS Bắc Giang
2. Điện thoại (di động hoặc cố định): 0904368325
3. Chức danh trong Hội đồng thẩm định: Thành viên
4. Đánh giá, nhận xét về đồ án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

   4.1. Đồng ý, đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☑

   ☐

   4.2. Đồng ý trình UBND tỉnh sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo các ý kiến sau:

   .....

   .....

   .....

   4.3. Không đủ điều kiện trình UBND tỉnh ☐

   (*Đề nghị nêu rõ lý do*)

   .....

   .....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Việt Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 406 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 07 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 và Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 24/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh) phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên tại Tờ trình số 38/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 09/10/2025; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 167/BCTĐ-SXD ngày 22/10/2025; ý kiến đóng góp, thống nhất của các Sở, ban ngành tại cuộc họp ngày 30/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Lý do điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000 đã được UBND tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 với tổng diện tích 256,68 ha (Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên là nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp)

- Dự án khu công nghiệp Hoà Yên với tổng diện tích 256,68 ha được chia làm hai giai đoạn thực hiện, trong đó: Giai đoạn 1 được triển khai trên diện tích 60ha. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai giai đoạn 1, phát sinh một số bất cập, vướng mắc cần phải điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng.

- Việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000 là cần thiết và đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 45 và khoản 2 Điều 46 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

a) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

- Vị trí 1:

Điều chỉnh đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HT1, quy hoạch trạm xử lý nước thải) với diện tích khoảng 1,59 ha thành đất cây xanh,

- Vị trí 2:

Điều chỉnh một phần đất công nghiệp (ký hiệu CN5) với diện tích khoảng 1,59 ha thành đất hạ tầng (ký hiệu HT1, quy hoạch trạm xử lý nước thải). Điều chỉnh một phần đất công nghiệp (ký hiệu CN5) với diện tích khoảng 2,03 ha thành đất hạ tầng (ký hiệu HT2, quy hoạch trạm bơm PCCC và nhà máy xử lý nước sạch) nằm trong ranh giai đoạn 1 để hoàn thiện cơ sở hạ tầng đưa vào sử dụng.

- Vị trí 3:

Điều chỉnh đổi vị trí đất dịch vụ (ký hiệu DV1) diện tích 4,09 ha và đất bãi đỗ xe (ký hiệu P2) diện tích 1,15 ha (mục đích để đảm bảo an toàn giao thông, hạn chế tắc nghẽn khi đưa vào khai thác giai đoạn 1).

- Vị trí 4:

Điều chỉnh dịch vị trí đất dịch vụ (ký hiệu DV2) có diện tích 1,48 ha vào sát đất bãi đỗ xe (ký hiệu P1);

Điều chỉnh toàn bộ ô đất cây xanh (ký hiệu CX14) với diện tích khoảng 0,69 ha thành đất công nghiệp;

Điều chỉnh đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HT2, quy hoạch trạm bơm PCCC và nhà máy xử lý nước sạch) với diện tích khoảng 2,03 ha thành đất công nghiệp.

- Vị trí 5:

Dịch chuyển tuyến đường giao thông giữa đất công nghiệp (ký hiệu CN8, CN9 và CN10) và đất cây xanh (ký hiệu CX11) về phía Tây Nam khoảng 120m;

Điều chỉnh diện tích đất công nghiệp (ký hiệu CN8) từ 13,29 ha thành 9,53 ha; Điều chỉnh diện tích đất công nghiệp (ký hiệu CN9) từ 18,59 ha thành 27 ha; Điều chỉnh diện tích đất công nghiệp (ký hiệu CN10) từ 13,29 ha thành 9,54 ha; Điều chỉnh ô đất cây xanh (ký hiệu CX11) từ 3,18 ha thành 2,67 ha (do dịch chuyển tuyến đường).

b) Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh

STT	Chức năng	Trước điều chỉnh		Sau điều chỉnh		Tăng (+) Giảm (-) (ha)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất nhà máy công nghiệp	156,82	61,1	156,82	61,1	0,00
2	Đất cây xanh	26,99	10,52	27,38	10,67	+0,39
3	Đất mặt nước	7,34	2,86	7,34	2,86	0,00
4	Đất dịch vụ	5,57	2,17	5,57	2,17	0,00
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4,13	1,61	4,13	1,61	0,00
6	Bãi xe	2,71	1,06	2,71	1,06	0,00
7	Đất giao thông, HTKT khác	53,12	20,7	52,73	20,54	-0,39
	Tổng	256,68	100	256,68	100	0,00

c) Điều chỉnh chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

Điều chỉnh chỉ tiêu cấp nước từ 60 m^3/ha/ng.đ thành 40 m^3/ha/ng.đ (phù hợp theo Quy định tại Bảng 2 TCVN 13606:2023 từ 20-40 m^3/ha/ng.đ);

Điều chỉnh tổng công suất cấp điện khoảng 228 MVA thành khoảng 96,3 MVA (do quy hoạch được duyệt tính toán chỉ tiêu cấp điện nhân với diện tích sàn chưa phù hợp với mục 2.14.1 bảng 2.29 QCVN 01:2021/BXD);

Điều chỉnh nguồn cấp điện từ trạm biến áp 110kV có công suất từ 3x63 MVA thành 2x63 MVA (cập nhật công suất trạm biến áp theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

d) Hệ thống san nền, giao thông, đường ống cấp, thoát nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc điều chỉnh theo quy hoạch sử dụng đất.

e) Đối với một số lô đất cây xanh: Hạ thấp cốt cao độ, bố trí dạng thảm cỏ cây xanh "bán ngập" để điều tiết chứa nước, chống ngập úng khi mưa bão.

f) Đề xuất các giải pháp bảo vệ và bổ sung nguồn nước ngầm cho nguồn nước dưới đất đảm bảo tỷ lệ thấm nước mưa tối thiểu khoảng 50% với một số giải pháp như: Một phần bề rộng của vỉa hè không thực hiện lát và bố trí dải cây xanh trên vỉa hè các tuyến đường giao thông, sử dụng các hố ga thoát nước mưa cho phép nước mưa thấm qua thành và đáy hố ga qua các lỗ tự thấm.

3. Các nội dung khác của đồ án: Giữ nguyên theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh.

(Chi tiết theo Báo cáo thẩm định số 167/BCTĐ-SXD ngày 22/10/2025 của Sở Xây dựng và hồ sơ kèm theo)

Điều 2. Sở Xây dựng, Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương; Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh; Chủ tịch UBND phường, xã: Tự Lạn, Vân Hà, Hiệp Hoà; Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN, KTTH;
- Lưu: VT, KTN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN THOẢ THUẬN TIẾP NHẬN PHẾ THẢI XÂY DỰNG, ĐẤT ĐÁ DƯ THỪA

----oo0oo----

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HOÀ YÊN

Địa điểm: Xã Hiệp Hòa, Phường Vân Hà, Phường Tự Lạn tỉnh Bắc Ninh

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

Thời gian : .....10. h ....., ngày ...11.. tháng ..11.... năm 2025

Địa điểm : Uỷ ban nhân dân xã Hiệp Hoà

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

2.1. Đại diện địa phương/ cơ quan: UBND xã Hiệp Hoà

Ông/bà: Hoàng Tiến Hưng Chức vụ: P. Chủ tịch xã

Ông/bà: Nguyễn Văn Công Chức vụ: P. trưởng phòng kinh tế

2.2. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên

Ông/bà: Phạm Quốc Hưng. Chức vụ: GĐ công ty

Ông/bà: ..... Chức vụ: .....

III. NỘI DUNG TRAO ĐỔI, THỐNG NHẤT

- Tại khu vực thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hoà có bố trí bãi chứa phế thải với diện tích khoảng 2.000m^2, thôn Đông Lỗ với diện tích khoảng 500m^2, thôn Đồng Quan với diện tích 500m^2. Với khả năng tiếp nhận khoảng 15.000m^3 đất đá phế thải, đang do UBND xã Hiệp Hoà quản lý.

- UBND xã Hiệp Hoà đồng ý để các vị trí trên tiếp nhận phế thải xây dựng, và đất đá dư thừa (nếu có) từ quá trình thi công xây dựng dự án Đầu tư xây dựng & kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh (do Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên làm Chủ đầu tư).

- Yêu cầu Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên chỉ tiến hành đổ thải khi mặt bằng đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật, tuyệt đối không được đổ các loại chất thải khác, đặc biệt là chất thải nguy hại.

- Yêu cầu Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan trong quá trình vận chuyển, đổ thải. Quy trình, vị trí đổ thải tuân thủ theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

IV. KẾT LUẬN:

Biên bản này được các bên thống nhất thông qua. làm cơ sở để thực hiện các nội dung tiếp theo theo quy định của pháp luật.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Tiến Hùng

ĐẠI DIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HOÀ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VÂN HÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 971/UBND-KTHT&ĐT	*Vân Hà, ngày 23 tháng 10 năm 2025*
V/v Ý kiến thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên	

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường;
- Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên.

Chủ tịch UBND phường Vân Hà nhận được Công văn số 43/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 15/10/2025 của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên về việc ý kiến thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên. Sau khi xem xét Chủ tịch UBND phường có ý kiến như sau:

1. Chủ tịch UBND phường Vân Hà cơ bản nhất trí với phương án thỏa thuận hoàn trả kênh, mương tại Công văn số 43/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 15/10/2025 của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên. Yêu cầu Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên trong qua trình thực hiện quan tâm nghiên cứu khẩu độ cống, kênh mương hoàn trả đảm bảo tiêu, thoát nước không ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

2. Giao cho Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, kiểm tra đôn đốc quá trình triển khai thực hiện của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đảm bảo theo quy định hiện hành.

Trên đây là ý kiến Chủ tịch UBND phường Vân Hà yêu cầu Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường;
- VP: LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG VÂN HÀ T.BẮC NINH

Đỗ Văn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TỰ LẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:720 /UBND-KTHT&ĐT V/v ý kiến thoả thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên	*Tự Lạn, ngày 24 tháng 10 năm 2025*

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên.

Chủ tịch UBND phường Tự Lạn nhận được Công văn số 43/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 15/10/2025 của Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên về việc ý kiến thoả thuận đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả hiện trạng cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên. Sau khi xem xét Chủ tịch UBND phường có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với phương án đấu nối thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng tại công văn số 43/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 15/10/2025 của Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên. Yêu cầu Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên trong quá trình thực hiện quan tâm nghiên cứu khẩu độ cống, kênh mương hoàn trả đảm bảo tiêu, thoát nước không ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp của nhân dân.

2. Giao cho Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường kiểm tra đôn đốc quá trình triển khai thực hiện của Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên đảm bảo theo quy định hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Chủ tịch UBND phường Tự Lạn yêu cầu Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch được phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng Kinh tế,Hạ tầng và Đô thị phường;
- VP: LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Ngọc Đức

UBND TỈNH BẮC NINH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số:3294 /SXD-QLHT	*Bắc Ninh, ngày 29 tháng 10 năm 2025*
V/v chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào ĐT.398	

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (cũ) Quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 24/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dựa án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Giang (cũ);

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Quy định quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 8218528688 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2024; cấp đổi lần thứ nhất ngày 25/6/2025.

Ngày 24/10/2025, Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 45/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN của Công ty Cổ phần FECON Hoà Yên về việc đề nghị đấu nối vào ĐT.398 tại lý trình Km10+400 và Km11+220 tuyến đường tỉnh lộ 398 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên và Hồ sơ kèm theo.

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng tầng Khu Công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1:2000 được UBND tỉnh Bắc Giang (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023, dự án "đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Giang (cũ)" thiết kế đấu nối vào ĐT.398 tại lý trình Km10+400 *(là nút giao hiện trạng, ngã tư giao giữa ĐT.398 với ĐT.398B)* và lý trình Km11+220 *(nút giao ngã tư)*, mặt cắt (2-2), mặt đường rộng Bn=42-45m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa phù hợp quy định hiện hành.

2. Sở Xây dựng cơ bản nhất trí các vị trí đấu nối từ dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Giang (cũ)" vào ĐT.398 tại lý trình Km10+400 *(vòng xuyến nút giao với ĐT.398B hiện trạng)* và tại lý trình Km11+220 *(nút giao ngã tư)*.

3. Trong bước triển khai dự án tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đấu nối vào ĐT.398 theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, đề nghị Công ty cổ phần FECON Hoà Yên triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLHT Hoan.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH BẮC NINH

Đinh Phan Đại

UBND TỈNH BẮC NINH
CÔNG TY TNHH MTV KT CTTL NAM SÔNG THƯƠNG

Số: 344 /NST-QLCT
V/v trả lời đề nghị của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên trọng việc xin thỏa thuận đấu nối thoát nước và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hiệp Hòa, ngày 05 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON HÒA YÊN.

Ngày 21/10/2025, Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Sông Thương nhận được công văn số: 42/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN đề ngày 15/10/2025 của Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên, với nội dung xin thỏa thuận đấu nối thoát nước và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa để triển khai thực hiện Dự án "Khu công nghiệp Hòa Yên", cụ thể là:

1. Xin đấu nối thoát nước Dự án vào kênh tiêu Phù Tài (kênh tiêu địa do phương quản lý) để tiêu về trạm bơm Việt Hòa qua cống ngầm dưới kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại K0+600 (cống ngầm do Công ty Nam Sông Thương quản lý).

2. Xin xây dựng lại cống ngầm tại K0+600 dưới kênh tưới trạm bơm Việt Hòa (nâng khẩu độ từ BxH=1,0x1,2 hiện trạng lên thành nxBxH = 4(2,0x2,5)m.

3. Xin ngầm hóa đoạn kênh tưới trạm bơm Việt Hòa tại vị trí K1+580 với khẩu độ BxH= (1,0x1,0)m; L= 30m.

4. Xin nắn tuyến và hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa đoạn từ K2+750 đến K3+600 bằng BTCT mặt cắt hình thang.

Sau khi kiểm tra, xem xét, Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Sông Thương có ý kiến như sau:

Công ty chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc đầu tư dự án Khu công nghiệp Hòa Yên nhằm phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng thời đảm bảo khả năng tiêu thoát nước của trạm bơm Việt Hòa phục vụ cho dự án. Tuy nhiên để đảm bảo trình tự, đúng quy định của ngành và của pháp luật liên quan, đề nghị Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên thực hiện một số nội dung sau:

- Xin thỏa thuận với phường Vân Hà về điểm đấu nối thoát nước của dự án vào kênh tiêu Phù Tài do địa phương quản lý;

- Lập hồ sơ trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh xin thỏa thuận hoàn trả kênh tưới trạm bơm Việt Hòa và xin cải tạo lại cống ngầm tại K0+600 dưới kênh tưới trạm bơm Việt Hòa. Khi được chấp thuận đề nghị lập hồ sơ trình UBND tỉnh Bắc Ninh xin cấp phép xây dựng theo thẩm quyền. Khi được cấp phép xây dựng, Công ty chúng tôi sẽ thực hiện phối hợp theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Công ty TNHH một thành viên Khai thác CTTL Nam Sông Thương, đề nghị Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên nghiên cứu thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

Bản điện tử:
- Sở NN&MT (B/c);
- BGĐ Công ty;
- XN Việt Yên;
- Phòng QLN&CT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mẫn Văn Thể

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH

Số: 2599/PCBN-KT

V/v thỏa thuận cấp điện cho Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECCON Hòa Yên

Công ty Điện lực Bắc Ninh nhận được văn bản số 40/2025/CV KTKT.FECONHOAYEN ngày 15/10/2025 của Công ty Cổ phần FECCON Hòa Yên về việc thỏa thuận cấp điện cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên, sau khi xem xét hồ sơ và rà soát hiện trạng cũng như quy hoạch lưới điện khu vực dự án. Công ty Điện lực Bắc Ninh có ý kiến như sau:

Giai đoạn đầu khi chủ đầu tư triển khai dự án, Công ty Điện lực Bắc Ninh sẽ cấp điện từ trạm biến áp 110kV Sông Cầu hiện có.

Cấp điện chính cho Khu công nghiệp Hòa Yên từ trạm biến áp 110kV Hòa Yên có trong quy hoạch.

Để kịp thời cung cấp điện cho phụ tải Khu công nghiệp Hòa Yên đề nghị chủ đầu tư khi triển khai dự án làm việc trực tiếp với Công ty Điện lực Bắc Ninh để thống nhất chủ trương.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ĐĐ, KD;
- KVHHBN; KVVYBN;
- Lưu: VT, KT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC NINH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Lê Minh Hải

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ 206	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68/CV-206	*Việt Yên, ngày 11 tháng 11 năm 2025*

V/v phúc đáp đề nghị thỏa thuận cấp nước cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên.

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên.

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị 206 chân thành cảm ơn Quý Công ty đã gửi Văn bản số 49/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 10/11/2025 về việc thoả thuận cấp nước cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Công ty 206 có ý kiến như sau:

- Về nhu cầu cấp nước: Công ty 206 thống nhất đồng ý về nguyên tắc cung cấp nước sạch cho Dự án KCN Hòa Yên đảm bảo đáp ứng nhu cầu nước sạch sử dụng cho Dự án, với lưu lượng khoảng 15.500 m³/ngày đêm, áp lực tại ranh giới Dự án ≥ 10 m cột nước (giờ bình quân).

- Về điểm đấu nối: Nhất trí đấu nối vào mạng lưới do Công ty 206 quản lý; vị trí điểm đấu nối theo hồ sơ Quý Công ty đã gửi.

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị 206 trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu HCDV .

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ 206 TỈNH BẮC GIANG

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Lập

Scanned with CamScanner

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HIỆP HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 1135 /UBND-PKT	*Hiệp Hòa, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

V/v cho ý kiến về việc đấu nối thoát nước mưa, đấu nối thoát nước thải và hoàn trả mương hiện trạng do dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên

Kính gửi: Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 95/2025/QH15; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 145/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 quy định chi tiết thi hành và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư và Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 661/QĐ-TTg ngày 24/3/2025 về việc Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000; số 1462/QĐ-TTg ngày 25/11/2024 Quyết định Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh);

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 1188/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỷ lệ 1/2000; số 406/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Hoà Yên, tỉnh Bắc Ninh, tỷ lệ 1/2.000;

Ngày 10/11/2025 UBND xã Hiệp Hòa nhận được Văn bản số 48/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN về thỏa thuận đấu nối thoát nước mưa, đấu nối thoát nước thải và hoàn trả mương hiện trạng cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên.

UBND xã Hiệp Hòa tham gia ý kiến với dự án như sau:

1. Vị trí xả thải nước thải sau khi được xử lý qua trạm xử lý nước thải

Tại vị trí xả thải có tọa độ Tọa độ điểm xả thải: X=2353786,6108; Y=397991,0367, thể hiện tại bản vẽ kèm theo Văn bản số 48/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 10/11/2025. UBND xã Hiệp Hòa cơ bản nhất trí theo đề nghị của nhà đầu tư; tuy nhiên nhà đầu tư khi thực hiện lập hồ sơ nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở, cần lưu ý một số nội dung công việc sau:

- Vị trí xả thải phải đảm bảo nguồn nước tiếp nhận có khả năng tự làm sạch và không làm gia tăng mức độ ô nhiễm vượt quá khả năng chịu tải của nguồn nước đó.

- Vị trí và điểm xả phải phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, và quy hoạch tỉnh.

- Phải đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư, khu vực nuôi trồng thủy sản, hoặc các khu vực nhạy cảm khác, theo quy định kỹ thuật hiện hành.

2. Vị trí thoát nước mưa và hoàn trả mương hiện trạng tại các vị trí:

Tại các vị trí nước mưa của dự án được thu gom từ các lưu vực vào các tuyến cống, chảy các cửa xả và thoát trực tiếp ra bên ngoài dự án thông qua hệ thống cống và thu nước mưa từ một số điểm hiện trạng vào hệ thống thoát nước mưa của dự án và Hoàn trả mương tưới hiện trạng bằng rãnh xây B=800mm và đấu nối với hệ thống mương tưới hiện trạng. UBND xã Hiệp Hòa cơ bản nhất trí theo đề nghị của nhà đầu tư; tuy nhiên nhà đầu tư khi thực hiện lập hồ sơ nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở, cần lưu ý nghiên cứu thoát nước khi dự án san lấp phần diện tích dòng chảy tự nhiên (mương, kênh rạch,..) nhằm đảm bảo khả năng thoát nước của lưu vực không bị suy giảm và tránh gây ngập lụt cho khu vực xung quanh, cụ thể:

- Thực hiện công tác phân tích thủy văn và hiện trạng thoát nước, gồm: *"Tính toán lưu lượng hiện trạng và các tiêu chuẩn như TCVN 7957:2023 để tính toán lưu lượng nước mưa lớn nhất mà dòng chảy tự nhiên hiện tại có thể tải được,... ".*

- Đề xuất giải pháp thoát nước thay thế, gồm: *" Tính toán tiết diện (kích thước cống/kênh) và độ dốc của công trình thay thế để đảm bảo nước chảy ổn định, không gây tắc nghẽn, và vận tốc dòng chảy nằm trong giới hạn cho phép (để tránh xói mòn hoặc lắng đọng bùn); xác định vị trí đấu nối công trình thay thế trở lại hệ thống thoát nước hoặc dòng chảy tự nhiên ở hạ lưu,... ".*

- Đánh giá tác động ảnh hưởng, gồm: *"Phải phù hợp với Quy hoạch thoát nước và Quy hoạch xây dựng chung của khu vực; giải pháp thiết kế phải được chi tiết hóa trong báo cáo đánh giá tác động Môi trường (ĐTM) của dự án".*

3. Kiến nghị đề xuất:

Đề nghị Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên, quan tâm thực hiện các nội dung như trên, khi triển khai thực hiện dự án bước lập hồ sơ nghiên cứu khả thi và thiết kế cơ sở.

Trên đây là ý kiến của UBND xã Hiệp Hòa./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, các CV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HIỆP HÒA T.B HNN

Nguyễn Xuân Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI - HHK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1511/CV-HHK V/v Tiếp nhận rác thải trong quá trình chuẩn bị mặt bằng cho Dự án KCN Hòa Yên.	*Bắc Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên

Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại - HHK đã nhận được Công văn số 50/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 13/11/2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên đề nghị tiếp nhận rác thải trong quá trình dọn dẹp, chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên. Sau khi nghiên cứu và xem xét, Công ty chúng tôi có ý kiến như sau:

Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại - HHK là Chủ đầu tư Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn, huyện Hiệp Hòa (Dự án) với công suất xử lý rác thải theo công nghệ đốt là 500 tấn/ngày đêm (rác sinh hoạt tối thiểu 400 tấn/ng.đêm; rác thải công nghiệp tối đa 100 tấn/ng.đêm) và xử lý, tái chế để tận thu phế liệu 700 tấn/ng.đêm tại thôn Đồng Quan và thôn Hưng Đạo, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.

Khi Dự án của chúng tôi có đầy đủ thủ tục pháp lý theo quy định, hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào vận hành chính thức, Công ty chúng tôi đồng ý tiếp nhận lượng rác thải theo đề nghị của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên và cam kết sẽ xử lý an toàn, đảm bảo quy định của pháp luật.

Ngay khi xác định được chính xác thời điểm chuyển giao rác thải, đề nghị Quý Công ty có văn bản thông báo chính thức trước tối thiểu 10 ngày để Công ty chúng tôi kiểm tra các điều kiện tiếp nhận cần thiết cũng như có đủ thời gian hai bên cùng thiết lập hợp đồng chuyển giao xử lý rác thải.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại - HHK
- Địa chỉ liên hệ: Xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.
- Số điện thoại: 0916.043.999

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI - HHK

M.S.D.N: 2400[illegible] - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HHK
TỈNH BẮC NINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NỀN

EnviGreen Lab

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Ô DV- 4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

Bắc Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã kỳ: 5191*25T3HY Mã KH: HTAC118 STT kỳ: 9886

I. Tên khách hàng: Công ty CP Fecon Hòa Yên

Cơ sở lấy mẫu: Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên, tỉnh Bắc Giang "- do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên làm chủ đầu tư

Địa chỉ quan trắc: Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

1. Đại diện: Đỗ Trần Nam Chức vụ: Phó ban QLDA
2. Đại diện: ..... Chức vụ: .....

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Nguyễn Văn Hiếu Chức vụ: NVQT
2. Đại diện: ..... Chức vụ: .....

III. Đơn vị: .....

1. Đại diện: ..... Chức vụ: .....
2. Đại diện: ..... Chức vụ: .....

IV. Đơn vị: .....

1. Đại diện: ..... Chức vụ: .....
2. Đại diện: ..... Chức vụ: .....

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở: Trời không mưa

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu không khí phía Bắc thôn Đông Quan	HTAC118.25T3HY.KK1	N: 21°16'33.1 E: 106°01'58.3	
2	Mẫu không khí phía Tây thôn Đông Quan	HTAC118.25T3HY.KK2	N: 21°16'22.2 E: 106°01'47.6	
3	Mẫu không khí giáp đường vành đai 4	HTAC118.25T3HY.KK3	N: 21°16'13.6 E: 106°00'58.4	
4	Mẫu không khí phía Nam dự án	HTAC118.25T3HY.KK4	N: 21°15'53.0 E: 106°00'55.9	
5	Mẫu không khí phía Tây Bắc dự án	HTAC118.25T3HY.KK5	N: 21°16'42.8 E: 106°01'55.9	
6	Mẫu không khí phía Đông Bắc dự án	HTAC118.25T3HY.KK6	N: 21°16'42.0 E: 106°02'28.6	
7	Mẫu nước mặt phía Tây dự án	HTAC118.25T3HY.NM1	N: 21°16'48.4 E: 106°01'06.2	

8	Mẫu nước mặt phía Đông Nam dự án	HTAC118.25T3HY.NM2	N:21°16'00.6 E:106°01'10.7	
9	Mẫu nước mặt phía Tây Nam thôn Đồng Quan	HTAC118.25T3HY.NM3	N:21°16'17.2 E:106°01'44.9	
10	Mẫu nước mặt phía Bắc dự án	HTAC118.25T3HY.NM4	N:21°16'52.6 E:106°02'15.3	
11	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Vũ Văn Tám, Đồng Lễ - Hiệp Hòa	HTAC118.25T3HY.NN1	N:21°16'22.4 E:106°01'48.5	
12	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Đỗ Văn Nghi, Tương Sơn - Việt Yên	HTAC118.25T3HY.NN2	N:21°16'42.5 E:106°02'26.2	
13	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Ngô Văn Hải, Hương Mai - Việt Yên	HTAC118.25T3HY.NN3	N:21°17'36.6 E:106°02'43.3	
14	Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Vương Văn Chính, Tiên Sơn - Việt Yên	HTAC118.25T3HY.NN4	N:21°15'42.4 E:106°00'43.8	
15	Mẫu đất giáp đường VĐ4	HTAC118.25T3HY.Đ1	N:21°16'13.8 E:106°00'58.5	
16	Mẫu đất phía Đông Nam thôn Đồng Quan	HTAC118.25T3HY.Đ2	E:21°16'22.3 N:106°01'47.7	
17	Mẫu đất phía Tây Bắc dự án	HTAC118.25T3HY.Đ3	E:21°16'43.3 N:106°01'56.0	
18	Mẫu đất phía Đông Bắc dự án	HTAC118.25T3HY.Đ4	E:21°16'42.1 N:106°02'28.6	

Số lượng chỉ tiêu quan trắc và phân tích: Xem nội dung công việc kèm theo

Biên bản lấy mẫu và quan trắc được lập thành .... bản, mỗi bên giữ .... bản, có giá trị pháp lý như nhau

Đại diện cơ sở/Khách hàng **Đại diện đơn vị quan trắc** **Đại diện**..... **Đại diện**.....

Đỗ Trần Nam

Ngô Văn Hiếu

EnvirGreen Lab

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG (VILAS 1332 - VIMCERTS 276)
Địa chỉ: Ô DV-04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (844) 2462927328 Email: Envirgreen.lab@gmail.com Web: http://envirgreen.vn/

Số TN: 0156/DAK/2025/899/NTX/MTX-KQ/HTAC118/9886

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên"- do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên làm chủ đầu tư
3. Địa chỉ : Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK1; KK2; KK3
6. Ngày lấy mẫu : 18/03/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	KK3	QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) [26]
1	Nhiệt độ	℃	QCVN 46:2022 /BTNMT	18,4	17,3	16,8	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022 /BTNMT	51,5	53,6	54,8	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022 /BTNMT	0,5	0,7	0,5	-
4	Hướng gió	-	QCVN 46:2022 /BTNMT	Tây Nam	Tây Nam	Tây Nam	-
5	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	94,3	90,7	91,8	300
6	CO	µg/Nm³	MTX.PT.KK-05	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	30000
7	SO_2	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	86,2	79,1	75,2	350
8	NO_2	µg/Nm³	TCVN 6137:2009	60,0	60,9	63,8	200
9	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,7	57,2	65,9	70[26]
10	Tiếng ồn cực đại (Lmax)#	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,1	60,6	69,3	-

Ghi chú:

- QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) [26]: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ; [26]QCVN 26: 2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- KK1 (HTAC118.25T3HY.KK1): Mẫu không khí phía Bắc thôn Đồng Quan; KK2 (HTAC118.25T3HY.KK2): Mẫu không khí phía Tây thôn Đồng Quan; KK3 (HTAC118.25T3HY.KK3): Mẫu không khí giáp đường Vành đai 4.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Nguyễn Thị Hiền	Bùi Phương Thảo	GIÁM ĐỐC Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

EnvirGreen Lab

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG (VILAS 1332 - VIMCERTS 276)
Địa chỉ: Ô DV-04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (844) 2462927328 Email: Envirgreen.lab@gmail.com Web: http://envirgreen.vn/

Số TN: 0157/DAK/2025/900/NTX/MTX-KQ/HTAC118/9886

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên"- do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên làm chủ đầu tư
3. Địa chỉ : Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK4; KK5; KK6
6. Ngày lấy mẫu : 18/03/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK4	KK5	KK6	QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) (26)
1	Nhiệt độ	℃	QCVN 46:2022 /BTNMT	17,1	18,2	18,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022 /BTNMT	54,1	51,6	51,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022 /BTNMT	0,8	1,3	0,9	-
4	Hướng gió	-	QCVN 46:2022 /BTNMT	Đông Nam	Tây Nam	Tây Nam	-
5	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	93,8	88,7	90,4	300
6	CO	µg/Nm³	MTX.PT.KK-05	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	30000
7	SO_2	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	77,6	80,7	68,5	350
8	NO_2	µg/Nm³	TCVN 6137:2009	65,7	62,9	61,4	200
9	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,8	56,8	58,5	70(26)
10	Tiếng ồn cực đại (Lmax)#	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,2	60,9	59,7	-

Ghi chú:

- QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) (26): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ; (26)QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- KK4 (HTAC118.25T3HY.KK4): Mẫu không khí phía Nam dự án; KK5 (HTAC118.25T3HY.KK5): Mẫu không khí phía Tây Bắc dự án; KK6 (HTAC118.25T3HY.KK6): Mẫu không khí phía Đông Bắc dự án.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (^): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	Đại diện CÔNG TY
Nguyễn Thị Hiền	Bùi Phương Thảo	GIÁM ĐỐC Lương Văn Ninh

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

EnvirGreen Lab

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG (VILAS 1332 - VIMCERTS 276)
Địa chỉ: Ô DV-04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (844) 2462927328 Email: Envirgreen.lab@gmail.com Web: http://envirgreen.vn/

Số TN: 0158/DAK/2025/901/NTX/MTX-KQ/HTAC118/9886

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên"- do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên làm chủ đầu tư
3. Địa chỉ : Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
4. Loại mẫu : Nước mặt
5. Ký hiệu mẫu : NM1; NM2; NM3; NM4
6. Ngày lấy mẫu : 18/03/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NM1	NM2	NM3	NM4	QCVN 08: 2023/BTNMT (B-B₂)
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	33,6	41,6	56,0	52,8	≤ 15
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	11,8	15,7	17,8	16,5	≤ 6
3	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,81	9,95	1,79	0,33	0,3
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	19,6	17,2	23,1	14,2	≤ 100
5	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,99	0,15	0,74	0,12	0,5
6	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	0,01
7	E.coli	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B&F:2023	24	36	20	25	20
8	Tổng Nitơ	mg/L	SMEWW 4500.N.C:2023	5,39	10,23	2,24	0,57	≤ 1,5
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,46	0,98	0,18	0,19	≤ 0,3
10	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,871	0,158	0,25	0,103	0,05
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	40,4	37,6	32,3	<LOQ (18)	250

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT (B-B₂): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Chất lượng nước trung bình (Phục vụ phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước).
- NM1 (HTAC118.25T3HY.NM1): Mẫu nước mặt phía Tây dự án; NM2 (HTAC118.25T3HY.NM2): Mẫu nước mặt phía Đông Nam dự án; NM3 (HTAC118.25T3HY.NM3): Mẫu nước mặt phía Tây Nam thôn Đồng Quan; NM4 (HTAC118.25T3HY.NM4): Mẫu nước mặt phía Bắc dự án.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (Ⓥ): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Nguyễn Thị Hiền	Bùi Phương Thảo	GIÁM ĐỐC Lương Văn Ninh

M.S.D.N: 0106787073 - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH - Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

EnvirGreen Lab
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG (VILAS 1332 - VIMCERTS 276)
Địa chỉ: Ô DV-04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (844) 2462927328 Email: Envirgreen.lab@gmail.com Web: http://envirgreen.vn/

Số TN: 0159/DAK/2025/902/NTX/MTX-KQ/HTAC118/9886

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên"- do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên làm chủ đầu tư
3. Địa chỉ : Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
4. Loại mẫu : Nước ngầm
5. Ký hiệu mẫu : NN1; NN2; NN3; NN4
6. Ngày lấy mẫu : 18/03/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NN1	NN2	NN3	NN4	QCVN 09: 2023/BTNMT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	6,7	6,7	6,8	5,8-8,5
2	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	TCVN 6224:1996	74,0	106,0	139,0	140,0	500
3	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	1
4	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<LOQ (0,12)	<0,04	<0,04	<0,04	3
5	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<LOQ (0,09)	0,13	<LOQ (0,09)	<LOQ (0,09)	5
6	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,94	0,14	<LOQ (0,06)	<0,02	0,5
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	0,05
8	Sulfat (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4500 SO_4^{2-} E: 2023	<LOQ (9)	<LOQ (9)	9,4	<LOQ (9)	400
9	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,28	0,34	0,08	0,06	15
10	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,02	0,12	0,18	<0,02	1
11	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	39	<6	<LOQ (18)	<6	250

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- NN1 (HTAC118.25T3HY.NN1): Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Vũ Văn Tám, Đông Lỗ - Hiệp Hòa; NN2 (HTAC118.25T3HY.NN2): Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Đỗ Văn Nghi, Trung Sơn - Việt Yên; NN3 (HTAC118.25T3HY.NN3): Mẫu nước ngầm nhà hộ dân Ngô Văn Hải, Hương Mai - Việt Yên; NN4 (HTAC118.25T3HY.NN4): Mẫu nước ngầm tại hộ dân Vương Văn Chính, Tiên Sơn - Việt Yên.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (ᵛ): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Nguyễn Thị Hiền	Bùi Phương Thảo	GIÁM ĐỐC Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

EnvirGreen Lab

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG (VILAS 1332 - VIMCERTS 276)
Địa chỉ: Ô DV-04, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (844) 2462927328 Email: Envirgreen.lab@gmail.com Web: http://envirgreen.vn/

Số TN: 0160/DAK/2025/903/NTX/MTX-KQ/HTAC118/9886

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên"- do Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên làm chủ đầu tư
3. Địa chỉ : Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
4. Loại mẫu : Đất
5. Ký hiệu mẫu : Đ1; Đ2; Đ3; Đ4
6. Ngày lấy mẫu : 18/03/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Đ1	Đ2	Đ3	Đ4	QCVN 03: 2023/BTNMT (Loại I)
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	25
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	4
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	<0,5	<0,5	<0,5	200
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7000B	17,0	15,2	16,4	16,6	150
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7000B	49,0	49,6	50,6	48,9	300
6	Hóa chất bảo vệ thực vật phostphor hữu cơ(a,b)*	mg/kg	US EPA 3540C+ US EPA 3630C+ US EPA 8270E	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	30
7	Hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ (a,b)*	mg/kg	US EPA 3540C+ US EPA 3630C+ US EPA 8270E	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	-

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT (Loại I): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (Đất nông nghiệp; đất nuôi trồng thủy sản; đất ở nông thôn, đất ở đô thị; đất sản xuất vật liệu xây dựng; đất di tích lịch sử).
- Đ1 (HTAC118.25T3HY.Đ1): Mẫu đất giáp đường Vành đai 4; Đ2 (HTAC118.25T3HY.Đ2): Mẫu đất phía Tây thôn Đồng Quan; Đ3 (HTAC118.25T3HY.Đ3): Mẫu đất phía Tây Bắc dự án; Đ4 (HTAC118.25T3HY.Đ4): Mẫu đất phía Đông Bắc dự án.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG	QA/QC	ĐẠI DIỆN CÔNG TY
Nguyễn Thị Hiền	Bùi Phương Thảo	GIÁM ĐỐC Lương Văn Ninh

M.S.D.N: 0106787073 C.T.N.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

V/v Đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường

Số: 31/2024/HĐNT - MTX

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội khoá XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng H.P.T và khả năng, năng lực hiện có của Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG H.P.T

Địa chỉ : Số 60 phố Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.

Điện thoại : 024 3 8533718

Mã số thuế : 0101534294

Đại diện : Ông **Lê Mạnh Thắng** Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

Địa chỉ : Số 54 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội

VPGD : Ô 04, Lô số 25, Khu đất dịch vụ, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, HN

Mã số thuế : 0106787073

Điện thoại : 02462927328

Đại diện : Ông **Lương Văn Ninh** Chức vụ: **Giám đốc**

Tài khoản : 1385686868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Linh Đàm

Sau khi trao đổi và bàn bạc, hai bên chúng tôi đã cùng nhau thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A ký hợp đồng nguyên tắc với bên B về thực hiện dịch vụ Quan trắc và phân tích mẫu môi trường. Phạm vi dịch vụ bao gồm:

- Bên A thuê bên B quan trắc, đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại các cơ sở theo yêu cầu của Bên A.

gian trả kết quả là 30 ngày). Giải đáp thắc mắc về kết quả phân tích cho bên A khi có yêu cầu.

- Cung cấp hóa đơn GTGT cho bên A theo đúng giá trị thực hiện.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong Hợp đồng đã ký.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ thống nhất bàn bạc và giải quyết với nhau bằng văn bản trên tinh thần hợp tác hỗ trợ lẫn nhau. Mọi bổ sung hoặc thay đổi Hợp đồng phải được hai bên nhất trí bằng văn bản và được coi như phụ lục không thể tách rời của bản hợp đồng này. Bên nào đơn phương thay đổi, không tuân theo các điều khoản của Hợp đồng, làm thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và duy trì hiệu lực cho đến khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng.

- Quyết định thanh lý hợp đồng sẽ được hai bên thông báo trước tối thiểu 30 ngày cho bên còn lại.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG H.P.T	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Thắng	Lương Văn Ninh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0106787073

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 03 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 14 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 54, phố Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0985825669* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LƯƠNG VĂN NINH	Việt Nam	3828 – CT12C Khu ĐTM Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.500.000.000	55,000	024085000338	
2	BÙI PHƯƠNG THẢO	Việt Nam	402 Tòa HH3C Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	25,000	038190004401	

3	NGUYỄN THỊ HIỀN	Việt Nam	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	20,000	035192001413	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LƯƠNG VĂN NINH Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *01/03/1985* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024085000338*

Ngày cấp: *28/02/2017* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *3828 – CT12C Khu ĐTM Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *3828 – CT12C Khu ĐTM Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Hà Thanh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 55 /GCN-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

- Địa chỉ Văn phòng: 54 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

- Địa chỉ Phòng thí nghiệm: Ô DV – 04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0246.2927328

Email: envirgreen.lab@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 276**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày *21*. tháng*12*... năm 2026.

4. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 55 /GCN-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	TCVN 6184:2008 SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
8.	Độ trong	HDHT.MTX.02	0 ÷ 20m

HDHT.MTX: Hướng dẫn nội bộ quy trình quan trắc tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước sông, suối	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-4:2020, TCVN 6663-6:2018
2.	Mẫu nước ao, hồ	TCVN 6663-4:2020
3.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	5,0 Pt-Co

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
3.	Độ cứng	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
4.	Độ kiềm (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
7.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
9.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
11.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
12.	Tổng Nitơ	SMEWW 4500.N.C:2023	0,06 mg/L
13.	Florua (F^-)	SMEWW 4500 F-B&D:2023	0,05 mg/L
14.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
15.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW4500-SO_4^{2-}.E:2023	3,0 mg/L
16.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
17.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
18.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
19.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
20.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
21.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
22.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
23.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,005 mg/L
24.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
25.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
26.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
27.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,03 mg/L
28.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
29.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2023	0,001 mg/L
30.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
31.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B: 2023	0,0002 mg/L
32.	Antimon (Sb)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Coliform	SMEWW 9221 B:2023	2 MPN/100 mL
34.	E.coli	SMEWW 9221B&F:2023	2 MPN/100 mL
35.	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo	US EPA method 3510C + US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	
	Aldrin		*0,01 µg/L*
	4,4'-DDD		*0,01 µg/L*
	4,4'-DDE		*0,01 µg/L*
	α -HCH		*0,01 µg/L*
	β-HCH		*0,01 µg/L*
	γ-HCH		*0,01 µg/L*
36.	Hoá chất bảo vệ thực vật photpho	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	Dichlorvos		*0,02 µg/L*
	Diazinon		*0,02 µg/L*
	Disulfoton		*0,02 µg/L*
	Chlorpyrifos		*0,02 µg/L*
	Fenthion		*0,02 µg/L*
	Parathion		*0,02 µg/L*
	Bromphos methyl		*0,02 µg/L*

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
	Ethion		*0,02 µg/L*
37.	PCBs	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	PCB28		*0,03 µg/L*
	PCB52		*0,03 µg/L*
	PCB101		*0,03 µg/L*
	PCB138		*0,03 µg/L*
	PCB153		*0,03 µg/L*
	PCB180		*0,03 µg/L*

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
4.	Lưu lượng	ISO 748:2007	-
5.	Vận tốc	ISO 748:2007	0,1 ÷ 6,1m/s

HDHT.MTX.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	pH	SMEWW 4500 H^+.B:2023	2 ÷ 12
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	4,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
5.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
7.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO^{3-}.E:2023	0,02 mg/L
9.	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
10.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
11.	Độ màu	TCVN 6185C:2015	5,0 Pt-Co
12.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,05 mg/L
13.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
14.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
15.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
17.	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
18.	Clo dư	TCVN 6225-1:2012	0,3 mg/L
		TCVN 6225-2:2021	0,03 mg/L
19.	Xyanua (CN^-)	SMEWW4500.CN.C&E:2023	0,0015 mg/L
20.	Tổng phenol	SMEWW 5530B&C:2023	0,006 mg/L
21.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
22.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
23.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
24.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
25.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
26.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
27.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
28.	Tổng Crom	SMEWW 3111B:2023	0,05 mg/L
29.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
30.	Crom (III)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,04 mg/L
31.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	0,0005 mg/L
32.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
34.	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo	US EPA method 3510C + US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	
	Aldrin		*0,01 µg/L*
	4,4'-DDD		*0,01 µg/L*
	4,4'-DDE		*0,01 µg/L*
	α -HCH		*0,01 µg/L*
	β -HCH		*0,01 µg/L*
	γ -HCH		*0,01 µg/L*
35.	Hoá chất bảo vệ thực vật photpho	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	Dichlorvos		*0,02 µg/L*
	Diazinon		*0,02 µg/L*
	Disulfoton		*0,02 µg/L*
	Chlorpyrifos		*0,02 µg/L*
	Fenthion		*0,02 µg/L*
	Parathion		*0,02 µg/L*
	Bromphos methyl		*0,02 µg/L*
	Ethion		*0,02 µg/L*
36.	PCBs	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	PCB28		*0,03 µg/L*
	PCB52		*0,03 µg/L*
	PCB101		*0,03 µg/L*
	PCB138		*0,03 µg/L*
	PCB153		*0,03 µg/L*
	PCB180		*0,03 µg/L*

1.3. Nước dưới đất

1.3.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	ORP	SMEWW 2580B:2023	-2000 ÷ 2000mV
8.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

HDHT.MTX.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4.	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
5.	Độ kiềm (tính theo $CaCO_3$)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
6.	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
7.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
9.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
11.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
12.	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023	0,06 mg/L
13.	Độ màu	TCVN 6185C:2015 (phương pháp C)	5,0 Pt-Co
14.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,06 mg/L
15.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
16.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW4500-SO_4^{2-}.E:2023	3,0 mg/L
17.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
18.	Chất hoạt động bề mặt anion	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
19.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
20.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
21.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
22.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
23.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
24.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
25.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
26.	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
27.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
28.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
29.	Tổng Crom (Crom)	SMEWW 3111B:2023	0,015 mg/L
30.	Selen (Se)	SMEWW 3114B:2023	0,003 mg/L
31.	Coban (Co)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
32.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	0,0002 mg/L
34.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
35.	E.coli	SMEWW 9221B&F:2023	2 MPN/100 mL
36.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L

1.4. Nước biển

1.4.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
2.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130.B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
8.	Độ trong	HDHT.MTX.02	0 ÷ 10m

HDHT.MTX: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

1.4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
3.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
4.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023	0,02 mg/L
5.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
7.	Florua (F^-)	SMEWW 4500F$^-$.B&D:2023	0,05 mg/L
8.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
9.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10.	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
11.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
12.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
13.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
14.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
15.	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L

1.5. Nước mưa

1.5.1. Quan trắc hiện trường

- Đo dạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HDPT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
4.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm

HDHT.MTX: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước mưa	TCVN 6663-1: 2011; TCVN 6663-3:2016, TCVN 5997:1995

1.5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
2.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
3.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
4.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
5.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,05 mg/L

2. Khí

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46: 2022/BTNMT	0,1 ÷ 60°C
2	Độ ẩm	QCVN 46: 2022/BTNMT	10 ÷ 95% RH
3	Tốc độ gió	QCVN 46: 2022/BTNMT	0,4 ÷ 40 m/s
4	Hướng gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 360°
5	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
6	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130 dB
7	Độ rung	TCVN 6963:2001	30 ÷ 130 dB

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	NO_2	TCVN 6137:2009
2.	SO_2	TCVN 5971:1995
3.	CO	MTX.HT.KK-05
4.	NH_3	TCVN 5293:1995
5.	Cl_2	MASA 202
6.	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
7.	H_2S	MASA 701
8.	As	NIOSH Method 7900
9.	Ni	NIOSH Method 7300
10.	Cd	NIOSH Method 7048
11.	Cr(VI)	NIOSH Method 7600
12.	Chì bụi	TCVN 5067:1995
13.	Thủy ngân (Hg)	NIOSH Method 6009
14.	Coban (Co)	OSHA Method ID 121
15.	Kẽm (Zn)	OSHA Method ID 121
16.	Đồng (Cu)	OSHA Method ID 121
17.	Metan (CH_4)	MASA 101
18.	Formaldehyt	NIOSH Method 2541
19.	Phenol	NIOSH Method 2546
20.	Vinyl Chloride	NIOSH Method 1007

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
21.	Tổng Hydrocacbon (C_xH_y)	NIOSH Method 1500
	n-heptane	
	n-hexane	
	n-octane	
	Cyclohexan	
	Methylcyclohexane	
	n-nonane	
	n-decane	
	n-undecane	
	n-decane	
	n-undecane	
	n-dedocane	
22.	VOCs	NIOSH Method 1501
	Benzen	
	Etylbenzen	
	Styren	
	Toluen	
	Xylen	
	o_Xylen	
	m_Xylen	
	p_Xylen	
23.	Tetracloetylen	NIOSH Method 1003
24.	Acetonitril	NIOSH Method 1606
25.	Benzidin	NIOSH Method 5509
26.	Naphtalen	OSHA Method 35
27.	Acetaldehyde	NIOSH Method 2538
28.	Anilin	NIOSH Method 2002
29.	Cloroform	NIOSH Method 1003
30.	Mercaptan (tính theo Methyl mercaptan)	OSHA Method 26
31.	Acrylonitril	NIOSH Method 1604
32.	Xyanua	MASA 808
33.	HF	NIOSH method 7906
34.	Acrolein	NIOSH Method 2501
35.	HBr	NIOSH Method 7907

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
36.	HNO_3	NIOSH Method 7907
37.	HCl	NIOSH Method 7907
38.	H_2SO_4	NIOSH Method 7908
39.	H_3PO_4	NIOSH Method 7908
40.	HCN	NIOSH Method 6010

MTX.HT.KK-05: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu

2.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/Nm³
2	NO_2	TCVN 6137: 2009	5,0 µg/Nm³
3	CO	MTX.PT.KK-05	3200 µg/Nm³
4	SO_2	TCVN 5971:1995	12,0 µg/Nm³
5	H_2S	MASA Method 701	6,0 µg/Nm³
6	NH_3	TCVN 5293:1995	7,0 µg/Nm³
7	Asen (As)	NIOSH Method 7300	0,005 µg/Nm³
8	Niken (Ni)	NIOSH 7 Method 7300	0,05 µg/Nm³
9	Cadmi (Cd)	NIOSH method 7048	0,01 µg/Nm³
10	Chì (Pb)	TCVN 6152:1996	0,03 µg/Nm³
11	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	NIOSH Method 1501	
	Benzen		*5,0 µg/Nm³*
	Toluen		*5,0 µg/Nm³*
	Xylen		*5,0 µg/Nm³*
12	Tổng Hydrocacbon (C_xH_y)	NIOSH Method 1500	
	n-heptan		*70,0 µg/Nm³*
	n-hexan		*70,0 µg/Nm³*
	cyclohexan		*70,0 µg/Nm³*

MTX.HT.KK-05: *Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích khí CO trong không khí*

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
2	Vận tốc	US EPA Method 2	0 ÷ 70 m/s
3	Hàm ẩm	US EPA Method 4	0 ÷ 100 %
4	Nhiệt độ	US EPA Method 4	0 ÷ 1.000°C
5	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	-
6	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 2.533.387 m^3/h
7	Áp suất	MTX.HT.KT-05.1 & MTX.HT.KT-05.2	850 ÷ 1.100 mBar
8	O_2	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT-06.2	0 ÷ 25 %
9	SO_2	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT-06.2	0 ÷ 13.100 mg/Nm^3
10	NOx (tính theo NO_2)	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT-06.2	
	NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm^3
	NO_2		0 ÷ 940 mg/Nm^3
11	CO	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT-06.2	0 ÷ 11.400 mg/Nm^3
12	CO_2	MTX.HT.KT-06.2	0 ÷ 25 %

MTX.HT.KT: Quy trình nội bộ hướng dẫn quan trắc các thông số tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5
2.	Bụi Silic	US EPA Method 5
3.	SO_2	TCVN6750:2005 US EPA Method 8
4.	H_2S	JIS K 0108:2010
5.	NH_3	JIS K 0099:2020
6.	HF	US EPA Method 26A
7.	Cl_2	US EPA Method 26A
8.	HCl	US EPA Method 26A
9.	HBr	US EPA Method 26A

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
10.	Br_2	US EPA Method 26A
11.	H_2SO_4	US EPA Method 8
12.	Bery (Be)	US EPA Method 29
13.	Asen	US EPA Method 29
14.	Chì	US EPA Method 29
15.	Bari	US EPA Method 29
16.	Cadimi	US EPA Method 29
17.	Crom	US EPA Method 29
18.	Coban	US EPA Method 29
19.	Đồng	US EPA Method 29
20.	Mangan	US EPA Method 29
21.	Niken	US EPA Method 29
22.	Selen	US EPA Method 29
23.	Bạc	US EPA Method 29
24.	Kẽm	US EPA Method 29
25.	Thủy ngân	US EPA Method 29
26.	Tổng các kim loại nặng (Pb, Ba, Cd, Hg, Se, Ag, As, Ni, Co, Cu, Cr, Mn, Zn)	US EPA Method 29
27.	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	PD CEN/TS 13649:2014
	Benzen	
	Toluen	
	o-Xylen	
28.	Tổng Hydrocacbon (C_xH_y)	PD CEN/TS 13649:2014
	n-heptan	
	n-hexan	
	cylcohexan	

2.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	3,0 mg/Nm³
2	Tổng các kim loại (Pb, Ba, Cd, Hg, Se, Ag, As, Ni, Co, Cu, Cr, Mn, Zn)	US EPA Method 29	0,35 mg/Nm³
3	Asen và hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	0,0001 mg/Nm³
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm³

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
5	Bari và hợp chất, tính theo Ba	US EPA Method 29	0,15 mg/Nm³
6	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	0,0005 mg/Nm³
7	Crom và hợp chất, tính theo Cr	US EPA Method 29	0,05 mg/Nm³
8	Coban và hợp chất, tính theo Co	US EPA Method 29	0,03 mg/Nm³
9	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	0,054 mg/Nm³
10	Mangan và hợp chất, tính theo Mn	US EPA Method 29	0,02 mg/Nm³
11	Niken và hợp chất, tính theo Ni	US EPA Method 29	0,04 mg/Nm³
12	Selen và hợp chất, tính theo Se	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm³
13	Bạc và hợp chất, tính theo Ag	US EPA Method 29	0,02 mg/Nm³
14	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	0,04 mg/Nm³
15	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm³
16	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	PD CEN/TS 13649:2014	
	Benzen		*0,3 mg/Nm³*
	Toluen		*0,3 mg/Nm³*
	o-Xylen		*0,3 mg/Nm³*
17	Tổng Hydrocacbon (CxHy)	PD CEN/TS 13649:2014	
	n-heptan		*0,2 mg/Nm³*
	n-hexan		*0,2 mg/Nm³*
	cylcohexan		*0,2 mg/Nm³*

3. Đất

3.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu đất	TCVN 4046:1985; TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007; TCVN 5297:1995

3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
2.	Độ ẩm	TCVN 4048:2011	1,0 %
3.	Tổng K	US EPA Method 3051A+SMEWW 3111B:2023	8,0 mg/kg
4.	Tổng Photpho	TCVN 8940:2011	1,0 mg/kg
5.	Cacbon hữu cơ	TCVN 8941:2011	0,2%
6.	Độ dẫn điện	TCVN 6650:2000	0 ÷ 100mS/cm
7.	Tổng Nitơ	TCVN 6498:1999	10,0 mg/kg
8.	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
9.	Đồng (Cu)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
10.	Chì (Pb)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
11.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
12.	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
13.	Cadmi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
14.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 3051A + TCVN 8882:2011	0,2 mg/kg
15.	Niken (Ni)	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg

4. Trầm tích

4.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu trầm tích	TCVN 6663-19:2015; TCVN 6663-15:2004

4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12
2.	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3.	Đồng (Cu)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2021 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/kg
5.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
6.	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
7.	Cadimi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
8.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/kg

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
9.	Niken (Ni)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
10.	Sắt (Fe)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg

5. Bùn

5.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu bùn	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	US EPA 9040C + US EPA 9045D	0 ÷14
2.	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,5 mg/Kg
3.	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7010	0,5 mg/Kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/Kg
5.	Bạc (Ag)	US EPA 3050B + US EPA Method 7000B	6,0 mg/Kg
6.	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
7.	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
8.	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	5,0 mg/Kg
9.	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	3,0 mg/Kg
10.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/Kg
11.	Selen	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,1 mg/Kg
12.	Crom	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
13.	Bari (Ba)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	9,0 mg/Kg
14.	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	2,5 mg/kg

6. Chất thải

6.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu chất thải	TCVN 9466:2021

6.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	US EPA 9040C + US EPA 9045D	0 ÷ 14
2.	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,5 mg/Kg
3.	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7010	0,5 mg/Kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/Kg
5.	Bạc (Ag)	US EPA 3050B + US EPA Method 7000B	6,0 mg/Kg
6.	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
7.	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
8.	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	5,0 mg/Kg
9.	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	3,0 mg/Kg
10.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/Kg
11.	Selen	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,1 mg/Kg
12.	Crom	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
13.	Bari (Ba)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	9,0 mg/Kg
14.	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	2,5 mg/kg

PHỤ LỤC 3

HỒ SƠ THAM VẤN Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG CỦA DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN **FECON HOÀ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12 /2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN V/v Lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Bắc Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Trung Sơn.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số điều cửa Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường" và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường", Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đang thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo luật định.

Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên xin trân trọng gửi đến Uỷ ban nhân dân xã Trung Sơn và Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Trung Sơn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan về các nội dung: (1)- Vị trí thực hiện dự án đầu tư; (2)- Tác động môi trường của dự án đầu tư; (3)- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; (4)- Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (5)- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và (6)- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBND xã Trung Sơn và Ủy ban MTTQ xã Trung Sơn về các nội dung trên xin được gửi về **Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên** trong thời gian không quá **15 ngày** (theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tham vấn để Chủ đầu tư hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật, trình các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của UBND xã Trung Sơn và Ủy ban MTTQ xã Trung Sơn.

Nơi nhận: - Như Kính gửi; - Lưu KTKT, VT.	**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HOÀ YÊN** M.S.D.N: 2400945909 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN TỈNH BẮC GIANG GIÁM ĐỐC *Phạm Quốc Hùng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trung Sơn, ngày 02 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ

Điểm b, Mục 3, Khoản 8, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thành phần

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 02 tháng 04 năm 2025, tại UBND xã Trung Sơn, Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên phối hợp với UBND xã Trung Sơn tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

- ***Đại diện UBND xã Trung Sơn***
  1. Ông/Bà: Diêm Đăng Nghiệp..... Chức vụ: Chủ tịch UBND.....
  2. Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....
- ***Đại diện Chủ dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên***
  1. Ông/Bà: Phạm Quốc Hùng..... Chức vụ: Giám đốc.....
  2. Ông/Bà: Phùng Thanh Tùng..... Chức vụ: Trưởng phòng KTCT.....

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian bắt đầu niêm yết công khai: Ngày 02 tháng 04 năm 2025
- Thời gian kết thúc niêm yết công khai: Sau khi kết thúc phiên họp tham vấn cộng đồng.
- Địa điểm niêm yết: Bảng tin tại trụ sở UBND xã Trung Sơn.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đại diện các bên nhất trí ký tên dưới đây./.

UBND XÃ TRUNG SƠN	**CHỦ DỰ ÁN**
	CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN
CHỦ TỊCH UBND XÃ TRUNG SƠN	GIÁM ĐỐC
DIÊM ĐĂNG NGHIỆP	*Phạm Quốc Hùng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trung Sơn, ngày 08 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN
HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.
2. **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên
3. **Địa điểm triển khai dự án:** Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
4. **Thời gian họp:** Từ 8 h00 đến 10 h 00 ngày 08/04/2025
5. **Địa chỉ nơi họp:** Hội trường Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn.

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP

1.1. Về chính quyền xã Trung Sơn: Đại diện UBND xã Trung Sơn.

1.2. Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Đại diện Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T, các cán bộ chuyên môn kỹ thuật,…

1.4. Đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án: Các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án trên địa bàn xã Trung Sơn; đại diện các hộ gia đình bị thu hồi đất; đại diện các chủ cơ sở, sản xuất kinh doanh bị thu hồi đất; …

2. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

2.1. Đại diện UBND xã Trung Sơn tuyên bố lý do của cuộc họp và giới thiệu các thành phần tham dự cuộc họp, mục đích của cuộc họp về vấn đề tác động môi trường khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

2.2. Đại diện Công ty CP Fecon Hòa Yên giới thiệu dự án và ủy quyền cho đơn vị tư vấn trình bày nội dung tham vấn.

2.3. Đại diện đơn vị tư vấn trình bày nội dung tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án.

2.4. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án về nội dung tham vấn, cụ thể như sau:

* Ông Đỗ Văn Tiếp - Thôn Nguyên
Dự án đã có từ lâu, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, giả sử dự án không lấy hết thu diện tích của bà con, phần còn lại không thu hồi mà diện tích nhỏ còn lại → đề nghị thu hồi một.
- Đề nghị thông báo với bà con và chính quyền về phương án thi công, cấp điện, cấp nước, ...

→ Chủ đầu tư: 1 buổi họp giải phóng mặt bằng → giải quyết các vấn đề của bà con. Diện tích còn lại đảm bảo vấn tưới tiêu bình thường. Còn nếu xảy ra việc thiếu nước, tiêu thoát không tốt thì ng dân có thể viết đơn lên chính quyền để hỗ trợ người dân

* Ông Bí thư chi bộ: Đỗ Văn Lý
- Trước khi sản xuất, đảm bảo nước tưới cho bà con sản xuất nông nghiệp
- Trong quá trình giải phóng, đất đá liên quan đến mưa bão gây ngập lụt
- Diện tích đất liền kề, có trách nhiệm đến bù trong trường hợp chuột phá hoại mùa màng.

* Bà: Nguyễn Thị Lợi
- Khó khăn trong công tác khi diện tích còn lại ít → có giải quyết được không vì không được đủ diện tích canh tác
- Đảm bảo vệ sinh môi trường khi hoạt động với việc thi công xây dựng, (mương tiêu, cấp điện, cấp nước...)
→ Thi công đảm bảo cote nền xung quanh với dân cư bên trong, Mương tiêu cấp nước vẫn sẽ đảm bảo cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

* Bà: Đỗ Thị Thao - Chủ tịch UBMT

- Nhất trí với các biện pháp môi trường đã trình bày
- Đề nghị tuân thủ đầy đủ các biện pháp đã nêu trong quá trình thực hiện dự án
- Cần kịp thời phối hợp với thôn Nguyên, UBND xã về các vấn đề môi trường, giải quyết nhanh chóng, tránh gây bức xúc người dân
- Về bụi, tiếng ồn phải phủ bạt khi chở NLV, và không thi công vào ban đêm. Đảm bảo an toàn cho các cháu học sinh
- Lượng rác thải phải có xe chuyên dụng đi và khu xung quanh là các khu dân cư.

→ Bố trí các thùng chứa CTR sinh hoạt với hợp đồng thu gom ít nhất 1 lần / 1 ngày. Chủ đầu tư cam kết tới về môi trường, tránh gây ảnh hưởng tới người dân. Tránh các tuyến đường đông sinh khi vận chuyển.

* Ông: Đỗ Đức Tuấn
- Cho xin văn bản thuê hiện giữa người dân và Chủ đầu tư về các vấn đề đã cam kết.
→ Bố trí cuối họp khảo sát giải phóng mặt bằng để thống nhất. Theo đúng quy định của nhà nước.

3. KẾT LUẬN CUỘC HỌP THAM VẤN

3.1. Ý kiến của đại diện UBND xã Trung Sơn:

Yêu cầu chủ dự án thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án

3.2. Ý kiến của đại diện Chủ dự án (Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên):

Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 10 h 00 cùng ngày, Biên bản cuộc họp tham vấn này được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe và nhất trí.

TM. UBND XÃ TRUNG SƠN

CHỦ TỊCH UBND XÃ TRUNG SƠN

NGUYỄN VIỆT TRANG

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

M.S.D.N: 2400945909 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN TỈNH BẮC GIANG

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hùng

DANH SÁCH THAM GIA HỘI NGHỊ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN TẠI XÃ TRUNG SƠN

Dự án: Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
1.	Diêm Đăng Nghiệp		CT UBND xã				
2.	Nguyễn Việt Thắng		PCT UBND				
3.	Hoàng Phúc Thọ		CC địa chính				
4.	Đỗ Văn Tiếp		CB Văn hoá				
5.	Lê Tuấn Giang		Thôn Nguyên				
6.	Vũ Thị Tứa		〃				
7.	Giáp Thị Sen		〃				
8.	Đỗ Văn Thuỷ		〃				
9.	Nguyễn Thị Thuần		〃	x			
10.		Nguyễn Thị Hằng					

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
11.		Nguyễn Thị Ngọc	Thôn Nguyên		x		Ngọc
12.	Đỗ Thị Hồng Vân		"				Vân
13.		Vũ Thị Lý	"				lý
14.		Nguyễn Thị Hồng	"				hồng
15.	Đỗ Thị An		"				AN
16.	Đỗ Văn Tâm		"				Tâm
17.	Lê Văn Lực		"				Lực
18.	Nguyễn Thanh Điều		"				Điều
19.	Lê Thế Long		"				Long
20.	Lê Văn Việt		"				Việt
21.	Đỗ Văn Khá		"				Khá
22.	Lê Quang Thái		"				Thái
23.	Đỗ Văn Hợi		"				Hợi

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
24.	Lê Thế Phong		Thôn Nguyên				Phong
25.	Trần Văn Hướng		〃				Hướng
26.	Đỗ Văn Minh		〃				Minh
27.		Nguyễn Thị San	Thôn Đồng	x			San
28.		Đỗ Thị Nhung	Thôn Nguyên	x			Nhung
29.	Đỗ Văn Tuyến		〃				Tuyến
30.	Lê Văn Thọ		〃				Thọ
31.	Lê Văn Thành		〃				Thành
32.	Đỗ Văn Cúc (Cử)		〃				Cử
33.	Đỗ Văn Thuý		〃				Thuý
34.	Đỗ Văn Lưu		〃				Lưu
35.	Lê Thế Phương		〃				Phương
36.	Lê Tuấn Cảy		〃				Cảy

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
37.	Nguyễn Thiu Đông		Thôn Nguyên				
38.	Đỗ Đức Tuân		"				
39.	Trần Văn Sỹ		"				
40.	Trần Văn La		"				
41.		Nguyễn Thị Lới	"				
42.		Lê Thị Sen	"				
43.		Đỗ Thị Kỷ	"				
44.		Đỗ Thị Nhung	"				
45.	Đỗ Thị Nhiên		"				
46.	Đỗ Văn Lý (BTCB)		"				
47.	Đỗ Thị Phúc		"				
48.	Đỗ Thị Long		"				
49.	Đỗ Thị Ta		"				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
50.	Nguyễn Thị Ngoan		Thôn Nguyên	x			Ngoan
51.		Nguyễn Thị Chiến	//				Chiến
52.		Phan Thị Bắc	//				Bắc
53.		Đào Thị Hường	//				Hường
54.		Đặng Thị Duyên	//				Duyên
55.		Dương Thị Oánh	//				Oánh
56.	Đỗ Văn Thân		//				Thân
57.	Lê Văn Chiến		//				Chiến
58.	Đỗ Văn Tình		//				Tình
59.	Dương Văn Diện		//				Diện
60.	Đỗ Thị Thao		CTMTTQ				Thao
61.		Đào Thị Hoan	//				Hoan
62.	Lê Tuấn Quyến		//				Quyến

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TRUNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38 /UBND-CV V/v: Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Trung Sơn, ngày 10 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Trung Sơn đã nhận được Công văn số 12/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn.

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, UBND xã Trung Sơn đã tổ chức hội nghị tham vấn dân chủ, công khai vào ngày 08/04/2025 tại hội trường UBND xã Trung Sơn tới các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm và căn cứ vào các ý kiến đóng góp tại hội nghị tham vấn, UBND xã Trung Sơn có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Dự án phù hợp với *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Nhất trí với vị trí xây dựng KCN Hòa Yên. Vị trí này có điều kiện giao thông thuận lợi, phù hợp để thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong báo cáo ĐTM.

5. Về các nội dung khác: Để đảm bảo phát triển thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp song vẫn đảm bảo được mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, UBND xã Trung Sơn đề nghị Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và các yêu cầu cụ thể sau:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường, phòng chống và ứng phó với các sự cố môi trường, phòng ngừa và ứng phó với sự cố thiên tai đã cam kết trong hồ sơ báo cáo ĐTM. Sau khi báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền

phê duyệt, đề nghị Công ty công khai Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật để chính quyền địa phương và nhân dân có thể giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án.

- Đề nghị Công ty phải hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường của KCN trước khi tiến hành thu hút đầu tư. Đảm bảo hoạt động của KCN không ảnh hưởng đến đời sống, môi trường, kinh tế - xã hội của địa phương. Nước thải, rác thải phát sinh từ hoạt động của KCN phải được xử lý triệt để an toàn, đạt các quy định của pháp luật trước khi xả thải ra môi trường.

- Đề nghị Công ty có phương án cụ thể hoàn trả kênh mương thủy lợi bị chiếm dụng, bị ảnh hưởng trước khi thực hiện dự án, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới – tiêu các diện tích xung quanh dự án được hoạt động bình thường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Đề nghị Công ty, các nhà đầu tư thứ cấp sản xuất kinh doanh trong KCN có các chính sách hỗ trợ việc làm cho các gia đình trên địa bàn xã, đặc biệt là các hộ gia đình bị mất đất cho dự án. Đồng thời, đề nghị Công ty phối hợp với các các cấp chính quyền, công an xã để quản lý tốt công nhân xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng KCN cũng như người lao động khi KCN đi vào hoạt động, tuyệt đối không để mất an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương.

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

Trên đây là những ý kiến của UBND xã Trung Sơn gửi Công ty cổ phần FECON Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo ĐTM của dự án theo quy định của pháp luật

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như trên (để thực hiện);
-Lưu: VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ TRUNG SƠN

NGUYỄN VIỆT TRANG

UỶ BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC **XÃ TRUNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /MTTQ-BTT	
V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Trung Sơn, ngày 08 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

Uỷ ban mặt trận tổ quốc (MTTQ) xã Trung Sơn đã nhận được Công văn số 12/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01/04/ 2025 của Công ty CP Fecon Hòa Yên, kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (KCN) Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn. Sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm, Ủy ban MTTQ xã Trung Sơn có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí với vị trí xây dựng KCN Hòa Yên, vị trí phù hợp với các quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

5. Về các nội dung khác:

- Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã.

- Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án; Đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường; Không sử dụng các tuyến đường dân sinh, đường làng, ngõ xóm để vận chuyển đất đá, nguyên liệu xây dựng và phải hoàn trả nếu làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.

- Trong giai đoạn vận hành: Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong KCN phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị KCN phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường, không được để gây ô nhiễm môi trường tại nguồn tiếp nhận.

- Đề nghị Công ty phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án. Đề nghị Công ty cử người có thẩm quyền, công khai số điện thoại để tiếp nhận kịp thời các phản ánh, góp ý (nếu có) của nhân dân trong quá trình thực hiện dự án.

Trên đây là những ý kiến của Ủy ban MTTQ xã Trung Sơn gửi Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như trên (để thực hiện);
-Lưu: BTT MTTQ.

TM. ỦY BAN MTTQ XÃ

ĐỖ THỊ THAO

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TRUNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32 /UBND-TB	*Trung Sơn, ngày 10 tháng 04 năm 2025*

THÔNG BÁO

Kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên

Trên cơ sở Văn bản số 12/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên (Chủ dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên triển khai tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) đề nghị lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên, Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Trung Sơn thông báo kết quả thực hiện như sau:

1. Kết quả thực hiện

- UBND xã Trung Sơn đã niêm yết hồ sơ báo cáo ĐTM của dự án để lấy ý kiến tham vấn tại trụ sở UBND xã từ ngày 02/04/2025 đến ngày 08/04/2025. Thứ 3, ngày 08/04/2025, UBND xã Trung Sơn đã phối hợp với Công ty CP Fecon Hòa Yên tổ chức hội nghị lấy kiến các đối tượng chịu tác động trực tiếp từ dự án tại hội trường UBND xã Trung Sơn.

- Các hộ gia đình chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án: 66 hộ, đều đang sinh sống trên địa bàn xã Trung Sơn.

- Số hộ gia đình tham gia hội nghị tham vấn ngày 08/04/2025 (Danh sách kèm theo Biên bản họp hội nghị tham vấn): ..62.... người, đại diện cho .62... hộ.

- Số hộ gia đình được phát phiếu lấy ý kiến tham vấn: ....0..... hộ. Số phiếu thu về sau 05 ngày kể từ ngày phát phiếu: ...0..... phiếu.

2. Nội dung tham gia ý kiến tham vấn

- Các ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án tại Hội nghị tham vấn ngày 08/04/2025 được ghi chi tiết tại Biên bản họp hội nghị tham vấn.

- Các ý kiến của các đối tượng được phát phiếu tham vấn được ghi chi tiết trong phiếu tham vấn.

Đề nghị Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên nghiên cứu thực hiện các ý kiến tham vấn trong quá trình triển khai dự án.

Trên đây là Thông báo kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân, hộ gia đình chịu tác động trực tiếp khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, triển khai tại tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như trên (để thực hiện);
-Lưu: VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ TRUNG SƠN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ TRUNG SƠN
NGUYỄN VIẾT TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN **FECON HOÀ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10 /2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN V/v Lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Bắc Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Hương Mai;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Hương Mai.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường" và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường", Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đang thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo luật định.

Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên xin trân trọng gửi đến Uỷ ban nhân dân xã Hương Mai và Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Hương Mai báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan về các nội dung: (1)- Vị trí thực hiện dự án đầu tư; (2)- Tác động môi trường của dự án đầu tư; (3)- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; (4)- Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (5)- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và (6)- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBND xã Hương Mai và Ủy ban MTTQ xã Hương Mai về các nội dung trên xin được gửi về **Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên** trong thời gian không quá **15 ngày** (theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tham vấn để Chủ đầu tư hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật, trình các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của UBND xã Hương Mai và Ủy ban MTTQ xã Hương Mai.

Nơi nhận: - Như Kính gửi; - Lưu KTKT, VT.	**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HOÀ YÊN** M.S.D.N: 2400945909 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN TỈNH BẮC GIANG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hương Mai, ngày 03 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ

Điểm b, Mục 3, Khoản 8, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thành phần

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 03 tháng 04 năm 2025, tại UBND xã Hương Mai, Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên phối hợp với UBND xã Hương Mai tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

- ***Đại diện UBND xã Hương Mai***

1. Ông/Bà: Đỗ Viết Hoa ..... Chức vụ: PCT UBND .....
2. Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

- ***Đại diện Chủ dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên***

1. Ông/Bà: Phạm Quốc Hùng ..... Chức vụ: Giám đốc .....
2. Ông/Bà: Phùng Thanh Tùng ..... Chức vụ: Trưởng phòng ICT .....

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian bắt đầu niêm yết công khai: Ngày 03 tháng 04 năm 2025
- Thời gian kết thúc niêm yết công khai: Sau khi kết thúc phiên họp tham vấn cộng đồng.
- Địa điểm niêm yết: Bảng tin tại trụ sở UBND xã Hương Mai.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đại diện các bên nhất trí ký tên dưới đây./.

UBND XÃ HƯƠNG MAI	CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ Đỗ Viết Hoa	GIÁM ĐỐC Phạm Quốc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hương Mai, ngày 10 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN
HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.
2. **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên
3. **Địa điểm triển khai dự án:** Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
4. **Thời gian họp:** Từ 14 h00 đến 16h00 ngày 10/04/2025
5. **Địa chỉ nơi họp:** Hội trường Ủy ban nhân dân xã Hương Mai.

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP

1.1. Về chính quyền xã Hương Mai: Đại diện UBND xã Hương Mai.

1.2. Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Đại diện Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T, các cán bộ chuyên môn kỹ thuật,…

1.4. Đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án: Các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án trên địa bàn xã Hương Mai; đại diện các hộ gia đình bị thu hồi đất; đại diện các chủ cơ sở, sản xuất kinh doanh bị thu hồi đất; …

2. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

2.1. Đại diện UBND xã Hương Mai tuyên bố lý do của cuộc họp và giới thiệu các thành phần tham dự cuộc họp, mục đích của cuộc họp về vấn đề tác động môi trường khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

2.2. Đại diện Công ty CP Fecon Hòa Yên giới thiệu dự án và ủy quyền cho đơn vị tư vấn trình bày nội dung tham vấn.

2.3. Đại diện đơn vị tư vấn trình bày nội dung tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án.

2.4. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án về nội dung tham vấn, cụ thể như sau:

*Cô Hồ thị Xuân Hoài:
- Rất đề nghị bà con hợp lý, có diện tích còn lại để người dân tiếp tục canh tác.

*Ông Nguyễn Tuấn Hưng
- Làm rõ diện tích đất thu hồi.

=> Tuyên công giải trình: - Căm cọc thu hồi phần diện tích đất dự án.
- Dự án đầu tư xây dựng các tuyến cống, đảm bảo nước tiêu thoát, không gây ngập úng khu vực của bà con. Tính toán các tuyến cống chi tiết phù hợp với lưu lượng tiêu thoát
- Về mô mả: Sẽ kiểm đếm và thống nhất phương án với người dân.

*Ông: Giáp Văn Thành
Nếu chưa có quy hoạch, mồ mả sẽ di chuyển đi đâu. Phải tìm đất cho người dân di dời
→ Giải trình: Chủ dự án làm việc với UBND → sau đó làm việc với các thôn → thống kê danh sách. Sẽ có kế hoạch vấn đề này. Chủ đầu tư xin tiếp thu để tìm ra giải pháp. (mồ trôi, mồ dãi), mong bà con ủng hộ. Vấn đề đền bù mồ mả sẽ thực hiện đúng theo quy định của tỉnh Bắc Giang.

3. KẾT LUẬN CUỘC HỌP THAM VẤN

3.1. Ý kiến của đại diện UBND xã Hương Mai:

Yêu cầu Chủ dự án thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án

3.2. Ý kiến của đại diện Chủ dự án (Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên):

Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16 h 00 cùng ngày, Biên bản cuộc họp tham vấn này được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe và nhất trí.

TM. UBND XÃ HƯƠNG MAI

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

Đỗ Viết Hoa

CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hùng

DANH SÁCH THAM GIA HỘI NGHỊ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN TẠI XÃ HƯƠNG MAI

Dự án: Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu x vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
1.		Nguyễn Xuân Chiến	CT UBND xã			x	
2.		Nguyễn Văn Cẩn	PCT UBND xã			x	
3.		Vũ Đình Đạo	CT UBMTTQ xã			x	
4.		Đỗ Việt Hoa	PCT UBND xã			x	
5.		Ngô Đức Hoa	Công chức VPTK			x	
6.		Giáp Văn Thanh	" " ĐCXD			x	
7.		Dương Đăng Viễn	Cán bộ đầu tư xã			x	
8.	Nguyễn Bá Thuỷ		Xuân Minh				
9.	Nguyễn Công Bốn		Tam Hợp				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
10.	Nguyễn Văn Cần		Thôn Xuân Minh				Cần
11.	Nguyễn Trọng Sử		Thôn Tam Hợp				Sử
12.	Đỗ Viết Chiến		Thôn Tam Hợp				Chiến
13.	Nguyễn Văn Trọng	Nguyễn Thị Mai	Thôn Tam Hợp				Mai
14.	Nguyễn Trọng Đoàn		Thôn Tam Hợp				Đoàn
15.	Nguyễn Bá ~~Đoàn~~ Luật		Thôn Xuân Thái				Luật
16.	Nguyễn Thị Chiến		Thôn Tam Hợp				Chiến
17.	Nguyễn Thị Thắng		Thôn Tam Hợp				Thắng
18.	Nguyễn Công Cường	Diêm Thị Phương	T. Tam Hợp				Phương
19.	Đỗ Viết Đồng	Nguyễn Thị Thắm	T. Tam Hợp				Thắm
20.	Nguyễn Trọng Tuyết		T. Tam Hợp				Quyết
21.	Nguyễn Trọng Dần		T. Tam Hợp				Dần
22.	Nguyễn Văn Bản		T. Tam Hợp				Bản

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
23.	Nguyễn Trọng Mạnh		Thôn Tam Hợp				
24.	Nguyễn Trọng Tình		Thôn Tam Hợp				
25.	Đỗ Viết Lã		Thôn Tam Hợp				
26.	Đỗ Viết Vinh		Thôn Tam Hợp				
27.	Nguyễn Thị Xuân		Thôn Xuân Thọ				
28.	Bùi Thị Hường		Thôn Xuân Thọ				
29.	Đỗ Viết Hùng Hường		Thôn Tam Hợp				
30.	Đỗ Trọng Quân		T Tam Hợp				
31.	Nguyễn Thị Trinh		T. Xuân Thọ				
32.	Dương Thị Hạnh		T. Xuân Thọ				
33.	Phạm Thị Lan		T. Xuân Thọ				
34.	Trần Thị Hồng		T. Xuân Thọ				
35.	Phạm Thị Thọ		T. Xuân Thọ				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
36.	Diêm Công Điệp		T. Xuân Minh.				
37.	Đỗ Việt Nhiên		T. ~~Nam~~ Tam Hợp				
38.	Nguyễn Văn Thọ		T. Xuân Minh.				
39.	Nguyễn Trọng Biên		T. Tam Hợp				
40.	Nguyễn Công Thanh		T. Xuân Minh				
41.	Nguyễn Trường Thọ		T. Xuân Hoà.				
42.	Nguyễn Văn Hùng		T. Tam Hợp				
43.	Đỗ Việt Thảo		T. Tam Hợp				
44.	Đỗ Việt Thắng		T. Tam Hợp				
45.	Nguyễn Trọng Tường		T. Tam Hợp				
46.	Diêm Thị Thuỷ		T. Tam Hợp				
47.	Đỗ Việt Nhã		T. Tam Hợp				
48.	Nguyễn Trọng Sử	Diêm Thị Thuỷ	T. Tam Hợp				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
49.		Nguyễn Thị Hải	T. Tam Hợp				
50.	Nguyễn Xuân Yến		T. Xuân Hòa				
51.	Nguyễn Dương Thi		"				
52.	Đỗ Việt Đức		T. Tam Hợp				
53.	Diêm Công Liên		T. Tam Hợp				
54.	Nguyễn Văn Dung		T. Xuân Hòa				
55.	Bùi Minh Hiệp		Bí thư Đu xã				
56.	Nguyễn Văn Luân		PBT TTĐU				
57.	Thân Văn Chung		PCT HĐND xã				
58.	Vũ Đình Giang		T. Xuân Minh				
59.							
60.							
61.							

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HƯƠNG MAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105 /CV-UBND	*Hương Mai, ngày 10 tháng 4 năm 2025*
V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên	

Kính gửi: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

Uỷ ban nhân dân xã Hương Mai đã nhận được Công văn số 10/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn.

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, UBND xã Hương Mai đã tổ chức hội nghị tham vấn dân chủ, công khai vào ngày 10/04/2025 tại hội trường UBND xã Hương Mai tới các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm và căn cứ vào các ý kiến đóng góp tại hội nghị tham vấn, UBND xã Hương Mai có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Dự án phù hợp với *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Vị trí xây dựng KCN Hòa Yên có điều kiện giao thông thuận lợi, phù hợp để thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong báo cáo ĐTM.

5. Về các nội dung khác: Để đảm bảo phát triển thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp song vẫn đảm bảo được mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, UBND xã Hương Mai đề nghị Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện đầy đủ các

biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và các yêu cầu cụ thể sau:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường, phòng chống và ứng phó với các sự cố môi trường, phòng ngừa và ứng phó với sự cố thiên tai đã cam kết trong hồ sơ báo cáo ĐTM. Sau khi báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị Công ty công khai Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật để chính quyền địa phương và nhân dân có thể giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án.

- Trong quá trình thi công xây dựng, đề nghị Công ty và các Nhà thầu thi công tổ chức thi công hợp lý, không được gây ô nhiễm môi trường cũng như các tác động xấu đến sản xuất - đời sống nhân dân trong khu vực. Không được để bụi bẩn, nước thải, tiếng ồn, phế thải xây dựng... từ công trường ảnh hưởng đến đời sống, các hoạt động sản xuất - kinh doanh của khu vực xung quanh vùng dự án. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng phải được làm sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường. Không vận chuyển nguyên liệu, phế thải xây dựng vào giờ cao điểm. Nếu trong quá trình thi công làm hư hỏng đường giao thông do việc vận chuyên đất đá, nguyên vật liệu thì Công ty phải có trách nhiệm khôi phục lại nguyên trạng ban đầu. Công ty phải dừng mọi hoạt động thi công có liên quan nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường cho các khu vực xung quanh cho đến khi khắc phục xong.

- Đề nghị Công ty phải hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường của KCN trước khi tiến hành thu hút đầu tư. Đảm bảo hoạt động của KCN không ảnh hưởng đến đời sống, môi trường, kinh tế - xã hội của địa phương. Nước thải, rác thải phát sinh từ hoạt động của KCN phải được xử lý triệt để an toàn, đạt các quy định của pháp luật trước khi xả thải ra môi trường.

- Đề nghị Công ty có phương án cụ thể hoàn trả kênh mương thủy lợi bị chiếm dụng, bị ảnh hưởng trước khi thực hiện dự án, đảm bảo hoạt động sản xuất nông nghiệp, tưới - tiêu các diện tích xung quanh dự án được hoạt động bình thường, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

Trên đây là những ý kiến của UBND xã Hương Mai gửi Công ty cổ phần FECON Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo ĐTM của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Lưu: VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH UBND XÃ

Đỗ Việt Hoa

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC **XÃ HƯƠNG MAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/UBMTTQ	
V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Hương Mai, ngày 10 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

Ủy ban mặt trận tổ quốc (MTTQ) xã Hương Mai đã nhận được Công văn số 10/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01/04/2025 của Công ty CP Fecon Hòa Yên, kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM) của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (KCN) Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn. Sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm, Ủy ban MTTQ xã Hương Mai có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí với vị trí xây dựng KCN Hòa Yên, vị trí phù hợp với các quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong báo cáo ĐTM gửi kèm.

5. Về các nội dung khác:

- Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã trong các giai đoạn thi công xây dựng và khai thác, vận hành, thu hút đầu tư sản xuất công nghiệp sau này.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án; Đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường; Không sử dụng các tuyến đường dân sinh, đường làng, ngõ xóm để vận chuyển đất đá, nguyên liệu xây dựng và phải hoàn trả nếu làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.

- Trong giai đoạn vận hành: Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong KCN phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định

trước khi xả thải. Đề nghị KCN phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường, không được để gây ô nhiễm môi trường tại nguồn tiếp nhận.

- Đề nghị Công ty, các nhà đầu tư thứ cấp sản xuất kinh doanh trong KCN có các chính sách hỗ trợ việc làm cho các gia đình trên địa bàn xã, đặc biệt là các hộ gia đình bị mất đất cho dự án. Đồng thời, đề nghị Công ty phối hợp với các các cấp chính quyền, công an xã để quản lý tốt công nhân xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng khu công nghiệp cũng như người lao động khi khu công nghiệp đi vào hoạt động, tuyệt đối không để mất an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương.

- Đề nghị Công ty phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án. Đề nghị Công ty cử người có thẩm quyền, công khai số điện thoại để tiếp nhận kịp thời các phản ánh, góp ý (nếu có) của nhân dân trong quá trình thực hiện dự án.

Trên đây là những ý kiến của Ủy ban MTTQ xã Hương Mai gửi Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như trên (để thực hiện);
-Lưu: BTT MTTQ.

TM. ỦY BAN MTTQ XÃ

Vũ Đình Đạo

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG MAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54 / TB - UBND	

Hương Mai, ngày 10 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên

Trên cơ sở Văn bản số 10/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên (Chủ dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên triển khai tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) đề nghị lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Yên, Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Hương Mai thông báo kết quả thực hiện như sau:

1. Kết quả thực hiện

- UBND xã Hương Mai đã niêm yết hồ sơ báo cáo ĐTM của dự án để lấy ý kiến tham vấn tại trụ sở UBND xã từ ngày 03/04/2025 đến ngày 09/04/2025. Thứ 5, ngày 10/04/2025, UBND xã Hương Mai đã phối hợp với Công ty CP Fecon Hòa Yên tổ chức hội nghị lấy kiến các đối tượng chịu tác động trực tiếp từ dự án tại hội trường UBND xã Hương Mai.

- Các hộ gia đình chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án: ....59... hộ, đều đang sinh sống trên địa bàn xã Hương Mai.

- Số hộ gia đình tham gia hội nghị tham vấn ngày 10/04/2025 (Danh sách kèm theo Biên bản họp hội nghị tham vấn): ..58.... người, đại diện cho ..58... hộ.

- Số hộ gia đình được phát phiếu lấy ý kiến tham vấn: ....0..... hộ. Số phiếu thu về sau 05 ngày kể từ ngày phát phiếu: ....0..... phiếu.

2. Nội dung tham gia ý kiến tham vấn

- Các ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án tại Hội nghị tham vấn ngày 10/04/2025 được ghi chi tiết tại Biên bản họp hội nghị tham

vấn.

- Các ý kiến của các đối tượng được phát phiếu tham vấn được ghi chi tiết trong phiếu tham vấn.

Đề nghị Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên nghiên cứu thực hiện các ý kiến tham vấn trong quá trình triển khai dự án.

Trên đây là Thông báo kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân, hộ gia đình chịu tác động trực tiếp khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, triển khai tại tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như trên (để thực hiện);
-Lưu: VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG MAI

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Đỗ Viết Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN **FECON HOÀ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11 /2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN V/v Lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Bắc Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Tiên Sơn;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Tiên Sơn.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường" và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường", Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đang thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo luật định.

Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên xin trân trọng gửi đến Uỷ ban nhân dân xã Tiên Sơn và Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Tiên Sơn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan về các nội dung: (1)- Vị trí thực hiện dự án đầu tư; (2)- Tác động môi trường của dự án đầu tư; (3)- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; (4)- Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (5)- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và (6)- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBND xã Tiên Sơn và Ủy ban MTTQ xã Tiên Sơn về các nội dung trên xin được gửi về **Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên** trong thời gian không quá **15 ngày** (theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tham vấn để Chủ đầu tư hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật, trình các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của UBND xã Tiên Sơn và Ủy ban MTTQ xã Tiên Sơn.

Nơi nhận: - Như Kính gửi; - Lưu KTKT, VT.	**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HOÀ YÊN** M.S.D.N: 2400945909 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN TỈNH BẮC GIANG GIÁM ĐỐC *Phạm Quốc Hùng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiên Sơn, ngày 03 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

1. Căn cứ

Điểm b, Mục 3, Khoản 8, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thành phần

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 03 tháng 04 năm 2025, tại UBND xã Tiên Sơn, Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên phối hợp với UBND xã Tiên Sơn tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

- ***Đại diện UBND xã Tiên Sơn***

1. Ông/Bà: Nguyễn Văn Nam..... Chức vụ: ..Chủ tịch..UBND.....
2. Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

- ***Đại diện Chủ dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên***

1. Ông/Bà: Phạm Quốc Hùng..... Chức vụ: ..Giám đốc.....
2. Ông/Bà: .Phùng Thanh Tùng..... Chức vụ: ..Trưởng phòng KTKT.....

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian bắt đầu niêm yết công khai: Ngày 03 tháng 04 năm 2025
- Thời gian kết thúc niêm yết công khai: Sau khi kết thúc phiên họp tham vấn cộng đồng.
- Địa điểm niêm yết: Bảng tin tại trụ sở UBND xã Tiên Sơn.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đại diện các bên nhất trí ký tên dưới đây./.

UBND XÃ TIÊN SƠN	**CHỦ DỰ ÁN** **CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN**
U.B.N.D XÃ TIÊN SƠN TX VIỆT YÊN T. BẮC GIANG	M.S.D.N: 2400945909 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN TỈNH BẮC GIANG
CHỦ TỊCH UBND XÃ TIÊN SƠN Nguyễn Văn Nam	GIÁM ĐỐC Phạm Quốc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiên Sơn, ngày 15 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN
HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.
2. **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên
3. **Địa điểm triển khai dự án:** Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
4. **Thời gian họp:** Từ 14h00 đến 16h30 ngày 15/04/2025
5. **Địa chỉ nơi họp:** Nhà văn hóa thông Phù Tài

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP

1.1. Về chính quyền xã Tiên Sơn: Đại diện UBND xã Tiên Sơn

1.2. Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Đại diện Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T, các cán bộ chuyên môn kỹ thuật,…

1.4. Đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án: Các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án trên địa bàn xã Tiên Sơn; đại diện các hộ gia đình bị thu hồi đất; đại diện các chủ cơ sở, sản xuất kinh doanh bị thu hồi đất; …

2. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

2.1. Đại diện UBND xã Tiên Sơn tuyên bố lý do của cuộc họp và giới thiệu các thành phần tham dự cuộc họp, mục đích của cuộc họp về vấn đề tác động môi trường khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

2.2. Đại diện Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên giới thiệu dự án và ủy quyền cho đơn vị tư vấn trình bày nội dung tham vấn.

2.3. Đại diện đơn vị tư vấn trình bày nội dung tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án.

2.4. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án về nội dung tham vấn, cụ thể như sau:

* Ông: Dương Văn Quang
- Theo chủ trương của Nhà nước, KCN là một phương án tốt cho nhân dân
- Ảnh hưởng từ xây dựng KCN
+ Bên trái là dân cư thôn Phú Tài, nếu quy hoạch không đảm bảo sẽ ảnh hưởng tới người dân rất nhiều, đặc biệt là tuyến kênh mương chảy qua rất dài
→ đề nghị hệ thống tiêu thoát phải đảm bảo
+ Các vấn đề môi trường phải đảm bảo, không ảnh hưởng tới thôn Phú Tài

* Ông: Nguyễn Phú Tuấn Luyến - Bí thư chi bộ Lương Yên
- Trong phạm vi 28,35 ha, thuộc Phú Tài và Lương Yên: Đảm bảo trong quá trình thi công như sau:
- Tiêu thoát nước của KCN: 100 mẫu ở dự án không ra được kênh Tiêu Hoà, có tình trạng ngập nước dồn nước về phía ruộng của người dân.
→ Đề nghị xây kè, đảm bảo nước tiêu thoát cho Lương Yên
- Trong quá trình thi công, vấn đề bụi, khí thải sẽ ảnh hưởng tới người dân. Đảm bảo cho người dân về tiếng ồn khi thi công → ảnh hưởng sức khoẻ.
- Tác động về an ninh khi có KCN thì có phương án như nào.
- Công ty phải quan tâm tới vấn đề tiêu thoát, tránh vấn đề nước thải bị tràn và kênh Tiêu Hoà bị quá tải.
→ Giải trình: - KCN đã tính toán lưu lượng nước thải → xây dựng tuyến cống phù hợp → đảm bảo kênh tiêu Việt Hoà tiếp nhận hết.
- Thi công theo phương án cuốn chiếu nên sẽ giảm thiểu

đưới 1 phần nào đó
- Vệ an ninh: Kế bố trí nhà ở cho công nhân; chỉ có lực lượng quản lý; Sẽ khai báo tạm trú, tạm vắng cho công nhân

* Ông: Hoàng Bá Tĩnh - Trưởng ban MT khu dân cư
- Quan tâm tới đời sống nhân dân: Nước thải, bụi khí thải
- Hoàn trả kênh mương có phương án cụ thể như thế nào?
- Biện pháp xử lý bụi, mùi khi KCN đi vào hoạt động
- Ranh giới của xã Tiên Sơn là từ đâu đến đâu?
- Đảm bảo họp thường xuyên, phối hợp với UBND xã 1 cách chặt chẽ

* Ông: Nguyễn Văn Hùng
- Nước tiêu thoát phải đảm bảo
- Xe lưu thông phải cam kết thời gian vận chuyển, trọng tải
- Thông báo địa điểm đấu thu hồi, phun nước tưới mùa đường
- Đặt hệ thống phun xe thì đặt ở đâu? để nhân dân nắm bắt được

* Ông: Vương Văn Quang
- Chân cầu, cần diện tích rất nhỏ → nên thu hồi hết để đưa vào quy hoạch luôn

→ Giải trình: + Dự án sẽ cắm mốc → rồi họp người dân về giải phóng mặt bằng.
+ Thuê xe chuyên dụng duy dưỡng để tưới đường với khoảng cách 100m.

+ Chất thải tại dự án: Thu gom, lưu trữ, vận chuyển theo quy định pháp luật, đảm bảo không gây mất vệ sinh môi trường.

2.5. Đại diện Chủ dự án đề xuất việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân không tham gia cuộc họp tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến

- Dự kiến thời gian gửi phiếu lấy ý kiến: ....16/4/2025. không lấy phiếu
- Dự kiến thời điểm kết thúc lấy ý kiến: ..không..lấy..phiếu.....

Sau thời điểm kết thúc lấy ý kiến, Chủ dự án cam kết cung cấp thông tin và số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn đã gửi và số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn nhận được cho Ủy ban nhân dân cấp xã để có ý kiến trong Văn bản trả lời tham vấn theo quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3. KẾT LUẬN CUỘC HỌP THAM VẤN

3.1. Ý kiến của đại diện UBND xã Tiên Sơn:

Yêu cầu Chủ dự án thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án

3.2. Ý kiến của đại diện Chủ dự án (Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên):

Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16h30 cùng ngày, Biên bản cuộc họp tham vấn này được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe và nhất trí.

ĐẠI DIỆN **UBND XÃ TIÊN SƠN**	**CHỦ DỰ ÁN** **CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN**
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ TIÊN SƠN Vũ Chí Nguyên	GIÁM ĐỐC

DANH SÁCH THAM GIA HỘI NGHỊ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN TẠI XÃ TIÊN SƠN

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên triển khai tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
1.	Hoàng Bá Tính		Rốn Phù Tài		×		
2.	Vương Văn Quang				×		
3.	Vương Văn Quyền		Tuy Thôn Phù Tài		×		
4.	Nguyễn Văn Minh		Thôn Lường Viên	×			
5.	Vũ Văn Thắng		Thôn Phù Tài	×			
6.	Vũ Văn Bình		Thôn Phù Tài	×			
7.	Trịnh Tiến Môn		〃	×			
8.	Hoàng Bá Nguyên		〃	×			
9.	Phạm Văn Đạt		Thôn Lường Viên	×			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
10.	Phạm Văn Tạo		thôn Mỹ Viên	X			
11.	Phạm Đình Vịnh		Mỹ Lưỡng Viên	X			
12.	Tô Thị Ngạn		Thôn Mỹ Viên	X			
13.	Phạm Thị Vân		Thôn Lưỡng Viên	X			
14.		Phạm Thị Thu Nụ	〃				
15.		phạm Thị Hằm	〃				
16.		Nguyễn Thị Quế	〃				
17.		phạm Thị Liễu	〃				
18.	Nguyễn Văn Điển		〃				
19.	Nguyễn Văn Sinh		〃				
20.	phạm Đình Thuỷ		〃				
21.	phạm Văn Sáng		〃				
22.	phạm Văn Tỏ		〃				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
23.		Bùi Thị Đáng	T. Lương Viên				Đáng
24.		Phạm Thị Toàn	〃				Toàn
25.		Nguyễn Thị Tám	〃				Tám
26.		Nguyễn Thị Bình	〃				Bình
27.		Phạm Thị Lai	〃				Lai
28.		Đặng Thị Quyết	〃				Quyết
29.	Nguyễn Phú Tình		〃				Tình
30.		Vương Thị Hằng	〃				Hằng
31.	Ngô Văn Bốn		Phú Tài				Bốn
32.		Phạm Thị Hường	Lương Viên				Hường
33.		Dương Thị Du	Phú Tài				Du
34.	Nguyễn Quang Vy		〃				Vy
35.		Ta Thị Quyên	〃				Quyên

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
36.		Nguyễn Thị Lương	Phú Tài				Lương
37.		Phạm Thị Hạc	〃				Hạc
38.		Nguyễn Thị Xuân	〃				Xuân
39.		Trần Thị Hiền	〃				Hiền
40.		Hoàng Thị Tứa	〃				Tứa
41.	Hoàng Bá Thưởng		〃				Thưởng
42.		Nguyễn Thị Anh	〃				Anh
43.		Hàng Thị Thuế	〃				Thế
44.		Vương Thị Thư	〃				Thư
45.		Đỗ Thị Ngọc	Lương Viên				Ngọc
46.	Nguyễn Vũ Thuỵ		〃	×			
47.	Vương Văn Khiêm		Phú Tài	×			Khiêm
48.	Ngô Văn Chương		〃	×			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
49.	Hoàng Thị Hằng	Ta Như Dương	Phù Tài	x			
50.	Nguyễn Văn Nhung		"	x			
51.	Hoàng Bá Quang		"	x			
52.	Hoàng Bá Bằng						
53.	Hoàng Bá Sinh		Phù Tài				
54.	Hoàng Bá Quang		Phù Tài				
55.	Nguyễn Văn Khoa		Phù Tài				
56.	Ta Cao Đăng		"				
57.	Phạm Đình Dao		Lương Viên				
58.	Ng Văn Dũng		Phù Tài				
59.	Ta Đình Khang		Phù Tài				
60.	Hoàng Bá Hường		Phù Tài				
61.	Nguyễn Văn Sâm		Phù Tài				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
62	Đào Văn Duy		Phú Tài				Duy
63	Phạm Đình Thu		Lường Viên				Thu
64	Vương Văn Thanh		Phú Tài				Thanh
65	Nguyễn Văn Chương		Phú Tài				Chương
66	Hoàng Bá Doanh		Phú Tài				Doanh
67	Phạm Văn Dư		Lường Viên				Dư
68	Ngô Văn Thử		Phú Tài				Thử
69		Vương Thị Gái	9 "				gái
70		Nguyễn Thị Hiền	"				Hiền
71		Lưu Thị Khuyên	"				Khuyên
72	Hoàng Bá Tiến		Phú Tài				Tiến
73	Đào Văn Sơn	Nguyễn Thị Thắng	Phú Tài				Thắng
74	Đỗ Văn Cảo		Phú Tài				Sơn

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
75	Ngô Văn Thanh		Lường Viên				
76		Hoàng Bá Tuấn	Phù Tài				Tâm
77		Nguyễn Phú Hưng	Lường Viên				
78	Hoàng Bá Vinh		Phù Tài				Vinh
79	Vương Văn Phán		Phù Tài				Phán
80	Phạm Văn Bình		Lường Viên				Bình
81		Ngô Lâm Bình	Phù Tài				
82		Nguyễn Văn Bằng	Phù Tài				Bằng
83	Tạ Đình Ánh		Phù Tài				Ánh
84	Vương Văn Ấm		Phù Tài				Ấm
85	Hoàng Bá Ngọc		Lường Viên				Ngọc
86	Nguyễn Phú Kiên		Lường Viên				Kiên
87	Nguyễn Phú Thân		Lường Viên				Thân

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
88		Hoàng Thị Vân	Phú Tài				Vân
89	Nguyễn Văn Hưng		〃				Hưng
90	Nguyễn Thị Điền		〃				Điền
91		Lê Thị Hạnh	〃				Hạnh
92		Ngô Thị Gái	〃				Gái
93	Nguyễn Thị Bằng		〃				Bằng
94		Đặng Thị Bắc	〃				Bắc
95		Nguyễn Thị Lập	〃				Lập
96	Vương Thị Đào Rão		〃				Rão
97		Ngô Thị Hoa	Lương Viên				Hoa
98	Nguyễn Thị Hòa		Lương Viên				Hòa
99		Đỗ Thị Tích	Phú Tài				Tích
100	Nguyễn Văn Sản		Phú Tài				Sản

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
101		Hoàng Thị Hồng	Phù Tài				Hồng
102		Nguyễn Thị Cúc	Phù Tài				Cúc
103	Tạ Thị Kiên		V				Kiên
104	Nguyễn Thị Sáu		〃				Sáu
105		Vương Thị Lý	〃				Lý
106		Hoàng Bá Bình	〃				Bình
107	Hoàng Bá Tuyến		〃				Tuyến
108	Hoàng Bá Lâm		〃				Lâm
109		Nguyễn Hữu Linh	〃				Linh
110		Dương Thị Hà	〃				Hà
111	Vương Thị Xung		〃				Xung
112	Nguyễn Thị Dinh		〃				Dinh
113		Lê Thị Thư	〃				Thư

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
~~114~~	~~Nguyễn Phú Quyến~~		Lường viên- Tiên Sơn				
~~115~~	~~Tô văn nghệ~~		Lường viên- Tiên Sơn				
~~116~~	~~Tống Văn Khánh~~		UBND Xã Tiên Sơn				
117	Vũ Chí quyền		UBND xã				
118	Nguyễn Văn Nam		UBND Xã				
119	Nguyễn Thị Lan		Lường Viên				
120	Phạm Thị Phẩm		Lường Viên				
121	Nguyễn Phú Hạnh		Lường Viên				
122	Phạm Văn Chất		11				
123	Phạm Văn Vỹ		11				
124	Đào Thị Vinh		Phú Tài				
125	Vương Thị Chinh		11				
126	Nguyễn Văn Lường		11				

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
127	1	Vương Thị Chuyên	Hướng Viên				Chuyên
128		Đỗ Thị Xuyến	Phú Tài				Xuyến
129	Vương Văn Lê		11				Lê
130	Hoàng Bá Việt		Phú Tài				Việt
131	Hoàng Bá Sanh		x				Sanh
132	Hoàng Bá Điền		x				Điền
133	Vương Xuân Phương		x				Phương
134	Nguyễn Xuân Thước		x				Thước
135	Vương Văn Cái		x				Cái
136	Vương Văn Bé		x				Bé
137	Vương Văn Hậu		x				Hậu
138	Nguyễn Văn Hải		x				Hải
139	Nguyễn Văn Hưng		x				Hưng

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
140	Hoàng Bá Lanh		Phù Tài	X			Cảnh

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75 /UBND- ĐCXD V/v Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên	*Tiên Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên.

UBND xã Tiên Sơn nhận được Công văn số 11/2025/CV- KTKT. FECONHOAYEN ngày 01/04/2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn.

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, UBND xã Tiên Sơn đã tổ chức hội nghị tham vấn dân chủ, công khai vào ngày 15/4/2025 tại nhà Văn hóa thôn Phù Tài, xã Tiên Sơn tới các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và căn cứ vào các ý kiến đóng góp tại hội nghị tham vấn, UBND xã Tiên Sơn có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí với vị trí thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên. Dự án phù hợp với *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050"* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ- TTg ngày 17/02/2022 cũng như các quy hoạch khác của khu vực.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

5. Về các nội dung khác: Để đảm bảo phát triển thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp song vẫn đảm bảo được mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, UBND xã Tiên Sơn đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu và các yêu cầu cụ thể sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đến bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án. Nghiêm túc thực hiện các hoạt động, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường đã cam kết, trình bày trong báo cáo ĐTM được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thu hút các ngành công nghiệp sạch, có công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; không thu hút các ngành nghề có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện xử lý triệt để nước thải, rác thải, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của KCN; yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp trong KCN phải xử lý triệt để khí thải và các nguồn thải khác để đảm bảo không ảnh hưởng đến đời sống - sản xuất của các khu vực dân cư lân cận.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, hệ thống giao thông và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước mặt, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.

- Phối hợp chặt chẽ với địa phương, chính quyền thôn và cộng đồng dân cư xung quanh trong quá trình triển khai dự án và xử lý kịp thời hợp lý các vấn đề phát sinh có liên quan.

Trên đây là những ý kiến của UBND xã Tiên Sơn gửi Công ty cổ phần FECON Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TIÊN SƠN T.X VIỆT YÊN T.BẮC GIANG

Nguyễn Văn Nam

UỶ BAN MTTQ VIỆT NAM
XÃ TIÊN SƠN
BAN THƯỜNG TRỰC
Số: 10/CV-MTTQ- BTT
V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiên Sơn, ngày 23 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên

Uỷ ban mặt trận tổ quốc (MTTQ) xã Tiên Sơn đã nhận được Công văn 11/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, kèm theo Hồ sơ tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn. Giấy mời số [illegible]/GM-UBND ngày 09/4/2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Sơn về việc tổ chức hội nghị đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

Ngày 15/4/2025 Ủy ban nhân dân xã Tiên Sơn đã phối hợp tổ chức hội nghị lấy ý kiến tại Nhà văn hóa thôn Phù Tài. Số đại biểu tham dự (thôn **Phù Tài có 85/115 đại biểu** tham dự; thôn **Lương Viên có 40/58 đại biểu** tham dự. Trong số **125/173 đại biểu có 113 đại biểu đại diện hộ gia đình có đất nằm trong dự án,** chịu tác động trực tiếp của dự án và **12 đại biểu là đại diện cấp ủy, ban lãnh đạo thôn,...người dân trong thôn**). Sau khi nghiên cứu hồ sơ, việc tổ chức hội nghị và lắng nghe ý kiến tại hội nghị, Ủy ban MTTQ xã Tiên Sơn có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí với vị trí thực hiện Dự án. Khu công nghiệp Hòa Yên được xây dựng tại vị trí thuận lợi, tạo đà để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2. Về tác động môi trường của dự án: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

5. Về các nội dung khác:

- Đề nghị công ty trước khi thực hiện giải phóng mặt bằng đề nghị công ty có buổi làm việc với **lãnh đạo UBND xã; lãnh đạo trong ban chỉ ủy, ban lãnh đạo thôn Phù Tài và thôn Lương Viên để hai bên có biên bản làm việc cụ thể**, thống nhất các nội dung, các phương án, các vấn đề phát sinh để giải quyết khi thực hiện san lấp mặt bằng.

- Đề nghị công ty khi thực hiện thu hồi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đề nghị công ty và đơn vị thi công **đồng thời thực hiện, có phương án làm hệ thống rãnh đảm bảo việc tưới, tiêu nước để phục vụ đối với diện tích đất sản xuất của nhân dân chưa thu hồi; đồng thời có hệ thống rãnh đảm bảo việc tiêu nước thải sinh hoạt và nước mặt hàng ngày của người dân**, không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt hàng ngày của nhân dân ở các thôn và khu vực lân cận. Không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Đề nghị Công ty và các đơn vị thi công đảm bảo khi vận chuyển đất, cát san lập mặt bằng Công ty cần thực hiện xe vận chuyển **không quá khổ, quá tải làm ảnh hưởng đến đường giao thông; xe vận chuyển trong giờ hành chính không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt ngủ, nghỉ của người dân**; phương tiện vận chuyển đảm bảo phủ bạt tránh bụi bẩn khi đi đường. Các xe ra khỏi **công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường**. Trong quá trình thi công xây dựng, **nếu các phương tiện vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả**.

- Đề nghị khi thực hiện dự án giải phóng mặt bằng san nền Công ty cần lắp đặt hệ thống hàng rào Tôn xung quanh dự án; **chiều cao hàng rào bằng Tôn đảm bảo đủ 3 mét theo quy định**, đồng thời hạn chế bụi bẩn khi san nền bay ra bên ngoài.

- Đề nghị Công ty và đơn vị thi công công khai số điện thoại đường dây nóng ở bên ngoài thuộc khu vực hàng rào để người dân kịp thời phản ánh, kiến nghị những vấn đề bất cập khi thực hiện dự án. Đồng thời kịp thời giải quyết những vướng mắc của người dân.

- Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án.

- Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị khu công nghiệp phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc khi triển khai dự án.

Trên đây là những ý kiến của Ủy ban MTTQ xã Tiên Sơn gửi Công ty cổ phần FECON Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- TT UBND xã;
- Chi ủy, Ban lãnh đạo thôn, Ban CTMTKDC thôn Phù Tài, Lương Viên;
- Lưu MT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hưng

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TIÊN SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70 /TB-UBND	*Tiên Sơn, ngày 15 tháng 4 năm 2025*

THÔNG BÁO

Về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên

Trên cơ sở đề nghị tại Văn bản số 11/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên (Chủ dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên) lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Tiên Sơn thông báo kết quả thực hiện như sau:

1. Kết quả thực hiện

- UBND xã Tiên Sơn đã niêm yết hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để lấy ý kiến tham vấn tại trụ sở UBND xã từ ngày 03 tháng 04 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2025. Thứ ba, ngày 15 tháng 04 năm 2025, UBND xã Tiên Sơn đã phối hợp với Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên tổ chức hội nghị lấy kiến các cá nhân chịu tác động trực tiếp từ dự án tại hội trường UBND xã Tiên Sơn.

- Các hộ gia đình chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án khoảng 180 hộ, chủ yếu sinh sống trên địa bàn xã Tiên Sơn.

- Số hộ gia đình tham gia hội nghị tham vấn ngày 15 tháng 04 năm 2025 (Có danh sách kèm theo Biên bản phiên họp tham vấn) là: 140 người, đại diện cho 180 hộ.

- Số hộ gia đình được phát phiếu lấy ý kiến tham vấn là: 0 hộ. Số phiếu thu về sau 05 ngày kể từ ngày phát phiếu là: 0 phiếu.

2. Nội dung tham gia ý kiến tham vấn

Các ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án tại Hội nghị tham vấn ngày 15/04/2025 được ghi chi tiết tại Biên bản họp hội nghị tham vấn kèm theo. Các ý kiến của đối tượng được phát phiếu tham vấn được ghi chi tiết trong từng phiếu tham vấn. Đề nghị Công ty CP Fecon Hòa Yên nghiên cứu

thực hiện trong quá trình triển khai dự án.

Trên đây là Thông báo kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân, hộ gia đình chịu tác động trực tiếp khi thực hiện dự án.

Trân trọng./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Chí Nguyện

Nơi nhận:
- Công ty CP Fecon Hòa Yên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN **FECON HOÀ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09 /2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN V/v Lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Bắc Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Đông Lỗ;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Đông Lỗ.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường" và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường", Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên đang thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo luật định.

Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên xin trân trọng gửi đến Uỷ ban nhân dân xã Đông Lỗ và Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Đông Lỗ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan về các nội dung: (1)- Vị trí thực hiện dự án đầu tư; (2)- Tác động môi trường của dự án đầu tư; (3)- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; (4)- Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (5)- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và (6)- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBND xã Đông Lỗ và Ủy ban MTTQ xã Đông Lỗ về các nội dung trên xin được gửi về **Công ty Cổ phần FECON Hòa Yên** trong thời gian không quá **15 ngày** (theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tham vấn để Chủ đầu tư hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật, trình các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của UBND xã Đông Lỗ và Ủy ban MTTQ xã Đông Lỗ.

Nơi nhận: - Như Kính gửi; - Lưu KTKT, VT.	**CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HOÀ YÊN** M.S.D.N: 2400945909 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN TỈNH BẮC GIANG GIÁM ĐỐC *Phạm Quốc Hùng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đông Lỗ, ngày 02 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

1. Căn cứ

Điểm b, Mục 3, Khoản 8, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thành phần

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 02 tháng 04 năm 2025, tại UBND xã Đông Lỗ, Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên phối hợp với UBND xã Đông Lỗ tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

- ***Đại diện UBND xã Đông Lỗ***

1. Ông: Nguyễn Văn Hùng, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã Đông Lỗ.
2. Ông: Hoàng Văn Quý, Chức vụ: Công chức Địa chính.

- ***Đại diện Chủ dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên***

1. Ông/Bà: ..Phạm Quốc Hùng..... Chức vụ: ..Giám đốc.....
2. Ông/Bà: ..Phùng Thanh Tùng..... Chức vụ: ..Trưởng phòng KTKT.....

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian bắt đầu niêm yết công khai: Ngày 02 tháng 04 năm 2025
- Thời gian kết thúc niêm yết công khai: Sau khi kết thúc phiên họp tham vấn cộng đồng.
- Địa điểm niêm yết: Bảng tin tại trụ sở UBND xã Đông Lỗ.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đại diện các bên nhất trí ký tên dưới đây./.

UBND XÃ ĐÔNG LỖ	**CHỦ DỰ ÁN** **CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN**
PHÓ CHỦ TỊCH NGUYỄN VĂN HÙNG	GIÁM ĐỐC Phạm Quốc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Lỗ, ngày 09 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN
HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.
2. **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên
3. **Địa điểm triển khai dự án:** Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
4. **Thời gian họp:** Từ 14 h 00 đến 15 h 15 ngày 09/04/2025
5. **Địa chỉ nơi họp:** Hội trường Ủy ban nhân dân xã Đông Lỗ.

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP

1.1. Về chính quyền xã Đông Lỗ: Đại diện UBND xã Đông Lỗ

1.2. Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên

1.3. Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Đại diện Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng H.P.T, các cán bộ chuyên môn kỹ thuật,…

1.4. Đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án: Các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án trên địa bàn xã Đông Lỗ; đại diện các hộ gia đình bị thu hồi đất; đại diện các chủ cơ sở, sản xuất kinh doanh bị thu hồi đất; …

2. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

2.1. Đại diện UBND xã Đông Lỗ tuyên bố lý do của cuộc họp và giới thiệu các thành phần tham dự cuộc họp, mục đích của cuộc họp về vấn đề tác động môi trường khi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.

2.2. Đại diện Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên giới thiệu dự án và ủy quyền cho đơn vị tư vấn trình bày nội dung tham vấn.

2.3. Đại diện đơn vị tư vấn trình bày nội dung tóm tắt báo cáo ĐTM của dự án.

2.4. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án về nội dung tham vấn, cụ thể như sau:

- Thôn Ngọc Quang diện tích 200ha dưng đến đầu cần mở đến đó để ng dân còn làm hệ thống kênh mương
- Vấn đề gt Giao thông, cây xanh ng dân ở nắm để cần nói cụ thể hơn
(Ng Si Doanh - Đồng Quan)

Phạm Trọng Dần - Đồng Lớ
- DA có quy mô rộng → sau khi nghe tư vấn → các nhà đầu tư khi vào KCN sẽ phải đáp ứng đủ các tiêu chí môi trường → ủng hộ xây dựng KCN.
- KCN đáp ứng các nhu cầu của ng dân
- Kết cấu hạ tầng KCN thì bao giờ thi công và hoàn thiện
- Đền bù theo hình thức như thế nào.
- Ý kiến KCN phải có khu xử lý các thải trước khi đi vào HĐ.
- Cần ưu tiên cho ng dân của thôn vào làm việc tại khu công nghiệp để phát triển

Ng Văn Giáp - thôn Đồng Lớ
- KCN cần phải xử lý các thải ô làm ảnh hưởng tới môi trường của người dân.
- Không xả các thải làm ô nhiễm nguồn nước sông Cầu → ảnh hưởng tới đ/sống

Trưởng thôn Vân Cầm - Nguyễn Văn Được
- Khi san lấp → sử dụng đất để làm → cần có biện pháp giảm thiểu bụi
- Cần cung cấp đường dây liên hệ tới người phụ trách vấn đề này ⇒ công khai

Đào Văn Bảy - thôn Đồng Lỗ

- KCN có thể gây ảnh hưởng tới nguồn nc tại đàm phục vụ cho nông nghiệp tại 4 thôn
- Nhà đầu tư cần xem xét tới diện tích đàm bị thu hẹp
- Nc thải tại KCN sẽ đc xử lý ntn để không làm ảnh hg tới cây trồng nông nghiệp khu vực

Giải trình:

- Toàn bộ các thải phát sinh sẽ được phân loại và thu gom → kí hợp đồng với đơn vị thu gom được cấp phép

⇒ Trong KCN ko có bể đốt các & khu xử lý các thải nào cả.

- Để thực hiện dự án phải xđịnh
  + Kênh tưới, tiêu nào bị mất → thực hiện hoàn trả kênh mương → đảm bảo cấp nước & thoát nc cho cây trồng.

- KCN có 7 nhóm ngành sx → có loại nước thải + nhau → từng nhà máy phải xử lý sau đó mới xử lý chung tại TXL trong nghiệp → đảm bảo tiêu chuẩn đưa ra.

- Khi có KCN, ng dân có nhiều biện pháp tăng thu nhập không cần thiết phải đi làm (thuê nhà, trông xe, cung cấp dịch vụ...)

- CĐT không thực hiện san nền nhưng sẽ quản lý vấn đề này ⇒ CĐT sẽ cung cấp số điện thoại của ng quản lý để ng dân có thể liên hệ khi có vấn đề

- ~~Đầu năm 2025 sẽ để giảng thử~~

Vũ Đức Việt - Thôn Nội Quan

- Ng dân mất viên mất đất → chế độ đền bù như thế nào ?

⇒ Để bàn luận buổi khác

3. KẾT LUẬN CUỘC HỌP THAM VẤN

3.1. Ý kiến của đại diện UBND xã Đông Lỗ:

UBND yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các biện pháp môi trường đã đưa ra.

3.2. Ý kiến của đại diện Chủ dự án (Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên):

Chủ đầu tư xin tiếp thu ý kiến góp ý của người dân và sẽ cam kết thực hiện đầy đủ các biệp pháp môi trường đã đưa ra

Cuộc họp kết thúc vào hồi 15 h 15 cùng ngày, Biên bản cuộc họp tham vấn này được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe và nhất trí.

TM. UBND XÃ ĐÔNG LỖ

UBND XÃ ĐÔNG LỖ H. HIỆP HÒA T. BẮC GIANG

PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN HÙNG

CHỦ DỰ ÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

M.S.D.N: 2400945909 - C.T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

TỈNH BẮC GIANG

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hùng

DANH SÁCH THAM GIA HỘI NGHỊ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN TẠI XÃ ĐÔNG LỖ

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên triển khai tại xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
1	Trần Duy Hưng		Thôn Chung		x		
2	Đỗ Văn Long		Chùa		x		
3	Nguyễn Văn Đức		Văn Cẩm		x		
4	Lân Văn Nay		T. Hanh		x		
5	Phạm Văn Anh		Hưng Đạo	x			
6	Nguyễn Văn Phẩm		Đông Lỗ	x			
7	Đào Văn Bắc		Hưng Đạo	x			
8	Nguyễn Văn Hoàn		Hưng Đạo	x			
9	Nguyễn Văn Tích		Hưng Đạo	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
10	Phan Văn Thọ		Thôn Hưng Đạo	x			
11	Phan Văn Sửu		Thôn Hưng Đạo		x		
12	Nguyễn Văn Ngọ		Thôn Hưng Đạo		x		
13	Phan Văn Thái		Thôn Hưng Đạo		x		
14	Nguyễn Ngọc Thanh		Thôn Hưng Đạo	x			
15	Đào Thị Hồng		Thôn Hưng Đạo	x			
16	Nguyễn Thị Eo		Thôn Đầu quan	x			
17	Đào Thị Tâm		Thôn Hưng Đạo	x			
18	Nguyễn Thị Thọ		Thôn Đông Lỗ	x			
19	Đào Thị Thu Phấn		Thôn Đông Lỗ	x			
20	Đào Thị Hạp		Thôn Đông Lỗ	x			
21	Đặng Văn Huệ		Thôn Hưng Đạo	x			
22	Khổng Văn Vân		Thôn Đông Lỗ	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
23	Ngô Văn Hoàn		Đồng Lối	x			Hoàn
24	Nguyễn Văn Cư		Đồng Lối	x			Cư
25	Đào Văn Xã		Đồng Lối	x			Xã
26	Phạm Bá Nam		Đồng Lối	x			Nam
27	Đặng Văn Hoàng		Đồng Lối		x		Hoàng
28		Phạm Văn Đính	Hùng Dao	x			Đính
29		Lê Xuân Vinh	Đồng Quan	x			
30	Nguyễn Thị Thơm	Nguyễn	Đồng Quan		x		Thơm
31	Trần Thị Liễu		Đồng Quan	x			Liễu
32	Phạm Trọng Ân		Đồng Lối		x		
33	Phan Văn Hữu		Vân Cấm	x			Hữu
34	Nguyễn Văn Toàn-Chung		Ấp Mới		x		Chung
35		Nguyễn Thị Ý	Đồng Quan	x			Ý

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
36	Phạm Văn Tư		Đồng Khoan	x			Tư
37	Phạm Văn Tám		Hưng Đạo	x			Tám
38	Phạm Văn Bảy		Hưng Đạo	x			Bảy
39	Phạm Văn Hậu		Hưng Đạo	x			Hậu
40	Đào Thị Bình		Hưng Đạo	x			Bình
41	Phạm Văn Thọ		Hưng Đạo		x		Thọ
42	Nguyễn Văn Dũng		Hưng Đạo		x		Dũng
43	Phạm Thị Thảo		Hưng Đạo		x		Thảo
44	Nguyễn Thị Hồng		Hưng Đạo	x			Hồng
45	Nguyễn Thị Thanh		Hưng Đạo	x			Thanh
46	Nguyễn Văn Thành		Hưng Đạo	x			Thành
47	Nguyễn Đình Lợi		Lương Viên	x			Lợi
48	Nguyễn Đình Luật		Lương Viên	x			Luật

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
49		Đồng kim Thị	Đồng Quan	x			Thi
50		Lê Thị Lâm	Đồng Quan	x			Lâm
51	Phạm Văn Hải		Hùng Đạo	x			
52	Nguyễn Văn Chăm		Văn Cầm	x			Chăm
53	Phạm Văn Hạng		Đồng Lỗ		x		Hạng
54	Đào Quang Bảy		Đồng Lỗ		x		Bảy
55	Nguyễn Văn Nông		Đồng Lỗ		x		Nông
56	Nguyễn Văn Đinh		Đồng Lỗ	x			Đinh
57	Nguyễn Văn Hùng		Ấp Mới		x		Hùng
58	Nguyễn Văn Hợp		Ấp mới		x		Hợp
59	Nguyễn Văn Xuân		Hùng Đạo	x			Xuân
60	Phạm văn Hiệp		Hùng Đạo	x			Hiệp
61	Nguyễn Thị Tường		Đồng Lỗ	x			Tường

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
62	Phạm Văn Mười		Hưng Đạo	x			Mười
63	Nguyễn Văn Minh		Hưng Đạo	x			
64	Nguyễn Thị Tuyến		Hưng Đạo	x			Tuyến
65	Đào Thị Sơn		Hưng Đạo	x			Sơn
66	Nguyễn Thị Hiền		Hưng Đạo	x			Hiền
67	Nguyễn Thị Thanh		Hưng Đạo	x			Thanh
68	Vũ Thị Tí		Hưng Đạo	x			Tí
69	Nguyễn Thị Gon		Vân Cẩm	x			Gon
70	Đào Tạ Thị Mầu		Vân Cẩm		x		Mầu
71	Nguyễn Thị Hậu		Hưng Đạo	x			Hậu
72	Đào Thị Bình		Hưng Đạo		x		Bình
73	Đặng Thị Bé		Hưng Đạo		x		Bé
74	Đào Thị Bắc		Hưng Đạo		x		Bắc

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
75	Tạ Thị Năm		Hưng Đạo	x			Năm
76	Nguyễn Thị Dung		〃	x			dung
77	Đào Thị Thanh		〃	x			thanh
78	Nguyễn Thị Len		Đồng Lố	x			Len
79	Nguyễn Thị Cúc		Hưng Đạo		x		Cúc
80	Vũ Văn Phong		Đồng Quan		x		Phong
81	Nguyễn Văn Thuần		〃		x		Thuần
82	Nguyễn Văn Hạ		Đồng Lố	x			Ngạ ký
83	Nguyễn Văn Sáng		Hưng Đạo	x			Sáng
84	Vũ Văn Biên		Văn Cán	x			Biên
85		Phạm Văn Chung	Đồng Lố	x			phạm văn chung
86	Đào Thị Bái		〃	x			Bái
87	Đào Thị Dung		〃	x			Dung

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
88	Phạm Thị Xuân		Đồng Lỗ		x		Xuân
89	Đặng Thị Phới		"		x		Phới
90	Nguyễn Thị Yến		"	x			Yến
91	Đặng Thị Hiền		"	x			Hiền
92	Ta Thị An		"	x			AN
93	Ngọ Thị Vo		Đồng Lỗ	x			Vo
94	Nguyễn Thị Dán		"	x			Dán
95	Ngoa Thị Lục		"	x			Lục
96	Phạm Thị Lý		Hưng Đạo	x			Lý
97	Phạm Thị Sở		"	x			Sở
98	Đặng Thị Sen		"	x			Sen
99	Nguyễn Thị Thường		"		x		Thường
100	Hoàng Thị Lường		"		x		Lường

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
101	Phạm Thị Ngân		Hưng Đạo	X			ngân
102	Phạm Thị Năm		Hưng Đạo	X			năm
103	Nguyễn Văn Đông		Hưng Đạo	X			
104	Nguyễn Văn Mật Bắt		Đông Lỗ	X			
105	Nguyễn Thị Đoàn		Hưng Đạo	X			
106	Nguyễn Thị Thư		〃	X			
107	Nguyễn Thị Sang		〃	X			
108	Đào Thị Việt		Đông Lỗ	X			
109	Đặng Văn Lưởng		Hưng Đạo		X		
110	Phạm Văn Năm		Đông Lỗ		X		
111	Nguyễn Văn Xuyến		Hưng Đạo	X			Xuyến
112	Đào Văn Tăng		Đông Lỗ	X			Tăng
113	Phạm Thị Thường		Hưng Đạo	X			Thường

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
114	Nguyễn văn nghi		Vân Cầu	x			Nghi
115	Nguyễn Văn Kết		Vân Cầu	x			Kết
116	Hoàng Đức Định		Đồng Quan		x		Định
117	Nguyễn Văn My		Đồng Lô		x		
118	Phạm Văn Kết		Đồng Lô	x			Kết
119	Đỗ Văn Chén		Vân Cầu	x			Chén
120	Nguyễn Văn Trò		Hưng Đạo	x			Trò
121	Nguyễn Đình Định		Hưng Đạo	x			Định
122	Phạm Văn Phái		Hưng Đạo	x			Phái
123	Phạm Văn Cải		Hưng Đạo	x			Cải
124	Vũ Văn Hà		Đồng Quan	x			Hà
125	Đỗ Đức Cường		Đồng Quan	x			Cường
126	Phạm Văn Soạn		Hưng Đạo	x			Soạn

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
127	Hoàng Thị Tới		Đồng Lố		x		Tới
128	Nguyễn Văn Cát		Đồng Lố		x		Cát
129	Ngọ Văn Đỗ Thúc		Đồng Lố	x			Thúc
130		Phạm Thị Liên	Đồng Quan	x			Liên
131	Nguyễn Thị Chung		Hưng Đạo	x			Chung
132	Nguyễn Thị Hải		Đồng Quan	x			Hải
133	Nguyễn Thị Vinh		Đồng Lố	x			Vinh
134	Nguyễn Thị Dung		Đồng Lố	x			Dung
135	Đặng Thị Đông		Đồng Lố		x		Đông
136		Nguyễn Thị Oanh	Hưng Đạo		x		Oanh
137	Phạm Bá Quyết		Đồng Lố	x			Quyết
138	Nguyễn Văn Toàn		11	x			Toàn
139	Tạ Thị Thắm		Hưng Đạo	x			Thắm

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
140	Tạ Thị Hậu		Văn phòng UBxã	x			
141	Phạm Thị Thuỷ		Hưng Đạo	x			
142	Nguyễn Thị Tứ		Hưng Đạo	x			
143	Đặng Thị Hậu		~~Đồng Lỗ~~ Hưng Đạo	x			
144	Đào Thị Phúc		Đồng Lỗ		x		
145	Vũ Thị Vân		Hưng Đạo		x		
146	Đào Quang Ân		Đồng Lỗ		x		
147	Phạm Văn Vẻ		Hưng Đạo	x			
148	Nguyễn Văn Quảng		Đồng Quan	x			
149	Đào Minh Phúc		Đồng Lỗ	x			
150	Phạm Văn Hiền		Hưng Đạo		x		
151	Nguyễn Văn Tuyên		Hưng Đạo	x			
152	Phạm Văn Hoá		Hưng Đạo	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
153	Đỗ Văn Hồng		Vân Cấm	x			Hồng
154	Nguyễn Văn Hưng		Vân Cấm	x			Hưng
155	Nguyễn Văn Cảnh		Vân Cấm	x			Cảnh
156	Nguyễn Xuân Định		Đông Quan	x			Định
157	Nguyễn Văn Hoà		Hưng Đạo	x			Hoà
158	Vũ Văn Dũng		Đông Quan		x		Dũng
159	Nguyễn Bá Thể		Đông Quan		x		Thể
160	Nguyễn Sỹ Thiều		Đông Quan	x			Thiều
161	Lương Văn Chi		〃	x			Chi
162	Nguyễn Văn Hải		〃		x		Hải
163	Phạm Thị Phố		〃	x			Phố
164	Đỗ Thị Kiêm		〃	x			Kiêm
165	Vũ Văn Khanh		〃	x			Khanh

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
166	Nguyễn Văn Hùng		Hưng Đạo	x			Hùng
167	Nguyễn Văn Bảo		Thôn Hưng Đạo		x		Bảo
168	Nguyễn Văn Sơn		Thôn Hưng Đạo		x		Sơn
169	Nguyễn Văn Thức		Thôn Hưng Đạo	x			Thức
170	Nguyễn Văn Tĩnh		Thôn Đông Lỗ	x			Tĩnh
171	Đào Đức Dũng		Thôn Đông Lỗ		x		Dũng
172	Hoàng Thăng Hà		Thôn Hưng Đạo	x			Hà
173	Nguyễn Văn Ba		Thôn Đông Lỗ		x		Ba
174	Đào Văn Chính		Thôn Đông Lỗ	x			Chính
175	Nguyễn Thị Duyên		Đông Lỗ	x			Duyên
176	Đặng Văn Dư		Hưng Đạo	x			Dư
177	Huỳnh Văn Lực		Hưng Đạo	x			Lực
178	Lê Thế Hưng Như		Đông Lỗ	x			Như

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
179	Trần Văn Nghĩa Nhâm		Chủ Tịch HĐND	x	x		
180	Nguyễn Văn Sơn		phó Chủ tịch HĐND	x	x		
181	Nguyễn Xuân Bắm		Thôn Hưng Đạo	x			
182	Nguyễn Văn Hiền		Thôn Hưng Đạo	x			
183	Phạm Văn Thanh		Hưng Đạo	x			
184	Nguyễn Văn Luân		Trưởng Thôn Hưng Đạo	x			
185	Nguyễn Văn Lấy		Thôn Hưng Đạo	x			
186	Nguyễn Văn Nhân		Hưng Đạo	x			
187	Phạm Văn Chung		H Đạo	x			
188	Nguyễn Văn Hưng		H Đạo	x			
189	Đặng Văn Bảy		Thôn Hưng Đạo	x			
190	Nguyễn Văn Chung.		Thôn Hưng Đạo	x			
191	Phạm Văn Phúc		Thôn Hưng Đạo	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
192	Nguyễn thị thâu		Đông Quan		x		thâu
193	phạm thị hường		đông quan		x		hường
194	ngô thị thuần		đông lỗ	x			thuần
195		Lạ thị Hoàng	Vân Cam		x		Hoàng
196	Bùi Thị Cô		Vân Cam	x			Cô
197		Nguyễn Thị Hoà	Vân Cam	x			Hoà
198	Đỗ thị Thắm	ditto	Đông quan	x			Thắm
199	Hà thị Hường		Đông quan	x			Hường
200		Dương thị thủy	Đông quan	x			thủy
201	Lê Thị Tiệp		Đông quan	x			Tiệp
202		Hoàng Đăng Tiếp	Đông quan	x			Hoàng
203		Nguyễn Văn Tỉnh	Hưng Đạo	x			Tỉnh
204		Phạm Văn Quân	Hưng Đạo	x			Quân

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
205	Phạm Văn Luyến		Hưng Đạo	x			
206	Phạm Văn Thanh		Hưng Đạo	x			
207	Nguyễn Sỹ Trường		Đông Quan	x			
208	Nguyễn Văn Tuấn	Vũ Thị Lý	Đông Quan.		x		
209	Phạm Văn Dũng		Đông Quan		x		
210		Phạm Thị Lợi	Đông Quan	x			
211	Vũ Thị Dương		Đông Quan	x			
212	Trần Văn Thuỷ	Thanh	Đông Quan	x			
213	Vũ Thị Bé	Bé	Đông Quan		x		
214	Nguyễn Thị Thảm		Đông Quan		x		
215		Nguyễn Thị Mười	Đông Quan.	x			
216	Đặc Thị Hường		Đông Quan.		x		
217	Phạm Văn Dũng	Phạm Thị Hằng	Đông Lỗ.	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
218	Phạm Văn Biển		Hưng Đạo	x			Biển
219	Nguyễn Văn Tuyến.		Đông Lỗ	x			
220	Nguyễn Thị Đào.		Đông Quan.	x			
221	Nguyễn Thị Thúy		Đông Quan		x		Thuyp
222	Đào Văn Luân		ấp mới Hưng Đạo		x		Luân
223	Đào Văn Hiệp		Đông Lỗ		x		Hiệp
224	Nguyễn Thanh Hải		Hưng Đạo		x		Hải
225	Vũ Văn Toan.		Đông Quan.	x			
226	Nguyễn Văn Thuý	Nguyễn Thế Hưng	Đông Quan.	x			
227	Nguyễn Thị Nga	Lê Xuân Tiến	Đông Quan.	x			Tiến
228	Nguyễn Văn Hạnh		Đông Quan	x			Hạnh
229	Nguyễn Văn Thuý.		Văn Cầm	x			Thuy
230	Nguyễn Sĩ Sơn		Đông Quan.	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
231	Nguyễn Thị ~~Hiền~~ Nghiệm		Đồng Lố		x		Nghiệm
232	Đào Văn Nghệ	Phạm Thị Dần	Đồng Lố		x		Dần
233	Ngô Thị Cúc		Đồng Lố		x		Cúc
234	Đào Văn Minh	Phạm Thị Lưởng	Đồng Lố		x		Lưởng
235	Nguyễn Văn Thảo	Đào Thị ~~Xuân~~ Sản	Hùng Đạo	x			Sản
236	Đào Thị Lước		Đồng Lố	x			Lưởng
237	Đào Thị Mùi		Đồng Lố	x			Mùi
238	Nguyễn Sĩ Hạo		Đồng Quang	x			
239	Nguyễn Văn Chung		Hùng Đạo		x		
240	Ngọ Văn ~~Quân~~ Tuấn		Đồng Lố	x			
241	Phạm Hồng Đ Cải		Hùng Đạo	x			
242	Nguyễn Văn giáp		Đồng Lố	x			
243	Phạm Văn Trường		Đồng Lố	x			

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
244	Nguyễn Văn Viên		Hưng Đạo		x		Viên
245		Nguyễn Thị Phương	Đồng Quan		x		Phương
246		Nguyễn Thị Toàn	Hưng Đạo		x		Toan
247		Đỗ Thị Lý			x		Lý
248	Phạm Văn Hân		Hưng Đạo		x		Hân
249	Phạm Văn Tình		〃		x		Tình
250	Nguyễn Văn Hiền		〃		x		Hiền
251		Nguyễn Thị Duyên	V		x		Duyên
252		Vương Thị Vương	〃		x		Vương
253		Phạm Văn Toản	Văn phòng xã		x		
254		Phạm Thị Hồng	Thôn Khoái		x		Hồng
255		Hoàng Văn Quý	Địa chính xã				
256							

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
257	Đào Văn Sơn		Hưng Đạo	x			Sơn
258	Phạm Văn Xuyến		"	x			
259	Nguyễn Thị Quế		"	x			Quế
260	Đào Văn Phương		"	x			
261	Vũ Văn Giáo		Hồng Quang	x			Giáo
262							Miên
263							
264							
265							
266							
267							
268							
269							

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
270	Nguyễn Thị Nga	[illegible]	Đông Quan	X			[illegible]
271	Hoàng Thắng		Đông Lỗ	X			[illegible]
272	Nguyễn Sỹ Doanh		Đông Quan	X			[illegible]

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÔNG LỖ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144 /CV-UBND V/v: Ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện ĐTM của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Yên.	*Đông Lỗ, ngày 10 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên.

Ủy ban nhân dân xã Đông Lỗ đã nhận được Công văn số 09/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01/04/2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, kèm theo hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn.

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, UBND xã Đông Lỗ đã tổ chức hội nghị tham vấn dân chủ, công khai vào ngày 09 tháng 04 năm 2025 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Đông Lỗ tới các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và căn cứ vào các ý kiến đóng góp tại hội nghị tham vấn, UBND xã Đông Lỗ có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí với vị trí thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên. Dự án phù hợp với *"Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 cũng như các quy hoạch khác của khu vực.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo ĐTM gửi kèm.

5. Về các nội dung khác: Để đảm bảo phát triển thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp song vẫn đảm bảo được mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, UBND xã Đông Lỗ đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu và các yêu cầu cụ thể sau:

- Tuân thủ quy định tại Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của

pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động trong quá trình triển khai dự án.

- Thu hút các ngành công nghiệp sạch, có công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; không thu hút các ngành nghề có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện xử lý triệt để nước thải, rác thải, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của KCN; yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp trong KCN phải xử lý triệt để khí thải và các nguồn thải khác để đảm bảo không ảnh hưởng đến đời sống - sản xuất của các khu vực dân cư lân cận. Riêng đối với nước thải sản xuất công nghiệp, đề nghị Công ty phải đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải theo đúng quy định mới được thu hút đầu tư. Nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất phải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra môi trường, tuyệt đối không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng ra môi trường.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, hệ thống giao thông và ảnh hưởng xấu tới việc sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa ở các khu vực liền kề và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước mặt, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án. Trường hợp xác định có phát sinh các công trình phải di dời, hoàn trả, thỏa thuận với cơ quan chủ quản của các công trình có liên quan về phương án di dời, hoàn trả trước khi thi công và thực hiện theo phương án thỏa thuận; thiết kế và kết cấu công trình thủy lợi hoàn trả phải đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tưới tiêu nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động dân sinh khác tại khu vực Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với địa phương, chính quyền thôn và cộng đồng dân cư xung quanh trong quá trình triển khai dự án và xử lý kịp thời hợp lý các vấn đề phát sinh có liên quan.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.

Trên đây là những ý kiến của UBND xã Đông Lỗ gửi Công ty cổ phần FECON Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng

UỶ BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC **XÃ ĐÔNG LỖ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/CV-MTTQ V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên.	*Đông Lỗ, ngày 10 tháng 04 năm 2025*

Kính gửi: Công ty cổ phần FECON Hòa Yên

Uỷ ban mặt trận tổ quốc (MTTQ) xã Đông Lỗ đã nhận được Công văn 09/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần FECON Hòa Yên, kèm theo Hồ sơ tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên để xin ý kiến tham vấn. Sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm, Ủy ban MTTQ xã Đông Lỗ có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí cao với vị trí thực hiện Dự án. Khu công nghiệp được xây dựng tại vị trí thuận lợi, tạo đà để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

2. Về tác động môi trường của dự án: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

5. Về các nội dung khác:

- Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn xã.

- Đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh, an ninh trật tự và an toàn xã hội trong quá trình thi công xây dựng dự án.

- Đề nghị Công ty và các đơn vị thi công đảm bảo các xe ra khỏi công trường phải được phun rửa sạch sẽ, tránh làm ô nhiễm môi trường. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu các phương tiện vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng làm hư hỏng các tuyến đường dân sinh thì đề nghị phải hoàn trả.

- Đề nghị các nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp phải xử lý triệt để các chất thải đảm bảo an toàn theo luật định trước khi xả thải. Đề nghị khu công nghiệp phải thu gom và xử lý nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp để xử lý, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn Việt Nam về nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

- Đề nghị Công ty có các chính sách hỗ trợ việc làm cho các gia đình trên địa bàn xã, đặc biệt là các hộ gia đình bị mất đất cho dự án. Đồng thời, đề nghị Công ty phối với các các cấp chính quyền, công an xã để quản lý tốt công nhân xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng khu công nghiệp cũng như người lao động khi khu công nghiệp đi vào hoạt động, tuyệt đối không để mất an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với UBND, Ủy ban MTTQ, công an xã; thôn xóm, dân cư tại khu vực để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc khi triển khai dự án.

Trên đây là những ý kiến của Ủy ban MTTQ xã Đông Lỗ gửi Công ty cổ phần FECON Hòa Yên để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

TM. ỦY BAN MTTQ XÃ

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Lưu: BTT MTTQ.

CHỦ TỊCH UBMTTQ XÃ
ĐỖ VĂN LONG

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG LỖ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61 /TB-UBND	*Đông Lỗ, ngày 24 tháng 04 năm 2025*

THÔNG BÁO

Về kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên

Trên cơ sở đề nghị tại Văn bản số 09/2025/CV-KTKT.FECONHOAYEN ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên (Chủ dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên) lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Hòa Yên;
UBND xã Đông Lỗ thông báo kết quả thực hiện như sau:

1. Kết quả thực hiện:

- UBND xã Đông Lỗ đã niêm yết hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để lấy ý kiến tham vấn tại trụ sở UBND xã từ ngày 02 tháng 04 năm 2025 đến ngày 9 tháng 4 năm 2025. Thứ 4, ngày 09 tháng 04 năm 2025, UBND xã Đông Lỗ đã phối hợp với Công ty cổ phần Fecon Hòa Yên tổ chức hội nghị lấy kiến các cá nhân chịu tác động trực tiếp từ dự án tại hội trường UBND xã Đông Lỗ.

- Các hộ gia đình chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án khoảng 1040 hộ, chủ yếu sinh sống trên địa bàn xã Đông Lỗ.

- Số hộ gia đình tham gia hội nghị tham vấn ngày 09 tháng 04 năm 2025 (Có danh sách kèm theo Biên bản phiên họp tham vấn) là 263 người, đại diện cho 263 hộ.

- Số hộ gia đình được phát phiếu lấy ý kiến tham vấn là: 656 hộ. Số phiếu thu về sau 05 ngày kể từ ngày phát phiếu là: 656 phiếu.

2. Nội dung tham gia ý kiến tham vấn:

Các ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án tại Hội nghị tham vấn ngày 09/04/2025 được ghi chi tiết tại Biên bản họp hội nghị tham vấn kèm theo. Các ý kiến của đối tượng được phát phiếu tham vấn được ghi chi tiết trong từng phiếu tham vấn. Đề nghị Công ty CP Fecon Hòa Yên nghiên cứu thực hiện trong quá trình triển khai dự án.

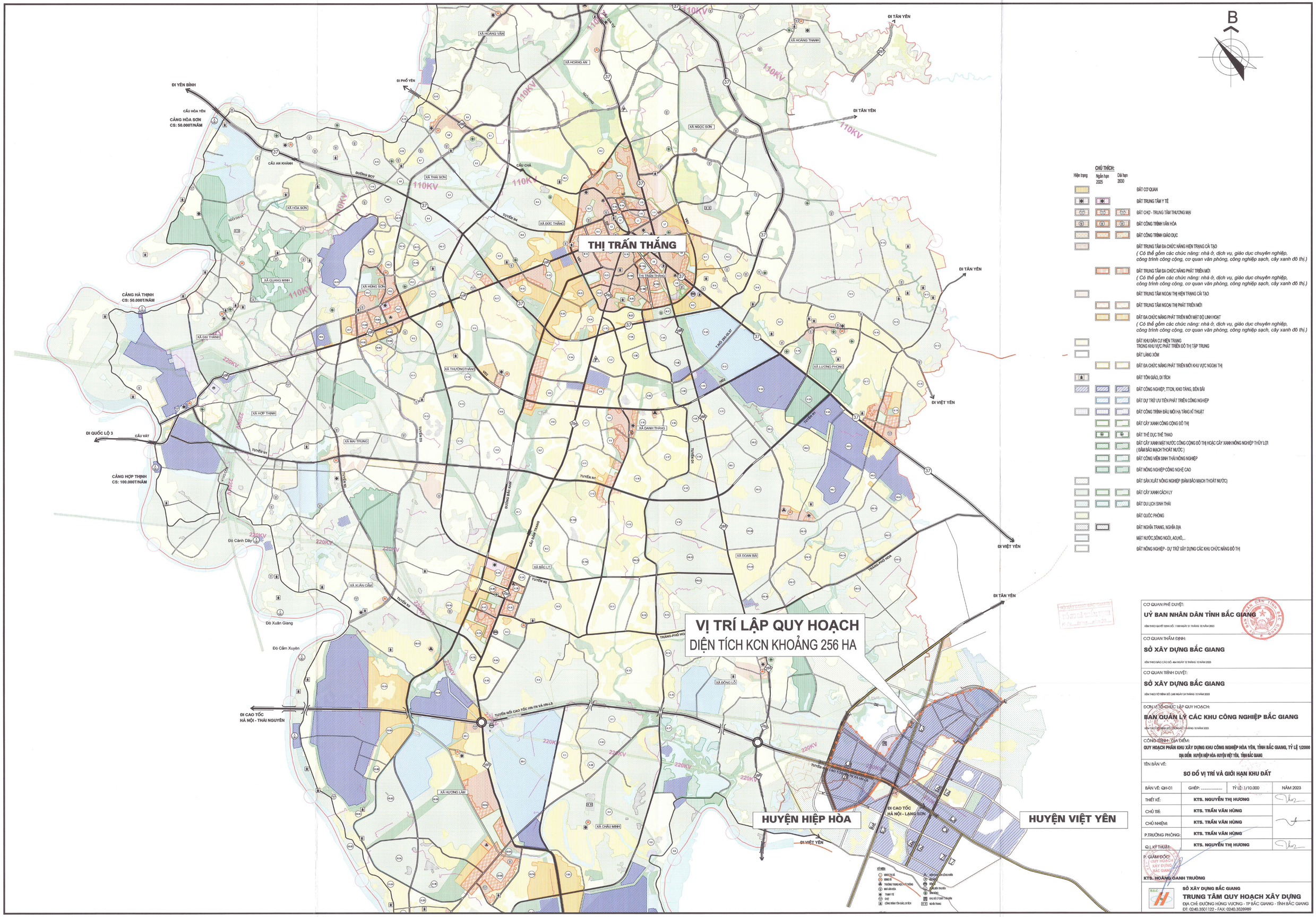
Trên đây là Thông báo kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân, hộ gia đình chịu tác động trực tiếp khi thực hiện dự án./.

Nơi nhận: - Như trên (để thực hiện); - Lưu: VT.	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Văn Hùng**

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 4

CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN



CHÚ THÍCH:

Hiện trạng	Ngắn hạn 2025	Dài hạn 2030	
			ĐẤT CƠ QUAN
			ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
			ĐẤT CHỢ - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
			ĐẤT CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
			ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
			ĐẤT TRUNG TÂM ĐA CHỨC NĂNG HIỆN TRẠNG CẢI TẠO *(Có thể gồm các chức năng: nhà ở, dịch vụ, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng, cơ quan văn phòng, công nghiệp sạch, cây xanh đô thị.)*
			ĐẤT TRUNG TÂM ĐA CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN MỚI *(Có thể gồm các chức năng: nhà ở, dịch vụ, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng, cơ quan văn phòng, công nghiệp sạch, cây xanh đô thị.)*
			ĐẤT TRUNG TÂM NGOẠI THỊ HIỆN TRẠNG CẢI TẠO
			ĐẤT TRUNG TÂM NGOẠI THỊ PHÁT TRIỂN MỚI
			ĐẤT ĐA CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN MỚI MẬT ĐỘ LINH HOẠT *(Có thể gồm các chức năng: nhà ở, dịch vụ, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng, cơ quan văn phòng, công nghiệp sạch, cây xanh đô thị.)*
			ĐẤT KHU DÂN CƯ HIỆN TRẠNG TRONG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TẬP TRUNG
			ĐẤT LÀNG XÓM
			ĐẤT ĐA CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN MỚI KHU VỰC NGOẠI THỊ
			ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
			ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, KHO TÀNG, BẾN BÃI
			ĐẤT DỰ TRỮ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
			ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KĨ THUẬT
			ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
			ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
			ĐẤT CÂY XANH MẶT NƯỚC CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ HOẶC CÂY XANH NÔNG NGHIỆP THỦY LỢI (ĐẢM BẢO MẠCH THOÁT NƯỚC)
			ĐẤT CÔNG VIÊN SINH THÁI NÔNG NGHIỆP
			ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
			ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (ĐẢM BẢO MẠCH THOÁT NƯỚC)
			ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
			ĐẤT DU LỊCH SINH THÁI
			ĐẤT QUỐC PHÒNG
			ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
			MẶT NƯỚC,SÔNG NGÒI, AO,HỒ,...
			ĐẤT NÔNG NGHIỆP - DỰ TRỮ XÂY DỰNG CÁC KHU CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1168 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1209 NGÀY 1 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/10.000	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3529989

TÊN	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
N1	2353724,798	399359,335
N2	2353714,28	399380,297
N3	2353730,731	399387,175
N4	2353734,524	399381,099
N5	2353771,523	399398,578
N6	2353771,663	399403,536
N7	2353789,345	399408,778
N8	2353792,292	399414,269
N9	2353788,145	399434,599
N10	2353800,695	399437,369
N11	2353799,532	399444,859
N12	2353771,272	399527,429
N13	2353752,841	399523,106
N14	2353738,779	399564,901
N15	2353736,846	399575,636
N16	2353736,373	399590,536
N17	2353749,391	399589,795
N18	2353755,752	399605,986
N19	2353758,385	399617,19
N20	2353739,552	399620,928
N21	2353744,967	399664,218
N22	2353725,868	399679,19
N23	2353723,036	399682,265
N24	2353693,301	399646,539
N25	2353646,091	399691,595
N26	2353681,628	399726,472
N27	2353648,089	399767,069
N28	2353624,303	399816,174
N29	2353614,947	399819,424
N30	2353610,739	399824,052
N31	2353597,227	399856,397
N32	2353613,657	399864,556
N33	2353610,983	399889,178
N34	2353675,399	399931,641
N35	2354223,317	400375,807
N36	2354240,277	400395,103
N37	2354259,481	400426,248
N38	2354313,957	400392,657
N39	2354315,566	400368,295
N40	2354544,468	400085,925
N41	2354617,207	399814,633
N42	2354632,646	399796,867
N43	2354604,351	399805,055
N44	2354583,645	399737,533
N45	2354380,01	399260,535
N46	2354078,359	398895,418
N47	2353802,055	398713,924
N48	2353647,662	398576,461
N49	2353416,692	398450,439
N50	2353568,731	398240,493
N51	2353741,931	398026,873
N52	2354068,984	397740,878
N53	2353971,195	397697,357
N54	2353844,631	397650,789
N55	2353363,643	397471,915
N56	2353360,596	397467,162
N57	2353346,631	397459,536
N58	2353276,456	397503,791
N59	2353278,288	397519,793
N60	2353067,393	398255,535
N61	2353044,322	398248,922
N62	2353255,217	397513,18
N63	2353265,852	397500,862
N64	2353281,68	397443,03
N65	2353189,351	397408,702
N66	2353114,731	397383,854
N67	2352966,241	397385,91
N68	2352896,965	397410,242
N69	2352420,85	397592,955
N70	2352434,557	397627,325
N71	2352437,153	397632,756
N72	2352533,494	397911,954
N73	2352583,65	398017,993
N74	2352599,346	398040,287
N75	2352767,095	398197,31
N76	2352946,294	398303,795
N77	2352978,849	398392,761
N78	2353017,794	398408,487
N79	2352969,234	398511,612
N80	2352894,036	398630,539
N81	2352828,468	398724,198
N82	2352843,211	398734,519
N83	2352868,356	398736,583
N84	2352898,541	398799,561
N85	2352950,11	398867,476
N86	2352986,524	398899,339
N87	2352988,176	398914,017
N88	2352984,573	398918,981
N89	2353034,605	398959,003
N90	2353049,727	398954,715
N91	2353316,112	399064,302
N92	2353325,338	399064,912
N93	2353401,285	399100,607
N94	2353418,571	399113,405
N95	2353442,245	399124,693
N96	2353440,104	399129,401
N97	2353442,102	399130,44
N98	2353434,022	399145,98
N99	2353449,08	399155,355
N100	2353456,824	399142,919
N101	2353491,045	399164,92
N102	2353499,358	399149,637
N103	2353535,846	399169,201
N104	2353602,868	399209,129
N105	2353586,395	399235,767
N106	2353602,785	399245,086
N107	2353611,072	399255,447
N108	2353590,172	399283,473
N109	2353644,213	399317,934
N110	2353636,214	399331,797
N111	2353682,28	399356,152
N112	2353691,046	399343,356



GIAO THÔNG HIỆN TRẠNG



LÒ GẠCH HIỆN TRẠNG CẠNH KHU ĐẤT



CẢNH ĐỒNG HIỆN TRẠNG

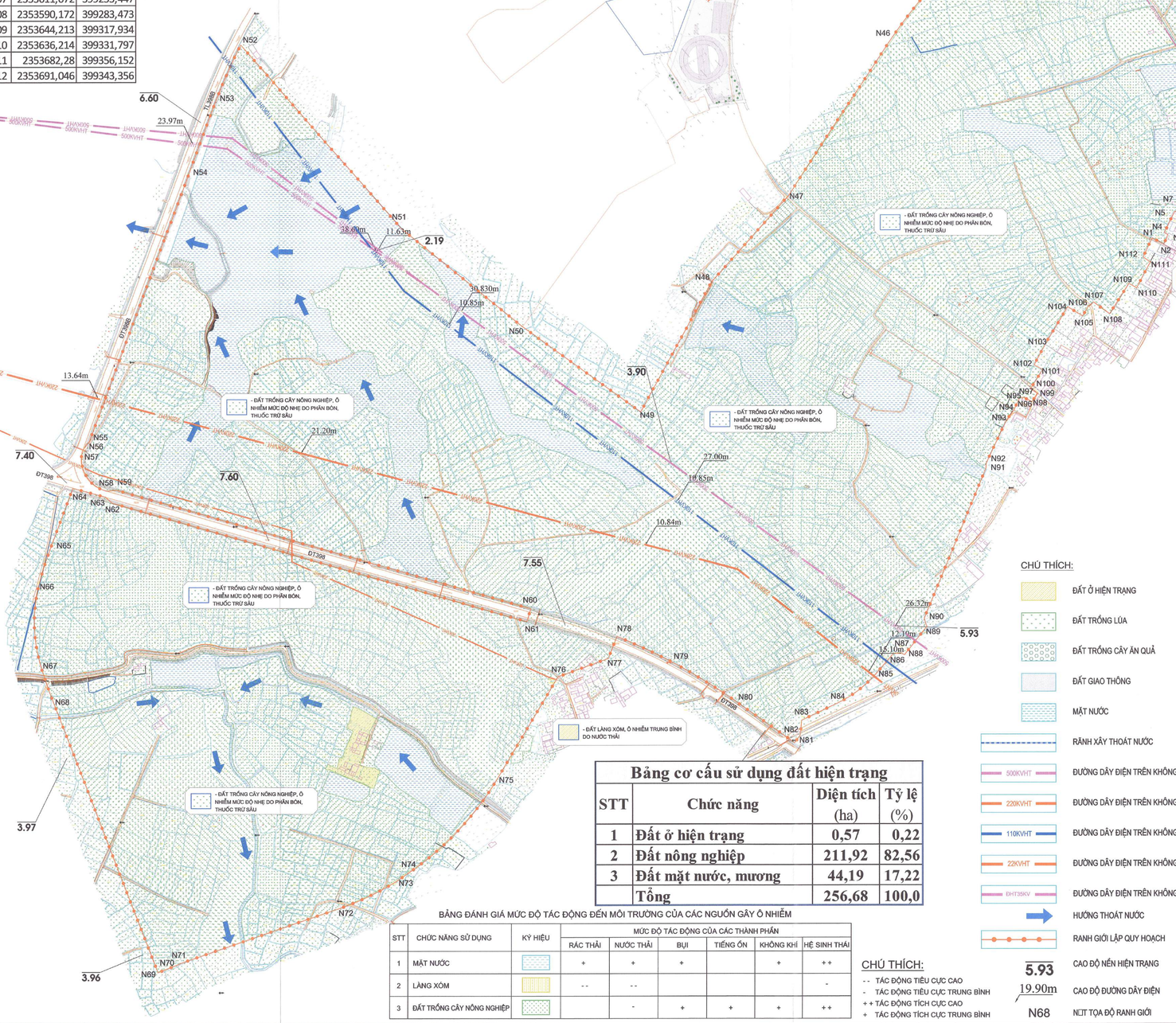
ĐƯỜNG ĐIỆN HIỆN TRẠNG



MƯƠNG NƯỚC HIỆN TRẠNG



MẶT NƯỚC HIỆN TRẠNG



Bảng cơ cấu sử dụng đất hiện trạng

STT	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở hiện trạng	0,57	0,22
2	Đất nông nghiệp	211,92	82,56
3	Đất mặt nước, mương	44,19	17,22
	Tổng	256,68	100,0

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC NGUỒN GÂY Ô NHIỄM

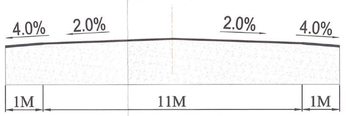
STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG	KÝ HIỆU	MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH PHẦN					
			RÁC THẢI	NƯỚC THẢI	BỤI	TIẾNG ỒN	KHÔNG KHÍ	HỆ SINH THÁI
1	MẶT NƯỚC		+	+	+		+	++
2	LÀNG XÓM		--	--				-
3	ĐẤT TRỒNG CÂY NÔNG NGHIỆP			-	+	+	+	++

CHÚ THÍCH:

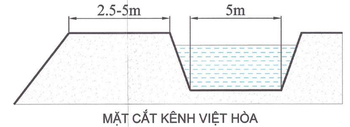
-- TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CAO
- TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TRUNG BÌNH
++ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CAO
+ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TRUNG BÌNH

CHÚ THÍCH:

ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG
ĐẤT TRỒNG LÚA
ĐẤT TRỒNG CÂY ĂN QUẢ
ĐẤT GIAO THÔNG
MẶT NƯỚC
RÃNH XÂY THOÁT NƯỚC
ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRÊN KHÔNG 500KV
ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRÊN KHÔNG 220KV
ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRÊN KHÔNG 110KV
ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRÊN KHÔNG 22KV
ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRÊN KHÔNG 35KV
HƯỚNG THOÁT NƯỚC
RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
5.93 CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG
19.90m CAO ĐỘ ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN
N68 NL1T TỌA ĐỘ RANH GIỚI



ĐƯỜNG GIAO THÔNG
MC 1-1, ĐT398, ĐT398B



MẶT CẮT KÊNH VIỆT HÒA

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 484 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO Ý KIẾN SỐ: 1761 NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA-HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN, HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
QL KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3529989

B

ĐI TÂN YÊN

ĐI CAO TỐC HN-TN

ĐI CẦU HẠ BẮC 2

ĐI CAO TỐC HN-LS

ĐI VIỆT YÊN

TRẠI LỢN

LÒ GẠCH

DỰ ÁN NHÀ MÁY RÁC

THÔN ĐỒNG QUAN

NHÀ MÁY CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

HT1 1.59 40 2 0.8
MN10 1.25 - - -
MN9 0.3 - - -
CN6 11.91 70 5 3.5
CX13 0.31 5 1 0.05
CXD6 1.56 5 1 0.05
CXD1 0.73 5 1 0.05
CN5 12.21 70 5 3.5
CN3 2.94 70 5 3.5
CXD2 1.33 5 1 0.05
CX5 0.39 5 1 0.05
CX4 0.39 5 1 0.05
CN4 5.63 70 5 3.5
CX12 5.67 5 1 0.05
MN8 2.54 - - -
CXD5 0.64 5 1 0.05
HT3 0.51 40 2 0.8
CXD4 1.25 5 1 0.05
P2 1.15 70 3 2.1
CXD3 1.79 5 1 0.05
CX7 1.23 5 1 0.05
DV1 4.09 50 9 4.5
CX6 0.14 5 1 0.05
MN4 0.2 - - -
MN5 0.12 - - -
MN1 0.31 - - -
CX1 0.51 5 1 0.05
CN1 8.91 70 5 3.5
P1 0.96 70 3 2.1
CX14 0.69 5 1 0.05
DV2 1.48 50 9 4.5
CN2 21.9 70 5 3.5
HT2 2.03 40 2 0.8
MN3 0.45 - - -
CX3 0.31 5 1 0.05
CX2 0.39 5 1 0.05
MN2 0.28 - - -
CN7 48.15 70 5 3.5
CN8 13.29 70 5 3.5
CX11 3.18 5 1 0.05
P3 0.6 70 3 2.1
CX9 1.87 5 1 0.05
CX8 3.58 5 1 0.05
MN6 0.96 5 1 0.05
CN9 18.59 70 5 3.5
CN10 13.29 70 5 3.5
CX10 1.03 5 1 0.05
MN7 0.93 5 1 0.05

23.97m
13.64m
63m
50.830m
17.00m
19.90m
21.93m

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà máy công nghiệp	CN	156,82	61,10
2	Đất cây xanh	CX	26,99	10,52
3	Đất mặt nước	MN	7,34	2,86
4	Đất dịch vụ	DV	5,57	2,17
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4,13	1,61
6	Bãi xe	P	2,71	1,06
7	Đất giao thông, HTKT khác		53,12	20,70
	Tổng		**256,68**	**100,0**

Bảng chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ số kỹ thuật

STT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	MĐXD tối đa	Hệ số SDD
1	**Đất nhà máy công nghiệp**		**156,82**	**61,10**			
	Đất nhà máy công nghiệp 1	CN1	8,91	3,47	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 2	CN2	21,90	8,53	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 3 Bố trí nhà máy cn vừa và nhỏ	CN3	2,94	1,15	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 4 Bố trí nhà máy cn vừa và nhỏ	CN4	5,63	2,19	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 5	CN5	12,21	4,76	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 6	CN6	11,91	4,64	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 7	CN7	48,15	18,76	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 8	CN8	13,29	5,18	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 9	CN9	18,59	7,24	5	70	3,5
	Đất nhà máy công nghiệp 10	CN10	13,29	5,18	5	70	3,5
2	**Đất cây xanh**		**26,99**	**10,52**			
2.1	*Đất cây xanh công cộng*		*19,69*	*7,67*			
	Đất cây xanh 1	CX 1	0,51	0,20	1	5	0,05
	Đất cây xanh 2	CX 2	0,39	0,15	1	5	0,05
	Đất cây xanh 3	CX 3	0,31	0,12	1	5	0,05
	Đất cây xanh 4	CX 4	0,39	0,15	1	5	0,05
	Đất cây xanh 5	CX 5	0,39	0,15	1	5	0,05
	Đất cây xanh 6	CX 6	0,14	0,05	1	5	0,05
	Đất cây xanh 7	CX 7	1,23	0,48	1	5	0,05
	Đất cây xanh 8	CX 8	3,58	1,39	1	5	0,05
	Đất cây xanh 9	CX 9	1,87	0,73	1	5	0,05
	Đất cây xanh 10	CX 10	1,03	0,40	1	5	0,05
	Đất cây xanh 11	CX 11	3,18	1,24	1	5	0,05
	Đất cây xanh 12	CX 12	5,67	2,21	1	5	0,05
	Đất cây xanh 13	CX 13	0,31	0,12	1	5	0,05
	Đất cây xanh 14	CX 14	0,69	0,27	1	5	0,05
2.2	*Đất cây xanh hành lang điện*		*7,30*	*2,84*			
	Đất cây xanh hành lang điện 1	CXD1	0,73	0,28			
	Đất cây xanh hành lang điện 2	CXD2	1,33	0,52			
	Đất cây xanh hành lang điện 3	CXD3	1,79	0,70			
	Đất cây xanh hành lang điện 4	CXD4	1,25	0,49			
	Đất cây xanh hành lang điện 5	CXD5	0,64	0,25			
	Đất cây xanh hành lang điện 6	CXD6	1,56	0,61			
3	**Đất mặt nước**		**7,34**	**2,86**			
	Đất mặt nước 1	MN1	0,31	0,12	1	5	0,05
	Đất mặt nước 2	MN2	0,28	0,11	1	5	0,05
	Đất mặt nước 3	MN3	0,45	0,18	1	5	0,05
	Đất mặt nước 4	MN4	0,20	0,08	1	5	0,05
	Đất mặt nước 5	MN5	0,12	0,05	1	5	0,05
	Đất mặt nước 6	MN6	0,96	0,37	1	5	0,05
	Đất mặt nước 7	MN7	0,93	0,36	1	5	0,05
	Đất mặt nước 8	MN8	2,54	0,99	1	5	0,05
	Đất mặt nước 9	MN9	0,30	0,12	1	5	0,05
	Đất mặt nước 10	MN10	1,25	0,49	1	5	
4	**Đất dịch vụ**		**5,57**	**2,17**	**9**	**50**	4,50
	Đất dịch vụ 1	DV 1	4,09	1,59	**9**	**50**	4,50
	Đất dịch vụ 2	DV 2	1,48	0,58	**9**	**50**	4,50
5	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**HTKT**	**4,13**	**1,61**			
	Đất hạ tầng kỹ thuật 1	HT1	1,59	0,62	2	40	0,80
	Đất hạ tầng kỹ thuật 2	HT2	2,03	0,79	2	40	0,80
	Đất hạ tầng kỹ thuật 3	HT3	0,51	0,20	2	40	0,80
6	**Đất bãi xe**	**P**	**2,71**	**1,06**			
	Đất bãi xe 1	P1	0,96	0,37	**3**	70	2,10
	Đất bãi xe 2	P2	1,15	0,45	**3**	70	2,10
	Đất bãi xe 3	P3	0,60	0,23	**3**	70	2,10
7	**Đất giao thông, HKT khác**		**53,12**	**20,70**			
	Đường gom ĐT398 và ĐT398B		5,93	2,31			
	Đường đấu nối hoàn trả		3,04	1,18			
	Đường khu công nghiệp		44,15	17,20			
	Tổng		**256,68**	**100,00**			

CHÚ THÍCH:

- ĐẤT DỊCH VỤ
- MẶT NƯỚC
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT CÂY XANH HÀNH LANG ĐIỆN
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT ĐẤU MỐI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- P — BÃI ĐỖ XE
- 220KVHT — ĐƯỜNG ĐIỆN 220KV
- 110KVHT — ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV
- 500KVHT — ĐƯỜNG ĐIỆN 500KV
- RANH GIỚI ĐỒ ÁN

TÊN LÔ
DIỆN TÍCH
TẦNG CAO TỐI ĐA
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO ĐỊNH SỐ: 355 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03	GHÉP: A0 FIT	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989

B

ĐI TÂN YÊN

ĐI VIỆT YÊN

TRẠI LỢN

LÒ GẠCH

THÔN ĐỒNG QUAN

ĐI CAO TỐC HN-TN

ĐI CAO TỐC HN-LS

ĐI CẦU HÀ BÁC 2

23.97m

13.64m

830m

19.90m

CHÚ THÍCH

1. NHÀ XƯỞNG
2. CÂY XANH MẶT NƯỚC
3. HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ
4. HẠ TẦNG KỸ THUẬT
5. BÃI XE

220KV/HT ĐƯỜNG ĐIỆN 220KV

110KV/HT ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV

500KV/HT ĐƯỜNG ĐIỆN 500KV

RANH GIỚI ĐỒ ÁN

TÊN LÔ
DIỆN TÍCH
TẦNG CAO TỐI ĐA
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 348 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 1249 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023

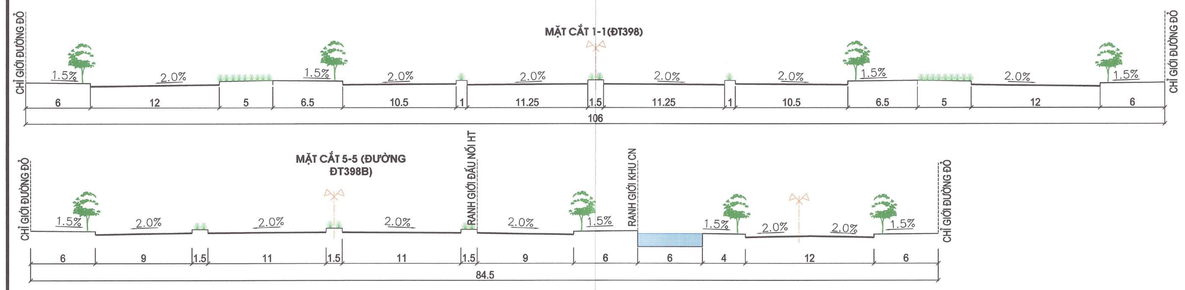
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

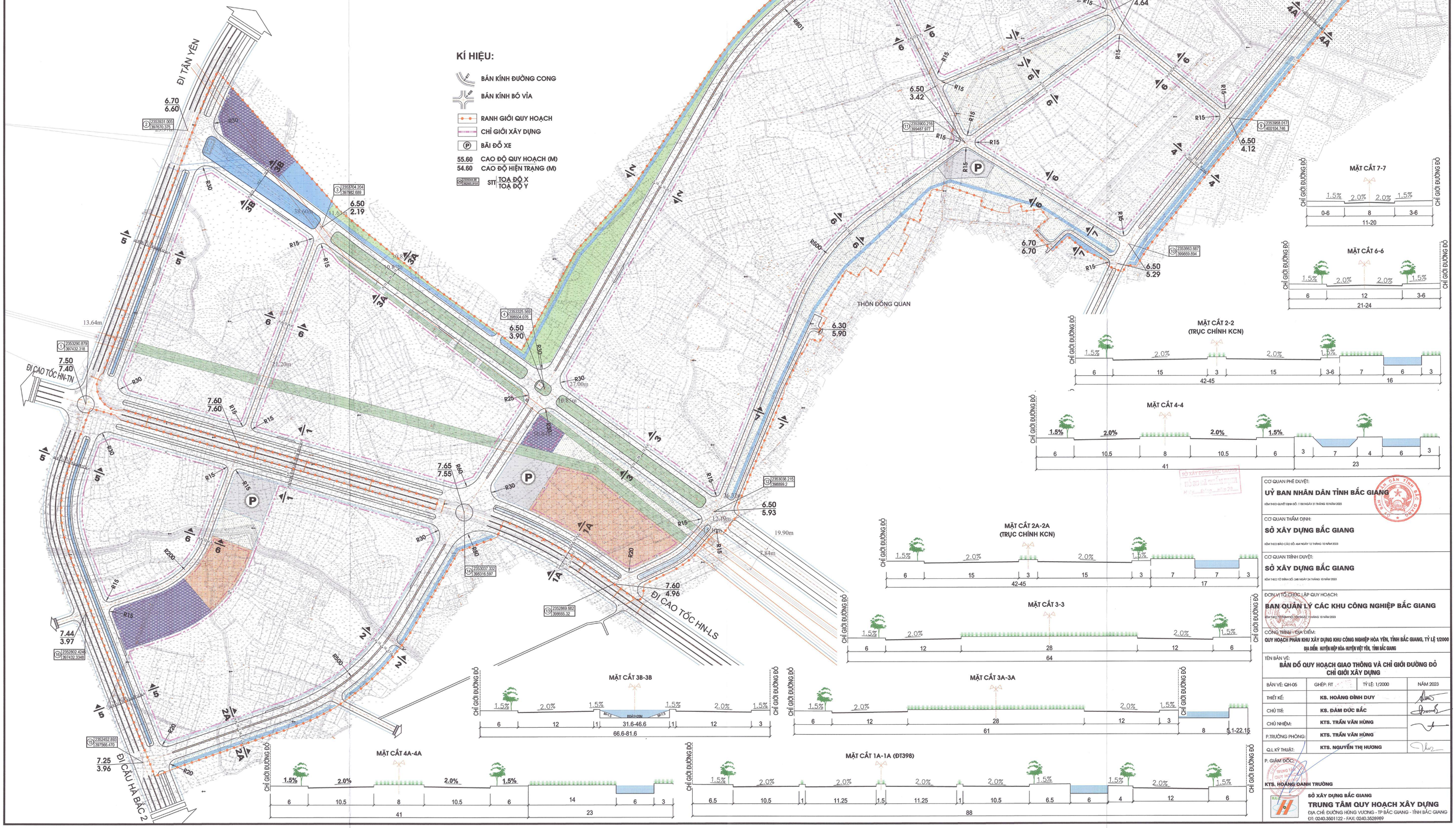
TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989





CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:	**SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG** KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:	**SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG** KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 348 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:	**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG** KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 2000/TTr-BQL NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2023
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:	**QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000** ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG
TÊN BẢN VẼ:	**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ CHỈ GIỚI XÂY DỰNG**

BẢN VẼ: QH-05	GHÉP: FIT	TỶ LỆ: 1/2000	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. HOÀNG ĐÌNH DUY		
CHỦ TRÌ:	KS. ĐÀM ĐỨC BẮC		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		
P. GIÁM ĐỐC:	KTS. HOÀNG OANH THƯỜNG		

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989

BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP SAN NỀN

	Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5	Cột 6	Cột 7	Cột 8	Cột 9	Cột 10	Cột 11	Cột 12	Cột 13	Cột 14	Cột 15	Cột 16	Cột 17	Cột 18	Cột 19	Cột 20	Cột 21	Cột 22	Cột 23	Cột 24	Cột 25	Cột 26	Cột 27	Tổng
Kl. đào	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	110.65	114.31	0.00	0.00	224.96
Kl. đắp	78628.97	358335.52	475509.79	482795.80	459323.63	399414.66	347935.57	324633.72	296163.41	195613.43	194748.45	261379.92	360466.51	414958.00	407697.03	338557.74	205573.36	172429.89	162283.54	189999.28	208957.55	199288.81	169401.72	122068.51	93732.08	61878.19	7234.74	6989009.82
Dt. đào	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	572.34	591.26	0.00	0.00	1163.60
Dt. đắp	26988.22	117809.03	127177.54	133999.49	136757.41	125855.15	114591.69	103010.04	87841.32	61659.62	67211.90	90879.71	123197.57	145530.33	152373.75	143863.01	99396.50	90156.56	79836.58	88824.40	92823.23	97220.58	96128.26	80747.28	52804.72	25713.53	3274.56	2565671.98

B

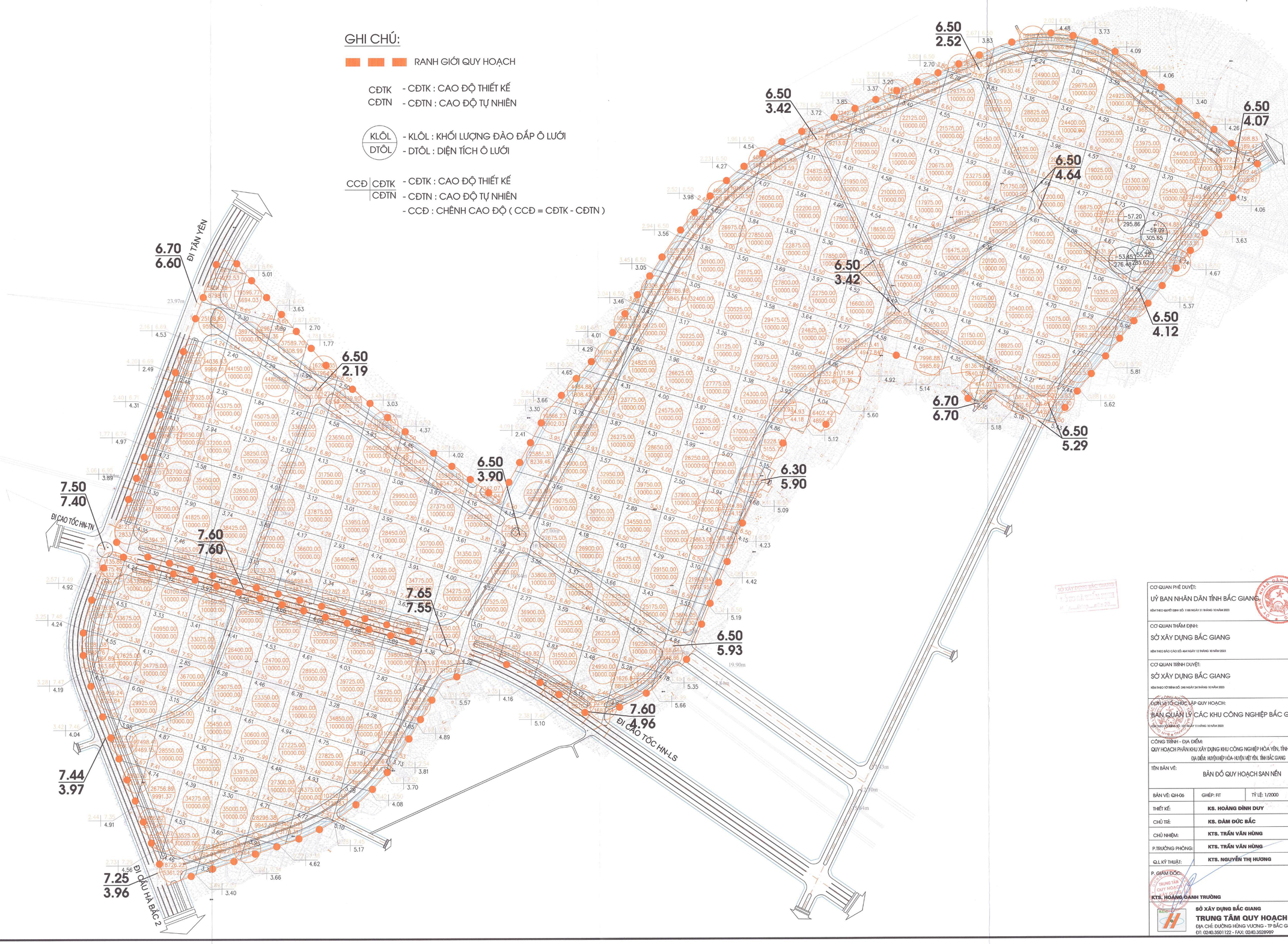
GHI CHÚ:

RANH GIỚI QUY HOẠCH

CĐTK - CĐTK : CAO ĐỘ THIẾT KẾ
CĐTN - CĐTN : CAO ĐỘ TỰ NHIÊN

KLÔL - KLÔL : KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP Ô LƯỚI
DTÔL - DTÔL : DIỆN TÍCH Ô LƯỚI

CCĐ | CĐTK / CĐTN
- CĐTK : CAO ĐỘ THIẾT KẾ
- CĐTN : CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
- CCĐ : CHÊNH CAO ĐỘ (CCĐ = CĐTK - CĐTN)

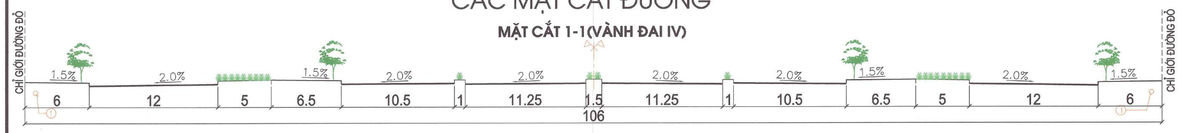


CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:			
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG			
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:			
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG			
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023			
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:			
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG			
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023			
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:			
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG			
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 107 NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2023			
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:			
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000			
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA-HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG			
TÊN BẢN VẼ:	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SAN NỀN		
BẢN VẼ: GH-06	GHÉP: FIT	TỶ LỆ: 1/2000	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. HOÀNG ĐÌNH DUY		
CHỦ TRÌ:	KS. ĐÀM ĐỨC BẮC		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		
P. GIÁM ĐỐC:	KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG		

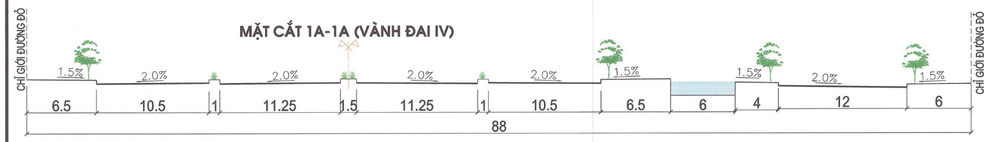
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989

CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

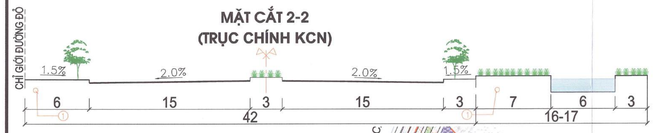
MẶT CẮT 1-1(VÀNH ĐAI IV)

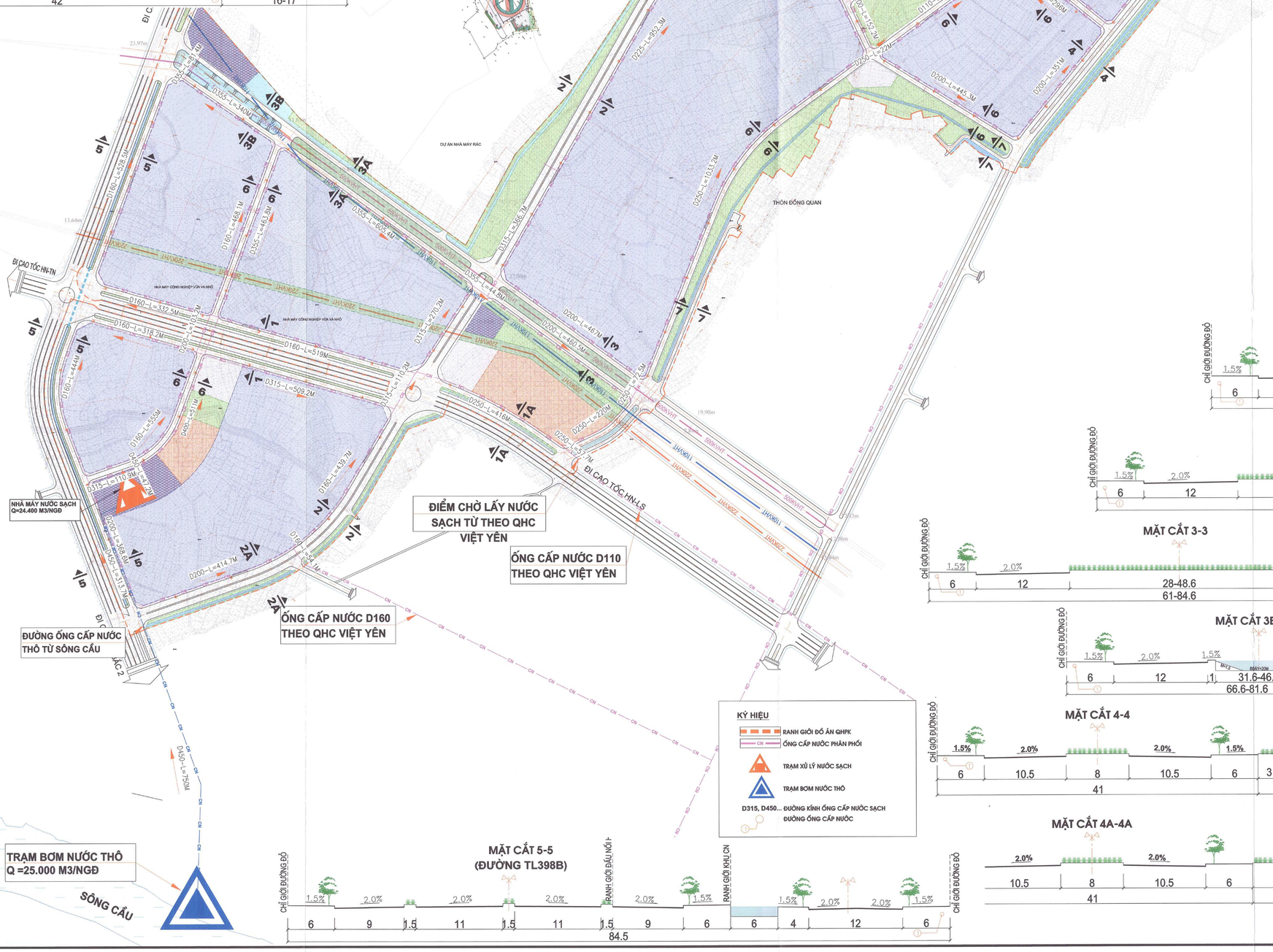


MẶT CẮT 1A-1A (VÀNH ĐAI IV)



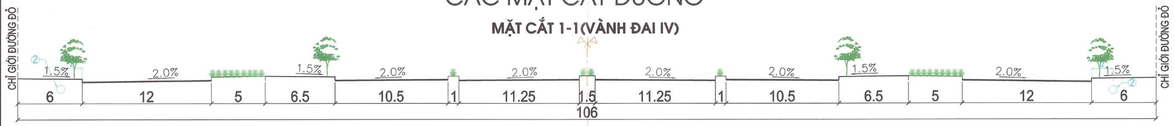
MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)



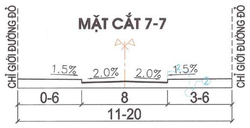

ĐI C
ĐI CAO TỐC HN-TN
ĐI CAO TỐC HN-LS
D225–L=352.3M
D200–L=465M
D160–L=356M
D160–L=372M
D110–L=393.6M
D110–L=430M
D160–L=652M
D110–L=348M
D200–L=293.6M
D160–L=447.2M
D110–L=441M
D110–L=236M
D250–L=152.2M
D250–L=22M
D200–L=445.3M
D200–L=351M
D315–L=305.7M
D250–L=1033.2M
D355–L=540M
D355–L=605.4M
D355–L=460.8M
D355–L=4.8M
D315–L=270.2M
D315–L=110.3M
D315–L=509.2M
D315–L=410.2M
D160–L=468.1M
D160–L=519M
D160–L=332.5M
D160–L=318.2M
D160–L=44M
D160–L=555M
D160–L=439.7M
D200–L=457.9M
D200–L=460.3M
D200–L=467M
D200–L=451M
D200–L=568M
D200–L=414.7M
D250–L=315.7M
D250–L=416M
D250–L=270M
D250–L=5.7M
D450–L=750M
D160–L=172.5M
D160–L=4.8M
D160–L=4.8M
D160–L=4.8

CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

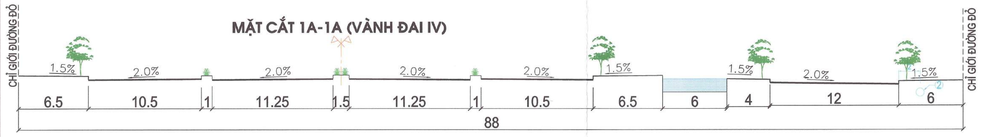
MẶT CẮT 1-1(VÀNH ĐAI IV)



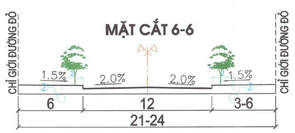
MẶT CẮT 7-7



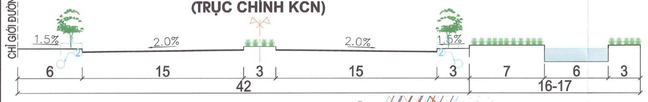
MẶT CẮT 1A-1A (VÀNH ĐAI IV)

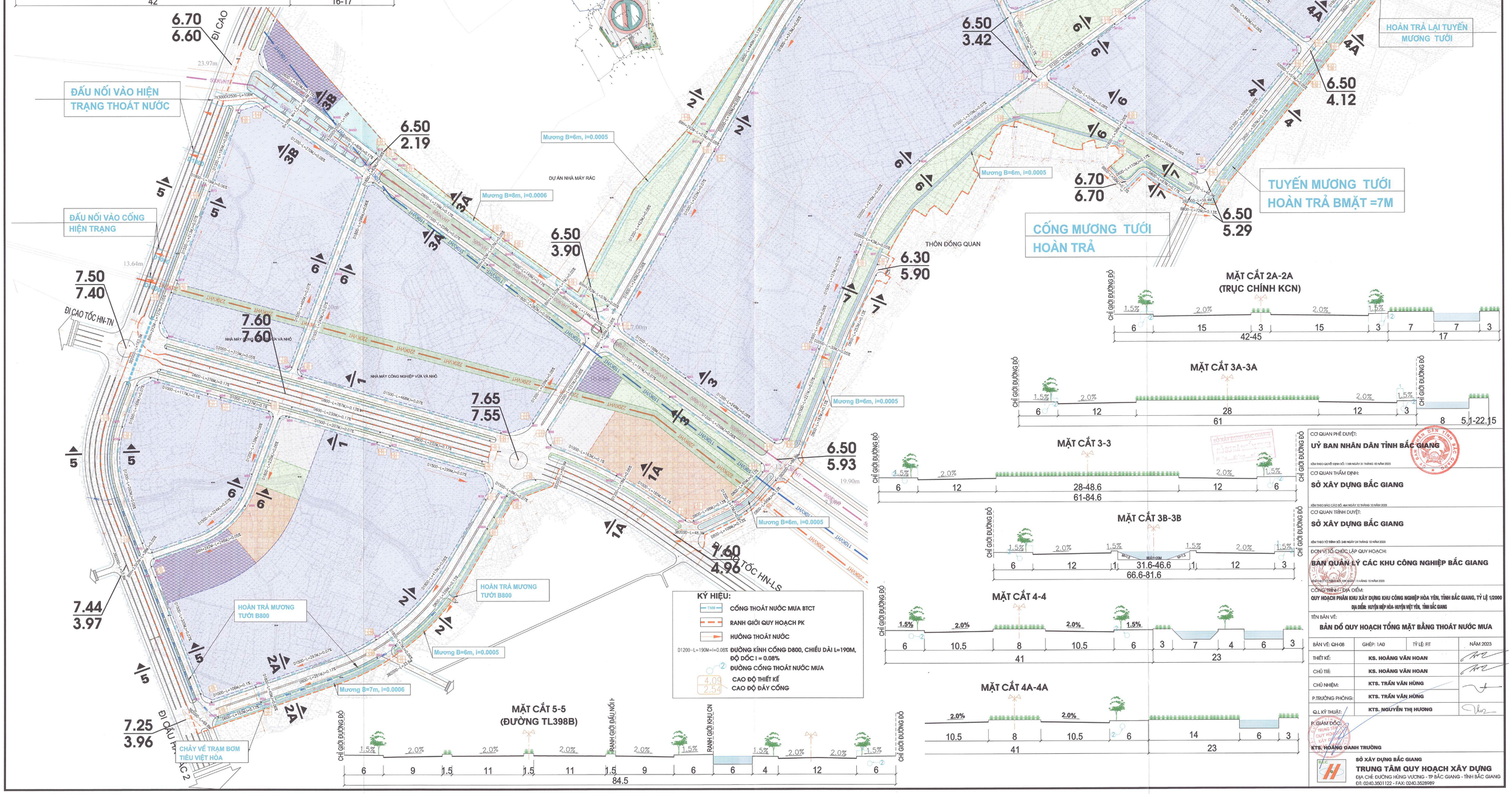


MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)





KÝ HIỆU:

- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT
- RANH GIỚI QUY HOẠCH PK
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- D1200~L=190M=I=0.08% ĐƯỜNG KÍNH CỐNG D800, CHIỀU DÀI L=190M, ĐỘ DỐC I = 0.08%
- ĐƯỜNG CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- 4.09 / 2.54 CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG

MẶT CẮT 5-5 (ĐƯỜNG TL398B)

MẶT CẮT 2A-2A (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 3A-3A

MẶT CẮT 3-3

MẶT CẮT 3B-3B

MẶT CẮT 4-4

MẶT CẮT 4A-4A

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 239 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

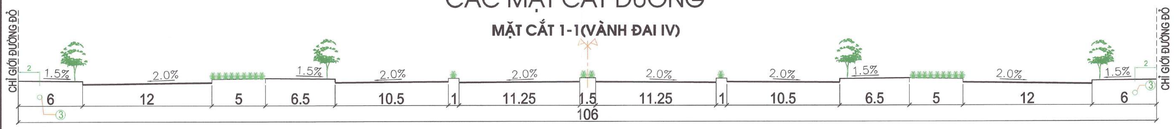
BẢN VẼ: QH-08	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. HOÀNG VĂN HOAN		
CHỦ TRÌ:	KS. HOÀNG VĂN HOAN		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L.Ý THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

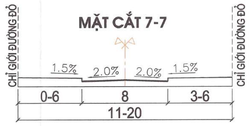
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3529969

CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

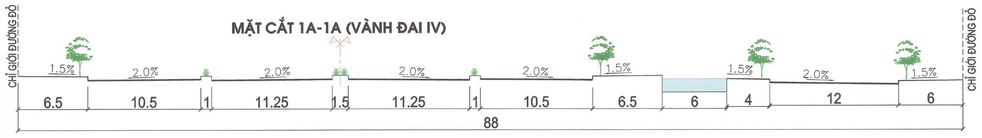
MẶT CẮT 1-1(VÀNH ĐAI IV)



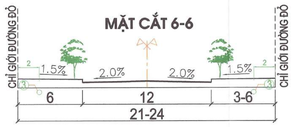
MẶT CẮT 7-7



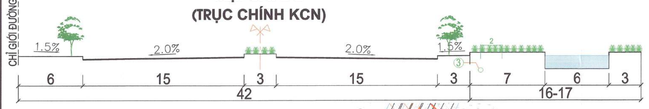
MẶT CẮT 1A-1A (VÀNH ĐAI IV)



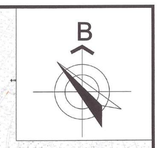
MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)



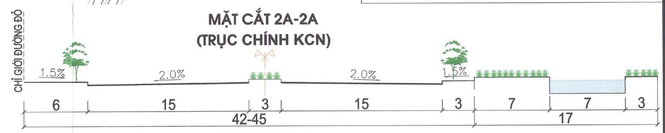




KÝ HIỆU:

- ĐOẠN ỐNG TĂNG ÁP
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- D300-L=301.3M I=0.33% — ĐƯỜNG KÍNH CỐNG D300, CHIỀU DÀI L=301.3M ĐỘ DỐC ĐÁY CỐNG I=0,33%
- TRẠM BƠM CHUYỂN BẬC
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

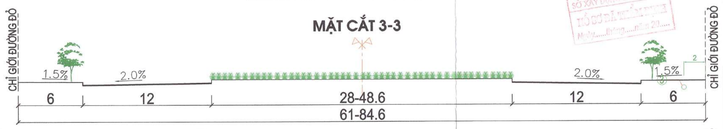
MẶT CẮT 2A-2A (TRỤC CHÍNH KCN)



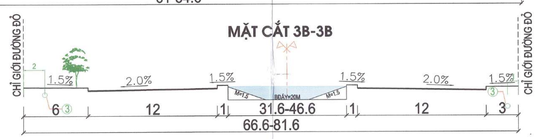
MẶT CẮT 3A-3A



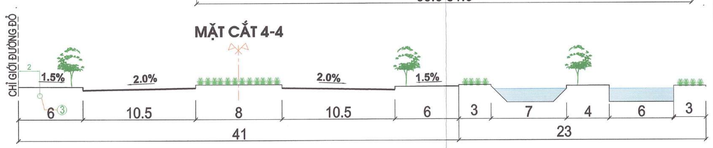
MẶT CẮT 3-3



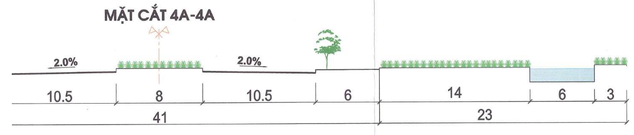
MẶT CẮT 3B-3B



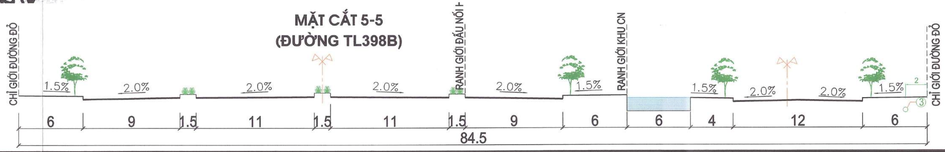
MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 4A-4A



MẶT CẮT 5-5 (ĐƯỜNG TL398B)



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 348 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 709 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

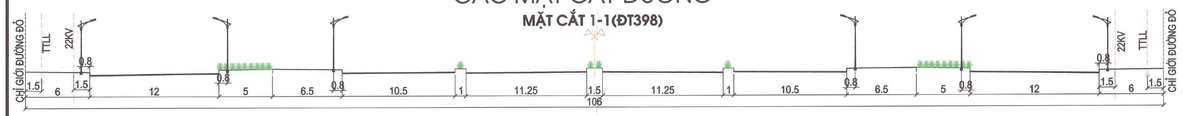
BẢN VẼ: QH-09	GHIỆP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. HOÀNG VĂN HOAN		
CHỦ TRÌ:	KS. HOÀNG VĂN HOAN		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH THƯỜNG

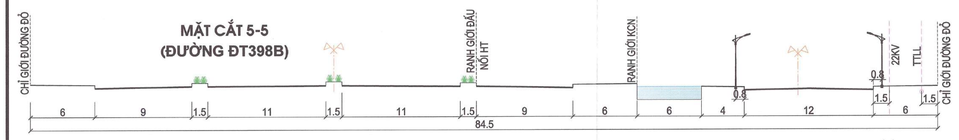
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989

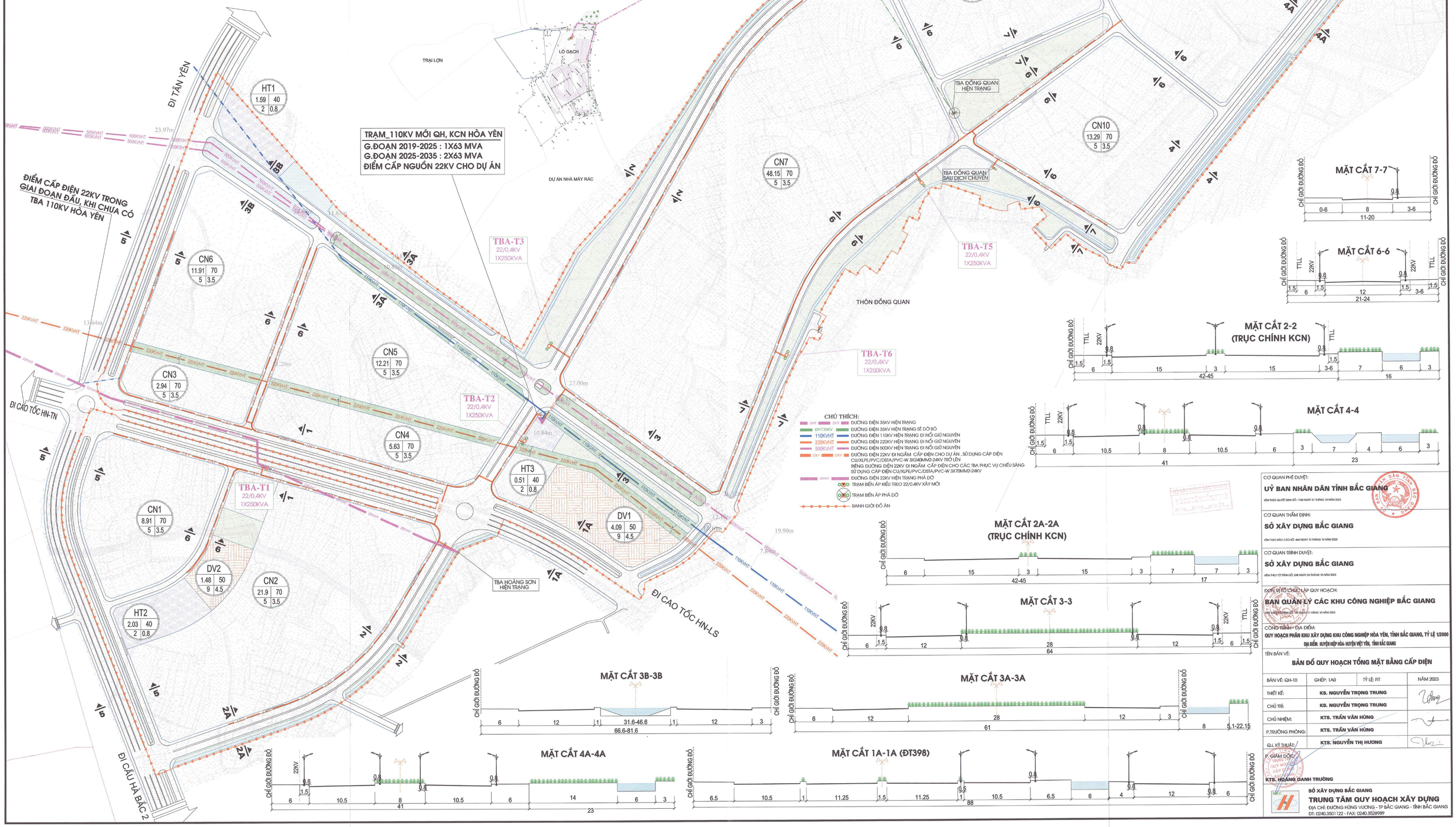
CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

MẶT CẮT 1-1(ĐT398)



MẶT CẮT 5-5 (ĐƯỜNG ĐT398B)





MẶT CẮT 7-7

MẶT CẮT 6-6

MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 4-4

MẶT CẮT 2A-2A (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 3-3

MẶT CẮT 3B-3B

MẶT CẮT 3A-3A

MẶT CẮT 4A-4A

MẶT CẮT 1A-1A (ĐT398)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1189 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN

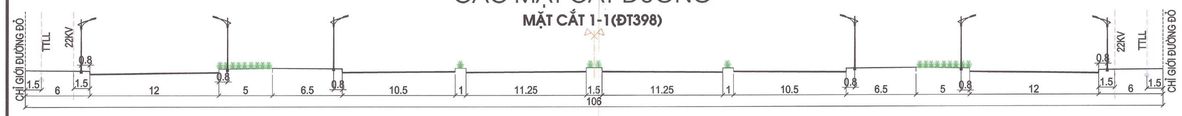
BẢN VẼ: QH-10	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG DANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.8528989

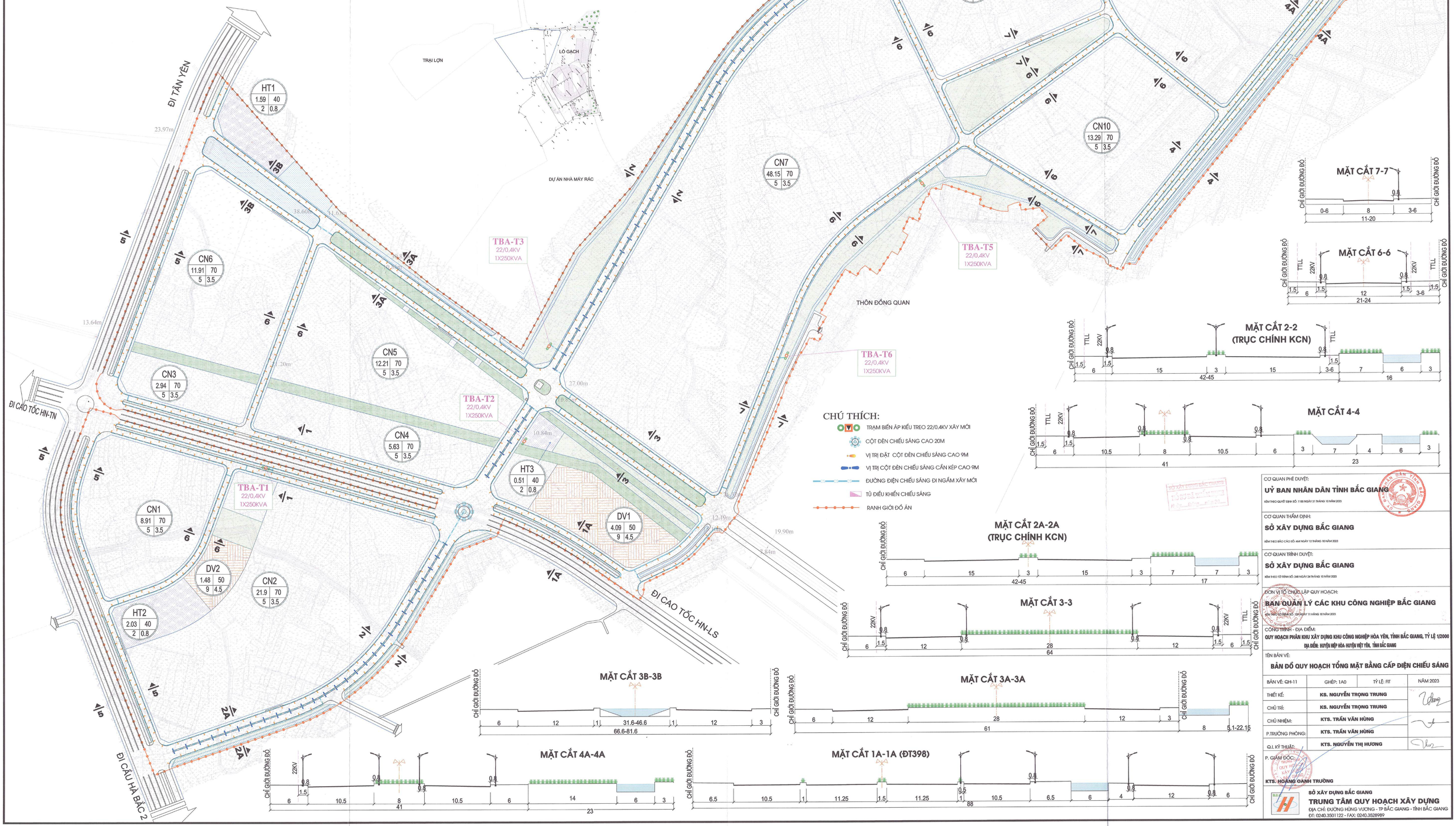
CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

MẶT CẮT 1-1(ĐT398)



MẶT CẮT 5-5 (ĐƯỜNG ĐT398B)





MẶT CẮT 7-7

MẶT CẮT 6-6

MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 4-4

MẶT CẮT 2A-2A (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 3-3

MẶT CẮT 3B-3B

MẶT CẮT 3A-3A

MẶT CẮT 4A-4A

MẶT CẮT 1A-1A (ĐT398)

CHÚ THÍCH:

- TRẠM BIẾN ÁP KIỂU TREO 22/0,4KV XÂY MỚI
- CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG CAO 20M
- VỊ TRÍ ĐẶT CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG CAO 9M
- VỊ TRÍ CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG CẦN KÉP CAO 9M
- ĐƯỜNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐI NGẦM XÂY MỚI
- TỦ ĐIỀU KHIỂN CHIẾU SÁNG
- RANH GIỚI ĐỒ ÁN

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 348 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 339 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA-HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG

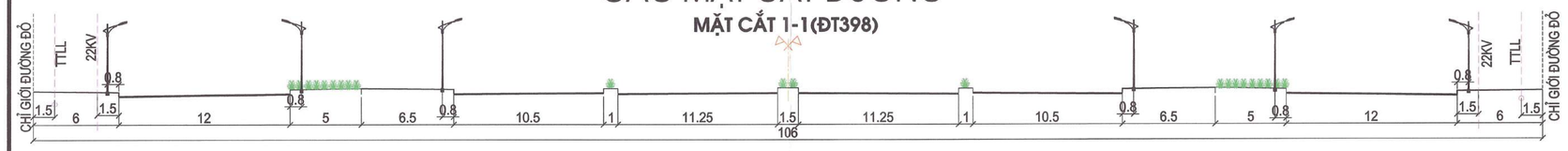
BẢN VẼ: QH-11	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

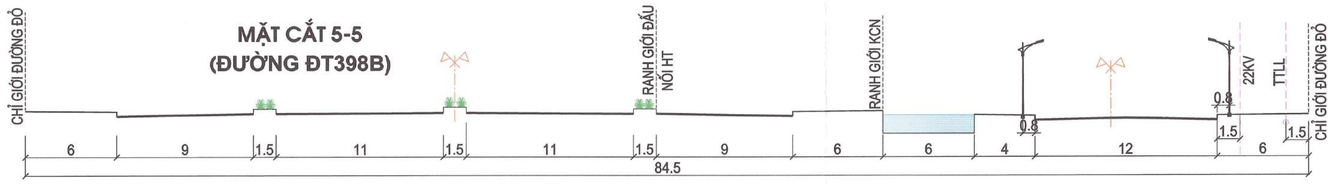
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3526989

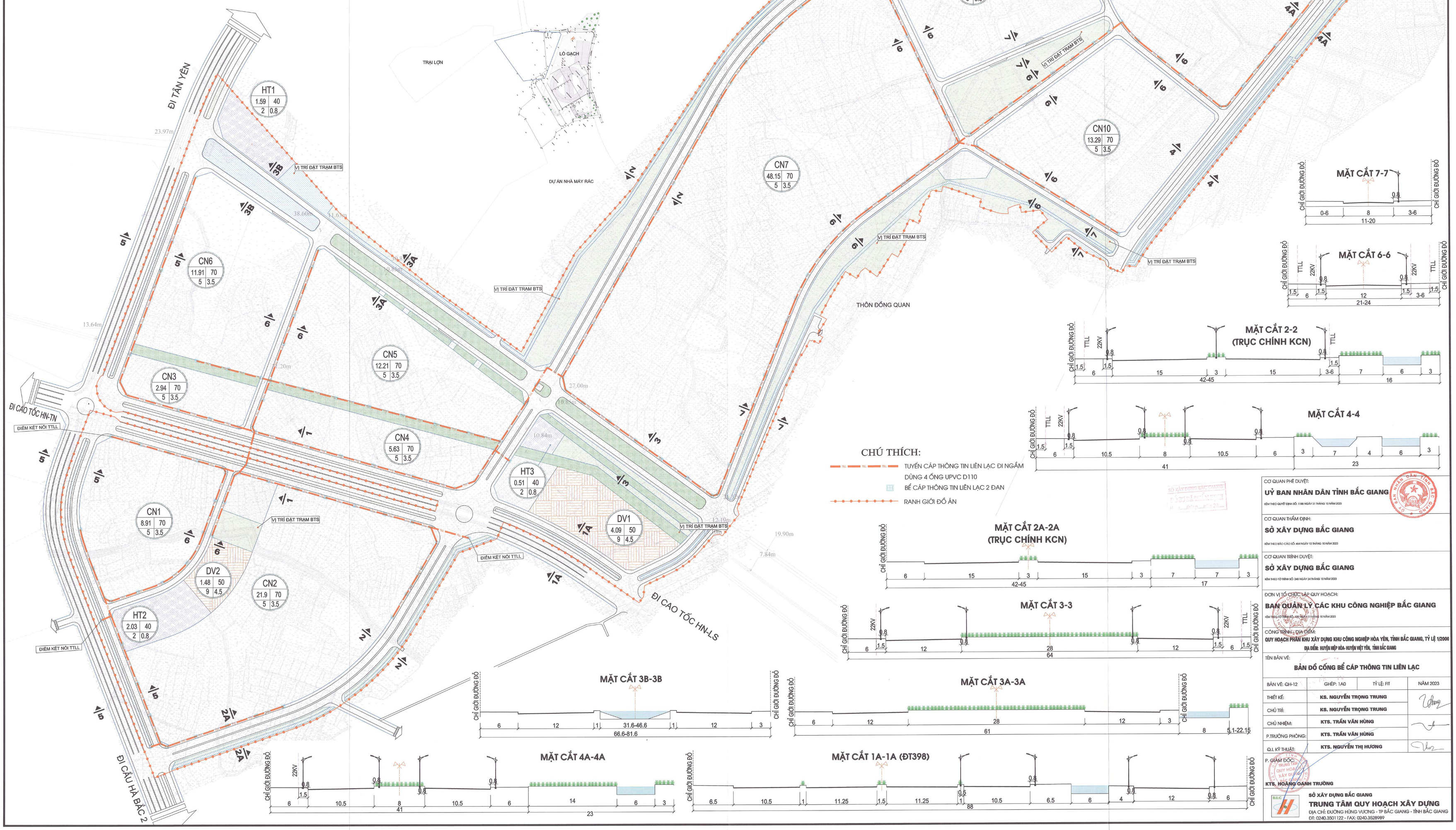
CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

MẶT CẮT 1-1(ĐT398)



MẶT CẮT 5-5 (ĐƯỜNG ĐT398B)





MẶT CẮT 7-7

MẶT CẮT 6-6

MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 4-4

CHÚ THÍCH:

- TTL TTL TTL — TUYẾN CÁP THÔNG TIN LIÊN LẠC ĐI NGẦM DÙNG 4 ỐNG UPVC D110
- BỂ CÁP THÔNG TIN LIÊN LẠC 2 ĐAN
- RANH GIỚI ĐỒ ÁN

MẶT CẮT 2A-2A (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 3-3

MẶT CẮT 3B-3B

MẶT CẮT 3A-3A

MẶT CẮT 4A-4A

MẶT CẮT 1A-1A (ĐT398)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1188 NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2023
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:	**SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG** KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 13 THÁNG 10 NĂM 2023
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:	**SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG** KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:	**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG** KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 1012 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023
CÔNG TRÌNH, ĐỊA ĐIỂM:	**QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000** **ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**
TÊN BẢN VẼ:	**BẢN ĐỒ CỐNG BỂ CÁP THÔNG TIN LIÊN LẠC**

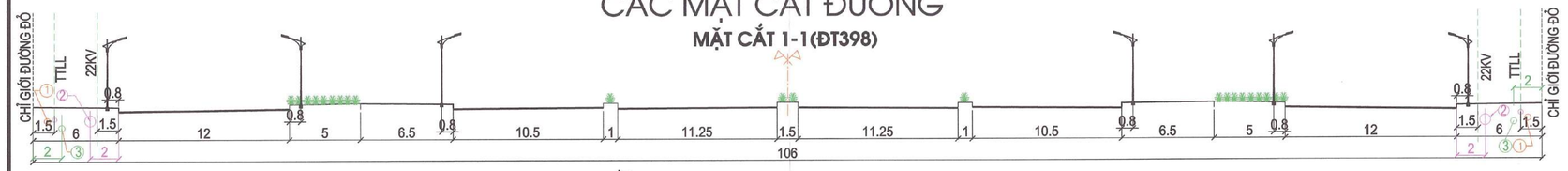
BẢN VẼ: QH-12	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

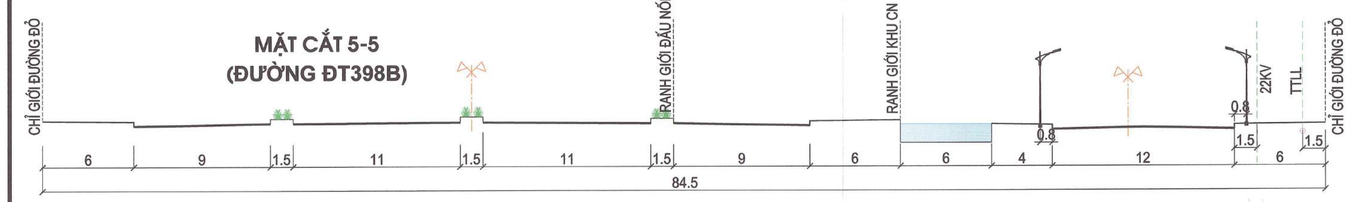
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989

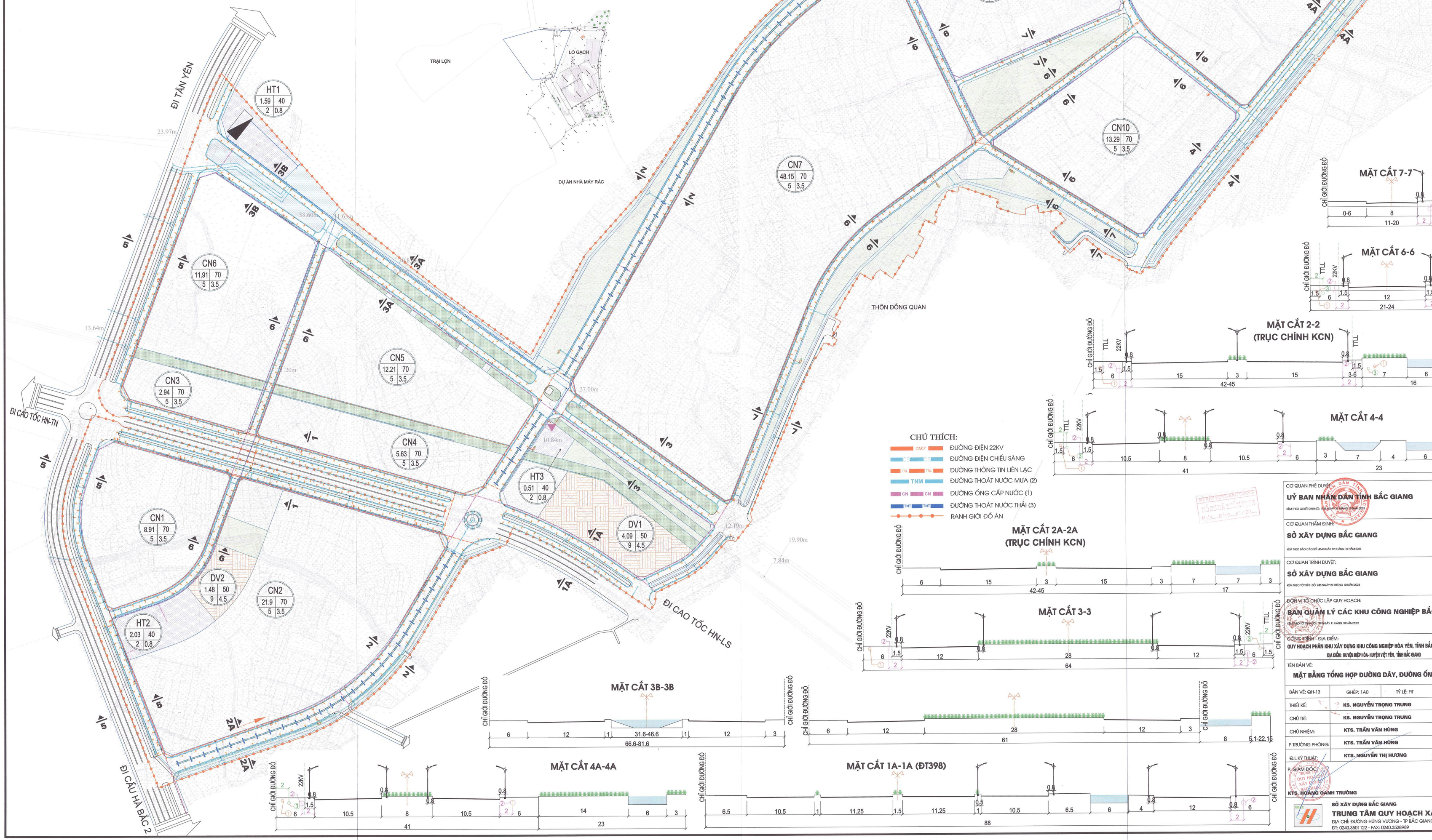
CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG

MẶT CẮT 1-1(ĐT398)

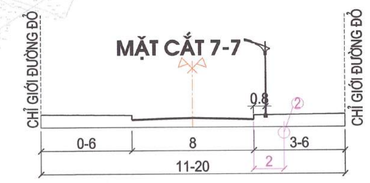


MẶT CẮT 5-5 (ĐƯỜNG ĐT398B)

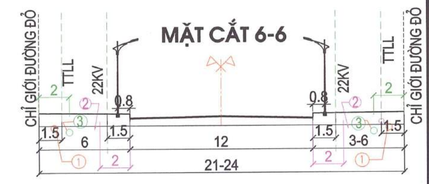




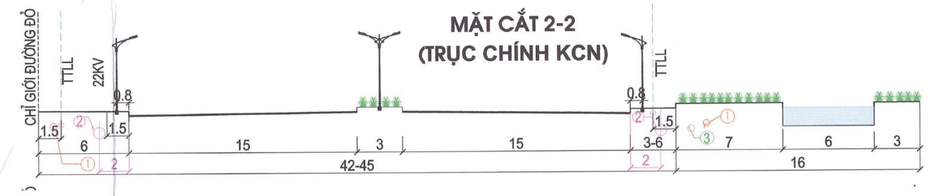
MẶT CẮT 7-7



MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 2-2 (TRỤC CHÍNH KCN)



MẶT CẮT 4-4

CHÚ THÍCH:

- 22KV — ĐƯỜNG ĐIỆN 22KV
- CS — ĐƯỜNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG
- TTLL — ĐƯỜNG THÔNG TIN LIÊN LẠC
- TNM — ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC MƯA (2)
- CN — ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC (1)
- TNT — ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI (3)
- RANH GIỚI ĐỒ ÁN

MẶT CẮT 2A-2A (TRỤC CHÍNH KCN)

MẶT CẮT 3-3

MẶT CẮT 3B-3B

MẶT CẮT 4A-4A

MẶT CẮT 1A-1A (ĐT398)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1180/QĐ-UBND NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 464 NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2023

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 248 NGÀY 24 THÁNG 10 NĂM 2023

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 139 NGÀY 11 THÁNG 10 NĂM 2023

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN, TỈNH BẮC GIANG, TỶ LỆ 1/2000
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HIỆP HÒA- HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT

BẢN VẼ: QH-13	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT	NĂM 2023
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN TRỌNG TRUNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	KTS. TRẦN VĂN HÙNG		
Q.L KỸ THUẬT:	KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG		

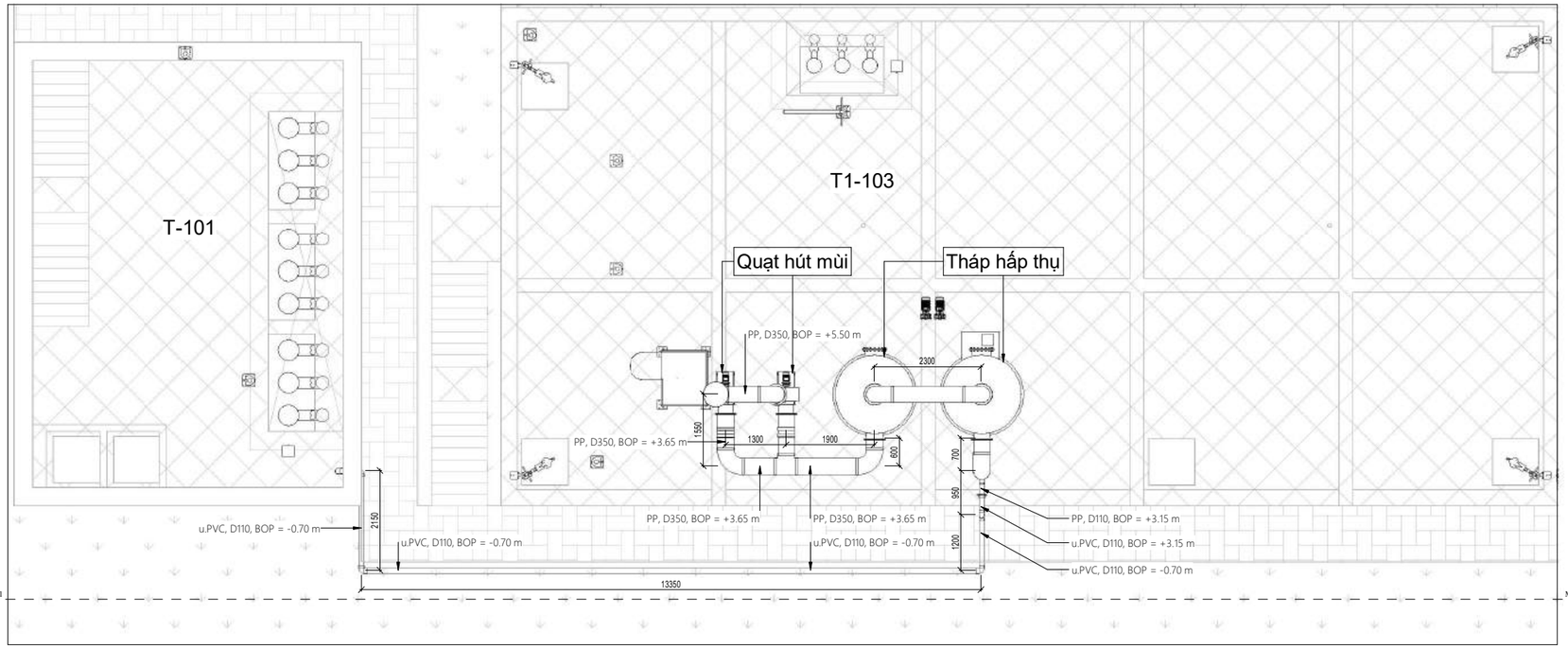
P. GIÁM ĐỐC:
KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3529989

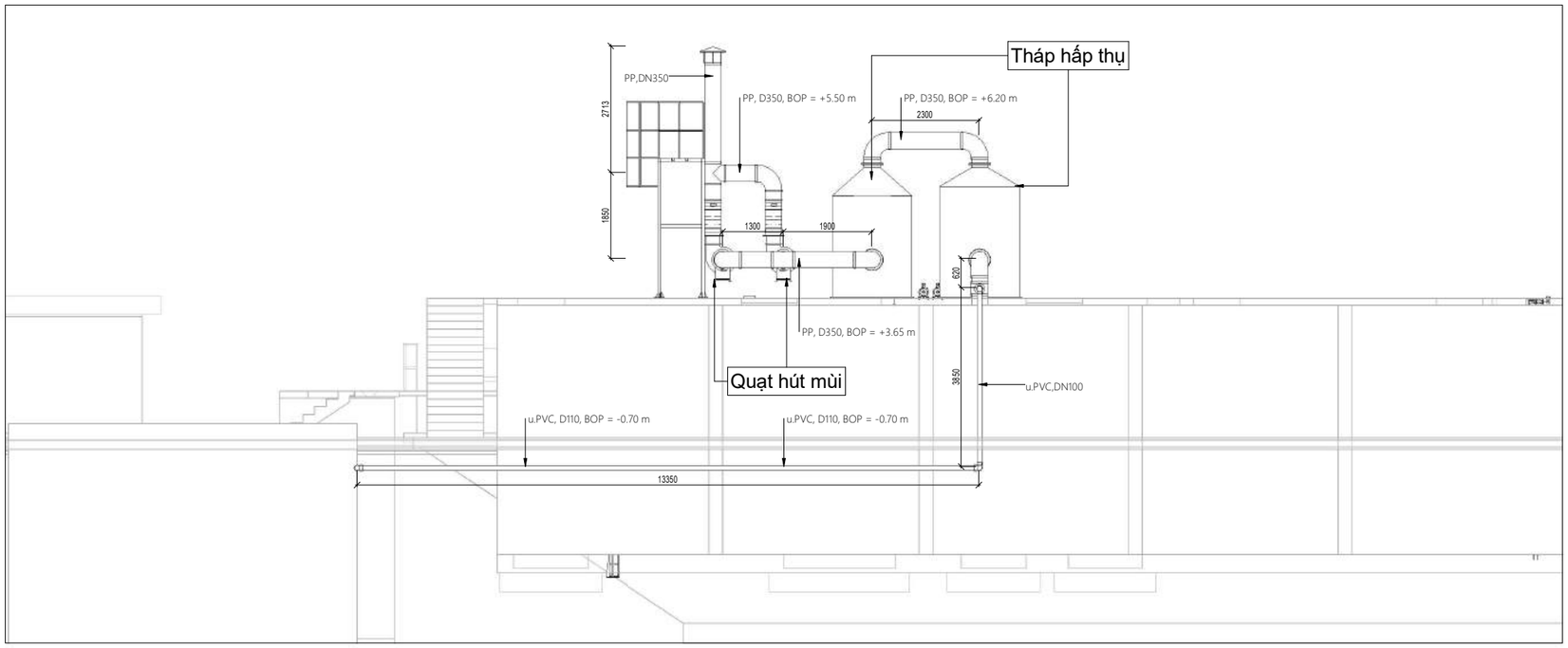
PHỤ LỤC 5

BẢN VẼ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG XỬ LÝ MÙI MODULE 1
TỈ LỆ: 1 : 125



MẶT CẮT XLM-01
TỈ LỆ: 1 : 125



LẦN REV.	NGÀY SỬA REV. DATE	NỘI DUNG SỬA ĐỔI REVISION DESCRIPTION

NGƯỜI SỬA - REV. BY:

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

LIÊN DANH TƯ VẤN:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT - STOCK COMPANY
Add: 10 Hoa Lu, Le Dai Hanh, Hai Ba Trung, Ha Noi
Tel: (+84-4) 39761784/22206898 FAX: (+84-4) 22206366
Web: www.vcc.com.vn Email: vcc@vcc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT HẠ TẦNG GOLDEN EARTH
GOLDEN EARTH INFRASTRUCTURE ENGINEERING CONSULTANTS.,JSC
Add: CEO Building, Pham Hung Street, Me Tri Ward, Nam Tu Liem, Ha Noi
Tel: (84-24) 6269 0482 Fax: (84-24) 6269 0615
Web: www.geconsul.com.vn Email: info@geconsul.com.vn

P.TGĐ - DEP.GENERAL DIRECTOR: PHÙNG TIẾN TRUNG	
P. GIÁM ĐỐC TT - DIRECTOR: PHÚ ĐÌNH THẮNG	
CNTK - CHIEF DESIGNED: NGUYỄN HOÀNG SƠN	
CTTK - SENIOR ENGINEER: NGUYỄN HOÀNG SƠN	
THIẾT KẾ - DESIGNED BY: LÊ HỒNG KIÊN	
KIỂM/QLKT - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN THỊNH	

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

XÃ HIỆP HÒA, PHƯỜNG TỰ LAN,
PHƯỜNG VÂN HÀ, TỈNH BẮC NINH

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG, MẶT CẮT HỆ THỐNG THU GOM- XỬ LÝ MÙI GIAI ĐOẠN 1

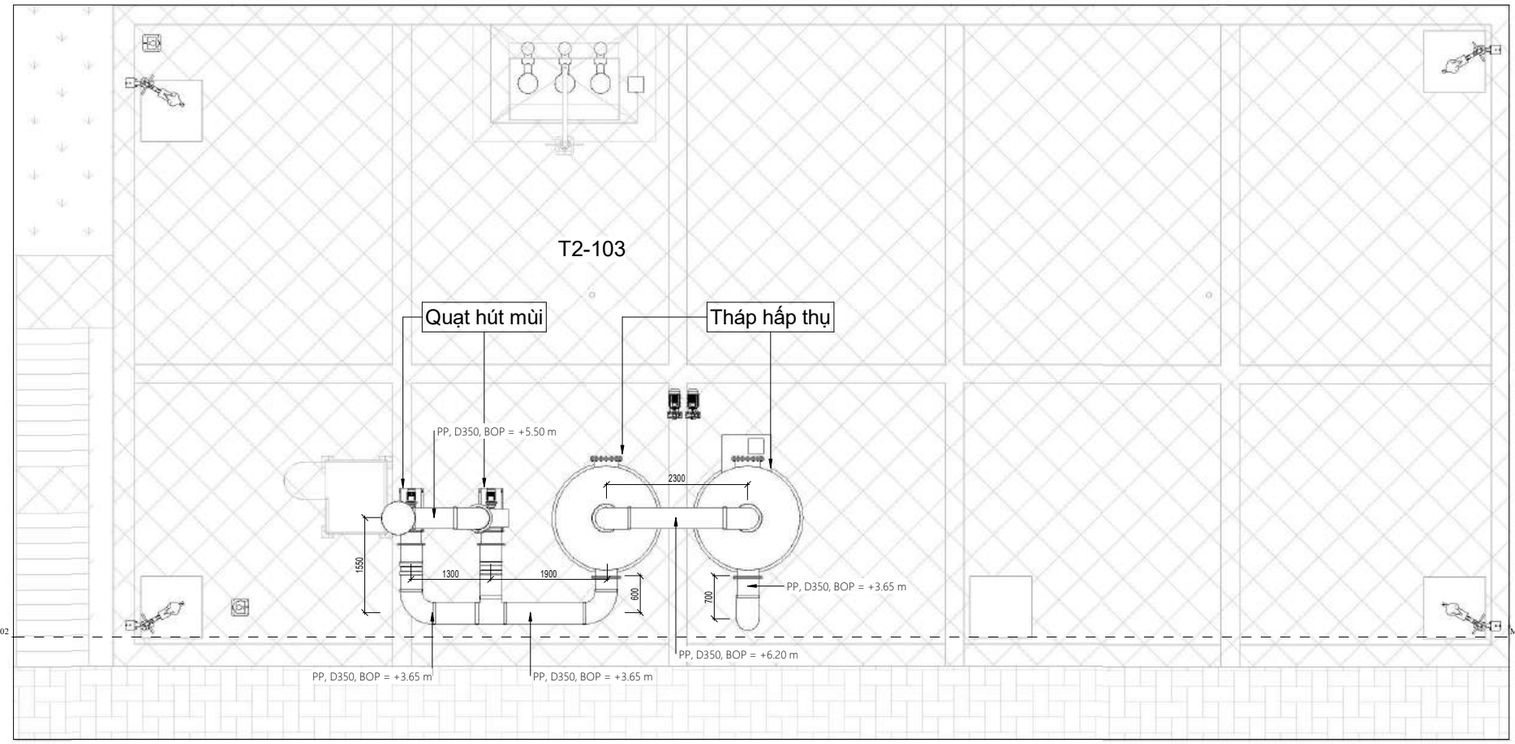
LOẠI - CATEGORY:

NHÓM - SUBSET:

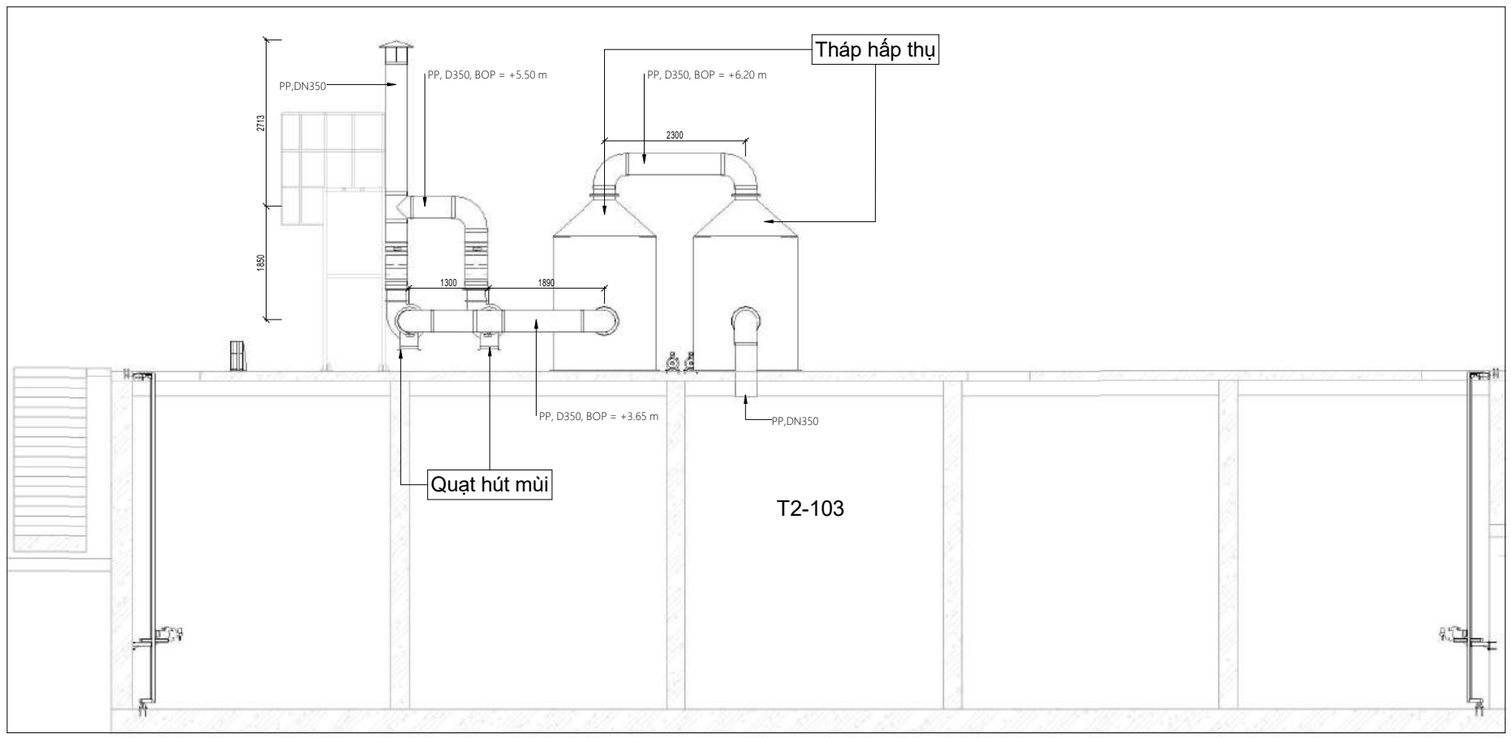
TÊN BẢN VẼ - SHEET TITLE: STT - No:

GIAI ĐOẠN-PHASE: T.K.C.S	PHÁT HÀNH-ISSUE: 2025	
TỈ LỆ - SCALE: A2 -	GHÉP MẢNH-PIECE:	
MÃ BẢN VẼ TOTAL CODE:	**XLM-01**	

MẶT BẰNG XỬ LÝ MÙI MODULE 2
TỈ LỆ: 1 : 100



MẶT CẮT XLM-02
TỈ LỆ: 1 : 100



LẦN REV.	NGÀY SỬA REV. DATE	NỘI DUNG SỬA ĐỔI REVISION DESCRIPTION

NGƯỜI SỬA - REV. BY:

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

LIÊN DANH TƯ VẤN:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT - STOCK COMPANY
Add: 10 Hoa Lu, Le Dai Hanh, Hai Ba Trung, Ha Noi
Tel: (+84-4) 39761784/22206898 FAX: (+84-4) 22206366
Web: www.vcc.com.vn Email: vcc@vcc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT HẠ TẦNG GOLDEN EARTH
GOLDEN EARTH INFRASTRUCTURE ENGINEERING CONSULTANTS.,JSC
Add: CEO Building, Pham Hung Street, Me Tri Ward, Nam Tu Liem, Ha Noi
Tel: (84-24) 6269 0482 Fax: (84-24) 6269 0615
Web: www.geconsul.com.vn Email: info@geconsul.com.vn

P.TGĐ - DEP.GENERAL DIRECTOR: PHÙNG TIẾN TRUNG

P. GIÁM ĐỐC TT - DIRECTOR: PHÚ ĐÌNH THẮNG

CNTK - CHIEF DESIGNED: NGUYỄN HOÀNG SƠN

CTTK - SENIOR ENGINEER: NGUYỄN HOÀNG SƠN

THIẾT KẾ - DESIGNED BY: LÊ HỒNG KIÊN

KIỂM/QLKT - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN THỊNH

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

XÃ HIỆP HÒA, PHƯỜNG TỰ LAN, PHƯỜNG VÂN HÀ, TỈNH BẮC NINH

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG, MẶT CẮT HỆ THỐNG THU GOM- XỬ LÝ MÙI GIAI ĐOẠN 2

LOẠI - CATEGORY:

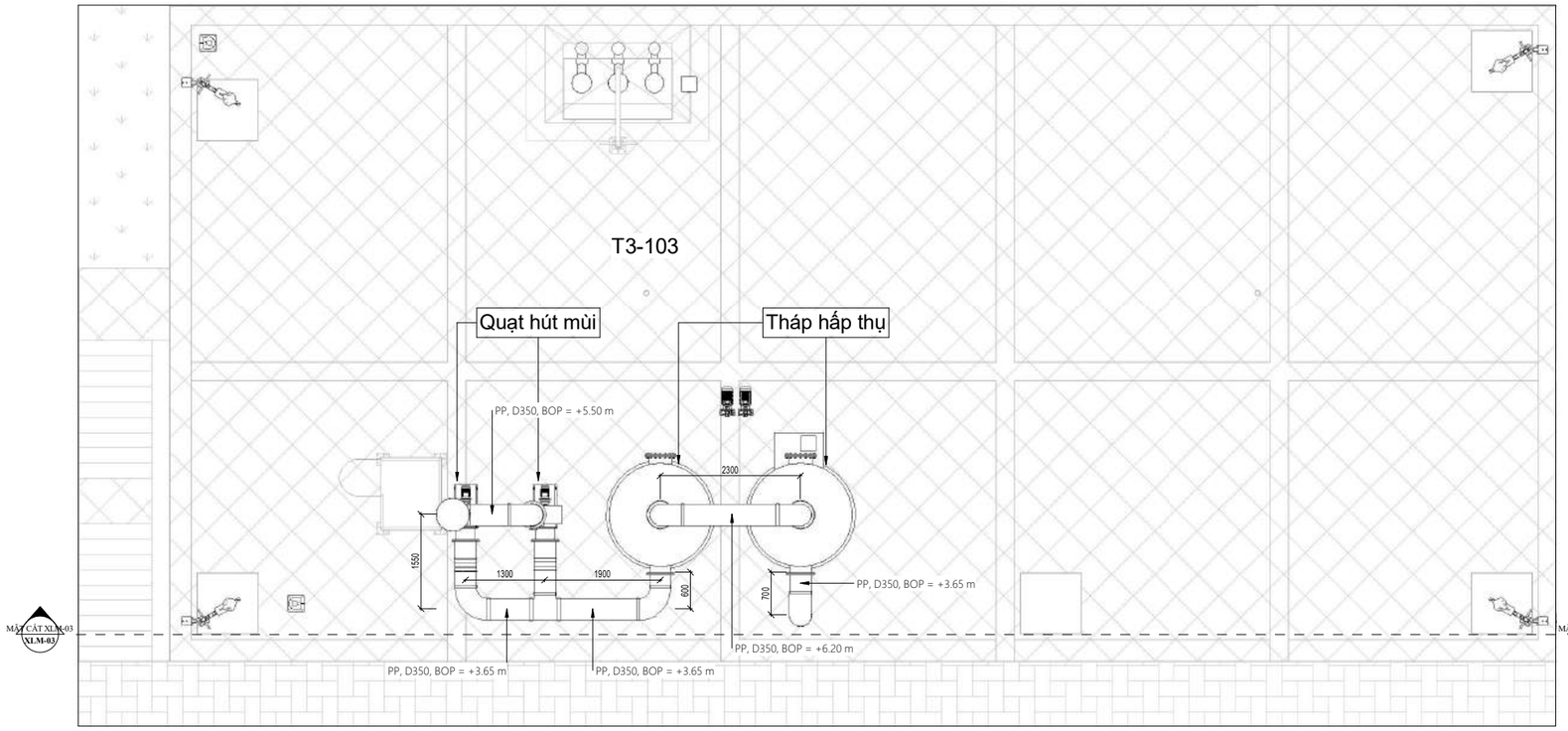
NHÓM - SUBSET:

TÊN BẢN VẼ - SHEET TITLE: STT - No:

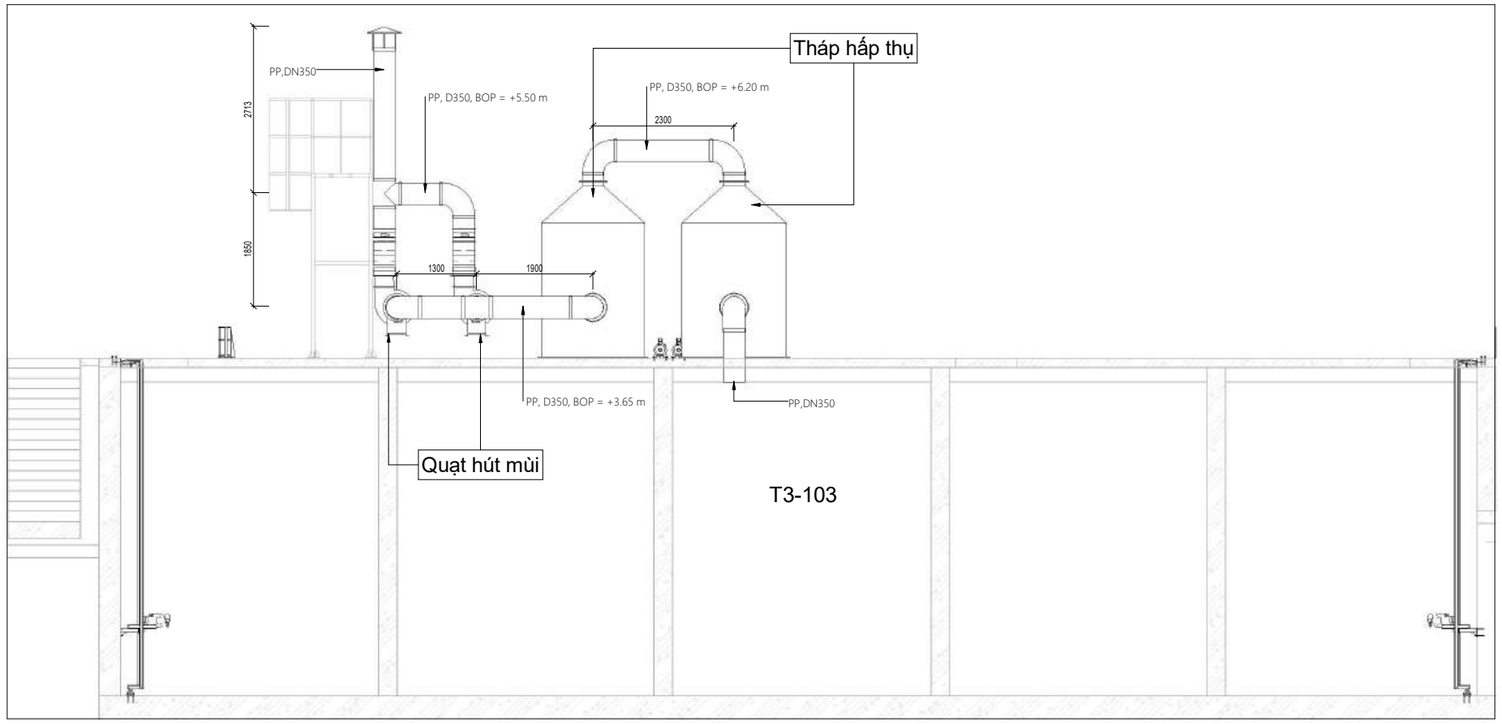
GIAI ĐOẠN-PHASE:	PHÁT HÀNH-ISSUE:	
T.K.C.S	2025	
TỈ LỆ - SCALE: A2 -	GHÉP MẢNH-PIECE:	

MÃ BẢN VẼ TOTAL CODE: **XLM-02**

MẶT BẰNG XỬ LÝ MÙI MODULE 3
TỈ LỆ: 1 : 100



MẶT CẮT XLM-03
TỈ LỆ: 1 : 100



LẦN REV.	NGÀY SỬA REV. DATE	NỘI DUNG SỬA ĐỔI REVISION DESCRIPTION

NGƯỜI SỬA - REV. BY:

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON HÒA YÊN

LIÊN DANH TƯ VẤN:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT - STOCK COMPANY
Add: 10 Hoa Lu, Le Dai Hanh, Hai Ba Trung, Ha Noi
Tel: (+84-4) 39761784/22206898 FAX: (+84-4) 22206366
Web: www.vcc.com.vn Email: vcc@vcc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT HẠ TẦNG GOLDEN EARTH
GOLDEN EARTH INFRASTRUCTURE ENGINEERING CONSULTANTS.,JSC
Add: CEO Building, Pham Hung Street, Me Tri Ward, Nam Tu Liem, Ha Noi
Tel: (84-24) 6269 0482 Fax: (84-24) 6269 0615
Web: www.geconsul.com.vn Email: info@geconsul.com.vn

P.TGĐ - DEP.GENERAL DIRECTOR: PHÙNG TIẾN TRUNG

P. GIÁM ĐỐC TT - DIRECTOR: PHÚ ĐÌNH THẮNG

CNTK - CHIEF DESIGNED: NGUYỄN HOÀNG SƠN

CTTK - SENIOR ENGINEER: NGUYỄN HOÀNG SƠN

THIẾT KẾ - DESIGNED BY: LÊ HỒNG KIÊN

KIỂM/QLKT - CHECKED BY: NGUYỄN VĂN THỊNH

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HÒA YÊN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:

XÃ HIỆP HÒA, PHƯỜNG TỰ LAN, PHƯỜNG VÂN HÀ, TỈNH BẮC NINH

HẠNG MỤC - ITEM:

MẶT BẰNG, MẶT CẮT HỆ THỐNG THU GOM- XỬ LÝ MÙI GIAI ĐOẠN 3

LOẠI - CATEGORY:

NHÓM - SUBSET:

TÊN BẢN VẼ - SHEET TITLE: STT - No:

GIAI ĐOẠN-PHASE:	PHÁT HÀNH-ISSUE:	
T.K.C.S	2025	
TỈ LỆ - SCALE: A2 -	GHÉP MẢNH-PIECE:	

MÃ BẢN VẼ TOTAL CODE: **XLM-03**